

5000

**HOÀNH PHI
CÂU ĐỐI
HÁN NÔM**



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

5000
HOÀNH PHI CÂU ĐỐI
HÁN NÔM



NHÀ SÁCH ĐỒNG TÂY

62 Nguyễn Chí Thanh

Tel & Fax: (04) 7733041

Email: sach32bt@hn.vnn.vn

Website: www.phasachdongtay.com.vn

5000
HOÀNG PHÍ CÂU ĐỐI
HÀN NÔM
漢喃橫批對聯五千副

Chủ biên
TRẦN LÊ SÁNG

Biên soạn
TRẦN LÊ SÁNG **PHẠM ĐỨC DUẬT**
PHẠM KỲ NAM **NGÔ VƯƠNG ANH** (*thư ký*)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

學而善習才淵博

行不爭豪藝致精

陳黎創

七十歲從心興廢

國家重此

乙酉年春

名利輕之

相江范德儒書

百年春衛道存忘

樓旭橋邊石筆寫青天此地實長存文獻

玉山寺外玄劍沉綠水其人真好愛和平

河內劍湖

范奇楠作

文章為錦繡

學問是金銀

陳黎創書

壬午年春

祖国壮雄英战绩功成铭青史

江山新喜色富强幸福许春天

桐江范德儒書

西湖景趣歌謠冒煙茫耿濃霜
譯本對天然感作奇楠書

冬日堪稱笑傲孤松當寒冷

春天可愛清騷瘦梅帶玉霜

文道雙而進
志德并以行

吳王英題

LỜI TỰA

Năm 2002, bộ sách *3000 hoành phi câu đối Hán Nôm* do chúng tôi biên soạn, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin xuất bản, được đông đảo độc giả, nhất là những độc giả cao tuổi hơn mọi hình góp nhiều ý kiến quý báu và đề nghị bổ sung. Hội đồng biên soạn đã dành nhiều thời gian, sức lực để thực hiện đề nghị ấy. Bộ sách đã biên soạn xong, chúng tôi tham cứu lời tựa của bộ *3000 hoành phi câu đối Hán Nôm* và bổ sung thêm một số ý cần thiết để gửi đến bạn đọc những thông tin mới.

Hoành phi 橫披 vốn là bức thư họa 書畫 (tranh chữ), có khi còn gọi là Hoành 橫, là Biển 匾; hoặc gọi là Biển ngạch 匾額. Bài biển 牌匾; dùng để treo phía trên bình phong 屏風 trong phòng sách, hoặc treo ở nhà mát trong vườn hoa... Về sau, Hoành phi được viết là 橫批¹, được dùng rộng rãi hơn.

Ở ta, hoành phi có thư họa, có treo để thờ. Hoành phi thư họa tự viết hoặc xin chữ người khác, để vừa thưởng thức chữ vừa tự nhắc nhở mình về một tín niệm gì đó. Loại hoành phi này thường treo hoặc dán ở phòng khách, phòng sách, phòng ở. Đại thể thường viết là: Tích thụ kim hoa, Xuân hòa cảnh lệ, Xuân phong mặc vận, Xuân thị ngã, Lan thất hương, Thụ đức, Chính tâm v.v... Nhưng trong thực tế, phần lớn các gia đình bút nghiên thường nghèo, nhà chật, không có phòng riêng rộng, vì vậy người ta không chơi hoành phi nữa mà chơi đại tự; chữ treo, dán chỉ một chữ, thường là chữ hòa, chữ tâm, chữ nhẫn, chữ đức v.v... Nhưng hoành phi ở ta chủ yếu là để treo ở những nơi thờ cúng như ở nhà thờ họ; ở đình, chùa, đền, miếu, quán...

Ở nhà thờ họ: Thường họ để trước, sau là chữ *từ đường*, hoặc *tộc từ đường*. Ví dụ:

Nguyễn từ đường 阮祠堂

¹ Chữ *phi* 批 này có khi đọc là *phê*; *phê bình* 批評.

Nguyễn tộc từ đường 阮族祠堂

Nếu có sự tích thì thêm hoành phi khác, như:

Quang khuê tảo 光奎藻

Hoành phi ở đình: Thường là tên đình; tiếp đến là:

Thánh cung vạn tuế 聖躬萬歲

Uy mạc trắc 威莫測

Đức nan danh 德難名

Hoành phi ở chùa: Thường là tên chùa; tiếp đến là:

Từ vân biến phú 慈雲遍覆

Hoàng khai Phật đạo 弘開佛道

Vạn pháp quy tâm 萬法歸心

Hoành phi ở đền: Thường là tên đền; tiếp đến là:

Thượng đẳng linh từ 上等靈祠

Phối thiên kỳ trạch 配天其澤

Cao sơn cảnh hành 高山景行¹

Hoành phi ở miếu: Giống hoành phi ở đền; nhưng ở Văn miếu, Võ miếu, Y miếu thì có khác; đặc biệt, ở miếu thờ Mẫu thì thường là:

Khôn nghi tại 坤儀在

Mẫu nghi thiên hạ 母儀天下

Thiên hạ mẫu 天下母

Mai hoa cung quảng 梅花宮廣

Hoành phi thờ Tổ các nghề cũng có nét riêng:

Nam giao học tổ 南郊學祖

Viên nhi thần 圓而神²

Viên cơ hoạt pháp 圓機活法

Hoành phi ở quán: Quán ở đây là quán Đạo. Quán Đạo ở ta nay còn một số quán như Bích Câu quán, Chân Vũ quán, Huyền Thiên quán, Đồng Thiên quán. Đế Thích quán v.v... Hoành phi thường thấy là:

¹ Hoành phi ở đền Hùng, có nghĩa là: Núi cao đường lớn.

² Hoành phi thờ Tổ của thợ tiện ở Thiêt Trụ, Bình Minh, Châu Giang.

Thiên thượng xưng thần 天上稱神

Phân Kinh tại hội 芬經在會

Nếu mở rộng khái niệm hoành phi, chúng ta còn có thể lưu ý đến cả những chữ đề ở cổng làng. Chữ đề ở cổng làng thường là:

Như kiến đại tân 如見大賓 (Như gặp khách quý)

Tân chí như quy 賓至如歸 (Khách đến như về nhà)

Lai giả viễn 來者遠 (Vui như đón bạn ở xa đến)

Cổng làng và chữ đề ở cổng làng cũng là một trong những đặc sắc văn hóa dân tộc ta.

v.v...

Nội dung của hoành phi là nghiêm túc, dù hoành phi đề ở nhà thờ hay hoành phi đề ở nhà riêng cũng vậy. Thế nhưng dần dần, hoành phi cũng trở thành sinh hoạt văn hóa bình thường trong dân gian và cũng có chuyện vui¹.

*

Câu đối còn gọi là Doanh thiếp 楹帖, Doanh liên 楹聯, Đối liên 對聯. Doanh là cột, thiếp là tờ giấy, liên là liên kết; đối là đi đôi, song song, một cặp đối xứng. Nhân dân ta rất thích câu đối, hai chữ Câu đối là chữ của bà con ta. Thời xưa, Câu đối (Đối liên), còn được gọi là liên, là liễn. Liễn là hai tấm giấy, hoặc vóc, lụa dài dùng để viết câu đối, có nếp trục để cuộn. Vào ngày đầu năm mừng Tết, mừng xuân mừng Đảng; hoặc khi đám cưới, sinh con... đều có câu đối. Vui vì cảnh đẹp, ca ngợi đất nước, dân tộc, dòng họ;

1 Chuyện kể rằng, có làng buôn mang lễ vật đến xin cụ Tam nguyên Yên Đỗ (Nguyễn Khuyến) bức hoành phi để treo ở đình, cầu buôn bán phát đạt. Cụ lấy bút viết bốn chữ Nhị đại tự, trông giống như bốn cái bừa. Làng buôn không hiểu, xin Cụ viết cho bức khác. Cụ bảo: Chẳng còn chữ nào hay hơn nữa. Làng buôn thắc mắc, sao bức hoành phi lại rất các chữ Nhị 二. Cụ nói: Làng đi buôn là mong có lãi. Sách Tam tự kinh dạy rằng: "nhất nhị thập, thập nhị bách, bách nhị thiên, thiên nhị vạn", chẳng phải làng mong được "Một rồi mười, mười rồi trăm, trăm rồi nghìn, nghìn rồi vạn" đấy ư!

Lại có chuyện rằng, làng Đặng Xá dựng đình, cho người đến xin cụ Tam bức hoành phi để thờ Thành hoàng. Cụ viết bốn chữ *Quang bị tứ biểu* 光被四表. Bốn chữ này lấy ở thiên *Nghiêu diển*, chương *Ngu thư*, sách *Thượng thư* (Kinh Thư); có nghĩa là Đức sáng khắp bốn cõi. Nhưng làng này lại là làng làm nghề hàng xáo; bức hoành *Quang bị tứ biểu* hiểu theo nghĩa Nôm lại là Quang đây bị dổ đi khắp bốn phương, tức việc dân làng này quang bị đi các nơi mua thóc về làm hàng xáo vậy.

tuyên dương sự học, tuyên dương đạo nghĩa... đều có câu đối. Trong đình, đền, miếu, chùa, quán, làng tằm, nhà học, di tích... cũng phát có vài lời. Chúc thọ, chúc nhà mới, cưới mới, cửa hàng mới, thọ Tô ngành nghề, thi đỗ, thi hóng... cũng có câu đối. Phụng *«tên gia» «chức»*. Quan chức *«tên họ» «chức» «năm»*. Đền thờ (thực *«tên» «sức» «năm»*). Các *«tên họ» «chức» «năm»*... Câu đối phát (đọc) là một trong những loại hình văn hóa rất phổ biến ở nước ta.

Câu đối hòa hợp một cách sâu sắc nhất, hay hơn nhất giữa văn chương kinh điển và văn học bình dân. Đặc biệt, có lẽ hơi khác với các loại hình văn học khác, câu đối nước ta hình như không phải đi từ truyền miệng lên thành văn, mà ngược lại, chuyển từ thành văn sang truyền miệng. Bỏ qua một giai đoạn rơi lại giá vào một giai đoạn, điều đó là nhờ có sự các điều kiện vậy. Nhưng đó là dưới dạng lý luận, còn trong thực tế các giai đoạn nói trên cứ xen kẽ lẫn nhau. Như chúng ta biết, câu đối nước ta có hai dãy điển tịch kinh điển, có loại chỉ văn có loại viết chữ Hán. Có không ít những đôi câu đối viết chữ ký, song cũng có nhiều đôi chỉ viết một mặt; có câu viết để treo, để dán, mừng, mừng, để ăn chủ đề, xướng thất. Câu đối có thể là viết, có cũng kinh điển, có thể viết để chơi, thậm chí bắt lấy, bắt nghe. Câu đối có thể xin, nhưng có khi phải mua. Giống như tranh dân gian, câu đối cũng có thể là hàng hóa, bày bán ở chợ, viết bán theo yêu cầu của khách. Hình thức thật muôn mầu muôn vẻ, xen kẽ tranh mua, không sao nói được văn hóa câu đối muôn hồng nghìn tía (câu đối bình hoa) các đoạn dân gian.

Chúng ta thử đề cập một số nét chính về nội dung và nghệ thuật của câu đối nước ta:

Trước hết, nói đến câu đối là phải nói đến câu đối Tết:

Thịt mỡ dưa hành cửa cửa đỏ,

Nêu cao, phết đỏ, bánh chưng xanh.

Cả là bao! Bơ cùng sơn ngàn ngày, được trăm cái Tết;

Ước gì như! Một năm mười hai tháng, cả bốn mùa Xuân.

Hoặc như Hán thi ca:

Sự chiêm dân hoa trí của tuệ.

Nhất hương địa bình báo xuân xuân.

(Mấy đoá hoa đào hay Tết đến;

Một lần bếp bánh báo xuân về)

Đào lý mãn viên tân phú ú quý;

Xuân huyên lương thụ cừu xuân thơ

(Con cháu đầy nhà thêm phú quý;

Mẹ cha hai vị vẫn vui tươi)

Đó là kiểu câu đối Tết thời xưa, nay thì tư duy đã đổi mới:

Về bữa tranh Xuân: lợn béo gà to ứng y và;

Đề câu đối Tết: khoai sai lừa tốt đẹp tình chồng.

Bài hát Kết đoàn, Bác bắt nhịp núi sông cùng hát;

Câu thơ Chúc tết, Người gieo rân đất nước càng thơ.

Rộn rã Xuân về, đất nước đón chào thời đổi mới;

Mừng vui Tết đến, non sông hoan hỉ buổi canh tân.

Ất Mão xuân liên ca thống nhất;

Bính Dần doanh thiệp khánh canh tân.

(Ất Mão (1975) câu đối tết vui ca tổ quốc thống nhất;

Bính Dần (1986) câu đối chúc mừng đất nước đổi mới)

Hoa mọc Xuân vũ diệm;

Phúc y Đảng ân sinh.

(Hoa tắm mưa Xuân nở;

Phúc nhờ Đảng mà sinh)

v.v...¹

Tết xưa, tết nay, màu sắc có hơi khác; câu đối Tết cũng có đổi mới; song cốt lõi vẫn là vui Tết mà viết. Báo chí nước ta, chỉ có dịp Tết mới in câu đối; câu đối với Tết có duyên nợ gắn bó đến như vậy. Thời xưa (và

¹ Phần lớn các câu đối đưa trong bài này đều có ở phần văn bản.

rồi cả gần đây). cứ mỗi dịp Tết về, các ông đồ (và gần đây thì có cả bà đồ) lại bày mực tàu giấy bản ra chỗ đông người để viết câu đối phục vụ mọi người. Có người hỏi chúng tôi về việc các ông đồ thời xưa viết câu đối Tết như là việc họ ăn mặc như thế nào, ngồi ở đâu, bút giấy ra sao... Chúng tôi không nói đến chi tiết nhưng có nói việc đọc vài khổ trong bài thơ Ông đồ gồm 5 khổ của nhà thơ Vũ Đình Liên làm năm 1937:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.*

*Bao nhiêu người thuê viết
Tám tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay*

Tết mà thiếu câu đối thì hình như chưa đủ Tết; nhưng cũng vì vậy, có khi nhân dịp Tết người ta dán câu đối để bộc bạch tình cảm của riêng mình, tình cảm đó chủ yếu là tình cảm đối với Tết, nhưng cũng có khi lấy Tết để nói việc khác. Việc nhỏ là vui buồn cá nhân, việc lớn là vui buồn có tầm xã hội, quốc gia... Chính vậy mà nội dung câu đối Tết rất phong phú, điều đó khó dùng lời mà nói hết được, mong bạn đọc xem sách này rồi tự tìm hiểu thêm.

, Câu đối nước ta cũng dành nội dung không nhỏ cho việc ngợi ca cảnh sắc đất nước, danh lam thắng tích nơi nơi:

*Trường Sơn núi cao, Trường Sa đảo nhỏ; từ đây tới đó, đất
đại ta muôn thuở vẹn toàn;
Cà Mau bãi rộng, Lạng Sơn rừng dày; ngoài Bắc trong
Nam, non nước cũ ngàn năm thống nhất.
Lăng tẩm tự năm nào, núi Tản sông Đà, non nước vẫn quay
về đất tổ;
Văn minh đương buổi mới, con Hồng cháu Lạc, giống nòi
còn biết nhớ mộ ông.*

*Cửa Phật mở mang, bia đá ghi tên chùa Bích Động;
 Sân trời mát mẻ, chuông vàng nổi tiếng cảnh Linh Lâu.
 Đỏ đào Nhật Tân, đỏ sóng sông Hồng; xuân đẹp thế, nét
 xuân Hà Nội;
 Xanh nước Hồ Tây, xanh cây Hoàn Kiếm; tết vui thay, vẻ đẹp
 Thăng Long.*
 Câu đối chữ Hán viết về phong cảnh lại càng nhiều:
*Trần Quốc diêm truyền, Nhị nguyệt Nùng vân danh thắng địa;
 Yên Hoa hưng đồ, Âu phong Á vũ thái bình thiên.*
 (Trần Quốc đẹp truyền, trắng sông Nhị, mây núi Nùng, đất
 danh thắng;
 Yên Hoa hưng vận, gió châu Âu, mưa châu Á, trời thái bình).
*Địa ái Nậm Sơn, đài viết linh, chiếu viết linh. Vạn An thắng
 cảnh;
 Đàn danh Niệm Thiện, trắc hồ thử, giáng hồ thử, thiêng có
 linh từ¹.*
 (Đất quý Nậm Sơn, đài rằng thiêng, ao rằng thiêng, Vạn An
 cảnh đẹp;
 Đàn lừng Niệm Thiện, lên nơi đó, xuống nơi đó, ngàn thuở
 đền thiêng)
*Vạn Kiếp hữu sơn giai kiếm khí
 Lục Đầu vô thủy bất thung thanh*
 (Ở Vạn Kiếp, có núi ắt đều có khí kiếm;
 Nơi Lục Đầu, không sông nào không có tiếng đóng cọc)
*Hùng Linh thiên thu tiên chính khí;
 Thao Giang nhất trận chấn kỳ công.*
 (Hùng Linh ngàn thu nêu chính khí;
 Thao Giang một trận dấy kỳ công)

v.v...

Ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội), hiện còn giữ
 được gần ba nghìn bản thần tích bằng chữ Hán; tương ứng với số
 Thần tích ấy là số nơi thờ thần ở các nơi; mà những nơi này mới chỉ

¹ Câu đối ở chùa Nậm Sơn, xã Văn Diên, Nam Đàn, Nghệ An. Không có trong bộ sách này.

kể từ Nghệ An trở ra, nếu tính cả nước thì nhiều hơn nhiều. Đó mới chỉ là nơi thờ thần; các chùa, quán, tháp và các di tích khác chưa kể; nếu kể gộp lại thì con số phải rất lớn. Ở những nơi này thường có câu đối, các cơ quan hữu quan hiện đang cố gắng sưu tầm, sau này có dịp, chúng ta có thể được đọc những bộ câu đối dành riêng cho nội dung về phong cảnh, di tích danh thắng.

Ngoài hai nội dung trên, người xưa làm câu đối còn có một yêu cầu không thể thiếu được; đó là việc biểu dương công đức người trước, ca ngợi thành tích người đương thời, khuyến khích điều thiện. Nói chung, đây là loại câu đối có nội dung về phương diện học tập, tu dưỡng. Loại câu đối này có ở khắp các đình, đền, chùa; và đặc biệt ở các nhà thờ họ, ở các văn chỉ, văn miếu các nơi. Chúng tôi chỉ xin dẫn một số câu:

Đức đại an dân, tâm đồng thiên cổ thịnh;

Hùng triều hộ quốc, đức hóa vạn niên tư¹.

(Đức lớn yên dân, lòng cùng ngàn xưa thịnh;

Hùng triều giúp nước, đức hóa vạn năm thờ)

Thiện báo, ác báo, tri báo, tốc báo; chung tu hữu báo;

Thiên tri, địa tri, nhĩ tri, ngã tri; hà vị vô tri².

(Thiện báo, ác báo, chậm báo, nhanh báo; đến cùng đều có báo;

Trời biết, đất biết, anh biết, tôi biết; sao bảo không ai biết)

Huynh hữu đệ cung, nữ quân tử tu thân chi bản;

Lễ môn nghĩa lộ, vi đại nhân thiệp thế chi phương.

(Anh hiền em kính, ấy cái gốc tu thân của người quân tử;

Lễ theo nghĩa giữ, đây là phương pháp vào đời của bậc đại nhân)

Phúc địa tâm điền nghi mỹ quả;

Hiên tôn hiếu tử tức danh hoa.

(Đất phúc ruộng tâm nên quả đẹp;

Cháu hiền con thảo được hoa thơm)

¹ Câu đối đình Mộ Chu, phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, Phú Thọ.

² Các câu đối dẫn có trong sách này, chúng tôi không chú.

*Tổ công tông đức thiên niên thịnh;
Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.
(Công tổ đức tông ngàn năm thịnh;
Con hiếu cháu hiền vạn đời lên)
Đạo nhược lộ nhiên, đắc kỳ môn nhi nhập;
Thánh tức thiên dã, bất khả giai nhi thăng.
(Đạo tựa lối đi, được đường thì vào;
Thánh tức trời vậy, chẳng thể leo mà lên).*

Câu đối có nội dung giáo dục, không ít câu còn muốn vươn lên hình thức châm ngôn, ví dụ:

*Bất cangg uy ích trọng
Vô tư công tự cao
(Không kiêu uy càng lớn
Vô tư công tự cao)
Tâm thanh hà cụ quý
Khí thuận bất tùy tiên
(Lòng sáng sợ gì quý
Khí thuận chẳng cần tiên).*

v.v...

Nếu chia tỷ mỹ hơn, câu đối có nội dung học tập, tu dưỡng còn có thể xếp theo loại thờ thành hoàng, văn miếu, văn chỉ, Văn Xương Đế, vũ miếu, Vũ Đế, Đức Thánh Trần, điện Mẫu, được miếu, quán các (chia ra nhiều loại), chùa tháp (cũng chia ra nhiều loại), huệ phúc, cầu tự, thủy thần, tài thần, nhà thờ họ (chia làm nhiều bậc); ngoài ra, từ ngoài vào còn xếp thành môn liên, tiền, trung, hậu v.v...; mỗi nơi lại có nội dung hơi khác. *

Cuối cùng chúng tôi muốn nói đến loại câu đối có nội dung chúc mừng, thăm viếng.

Câu đối chúc mừng:

*Hơn bảy chục năm qua, có Đảng dẫn đường, dân tộc Việt
ngang đầu cùng bốn biển;*

*Ngoài năm lành thu ấy, Bác Hồ chỉ lối, nước non Hồng rạng
mặt với năm châu.*

Xưa, câu đối chúc mừng gọi là Khánh hạ liên; cuối lạc khoản thường có hai chữ *Trang hạ*. Nhân dân ta có tập quán là anh em bà con, bạn bè, xóm giềng có việc vui thì đến chúc mừng, trong lễ mừng có câu đối. Có khi mình tự mừng mình. Câu đối mừng có thể tự viết, cũng có thể nhờ người khác viết (gọi là xin câu đối); hoặc ra phố mua.

Mừng ông Tiên chỉ:

*Đám công danh có chí thì nên, ơn làng giấy trắng, ơn vua
giấy vàng, chiếu trung đình ngất ngưỡng ngôi trên; ngôi Tiên
chỉ cũng là rất đáng;*

*Nhờ phúc ấm sống lâu lên lão, anh cả bàn năm, anh hai bàn
sáu, dàn tiêu tử xênh xang mùa trước, tranh Tam đa ai khéo
vẽ nên.*

(Nguyễn Khuyến)

Mừng thi đỗ:

Nhị giáp do năng khôi, đề phẩm bất hư danh hạ sĩ;

Nhất bảng tịnh tứ đệ, giang sơn tăng lão nhân trung nhân¹.

(Đỗ Nhị giáp như đỗ đầu, tiếng đồn hay chữ quả không sai;

Một bảng đều cho đỗ cả, sông núi mắt đã quen lâu rồi)

Khoả lãng dăng long môn, thâm tuyết chúng lưu cao tuyết lĩnh;

Khoá hoa đáo quỳnh uyển, hoàng vi thu cúc, bạch vi mai².

(Cá chép vượt sông lên cửa rồng, đương ở chỗ cực sâu vọt lên
đỉnh núi;

Xem hoa đến vườn quỳnh, sắc vàng là thu cúc, sắc trắng là
hoa mai)

¹ Câu đối Vũ Phạm Hàm mừng Nguyễn Thượng Hiền đỗ Hoàng giáp. Ý nói Nguyễn Thượng Hiền được tiếng hay chữ, nhưng thực ra chỉ đáng đỗ thứ hai.

² Câu đối Nguyễn Thượng Hiền mừng Vũ Phạm Hàm đỗ Thám hoa. Vũ Phạm Hàm và Nguyễn Thượng Hiền đỗ cùng khoa Nhâm Thìn (1892). Câu này ý nói Vũ Phạm Hàm xuất thân hèn kém, mà nay vượt lên được. Còn việc mình đỗ hạng Thứ thì cũng như các loài hoa; hoa cúc màu vàng, hoa mai màu trắng, đều đẹp cả.

*Xảo tá thiên công, quyết tá thiên công, trực tương tân khổ thí
tài hoa, cơ cơ phụ bát thập niên tiền thư kiếm trái;*

*Kỳ đích nhân vật, khoái đích nhân vật, nghĩ bả văn chương
hoàn tạo hóa, hảo hảo khan thiên vận lý ngoại phong vân trình¹.*

(Khéo là thợ trời, giả dối thợ trời, cứ đem cay đắng thử tài
hoa, thiếu chút phụ nợ kiếm thư ngoài tám mươi tuổi;

Lạ thay cho ông, vui thay cho ông, thích lấy văn chương trả
nợ đời, vừa đúng lúc xem đường mây trên ngàn muôn dặm).

Mừng đám cưới:

Mừng cháu xe duyên, tình đôi lứa trăm năm hòa hợp;

Chúc con có bạn, nghĩa đá vàng muôn thuở sắt son.

Chữ Hán:

Hoa đường sơ vịnh Thư Lân cú

Tú các tân biên Bác nghị thư

(Phòng hoa bắt đầu ngâm câu Thư, Lân²;

Gác gấm soạn mới sách Bác nghị³)

Tú các đăng minh uyên ương tịnh lập;

Trang đài chúc lệ phỉ thúy đồng thê.

(Gác gấm đèn sáng, đôi uyên ương kê vai;

Trước bàn trang điểm ánh nến đẹp, cặp phỉ thúy sóng đôi)

Dịch viết càn khôn định hĩ;

Thi văn chung cổ lạc chi.

(Kính Dịch chép rằng: dương âm đã định rồi;

Kính Thi nói là: chuông trống làm cho vui)

Mừng thọ:

*Tính ông hay, hay từu hay tắm, hay nước chè đặc, hay nằm
ngủ trưa, dù đã bảy mươi còn khoẻ mạnh;*

¹ Phan Bội Châu mừng Đoàn Tử Quang, 82 tuổi thi đỗ Cử nhân. Khoa thi ấy (Canh Tý - 1900), Phan Bội Châu đỗ Thủ khoa.

² *Thư, Lân*: Tức bài thơ *Quan thư ở Chu Nam, Quốc Phong, Kinh Thư*; viết về tình yêu nam nữ; bài *Lân chỉ chi* (còn gọi *Lân chi*) cũng ở *Chu Nam, Quốc Phong, Kinh Thư*; viết về con cháu đông đúc và đều có tài.

³ *Bác nghị*: Sách của Lã Tổ Khiêm đời Tống, bàn về thơ tình yêu.

*Nhà ông có, có bầu có bạn, có ván cơm sôi, có nồi cơm nếp,
mở ra một tiệc thấy linh đình.*

(Nguyễn Khuyến)

Chữ Hán:

Hoa giáp phùng xuân, tửu ánh thanh khâm, xuân cộng túy;

Thái sơn chúc thọ, ca truyền Bạch tuyết, thọ tân thiên.

(Sáu mươi gặp xuân, rượu ánh tuổi xanh, xuân càng say nữa;

Trăm tuổi chúc thọ, hát ca vui vẻ, thọ được nhiều thêm)

Đào hoa kết tử tam thiên tuế;

Xuân thụ phu vinh bát thập xuân.

(Hoa đào ra quả ba nghìn tuổi;

Cây xuân rậm rạp tám mươi xuân)

v.v... Ngoài ra còn có câu đối mừng nhà mới, mừng mở cửa hàng..., ở đây chúng tôi xin không dẫn tiếp, mong các bạn tự xem trong sách này. Chúng tôi chỉ muốn nói thêm rằng, cùng với câu đối chúc mừng còn có câu đối đề vịnh, đề tặng; ví như câu đối của Bà Huyện Thanh Quan vịnh chén uống trà có vẽ cảnh sơn thủy:

In như thảo mộc trời Nam lại;

Dem cá sơn hà đất Bắc sang.

Câu đối Cao Bá Quát vịnh điệu cây:

Ra tay cầm cán sồi trong nước;

Ngậm khói phun mây sạch bụi trần.

Câu đối vua Lê Thánh Tông tặng hàng nước:

Nếp giầu quen thói kinh coi, con cháu nường nhờ vì ẩm;

Việc nước ra tay chuyển bát, bắc nam đâu dấy lại hàng.

Câu đối ông Nghè Nguyễn Quý Tân tặng Tổng đốc hồi hưu Nguyễn Công Trứ:

Giang sơn tóm lại đôi sân khấu¹;

¹ *Đôi sân khấu:* Có người giải thích là chỉ việc Nguyễn Công Trứ khai phá, mở mang hai huyện Kim Sơn, Tiền Hải.

Văn vũ đem ra một khúc cầm¹.

Câu đối khen tác phẩm *Phạm Công Cúc Hoa*:

Trạng nguyên tám tuổi thơm trời Việt;

Sư sự mười năm khét đất Ngô.

v.v... Trong một số sách chép câu đối xưa, khi phân loại nội dung câu đối chúc mừng, người biên soạn thường chia rất nhỏ. Đại thể thường chia ra là: Chúc tết, Nguyên tiêu, Đê tặng, Tự đề, Vạn thọ, Văn quan thọ, Vũ quan thọ, Phong quân thọ, Tăng thọ, Đạo thọ, Nam thọ, Nữ thọ, Song thọ, Nam Tứ thập thọ, Nam Ngũ thập thọ, Nam lục thập thọ, Nam Thất thập thọ, Nam bát thập thọ, Nam Cửu thập thọ, Nam Bách tuế thọ; Nữ lục thập thọ (cho đến bách tuế thọ); Tân hôn (chia ra từng tháng, từ tháng Giêng đến tháng Chạp); Hạ Tam nguyên, Hạ Bảng nhãn, Hạ Thám hoa, Hạ Hàn lâm, Hạ Tiến sĩ, Hạ Vũ Tiến sĩ, Hạ Văn cử, Hạ Vũ cử, Hạ sinh tử, Hạ sinh tôn, Hạ sinh tăng tôn. Chúc mừng: Nhà mới, Mở cửa hàng: Hàng Sách, Hàng Bút, Hàng Mực, Hàng Giấy, Khắc chữ, Vẽ, Hàng Vàng, Hàng Bạc, Hàng Mũ, Hàng Giày, Hàng Vải, Thọ may, Hàng Đoạn, Hàng Gấm, Hàng Tơ, Hàng Quạt, Hàng Long; Quán rượu, Quán cơm rượu, Quán trọ, Hiệu thuốc, Hiệu cắt tóc; Thầy bói, Thầy tướng, Thầy số; v.v..., còn chia rất nhỏ nữa. Biên soạn câu đối với nội dung chia nhỏ như vậy không phải là việc quá khó, nhưng biên soạn bộ 5000 câu đối Hán Nôm này, chúng tôi quả thực chưa muốn mất công quá nhiều cho việc chia nhỏ như vậy; nhắc đến việc ấy, chúng tôi chỉ muốn nói đến bình diện rất rộng, câu đối rất nhiều ở nội dung chúc mừng.

Câu đối Thăm viếng, xưa gọi là Phúng, chữ Hán gọi là Ai văn, không nhiều bằng câu đối Chúc mừng, nhưng số lượng cũng không phải ít; và đặc biệt, có nhiều câu hay.

Câu đối Nguyễn Khuyến khóc vợ:

*Lão cũng đã mừng thay, nhờ được bà hay làm hay làm, thất
lưng bó que, xắn váy quai công, tất tả chân dầm đá chân
chiêu, vì lão đã dần trong mọi việc;*

¹ Một khúc cầm: Chỉ việc lúc hàn vi, Nguyễn Công Trứ vì quá hăm mộ cô đào Xuân Nga mà đi làm kép.

Bà đi dâu vội bấy, để cho lão vất vơ vất vương, búi tóc củ hành, buông quần lá tọa, gật gù tay đưa chạm tay chén, cùng ai kể lẽ chuyện trăm năm.

Câu đối chữ Hán Bùi Hữu Nghĩa khóc vợ:

*Ngã bản khanh năng trợ, ngã oan khanh năng minh, triều
quận giai xưng khanh thị phụ;
Khanh bệnh ngã bất được, khanh tử ngã bất táng, giang
sơn ưng tiếu ngã phi phụ.*

(Ta nghèo mình giúp đỡ, ta oan mình kêu oan, trong triều
ngoài quận đều khen mình thật đáng là vợ;
Mình ốm ta không có thuốc, mình chết ta không về đưa
tang, sông núi phải cười ta chẳng xứng là chồng).

Câu đối Đỗ Đình Liêu viếng Đặng Toán:

*Phương nào Hoan chi thắng, hồ kị hạc quy, quy Thúy Hạc;
Khởi dữ Ninh hữu ước, hữu tương hồng ấn, ấn Lam Hồng.
(Mỗi nghe tin đồn ông thắng quan vào châu Hoan, sao ông
vội cười hạc về, về núi Thúy Sơn, núi Hối Hạc;
Hay là với tỉnh Ninh Bình có hẹn ước, ông không đem dấu
chân chim hồng, chim hạc vào in ở Lam Giang, Hồng Lĩnh).*

Câu đối viếng Tống Duy Tân:

*Tiểu Bạch bá Tề, sinh Quán Trọng;
Đại Nguyên di Tống, tử Thiên Tường.
(Tiểu Bạch làm vua nước Tề, Quán Trọng được sống¹;
Nhà Nguyên diệt nhà Tống, Thiên Tường phải chết²).*

Câu đối Phan Bội Châu viếng Tôn Trung Sơn:

¹ Tiểu Bạch khi lưu vong, mấy lần bị Quán Trọng đuổi giết; khi Tiểu Bạch về làm vua nước Tề tức Tề Hoàn Công, xây dựng nước Tề hùng mạnh, không giết Quán Trọng mà còn vời đến giúp.

² Thiên Tường tức Văn Thiên Tường, người đời Tống, nhà Nguyên diệt Tống, giết Văn Thiên Tường. Thiên Tường có bài *Chính khí ca* nổi tiếng. Đối câu đối này do văn thân đương thời viếng liệt sĩ Tống Duy Tân bị giặc Pháp xử tử ngày 3 - 9 - 1892 ở Thanh Hóa.

*Chí tại tam dân, đạo tại tam dân, ước Hoành Tân Trí Hoà
Đường lường độ ác đằm, trác hữu chân thần di hậu tề;
Ưu di thiên hạ, lạc di thiên hạ, bị đế quốc chủ nghĩa giả đa
niên áp bức, thống phân dư lệ khắp tiên sinh¹.*

(Chí ở tam dân, đạo ở tam dân, nhớ hai lần nói chuyện ở Trí
Hoà Đường Hoành Tân, để lại tình thần cho người chưa chết;

Lo vì thiên hạ, vui vì thiên hạ, bị nhiều năm áp bức do bọn đế
quốc chủ nghĩa, cùng dành nước mắt để khóc tiên sinh).

Một số câu đối viếng bằng chữ Hán như câu đối Văn thân Nghệ
Tĩnh viếng Phan Đình Phùng (1895), Phan Bội Châu viếng Nguyễn
Thượng Hiền (1925), v.v... đều là những đôi câu đối nổi tiếng. Loại
câu đối này có tình cảm lớn lao và sâu đậm, nghệ thuật điêu luyện
được đặt trên nền ấy; về điều này, chúng tôi tự cảm thấy quá sức khi
muốn nói cho đầy đủ, mong bạn đọc tự thể hội nhiều mặt. Ở đây,
chúng tôi chỉ muốn nhắc lại một đôi câu đối chữ Hán ở nội dung
viếng; mà theo chúng tôi, có lẽ đây là đôi câu đối chữ Hán thuộc thời
kỳ cuối của loại câu đối này. Đó là đôi câu đối Tôn Quang Phiệt viếng
Hoàng Văn Hành (Giám Hành), người Hoàng Trù, Nam Đàn, Nghệ
An (1942):

*Ước tích niên cung kiếm bão hùng tâm, Bỏ Lư thất trước, Yên Thế
cùng đồ, vãng sử du du, hận bất chích thân phong mã cách;*

*Thủ kim nhật tang thương vô định cục, Ngư Hải trường trì, Sào Nam
vĩnh quyết, tiền đồ diếu diếu, dân tương quy lệ trích hồ
khâu.*

(Nhớ năm xưa cung kiếm mạnh hùng tâm, Bỏ Lư thất bại, Yên
Thế cùng đường, xem sử mịt mù, giận chẳng bọc thây trong da
ngựa;

Và ngày nay bể dâu không định cục, Ngư Hải từ trần, Sào Nam
tạ thế, đường dài bối rối, này đem nước mắt rưới hang hồ).

Sau thời gian này, câu đối phần nhiều viết bằng chữ Nôm hoặc
chữ Quốc ngữ.

¹Tôn Trung Sơn là lãnh tụ Trung Hoa dân quốc, mất năm 1925.

Nói đến nội dung câu đối, còn một phương diện nữa cũng phải nhắc đến; đó là loại câu đối chủ yếu viết cho vui, người xưa gọi là Tạp hên. Ví như những câu:

Gió tựa tường ngang, lưng gió phẳng;

Trăng nhòm cửa sổ, mắt trăng vuông.

Huyện Tam Dương có ba con dê, đứng núi đá, trông về Lập Thạch;

Quan Tử Kỳ đi xe bốn ngựa, vâng mệnh trời, ra trị Thừa Thiên.

Quân tử cố cùng, quân tử cùng, quân tử cố;

Khổng Minh cầm túng, Khổng Minh túng, Khổng Minh cầm¹.

v.v... Đây là loại câu đối vui, thường gọi là chơi chữ; có lúc bí chữ phải đối liều:

Ra: Thần Nông giáo dân nghề ngũ cốc².

Đối: Thánh sêu gươm quan gờng tam cò

v.v... Đặc biệt, ở câu đối Nôm, việc chơi chữ càng hết sức đặc sắc; đây là nét nổi bật của nghệ thuật câu đối nước ta mà chúng tôi sẽ nói thêm dưới đây.

*

* *

Câu đối ở nước ta có từ bao giờ, điều ấy thật khó biết cụ thể; nhưng dựa vào thể đối trong thơ phú cổ nước ta, có thể nghĩ rằng câu đối ở nước ta có khá sớm, chỉ ít là có từ thời Tiền Lê, thế kỷ thứ X. Đến đời Trần thì câu đối đã đạt nghệ thuật điêu luyện qua giai thoại đối đáp của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi. Sau đó có câu đối của bà Nguyễn Thị Bích Châu, bà phi của vua Trần Duệ Tông, qua bộ

¹ Chữ Hán đối câu này có nghĩa: Bạc quân tử bên chí lúc khốn cùng, quân tử càng khốn cùng càng kiên cường; Khổng Minh bắt thả, Khổng Minh thả rồi Khổng Minh lại bắt (Mạnh Hoạch). Nhưng chữ nghĩa ở cả hai vế đều đã bị Nôm hóa, nghĩa cũng khác hẳn đi.

² Vế này có nghĩa: Thần Nông dạy dân trồng ngũ cốc. Nhưng vế đối lại đối chan chát bằng Nôm; đọc vế đối chẳng có nghĩa gì, nhưng suy ngẫm vẫn có cái gì đó ý tại ngôn ngoại.

Truyền kỳ tân phả của Đoàn Thị Điểm. Đến đời Lê, câu đối Nôm dấy lên rực rỡ, đặc biệt giai thoại đối Nôm của vua Lê Thánh Tông. Vào cuối đời Lê, câu đối đã được sưu tầm, tìm hiểu qua một số trước tác của Lê Quý Đôn; đến đời Nguyễn, câu đối đạt đỉnh cao, nhất là câu đối Nôm; nổi bật có Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Quý Tân, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, v.v...; trong đó, Nguyễn Khuyến đáng được tôn vinh là vua câu đối, đặc biệt là câu đối Nôm. Có lẽ kể từ bây giờ, câu đối đã vượt ra khỏi quy phạm mà đi vào dân gian; ca dao có câu:

Người như cây gỗ xoan đào

Em như câu đối dán vào được chẳng

Câu đối đã hoà nhập vào sinh hoạt dân gian đến như vậy.

Nói về cách làm câu đối, đại thể chia làm ba loại:

1. Loại tiểu đối, mỗi vế có bốn chữ trở xuống:

Hoa ngênh hỷ khí;

Điều xướng xuân quang¹.

2. Loại thi đối (đối thơ), mỗi vế có trên bốn chữ; nếu là năm chữ hoặc bảy chữ thì câu đối giống hai câu thực hoặc hai câu luận (câu 3, 4 và 5, 6) của thơ Đường luật:

Tổ quốc xuân thường tại

Thần châu nguyệt chính viên².

Kiểm một cơi trầu thưa với cụ;

Xin đôi câu đối để thờ ông.

3. Loại phú đối (đối phú), đặt câu theo thể Đường phú. Mỗi vế có năm chữ trở lên, chín chữ trở xuống đặt liền, gọi là phép Song quan (Hai cửa); mỗi vế có hai câu dài ngắn cách ra, gọi là phép Cách cú (Cách câu); mỗi vế có ba đoạn trở lên; đoạn giữa ngắn xen vào giữa, gọi là phép Hạc tất (Gối hạc); ví dụ:

¹ Tạm dịch: Hoa chào sắc mới; chim ngời xuân về.

² Tạm dịch: Tổ quốc xuân thường có; kinh đô nguyệt đứng tròn.

1. *Tạc dạ xuân phong nhập hộ;
Kim triều hỷ khí doanh môn¹.*
2. *Ngồi đó lợp nghè, lợp trên đề lợp dưới;
Đá xanh xây cổng, hòn dưới nống hòn trên.*
3. *Quan chẳng quan thì dân, chiếu trung đình ngắt
ngưỡng ngồi trên, nào lệnh nào trưởng, nào bàn ba,
tiền làm sao, gao làm sao, cùi nước làm sao, một năm
mười hai tháng thành thời, cái thủ lợn nhìn thấy đã
nhấn mặt;
Già chẳng già thì trẻ, dân tiểu tử lau nhau đứng dưới,
này phú này thơ, này đoạn một, hoành là thế, sở là thế,
bằng trắc là thế, ba vạn sáu ngàn ngày thấm thoát, con
mất gà đeo mãi cũng mòn tai.*

Vế luật bằng, trắc; loại tiểu đối, chữ cuối vế trên, dưới; bằng, trắc đối nhau; loại thi đối, giống luật thơ; loại phú đối, bằng trắc đối nhau ở chữ cuối đoạn (chữ đầu câu) và chữ cuối vế. Ở phép Cách cú và Hạc tấu, chữ cuối vế là bằng thì chữ đầu câu là trắc và ngược lại. Tuy vậy, trong một số đôi câu đối cũng có sự ép vắn, đó là loại khó đọc; đọc nghe trực trực:

*Mười mấy khoa còn gì, nhờ trời có phúc có phận;
Năm mươi tuổi thành tài, mừng ông càng dẻo càng dai.*

Một đôi câu đối mà chữ cuối cùng vế trên và chữ cuối cùng vế dưới cùng một vắn là Thất luật; ví dụ:

*Lúa tám gát chín tháng tám;
Nồi sáu mua năm quan sáu.*

Câu đối làm đúng quy cách, chữ cuối vế trên vắn trắc; chữ cuối vế dưới vắn bằng. Khi treo câu đối, hướng đứng ngoài trông vào chỗ dán câu đối, chữ cuối vế bên tay phải vắn trắc, vế kia vắn bằng. Nhưng cũng có một số trường hợp, nếu vế trên do người khác ra mà chữ cuối là vắn bằng, người buộc phải đối đành phải theo vắn ra mà đối; ví dụ:

¹ Tạm dịch: Tối qua gió xuân nhập hộ; Sáng nay vui đến cửa nhà.

Ra: Trạng dở hay Trạng nguyên;

Đôi: Khách quen hóa khách lạ.

(Chuyện Trạng Lợn)

Ra: Ba sĩ ngồi một kỷ, đôi đức đế Nghiêu;

Đôi: Một bách sách hai cung, đáng tài phụ bát.

v.v...

Về phép đối, nói chung là bằng, trắc đối nhau; ví dụ: *Kim kinh* đối là *Bảo kê*; *Chu sa giới* đối là *Biển đại thiên*, v.v...; ngoài ra, về các loại từ như danh từ đối với danh từ, đại từ đối với đại từ, số từ đối với số từ...; ví dụ: *Nhất hoa hiển thủy* đối là *Ngũ điệp lưu phương*, *Cành biếc thiếp trông lên* đối là *Suối vàng chàng thác xuống*, v.v...; các câu lấy trong kinh điển đối nhau, thành ngữ, tục ngữ... đối nhau; ví dụ: *Thiên tích thông minh* đối là *Thánh phù công dụng* (Tam tạng kinh); *Xấn vấy quai cồng* đối là *Buông quần lá tọa*; *Lắm kẻ yêu hơn nhiều người ghét* đối là *Một câu nhin là chín câu lành*, v.v... Trong câu đối cũng có câu đã viết là:

Ý thú hoành sinh thành xảo đối

Phương viên thích độ thị giai liên

Nghĩa là:

Ý thú nảy sinh thành đối khéo

Vuông tròn thích hợp được câu hay.

Đó là nói một cách nôm na, còn trong các sách dạy về phép đối xưa, chúng ta thấy chép một số phép đối như sau: 1. Chính đối. 2. Đích danh đối. 3. Đồng loại đối. 4. Dị loại đối. 5. Liên châu đối. 6. Song thanh đối. 7. Điệp vận đối. 8. Song nghi đối. 9. Liên cảm đối. 10. Hồi văn đối. Tuy vậy, đó chỉ là quy cách để đối cho chỉnh, cho giòn, chọi chan chất; còn làm được đôi câu đối cho hay còn phải là cây bút sắc sảo, uyên bác, điều luyện, có tâm. Người ta kể rằng, Cử nhân Nguyễn Tử Mẫn, người Ninh Bình, làm Tri huyện ở Hiệp Hòa, Bắc Giang; có hai vợ đều mất, nhưng con trai, con gái ông đều đã có con trai. Ông làm đôi câu đối:

Vợ cả vợ hai không vợ cả

Con trai con gái có con trai

Đôi câu đối này được lưu truyền và về sau có dị bản. Lại có chuyện rằng, con trưởng Tiến sĩ Bùi Ân Niên (Bùi Quế) là Bùi Thúc, người Châu Cầu, Hà Nam khi sắp đi thi Hương mà đương có tang mẹ; mồng một tháng mười trường Nam thi mà đến ngày mồng năm tháng mười ông mới hết tang. Vậy là không được phép đi thi. Nhưng năm ấy có việc đại sự, triều đình hoãn thi đến ngày mười sáu tháng mười; thế là ông được dự thi. Trước khi đi thi vài ngày lại cưới vợ. Thi Hương năm ấy lấy tám mươi Cử nhân, Bùi Thúc đỗ thứ tám mươi, cuối bảng. Nhưng khoa thi ấy (1897), phủ Thống sứ cho đặc cách lấy thêm hai Cử nhân nữa là người của phủ này, bởi vậy ông Bùi được đứng trên hai người, thoát cảnh đội bảng¹. Lúc ăn mừng, Yên Đổ (Nguyễn Khuyến) có mừng đôi câu đối:

*Thánh thượng diệc lân tài, cống viện tri lai tam ngũ nhật;
Khuê trung ưng phá tiểu, lang quân áp đắc kỷ đa nhân.
(Nhà vua ý thương tài, trường thi hoãn lại năm ba bữa²;
Có cử cười vỡ bụng, anh chàng đề được những bao người).*

Trong câu đối của Yên Đổ, có nhiều câu hay tuyệt vời; ví như đôi câu đối chữ Hán mừng đám cưới:

*Oanh đề phượng ngữ nghênh hoa trưởng;
Nhạn vũ loan phi phát cảm bình³.*

Nếu dịch theo chữ Hán, đôi câu đối này có nghĩa là:

*Oanh kêu phượng hát chào trưởng hou;
Nhạn múa loan bay lay bình gốm.*

Nhưng cái tài của Yên Đổ là đôi câu đối chữ Hán này lại có thể đọc thành Nôm và nội dung vẫn rất chi là mừng đám cưới:

*Bình gốm phát phơ loan mổ nhạn;
Trưởng hoa nghiêng ngửa phượng đề oanh.*

¹ Ngồi xưa đi thi, coi hổng còn hơn đội bảng.

² Năm ba là mười lăm; ý nói kỳ thi hoãn lại 15 ngày.

³ Đôi câu đối này thấy có trong *Nguyễn Khuyến, tác phẩm*; Nxb Khoa học xã hội; Hà Nội; 1984; tr. 608. Không thấy có ở một số sách khác chép thơ văn Nguyễn Khuyến.

Còn nhiều câu đối khác của Yên Đỗ như câu đối mừng cô Tư Hồng, câu đối tặng hàng thịt, câu đối tặng sư móm; câu đối làm giúp vợ thợ nhuộm khóc chồng, vợ thợ rèn khóc chồng, vợ chú Khách không chồng, v.v... đều làm hết sức tài tình.

Đôi câu đối Tú Xương làm tặng cô hàng cau dưới đây cũng là câu hay:

Thiếp vì lòng trắng không thay hạt;

Khách muốn môi son phải mượn màu.

Đôi câu đối của vua Đồng Khánh làm sau đây cũng nói lên được bối cảnh một thời và được truyền tụng:

Võ tướng tiêu sầu duy hữu tửu;

Văn thần thoái lộ cánh vô thi.

(Quan võ chỉ biết uống rượu giải buồn;

Quan văn càng không làm nổi thơ lui giặc).

Trên nhiều phương diện, nhiều bối cảnh, nhiều giai tầng khác nhau, câu đối đều có thể tham gia bằng nghệ thuật của mình. Chữ nghĩa câu đối điêu luyện, nội dung miêu tả được nắm bắt một cách tinh nhanh, góc nhìn sắc bén... Tuy vậy, câu đối không phải chỉ giành riêng cho lớp thượng lưu, câu đối cũng rất gần với dân gian. Theo nhiều chuyện kể lại, đặc biệt là chuyện Trạng, việc đối đáp bằng câu đối thường là đối đáp miệng, không viết chữ hoặc không biết viết chữ. Như vậy, câu đối đã trở thành một trong những sinh hoạt văn hóa của nhân dân ta. Câu đối nước ta có đặc sắc riêng; dù là câu đối Hán hay câu đối Nôm; dù là câu rất ngắn hay câu rất dài; qua nội dung và nghệ thuật câu đối, chúng ta có thể tìm hiểu được nhiều vấn đề về lịch sử, văn học, ngôn ngữ... của dân tộc ta.

*

* *

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, tinh hoa di sản văn hóa nước ta đang được tiếp tục phục hồi, với những góc độ khác

nhau, việc tìm hiểu và viết câu đối đang là yêu cầu của đông đảo bà con ta. Câu đối có câu đối chữ Hán, câu đối chữ Nôm và câu đối chữ Quốc ngữ; trong bộ sách *5000 hoành phi, câu đối Hán Nôm* này, chúng tôi chỉ giới thiệu câu đối Hán Nôm. Mục đích là giúp thêm cho người muốn tìm hiểu hoặc viết câu đối cổ, có trong tay một số tư liệu thông dụng để tham khảo; ngoài ra, với học sinh, giáo viên, nhà nghiên cứu, người ham thích câu đối..., bộ sách này cũng có thể là sách đọc thêm lúc cần thiết.

Về hoành phi, chúng tôi chưa gặp ở sách nào có hoành phi bằng chữ Nôm, vì vậy chọn 350 bức viết bằng chữ Hán; việc chép lại, phiên âm, không phải là việc khó; nhưng dịch hoành phi thì rất khó, chúng tôi cố gắng dịch ý, mục đích là giúp bà con biết được nghĩa của bức hoành ấy.

Về câu đối chữ Hán, chúng tôi chọn hơn 4000 câu; ở mỗi câu có phần chữ Hán, phần phiên âm và phần dịch nghĩa. Ở phần chép chữ Hán, trừ trường hợp đặc biệt phải hiệu chỉnh, nói chung tôn trọng nguyên bản; phiên âm thì phiên đúng âm thông dụng. Dịch câu đối lại là việc hết sức khó; chúng tôi chọn phương án là câu nào dịch được như số chữ, âm điệu trong nguyên văn mà không mất nhiều ý thì cố gắng bám sát nguyên văn để dịch; câu nào khó dịch quá thì châm chước số chữ; với câu quá khó dịch thì đành phải dịch xuôi. Dù đã xoay trở đủ cách, nhiều câu dịch xong vẫn bấn khoản, mất ngủ. Dịch câu đối quả là hình phạt, nợ vì duyên; nhưng dịch câu đối (cũng như dịch thơ phú) mà câu nào, chữ nào cũng bỏ mặc thể cách cổ điển, đặc thù của thể loại này thì lại cảm thấy việc mình làm là tặc trách; mà thế, công việc cũng nhạt nhẽo, đối phó... Rồi lại nghĩ; viết đối dị, dịch đối nan... Bởi vậy, nếu bạn đọc xem qua phần chữ Hán, phần phiên âm; đến phần dịch mà mỉm cười, vậy là người dịch cũng coi như đã lập công chuộc tội được phần nào rồi vậy.

Về câu đối chữ Nôm, chúng tôi chọn hơn 400 câu. Câu đối chữ Nôm chỉ là có không ít, nhưng dạng chơi chữ như giai thoại Cô Điểm - Trạng Quỳnh hoặc như câu đối của Tú Xương, Yên Đổ thì nhiều; còn câu đối Nôm ở đình chùa đền miếu, nhà thờ... lại

hiếm; vì vậy, xem xét nhiều mặt về việc kết hợp một cách tương đối với yêu cầu của bộ sách này, chúng tôi châm chúc tuyển với số lượng nói trên. Bởi số lượng câu đối Nôm tuyển không nhiều, vì vậy không chia theo chủ đề một cách tỷ mỉ; nhưng câu đối Nôm không xếp lẫn vào câu đối chữ Hán, mà để riêng hẳn lên trên, tức phần II, ngay sau phần Hoàn phi. Câu đối Nôm, tất nhiên không phải dịch mà chỉ có việc chép chữ Nôm và viết lại bằng chữ Quốc ngữ. Khi biên soạn câu đối Nôm, việc khó khăn nhất là ở phần chữ Nôm. Chữ Nôm phổ thông¹, một chữ có thể viết theo hai ba cách; vậy trong một bộ sách, các chữ viết khác nhau lấy từ các nguồn khác nhau có nên chỉnh cho thống nhất không? Sau khi bàn bạc, ý kiến chung là với những chữ viết sai hẳn quy cách thì chỉnh lại, còn nữa nên cố gắng giữ theo nguyên bản. Việc chế bản chữ Nôm để đưa in; hiện nay, đây cũng là việc chúng tôi phải đầu tư nhiều tâm sức; nhưng đây là việc thuộc kỹ thuật chế bản, chúng tôi chỉ muốn nói thêm để bạn đọc thông cảm khi gặp một số chữ không như ý; và chẳng nội dung bộ sách này cũng không phải chủ yếu ở phương diện viết chữ.

Để giúp bạn đọc được thuận lợi hơn, phần câu đối chữ Hán, chúng tôi xếp theo 4 chủ đề; 4 chủ đề đó là: I. Câu đối Tết; II. Câu đối về phong cảnh; III. Câu đối về học tập và tu dưỡng; IV. Câu đối mừng và viếng. Tất nhiên, việc xếp theo bốn chủ đề này vẫn là việc xếp ở bình diện rộng; nếu xếp tỷ mỉ hơn, với chủ đề phong cảnh còn có thể chia làm phong cảnh núi sông, phong cảnh đình chùa đền miếu, phong cảnh thiên nhiên...; với chủ đề về mừng viếng có thể chia làm câu đối mừng, câu đối viếng; với câu đối mừng lại có thể chia làm câu đối mừng đám cưới, câu đối mừng thọ nhật, câu đối mừng nhà mới, câu đối mở cửa hàng...; với câu đối viếng lại có thể chia làm câu đối viếng nam, câu đối viếng nữ, tuổi tác... Nói chung, nếu kỹ tính, các chủ đề mà câu đối bao hàm có thể chia làm nhiều tầng lớp, đến mức rất hẹp. Nói thế để chúng ta càng biết thêm nội dung phong phú, đa dạng, sâu xa... của câu đối. Bởi vậy, việc xếp câu đối theo bốn chủ đề lớn của bộ sách này

¹ Ở đây, chúng tôi muốn phân biệt với chữ Nôm các dân tộc ít người.

chỉ là việc xếp một cách tương đối; mục đích không ngoài gợi ý cho bà con về cách thức, về ý tưởng trong việc học hỏi để làm, để sử dụng câu đối khi cần thiết.

Để giúp bạn đọc có thể tìm được các hoành phi câu đối một cách nhanh chóng, cuối sách có bảng *Sách dẫn*.

Nhóm biên soạn bộ *5000 hoành phi, câu đối Hán Nôm* này có các ông Trần Lê Sáng, Phạm Đức Duật, Phạm Kỳ Nam, Ngô Vương Anh; ông Trần Lê Sáng được nhóm biên soạn ủy nhiệm làm Chủ biên; Ngô Vương Anh làm Thư ký; ông Nguyễn Tất Hòa ở Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin cùng Nhà sách Đông Tây và nhiều bè bạn thân thiết đã hết sức nhiệt tình giúp đỡ. Qua nhiều Xuân thu, nhóm biên soạn đã cố gắng vượt nhiều khó khăn mà có lúc tưởng như không thể vượt qua được, kể cả việc khắc phục hoàn cảnh khó khăn của chính mình, tự vượt lên khả năng mình để làm việc... Nay bộ sách đã được hoàn thành, đóng góp của bộ sách này ra sao, điều đó còn phải chờ ý kiến của người đọc; song điều chúng tôi dám nói, đó là việc chúng tôi đã làm hết sức mình, đã làm với tinh thần chí thành, chí thiện vậy...

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2005

TRẦN LÊ SÁNG

Phần I

HOÀNH PHI



Cơ sở biên soạn

昔樹今花
Tích thụ kim hoa.
Cây xưa hoa nay.

飲思源
Âm tư nguyên.
Uống nước nhớ nguồn.

光前垂後
Quang tiền thùy hậu.
Làm sáng người trước, để phúc cho người sau.

祖輩孫培
Tổ cội tôn bồi.
Tổ tiên gây dựng, con cháu bồi đắp.

不哭神傷
Bất khóc thần thương.
Không khóc thần thương.

德及梓里
Đức cập tử lý.
Đức tới quê cũ.

良師楷模
Lương sư khái mô.
Thầy hay khuôn mẫu.

遺訓在耳
Di huấn tại nhĩ.
Di huấn bên tai.

雖死猶生
Tuy tử do sinh.
Chết như còn sống.

萬古長青
Vạn cổ trường thanh.
Muôn thuở còn xanh.

名遠德高
Danh viễn đức cao.
Tiếng xa đức cao.

駕鶴歸仙
Già hạc quy tiên.
Xe hạc về trời.

名垂千古
Danh thùy thiên cổ.
Tên lưu thiên cổ.

清白一世
Thanh bạch nhất thế.
Một đời thanh bạch.

母儀千古
Mẫu nghi thiên cổ.
Mẫu nghi muôn thuở.

品高德厚
Phẩm cao đức hậu.
Phẩm cao đức dày.

百世流芳
Bách thế lưu phương.
Tiếng thơm trăm đời.

痛仰岳尊
Thống ngưỡng nhạc tôn.
Đau nhớ ông nhạc.

桃李望春
Đào lý vọng xuân.
Đào mạn mong xuân.

光明磊落
Quang minh lỗi lạc.
Quang minh lỗi lạc.

福壽無量
Phúc thọ vô lượng.
Phúc thọ khôn lường.

雙壽無邊
Song thọ vô biên.
Song thọ vô biên.

福如東海
Phúc như Đông hải.
Phúc như biển Đông.

春秋不老
Xuân thu bất lão.
Năm tháng chẳng già.

萱草長春
Huyền thảo trường xuân.
Cây cỏ mãi xuân.

壽衍千秋
Thọ diển thiên thu.
Tuổi thọ ngàn năm.

福海壽山
Phúc hải thọ sơn.
Phúc như biển, thọ như núi.

人壽年年
Nhân thọ niên niên.
Người thọ lâu năm.

松鶴延年
Tùng hạc diên niên.
Thọ như tùng hạc.

壽同松柏
Thọ đồng tùng bách.
Thọ cùng tùng bách.

人心思富
Nhân tâm tư phú.
Lòng người muốn giàu.

安居樂業
An cư lạc nghiệp.
An cư lạc nghiệp.

萬民同樂
Vạn dân đồng lạc.
Muôn dân cùng vui.

山河壯麗
Sơn hà tráng lệ.
Non sông tráng lệ.

鳥語花香
Điểu ngữ hoa hương.
Chim hót hoa thơm.

國泰民安
Quốc thái dân an.
Nước thái dân yên.

興旺發達
Hưng vượng phát đạt.
Hưng vượng phát đạt.

國富民強
Quốc phú dân cường.
Nước giàu dân mạnh.

敬老愛幼
Kính lão ái ấu.
Kính già yêu trẻ.

萬象更新
Vạn tượng canh tân.
Muôn vẻ đổi mới.

風和日麗
Phong hoà nhật lệ.
Trời đẹp gió hoà.

歡度春節
Hoan độ xuân tiết.
Mừng đón tiết xuân.

喜氣盈門
Hỷ khí doanh môn.
Khí lành đầy cửa.

萬世師表
Vạn thế sư biểu.

Tiêu biểu cho đạo làm thầy của muôn đời.

道冠古今

Đạo quán cổ kim.

Đạo này đứng đầu xưa nay.

德參天地

Đức tham thiên địa.

Đức này sáng cùng trời đất.

集大成

Tập đại thành.

Thầy là bậc tập đại thành.

福斯文

Phúc tư văn.

Làm tốt đẹp nền tư văn.

古今日月

Cổ kim nhật nguyệt.

Đạo lý của Khổng Tử vĩnh hằng như ánh sáng của
mặt trời mặt trăng xưa nay.

河海標異

Hà hải tiêu dị.

Thấy ra đời đánh dấu sự thay đổi lớn lao như sông biển.

萬主象

Vạn chủ tượng.

Tượng vạn chủ.

貝葉傳芳

Bối diệp truyền phương.

Lá bối hương truyền.

和且平

Hoà thả bình.

Hoà lại bình.

聯芳續焰

Liên phương tục diễm.

Thơm lâu sáng mãi.

錫胤祚

Tích dận tộ.

Cho nối phúc.

湛露豐裊

Trạm lộ phong tương.

Sương nặng được mùa.

真靈位

Chân linh vị.

Đúng ngôi thiêng.

真宰最靈

Chân tể tối linh.

Đúng quản tối linh.

慈雲遍覆

Từ vân biến phủ.

Mây lành che khắp.

根深葉茂

Căn thâm diệp mậu.

Sâu rễ tốt lá.

大哉坤園

Đại tai khôn hạp.

Lớn thay khôn đóng.

(Triết thuyết cổ: Trời mở vào giờ Tý. Đất khép vào giờ Sửu).

並山海

Tịnh sơn hải.

Cùng non biển.

依正莊嚴

Y chính trang nghiêm.

Giữ đúng trang nghiêm.

江山有主

Giang sơn hữu chủ.

Giang sơn có chủ.

明德遠

Minh đức viễn.

Đức sáng xa.

佛法僧寶

Phật Pháp Tăng Bảo.

Phật Pháp Tăng Bảo.

來也遠

Lai dã viễn.

Đến từ xa.

仁爲寶

Nhân vi bảo.

Nhân là quý.

德惟馨

Đức duy hình.

Đức chỉ thơm.

其間名世

Kỳ gian danh thế.

Trong khoảng danh thế.

革虎炳文

Cách hổ bính văn.

Da hổ rực văn.

馮家勳將

Phùng gia huân tướng.

Tướng công huân họ Phùng.

德始發

Đức thủy phát.

Đức mới phát.

河有源

Hà hữu nguyên.

Sông có nguồn.

天聖降塵

Thiên thánh giáng trần.

Thiên thánh giáng trần.

五嶺花開

Ngũ lĩnh hoa khai.

Hoa nở Ngũ lĩnh.

用數五福

Dụng phu ngũ phúc.

Bố thí ngũ phúc.

(Phú quý thọ khang ninh).

洋乎如在
Dương hồ như tại.
Coi như còn đó.

三界大師
Tam giới đại sư.
Đại sư tam giới.
(Dục giới, sắc giới, vô sắc giới).

宛然仙界
Uyển nhiên tiên giới.
Như trên cõi tiên.

佛化有緣
Phật hóa hữu duyên.
Phật hóa có duyên.

洪福寺
Hồng phúc tự.
Chùa Hồng phúc.

大師在祀
Đại sư tại tự.
Đại sư ở tế tự.

天保九如
Thiên bảo cửu như.
Trời giữ cửu Như.
(Chúc Chín chữ Như trong Kinh Thi).

天地合德
Thiên địa hợp đức.
Trời đất hợp đức.

普慈光炤
Phổ từ quang chiếu.
Phổ từ sáng chiếu.

祥光遠照
Tường quang viễn chiếu.
Ánh sáng lành chiếu xa.

普德慈光
Phổ đức từ quang.
Đem đức phổ biến, làm sáng lòng từ.

金蓮寶座

Kim liên bảo tòa.

Tòa sen vàng quý.

慈光普度

Từ quang phổ độ.

Ánh sáng từ phổ độ.

天龍獻瑞

Thiên long hiến thủy.

Rồng hiến diêm lành.

護明珠

Hộ minh châu.

Minh châu hộ vệ.

德合坤生

Đức hợp Khôn sinh.

Đức hợp Khôn sinh.

光於前

Quang ư tiền.

Sáng ở trước.

垂於後

Thùy ư hậu.

Rủ đến sau.

德其盛

Đức kỳ thịnh.

Đức ấy thịnh.

威肅風雲

Uy tức phong vân.

Gió mây oai nghiêm.

萬德圓彰

Vạn đức viên chương.

Vạn đức sáng đầy.

三有祭胥

Tam hữu tế tư.

Tế tư tam hữu

陳朝顯聖
Trần triều hiển thánh.
Hiển thánh triều Trần.

四恩總報
Tứ ân tổng báo.
Bốn ân đều báo.

揚德建武
Dương đức kiến vũ.
Nêu đức lập uy vũ.

爲百粵祖
Vi Bách Việt tổ.
Là tổ Bách Việt.

桔林植德
Quất lâm thực đức.
Quất lâm trồng đức.

慈雲遍
Từ vân biến.
Mây từ khắp chốn.

顯其光
Hiển kỳ quang.
Tỏ rõ ánh sáng.

涵三極
Hàm tam cực.
Chứa ba cực.
(Trời, đất, người).

洋其上
Dương kỳ thượng.
Mênh mông ở trên.

龍德中正
Long đức trung chính.
Long đức ngay thẳng.

慶雲凝蓋
Khánh vân ngưng cái.
Mây tốt ngưng che.

至教真如
Chí giáo chân như.
Chí giáo chân như.

仁慈廣大
Nhân từ quảng đại.
Nhân từ quảng đại.

慧光照
Tuệ quang chiếu.
Minh mãn chiếu sáng.

氣高星漢
Khí cao tinh hán.
Khí cao ngân hán.

一念即如來
Nhất niệm tức Như lai.
Một niệm tin tức Như lai.

超生淨度
Siêu sinh tịnh độ.
Siêu sinh tịnh độ.

上等累嘉封
Thượng đẳng lũy gia phong.
Nhiều lần gia phong Thượng đẳng

崇祠永典
Sùng từ vĩnh điển.
Đền tôn nghiêm giữ phép.

玉祝太平
Ngọc chúc thái bình.
Ngọc chúc thái bình.

赫濯厥靈
Hách trạc quyết linh.
Linh thiêng chói lọi.

佛日增輝
Phật nhật tăng huy.
Trời, Phật tăng sáng.

太極元氣
Thái cực nguyên khí.
Nguyên khí thái cực.

神又神
Thần hựu thần.
Thần của thần.

望之如雲
Vọng chi như vân.
Ngóng đầy như mây.

聲振波海
Thanh chấn ba hải.
Tiếng dậy biển sóng.

慈仁齋潔
Từ nhân trai khiết.
Nhân từ trinh khiết.

騰雲駕雨
Đằng vân giá vũ.
Đạp mây cưỡi mưa.

萬古江山
Vạn cổ giang sơn.
Non sông muôn thuở.

蓮座生香
Liên tọa sinh hương.
Toà sen sinh hương.

方便門
Phương tiện môn.
Cửa phương tiện.

神格思
Thần cách tư.
Nghĩ theo phong cách thần.

奉先思孝
Phụng tiên tư hiếu.
Phụng dưỡng trước nghĩ hiếu.

護 法 龍 天
Hộ pháp long thiên.
Long thiên hộ pháp.

美 德 遺 風
Mỹ đức di phong.
Đức tốt nếp còn.

大 慈 大 悲
Đại từ đại bi.
Đại từ đại bi.

慧 光 遠 照
Tuệ quang viễn chiếu.
Trí huệ sáng chiếu xa.

濯 濯 厥 靈
Trạc trạc quyết linh.
Linh thiêng lừng lẫy.

正 統 水
Chính thống thủy.
Sông chính thống.

並 受 其 福
Tịnh thụ kỳ phúc.
Cùng nhận được phúc.

萬 古 英 靈
Vạn cổ anh linh.
Anh linh muôn thuở.

善 慈 心
Thiện từ tâm.
Lòng từ thiện.

神 功 莫 測
Thần công mạc trắc.
Thần công khôn lường.

聖 智 巧 功
Thánh trí xảo công.
Khéo công trí thánh.

赫濯聲靈
Hách trạc thanh linh.
Tiếng thiêng lừng lẫy.

慈航普濟
Từ hàng phổ tế.
Thuyền từ cứu giúp.

痛失知音
Thống thất tri âm.
Đau mất tri âm.

教誨銘心
Giáo hối minh tâm.
Lời dạy ghi lòng.

南郊學祖
Nam giao học tổ.
Học tổ Nam Giao.

趙越王祠
Triệu Việt Vương từ.
Đền vua Triệu Việt Vương.

青蓮寺
Thanh Liên tự.
Chùa Thanh Liên.

藏書教子孫
Tàng thư giáo tử tôn
Giữ sách dạy con cháu

玉振金聲
Ngọc chấn kim thanh
Ngọc dội tiếng vàng

滿堂吉慶
Mãn đường cát khánh
Đầy nhà lành vui

劍膽琴心
Kiếm đảm cầm tâm
Gan kiếm lòng đàn

雲 外 山 河

Vân ngoại sơn hàn
Núi sông ngoài mây

德 厚 流 光

Đức hậu lưu quang
Dày đức sáng dài

青 雲 望 重

Thanh vân vọng trọng
Mây xanh vọng trọng

通 雲 門

Thông vân môn
Cửa mây thông

聽 雨 軒

Thính vũ hiên
Hiên nghe mưa

媚 香 樓

My hương lâu
Lầu con gái

福 果

Phúc quả
Quả phúc

萬 家 生 佛

Vạn gia sinh Phật
Phật sống của muôn nhà
(Chùa Ô. Quách, Miền Nam)

聖 德 無 疆

Thánh đức vô cương
Đức thánh vô bờ

浪 青 風 恬

Lãng thanh phong diêm
Sóng xanh gió lặng

功 不 禹 下

Công bất Vũ hạ
Công không dưới vua Vũ

閱 是 堂

Duyệt thị đường

Nhà diễn xuất

(Thành Nội, Huế)

主 處 聖 廟

Chúa xử thánh miếu

Thánh miếu Chúa xử

(Núi Sam, Châu Đốc, An Giang)

岳 降 精 英

Nhạc giáng tinh anh

Thái sơn giáng tinh anh

(Đền Và - Hà Tây)

生 而 爲 英

Sinh nhi vi anh

Sống là tinh anh

(Đền Và - Hà Tây)

南 天 聖 祖

Nam thiên Thánh Tổ

Thánh Tổ trời Nam

(Đền Và - Hà Tây)

南 越 肇 祖

Nam Việt triệu Tổ

Vị Tổ đầu tiên nước Nam Việt

(Đền Hùng - Phú Thọ)

雄 王 陵

Hùng Vương lăng

Lăng vua Hùng

(Đền Hùng - Phú Thọ)

高 山 景 行

Cao sơn cảnh hành

Núi cao đạo lớn

(Đền Hùng - Phú Thọ)

肇 基 王 跡

Triệu cơ vương tích

Di tích đức vua đầu tiên

(Đền Hùng - Phú Thọ)

厥初生民
Quyết sơ sinh dân⁽¹⁾
Lấy dân sinh ra đầu tiên
(Đền Hùng - Phú Thọ)

子孫保之
Tử tôn bảo chi
Con cháu giữ lấy
(Đền Hùng - Phú Thọ)

雄王祖廟
Hùng Vương Tổ miếu
Miếu tổ Hùng Vương
(Đền Hùng - Phú Thọ)

山水金玉
Sơn thủy kim ngọc
Vàng ngọc núi sông
(Đền Hùng - Phú Thọ)

山與天齊
Sơn dữ thiên tề
Núi cao bằng trời
(Đền Và - Hà Tây)

與天地之三
Dữ thiên địa chi tam
Là ba cùng trời đất

萬古英靈
Vạn cổ anh linh
Anh linh muôn thuở

通必以禱
Thông tất dĩ đảo
Cầu đảo tất hanh thông
(Chùa Dương Thanh - Thái Bình)

春滿人間
Xuân mãn nhân gian
Xuân khắp trong dân

⁽¹⁾ Lấy nguyên chữ ở câu đầu bài Sinh dân, Đại Nhã, Kinh Thi.

歡慶豐收

Hoan khánh phong thu

Vui chúc được mùa

(*Nông dân*)

承風破浪

Thừa phong phá lãng

Cưỡi gió lướt sóng

(*Tài sông nước*)

移風易俗

Di phong dịch tục

Đổi nếp đổi tục

(*Văn hóa*)

呼風喚雨

Hô phong hoán vũ

Gọi gió gọi mưa

(*Khí tượng*)

如見大賓

Như kiến đại tân

Như gặp khách quý

(*Cổng làng*)

女中王

Nữ trung vương

Vua trong nữ giới

(*Miếu thờ Công chúa Lê Ngọc Hân*)

繼往開來

Kế vãng khai lai

Kế thừa xưa, mở ra tương lai

賓至如歸

Tân chí như quy

Khách đến như về nhà

(*Cổng làng*)

勤儉持家

Cần kiệm trì gia

Cần kiệm giữ nhà

城 鄉 互 助

Thành hương hỗ trợ
Thành phố quê hương giúp nhau
(Cổng làng)

春 催 桃 李

Xuân thôi đào lý
Xuân dục đào mạn nở
(Tết)

魚 躍 鳶 飛

Như được diên phi
Cá nhảy diều lên
(Dán ở cửa hàng gần hồ lớn)

春 風 醉 我

Xuân phong túy ngã
Gió xuân say ta

任 重 道 遠

Nhậm trọng đạo viễn
Gánh nặng đường xa
(Cổng làng)

登 峰 覽 勝

Đăng phong lãm thắng
Lên đỉnh cao ngắm thắng cảnh
(Cổng làng)

大 地 似 錦

Đại địa tự cẩm
Đất rộng tựa gấm
(Nông trường)

生 意 興 隆

Sinh ý hưng long
Làm ăn thịnh vượng

大 鵬 展 翼

Đại bàng triển dực
Đại bàng tung cánh
(Mừng thi đỗ)

姦紫嫣紅

Xá tử yên hồng
Tía đẹp hồng tươi
(Đán ở ký túc xá nữ)

萬紫千紅

Vạn tử thiên hồng
Muôn tía ngàn hồng

學海泛舟

Học hải phiếm chu
Thuyền bơi trong biển học

萬眾一心

Vạn chúng nhất tâm
Muôn người một lòng

萬眾如一

Vạn chúng như nhất
Muôn người như một

開原節流

Khai nguyên tiết lưu
Mở nguồn, tiết kiệm nước chảy

爲人師表

Vị nhân sư biểu
Bậc thầy của người

英雄輩出

Anh hùng bôn xuất
Anh hùng đời đời đều có

潘平章祠

Phan Bình chương từ
Nhà thờ quan Bình chương họ Phan
(Thờ cụ Phan Huy Chú, Quốc Oai, Hà Tây)

兩國尚書

Lưỡng quốc Thư thượng thư
Thượng thư hai nước
(Thờ cụ Nguyễn Sư Mạnh, Hà Tây)

來者善

Lai giả thiện

Người đến thiện chí

(Cổng làng)

來者遠

Lai giả viễn

Người đến là bạn ở xa⁽¹⁾

(Cổng làng)

約禮門

Ước Lễ môn

Cổng làng Ước Lễ

(Cổng làng)

冠冕

Quan miện

Mũ miện

(Cổng làng, chữ để từ trong làng đi ra)

直行道

Trực hành đạo

Thực hiện đạo một cách thẳng thắn

(Cổng làng Phùng Xá, Hà Tây)

出入亨通

Xuất nhập hanh thông

Ra vào thông thoáng

(Cổng làng Linh Dương, Hà Tây)

登高覽勝

Đăng cao lãm thắng

Lên cao ngắm cảnh đẹp

(Cổng đình làng Chàng, Thái Bình)

梅紋香風

Mai trần hương phong

Mai nở gió thơm

(1) Lấy điển từ thiên Học nhi, sách Luận ngữ: “Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ!”, nghĩa là: Có bạn từ nơi xa đến, chẳng cũng vui sao!

雲步橋

Vân bộ kiều

Cầu Vân bộ

(Vân bộ: Đi trên mây)

通天街

Thông thiên nhai

Đường Thông trời

鳳舞湖

Phượng Vũ hồ

Hồ Phượng Vũ

(Hồ Chim phượng múa)

儼若思

Nghiêm nhưc tư

Nghiêm trang suy nghĩ.

隨緣

Tùy duyên

Tùy duyên

美化公祠門

Mỹ Hóa Công từ môn

Cửa đền Mỹ Hóa Công

舊春楊亭

Cựu Xuân Dương đình

Đình xã Cựu Xuân Dương

祭必齋

Tế tất trai

Tế lễ chay tịnh

龍飛

Long phi

Rồng bay

鳳舞

Phượng vũ

Phượng múa

陳聖祠

Trần thánh từ

Đền đức thánh Trần

延 洪 殿

Diên Hồng điện

Điện Diên Hồng

玉 祖 金 神

Ngọc tổ kim thần

Tổ ngọc thần vàng

護 國 庇 民

Hộ quốc tí dân

Giúp nước cứu dân

瞻 之 在 前

Chiêm chi tại tiền

Ngưỡng mộ như ở trước mặt

如 在 其 上

Như tại kỳ thượng

Thánh như ở trên

浩 氣 長 垂

Hạo khí trường thùy

Anh khí để mãi

威 降 元 寇

Uy hàng Nguyên khấu

Uy hàng giặc Nguyên

親 品 靈 祠

Thân Phẩm linh từ

Đền thiêng Thân Phẩm

功 蓋 南 邦

Công cái Nam bang

Công lao trùm nước Nam

浩 氣 長 存

Hạo khí trường tồn

Anh khí chính đại còn mãi

東 阿 顯 聖

Đông A hiển thánh

Triều Trần hiển thánh

英聲如在

Anh thanh như tại
Tiếng đẹp như còn

弘濟蒼生

Hoàng tế thương sinh
Rộng lòng cứu giúp dân sinh

藤江忠烈

Đằng giang trung liệt
Trung thân tiết liệt sông Bạch Đằng.

藥嶺威靈

Dược lĩnh uy linh
Oai linh núi Dược

瑞太王祠門

Thụy Thái vương từ môn
Cửa đền Thụy Thái vương

忠義威靈

Trung nghĩa uy linh
Trung nghĩa uy nghiêm thiêng liêng

福成寺

Phúc Thành tự
Chùa Phúc Thành

倫常

Luân thường
Phép tắc chính thường

常樂我淨

Thường lạc ngã tịnh
Luôn vui vẻ thì lòng ta trong sạch

慈悲

Từ bi
Từ bi

智慧

Trí tuệ
Trí tuệ

報佛恩德

Bào Phật ân đức

Báo đáp ân đức của Phật

功過果為

Công quá quả vi

Công lao thành quả viên mãn

大証世界

Đại chứng thế giới

Đại Phật giáo độ

歲吉牛

Suối歲吉牛

Phủ Cát đình

(Báo Đại, Mùa Đông 1938, niên hiệu Báo Đại)

Đình Phủ Cát

(Mùa hạ năm Mậu Dần - 1938, niên hiệu Báo Đại)

日月依光

Nguyệt nhật tùy quang

Nhật nguyệt y quang

(Báo Đại tập tằm 13, niên hiệu Báo Đại)

Mặt trời mặt trăng như theo ánh sáng

(Tháng tám, năm thứ 13, niên hiệu Báo Đại - 1938)

山河並壽

Sơn hà đồng thọ

Sơn hà tịnh thọ

(Báo Đại tập tằm 13, niên hiệu Báo Đại)

Núi sông đều thọ

(Tháng tám, năm thứ 13, niên hiệu Báo Đại - 1938)

嘉興王府

Gia Hưng vương phủ

Vương phủ Gia Hưng

隨遇而安

Suối ngộ nhi an

Thuận theo cảnh ngộ an vui

養正園

Đưỡng chính viên

Vườn nuôi dưỡng chính khí

隆 福 寺

Long Phúc tự

Chùa Long Phúc

念 佛 堂 香 流

Niệm Phật đường hương lưu

Nhà niệm Phật như dòng chảy thơm hương

慈 悲 喜 捨

Từ bi hỉ xả

Từ bi vui cho

佛 教 香 流

佛 曆 二 千 五 百 八 年 甲 辰 荷 月

Phật giáo hương lưu

(Phật lịch nhị thiên ngũ bách bát niên Giáp Thìn hà nguyệt)

Giáo lý của Phật như dòng chảy thơm hương

(Tháng Sen năm Giáp Thìn, Phật lịch năm 2508)

功 德 莊 嚴

Công đức trang nghiêm

Công đức nghiêm trang

真 如 是

Chân như thị

Chân thực như lẽ phải

順 化 寺

Thuận Hóa tự

Chùa Thuận Hóa

清 淨

Thanh tịnh

Trong sạch

莊 嚴

Trang nghiêm

Trang trọng nghiêm túc

日 月 無 心

辛 定 癸 亥 年 季 冬

Nhật nguyệt vô tâm

(Khải Định, Quý Hợi niên, quý đông)

Ngày tháng vô lo

(Tháng 12, năm Quý Hợi (1923) niên hiệu Khải Định)

正氣

Chính khí

Chính khí

忠義之則

Trung nghĩa chi tắc

Phép tắc của lòng trung nghĩa

顯聖靈

成泰丁未季夏吉日

Hiển thánh linh

(Thành Thái, Đinh Mùi quý hạ cát nhật)

Hiển hiện sự linh thiêng của bậc thánh

(Ngày lành tháng 6, năm Đinh Mùi, niên hiệu Thành Thái (1907))

乾坤正氣

辛酉年孟春吉日

Càn khôn chính khí

(Tân Dậu niên, mạp xuân cát nhật)

Chính khí của trời đất

(Ngày lành tháng giêng năm Tân Dậu - 1921)

居廣居

Cư quảng cư

Ở nơi đất rộng rãi

題關公祠

嗣德庚戌

Đề Quan Công từ

(Tự Đức, Canh Tuất)

Đề ở đền Quan Công

(Năm Canh Tuất, niên hiệu Tự Đức (1850))

宜國公祠

敕賜保大孟夏吉日

Nghi Quốc Công từ

(Sắc tứ - Bảo Đại mạp hạ cát nhật)

Đền thờ Nghi Quốc Công

(Sắc vua ban - ngày lành, tháng tư, niên hiệu Bảo Đại)

建祥公府

Kiến Tường công phủ

Phủ Kiến Tường Công

福 慧 寺

敕賜同慶丁亥九月吉日告保大十五年冬

Phúc Tuệ từ

(Sắc từ - Đồng Khánh, Đinh Hợi cứu nguyệt cát nhật cáo.

Bảo Đại thập ngũ niên đông)

Chùa Phúc Tuê

(Sắc vua ban - ngày lành, tháng 9, năm Đinh Hợi niên hiệu Đồng Khánh - 18,

mùa đông năm thứ 15, niên hiệu Bảo Đại - 1940)

綏 理 郡 公 祠

保大二年二月吉日造

Tuy Lý Quận công từ

(Bảo Đại nhị niên, nhị nguyệt, cát nhật tạo)

Đền thờ Quận công Tuy Lý

(Ngày lành tháng 2, năm thứ 2, niên hiệu Bảo Đại (1927) tạo dựng)

朱 門 祠

Chu Môn từ

Đền Chu Môn

怡 然 堂

Di nhiên đường

Nhà thành thời

(Vườn Ngự uyển, Huế)

永 芳 軒

Vĩnh phương hiên

Hiên đón hương

(Vườn Ngự uyển, Huế)

錦 春 堂

Cẩm xuân đường

Nhà đón xuân

(Vườn Ngự uyển, Huế)

含 春 軒

Hàm xuân hiên

Hiên gửi xuân

(Vườn Ngự uyển, Huế)

滴 翠 山

Trích thủy sơn

Núi Trích thủy

(Vườn Ngự uyển, Huế)

仁聲八表

Nhân thanh bát biểu
Tiếng nhân tám hướng
(Vườn Ngự uyển, Huế)

太平樓

Thái bình lâu
Lầu Thái bình
(Vườn Ngự uyển, Huế)

涼亭釣魚

Lương đình điếu ngư
Đình mát câu cá
(Vườn Ngự uyển, Huế)

澄光榭

Trùng quang tạ
Nhà mát Trùng quang
(Vườn Ngự uyển, Huế)

正清和

Chính thanh hòa
Chính đại trong sáng hòa nhã

中興功臣祠

Trung hưng công thần từ
Đền thờ công thần Trung hưng
(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

北南勳烈

Bắc Nam huân liệt
Nổi tiếng Bắc Nam
(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

簪纓易世

Trâm anh dịch thế
Đời đời dòng dõi trâm anh
(Tứ đường thờ Nguyễn Tú ở xã Phương Đẽ, huyện Trục Ninh, Nam Định)

衣鉢傳家

Y bát truyền gia
Nếp nhà nối đời theo đạo Phật
(Tứ đường thờ Nguyễn Tú ở xã Phương Đẽ, huyện Trục Ninh, Nam Định)

風輝萬嗣

Phong huy vạn tự

Phong tục, đạo đức tốt được phát huy, muôn đời được tôn thờ
(Đình Chương Dương, huyện Thường Tín, Hà Tây)

商衡周宰

Thương Hành Chu Tế

Đức lớn như quan A Hành nhà Thương, quan Tế Phụ nhà Chu
(Đình Chương Dương, huyện Thường Tín, Hà Tây)

萬古江山

Vạn cổ giang sơn

Núi sông muôn đời bền vững
(Đình Chương Dương, huyện Thường Tín, Hà Tây)

山河並壽

Sơn hà tịnh thọ

Sông núi cùng tồn tại mãi mãi
(Cửa chùa Long Vân, Hà Tây)

南國尊師

Nam quốc tôn sư

Bậc thầy tôn kính nước Nam
(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan)

流光殿

Lưu Quang điện

Điện Lưu Quang

(Điện thờ Chu Văn An ở thôn Vĩnh Lộc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

朱公祠

Chu Công từ

Đền thờ Chu Công

(Đền thờ Chu Văn An ở thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

南國儒尊

Nam quốc Nho tôn

Bậc Nho tôn nước Nam

(Đền thờ Chu Văn An ở thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

誠必應

Thành tất ứng

Lòng thành tất cảm ứng

光 彩 生

保 大 二 十 年 孟 夏 之 月

Quang thái sinh

(Bảo Đại nhị thập niên mạn hạ chi nguyệt)

Vẻ sáng sinh ra

(Bảo Đại năm thứ 20 tháng đầu mùa hạ)

瑞 氣 臨

Thụy khí lâm

Khí lành tụ lại

坤 德 長 垂

Khôn đức trường thùy

Đức quẻ Khôn rủ mãi

萬 德 圓 彰

Vạn đức viên chương

Vạn đức vẹn tròn rực rỡ

玉 簡 流 芳

Ngọc giản lưu phương

Giản ngọc tuôn thơm

立 於 世 道

Lập ư thế đạo

Đứng vững làm thế đạo

慈 雲 有 彩

Từ vân hữu thái

Mây từ đẹp vẻ

瓊 闕 珠 宮

Quỳnh khuyết châu cung

Cung khuyết châu ngọc

光 千 萬 德

Quang thiên vạn đức

Đức sáng muôn vàn

忠 聲 義 烈

Trung thanh nghĩa liệt

Trung thành, danh tiếng, nghĩa liệt

月 容 光

Nguyệt dung quang
Mặt trăng tỏa sáng

妙 殊 月

Diệu thù nguyệt
Trăng chiếu diệu huyền

西 湖 顯 跡

Tây Hồ hiển tích
Hiện tích Tây Hồ
(Phủ Tây Hồ, Hà Nội)

萬 物 同 春

Vạn vật đồng xuân
Muôn vật đều xuân

追 念 前 仁

啓 定 甲 子 冬
Truy niệm tiền nhân
(Khải Định Giáp Tý đông)
Nhớ mãi người xưa
(Mùa đông năm Khải Định Giáp Tý)

常 樂 我 淨

皇 朝 成 泰
Thường lạc ngã tịnh
(Hoàng triều Thành Thái)
Thường vui vì ta trong sạch
(Triều vua Thành Thái)

默 運 神 機

Mặc vận thần cơ
Lặng lẽ vận hành máy thần

多 聞 第 壹

Đa văn đệ nhất
Đứng đầu là lắng nghe

霑 俱 潔

Chiêm câu khiết
Thấm đậm sự thanh khiết

入 萬 人 家

Nhập vạn nhân gia

Vào tới vạn nhà

具 享 松 壽

Cụ hưởng tùng thọ

Hưởng thọ như cây tùng

聖 德 難 名

Thánh đức nan danh

Đức thánh khó gọi tên

忠 孝 傳 家

Trung hiếu truyền gia

Trung hiếu gia truyền

莫 量 測

Mạc lượng trắc

Không sao lường được

眾 妙 門

Chung diệu môn

Cửa vào cõi huyền diệu

立 功 不 朽

Lập công bất hủ

Lập công còn mãi

弘 開 教 習

Hoàng khai giáo tập

Mở rộng dạy và học

思 不 忘

Tư bất vong

Nhớ mãi không quên

節 義 成 雙

保 大 丁 丑 夏 旬 齋 拜 進

Tiết nghĩa thành song

(Bảo Đại Đình Sửu hạ Tuần Phiên bài tiến)

Tiết nghĩa thành đôi

(Nam Bảo Đại Đình Sửu, mùa hạ, Tuần Phiên bài tiến)

萬古英風

Vạn cổ anh phong

Gió lành vạn thuở

萬福攸同

Vạn phúc du đồng

Vạn phúc cùng tới

善最樂

Thiện tối lạc

Lòng lành thì rất vui

根深源遠

Căn thâm nguyên viễn

Xa nguồn sâu rễ

配天其澤

啓定己未秋

Phối thiên kỳ trạch

(Khải Định Kỷ Mùi thu)

Ơn trạch lớn sánh với trời

(Mùa thu năm Khải Định Kỷ Mùi)

本乎祖

甲戌春

Bản hồ tổ

(Giáp Tuất xuân)

Gốc từ cụ tổ

(Mùa xuân năm Giáp Tuất)

積善餘慶

Tích thiện dư khương

Tích thiện, phúc lộc có thừa

自天降康

Tự thiên giáng khang

Trời giáng an khang

善同歸

Thiện đồng quy

Việc thiện cùng quy về đây

忠 義 昭 彰

Trung nghĩa chiêu chương

Lòng trung nghĩa sáng rực

慈 航 普 渡

Từ hàng phổ độ

Bè từ chở khắp

萬 祿 富 強

Vạn lộc phú cường

Giàu mạnh muôn lộc

天 地 合 德

Thiên địa hợp đức

Trời đất hợp đức

德 行 千 古

Đức hạnh thiên cổ

Đức hạnh thiên cổ

致 坤 哉

Trí Khôn tai

Đức mẹ cao vời

恩 光 永 頌

Ân quang vĩnh tụng

Ân quang ca tụng mãi

大 德 敦 化

維 新 壬 子 秋 恭 進

Đại đức đồn hóa

(Duy Tân Nhâm Tý thu cung tiến)

Đức lớn giáo hóa

(Cung tiến mùa thu năm Duy Tân Nhâm Tý)

源 遠 流 長

Nguyên viễn lưu trường

Nguồn xa dòng không cạn

蘭 室 生 香

保 大 壬 午 春

Lan thất sinh hương

(Bảo Đại Nhâm Ngọ xuân)

Nhà lan sinh hương
(Mùa xuân năm Bảo Đại Nhâm Ngọ)

根深枝茂
Căn thâm chi mậu
Rễ sâu cành tốt

配彼天
成泰癸卯冬文會同拜進
Phối bĩ thiên
(Thành Thái Quý Mão đông, Văn hội đông bái tiến)
Phối sánh với trời cao
(Văn hội cùng bái tiến mùa đông năm Thành Thái Quý Mão)

博施濟眾
保大丁卯冬
Bác thí tế chúng
(Bảo Đại Đinh Mão đông)
Thi ơn rộng rãi, cứu độ muôn loài
(Mùa đông năm Bảo Đại Đinh Mão)

一刻千金
Nhất khắc thiên kim
Một khắc nghìn vàng

萬象更新
Vạn tượng canh tân
Vạn cảnh đổi mới

天順人和
Thiên thuận nhân hòa
Trời thuận người hòa

Phần II

CÂU ĐỐI CHỮ NÔM

句對字喃



Đôi câu đối bằng chữ Nôm ở lăng Vua Hùng,
(Đền Hùng, Phú Thọ)

Lăng tám tư năm nào, hai Tấc, sông Đà nước chảy vẫn quy về đất Tổ
Văn minh đương buổi mới, con Hùng - con Lạc, giống dõi còn buổi nhà mà Ông

教養人才薈淹闕祿節
占怙民計坦諾萬芷春

Giáo dưỡng nhân tài, non sông muôn lộc Tết;
Chăm lo dân kế, đất nước vạn nhánh xuân.

泝禮幅貞春坦諾闕紅千紫
增烱穹景節薈淹森色萬年

Lộng lẫy bức tranh xuân, đất nước muôn hồng ngàn tía;
Tưng bừng khung cảnh Tết, non sông trăm sắc vạn màu,

逃舫占怙產出經盈窖了儉勤,逃舫節
罟務磊撝餒桎捫生能周到罟務春

Quanh năm chăm sản xuất, kinh doanh, khéo léo, kiệm cần,
quanh năm Tết;

Bốn mùa giỏi chăn nuôi, trồng trọt, siêng năng, chu đáo,
bốn mùa xuân.

學丐買收條初共爰跣文明現代
除奸貪摳敝難決待踈落後贛難

Học cái mới, nhớ điều xưa, cùng vươn tới văn minh hiện đại;
Trừ gian tham, xua tệ nạn, quyết đẩy lùi lạc hậu nghèo nàn.

崗曠淹戔准准鞞花飽會贇
民霸諾孟暝暝通牒報信春

Núi rộng, sông dài, chốn chốn cỏ hoa vào hội mới;
Dân giàu, nước mạnh, ngày ngày thông điệp báo tin xuân.

吨呂春術坦諾迤嘲時掛贇
惆愜節璵薈淹歡喜暝庚新

Rộn rã xuân về, đất nước đón chào thời đổi mới;
Mừng vui tết đến, non sông hoan hỉ buổi canh tân.

挫義翯於茂局戰鬥空踈沒跢
裊志高飽陣跢長征庄管堆躑

Mang nghĩa lớn ở đời cuộc chiến đấu không lùi một bước;
Lấy chí cao vào trận, bước trường chinh chẳng quản đôi chân.

重德貴才坦諾惆愜飽會贇
牒文孟武薈淹鮮創烱胥初

Trọng đức quý tài, đất nước mừng vui vào hội mới;
Đẹp văn mạnh võ, non sông tươi sáng rạng ngàn xưa.

勝跡名藍矚景強朕坦諾
奇山秀水吼憑決與嶽淹

Thắng tích danh lam, ngắm cảnh càng yêu đất nước;
Kỳ Sơn tú thủy, nhủ lòng quyết giữ non sông.

忠貞諾睜獨立自由奄捨身為諾
孝貞民底塵餽幸福強駕力為民

Trung với nước, giành độc lập tự do đã xả thân vì nước;
Hiếu với dân, để ấm no hạnh phúc càng dốc sức vì dân.

造節盡用時機準備行妝進跳
朔春越過試喊產床氣勢移蓮

Đón Tết, tận dụng thời cơ, chuẩn bị hành trang tiến bước;
Mừng Xuân, vượt qua thử thách, sẵn sàng khí thế đi lên.

浦飽景節增烱飈從古潭沱情坦諾
廊翺會春閨喋曲民歌遞城義主鄉

Phố vào cảnh Tết từng bừng, vở tuồng cổ đậm đà tình đất nước;
Làng mở hội Xuân nhộn nhịp, khúc dân ca dào dạt nghĩa quê hương.

虧飭記汝功恩黨
閨課節悃德博胡

Ngàn năm ghi nhớ công ơn Đảng
Muôn thuở nào quên đức Bác Hồ

功德虧飭記碑砂
傳統閨蓂忤心肝

Công đức ngàn năm ghi bia đá
Truyền thống muôn đời tạc tâm can

幸福自由留閨課
共和社會凭虧飭

Hạnh phúc tự do lưu muôn thuở
Cộng hoà xã hội vững ngàn năm

民族移蓮寄諾增烱會飭
賢才發展閨茄歡喜造春

Dân tộc đi lên, cả nước từng bừng hội mới;
Hiên tài phát triển, muôn nhà hoan hỷ đón xuân.

綽固道固情春闈課順情廊義諾
恆爲仁爲義節紆數和意黨悉民

Sống có đạo, có tình, Xuân muôn thuở thuận tình làng nghĩa nước;
Vui vì nhân vì nghĩa, Tết bên lâu hòa ý Đảng lòng dân.

祖國余岸春史潭印燭勢諾
江山闕萬節花簷煩咯恩馭

Tổ quốc mấy ngàn Xuân, sử đậm in ngời thế Nước;
Giang sơn muôn vạn Tết, hoa thơm toả ngát ơn Người.

文化高學術化高互力拒高民智
世紀買千年紀買喝悉掛買思惟

Văn hóa cao, học thuật hóa cao, gắng sức nâng cao dân trí;
Thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, hết lòng đổi mới tư duy.

干部與甯正廉奮斗犧牲民幸福乙紆裕菴
人民恆勾勤儉悃命勞動諾繁榮罍自阮源

Cán bộ giữ chữ chính liêm, phấn đấu hy sinh, dân hạnh phúc ắt
bên góc rể;

Nhân dân nhớ câu cần kiệm, quên mình lao động, nước phồn vinh là
tự ngọn nguồn.

猓招草賢煒德前人淵孝義
翁婆卯墨創悉後世攝人慈

Con cháu thảo hiền, rạng đức tiền nhân dòng hiếu nghĩa;
Ông bà mẫu mực, sáng lòng hậu thế nếp nhân từ.

坦諾賈茹終坦越撐臍核獨立
人民坪朦凭歪南燦爛燦文明

Đất nước mái nhà chung, đất Việt xanh tươi xây độc lập;
Nhân dân nền móng vững, trời Nam sán lạn ắt vinh.

坦恆曠塘春搽劫稚頑嗟幸福
圭鄉惘茂醺佳才媽担掙將來

Đất vui rộng đường xuân già khoẻ trẻ ngoan xây hạnh phúc;
Quê hương mừng đời mới trai tài gái đảm dựng tương lai.

迤春邇挾滌奸貪與凭紀綱除國難
惘節璣嗟紆仁義尊高道理重家風

Đón xuân sang, quét sạch gian tham, giữ vững kỷ cương trừ quốc nạn;
Mừng tết đến, xây bên nhân nghĩa, tôn cao đạo lý trọng gia phong.

咁濁啓沖泣裊圭鄉撐滌羶
啲才斗力每纏坦諾孟朝慍

Gạn đục khơi trong, khắp nẻo quê hương xanh sạch đẹp;
Đua tài đấu sức mọi miền đất nước mạnh giàu vui.

局綦晷每高跳罌塘睭裙襖年羶如貞節
民生舛每可移泣裊認時妝悉慍似花春

Cuộc sống ngày mỗi cao, bước ra đường ngắm quần áo màu đẹp như
tranh tết;

Dân sinh năm mỗi khá, đi khắp nẻo nhìn thời trang lòng vui tựa
hoa xuân.

萬琰浮沙培歷史
惆春坦諾屯迎張

Vạn dặm phù sa bồi lịch sử
Mừng xuân đất nước đã sang trang.

與傳統文明作胞終情忠貝諾
嗟家風清歷記悉終義孝貝民

Giữ truyền thống văn minh, tạc dạ trọn tình trung với nước;
Xây gia phong thanh lịch, ghi lòng trọn nghĩa hiếu với dân.

職高志強高常穿休有養生唯世局論人情惺廉
正勸只後世

耿擬心庄擬古注修身積德滅內侵除國難符孝
忠學習前人

Tuổi cao chí càng cao, thường xuyên thể dục dưỡng sinh, đôi thế cục,
luận nhân tình, nét liêm chính khuyên răn hậu thế;
Người nghĩ tâm chẳng nghĩ, chăm chú tu thân tích đức, diệt nội xâm,
trừ quốc nạn, chữ hiếu trung học tập tiên nhân.

運諾當運多方化多樣化邦交歪自主揚高旗獨立
力民屯劫發展高發揮高內力坦人和造凭勢繁榮

Vận nước đang lên, đa phương hóa, đa dạng hóa bang giao, trời tự
chủ giường cao cờ độc lập;

Sức dân đã khoẻ, phát triển cao, phát huy cao nội lực, đất nhân hòa
tạo vững thế phồn vinh.

初軒昂踴鏢鵬銅戰功緩接戰功袒泖赭綽垓獨立
盼凭豸肝鑽腋玉潛力增強潛力抗悉崙繼景圭鄉

Xưa hiên ngang chân sắt vai đồng, chiến công nối tiếp chiến công, lấy
máu đỏ thêu nền độc lập;

Nay vững trải gan vàng dạ ngọc, tiềm lực tăng cường tiềm lực, đem
lòng son dệt cảnh quê hương.

咄風波物樹移輪崙瑟沒悉忠貝黨

油涿逾嶽癘渡泔技矜鑽終腋孝貝民

Dẫu phong ba vật đổi sao dời, luôn son sắt một lòng trung với Đảng;

Dẫu sóng gió non mòn biển cạn, vẫn đá vàng trọn dạ hiếu với dân.

叱辭世紀紅進勝敵禍天災坦諾凭傍過試通

嘲述千年紀融矇天時地利全民奮振造時機

Giã từ thế kỷ hai mươi, thắng địch họa, thiên tai, đất nước vững
vàng qua thử thách;

Chào đón thiên niên kỷ mới, mong thiên thời địa lợi, toàn dân phấn
chấn tạo thời cơ.

英俺和順混招同心相愛相親嗟家庭坪攝

達鄰結團軍民一致全心全意捍社會紀綱

Anh em hòa thuận, con cháu đồng tâm, tương ái tương thân,
xây gia đình nên nếp;

Trên dưới kết đoàn, quân dân nhất trí, toàn tâm toàn ý,
dựng xã hội kỷ cương.

場高曠站康妝知識艱芒力劫增強村茆罕務慍如節

電創坪塘黦麟文明和入留通發展狃洞述齟難似春

Trường cao rộng, trạm khang trang, tri thức mở mang sức khỏe
tăng cường, thôn xóm bốn mùa vui như Tết;

Điện sáng bừng, đường mở rộng, văn minh hòa nhập lưu thông
phát triển, ruộng đồng quanh năm đẹp tựa Xuân.

樣仁義揜扯調朱齟胸梗臆蘿碧

園情傷嗟搭宰底率茆果旭花黃

Cây nhân nghĩa vun xới đều, cho năm tháng cảnh tươi lá biếc;

Vườn tình thương xây đắp tốt, để suốt đời quả ngọt hoa thơm.

揜握慍難睇初襖仁心裕

拌抹役宰茆貯重道畧坪

Giữ gìn nét đẹp ngày xưa, lấy nhân làm gốc;

Trau dồi việc tốt đời nay, trọng đạo là nền.

終力穡稼堪紆凭繁榮坦浩
順悉黻螭與難鮮傳統家庭

Chung sức trẻ già xây bền vững phồn vinh đất nước;
Thuận lòng chồng vợ, giữ đẹp tươi truyền thống gia đình.

積智積仁柴吡咿咿呖空管辱因沒悉爲混稚
燭德燭才徒學文學禮庄泥艱苦決志苜蓿初

Tích trí, tích nhân, thầy dạy chữ, dạy người không quản nhọc nhằn,
một lòng vì con trẻ;

Rèn đức, rèn tài, trò học văn, học lễ, chẳng nề gian khó,
quyết chí nối nghiệp xưa.

鳩固組呖固宗茂發展空涓垤民族
諾固源棧固檜蚌文明強妝裕種肉

Chim có tổ, người có tông, đời phát triển không quên nền dân tộc;
Nước có nguồn, cây có cội, sống văn minh càng nhớ gốc giống nòi.

嘆孟平人民綽丕拉渡
決誓共淹芮女諾鱗茄

Gi mạnh bằng nhân dân, vá trời lấp biển
Quyết thề cùng sông núi, nợ nước thù nhà

家庭舛宰婦女匹擔當決沒腋媽佳稼稚
政府罽點解放舛條件伶仍啞鋼錢瑟崙

Gia đình năm tốt, phụ nữ ba đảm đang, quyết một dạ gái trai già trẻ;
Chính phủ bốn điểm, giải phóng năm điều kiện, rành những lời gang
thép sắt son.

忠貝黨孝貝民任務弔共完成苦巾弔共越戈几鱗
弔共打得勝

罽黷塘婁接北佳英雄噤熱血媽忠厚輪擔當逞舛
州纏與和平

Trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó
khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh được thắng;
Trước mở đường, sau tiếp bước, trai anh hùng vang nhiệt huyết, gái
trung hậu luôn đảm đang, sánh năm châu gìn giữ hòa bình.

奇諾憫春城市農村紅色曠
全民慍節芮棱洞浚繡牟花

Cả nước mừng xuân, thành thị nông thôn hồng sắc nắng;
Toàn dân vui tết, núi rừng đồng biển thắm màu hoa.

托高程度坪功德
關麟機開役奉吟

Nâng cao trình độ nền công đức;
Mở rộng cơ khai việc phụng thờ.

坦希雄重義威風徐忠勇凍爰駱劫
丕諾越親情創呼鱸德才蜂吡飭春

Đất vua Hùng trọng nghĩa oai phong, thờ trung dũng Gióng vườn mình khỏe;
Trời nước Việt thân tình sáng suốt, chuộng đức tài rồng dậy sức xuân.

坦諾包春麟闡乾坤歐亞東西述伴投資春坦諾
圭鄉掛骷通源造化電塘場站終牺塏捍骷圭鄉

Đất nước vào xuân, rộng cửa càn khôn, Âu á Đông Tây
đón bạn đầu tư xuân đất nước;

Quê hương đổi mới, thông nguồn tạo hóa, điện đường trường trạm
chung tay xây dựng mới quê hương.

道義墟翽沖固祖固先念珍重認術過去
文明燭燭燭爲琨爲詔趾憑平向細將來

Đạo nghĩa rọi gương trong có tổ có tiên, niềm trân trọng nhìn về quá khứ;
Văn minh soi đuốc sáng, vì con vì cháu, bước vững vàng bước tới tương lai.

欣甦邇春過固黨引唐民族越仰頭拱眾爰
外舫森秋意伯胡指躡諾嶽雄燄栖貝舫州

Hơn bảy chục xuân qua, có Đảng dẫn đường, dân tộc Việt ngẩng đầu
cùng bốn biển;

Ngoại năm lâm thu ấy, Bác Hồ chỉ lối, nước non Hồng rạng mặt
với năm châu.

搗闡世界同情拏技藝底沫滋公益
掛骷全民終飭拱施啣穢芳安人才

Mở cửa, thế giới đồng tình, góp kỹ nghệ để dồi dào công ích;
Đổi mới, toàn dân chung sức, cùng thi đua nên nảy nở nhân tài.

嶽淹統一坦諾和平霸仁義懞文明翽卯哪躡丕伯
祖國光榮家庭幸福燭良心韻道德孝忠侍援情民

Non sông thống nhất, đất nước hòa bình, giàu nhân nghĩa, đẹp văn
minh, gương mẫu vâng theo lời Bác;

Tổ Quốc quang vinh, gia đình hạnh phúc, sáng lương tâm, tròn đạo
đức, hiếu trung giữ vẹn tình dân.

初襖旆旗桃滅強暴掙嶽淹事業豪雄民偉大
 尼蹟銅駝鏖勝侵陵塹獨立功勞偉大黨前鋒
 Xưa áo vái cờ đào, diệt cường bạo, dựng non sông, sự nghiệp hào
 hùng dân vĩ đại;

Nay chân đồng vai sắt, thắng xâm lăng, xây độc lập, công lao vĩ đại
 Đảng tiên phong.

紀元春每精花調發露拾份建設主鄉
 大會尙歌才德得進身終飭振興坦諾
 Kỷ nguyên xuân, mọi tinh hoa đều phát lộ, góp phần kiến thiết quê hương;
 Đại hội chín, người tài đức được tiến thân, chung sức chấn hưng đất nước.

祖國增輝會融浩跡唐移牒逞閱方佳調祉
 尚淹紆憑垤誓崇文尚武堞拱萬課曲歌春
 Tổ quốc tăng bừng hội mới, nước bước đường đi, vai sánh
 muôn phương giai điệu trẻ;

Núi sông bền vững nền xưa, sừng văn thượng võ, nhịp cùng
 vạn thuở khúc ca xuân.

卅進辭安戩葩亭黠肱款包觥罌渡
 點尙轅鑠悉祖國院燦紅爐燦甌州
 Ba mươi năm an giặc Ba Đình, trái tim lớn bao quanh bốn biển;
 Bảy chín tuổi nặng lòng Tổ Quốc, ngọn đuốc hồng rực sáng năm châu.

頓春坦諾安花爛闌清平摠毒害爲孟霸爰細
 惻諾圭鄉掛融啓源勤儉滅奸貪叔饒饒進蓮
 Đón xuân đất nước nở hoa, mở cửa thanh bình, xua độc hại,
 vì mạnh giàu vươn tới;
 Mừng nước quê hương đổi mới, khơi nguồn cần kiệm, diệt gian tham,
 xoá nghèo đói tiến lên.

盃節青平願薦飭塹圭鄉霸懽
 霸春鮮禧助點蘇朱嶽諾錦花
 Vui tết thanh bình, nguyện dốc sức xây quê hương giàu đẹp;
 Giàu xuân tươi thắm, gắng điểm tô cho non nước gấm hoa.

攄饒懽垤恆節筵廊溫革命
 電燭創鐸頓春襟袂妝伯胡
 Máy nổ vang đồng, vui tết xóm làng ôn cách mạng;
 Điện soi sáng ngõ, đón xuân già trẻ nhớ Bác Hồ.

坦矮鼎垌馮吟徐砭昆諾鼎
核嫩碧祿怯株待乳細稷青

Đất ải trắng đồng, mở luống chờ bươm con nước trắng;
Cây non biếc lộc, khép chồi đợi nhú tí mầm xanh.

脛幅帳春搭脹鵲羆應意媾
題句對節芳艷稽卒懾情軼

Vẽ bức tranh xuân: lợn béo gà to ưng ý vợ;
Đề câu đối tết: khoai sai lúa tốt đẹp tình chồng.

稽蹇牟臍垌舩每沔當掛買
花澄色穠圭鄉闐裊頓惘春

Lúa trái màu xanh, đồng ruộng mọi miền đương đổi mới;
Hoa dâng sắc thắm, quê hương muôn nẻo đón mừng xuân.

爭獨立自由沒緋徽淹盃統一
蓮主義社會仁沔坦諾難將來

Giành độc lập tự do, một giải non sông vui thống nhất;
Lên chủ nghĩa xã hội, hai miền đất nước đẹp tương lai.

民族英雄合飭勝連仁帝國
徽淹錦紉終牺塏捋沒基圖

Dân tộc anh hùng, hợp sức thắng liên hai đế quốc;
Non sông gấm vóc, chung tay xây dựng một cơ đồ.

長山崗高長沙島馳自低跣帝坦墜些闐課援全
茄牟摆麟諒山棱駱外北鍾南徽諾闕肝農統一

Trường Sơn núi cao, Trường Sa đảo nhỏ, từ đây tới đó,
đất đai ta muôn thuở vẹn toàn;

Cà Mau bãi rộng, Lạng Sơn rừng dày, ngoài Bắc trong Nam,
non nước cũ ngàn đời thống nhất.

世界尚和平院燿甬州煖熱迤
家庭愜幸福花春闐朵叻噉葵

Thế giới chuộng hòa bình, ngọn đuốc năm châu nồng nhiệt đón;
Gia đình vui hạnh phúc, hoa xuân muôn đóa ngọt ngào thơm.

幸福家庭猓草媾賢孝敬順和坪攝正
榮光社會民信黨愜儉勤廉正舩薊沖

Hạnh phúc gia đình: con thảo, vợ hiền, hiếu kính thuận hoà, nên nếp chính;

Vinh quang xã hội: dân tin, Đảng cậy, kiệm cần liêm chính, tấm gương trong

英棚春舡諾鵠歪泝浚動牌歌海島
媵頓節祿梭花崗蘿梭飛啗咭邊疆

Anh mừng xuân: cá nước chim trời, sóng biển động bài ca hải đảo;

Em đón tết: lộc cây hoa núi, lá rừng bay tiếng hát biên cương.

節珥影買嘲哈揲咭增烱茄文化
春邇行恆景懌旗跡焠炤襟通信

Tết đến: phim mới, chèo hay, múa hát tung bừng nhà văn hóa;

Xuân sang: hàng vui, cảnh đẹp, cò bằng rục rờ cụm thông tin.

頓節篋靈電創唐通夏倘舖坊立吏紀綱
棚春焠炤花鮮軀瀝茄盃廊蔭繡情團結

Đón tết, lung linh điện sáng, đường thông, hè thoáng,
phố phường lập lại kỷ cương

Mừng xuân, rục rờ hoa tươi, ngõ sạch, nhà vui,
làng xóm thắm tình đoàn kết.

核德園人准准擠桷髡萬節
昆賢招草茄茄垓揅福闡辭

Cây đức vườn nhân, chốn chốn vun trồng xanh vạn tết.

Con hiền cháu thảo, nhà nhà gây dựng phúc muôn năm.

棚春掘孟深耕能率爰蓮欣計劃
盃節增強管理精神捉細遜指標

Mừng xuân đầy mạnh thâm canh, năng suất vươn lên hơn kế hoạch;

Vui tết tăng cường quản lý, tinh thần xốc tới vượt chỉ tiêu.

盃節決空底耦梭概蹉
棚春跽𠂇朱魯卒蘆彪

Vui tết, quyết không để mạ già cấy chậm;
Mừng xuân, gắng làm cho lúa tốt bèo nhiều.

細券產稽髡姊農民施擲棚轆黨
廠𠂇歌揅趙英工人產出懌悉民

Ruộng khoán sản lúa xanh, chị nông dân thi đua mừng tuổi Đảng;

Xưởng ba ca máy chạy, anh công nhân sản xuất đẹp lòng dân.

嗽拔嗽不擇跽病品質
自批自撕惆樹買思惟

Dám nghĩ, dám làm, chống xói mòn phẩm chất;
Tự phê, tự sửa, mừng đổi mới tư duy.

民罌裕裕固卒蘿梗買卒
諾固源源席沖淹瀝拱沖

Dân là gốc, gốc có tốt lá cành mới tốt;
Nước có nguồn, nguồn mà trong sông lạch cũng trong.

盃節獨立自由闕課忤恩歌指蹠
惆春和平統一沒念信想黨迄唐

Vui tết độc lập tự do, muôn thuở nhớ ơn Người chỉ lối;
Mừng xuân hoà bình thống nhất, một niềm tin tưởng Đảng đưa đường.

坦諾惆春春祉買
家庭頓福福賤婁

Đất nước mừng xuân, xuân trẻ mãi;
Gia đình đón phúc, phúc dài lâu.

柴咤磊徒學憾盃節不蹠啞伯咤
學屯哈行吏卒惆春忤畬役場交

Thầy dạy giỏi, trò học chăm, vui tết làm theo lời Bác dạy;
Học đã hay, hành lại tốt, mừng xuân nhớ trọn việc trường giao.

傳見識引文章向業造才能為利益森辭哪啞伯
練語言溫道理改革煉意志尊師闕課忤功柴

Truyền kiến thức, dẫn văn chương, hướng nghiệp tạo tài năng,
vì lợi ích trăm năm vâng lời Bác;

Luyện ngữ ngôn, ôn đạo lý, cải cách rèn ý chí,
chữ tôn sư muôn thuở nhớ công thầy.

划余俺奸穉筆拯掖弓挽耜
退包饒道昆船輪憑裡兢帆

Đâm máy thẳng gian, ngòi bút chẳng bẻ cong uốn vẹo;
Chở bao nhiêu đạo, con thuyền luôn vững lái căng buồm.

嬉跡踏迎匹帝國
梃鹵擇憑沒基圖

Giày vải đạp nghiêng ba đế quốc;
Gậy song chống vững một cơ đồ.

坦越鐸志英雄祖國記功如渡奇
 淹蒲叢名烈士人民忤腋似嶽高
 Đất Việt ngời chí anh hùng, Tổ Quốc ghi công như biển cả;
 Sông Bồ sáng danh liệt sĩ, nhân dân tạc dạ tựa non cao.

恩諾埒蓬革命堪穢坪自主
 福茹厚待和平立吏闡榮光
 Ôn nước đi lên, cách mạng xây nên nền tự chủ;
 Phúc nhà hậu đãi, hoà bình lập lại cửa vinh quang.

罽肝辭諾驕當局樹猷旗寔業艱新民義鬢轡沒掇
 江山竭固彪躋惘拱屯
 耘進轆身搽包番險阻志愚公魂精衛疔疽瘰蚌哂
 霄遷蚕雖捩腴沕群絳

Bốn nghìn năm nước cũ, đương cuộc đổi thay, cò thực nghiệp, trồng tân dân, may mắn sao một gánh giang sơn, rết có nhiều chân, mừng cũng đã; Sáu mươi tuổi thân già, bao phen hiểm trở, chí Ngu công hỏn tinh vệ, đau đớn nhẽ nửa đêm mưa gió, tầm tụy rút ruột vẫn còn vương.

(Câu đối Bạch Thái Bưởi viếng Phan Chu Trinh)

黨黨害無情忝兜女護些庄余進辭魂諾吏魂茹鐘
 擲陂搭仍約自由罽幸福
 嶽淹終互礪埃乃拱如翁奇外進踐啣歌連啣哭霄
 和遷順群憐不死意精神

Sấm sét khéo vô tình, trời đầu nữ giết ta chẳng, mấy mươi năm hồn nước lại hồn nhà, chuông gió trống rung, những ước tự do là hạnh phúc;

Non sông chung gánh nặng, ai thấy cũng như ông cả, ngoài mười dặm tiếng ca lên tiếng khóc, mưa hoà gió thuận còn mong bát tử ấy tính thần.

(Học sinh trường Thuận Hoá viếng Phan Chu Trinh)

嘒餒忝坦庄傷歇志仕駁悉兵域權民朱嶽諾黦拈眉頤
 嘆喂江山群少輒英雄袒埃妒算役諾底彈昆隴仍疔悉
 Ngán nỗi trời đất chẳng thương người chí sĩ, hết lòng bênh vực quyền dân cho non nước mở mang mày mặt;

Than ôi! giang sơn còn thiếu mặt anh hùng, lấy ai lo toan việc nước để đàn con luống những đau lòng.

(Đồng bào bãi viếng cụ Phan Chu Trinh)

嘛咁戔夢懞礙淹姊嬲碎厄別之兜吊主吊民吊權
 諾吊權戔恹固先生才操略
 陳濁心身為社會神聖夥枚甄群恹固坦固歪固魂
 吒固魂媿礙戔恨死胞冰傾

Mơ màng giấc mộng tui non sông, chị em tôi đã biết chi đâu, nào chủ, nào dân, nào quyền nước nào quyền người, nhờ có tiên sinh tài thao lược; Trần trọc tám thân vì xã hội, thần thánh trước mai sau còn nhớ, có đất, có trời, có hôn cha có hôn mẹ, nặng chia hận tử dạ băng khuâng.
 (Nữ sinh Quảng Nam viếng Phan Chu Trinh)

聖神搖動疎肝秋買固瞋晷銀鱗遷匿湄沙怯幅先
 知歪媿芳
 國家興運晒沒戔共空掙塊嗽嘜諾愁吉培疔恹後
 輩變群豬

Thánh thần dao động, trái nghìn thu mới có bây giờ, ngân ngơ gió táp mưa sa, khiếp bức tiên tri trời nữ thế; Quốc gia hưng vận, dầu một người cũng không tránh khỏi, ngao ngán nước sâu cát bụi, đau lòng hậu bối biển còn chờ.
 (Học sinh trường Kỹ nghệ viếng Phan Chu Trinh)

進森辭夥寬具於低劍野蠻匹焚稽頭慷慨余啞歪
 坦証明恹鐵石
 余兆同胞曉具術諾臺文化舛澄搓處遷湄沒陣諾
 礙滇渚溪桑滄

Mười lăm năm trước thấy cụ ở đây, kiếm dã man ba thước kẻ đầu khảng khái mấy lời, trời đất chứng minh lòng thiết thạch; Máy triệu đồng bào trông cụ về nước, dài văn hóa nửa chừng xoay sở, gió mưa một trận, nước non chan chứa giọt tang thương.
 (Ký lục Vô Liêm Sơn viếng cụ Phan Chu Trinh)

余進辭船波邊歪彙戔孤忠達為諾帶為民精神
 沕浪恹淹崗越
 屯彰課掘鐘搭戔溜催魂故國夥合恹甄合飭事業
 停付托招猥鴻

Máy mươi năm góc bể bên trời, vằng vặc tám cô trung, trên vì nước, dưới vì dân, tinh thần vẫn lắng lo sông núi Việt; Đã nhiều thuở khua chuông rung trống, sục sôi hồn cố quốc, trước hợp lòng, sau hợp sức, sự nghiệp đành phó thác cháu con Hồng.
 (Nữ sĩ Đạm Phương viếng cụ Phan Chu Trinh)

精神詭鄧能空腦醉乙丑鞠疑吏腦仁丙寅嘯台淹
陀群潯崗陀群霆翁認超兜恩諾沕群悉鐵石
心血蟒埃拱芳馭淮南圻戔拏吏馭京城化終奇歪
越罵吒坦越罵媿魂皮術妒傷昆坤跋湫山河

Tinh thần chết dạng hay không, tháng năm Ất Sửu sao ngờ lại tháng
hai Bính Dần, ngàn thay sông đà còn sóng, núi đà còn mây, ông nữ đi
đâu, ơn nước vẫn còn lòng thiết thạch;

Tâm huyết sống ai cũng thế, người chốn Nam Kỳ chắc nghĩ lại người
kinh thành Huế, chung cả trời Việt là cha, đất Việt là mẹ, hồn vừa về
đó, thương con khôn dạm dọi sơn hà.

(*Nam sinh Quảng Nam viếng cụ Phan Chu Trinh*)

台篁兆同胞馭搽馭稚馭蹢蹢昧燂挫轢超兜踈具
具徹忉脾夥
罌齏辭祖國尼崗尼淹尼錢梭鉞波句魂術壽晦歪
歪固景頭庄

Hai nhăm triệu đồng bào, người già người trẻ, người chân chậm mắt
loà, mang thuốc đi đâu, thừa cụ cụ xiết đau ruột lăm;

Bốn nghìn năm Tổ quốc, này núi này sông, này tiền rừng bạc bể, hú
hồn về chưa, hử' trời trời có ngoảnh đầu chẳng?

(*Nhà thương Huế viếng cụ Phan Chu Trinh*)

功恩黨齏秋叻忒

德博胡閨課空痛

Công ơn Đảng nghìn thu vẫn nhớ;

Đức Bác Hồ muôn thuở không quên.

諾獨立民自由幸福齏辭坦越

景圻圻垤統一和平閨課歪春

Nước độc lập dân tự do hạnh phúc nghìn năm đất Việt;

Cảnh ba kỳ nên thống nhất hoà bình muôn thuở trời xuân.

武略煉雄兵緣水齏秋記史越

文才謀上將白藤沒陣勝軍元

Vũ lược luyện hùng binh, Lục Thủy nghìn thu ghi sử Việt;

Văn tài mưu thượng tướng, Bạch Đằng một trận thắng quân Nguyên.

陵寢自辭帟崗傘淹沱嶷諾拏乖術坦祖

文明當睂買毘鴻招貉種仞群別忒墓翁

Lăng tâm tự năm nào, núi Tản, sông Thao, non nước vẫn quay về
đất Tổ;
Văn minh đương buổi mới, con Hồng, cháu Lạc, giống nòi còn biết nhớ
mộ ông.

進余科群嘆姦歪固福固份
辭進職成才惘翁強眇強夷

Mười mấy khoa còn gì, nhờ trời có phúc có phận;
Năm mươi tuổi thành tài, mừng ông càng dẻo càng dai.

稽糝私珍腦四
垠四摸齷貫劫

Lúa tám, gặt chín thảng tư
Nồi tư, mua năm quan sáu

最匹進怯翺乾坤唼秩吏矯魔王逐鬼跣
晁矇沒撻杆造化嫻循罌朱少女迤春街

Tôi ba mươi, khép cánh càn khôn, ních chặt lại kẻ ma vương đưa quỷ tới;
Sáng mồng một, lỏng then tạo hóa, mở toang ra cho thiếu nữ đón xuân về.

(Nguyễn Khuyến)

達官帶民靴朱達順帶和髭几朕欣彪駝怙
外廊訕祗貴乎外淹訕廢沒勾忍罌尨勾怜

Trên quan dưới dân, sao cho trên thuận dưới hòa, lắm kẻ yêu hơn
nhiều người ghét;

Ngoài làng trong họ, quý hồ ngoài êm trong ấm, một câu nhin là
chín câu lành.

(Nguyễn Khuyến)

坦庄沛欬抗改齷髑鞞鄧
歪麻莖嫫試貼肝膈叟敲

Đất chẳng phải chồng, đem gửi thịt xương sao dặng;
Trời mà chết vợ, thử xem gan ruột mản rặng.

釋共想秦晉沒茄歪份薄沛沕坦客
笱固別北南堆我抗撻鑽劫賭淹吳

Trước cũng tưởng Tản Tấn một nhà, vậy phận bạc phải nhờ đất Khách;
Nào có biết Bắc Nam đôi ngã, đem gánh vàng đi đổ sông Ngô.

(Nguyễn Khuyến)

翫固少之錢執沒仁貫空沛義
逡空辰共薄劍舛匹字噲羅情

Giàu có thiếu chỉ tiền, đem một vài quan không phải nghĩa;
Sang không thì cũng bạc, kiếm năm ba chữ gọi là tình.

(Nguyễn Khuyến)

閨齋禪娘似渚包數曄扛師咤經偈師煽香塔烟挑
嚙願仍懔師孟跬
塘淨渡車概輒)祝鐘陂尾扭廚塵尾挾花燈果供
最序女底尾諸駭

Cửa trai thiên nương tựa chứa bao lâu, dịp dàng sư dạy, kinh kệ sư
rèn, hương thấp đèn khêu, khẩn nguyện những mong sư mạnh khỏe;
Đường tịnh độ xa khơi nên phứt chổi, chuông trống vãi khua, chùa
chiền vãi quét, hoa dâng quả cúng, sớm khuya nỗ để vãi chơ vơ!

達棣固花鬻棣固之翁榮花碎探花書曰重華此之謂也
外璘固杜陂茄固杜陂悶杜些朱杜詩曰悌杜不其然乎

Trên cây có hoa, dưới cây có hoa, ông vinh hoa, tôi thám hoa, Thư
viết: Trùng Hoa thử chi vị dã;
Ngoài sân có đỗ, trong nhà có đỗ, người muốn đỗ, ta cho đỗ, Thi viết:
Đỗ Đỗ bất nhiên kỳ hồ!

庖卒洩舂醜調欣宰弄
貴乎順昧糲齏吏派彪

Đã chót nhúng tay, xấu đều hơn tốt lời;
Quý hỏ thuận mắt, thối lắm lại phai nhiều!

(Vịnh nghề nhuộm)

姑盧姑祿渥
趾蓬趾帶蜂
Cô lô cô lốc, ốc...

Nhảy lên nhảy xuống, ong...

(Trạng Quỳnh vịnh Đổng cô)

半行懶客客忼茄行茄行空忼客
會幫裍孰孰亦輒貼貼庄亦輒孰

Bán hàng chiều khách, khách nhớ nhà hàng, nhà hàng không nhớ khách;
Hợp chợ lấy người, người làm nên cửa, của chẳng làm nên người.

(Nhà hàng)

妾爲悉鼎空台瓦
客悶嗽崙沛授牟

Thiếp vì lòng trắng không thay hạt
Khách muốn môi son phải mượn mầu
(Tú Xương vĩnh cô hàng cầu)

江山終吏堆璘叩
文武執器沒曲琴

Giàng sơn tóm lại đôi sân khấu
Văn vũ đem ra một khúc cầm

(Cụ Nghè Nguyễn Quý Tân tặng cụ Thượng Nguyễn Công Trứ)

欄捱乾坤固器稱買別
器飽相將試睨昧麻曬

Mở khép càn khôn có ra tay mới lết
Ra vào tường tượng thử liếc mắt mà coi
(Nguyễn Hữu Chính)

遶捩牆昂鼓遶坂
陵睨閨數昧肢颯

Giò tựa tường ngang lưng gió phấp
Trăng nhòm cửa sổ mắt trắng vuông

坦恣渡泮蒲添諾
崗慄忝迎拖裾霆

Đất e biển cạn bù thêm nước
Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây

沒巴旬礪鼎祀忸慙課器固蜃之聖駟
巴近耘傘鎖辰共盃術點空禮降神耕

Một và tuần chén trắng lấy làm vui, thuở trước có thờ chi thánh rệu;
Ba mươi sáu tàn vàng thì cũng vậy, về sau không lẽ giáng thần cày.
(Phạm Thái tự vịnh)

翁老庄別之文打虐冊貼沈翳糝萬固固空空咄
仇批湯空綏躋

將士睨共卒車安連砲跡捩騎罽象昂昂育育妒畧
騎馬嗽器稱

Ông lão chẳng biết chi, văn đánh ngược, sách xem xuôi, giàu tằm
vạn, có có không không, dẫu kẻ bắc thang không nổi gọi;

Tướng sĩ coi cùng tốt, xe ăn liền, pháo nhảy vọt, cười bốn tượng,
ngang ngang dọc dọc, đổ người kỵ mã dầm ra tay.

(Vịnh đánh tổ tôm)

浩 瀚 遼 江 鮎 嗒 鮎

忝 曠 熾 熾 馱 綢 馱

Nước trong leo lẻo cá dớp cá

Trời nắng chang chang người trói người

(Cao Bá Quát)

讀 聖 經 進 卷 經 庄 神 聖 佛 仙 仍 恪 俗

台 珍 萬 斛 司 墨 偶 空 君 臣 父 子 的 祭 馱

Đọc ba trăm sáu mươi quyển kinh, chẳng thần thánh phật tiên
nhưng khác tục:

Hay tám vạn ngàn tư mặc kệ, không quân thần phụ tử dếch ra
người.

(Nguyễn Công Trứ)

遶 春 院 榭 榭 春 遶

脰 弄 坻 諾 諾 弄 脰

Gió quuyền ngọn cây, cây quuyền gió;

Trắng lồng đáy nước, nước lồng trắng.

拋 擲 貝 試 忝 高 答

蜀 距 趺 貼 坦 艱 賤

Giơ tay với thử trời cao thấp;

Xoạc cẳng đo xem đất ngấm dài.

(Hồ Xuân Hương ngũ tự vịnh)

扱 古 鏡 罨 尋 襖 昧

插 殘 衣 吏 底 哩 唏

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng;

Xếp tàn y lại để dành hơi.

(Nguyễn Gia Thiều vịnh góa phụ)

狀 元 軫 轅 蒼 忝 越

使 事 進 辭 燠 坦 吳

Trạng nguyên tám tuổi thơm trời Việt;

Sứ sự mười năm khét đất Ngô.

(Vịnh sách Phạm Công Cúc Hoa)

得辰拈輪辰趙恬疇英雄
安樞課於樞辰邁取些如落
Được thì vô, thua thì chạy, ghét chung anh hùng cộng,
An lấy thuở, ở lấy thì, coi người ta như rác
(Vịnh đánh bạc)

沒隻拊糠躑固帝
𠵿琰釵鏢跣辰王
Một chiếc cùm lưm chân có dề
Ba vòng xích sắt bước thì vương

迎古鵬時榜空格吞坦咳文章辭渡
臨頭鵬樹茄喻婦妖妖浪錢括蓮奉
Ngheh cò cò, trông bằng không tên, trời dãi hơi, văn chương xuống
liền

Lại đầu quốc, vô nhà gọi vợ, mẹ đi đi, tiền gạo lên trời!
(Vịnh thi hồng)

印如草木吞南來
抗奇山河坦北邁
In như thảo mộc trời Nam lại,
Đem cả sơn hà đất Bắc sang
(Bà Huyện Thanh Quan vịnh chèo đàng trâu)

器猶拈杆坎艸浴
吟境噴霍歷瑞塵
Bà tay cầm cán sồi trong nước,
Ngậm khơi phun mây sạch bụi trần.
(Cao Bá Quát vịnh điện cây)

搆箋覬鯨鯨核罷招娘妙為璫
役汎器拈轉外凡南兜底來行
Nep giầu quen thời kinh cũ, con cháu nuông nhờ vì âm;
Việc nước ra tay chuyên bát, bắc nam đầu đũa lại hàng.
(Lê Thánh Tông vịnh hàng nước)

因疾秩命救病如救火
則猶哈策而福如不斲
Cố tật giạt mình, cứu bệnh như cứu hỏa;
Đốt tay lay thuốc, làm phúc như làm gỗ.

丐鵬奴沫坡淹喻吧餒猓腐化寔
禪鳳噤鬼帶濕冰傾緣姊吏徐底

Cái cô lặn lội bờ sông, rủ rì nuôi con mà hóa thực
Cố phương ngậm ngùi dưới suối, băng khuâng duyên chị lại từ đây
(Tu Xương từng ong hàng xóm có vợ cả mất, vợ sau làm hàng xóm)

緞蹏駢驥查飽樹
律脾桑蓬呂女餅

Trói chân kỳ kỳ tra vào rọ
Rút ruột tang bồng trả nợ cơm

姊姊凉凹進鞍轡來泣東西南北單方歪兜共凌名
公子壳

歪坦咄瓦沒番尼女插弓劍琴書飽沒搜而朱溪嘴
丈夫鯨

Chị em ơi! Ba mươi sáu tuổi rồi, khắp đông tây nam bắc bốn phương
trời, đâu cùng lừng danh công tử xác;

Trời dặt nhẹ! Gắng một phen này nữa, xếp cung kiếm cầm thư vào
một gánh, làm cho nổi tiếng trượng phu kên.

字義嚟寅猓稚喝
鬚鬚鉦買丐搽罌

Chữ nghĩa mới dần con trẻ hết
Râu ria dăm mãi cái già ra

(Cụ đồ từ vịnh)

坦民廚廊風景佛
歌菰貼世諾礙仙

Dắt dân chùa làng phong cảnh phật
Người đời của thế nước non tiên

花菓悉誠燈供佛
烟香恭奉敬家先

Hoa quả lòng thành dâng cúng phật
Đèn hương cung phụng kính gia tiên

空燈春璵之茄仨
固褪歪吊揀閨埃

Không đèn xuân đến chỉ nhà tở
Cố lẽ trời nào đóng cửa ai

仙 嫩 諾 世 歟 菰 貼

Của đời người thế nước non tiên

聞慈悲接引隨緣

Cửa từ hi tiếp dẫn tùy duyên

拯 拯 庄 轉 庄 桑 滄

Chẳng rung chẳng chuyển chẳng tang thương

謝世西天念德感淪道化神

Ta thế tây thiên niệm đức, cảm luân đạo hóa thân

廟殿爐炤樊香躋韻紆數

Miếu đền rực rỡ, phân hương dấu cũ bên lâu

魁高萬丈拔威儀

Ngôi cao vạn trượng vẫn uy nghi

瓢 丕 景 佛 恆 終 窮 世 界 南 州

Gió pháp mưa từ, nhuận khắp cả nhân gian ba cõi

些圭景啞鐘鏞漢沫忝

Sân trời mát mẻ chuông vàng nức tiếng cảnh quê ta

夢沒節夢仁節夢匹節於節
最色醒最吏醒最拱醒朱醒

Mông một tết, mông hai tết, mông ba tết, ừ tết
Sáng đã say, trưa lại say, tối cũng say, cho say

固罌包匹萬耘虧得森丐節
約噴洒沒解進仁腦奇罌務春

Cò là bao, ba vạn sáu ngàn ngày được trăm cái tết
Ước gì nhĩ, một năm mười hai tháng cả bốn mùa xuân

毓佛毓神坦韻細吟記踊印
尼陵尼廟炤香群買貝嶽撐

Nền phật nền thần, đất cũ tới nay ghi dấu ấn
Này lăng này miếu, lửa hương còn mãi với non xanh

國祖國先國吒國媛恩德劬勞碾洒
羅招羅毘羅淵羅種義情報答程低

Có tổ có tiên, có cha có mẹ, ân đức cù lao nặng nhĩ
Là cháu là con, là giống là giống, nghĩa tình báo đáp sao đây

最澄花念佛彌陀
最供菓誦經懺悔

Sớm dâng hoa niệm phật Di - đà
Tối cúng quả tụng kinh Sám hối

坦諾平安惻德聖
圭鄉盛旺述功神

Đất nước bình yên mừng đức thánh
Quê hương thịnh vượng đón công thần

喧啾鐘鐺固沛旃行埃帝洒
曉蓮閣紫想如忝佛於兜低

Nghe tiếng chuông vàng, có phải họ hàng ai đấy nhĩ
Trông lên gác tía, tưởng như trời phật ở đâu đây

諾碧沒牟印景佛
核撐罌栖蝶嶽仙

Nước biếc một màu in cảnh phật
Cây xanh bốn mặt đẹp non tiên

佛因應靈由誠心信仰
修饋菓福願憑志煉焔

Phật có ứng linh do thành tâm tín ngưỡng
Tu tròn quả phúc bởi vững chí luyện rèn

渡苦渡迷船濟渡
花靈薦慧閑慈悲
Bỏ khổ bến mê thuyền tế độ
Hoa linh được tuệ cửa từ bi

閑佛慈悲心福得福
機泰報應於齡遐齡
Cửa Phật từ bi làm phúc được phúc
Cơ trời báo ứng ở lành gặp lành

騎堆客心禮念經得迷解盛旺
辦眾季蓮廚禮佛求入節平安
Tháng đôi lần làm lễ niệm kinh, được quanh năm thịnh vượng
Năm bốn quý lên chùa lễ Phật, cầu bát tiết bình yên

渡苦渡迷船濟渡
花靈薦慧閑慈悲
Bỏ khổ bến mê thuyền tế độ
Hoa linh được tuệ cửa từ bi

回鐘感動尙進方南無佛滿成慈滿渡苦
念偈傳通毘毘埃轉機泰扶國泰護安民
Hồi chuông cảm động chín mươi phương nam vô Phật với thành sáu
với bề khổ;
Niệm kệ truyền thông ba bảy cõi chuyển cơ trời phù quốc thái hộ an dân.

鐘霜嚆噲魂今古
樓遷移術眸色空
Chuông sương kêu gọi hồn kim cổ;
Lầu gió đi về bóng sắc không.

割鹿緣沒職鎖界定慧巖修身成佛
爭世事眾解鉅貪瞋癡妬芒業飢身
Kịch trần duyên mọi giấc vàng giới định tuệ巖 sớm tu thân thành Phật;
Tranh trần sự đời giải trăn tham sân si đố hờn nghiệp đói thân

閑空森映經泉蘿
茄淨邊資香罽務

Của không trâm ánh kính trâm lá:
Nhà tịnh gió thơm hương bốn mùa.

本洲詩禮堆糝春秋返客書生覓悉欲易
弟此庄周進解孔孟覓娘顏色買沛殊呈

Vốn dòng thi lễ đôi tám xuân thu gặp khách thư sinh thấy
lòng nực ních:

Đệ thư Trang Chu mười năm Khổng Mạnh thấy nàng nhâm sắc mới
phải thừa trình.

翠翹矜戈林略覓私金憑危重
仲水睜飽諾頓認娘媚味為珠

Thúy Kiều đi qua cầu nhác thấy chàng Kim lòng đã trong
Trọng Thúy nhòm vào nước thoảng nhìn nàng Mị mắt rơi châu.

辭蔓辭醺空辭諾
賒森賒避庄賒貫

Bán trâu bán rượu không bán nước
Buôn trâm buôn chực chẳng buôn quan.

矜撐塏賁坵嚮攢坵達
魑赤立僂笠點提笠器

Đá xanh xây cổng hòn dưới nóng hòn trên
Ngôi đỏ lợp nghè lợp sau dè lợp trước.

棍秩吒如鵠離祖
核憫朗鞠邊極停

Con mắt cha như chim lia tổ
Cây muốn lặng sao gió chẳng đứng.

德娛高睺審切疎癡尨夥
悉棍報答哈噯掣轄匹春

Đức mẹ cao dày thăm thiết thơ ngây chim chữ
Lòng con báo đáp ngậm ngùi tác có ba xuân.

翁矜兜矜兜觔咭菓尨頒拙樾埃慍尨女
吒哭鄰哭祿頭喪還縈徘徊覓景哈噯台

Ông đi đầu, đi đầu bánh ngon quả ngọt ban se lấy ai vui vẻ nữa.
Cha khóc lần khóc lóc đầu tang tóc rồi ... Chạy căn ngậm ngùi thay.

婆慚逆埃佛埃仙姑貝招忒傷坤挈計
茄啍芳空霸空固媿共英怙料仍忒鞞

Bà vui lên côi Phật côi tiên cô với cháu nhớ thương khôn xiết kể.
Nhà tiếng thế không giàu không có mẹ cùng anh lo liệu những làm sao.

棚嚙注共如吒每役娘恹群挈計
啍接注術景佛恹情傷忒別包饒

Mừng thăm chú cũng như cha mọi việc nương nhờ còn xiết kể.
Ngán nỗi chú về cảnh phật xót tình thương nhớ biết bao nhiêu.

老唐搽兜迎語爲埃穢邏鉞
春鞞稚買排運璵勞攷桃嫩

Lão chùa già đầu, nghiêng ngửa vì ai nên tóc bạc
Xuân sao trẻ mãi, quay vần đến thế vẫn đào non

(Tú Xương lờm Phó Huyền)

劍罨崗劍覓花鎖忒具黃花
柴璵廚柴認磬矧想悉石磬

Sáng ra núi Sáng thấy hoa vàng nhớ cụ Hoàng Hoa;
Thầy đến chùa Thầy nhìn khánh đá tường lòng Thạch Khánh.

縣三陽固毘昆氐鋒崗矧曉術立石
廊百穀行畝次禿踰邊淹歛璵緣河

Huyện Tam Dương có ba con dê, đứng núi đá trông về Lập Thạch;
Làng Bách Cốc hàng trăm thửa thóc, theo ven sông xuôi đến Duyên Hà.

踰廊婪踰掇梳筓過堪竹咀罨戲哈
官府鎗頭白如鵝拈筆甞鵝曰伶如鵠

Trại làng Nửa vai gánh đòn tre, đi qua khóm trúc thở ra hí hóp;
Quan phủ Vạc đầu bạc như cò, cầm bút lông gà viết nhanh như cắt.

埃公候埃卿相舛塵埃埃駟別埃
芳戰國芳春秋迅時芳芳時沛芳

Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai
Thế Chiến quốc, thế Xuân thu, gặp thời thế, thế thời phải thế.

岐虢辭文獻坦昇竜曾歸聚人才
接傳統豪花馭河內輪馮拏智慧

Trải nghìn năm văn hiến, đất Thăng Long từng quí tụ nhân tài;
Tiếp truyền thống hào hoa, người Hà Nội luôn mở mang trí tuệ.

貴廉正重才能社會公平逃辭節
除官僚排貪冗全民團結眾務春

Quý hiêm chính, trọng tài năng, xã hội công bằng quanh năm tết;
Trừ quan liêu, bài tham nhũng, toàn dân đoàn kết bốn mùa xuân.

森桃日新森濟淹紅春慄世涅春河內
靜諾湖西靜核還劍節愜哈慰蝶昇竜

Đỏ đào Nhật Tân, đỏ sóng sông Hồng, xuân đẹp thế nét xuân Hà Nội;
Xanh nước Hồ Tây, xanh cây hoàn kiếm, tết vui thay vẻ đẹp Thăng Long.

節忖媿繇頭迄白
春傷昆袷還群靜

Tết nhớ mẹ già đầu đã bạc;
Xuân thương con trẻ tóc còn xanh.

烈渡湄軒廊露雨
伊鬻霽動坦風雷

Lác dác mưa rơi làng Lộ Vũ;
Ỗ âm sấm động đất Phong Lôi.

賣邇恠學惛啞佈
施杜亦官嚙啣柴

Mãi chơi biếng học quên lời bố;
Thi đỗ làm quan nức tiếng thầy.

杜外朗招兜調逗菓
豆安排桷買攸擗花

Đỗ Ngoại Lãng giao đầu đều dậu quả;
Đậu An Bài trồng mãi vắn trở hoa.

含猓褻兜搗器彪彪
鷗鶴飞睚仍室劬髑

Hàm trâu lấy đầu dẽo ra nhiều thịt;
Chim hạc ít nạc, nhưng rất rắn xương.

施卿蘿旗颺鯨施會蘿旗颺鯨沒啣榜喋吞欣罕仍
馱亦婿著

姑馱堆媼嚙蛎姑憫堆媼嚙蛎眾踴裙挾坦暢餓仁
媽褻馱終

Thú hương lá cỏ đuôi nheo, thì hội lá cỏ đuôi nheo, một tiếng bâng
vàng trời, hơn hẳn những người làm về trước;
Cò lòn dòt giầy mồm nhái, cò bẻ dòt giầy mồm nhái, bốn chân quần
quét đất, sướng thay hai gái lấy chồng chung.

昆住壽竟繩西得翁里繪頭腐褪
姥澤對邊官尚覓具貳助股枕曙

Con chó đứng cạnh thành Tây, được ông lý cúi đầu mà lay;
Mụ dầm ngồi bên quan Thượng, thấy cụ nhì cũng cố thầm khen.

翁議得賞睚低隄心尺西跡澤搗會啞稿慍劑湫
狀南翫權保護希蕭認民奴隸偽莧耕苦的勤之

Ông Nghị được thưởng mẽ đây, khi làm xiếc, Tây nhảy dầm,
mỏ hội ăn khao vui gồm nhì;

Người Nam dưới quyền bảo hộ, vua bù nhìn, dân nô lệ,
kệ đời sống khó dèch cần chi.

搜稅碾舂腴哨標叔嚟昆住嚟
民圭牯本曳耆豪叻咧哨猶嚟

Sưu thuế nằng công lũng, tiếng mỏ thúc vang, con chó sủa;
Dân què lỏ von dãi, kỳ hào thét lác, tiếng bò kêu.

罌柱罌靛哄哄巧侃掙齧掙炊腐搥剔掙擲拱世界
紅頭紅靛捲捲仍埃捲溺捲蓮耒菽低捲瀝樓培西
Bốn trụ bốn nghè cười, cười cái kẻ tranh thịt tranh xôi mà chẳng biết
tranh đua cùng thế giới;

Hai đầu hai long cuốn, cuốn nhưng ai cuốn nước cuốn mây rồi mai
đây cuốn sạch lủ bời Tây.

姊來姊沒哨啊停劫浮生官狀芭衡耒他剔歸乘媵買姊
昆唉昆靛齧創燦對世閭各昆群燦妬音枕罷叮媵拱昆

Chị ơi chị! Một tiếng dung đoàng, kiếp phù sinh quan lớn đã xong
rồi, thơ thần sống thừa em với chị;

Còn hỡi con! Trăm năm sáng tỏ, gương thể phật các con còn soi đó,
âm thầm chết điếng mẹ cùng con.

*Còn đời về vụ Cung Khắc Dân, làm quan ở Thái Nguyên (thời Pháp),
bị chết vì lưu đạn của lực lượng cách mạng.*

仍想買拱饒呼腦慍丕情故友
乞曳賊隔別葵潮傷收義通家

Những tưởng mãi cùng nhau, ngày tháng vui vầy tình cố hữu;
Ngờ đâu nên cách biệt, sớm chiều thương nhớ nghĩa thông gia.

學廚富溪咬耕垵
官縣書池吐諾訥

Học trò Phú Khê ăn cơm cháy
Quan huyện Thư Trì uống nước ao.

昆嬌悝那貼仔細
翁馱咳登計功夫

Con rể nét na xem tử tế
Ông chồng cay đắng kể công phu.

夫羅馱婦羅嬌爲馱嬌沛移夫
我羅些你羅眉爲眉些械化我

Phu là chồng, phụ là vợ, vì chồng vợ phau di phu;
Ngã là ta, nhĩ là mày, vì mày ta nên hóa ngã.

柏襖甲解撥字丁戊己庚誇騎嘅肯
而妓乾腮切乾坎選離免害啲嘅坤

Mặc áo giáp, giải cái chữ đinh, mậu, kỷ, canh, khoe mình rằng quý,
Làm đi càn, tãi đeo hạt khảm, tốn, lý, đoài, khoe nói rằng khôn.

(Hồ Xuân Hương - Chiều Hò)

侍飽侯侍踣視睨侍共悶足空固身
武悝孟武贅舞攤雨返霄羽汜奇氈

Thị vào hầu, thị đứng thị trông, thị cùng muốn, thị không có ấy;
Vũ cật mạnh, vũ ra vũ múa, vũ gặp mưa, vũ ướt cả lông.

些盼官侍移篤塘椰助洪水朱天下悝
碎學廚嬌啞矇榜眼功切捷丕志買甘

Ta này quan Thị, di dắc Đường Da, trợ hồng thủy cho thiên hạ cật;
Tôi học trò Quất, rắp mong Bảng Nhân, công dèo bông phỉ chí mới cam.

昆佳文谷蓮渥駢鵬踣林離嘿卿喀
昆媽鉢場釅行蜎蟻蚩朝韶啲央央

Con giai Văn Cốc, lên dắc bần cò, đứng lăm le, cười khanh khách;
Con gái Bát Tràng, bán hàng thịt ếch, ngồi châu chấu, nói ương ương.

Ghi: Tương truyền đây là đôi câu đối, đôi đáp giữa quan Phủ và quan Vũ ở nơi này có
đều dùng nhiều chữ cùng âm Thư, âm Vũ nhưng cách chơi chữ lại khác nhau.

鴉羅鴉鴉安格

幼羅稚稚安格

Kẻ là già, già ăn kẻ

Xu là trẻ, trẻ ăn xu

鳩鴉鴉押押鳩

鴉易即坊齡鷗

Chuong gà kẻ áp, chuong vịt

Cà dơi ăn phượng, ăn mỳ

鴉鴉鴉鴉鴉鴉鴉

鶯鶯鶯鶯鶯鶯鶯

Lơ là huơu, huơu bẻ lơ

Nêu là cá, cá lờ ngao ngau

窮通登格提窮通登格窮通更

具秀移文聞責具秀蹤行耳具秀才

Khô, Thông đăng gô, cớ, Đố, cớ, Thông không đả bị cớng Thông, cớ,

Cú Tú đả phác cớ, Công, cớ Tú nhay, được, ay, cú Tú tại

君子固窮君子窮君子固

孔明於矣孔明於孔明於

Q - o - n - o - n - o - quan - n - o - n - o - p - a - n - t - t - t -

Không Minh - cớ, cớ, không Minh - cớ, cớ, không Minh - cớ,

昆訥多麻杜梗多拈嘴嗎多多益善

丐於餓更飢吟更飢制蓮餓餓乎又

Côn - nôm đa ma - đơ - anh - đơ - cớ - tưng - gậy - Đa - đich - thiện

Ư - o - cớ - m - b - t - n - m - b - t - t - t - t - Vay - Vay - o - B - T - m - b - Vay

琴瑟琴瑟設瑟瑟瑟人瑟琴瑟琴瑟設瑟

琴瑟琴瑟瑟瑟瑟瑟瑟瑟瑟瑟瑟瑟瑟瑟

Chín dĩa là cá, bẻ mứt nết ngang, chú nhơn là nhơn

chú thuy, nhơn - cớng bát - quang - lư - hơ,

Chú bẻ là cá, thuy, bẻ chấm thuy, chú bẻ là cớng,

chú thuy - cớng cá mà ngà tay chơ

世世世世世世世世世世世世世世世世

世世世世世世世世世世世世世世世世

裡吏貝春諾祖眾肝餅歷吏

澤蓬而王權歌託遊兆民生

Trở lại với xuân, nước tôi bốn nghìn năm lịch sử.

Đứng lên làm chủ, quyền người hai chục triệu dân sinh.

Mừng xuân - Huỳnh Thúc Kháng

娘坦諾春術家庭姑博英婉抱礪醜惻饒佞遊兆

歌空少伴

吒忝朱赫買和劫蹇兵刀諾炤拯穢犒點試點進沒

歲吻歲鮮

Mẹ đất nước xuân về, gia đình có bác anh em, nâng chén rượu mừng
nhau hai chục triệu người không thiếu bạn

Cha tôi cho sống mãi, hòa kiếp trâu bừa dãi nước (bác em) ngon tay
dém thù, bảy mươi một tuổi vẫn chưa già

Mừng xuân - Huỳnh Thúc Kháng

錄於歌些潮冽潮烘燥炤醜醜疔肆醜惻相咕羹吧

槍敲酸樁鏤棚抱惻特老帥侯嫩因沒

床戰學徒野情對趣昨野而霍泊夥炤對眉輝昧鳳

賊勝貉節輪打魔對保許罷喝繼獲堆

Gà ưa người ta chiến, rết chiều hong, nông chiều quai, lưng đau ruột
xót, chiều cơm ngon canh ngọt, còi rang vôi, chày sắt nghiền đòn,
chiến được lão chi hầu non có một.

Thầy dạy học trẻ dơi, tính dơi thù, ngu dơi chơi, tặc bác là mối, dơi
may ngàu mắt phượng (trông hung tợn), dơi con dưng xướng,

dơi thấy ai con hát trẻ với dơi

要饒如包如律如乞饒拍如懣記括如括僂美

如拏行絲

裡低因飄因伴因板餅款因炤餅麵因群酒款

因跋圪醜

Yêu nhau như bầu như rột như hột vào thung, như búng (củ quýt)
như xoay thu tiền, như bện hàng tơ.

Lấy đây có bầu có bạn, có van cơm xôi, có nỏ cơm nếp có dẹp bánh
chưng có lưng hủ rượu

(Ông Nguyễn Q. H. Tươi)

筆擲墨偶魂諾醒治舊沒施炤紅單騎忝南龍神卷

笑左移較英僑曉賦加屈平於上 吧前一個在

Bư cùn mao ke, hồn nước tỉnh hay chưa, một ngọn lửa hồng bốn
tháng trời Nam chen giữa gió
Chân cứng da mềm, anh em nên bước tới, đôi lời trân trọng, đầu nam
chức Tết gọi mừng xuân.

Mừng xuân - Vũ Oanh

欺掛最暗暗君子刃摸認拯覽
哄翹鑒睢霍英雄匪井鋒腐曉

Khi khép tối om om, quân tử tò mò nhìn chẳng thấy
Lúc mờ ra toác hoác, anh hùng tập tễnh đứng mà coi.

Hồ Xuân Hương

搜長乾紳金剛呢點呢拐呢小呢僧呢法有直言持誦
草繩悲鐘濟渡吊經吊拈吊選吊拜南無陀佛奉如來
Xâu tràng hạt chuỗi kim cương, này điểm, này dẻo, này tiểu, này tăng
này pháp hữu trực ngôn trì tụng;

Mô tư bị chuông te đét, nào khua, nào gõ, nào khăn, nào vái Nam mô
đà Phật phụng Như lai.

Hồ Xuân Hương

郭尾眾奴試腐之杜女腐之吊仍欺醺醺瓢彈醺壁
册搭案伴婦茄竟噉噉盪翠務遶也都味催固之
坊栖莊

群固集些因拯悖苔拱拯悖朱璵哄如鮮眨如螻
啣如鷄眯如翫捉搏礮淹沒梗而朱韋役閉暴仕晦
傳稟駢

Quách thầy chúng nó thì mà chi đỡ nữa mà chi, nào những khi rượu
dây bầu, đàn dây vách, sách dây án, bạn dây nhà, nghèo ngao trắng
gió bốn mùa chơi dả đủ vị, thôi có lạ gì phường mặt trắng;

Còn có bạn ta, tu chàng sơ dây cũng chẳng sợ, cho đến lúc miệng như
tép, mep như rong, tiếng như công, mắt như chớp, xóc vác non sông
một gánh làm cho nên việc, bấy giờ sẽ hỏi chuyện trăm năm.

Nghe tin bạn thi đỗ - Lê Đại

固運空盪虛蹣跚歪沒堆欺認沒堆啞常晦嘿奇廊
奇荒奇親戚祇行勁飾擲才群吻嘛乎訕舊界
拯痔時鵲過螺銜明幣進森歲學進森孖裊別儀
璵諾璵茄璵翁吒住博腫腮揚眯催停匪井丐虛名

Có mây không gió, lơ lửng giữa trời, một đôi khi nhẩn một đôi lời
thường hỏi thăm cả làng, cả xóm, cả thân thích họ hàng,
gắng sức đua tài, còn vẫn mơ hồ trong cựu giới.
Chẳng lợn thì gà, qua loa xong buổi chợ, mười lăm tuổi học mười lăm
chữ, nếu biết nghỉ đến nước đến nhà, đến ông cha, chú bác,
dòng tai gương mặt, thôi đừng tập tễnh cái hư danh.

Mừng cháu Thi đỗ - Lê Đại

却坦肉塘泚如鴈

蚶 裕 椰 墨 沫 盡 髑

Đi đất thịt, đường trơn như mỡ

Ngồi gốc đa, gió mát tận xương

媼 奇 媼 𠂔 𠂔 媼 條 𠂔 奇

官承官少少官鞠噲官承

Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả

Quan thừa quan thiếu, thiếu quan sao gọi quan thừa'

聖祖嘑聖尊罍翔渚

茄術趨性神埋魂神

Thánh tổ bảo Thánh tôn ra mở nước

Thần hồn nát Thần tính chạy về nhà

昆崧撩撈妄格倣軒竈坦倣劇璉糝

昆公趨戈廚涇傲睨嗜積傲鯨古耒

Con cóc, leo cây vọng cách, nó rơi xuống đất, nó cách đến già;
Con công đi qua chùa Kênh, nó nghe tiếng công, nó kênh cổ lại.

昆媽樣梔鵬森紅紅悶超襪軋底麻暗梔

翁老行靈 膠撐埋質 惕邇昆 媽暢大宮靈

Con gái cầu Cây, má đỏ hồng hồng, muốn đi lấy chồng, để mà trông cây;
Ông lão hàng Mây, da xanh mai má, thích chơi con gái, sương dai cung mây

春 璵 唵 拱 花 鞞 別

情 貽 煬 貝 璽 綾 收

Xuân đến nhẩn cùng hoa cỏ biết;

Tình riêng giải với gió trăng thâu.

¹ Tương truyền đôi câu đối này của Cử nhân Nguyễn Tử Mẫn, Tri huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang, về sau có di bản. Xin xem thêm *Lời tựa* ở đầu sách này.

曲咭潯陽返達漠和戛罽浚
弓彈翠憚超術拉掃敗毚生

Khúc hát Tâm dương gặp gỡ chan hoà người bốn biển;
Cung đàn Thuý dịch đi về dan díu nợ ba sinh.

忝坦拱多情吹伯春公據舖煙花超吏買
粉崙更懞忿晦翁月老拱坊巾褊悒慳之

Trời đất cùng đa tình, xui bác xuân công, cứ phổ yên hoa đi lại mãi;
Phấn son càng tủi phận, hỏi ông nguyệt lão, cùng phường khăn yếm
ghét ghen chi.

春拱懶戛隣李湄篴曼漠勝
花群待客梗梨鼎點沒毚芄

Xuân cũng chiều người, sân lý mưa lồng man mác bóng;
Hoa còn đợi khách, cành lê trắng điểm một vài bông.

緣敗買牢底沒戔咳群搗吻蛭
喂嘲埃妒些毚春署底損傍花

Duyên nợ mãi sao đây, một giấc hầy còn vợ vắn bướm;
Hẹn hò ai đó tá, ba xuân chớ để phủ phàng hoa.

媽固馱如螻固鷁媽空馱如增塏空耦
猓固吒如茄固騷猓空吒如蠟塏則騷

Gái có chồng như rỗng có vây, gái không chồng như cối xay không nông;
Con có cha như nhà có nóc, con không cha như nòng nọc đứt đuôi.

埃蓮守諒共英工幹伙弛弘車培浹
唵乳娘蘇朱姊儂接尼丐鷁潯坡洵

Ài lên thú Lặng cùng anh, công cán ấy đã trảng xe cát bể;
Nhấn nhủ nàng Tô cho chị, nông nổi này cái cò lội bờ ao.

一士貳農歇耜戕戩一農貳士
達師帶媿景腓啗來達媿帶師

Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ;
Trên sư dưới vãi, ngoảnh lưng giở lại, trên vãi dưới sư.

蜺逗梗梅爬狂橘
馭術塘擺趨伶樞

Kiến đậu cành Mơ bò cuống quýt
Ngựa về đường Bưởi chạy lạnh chanh

牆丹昧犸貓踮撐
欄涸蓮芊淺蓮

Phên đan mắt cáo mèo chui lọt
Nghé lội ao sen ngó nổi lên

預飽權職底欸啞嘲帶佞達骨底礮牺駱襪
援理自由肅曰姬杯黠啞瘦只勤拘客收錢

Dựa vào quyền chức để xoay ăn, chiếu dưới nhìn trên, cốt để nặng tay dày túi
Viện lẽ tự do mà viết ầu, bôi đen nói xấu, chỉ cần câu khách thu tiền.

先學禮後學文馭馭嘍饒啞孖忠孖孝
坦固例圭固退茄茄吡吡𠂇調善調哈

“Tiên học lễ, hậu học văn” người người bảo nhau nói chữ trung chữ hiếu;
“Đất có lẽ quê có thói” nhà nhà răn dạy làm điều thiện điều hay.

紆憑家風茄幸福
嚴明國法諾昇平

Bên vũng gia phong, nhà hạnh phúc;
Nghiem minh quốc pháp, nước thăng bình.

惘黨老進辭奇霖沔坦諾憎烝迺節
忼博韻霖轆行兆黠朧紅檻殖飽春

Mừng Đảng sáu mươi năm, cả trăm miền đất nước tung bừng đón tết;
Nhớ Bác tròn trăm tuổi, hàng triệu trái tim hồng rạo rực vào xuân.

保衛邊疆睇爛咭霜英戰仕決心戰鬥
拧握海島晟颺嘲飆姊民軍謹密巡防

Bảo vệ biên cương, ngày nắng đêm sương, anh chiến sĩ quyết tâm chiến đấu;
Giữ gìn hải đảo, sớm giông chiều bão, chị dân quân cẩn mật tuần phòng.

景覺防奸人民霖昧𦍋牺拧安內地
堅強摺賊戰士聞馭沒志拧憑邊陲

Cảnh giác phòng gian, nhân dân trăm mắt nghìn tay giữ yên nội địa;
Kiên cường chống giặc, chiến sĩ muôn người một chí giữ vững biên thùy.

堅持樹買思惟發輝精神𠂇主憑跣進蓮塹事業
鞏顧紀綱体制動員內力飾孟決心奮斗捋基圖
Kiên trì đổi mới tư duy, phát huy tinh thần làm chủ, vững bước tiến
lên xây sự nghiệp;

Củng cố kỷ cương thể chế, động viên nội lực sức mạnh, quyết tâm
phấn đấu dựng cơ đồ

惆招車緣情堆侶羃辭和合
祝羃結伴義砢鑽閨課鏢崙

Mừng cháu xe duyên, tình đôi lứa trăm năm hoà hợp;
Chúc con kết bạn, nghĩa đá vàng muôn thuở sắt son.

招殯群祖宗咳群伀種茄些生產買
曠湄芳庙陵沕芳嶺淹坦諾凭紆數

Cháu chết còn, tổ tông hãy còn, nòi giống nhà ta sinh sản mãi;
Nắng mưa thế miếu lăng vẫn thế, non sông đất nước vững bền lâu.
(Đệ tứ thập tứ thế kỷ niên tôn Vũ Đình Khôi bài đề - Đền Hùng, Phú Thọ)

垓掙丞南諾罊肝辭茄固蔞
生款種卒招仨森兆具蠡縻

Gây dựng trời Nam, nước bốn nghìn năm nhà có nóc;
Sinh sôi giống tốt, cháu hai trăm triệu cụ chưa già.
(Huân đạo Nguyễn Thiện Kế bài đề - Như trên)

嶺淹散作芄淶諾
身世冷汀鑿漂瓢

Non sông tan tác bông rơi nước
Thân thế lạnh đênh gió dạt bèo
(Lê Quỳnh; Bắc hành tùng ký)

撓還坤填霄木鼈
曝頭憊負崗淹掣

Kéo tóc khôn đền mưa móc mới;
Ngóảnh đầu sợ phụ núi sông xưa.
(Như trên)

德希起天清淨
德希天官闈九廚

Đức vua khởi thiên thanh tịnh
Đức vua thiên quan cửu chùa
(Miếu Lai Triều, Thái Thụy, Thái Bình)

粹腴王三分天下
羃頭西四海皆兄

Rút ruột Vương, tam phân thiên hạ
Chặt đầu Tây, tứ hải giai huynh

(Tương truyền về rú là của một người Tây thạo tiếng Việt, nói với vua Duy Tân. Ý nói chữ Vương bỏ ở giữa thì thành chữ Tam là ba; đất nước chia ba. Về dưới là của vua... Còn đôi lại, ý nói chữ Tây bỏ hoành đầu thì thành chữ rú là bốn, bốn biển đều anh em).

啐仍几貪皮化利帽翹蚌隊達頭還迎輪蹄直闌候門
管包得控丐啞名襖滅麟企猓肌肤痠醢跪痢瘳帳府

Ngán những kẻ tham bề hóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên đầu tóc,
ngiêng mình đứng chực cửa hầu môn;

Quản bao người mang cái nhảm danh, áo giới lân trùm dưới cơ phu,
mỗi gồi quỳ mòn sân trưởng phủ.

鏢中炉炭中炉炤中炉𨔵肥哺時融椎硯

綫於薜墨於薜茅於薜曰磊悔麻杜魁科

Sắt trong lò, than trong lò, lửa trong lò, thổi phì phò thì ra dùi vỏ;

Giấy ở túi, mực ở túi, bút ở túi, viết lúi húi mà đồ khôi khoa.

(Tương truyền về dưới là sự đối đáp của Lê Văn Hưu, danh sĩ đời Trần, với
người thợ rèn)

嘲𨔵迓敗晦𨔵霧抓距踏尚貪融閨

創夢沒醺醺醉累枷括捷翁福𨔵茹

Chiều ba mươi nợ hỏi tít mù, co căng đập thẳng bản ra cửa;

Sáng mông một rượu say túy lúy, giơ tay bỗng ông phúc vào nhà.

(Nguyễn Công Trứ)

翁融北𨔵枚職京略爵郡公𨔵渡空茹麻一𨔵

具術西拱惜𨔵朝廷外政府沒悉貝諾固𨔵兜

Ông ra Bắc là may, chúc Kinh lược, tước Quận công, bốn biển không
nhà mà một nhĩ;

Cụ về Tây cũng tiếc, trong Triều đình, ngoài Chính phủ, một lòng với
nước có hai đầu.

(Thân sĩ Hưng Yên tặng Hoàng Cao Khải ra Bắc năm 1897)

拏𨔵蜥劫𨔵蹠姊我媵能𨔵奄丕

埃凝𨔵折駉傳官赦魔扒別𨔵畢

Nghĩ rằng rết khỏe nhờ chân, chị ngã em nâng đành đã vậy;

Ài ngờ cóc chết hết chuyện, quan tha ma bắt biết làm sao!

(Câu đối ghê Tàn làm giúp hai bà thờ chung chồng vừa ra tù thì chết)

熟𨔵森𨔵迓卷經庄神聖佛仙仍恪俗

能𨔵𨔵萬𨔵𨔵默偈空君臣父子的𨔵得

Thuộc ba trăm sáu chục quyển kinh, chẳng thần thánh phật tiên
nhưng khác tục;

Hay tám vạn nghìn tư mặc kệ, không quân thần phụ tử đêch
ra người.

(Về đối là của Nguyễn Công Trứ đối lại về trên của một nhà sư).

義黨情民塘革命禮凌戰勝
花春會節頂榮光焮焮成功

Nghĩa Đảng tình dân, đường cách mạng lấy lòng chiến thắng;
Hoa Xuân hội tết, đỉnh vinh quang rực rỡ thành công.

(Câu đối Nôm mỗi chữ có ngang, dọc đều 1 mét, mừng xuân Ất Dậu - 2005
- trình bày ở triển lãm Giảng Võ - Hà Nội)

焮紅日早竈忝坦
劍梓堅江怯鬼神

Lửa hồng Nhật Tảo rung trời đất;
Kiếm tuốt Kiên Giang khiếp quỷ thần.

(Câu đối viếng Nguyễn Trung Trực của Huỳnh Mẫn Đạt)

隊籩翹鵲登劫復國公吏還公
默祔翺鵠跋術耕農客時默客

Đội nón lông gà, ra đi phục quốc, công lại hoàn công;
Mặc áo cánh sẻ, trở về canh nông, khách thời mặc khách.

耦壽山陲崗壽山山山出英雄豪傑
媽宮月蛭蝓宮月月月朋君子丈夫

Trai Thọ Sơn đứng núi Thọ Sơn, sơn sơn xuất anh hùng hào kiệt;
Gái Cung Nguyệt ngồi trong Cung Nguyệt, nguyệt nguyệt bằng quân
tử trượng phu.

(Thiếu Thốn thời Trần đối Công chúa Ngọc Chiêu)

晒鰈鰓矜嚴丐吸
施槌鰓般撐維齧

Nhe răng sấu đá ngậm cái cạp
Thè lưỡi thồn bơn vuốt sợi râu

(Câu đối vui về nghề đan ở Hoàng Hóa, Thanh Hóa)

頭獮𤝵級爲諾悵躺忝害底𠂇𠂇𠂇跡微王罌勞妒
猓鵠招鴻買茹別栖得試貼氣節本涓趙帝駭群低

Đầu voi miệng cạp, vì nước quên mình, trời khéo để làm gương, dấu
tích Trưng Vương là thế đó;

Con Lạc cháu Hồng, mấy nhà biết mặt, người thử xem khí tiết, vốn
giòng Triệu Đế hãy còn đây.

(Lưu truyền ở Hoàng Hóa, Thanh Hóa)

惟辛相當官櫬鎌梓鉞網鍛莠蘆軍轎插行台幃
 參芄枕妥
 節元旦寔節胾鮓烎黃餅蒸因椰餘苻迢口沒醕
 𠂔盞情喪

Quyên Tể tướng đương quan, hèo gươm tuốt bạc, vông nón lá sắn,
 quân kiệu xếp hàng hai, lọng tám bông chũm chọe;
 Tết Nguyên đán thực tết, giò cá rán vàng, bánh chưng nhân dừa, dưa
 hành đưa khẩu một, rượu ba chén tình tang.
 (Giai thoại Nguyễn Bá Nha đôi Hà Duy Phiên)

度朱得世恒如食
 招裍役丞𨾏窖𨾏
 Đo cho người thế hàng như thực;
 Chuốc lấy việc trời bởi khéo tay.
 (Trường đôi tạp sao; VHv. 2010)

奢吏裍之蒙者特
 勉嗔陽鎖貯朱駱
 Xa lại lấy chi mong giả được;
 Miễn xin dương chất trữ cho đây.
 (như trên)

嘒浹筆硯麻劍馬
 故釋金紙拱桑蓬
 Ngán nổi bút nghiên mà kiếm mã;
 Có sao kim chỉ cũng tang bông.
 (Trường văn đôi liên; VHv. 226)

姑蓮裍襖花蓮蹕於湖蓮徐得君子
 舅桂裍袄翹桂蹕蓮宮桂閉姊姁娥
 Cô Sen mặc yếm hoa sen, đứng ở hồ sen, chờ người quân tử;
 Cậu Quế mặc áo cánh quế, trèo lên cung quế, bế chị hàng nga.

固祖固宗宗祖祖宗宗祖𨾏
 群𨾏群諾諾𨾏𨾏諾諾𨾏茄
 Có tổ có tông, tông tổ tổ tông, tông tổ cũ;
 Còn non còn nước, nước non non nước, nước non nhà.
 (Câu đôi truyền miệng ở nhiều địa phương)

天水淵粉源福麟

蘭溪枝煩脈文璣

Thiên Thủy dòng phân, nguồn phúc rộng;

Lan Khê chi tỏa, mạch văn dài.

(Từ đường họ Thạch, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội)

名家綏菴自曝茄黎跋吏

班頭駭碑本自盛德細尼

Danh gia nổi đời, từ thuở nhà Lê trở lại;

Ban đầu xây dựng, vốn từ Thịnh Đức tới nay.

(Từ đường họ Thạch ở Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội)

省青發跡祖先著

祇阮留傳昆招輅

Tỉnh Thanh phát tích tổ tiên trước;

Họ Nguyễn lưu truyền con cháu sau.

(Từ đường họ Nguyễn làng Minh Giám, Kiến Xương, Thái Bình)

明監圭鄉範碑碣

月臨坦祖鑿悉鉢

Minh Giám quê hương ghi bia đá;

Nguyệt Lâm đất tổ tạc lòng son.

(Từ đường họ Nguyễn thôn Nguyệt Lâm, Kiến Xương, Thái Bình)

儼鬼忙丐斗躔閨魁元

昆木捩核旁昭茄榜眼

Thằng quỷ mang cái đầu đứng cửa khỏi nguyên;

Con mộc tựa cây bàng nhòm nhà bằng nhãn.

(Câu đối của Bằng nhân Phạm Quang Trạch và Hương cống Nguyễn Quỳnh

– theo Gia phả họ Phạm ở Đông Ngạc, Hà Nội)

律沒菴空得調嘖仍擬拱拯閨調嘖悉自吼悉對影

常燔麝白髮

插龍諾調別輜駑席寔渚埃別輜奇栖共返栖知心

畫固伴黃泉

Suốt một đời không được điều gì, nhưng nghĩ cũng chẳng hồng điều

gì, lòng tự nhủ lòng, đối ảnh thường soi gương bạch phát;

Khắp trong nước đều biết mình cả, mà thực chưa ai biết mình cả,

mặt cùng gặp mặt, tri tâm họa có bạn hoàng tuyền.

(Câu đối tự đề của cụ Lê Đại, người nổi tiếng của lớp nhà nho cuối cùng ở

Hà Nội)

醕共和花平等惻春獨立
餉自由馳博愛啞節民權

Rượu cộng hòa, hoa bình đẳng, mừng xuân độc lập;

Bánh tự do, gió bác ái, ăn tết dân quyền.

(Câu đối Bác Hồ viết trong tết độc lập đầu tiên sau Cách mạng tháng 8 – 1945)

燭燈蓮油紅黜帝
騎馭庸齟晉蓮唐

Thắp đèn lên, dầu vương ra đế;

Cưỡi ngựa dong, thẳng tắn lên đường.

(Theo Vũ Kiên, bài Bác Hồ với thú làm câu đối, báo Sức khỏe & Đời sống số Xuân Ất Dậu - 2005).

泚矜古花文群色涅
茹六陵底諾沕印形

Giếng đá cổ, hoa văn còn sắc nét;

Nhà lục lăng đáy nước vẫn in hình.

(Đình Cự Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

亭巨正廟仁姑鮮買圭鄉文物
廚菩提堰堞屍標高傳統英雄

Đình Cự Chính, miếu Hai Cô, tươi mới quê hương văn vật;

Chùa Bồ Đề, gò Đống Tây, nêu cao truyền thống anh hùng.

(Đình Cự Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

揔檠擠裕檠高恹裕凭
旺諾汝源諾瀝自源漸

Trồng cây vun gốc, cây cao nhờ gốc vững;

Uống nước nhớ nguồn, nước sạch tự nguồn trong.

(Đình Cự Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

菓福諄輶廚沒攝
花蓮蕒泣伏進方

Quả phúc dưng nên chùa một nếp;

Hoa sen thơm khắp, Phật mười phương.

(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

坦几木文能武磊
得華京媽擔糲才

Đất kẻ Mộc văn hay võ giỏi;
Người Hoa Kinh gái đảm trai tài.
(Đình Nhân Mục, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

麝辭群買嗜蒼蜂仇木
閨牒傳留清歷坦升龍

Nghìn năm còn mãi tiếng thơm vùng kẻ Mộc;
Muôn thuở truyền lưu thanh lịch đất Thăng Long.
(Đình Nhân Mục, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

髻心福少心緣香炤燄巖拏暎佛
跏趺報恩轉報德逍遙暎牕得誼經

Nhiều làm phúc, ít làm duyên, hương lửa sớm khuya nương bóng Phật;
Trước báo ân, sau báo đức, tiêu dao ngày tháng được nghe kinh.
(Chùa Bà Đá, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

樣德髻梳拏閨慈悲懺濟渡
坪仁盼搭仍求内外麟超生

Cây đức trước trồng nương cửa từ bi mong tế độ;
Nền nhân nay đắp, những cầu nội ngoại chóng siêu sinh.
(Chùa Bà Đá, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

縈引眾生飽善惡翻嵩台塢閨
香蒼諸佛証醒迷牕透余回鐘

Dây dẫn chúng sinh vào, thiện ác mở tung hai lối cửa;
Hương thơm chư Phật chứng, tỉnh mê nghe thấu mấy hồi chuông.
(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

踣此鞞坦齡鵠豆慍厖一奄都固沛仇梅沔樂土
返當睂淹炤葛鬣震震乾坤世界兜朋翳佛准名藍

Đứng thử trông đất lành chim đậu, vui vẻ nhất Long Đô,
có phải kẻ Mơ miền Lạc Thổ;

Gặp đương buổi sông lở cát bay, mịt mù trong thế giới,
đầu bằng cửa Phật chốn danh lam.

(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

神祖國外辭州劫馭稽嘑
達天堂帶地獄閨佛狹夷

Trong tổ quốc ngoài năm châu kiếp người ghê nhĩ;
Trên thiên đường dưới địa ngục cửa Phật hẹp gì.

(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

諸佛本慈悲紅劫怵台茂黑暗
眾生累煩惱黃梅積共景清修

Chư Phật vốn từ bi hồng kiếp xót thay đời hắc ám;
Chúng sinh chớ phiền não Hoàng Mai riêng cùng cảnh thanh tu.

(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

檟鞞淹蘇惆景買
塔廚坦縷叻坪壑

Cây cỏ sông Tô mừng cảnh mới;

Tháp chùa đất Lũ vẫn nên xưa.

(Chùa Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

香炤添濃廚縷鬪
廟陵當對景啓慄

Hương lửa thêm nồng chùa Lũ trước;

Miếu lăng đối cảnh khởi vui.

(Chùa Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

局湓還當檜桂桔珠給貼忒緣噲剎扞韻菓福
淮城市拱嶽蓬諾弱鐘廚禮佛箕埃燬景塵伽

Cuộc doanh hoàn đương củi quế gạo châu góp của làm duyên gọi chút
vo tròn quả phúc;

Chốn thành thị cũng non bông nước nhược chuông chùa lễ Phật kìa
ai bén cảnh chiến già.

(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

英嬋啖矐栖廡齏坦希廚廊風景倖
善信唉蹊栖求福貼蕞馱世諾嶽仙

Anh em ơi! ngoảnh mặt mà trông, đất vua chùa làng phong cảnh bực;

Thiện tín hỡi! rón tay cầu phúc, của đời người thế nước non tiên.

(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

尨孖劬勞針報孝
斲秋香炤霽慈悲

Chín chữ cù lao chăm báo hiếu;

Nghìn thu hương lửa bóng từ bi.

(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

噉玉恹栖攏湧聖忝南轅產固
啞鑽群曲喝躑仙坦越沕傳範

Chén ngọc nhờ tay nâng, dòng thánh trời Nam nên sẵn có;
Lời vàng còn khúc hát, dấu tiên đất Việt vẫn truyền ghi.
(Chùa Phụng Thánh, quận Đống Đa, Hà Nội)

邑泰固天緣珥遺蹟仙移吏吏
越南饒地勝吹輶湧聖化生生
Ấp Thái có thiên duyên nhẹ khiến gót tiên đi lại lại;
Việt Nam nhiều địa thắng xui nên dòng thánh hóa sinh sinh.
(Chùa Phụng Thánh, quận Đống Đa, Hà Nội)

曲聖歌吟舖蕩彈椿噪省喝
句神唱詠湖西瀾汧詔韻詩
Khúc thánh ca ngâm, Phố Cát đàn xuân vang tiếng hát;
Câu thần xướng vịnh, Hồ Tây lan sóng réo vắn thơ.
(Chùa Phụng Thánh, quận Đống Đa, Hà Nội)

捫溪浴楊枝揲炤毒泣匍齋埃俗
擺隻船般若接眾生蓮尙品臺蓮
Vẩy giọt nước dương chi, dẹp lửa độc khắp ba ngàn cõi tục
Bơi chiếc thuyền bát nhã, tiếp chúng sinh lên chín phẩm đài sen.
(Chùa Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

愴眾生顛倒綱常燂德孝而薊茂污濁
恤地獄沉淪苦難休悉仁願度埃幽冥
Thương chúng sinh điên đảo cương thường, rạn đức hiếu làm gương
dối ô trọc
Xót địa ngục trầm luân khổ nạn, thể lòng nhân nguyện độ cõi u minh.
(Chùa Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

閨慈悲靡羶清湯空垠客紅塵出入
船濟度凭舳舻裡迤迤得善道皈來
Cửa từ bi rộng mở thênh thang, không ngăn khách hồng trần xuất nhập;
Thuyền tế độ vững tay chèo lái, đón đưa người thiện đạo qui lai.
(Chùa Tăng Phúc, quận Cầu Giấy, Hà Nội)

噪聰車馭戈塘俗
羶栖嶽淹細閨禪
Vang tai xe ngựa qua đường tục;
Mở mắt non sông tới cửa thiền.
(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

厖包番遷亞湄歐渚矜凭銅拙峯梢丞廚鎮北
穉沒趣花曇燬慧最鐘朝穢清湯鬻伏景湖西

Trải bao phen gió Á mưa Âu, trơ đá vững đồng,
chót vót cột trời chùa Trấn Bắc

Riêng một thú hoa đàm đước tuệ, sớm chuông chiều trống,
thênh thang cửa Phật cảnh Hồ Tây.

(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

聖蹟崇山府會同勤望拜僊鄉務本圭枷媿買流傳
標表埃禪擇凭風塵搗掘堅貞柱矜躋共天地數瓊

Thánh tích sùng sơn, phủ hội đồng cần vọng bái Tiên Hương Vụ Bản
quê nhà, mẹ mãi lưu truyền;

Tiêu biểu côi thiên, chống vững phong trần xô đẩy, kiên trinh trụ đá,
đứng cùng thiên địa lâu dài.

(Chùa Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

准庵禪麟闍慈產悉濟渡

坭城市少夷客越默飭往來

Chốn am thiên rộng mở cửa từ, sẵn lòng té độ;

Nơi thành thị thiếu gì khách Việt, mặc sức vãng lai.

(Chùa Vân Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

心香透迥進方佛

福菓修穢沒院廚

Tâm hương thấu đến mười phương Phật;

Phúc quả tu nên một ngọn chùa.

(Chùa Vân Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

武略練雄兵綠水斫秋記史越

文才謀上將白藤沒陣勝軍元

Vũ lược luyện hùng binh, Lục Thủy ngàn thu ghi sử Việt;

Văn tài mưu thượng tướng, Bạch Đằng một trận thắng quân
Nguyên.

(Đền Ngọc Sơn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

救侖蘇琳炭諾固仁婆鞠史燭

窮崗淹範鑿得終霖祇竿香養

Cứu nòi giống lâm than, nước có hai bà gương sử sáng;

Cùng núi sông ghi tạc, người chung trăm họ nén hương thơm.

(Đền Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

二位女英雄 浩颶骸 械坪一統
肝秋南國史 躡蒼群買廟同仁

Hai vị nữ anh hùng, nước cũ gây nên nền nhất thống;
Ngàn thu Nam quốc sử, dấu thơm còn mãi miếu Đồng Nhân.

(Đền Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

善略底福車 賢厚糊拏涓己水
否過時泰跣詔光買糊景長春

Thiện lược để phúc xa, hiền hậu mở mang dòng Dĩ thủy;

Bĩ qua thì thái tới, thiêu quang mới mở cảnh Trường xuân.

(Câu đối của cụ Ngô Tầm tặng cụ Trường Xuân họ Phạm ở Thái Bình)

(Chữ 水 với chữ 己 là chữ Dòng; "dĩ thủy" ý nói công xây dựng của tổ tiên)

浮生如夢丕卿相 公侯噤沒祝
不死罵名妬文章 科甲蟄肝秋

Phù sinh như mộng vậy, khánh tướng công hầu vang một chúc;

Bất tử là danh đó, văn chương khoa giáp sống nghìn thu.

(Cử nhân Nguyễn Kỳ Nam và cử nhân Nguyễn Mạnh Nguyên viếng Bằng Phi Nguyễn Doãn Cử, giảng quan Phủ Tôn Nhân ở triều đình Huế, người trực tiếp dạy học cho Ứng Lịch, sau đó là vua Hàm Nghi)

美留罵油空油空時焮炤
沉默罵沉浪沉浪乙閑心

Phù Lưu là giàu không, giàu không thì tắt lửa;

Trầm mặc là chìm lặng, chìm lặng ắt nhàn tâm.

(Giải thoại về Phạm Tử Hiền, đỗ Tiến sĩ khoa Tân Sửu đời Lê Thánh Tông)

學徒廊鉏膝 彪鉏彪鉏麻 犂耨耨 苔鉏
縣官坦教耨 苔耨耨 仍頭空睹教

Học trò làng Gang, bưng nhiều gang nhiều thép, mà tay chữa đầy gang;
Huyện quan dãi giáo, tay dãi dãi đầy gươm, nhưng đầu không đủ giáo.

(Giải thoại về học trò làng Gang đối đáp với quan huyện làng Giáo)

結鼎空嗜成汚米
銅蹏拯鍊杖黃金

Gạo trắng không giã, thành ô mễ;

Đồng đen chẳng luyện vẫn hoàng kim.

(Giải thoại thầy đồ ra cho học trò làng Ô Mễ đối)

君子擲輪掙撲躅
丈夫感志揪擣揪

Quân tử nấu mình rung nhịp gót;
Trượng phu thích chí gầy đàn môi.
(Giai thoại Nguyễn Khuyến ra, Bùi Viện đối)

蒼噫世間只固花梅罨 別個
蹉蕩天地禍罨 昆狂固慳礙

Thơ nức thế gian chỉ có hoa mai là biết tỏ;
Thối hoăng thiên địa họa là con chó có ưa người.
(Tri huyện Duyên Hà là Vũ Quý Mão, nhân kỷ niệm ngày sinh, ra về thách đối. Có người đã đối lại ngay)

呶翁縣沿河...啊!
徒耍掙歷動...動

Miệng ông huyện Duyên Hà... hà;
Đồ bà già lịch động... động.
(Tri huyện Mão đọc vế ra, rồi bảo anh hầu đối lại)

得价碎齮輪貼底貼同客丞貼狂啞欣插吏
剗禎姑彭洒錢捐錢固魯咄癩別摸拱成官
Được giá tôi bán luôn, của để của đồng lẩn, thừa của chó ăn hơn xếp lại;
Gớm trình cô lăm nhĩ, tiền quỳên tiền có lỗ, dẫu trâu biết xổ cũng thành quan
(Cụ Nguyễn Văn Đăng, huyện Kiến Xương, Thái Bình viết dán ở cửa hàng bán nông cụ của một tổ chức chính trị bí mật thời Pháp thuộc).

殖怙厓唐西仇徠馱過歌誦生墳官猷吏
噤唆訕村北迄敬迂縈沒悉尊重具斲民
Rục rở mé đường tây, kẻ lại người qua ca tụng sinh phần quan lớn lại;
Vang lừng trong thôn Bắc, trên kính dưới rái, một lòng tôn trọng cụ trong dân
(Câu đối "mừng" khánh thành sinh phần một nhà giàu ở Kiến Xương, Thái Bình thời Pháp thuộc)

忠義禱茹退難外侵欺上海昡橫濱慷慨出洋墮役諾
堅強本性當干危變尼東京奴光復艱勞活動援情民
Trung nghĩa nếp nhà, gặp nạn ngoại xâm, khi Thượng Hải, lúc
Hoành Tân, khảng khái xuất dương lo việc nước;
Kiên cường vốn tính, đương cơn nguy biến, này Đông Kinh, nọ
Quang Phục, gian lao hoạt động vẹn tình dân.
(Cụ Khóa Thụ làng Thượng Phúc, huyện Kiến Xương, Thái Bình viếng cụ Nguyễn Quang Doan – con trai Cả nhà văn thân yêu nước Nguyễn Quang Bích)

(Khi học trò đã làm cho Tây về biểu quà thầy,
Nguyễn Khuyến làm hai vế đôi này)

(Nhất gần chợ, nhì gần sông, chốn ấy xưa từng xưng nhà mũi)
(Có hai vợ chồng đến xin câu đôi, chồng thích chữ Hán, vợ lại thích Nôm,
Nguyễn Khuyến cho hai câu một Hán, một Nôm).

Bà đi đầu vội mấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành, huông quần lá tọa, gật gù tay đưa chạm tay chén, cùng ai kể lẽ chuyên trăm năm.

Cha ông lừng lẫy bốn phương trời.

(Khi dạy cho con Hoàng Cao Khải, Nguyễn Khuyến dấn ở nhà dạy học đôi câu đối này)

固傘固傘固香案徐希名賈嚙咬匹畝省
 吊扁吊棋吊敕封朱具姊媿乎易買咻歌

Có tàn có tán, có hương án thờ vua, danh giá lấy lòng bầm sáu tỉnh;
 Nào biển nào cờ, nào sắc phong cho cụ, chị em hồ dễ máy lăm người.

(Nguyễn Khuyến mừng (ô) Tư Hồng khao vọng)

開融嘆獲開開機造化彼个台牁
 掘吏穢穢契啖損陰陽迤掘沒番

Mở ra, toác toác toàng toang, cơ tạo hóa chia làm hai mảnh;
 Khép lại, khin khin khít khít, máy âm dương đưa đẩy một phen.
 (Nguyễn Khuyến làm cho một ở làng Phú Đa, huyện Bình Lục lấy cảm Tây,
 khắc vào trụ cổng làng).

被買融役廊襪襪地拈括甃永抱曉澄蓮栖夥
 替席甃頭諾拉版天培坦甃坤頑時拱剋甃耒

Vừa mới ra việc làng, mặc áo địa, cầm quạt lông,
 vênh vào coi chừng lên mặt lăm;

Thế mà chết đầu nước, lấp ván thiên, vùi đất thịt,
 khôn ngoan thời cũng dứt đuôi rồi.

(Nguyễn Khuyến làm sau khi tên chánh tổng hồng hách say rượu lặn
 xuống sông chết đuối)

混喂混仍懔混經史錘礪恩父母認搥情髑髏
 抔咳抔牢倍孖海山交約義夫妻添剋寄脾肝

Con ơi con! Những mong con kinh sử dùi mài,
 ơn phụ mẫu nữ dứt tình xương thịt;

Chàng hỡi chàng! Sao bội chữ hải sơn giao ước,
 nghĩa phu thê thêm dứt cả ruột gan.

(Nguyễn khuyến làm cho vợ hàng thịt khóc chồng và con.

慍慍緇緇紙紅躑躅辭誓倍拱安於
 疔痘瘡混釦拈脾沒睺曾項替罽衝

Vui vẻ thay! Sợ chỉ vương chân, trăm năm thể bồi cùng ăn ở;
 Đau đớn nhẽ! Con dao cắt ruột, một giờ tung hứng thế là xong.

(Nguyễn Khuyến làm cho vợ anh hoạn lợn khóc chồng)

梗碧妾曉蓮欺運紫眈干躑條悵條坤恹甫森
 滌黃抔甃甃娒媽紅混鷄臍糲肝糲脾買翁髒

Cảnh biếc thiếp trông lên, khi vện tía, lúc cơn đen,
 điều đại điều khôn nhờ bố đồ

Suối vàng chàng thác xuống, vợ má hồng, con răng trắng,
tím gan tím ruột với ông xanh.

(Nguyễn Khuyến làm cho vợ thợ nhuộm khóc chồng)

茹閨抵琳炭猥疎悵埃鍊笈
基圖停捕械媼褱中夥几砥濡

Nhà cửa để lâm than, con thơ đại lấy ai rèn cặp;
Cơ đồ đành bỏ bề, vợ trẻ trung lắm kẻ đe loi.

(Nguyễn Khuyến viếng người thợ rèn cùng làng)

孰諾南晦喙西拯別西晦喙槽拯別槽只沒褱明先
王之道以道
茹向北渚埃冽時屯冽渚埃幅時屯幅買噲罷先天
下之憂而憂

Người nước Nam hỏi tiếng Tây, chẳng biết Tây, hỏi tiếng Tàu chẳng
biết Tàu, chỉ một nhẽ “minh tiên vương chỉ đạo đi đạo”;
Nhà hướng Bắc, chưa ai rét, thời đã rét, chưa ai bức thời đã bức, mới
gọi là “tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu”.

(Nguyễn Khuyến làm cho một ông đồ dân ở nhà dạy học)

節珣箕箕拯褱儲褱拱歲月
春迎妬奴番尼羶緹買江山

Tết đến kia kìa, chẳng nhẽ giờ cùi cùng tuế nguyệt;
Xuân sang đó nọ phen này mở múi với giang sơn.

(Nguyễn Khuyến làm cho anh học trò nghèo cho buổi ngày tết)

糙鼎諾澌晚景吏彊添晚弩
培琳飈培牪代兜低咳牪朱

Gạo trắng nước trong, mền cảnh lại càng thêm mền cả...

Cát lấm gió bụi, lo đời đâu đấy hãy lo cho...

(Đôi đáp của Lê Tư Thành (sau là vua Lê Thánh Tông)
với một cô gái nhan sắc đang vo gạo ở bên sông)

迺肱膊擗迺肱膊招
肱肱冽苔肱肱冽鹿

Mười rằm trăng nấu, mười sáu trăng treo;

Tháng giêng rét dài, tháng hai rét lộc.

(Câu đối của thầy đồ và Phạm Đình Trọng).

詩和西湖神女嚙咬匹毳埃
名傳南史顯仙煊燠余肝秋

Thơ hoạ Tây hồ thần nữ vang lừng ba bảy cõi;
Danh truyền Nam sử hiển tiên rực rỡ mấy ngàn thu.

(Phủ Tây Hồ, Hà Nội)

𠂇 几 鼎 固 罍 固 鍤

屠 茹 𨾏 被 孺 被 深

Miệng kẻ sang có gang có thép;

Đồ nhà khó vừa nhỏ vừa thâm.

(Trạng Quỳnh khi chưa thành danh, đối đáp trước mặt một viên quan)

貉 狠 咬 敢 𠂇

狂 坤 𨾏 𠂇 𠂇

Lợn cắn ăn cáu tợn;

Chó khôn chó cắn càn.

(Đối đáp của Tú Cát và Nguyễn Quỳnh thuở còn nhỏ)

𠂇 生 翁 秀 吉

坦 匿 𨾏 𨾏 凶

Trời sinh ông Tú Cát;

Đất nấp con họ hung.

(Câu đối của ông Tú Cát và Nguyễn Quỳnh)

鐫 天 台 桎 鎖 洞 桃 揀 續 吏 矯 弘 劉 慣 埒 𨾏

閨 銜 谷 拚 桎 造 化 𨾏 𨾏 𨾏 朱 翁 沛 引 軍 𨾏

Hàng Thiên Thai then khóa động đào, đóng chặt lại kéo chàng Lưu quen lối cũ;

Cửa Hàm Cốc lỏng then tạo hóa, mở toang ra cho ông Bái dẫn quân vào.

(Câu đối của một cô dâu và chú rể trước cửa buồng đêm tân hôn)

磊 箕 𨾏 囊 凭 𨾏 石

司 奴 貼 輕 搗 𨾏 同

Lỗi kia đã nặng bằng ba thạch; (ba “thạch” là chữ “lỗi”)

Ty nọ xem khinh đáng nửa đồng. (chữ “Ty” bằng nửa chữ “đồng”)

(Câu đối của anh học trò đi thi tên là Lỗi với viên quan Thừa ty được cử làm quan sơ khảo)

襖 𨾏 𨾏 𨾏 𨾏

袖 𨾏 𨾏 𨾏 𨾏

Áo đỏ lấm phân trâu;

Dù xanh che dãi ngựa.

(Câu đối của một viên quan võ và một anh hầu)

命媿閑辭閨相
墓吒尨劫茹公

Mệnh mẹ muôn năm của tướng;

Mồ cha chín kiếp nhà công.

(Câu đối của một công tử nhà giàu và một người khách lạ)

學徒𠵽學徒𠵽還補輪啖𠵽𠵽學徒
官縣𠵽官縣𠵽處件綾讓𠵽𠵽官縣

Học trò là học trò con,

tóc bỏ lon xon là con học trò;

Quan huyện là quan huyện thẳng,

xử kiện lằng nhằng là thẳng quan huyện.

(Câu đối của viên quan “huyện thẳng” (tức huyện mua) và một cô học trò bé)

𠵽萬英雄提𠵽帶
尨客天子隊蓮蓮

Ba vạn anh hùng dề xuống dưới;

Chín lần thiên tử đội lên trên.

(Nguyễn Công Trứ làm theo lời sai bảo của Lê Văn Duyệt)

客𠵽𠵽之翁𠵽𠵽
齋壇𠵽妬瑁𠵽師

Khách khứa kẻ chi ông núc bếp;

Trai đàn nào đó, vại cà sư.

(Câu đối của một nhà sư và Nguyễn Công Trứ)

吁證明朱南無阿彌陀佛
固監察妬東廚胥命灶君

Xin chứng minh cho Nam vô a di đà Phật;

Có giám sát đó, đồng trừ tư mệnh táo quân.

(Nguyễn Công Trứ và nhà sư nói trên)

君子惡其文之官詎
聖人不得以用貴得

Quân tử ố kỳ văn chi quan lớn;

Thánh nhân bất đắc dĩ dụng quý ngài.

(Người quân tử ghét cái giọng văn của ông;

Độc thánh nhân bất đắc dĩ mới phải dùng đến sự quyền biến của ngài.)

(Đôi đáp giữa Hà Tôn Quyền và Nguyễn Công Trứ)

先生座席上箚之咕咕之箚箚箚咕咕
小子入亭中咧之唻唻之咧咧咧唻唻

Tiên sinh tọa tịch thượng, cót chì két, két chì cót, cót cót két kúi;
Tiểu tử nhập đình trung, thần chì thơ, thơ chì thần, thần thần thơ thơ.

(Thầy ngồi trên chõng tre, chõng kêu cót két, két cót, cót cót két két;
Học trò đến đình trung, trông dáng thần thơ, thơ thần, thần thần thơ thơ.)
(Thầy Nguyễn Văn Siêu và trò Cao Bá Quát)

甃車千古尺逡馐空親戚褻兜廡哭嚙
想事百年啁擬玃動肝腸輒沛傷撓

Thấy xe thiên cổ xích đưa ra, không thân thích nhẽ đâu mà khóc mướn;
Tưởng sự bách niên dùng nghĩ đến, động can trường nên phải thương vay.
(Cao Bá Quát viếng đám ma một nhà khá giả không quen biết)

福德祖先按棹自課糶
仁心猓詔培搭買術斆

Phúc đức tổ tiên gieo trồng từ thuở trước;
Nhân tâm con cháu bồi đắp mãi về sau.

(Nhà thờ họ Nguyễn Đình; Gia Hoà, Nam Cường, Nam Trực, Nam Định)

駮古庵學場古庵
媽河內半行河內

Trai Cổ Am học trường Cổ Am;
Gái Hà Nội bán hàng Hà Nội.

(Thầy đồ ra cho học trò Văn Quế ở Hải Dương đối lại)

上下巍磊稔治譜
臻炉套驢柳紅屯

Thượng Hạ Gỏi Trời Nầm Trị Phổ
Trần Tro Sáo Vạc Liễu Hồng Đôn.

(Bảy chợ ở Hà Tĩnh (trên) và Nam Đàn, Nghệ An).

勸善懲淫猓埃毓腦冒矇糝
教人度世貼埃撓瘼沒填迤

Khuyến thiện trừng dâm, con ai để thàng tư mông tám;
Cứu nhân độ thế, của ai vay mất một dền mười.

(Một nhà sư khoe hay chữ bị Hoàng Phan Thái người Nghi Lộc,
Nghệ An viết thêm phần đuôi để châm biếm)

蓋罍象象罍獐獐嘲閨蓋
羞罍虎虎罍玃玃扒柴修

Cái là tượng, tượng là voi, voi châu của cái;
 Tu là hổ, hổ là cọp, cọp bắt thầy tu.
 (Tiếng cổ chữ “cái” có nghĩa là tượng mãnh)
 (Câu đối nhà sư ra, bắt Hoàng Phan Thái đối lại)

五品敕封銜具詔
 軒轅名價貼娑羅

Ngũ phẩm sắc phong hàm cụ lớn;
 Nghìn năm danh giá của bà to.
 (Một ông đốc học mừng cô Tư Hồng ở Hà Nội)

霸心甲狹心單送葬朱安魂魄媿
 鮓計頭萎計嗎情喪添憊忿禪猥

Giàu làm kếp hẹp làm đơn, tổng táng cho an hồng phách mẹ;
 Cá kể đầu rau kể mớ, tình tang thêm tủi phận đàn con.
 (Nguyễn Khuyến làm cho một cô đào khóc mẹ nuôi là bà chủ cũ)

霸固少之錢却沒匹貫兜沛袍
 邇空時拱薄劍箴匹字噲罵情

Giàu có thiếu chi tiền, đi một vài quan dẫu phải lẻ;
 Sang không thì cũng bạc, kiếm dăm ba chữ gọi là tình.
 (Nguyễn Khuyến mừng đám cưới một nhà giàu có)

官拯官時民 謫鍾鼎屹仰 塾達芾冷芾長芾 槃匹
 錢心牢糶心牢揀 撿心牢沒辭進 台腦清汰丐首
 猪認柴拖 扞輻
 搽拯搽時裯彈小子勞 饒萍略尼詩尼賦尼段沒
 平罵世仄罵世 点圍罵世 匹萬耘軒睥審攪猥昧
 駟扞鏡 屯痢腮

Quan chẳng quan thì dân, chiếu chung đỉnh ngất ngưỡng ngồi trên, nào
 lênh, nào trường, nào bàn ba, tiền làm sao, gạo làm sao, đóng góp làm sao,
 một năm mười hai tháng, thanh thời cái thủ lợn nhìn thầy đà nhắm mắt;
 Già chẳng già thời trẻ, đàn tiểu tử lau nhau đứng trước, này thơ, này
 phú, này đoạn một, bằng là thế, trắc là thế, điểm quyền là thế, ba
 vạn sáu ngàn ngày, thắm thoát con mắt gà đeo kính đã mòn tai.
 (Nguyễn Khuyến làm tức cảnh khi có bạn bè đến thăm).

欺翁蚌翁蟻英蟻姊翁蟻嬌碎尼得耘甸添糝袒
 界翁罷翁繡閨繡茄翁繡婆老埃疑沒) 花霖辭

Khi ông sống, ông đẻ anh đẻ chị, ông đẻ vợ tôi, nay được sáu tuần
thêm tám lễ;
Giờ ông chết, ông bỏ cửa bỏ nhà, ông bỏ bà lão, ai ngờ một phút hóa
trăm năm.

(Nguyễn Khuyến làm hộ một anh học trò lớn tuổi khóc bố vợ)

摧群吮之猥矐拧霄握添熄餒
奄朱匍偏甫括濃挹冷沛填恩

Thôi còn nói chi con, nắng giữ mưa gìn thêm tức nỗi;

Đã cho vào bạc bố, quạt nồng ấp lạnh phải đền ơn.

(Câu đối của một nhà nho thất thập vẫn đa tình đọc trước các cô đào hát trẻ)

禮壽觥進悵娛諾
鉅迢霖沒詭吒民

Lễ thọ năm mươi mừng mẹ nước;

Bạc đưa trăm một chết cha dân.

(Dịp lễ thọ “Ngũ tuần đại khánh” của mẹ kế vua Khải Định,

Từ Đạm ra về đôi. Có người đối lại)

暮秋牕尨蓬遡崗
頭黻更觥噲嶺

Mùa thu tháng chín lên chơi núi;

Đầu trống canh năm gọi “thùng đồ”.

*(“thùng đồ” tức đồ thùng. Xưa ở thành phố đến giờ ấy người ta đi đồ
thùng phân) (Một người khác đối lại câu của Từ Đạm)*

戰陣蹤蓮忝拱馳
劍讎捷竈坦群蘇

Chén giận tung lên, trời cũng nhỏ;

Gươm thù đặt xuống, đất còn to.

(Kép Trà người Duy Tiên, Hà Nam làm sau vụ bị gông cùm.

Ông về làng được bạn bè đến thăm hỏi.)

腹醢群固畝迕畚
茶淡香潤諾次仝

Trắng tròn còn có hôm mười sáu;

Trà được hương nhuận nước thứ hai.

*(Câu đối mừng đám cưới một me Tây đương tuổi lấy một viên thông ngôn trẻ
nhưng nghèo)*

吟吻俗語聶爲烙
匍會文明貴一潭

Ngẫm câu tục ngữ “sang vì vợ”;
Vào hội văn minh quý nhất đầm.
(Cũng đăm cười trên, câu đối thứ hai)

茶縷匹村涯飢舂
會溪糝社秩融外

Trà Lũ ba thôn Nhai vào giữa;
Hội Khê tám xã Trật ra ngoài
(Hương Trà Lũ có ba thôn thì tổng Phú Nhai lọt vào giữa. Tổng Hội Khê có tám xã thì xã Bình Trật lại tách ra ngoài xa đến chục cây số.
Những địa danh trên thuộc Nam Định và Thái Bình cũ)

燈撩堆爍罌方茄
臄燎炤燿閤襟崗

Đèn treo rọi sáng bốn phương nhà;
Trăng tỏ chiếu soi muôn cụm núi.
(Câu đối của một thầy đồ và Trần Cao Vân, người phủ Điện Bàn, Quảng Nam)

行藏軫孔孟
改化混乾坤

Hành tàng giống Khổng Mạnh;
Cải hóa con càn khôn.
(Kẻ sĩ phải như Khổng Tử, Mạnh Tử dạy: gặp thời nên ra mà hành động, không gặp thời phải nấu mình đi. Làm người muốn xứng đáng là con của càn khôn thì phải cải hóa để ngày càng tiến bộ)
(Câu đối của một ông cử nhân và Trần Cao Vân)

蚩遠諾坤算役諾粹擠枸所以沛路
吟事代鷹啐朱代料旺昧跣兜哈妬

Ngôi trên nước khôn toan việc nước, trót buông câu sớ dĩ phải lần;
Ngẫm sự đời mà ngán cho đời, liễu nhắm mắt tới đâu hay đó.
(Về trên của Trần Cao Vân thác lời vua Duy Tân để thử Nguyễn Hữu Bài, là viên đại thần. Bài giả vờ thờ than đối lại).

沒脛蹻西咄職重咄官聶吏文懶投罌議罷
買代悞諾固熱情固學識阮文傳買透情民

Một dạ theo Tây, dù chức trọng, dù quan sang,
Lại Văn Mẩn vẫn là nghị gặt;
Mấy đời yêu nước, có nhiệt tình, có học thức,
Nguyễn Văn Truyền mới thấu tình dân.
(Câu đối của Nguyễn Ngọc Giáp, người làng Phương Ngải, Kiến Xương làm về việc tranh cử nghị viên thời Pháp ở Kiến Xương, Thái Bình)

Khi ông sống, ông để anh để chị, ông để vợ tôi, nay được sáu tuần
thêm tám lẻ;
Giờ ông chết, ông bỏ cửa bỏ nhà, ông bỏ bà lão, ai ngờ một phút hóa
trăm năm.

(Nguyễn Khuyến làm hộ một anh học trò lớn tuổi khóc bố vợ)

摧群吮之猥曠拧膚握添熄餒
奄朱飽偈甫括濃挹冷沛填恩

Thôi còn nói chi con, nắng giữ mưa gìn thêm tức nỗi;

Đã cho vào bạc bố, quạt nồng ấp lạnh phải đền ơn.

(Câu đối của một nhà nho thất thập vẫn đa tình đọc trước các cô đào hát trẻ)

禮壽觥進悵媿諾
鉅迻霖沒莖吒民

Lễ thọ năm mươi mừng mẹ nước;

Bạc đưa trăm một chết cha dân.

(Dịp lễ thọ “Ngũ tuần đại khánh” của mẹ kế vua Khải Định,

Từ Đàm ra vé đối. Có người đối lại)

霧秋腦尨蓮遡崗
頭陂更觥噲嶺

Mùa thu tháng chín lên chơi núi;

Đầu trống canh năm gọi “thùng đồ”.

*(“thùng đồ” tức đồ thùng. Xưa ở thành phố đến giờ ấy người ta đi đổ
thùng phân) (Một người khác đối lại câu của Từ Đàm)*

戰陣蹤蓮忝拱馳
劍鏹捷竈坦群蘇

Chén giận tung lên, trời cũng nhỏ;

Gươm thù đặt xuống, đất còn to.

(Kép Trà người Duy Tiên, Hà Nam làm sau vụ bị gông cùm.

Ông về làng được bạn bè đến thăm hỏi.)

腴醢群固最進耆
茶淡香潤諾次仞

Trăng tròn còn có hôm mười sáu;

Trà đượm hương nhuận nước thứ hai.

*(Câu đối mừng đám cưới một me Tây đứng tuổi lấy một viên thông ngôn trẻ
nhưng nghèo)*

吟响俗語聳爲媼
飢會文明貴一潭

廚辭文獻亞東重道義重倫常些拧泥禱些法鍾鼎
時買文明大法於自由於浪漫奴淫娑姑奴干的玃廊

Ngàn năm văn hiến á Đông, trọng đạo nghĩa, trọng luân thường,
ta giữ nề nếp ta, phép chung trong nước;

Thời mới văn minh đại Pháp, ưa tự do, ưa lãng mạn,
nó dâm bà cô nó, can đích đến làng.

沒儼匹筌鬚
匹具尨筌鬚

Một thằng ba chỏm tóc;

Ba cụ chín chòm râu.

(Câu đối của Kỳ Đồng thuở còn nhỏ)

踣种廊中立
曳略府先興

Đứng giữa làng Trung Lập;

Dấy trước phủ Tiên Hưng.

(Trung Lập nghĩa là đứng giữa; Tiên Hưng nghĩa là dấy trước)

(Câu đối của Kỳ Đồng)

頭正領震台傘幃
蹟奇童蹟沒隻履

Đầu Chánh lãnh che hai tán lọng;

Chân Kỳ Đồng dận một chiếc giầy.

(Câu đối trong giai thoại về Kỳ Đồng)

臙擲昧犄貓踣撐
簪掠悉魴鯽蹠過

Liếp đan mắt cáo mèo chui lọt;

Rổ dóc lòng tôm tép vượt qua.

(Câu truyền miệng trong dân gian)

褫牡丹朱媿叢
抗附子朱吒毘

Lấy mẫu đơn cho mẹ đỡ;

Dem phụ tử cho cha con.

(Theo âm, mẫu đơn nghĩa là mẹ đỡ; theo âm phụ tử là cha con)

(Câu đối của Hồ Xuân Hương và một ông khách lạ)

冊論語仁進篇篇帛空固啖孔子
金剛固糝部部帛空固孖南無

Sách Luận ngữ hai mươi thiên, thiên nào không có lời Khổng Tử;

Kinh Kim cương có tám bộ, bộ nào không có chữ Nam mô.

(Câu đối của một nhà nho làm, nhưng giải thích sai lầm về việc
Lê Quý Đôn thì chỉ đồ Bảng nhân).

沒飽唧煨洒泣東關理成敗駱鑒坦珠江肝秋涿淚
醞悉氣節悶趨西洋悉憂愛固承民布圻閭瞿空頡

Một bầu máu nóng tươi khắp Đông Quan, lẽ thành bại khó bàn, đất
Châu Giang ngàn thu rơi lệ;

Đây lòng khí tiết muốn đuổi Tây Dương, lòng ưu ái có thừa, dân Bồ
Kỳ muốn thuở không quên.

(Câu đối của giới Văn thân Thái Bình khóc Phạm Huy Quang, một danh
nhân yêu nước chống Pháp, quê làng Phù Lưu, huyện Đông Quan nay là xã
Đông Sơn, huyện Đông Hưng, Thái Bình).

權稻衬矜龍靈地

隄隄頭樹紹化天

Quyền rơm vạ đá Long Linh địa;

Đít thốt đầu chà Thieu Hóa thiên.

(Câu đối của Xiển Bột và Lý trưởng theo Truyện cười Xiển Bột,
Nxb. Thanh niên, H., 2000).

昧鼎野嗽浸罍嗽自占五行正氣

襟如螻蛄如蟻奇肝題一路福星

Mắt trắng dã, môi thâm sì, dám tự chiếm Ngũ Hành chính khí;

Gặp như sâu, khoét như mọt, cả gan đề Nhất lộ phúc tinh.

(Một viên quan tự đề cao mình mang khí thiêng núi Ngũ Hành và chỉ có một
con đường làm phúc cho thiên hạ. Câu đối của viên quan trên, bị Xiển Bột
chữa thêm vào).

匱官蚩咼醢

罍往潯醢鉗

Ba quan ngồi uống rượu;

Bốn chó đứng chịu cơm.

(Câu đối của quan phủ Thọ và Xiển Bột)

官縣石過堦渡石

昆往黃安局駢黃

Quan huyện Thạch qua bến đò Thạch;
Con chó vàng ăn cục cứt vàng.
(Câu đối của quan huyện Thạch và Xiển Bột)

襖麤扶駮樓
幌靛震隄馭
Áo đồ quét cứt trâu;
Lọng xanh che đít ngựa.
(Câu đối của tri huyện Lê Kim Thăng và Xiển Bột)

樗七分打隄娼學徒
幌八瓦震頭吒官猷
Roi thất phân đánh đít mẹ học trò;
Lọng bát bông che đầu cha quan lớn.
(Câu đối của quan huyện và Xiển Bột buổi chợ tết)

辭箕春辭外春辭尼春春不再
翁督壽翁西壽翁縣壽壽無疆
Năm kia xuân, năm ngoái xuân, năm nay xuân, xuân bất tái;
Ông đốc Thọ, ông Tây Thọ, ông huyện Thọ, Thọ vô cương.
(Câu đối mừng tuổi quan của Xiển Bột)

辣媽沒念嶽損諾
省養閨睺堯如群
Trai gái một niềm non với nước;
Tiếng thơm muôn thuở thác như còn.
(Câu đối viếng liệt sĩ sau cuộc biểu tình của nông dân Tiền Hải năm 1930)

祖先閨睺顯靈茂強僥穰紆裕
猓招彪皮進步睺添穰蘿鮮梗
Tổ tiên muôn thuở hiển linh, đời càng vững cây bên gốc;
Con cháu nhiều bề tiến bộ, ngày thêm thắm lá tươi cành.

先祖固功穰核德
祇行鍾飭搭埤仁
Tiên tổ có công trồng cây đức;
Họ hàng chung sức đắp nền nhân.
(Câu đối ở cổng từ đường họ Phạm thôn Phương Trạch, xã Phương Công, huyện Tiền Hải, Thái Bình)

官侍搭塘金蓬垠洪水朱民得捉
茹儒杜頭榜眼決爭魁時志買甘

Quan thi đắp đường Kim Bồng, ngân hồng thủy cho dân được cày;
Nhà nho đỗ đầu Bảng nhãn, quyết tranh khôi thi chí mới cam.

(Giai thoại Vũ Duy Thanh, thời Nguyễn)

茹漢堆厓間沒柴沒姑沒狂媽
學徒齷黷丁婢得婢癡婢擡猿

Nhà dột đôi ba gian, một thầy một cô, một chó cái;
Học trò năm bảy đứa, nửa người nửa ngợm, nửa đười ươi.

(Giai thoại Cao Bá Quát)

民族弥傳碑刻功恩坤掣計
英雄雖屈詞燭史冊沕群原

Dân tộc di truyền bia khắc công ơn khôn xiết kể
Anh hùng tuy khuất gương soi sử sách vẫn còn nguyên

冷汀栖渌眼椰梟
隴朗達梗戡蔑撐

Lênh đênh mặt nước buổi dừa trắng;
Lũng lảng trên cành dái mít xanh.

(Nguyễn Khuyến)

喝哈正甲歸仁寔
學嗜亦官廣義邇

Hát hay chính khếp Quy Nhơn thiệt;
Học dở làm quan Quảng Ngãi chơi.

(Giai thoại Đào Tấn)

跣齏璘卿相公侯縉鬚漱隊
舁舁笠縉僂之仞謁曳悉縉

Bước ra sân, Khanh tướng công hầu, mày râu nhẵn nhụi;
Vào trong rạp, mày tao chi tứ, cặc dái lông thông.

(Giai thoại Nguyễn Hiền Đình)

忠罵埃義罵埃巾帶網幃罵埃他底孤臣死別
仝存妬坦群妬社稷山河群妬蒙朱聖上生還

Trung là ai, nghĩa là ai, cân đai võng lọng là ai?

Thà để cô thân tử biệt;

Trời còn đó, đất còn đó, xã tắc sơn hà còn đó!

Mong cho thánh thượng sinh hoàn.

(Trần Cao Vân)

罌肝類棍鞞坦坡茹收揲吏立鉞牌正氣
𠂔森位君臣垓糲祖𦵏𦵏罌鍊袪劑回春

Bốn nghìn loài cây cỏ đất bờ nhà, thu xếp lại, lập nên bài chính khí;
Ba trăm vị quân thần nên nếp tổ, mở mang ra, luyện lấy tế hội xuân.

(Nguyễn Thượng Hiền)

天下穀耒群燭炮
人情箔勢來盃殛

Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo;
Nhân tình bạc thế lại bôi vôi.

(Tú Xương)

囁哄台梯空炮空破宇拱空席節
推拱特醕固肺固餅蒸拱固承春

Nực cười thay, nêu không pháo không, vôi bột cũng không; mà Tết;
Thôi cũng được, rượu có nem có, bánh chưng cũng có; thừa Xuân..

(Như trên)

軒昂拂鬣袪霜標塘正覺
唐陞隊丞踏坦振埃涅槃

Hiên ngang phát gió rẽ mây, nêu đường chính giác;
Đường bề đội trời đạp đất, chấn cỗi niết bàn.

(Chùa Quán Sứ)

沒陣淹藤泝鬣屯散魂逆賊
肝秋嶽藥炮𦵏群聚氣英雄

Một trận Sông Đằng, sóng gió đã tan hồn nghịch tặc;
Ngàn thu Non Dục, khói bay còn tụ khí anh hùng.

(Thờ Trần Hưng Đạo ở Dục Sơn, Chí Linh)

丞𦵏執闕民欺𦵏將欺𦵏希泣南北東西調奮振
聖罌拯救世寔固名寔固位徐誓胎氣數庫埃皮

Trời xuống giúp muôn dân; khi làm tướng, khi làm vua;
khắp nam bắc đông tây, đều phấn chấn;

Thánh ra tay cứu thế; thực có danh, thực có vị;
từ xưa nay khí số, khó ai bì.

(Thờ vua Quang Trung, Chùa Bộc, Hà Nội)

陵秋𦵏更悽慘蔓漠𦵏撐樓玉茹鑽曉浪汜
京春肝𦵏賒瀉𦵏𦵏霜泊淹蘆崗傘肝疔盆

Trắng thu năm canh thê thảm; man mác chim xanh, lầu ngọc,
nhà vàng; trông lặng ngắt;

Kinh xuân nghìn dặm xa vời; hững hờ mây bạc, sông Lô,
núi Tản; ngó đau buồn!

(như trên)

七斬疏群養 劉史嗟朱從賣國
六經爐燼 鬼扁英招買淮名鄉

Thất trăm số còn thơ, gương sử thẹn cho tướng mại quốc;
Lục kinh tro chứa nguội, biển huỳnh treo mãi chốn danh hương.

(Đền thờ Chu Văn An, Thịnh Liệt, Hà Nội)

犖署犖柴爲固學

奴啞奴柏罷能示

Nên thợ nên thầy vì có học;

No ăn no mặc bởi hay làm.

(Điện Lưu Quang, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, huyện Chí Linh, Hải Dương)

市城呵沛涓洞龜

狩義牢犖紂士風

Thị thành há phải quên đồng ruộng;

Chữ nghĩa sao nên buộc sĩ phong.

(Phạm Dương Am; thế kỷ 19)

擘趺空度力

投罟犖喝悉

Bon chen không đủ sức;

Vun bôn nên hết lòng.

(như trên)

英俺脾陋沒雄心 猓鵠招鴻標義奇

氣節創煒仁志士 嶽常涓魯吃魂養

Anh em ruột thịt một hùng tâm, con Lạc cháu Hồng nêu nghĩa cả;

Khí tiết sáng ngời hai chí sĩ, non Thường dòng Lỗ ngát hồn thơm.

(Viếng Phạm Hoàng Khuê, Phạm Hoàng Triết, 1913)

鑿椿迢偶散念俗

魂蛻麻仙客事農

Gió thông đưa kẻ tan niềm tục;

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.

(Giải thoại vua Lê Thánh Tông và Sư ni ở chùa Bà Đanh, Hà Nội).

詭世共榮光爲諾爲民碑碣鑿
姘箕罍奴隸僂震僂拒罪獮搭

Chết thế cũng vinh quang vì nước vì dân bia đá tạc

Sống kia là nô lệ thành Chấn thành Cự tội voi dày.

*(Các sĩ phu Nam Đàn, Nghệ An, chữ Nguyễn Văn Chấn,
Nguyễn Cảnh Cự bắt vua Duy Tân, được thực dân Pháp cho hàm
"trúc chúa nguyên huân".*

Phần III

CÂU ĐỐI CHỮ HÁN

CÂU ĐỐI TẾT



Tam quan chùa Từ Hiếu

(TP. Huế)

Ảnh Vương Anh

百花吐艷春風暖
萬象更新國運昌

*Bách hoa thỏ diễm xuân phong noãn;
Vạn tượng canh tân quốc vận xương.*
Trăm hoa đua nở hơi xuân ấm;
Muôn vẻ đổi thay vận nước vui.

天增歲月人增壽
春滿乾坤福滿門

*Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ;
Xuân mãn càn khôn phúc mãn môn.*
Trời thêm năm tháng người thêm thọ;
Xuân khắp đất trời phúc mọi nhà.

田野春光真好
農家歲月更新

*Điền dã xuân quang chân hảo;
Nông gia tuế nguyệt canh lân.*
Đồng ruộng xuân tươi vui thực;
Nhà nông năm tháng mới hơn.

春來也魚龍變化
時至矣桃李芳菲

*Xuân lai dã ngư long biến hoá;
Thời chí hĩ đào lý phương phi.*
Xuân về nhĩ cá rồng biến hoá;
Thời đến ư đào mạn thơm hương.

和順一門添百福
平安二字值千金

*Hoà thuận nhất môn thêm bách phúc;
Bình an nhị tự trị thiên kim.*
Hoà thuận một nhà thêm trăm phúc;
Bình an hai chữ giá ngàn vàng.

心地光明千丈霽
家庭和睦四時春

*Tâm địa quang minh thiên trượng tễ;
Gia đình hoà mục tứ thời xuân.*
Lòng dạ quang minh ngàn trượng quý;
Gia đình hoà thuận bốn mùa xuân.

數點桃花知晚歲
一香地餅報新春

*Số điểm đào hoa tri vãn tuế;
Nhất hương địa bính báo tân xuân.
Mấy đoá hoa đào hay tết đến;
Một làn bếp bánh báo xuân về.*

人逢盛世精神爽
歲轉陽春氣象新

*Nhân phùng thịnh thế tinh thần sảng
Tuế chuyển dương xuân khí tượng t
Tinh thần sảng khoái vui thời th
Cảnh mới xuân tươi đón giao thừ*

獨立自由貴真貴
勞動英雄榮更榮

*Độc lập tự do quý chân quý;
Lao động anh hùng vinh cánh vinh
Độc lập tự do quý thật quý;
Lao động anh hùng càng vinh*

昇平盛世興歌溢
幸福民生得意多

*Thăng bình thịnh thế hưng ca dật;
Hạnh phúc dân sinh đắc ý đa.
Hoà bình đời thịnh vui khúc hát;
Hạnh phúc nhân dân thoả ý mừng.*

鴻嶺萬年銘偉績
藍江千古涉恩波

*Hồng Lĩnh vạn niên minh vĩ tích;
Lam Giang thiên cổ thiệp ân ba.
Hong Lĩnh muôn năm ghi nghiệp lớn;
Lam Giang nghìn thuở thấm ơn xa.*

萬里江山新景色
三圻骨肉喜團圓

*Vạn lý giang sơn tân cảnh sắc;
Tam kỳ cốt nhục hỉ đoàn viên.
Muôn dặm non sông vừa đổi mới;
Ba kỳ ruột thịt lại chung vui.*

自由歌曲聞閩里
獨立紅旗燦日天

*Tự do ca khúc văn lư lý;
Độc lập hồng kỳ xán nhật thiên.
Tự do ca hát vang hàng xóm;
Độc lập cờ hồng rực sáng ngời.*

救國有丹心民族最隆惟獨立
愛民堅夙志民權無價是自由

*Cứu quốc hữu đan tâm, dân tộc tối long duy độc lập;
Ái dân kiên túc chí, dân quyền vô giá thị tự do.
Cứu quốc có lòng son, dân tộc tối cần là độc lập;
Yêu dân bền chí hướng, dân quyền vô giá ấy tự do.*

爲獨立自由願團結團結大團結
謀富強幸福必成功成功大成功

*Vì độc lập tự do, nguyện đoàn kết đoàn kết đại đoàn kết;
Mưu phú cường hạnh phúc, tất thành công thành công đại thành công.
Vì độc lập tự do đã nguyện “Đoàn kết đoàn kết đại đoàn kết”;
Mưu mạnh giàu hạnh phúc tất được “Thành công thành công đại thành công”.*

明月清風百類魚禽皆國色
金枝玉葉四時花草有天香

*Minh nguyệt thanh phong bách loại ngư cầm giai quốc sắc;
Kim chi ngọc diệp tứ thời hoa thảo hữu thiên hương.
Gió mát trăng thanh, trăm loại ngư cầm đều quốc sắc;
Cành vàng lá ngọc, bốn mùa hoa thảo có hương trời.*

勝友如雲同頌黨恩深重
壽筵從簡不忘國事興隆

*Thắng hữu như vân đồng tụng đảng ân thâm trọng;
Thọ diên tòng giản bất vong quốc sự hưng long.
Bạn tốt như mây, cùng ca ơn Đảng sâu rộng;
Chiếu thọ theo tuổi, chẳng quên việc nước chấn hưng.*

春風送暖歸楊柳
細雨飛紅上碧桃

*Xuân phong tống noãn quy dương liễu;
Tế vũ phi hồng thượng bích đào.
Gió xuân đưa ấm cho dương liễu;
Mưa nhẹ thêm hồng đến bích đào.*

百鳥和鳴歌序曲
萬民歡愉慶丰年

*Bách điểu hoà minh ca tứ khúc;
Vạn dân hoan dự khánh phong niên.
Chim chóc hoà ca cùng khúc nhạc;
Muôn dân vui vẻ đón được mùa.*

物阜財丰民幸福
俗淳風正國昌隆

*Vật phụ tài phong dân hạnh phúc;
Tục thuần phong chính quốc xương long.
Của cải nhiều lên dân hạnh phúc;
Thuần phong mỹ tục nước phồn vinh.*

幸福堂前無限樂
長春花下有餘香

*Hạnh phúc đường tiền vô hạn lạc;
Trường xuân hoa hạ hữu dư hương.
Hạnh phúc đầy nhà vui khôn xiết;
Xuân tươi hoa nở về thêm hương.*

江山畫卷描新樣
桃李春風改舊觀

*Giang sơn hoạ quyển miêu tân dạng;
Đào lý xuân phong cải cựu quan.
Non sông bức vẽ tinh thần mới
Đào mạn vào xuân nét đổi xưa.*

江山盛世春風里
日月新天畫景中

*Giang sơn thịnh thế xuân phong lý;
Đào lý tân thiên hoạ cảnh trung.
Non sông thời thịnh xuân về khắp;
Ngày tháng mới nay cảnh đẹp đầy.*

千村笑語千村果
一路春風一路花

*Thiên thôn tiếu ngữ thiên thôn quả;
Nhất lộ xuân phong nhất lộ hoa.
Nghìn thôn cười nói nghìn thôn quả;
Một lối xuân về một lối hoa.*

盛世同歌歌盛世
新春共樂樂新春

Thịnh thế đồng ca ca thịnh thế;

Tân xuân cộng lạc lạc tân xuân.

Đời thịnh cùng ca ca đời thịnh;

Xuân về vui hát hát về xuân.

萬頃嘉禾盈瑞氣
千園碩果笑春風

Vạn khoảnh gia hoà doanh thụy khí;

Thiên viên thạc quả tiếu xuân phong.

Vạn ruộng trĩu bông đầy khí tốt;

Nghìn vườn sai quả nhộn xuân vui.

春到農家添异彩
風吹田野吐清香

Xuân đáo nông gia thêm dị thái;

Phong suy điền dã thổ thanh hương.

Xuân đến nhà nông thêm khởi sắc;

Gió bay đồng ruộng nở trong hương.

興業須從勤處得
生財總自儉中來

Hưng nghiệp tu tòng cần xứ đắc;

Sinh tài tổng tự kiệm trung lai.

Dấy nghiệp phải từ cần mẫn được;

Làm giàu đều tự kiệm mà nên.

一歲良辰千古節
百年正朔萬家春

Nhất tuế lương thời thiên cổ tiết;

Bách niên chính sóc vạn gia xuân.

Giờ tốt hàng năm ngàn xưa tết;

Tháng giêng mồng một vạn nhà xuân.

大樹新風光祖國
廣開財路富山鄉

Đại thụ tân phong quang tổ quốc;

Quảng khai tài lộ phú sơn hương.

Tổ quốc vinh quang nhờ gió mới;

Bản làng sung túc bởi làm giàu.

街 頭 燈 影 追 花 影
村 里 梅 香 離 酒 香
*Nhai đầu đăng ảnh truy hoa ảnh;
Thôn lý mai hương tạp tửu hương.*
Đèn hoa lồng bóng đầu đường rọi;
Mai rượu hoà hương khắp xóm thơm.

春 風 春 雨 春 光 好
新 歲 新 年 新 事 多
*Xuân phong xuân vũ xuân quang hảo;
Tân tuế tân niên tân sự đa.*
Gió xuân mưa xuân ánh xuân tốt;
Ngày mới năm mới việc mới nhiều.

鼠 去 牛 來 聞 虎 嘯
民 殷 國 富 看 龍 飛
*Thử khứ ngưu lai văn hổ khiêu;
Dân ân quốc phú khán long phi.*
Chuột chạy trâu về nghe hổ thét;
Dân yên nước thịnh ngó rồng bay.

馬 粵 已 傳 千 道 喜
羊 奔 又 送 萬 家 春
*Mã việt dĩ truyền thiên đạo hỷ;
Dương môn hựu tống vạn gia xuân.*
Nghìn dặm ngựa truyền tin vui khắp;
Muôn nhà dê báo lại xuân về.

辦 事 爲 民 公 仆 志
以 身 作 則 主 人 心
*Biện sự vi dân công bộc chí;
Dĩ thân tác tắc chủ nhân tâm.*
Chí quyết vì dân làm công bộc;
Tâm nêu gương mẫu đức chủ nhân.

牛 耕 綠 野 千 倉 滿
虎 嘯 青 山 萬 木 春
*Ngưu canh lục dã thiên thương mãn;
Hổ khiêu thanh sơn vạn mộc xuân.*
Trâu cấy đồng rậm nghìn kho chất;
Hổ thét non xanh vạn cây xuân.

忠厚一生嫌善少
平安二字值錢多

Trung hậu nhất sinh hiềm thiện thiếu;

Bình an nhị tự trị tiền đa.

Trung hậu một đời hiềm thiện ít;

Bình an hai chữ đáng tiền nhiều.

新春寄意千門富
快馬加鞭萬里程

Tân xuân ký ý thiên môn phú;

Khoái mã gia tiên vạn lý trình.

Xuân về đặc ý nghìn nhà phú;

Tuấn mã thêm roi vạn dặm đường.

政通世泰千門曉
國富民強四海春

Chính thông thế thái thiên môn hiểu;

Quốc phú dân cường tứ hải xuân.

Chính thông đời tốt nghìn nhà sáng;

Nước mạnh dân giàu bốn biển xuân.

東風化雨山山翠
政策歸心處處春

Đông phong hoá vũ sơn sơn thủy;

Chính sách quy tâm xứ xứ xuân.

Mưa về gió ấm non non biếc;

Dạ đón tin trên xứ xứ xuân.

揮毫大寫英雄譜
展卷欣描幸福圖

Huy hào đại tả anh hùng phả;

Triển quyển hân miêu hạnh phúc đồ.

Bộ phả anh hùng tha hồ viết;

Tập tranh hạnh phúc thoả sức tô.

登山望海雲天遠
建國興邦歲月長

Đăng sơn vọng hải vân thiên viễn;

Kiến quốc hưng bang tuế nguyệt trường.

Lên non ngó biển mây trời rộng;

Dựng nước xây nhà năm tháng dài.

梅竹平安春意滿
春萱并茂壽源長

*Mai trúc bình an xuân ý mãn;
Xuân huyền tịnh mẫu thọ nguyên trường.
Mai trúc vui xuân đều mãn ý;
Xoan huyền hưởng thọ thoả dài nguồn.*

月滿一輪輝宇宙
梅香千里到門庭

*Nguyệt mãn nhất luân huy vũ trụ;
Mai hương thiên lý đáo môn đình.
Trăng sáng một vầng soi trời đất;
Mai thơm nghìn dặm đến sân nhà.*

社會繁榮臻大治
人民安樂慶升平

*Xã hội phồn vinh trăn đại trị;
Nhân dân an lạc khánh thăng bình.
Xã hội phồn vinh vui thịnh vượng;
Nhân dân yên lạc thoả thái bình.*

柳岸雨濃千樹綠
桃園春暖萬枝紅

*Liễu ngạn vũ nồng thiên thụ lục;
Đào viên xuân noãn vạn chi hồng.
Bờ liễu đượm mưa nghìn cây biếc;
Vườn đào xuân ấm vạn cành hồng.*

門對青山千里秀
家居旺地四時春

*Môn đối thanh sơn thiên lý tú;
Gia cư vượng địa tứ thời xuân.
Cửa trước non xanh nghìn dặm đẹp;
Nhà trên đất thịnh bốn mùa xuân.*

勤勞澆長生財樹
儉仆托來聚寶盆

*Cần lao nhiêu trường sinh tài thụ;
Kiệm phác thác lai tụ bảo bồn.
Cần lao chăm được cây tài lộc;
Kiệm ước tạo nên chĩnh đựng vàng.*

興邦有策人民福
報國無私赤子心

Hưng bang hữu sách nhân dân phúc;

Báo quốc vô tư xích tử tâm.

Non sông vững bước nhân dân phúc;

Tổ quốc vinh quang đồng chí tâm.

功高不泯忠貞志

位顯更堅公仆心

Công đức bất dãn trung trinh chí;

Vị hiển cánh kiên công bộc tâm.

Trung trinh chí giữ dù công lớn;

Công bộc tâm kiên dãn hiển vinh.

移山不忘愚公志

興業猶存赤子心

Di sơn bất vong Ngu công chí;

Hưng nghiệp do tồn xích tử tâm.

Dời núi chẳng quên Ngu công chí;

Dấy nghiệp phải bền dân chúng tâm.

長幼團圓分歲畢

送迎新舊此宵中

Trường ấu đoàn viên phân tuế tất;

Tống nghênh tân cựu thủ tiêu trung.

Già trẻ đoàn viên theo tuổi tác;

Tiền mừng cũ mới lúc giao thừa.

高歌盛世詩千首

共祝民康酒一杯

Cao ca thịnh thế thi thiên thủ;

Cộng chúc dân khang tửu nhất bôi.

Nghìn bài thơ viết mừng nước thịnh;

Một chén rượu đưa chúc dân khang.

萬象更新承眾志

千花競放賴東風

Vạn tượng canh tân thừa chúng chí;

Thiên hoa cạnh phóng lại đông phong.

Vạn cảnh canh tân nhờ quần chúng;

Nghìn hoa đua nở dựa gió đông.

好借廉風舒畫卷
常將正氣壯詩情

*Hào tá liêm phong thư họa quyển;
Thường tương chính khí tráng thi tình.
Luôn lấy thanh liêm làm bức họa;
Thường đem chính trực để làm thơ.*

萬樹欣隨春水綠
百花爭向艷陽紅

*Vạn thụ hân tùy xuân thủy lục;
Bách hoa tranh hướng diễm dương hồng.
Nước biếc xuân về cây hơn hỏ;
Trời hồng ảm đến vạn hoa đua.*

萬管玉簫歌盛世
千支神筆贊新風

*Vạn quản ngọc tiêu ca thịnh thế;
Thiên chi thần bút tán tân phong.
Muôn ống ngọc tiêu ca thịnh thế;
Nghìn cây thần bút ngợi đời nay.*

萬戶管弦歌盛世
百般紅紫繡芳春

*Vạn hộ quản huyền ca thịnh thế;
Bách ban hồng tử tú phương xuân.
Muôn hộ sáo đàn ca thịnh thế;
Trăm màu hồng tía dệt xuân vui.*

萬眾一心同獻策
百花齊放共爭春

*Vạn chúng nhất tâm đồng hiến sách;
Bách hoa tề phóng cộng tranh xuân.
Quần chúng một lòng chung hiến kế;
Trăm hoa đua nở góp thêm xuân.*

千秋歲月千秋美
萬里江山萬里春

*Thiên thu tuế nguyệt thiên thu mỹ;
Vạn lý giang sơn vạn lý xuân.
Nghìn thu năm tháng nghìn thu đẹp;
Vạn dặm non sông vạn dặm xuân.*

門庭春暖生光彩
田畝年丰樂太平

Môn đình xuân noãn sinh quang thái;

Điền mậu niên phong lạc thái bình.

Sân nhà xuân ấm sinh mậu sắc;

Đồng ruộng bội thu được thái bình.

水流新韻山流翠
竹報平安梅報春

Thủy lưu tân vận sơn lưu thúy;

Trúc báo bình an mai báo xuân.

Nước khơi vẫn mới non khơi biếc;

Trúc báo bình an mai báo xuân.

壯麗山河多异彩
文明國度遍高風

Tráng lệ sơn hà đa dị thái;

Văn minh quốc độ biến cao phong.

Sắc thái non sông bao tráng lệ;

Thời phong đất nước thật văn minh.

清風喜打歡心鼓
綠水暢彈如意琴

Thanh phong hỷ đả hoan tâm cổ;

Lục thủy sướng đàn như ý cầm.

Lòng vui trống gióng nhờ gió mát;

Ý toại đàn hay bởi nước xanh.

江山大好英雄健
天地多情草木春

Giang sơn đại hảo anh hùng kiện;

Thiên địa đa tình thảo mộc xuân.

Non sông vạn tốt anh hùng mạnh;

Trời đất tình nhiều cây cỏ xanh.

青春有限志無限
歲月無情人有情

Thanh xuân hữu hạn chí vô hạn;

Tuế nguyệt vô tình nhân hữu tình.

Tuổi xanh có hạn chí vô hạn;

Năm tháng vô tình người có tình.

舉目看花花滿目
出門見喜喜盈門

*Cử mục khán hoa hoa mãn mục;
Xuất môn kiến hỷ hỷ doanh môn.
Ngước mắt nhìn hoa hoa đầy mắt;
Ra nhà được hỷ hỷ đầy nhà.*

春到山鄉遍地喜
福臨農戶滿庭春

*Xuân đáo sơn hương biến địa hỷ;
Phúc lâm nông hộ mãn đình xuân.
Xuân đến bản làng nơi nơi tốt;
Phúc vào nông hộ chốn chốn xuân.*

春風大雅能容物
秋水文章不染塵

*Xuân phong đại nhã năng dung vật;
Thu thủy văn chương bất nhiễm trần.
Dùng muôn vật, gió xuân thật nhã
Chẳng bụi vương, thu thủy giòng văn.*

春入春天春不老
福臨福地福無疆

*Xuân nhập xuân thiên xuân bất lão;
Phúc lâm phúc địa phúc vô cương.
Xuân nhập trời xuân xuân bất lão;
Phúc vào đất phúc phúc vô biên.*

強身健骨人長壽
盛世丰年國太平

*Cường thân kiện cốt nhân trường thọ;
Thịnh thế phong niên quốc thái bình.
Thân cường cốt mạnh người trường thọ;
Thời thịnh mùa nhiều nước thái bình.*

人傑地靈百業興旺
山歡水笑五谷丰登

*Nhân kiệt địa linh bách nghiệp hưng vượng;
Sơn hoan thủy tiếu ngũ cốc phong đăng.
Nhân kiệt địa linh bách nghiệp hưng vượng;
Sông vui núi nhộn ngũ cốc bội thu.*

倒海移山豪情永在
改天換地樂趣無窮
*Đảo hải di sơn hào tình vĩnh tại;
Cải thiên hoán địa lạc thú vô cùng.*
Lấp biển dời non tinh thần còn mãi;
Đổi trời thay đất hứng thú không cùng.

瑞繞重門增百福
春回甲第集千祥
*Thụy nhiễu trùng môn tăng bách phúc;
Xuân hồi giáp đệ tập thiên tường.*
Tết đến nhiều nhà thêm trăm phúc
Xuân về đầu cửa được nghìn may.

冬去山川齊秀麗
春來桃李共芬芳
*Đông khứ sơn xuyên tề tú lệ.
Xuân lai đào lý cộng phân hương.*
Xinh đẹp đôi khe khi đông hết;
Thơm tho đào mạn lúc xuân về.

新春喜接新時代
大眾歡呼大有年
*Tân xuân hỷ tiếp tân thời đại;
Đại chúng hoan hô đại hữu niên.*
Xuân mới đón mừng thời đại mới;
Đại chúng hoan hô đại được mùa.

正策英明處處生机勃勃
春風得意家家喜气洋洋
*Chính sách anh minh xứ xứ sinh cơ勃勃;
Xuân phong đắc ý gia gia hỷ khí dương dương.*
Chính sách anh minh chốn chốn làm nên lắm lắm;
Gió xuân đúng lúc nhà nhà hớn hở khơi khơi.

政策英明山歡水笑
人心爽快物阜年丰
*Chính sách anh minh sơn hoan thủy tiếu;
Nhân tâm sảng khoái vật phụ niên phong.*
Chính sách anh minh sông cười núi sướng;
Lòng người sảng khoái vật bội năm hên.

爲人民服務一腔熱血
替群眾理財兩袖清風

*Vì nhân dân phục vụ nhất xoang nhiệt huyết;
Thế quần chúng lý tài lưỡng tu thanh phong.
Phục vụ nhân dân một tấm lòng nhiệt huyết;
Đồ đàn quần chúng hai tay áo thanh phong.*

百業興昌欣逢盛世
萬民愉悅喜接新年

*Bách nghiệp hưng xương hân phùng thịnh thế;
Vạn dân du duyệt hỷ tiếp tân niên.
Bách nghiệp phồn vinh vui mừng thịnh thế;
Muôn dân phấn chấn chào đón tân niên.*

冬去春來千條楊柳迎風綠
民安國泰萬里山河映日紅

*Đông khứ xuân lai thiên điều dương liễu nghênh phong lục;
Dân an quốc thái vạn lý sơn hà ánh nhật hồng.
Đông hết xuân về nghìn nhánh dương liễu xanh nhờ gió;
Dân an nước thịnh vạn dặm non sông đỏ ánh dương.*

田野欣臨春雨春風春景
農家喜有新農新谷新家

*Điền dã hân lâm xuân vũ xuân phong xuân cảnh;
Nông gia hỷ hữu tân nông tân cốc tân gia.
Mưa xuân gió xuân cảnh xuân, đồng điền vui đón;
Áo mới lúa mới nhà mới, nông nghiệp mừng vui.*

梅柳迎春萬里東風綻桃李
椿萱含笑一門氣樂桑榆

*Mai liễu nghênh xuân vạn lý đông phong trạn đào lý;
Xuân huyền hàm tiếu nhất môn khí lạc tang du.
Mai liễu đón xuân vạn dặm gió đông đùa đào mạn;
Xoan huyền ngậm nụ cả nhà vui vẻ với dâu tằm.*

國事和平一家團聚
春光浩蕩四境安寧

*Quốc sự hoà bình nhất gia đoàn tụ;
Xuân quang hạo dãng tứ cảnh an ninh.
Việc nước yên bình cả nhà đoàn tụ;
Ánh xuân lồng lộng bốn cõi thái hoà.*

汗水潤喉歡唱丰收曲
政策指路敲開致富門

Hân thủy nhuận hầu hoan xướng phong thu khúc;

Chính sách chỉ lộ khai trí phú môn.

Mở hôi nhuận giọng hát lên khúc mùa được;

Chính sách chỉ đường gọi mở hướng làm giàu.

鑼鼓喧天共奏迎春妙曲

風雷動地同抒蹈海豪情

La cổ huyền thiên cộng tấu nghênh xuân diệu khúc;

Phong lôi động địa đồng trữ đạo hải hào tình.

Khúc nhạc chào xuân hợp tấu vang trời chiêng trống;

Tinh thần vượt biển cùng lúc động đất sấm vang.

美酒千杯共享農歡樂

山歌萬曲唱政策英明

Mỹ tửu thiên bôi cộng hưởng nông hoan lạc;

Sơn ca vạn khúc xướng chính sách anh minh.

Rượu tốt nghìn ly cùng hưởng nhà nông vui vẻ;

Dân ca vạn khúc đồng hát chính sách anh minh.

高舉長山火炬續寫創業史

發揚光榮傳統高唱正氣歌

Cao cử Trường Sơn hoả cự tục tả sáng nghiệp sử;

Phát dương quang vinh truyền thống cao xướng chính khí ca.

Dương cao bó đuốc Trường Sơn viết tiếp trang sử mới;

Phát huy truyền thống quang vinh hát vang khúc hành ca.

越馬揚鞭萬眾一心驅窮白

飛花點翠十兆雙手織河山

Việt mã dương tiên vạn chúng nhất tâm khu cùng bạch;

Phi hoa điểm thủy thập triệu song thủ chức hà sơn.

Tuần mã thêm roi quần chúng một lòng xua nghèo đói;

Hoa thù điểm bích chục triệu đôi tay dệt non sông.

水笑山歡人勤春早年年好

花香鳥語國泰民安日日新

Thủy tiếu sơn hoan nhân cần xuân tảo niên niên hảo;

Hoa hương ngữ quốc thái dân an nhật nhật tân.

Tốt đến năm năm non vui người mẫn mừng xuân sớm;

Ngày ngày đổi mới chim hót hoa thơm đón thái bình.

新歲雨晴祖國千桃爭盛放
故園春滿鄉村百鳥共歸來

Tân tuế vũ tình tổ quốc thiên đào tranh thịnh phóng;

Cố viên xuân mãn hương thôn bách điểu cộng quy lai.

Năm mới ngót mưa tổ quốc nghìn đào tranh nở toả;
Vườn xưa xuân đến quê hương bách điểu rủ nhau về.

擊筑且高歌英雄氣洽三杯酒
彈琴復長嘯壯士胸羅百萬兵

Kích cùng thả cao ca anh hùng khí hiệp tam bôi tửu;

Đàn cầm phúc trường khiêu tráng sĩ hùng la bách vạn binh.

Gõ gậy lại cao ca anh hùng khí hiệp ba ly rượu;
Gảy đàn rồi hú lớn tráng sĩ trong lòng bách vạn binh.

移風易俗

除舊布新

Di phong dị tục;

Trừ cựu bố tân.

Dời phong đổi tục;

Trừ cựu tiếp tân.

門迎百福

戶納千祥

Môn nghênh bách phúc;

Hộ nạp thiên tường.

Cửa chào bách phúc;

Nhà đón nghìn lành.

春風墨韻

夜雨書聲

Xuân phong mặc vận;

Đạ vũ thư thanh.

Gió xuân làm thơ;

Mưa đêm đọc sách.

祥光滿室

瑞氣盈門

Tường quang mãn thất;

Thụy khí doanh môn.

Điềm tốt khắp nhà;

Khí lành đầy cửa.

一方和氣
四面春風

*Nhất phương hoà khí;
Tứ diện xuân phong.*
Một vùng hoà khí;
Bốn phía xuân phong.

花迎喜氣
鳥唱春光

*Hoa nghênh hỷ khí;
Điểu xướng xuân quang.*
Hoa chào điềm tốt;
Chim hát ánh xuân.

天開淑景
人樂丰年

*Thiên khai thực cảnh;
Nhân lạc phong niên.*
Trời mở cảnh thịnh;
Người vui bội thu.

全家福氣
滿院春光

*Toàn gia phúc khí;
Mãn viện xuân quang.*
Toàn gia hưởng phúc;
Khắp chốn ánh xuân.

春光普照
福氣長臨

*Xuân quang phổ chiếu;
Phúc khí trường lâm.*
Ánh xuân chiếu khắp;
Điềm phúc dài lâu.

新年朝氣
古國雄風

*Tân niên triêu khí;
Cổ quốc hùng phong.*
Năm mới khí mới;
Nước cổ nếp hùng.

十分春色
萬里鵬程
*Thập phân xuân sắc;
Vạn lý bằng trình.
Sắc xuân đầy khắp;
Đường đi muôn dặm.*

九州永泰
四季長春
*Cửu châu vĩnh thái;
Tứ quý trường xuân.
Toàn quốc thái hoà;
Bốn mùa đều xuân.*

江山如畫
大地皆春
*Giang sơn như hoạ;
Đại địa giai xuân.
Non sông như vẽ;
Khắp chốn đều xuân.*

江山永固
廣宇同春
*Giang sơn vĩnh cố;
Quảng vũ đồng xuân.
Non sông bền vững;
Trời đất cùng xuân.*

日出千山秀
花開萬里香
*Nhật xuất thiên sơn tú;
Hoa khai vạn lý hương.
Trời rạng nghìn non đẹp;
Hoa nở vạn dặm thơm.*

臘月初臨福
新年又報祥
*Lạp nguyệt sơ lâm phúc;
Tân niên hựu báo tường.
Tháng chạp phúc mới đến;
Đầu năm lại có mừng.*

千 峰 月 色

四 海 春 光

Thiên phong nguyệt sắc;

Tứ hải xuân quang.

Nghìn non trắng sáng;

Bốn biển ánh xuân.

春 爲 一 歲 首

梅 占 百 花 魁

Xuân vi nhất tuế thủ;

Mai chiếm bách hoa khôi.

Một năm xuân là nhất;

Trăm hoa mai đến đầu.

紅 旗 映 日

白 米 迎 春

Hồng kỳ ánh nhật;

Bạch mễ nghênh xuân.

Cờ hồng ánh nhật;

Gạo trắng mừng xuân.

河 清 海 晏

人 壽 年 丰

Hà thanh hải yến;

Nhân thọ niên phong.

Sông trong biển lặng;

Người thọ năm vui.

春 降 千 門 福

花 開 萬 戶 歡

Xuân giáng thiên môn phúc;

Hoa khai vạn hộ hoan.

Xuân về muôn nhà phúc;

Hoa nở vạn hộ vui.

神 州 騰 昇 彩

祖 國 頌 新 章

Thần châu đằng dị thái;

Tổ quốc tụng tân chương.

Muôn sắc hoà sông núi;

Văn mới ngợi nước nhà.

風調雨順
國泰民安

*Phong điều vũ thuận;
Quốc thái dân an.
Gió hoà mưa thuận;
Nước thịnh dân vui.*

萬家騰笑語
四海慶新春

*Vạn gia đằng tiếu ngữ;
Tứ hải khánh tân xuân.
Muôn nhà vui cười nói;
Bốn biển chúc xuân về.*

陽光凝大地
春色入人家

*Dương quang ngưng đại địa;
Xuân sắc nhập nhân gia.
Ánh dương đây khắp chốn;
Xuân sắc đến từng nhà.*

燕語千門曉
鶯聲萬戶春

*Yến ngữ thiên môn hiểu;
Oanh thanh vạn hộ xuân.
Yến hót nghìn nhà sáng;
Oanh ca vạn hộ xuân.*

春風添畫意
歲月賦詩情

*Xuân phong thêm hoạ ý;
Tuế nguyệt phú thi tình.
Gió xuân thêm ý hoạ;
Năm tháng đọng tình thơ.*

年豐人益壽
春早福盈門

*Niên phong nhân ích thọ;
Xuân táo phúc doanh môn.
Năm vui người thêm thọ;
Xuân sớm phúc đầy nhà.*

風來花自舞
春入鳥能言

*Phong lai hoa tự vũ;
Xuân nhập điệu năng ngôn.*
Gió lùa xui hoa múa;
Xuân đến khiến chim ca.

春暖群芳喜
風清百鳥鳴

*Xuân noãn quần phương hỷ;
Phong thanh bách điệu minh.*
Xuân ấm muôn hương toả;
Gió lùa bách điệu ca.

國家行善政
民眾享康寧

*Quốc gia hành thiện chính;
Dân chúng hưởng khang ninh.*
Nước nhà đường lối tốt;
Dân chúng hưởng an ninh.

紅點桃花嫩
青描柳色新

*Hồng điểm đào hoa nộn;
Thanh miêu liễu sắc tân.*
Đào non hoa hồng điểm;
Liễu mới sắc xanh tô.

太平真富貴
春色大文章

*Thái bình chân phú quý;
Xuân sắc đại văn chương.*
Thái bình là phú quý;
Xuân sắc ấy văn chương.

花沐春雨艷
福依黨恩生

*Hoa mộc xuân vũ diễm;
Phúc y Đảng ân sinh.*
Hoa tắm mưa xuân nỏ;
Phúc nhờ Đảng mà sinh.

花香能醉蝶
柳色欲迷鶯
*Hoa hương năng túy điệp;
Liễu sắc dục mê oanh.*
Hương hoa làm say bướm;
Sắc liễu khiến mê oanh.

錦繡山河壯
繽紛春色嬌
*Cầm tử sơn hà tráng;
Tân phân xuân sắc kiều.*
Gấm vóc non sông mạnh;
Tươi tắn xuân sắc xinh.

喜雨千山果
和風萬樹花
*Hỷ vũ thiên sơn quả;
Hoà phong vạn thụ hoa.*
Mưa thuận dồi dào quả;
Gió hoà cây nở hoa.

花開春富貴
竹報歲吉祥
*Hoa khai xuân phú quý;
Trúc báo tuế cát tường.*
Hoa nở cho xuân đẹp;
Trúc báo để năm vui.

萬紫千紅地
花團錦簇天
*Vạn tử thiên hồng địa;
Hoa đoàn cầm thốc thiên.*
Đất nghìn hồng vạn tía;
Trời hoa nở gấm thêu.

青山添秀色
碧海泛春潮
*Thanh sơn thêm tú sắc;
Bích hải phiếm xuân triều.*
Núi xanh thêm sắc tú;
Biển biếc nổi triều xuân.

光風千日暖
麗景百花妍

*Quang phong thiên nhật noãn;
Lệ cảnh bách hoa nghiênn.
Gió xuân nghìn ngày ấm;
Cảnh đẹp trăm hoa tươi.*

歲歲平安日
年年如意春

*Tuế tuế bình an nhật;
Niên niên như ý xuân.
Tuế nguyệt bình yên cả;
Năm năm ý xuân vui.*

地暖花長發
林幽鳥任歌

*Địa noãn hoa trường phát;
Lâm u điều nhậm ca.
Đất ấm hoa đua nở;
Rừng sâu chim thoả ca.*

日月紅光照
乾坤喜氣多

*Nhật nguyệt hồng quang chiếu;
Càn khôn hỷ khí đa.
Ngày tháng ánh hồng chiếu;
Trời đất điểm tốt nhiều.*

破除舊腐俗
表現新精神

*Phá trừ cựu hủ tục;
Biểu hiện tân tinh thần.
Hủ tục cũ phải bỏ;
Tinh thần mới cần nêu.*

雞鳴萬戶曉
鶴舞一年春

*Kê minh vạn hộ hiểu;
Hạc vũ nhất niên xuân.
Gà gáy muôn nhà sáng;
Hạc múa một năm xuân.*

天 地 英 雄 氣
風 雲 浩 蕩 春
*Thiên địa anh hùng khí;
Phong vân hạo đãng xuân.*
Trời đất anh hùng khí;
Gió mây lồng lộng xuân.

雞 聲 催 曉 讀
鳥 語 喚 春 耕
*Kê thanh thôi hiếu độc;
Điểu ngữ hoán xuân canh.*
Tiếng gà sớm đọc sách;
Chim hót báo vụ xuân.

勤 勞 方 致 富
和 睦 可 生 財
*Cần lao phương trí phú;
Hoà mục khả sinh tài.*
Chăm làm nên giàu có;
Tử tế được của nhiều.

一 帆 雲 作 伴
千 里 月 相 隨
*Nhất phàm vân tác bạn;
Thiên lý nguyệt tương tùy.*
Mây một thuyền kết bạn;
Trăng nghìn dặm theo cùng.

四 時 花 似 錦
萬 眾 面 皆 春
*Tứ thời hoa tự cẩm;
Vạn chúng diện giai xuân.*
Bốn mùa hoa tựa gấm;
Vạn người mặt đều xuân.

舊 歲 清 除 舊 弊
新 年 樹 立 新 風
*Cựu tuế thanh trừ cựu tệ;
Tân niên thụ lập tân phong.*
Năm cũ tệ cũ quét hết;
Năm mới nếp mới dựng lên.

水 秀 山 青 春 艷
月 圓 花 好 谷 香

*Thủy tú sơn thanh xuân diễm;
Nguyệt viên hoa hảo cốc hương.
Nước biếc non xanh xuân đượm;
Trăng tròn hoa đẹp gạo thơm.*

冬 去 山 青 水 秀
春 來 鳥 語 花 香

*Đông khứ sơn thanh thủy tú;
Xuân lai điểu ngữ hoa hương.
Đông hết non xanh nước biếc;
Xuân về chim hót hoa thơm.*

新 歲 新 年 新 景
春 風 春 雨 春 花

*Tân tuế tân niên tân cảnh;
Xuân phong xuân vũ xuân hoa.
Tuổi mới năm mới cảnh mới;
Mưa xuân gió xuân hoa xuân.*

風 展 紅 旗 似 畫
春 來 綠 水 如 煙

*Phong triển hồng kỳ tự họa;
Xuân lai lục thủy như yên.
Gió thổi cờ hồng tựa vẽ;
Xuân về nước biếc như tranh.*

萬 壑 松 濤 山 雨 過
千 山 花 色 艷 香 生

*Vạn hác tùng đào sơn vũ quá;
Thiên sơn hoa sắc diễm hương sinh.
Vạn lũng thông reo, mưa núi đến;
Ngàn non hoa nở, dậy mùi hương.*

百 鳥 齊 鳴 迎 旭 日
千 山 披 翠 舞 春 風

*Bách điểu tề minh nghênh hức nhật;
Thiên sơn phi thúy vũ xuân phong.
Trăm loại chim ca chào sáng sớm;
Nghìn non mặc biếc đón xuân về.*

十年樹木千秋業
一望江山萬里春

*Thập niên thụ mộc, thiên thu nghiệp;
Nhất vọng giang sơn, vạn lý xuân.
Mười năm trồng cây, nghìn năm ổng;
Một nẻo non sông, vạn dặm xuân.*

一片曉煙楊柳綠
無邊春色杏花紅

*Nhất phiến hiếu yên, dương liễu lục;
Vô biên xuân sắc, hạnh hoa hồng.
Một làn khói sáng, dương liễu biếc;
Vô biên xuân sắc hoa mạn hồng.*

异草奇花點綴春色
幽蘭雅菊美化成鄉

*Di thảo kỳ hoa, điểm xuyết xuân sắc;
U lan nhã cúc, mỹ hóa thành hương.
Cỏ lạ hoa kỳ, tăng thêm xuân đẹp;
Lan thơm cúc nhã, mỹ hóa thành quế.*

紅日照園林芳草年年綠
春風過苗圃鮮花朵朵紅

*Hồng nhật chiếu viên lâm, phương thảo niên niên lục;
Xuân phong quá miếu phổ, tiên hoa đoá đoá hồng.
Trời nắng chiếu rừng trồng, cây đẹp năm năm biếc;
Gió xuân qua vườn ươm, hoa tươi đoá đoá hồng.*

竹林葱郁千峰翠
樹海蒼茫萬頃濤

*Trúc lâm thông uất thiên phong thủy;
Thụ hải thương mang vạn khoảnh đào.
Rừng trúc rậm tươi, nghìn đôi biếc;
Núi thẳm xanh rờn, vạn đám rung.*

青山不老景更秀
碧水長流春欲嬌

*Thanh sơn bất lão, cảnh cánh tú;
Bích thủy trường lưu, xuân dục kiều.
Núi xanh không già, cảnh càng đẹp;
Sông biếc chảy dài, xuân thêm xinh.*

春風吹綠千山樹
旭日驚喧百鳥聲

*Xuân phong suy lục thiên sơn thụ;
Húc nhật kinh huyền bách điểu thanh.*

Gió xuân thổi biếc cây nghìn núi;
Trời sớm gọi về trăm tiếng chim.

春到自然皆有色
時來無地不開花

*Xuân đáo tự nhiên giai hữu sắc;
Thời lai vô địa bất khai hoa.*
Xuân đến khắp nơi đều thêm sắc;
Mùa về mọi chốn lại nở hoa.

林翠天青山河入畫
花香鳥語環境宜人

*Lâm thúy thiên thanh, sơn hà nhập họa;
Hoa hương điểu ngữ, hoàn cảnh nghi nhân.*
Rừng biếc trời xanh, non sông như vẽ;
Hoa thơm chim hót, người hợp môi trường.

銀漢橋成牛女渡
春臺簫引鳳凰飛

*Ngân Hán kiều thành Ngưu Nữ độ;
Xuân đài tiêu dẫn phượng hoàng phi.*
Cầu Ngân Hán giúp Ngưu Nữ gặp;
Sáo đài xuân dẫn phượng hoàng bay.

草綠山青陽春有腳
羊肥牛壯幸福無邊

*Thảo lục sơn thanh, dương xuân hữu cước;
Dương phì ngưu tráng, hạnh phúc vô biên.*
Cỏ biếc non xanh, xuân nồng đã đến;
Dê nhiều bò khỏe, hạnh phúc vô cùng.

崢嶸歲月心潮更比春潮美
錦繡城鄉富日永隨麗日長

*Tranh vanh tuế nguyệt, tâm triều cánh tỷ xuân triều mỹ;
Cẩm tú thành hương, phú nhật vĩnh tùy lệ nhật trường.*
Tháng năm với vợi, tâm triều so với xuân triều đẹp;
Phố làng giàu vóc, phú nhật cùng sánh lệ nhật dài.

萬木欣春隨水綠
百花爭艷向陽紅

*Vạn mộc hân xuân tùy thủy lục;
Bách hoa tranh diễm hướng dương hồng.
Vạn cây mừng xuân theo nước biếc;
Trăm hoa đua sắc hướng trời hồng.*

山峰蒼翠吐春意
水下碧波浴朝暉

*Sơn phong thướng thủy thổ xuân ý;
Thủy hạ bích ba dục triều huy.
Đỉnh núi xanh ngời đầy xuân ý;
Lòng sông sóng biếc tắm ánh mai.*

明珠吐艷春光滿室
白壁生輝喜氣盈門

*Minh châu thổ diễm, xuân quang mãn thất;
Bạch bích sinh huy, hỷ khí doanh môn.
Ngọc trong nhà sắc, ánh xuân đến khắp;
Tường trắng phát quang, vui vẻ đầy nhà.*

人歡馬叫升平世
燕語鶯歌錦繡春

*Nhân hoan mã khiêu, thăng bình thế;
Yến ngữ oanh ca, cẩm tú xuân.
Người vui ngựa hý, cảnh thái bình;
Yến hát oanh ca, xuân gấm vóc.*

花草從中風光美
牧牛曲里春意濃

*Hoa thảo tùng trung, phong quang mỹ;
Mục ngưu khúc lý, xuân ý nùng.
Nhìn đám cỏ hoa, hay trời đẹp;
Nghe khúc chăn trâu, cảm xuân nồng.*

春天草地滿眼綠
喜看故鄉合家歡

*Xuân thiên thảo địa mãn nhãn lục;
Hỷ khán cố hương hợp gia hoan.
Mùa xuân cây cỏ xanh ngút mắt;
Vui ngắm quê hương hợp từng nhà.*

山青水綠景色好
草茂花香牛羊肥

*Sơn thanh thủy lục, cảnh sắc hảo;
Thảo mậu hoa hương, ngưu dương phì.
Non xanh nước biếc, cảnh sắc đẹp;
Cỏ tốt hoa thơm, bò dê nhiều.*

流輝增瑞彩紅橙黃綠映春色
奇葩貫星球青藍紫白放光華

*Lưu huy tăng thụy thái, hồng chanh hoàng lục, ánh xuân sắc;
Kỳ ba quán tinh cầu, thanh lam tử bạch, phóng quang hoa.
Màu mè thêm sắc đẹp, hồng chanh vàng lục, sắc xuân rọi;
Hoa lạ trùm tinh cầu, xanh lam tím trắng, tỏa quang hoa.*

兩廂錦繡藏百貨
一店春風暖萬家

*Lưỡng sương cẩm tú tàng bách hóa;
Nhất điểm xuân phong noãn vạn gia.
Hai hiên gấm vóc gồm bách hóa;
Một quán gió xuân ấm muôn nhà.*

雞唱鴨鳴爭春早
水笑山歡報喜多

*Kê xướng áp minh tranh xuân tảo;
Thủy tiếu sơn hoan báo hỷ đa
Gà gáy vịt kêu xuân đến sớm;
Sông cười núi gọi báo nhiều vui.*

鴨游春池層層波紋皆錦繡
人樂新年行行專業有文章

*Áp du xuân trì, tầng tầng ba văn giai cẩm tú;
Nhân lạc tân niên, hàng hàng chuyên nghiệp hữu văn chương.
Vịt bơi ao xuân, lớp lớp sóng vờn như gấm vóc;
Người vui năm mới, nghề nghề chuyên nghiệp có đường đi.*

花間酒氣春風遠
村里棋聲夜雨寒

*Hoa gian tửu khí xuân phong viễn;
Thôn lý kỳ thanh dạ vũ hàn.
Trong hoa hơi rượu theo xuân đến;
Đầu xóm hội cờ tiếng mưa đêm.*

花承朝霞千苞發
鶯惑春風百囀鳴

*Hoa thừa triêu hà thiên bao phát;
Oanh hoặc xuân phong bách chuyển minh.*

Hoa đón ráng chiều nghìn nụ nở;
Oanh diều gió xuân trăm giọng ca.

春風送暖千絲綠
文壇生彩百花香

*Xuân phong tống noãn thiên ty lục;
Văn đàn sinh thái bách hoa hương.*

Gió xuân đưa ấm nghìn dây biếc;
Đàn văn nhiều sắc trăm hoa thơm.

耀眼宏圖詩中畫
宜心春色畫里詩

*Diệu nhãn hồng đồ thi trung họa;
Nghĩ tâm xuân sắc họa lý thi.*

Choáng mắt cơ đồ, thơ trong họa;
Vừa lòng xuân sắc, họa trong thơ.

豐收詩 豐收畫 詩畫豐收
致富歌 致富舞 歌舞致富

*Phong thu thi, phong thu họa; thi họa phong thu;
Trí phú ca, trí phú vũ; ca vũ trí phú.*

Được mùa thơ, được mùa họa; thơ họa được mùa;
Giàu về ca, giàu về vũ; ca vũ đều giàu.

屏花著雨春還麗
水檻臨風晚更佳

*Bình hoa trước vũ, xuân hoàn lệ;
Thủy hạm lâm phong, vãn cánh giai.*

Hoa che mưa ướt, xuân còn đẹp;
Hiên nước gió vào, muộn càng hay.

太皓·收深霜染白
漁家春曉櫓搖歌

*Thái hạo thu thâm sương nhiễm bạch;
Ngư gia xuân hiếu lô dao ca.*

Sáng trưng thu muộn sương nhuộm trắng;
Nhà chài xuân sớm hát mái chèo.

春樹有情迎過客
名山無恙慰詩人

*Xuân thụ hữu tình nghênh quá khách;
Danh sơn vô恙 ủy thi nhân.
Cây xuân có tình đón khách đến;
Núi lớn không lo nhắc nhà thơ.*

滿院棠花紅聯竹里
一池春水綠遍天涯

*Mãn viện đường hoa, hồng liên trúc lý;
Nhất trì xuân thủy, lục biến thiên nhai.
Đầy sân hải đường, hồng lan xóm trúc;
Một ao nước xuân, xanh tận chân trời.*

游子春來思竹里
故鄉人到問桃鄰

*Du tử xuân lai tư trúc lý;
Cố hương nhân đáo vấn đào lân.
Xa nhà xuân đến nhớ làng trúc;
Quê cũ người qua hỏi xóm đào.*

堤畔鶯花橋畔月
竹邊歌吹柳邊舟

*Đê bần oanh hoa, kiều bần nguyệt;
Trúc bên ca xúy, liễu biên châu.
Xuân đến bên đê, cầu trăng sáng;
Hát ca bên trúc, liễu thuyền vào.*

四面有山皆入畫
一年無日不看花

*Tứ diện hữu sơn giai nhập họa;
Nhất niên vô nhật bất khán hoa.
Bốn phía núi non đều như vẽ;
Suốt năm ngày tháng vẫn có hoa.*

才見早春鶯出谷
更逢晴日柳含煙

*Tài kiến tảo xuân, oanh xuất cốc;
Cánh phùng tinh nhật, liễu hàm yên.
Vừa vào xuân sớm, oanh rời núi;
Lại gặp ngày thanh, liễu quấn mây.*

一片彩霞迎旭日
萬條金線帶春煙

*Nhật phiến thái hà nghênh húc nhật;
Vạn điều kim tuyến đới xuân yên.*
Một mảng ráng màu chào ngày mới;
Muôn giây kim tuyến buộc mây xuân.

詩懷澹處臨春水
文味閑時數落花

*Thi hoài đạm xứ, lâm xuân thủy;
Văn vị nhàn thời, số lạc hoa.*
Thơ khi lòng tĩnh, sông xuân ghé;
Văn lúc thanh nhàn, đếm hoa rơi.

萬壑煙嵐春雨後
千峰蒼翠夕陽中

*Vạn hác yên lam, xuân vũ hậu;
Thiên phong thương thúy, tịch dương trung.*
Sau mưa xuân, khói lam muôn lũng;
Trong ánh chiều, xanh biếc ngàn non.

綠水自然成澗壑
春風無日不山家

*Lục thủy tự nhiên thành giản hác;
Xuân phong vô nhật bất sơn gia.*
Nước biếc tự nhiên nên khe lũng;
Gió xuân ngày đến mỗi nhà sàn.

花塢紅雲春句麗
石潭收水道心空

*Hoa ổ hồng vân xuân cú lệ;
Thạch đàm thu thủy đạo tâm không.*
Mây hồng hoa tụ câu xuân đẹp;
Nước thu đầm đá lòng đạo không.

春雨聲中鶯轉滑
晚霞明處鶴飛來

*Xuân vũ thanh trung oanh chuyển hoạt;
Vãn hà minh xứ hạc phi lai.*
Trong tiếng mưa xuân oanh cao hót;
Vài tia ráng muện hạc bay về.

風聲滿徑竹鏗爾
春氣入林花鬢如

Phong thanh mãn kính trúc kiên nhĩ;

Xuân khí nhập lâm hoa ế như.

Đây lối gió lùa trúc ken đặc;
Chật rừng xuân đến mờ mặt hoa.

看遍好花春睡足
醉殘紅日夜吟多

Khan biến hảo hoa xuân thụy túc;

Túy tàn hồng nhật dạ ngâm đa.

Xem khắp hoa tươi xuân chán ngủ;
Rượu tàn trời sáng tối ngâm thơ.

皓月盈杯心不夜
春雲潤物雨含情

Hạo nguyệt doanh bôi, tâm bất dạ;

Xuân vân nhuận vật, vũ hàm tình.

Trăng sáng ly đầy, đêm chẳng hết;
Mây xuân cảnh đẹp, tình trong mưa.

春風繞榻傳詩韻
雅蝶臨窗掬墨香

Xuân phong nhiễu tháp truyền thi vận;

Nhã điệp lâm song cúc mặc hương.

Gió xuân thổi sập truyền thi hứng;
Bướm đẹp vào song múc mực thơm.

筆下詩聯能蓋世
胸中志氣敢容天

Bút hạ thi liên năng cái thế;

Hung trung chí khí cảm dung thiên.

Dưới bút thơ văn đều cái thế;
Trong lòng chí khí dám bao trời.

麗日和風春淡蕩
花香鳥語物昭蘇

Lệ nhật hòa phong, xuân đạm dăng;

Hoa hương điểu ngữ, vật chiêu tô.

Trời đẹp gió hòa, xuân đâu đó;
Hoa thơm chim hót, cảnh thêm tươi.

官場如戲我如痴入座且聽三疊曲
明月在天燈在市開樽共醉萬家春

*Quan trường như hí ngã như si, nhập tọa thả thính tam điệp khúc;
Minh nguyệt tại thiên đăng tại thị, khai tôn cộng túy vạn gia xuân.*

Làm quan như kịch lại như mê, hãy đến rạp đây nghe hát đã;
Trăng tỏ trên không chợ thêm đèn, nâng chén rượu say vạn nhà xuân.

酒常知節狂言少
心不能清亂夢多

*Tửu thường tri tiết cuồng ngôn thiểu;
Tâm bất năng thanh loạn mộng đa.*

Rượu thường bớt chén lời ít quá;
Tâm chẳng lắng trong ác mộng nhiều.

莫放春秋佳日過
最難風雨故人來

Mạc phóng xuân thu giai nhật quá;

Tối nan phong vũ cố nhân lai.

Chớ để xuân thu ngày đẹp vượt;
Khó khi mưa gió bạn thân thăm.

淡如秋水閒中味
和似春風靜後功

*Đạm như thu thủy nhàn trung vị;
Hòa tựa xuân phong tĩnh hậu công.*

Ý vị trong nhàn đạm như thu thủy;
Công lao sau tĩnh hòa tựa xuân phong.

歌館樓臺聲細細
清明時節雨紛紛

*Ca quán lâu đài, thanh tế tế;
Thanh minh thời tiết, vũ phân phân.*

Nhà hát lầu cao nghe nhạc nhẹ;
Thanh minh thời tiết gió mưa phùn.

一曲陽春喚醒古今夢
兩班面目演盡忠奸情

*Nhất khúc dương xuân, hoán tỉnh cổ kim mộng;
Lưỡng ban diện mục, diễn tận trung gian tình.*

Một khúc đờng xuân, gọi dậy hồn kim cổ;
Hai phe mặt mũi, lột hết dạ gian trung.
(Vịnh hát tuồng)

芳草有情好鳥飛來花笑
瑤臺無鎖美人歸去雲封
*Phương thảo hữu tình, hảo điểu phi lai hoa tiếu;
Đao đài vô tỏa, mỹ nhân quy khứ vân phong.*
Cỏ thơm có tình, chim đẹp bay về hoa nở;
Đài Dao không khóa, mỹ nhân đi khỏi mây che.

鑑權貴收場軍人休得志
看賢良結局志士莫灰心
*Giám quyền quý thu trường, quân nhân hưu đắc chí;
Khán hiền lương kết cục, chí sĩ mạc hoi tâm.*
Soi số phận quyền sang, binh nhì đừng đắc chí;
Ngó kết cục hiền lương, sĩ phu chớ nguội lòng.

眉頭春色十分濃古樂新編橫壯曲
門外長江千里逝民歌誰唱盡真情
*Mi đầu xuân sắc thập phân nồng, cổ nhạc tân biên
hoành tráng khúc;
Môn ngoại trường giang thiên lý thệ, dân ca thùỵ xướng
tận chân tình.*

Đầu mày xuân sắc thập phân nồng, nhạc cổ cải biên hoành tráng khúc;
Ngoài cửa sông dài xuôi ngàn dặm, dân ca ai hát dậy tâm tình.

南望飛雲雕梁畫棟
西來爽氣玉宇瓊樓
*Nam vọng phi vân, điêu lương họa đông;
Tây lai sảng khí, ngọc vũ quỳnh lâu.*
Ngó nam mây lành, cột hoa cửa chạm;
Trông tây khí tốt, hiên ngọc lâu vàng.

氣象藹門庭建築堂皇近水遠山相拱照
文明新棟宇規模橫壯德家仁里滿春光
*Khí tượng ể môn đình, kiến trúc đường hoàng, cận thủy viễn sơn,
tương cụng chiếu;
Văn minh tân đông vũ, quy mô hoành tráng, đức gia nhân lý,
mãn xuân quang.*

Cây cối rợp nhà sân, kiến trúc đường hoàng, gần sông xa núi,
thế che đỡ;

Đời mới lâu ở mới, quy mô hoành tráng, xóm hay làng tốt,
đón xuân về.

百年計劃大啓鴻圖觀窗外綠水青山无
非詩意到
一代文明力修駿德看眼前殤松翠柏墨
有畫心來

*Bách niên kế hoạch, đại khởi hồng đồ; quan song ngoại lục thủy
thanh sơn, vô phi thi ý đáo;*

*Nhất đại văn minh, lực tu tuấn đức; khán nhân tiền thương tùng
thúy bách, mặc hữu họa tâm lai.*

Trăm năm kế hoạch, đầy mạnh cơ đồ, nhìn ngoài cửa nước biếc
non xanh, ý thơ tự nhiên đến;

Một thời văn minh, ra sức rèn luyện, xem trước mắt thông rờn
bách mượt, hứng họa nổi lên theo.

綺席美含千古色

名花艷列四時春

Kỳ tịch mỹ hàm thiên cổ sắc;

Danh hoa diễm liệt tứ thời xuân.

Chiếu quý đượm màu muôn thuở đẹp;

Hoa thơm hương phát bốn mùa xuân.

一室恍如銀世界

四時渾似玉壺冰

Nhất thất hoảng như ngân thế giới;

Tứ thời hỗn tự ngọc hồ băng.

Cả phòng choáng lộn như kho bạc;

Bốn mùa trong vắt tựa ngọc băng.

寒中送炭家家暖

錦上添花户户春

Hàn trung tống than gia gia ôn;

Cẩm thượng thêm hoa hộ hộ xuân.

Rét đến đưa than nhà nhà ấm;

The gấm thêm hoa hộ hộ xuân.

瑞獻雲霞瞻棟宇

輝聯奎壁耀門庭

Thụy hiến vân hà, chiêm đông vũ;
Huy liên khuê bích, diệu môn đình.
Vui báo ráng mây, xem nhà chính;
Sắc liễn ngọc bích, tỏ sân thêm.

幢幢新樓含瑞氣
扇扇明窗納春光
Chàng chàng tân lâu hàm thụy khí;
Phiến phiến minh song nạp xuân quang.
Ngôi ngôi lầu mới đưa diễm tốt;
Lớp lớp cửa sơn dọi ánh xuân.

萬水千山邀客賞
千紅萬紫報春回
Vạn thủy thiên sơn, yêu khách thưởng;
Thiên hồng vạn tử, báo xuân hồi.
Muôn nước nghìn non, mời khách ngắm;
Nghìn hồng vạn tía, báo xuân về.

春風來海上
明月在江頭
Xuân phong lai hải thượng;
Minh nguyệt tại giang đầu.
Gió xuân đến trên biển;
Trăng sáng chiếu đầu sông.

祥雲春暖千家樂
大海波平萬舶來
Tường vân xuân noãn, thiên gia lạc;
Đại hải ba bình, vạn bách lai.
Mây lành xuân ấm, vui nghìn hộ;
Biển rộng sóng yên, đến vạn thuyền.

香送春風令我醉
粉添花氣襲人來
Hương tống xuân phong linh ngã túy;
Phấn thiêm hoa khí tập nhân lai.
Ta say bởi gió xuân hương tỏa;
Người về khi hoa nở phấn gieo.

桃李春風花有韻
芝蘭香氣玉無瑕
*Đào lý xuân phong hoa hữu vận;
Chi lan hương khí ngọc vô hà.
Xuân về đào mạn hoa đua nở;
Hương tỏa chi lan ngọc hết nhơ.*

千里春風勞驛使
三秋芳訊寄鄉人
*Thiên lý xuân phong lao dịch sứ;
Tam thu phương tín ký hương nhân.
Nghìn dặm gió xuân phiền sứ dịch;
Ba thu tin nhắn gửi quê nhà.*

嫩黃嫩綠春前綠
淡白深紅雨後花
*Nộn hoàng, nộn lục, xuân tiền lục;
Đạm bạch, thâm hồng, vũ hậu hoa.
Chôi vàng, chôi biếc, xuân vừa biếc;
Trắng mờ, hồng thắm, mưa gọi hoa.*

桃情不出春之內
菊興多應秋其間
*Đào tình bất xuất xuân chi nội;
Cúc hứng đa ứng thu kỳ gian.
Chơi đào cứ phải khi xuân đến;
Thưởng cúc thường nên lúc thu về.*

美麗春光機中收萬景
新奇珍寶案上到千枚
*Mỹ lệ xuân quang, cơ trung thu vạn cảnh;
Tân kỳ trân bảo, án thượng liệt thiên mai.
Đẹp đề mùa xuân, muôn cảnh ghi trong máy;
Lạ kỳ vật quý, nghìn vật bày trên bàn.*

傳喜信萬里如咫尺
報春風千鄉若鄰邦
*Truyền hỷ tín, vạn lý như chỉ xích;
Báo xuân phong, thiên hương nhược lân bang.
Đưa tin vui, muôn làng như gang tấc;
Báo xuân về, nghìn xã tưởng kề nhau.*

吟我無衣同袍句
留你千香滿袖來

Ngâm ngā vô y đồng bào cú;

Lưu nhĩ thiên hương mãn tụ lai.

Ngâm bài Vô y (Tần phong, Kinh Thi), cùng ta chung áo;

Giữ lấy nghìn hương, ống tay mãi thơm.

當日引風春滿座
昔曾卻暑夏生涼

Dương nhật dẫn phong xuân mãn tọa;

Tích tăng khước thử hạ sinh lương.

Hôm nay gió đến xuân đầy khắp;

Thuở trước xua nóng hạ mát thay.

(Vịnh quạt)

開廣廈設病房下榻于茲獨起死回生之術
施刀圭攻藥石懸壺在此素抱活人濟世心
*Khai quảng hạ, thiết bệnh phòng, hạ thác vu tư, độc khởi tử hồi sinh
chi thuật;*

*Thi đao khuê, công dược thạch, huyền hồ tại thử, tố bảo hoạt nhân tế
thế tâm.*

Xây nhà chung, mở phòng bệnh, đặt giường nơi đây, cứu người sống
lại từ cõi chết;

Khéo tay dao, rành thang trị, hái thuốc chốn kia, ôm lòng luôn
giúp khó giúp đời.

大地回春山河壯麗
陽光普照玉宇澄清

Dại địa hồi xuân, sơn hà tráng lệ;

Dương quang phổ chiếu, ngọc vũ trường thanh.

Đất nước vào xuân, núi sông tươi đẹp;

Ánh dương chiếu khắp, nhà ngọc trong xanh.

最宜茶夢同圓海上壺天容小隱
休得酒家借問座中春色亦常留

Tối nghi trà mộng đồng viên, hải thượng hồ thiên dung tiểu ẩn;

Hưu đắc tửu gia tá vấn, tọa trung xuân sắc diệc thường lưu.

Thích nhất uống trà hợp bạn, tiểu ẩn mượn bầu trời trên biển;

Vui khi quán rượu thăm nhau, nán ngồi với xuân ấm bên mâm.

清 心 入 世 身 多 潔
和 氣 迎 人 意 自 甜

*Thanh tâm nhập thế thân đa khiết;
Hòa khí nghênh nhân ý tự diễm.
Vào đời sáng tỏ tâm trong trắng;
Bạn bè vui vẻ ý ngọt ngào.*

畫 不 充 飢 休 爲 名 士
文 而 匿 姓 大 有 畸 人

*Họa bất sung cơ, hưu vi danh sĩ;
Văn nhi nặc tính, đại hữu畸 nhân.
Họa không đủ no, không kể danh sĩ;
Văn mà dấu họ, tất có vấn đề.*

印 草 書 來 應 有 信
香 花 帖 到 更 宜 春

*Ấn thảo thư lai, ưng hữu tín;
Hương hoa thiếp đáo, cánh nghi xuân.
Mấy chữ thư đưa, chắc tin bạn;
Thiếp thơm gửi đến, đúng xuân rồi.*

喜 吟 春 色 詩 千 首
暢 飲 芳 香 酒 一 杯

*Hỷ ngâm xuân sắc thi thiên thủ;
Sướng ẩm phương hương tửu nhất bôi.
Nghìn bài thơ xuân vui về đọc;
Một chén rượu thơm thỏa với đời.*

釀 成 春 夏 秋 冬 酒
醉 倒 東 西 南 北 人

*Nhường thành xuân hạ thu đông tửu;
Túy đảo đông tây nam bắc nhân.
Cát nên rượu thu đông xuân hạ;
Say đổ người nam bắc đông tây.*

水 綠 山 青 座 中 人 醉
花 明 柳 媚 湖 上 春 長

*Thủy lục sơn thanh, tọa trung nhân túy;
Hoa minh liễu mỹ, hồ thượng xuân trường.
Nước biếc non xanh, người say với tiệc;
Hoa tươi liễu rủ, xuân mãi trên hồ.*

玉井年新濁泉舟聚
香山春色生涯日佳

*Ngọc tỉnh niên tân, Trọc tuyến chu tụ;
Hương Sơn xuân sắc, sinh nhai nhật giai.
Giếng ngọc năm mới, suối Đục thuyền tụ;
Hương Sơn xuân sắc, cuộc sống khá lên.*

君且儘此觴莫遣春光隨水逝
余亦能高咏恐惊星斗落江來

*Quân thả tận thử thươg, mạc khiến xuân quang tùy thủy tạ;
Dư diệc năng cao vịnh, khùng kinh tinh đấu lạc giang lai.
Bác hãy cạn chén này, chớ để ánh xuân chìm theo nước;
Tôi cũng xin bôi vôi, sợ rằng sao sáng rớt ngay sông.*

迎春正啓鵝山席
愛客偏浮鉢場杯

*Nghênh xuân chính khởi Nga Sơn tịch;
Ái khách thiên phù Bát Tràng bôi.
Đón xuân trải rộng chiếu Nga Sơn;
Mén khách rót đầy chén Bát Tràng.*

詩句亂隨春草發
酒腸俱逐夏郁寬

*Thi cú loạn tùy xuân thảo phát;
Tửu trường câu trục hạ uất khoan
Câu thơ tùy hứng theo xuân thảo;
Chén rượu tiêu sấu uất hạ đầy.*

春風漫卷蘭花白
細雨能斟竹葉青

*Xuân phong mạn quyển lan hoa bạch;
Tế vũ năng châm trúc diệp thanh.
Gió xuân cuốn nhẹ hoa lan trắng;
Mưa nhỏ rơi vào lá trúc xanh.*

春詩春畫猶春面
醉筆醉情亦醉心

*Xuân thi xuân họa do xuân diện;
Túy bút túy tình diệc túy tâm.
Thơ xuân tranh xuân, mặt xuân đến;
Bút say tình say lòng cũng say.*

會友登樓人壽年豐談盛世
迎春飲酒親朋同業賞佳餚

*Hội hữu đăng lâu, nhân thọ niên phong đàm thịnh thế;
Nghênh xuân ẩm tửu, thân bằng đồng nghiệp thưởng giai hào.*

*Họp bạn lên lầu, người thọ được mùa bàn đời thịnh;
Mìng xuân uống rượu, bạn bè đồng nghiệp hưởng món ngon.*

飯熟菜香八方春節
窗明几淨四季新年

*Phạn thực thái hương, bát phương xuân tiết;
Song minh kỷ tịnh, tứ quý tân niên.
Cơm nóng thức thơm, tám phương xuân cả;
Cửa sáng ghé sạch, bốn quý tết luôn.*

三春曙色迎家客
一片冰心在玉壺

*Tam xuân thự sắc nghênh gia khách;
Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ.
Ba xuân sáng sớm đón khách quý;
Một tấm lòng thành chứa trong chai.*

竹葉杯中春友色
杏花村裡客多情

*Trúc diệp bôi trung xuân hữu sắc;
Hạnh hoa thôn lý khách đa tình.
Trong ly lá trúc đầy xuân sắc;
Ngoài xóm hạnh hoa đến khách tình.*

鳳凰來儀和聲鳴盛
燕雀作市宣籟嬉春

*Phượng hoàng lai nghi, hòa thanh minh thịnh;
Yến tước tác thị, tuyên lại hỷ xuân.
Phượng hoàng đến châu, hát ca đời thịnh;
Yến sẻ họp chợ, thổi sáo vui xuân.*

几淨窗明春風滿座
飲香菜美雅客如雲

*Kỷ tịnh song minh, xuân phong mãn tọa;
Phạn hương thái mỹ, nhã khách như vân.
Ghé sạch phòng sang, gió xuân đầy khắp;
Cơm thơm thức ngọt, khách sộp như mây.*

儘美山銷色香清雅
真奇海味歌舞新春

Tận mỹ sơn hào, sắc hương thanh nhã;

Chân kỳ hải vị, ca vũ tân xuân.

Các thức vùng cao, sắc hương thanh nhã;

Đầy món miền biển, ca múa mừng xuân.

景色殊各里
春風總一家

Cảnh sắc thù các lý;

Xuân phong tổng nhất gia.

Cảnh sắc tùy xóm khác;

Gió xuân vẫn một nhà.

紅桃千朵艷
密雨一甌香

Hồng đào thiên đóa diễm;

Mật vũ nhất âu hương.

Đào hồng nghìn đóa nở;

Mưa nặng một bình hương.

桃迎酒客客先醉
春見詩人人更開

Đào nghênh tửu khách, khách tiên túy;

Xuân kiến thi nhân, nhân cánh khai.

Đào đón khách say, khách say trước;

Xuân gặp nhà thơ, thơ càng hay.

春山不墨千年畫
秋水无弦萬古琴

Xuân sơn bất mặc, thiên niên họa;

Thu thủy vô huyền, vạn cổ cầm.

Núi xuân không vẽ mà là bức tranh ngàn năm;

Sông thu không giã nhưng là chiếc đàn muôn thuở.

异花多是非常品
瑶草原來别有春

Dị hoa đa thị phi thường phẩm;

Đào thảo nguyên lai biệt hữu xuân.

Hoa lạ phần nhiều là của quý;

Cỏ thơm vốn đã có xuân riêng.

富水園林平泉花木
春風桃李秋雨芭蕉

*Phủ thủy viên lâm, bình tuyền hoa mộc;
Xuân phong đào lý, thu vũ ba tiêu.*
Vườn rậm sông đầy, hoa cây xuôi lặng;
Đào mạn gió xuân, chuối trong mưa thu.

日映箕裘長濟美
春來几席自生香

*Nhật ánh cơ cầu trường tế mỹ;
Xuân lai kỷ tịch tự sinh hương.*
Ngày tháng sinh nhai đều tốt đẹp;
Xuân về cuộc sống lại thêm vui.

千嶺風流今勝景
一川水墨古傳香

*Thiên lĩnh phong lưu kim thắng cảnh;
Nhất xuyên thủy mặc cổ truyền hương.*
Nghìn đỉnh phong lưu nay cảnh đẹp;
Một khe thủy mặc cổ truyền hương.

桃花點爭芳千朵
蒸餅開歡樂萬家

*Đào hoa điểm, tranh phương thiên đoá;
Chưng bình khai, hoan lạc vạn gia.*
Hoa đào nở, thơm lừng ngàn đoá;
Bánh chưng khui, vui vẻ muôn nhà.

一湖碧水和燈彩
萬朵紅桃浴春風

*Nhất hồ, bích thủy hòa đăng thái;
Vạn đoá hồng đào dục xuân phong.*
Một hồ nước biếc hòa đèn đẹp;
Muôn đoá đào hồng tắm gió xuân.

一泓秋水餘清氣
滿室春風散異香

*Nhất hoàng thu thủy dư thanh khí;
Mãn thất xuân phong tán dị hương.*
Một giải sông thu tràn thanh khí;
Đây nhà gió xuân tỏa dị hương.

一室太和真富貴
滿門春色大榮華

*Nhất thất thái hòa chân phú quý;
Mãn môn xuân sắc đại vinh hoa.
Nhà cửa yên lành là phú quý;
Đầy sân xuân sắc thật vinh hoa.*

吉星高照平安宅
福曜常臨積善家

*Cát tinh cao chiếu bình yên trạch;
Phúc diệu thường lâm tích thiện gia.
Cửa bình an cát tinh chiếu rọi;
Nhà tích thiện phúc khí hay qua.*

和氣盈門迎瑞氣
春光滿眼映文光

*Hòa khí doanh môn nghênh thủy khí;
Xuân quang mãn nhãn ánh văn quang.
Khí ấm đầy nhà mừng khí tốt;
Ánh xuân sướng mắt đón ánh văn.*

名山物彩輝春海
大地江山點霽雲

*Danh sơn vật thái huy xuân hải;
Đại địa giang sơn điểm tễ vân.
Muôn vật núi cao khoe xuân khắp;
Non sông đất rộng nổi mây lành.*

堂上椿萱輝旭日
階前蘭桂長春風

*Đường thượng xuân huyền huy hức nhật;
Giới tiền lan quế trường xuân phong.
Trên có mẹ cha vui cao tuổi;
Dưới thì con cháu được ấm no.*

喜見玉梅辭舊腊
還期綠柳染新衣

*Hỷ kiến ngọc mai từ cựu lập;
Hoàn kỳ lục liễu nhiễm tân y.
Vui thấy mầm mai chào tháng chạp;
Lại chờ nhành liễu chuyển màu xanh.*

九天日月開新運
萬國笙歌醉太平

Cửu thiên nhật nguyệt khai tân vận;

Vạn quốc sinh ca túy thái bình.

Trời cao nhật nguyệt cho vận mới;

Muôn nước đàn ca nhộn thái bình.

四海風光隨處好
滿天雨露應時新

Tứ hải phong quang tùy xứ hảo;

Mãn thiên vũ lộ ứng thời tân.

Bốn biển phong quan đâu cũng đẹp;

Đầy trời móc ngọt đúng mùa sang.

一庭花影三更月
十里松陰百道泉

Nhất đình hoa ảnh tam canh nguyệt;

Thập lý tùng âm bách đạo tuyền.

Trăng canh ba đây sân hoa chiếu;

Suối trăm giòng mười dặm bóng tùng.

斗柄建寅推歲首
梅花送腊占春魁

Đẩu bỉnh kiến dân thôi tuế thủ;

Mai hoa tống Lạp chiếm xuân khôi.

Chuôi Đẩu trở một là năm chuyển;

Hoa mai tiễn chạp ấy đầu xuân.

家祥世衍無疆慶
國泰天開不老春

Gia tường thế diễn vô cương khánh;

Quốc thái thiên khai bất lão xuân.

Nhà vui đời nối vô biên phúc;

Nước thịnh trời cho bất lão xuân.

時際三陽多淑氣
家敦一樂有和風

Thời tế tam dương đa thực khí;

Gia đôn nhất lạc hữu hòa phong.

Thời chuyển tam dương nhiều khí tốt;

Nhà nền nhất hạnh có nếp hòa.

斗柄東旋新氣象
奎光西照煥文章

*Đầu bình đông toàn tân khí tượng;
Khuê quang tây chiếu hoán văn chương.*
Chuôi Đầu quay đông mùa khí mới;
Ánh Khuê tây chiếu đổi sắc xuân.

柳眼桃腮舒化日
鶯歌燕語鬧春風

*Liêu nhãn đào tai thư hóa nhật;
Oanh ca yến ngữ náo xuân phong.*
Liễu nhú đào hồng ngày đổi khác;
Oanh ca yến hót báo xuân về.

藏書萬卷可教子
遺金滿簾常住災

*Tàng thư vạn quyển khả giáo tử;
Di kim mãn liễn thường trú tai.*
Sách chứa vạn quyển hay dạy con;
Vàng để đầy rèm thường có họa.

天意回春萬物光輝資發彩
人心樂喜四時和氣獲微祥

*Thiên ý hồi xuân, vạn vật quang huy tư phát thái;
Nhân tâm lạc thiện, tứ thời hòa khí hoạch trưng tường.*
Trời muốn hồi xuân, muôn vật tốt tươi đều đẹp vẻ;
Lòng người vui thiện, bốn mùa hòa khí được điềm lành.

春從何處來共沐和風甘雨
花由此日發欣看柳綠桃紅

*Xuân tòng hà xứ lai, cộng mộc hòa phong cam vũ;
Hoa do thử nhật phát, hân khan liễu lục đào hồng.*
Xuân từ đâu đến đây, cùng tắm gội gió lành mưa ngọt.
Hoa cũng ngày này nở, vui mừng xem liễu biếc đào hồng.

一氣轉春回桂郁蘭芬梅吐玉
三元昭物化龍飛豹變鳳呈丹

*Nhất khí chuyển xuân hồi, quế úc lan phân mai thổ ngọc;
Tam nguyên chiêu vật hóa, long phi, báo biến phượng trình đan.*
Xuân về một khí chuyển, quế tốt, lan hương, mai nhả ngọc;
Vật đổi ba tháng đầu, rồng bay, báo biến, phượng khoe màu.

百年天地迴元氣
一統山河樂太平

*Bách niên thiên địa hồi nguyên khí;
Nhất thống sơn hà lạc thái bình.
Trăm năm trời đất hồi nguyên khí;
Nhất thống non sông vui thái bình.*

萬象回春新雨露
一天改色燦雲霞

*Vạn tượng hồi xuân tân vũ lộ,
Nhất thiên cải sắc sán vân hà.
Vạn cảnh xuân về mưa móc mới;
Một trời đổi sắc đẹp mây xuân.*

天賜與一門吉慶
春送來兩字平安

*Thiên tứ dữ nhất môn cát khánh;
Xuân tống lai lưỡng tự bình an.
Trời ban cho một nhà tốt đẹp;
Xuân đem lại hai chữ bình yên.*

曉日初晴海宇雲霞呈秀
春風乍暖山頭梅李生輝

*Hiếu nhật sơ tình hải vũ vân hà trình tú;
Xuân phong sạ noãn sơn đầu mai lý sinh huy.
Sáng ra mới nắng, biển cả, rặng mây đẹp đẽ;
Gió xuân tỏa ấm, đỉnh non, đào mạn tốt tươi.*

桃李開花萬里和風生草木
山河悅目一天瑞藹集門庭

*Đào lý khai hoa, vạn lý hòa phong sinh thảo mộc;
Sơn hà duyệt mục, nhất thiên thụy ái tập môn đình.
Đào mạn nở hoa, muôn dặm gió lành tốt cây cỏ;
Núi sông sướng mắt, một trời mây đẹp phủ sân nhà.*

歲月人心要改革
乾坤天意愛維新

*Tuế nguyệt nhân tâm yêu cải cách;
Càn khôn thiên ý ái duy tân.
Lòng người năm tháng cần sửa đổi;
Ý trời cần khôn cũng duy tân.*

大塊文章還假我
十分春色總宜人

*Đại khối văn chương hoàn giả ngã;
Thập phần xuân sắc tổng nghi nhân.
Một khối văn chương đều mượn tớ;
Mười phần xuân sắc thấy ưa người.*

錦繡花開春富貴
琅玕竹報歲平安

*Cẩm tú hoa khai xuân phú quý;
Lang can trúc báo tuế bình an.
Gấm vóc hoa đua, xuân phú quý;
Vân ngọc trúc báo, năm bình an.*

山川氣象渾如畫
人物風光又轉新

*Sơn xuyên khí tượng hồn như họa;
Nhân vật phong quang hựu chuyển tân.
Núi sông cảnh tượng nom như vẽ;
Người vật phong quang chuyển sắc xuân.*

瓶梅蕊放春盈屋
園李春濃汁染衣

*Bình mai nhụy phóng hương doanh ốc;
Viên lý xuân nùng trấp nhiễm y.
Hương đầy nhà bình hoa mai nở;
Nước thấm áo vườn mận đậm xuân.*

向陽門第春先到
積善家堂慶有餘

*Hướng dương môn đệ xuân tiên đáo;
Tích thiện gia đường khánh hựu xuân.
Cửa hướng mặt trời xuân đến trước;
Nhà chăm tích thiện phúc dư thừa.*

十分春色從天迓
三錫鴻恩指日來

*Thập phần xuân sắc tòng thiên nghạ;
Tam tích hồng ân chỉ nhật lai.
Mười phần xuân sắc theo trời đất;
Ba đợt ơn to thắng lợi về.*

松竹梅歲寒三友
天大人四海同春

*Tùng trúc mai tuế hàn tam hữu;
Thiên địa nhân tứ hải đồng xuân.*

Tùng trúc mai rét đông ba bạn;
Trời đất người bốn biển cùng xuân.

新歲日晴街市桃梅爭盛放
故園春滿鄉村禮會各開張

*Tân tuế nhật tình nhai thị đào mai tranh thịnh phóng;
Cố viên xuân mãn hương thôn lễ hội các khai trương.*

Năm mới đẹp trời phố phường đào mai đua nở;
Vườn cũ đầy xuân làng xóm lễ hội khai trương.

旭日熙和幸福源泉通四海
春風得意光明航道竟千帆

*Húc nhật hi hòa, hạnh phúc nguyên tuyền thông tứ hải;
Xuân phong đắc ý, quang minh hàng đạo cánh thiên phàm.*
Ngày đẹp hòa vui, phạn phúc suối nguồn thông bốn biển;
Gió xuân đẹp ý, hân hoan đường thủy rộn ngàn thuyền.

水色山光陽春萬里
花開樹閨麗景四方

*Thủy sắc sơn quang, dương xuân vạn lý;
Hoa khai thụ nhuần, lệ cảnh tứ phương.*
Nước biếc non xanh, đường xuân vạn dặm;
Cây tươi hoa nở, cảnh đẹp bốn phương.

解悶何妨呼陸羽
吟詩恰好覓青蓮

*Giải muộn hà phóng hô Lục Vũ;
Ngâm thi kháp hảo mịch thanh liên.*
Giải buồn đâu ngại hô Lục Vũ;
Ngâm thơ tốt nhất có sen xanh.

爐火烹來增雅趣
醞泉釀就醉春風

*Lô hỏa phanh lai tăng nhã thú;
Lễ tuyền nhượng tựu túy xuân phong.*
Lò lửa đun lên thêm thú nhã;
Nước nguồn nấu rượu gió xuân say.

蓮蕊浮甌綠
蘭芽泛水馨

*Liên nhụy phù ô lục;
Lan nha phiếm thủy hình.*

Nhụy sen nổi bình biếc;
Nụ lan trôi dòng thơm.

香分花上露
水汲石邊泉

*Hương phân hoa thượng lộ;
Thủy cấp thạch biên tuyền.*
Sương đọng trên hoa hương ngấm;
Đá bên bờ suối nước tràn.

紅杏村中酒
蒙山頂上茶

*Hồng Hạnh thôn trung tửu;
Mông Sơn đỉnh thượng trà.*
Rượu trong thôn Hồng Hạnh;
Trà trên đỉnh Mông Sơn.

茶號無雙品
酒稱第一家

*Trà hiệu vô song phẩm;
Tửu xưng đệ nhất gia.*
Trà vào loại tuyệt hảo;
Rượu đáng khen nhất đời.

數盞精神千倍爽
三杯眉目一時新

*Số trản tinh thần thiên bội sảng;
Tam bôi mi mục nhất thời tân.*
Vài chén, tinh thần tăng gấp bội;
Ba ly, mày mắt nổi tươi ngay.

一杯能破悶
四座有高明

*Nhất bôi năng phá muộn,
Tứ tọa hữu cao minh.*
Một chén giải phiền muộn;
Bốn vị có người hay.

席上多懷青眼酒
樽中難識白頭翁

*Tịch thượng đa hoài thanh nhãn tửu;
Tôn trung nan thức bạch đầu ông.
Trên tiệc những mong người mắt biếc;
Chạm ly khó biết kẻ bạc đầu.*

座上筵鋪酒興連杯詩亦醉
窗前鶯轉花開並朵月還羞

*Tòa thượng diên pho, tửu hưng liên bôi thi diệc túy;
Song tiền oanh chuyển, hoa khai tịnh đoá nguyệt hoàn tu.
Tiệc bày trên nhà, rượu uống mềm môi, thơ chệnh choáng;
Oanh hát trước cửa, hoa đua nhau nở, trăng thẹn thùng.*

茶亦醉人何必酒
書能香我不須花

*Trà diệc túy nhân hà tất tửu;
Thư năng hương ngã bất tu hoa.
Trà cũng say người, đâu chỉ rượu;
Sách làm thơm tớ, chẳng cần hoa.*

沽酒船來江亦醉
賣花人去路猶香

*Có tửu thuyền lai giang diệc túy;
Mại hoa nhân khứ lộ do hương.
Thuyền đem rượu đến, sông say khướt;
Người bán hoa qua, ngõ ngát hương.*

醉裏乾坤相笑小
壺中日月獨漲長

*Túy lý càn khôn tương tiếu tiểu;
Hô trung nhật nguyệt độc trường trường.
Say túy lúy đất trời cười vẩn nhỏ;
Rượu một bình ngày tháng tự cho dài.*

把盞澆胸神骨健
吟詩入醉夢魂香

*Bả trản nhiễu hung, thần cốt kiện;
Ngâm thi nhập túy, mộng hồn hương.
Rửa bưng nâng ly, gân cốt mạnh;
Ngâm thơ say ngả, mộng hồn hương.*

滿 甕 香 風 扶 竹 葉
一 杯 春 色 醉 葡 萄

Mãn úng hương phong phù trúc diệp;

Nhất bôi xuân sắc túy bồ đào.

Đây vò hương thoảng nổi lá trúc;

Một chén hơi xuân say rượu nho.

飲 來 佳 味 分 三 雅
醉 後 歌 狂 驚 四 筵

Ẩm lai giai vị phân tam nhã;

Túy hậu ca cuồng kinh tứ diên.

Uống vào mùi vị chia ba loại;

Say rồi hát loạn hãi bốn bên.

風 送 一 帘 招 遠 客
價 無 雙 品 憶 高 賢

Phong tống nhất liêm chiêu viễn khách;

Giá vô song phẩm ức cao hiền.

Gió cuốn một rèm mời khách đến;

Phẩm giá không hai nhỏ kẻ hiền.

青 山 不 厭 千 杯 酒
白 日 維 消 一 局 棋

Thanh sơn bất yếm thiên bôi tửu;

Bạch nhật duy tiêu nhất cục kỳ.

Núi xanh chẳng ngán ngàn chung rượu;

Ngày trọn vừa xong một cuộc cờ.

月 色 溶 溶 青 山 綠 水 堪 圖 畫
風 聲 習 習 翠 竹 蒼 松 奏 管 絃

*Nguyệt sắc dung dung, thanh sơn lục thủy kham đồ họa;
Phong thanh tập tập, thúy trúc thương tùng tấu quản huyền.*

Trắng sáng tròn đầy, nước thăm non xanh tựa tranh vẽ;

Gió thổi lao xao, tùng xanh trúc biếc tấu hòa ca.

獨 坐 每 將 書 作 伴
閉 門 長 與 竹 爲 鄰

Độc tọa mỗi tương thư tác bạn;

Bế môn trường dữ trúc vi lân.

Ngồi mình vẫn lấy sách làm bạn;

Nhà rồi hay cùng trúc chơi thân.

古訓是式威儀是力
功崇惟志業廣惟勤

*Cổ huấn thị thức, uy nghi thị lực;
Công sùng duy chí, nghiệp quảng duy cần.
Lời xưa là phép, oai nghiêm là sức;
Công cao do chí, nghiệp lớn do chăm.*

學問式後人治國齊家皆是道
淵源師前哲經天緯地謂之文

*Học vấn thức hậu nhân, trị quốc tề gia giai thị đạo;
Uyên nguyên sư tiền triết, kinh thiên vĩ địa vị chi văn.
Học vấn dạy người sau, nước trị, nhà yên đều phải đạo;
Nguồn gốc thầy mở trước, đất ngang, trời dọc gọi là văn.*

傘嶺山高蒼澤兩間青眼客
沱江流遠青波千古白頭翁

*Tản lĩnh sơn cao, thương trạch lưỡng gian thanh nhãn khách;
Đà giang lưu viễn, thanh ba thiên cổ bạch đầu ông.
Dãy Tản núi cao, đầm sâu, hai cảnh như người mắt biếc;
Sông Đà nước trôi, sóng vỗ, ngàn năm tựa khách bạc đầu.*

顯揚身事憑流澤
寵錫皇恩喜及泉

*Hiển dương thân sự bằng lưu trạch;
Sủng tứ hoàng ân hỉ cập tuyền.
Thân danh lưng lấy ghi công mãi;
Ởn trên ưu ái suốt vàng vui.*

經史爲田尊杜孟
龍崗立表羨歐陽

*Kinh sử vi điền tôn Đỗ Mạnh;
Long cương lập biểu tiển Âu Dương.
Kinh, sử, ruộng cày, khen Đỗ, Mạnh;
Long Cương dâng biểu, chuộng Âu, Dương.*

福家舊德徵流澤
熙代殊恩在顯名

*Phúc gia cựu đức trưng lưu trạch;
Hi đại thù ân tại hiển danh.
Phúc nhà, đức cũ lưu truyền lại;
Đời thịnh, ơn xưa nổi tiếng tăm.*

家庭素講風聲舊
花表恩頒雨露新

Gia đình tố giảng phong thanh cũ;

Hoa biểu ân ban vũ lộ tân.

Nền nếp cũ trong nhà rèn cặp;

Mưa móc xưa đẹp về ơn ban.

義碑松月朗

孝雨桂波流

Nghĩa bi tùng nguyệt lãng;

Hiếu vũ quế ba lưu.

Bia nghĩa tùng trăng chiếu;

Mưa hiếu quế sóng vờn.

清淨無塵地

慈悲不瞬天

Thanh tịnh vô trần địa;

Từ bi bất thuấn thiên.

Đất thanh tịnh không bụi;

Trời từ bi chẳng hay.

思君夢朗屏山月

教孝恩覃桂海波

Tư quân mộng lãng bình sơn nguyệt;

Giáo hiếu ân đàm quế hải ba.

Nhớ người mộng đến nơi trăng núi;

Nhắc hiếu, ơn dài quế sóng xô.

百年儒譜開門閥

九澤春膏暢海疆

Bách niên nho phả khai môn phiệt;

Cửu trạch xuân cao sảng hải cương.

Trăm năm nho học rộng mở cửa;

Chín lớp xuân ân biển xa gần.

一家鍾鼎龍光湛

八秩簪釵鶴夢長

Nhất gia chung đỉnh long quang trạm;

Bát trật trâm thoa hạc mộng trường.

Một nhà bổng lộc tươi đẹp về;

Tám chục trâm thoa tuổi thọ dài.

日 月 祥 光 調 玉 燭
江 山 英 氣 擁 雲 帷
*Nhật nguyệt tường quang điều ngọc chúc;
Giang sơn anh khí ủng vân duy.*
Nhật nguyệt sáng soi tươi đuốc ngọc;
Non sông linh khí bọc màn mây.

五 登 科 甲 書 香 遠
一 舉 才 名 筆 陣 雄
*Ngũ đăng khoa giáp thư hương viễn;
Nhất cử tài danh bút trận hùng.*
Năm lần thi đỗ sách thơm tỏa;
Một chốc nên danh bút trận hùng.

花 間 春 盎 拋 塵 絆
菊 下 秋 高 舍 靜 齋
*Hoa gian xuân áng phao trần绊;
Cúc hạ thu cao xả tĩnh trai.*
Xuân đẹp bên hoa dứt trần lụy;
Thu trên cúc dưới bỏ trai phòng.

好 合 百 年 慈 命 重
諧 和 再 醮 自 天 緣
*Hảo hợp bách niên từ mệnh trọng;
Hài hòa tái tiếu tự thiên duyên.*
Lời mẹ dạy, trăm năm, tốt đẹp;
Duyên trời xe, thêm bước, hài hòa.

常 有 寬 心 能 益 壽
永 能 布 德 可 延 年
*Thường hữu khoan tâm năng ích thọ;
Vĩnh năng bố đức khả diên niên.*
Vẫn thường rộng lượng, nên tăng thọ;
Mãi hay ban phúc, được dài lâu.

千 秋 祖 國 旺 元 氣
一 統 江 山 永 太 平
*Thiên thu tổ quốc vượng nguyên khí;
Nhất thống giang sơn vĩnh thái bình.*
Ngàn năm tổ quốc vượng nguyên khí;
Nhất thống giang sơn mãi thái bình.

無德者亡知謳歌之已去
常仁不讓信曆數之有歸

*Vô đức giả vong, tri âu ca chi dĩ khứ;
Đương nhân bất nhượng, tín lịch số chi hữu quy.
Không đức, chẳng còn, biết đã qua thời ca ngợi;
Vì nhân, không nhượng, tin rằng sẽ đến vận trời.*

鸚鵡能言爭類鳳
蜘蛛雖巧不如蚕

*Anh vũ năng ngôn tranh loại phượng;
Tri thù tuy xảo bất như tằm.
Vẹt hay tập nói khoe giồng phượng;
Nhện dẫu giăng tơ chẳng giống tằm.*

升斗亦酬露絕祛子心寧拂忍
文章都塵蹟和丸母訓政難追

*Thăng đấu diệp thù triêm, tuyết khứ tử tâm ninh phất nhẫn;
Văn chương đô trần tích, hòa hoàn mẫu huấn chính nan truy.
Bổng lộc cũng mùi ngon, giữ áo, lòng con đi chẳng nỡ.
Văn chương đều vết bụi, thuốc viên, lời mẹ dạy tìm đâu.*

對鏡畫眉一點分成兩點
臨池玩月隻輪轉作雙輪

*Đối kính họa mi, nhất điểm phân thành lưỡng điểm;
Lâm trì ngoạn nguyệt, chỉc luân chuyển tác song luân.
Soi kính tô mày, một điểm hóa thành hai điểm;
Ra ao ngắm trăng, một vầng lại thấy hai vầng.*

一室之中觀四海
千秋已上驗平生

*Nhất thất chi trung quan tứ hải;
Thiên thu dĩ thượng nghiệm bình sinh.
Từ một nhà nhìn ra bốn biển;
Xét ngàn năm để nghiệm một thân.*

窗前綠樹分禪榻
城外青山到酒杯

*Song tiền lục thụ phân thiền榻;
Thành ngoại thanh sơn đáo tửu bôi.
Rợp giường thiền tán cây trước cửa;
Soi dãy cốc bóng núi ngoài thành.*

雲移溪樹侵書幌
風送岩泉潤墨池

*Vân di khe thụ xâm thư hoảng;
Phong tống nham tuyến nhuận mực trì;
Mây đưa cây suối che màn sách;
Gió cuốn dòng khe đến ao nghiêng.*

放眼望乾坤身行萬里半天下
偷閑談風月我生百事常隨緣

*Phóng nhãn vọng càn khôn, thân hành vạn lý bán thiên hạ;
Thâu nhàn đàm phong nguyệt, ngã sinh bách sự thường tùy duyên.
Đưa mắt ngắm đất trời, tẩm thân muôn dặm, nửa thiên hạ;
Lúc rỗi bàn trăng gió, đời người trăm việc, vẫn tùy duyên.*

莫對青山談世事
休將文字占時名

*Mạc đối thanh sơn đàm thế sự;
Hưu tương văn tự chiếm thời danh.
Đừng trước non xanh bàn thế sự;
Chớ đem chữ nghĩa chiếm thời danh.*

未必前賢皆可法
從來孺子尚堪欽

*Vị tất tiền hiền giai khả pháp;
Tòng lai nhũ tử thượng kham khâm.
Đâu cứ tiền hiền là khuôn phép;
Nhiều khi con trẻ đáng suy tôn.*

皓日盈懷心不夜
春雲潤物雨含情

*Hạo nhật doanh hoài tâm bất dạ;
Xuân vân nhuận vật vũ hàm tình.
Trăng sáng mơ màng đêm chẳng ngủ;
Mây xuân đầm ấm mưa đượm tình.*

少喜詩書畫印十年寒窗未盡興
老愛竹菊梅蘭半生禿筆始傳神

*Thiếu hỉ thi thư họa ấn, thập niên hàn song vị tận hứng;
Lão ái trúc cúc mai lan, bán sinh thốc bút thủy truyền thần.
Thưở nhỏ thích thơ, văn, họa phẩm, song lạnh mười năm chưa hết hứng;
Lúc già yêu cúc, trúc, hoa mai, bút cùn một thuở mới có thần.*

美酒飲于微醉後
好花看到半開時

*Mỹ tửu ẩm vu vi túy hậu;
Hảo hoa khán đáo bán khai thời.
Ngà say rồi rượu ngon mới uống;
Nở nửa chừng hoa đẹp hãy xem.*

誠意待人終有得
平心應事自無爭

*Thành ý đãi nhân chung hữu đắc;
Bình tâm ứng sự tự vô tranh.
Thành ý đãi người rồi ắt được;
Bình tâm đối việc sẽ không giành.*

酒常知節狂言少
心不能清亂夢多

*Tửu thường tri tiết cuồng ngôn thiểu;
Tâm bất năng thanh loạn mộng đa.
Rượu biết kiềm chế ít nói loạn;
Lòng không thanh tịnh lắm mơ cuồng.*

偶然風雨惊花落
再上樓臺待月明

*Ngẫu nhiên phong vũ kinh hoa lạc;
Tái thượng lâu đài đãi nguyệt minh.
Bỗng nhiên mưa gió e hoa rụng;
Lại tới lầu cao đợi sáng trăng.*

水惟善下能成海
山不爭高自極天

*Thủy duy thiện hạ năng thành hải;
Sơn bất tranh cao tự cực thiên.
Nước khéo xuống thấp nên thành biển;
Núi chẳng tranh cao sẽ sát trời.*

著書豈在求名利
提筆總爲益世人

*Trước thư khởi tại cầu danh lợi;
Đề bút tổng vì ích thế nhân.
Viết sách há lại màng danh lợi;
Cầm bút mong có ích cho đời.*

當 官 常 念 民 之 苦
凡 事 求 其 心 所 安

Đương quan thường niệm dân chi khổ;

Phàm sự cầu kỳ tâm sở an.

Làm quan phải biết nỗi dân khổ;

Phàm việc nên cân cho tâm yên.

事 到 盛 時 須 警 省
境 當 逆 處 要 從 容

Sự đáo thịnh thời tu cảnh tỉnh;

Cảnh đương nghịch xử yếu thung dung.

Việc đang lúc thịnh, nên lo trước;

Cảnh vào chỗ khó, hãy ung dung.

成 家 勿 謂 當 家 易
養 子 應 知 教 子 嚴

Thành gia vật vị đương gia dị;

Dưỡng tử ứng tri giáo tử nghiêm.

Nên nhà chớ bảo dựng nhà dễ;

Nuôi con phải biết dạy con nghiêm.

無 情 未 必 真 豪 杰
有 度 方 爲 大 丈 夫

Vô tình vị tất chân hào kiệt;

Hữu độ phương vi đại trượng phu.

Vô tình chưa hẳn tay hào kiệt;

Độ lượng xem ra mới trượng phu.

讀 能 明 達 耕 能 富
成 自 謙 虛 敗 自 驕

Độc năng minh đạt, canh năng phú;

Thành tự khiêm hư, bại tự kiêu.

Cày hay giàu có, đọc hay sáng;

Thua ở kiêu căng, được ở nhường.

欲 除 煩 惱 須 無 我
各 有 來 由 莫 妒 人

Dục trừ phiền não tu vô ngã;

Các hữu lai do mặc đổ nhân.

Muốn trừ phiền não phải vô ngã;

Đều có nguyên do chớ tị người.

千年綠水藏靈劍
萬代紅橋引玉山
*Thiên niên lục thủy tàng linh kiếm;
Vạn đại hồng kiều dẫn ngọc sơn.*
Ngàn năm nước biếc chứa gương báu;
Muôn thuở cầu hồng nối ngọc sơn.

昨夜和風來滿戶
今朝瑞氣到盈門
*Tạc dạ hòa phong lai mãn hộ;
Kim triêu thủy khí đáo doanh môn.*
Đêm trước gió lành về ngập hộ;
Sáng nay khí đẹp đến đầy nhà.

舊歲清除舊弊
新年樹立新風
*Cựu tuế thanh trừ cựu tệ;
Tân niên thụ lập tân phong.*
Năm cũ diệt trừ tệ nạn cũ;
Năm nay xây dựng tác phong nay.

天頒賜全家盛旺
春帶來各戶平安
*Thiên ban tứ toàn gia thịnh vượng;
Xuân đới lai các hộ bình an.*
Trời ban cho cả nhà thịnh vượng;
Xuân đem lại mọi hộ bình an.

望遠能知風浪小
凌雲始覺海波平
*Vọng viễn năng tri phong lãng tiểu;
Lăng vân thủy giác hải ba bình.*
Nhìn xa nên hay gió bão nhỏ;
Lên cao mới biết biển sóng yên.

世本無先覺之驗
人貴有自知之明
*Thế bản vô tiên giác chi nghiệm;
Nhân quý hữu tự tri chi minh.*
Đời vốn không kinh nghiệm có trước;
Người quý hay tự biết cho rành.

充海闊天高之量
養先優後樂之心

*Sung hải khoát thiên cao chí lượng;
Dưỡng tiên ưu hậu lạc chí tâm.
Độ lượng đầy trời cao biển rộng;
Tâm lòng luôn lo trước vui sau.*

鸚鵡前頭休多語
小人身邊須慎行

*Anh vũ tiền đầu hưu đa ngữ;
Tiểu nhân thân biên tu thận hành.
Vẹt trước mặt hãy nên ít nói;
Tiểu nhân gần phải biết giữ gìn.*

黑面將軍降塵間千載掃清賊寇
雄威神力扶持社稷庶民長仰恩波

*Hắc diện tướng quân trứi giáng trần gian, thiên tải tảo thanh tặc khấu;
Hùng uy thần lực, phò trì xã tắc, thứ dân trường ngưỡng ân ba.
Hắc diện tướng quân, giáng xuống trần gian, ngàn năm quét sạch cường bạo;
Hùng uy thần linh, phò trì đất nước, nhân dân mong mãi ơn ban.*

(Đình La Khê)

天將神仙捍患除災威莫側
聖師祖藝教民立業德難量

*Thiên tướng thần tiên, hãn hoạn trừ tai mạc trắc;
Thánh sư tổ nghệ, giáo dân lập nghiệp đức nan lường.
Thiên tướng thần tiên, cứu nạn trừ tai uy khó tả;
Thánh sư tổ nghệ, dạy dân lập nghiệp đức khôn lường.*

先祖栽培曆代流傳仁是本
子孫興旺延年長望德為根

*Tiên tổ tài bồi, lịch đại lưu truyền nhân thị bản;
Tử tôn hưng vượng, diên niên trường vọng đức vi căn.
Tiên tổ vun trồng, nối đời truyền lại nhân là gốc;
Cháu con hưng vượng, hàng năm nhớ mãi đức làm nên.*

筆架研池辭海
詩花墨雨書林

*Bút giá, nghiên trì, từ hải;
Thi hoa, mực vũ, thư lâm.
Giá bút, ao nghiên, biển chữ;
Hoa thơ, mưa mực, rừng văn.*

瘦影當窗梅得月
涼雲滿地竹籠煙

Sáu ảnh đương song mai đắc nguyệt;

Lương vân mãn địa trúc lung yên.

Bóng nhỏ bên song, mai trắng chiếu;

Mây mờ đầy đất, trúc khói che.

夜讀茶經能止渴
朝臨米帖可充飢

Đạ độc trà kinh năng chỉ khát;

Triều lâm mễ thiếp khả sung cơ.

Tối đọc trà kinh đỡ cơn khát;

Sáng bên bồ gạo để bụng no.

梅花帶舞飛琴上
柳葉和煙入酒中

Mai hoa đới vũ phi cầm thượng;

Liễu diệp hòa yên nhập tửu trung.

Mai, tuyết, trên đàn bay phấp phới;

Liễu, khói, trong ly hiện chập chờn.

山色每隨高士至
文心兼似畫家來

Sơn sắc mỗi tùy cao sĩ chí;

Văn tâm kiêm tự họa gia lai.

Khách quý đến, núi xanh đôi sắc;

Họa sĩ thăm, lòng gợi ý văn.

棟宇巍峨制度規模盛飾
宮庭肅穆禮儀文物鼎明

Đống vũ uy nga, chế độ quy mô thịnh sức;

Cung đình túc mục, lễ nghi văn vật đỉnh minh.

Cột mái nguy nga, chế độ quy mô rạng rỡ;

Cung đình nghiêm túc, lễ nghi văn vật quang minh.

南北東西全境旄倪安福宅
士農工商四民樂利仰神庥

Nam bắc đông tây toàn cảnh mao nhê an phúc trạch;

Sĩ nông công thương tứ dân, lạc lợi ngưỡng thần hựu.

Nam bắc đông tây toàn thể trẻ già yên phúc ấm;

Sĩ nông công thương bốn lớp vui chung đội ơn thần.

聖德無疆捍患除災四社民康物阜
神功莫測陰扶墨助千秋俗美人淳

*Thánh đức vô cương hãn hoạn trừ tai, tứ xã dân thang vật phụ;
Thần công mạc trắc âm phù mực trợ, thiên thu tục mỹ nhân thuần.*

Đức thánh vô biên, cứu nạn trừ tai, bốn xã dân yên vật thịnh;
Công thần khôn tả, âm phù ngầm giúp, tục đẹp người thuần.

神光煥四鄰今古樓臺歸苑外
正立開重屋蓬萊宮闕對南山

*Thần quang hoán tứ lân, kim cổ lâu đài quy uyển ngoại;
Chính vị khai trùng ốc, bồng lai cung khuyết đối nam sơn.*

Thần tỏa sáng bốn bên, lầu gác xưa nay về tiên uyển;
Nơi chính dựng lại nhà, bồng lai cung điện sánh non nam.

春到周天陶淑氣
時來貫地沐榮葩

Xuân đáo chu thiên đào thực khí;

Thời lai quán địa mộc vinh ba.

Xuân đến quanh trời tràn khí ấm;

Thời về khắp đất trở hoa tươi.

(Nhà cụ Nguyễn Bảo Trân, Đông Anh, Hà Nội)

樹草逢春枝葉茂
祖宗積德子孫榮

Thụ thảo phùng xuân chi diệp mậu;

Tổ tông tích đức tử tôn vinh.

Cây cỏ gặp xuân cành lá tốt;

Tổ tông tích đức cháu con vinh.

(Nhà cụ Cao Văn Vinh, Thanh Hà, Hải Dương)

祖德永垂千載盛
家風咸樂四時春

Tổ đức vĩnh thùy thiên tải thịnh;

Gia phong hàm lạc tứ thời xuân.

Đức tổ dài lâu ngàn năm thịnh;

Nếp nhà đầm ấm bốn mùa xuân.

(Cổng từ đường họ Trần ở Kiến Xương, Thái Bình)

百世本枝承舊蔭
千秋春火壯新基

Bách thế bản chi thừa cựu âm;

Thiên thu hương hỏa tráng tân cơ.

Cành gốc trăm đời lưu phúc cũ;
Khói hương nghìn thuở rạng nền nay.
(Từ đường họ Tạ, Yên Mỹ, Ninh Bình)

家庭和引春風滿
筵几光騰壽曜高

Gia đình hòa dẫn xuân phong mãn;
Diên kỷ quang đằng thọ diệu cao.
Nhà đầm ấm, gió xuân phơi phới;
Tiệc mừng vui, sao thọ ngồi ngồi.
(Nhà cụ Hà Ngọc Quang, thị xã Tuyên Quang)

延年收厚福
累世享長安

Diên niên thu hậu phúc;
Lũy thế hưởng trường an.
Năm lại năm vun trồng phúc hậu;
Đời truyền đời hưởng thụ bình an.
(Nhà thờ họ Lý, Thuận Thành, Bắc Ninh)

庭森槐蔭招賢士
室引蘭香待貴人

Đình sâm hòe ảm chiêu hiền sĩ;
Thất dẫn lan hương đãi quý nhân.
Hòe tỏa rợp sân chiêu hiền sĩ;
Lan thơm ngát sảnh đợi quý nhân.
(Nhà cụ Nhất Bình, Khoái Châu, Hưng Yên)

向陽立宅春無限
積善持家慶有余

Hướng dương lập trạch xuân vô hạn;
Tích thiện trì gia khánh hữu dư.
Cửa hướng ánh dương, xuân vô hạn;
Nhà gom đức thiện, phúc có thừa.
(Nhà cụ Mến Phong, Yên Thành, Nghệ An)

百階堂上椿萱茂
萬足門前桂蕙馨

Bách giai đường thượng xuân huyền mậu;
Vạn túc môn tiền quế huệ hình.
Nhà cao hai cội xuân huyền khỏe;
Sân rộng trăm chồi quế huệ thơm.
(Nhà ông Lê Thế Ân, Yên Thế, Bắc Giang)

庭前最喜風和習
門內榮開熟氣薰

*Đình tiền tối hỉ phong hòa tập;
Môn nội vinh khai thực khí huân.
Trước cửa mừng xem hoa lộng gió;
Trong nhà vui hưởng rượu nồng hương.
(Nhà ông Lang Trì, Hiệp Hòa, Bắc Giang)*

時到興隆福壽會
運逢發達祿財生

*Thời đáo hưng long phúc thọ hội;
Vận phùng phát đạt lộc tài sinh.
Được thời thịnh đạt gồm thọ phúc;
Gặp vận chấn hưng cả lộc tài.
(Nhà cụ Nhất Điển, Ân Thi, Hưng Yên)*

月移疏影穿簾透
風引清香入戶來

*Nguyệt di sơ ảnh xuyên liêm thấu;
Phong dẫn thanh hương nhập hộ lai.
Trăng chuyển qua rèm soi lọt bóng;
Gió lùa tận gối thoảng đưa hương.
(Nhà cụ Lương An, Lạch Tray, Hải Phòng)*

爲人和氣春無限
處事公平祿自然

*Vì nhân hòa khí xuân vô hạn;
Xử sự công bằng lộc tự nhiên.
Tính tình hòa nhã, xuân vui vô hạn;
Xử sự công bằng lộc hưởng tự nhiên.
(Nhà ông Nguyễn Đức Thịnh, thị xã Kiến An, Hải Phòng)*

秋至滿山多秀色
春來無處不花香

*Thu chí mãn sơn đa tú sắc;
Xuân lai vô xứ bất hoa hương.
Thu đến đầy non nhiều sắc đẹp
Xuân về khắp chốn thoảng mùi hoa.
(Nhà cụ Nguyễn Huy Thoa, thị xã Sơn Tây, Hà Tây)*

庭下敷榮森桂蕙
堂中馥郁引芝蘭

*Đình hạ phu vinh sâm quế huệ;
Đường trung phúc úc dẫn chi lan.
Dưới sân rộng xum xuê quế huệ;
Trong nhà cao sức nức chi lan.
(Nhà cụ Hà Ngọc Thuần, thị xã Lào Cai)*

栽竹庭前無俗客
浣花溪外有清流

*Tài trúc đình tiền vô tục khách;
Hoàn hoa Khê ngoại hữu thanh lưu.
Xén trúc trước sân, không khách tục;
Rửa hoa ven suối sẵn dòng trong.
(Nhà cụ Đoàn Cao Thạch, Hưng Nguyên, Nghệ An)*

座上笑談春起色
門中吟詠筆生香

*Tọa thượng tiếu đàm xuân khởi sắc;
Môn trung ngâm vịnh bút sinh hương.
Trước án nói cười xuân nổi sắc;
Trong nhà ngâm vịnh bút sinh hương.
(Cụ Lang La Khê, Hương Sơn, Hà Tĩnh)*

修竹芳蘭彈故調
高山流水譜新腔

*Tu trúc phương lan đàn cố điệu;
Cao sơn lưu thủy phổ tân xoang.
Làn điệu cũ, lan hòa trúc gảy;
Nhịp đàn nay, nước chảy non cao.
(Nhà cụ Thái Văn Long, Nông Cống, Thanh Hóa)*

福隨天地循環至
財共春秋接續來

*Phúc tùy thiên địa tuần hoàn chí;
Tài cộng xuân thu tiếp tục lai.
Phúc theo trời đất tuần hoàn tới;
Của hướng xuân thu tiếp tục vào.
(Nhà cụ Hoàng Xuân Lan, Thanh Trì, Hà Nội)*

桃李滿庭花似錦
芝蘭廣座客如雲
*Đào lý mãn đình hoa tự cảm;
Chi lan quảng tọa khách như vân.*
Đào mạn xum xuê hoa tựa gấm;
Chi lan tập nập khách như mây.
(Nhà cụ Nguyễn Văn Cháp, Kiên Xương, Thái Bình)

春到客房沖喜氣
花開商店馥香風
*Xuân đáo khách phòng xung hỉ khí;
Hoa khai thương điểm phúc hương phong.*
Phòng khách xuân sang đầy vẻ đẹp;
Cửa hàng hoa nở nức mùi hương.
(Nhà cụ Đào Xuân Hy, Tiên Lữ, Hưng Yên)

堂上客人濃瑞氣
門前花草迓新香
*Đường thượng khách nhân nùng thụy khí;
Môn tiền hoa thảo nhạ tân hương.*
Khách bạn đầy nhà nồng khí thịnh;
Cỏ hoa trước cửa ngát mùi hương.
(Nhà cụ Trần Xuân Quý, Mỹ Lộc, Nam Định)

江湖笑我難欺我
歲月撩人易使人
*Giang hồ tiếu ngã nan khi ngã;
Tuế nguyệt liêu nhân dị sử nhân.*
Giang hồ cười bác khôn lừa bác;
Năm tháng trôi tôi dễ khiến tôi.
(Ông Đoàn Giang Quán, Ý Yên, Nam Định)

香辛到老方知桂
秀茂經秋始識松
*Hương tân đáo lão phương tri quế;
Tú mậu kinh thu thủy thức tùng.*
Thơm tươi tốt qua thu mới biết;
Quế cay nồng lên lão càng cay.
(Hà Doãn Thái, Lý Nhân, Hà Nam)

座上笑談春起色
門中吟詠筆生香

*Tọa thượng tiếu đàm xuân khởi sắc;
Môn trung ngâm vịnh bút sinh hương.
Trước án chuyện trò xuân nổi sắc;
Trong nhà ngâm vịnh bút sinh hương.
(Nhà ông Ngô Lan Mai, Thạch Thất, Hà Tây)*

人老心未老
家窮志莫窮

*Nhân lão tâm vị lão;
Gia cùng chí mạc cùng.
Người dẫu lão mà tâm chưa lão;
Nhà khốn cùng nhưng chí chẳng cùng.
(Nhà ông Đào Bình Ấn, Đức Thọ, Hà Tĩnh)*

座上客常滿
樽中酒不空

*Tọa thượng khách thường mãn;
Tôn trung tửu bất không.
Trên chiếu khách không ngớt;
Trong vò rượu chẳng vơi.
(Nhà cụ Vương Văn Niên, Tĩnh Gia, Thanh Hóa)*

桑蔬滿園供閑趣
蘭桂森庭獻壽章

*Tang sơ mãn viên cung nhàn thú;
Lan quế sâm đình hiến thọ chương.
Hưởng thú nhàn rau dưa thanh đạm;
Vui tuổi thọ lan quế xum vầy.
(Nhà cụ Quách Hồ Hải, thị trấn Vinh Linh, Quảng Trị)*

丹駕自天來城郭以前開李帝
一聲從大振山河依舊笑高王

*Đan giá tự thiên lai, thành quách dĩ tiền khai Lý đế;
Nhất thanh tòng đại chấn, sơn hà y cựu tiếu Cao vương.
Từ trời giáng xuống, thành quách ngàn xưa mở nghiệp nhà Lý;
Sấm vang mặt đất, núi sông như cũ cười điệu Cao Biền.
(Đình Tân Khai, số 44 Hàng Vải, Hà Nội thờ thần Bạch Mã)*

舊邦文雅傳先進
古道儀型易後生

Cựu bang văn nhã truyền tiên tiến;

Cổ đạo nghi hình dịch hậu sinh.

Phong văn nước cũ truyền người nước;

Mục thước đạo xưa dẫn kẻ sau.

(Vũ Tông Phan đề ở bãi đường Văn chỉ Thọ Xương,

một trung tâm văn hóa lớn của Hà Nội, thế kỷ XIX)

南海聖神西土佛
文林山水太圍祠

Nam Hải thánh thần Tây thổ Phật;

Văn Lâm sơn thủy Thái Vi từ.

Thánh thần vùng Nam Hải có đức Phật Tây thổ;

Sông núi đất Văn Lâm tạo dựng đền Thái Vi.

(Điện Thái Vi, động Vũ Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, Ninh Bình)

天啓聖明黎前李後
地鍾神秀檜嶺梧江

Thiên khai thánh minh Lê tiền Lý hậu;

Địa chung thần tú Cối linh Ngô giang.

Trời mở thánh minh, Lê tiền Lý hậu;

Đất thần hun đúc, núi Cối sông Ngô.

(Điện Thái Vi, động Vũ Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, Ninh Bình).

成名多在窮居日
得志常因處閑時

Thành danh đa tại cùng cư nhật;

Đắc chí thường nhân xử khốn thời.

Thành danh nếm trải thời gian khó;

Toại chí từng qua buổi khốn cùng.

(Gia đình ông Nguyễn Công Khanh, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh)

關河是客情非客
聲氣同吾品亦吾

Quan hà thị khách tình phi khách;

Thanh khí đồng ngô phẩm diệc ngô.

Nước non như khách, tình không khách;

Chí hướng cùng ta, tính giống ta.

(Hiên nhà ông Phạm Bào, Thành phố Thái Nguyên)

福至平安天澤降
時來祿利地滋生

Phúc chí bình an thiên trạch giáng;

Thời lai lộc lợi địa tư sinh.

Có phúc bình yên do trời giúp;

Gặp thời lợi lộc bởi đất sinh.

(Nhà ông Vũ Đán, huyện Văn Chấn, Yên Bái)

根深不怕風搖動
樹正無愁月影斜

Căn thâm bất phạ phong dao động;

Thu chính vô sầu nguyệt ảnh tà.

Rễ sâu chẳng sợ cành lay động;

Cây thẳng không lo bóng xế tà.

(Nhà ông Nguyễn An, Trục Ninh, Nam Định)

白首仍然心自壯
青雲猶且志彌堅

Bạch thủ nhưng nhiên tâm tự tráng;

Thanh vân do thả chí di kiên.

Đầu bạc nhưng lòng còn tráng kiện;

Mây xanh vẫn tỏ chí kiên cường.

(Nhà cụ Nguyễn Khả Trinh, Lý Nhân, Hà Nam)

筆樹有花兄弟樂
書田無稅子孫耕

Bút thụ hữu hoa huynh đệ lạc;

Thư điền vô thuế tử tôn canh.

Cây bút có hoa, vui hưởng thỏa thuê huynh đệ;

Ruộng thư không thuế, cấy cây mặc sức tử tôn.

(Nhà cụ Bùi Trọng Kha, Kim Động, Hưng Yên)

四方弧矢男兒債
萬里晨昏孝子身

Tứ phương hồ thỉ nam nhi trái;

Vạn lý thân hôn hiếu tử thân.

Tài cung kiếm bốn phương, ấy là nợ nam nhi;

Đạo thân hôn vạn dặm, phải tròn phận hiếu tử.

(Nhà cụ Phạm Chấn, Khoái Châu, Hưng Yên)

萬古·功·成·名·顯·達
千·秋·德·盛·姓·繁·榮

*Vạn cổ công thành danh hiển đạt;
Thiên thu đức thịnh tính phồn vinh.
Muôn thuở công thành danh hiển đạt;
Nghìn thu đức sáng họ phồn vinh.
(Từ đường họ Hoàng, Tiên Lữ, Hưng Yên)*

義·仁·積·聚·千·年·盛
福·德·栽·培·萬·代·亨

*Nghĩa nhân tích tụ thiên niên thịnh;
Phúc đức tài bồi vạn đại hanh.
Chất chứa nghĩa nhân nghìn thuở thịnh;
Trau dồi phúc đức vạn đời vui.
(Từ đường họ Nguyễn, Yên Mô, Ninh Bình)*

木·出·千·枝·由·有·本
水·流·萬·派·溯·從·源

*Mộc xuất thiên chi do hữu bản;
Thủy lưu vạn phái tố tông nguyên.
Cây chung nghìn nhánh sinh từ gốc;
Nước chảy muôn dòng phát tại nguồn.
(Từ đường họ Lê, Yên Thành, Nghệ An)*

本·根·色·彩·於·花·葉
祖·考·精·神·在·子·孫

*Bản căn sắc thái ư hoa diệp;
Tổ khảo tinh thần tại tử tôn.
Sắc thái cội cành hoa lá hiện;
Tinh thần tiên tổ cháu con nêu.
(Từ đường họ Trần, Bồ Trách, Quảng Bình)*

萬·古·乾·坤·興·再·造
九·霄·日·月·映·重·光

*Vạn cổ càn khôn hưng tái tạo;
Cửu tiêu nhật nguyệt ánh trùng quang.
Muôn thuở đất trời bừng đổi mới;
Chín tầng nhật nguyệt tỏa sáng trong.
(Cổng từ đường họ Đình, Hoa Lư, Ninh Bình)*

一 勤 天 下 無 難 事
百 忍 堂 中 有 太 和

Nhất cần thiên hạ vô nan sự;

Bách nhẫn đường trung hữu thái hòa.

Một chữ “cần”, thiên hạ không còn việc khó;
Trăm điều “nhẫn”, gia đình luôn có niềm vui.
(*Gia đình cụ Nguyễn Đình Thử, Từ Liêm, Hà Nội*)

世 上 皆 貪 珠 玉 美
家 中 都 愛 子 孫 賢

Thế thượng giai tham châu ngọc mỹ;

Gia trung đô ái tử tôn hiền.

Thiên hạ đều tham châu ngọc quý;
Gia đình chỉ chuộng cháu con hiền.
(*Gia đình ông Lưu Đức Ân, Hương Sơn, Hà Tĩnh*)

無 事 即 仙 哪 有 術
安 心 是 藥 更 何 方

Vô sự tức tiên na hữu thuật;

An tâm thị dược cánh hà phương.

Vô sự là tiên, cần chi mưu thuật;
An tâm ấy thuốc, chẳng chuộng kê đơn.
(*Gia đình cụ Nguyễn Khoái, Từ Sơn, Bắc Ninh*)

貴 自 辛 勤 方 始 得
榮 從 勞 苦 乃 成 來

Quý tự tân cần phương thủy đắc;

Vinh tòng lao khổ nãi thành lai.

Sang trọng nhờ siêng năng mới có;
Vinh hoa qua khó nhọc mà nên.
(*Gia đình ông Vũ Tân Thành, Lập Thạch, Vĩnh Phúc*)

積 善 洪 禧 留 永 燦
經 財 厚 祿 發 長 興

Tích thiện hồng hi lưu vĩnh灿;

Kinh tài hậu lộc phát trường hưng.

Tích thiện, mãi lưu truyền phúc lớn;
Kinh tài, luôn phấn phát lộc đầy.
(*Nhà cụ Vũ Văn Đễ, Thuận Thành, Bắc Ninh*)

得地安居收厚福
逢時生業享豐財

*Đắc địa an cư thu hậu phúc;
Phùng thời sinh nghiệp hưởng phong tài.
Được đất tốt ở yên thu phúc hậu;
Gặp thời nay sinh nghiệp hưởng tài dư.
(Nhà ông Hồ Gia Dương, Sóc Sơn, Hà Nội)*

庭前最喜風和習
門內榮開熟氣薰

*Đình tiền tối hỉ phong hòa tập;
Môn nội vinh khai thực khí huan.
Trước cửa mừng vui luồng gió ấm;
Trong nhà vinh hạnh nếp sống êm.
(Nhà cụ Lưu Quý Bút, Gia Lâm, Hà Nội)*

天錫永齡繼引壽彭之歲月
地鍾旺氣嬉游歐亞的乾坤

*Thiên tích vĩnh linh, kế dẫn Kiêu Bành chi tuế nguyệt;
Địa chung vượng khí, hi du Âu Á đích càn khôn.
Trời phú tuổi cao, năm tháng Kiêu Bành còn đứng đỉnh;
Đất bồi khí vượng, đường đời Âu Á vẫn thành thang.
(Lễ mừng thọ cụ Bùi Văn Bảo, Việt kiều ở Canada).*

事大早行必早達
子賢增教便增明

*Sự đại tảo hành tất tảo đạt;
Tử hiền tăng giáo tiện tăng minh.
Việc lớn sớm làm càng sớm đạt;
Con hiền thêm dạy sẽ thêm thông.
(Nhà cụ Phạm Thành Ân, Lục Ngạn, Bắc Giang)*

勤種地早還糧父老閑時常課子
多讀書省告壯鄉民無事莫來城

*Cần chủng địa, bảo hoàn lương, phụ lão nhàn thời thường khóa tử;
Đa độc thư, tỉnh cáo tráng, hương dân vô sự mạc lai thành.
Chăm cày ruộng, sớm nộp lương, phụ lão thừa nhàn, thường dạy trẻ;
Siêng học hành, bớt kiện tụng, lương dân vô sự, chẳng vào thành.
(Gia đình cụ Hồ Tăng Bái, Diễn Châu, Nghệ An)*

佛在心真心是佛積善餘慶
家有道正道傳家施仁常樂

*Phật tại tâm, chân tâm thị Phật, tích thiện dư khương;
Gia hữu đạo, chính đạo truyền gia, thi nhân thường lạc.*
Phật ở lòng, lòng thành là Phật, chứa việc thiện dồi dào phúc đức;
Gia có đạo, đạo lý truyền gia, làm điều nhân thoải mái tinh thần.
(Chùa Quảng Phúc, Hạ Hòa, Phú Thọ)

怒中言發速悔遲可思可忍
世間財得難失易惟儉惟勤
*Nộ trung ngôn, phát tốc hối trì, khả tư, khả nhẫn;
Thế gian tài, đắc nan thất dị, duy kiệm, duy cần.*

Nói lúc giận, phát ngôn vội vã, hối lại đã chậm, nên phải suy phải nhẫn;
Của trên đời, kiếm được khó khăn, mất đi càng dễ, chỉ có kiệm có cần.
(Nhà cụ Hoàng Hữu Thành, Mê Linh, Vĩnh Phúc)

仁慈再出仁慈子
孝順還生孝順兒。
*Nhân từ tái xuất nhân từ tử;
Hiếu thuận hoàn sinh hiếu thuận nhi.*
Nhân từ lại có con nhân từ;
Hiếu thảo lại sinh con hiếu thảo.
(Nhà ông Nam Khánh, Thủy Nguyên, Hải Phòng)

常籌國事如家事
每体民心似己心
*Thường trù quốc sự như gia sự;
Mỗi thể dân tâm tự kỷ tâm.*
Quốc sự thường lo như gia sự;
Lòng dân phải thấu tựa lòng ta.
(Nhà cụ Thái Sinh Đường, Đồ Sơn, Hải Phòng)

君親恩義存天地
祖考精神在子孫
*Quân thân ân nghĩa tồn thiên địa;
Tổ khảo tinh thần tại tử tôn.*
Ơn nghĩa quân thân mãi cùng trời đất;
Tinh thần tiên tổ truyền đời cháu con.
(Tứ đường họ Hà, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)

木本水源千古念
天經地義百年心

*Mộc bản thủy nguyên thiên cổ niệm;
Thiên kinh địa nghĩa bách niên tâm.
Nhớ ghi muôn thuở nước nguồn, cây cội;
Lo lắng trăm năm đất nghĩa, trời kinh.
(Từ đường họ Lưu, Bảo Lạc, Cao Bằng)*

英靈千古在
顯赫四時新
Anh linh thiên cổ tại;
Hiển hách tứ thời tân.

Anh linh còn nguyên muôn thuở;
Hiển hách đổi mới bốn mùa.
(Đền thờ một vị tướng thời Trần ở Thanh Hà, Hải Dương)

禮樂威儀敬如神在
謳歌鼓舞樂在人和
Lễ nhạc uy nghi kính như thần tại;
Âu ca cổ vũ lạc tại nhân hòa.

Lễ nhạc uy nghi, kính tựa thần linh hiển hiện;
Âu ca cổ vũ, vui thay dân chúng thuận hòa.
(Đền thờ đức thánh Trần ở Mỹ Lộc, Nam Định)

八寶車書通北極
萬年禮樂燦南宮

*Bát bảo xa thư thông Bắc cực;
Vạn niên lễ nhạc xán Nam cung.
Thông cực Bắc xa thư tám cõi;
Sáng cung Nam lễ nhạc muôn năm.
(Đền thờ đức thánh Trần ở Mỹ Lộc, Nam Định)*

五色祥雲緣聖殿
千秋恩霧覆民靈

*Ngũ sắc tường vân duyên thánh điện;
Thiên thu ân vụ phủ dân linh.
Năm sắc mây lành viền điện thánh;
Nghìn thu mưa móc thấm lòng dân.
(Đền thờ Phạm Ngũ Lão, Mỹ Hào, Hải Dương)*

欲求保安于後裔
須憑感格於先靈

Dục cầu bảo an vu hậu duệ;

Tu bằng cảm cách ư tiên linh.

Mong muốn giữ gìn cho con cháu;

Linh thiêng phù hộ ở tổ tiên.

(Từ đường họ Hoàng, Yên Mỹ, Hưng Yên)

族姓貴尊萬代長存名繼盛

祖堂靈拜千年恒在德流光

Tộc tính quý tôn, vạn đại trường tồn danh kế thịnh;

Tổ đường linh bái, thiên niên hằng tại đức lưu quang.

Họ hàng tôn quý, chẳng phai mờ công danh muôn thuở;

Tổ miếu thiêng liêng, còn tỏa sáng phúc đức nghìn thu.

(Từ đường họ Phí, Đông Hưng, Thái Bình)

上不負先祖貽流之慶

下足爲後人瞻仰之標

Thượng bất phụ tiên tổ di lưu chi khánh;

Hạ túc vi hậu nhân chiêm ngưỡng chi tiêu.

Trên chẳng phụ phúc đức tổ tiên truyền lại;

Dưới đủ làm gương sáng con cháu noi theo.

(Từ đường họ Lê, Hoàng Hóa, Thanh Hóa)

鞠育恩深東海大

生成義重泰山高

Cúc dục ân thâm Đông hải đại;

Sinh thành nghĩa trọng Thái sơn cao.

Ơn nuôi dạy biển Đông khôn sánh;

Nghĩa sinh thành non Thái nào bằng.

(Nhà ông Lê Khánh Đạt, Đông Triều, Quảng Ninh)

百計不如仁德善

千金莫若子孫賢

Bách kế bất như nhân đức thiện;

Thiên kim mạc nhược tử tôn hiền.

Trăm chước chẳng bằng nhân đức tốt;

Nghìn vàng khôn sánh cháu con hiền.

(Nhà ông Trần Lê Huệ, Hạ Hòa, Phú Thọ)

才人可作國家事
孝子能安父母心

*Tài nhân khả tác quốc gia sự;
Hiếu tử năng an phụ mẫu tâm.*

Người tài việc non sông gánh vác;
Con hiếu lòng bố mẹ toại nguyên.

(Nhà ông Nguyễn Thế Xương, Tỉnh Gia, Thanh Hóa)

德承先祖千年盛
福蔭兒孫百世榮

*Đức thừa tiên tổ thiên niên thịnh;
Phúc ảm nhi tôn bách thế vinh.*

Nghìn năm thịnh, tổ tiên xưa tích đức;
Trăm đời vinh, con cháu được nhờ ơn.
(Từ đường họ Hồ, Quỳnh Lưu, Nghệ An)

有作前修兼齒德
不忘後世共尊親

*Hữu tác tiền tu kiêm xỉ đức;
Bất vong hậu thế cộng tôn thân.*

Nên thọ đức ông cha đã dựng;
Đạo tôn thân con cháu đừng quên.
(Nhà ông Hà Nhân Ngọc, Hậu Lộc, Thanh Hóa)

愛國莫忘祖
仁民先睦親

*Ái quốc mạc vong tổ;
Nhân dân tiên mục thân.*

Yêu nước đừng quên tiên tổ;
Thương dân phải quý người thân.
(Từ đường họ Lưu, Hồng Gai, Quảng Ninh)

遇飲酒時須飲酒
得高歌處且高歌

*Ngộ ẩm tửu thời tu ẩm tửu;
Đắc cao ca xứ thả cao ca.*

Đáng nơi chè chén nên chè chén;
Xứng chỗ xướng ca hãy xướng ca.
(Nhà ông Nguyễn Văn Đại, thành phố Yên Bái)

天光隱約情無限
月影團圓色倍妍

*Thiên quang ẩn ước tình vô hạn;
Nguyệt ảnh đoàn viên sắc bội nghiên.*

Bầu trời man mác tình vô hạn;
Ánh nguyệt mông lung sắc tuyệt trần.
(Nhà ông Đình Gia Lễ, Yên Thế, Bắc Giang)

算來世事金應躍
說到人情劍欲鳴

*Toán lai thế sự kim ưng dục;
Thuyết đáo nhân tình kiếm giục minh.*
Tính xem thế sự vàng như múa;
Nói đến nhân tình kiếm muốn kêu.
(Nhà cụ Mai Thanh Liêm, Thường Tín, Hà Tây)

利名都是夢
富貴不勝閑

*Lợi danh đô thị mộng;
Phú quý bất thắng nhàn.*
Danh lợi là ảo mộng;
Giàu sang chẳng bằng nhàn.
(Nhà cụ Lang Hoàn, Bến Đức, Chùa Hương Tích)

涯邊挹石稱知己
苔里尋詩見故人

*Nhai biên áp thạch xưng tri kỷ;
Đài lý tâm thi kiến cố nhân.*
Men bờ ôm đá xưng tri kỷ;
Vạch bụi tìm thơ thấy cố nhân.
(Nhà ông Trần Xuân Lộc, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)

贏輸世事繞棋局
濃淡人情付酒鍾

*Doanh thâu thế sự nhiễu kỳ cục;
Nồng đạm nhân tình phó tửu chung.*
Cuộc cờ thua được như thế sự;
Ly rượu nhạt nồng tựa nhân tình.
(Nhà cụ Lưu Bảo Ngọc, Thanh Sơn, Phú Thọ)

平生莫作皺眉事
世上應無切齒人

*Bình sinh mạc tác sô mi sự;
Thế thượng ưng vô thiết xỉ nhân.
Ở đời đâu phải thành chau mặt;
Xử thế không cần đến nghiền răng.
(Nhà cụ Hà Quảng, Điện Bàn, Quảng Nam)*

庭栽樓鳳竹
池養化龍魚

*Đình tài thê phượng trúc;
Trì dưỡng hóa long ngư.
Sân trồng trúc phượng đậu;
Ao nuôi cá hóa rồng.
(Hiện nhà thờ họ Nguyễn, An Nhơn, Bình Định)*

高見福星朝永燦
樂觀祿曜照長明

*Cao kiến phúc tinh triều vĩnh xán;
Lạc quan lộc diêu chiếu trường minh.
Mừng thấy phúc trời soi sáng mãi;
Vui nhìn lộc nước chiếu dài lâu.
(Từ đường họ Quách, Bố Trạch, Quảng Bình)*

清時清舍迎清客
歷酒歷杯接歷人

*Thanh thời thanh xá nghênh thanh khách;
Lịch tửu lịch bôi tiếp lịch nhân.
Thanh buổi thanh nhà mừng thanh khách;
Lịch ly lịch rượu tiếp lịch nhân.
(Nhà cụ Lang Tài, Cẩm Phả, Quảng Ninh)*

有客游觀時何必拘拘風水議
同鄉歆慕處所謂存存道義門

*Hữu khách du quan thì, hà tất câu câu phong thủy nghị;
Đồng hương hâm mộ xử, sở vị tồn tồn đạo nghĩa môn.
Đồng khách tham quan, há phải tìm nơi phong thủy đẹp;
Cả làng hâm mộ, chỉ vì chuộng cửa nghĩa nhân cao.
(Nhà cụ Đình Gia Ngân, Nông Cống, Thanh Hóa)*

建造家風新骨格
保存國教古精華

Kiến tạo gia phong tân cốt cách;

Bảo tồn quốc giáo cổ tinh hoa.

Dựng xây cốt cách gia phong mới;

Giữ gìn tinh hoa quốc giáo xưa.

(Nhà ông Bạch Gia Phong, Bảo Lạc, Cao Bằng)

田地勤耕觀大務

詩書廣讀喜高名

Điền địa cần canh quan đại vụ;

Thi thư quảng độc hỉ cao danh.

Ruộng vườn cần mẫn mùa thu lớn;

Thi văn đọc nhiều đồ đạt cao.

(Cụ Cao Thanh Trí, thị xã Lạng Sơn)

書田菽粟皆真味

心地芝蘭有異香

Thư điền thục túc giai chân vị;

Tâm địa chi lan hữu dị tâm.

Tuyệt trần: lúa gạo thu từ “ruộng sách”;

Thú vị: chi lan trồng tại “vườn tâm”.

(Nhà cụ Trần Trúc Khê, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc)

興來文字三杯酒

老至生涯萬卷書

Hứng lai văn tự tam bôi tửu;

Lão chí sinh nhai vạn quyển thư.

Rượu ba chén ngâm nga khi hứng;

Sách vạn pho tiêu khiển tuổi già.

(Nhà ông Trần Tất Thông, Mê Linh, Vĩnh Phúc)

春節百花春聚江山含仰望

時來萬種長成秀茂普齊資

Ân tiết bách hoa xuân tụ giang sơn hàm ngưỡng vọng;

Thời lai vạn chủng trường thành tú mậu phổ tế tư.

Tiết xuân trăm hoa tụ hội núi sông đều ngưỡng vọng;

Đến thời vạn loại trưởng thành tốt tươi cùng tốt tươi.

PHONG CẢNH



Cầu đôi ở cổng đến Ngọc Sơn (Hà Nội)

Ảnh: Vương Anh (2005)

水繞花還西湖鍾秀
龍朝鳳舞北闕恩光

*Thủy nhiều hoa hoàn, Tây Hồ chung tú;
Long triều phượng vũ, Bắc nguyệt ân quang.*
Nước ấm, hoa ôm, Hồ Tây hun về đẹp;
Rồng châu, phượng múa, Cửa Bắc đượm ơn soi.

南水汪洋流不盡
北仇鄭重塊難消

*Nam thủy uông dương lưu bất tận
Bắc cừ trịnh trọng khối nan tiêu*
Sông Nam cuộn cuộn xuôi bất tận
Thù Bắc sâu xa kết khó quên.

德合地生千古美
恩同雨施萬家春

*Đức hợp địa sinh thiên cổ mỹ
Ân đồng vũ thí vạn gia xuân*
Đức hợp đất sinh nghìn xưa đẹp
Ơn cùng mưa đến vạn nhà xuân

一念精誠蒙福澤
千秋俸祀沐恩波

*Nhất niệm tinh thành mông phúc trạch;
Thiên thu phụng tự mặc ân ba.*
Thành kính một niềm ơn phúc trạch;
Phụng thờ nghìn thuở gọi ân ba.

爲佛爲仙萬億化身紫竹菩提東土鑑
樂山樂水千層紅紫青松古柏鳥能言

Vì phật, vì tiên, vạn ức hoá thân, tử trúc bồ đề

Đông Thổ giám;

*Nhạo sơn, nhạo thủy, thiên tăng hồng tử, thanh tùng cổ bách diêu
năng ngôn.*

Là phật, là tiên, vạn ức hoá thân, trúc tía bồ đề soi
miền Đông Thổ;

Yêu non, yêu nước, ngàn tầng đỏ thắm, tùng xanh bách cổ chim biết
hót vang.

廟貌山容相隱約
天光雲影共徘徊
*Miếu mạo sơn dung tương ẩn ước;
Thiên quang vân ảnh cộng bồi hồi.*
Dáng miếu, mặt non cùng thấp thoáng;
Trời quang, mây bóng vẫn vợ hôn.

兔鳥隨過往
山水自高聲
*Thố ô tùy quá vãng;
Sơn thủy tự cao thanh.*
Thỏ quạ theo nhau đến;
Non nước vốn cao thanh.

天根月掬人來往
水色山光相送迎
*Thiên căn nguyệt quật nhân lai vãng;
Thủy sắc sơn quang tương tống nghênh.*
Nền trời trăng mọc người lui tới;
Sắc nước màu non đưa đón nhau.

橋引長虹棲島岸
樓當明月坐湖心
*Kiều dẫn trường hồng thê đảo ngạn;
Lâu đương minh nguyệt tọa hồ tâm.*
Cầu dẫn cầu vòng đậu bờ đảo;
Lầu đương trăng sáng toạ lòng hồ.
(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

夜月或過仙是鶴
濠梁信樂子非魚
*Dạ nguyệt hoặc qua tiên thị hạc;
Hào lương tín lạc tử phi ngư.*
Dưới nguyệt lướt qua tiên hay hạc;
Trên cầu đôi bạn đoán cá vui.
(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

虎榜龍門善根緣法
研臺筆塔大塊文章

Hồ bằng long môn thiện căn duyên pháp;
Nghien đài bút tháp đại khối văn chương.
Bảng hồ của rồng theo duyên người thiện;
Đài nghien tháp bút trời đất văn chương.

(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

平 湖 張 日 月
故 殿 小 乾 坤

Bình hồ trương nhật nguyệt;

Cố điện tiểu căn khôn.

Hồ phẳng in nhật nguyệt;

Điện cũ tiểu căn khôn.

(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

文 光 衡 斗 北
亭 影 落 湖 中

Văn quang xung Đẩu Bắc;

Đình ảnh lạc hồ trung.

Ánh văn xông Bắc đẩu;

Đình bóng lọt lòng hồ.

(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

劍 有 餘 靈 光 若 水
文 從 大 塊 壽 如 山

Kiếm hữu dư linh quang nhược thủy;

Văn tòng đại khối thọ như sơn.

Kiếm có dấu linh quang tựa nước;

Văn theo trời đất thọ tày non.

(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

道 有 主 張 斗 北 文 明 之 象
人 同 瞻 仰 交 南 禮 樂 之 都

Đạo hữu chủ trương Đẩu Bắc văn minh chi tượng;

Nhân đồng chiêm ngưỡng Giao Nam lễ nhạc chi đô.

Đạo có chủ trương, hình tượng văn minh Bắc Đẩu;

Người cùng chiêm ngưỡng, kinh đô lễ nhạc nước Nam.

(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

山 名 不 在 高 水 靈 不 在 深 自 有 主 者
天 柱 賴 以 尊 地 維 賴 以 立 維 此 浩 然

Sơn danh bất tại cao, thủy linh bất tại thâm, tự hữu chủ giả;
Thiên trụ lại dĩ tôn, địa duy lại dĩ lập, duy thử hạo nhiên.
Danh sơn không tại cao, thủy linh không tại sâu, tự thân có chủ;
Thiên trụ nhờ tôn kính, địa duy nhờ được lập, đấy khí hạo nhiên.

(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

位 秉 圖 書 開 太 運
德 留 翰 墨 燦 天 章

Vị bĩnh đồ thư khai thái vận;
Đức lưu hàn mặc xán thiên chương.
Nắm giữ đồ thư khai thái vận;
Đức lưu bút mực sáng thiên chương.

一 心 白 貫 萬 光 旦
四 海 良 回 九 夢 天

Nhất tâm bạch quán vạn quang đán;
Tứ hải lương hồi cửu mộng thiên.
Một tấm lòng ngay muôn năm sáng;
Ngàn trùng tính thiện mãi trời thương.

日 朗 星 輝 筆 研 文 章 留 勝 跡
驚 飛 鶴 降 湖 山 地 秀 鬱 靈 聲

Nhật lãng tinh huy bút nghiên văn chương lưu thắng tích;
Loan phi hạc giáng hồ sơn địa tú uất linh thanh.
Trời sáng sao đầy nghiên bút văn chương lưu thắng tích;
Loan bay hạc giáng núi hồ đất đẹp nổi tiếng linh.

惟 聖 不 知 惟 神 不 測
在 天 成 象 在 地 成 形

Duy thánh bất tri duy thần bất trắc;
Tại thiên thành tượng tại địa thành hình.
Thánh ta bất tri, thần ta bất trắc;
Trời thì thành tượng, đất lại thành hình.

大 忠 以 行 乎 大 勇
至 義 乃 本 於 至 仁

Đại trung dĩ hành hồ đại dũng;
Chí nghĩa nãi bản ư chí nhân.
Đại trung để làm việc đại dũng;
Chí nghĩa là gốc ở chí nhân.

誰知萬古重興業
半在關河半在仁

Thùy tri vạn cổ trùng hưng nghiệp;

Bán tại quan hà bán tại nhân.

Ai hay vạn cổ trùng hưng nghiệp;

Nửa ở địa hình nửa ở người.

爲國爲人民文武聖神留顯號
在上在左右聰明正直贊玄機

Vị quốc vị nhân dân văn vũ thánh thần lưu hiển hiệu;

Tại thượng tại tả hữu thông minh chính trực tán huyền cơ.

Vì nước, vì nhân dân, văn vũ thánh thần danh hiển hách;

Tại trên, tại tả hữu, thông minh chính trực, máy diệu huyền.

天上人間同陟降

聖文神武合聲靈

Thiên thượng nhân gian đồng trắc giáng;

Thánh văn thần vũ hợp thanh linh.

Trời đất nhân gian cùng thăng giáng;

Thánh văn thần vũ hợp tiếng linh.

天何言哉顯道非關我卜

神一者也音德只在中經

Thiên hà ngôn tai! Hiển đạo phi quan ngã bốc;

Thần nhất giả dã, âm đức chỉ tại trung kinh.

Trời nói gì đâu! Đường tỏ chẳng liên quan đến bói;

Thần linh nhất quán, âm đức còn trong sách “Trung kinh”.

鎮北古名藍蕩漾西湖光慧日

粵南今勝跡芳從東土振禪關

Trấn Bắc cổ danh lam, dăng dặng Tây Hồ quang tuệ nhật;

Việt Nam kim thắng tích, phương tùng Đông Thổ chấn thiền quan.

Trấn Bắc vốn danh lam, lừng lẫy Tây Hồ quang tuệ nhật;

Việt Nam nay thắng tích, ngát hương Đông Thổ giữ thiền quan.

鎮國艷傳洱月濃雲名勝地

安花興睹歐風亞雨太平天

Trấn quốc diễm truyền, Nhị nguyệt, Nùng vân danh thắng địa;

Yên Hoa hưng睹, Âu phong Á vũ, thái bình thiên.

Trấn Quốc đẹp truyền, trăng Nhị, mây Nùng danh thắng địa;

Yên Hoa hưng vãn, gió Âu, mưa Á, thái bình thiên.

福 等 河 沙 作 福 自 然 得 福
功 垂 萬 世 興 功 便 見 成 功

Phúc đẳng hà sa tác phúc tự nhiên đắc phúc;

Công thủy vạn thế hưng công tiện kiến thành công.

Phúc tựa cát sông Hằng, làm phúc tự nhiên được phúc;

Công ghi cùng vạn thế, nổi công liền thấy thành công.

爲 仙 爲 佛 爲 國 王 生 化 三 身 留 異 蹟
有 洞 有 湖 有 天 帝 江 山 一 帶 表 奇 觀

Vì tiên vì phật vì quốc vương sinh hoá tam thân lưu dị tích;

Hữu động hữu hồ hữu thiên đế giang sơn nhất đới biểu kỳ quan.

Là tiên là phật là quốc vương, sinh hoá ba thân lưu tích lạ;

Có động có hồ có thiên đế, giang sơn một dải biểu kỳ quan.

禪 門 開 世 界

梵 宇 小 乾 坤

Thiền môn khai thế giới;

Phạn vũ tiểu càn khôn.

Cửa thiền mở thế giới;

Chùa Phật nhỏ đất trời.

天 地 猶 依 天 地 舊

草 花 今 異 草 花 前

Thiên địa do y thiên địa cựu;

Thảo hoa kim dị thảo hoa tiền.

Trời đất vẫn như trời đất cũ;

Cỏ hoa nay khác cỏ hoa xưa.

艷 麗 桃 園 千 古 色

莊 嚴 佛 像 壹 高 臺

Diễm lệ đào viên thiên cổ sắc;

Trang nghiêm phật tượng nhất cao đài.

Vườn đào diễm lệ ngàn năm sắc;

Tượng phật trang nghiêm một đài cao.

天 保 辰 亨 生 聖 帝

地 靈 運 泰 出 神 仙

Thiên bảo thời hanh sinh thánh đế;

Địa linh vận thái xuất thần tiên.

Trời giúp hanh thông sinh vua thánh;

Đất linh vận mở xuất thần tiên.

驚 嶺 花 枯 傳 密 法
頂 山 聖 化 顯 真 王

*Thúu Lĩnh hoa khô truyền mật pháp;
Đỉnh sơn thánh hoá hiển chân vương.
Hoa khô Thúu Lĩnh truyền mật pháp;
Thánh hoá Đỉnh sơn hiển chân vương.*

頂 上 花 開 標 勝 境
山 中 佛 蹟 顯 名 藍

*Đỉnh thượng hoa khai tiêu thắng cảnh;
Sơn trung phật tích hiển danh lam.
Hoa khai đỉnh núi nêu thắng cảnh;
Dấu phật trong non hiện danh lam.*

佛 渡 眾 生 莫 論 富 貧 榮 辱 客
法 門 轉 化 勿 談 貴 賤 智 愚 人

*Phật độ chúng sinh mạc luận phú bần vinh nhục khách;
Pháp môn chuyển hoá vật đàm quý tiện trí ngu nhân.
Phật cứu chúng sinh, chớ bàn khách giàu nghèo vinh nhục;
Pháp môn chuyển hoá, đừng nói kẻ ngu trí sang hèn.*

暮 鼓 朝 鍾 喚 醒 塵 埃 名 利 客
法 聲 佛 號 歸 回 苦 海 夢 迷 人

*Mộ cổ triều chung hoán tỉnh trần ai danh lợi khách;
Pháp thanh phật hiệu quy hồi khổ hải mộng mê nhân.
Chuông sớm trống chiều gọi khách lợi danh trần ai tỉnh lại;
Tiếng kinh câu kệ đưa người mê mộng khổ hải quay về.*

真 心 所 得 千 年 盛
正 法 興 傳 萬 代 榮

*Chân tâm sở đắc thiên niên thịnh;
Chính pháp hưng truyền vạn đại vinh.
Lòng thành đạt được ngàn năm thịnh;
Phép chính hưng truyền vạn thuở vinh.*

國 家 有 永 山 河 固
佛 道 無 窮 日 月 長

*Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố;
Phật đạo vô cùng nhật nguyệt trường.
Quốc gia còn mãi non sông vững;
Đạo phật vô cùng nhật nguyệt trường.*

青 地 弘 開 傳 佛 道
竺 林 通 達 轉 法 輪

*Thanh địa hoằng khai truyền phật đạo;
Trúc lâm thông đạt chuyển pháp luân.
Thanh địa mở mang truyền đạo phật;
Trúc lâm thông đạt chuyển pháp luân.*

大 殿 輝 皇 衣 鉢 花 開 迎 瑞 日
兜 林 寂 淨 菩 提 樹 長 送 春 風

*Dại điện huy hoàng y bát hoa khai nghênh thụ nhật;
Giác lâm tịch tịnh bồ đề thụ trường tống xuân phong.
Điện lớn huy hoàng, y bát hoa khai mừng ngày tốt;
Giác lâm tịch mịch, bồ đề cây lớn tiễn gió xuân.*

聖 德 妙 靈 通 方 信 古 今 蓬 島
母 儀 神 運 化 長 留 天 地 雪 冰

*Thánh đức diệu linh thông, phương tín cổ kim bông đảo;
Mẫu nghi thần vận hoá, trường lưu thiên địa tuyết băng.
Thánh đức thật linh thông, mới biết xưa nay nơi bông đảo;
Mẫu nghi thần biến hoá, dài lâu trời đất chốn tuyết băng.*

天 本 再 生 奇 花 下 題 詩 神 筆 在
地 仙 參 降 顯 御 前 製 錦 聖 恩 嘉

*Thiên Bản tái sinh kỳ, hạ hạ đề thi thần bút tại;
Địa Tiên tại giáng hiển, ngự tiền chế cẩm thánh ân gia.
Đất Thiên Bản tái sinh kỳ diệu, dưới hoa đề thơ thần, bút đó;
Miền Tiên Hương tam giáng hiển linh, trước nhà vua dệt gấm, ơn đây.*

參 世 金 身 子 育 群 生 瞻 法 雨
歷 朝 葩 哀 母 儀 千 古 凜 英 風

*Tam thế kim thân tử dục quần sinh chiêm pháp vũ;
Lịch triều ba cổ mẫu nghi thiên cổ凛 anh phong.
Thân vàng ba thế, nuôi dưỡng quần sinh xem pháp vũ;
Áo cổ mấy triều, mẫu nghi thiên cổ nổi anh phong.*

生 化 丰 姿 山 若 畫
好 生 心 事 石 猶 銘

*Sinh hoá phong tư sơn như hoạ;
Hiếu sinh tâm sự thạch do minh.
Sinh hoá phong tư non như vẽ;
Hiếu sinh tâm sự đá còn bia.*

天 本 降 生 神 上 等
仙 香 鍾 育 女 中 英

Thiên Bản giáng sinh thần thượng đẳng;

Tiên Hương chung dục nữ trung anh.

Thiên Bản giáng sinh bậc thần thượng đẳng;

Tiên Hương hun đúc bậc nữ anh linh.

普 天 之 下 資 坤 德
化 日 之 中 仰 聖 茲

Phổ thiên chi hạ tư khôn đức;

Hoá nhật chi trung ngưỡng thánh tư.

Khắp dưới gầm trời nương khôn đức;

Giữa ngày mầu hoá ngưỡng thánh tư.

化 而 生 正 氣 天 上 下
神 猶 在 靈 聲 地 北 南

Hoá nhi sinh chính khí thiên thượng hạ;

Thần do tại linh thanh địa Bắc Nam.

Hoá như sinh chính khí khắp trời trên dưới;

Thần như tại tiếng linh vang cả Bắc Nam.

五 百 餘 年 神 故 化
再 參 轉 世 聖 如 仙

Ngũ bách dư niên thần cố hoá;

Tái tam chuyển thế thánh như tiên.

Ngũ bách năm dư thần đã hoá;

Tái tam lần biến thánh thành tiên.

普 化 工 高 山 萬 丈
濟 生 德 著 月 天 秋

Phổ hoá công cao sơn vạn trượng;

Tế sinh đức trú nguyệt thiên thu.

Công phổ hoá núi cao muôn trượng;

Đức tế sinh trăng rọi nghìn thu.

十 八 人 神 功 未 泯
五 家 興 邑 德 長 留

Thập bát nhân thần công vị dẫn

Ngũ gia hưng ấp đức trường lưu

Mười tám nhân thân công không mất

Năm nhà dựng ấp đức dài lâu

(Đền Tam xã, Yên Thắng, Ý Yên)

菩薩前身仙聖佛

師尊萬古孝生慈

Bồ Tát tiên thân tiên thánh phật;

Sư tôn vạn cổ hiếu sinh từ.

Tiên thân Bồ Tát thành tiên, thánh, phật;

Muôn thuở tôn sư đức hiếu, nhân, từ.

川毓河鍾*正直神明而一

魚沉鶴落妖嬌婉艷無雙

Xuyên dục hà chung, chính trực thần minh nhi nhất;

Ngư trầm hạc lạc, yêu kiều uyển diễm vô song.

Sông nuôi nước luyện, chính trực thần minh bậc nhất;

Cá lặn hạc sa, yêu kiều diễm lệ không hai.

終古此江山日月當門隆棟幹

高勳垂宇宙孝忠單節植根基

Chung cổ thử giang sơn nhật nguyệt đương môn long đống cán;

Cao huân thủy vũ trụ hiếu trung đơn tiết thực căn cơ.

Sông núi mãi còn đây, nhật nguyệt sáng soi tài lương đống;

Công cao trùm vũ trụ, hiếu trung tiết tháo dựng căn cơ.

昔人已去此地空餘風雨不關成一古

丞相大名宗臣遺像江山有幸共千秋

Tích nhân dĩ khứ thử địa không dư phong vũ bất quan thành nhất cổ;

Thừa tướng đại danh tông thân di tượng giang sơn hữu hạnh cộng thiên thu.

Người xưa đã mất, đất này lóang còn lưu, mưa gió chẳng phai

thành chuyện cũ;

Thừa tướng đại danh, di tượng bậc tông thân, giang sơn may mắn

mãi ngàn thu.

南北四方尊正氣

陳黎歷代贈忠勳

Nam Bắc tứ phương tôn chính khí;

Trần Lê lịch đại tặng trung huân.

Nam Bắc bốn phương tôn chính khí;

Trần Lê lịch đại tặng công huân.

臨水登山一路漸入佳景
尋源訪古此中無限風光

*Làm thủy đăng sơn nhất lộ tiệm nhập giai cảnh;
Tầm nguyên phỏng cổ thử trung vô hạn phong quang.*
Men nước lần non, một đường dần vào cảnh đẹp;
Tìm nguồn hỏi cổ, trong đây vô hạn phong quang.

立人標表開人徑
度世津梁覺世關

*Lập nhân tiêu biểu khai nhân kính;
Độ thế tân lương giác thế quan.*
Lập nhân hãy mở đường nhân kính;
Độ thế điều cần biết thế quan.

道若路然得其門而入
聖即天也不可階而升

*Đạo nhược lộ nhiên đắc kỳ môn nhi nhập;
Thánh tức thiên dã bất khả giai nhi thăng.*
Đạo như đường ấy được cửa thì nhập;
Thánh tức trời vậy không thể leo mãi lên.

萬劫有山皆劍氣
六頭無水不秋聲

*Vạn kiếp hữu sơn giai hiếm khí;
Lục đầu vô thủy bất thu thanh.*
Vạn kiếp núi non đều khí kiếm;
Lục đầu sông nước lắng hơi thu.

安南壯氣山河在
平北餘靈草木知

*An Nam tráng khí sơn hà tại;
Bình Bắc dư linh thảo mộc tri.*
Tráng khí An Nam sông núi đó;
Dư linh bình Bắc cỏ cây hay.

禪門廣大真常樂
光景慈悲法界觀

*Thiền môn quảng đại chân thường lạc;
Quang cảnh từ bi pháp giới quan.*
Cửa thiền rộng mở vô cùng lạc;
Quang cảnh từ bi khắp thế quan.

家 君 子 賢 人 出 入
門 英 雄 貴 客 往 來
*Gia quân tử hiền nhân xuất nhập;
Môn anh hùng quý khách vãng lai.*
Nhà quân tử người hiền lui tới;
Cửa anh hùng khách quý vãng lai.

洪 鍾 驚 大 夢
舊 館 喜 新 成
*Hồng chung kinh đại mộng;
Cựu quán hỷ tân thành.*
Chuông lớn tan giấc mộng;
Quán xưa mừng tân thành.

春 風 不 怒 千 花 笑
秋 水 無 心 四 海 平
*Xuân phong bất nộ thiên hoa tiếu;
Thu thủy vô tâm tứ hải bình.*
Xuân phong chẳng giận, nghìn hoa mỉm;
Thu thủy vô tâm, bốn bể bằng.

祇 園 始 自 陳 皇 帝
寶 座 依 然 佛 聖 人
*Kỳ viên thủy tự Trần Hoàng đế
Bảo tọa y nhiên Phật Thánh nhân*
Vườn chùa có tự đời Trần đế
Điện Phật như xưa thuở Thánh nhân
(Chùa Trùng Khánh, TP. Nam Định)

自 西 來 東 南 北 此 心 同 此 理
從 漢 始 宋 齊 梁 其 道 即 其 心
*Tự Tây lai, Đông, Nam, Bắc, thử tâm đồng thử lý;
Tòng Hán thủy, Tống, Tề, Lương, kỳ đạo tức kỳ tâm.*
Đến từ Tây, Đông, Nam, Bắc, tâm ấy cùng lẽ ấy;
Dầu kẻ Hán, Tống, Tề, Lương, đạo này tức tâm này.

生 爲 國 柱 顛 爲 神
福 在 萬 民 功 在 世

*Sinh vì quốc trụ, hiển vì thân;
Phúc tại vạn dân, công tại thế.
Sống làm quốc trụ thác làm thân;
Phúc tại muôn dân công tại thế.*

國祖降生開貉域
邦君經統肇雄基
*Quốc tổ giáng sinh khai Lạc vực;
Bang quân kinh thống triệu Hùng cơ.
Quốc tổ giáng sinh khai nước Lạc;
Nhà vua gây dựng mở nền Hùng.*

二帝之間光史冊
萬春以後色山河
*Nhị đế chi gian quang sử sách;
Vạn xuân dĩ hậu sắc sơn hà.
Nhị đế trước ngày ngời sử sách;
Vạn xuân sau đó đẹp sơn hà.*

生爲將死爲神正氣留行天地並
功在陳名在史英聲赫濯古今聞
*Sinh vì tướng tử vì thần chính khí lưu hành thiên địa tịnh;
Công tại Trần danh tại sử anh thanh hách trạc cổ kim văn.
Sinh làm tướng, tử làm thần, chính khí lưu hành ngang trời đất;
Công tại Trần, danh tại sử, tiếng tăm lừng lẫy suốt xưa nay.*

功參廣大慈悲佛
德一聰明正直神
*Công tham quảng đại từ bi Phật;
Đức nhất thông minh chính trực Thần.
Công ngang trời đất từ bi Phật;
Đức tối thông minh chính trực Thần.*

雄王創藉田耕藝
聖賢頒業寶明農
*Hùng vương sáng tịch điền canh nghệ;
Thánh hiền ban nghiệp bảo minh nông.
Vua Hùng mở nghề dạy cày cấy;
Thánh hiền ban nghiệp trọng nghề nông.*

義祖高懸天地白
 忠肝廣對鬼神知
*Nghĩa tổ cao huyền thiên địa bạch;
 Trung can quảng đối quỷ thần tri.*
 Nghĩa tổ cao siêu trời đất rõ;
 Gan trung lắm liệt quỷ thần hay.

廣流正氣匡扶廟貌 蒸蒿彰聖德
 論誌英聲自古山河壯麗赫神威
*Quảng lưu chính khí khuông phù miếu mạo huân cao chương thánh đức;
 Luận chí anh thanh tự cổ sơn hà tráng lệ hách thần uy.*
 Rộng dòng chính khí giữ gìn miếu mạo khói hương tỏ thánh đức;
 Ghi chép tiếng vang tự cổ non sông tráng lệ chói thần uy.

流芳千載地壘以立天柱以尊
 歷相三朝君名有榮臣號有顯
*Lưu phương thiên tải, địa lũy dĩ lập, thiên trụ dĩ tôn;
 Lịch tướng tam triều quân danh hữu vinh, thần hiệu hữu hiển.*
 Lũy đặt đã dựng, trụ trời đã tôn, lưu thơm ngàn thuở;
 Danh vua được vinh, hiệu tôi được tỏ, trải đã ba triều.

有開必先功德從來遠矣
 克昌厥後子孫弗替引之
*Hữu khai tất tiên, công đức tông lai viễn hĩ;
 Khắc xương quyết hậu, tử tôn phát thế dẫn chi.*
 Mở mang đi trước, công đức đến nay còn mãi;
 Thịnh vượng đến sau, cháu con tiếp nối chẳng rời.

萬古開長夜
 千載印寒江
*Vạn cổ khai trường dạ;
 Thiên tải ấn hàn giang.*
 Muôn thuở mở đêm dài;
 Ngàn năm in sông lạnh.

一德現天誠自化
 百年顯聖品非凡
*Nhất đức hiện thiên thành tự hoá;
 Bách niên hiển thánh phẩm phi phàm.*

Một đức hiện trời, thành tự hoá;
Trăm năm hiển thánh, phẩm phi phạm.

南天拾捌世車書初頭第壹聖
西嶽億萬年香火上等最靈神

*Nam thiên thập bát thế xa thư, sơ đầu đệ nhất Thánh;
Tây Nhạc ức vạn niên hương hoả, thượng đẳng tối linh Thần.*
Trời Nam mười tám đời truyền nối, buổi đầu đệ nhất Thánh;
Tây Nhạc ức vạn năm hương hoả, thượng đẳng tối linh Thần.

高族遺尊萬代長存名繼盛
祖堂靈拜千年馮在德留光

*Cao tộc di tôn vạn đại trường tồn danh kế thịnh;
Tổ đường linh bái thiên niên bằng tại đức lưu quang.*
Dòng họ tôn vinh, muôn thuở dài lâu danh vẫn thịnh;
Tổ đường cúng bái, ngàn năm nhờ cậy đức còn quang.

祖堂百世香花在
裔族千秋福祿長

*Tổ đường bách thế hương hoa tại;
Duệ tộc thiên thu phúc lộc trường.*
Tổ đường trăm thuở, hương hoa cúng;
Dòng họ ngàn năm, phúc lộc dài.

祖功宗德萬古精神萃聚
春祀秋常億年香火烹蒿

*Tổ công tông đức vạn cổ tinh thần tụy tụ;
Xuân tự thu thường ức niên hương hoả huân cao.*
Tổ công tông đức, muôn thuở tinh thần hội tụ;
Xuân cúng thu lễ, ức niên hương hoả thơm tho.

片念追思存本族
百年香火憶先功

*Phiến niệm truy tư tồn bản tộc;
Bách niên hương hoả ức tiên công.*
Tấm lòng tìm hiểu về giòng họ;
Trăm năm hương hoả nhớ công xưa.

出入仰彌高然在
往來瞻起敬誠心

*Xuất nhập ngưỡng di cao nhiên tại;
Vững lai chiêm khởi kính thành tâm.
Ngửa thấy càng cao, ra vào còn đấy;
Người thêm kính trọng, qua lại thành tâm.*

天書定份正統肇封都百粵山河之有祖
光岳協靈故宮成萃廟三江襟帶尚朝尊
*Thiên thư định phận, chính thống triệu phong đô Bách Việt sơn hà
chi hữu tổ*

*Quang nhạc hiệp linh, cổ cung thành tụy miếu tam giang khâm đới
thượng triều tôn.*

Thiên thư định phận, chính thống mở kinh thành, Bách Việt
núi sông đà có chủ;

Núi lớn cùng thiêng, cổ cung thành miếu mào, Tam Giang
áo mũ vẫn duy trì.

(Đền Hùng, Phú Thọ)

啓我南邦鴻貉千秋尊帝國
顯丁酉土傘瀘一帶壽新祠
*Khải ngã Nam bang Hồng Lạc thiên thu tôn đế quốc;
Hiển Đinh Tỵ Thổ Tản Lô nhất đới thọ tân từ.*

Mở nước Nam ta, Hồng Lạc ngàn thu tôn đế hiệu;
Sáng ngôi Tây Thổ, Tản Lô một dải thọ tân từ.

(Đền Hùng, Phú Thọ)

萬世豪雄德樹栽培增五福
千年文憲仁基興盛享三多
*Vạn thế hào hùng đức thụ tài bồi tăng ngũ phúc;
Thiên niên văn hiến nhân cơ hưng thịnh hưởng tam đa.
Muôn thuở hào hùng, cây đức vun trồng tăng ngũ phúc;
Ngàn năm văn hiến, nền nhân hưng thịnh hưởng tam đa.*

(Đền Hùng, Phú Thọ)

德大安民心同千古盛
雄朝護國德化萬年思
*Đức đại an dân, tâm đồng thiên cổ thịnh;
Hùng triều hộ quốc, đức hoá vạn niên tư.
Đức lớn yên dân, đồng tâm ngàn thuở thịnh;
Hùng triều giữ nước, đức hoá vạn năm ơn.*

(Đền Hùng, Phú Thọ)

大 地 雄 王 愛 國 民 生 盛 旺
東 向 南 天 和 平 造 立 千 秋

*Đại địa Hùng vương ái quốc dân sinh thịnh vượng;
Đông hướng Nam thiên hoà bình tạo lập thiên thu.
Đất lớn vua Hùng, yêu nước sinh dân thịnh vượng;
Đông hướng trời Nam, hoà bình gây dựng ngàn thu.*

(Đền Hùng, Phú Thọ)

始 帝 炎 邦 貞 淑 五 南 起 業
生 神 古 地 樓 臺 一 簇 重 新

*Thủy đế viêm bang trinh thục ngũ Nam khởi nghiệp;
Sinh thần cổ địa lâu đài nhất thốc trùng tân.
Vua đầu viêm bang, trinh thục ngũ nam dựng nghiệp;
Thần sinh đất cổ, lâu đài một cụm mới xây.*

蜀 朝 社 稷 尊 天 柱
香 嶺 山 河 壯 帝 居

*Thục triều xã tắc tôn thiên trụ;
Hương lãnh sơn hà tráng đế cư.
Đất nước triều Thục tôn cột trời;
Non sông Hương lĩnh mạnh đất đế.*

慈 閭 留 香 作 養 人 才 標 女 烈
故 鄉 遺 跡 勤 勞 王 室 顯 臣 忠

*Từ khôn lưu hương tác dưỡng nhân tài tiêu nữ liệt;
Cố hương di tích cần lao vương thất hiển thần trung.
Phòng mẹ thơm hương, nuôi dạy nhân tài nêu liệt nữ;
Làng quê dấu tích, siêng năng việc nước tỏ trung thần.*

不 愧 古 人 稱 烈 女
養 成 當 代 一 忠 臣

*Bất quý cổ nhân xưng liệt nữ;
Dưỡng thành đương đại nhất trung thần.
Chẳng thẹn người xưa khen liệt nữ;
Nuôi dạy đời nay một trung thần.*

聖 德 冠 南 天 默 佑 鄉 民 康 泰
神 威 騰 北 地 匡 扶 社 稷 安 寧

Thánh đức quán Nam thiên mặc hựu hương dân khang thái;
Thần uy đẳng Bắc địa khuông phù xā tặc an ninh.
Thánh đức chủ trời Nam, giúp đỡ dân làng khang thái;
Thần uy trùm đất Bắc, khuông phù đất nước an ninh.

顯應默扶寧國勢
感通威鎮護民鄉
Hiển ứng mặc phù ninh quốc thế;
Cảm thông uy trấn hộ dân hương.
Hiển ứng giúp ngầm bên thế nước;
Cảm thông uy trấn hộ dân làng.

歷朝翊運千年史
越甸鐘靈萬古神
Lịch triều dực vận thiên niên sử;
Việt điện chung linh vạn cổ thần.
Triều triều rạng rỡ ngàn năm sử;
Hồn Việt hun thiêng vạn thuở thần.

雄嶺千秋標正氣
洮江一陣震奇功
Hùng lĩnh thiên thu tiêu chính khí;
Thao giang nhất trận chấn kỳ công.
Núi Hùng ngàn năm nêu chính khí;
Sông Thao một trận nổi kỳ công.

只有孤忠事去而心存故國
別成會所民間而肅若朝廷
Chỉ hữu cô trung sự khứ nhi tâm tồn cố quốc;
Biệt thành hội sở dân gian nhi túc nhược triều đình.

Chỉ có cô trung, việc cũ mà lòng còn nhớ nước;
Riêng thành hội sở, dân gian nghiêm túc tựa trong triều.

應蜀聘扶蜀危莫大勳名標宇宙
抗趙軍嗎趙使提高義氣作山河
Ứng Thục sinh, phù Thục nguy, mạc đại huân danh tiêu vũ trụ;
Kháng Triệu quân, mạ Triệu sử, đề cao nghĩa khí tác sơn hà.
Làm rể Thục, cứu nguy Thục, khó sánh tiếng tăm nêu vũ trụ;
Chống quân Triệu, mắng sứ Triệu, đề cao nghĩa khí giữ sơn hà.

千 秋 永 烈 傳 名 將
一 對 洮 河 邑 舊 祠

Thiên thu vĩnh liệt truyền danh tướng;

Nhất đôi Thao hà ếp cựu từ.

Ngàn năm rực rỡ lưu danh tướng;

Một ếp Thao hà vẫn điện xưa.

歷 代 褒 封 光 古 廟
邑 民 歌 舞 樂 春 臺

Lịch đại bao phong quang cổ miếu;

Áp dân ca vũ lạc xuân đài.

Các đời ngợi khen sáng miếu cổ;

Áp dân ca múa rộn đài xuân.

忠 心 如 白 日

正 氣 壯 山 河

Trung tâm như bạch nhật;

Chính khí tráng sơn hà.

Lòng trung tựa trời sáng;

Khí chính mạnh non sông.

乃 武 乃 文 厥 靈 傳 歷 代

如 日 如 月 多 福 播 群 黎

Nãi vũ nãi văn quyết linh truyền lịch đại;

Như nhật như nguyệt đa phúc bá quần lê.

Gồm vũ gồm văn, tiếng thiêng truyền triều đại;

Tựa nhật tựa nguyệt, phúc ban đến nhân dân.

鍾 毓 何 年 水 秀 山 英 鐘 宇 宙

邦 扶 依 昔 民 安 物 阜 拜 神 庥

Chung dục hà niên thủy tú sơn anh triền vũ trụ;

Bang phù y tích dân an vật phú bái thần hưu.

Chung đức năm nào, nước đẹp non thiêng quanh vũ trụ;

Giữ gìn như cũ, dân yên vật thịnh đội ơn thần.

廟 宇 功 全 上 下 斯 民 蒙 利 樂

高 明 位 列 西 東 觀 者 翕 頌 孚

Miếu vũ công toàn thượng hạ tư dân mông lợi lạc;

Cao minh vị liệt tây đông quan giả hấp ngưng phu.

Miếu vũ nên công, trên dưới, dân đây nhờ lợi lạc;

Cao minh đặt chỗ, tây đông khách đến gọi niềm tin.

淑慎閨儀南國山河資內治
清高廟貌方民香火顯英靈

*Thục thận khuê nghi Nam quốc sơn hà tư nội trị;
Thanh cao miếu mạo phương dân hương hoả hiển anh linh.*

Thận trọng khuê nghi, sông núi nước Nam nhờ nội trị;
Thanh cao miếu mạo, khói hương dân nhớ hiển anh linh.

世歷雄紀以來先後彰靈盛跡
廟祠珥江之上春秋頂祝英聲

*Thế lịch Hùng kỷ dĩ lai tiên hậu chương linh thịnh tích;
Miếu từ Nhĩ giang chi thượng xuân thu đỉnh chúc anh thanh.*

Trải bao thế kỷ vua Hùng, sau trước rõ ràng dấu tích;
Đền miếu trên bờ sông Nhị, xuân thu cầu chúc anh linh.

後先濯也功於國
左右洋乎祀在民

*Hậu tiên trạc dã công ư quốc;
Tả hữu dương hồ tự tại dân.*

Công với nước trước sau rộng lớn;
Thờ do dân, trái phải mệnh mông.

開闢間乾坤區顯赫英聲藏秘廟
歌聚處春臺壽域太平景像屬清河

Khai hạp gian, càn khôn trục khu, hiển hách anh thanh tàng bí miếu;

Ca tụ xứ, xuân đài thọ vực, thái bình cảnh tượng thuộc thanh hà.

Nơi đóng mở càn khôn trọng yếu, lưng lầy tiếng tăm ghi miếu kín;
Chón hội ca đài xuân thịnh vượng, thái bình cảnh tượng ở sông trong.

爲將爲神萬古靈聲傳越境
在民在國千秋功德引洮江

Vì tướng vì thần vạn cổ linh thanh truyền Việt cảnh;

Tại dân tại quốc thiên thu công đức dẫn Thao giang.

Làm tướng làm thần, vạn thuở anh linh truyền đất Việt;

Ở dân ở nước, ngàn năm công đức nhuận dòng Thao.

雄朝名將同生化
傘嶺有神自古今

Hùng triều danh tướng đồng sinh hoá;

Tản lĩnh hữu thần tự cổ kim.

Danh tướng triều Hùng chung sống thác;

Có thần núi Tản tự xưa nay.

山秀水佳如畫高 清傘珥
地靈人傑兼優韜略孫吳

*Sơn tú thủy giai như họa cao thanh Tản Nhĩ;
Địa linh nhân kiệt kiêm ưu thao lược Tôn Ngô.
Tản, Nhĩ cao trong, nước biếc non xanh như vẽ;
Tôn, Ngô thao lược, người kiệt đất linh gồm tài.*

聖德英靈扶國盛
神功赫濯助民安

*Thánh đức anh linh phù quốc thịnh;
Thần công hách trạc trợ dân an.
Đức thánh anh linh, phù nước thịnh;
Công thần hiển hách, giúp dân an.*

洮水源深流益遠
東阿日暮影猶長

*Thao thủy nguyên thâm lưu ích viễn;
Đông a nhật mộ ảnh do trường.
Thao giang nguồn rộng, dòng xa thăm;
Trần nghiệp về chiều, bóng vẫn dài.*

退敵助神功南國山河猶所在
安民留聖德雄朝苗裔到于今

*Thoái địch trợ thần công, Nam quốc sơn hà do sở tại;
An dân lưu thánh đức, Hùng triều miếu duệ đáo vu kim.
Đuổi giặc có công thần, núi sông Nam Việt đây còn mãi;
Yên dân nhờ đức thánh, con cháu vua Hùng đến tận nay.*

孝忠節烈存今古
廟宇樓臺紀後來

*Hiếu trung tiết liệt tồn kim cổ;
Miếu vũ lâu đài kỷ hậu lai.*

*Hiếu trung tiết liệt còn kim cổ;
Miếu vũ lâu đài gửi cháu con.*

才兼文武中興將
德合陰陽上等神

*Tài kiêm văn vũ trung hưng tướng;
Đức hợp âm dương thượng đẳng thần.
Tài kiêm văn võ tướng trung hưng;
Đức hợp âm dương thần thượng đẳng.*

繼祖傳宗光有永
聯燈續焰映無邊

*Kế tổ truyền tông quang hữu vĩnh;
Liên đăng tục diệm ánh vô biên.
Tiếp nối cháu con ngồi sáng mãi;
Lâu đài đèn lửa rạng khôn cùng.*

廟宇千秋明祀典
香燈百世事先靈

*Miếu vũ thiên thu minh tự điển;
Hương đăng bách thế sự tiên linh.
Miếu vũ ngàn năm sáng nghi lễ;
Đèn hương trăm thuở cúng tiên linh.*

節義匡扶宗國祚
靈聲赫濯護斯民

*Tiết nghĩa khuông phù tông quốc tộ;
Linh thanh hách trạc hộ tư dân.
Tiết nghĩa khuông phù bên phúc nước;
Linh thiêng lừng lẫy giúp cho dân.*

忠孝一心天地照
敬誠二字鬼神知

*Trung hiếu nhất tâm thiên địa chiếu;
Kính thành nhị tự quỷ thần tri.
Trung hiếu một lòng trời đất tỏ;
Kính thành hai chữ quỷ thần hay.*

邦國匡扶歷代靈聲垂宇宙
方民翊相千秋正氣壯山河

*Bang quốc khuông phù lịch đại linh thanh垂 vũ trụ;
Phương dân dục tương thiên thu chính khí tráng sơn hà.
Trải mấy linh thiêng trùm vũ trụ, khuông phù đất nước;
Ngàn năm chính khí mạnh non sông, giúp đỡ nhân dân.*

護國庇民萬古英靈傳勝地
除災捍患千秋福惠蔭斯民

*Hộ quốc tỷ dân vạn cổ anh linh truyền thắng địa;
Trừ tai hãn hoạn thiên thu phúc huệ âm tư dân.
Giúp nước, đỡ dân, muôn thuở anh linh truyền đất đẹp;
Trừ tai, cứu nạn, ngàn năm phúc huệ ấm dân này*

允武允文閱世勳功垂竹帛
乃神乃聖歷朝典重壯方村

*Doãn vũ doãn văn, duyệt thế huân công thủy trúc bạch;
Nãi thần nãi thánh lịch triều điển trọng tráng phương thôn.*

Đủ võ đủ văn từng trải công lao ghi trúc lụa;
Là thần là thánh các triều trọng vọng mạnh thôn dân.

生爲良將爲忠臣凜烈
化作尊神作顯聖大王

*Sinh vì lương tướng vì trung thần lâm liệt;
Hoá tác tôn thần tác hiển thánh đại vương.
Sống làm lương tướng, làm trung thần lâm liệt;
Chết hoá tôn thần, hoá hiển thánh đại vương.*

保國護民昭聖德
除災降福顯神功

*Bảo quốc hộ dân chiêu thánh đức;
Trừ tai giáng phúc hiển thần công.
Giữ nước giúp dân ngời thánh đức;
Trừ tai giáng phúc tỏ uy thần.*

靈光重鎮山河世
寶應旁觀殿閣謨

*Linh quang trọng trấn sơn hà thế;
Bảo ứng bàng quan điện các mô.
Linh thiêng trấn giữ non sông cậy;
Đáp ứng chẳng màng, điện các nhờ.*

水底何年留顯跡
秋臺自古仰餘威

*Thủy để hà niên lưu hiển tích;
Thu đài tự cổ ngưỡng dư uy.
Đáy nước năm nào, lưu hiển tích;
Đài thu tự cổ, ngưỡng uy thừa.*

陰扶越地中興聖
名鎮南天上等神

*Âm phù Việt địa Trung hưng thánh;
Danh trấn Nam thiên Thượng đẳng thần.
Âm phù đất Việt, Trung hưng thánh;
Danh trấn trời Nam, Thượng đẳng thần.*

南海神封天有敕
乾門波靜地餘靈

Nam hải thần phong thiên hữu sắc;

Càn môn ba tĩnh địa dư linh.

Biển Nam phong thần, trời có sắc;

Cửa Càn sóng lặng, đất còn thiêng.

(Đền Quất Lâm, Nam Định)

萬古功成名顯達

千秋德盛姓繁榮

Vạn cổ công thành danh hiển đạt;

Thiên thu đức thịnh tính phồn vinh.

Muôn thuở công thành, danh hiển đạt;

Ngàn thu đức thịnh, họ phồn vinh.

亞雨歐風新砥柱

雄崗傘嶺舊封疆

Á vũ Âu phong tân chỉ trụ;

Hùng cương Tản lĩnh cựu phong cương.

Mưa Á gió Âu nền cột mới;

Núi Hùng non Tản cõi bờ xưa.

象嶺天開標正氣

馬江地闢顯英靈

Tượng lĩnh thiên khai tiêu chính khí;

Mã giang địa tịch hiển anh linh.

Trời mở núi Voi nêu chính khí;

Đất bày sông Mã tỏ anh linh.

一歲風波平宋賊

千秋香火振南邦

Nhất tuế phong ba bình Tống tặc;

Thiên thu hương hỏa chấn Nam bang.

Sóng gió một năm, bình giặc Tống;

Hương hoả ngàn thu, dậy nước Nam.

劫嶺瀘江標正氣

花旗寶劍翊靈聲

Kiếp linh Lô giang tiêu chính khí;
Hoa kỳ bảo kiếm dực linh thanh.
Núi Kiếp, sông Lô nêu chính khí;
Cờ hoa kiếm báu sáng linh thiêng.

花石鐘靈神將化身平北宋
黃雲秀氣天星降世翊南天
*Hoa thạch chung linh thần tướng hoá thân bình Bắc Tống;
Hoàng vân tú khí thiên tinh giáng thế dực Nam thiên.*
Hoa đá linh thiêng, thần tướng hoá thân bình Bắc Tống.
Mây vàng khi đẹp, thiên tinh giáng thế giúp trời Nam.

龍綏四辰如在上在左右
濯靈萬古保此土此人民
*Sùng tuy tứ thời, như tại thường tại tả hữu;
Trạc linh vạn cổ, bảo thổ thổ nhân dân.*
Nối tiếp bốn mùa, như ở trên, như trái phải;
Linh thiêng muôn thuở, giữ đất này, nhân dân này.

正統南天分宇宙
功平北宋壯山河
*Chính thống Nam thiên phân vũ trụ;
Công bình Bắc Tống tráng sơn hà.*
Dòng chính trời Nam chia vũ trụ;
Công bình Bắc Tống mạnh non sông.

平虜威聲北敵寒心遽甲
慕珠舊跡南邦勝地退袍
*Bình lỗ uy thanh, Bắc địch hàn tâm cự giáp;
Mộ Châu cự tích Nam bang thắng địa thoái bào.*
Dẹp giặc lòng danh, quân Bắc kinh hồn quắc giáp;
Mộ Châu dấu cũ, trời Nam đất vượng cởi bào.

墓下鐘靈留顯跡
黎朝護國震雄威
*Mộ hạ chung linh lưu hiển tích;
Lê triều hộ quốc chấn hùng uy.*
Dưới mộ linh thiêng lưu hiển tích;
Triều Lê hộ quốc dậy hùng uy.

福民可拜三公爵
壽聖能呼萬歲聲

*Phúc dân khả bái tam công tước;
Thọ thánh năng hô vạn tuế thanh.
Phúc dân đáng bái tước tam công;
Thọ thánh nên hô câu vạn tuế.*

德大安民千古在
功高護國萬年長

*Đức đại an dân thiên cổ tại;
Công cao hộ quốc vạn niên trường.
Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh;
Công cao giữ nước vạn năm dài.*

前土宅後靈祠至今不改
孝於家忠與國自古猶傳

*Tiền thổ trạch hậu linh từ chí kim bất cải;
Hiếu ư gia trung dữ quốc tự cổ do truyền.
Trước chỗ ở, sau đền thiêng; đến nay chẳng đổi;
Hiếu trong nhà, trung với nước, từ cổ còn truyền.
(Đền Cố Trạch, Nam Định).*

秀氣一胞留趙史
雄風萬古懷神威

*Tú khí nhất bào lưu Việt sử;
Hùng phong vạn cổ lãm thần uy.
Một bọc khí thiêng lưu sử Việt;
Muôn năm gió mạnh trọng uy thần.*

赫赫厥聲露度澤
洋洋在上仰靈光

*Hách hách quyet thanh chiêm độ trạch;
Dương dương tại thượng ngưỡng linh quang.
Lừng lẫy tiếng tám nhuận ơn trạch;
Thăm thẳm trên cao thấy khí thiêng.*

德博聖文澄鯨舞
威儀神武帖鯨吞

*Đức bác thánh văn trịnh ngư vũ;
Uy nghi thần vũ thiếp kinh thôn.*

Đức rộng thánh văn trừng múa ngọc;
Uy nghi thần võ diệt quân kinh.

砥柱高標明日月
金甌永典守山河

*Chỉ trụ cao tiêu minh nhật nguyệt;
Kim ô vĩnh điển thủ sơn hà.*

Trụ đá nêu cao sáng nhật nguyệt;
Âu vàng lập phép giữ sơn hà.

一柱高標芳山有勁骨
千秋永久土玉生德才

*Nhất trụ cao tiêu phương sơn hữu kinh cốt;
Thiên thu vĩnh cửu thổ ngọc sinh đức tài.*

Một cột nêu cao, núi danh có cốt cứng;
Ngàn năm vĩnh cửu, đất ngọc sinh đức tài.

往以尊喝水爭高微廟宇
銅可鑄浪潮不折漢風雷

*Vãng dĩ tôn, Hát thủy tranh cao Trưng miếu vũ;
Đồng khả trù, Lãng hồ bất chiết Hán phong lôi.*

Sông Hát réo vượn cao, mãi tôn vinh đền miếu hai Bà;
Sóng gió Lãng hồ, chưa bẻ gãy cột đồng Đông Hán.

農壯秀氣留顯跡
丁朝護國震雄威

*Nông trang tú khí lưu hiển tích;
Đinh triều hộ quốc chấn hùng uy.*

Nông trang khí đẹp lưu danh tiếng;
Triều Đinh giữ nước dậy oai hùng.

百戰立奇功懿親良將
千秋傳勝跡故宅新祠

*Bách chiến lập kỳ công ý thân lương tướng;
Thiên thu truyền thắng tích cố trạch tân từ.*

Trăm trận lập kỳ công, Hoàng thân tướng giỏi;;
Ngàn thu truyền cảnh đẹp, Cố Trạch đến nay.

(Đền Cố Trạch, Nam Định).

宋 賊 解 兵 衷 帝 命
李 朝 開 國 顯 神 功

*Tổng tặc giải binh trung đế mệnh;
Lý triều khai quốc hiển thần công.
Giặc Tống lui quân, vì trời khiến;
Lý triều mở nước, rạng thần công.*

一 陣 黑 雲 除 漢 寇
千 秋 香 火 應 洲 區

*Nhất trận hắc vân trừ Hán khấu;
Thiên thu hương hoả ứng Châu khu.
Một trận mây đen, trừ giặc Hán;
Ngàn năm hương hoả, ứng trời Nam.*

山 勢 地 形 淵 源 引 脈 高 封 後
雄 峰 萬 古 聖 王 乘 龍 駕 御 前

*Sơn thế địa hình uyên nguyên dẫn mạch cao phong hậu;
Hùng phong vạn cổ thánh vương thừa long giá ngự tiền.*

Cội nguồn dẫn mạch, kín che sau thế núi địa hình;
Thánh chúa cuội rồng, ngự giá trước đỉnh Hùng vạn cổ.

椿 陣 餘 風 敲 樹 杪
藥 山 古 月 印 江 心

*Thung trận dư phong xao thụ mạo;
Lạc sơn cổ nguyệt ấn giang tâm.
Trận cọc còn vang, cây phát gió;*

Vườn thuốc trắng xưa, chiếu lòng sông.

數 千 年 王 佐 始 終 父 子 君 臣 開 極 點
十 五 部 天 分 翼 軫 山 河 日 月 共 長 存

*Số thiên niên, vương tá thủy chung, phụ tử quân thần khai cực điểm;
Thập ngũ bộ, thiên phân Dực Chấn, sơn hà nhật nguyệt cộng trường tồn.*

Trước sau giúp chúa, mấy ngàn năm, cha con vua tôi tròn giữ đạo;
Dực Chấn trời phân, mười lăm bộ, núi sông nhật nguyệt vẫn lâu bền.

保 越 山 河 雲 逐 北
扶 陳 廟 社 日 昇 東

*Bảo Việt sơn hà vân trục Bắc;
Phù Trần miếu xã nhật thăng Đông.*

Giữ Việt non sông, mây đuổi Bắc;
Phù Trần xã tắc, mặt trời Đông.

(Đền Bảo Lộc, Nam Định)

扶擁天生文武將
江河地出聖仙人
*Phù Ủng thiên sinh văn vũ tướng;
Giang hà địa xuất thánh tiên nhân.*
Trời sinh tướng giỏi, làng Phù ửng;
Đất xuất thánh nhân, chốn sông hồ.
(Chùa Hồng Phúc, Mỹ Lộc, Nam Định)

雲擁蘆旗天開運
包咸水馬地終靈
*Vân ủng lô kỳ thiên khai vận;
Bao hàm thủy mã địa chung linh.*
Mây cuốn cờ lau¹, trời mở vận;
Bao hàm ngựa nước², đất linh thiêng.

恩深海河留萬代
德厚山林刻千秋
*Ân thâm hải hà lưu vạn đại;
Đức hậu sơn lâm khắc thiên thu.*
Sông biển ơn sâu, lưu vạn thuở;
Núi rừng dày đức, khắc ngàn thu.

億年赫奕英靈地
萬世衣冠禮樂天
*Ức niên hách dịch anh linh địa;
Vạn thế y quan lễ nhạc thiên.*
Ngàn năm chói lọi, đất anh linh;
Muôn thuở y quan, trời lễ nhạc.

赫濯西郊留聖跡
繁宣下邑遍神庥
*Hách trạc tây giao lưu thánh tích;
Phồn tuyên hạ ấp biến thần hu.*
Lừng lẫy tây thành, lưu dấu thánh;
Rợp che dưới ấp, khắp ơn thần.

¹ Lúc nhỏ, vua Đinh Tiên Hoàng thường dùng cờ lau tập trận.

² Lúc nhỏ, vua Đinh Tiên Hoàng lặn xuống vực thấy có con ngựa, vua lấy ngọc trong mồm ngựa.

協 啓 千 秋 新 廟 貌
迴 廊 四 面 舊 江 山

Hiệp khải thiên thu tân miếu mạo.

Hồi lang tứ diện cựu giang sơn;

Cùng dựng ngàn năm đền miếu mới.

Nhà quây bốn mặt núi sông xưa;

基 址 重 新 龍 象 左 排 乎 仰 望
江 山 依 舊 龜 坼 右 列 壯 觀 瞻

Cơ chỉ trùng tân long tượng tả bài phu ngưỡng vọng;

Giang sơn y cựu quy xích hữu liệt tráng quan chiêm.

Nền nhà làm mới, tượng rồng bày trái gây tin tưởng;

Non sông như cũ, mai rùa đặt phải gọi tham quan.

傘 嶺 雄 山 通 國 祭
仙 花 富 石 屹 鄉 祠

Tản lĩnh Hùng sơn thông quốc tế;

Tiên hoa phú hữu ngật hương từ.

Đỉnh Tản non Hùng thông quốc mạch;

Hoa tiên đá chắt khắp đến quê.

求 天 地 風 和 雨 順
敬 聖 神 福 厚 恩 留

Cầu thiên địa phong hoà vũ thuận;

Kính thánh thần phúc hậu ân lưu.

Cầu trời đất, gió hoà mưa thuận;

Kính thánh thần, phúc hậu ơn lưu.

赫 濯 瑞 雲 留 聖 跡
繁 宣 富 厚 遍 神 庥

Hách trạc Thụy vân lưu thánh tích;

Phồn tuyên phú hậu biến thần hựu.

Mây lành rực rỡ, lưu dấu thánh;

Giàu có sinh sôi, nấp bóng thần.

仰 之 遺 高 進 一 步 升 一 級
瞻 者 起 敬 赫 厥 聲 濯 厥 靈

Ngưỡng chi di cao, tiến nhất bộ, thăng nhất cấp;

Chiêm giả khởi kính, hách quyết thanh, trạc quyết linh.

Kẻ ngược thấy cao, tiến một bước lên một bậc;

Người xem thêm kính, lòng tiếng vang, rậy tiếng thiêng.

神 功 深 莫 測
聖 德 默 扶 持

Thần công thâm mạc trắc;

Thánh đức mặc phù trì.

Thần công khôn lường sâu;

Thánh đức phù trì kín.

聖 德 普 施 千 戶 福
雄 瀾 風 雨 有 餘 威

Thánh đức phổ thi thiên hộ phúc;

Hùng Lô phong vũ hữu dư uy.

Thánh đức thi ân, ngàn hộ phúc;

Hùng Lô mưa gió, có thừa uy.

上 等 英 靈 留 跡 古
降 神 顯 聖 柱 千 秋

Thượng đẳng anh linh, lưu tích cổ;

Giáng thần hiển thánh, trụ thiên thu.

Thượng đẳng anh linh lưu dấu cổ;

Giáng thần hiển thánh vững ngàn thu.

溥 海 仰 神 庥
安 瀾 沾 聖 德

Phổ hải ngưỡng thần hựu;

An lan chiêm thánh đức.

Biển rộng nhớ ơn thần;

Sóng yên nhuần đức thánh.

水 德 汪 涵 七 郡 花 村 沾 潤 澤
金 臺 燦 爛 三 河 流 域 沐 恩 光

Thủy đức汪洋, thất quận hoa thôn chiêm nhuận trạch;

Kim đài xán lạn, tam hà lưu vực mặc ân quang.

Đức nước mênh mông, bảy quận thôn hoa nhuần tưới thấm;

Đài vàng xán lạn, ba sông lưu vực được ân soi.

遠 溯 德 源 歸 鉅 海
近 來 花 甲 報 連 枝

Viễn tố đức nguyên quy cự hải;

Cận lai hoa giáp báo liên chi.

Xa xưa đức độ dường biển cả;

Đến nay tuổi tác được liên chi.

東土青蓮開智慧
西天紅日照光明

*Đông Thổ thanh liên khai trí tuệ;
Tây Thiên hồng nhật chiếu quang minh.*
Đông Thổ sen xanh khai trí tuệ;
Tây Thiên hồng nhật chiếu quang minh.

金蓮寶上彌陀佛
紫竹林中觀世音

*Kim liên bảo thượng Di Đà Phật;
Tử trúc lâm trung Quán Thế Âm.*
Sen vàng trên điện Di Đà Phật;
Trúc tía trong rừng Quán Thế Âm.

色景輝煌求德佛
靈臺燦爛念釋迦

*Sắc cảnh huy hoàng cầu đức Phật;
Linh đài xán lạn niệm Thích Ca.*
Cảnh sắc huy hoàng cầu đức Phật;
Chùa thiêng xán lạn niệm Thích Ca.

百拜宮靈三世佛
一心朝奉九重仙

*Bách bái cung linh Tam Thế Phật;
Nhất tâm triều phụng Cửu Trùng Tiên.*
Trăm lạy cung thiêng Tam Thế Phật;
Một lòng thờ phụng Cửu Trùng Tiên.

風景有情色色映中天日月
乾坤不老永永存世上精靈

*Phong cảnh hữu tình sắc sắc ánh trung thiên nhật nguyệt;
Càn khôn bất lão vĩnh vĩnh tồn thế thượng tinh linh.*
Phong cảnh có tình, sắc sắc rạng giữa trời nhật nguyệt;
Càn khôn chẳng lão, mãi mãi còn cõi thế anh linh.

靈山萬古名庵入凡出聖
光景日時新色近悅遠來

*Linh sơn vạn cổ danh am nhập phàm xuất thánh;
Quang cảnh nhật thời tân sắc cận duyệt viễn lai.*
Linh sơn muôn thuở danh am, vào phàm ra thánh;
Quang cảnh ngày giờ sắc mới, gần chuộng xa ưa.

善惡分明天有眼
吉凶報應佛何心
*Thiện ác phân minh thiên hữu nhãn;
Cát hung báo ứng Phật hà tâm.
Thiện ác phân minh, trời có mắt;
Cát hung báo ứng, Phật đầu lòng.*

天應地靈龍橋寺
神扶佛度錦隊村
*Thiên ứng địa linh Long Kiều tự;
Thần phù phật độ Cẩm Đội thôn.
Chùa Long Kiều trời ứng đất linh;
Thôn Cẩm Đội thần phù phật độ.*

日昭光明金殿閣
月臨梵宅玉樓臺
*Nhật chiêu quang minh kim điện các;
Nguyệt lâm phạn trạch ngọc lâu đài.
Trời chiếu sáng ngời điện gác vàng;
Trăng soi thiền viện lâu đài ngọc.*

梵宇擎天標屹柱
林圓特地起層樓
*Phạn vũ kinh thiên tiêu ngật trụ;
Lâm viên đặc địa khởi tầng lầu.
Mái phạn chống trời cao ngất cột;
Lâm viên đất tốt dựng tầng lầu.*

寸燭九霄懸日月
單刀萬古壯山河
*Thốn chúc cửu tiêu huyền nhật nguyệt;
Đan đao vạn cổ tráng sơn hà.
Tấc đuốc chín tầng cùng nhật nguyệt;
Thánh đao muôn thuở mạnh sơn hà.*

優鉢花開功德住
伍月果結夏天成
*Ưu bát hoa khai công đức trú;
Ngũ nguyệt quả kết hạ thiên thành.
Sen xanh hoa nở chứa công đức;
Tháng năm kết quả mùa hạ thành.*

日 月 恩 光 炤

江 山 喜 氣 臨

Nhật nguyệt ân quang chiếu;

Giang sơn hỷ khí lâm.

Ngày tháng ân chiếu sáng;

Non sông mừng khí lành.

大 慈 大 悲 救 一 劫 苦 海 眾 生 阿 彌 陀 佛
修 福 修 慧 造 無 量 極 樂 世 界 歡 喜 如 來

Đại từ đại bi, cứu nhất kiếp khổ hải chúng sinh, A Di Đà Phật;

Tu phúc tu tuệ, tạo vô lượng cực lạc thế giới, hoan hỷ Như Lai.

Đại từ đại bi, cứu một kiếp chúng sinh bể khổ, A Di Đà Phật;

Tu phúc tu tuệ, tạo vô số thế giới cực lạc, hoan hỷ Như Lai.

大 慈 大 悲 救 一 劫 苦 海 眾 生
修 福 修 慧 造 無 量 極 樂 世 界

Đại từ đại bi, cứu nhất kiếp khổ hải chúng sinh;

Tu phúc tu tuệ, tạo vô lượng cực lạc thế giới.

Đại từ đại bi, cứu một kiếp khổ hải chúng sinh;

Tu phúc tu tuệ, tạo vô lượng cực lạc thế giới.

福 壽 永 綏 茲 景 福

農 桑 不 改 古 遺 風

Phúc thọ vĩnh tuy tư cảnh phúc;

Nông tang bất cải cổ di phong.

Cảnh phúc nay giàu thọ vẫn còn;

Phong tục cũ nông tang không đổi.

安 坐 真 言 求 大 覺

誠 心 奉 請 現 如 來

An tọa chân ngôn cầu đại giác;

Thành tâm phụng thỉnh hiện như lai.

Tín tưởng chân ngôn, cầu đại giác;

Thành tâm cầu khẩn, hiện như lai.

拈 指 拈 花 誠 格 瑤 宮 三 界 府

信 心 念 佛 名 標 淨 域 九 蓮 臺

Khiết chỉ niệm hoa thành cách đao khung tam giới phủ;

Tín tâm niệm phật danh tiêu tịnh vực cửu liên đài.

Ngón tay gĩa hoa, thực biến vùng trời ba giới phủ;

Tín tâm niệm phật, danh nêu tịnh vực chín đài sen.

平 等 皈 依 登 覺 岸
自 由 信 仰 入 玄 門
*Bình đẳng quy y đăng giác ngạn;
Tự do tín ngưỡng nhập huyền môn.*
Bình đẳng quy y, đến bến giác;
Tự do tín ngưỡng, vào cửa huyền.

誦 佛 慈 悲 修 積 善
聖 賢 廣 大 福 後 來
*Tụng Phật từ bi tu tích thiện;
Thánh hiền quảng đại phúc hậu lai.*
Tụng Phật từ bi, nên tích thiện;
Thánh hiền quảng đại, phúc về sau.

福 錫 無 疆 極 衍 皇 疇 五 福
陽 春 有 腳 會 開 泰 宇 三 陽
*Phúc tích vô cương, cực diễn hoàng trù ngũ phúc;
Dương xuân hữu cước, hội khai thái vũ tam dương.*
Ban phúc khôn cùng, tràn ngập cõi bờ ngũ phúc;
Dương xuân có bước, mở ra thái vũ tam dương.

一 花 現 瑞 週 沙 界
五 葉 流 芳 遍 大 天
*Nhất hoa hiện thủy chu sa giới;
Ngũ diệp lưu phương biến đại thiên.*
Một hoa lành hiện quanh sa giới;
Năm cánh lưu phương khắp đại thiên.

創 立 勝 景 禪 庵 史 記 千 秋 光 日 月
造 成 蓮 花 石 座 留 傳 萬 古 對 江 山
*Sáng lập thắng cảnh thiền am sử ký thiên thu quang nhật nguyệt;
Tạo thành liên hoa thạch tọa lưu truyền vạn cổ đối giang sơn.*
Sáng lập cảnh đẹp chùa am, sử chép nghìn thu ngời nhật nguyệt;
Tạo nên toà sen bệ đá, người truyền muôn thuở với non sông.

培 像 貽 形 留 後 世
造 禪 再 立 繼 前 人
*Bồi tượng di hình lưu hậu thế;
Tạo thiền tái lập kế tiền nhân.*
Đắp tượng vẽ hình, lưu hậu thế;
Tạo thiền tái lập, nối tiền nhân.

天應地靈壯嚴寺
神扶佛度三江村

*Thiên ứng địa linh Trang Nghiêm tự;
Thần phù Phật độ Tam Giang thôn.
Chùa Trang Nghiêm, thiên ứng đất linh;
Thôn Tam Giang, thần phù Phật độ.*

慈悲不瞬諸天眼
清淨無塵寸地心

*Từ bi bất thuấn chư thiên nhãn;
Thanh tịnh vô trần thốn địa tâm.
Từ bi chẳng sót, trời nhiều mắt;
Thanh tịnh không nhơ, đất tác lòng.*

九陞夢中祥應馬
千秋靈跡地呈龜

*Cửu bệ mộng trung tường ứng mã;
Thiên thu linh tích địa trình quy.
Chín bệ ngựa ứng, điềm trong mộng;
Ngàn thu rùa hiện, đất dấu thiêng.*

雲寺英靈十方仰望求必應
禪門廣大諸佛扶持得壽康

*Vân tự anh linh, thập phương ngưỡng vọng cầu tất ứng;
Thiền môn quảng đại, chư Phật phù trì đắc thọ Khang.
Chùa Vân linh thiêng, mười phương ngưỡng vọng cầu ắt ứng;
Cửa Thiền rộng lớn, chư Phật phù trì được thọ Khang.*

西竺有經傳佛道
南天生聖度民間

*Tây Trúc hữu kinh truyền Phật đạo;
Nam thiên sinh thánh độ dân gian.
Tây Trúc có kinh truyền đạo Phật;
Trời Nam sinh thánh độ nhân gian.*

古寺最清奇前溪後井
新庵增爽塏坐乙向辛

*Cổ tự tối thanh kỳ tiền Khê hậu井;
Tân am tăng sảng khải tọa ất hướng tân.*

Chùa cổ rất thanh kỳ, trước khe sau giếng;
Am mới thêm sáng sửa, ngòi ắt hướng tân.

古跡地靈祥雲應
今來靜放顯寺靈

*Cổ tích địa linh tường vân ứng;
Kim lai tĩnh phóng hiển tự linh.*
Dấu cổ đất thiêng, mây lành ứng;
Đến nay hiển hiện, rõ chùa thiêng.

福祖如山千萬古
慧眼流來日月香

*Phúc tổ như sơn thiên vạn cổ;
Tuệ nhãn lưu lai nhật nguyệt hương.*
Phúc tổ như non, ngàn vạn thuở;
Mắt tuệ lan truyền, nhật nguyệt hương.

慶元寺長存不盡
聖人地留仰萬年

*Khánh Nguyên tự trường tồn bất tận;
Thánh nhân địa lưu ngưỡng vạn niên.*
Chùa Khánh Nguyên, trường tồn vô tận;
Đất Thánh Nhân, chiêm ngưỡng vạn năm.

三尊儼若西方聖
七寶巍然北地神

*Tam tôn nghiêm nhược Tây phương thánh;
Thất bảo nguy nhiên Bắc địa thần.*
Tam tôn trang trọng, Tây phương thánh;
Thất bảo nguy nga, Bắc địa thần.

空門舉足權開事相良方
有根皈投理入圓融覺地

*Không môn cử túc quyền khai sự tướng lương phương;
Hữu căn quy đầu lý nhập viên dung giác địa.*
Cửa không cất bước tạm coi, sự tướng phương hay;
Sẵn có quy căn vào chốn, phong quang đất giác.

天聖盡度諸眾生
德佛慈悲能救苦

Thiên thánh tận độ chư chúng sinh;
Đức Phật từ bi năng cứu khổ.
Thiên thánh độ hết mọi chúng sinh;
Đức Phật từ bi hay cứu khổ.

國家有永山河固
天道無邊日月長
Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố.
Thiên đạo vô biên nhật nguyệt trường;
Quốc gia bền mãi non sông vững,
Thiên đạo vô biên ngày tháng dài;

出入修行皆正路
往來方便不他枝
Xuất nhập tu hành giai chính lộ;
Vãng lai phương tiện bất tha chi.
Ra vào tu đạo đều ngay thẳng;
Qua lại cửa thiên, chẳng đổi tên.

梵宇崇修普濟慈航超苦海
福田增廣永扶寶筏渡迷川
Phạn vũ sùng tu, phổ tế từ hàng siêu khổ hải;
Phúc điền tăng quảng, vĩnh phù bảo phiệt độ mê xuyên.
Mái chùa sửa sang, tế độ thuyền từ qua bể khổ;
Ruộng phúc rộng mở, mãi đưa bè quý vượt sông mê.

心誠歸道中南北
佛德無邊量海河
Tâm thành quy đạo Trung Nam Bắc;
Phật đức vô biên lượng hải hà.
Thành tâm quy đạo Trung, Nam, Bắc.
Đức Phật minh mông lượng hải hà;

菩提樹長千年蔭
優鉢花開四序春
Bồ đề thụ trường thiên niên âm;
Ưu bát hoa khai tứ tự xuân.
Bồ đề đại thụ nghìn năm bóng;
Ưu bát khai hoa bốn vụ xuân.

日誦金經祈國敬
時宣玉偈祝民安
*Nhật tụng kim kinh kỳ quốc kính;
Thời tuyên ngọc kệ chúc dân an.*
Ngày tụng kinh vàng, cầu nước mạnh;
Giờ tuyên kệ ngọc, chúc dân an.

萬古仰洪庥聖德昭如日月
億年降祀典神威永鎮乾坤
*Vạn cổ ngưỡng hồng hựu thánh đức chiếu như nhật nguyệt;
Úc niên giáng tự điển uy vĩnh trấn càn khôn.*
Muôn thuở cầu chở che, đức thánh sáng như nhật nguyệt;
Úc năm lo tế tự, uy thần vẫn trấn càn khôn.

水楊枝洗穢消災
愿修行成人得道
*Thủy dương chi tẩy uế tiêu tai;
Nguyện tu hành thành nhân đắc đạo.*
Nước cành dương tẩy uế tiêu tai;
Nguyện tu hành thành người đắc đạo.

日照光明金殿閣
月臨梵宅玉樓臺
*Nhật chiếu quang minh kim điện các;
Nguyệt lâm phạn trạch ngọc lâu đài.*
Trời chiếu sáng soi điện gác vàng;
Trăng vào cửa Phật lâu đài ngọc.

瑞雨慈濡菩提樹果千年茂
慈風動蕩般若開瑤萬世春
*Thụy vũ từ nhu, Bồ Đề thụ quả thiên niên mậu;
Từ phong động dăng, Bát Nhã khai dao vạn thế xuân.*
Mưa lành thấm đượm, Bồ Đề cây trái ngàn năm tốt;
Gió từ phơ phất, Bát Nhã hoa ngọc vạn đời xuân.

貼合方民承介福
安寧境土賴陰功
*Thiếp hợp phương dân thừa giới phúc;
An ninh cảnh thổ lại âm công.*

Thấm khắp chúng dân, nhờ phúc lớn;
An ninh bờ cõi, cậy âm công.

慧日天晶萬種雲花呈般若
法雲地湧兩行寶樹引菩提

*Tuệ nhật thiên tinh, vạn chủng vân hoa trình Bát Nhã;
Pháp vân địa dũng, lưỡng hàng bảo thụ dẫn Bồ Đề.*
Trời tuệ sáng soi, muôn dặm mây hoa trình Bát Nhã;
Mây pháp nước phun, hai hàng cây quý tới Bồ Đề.

錦繡乾坤歸法界
光華日月照慈航

*Cẩm tú càn khôn quy pháp giới;
Quang hoa nhật nguyệt chiếu từ hàng.*
Gấm vóc càn khôn, quy pháp giới;
Sáng tươi nhật nguyệt, chiếu thuyền từ.

景佛前扶善罰惡
心信誠祈保平安

*Cảnh phật tiền phù thiện phạt ác;
Tâm tín thành kỳ bảo bình an.*
Trước cảnh phật, phù thiện phạt ác;
Thực thành tâm, cầu giúp bình yên.

誦佛慈悲修積善
聖賢廣大福後來

*Tụng phật từ bi, tu tích thiện;
Thánh hiền quảng đại, phúc hậu lai.*
Tụng phật từ bi nên tích thiện;
Thánh hiền quảng đại phúc về sau.

殿上巍峨來妙相
案前祈禱表真經

*Điện thượng uy nga lai diệu tướng;
Án tiền kỳ đảo biểu chân kinh.*
Trên điện nguy nga, hiện diệu tướng;
Trước bàn cầu đảo, biểu chân kinh.

佛慈廣大遊世界
聖德寶紅護民間

Phật từ quảng đại du thế giới;
Thánh đức bảo hồng hộ dân gian.
Phật từ quảng đại khắp thế giới;
Thánh đức quý báu giúp dân gian.

玉質降皇宮 噴水九龍齊沐浴
金身修雪嶺 含花百鳥共朝參
Ngọc chất giáng hoàng cung, phun thủy Cửu long tề mộc dục;
Kim thân tu tuyết lĩnh, hàm hoa bách điểu cộng triều tham.
Chất ngọc xuống hoàng cung, mạch nước chín rồng đều tắm gội;
Mình vàng tu núi tuyết, ngậm hoa chim chóc thấy về châu.

法王堪忍界中慶喜多聞無礙辨
教主靈山會上隱光微笑一乘機
Pháp vương kham nhẫn giới trung, khánh hỷ đa văn vô ngại biện;
Giáo chủ Linh sơn hội thượng, ẩn quang vi tiếu nhất thừa cơ.
Pháp vương giữ trọn nhẫn giới, mừng được nghe nhiều không ngại tỏ;
Giáo chủ trên hội Linh sơn, nép mình cười mỉm lại nhân cơ.

代佛宜揚結集場中僧第貳
氣高星漢聰明德化合陰陽
Đại Phật nghi dương kết tập trường trung tăng đệ nhị;
Khí cao tinh Hán thông minh đức hoá hợp âm dương.
Hội kết tập chúng tăng lần hai, thay Phật hoằng dương;
Đức thông minh hoá hợp âm dương, khí cao Ngân Hán.

蓮花化生身面見
萬劫逍遙永不來
Liên hoa hoá sinh thân diện kiến;
Vạn kiếp tiêu dao vĩnh bất lai.
Thân chứng kiến hoa sen sinh hoá;
Mãi không còn vạn kiếp tiêu dao.

眾聖共推尊極樂淨光真教主
諸佛同讚仰蓮花臺藏大慈尊
Chúng Thánh cộng suy tôn, Cực Lạc tịnh quang chân giáo chủ;
Chư Phật đồng tán ngưỡng, Liên Hoa đài tạng đại từ tôn.
Các Thánh thấy suy tôn, Cực Lạc sáng trong chân giáo chủ;
Chư Phật đều tin tưởng, Liên Hoa hàm chứa đại từ bi.

菩薩同至皆出現
公主從來列御班
*Bồ Tát đồng chí giai xuất hiện;
Công chúa tòng lai liệt ngự ban.*
Bồ Tát đến đây đều xuất hiện;
Công chúa xưa nay liệt ngự ban.

解釋前生諸夙債
集群百姓保平安
*Giải thích tiền sinh chư túc trãi;
Tập quần bách tính bảo bình an.*
Cởi bỏ mọi món nợ truyền kiếp;
Giữ gìn cho trăm họ bình an.

先賢玉樓同如福
後來具術聚禪門
*Tiên hiền ngọc lâu đồng như phúc;
Hậu lai cụ thuật tụ thiền môn.*
Tiên hiền lầu ngọc cùng chung phúc;
Hậu lai mọi cánh tụ cửa thiền.

禪門福慧留神祖
覺岸心座接來生
*Thiền môn phúc tuệ lưu thần tổ;
Giác ngạn tâm tòa tiếp lai sinh.*
Phúc cửa thiền, sáng lưu thần tổ;
Tâm bến giác, nối tiếp đời sau.

鐘動三圻天有益
雷行四遠地無疆
*Chung động tam kỳ thiên hữu ích;
Lôi hành tứ viễn địa vô cương.*
Chuông réo ba kỳ, trời có ích;
Sấm rền bốn cõi, đất không biên.

亞東神佛雙靈地
南國乾坤格水歐
*Á đông thần phật song linh địa;
Nam quốc càn khôn cách thủy âu.*

Thân Phật, Á đông hai đất quý;
Càn khôn, Nam quốc đến trời Âu.

功參廣大慈悲佛
德配乾坤正直神

*Công tham quảng đại từ bi Phật;
Đức phối càn khôn chính trực thần.*
Phật từ bi, công thêm quảng đại;
Thần ngay thẳng, đức sánh càn khôn.

由憐眾苦宣玄教
廣度群生顯法身

*Do lân chúng khổ tuyên huyền giáo;
Quảng độ quần sinh hiển pháp thân.*
Bỉ thương chúng khổ, tuyên huyền giáo;
Cứu vớt sinh linh, hiển pháp thân.

色相輝煌三世佛
慈心濟度十方民

*Sắc tướng huy hoàng tam thế Phật;
Từ tâm tế độ thập phương dân.*
Ba đời Phật, sắc tướng huy hoàng;
Mười phương dân, từ tâm tế độ.

身心非樹菩提非臺明鏡
恩德遍光覆慧遍日慈雲

*Thân tâm phi thụ, Bồ đề, phi đài minh kính;
Ân đức biến quang, phú tuệ, biến nhật từ vân.*
Thân tâm chẳng phải Bồ đề, chẳng phải đài gương sáng;
Ân đức làm sáng phúc tuệ, làm trời mây từ.

神光普照民寧靜
聖德乘恩物阜康

*Thần quang phổ chiếu dân ninh tĩnh;
Thánh đức thừa ân vật phụ khang.*
Thần quang chiếu khắp, dân yên tĩnh;
Thánh đức rủ ơn, vật thịnh cường.

優鉢花開長茂盛
普度群生脫苦緣

Ưu bát hoa khai trường mậu thịnh;
Phổ độ quần sinh thoát khổ duyên.

Ưu bát nở hoa, tươi tốt mãi;
Phổ độ chúng sinh, khổ duyên qua.

一真空寂超之界
千億化身渡群生

Nhất chân không tịch siêu chi giới;
Thiên ức hoá thân độ quần sinh.

Một lòng tu đạo siêu tịnh giới;
Ngàn lượt hoá thân độ chúng sinh.

世界三千光佛日
蓮座寶殿渡眾生

Thế giới tam thiên quang Phật nhật;
Liên toà bảo điện độ chúng sinh.

Ba ngàn thế giới, sáng trời phật;
Bảo điện toà sen, độ chúng sinh.

日月千秋同山水
佛神萬古救群生

Nhật nguyệt thiên thu đồng sơn thủy;
Phật thần vạn cổ cứu quần sinh.

Nhật nguyệt cùng sông núi ngàn năm;
Thần phật cứu chúng sinh muôn thuở.

佛法重光三寶地
祖燈遠照十方天

Phật pháp trùng quang tam bảo địa;
Tổ đăng viễn chiếu thập phương thiên.

Phật pháp lại ngời đất tam bảo;
Tổ đăng xa chiếu trời thập phương.

佛即心心即佛
空是色色是空

Phật tức tâm, tâm tức phật;
Không thị sắc, sắc thị không.

Phật tức tâm, tâm tức phật;
Không là có, có là không.

福地高鄉正好回頭能覺者
陀天臨處惟高著眼可霑之
*Phúc địa Cao hương chính hảo hồi đầu năng giác giả;
Đà thiên Lâm xứ duy cao trữ nhãn khả triêm chi.*
Đất phúc làng Cao, nếu biết quay đầu mới có giác;
Trời đà xứ Lâm, lên cao tỏ mắt khá hay ơn.

念佛一聲消萬罪
誦經之變得因緣
*Niệm phật nhất thanh tiêu vạn tội;
Tụng kinh chi biến đắc nhân duyên.*
Niệm Phật một lời, tiêu vạn tội;
Tụng kinh thay đổi, được nhân duyên.

禪門不禁無緣客
佛道能容有善人
*Thiền môn bất cấm vô duyên khách;
Phật đạo năng dung hữu thiện nhân.*
Khách vô duyên của Thiền chẳng cấm;
Người thiện tâm đạo Phật càng dung.

感心通陽助風和雨順
求心應陰扶國盛民康
*Cảm tâm thông dương trợ phong hoà vũ thuận;
Cầu tâm ứng âm phù quốc thịnh dân khương.*
Cảm ất thông, dương giúp gió hoà mưa thuận;
Cầu tất ứng, âm phù quốc thịnh dân khương.

國界重尊決只爲江山明面目
凡人能忍渡無乎祭祀格神明
*Quốc giới trọng tôn quyết chỉ vì giang sơn minh diện nhật;
Phàm nhân năng nhẫn độ vô hồ tế tự cách thần minh.*
Quốc giới quý tôn trọng, chỉ vì ngày non sông rạng mặt;
Phàm nhân hay nhẫn nại, đâu gì hơn lễ tế tự thần minh.

特立不驚風雨伯
敬天無畏電雷神
*Đặc lập bất kinh phong vũ bá;
Kính thiên vô úy điện lôi thần.*

Đứng vững, không kinh thần mưa gió
Kính trời, chẳng sợ sấm chớp ran.

西竺有經真見佛
雄山何景敬尊師
*Tây Trúc hữu kinh chân kiến phật.
Hùng sơn hà cảnh kính tôn sư;
Tây Trúc có kinh đứng thấy phật.
Hùng sơn đâu cảnh kính tôn sư;*

慈悲廣大天人合
盛正虔誠福果圓
*Từ bi quảng đại thiên nhân hợp;
Thịnh chính kiển thành phúc quả viên.
Từ bi quảng đại, trời người hợp;
Thịnh chính kính thành, quả phúc tròn.*

雪月風雲留本地
聲名大物粹斯民
*Tuyết nguyệt phong vân lưu bản địa;
Thanh danh đại vật túy tư dân.
Đất lưu lại tuyết trăng mây gió;
Dân họp nơi cảnh vật nổi danh.*

住足不行孰誇書劍無歸處
得門而入誰式神仙在眼前
*Trú túc bất hành, thục khoa thư kiếm vô quy xứ;
Đắc môn nhi nhập, thủy thức thần tiên tại nhãn tiền.
Dừng bước không đi, ai bảo sách gươm không chốn dụng;
Được cửa mà vào, nào biết thần tiên trước mắt mình.*

中立安排亭左右
高標爭對樹東西
*Trung lập an bài đình tả hữu;
Cao tiêu tranh đối thụ đông tây.
Trung lập bày hàng đình tả hữu;
Nêu cao cây mọc khắp đông tây.*

癸酉完成由地利
壬申再造自天機

Quý Dậu hoàn thành do địa lợi;
Nhâm Thân tái tạo tự thiên cơ.
Quý Dậu xây xong nhờ địa lợi;
Nhâm Thân dựng lại bởi cơ trời.

禮樂威儀敬如神在
謳歌鼓舞樂在人 和
Lễ nhạc uy nghi kính như thần tại;
Âu ca cổ vũ lạc tại nhân hoà.
Lễ nhạc uy nghi, kính như thần tại;
Hát ca cổ vũ, vui ở nhân hoà

朔望香燈上祝九重躬萬壽
歲時誦念下祈百姓度三多
Sóc vọng hương đăng, thượng chúc cửu trùng cung vạn thọ;
Tuế thời tụng niệm, hạ kỳ bách tính độ tam đa.
Sóc vọng đèn hương, trên chúc cửu trùng cung vạn thọ;
Quanh năm tụng niệm, dưới cầu trăm họ được tam đa.

爐中纔熟五分享瑞氣氤氳騰宇宙
案上弘宣三藏教法音演解利人天
Lò trung tài nhiệt ngũ phần hương, thụy khí nhân uân đăng vũ trụ;
Án thượng hoàng tuyên tam tạng giáo, pháp âm diễn giải lợi nhân thiên.
Trong lò mới nóng năm phần hương, khí lành nghi ngút khắp vũ trụ;
Trên án hoàng dương tam tạng giáo, lời pháp nói ra lợi trời người.

信仰自由憑三寶
民安國泰仗僧伽
Tín ngưỡng tự do bằng tam bảo;
Dân an quốc thái trượng tăng già.
Tín ngưỡng tự do nhờ tam bảo;
Dân an quốc thái cậy tăng già.

菩提永結千年果
淨土長開般若花
Bồ đề vĩnh kết thiên niên quả;
Tịnh thổ trường khai bát nhã hoa.
Bồ đề kết mãi ngàn năm quả;
Tịnh thổ nở lâu bát nhã hoa.

南廟好收生旺水
方民普扇泰年風

*Nam miếu hảo thu sinh vượng thủy;
Phương dân phổ phiến thái niên phong.
Miếu nam khéo thu nước sinh vượng;
Nhân dân quạt phẩy gió thái hoà.*

佛跡西傳千古寺
道心善念福河沙

*Phật tích tây truyền thiên cổ tự;
Đạo tâm thiện niệm phúc hà sa.
Chùa ngàn năm, dấu Phật tây truyền;
Phúc vô lượng, đạo tâm khéo niệm.*

日月照臨輝玉闕
海河清宴典金甌

*Nhật nguyệt chiếu lâm huy ngọc khuyết;
Hải hà thanh yến điển kim ô.
Nhật nguyệt sáng soi, ngời ngọc khuyết;
Hải hà trong lặng, đẹp âu vàng.*

富彊近邑歐潮浪
農圃相沿越俗傳

*Phú cường cận ấp Âu trào lãng;
Nông phổ tương duyên Việt tục truyền.
Sóng triều Âu, mạnh giàu đã sẵn;
Phong tục Việt, vườn ruộng vẫn quen.*

天增歲月人增壽
春滿乾坤福滿堂

*Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ.
Xuân mãn càn khôn phúc mãn đường;
Trời tăng năm tháng người tăng thọ.
Xuân đầy trời đất phúc đầy nhà;*

一黏之誠百事之吉
三界可通四府可同

*Nhất niêm chi thành bách sự chi cát;
Tam giới khả thông tứ phủ khả đồng.*

Một tám lòng thành trăm việc đều tốt;
Ba giới được thông bốn phủ được đồng.

寶鼎靈通香結彩
銀臺昭感燭生花
*Bảo đỉnh linh thông hương kết thái;
Ngân đài chiêu cảm chúc sinh hoa.
Đỉnh báu linh thông, hương kết sắc;
Đài ngân thiêng cảm, nến sinh hoa.*

祖印重光如慧日
香爐續焰黻祥雲
*Tổ ấn trùng quang như tuệ nhật;
Hương lô tục diệm ái tường vân.
Dấu tổ trùng quang, theo ngày sáng;
Lò hương tiếp đượm, báo mây lành.*

仰望祠前萬里祥雲呈聖瑞
與和舍共九天甘露洒人家
*Ngưỡng vọng từ tiền vạn lý tường vân trình thánh thụy;
Dữ Hoà xá cộng cửu thiên cam lộ sái nhân gia.
Ngưỡng vọng đền ngoài, vạn dặm mây lành trình thánh thụy;
Cùng chung Hoà xá, chín trùng móc ngọt tưới nhân gia.*

視弗見聽弗聞陰扶旺相
感必通求必應民賴安康
*Thị phát kiến, thính phát văn, âm phù vượng tướng;
Cảm tất thông, cầu tất ứng, dân lại an khương.
Nhìn chẳng thấy, nghe chẳng cùng, âm phù thịnh vượng;
Cảm tất thông, cầu tất ứng, dân cậy an khương.*

入門思念彌陀佛
到景須祥本寺僧
*Nhập môn tư niệm Di Đà Phật;
Đáo cảnh tu tường bản tự tăng.
Vào chùa cầu niệm Di Đà Phật;
Đến cảnh nên tường bản tự tăng.*

逢迎遠近逍遙遇
進退連還運道通

Phùng nghêh viễn cận tiêu dao quá;
Tiến thoái liên hoàn vận đạo thông.
Chào mừng đạo cảnh, gần xa đến;
Tiến thoái đường đi, tiếp tục thông.

功惟廣業惟崇國家恩普
兄能師弟能長正教名芳

Công duy quảng, nghiệp duy sùng, quốc gia ân phổ;
Huynh năng sư, đệ năng trưởng, chính giáo danh phương.
Công lao rộng, sự nghiệp cao, nước nhà ân thưởng;
Anh nên thầy, em nên trưởng, giáo dục thơm danh.

佛道弘開萬類群生霑利樂
金臺屹立七重行樹烈芬芳

Phật đạo hồng khai, vạn loại quần sinh chiêm lợi lạc;
Kim đài ngất lập, thất trùng hàng thụ liệt phân phương.
Phật đạo mở mang, muôn loại quần sinh nhuần lợi lạc;
Kim đài vôi vọi, bảy trùng cây mọc toả hương thơm.

道脈長流玉偈曠傳燈奕葉
禪宗永遠金經應念道興隆

Đạo mạch trường lưu, ngọc kệ khoáng truyền đăng dịch điệp;
Thiền tông vĩnh viễn, kim kinh ứng niệm đạo hưng long.
Mạch đạo trường lưu, ngọc kệ rộng truyền đèn đời thế;
Tông thiền vĩnh viễn, kim kinh cần niệm đạo hưng long.

東海移居群樂業
乾山對景睦淳風

Đông hải di cư quần lạc nghiệp;
Càn sơn đối cảnh mục thuần phong.
Đông hải di cư, cùng lạc nghiệp;
Càn sơn đối cảnh, đón thuần phong.

福田大結因緣果
舍宇明開智慧花

Phúc điền đại kết nhân duyên quả;
Xá vũ minh khai trí tuệ hoa.
Quả nhân duyên, kết nhờ ruộng phúc;
Hoa trí tuệ, nở bởi nhà hiền.

寶劍奮雄威 瓢水九回頑 鍾靜
神壇鐘秀氣象山一帶旺龍來

*Bảo kiếm phấn hùng uy, Biều thủy cửu hồi ngoan ngọc tĩnh;
Thần đàn chung tú khí, Tượng sơn nhất đới vượng long lai.*

Kiểm báu dấy uy hùng, Biều thủy chín vòng thu sáu dữ;
Đàn thần buông khí tốt, Tượng sơn một giải nạp rồng thiêng.

繼祖傳宗光有永
聯燈續焰映無邊

*Kế tổ truyền tông quang hữu vĩnh;
Liên đăng tục diệm ánh vô biên.
Kế tổ truyền tông, nên sáng mãi;
Liên đèn tiếp đượm, nếp vô biên.*

佛德弘宣憑眾慧
祖功繼接要當人

*Phật đức hoằng tuyên bằng chúng tuệ;
Tổ công kế tiếp yếu đương nhân.
Phật đức mở mang, nhờ quần chúng;
Tổ đức thừa kế, dựa người nay.*

景是神仙心是佛
金爲世界玉爲臺
*Cảnh thị thần tiên tâm thị phật;
Kim vi thế giới ngọc vi đài.
Cảnh ấy thần tiên, tâm ấy phật;
Vàng đây thế giới, ngọc đây đài.*

天啓慶隆色相金身常德佛
地儲福址金蓮玉陛自逍遙
*Thiên khải khánh long, sắc tướng kim thân thường đức phật;
Địa trữ phúc chỉ, kim liên ngọc bệ tự tiêu dao.
Trời mở vui dôn, sắc tướng kim thân theo đức phật;
Đất cho phúc đến, sen vàng bệ ngọc tự tiêu dao.*

禱必靈 求必應
赫厥威 濯厥靈
*Đảo tất linh cầu tất ứng;
Hách quyết uy trạc quyết linh.*

Cầu tất linh, xin tất ứng;
Tỏ uy danh, hiển linh thiêng.

德祖光榮香萬古
祠門顯赫壯千秋

Đức tổ quang vinh hương vạn cổ;
Tì môn hiển hách tráng thiên thu.
Đức tổ quang vinh, thơm vạn thuở;
Đền thờ hiển hách, rạng ngàn thu.

寶珠金海通三界
瑞氣祥雲滿九天

Bảo châu kim hải thông tam giới;
Thụy khí tường vân mãn cửu thiên.
Châu báu biển vàng, thông ba giới;
Khí tốt mây lành, khắp chín tầng.

啓澤江涵快睹祥雲慧日
鴻恩普洽群歌壽域春臺
Khải trạch giang hàm, khoái睹 tường vân tuệ nhật;
Hồng ân phổ hiệp, quần ca thọ vực xuân đài.
Đầm mở sông hoà, vui ngắm mây lành trời sáng;
Ơn dày rộng hợp, cùng ca đất tốt dài xuân.

五福演皇疇會其有極
百祿庚天寶以莫不增
Ngũ phúc diễn hoàng trù hội kỳ hữu cực;
Bách lộc canh thiên bảo, dĩ mạc bất tăng.
Năm phúc đến lớn lao, hội may có lúc;
Trăm lộc đổi cửa trời, lấy dễ không tăng.

凜烈威靈作四方主宰
包涵德大挺二氣良能
Lẫm liệt uy linh, tác tứ phương chủ tể;
Bao hàm đức đại, đĩnh nhị khí lương năng.
Lẫm liệt uy linh, nhận bốn phương chủ tể;
Bao hàm đức lớn, gánh hai khí lương năng.

神通法運仙中佛
聖德尊爲帝者師

Thần thông pháp vân tiên trung phật;

Thánh đức tôn vi đế giả sử.

Phật trong tiên, thần thông vạn phép;

Thầy ấy vua, tôn bậc thánh hiền.

祝聖壽讚皇圖同日月光輝萬古

祀民安祈物阜並山河壯固千秋

Chúc thánh thọ, tán hoàng đồ, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;

Tự dân an, kỳ vật phụ, tịnh sơn hà tráng cố thiên thu.

Chúc thánh thọ, ngợi sơn hà, cùng nhật nguyệt huy hoàng vạn cổ;

Mong dân an, cầu vật mạnh, với non sông vững mạnh ngàn thu.

花開淨界香成雨

金布祈園福滿田

Hoa khai Tịnh giới hương thành vũ;

Kim bố Kỳ viên phúc mãn điền.

Mưa thơm hoa nở, nơi Tịnh giới;

Ruộng phúc vàng đầy, chốn Kỳ viên.

六智運神通普濟群生百億

三乘開聖教包含世界三千

Lục trí vận thần thông, phổ tế quần sinh bách ức;

Tam thừa khai thánh giáo, bao hàm thế giới tam thiên.

Trăm vạn quần sinh, nhờ Lục trí thần thông phổ độ;

Ba nghìn thế giới, được Tam thừa thánh giáo bao hàm.

梵宇巍峨萬丈毫光懸日月

禪門燦爛千秋香火對乾坤

Phạn vũ nguy nga, vạn trượng hào quang huyền nhật nguyệt;

Thiền môn xán lạn, thiên thu hương hoả đối càn khôn.

Điện Phật nguy nga, vạn trượng hào quang ngang nhật nguyệt;

Cửa Thiền xán lạn, ngàn thu hương lửa sánh càn khôn.

靜讀金經明妙理

閒觀花草悟真空

Tĩnh đọc kim kinh minh diệu lý;

Nhàn quan hoa thảo ngộ chân không.

Lặng đọc kinh vàng, minh diệu lý;

Nhàn xem hoa lá, ngộ chân không.

慶壽輝煌光慧日
靈通普照映無邊

*Khánh thọ huy hoàng quang tuệ nhật;
Linh thông phổ chiếu ánh vô biên.
Chúc thọ huy hoàng, bừng trời đất;
Thiên liên toả khắp, ánh vô biên.*

近悅遠來皈佛化
救民渡世仰洪恩
*Cận duyệt viễn lai quy Phật hoá;
Cứu dân độ thế ngưỡng hồng ân.
Gần quý xa về, theo Phật đạo;
Cứu dân độ thế, chịu ơn dày.*

望吉地菩提陰覆三千世界
海洲成寶所涵容百萬·人天
*Vọng cát địa Bồ đề, âm phủ tam thiên thế giới;
Hải châu thành Bảo sở, hàm dung bách vạn nhân thiên.
Vọng đất tốt Bồ đề, chỗ che ba nghìn thế giới;
Bãi biển thành Bảo sở, bao dung trăm vạn người đời.*

普照名藍原自古
文和勝景日重新
*Phổ Chiếu danh lam nguyên tự cổ;
Văn Hoà thắng cảnh nhật trùng tân.
Vốn cổ danh lam, làng Phổ Chiếu;
Sửa sang thắng cảnh, xã Văn Hoà.*

臨濟播心宗燈聯普照
東溪流乳海派引文和
*Lâm Tế bá tâm, tông đăng liên Phổ Chiếu;
Đông Khê lưu nhũ, hải phái dẫn Văn Hoà.
Lâm Tế mở lòng, truyền thống liên Phổ Chiếu;
Đông Khê cho lộc, mạch biển dẫn Văn Hoà.*

地結文風興梵宇
天留和氣壯禪關
*Địa kết văn phong hưng phạn vũ;
Thiên lưu hoà khí tráng thiền quan.*

Đất kết văn phong, hưng phát điện;
Trời cho hoà khí, dấy thiên quan.

啓後隆規萬世仰祖先之德
奉先思孝一心昭日月之光

*Khải hậu long quy, vạn thế ngưỡng tổ tiên chi đức;
Phụng tiên tư hiếu, nhất tâm chiếu nhật nguyệt chi quang.*
Mở hậu bày khuôn, vạn thế học tổ tiên đức độ;
Thờ trên vì hiếu, một lòng theo nhật nguyệt sáng soi.

海帖鯨波生氣懷然如有
民安府宅神功斂卻若無

*Hải thiếp kinh ba sinh khí lãm nhiên như hữu;
Dân an phủ trạch thần công liễm nhược vô.*
Biển động, sinh khí sóng kinh lãm nhiên như có;
Dân yên, thần công nha phủ bỗng tự là không.

法雨注南州翠竹黃花生思色
慈雲布東土長松細草沐洪恩
*Pháp vũ chú Nam châu, Thúy trúc hoàng hoa sinh tư sắc;
Từ vân bố Đông Thổ trường tùng tế thảo mộc hồng ân.*
Mưa phép tưới Nam châu, trúc biếc hoa vàng tươi sắc đẹp;
Mây lành che Đông Thổ, thông cao cỏ bé được ơn dày.

泰筮義疇喚精祥於茶嶺
河圖奉詔顯靈蹟于龍文
*Thái phê hy trừ, hoán tinh tường ư Trà Lĩnh;
Hà đồ phụng chiếu, hiển linh tích vu Long Văn.*
Bói tốt quẻ lành, gọi tinh tường nơi Trà Lĩnh;
Trời ban phụng chiếu, tỏ linh tích ở Long Văn.

風光別占陽州景
名蹟猶留莫後碑
*Phong quang biệt chiếm Dương Châu cảnh;
Danh tích do lưu Mạc hậu bi.*
Dương Châu riêng có phong quang đẹp;
Mạc hậu còn truyền danh tích bia.

後先一也功於國
左右洋乎祀在鄉

*Hậu tiên nhất dã, công ư quốc;
Tả hữu dương hồ, tự tại hương.
Trước sau dòng giới công với nước;
Trái phải huy hoàng tế ở làng.*

天命聖生兄東百結史記
地留神蹟香火兆年春長
*Thiên mệnh thánh sinh, Đoài Đông bách kết sử ký;
Địa lưu thần tích, hương hoả triệu niên xuân trường.
Trời mệnh thánh sinh, Đoài Đông sử chép trăm việc;
Đất còn thần tích, hương lửa xuân dài triệu năm.*

鬼神之爲德視弗見聽弗聞承祀洋洋在左右
天地有正氣上爲星下爲嶽於人一垂丹青
*Quỷ thần chi vi đức, thị phát kiến, thính phát văn, thừa tự dương
dương tại tả hữu;*

*Thiên địa hữu chính khí, thượng vi tinh, hạ vi nhạc, ư nhân nhất
nhất thủy đan thanh*

*Cái đức của quỷ thần, nhìn không thấy, nghe không thông,
hưởng lộc đầy hai phía trái phải;*

*Chính khí nơi trời đất, trên là sao, dưới là núi,
với người chỉ một lối vàng son.*

五百年應昌期生爲名將死爲靈神事業
文章至今爲烈
十二月承新歷香花燭酒禱祈衣冠
禮樂自古傳恭

*Ngũ bách niên ứng xương kỳ, sinh vi danh tướng tử vi linh thần, sự
ngiệp văn chương chí kim vi liệt;*

*Thập nhị nguyệt thừa tân lịch, hương hoa chúc tửu đảo kỳ, y quan lễ
nhạc tự cổ truyền cung.*

*Năm trăm năm đúng thịnh kỳ, sinh là danh tướng, chết là linh thần,
sự nghiệp văn chương đến nay vẫn nổi;*

*Mười hai tháng theo lịch mới, hương hoa nén rượu cầu cúng, áo
khăn, lễ nhạc tự cổ kính truyền.*

祖德高明思覆蔭
孫承奉事壽人和
*Tổ đức cao minh tư phủ ảm;
Tôn thừa phụng sự thọ nhân hoà.*

Phúc âm nhớ về, đức tổ sáng;
Nhân hoà thờ mãi, việc cháu con.

巍蕩神功塗山並峙
汪洋聖澤瓢水長流

Nguy dâng thần công, Đồ Sơn tịnh trí;
Uông dương thánh trạch, Biều Thủy trường lưu.
Cao rộng thần công, Đồ Sơn sừng sững;
Mênh mông thánh trạch, Biều Thủy dài xuôi.

此地此人民仰竒神功安鴈宅
在上在左右顯揚聖德迓鴻庥

Thủ địa thử nhân dân, ngưỡng hà thần công an nhạn trạch;
Tại thượng tại tả hữu, hiển dương thánh đức nhạ hồng hưu.
Đất này, nhân dân này, ơn đức thần cho yên nhà cửa;
Trên ấy, trái phải ấy, được nhờ thánh giúp hưởng an khang.

聖德無私洋洋乎如在其上
神功丕顯熙熙然涵樂春臺

Thánh đức vô tư, dương dương hồ như tại kỳ thượng;
Thần công phi hiển, hy hy nhiên hàm lạc xuân đài.
Thánh đức vô tư, bao la khắp như ở trên vậy;
Thần công hiển hiện, vui vui sao tựa rải đài xuân.

古有光衣冠傳世譜
齋以祭忠信要神明

Cổ hữu quang, y quan truyền thế phả;
Trai dĩ tế, trung tín yếu thần minh.
Tổ được phong, áo khăn truyền thế phả;
Chay tịnh tế, lòng thành cốt thần soi.

東阿世系光青簡
湯沐香留溯錦堂

Đông A thế hệ quang thanh giản;
Thang mộc hương lưu tổ cấm đường.
Đông A sử chép đều các hệ;
Ơn thăm nhà thờ hãy còn thơm.

自古勳名傳采邑
於今世系出東阿

Tự cổ huân danh truyền thái ấp;
Ư kim thế hệ xuất Đông A.
Thái ấp công lao truyền tự cổ;
Đông A các hệ tiếng thơm nay.

俎豆常陳先祖精神不死
祖譜乃大子孫俊杰以生
Trở đầu thường trần, tiên tổ tinh thần bất tử;
Tổ phả nãi đại, tử tôn tuấn kiệt dĩ sinh.
Cổ tế thường bày, tiên tổ tinh thần không mất;
Phả họ thật lớn, cháu con hào kiệt dấy lên.

此地此民復腊歲時同敬愛
在宮在廟肅蒸精爽對神明
Thử địa, thử dân, phục lập tuế thời đồng kính ái;
Tại cung, tại miếu, huân cao tinh sảng đối thần minh.
Đất này, dân này, tết chạp hàng năm cùng kính ái;
Ở cung, ở miếu, lễ phẩm linh ứng với thần thiêng.

事有廢興今是昔
理存往復舊維新
Sự hữu phế hưng kim thị tích;
Lý tồn vãng phục cựu duy tân.
Việc có cái bỏ đi, có cái mới làm, đời này cũng như đời trước;
Lẽ có cái đi rồi, có cái trở lại, nên cũ rồi lại mới.

歌聚於斯卜祝果成先祖志
蒸常有所肇人從祀大夫家
Ca tụ ư tư bốc chúc quả thành tiên tổ chí;
Chung thường hữu sở, triệu nhân tòng tự đại phu gia.
Ca hát ở đây, họp mặt ở đây, gây dựng được toại lòng tiên tổ;
Thu tế có nơi, đồng tế có nơi, phụng thờ nay theo lối đại phu.

一宦白人頭朔塞雪霜經幾度
相逢青我眼香江書劍是何年
Nhất hoạn bạch nhân đầu, Sóc tái tuyết sương kinh kỷ độ;
Tương phùng thanh ngã nhãn, Hương giang thư kiếm thị hà niên
Quan đến bạc đầu, ải Bắc tuyết sương từng mấy lượt;
Gặp thêm xanh mắt, sông Hương đèn sách nhớ năm nào.

湯沐名鄉傳自古
阜元遺址奠千秋

Thang mộc danh hương truyền tự cổ;

Phụ nguyên di chỉ điện thiên thu.

Tự cổ ơn truyền, làng nổi tiếng;

Ngàn thu đặt móng, dấu còn đây.

福自求之主善爲師登彼岸
微而顯也前因後果悟于今

Phúc tự cầu chi, chủ thiện vi sư đăng bỉ ngạn;

Vi nhi hiển dã, tiền nhân hậu quả ngộ vu kim.

Phúc phải đi tìm, chủ thiện là thầy lên cõi phật;

Nhỏ mà lại rõ, trước nhân sau quả hiểu đời nay.

佛法長明同日月光輝萬古

國家永盛並山河壯固千秋

Phật pháp trường minh, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;

Quốc gia vĩnh thịnh tịnh sơn hà tráng cố thiên thu.

Phép phật trường minh, cùng nhật nguyệt sáng soi vạn thuở;

Nước nhà vĩnh thịnh, theo non sông vững mạnh ngàn thu.

阿彌頓息三途苦

陀佛燭除十惡緣

A Di đốn tức tam đồ khổ;

Đà Phật quyen trừ thập ác duyên.

A Di khiến tắt tam đồ khổ;

Đà Phật giải trừ thập ác duyên.

一心清淨本無雙樂利永垂萬古

三教莊嚴居第一光明普照十方

Nhất tâm thanh tịnh bản vô song, lạc lợi vĩnh thủy vạn cổ;

Tam giáo trang nghiêm cư đệ nhất, quang minh phổ chiếu thập phương.

Một lòng thanh tịnh vốn vô song, đức độ vĩnh thủy vạn thuở;

Ba giáo trang nghiêm hàng đệ nhất, quang minh chiếu khắp mười phương.

若實若虛竹影掃階塵不動

是空是色月穿海底水無垠

Nhược thực nhược hư, trúc ảnh tảo giai trần bất động;

Thị không thị sắc, nguyệt xuyên hải để thủy vô ngân.

Như thực như hư, bóng trúc quét thêm không động bụi;
Ấy không ấy sắc, trăng soi đáy biển chẳng rung rinh.

和風天啓留其跡
廟水聖田記典功

*Hoà phong thiên khai lưu kỳ tích;
Miếu thủy thánh điền ký điển công.*

Hoà phong trời mở còn lưu dấu;
Miếu thủy thánh ban nhớ điển công.

信仰在人心弘揚佛法
自由行正道利樂群生

*Tín ngưỡng tại nhân tâm, hoằng dương Phật pháp;
Tự do hành chính đạo, lợi lạc quần sinh.*

Tín ngưỡng tại nhân tâm, dương cao Phật pháp;
Tự do hành chính đạo, giúp ích nhân sinh.

暮扣鯨鐘四海波清登覺岸
陽鳴魚鐸五洲風靜悟心經

*Mộ khấu kinh chung, tứ hải ba thanh đăng giác ngạn;
Dương minh ngư đạc, ngũ châu phong tĩnh ngộ tâm kinh.
Chiếu gõ chuông kinh, bốn biển sóng yên lên bờ giác;
Sáng khua mõ cá, năm châu gió lặng tỉnh kinh tâm.*

德澤度民儀母慈心頒永福
殿臺拜望冬終夏季記前功

*Đức trạch độ dân, nghi mẫu từ tâm ban vĩnh phúc;
Điện đài bái vọng, đông chung hạ quý kỷ tiền công.
Đức trạch giúp dân, thánh mẫu lòng từ ban phúc lộc;
Điện dài vọng bái, đông qua hạ đến nhớ công lao.*

寶炤覃恩聖德流芳鴻社邑
彰善彈惡慈門廣大救人間

*Bảo chiếu đàm ân, thánh đức lưu phương hồng xã ấp;
Chương thiện đàn ác, từ môn quảng đại cứu nhân gian.
Chiếu báu ơn ban, thánh đức hương thơm đầy xã ấp;
Thiện tỏ ác trừ, cửa thiên rộng lớn cứu nhân gian.*

千秋香火招日月
萬古廟堂授乾坤

*Thiên thu hương hoả chiếu nhật nguyệt;
Vạn cổ miếu đường thụ càn khôn.
Ngàn thu hương khói với nhật nguyệt;
Vạn thuở miếu đường đón đất trời.*

望遠能知風浪小
凌空始覺海波平
*Vọng viễn năng tri phong lãng tiểu
Lăng không thủy giác hải ba bình
Nhìn xa sẽ thấy gió bão nhỏ
Vươn cao mới hiểu sóng biển bằng*

讀能明達耕能富
成自謙虛敗自驕
*Độc năng minh đạt, canh năng phú
Thành tự khiêm hủ, bại tự kiêu
Độc hay sáng ý, cày hay có
Thành tự khiêm cung, bại tự kiêu*

事能知足心常愜
人到無求品自高
*Sự năng tri túc tâm thường thiệp
Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao
Việc hay biết đủ lòng thanh thản
Người đến không cầu phẩm tự cao*

美酒飲于微醉后
好花看到半開時
*Mỹ tửu ẩm vu vi túy hậu
Hảo hoa khán đáo bán khai thời
Rượu ngon nên uống lúc ngà say
Hoa đẹp chờ xem khi chớm nở*

偶然風雨驚花落
再上樓台待月明
*Ngẫu nhiên phong vũ kinh hoa lạc
Tái thượng lâu đài đãi nguyệt minh
Ngẫu nhiên mưa gió e hoa rụng
Lên lại lầu cao đợi sáng trăng*

莫對青山談世事
休將文字占時名
Mạc đối thanh sơn đàm thế sự
Hưu tương văn tự chiếm thời danh
Chớ bàn thế sự trước non xanh
Đừng chiếm thời danh bằng chữ nghĩa

皓月盈懷心不夜
春雲潤物雨含情
Hạo nguyệt doanh hoài tâm bất dạ
Xuân vân nhuận vật vũ hàm tình
Trăng sáng đầy lòng, tâm khó lặng
Mây xuân nhuần vật, đượm tình mưa

自將秋水洗望眼
長借燭光明學心
Tự tương thu thủy tẩy vọng nhãn
Trường tá chúc quang minh học tâm
Lấy nước mùa thu rửa mắt mờ
Nhờ cây đuốc sáng tỏ lòng học

取靜于山寄情于水
虛懷若竹清氣若蘭
Thủ tĩnh vu sơn, ký tình vu thủy
Hư hoài như trúc, thanh khí như lan
Giữ lặng ở núi, gửi tình ở nước
Lòng hư như trúc, thanh khí như lan

心澹水木秀
興幽魚鳥閑
Tâm đạm thủy mộc tú
Hứng u ngư điểu nhàn
Tâm an, nước cây đẹp
Hứng nhã, chim cá nhàn

好山一窗足
佳景回時宜
Hảo sơn nhất song túc
Giai cảnh tứ thời nghi

Núi non ngoài sông đủ
Cảnh đẹp bốn mùa vui

庭松不改青蔥色
盆菊仍霏清淨香

Đình tùng bất cải thanh thông sắc
Bồn cúc nhưng phi thanh tịnh hương
Tùng trước sân sắc xanh chẳng đổi
Cúc trong bồn hương thoảng vẫn còn

煙景滿前供妙墨
芳州隨處引清游

Yên cảnh mãn tiền cung diệu mặc
Phương châu tùy xứ dẫn thanh du
Trước mắt khói lam – cho mực vẽ
Khắp nơi hương tỏa – dẫn đường chơi

晝永花香醺自醉
雨收天色碧于藍

Trú vĩnh hoa hương huân tự túy
Vũ thu thiên sắc bích vu lam
Ngày vắng hương hoa ngào ngạt thơm
Mưa nhuộm mây trời xanh đậm sắc

相與明月清風際
只在高山流水間

Tương dữ minh nguyệt thanh phong tế
Chỉ tại cao sơn lưu thủy gian
Trăng trong gió mát luôn giao tiếp
Nước biếc non xanh vẫn dạo chơi

麗日和風春淡蕩
花香鳥語物昭蘇

Lệ nhật hoà phong xuân đạm dăng
Hoa hương điểu ngữ vật chiêu tô
Xuân tươi mát, gió lành ngày đẹp
Vật hồi sinh, chim hót hoa hương

庭小有竹春常在
山靜無人水自流

*Đình tiểu hữu trúc xuân thường tại
Sơn tinh vô nhân thủy tự lưu
Sân con có trúc, xuân thường đến
Núi vắng không người, nước cứ trôi*

碧村紅花相掩映
竹軒蘭砌共清虛
*Bích thụ hồng hoa tương yểm ánh
Trúc hiên lan thế cộng thanh hư
Cây biếc, hoa hồng, chen về sáng
Thêm lan, hiên trúc, góp thanh hư*

正喜軒窗無俗韻
更當風物報新秋
*Chính hỉ hiên song vô tục vận
Canh đương phong vật báo tân thu
Hiên song mừng thấy không thơ tục
Cảnh vật thay mẫu báo thu sang*

窗前綠樹分禪榻
城外青山到酒杯
*Song tiền lục thụ phân thiền tháp
Thành ngoại thanh sơn đáo tửu bôi
Ngoài song cây biếc thăm giường Phật
Non nước bên thành rọi chén cay*

柳暗花明好鳥枝頭亦朋友
峰回路轉白雲深處有人家
*Liễu ám hoa minh hảo điểu chi đầu diệc bằng hữu
Phong hồi lộ chuyển bạch vân thâm xứ hữu nhân gia
Liễu rủ, hoa tươi, chim đẹp đầu cành là bạn cũ
Đường quanh, gió quẩn, mây trắng non xa vẫn có nhà*

雨過琴山潤
風來花木香
*Vũ quá cầm sơn nhuận
Phong lai hoa mộc hương
Mưa qua, đàn, núi nhuận
Gió tới, hoa, cây thơm*

雲移溪樹侵書幌
風送岩泉潤墨池
Vân di Khê thụ xâm thư hoảng
Phong tống nhâm tuyến nhuận mực trì
Mây dời cây suối che màn sách
Gió tiên giòng khe đậm mực nghiên

窗間樹色連山淨
戶外嵐光帶水明
Song gian thụ sắc liên sơn tịnh
Hộ ngoại lam quang đới thủy minh
Sắc cây liền núi qua song cửa
Đáy nước in mây trước ngõ nhà

丹花綠樹錦繡谷
清瀾白石頗瑤江
Đan hoa lục thụ cẩm tú cốc
Thanh lan bạch thạch pha lê giang
Hang gấm vóc, cây xanh hoa đỏ
Sông pha lê, đá trắng nước trong

放眼望乾坤身行萬里半天下
偷閑談風月我生百事常隨緣
Phóng nhãn vọng căn khôn, thân hành vạn lý bán thiên hạ
Thâu nhàn đàm phong nguyệt, ngã sinh bách sự thường tùy duyên
Đưa mắt ngắm đất trời, bước chân vạn dặm nửa thiên hạ
Lúc rảnh bàn trăng gió, thân ta trăm việc cũng tùy duyên

水能性澹爲吾友
竹解心虛是我師
Thủy năng tính đạm vi ngô hữu
Trúc giải tâm hư thị ngã sư
Nước hay thanh đạm, coi là bạn
Trúc vốn lòng hư, đáng bậc thầy

曲水帶雲歸海去
亂花隨雨落岩來
Khúc thủy đới vân quy hải khứ
Loạn hoa tùy vũ lạc nhâm lai

Quanh co theo nước, mây về biển
Rời rưng vì mưa, hoa đến khe

江心有島留明月
世外無人問落花

Giang tâm hữu đảo lưu minh nguyệt

Thế ngoại vô nhân vấn lạc hoa

Lòng sông ghềnh nổi lưu trăng sáng

Cõi thế đâu người hỏi rụng hoa

樓高但任鳥飛過
池小能將月送來

Lâu cao đản nhậm điểu phi quá

Trì tiểu năng tương nguyệt tống lai

Lầu cao còn thấy cánh chim qua

Ao nhỏ vẫn đưa trăng sáng lại

共知心是水
安見我非魚
Cộng tri tâm thị thủy
An kiến ngã phi ngư

Tâm vốn như nước, mọi người biết

Tớ không là cá, mấy ai hay

波光先得月
山秀自生雲
Ba quang tiên đắc nguyệt
Sơn tú tự sinh vân

Sóng lặng, trăng sớm hiện

Núi cao, mây tự sinh

雲白山青萬余里
江深竹靜兩三家
Vân bạch sơn thanh vạn dư lý

Giang thâm trúc tĩnh lưỡng tam gia

Mây trắng non xanh trên vạn dặm

Sông sâu trúc lặng bốn năm nhà

波心似鏡留明月
松韻如篁振午風

Ba tâm tự kính lưu mình nguyệt
Tùng vân như hoàng chấn ngọc phong
Lòng sông gương sáng trắng còn tỏ
Thông reo sáo thổi gió đang về

青山笑我頭已白
泉水照人心自清
Thanh sơn tiếu ngã đầu dĩ bạch
Tuyền thủy chiếu nhân tâm tự thanh
Núi biếc cười ta đầu đã bạc
Giòng suối soi mình tâm vốn trong

水如碧玉山如黛
鳳有高梧鶴有松
Thủy như bích ngọc sơn như đại
Phượng hữu cao ngô hạc hữu tùng
Nước như ngọc bích, non như vẽ
Phượng có cành ngô, hạc có tùng

有約白雲來喚渡
且邀明月共開樽
Hữu ước bạch vân lai hoán độ
Thả yêu minh nguyệt cộng khai tôn
Mây trắng đưa chân đà ước hẹn
Trăng trong cùng chén đã tin mời

千樹梅光半輪月
萬家煙火一帆風
Thiên thụ mai hoa bán luân nguyệt
Vạn gia yên hỏa nhất phàm phong
Hoa mai ngàn gốc, nửa vàng trăng
Khói lửa muôn nhà, một buồm gió

日月風和雲散聚
黃昏景色映平明
Nhật nguyệt phong hòa vân tán tụ
Hoàng hôn cảnh sắc ánh bình minh
Ngày tháng gió hòa mây tán tụ,
Chiều hôm cảnh sắc ánh bình minh

保國護民昭聖跡
除災降福顯神功
Bảo quốc hộ dân chiêu thánh tích,
Trừ tai giáng phúc hiển thần công
Cứu nước giúp dân soi tích thánh
Trừ tai xuống phúc nổi công thần

枝咄敷榮培本厚
波流不盡飲河思
Chi đót phu vinh bồi bản hậu,
Ba lưu bất tận ẩm hà tư
Cành nẩy phô tươi bồi gốc hậu,
Sóng xuôi bất tận uống nhớ nguồn

千秋西竺蓮臺慈悲廣大
萬年禪門受教心誦真經
Thiên thu Tây Trúc liên đài từ bi quảng đại,
Vạn niên Thiền môn thụ giáo tâm tụng chân kinh
Đài sen Tây Trúc ngàn thu từ bi quảng đại,
Linh hội Thiền môn vạn thuở tâm tụng chân kinh

景佛前扶善罰惡
心信誠祈保平安
Cảnh Phật tiền phù thiện phạt ác,
Tâm tín thành kỳ bảo bình an
Trước cảnh Phật, phù thiện phạt ác
Thành tâm tin, cầu phúc bình an

恩深河海留萬代
德厚山林刻千秋
Ân thâm hà hải lưu vạn đại,
Đức hậu sơn lâm khắc thiên thu
Ơn sâu sông biển lưu muôn thuở,
Đức nặng rừng non khắc nghìn thu

仁慈博愛教民善
德度公平滅惡奸
Nhân từ bác ái giáo dân thiện,
Đức độ công bình diệt ác gian
Nhân từ bác ái dạy dân thiện
Đức độ công bằng diệt ác gian

聖德威靈扶國泰
神祠壯麗護民康

*Thánh đức uy linh phù quốc thái
Thần từ tráng lệ hộ dân khang*
Thánh đức oai linh phù nước thịnh,
Thần từ tráng lệ giúp dân vui

一家英雄橫海北
千秋廟貌峙山東
*Nhất gia anh hùng hoành hải bắc,
Thiên thu miếu mạo trĩ sơn đông*
Một nhà anh hùng ngang biển bắc,
Nghìn thu miếu mạo thẳng non đông

天飼英才文與武
地鐘靈氣宅而祠
*Thiên tử anh tài văn vũ vũ,
Địa chung linh khí trạch nhi từ*
Trời dưỡng anh tài văn với võ
Đất đo linh khí miếu cùng lăng

象嶺天開燁正氣
馬江地闢顯英靈
*Tượng lĩnh thiên khai huy chính khí,
Mã giang địa tịch hiển anh linh*
Núi Voi trời khai ngời chính khí,
Sông Mã đất mở tỏ anh linh

癸酉遷成由地利
壬申再造自天機
*Quý dậu hoàn thành do địa lợi,
Nhâm thân tái tạo tự thiên cơ*
Quý dậu hoàn thành do lợi đất,
Nhâm thân tái tạo tự máy trời

大聲雷鼓誰覺悟
小院發跡有鬼神
*Đại thanh lôi cổ thủy giác ngộ,
Tiểu viện phát tích hữu quỷ thần*

Tiếng to như sấm ai giác ngộ,
Viện nhỏ phát huy có quý thân

功德留傳萬民仰慕
四時八節品果香燈

*Công đức lưu truyền vạn dân ngưỡng mộ,
Tứ thời bát tiết phẩm quả hương đăng*
Công đức lưu truyền muôn dân ngưỡng mộ,
Bốn mùa tám tiết tiết phẩm quả đèn hương.

鍾山有頂形王字
繼世英雄旺子孫

*Chung Sơn hữu đỉnh hình Vương tự,
Kế thế anh hùng vượng tử tôn.*
Núi Chung chữ Vương hình trên đỉnh,
Các đời con cháu vượng anh hùng.
(Cầu đôi vùng Nam Liên, Nam Đàn, Nghệ An)

壹塔直標湖心水
萬花爭艷老龜吟

*Nhất tháp trực tiêu hồ tâm thủy,
Vạn hoa tranh diễm lão quy ngâm.*
Một tháp giữa hồ nhô trên nước,
Muôn hoa đua sắc lão rùa ngâm.

李朝國師系是酬恩章盛典
南天聖祖詢為顯赫大興聲

*Lý triều quốc sư, hệ thị thù ân chương thịnh điển;
Nam thiên thánh tổ, tuân vi hiển hách đại hưng thanh.*

Triều Lý quốc sư, ân đức gắn liền tô sử sách;
Trời Nam thánh tổ, công lao rực rỡ dội thanh danh.
(Chùa Lý Quốc Sư, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

勝景名藍啓示人人登覺路
靈山寶寺提斯眾眾入禪門

*Thắng cảnh danh lam, khai thị nhân nhân đăng giác lộ;
Linh Sơn bảo tự, đề tư chúng chúng nhập thiền môn.*
Thắng cảnh danh lam, mở lối người người lên đường Giác;
Linh Sơn chùa quý, chỉ cho kẻ kẻ đến cửa Thiền.
(Chùa Linh Sơn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

鎮北古名藍蕩皓西湖光慧日
城南今勝跡芳從東土振禪關

*Trấn Bắc cổ danh lam, dăng hạo Tây Hồ quang tuệ nhật;
Thành Nam kim thắng tích, phương tung Đông Thổ chấn Thiền môn.*

Trấn Bắc cổ danh lam, man mác Tây Hồ trời tuệ sáng;
Thành Nam nay thắng tích, ngạt ngào Đông Thổ cửa Thiền lay.
(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

山水朝回顯應聖通可壯
柏松依舊風謠歌笑相如
*Sơn thủy triều hồi, hiển ứng thánh thông khả tráng;
Bách tùng y cựu, phong dao ca tiếu tương như.*

Sông núi châu vào, hiển ứng linh thông tráng lệ;
Bách tùng như cũ, gió reo cười hát vang xa.
(Đình Cự Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

入禪宜起慈悲念
到景當生數善心
*Nhập Thiền nghi khởi từ bi niệm;
Đáo cảnh đương sinh số thiện tâm.*
Vào chùa nên khởi niệm từ bi;
Đến cảnh hãy sinh lòng hướng thiện.
(Chùa Nền, quận Cầu Giấy, Hà Nội)

名藍自古帝王州別成淨境
大地于今神仙府新麗奇蹤
*Danh lam tự cổ, đế vương châu, biệt thành tịnh cảnh;
Đại địa vu kim, thần tiên phủ, tân lệ kỳ tung.*
Danh lam từ cổ, chốn đế kinh biệt thành thanh cảnh;
Thắng địa đến nay, nơi tiên giới tô đẹp dấu linh.
(Quán Bích Câu, quận Đống Đa, Hà Nội)

李朝封贈高明聖
國敕加頒上等神
*Lý triều phong tặng cao minh thánh;
Quốc sắc gia ban thượng đẳng thân.*
Thánh cao minh Lý triều phong tặng;
Thượng đẳng thân quốc sắc gia ban.
(Đình làng Hồ, quận Tây Hồ, Hà Nội)

天 向 西 天 雲 水 多 山 海 外
 地 傳 靈 地 炬 花 名 勝 古 今
*Thiên hướng Tây thiên, vân thủy đa sơn hải ngoại;
 Địa truyền linh địa, cự hoa danh thắng cổ kim.*
 Trời hướng Tây thiên, mây nước núi non hải ngoại;
 Đất truyền linh địa, nến hoa danh thắng cổ kim.
 (Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

屹 立 崇 祠 脈 引 水 潮 山 拱
 長 存 正 氣 匡 扶 國 富 民 豐
*Ngật lập sùng từ, mạch dẫn thủy triều sơn củng;
 Trường tồn chính khí, khuông phù quốc phú dân phong.*
 Cao dựng đền đài, mạch dẫn thủy triều ôm núi;
 Dài lâu chính khí, phù cho giàu nước mạnh dân.
 (Chùa Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

大 地 鍾 靈 肇 啓 文 明 時 運
 花 堂 瑞 藹 弘 開 富 佑 門 庭
*Đại địa chung linh, triệu khai văn minh thời vận;
 Hoa đường thụy ái, hoàng khai phú hựu môn đình.*
 Đất rộng đúc khí thiêng, tạo dựng văn minh thời vận;
 Chùa linh sinh điềm tốt, hoàng khai phú quý môn đình.
 (Chùa Vạn Niên, quận Tây Hồ, Hà Nội)

龍 虎 逢 迎 四 面 花 環 水 繞
 龍 蛇 形 勢 億 年 人 傑 地 靈
*Long hổ phùng nghinh, tứ diện hoa hoàn thủy nhiễu;
 Long xà hình thế, ức niên nhân kiệt địa linh.*
 Rồng hổ gặp mừng, bốn mặt hoa vây nước lượn;
 Long xà địa thế, vạn năm người giỏi đất linh.
 (Phủ Tây Hồ, quận Tây Hồ, Hà Nội)

水 繞 花 環 西 湖 鍾 秀
 龍 朝 鳳 舞 北 闕 恩 光
*Thủy nhiễu hoa hoàn Tây Hồ chung tú;
 Long triều phượng vũ Bắc khuyết ân quang.*
 Nước lượn hoa vòng, Tây Hồ chung đúc;
 Rồng châu phượng múa, Bắc khuyết ngời ân.
 (Đền Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội)

慶瑞一峰高玉佩 筑鯨傳勝跡
釣台雙廟峙靈金耀斗護神光

Khánh thủy nhất phong cao, ngọc bội trúc kinh truyền thắng tích;

Điếu đài song miếu trĩ, linh kim diệu đấu hộ thần quang.

Khánh thủy một cung cao, ngọc bội trúc kinh truyền thắng tích;

Đền đài hai miếu dựng, kiếm thiêng sao chiếu hộ thần quang.

(Đền Ngọc Sơn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

木鐸聲回敲夢客
金鍾喚起覺迷人

Mộc đặc thanh hồi xao mộng khách;

Kim chung hoán khởi giác mê nhân.

Mỗ gõ âm vang xua khách mộng;

Chuông vàng gọi tỉnh giấc người mê.

(Chùa Hương)

菩樹結祥雲 遍覆三千世界
楊枝垂法雨 滂澍萬億生靈

Bồ thụ kết tường vân, biến phủ tam thiên thế giới;

Dương chi thủy pháp vũ, bàng chiêm vạn ức sinh linh.

Bồ thụ kết mây lành, che khắp ba nghìn thế giới;

Cành dương rơi mưa phép, tưới đều muôn vạn sinh linh.

(Chùa Đức Viên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

水光花環梢勝景
文理玉結創名藍

Thủy quang hoa hoàn tiêu thắng cảnh;

Văn lý ngọc kết sáng danh lam.

Nước sáng hoa vòng nên thắng cảnh;

Văn hay ngọc kết tạo danh lam.

(Đình Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

此城郭此江山 百戰風塵餘尺地
爲日星爲河岳 十年心事共青天

Thử thành quách, thử giang sơn, bách chiến phong trần dư xích địa;

Vì nhật tinh, vì hà nhạc, thập niên tâm sự cộng thanh thiên.

Đây thành quách, đây giang sơn, trăm trận phong trần thừa thước đất;

Nào thảng ngày, nào non nước, mười năm tâm sự với trời xanh.

(Đền Trung Liệt gò Đống Đa, quận Đống Đa, Hà Nội)

一 水 粘 天 餘 勝 地
半 山 擁 后 獨 高 台

Nhất thủy niêm thiên dư thắng địa;

Bán sơn ủng hậu độc cao đài.

Nước vít trời cao thừa thắng địa;

Núi ôm đất thấp biệt cao đài.

(Đền Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội)

桃 李 名 門 多 蔭 庇
芙 蓉 深 水 最 風 流

Đào lý danh môn đa âm tí;

Phù dung thâm thủy tối phong lưu.

Đào mạn cửa sang nhiều bóng rợp;

Phù dung nước thắm thực phong lưu.

(Chùa Thương Tuyết, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

梵 宇 巍 峨 懸 日 月
禪 門 燦 爛 對 乾 坤

Phạn vũ nguy nga huyền nhật nguyệt;

Thiền môn xán lạn đối càn khôn.

Cảnh Phật nguy nga treo nhật nguyệt;

Cửa Thiền xán lạn đối càn khôn.

(Chùa Bồ Đề, quận Ba Đình, Hà Nội)

竹 密 不 妨 流 水 過
山 高 豈 破 約 雲 飛

Trúc mật bất phương lưu thủy quá;

Sơn cao khởi phá ước vân phi.

Trúc kín khôn ngăn dòng nước chảy;

Núi cao há chắn áng mây bay.

(Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội)

雲 本 無 心 隨 客 觀
月 如 有 意 逐 辰 聽

Vân bản vô tâm tùy khách quán;

Nguyệt như hữu ý trục thần thính.

Mây vốn vô tâm theo duyên phúc;

Trăng như có ý đuổi bình minh.

(Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội)

山 水 有 情 人 如 氣
桃 園 起 色 笑 冬 風

*Sơn thủy hữu tình nhân như khí;
Đào viên khởi sắc tiểu đông phong.*

Sông núi có tình người biết khí;
Vườn đào khoe sắc cột gió đông.

(Chùa Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

楊 柳 甘 露 悲 愿 重
明 珠 錫 杖 誓 心 弘

*Dương liễu cam lộ bi nguyện trọng;
Minh châu tích trượng thệ tâm hồng.*

Dương liễu đầm lạnh từ bi trọng;
Ngọc châu tích trượng rộng lòng tu.

(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

水 秀 山 青 鐘 旺 氣
雲 騰 雨 化 凜 神 威

*Thủy tú sơn thanh chung vượng khí;
Vân đằng vũ hóa lâm thần uy.*

Nước biếc non xanh sinh vượng khí;
Mây xông mưa trút lãng oai thần.

(Đền Sét, quận Đống Đa, Hà Nội)

黃 金 色 相 莊 嚴 東 土 抬 頭 瞻 慧 日
白 王 毫 光 照 耀 西 方 垂 手 引 迷 途

Hoàng kim sắc tướng trang nghiêm, Đông Thổ đài đầu chiêm tuệ nhật;

Bạch vương hào quang chiếu diệu, Tây Phương thủ thủ dẫn mê đồ.

Hoàng kim sắc tướng trang nghiêm, Đông Thổ ngẩng đầu xem tuệ nhật;

Bạch vương hào quang rực rỡ, Tây Phương tay chỉ dẫn đường mê.

(Chùa Liên Phái, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

眾 聖 共 推 尊 極 樂 淨 邦 真 教 主
三 寶 同 讚 仰 蓮 花 臺 藏 大 慈 尊

Chúng thánh cộng suy tôn, cực lạc tịnh bang, chân giáo chủ;

Tam bảo đồng tán ngưỡng, liên hoa đài tạng, đại từ tôn.

Các thánh được suy tôn, cực lạc tịnh bang, đây giáo chủ;

Tam bảo cùng ca ngợi, liên hoa đài tạng, bậc từ tôn.

(Chùa Liên Phái, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

慧眼大圓明 窮盡壹承拜 四智
行門真究竟 高超十聖証 三賢

*Tuệ nhãn đại viên minh, cùng tận nhất thừa bái tứ trí;
Hành môn chân cứu cánh, cao siêu thập thánh chứng tam hiền.*

Mắt tuệ thật sáng tròn, thấu tận nhất thừa cùng tứ trí;
Cửa tu là cứu cánh, cao siêu thập thánh chứng tam hiền.

(Chùa Nga My, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

色相高超法雨慈風觀自在
空門最廣祥雲慧日現如來

*Sắc tướng cao siêu, pháp vũ từ phong quan tự tại;
Không môn tối quảng, tường vân tuệ nhật hiện như lai.*

Sắc tướng thật cao siêu, mưa pháp gió từ xem tự có;
Cửa chùa hăng mở rộng, mây lành trời rọi hiện Như Lai.

(Chùa Nga My, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

象德莊嚴光麗色
五香分馥起祥雲

Tượng đức trang nghiêm quang lệ sắc;

Ngũ hương phân phúc khởi tường vân.

Tượng Phật trang nghiêm ngồi tòa sắc;

Hương thơm tinh khiết quyện mây lành.

(Chùa Nga My, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

寶相巍峨百萬人天咸稽首
金容浩蕩三千世界共皈依

Bảo tướng nguy nga, bách vạn nhân thiên hàm khể thủ;

Kim dung hạo đăng, tam thiên thế giới cộng qui y.

Tượng quý trên cao, trăm vạn dân đều kính lạy;

Dung nhan tỏa rạng, ba ngàn thế giới thuận theo.

(Chùa Hà, quận Cầu Giấy, Hà Nội)

眞佛本靈光 法駕隨臨皆樂界
仙人曾阜慶嘉名 肇錫自皇恩

*Chân Phật bản linh quang, pháp giá tùy lâm giai lạc giới;
Tiên nhân từng phú khánh, gia danh triệu tịch tự hoàng ân.*

Đức Phật vốn linh thiêng, đạo lý đến đâu đều cõi lạc;

Người tiên từng giúp phúc, sắc phong ban xuống đội ơn vua.

(Chùa Chân Tiên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

法雨均瞻包括三千世界
慈風普遍掃清八萬塵勞

*Pháp vũ quân chiêm bao quát tam thiên thế giới;
Từ phong phổ biến, tảo thanh bát vạn trần lao.
Mưa phép thấm đều trùm lên ba ngàn thế giới;
Gió từ thổi khắp, quét sạch tám vạn bụi trần.*

(Chùa Phúc Khánh, quận Đống Đa, Hà Nội)

弘誓無邊保護僧藍稱主宰
多聞第一總持法藏利群生

*Hoảng thế vô biên, bảo hộ tăng lam xưng chủ tể;
Đa văn đệ nhất, tổng trì pháp tạng lợi quần sinh.
Thề lớn vô biên, chở che tăng lam xưng chủ tể;
Nghe nhiều bậc nhất, giúp đỡ pháp tạng lợi chúng sinh.*

(Chùa Phúc Khánh, quận Đống Đa, Hà Nội)

暮鼓晨鐘警醒愛何名利客
經聲佛號喚回善海蕩迷津

*Mộ cổ thần chung, cảnh tỉnh ái hà danh lợi khách;
Kinh thanh Phật hiệu, hoán hồi thiện hải dăng mê tân.
Chiều trống sáng chuông, cảnh tỉnh kẻ theo đường danh lợi;
Tiếng kinh hiệu Phật, thiện căn gọi khách đắm mê tân.*

(Chùa Cầu Đông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

法輪似地東西轉
佛道逢源左右通

*Pháp luân tự địa đông tây chuyển;
Phật đạo phùng nguyên tả hữu thông.
Guồng phép tựa đông tây chuyển vận;
Phật đạo đường tả hữu quán thông.*

(Chùa Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

福慧莊嚴普度群生聞覺路
慈悲喜捨能行利勿脫迷津

*Phúc tuệ trang nghiêm, phổ độ quần sinh văn giác lộ;
Từ bi hỉ xả, năng hành lợi vật thoát mê tân.
Phúc tuệ trang nghiêm, cứu giúp chúng sinh - đường giác ngộ;
Từ bi hỉ xả, luôn làm điều thiện - thoát mê tân.*

(Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội)

佛 道 通 宇 宙
法 輪 轉 西 東

*Phật đạo thông vũ trụ;
Pháp luân chuyển Tây Đông.
Đạo Phật xuyên thông vũ trụ;
Phép màu chuyển vận Tây Đông.
(Chùa Một Cột, quận Ba Đình, Hà Nội)*

佛 道 慈 悲 你 你 皈 覺 路
菩 提 勝 景 人 人 沐 洪 庥

*Phật đạo từ bi nhĩ nhĩ qui giác lộ;
Bồ đề thắng cảnh nhân nhân mộc hồng lưu.
Đạo Phật từ bi kẻ kẻ qui đường giác ngộ;
Bồ Đề thắng cảnh người người tắm gội ơn lành.
(Chùa Bồ Đề, quận Thanh Xuân, Hà Nội)*

禪 門 廣 大 真 常 樂
光 景 慈 悲 法 界 觀

*Thiền môn quảng đại chân thường lạc;
Quang cảnh từ bi pháp giới quan.
Cửa chùa rộng lớn vui thường tại;
Quang cảnh từ bi pháp giới trông.
(Chùa Kim Sơn, quận Ba Đình, Hà Nội)*

彩 顯 禪 門 浸 演 眾 生 超 法 界
臺 開 覺 路 慈 帆 救 苦 渡 迷 津

*Thái hiển thiền môn, tẩm diễn chúng sinh siêu pháp giới;
Đài khai giác lộ, từ phàm cứu khổ độ mê tân.
Rực rỡ cửa thiền, diễn giảng chúng sinh siêu pháp giới;
Đài khai đường giác, thuyền từ cứu khổ độ mê tân.
(Chùa Kim Sơn, quận Ba Đình, Hà Nội)*

覺 路 弘 開 超 苦 海
慈 航 濟 渡 越 迷 津

*Giác lộ hồng khai siêu khổ hải;
Từ hàng tế độ việt mê tân.
Đường giác mở to qua biển khổ;
Thuyền từ chở khắp vượt sông mê.
(Chùa Diệu Nam, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

福 等 河 沙 依 福 自 無 得 福
功 重 萬 世 興 功 使 見 成 功

*Phúc đẳng hà sa, y phúc tự vô đắc phúc;
Công trùng vạn thế, hưng công sử kiến thành công.*

Phúc tựa bể sông, y phúc sao cầu được phúc;
Công dày vạn thế, hưng công thì ắt thành công.
(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

斗 祿 待 存 娛 白 髮
英 才 安 育 長 青 莪

*Đấu lộc đãi tồn ngu bạch phát;
Anh tài an dục trưởng thanh nga.
Lương đấu hầy còn vui tóc bạc;
Anh tài nuôi dưỡng nẩy chồi xanh.
(Chùa Hương Tuyết, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

東 西 南 北 中 恩 流 有 眾
水 火 木 金 土 慶 衍 無 疆
*Đông Tây Nam Bắc Trung, ân lưu hữu chúng;
Thủy hỏa mộc kim thổ, khánh diễn vô cương.
Đông Tây Nam Bắc Trung, ơn ban cực rộng;
Thủy hỏa mộc kim thổ, phúc lớn không cùng.
(Chùa Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội)*

香 留 德 樹 花 生 色
雪 瑩 靈 山 石 放 光

*Hương lưu đức thụ hoa sinh sắc;
Tuyết oánh linh sơn thạch phóng quang.
Cây đức hương thơm hoa sắc thắm;
Núi thiêng tuyết ánh đá sinh quang.
(Chùa Hương Tuyết, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

駕 雨 騰 雲 影 聖 德
除 妖 燁 患 凜 神 威

*Già vũ đằng vân ảnh thánh đức;
Trừ yêu hãn hoạn lâm thần uy.
Đi gió về mây ngời đức thánh;
Trừ tà diệt hoạn lâm thần uy.
(Chùa Hộ Quốc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

四字洪名無施否效
一團和氣所在生輝

Tứ tự hồng danh vô thi phủ hiệu;

Nhất đoàn hòa khí sở tại sinh huy.

Bốn chữ danh thơm thi hành hiệu quả;

Một nhà hòa khí khắp chốn sáng ngời.

(Chùa Hộ Quốc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

聖德威靈除北寇
神功莫測振南邦

Thánh đức uy linh trừ Bắc khấu;

Thần công mạc trắc chấn Nam bang.

Đức thánh oai linh trừ giặc Bắc;

Công thần khôn xiết dậy trời Nam.

(Chùa Hương Tuyết, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

撤像焚經唐韓愈一人而已
修持奉佛丁先皇二年以來

Triệt tượng phần kinh, Đường Hàn Dũ nhất nhân nhi dĩ;

Tu trì phụng Phật, Đinh Tiên Hoàng nhị niên dĩ lai.

Phá tượng đốt kinh, Đường Hàn Dũ chỉ một thôi vậy;

Sửa chùa thờ Phật, Đinh Tiên Hoàng nhị niên lại nay.

(Chùa Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

淨土不來俗人陶今醉多謝公心雜
易地亦同宗教釋伽中國周孔西方

Tịnh độ bất lai tục nhân, Đào kim túy đa,

Tạ công tâm tạp;

Dịch địa diệc đồng tôn giáo, Thích Ca Trung Quốc,

Chu Khổng Tây phương.

Đào Tiềm hay say rượu, Tạ Uẩn lại phúc tâm,

miền Tịnh Độ chẳng dung tục khách;

Trung Quốc có Thích ca, Tây Phương truyền Chu Khổng,

dẫu khác vùng tôn giáo vẫn đồng.

(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

經史岳互田祖肇尊培植引百年照大昱
棟樑光韋器炫嵩春祀精誠寸念廣中寧

*Kinh sử nhạc hồ điền tổ triệu, tôn bồi bá dẫn, bách niên chiêu đại dục;
Đổng lương quang vĩ khí huyền tung, xuân tị tinh thành, thốn niệm
quảng trung ninh.*

Kinh sử vững bền nguồn tổ dựng, đắp bồi gieo đến trăm năm vùng
dương tỏa;

Đổng lương chói sáng đỉnh non cao, xuân tế tinh thành tác dạ vững
niềm yên.

(Chùa Lý Quốc Sư, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

道 作 人 師 現 在 施 權 開 善 化
紹 降 佛 種 當 來 興 顯 遠 傳 燈

Đạo tác nhân sư, hiện tại thi quyền khai thiện hóa;

Thiệu giáng Phật chủng, đương lai hưng hiển viễn truyền đăng.

Đạo lý làm thầy, dẫn dụ quyền hành khai thiện hóa;

Nối đời Phật tử, sau này hưng hiển mãi truyền đăng.

(Chùa Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

神 女 月 宮 生 顯 跡 艷 傳 雲 葛
母 儀 天 下 則 揚 威 配 鶴 峰 高

Thần nữ nguyệt cung sinh hiển tích, diễm truyền Vân Cát;

Mẫu nghi thiên hạ tắc dương uy, phối hạc phong cao.

Thần nữ cung trăng sinh hiển tích, dáng đẹp truyền nơi Vân Cát;

Mẫu nghi thiên hạ thật uy linh, sánh cùng chim hạc non cao.

(Chùa Vũ Thạch, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

西 母 雲 參 天 上 駕
南 山 神 降 女 中 英

Tây Mẫu vân tham thiên thượng giá;

Nam Sơn thần giáng nữ trung anh.

Mây Tây Mẫu theo xe thượng giới;

Thần Nam Sơn giáng nữ trung anh.

(Chùa Cổ Lũng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

母 德 含 弘 顯 應 艷 傳 千 古 聖
神 功 陟 降 英 靈 熙 護 四 方 民

Mẫu đức hàm hồng, hiển ứng diễm truyền thiên cổ thánh;

Thần công trắc giáng, anh linh hi hộ tứ phương dân.

Đức mẫu rộng ân, hiển ứng tốt lành, thánh truyền thiên cổ;

Công thần uy trọng, anh linh tỏ rõ, dân hưởng tứ phương.

(Chùa Huy Văn, quận Đống Đa, Hà Nội)

三十八年光順洪德神御位
五旬零六明君愛國帝歸仙

*Tam thập bát niên Quang Thuận, Hồng Đức thần ngự vị;
Ngũ tuần linh lục minh quân ái quốc đế qui tiên.*

Ba mươi tám năm, Quang Thuận, Hồng Đức, vua tại vị;
Năm mươi sáu tuổi, minh quân, ái quốc, ngài qui tiên.

(Chùa Huy Văn, quận Đống Đa, Hà Nội)

瀛寰中教日吾道最光萬雨舟車同起場
全境內文祠此地爲首千秋芹藻尚留芳
*Doanh hoàn trung giáo nhật, ngô đạo tối quang, vạn vũ chu xa đồng
khởi dịch;*

*Toàn cảnh nội văn từ, thủ địa vị thủ, thiên thu cần tảo thượng
lưu phương.*

Thiên hạ thường ngày giáo hóa, đạo ta sáng nhất, vạn nẻo thuyền xe
cùng khởi;

Miếu văn toàn cảnh nơi đây, khuôn đất hàng đầu, ngàn năm cần tảo
lưu hương.

(Văn Miếu, Hà Nội)

四海名人題寺古
一山風物媚神深

Tứ hải danh nhân đề tự cổ;

Nhất sơn phong vật mỹ thần thâm.

Bốn biển danh nhân đề chùa cổ;

Một đồi phong vật luyến thần tâm.

(Chùa Từ Đàm)

天何言哉顯道非關我卜
神壺者也陰騭只在忠經

Thiên hà ngôn tai, hiển đạo phi quan ngã bói;

Thần nhất giả dã, âm chất chỉ tại trung kinh.

Trời nói gì đâu, đạo hiển nào do ta bói;

Thần duy có một, âm chất chỉ ở trung kinh.

(Đền Ngọc Sơn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

東西南北由斯道
公卿夫士出此途

Đông Tây Nam Bắc do tư đạo;

Công khanh phu sĩ xuất thủ đồ.

Đông Tây Nam Bắc do đây tới;
Công khanh' phu sĩ tự đó ra.
(Văn Miếu, Hà Nội)

車 書 共 道 今 天 下
科 甲 聯 題 古 學 宮
*Xa thư cộng đạo, kim thiên hạ;
Khoa giáp liên đề, cổ học cung.*
Xe sách chung đường thiên hạ;
Giáp khoa liên nối nếp học xưa.
(Văn Miếu, Hà Nội)

大國不易教不變俗且尊崇之亦信斯文原有用
吾儒要通經要識時無拘固也尚恩聖訓永相敦
*Đại quốc bất dịch giáo, bất biến tục, tả tôn sùng chi,
diệc tín tư văn, nguyên hữu dụng;
Ngô nho yếu thông kinh, yếu thức thời, vô câu cố dĩ,
thượng ân thánh huấn, vĩnh tương đồn.*
Nước lớn giáo dục chẳng thay, phong tục chẳng đổi, lại tôn sùng,
tư văn ấy còn tác dụng;
Nhà nho điển kinh phải vững, thời cuộc phải tường, không cố chấp,
ơn thánh truyền mãi dài lâu.
(Văn Miếu, Hà Nội)

網 常 棟 幹 存 天 地
道 德 宮 牆 自 古 今
*Cương thường đồng cán tồn thiên địa;
Đạo đức cung tường tự cổ kim.*
Cương thường rường cột trong trời đất;
Đạo đức học đường tự trước nay.
(Văn Miếu, Hà Nội)

士夫報答謂何哉朝廷選就之恩國家崇尚之意
世道維持視此耳禮樂衣冠所萃聲名文物所都
*Sĩ phu báo đáp vị hà tai, triều đình tuyển tựu chi ân,
quốc gia sùng thượng chi ý;
Thế đạo duy trì thị thử nhĩ, lễ nhạc y quan sở thúy,
thanh danh văn vật sở đô.*

Nói sĩ phu báo đáp là sao, nhờ ơn tuyển chọn của triều đình,
nhờ ý quốc gia được sùng ái;
Gọi thể đạo duy trì là thể, cho lễ nhạc y quan đều tốt,
cho tiếng thơm văn vật đều hay.

(Văn Miếu, Hà Nội)

數仞高堅載得許多道院
萬古瞻仰依然一大宮牆

Số nhận cao kiên, tải đắc hứa đa đạo viện;

Vạn cổ chiêm ngưỡng, y nhiên nhất đại cung tường.

Mấy thước tường cao, chở được bao nhiêu đạo viện.

Vạn năm chiêm ngưỡng, vẫn nguyên một nếp học đường.

(Văn Miếu, Hà Nội)

竇桂王槐國家楨干
唐科宋榜士子梯階

Đậu quế, Vương hòe, quốc gia trính cán;

Đường khoa, Tống bảng, sĩ tử thê giai.

Họ Đậu, họ Vương, quốc gia trụ cột;

Tống Đường khoa bảng, thang bậc học trò.

(Đền Ngọc Sơn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

人睦武功平外賊
官人文址產科名

Nhân Mục võ công bình ngoại tặc;

Quan Nhân văn chỉ sản khoa danh.

Trừ giặc ngoại xâm - võ công Nhân Mục;

Khoa danh nổi tiếng - văn chỉ Quan Nhân.

(Văn chỉ làng Quan Nhân, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

科甲中來名不朽
宮牆外望道彌尊

Khoa giáp trung lai danh bất hủ;

Cung tường ngoại vọng đạo di tôn.

Khoa giáp đến nay danh chẳng hủ;

Học đường chiêm ngưỡng đạo càng cao.

(Văn Miếu, Hà Nội)

金身現處暗而明
鼓法轉音迷則悟

Kim thân hiện xứ, ám nhi minh;
 Cổ pháp chuyển âm, mê tắc ngộ.
 Thân vàng biểu hiện mờ mà sáng;
 Tiếng trống âm truyền tỉnh chẳng mê.
 (Chùa Kim Cổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

金鼓名藍色相輝煌千古寺
 同官勝跡慈悲普度十方民

Kim Cổ danh lam, sắc tướng huy hoàng thiên cổ tự;
 Đồng Quan thắng tích, từ bi phổ độ thập phương dân.
 Kim Cổ danh lam, cảnh sắc huy hoàng lục thiên cổ;
 Đồng Quan thắng tích, từ bi quảng đại khắp thập phương.
 (Chùa Kim Cổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

地萃其靈江山長在此
 道形於器鍾鼓云乎哉

Địa túy kỳ linh, giang sơn trường tại thử;
 Đạo hình ư khí, chung cổ vân hồ tại.
 Đất tụ khí thiêng, non sông còn mãi đó;
 Thế hình nổi hiện, chuông trống vẫn vang thay.
 (Quán Trấn Vũ, quận Tây Hồ, Hà Nội)

北嶽降神凝正氣
 南天顯聖濯餘靈
 Bắc nhạc giáng thần ngưng chính khí;
 Nam thiên hiển thánh trạc dư linh.
 Núi Bắc giáng thần, ngưng chính khí;
 Trời Nam hiển thánh, nổi uy linh.
 (Quán Trấn Vũ, quận Tây Hồ, Hà Nội)

顯跡留今古
 英靈暨朔南

Hiển tích lưu kim cổ;
 Anh linh ký sóc nam.
 Xưa nay lưu hiển tích;
 Nam bắc thấy anh linh.
 (Quán Trấn Vũ, quận Tây Hồ, Hà Nội)

玉帝登臨所
 露臺望祝班

Ngọc đế dâng lâm sở;
Lộ đài vọng chúc ban.
Chốn này Ngọc Hoàng ngự;
Ban chúc vọng Đài Sương.
(Bích Câu đạo quán, quận Đống Đa, Hà Nội)

雲 霄 承 露 榮 山 海
殿 館 聲 名 顯 古 今

Vân tiêu thừa lộ vinh sơn hải;
Điện quán thanh danh hiển cổ kim.
Vân tiêu vời vợi tươi sơn hải;
Điện quán tiếng vang rõ cổ kim.

(Bích Câu đạo quán, quận Đống Đa, Hà Nội)

出 入 蓬 來 宮 跡 存 間 世
往 來 仙 景 容 閑 在 寰 塵

Xuất nhập bông lai, cung tích tồn gian thế;
Vãng lai tiên cảnh, dung nhàn tại hoàn trần.
Xuất nhập Bồng Lai, dấu cung cấm vẫn còn trên gian thế;
Tối lui tiên cảnh, vẻ dung nhàn lưu mãi chốn trần hoàn.

(Bích Câu đạo quán, quận Đống Đa, Hà Nội)

超 出 塵 寰 來 一 路
平 閒 洞 口 到 三 關

Siêu xuất trần hoàn lai nhất lộ;
Binh nhàn động khẩu đáo tam quan.
Vượt khỏi trần hoàn đường có một;
Thanh nhàn động khẩu cửa lại ba.

(Bích Câu đạo quán, quận Đống Đa, Hà Nội)

鶴 樓 一 去 室 餘 此 地 江 山
花 哀 再 回 峙 立 中 天 棟 宇

Hạc lâu nhất khứ, thất dư thử địa giang sơn;
Hoa ai tái hồi, trĩ lập trung thiên đông vũ.
Lầu hạc một lần bay, môn thất trống trở non sông đó;
Thương hoa còn để lại, đồng lương sừng sững đất trời đây.

(Bích Câu đạo quán, quận Đống Đa, Hà Nội)

四 府 靈 聲 保 國 護 民 天 下 母
九 重 陟 降 騰 雲 駕 雨 地 中 仙

*Tứ phủ linh thanh, bảo quốc hộ dân, thiên hạ mẫu;
Cửu trùng trắc giáng, đăng vân giá vũ, địa trung tiên.
Tứ phủ tiếng thiêng, giúp nước phò dân, ơn thánh mẫu;
Cửu trùng lên xuống, mây bay mưa tới, phúc thần tiên.*

(Đền Mẫu Sùng Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội)

應不偶生天本別傳天下母
飄乎獨立聖功正作聖中仙
*Ứng bất ngẫu sinh, thiên bản biệt truyền thiên hạ mẫu;
Phiêu hồ độc lập, thánh công chính tác thánh trung tiên.
Ứng hiện chẳng hai lần, trời vốn truyền riêng trời của mẹ;
Gió về không một chỗ, thánh công ngay thẳng thánh trong tiên.*

(Chùa Vũ Thạch, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

風範凜然天下母
精神宛是女中仙
*Phong phạm凛 nhiên thiên hạ mẫu;
Tinh thần uyển thị nữ trung tiên.*

*Khuôn mẫu trang nghiêm bậc mẹ thiên hạ;
Tinh thần uyển chuyển trang nữ thần tiên.
(Chùa Chân Tiên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

自是女中仙一點精靈懸日月
洵稱天下母曆朝褒贈永春秋
*Tự thị nữ trung tiên, nhất điểm tinh linh huyền nhật nguyệt;
Tuân xưng thiên hạ mẫu, lịch triều bao tặng vĩnh xuân thu.
Quả bậc nữ thầntiên, một điểm tinh linh sáng vằng nhật nguyệt;
Xứng danh trang thánh mẫu, các triều phong tặng tiếp mãi xuân thu.
(Chùa Chân Tiên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

神以福吾民但願重整一道旗幟聖朝討賊
女獨稱仙母相傳直指一鞭鐵為家鄉驅瘟
*Thần dĩ phúc ngô dân, dãn nguyện trùng chỉnh, nhất đạo kỳ
dục thánh triều thảo tặc;
Nữ độc xưng tiên mẫu, tương truyền trực chỉ, nhất tiên thiết
vĩ gia hương khu ôn.*

*Thần ban phúc dân ta, chí nguyện sửa sang, giương cờ thánh triều diệt giặc;
Nữ xứng danh tiên mẫu tương truyền chỉ thẳng, quát roi trừ bệnh cứu dân.
(Chùa Thần Tiên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

崇山顯侗輔國威名傳青史
 濃嶺降楮庇民功德播皇都
*Sùng Sơn hiển đồng, phụ quốc, uy danh truyền thanh sử;
 Nùng Lĩnh giáng cốt, tí dân, công đức bá hoàng đô.
 Sùng Sơn hiển thánh, giúp nước, uy danh truyền sách sử;
 Nùng Lĩnh giáng thân, cứu dân, công đức dậy kinh đô.*
 (Đình Cổ Lương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

上界神而仙靈氣地連崇葛外
 大名生不死形微史在趙微間
*Thượng giới thần nhi tiên, linh khí địa liên Sùng Cát ngoại;
 Đại danh sinh bất tử, hình huy sử tại Triệu Trưng gian.
 Thượng giới thần mà tiên, linh khí đất liền ngoài Sùng Cát;
 Đại danh sinh bất tử, sáng ngời sử sách bậc Triệu Trưng.*
 (Đình Cổ Lương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

古跡神威功紀武寧嚴翼甲兵三萬象
 嘉名微聖瑞靈諸鯨水升平街巷千期
*Cổ tích thần uy, công kỷ vũ ninh nghiêm, đức giáp binh tam vạn tượng;
 Gia danh trưng thánh, thụy linh trù Tô thủy, thăng bình nhai hạng thiên kỳ.
 Thần uy dấu cũ, ghi công vô lược oai nghiêm, giúp đỡ giáp binh ba vạn;
 Thánh đức ngời danh, để lại sông Tô diễm tốt, yên bình phố ngõ nghìn năm.*
 (Đình Thanh Hà, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

正直聰明得一靈而助化
 申重保佑治百海以庇民
*Chính trực thông minh, đắc nhất linh nhi trợ hóa;
 Thân trùng bảo hộ, trị bách hải dĩ tí dân.
 Chính trực thông minh, bậc nhất linh thiêng trợ hóa;
 Bên lâu bảo trợ, trị trăm biển cả giúp dân.*
 (Đình Thanh Hà, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

阜物康民參吳德
 除災捍患助神功
*Phụ vật khương dân tham hạo đức;
 Trừ tai cản họa trợ thần công.
 Vật thịnh dân yên ngang trời phúc đức;
 Tai trừ họa cản tựa thánh công lao.*
 (Đình Thanh Hà, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

聖德巍然高北斗
神功赫耳振南天

Thánh đức nguy nhiên cao Bắc đẩu;

Thần công hách nhĩ chấn Nam thiên.

Đức thánh lộng cao Bắc đẩu;

Công thần ngời chấn trời Nam.

(Đình Vũ Thạch, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

上帝委神權枕帶山河歸托握
下民澹德澤震凌風雨仰悃懣

Thượng đế ủy thần quyền, chấm đối sơn hà, qui thác ác;

Hạ dân chiêm đức trạch, chấn lẫm phong vũ ngưỡng bình mông.

Thượng đế ủy thần quyền, gởi giải sơn hà nơi tay nắm;

Hạ dân nhuần đức trạch, mống đông mưa gió, ngóng màn dăng.

(Đình Vũ Thạch, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

聖德英靈垂宇宙

神功顯赫度民生

Thánh đức anh linh thùy vũ trụ;

Thần công hiển hách độ dân sinh.

Đức thánh anh linh trùm vũ trụ;

Công thần hiển hách giúp chúng sinh.

(Đình Khương Trung, quận Đống Đa, Hà Nội)

傘員聖扶雄興國高山標萬紀
中寺神烈士帳文美理炫千秋

Tản Viên thánh phù hùng hưng quốc cao sơn tiêu vạn kỷ;

Trung Tự thần liệt sử trướng văn mỹ lý huyền thiên thu.

Thánh Tản Viên trợ phù hưng quốc non cao nêu vạn kỷ;

Thần Trung Tự thấp sáng sử văn lý đẹp chói ngàn thu.

(Đình Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

奕世勇文宣聖德

漂朝奪武現神威

Dịch thế dũng văn tuyên thánh đức;

Phiêu triều đoạt vũ hiện thần uy.

Văn dũng truyền đời nêu thánh đức;

Võ vang triều nội hiện thần uy.

(Đình Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

德大安民千古盛
功高護國萬年長

*Đức đại an dân thiên cổ thịnh;
Công cao hộ quốc vạn niên trường.
Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh;
Công cao giúp nước vạn năm trường.
(Đình Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội)*

山岬水其間猶多旺氣
亞雨歐風此會別有神權

*Nùng sơn Nhị thủy kỳ gian, do đa vượng khí;
Á vũ Âu phong thử hội, biệt hữu thần quyền.
Vân đó núi Nùng sông Nhị còn nhiều vượng khí;
Hội này gió Á mưa Âu riêng có thần quyền.
(Đền thờ Trần Hưng Đạo ở 30 Khám Thiên, Đống Đa, Hà Nội)*

接轡開丁冠冕稱王三載史
驅蘇抗馬山河還我萬年芳

*Tiếp Lạc khai Đinh, quan miện xưng vương tam tải sử;
Khử Tô kháng Mã, sơn hà hoàn ngã vạn niên hương.
Tiếp Lạc, khai Đinh áo mũ xưng vương ba thu sử;
Đuổi Tô, chống Mã, giang sơn giành lại vạn xuân thơm.
(Đền Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

巍巍功德炳南天如今猶在
凜凜威風轟北地曆古如今

*Nguy nguy công đức bính Nam thiên như kim do tại;
Lẫm lẫm uy phong oanh Bắc địa lịch cổ như kim.
Vời cao công đức, sáng rực trời Nam, đến nay còn mãi;
Lẫm liệt oai phong, vang lừng đất Bắc, từ cổ chí kim.
(Đền Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

髮渺宜修簪髮雙塵大仇敵
精靈未泯冠裳重整舊江山

*Yêu diêu nghi tu, trâm phát song ao đại cừ địch;
Tinh linh vị泯, quan thường trùng chỉnh cựu giang sơn.
Nhan sắc tuyệt trần, trâm tóc hai lần đánh tan quân giặc mạnh;
Hồn thiêng bất diệt, mũ xiêm ấy; lượt dựng lại nước non xưa.
(Đền Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

象劍成功一統六十五城南國山河截然獨立
珥濃對峙屹今數千餘載將門姊妹凜若生存

Tượng kiếm thành công, nhất thống lục thập ngũ thành

Nam quốc sơn hà tiết nhiên độc lập;

Nhị Nùng đối tri, ngật kim số thiên dư tải,

tướng môn tử muội lẫm nhữc sinh tồn.

Cưỡi voi vung kiếm nên công, thống nhất sáu mươi năm thành,
sông núi nước Nam hiển nhiên độc lập;

Sông Nhị núi Nùng đối sánh, đến nay hai nghìn năm lẻ,
chị em cửa tướng khí phách còn nguyên.

(Đền Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

駕雨騰雲影聖德

除妖煇患凜神威

Giả vũ đằng vân ảnh thánh đức;

Trừ yêu hân hoạn lẫm thần uy.

Hình đức thánh đi mây về vũ;

Dậy oai thần diệt nạn trừ yêu.

(Đền Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

聖德威靈除北寇

神功莫測振南邦

Thánh đức uy linh trừ Bắc khấu;

Thần công mạc trắc chấn Nam bang.

Trừ giặc Bắc - oai linh đức thánh;

Dậy trời Nam - xiết kể công thần.

(Chùa Hương Tuyết, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

李朝國師系是酬恩彰盛典

南天聖祖詢爲顯赫大興聲

Lý triều quốc sư, hệ thị thù ân, chương thịnh điển;

Nam thiên thánh tổ, tuân vi hiển hách, đại hưng thanh.

Sứ sách sáng ngời, ân đức gắn liền quốc sư triều Lý;

Linh thanh vang dội, công lao mưu sĩ thánh tổ trời Nam.

(Chùa Lý Quốc Sư, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

祝聖翌讚皇圓同日月光輝萬古

保民安祈物盛並山河壯麗千秋

Chúc thánh đức, tán hoàng viên, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;

Bảo dân an, kỳ vật thịnh, tinh sơn hà tráng lệ thiên thu.

Chúc thánh đức, tụng vua hiền, cùng nhật nguyệt sáng ngời vạn cổ;

Giúp dân yên, cầu vật thịnh, với sơn hà tráng lệ nghìn thu.

(Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội)

拾方遠外同群聚

修造鄉村萬世傳

Thập phương viễn ngoại đồng quần tụ;

Tu tạo hương thôn vạn thế truyền.

Xa ngoài mười phương cùng quần tụ;

Xóm làng xây dựng vạn đời truyền.

(Đình Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

衛國滅侵忠勇千秋明日鏡

護民立業智仁萬古海河恩

Vệ quốc diệt xâm, trung dũng thiên thu minh nhật kính;

Hộ dân lập nghiệp, trí nhân vạn cổ hải hà ân.

Giữ nước diệt xâm lăng, trung dũng ngàn năm treo gương sáng;

Giúp dân lập cơ nghiệp, trí nhân muôn thuở biển sông ân.

(Đền Voi Phục, quận Ba Đình, Hà Nội)

百世英靈扶社稷

億年香火護同民

Bách thế anh linh phù xã tắc;

Úc niên hương hỏa hộ đồng dân.

Linh hiển trăm đời phò xã tắc;

Khói hương ngàn thuở giúp dân lành.

(Chùa Hộ Quốc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

此地成家石可轉心安可轉

自天甲福寧厥居相奠厥居

Thử địa thành gia, thạch khả chuyển, tâm an khả chuyển;

Tự thiên giáp phúc, ninh quyết cư, tương diện quyết cư.

Đây đất thành nhà, đá dẫu chuyển lòng sao thể chuyển;

Từ trời ban phúc, đã yên cư giữ vững yên cư.

(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

宇宙不風塵 北南兩國
網常而勇敢 姊妹一門

Vũ trụ bất phong trần Bắc Nam lưỡng quốc;
Cương thường nhị dũng cảm tử muội nhất môn.
Vũ trụ chẳng phong trần, Bắc Nam hai nước;
Cương thường nên dũng cảm, em chị một nhà.
(Đền Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

德大安民千古盛
功高護國萬年長

Đức đại an dân thiên cổ thịnh;
Công cao hộ quốc vạn niên trường.
Đức lớn yên dân, ngàn thuở thịnh;
Công cao giúp nước, vạn năm trường.
(Đình Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội)

慧日光臨普照三千世界
慈雲變覆洞開不二法門

Tuệ nhật quang lâm, phổ chiếu tam thiên thế giới;
Từ vân biến phủ, động khai bất nhị pháp môn.
Trí tuệ tựa ánh mặt trời, chiếu khắp ba nghìn thế giới;
Lòng từ như mây che chở, động khai chỉ một pháp môn.
(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

爲國爲人民 文武聖神留顯號
在上在左右 聰明正直贊玄機

Vì quốc vị nhân dân, văn vũ thánh thần lưu hiển hiệu;
Tại thượng, tại tả hữu, thông minh chính trực tán huyền cơ.
Vì nước, vì nhân dân, văn vũ thánh thần lưu danh sáng;
Ngự trên, ngự phải trái, thông minh chính trực tiếng diệu huyền.
(Đền Ngọc Sơn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

會主興功百世舉 橫觀慶
施財集福十方大 作証明

Hội chủ hưng công, bách thế cử hoành quan khánh;
Thi tài tập phúc, thập phương đại tác chứng minh.
Hội chủ hưng công, bách thế nêu cao niềm ngưỡng mộ;
Thi tài tập phúc, mười phương tạo tác để chứng minh.
(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

兩柱高標魚水前臨三級浪
雙臺屹立蛇風後繞萬重山

*Lưỡng trụ cao tiêu, ngư thủy tiền lâm tam cấp lãng;
Song đài ngật lập, xà phong hậu nhiễu vạn trùng sơn.*

Hai cột dựng cao, trước ngư thủy dâng ba đợt sóng;
Hai đài đứng vững, sau xà phong vây vạn núi cao.

(Chùa Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

庭前翠竹凌霜動
窗外黃梅點雪濃

*Đình tiền thủy trúc lăng sương động;
Song ngoại hoàng mai điểm tuyết nồng.*

Trước sân sương động trên trúc biếc;
Ngoài sổ tuyết rơi cạnh mai vàng.

(Chùa Bút Tháp, quận Ba Đình, Hà Nội)

古黎朝光順八年命興功作
今保大乙亥三月重造告成

Cổ Lê triều Quang Thuận bát niên mệnh hưng công tác;

Kim Bảo Đại Ất hợi tam nguyệt trùng tạo cáo thành.

Xưa Lê triều Quang Thuận bát niên hưng công dựng;

Nay Bảo Đại tháng ba Ất hợi tu sửa hoàn thành.

(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

歷劫爲明君爲良將爲孝子爲導師運
用真如結無量善緣庄嚴福海
現世棄珍寶棄妻孥棄國城棄王位圓
成大覺說恆沙妙法拔濟迷流

*Lịch kiếp vì minh quân, vì lương tướng, vì hiếu tử, vì đạo sư vận
dụng chân như, kết vô lượng thiện duyên, trang nghiêm phúc hải;
Hiện thế khí trân bảo, khí thê nư, khí quốc thành, khí vương vị, viên
thành đại giác, thuyết hằng sa diệu pháp, bạt tế mê lưu.*

Kiếp xưa, làm minh quân, làm lương tướng, làm con hiếu,
làm thầy dạy, vận dụng lẽ chân như, kết vô lượng, duyên thiện trang
nghiêm biến phúc;

Đời nay, bỏ của báu, bỏ vợ con, bỏ thành trì, bỏ ngôi vua, vẹn tròn
điều đại giác, thuyết hằng sa, phép huyền cứu độ dòng mê.

(Chùa Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

天 地 山 川 育 秀 鍾 英 普 正 氣
神 仙 佛 聖 除 災 降 福 凜 靈 聲

*Thiên địa sơn xuyên, dục tú chung anh, phổ chính khí;
Thần tiên Phật thánh, trừ tai giáng phúc,凛 linh thanh.*

Trời đất núi sông, hun đúc tinh hoa, tràn chính khí;
Thần tiên Phật thánh, trừ tai ban phúc, nổi tiếng linh.

(Chùa Pháp Hoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

萬 里 祥 雲 敷 草 木
一 天 和 氣 滿 樓 臺

*Vạn lý tường vân phủ thảo mộc;
Nhất thiên hòa khí mãn lâu đài.*

Muôn dặm mây lành phủ thảo mộc;

Một trời khí ấm tỏa lâu đài.

(Chùa Linh Thông, Văn Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

雲 漂 一 路 留 仙 境
水 碧 護 池 洗 鶴 華

Vân phiêu nhất lộ lưu tiên cảnh;

Thủy bích hộ trì tẩy hạc hoa.

Mây nổi một đường lưu tiên cảnh;

Nước biếc ao trong rửa hạc hoa.

(Bích Câu đạo quán, quận Đống Đa, Hà Nội)

吼 聲 天 地 動
觸 睦 鬼 邪 驚

Hống thanh, thiên địa động;

Xúc mục quỷ tà kinh.

Thét lên trời đất chuyển;

Đảo mắt quỷ ma kinh.

(Đền Khánh Thụy, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

英 靈 勝 北 地
赫 濯 振 南 天

Anh linh thắng Bắc địa;

Hách trạc chấn Nam thiên.

Anh linh hơn đất Bắc;

Rực rỡ chấn trời Nam.

(Đền Khánh Thụy, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

光 大 基 自 此 始
前 後 業 所 共 和

Quang đại cơ tự thử thủy;

Tiền hậu nghiệp sở cộng hòa.

Cơ đồ rực rỡ từ đây mở;

Sự nghiệp trước sau chốn cộng hòa.

(Chùa Quang Hoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

蓮 臺 仰 望 慈 雲
鍾 閣 清 高 慧 日

Liên đài ngưỡng vọng từ vân;

Chung các thanh cao tuệ nhật.

Mây lành đài sen ngưỡng vọng;

Ngày sáng chuông gác thanh cao.

(Chùa Đông Môn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

虎 榜 龍 門 善 仁 緣 法
硯 臺 筆 塔 大 塊 文 章

Hổ bảng long môn thiện nhân duyên pháp;

Nghiên đài bút tháp đại khối văn chương.

Duyên pháp thiện nhân cửa rồng bảng hổ;

Văn chương trời đất tháp bút đài nghiên.

(Đền Ngọc Sơn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

日 照 月 臨 玉 壺 燦 爛
山 纏 水 繞 緯 萬 奇 觀

Nhật chiếu nguyệt lâm ngọc hồ xán lạn;

Sơn triển thủy nhiễu vĩ vạn kỳ quan.

Trời chiếu, trăng soi, Ngọc Hồ xán lạn;

Núi quanh, nước uốn, hóa vạn kỳ quan.

(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

聖 蹟 化 身 三 世 留 青 史
英 聲 濟 翼 四 海 鎮 皇 都

Thánh tích hóa thân, tam thế lưu thanh sử;

Anh thanh tế dực, tứ hải trấn hoàng đô.

Dấu thánh hóa thân, tam thế truyền lưu thanh sử;

Tiếng thơm trợ giúp, tứ hải trấn định hoàng đô.

左右表奇觀 同登覺岸
古今標勝景 共入玄門

*Tả hữu biểu kỳ quan, đồng đăng giác ngạn;
Cổ kim tiêu thắng cảnh, cộng nhập huyền môn.
Tả hữu nổi kỳ quan, cùng lên bờ giác;
Cổ kim truyền thắng cảnh, thấy nhập cửa huyền.
(Chùa Phổ Linh, quận Tây Hồ, Hà Nội)*

開必光本固 根深憑昔樹
裕於後枝榮 葉茂發於花

*Khai tất tiên, bản cố căn nguyên bằng tích thụ;
Dụ ư hậu, chi vinh diệp mậu phát ư hoa.
Thuở trước mở ra, cây xưa nhờ rễ sâu gốc vững;
Ngày sau thịnh đạt, hoa thắm do lá tốt cành tươi.
(Chùa Liên Phái, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

僧到佛來光 被萬家千古燭
地靈天寶花 開十丈四時蓮

*Tăng đáo Phật lai, quang bị vạn gia, thiên cổ chúc;
Địa linh thiên bảo, hoa khai thập trượng tứ thời liên.
Sư đến Phật qua, đuốc sáng muôn nhà soi nghìn thuở;
Đất thiêng trời báu, sen thơm mười trượng nở bốn mùa.
(Chùa Quang Hoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

客到禪關 每念彌陀塵慮靜
人歸淨院 持心般若夢魂清

*Khách đáo Thiền quan, mỗi niệm Di Đà trần lự tĩnh;
Nhân qui Tịnh viện, trì tâm Bát Nhã mộng hồn thanh.
Khách đến cửa chùa, miệng niệm Di Đà, nghĩ suy tĩnh lặng;
Người về Tịnh viện, lòng tin Bát Nhã, hôn mộng sạch trong.
(Chùa Quang Hoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)*

妙法無言 一片婆心 神廣運
玄機莫測 四方赤子 共霑恩

*Diệu pháp vô ngôn nhất phiến bà tâm thần quảng vận;
Huyền cơ mạc trắc tứ phương xích tử cộng chiêm ân.
Diệu pháp không lời, một tấm lòng son hồng rộng mở;
Huyền cơ khó biết, bốn phương con đỏ được ơn nhiều.
(Đại Hùng bảo điện, chùa Hương)*

南 同 珠 玉 萬 景 樓 臺 色 耀 祥 雲
東 土 絡 龍 都 棟 宇 重 新 臨 慧 日

Nam Đồng châu ngọc, vạn cảnh lâu đài sắc, diệu tường vân;

Đồng Thổ Lạc Long, đô đồng vũ trùng tân, lâm tuệ nhật.

Nam Đồng đất thiêng châu ngọc, vạn cảnh lâu đài mây lành sắc đẹp;

Đồng Thổ đế kinh Lạc Long, thấy đều rừng cột, trời sáng bừng soi.

(Chùa Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội)

逝 水 者 如 斯 文 武 衣 冠 王 侯 第 宅
高 山 長 仰 止 三 關 間 奧 數 仞 宮 牆

Thệ thủy giả như tư, văn vũ y quan, vương hầu đệ trạch;

Cao sơn trường ngưỡng chỉ, tam quan gian áo, sở nhận cung tường.

Nước chảy vẫn như thường, văn võ y quan vương hầu phủ đệ;

Núi cao trông mãi thế, tam quan sâu thẳm mấy nhận học đường.

(Văn Miếu, Hà Nội)

天 庭 陟 降 三 奇 雲 萬 仙 鄉 留 祀 典
南 越 預 名 四 不 古 梁 勝 地 起 崇 祠

Thiên đình trắc giáng tam kỳ, Vân Cát tiên hương lưu tự điển;

Nam Việt dự danh tứ bất, Cổ Lương thắng địa khởi sùng từ.

Trải ba lần thăng giáng chốn thiên đình, Vân Cát tiên hương ghi lịch sử;

Được dự bậc tứ bất tử nước Nam, Cổ Lương thắng địa dựng đền cao.

(Đình Cổ Lương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

金 木 水 火 有 功 則 祀 之 在 上 在 左 右
富 壽 康 寧 飲 福 以 錫 厥 此 土 此 人 民

Kim mộc thủy hỏa hữu công, tắc tự chi tại thượng, tại tả hữu;

Phú thọ khang ninh liễm phúc, dĩ tích quyết thủ thổ, thủ nhân dân.

Bạc có công sánh kim mộc thủy hỏa, được thờ ở trên, bên trái bên phải;

Trời gom phúc ban phú thọ khang ninh cho vùng đất này, cho chúng dân này.

(Đình Tân Khai, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

八 葉 初 銅 鼓 山 言 歷 代 褒 封 留 玉 牒

千 載 後 珠 盤 海 誓 壹 心 念 孝 奉 金 章

Bát diệp sơ, Đồng Cổ sơn ngôn, lịch đại bao phong, lưu ngọc điệp;

Thiên tải hậu, Châu Bàn hải thệ nhất tâm niệm hiếu, phụng kim chương.

Tám đời xưa, Đồng Cổ truyền ngôi, trải các triều bao phong, lưu ngọc điệp;

Ngàn năm sau, Châu Bàn thệ biển, nguyện một lòng trung hiếu,

phụng kim chương.

(Chùa Đồng Cổ, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

佛法僧四果福祿壽財化無適禪中佐
天地人和靈應千花高壺寶鼎真如生

*Phật pháp tăng, tứ quả phúc lộc thọ, tài hóa vô biên, thiền trung tá;
Thiên địa nhân, hòa linh ứng thiên hoa, cao đài bảo đỉnh, chân như sinh.*

Phật pháp tăng, tứ quả phúc lộc thọ, tài hóa biến vô cùng,
của thiền giúp sức;

Thiên địa nhân, hòa linh ứng ngàn hoa, đài cao chung đỉnh báu,
chân thực như sinh.

(Chùa Linh Ứng, quận Đống Đa, Hà Nội)

在陳晚綠文儒官太保計誅赤綏逆臣
入黎初以節烈秩大王廟祀黃梅故墅

*Tại Trần văn, diêu văn nho quan, thái bảo kế tru, xích tuy nghịch thần;
Nhập Lê sơ, di tiết liệt trệt, đại vương miếu tự, Hoàng Mai cổ thự.*

Tại Trần mật, nho quan tài sĩ, Thái bảo quyền mưu, trừ loài bạo nghịch;
Sang Lê sơ, tiết liệt sắc phong, Đại vương thờ miếu, dinh cũ Hoàng Mai.

(Đình Hoàng Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

玉井水之清酒淨慶器寶鑑以開光世界
壺心天共白消除孽瘴金身願現度群生
*Ngọc tỉnh thủy chi thanh, tưu tịnh khánh hiếu, bảo giám hoàng khai
quang thế giới*

*Hồ tâm thiên cộng bạch, tiêu trừ nghiệt chướng, kim thân cố hiện,
độ quần sinh.*

Giếng ngọc nước trong xanh, rượu mạnh chúc mừng, gương báu soi
chung quanh thế giới;

Hồ tâm trời thanh bạch, tiêu trừ nghiệt chướng, thân vàng ngoảnh
hiện cứu chúng sinh.

(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

龍遍城外別此霸王基一朵蓮生長化廣
庚戌年來重開功德水千秋派引繼花傳

*Long Biên thành ngoại, biệt thủ bá vương cơ, nhất đoá liên
sinh trường hóa quảng;*

*Canh tuất niên lai, trùng khai công đức thủy, thiên thu phái
dẫn kế hoa truyền.*

Long Biên thành ngoại, lập vương bá cơ đồ, một đoá tươi sen sinh hóa khắp;
Canh tuất lại nay, mở nguồn sâu công đức, nghìn thu dẫn độ nối hoa truyền.

(Chùa Liên Phái, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

登門眺望龍肚鍾靈特地樓臺近挹西湖月
歷大稱傳帝都四鎮敬天華表遙對武當山
Đăng môn diêu vọng Long Đổ, chung linh đặc địa, lâu đài cận áp

Tây Hồ nguyệt

Lịch đại xứng truyền đế đô, tứ trấn kính thiên, hoa biểu dao đối
Vũ Dương sơn.

Lên cửa trông xa Long Đổ, chung linh đất quý, lâu đài ôm bóng
Tây Hồ nguyệt

Truyền đời danh xứng đế đô, tứ trấn trời cao, cột trụ giao đối
Vũ Dương sơn.

(Đền Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội)

立杖九霄天而天不能高六智神通天佛祖
覆婆千里地而地無可廣百般爰化地神仙

Lập trượng cửu thiên, nhi thiên bất năng cao lục trí,
thần thông thiên Phật tổ

Phúc bà thiên lý địa, nhi địa vô khả quảng bách ban,
biến hóa địa thần tiên

Cây trượng lập chín tầng trời, trời không cao bằng lục trí,
thần thông trời Phật tổ

Phật bà che nghìn dặm đất, đất không rộng bằng trăm loài,
biến hóa đất thần tiên

(Chùa Nga My, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

三身具足巍巍生斷涅槃城應三世隨緣濟世
四智圓明隱隱常居華藏界憫四生示現度生

Tam thân cụ túc, nguy nguy sinh đoán Niết Bàn thành, ứng tam thế,
tùy duyên tế thế;

Tứ trí viên minh, ẩn ẩn thường cư hoa tạng giới, mẫn tứ sinh,
thị hiện độ sinh.

Ba thân đầy đủ, nguy nga sinh đoán thành Niết Bàn, ứng tam thế
theo duyên cứu thế;

Bốn trí sáng tròn, huyền ảo thường tại kinh Hoa nghiêm, thương tứ
sinh hiện rõ độ sinh.

(Chùa Nga My, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

本是大悲心曠觀苦海惱城濟渡群生登覺岸
廣開方便法普泛慈航寶筏提攜四眾出迷津

*Bản thị đại bi, tâm khoáng quan khổ hải nào thành,
tế độ quần sinh đăng giác ngạn;
Quảng khai phương tiện, pháp phổ phiếm từ hàng bảo phiệt,
để huê tứ chúng xuất mê tân.*

Vốn đại bi thương, lòng hiểu thấu nào phiền khổ hải,
cứu giúp chúng sinh lên bờ giác;
Mở đường phương tiện, phép mênh mông bề bấu chỗ ân,
dắt diu người nạn thoát.

(Chùa Phúc Khánh, quận Đống Đa, Hà Nội)

扶斯世道消磨安得救難慈 航渡一切眾
生超沉苦海
但願至尊布施姑試點金妙術爲萬千種
類鑄自由身

*Phù tư thế đạo tiêu ma, an đắc cứu nạn từ hàng, độ nhất thiết
chúng sinh, siêu trầm khổ hải;
Đãn nguyện chí tôn bố thí, cô thí điểm kim diệu thuật, vị vạn thiên
chủng loại chú tự do thân.*

Giúp đời thế đạo tiêu ma, sao cho thuyền từ cứu nạn hết thấy
chúng sinh vượt trầm luân bể khổ;

Những mong chí tôn bố thí, nguyện đem diệu thuật điểm tô
vì muôn ngàn loài giống đức tượng tự do.

(Chùa Hộ Quốc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

土信美哉其聞有羅城有蘇才有事業文章
自古以來推望邑
德其盛矣使人爲孝子爲忠臣爲慈祥測恒
無知莫慢托神權

*Thổ tín mỹ tai, kỳ văn hữu La Thành, hữu Tô Thủy, hữu sự nghiệp
văn chương, tự cổ dĩ lai thôi vọng ấp;*

*Đức kỳ thịnh hỹ, sử nhân vi hiếu tử, vi trung thần, vi từ tướng
trắc đất, vô tri mạn mạn thác thần quyền.*

Đất tín đẹp thay, nơi đây có La Thành, có Tô Thủy,
có sự nghiệp văn chương, xưa nay là ấp chưa từng thấy;
Đức này thịnh vậy, khiến người là con hiếu, là tôi trung, là người
trên thương người dưới, không biết chớ mạn thác thần quyền.

(Đình Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

眞壯哉峰州寶劍振天聲曰都曰邑肇此
邦基千古奇功歸粉黛
尤異者希嶺雲車飛帝所稱聖稱神巍然
廟貌億年遺像入丹青

*Chân tráng tai, Phong Châu bảo kiếm chấn thiên thanh, viết đỏ, viết
ấp triều thử bang cơ, thiên cổ kỳ công qui phấn đại;*

*Vưu dị giả, Hi Linh vân xa phi đế sở, xưng thánh, xưng thần nguy
nhiên miếu mạo, ức niên di tượng nhập đan thanh.*

Hùng tráng thay! Kiếm báu Phong Châu, chấn động trời, gọi là đỏ,
gọi là ấp, mở nền bang quốc, công lạ nghìn năm trang liệt nữ;
Kỳ lạ thật! Xe mây Hi Linh lượn nơi vua, xưng là thánh, xưng là
thần, dựng xây miếu mạo, truyền lưu vạn thuở tượng đan thanh.

千秋懷抱三杯酒
萬里雲山一水樓

*Thiên thu hoài bão tam bôi tửu;
Vạn lý vân sơn nhất thủy lâu.*

Ba chén rượu ngàn năm tơ tưởng;
Một thủy lâu muôn dặm trời mây.

曾經滄海難爲水
欲上高樓且泊舟

*Tằng kinh thương hải nan vi thủy;
Dục thượng cao lâu thả bạc chu.*

Từng qua biển lớn e làn nước;
Muôn thượng lâu cao hãy đậu thuyền.

色即是空空即是色
詩中有畫畫中有詩

*Sắc tức thị không, không tức thị sắc;
Thi trung hữu họa, họa trung hữu thi.*

Sắc tức là không, không tức là sắc;
Thơ có trong họa, họa có trong thơ.

漁舍曉煙消長嘯一聲千地闊
野航初日起乍傳逸嚮海山青

Ngư xá hiếu yên tiêu, trường khiếu nhất thanh thiên địa khoáng;

Dã hàng sơ nhật khởi, sạ truyền dật hướng hải sơn thanh.

Nhà chài sớm khói lam, một tiếng kêu vang trời đất rộng;

Đò quê sáng rời bến, mái chèo khua động biển non xanh.

橋引長虹栖島岸
樓當明月坐湖心

Kiều dẫn trường hồng thê đảo ngạn;

Lâu đương minh nguyệt tọa hồ tâm.

Cầu bắc cầu vòng qua bên đảo;

Lầu treo trăng sáng nổi trên hồ.

臨水登山一路漸入佳景

尋源訪古此中無限風光

Lâm thủy đăng sơn, nhất lộ tiệm nhập giai cảnh;

Tầm nguyên phỏng cổ, thử trung vô hạn phong quang.

Tới nước lên non, đường ấy dẫn vào cảnh đẹp;

Tìm người hỏi cội, nơi đây lắm vẻ phong quang.

山名不在高水靈不在深自有主者

天柱賴以尊地維賴以立惟此浩然

Sơn danh bất tại cao, thủy linh bất tại thâm, tự hữu chủ giả;

Thiên trụ lại dĩ tôn, địa duy lại dĩ lập, duy thử hạo nhiên.

Núi xanh chẳng vì cao, nước thiêng chẳng vì sâu, đều vì có chủ;

Trời dựng nhờ được tôn, đất liền nhờ được đứng, chính là tự nhiên.

忠厚一生嫌善少

平安二字值錢多

Trung hậu nhất sinh hiềm thiện thiếu;

Bình an nhị tự trị tiền đa.

Trung hậu một đời hiềm thiện ít;

Bình an hai chữ giá tiền cao.

此間干淨土聞鐘磬響結香火緣任世變滄桑

依舊住南天佛國

幾許往來人得歡喜門除煩惱障是運回金碧

又新開西竺道場

*Thử gian can tịnh thổ, văn chung khánh hưởng, kết hương hoả
duyên, nhậm thể biến thương tang, y cữ trú Nam Thiên Phật Quốc;*

Kỷ hứa vãng lai nhân, đắc hoan hỉ môn, trừ phiền não chương,

thị vận hồi kim bích, hựu tân khai Tây Trúc đạo trường.

Nơi đây đất yên tĩnh, nghe tiếng chuông khánh, kết hương hoả

duyên, mặc kệ đời dâu bể, vẫn chốn cũ trời Nam nước Phật;

Chừng hứa kẻ vãng lai, được chốn vui mừng, trừ phiền não chương,

nhờ vận may vàng ngọc, mới mở ra Tây trúc đạo tràng.

綠水波瀾勝景西湖洗盡人間煩惱事
荷香清淡名藍鎮國覺來世路罔迷心

*Lục thủy ba lan, thắng cảnh Tây Hồ, tẩy tận nhân gian phiền não sự;
Hà hương thanh đạm, danh lam Trấn Quốc, giác lai thế lộ vô mê tâm.*

Nước biếc gợn lăn tăn, thắng cảnh Tây Hồ, chuyện phiền não nhân
gian rửa sạch

Hương sen đưa thoang thoảng, danh lam Trấn Quốc lòng loạn mê cỏi
thế tỉnh ra.

萬樹合參天佇看坊表一新長使名山留勝跡
八方齊向治際此干戈永靖當要善政慰蒼生
*Vạn thụ hợp tham thiên, trử khan phường biểu nhất tân, trường sử
danh sơn lưu thắng tích;*

*Bát phương tề hướng trị, tế thủ can qua vĩnh tĩnh, đương yêu thiện
chính uỷ thương sinh.*

Muôn cây hợp ngất trời, đứng xem rạng rõ một vùng, mãi để
danh sơn lưu thắng tích;

Tám phương đều bình trị, đến lúc bình đao vắng lặng, còn mong
thiện chính giúp dân đen.

時出雲煙鋪下界
夜來鐘磬徹諸天

*Thời xuất vân yên phô hạ giới;
Đạ lai chung khánh triệt chư thiên.*

Đúng lúc khói mây giăng hạ giới;
Vào đêm chuông khánh thấu chư thiên.

蓮座擁祥雲具大神通忽見千般手眼
檀林詩法雨是真佛力總由一念慈悲

Liên tọa ủng tường vân, cụ đại thần thông hốt kiến thiên ban thủ nhãn;

Đàn lâm thi pháp vũ, thị chân phật lực, tổng do nhất niệm từ bi.

Mây lành phủ toà sen, mạnh vậy thần thông, bỗng hiện đủ ngàn tay mắt;
Nước Pháp tưới đàn tràng, đúng là phật lực, đều do một niệm từ bi.

春水船如天上坐
秋山人在畫中行

Xuân thủy thuyền như thiên thượng tọa;

Thu sơn nhân tại họa trung hành.

Non thu người ngồi đi trong họa;
Nước xuân thuyền tưởng dạo lưng trời.

石級有塵清風掃

洞天無鎖白雲封

Thạch cấp hữu trần thanh phong tảo;

Động thiên vô toả bạch vân phong.

Gió mát quét bụi vương thêm đá;

Mây trắng trùm cửa ngõ động trời.

慈悲中降一點甘露結成聰明子

感應處灑三千淨水生就智慧花

Từ bi trung, giáng nhất điểm cam lộ, kết thành thông minh tử;

Cảm ứng xứ, sái tam thiên tịnh thủy, sinh tựu trí tuệ hoa.

Một giọt cam lộ rơi chốn từ bi, kết thông minh quả;

Ba ngàn tịnh thủy tưới nơi cảm ứng, sinh trí tuệ hoa.

浩氣滿乾坤久矣古今至聖

精忠貫日月偉哉宇宙大雄

Hạo khí mãn càn khôn, cửu hĩ cổ kim chí thánh;

Tinh trung quán nhật nguyệt, vĩ tai vũ trụ đại hùng.

Khí hạo nhiên đầy rẫy càn khôn, trường cửu vậy cổ kim chí thánh;

Lòng tinh trung quán thông nhật nguyệt, vĩ đại thay vũ trụ đại hùng.

舉步艱危要把腳跟立穩

置身霄漢更宜心境放平

Cử bộ gian nguy, yêu bả cước càn lập ổn;

Trí thân tiêu hán, cánh nghị tâm cảnh phóng bình.

Cất bước gian nguy, gân cốt xem chừng càn phải ổn;

Gửi thân mây nước, lòng dạ nên chăng giữ càn bằng.

作孝作忠今古聖神常在

允文允武山川風氣全開

Tác hiếu tác trung, kim cổ thánh thần thường tại;

Doãn văn doãn vũ, sơn xuyên phong khí toàn khai.

Làm hiếu làm trung, thần thánh xưa nay vẫn thế;

Đủ văn đủ vũ, khí phong sông núi tràn đầy.

勝地自西來竺杖回春特開天栽梵境

佛法傳東土慈雲垂蔭廣被萬劫群生

Thắng địa tự tây lai, trúc tượng hồi xuân, đặc khai thiên tải Phật cảnh;

Phật pháp truyền đông thổ, từ vân thủy âm, quảng bị vạn kiếp quần sinh.

Thắng địa tự Tây qua, gậy Trúc xuân về, riêng mở ngàn năm cảnh Phạn;
Phật pháp truyền Đông lại, mây từ ẩm phủ, che chỗ vạn kiếp chúng sinh.

大道無私玄機妙悟傳燈錄
先緣有份勝地同登選佛場

*Đại đạo vô tư, huyền cơ diệu ngộ truyền đăng lục;
Tiên duyên hữu phận, thắng địa đồng đăng tuyển Phật trường.*
Đạo lớn chẳng riêng ai, máy huyền vĩ ngộ sự diệu kỳ ghi
trong sách sử;
Kiếp duyên đều có phận, nơi thắng địa cùng nhau lên tới chọn
lối Phật trường.

一池荷葉衣無盡
數樹松花食有餘
*Nhất trì hà diệp y vô tận;
Số thụ tùng hoa thực hữu dư.*
Một hồ lá sen, mặc không thiếu;
Vài gốc hoa tùng, ăn có thừa.

優樂最關懷問流水行雲何時慰我爲霖願
俯仰自成趣看鳶飛魚躍隨處引人悟道心
*Ưu lạc tối quan hoài, vấn lưu thủy hành vân, hà thời uý ngã
vì lâm nguyện;*

*Phủ ngưỡng tự thành thú, khán diên phi ngư được, tùy xứ dẫn nhân
ngộ đạo tâm*

Buồn vui rất dễ tâm, hỏi nước chảy mây trôi, nào lúc làm mưa an ủi tớ;
Ngửa cúi đã thành thú, xem diều bay cá nhảy, tùy nơi ngộ đạo dẫn đưa người.

學海浩無邊前賢締造千秋業
文章高有道後秀啓承萬古春

*Học hải hạo vô biên, tiền hiền đề tạo thiên thu nghiệp;
Văn chương cao hữu đạo, hậu tú khởi thừa vạn cổ xuân.*
Biển học rộng không bờ, kẻ hiền trước dựng ngàn năm nghiệp;
Văn chương cao có đạo, người giỏi sau nối vạn đời xuân.

先天引出後天難明至德
無極演成太極通達生靈
*Tiên thiên dẫn xuất hậu thiên nan minh chí đức;
Vô cực diễn thành thái cực thông đạt sinh linh.*

Tiên thiên dẫn tới hậu thiên, đức cùng khó tỏ;
Vô cực biến thành thái cực, quần sinh truyền thông.

青山有約常圍護
玄鶴無心任去來

*Thanh sơn hữu ước thường vi hộ;
Huyền hạc vô tâm nhiệm khứ lai.
Non xanh có hẹn thường vây bọc;
Hạc huyền vô ý vẫn đi về.*

勝地喜頻臨野鶴仙猿應識我
良時莫錯過清風明月正宜人

*Thắng địa hỷ tần lâm, dã hạc tiên viên ứng thức ngã;
Lương thời mạc thác quá, thanh phong minh nguyệt chính nghi nhân.
Đất đẹp nằng đến thăm, hạc nội, vượn tiên hẳn biết tớ;
Giờ lành đừng bỏ quá, gió thanh, trăng sáng vốn ưa người.*

寬著肚及須忍辱
放開眉眼且從容

*Khoan trước đồ bì tu nhẫn nhục;
Phóng khai mi nhãn thả thông dong.
Bụng có đầy hơi nên nhẫn nhục;
Mắt nên to mở, hãy ung dung.*

人間萬惡滿臉笑
天下慢愁一袋裝

*Nhân gian vạn ác mãn kiềm tiếu;
Thiên hạ ưu sầu nhất đại trang.
Vạn ác nhân gian cười tùm tùm;
Buồn lo thiên hạ một túi chung.*

晴山入座來清氣
夕照浮空耀彩霞

*Tinh sơn nhập tọa lai thanh khí;
Tịch chiếu phù không diệu thái hà.
Hừng non nhập tọa với thanh khí;
Bừng chiếu không gian rạng vẻ chiều.*

佳節正中秋酌酒吟詩取不盡山間明月
高明將滿坐懷瑜握瑾最難得席上奇珍

*Giai tiết chính trung thu, chúc tửu ngâm thi, thủ bất tận sơn gian
minh nguyệt*

*Cao minh tương mãn toạ, hoài du ác cảnh, tối nan đắc tịch
thượng kỳ trân.*

Giai tiết đúng trung thu, rượu rót, thơ ngâm, chẳng thu hết non cao
trăng sáng;

Cao minh ngồi đủ mặt, ngọc cầm, báu nắm, khó lấy sao tiệc đủ
kỳ trân.

秋報務存誠酌水獻花承設敢當賽寶會

夜游休秉燭吟風弄月往來恍在廣寒宮

*Thu báo vụ tồn thành, chúc thuỷ hiến hoa, thừa thiết cảm đương
trại bảo hội;*

*Dạ du hưu bình chúc, ngâ phong lộng nguyệt, vãng lai hoảng tại
Quảng Hàn cung*

Thu báo đã xong mùa, rót rượu, hiến hoa nhân dịp đứng ra
làm lễ hội;

Chơi đêm đừng thấp đuốc, đùa trăng, giỡn gió qua lại xem như
chốn Quảng Hàn

到處是春光鑿井耕田黎庶皆霑新雨露

登堂無俗氣吟詩酌酒閑情猶憶舊煙波

*Đáo xứ thị xuân quang, tạc tỉnh canh điền, lệ thứ giai triêm tân vũ lộ;
Đăng đường vô tục khí, ngâm thi chúc tửu, nhàn tình do ức cựu yên ba.*

Ánh xuân chiếu khắp nơi, đào giếng, cày đồng, dân chúng
thấm nhuần mưa móc mới;

Khí tục chẳng vào nhà, ngâm thơ, rót rượu ngồi nhàn
nhớ lại khói sóng xưa.

欣逢素月流清露

愁見秋陽映夕嵐

Hân phùng tố nguyệt lưu thanh lộ;

Sầu kiến thu dương ánh tịch lam.

Mừng trông trăng sáng, sương buông đọng;

Buồn thấy chiều thu, khói toả lan.

聞弦歌之聲近者悅遠者來勞而無怨

見羽毛之美視思明聽思聰樂以忘憂

Văn huyền ca chi thanh, cận giả duyệt, viễn giả lai, lao nhĩ vô oán;
Kiến vũ mao chi mỹ, thị tứ minh, thính tứ thông, lạc dĩ vong ưu.
Nghe tiếng huyền ca, kẻ gần ưa, người xa tới, mệt mà không oán;
Thấy màu lông đẹp, mắt xem tinh, tai nghe thính, mừng đến quên lo.

暮鼓寂時林愈靜
晨鐘響處山更幽

Mộ cổ tịch thời, lâm dã tĩnh;
Thần chung hưởng xứ, sơn cánh u.
Trống chiều lúc lặng, rừng thêm tĩnh;
Chuông sáng âm vang, núi cũng u.

青嶂有情留客住
白雲無事伴僧閑

Thanh chương hữu tình lưu khách trú;
Bạch vân vô sự bạn tăng nhàn.
Ngọn núi có tình lưu khách trọ;
Ngàn mây rồi việc bạn sư chơi.

水秀山青到此白雲能醉客
鳥啼花放須知綠竹亦參禪

Thủy tú sơn thanh, đáo thử bạch vân năng túy khách;
Điểu đề hoa phóng, tu tri lục trúc diệc tham thiền.
Nước biếc non xanh, đây nơi mây trắng say lòng khách;
Chim kêu hoa nở, chốn này trúc biếc cũng tham thiền.

夜靜鐘聲徹
樓高月影圓

Đạ tĩnh chung thanh triệt;
Lâu cao nguyệt ảnh viên.
Đêm tĩnh tiếng chuông càng rõ;
Lâu cao bóng nguyệt thêm tròn.

雲移山欲動
水漾石疑浮

Vân di sơn dục động;
Thủy dạng thạch nghi phú.
Mây trôi, núi như động;
Nước dợn, đá dập dờn.

滄海靜時無俗氣
白雲深處有神仙

*Thương hải tĩnh thời vô tục khí;
Bạch vân thâm xứ hữu thần tiên.
Lúc tĩnh biển xanh không khí tục;
Vùng sâu mây trắng có thần tiên.*

天空雲影濕
水碧石痕清

*Thiên không vân ảnh ướt;
Thủy bích thạch ngân thanh.
Trời xanh bóng mây ẩm;
Nước biếc gấn đá trong.*

天光雲影超碧落
月朗風清脫俗塵

*Thiên quang vân ảnh siêu bích lạc;
Nguyệt lãng phong thanh thoát tục trần.
Trời quang mây biếc trời từng đám;
Gió mát trăng thanh sạch bụi trần.*

世務繁多得閑時是領之清風明月
人生如夢到醒後須聽此暮鼓晨鐘

*Thế vụ phiền đa, đắc nhàn thời thị lãnh chi thanh phong minh nguyệt;
Nhân sinh như mộng, đáo tỉnh hậu tu thính thử mộ cổ thần chung.
Cõi thế lắm phiền hà, hãy lãnh đủ gió mát, trăng thanh khi được rảnh;
Đời người là mộng ảo, nên lắng nghe chuông sớm, trống chiều lúc tỉnh ra.*

峰影遙看雲蓋結
松聲靜聽海潮生

*Phong ảnh dao khan vân cái kết;
Tùng thanh tĩnh thính hải triều sinh.
Bóng núi xa nhìn mây phủ kín;
Thông reo vắng tiếng nước triều dâng.*

雨散雲收到此一時忘卻
山青水綠還他實相儼然

*Vũ tán vân thu đáo thử nhất thời vong khước;
Sơn thanh thủy lục, hoàn tha thực tướng nghiêm nhiên.*

Mưa tạnh mây tan, đến nơi ấy liền quên trở gót;
Non xanh nước biếc, trở lại đây dáng vẻ thực trang nghiêm.

宛然霸上風情柳眼青青常送客
疑是武陵仙境桃花片片欲迎人
*Uyển nhiên bá thượng phong tình, liễu nhãn thanh thanh
thường tống khách;*

Nghi thị vũ lăng tiên cảnh đào hoa phiến phiến dục nghinh dân.
Chẳng thua Bá Thượng phong tình, mắt liễu xanh xanh
thường tiễn khách;

Những ngở Vũ Lăng tiên cảnh, hoa đào đoá đoá tiếp nghênh người.

畫棟倚雲端時有清風時有月
長橋收野趣半看流水半看山
*Họa đống ỷ vân đoan, thời hữu thanh phong, thời hữu nguyệt;
Trường kiều thu dã thú, bán khan lưu thủy, bán khan sơn.*
Cột vẽ tựa trời mây, lúc có trăng trong, lúc gió mát;
Cây cầu đón cảnh thú, nửa nhìn nước chảy, nửa nhìn non.

遠水平沙有客泛舟桃葉渡
斜風細雨何人攜榼杏花村
*Viễn thủy bình sa, hữu khách phiếm chu đào diệp độ;
Tà phong tế vũ, hà nhân huề khải hạnh hoa thôn.*
Nước xa nổi bãi cát, khách ai đây qua đò Đào Diệp;
Trời chiều cơn mưa nhỏ, người nào đây xách rượu Hạnh Hoa.

明月三更映綠水
朝陽一色染紅雲
*Minh nguyệt tam canh ánh lục thủy;
Triều dương nhất sắc nhiễm hồng vân.*
Trăng sáng canh ba ngời nước biếc;
Trời chiều một sắc nhuộm mây hồng.

心如竹全空是非何處著足
意與山俱靖憂喜無從上眉
*Tâm như trúc toàn không, thị phi hà xứ trước túc;
Ý dữ sơn câu tĩnh, ưu hỉ vô tòng thượng mi.*
Lòng như trúc rỗng không, phải trái chỗ đâu mà bám;
Ý với núi đều tĩnh, buồn vui không động trên mi.

雲過樹頭拖綠去

客從山外踏青來

Vân quá thụ đầu đà lục khứ;

Khách tòng sơn ngoại đạp thanh lai.

Mây quá ngọn cây lôi biếc chạy;

Khách từ ngoài núi dẫn xanh về.

山色石色草色相點乎春色

風聲樹聲水聲更妙于歌聲

Sơn sắc, thạch sắc, thảo sắc tương điểm hồ xuân sắc;

Phong thanh, thụ thanh, thủy thanh, cánh diệu vu ca thanh.

Sắc núi, sắc đá, sắc cỏ cùng điểm tô xuân sắc;

Tiếng gió, tiếng cây, tiếng nước nghe hay hơn tiếng ca.

綠野人來談稼穡

青雲客至論琴書

Lục dã nhân lai đàm giá sắc;

Thanh vân khách chí luận cầm thi.

Người nhà quê ra, chuyện cày cấy;

Khách thanh nhả đến, bàn nhạc thơ.

害人命謀人財奸盜邪淫任你燒香也無益
孝于親忠于國廉明清正見神不拜有何方

*Hại nhân mạng, mưu nhân tài, gian đạo tà dâm nhiễm
nhĩ thiêu hương dã vô ích;*

*Hiếu vu thân, trung vu quốc, liêm minh thanh chính kiến
thần bất bái hữu hà phương*

Hại mạng người, chiếm của người, trộm cướp tà dâm;
dù có thắp hương cũng vô ích

Hiếu với thân, trung với nước, liêm minh ngay thẳng,
thấy thần không vái cũng không sao.

花鳥多情有高人自然不俗

林泉可愛雖片石亦是爭奇

Hoa điểu đa tình, hữu cao nhân tự nhiên bất tục;

Lâm tuyền khả ái, tuy phiến thạch diệc thị tranh kỳ.

Hoa, chim thú đa tình, có cao nhân tự nhiên không tục;

Rừng, suối khe hấp dẫn, dầu phiến đá đáng xem là kỳ.

歌管樓台聲細細
閑雲潭影日悠悠

*Ca quản lầu đài thanh tế tế;
Nhân vân đàm ảnh nhật du du.
Tiếng ca hát lầu đài non nỉ;
Bóng mây trời đàm nước xa xôi.*

門前兩個知心一個清風一個月
戶外十分美是五分春色五分山

*Môn tiền lưỡng cá tri tâm, nhất cá thanh phong, nhất cá nguyệt;
Hộ ngoại thập phần mỹ cảnh, ngũ phần xuân sắc, ngũ phần sơn.
Hai kẻ biết lòng ngoài cửa, một là gió mát, một trăng thanh;
Mười phần cảnh đẹp trước nhà, năm phần xuân sắc, năm phần núi,*

心靜坐禪林忘利忘名忘歲月
身閑游象外愛山愛水愛雲煙

*Tâm tĩnh tọa thiền lâm, vong lợi, vong danh, vong tuế nguyệt;
Thân nhàn du tượng ngoại, ái thủy, ái vân yên.
Lòng tĩnh chốn rừng thiền, quên lợi, quên danh, quên năm tháng;
Thân nhàn nơi ngoài cõi, mến non, mến nước mến khói mây.*

三頃寒潭七尺水
一彎新月滿樓風

*Tam khoảnh hàn đàm, thất xích thủy;
Nhất loan tân nguyệt, mãn lầu phong.
Ba khoảnh đầm sâu, nước bảy thước;
Một vùng trăng mới, gió đầy lầu.*

到此地將書畫琴棋俱演出來趣甚趣甚
登斯樓把酒色財氣都忘卻了仙乎仙乎

*Đáo thủ địa, tương thư hoạ cầm kỳ câu diễn xuất lai thú thậm! thú thậm!
Đăng tư lâu, bả tửu sắc tài khí đô vong khước liễu, tiên hô! tiên hô!
Đến chốn ấy, bày ra đủ cầm kỳ thi hoạ, khoái thật, khoái thật;
Lên lầu này, quên hết cả tửu sắc khí tài, tiên chẳng, tiên chẳng.*

巍峨振起文明筆
安國堅培翰墨風

*Nguy nga chấn khởi văn minh bút;
An quốc kiên bồi hàn mặc phong.*

Bút văn minh chấn hưng lộng lẫy;
Gió mực nghiên bồi đắp nước nhà.

書有未觀皆可讀
事經已過不須提

Thư hữu vị quan giai khả độc;

Sự kinh dĩ quá bất tu đề.

Sách chưa nhìn qua đều đọc được;

Việc đã trải rồi nhắc ích gì.

欲解昔賢何所樂

但觀今我此時心

Dục giải tích hiền hà sở lạc;

Đãn quan kim ngã thử thời tâm.

Muốn biết người xưa vui chi vậy;

Hãy ngắm mình nay bụng muốn gì.

遨遊碧海笛三弄

瀟灑人問酒一壺

Ngao du bích hải địch tam lộng;

Tiêu sái nhân gian tửu nhất hồ.

Ngao du biển biếc ba bài sáo;

Phiêu bạt trần gian rượu một bầu.

愛客襟懷春滿座

照人肝膽月盈庭

Ái khách khâm hoài xuân mãn toạ;

Chiếu nhân can đảm nguyệt doanh đình.

Mến khách thật lòng xuân khắp mặt;

Soi người can đảm nguyệt đầy sân.

衢越國當宋開寶

華閭都是漢長安

Cồ Việt quốc đương Tống Khai Bảo;

Hoa Lư đô thị Hán Trường An.

Nước Cồ Việt ngang Tống Khai Bảo;

Đô Hoa Lư là Hán Tràng An.

我南帝統第一紀

長安廟貌萬年秋

Ngã Nam đế thống đệ nhất kỷ;
Trường An miếu mao vạn niên thu.
Đế thống trời nam kỷ thứ nhất;
Miếu mao Trảng An nước Vạn Xuân.

神武貼四鄰 盛宋強占此日
精靈存千古 龍江馬躅之間
*Thần vũ thiếp tứ lân, thịnh Tống cường Chiêm thử nhật;
Tinh linh tồn thiên cổ, long giang, mã trưc chi gian.*
Thần vũ toả bốn phương, mạnh Tống cường Chiêm ngày đó;
Tinh linh còn muôn thuở, sông rồng, dấu ngựa chốn đây.

瑞雲甘雨天 麻仰
鑿井耕田帝力之
*Thụy vân cam vũ thiên hựu ngưỡng;
Tạc tỉnh canh điền đế lực chi.*
Mây lành, mưa ngọt trời giáng xuống;
Giếng đào, ruộng cấy để giúp cho.

世宗始造茅茨館
福泰重開瓦石軒
*Thế Tông thủy tạo mao từ quán;
Phúc Thái trùng khai ngoã thạch hiên.*
Quán tranh tre Thế Tôn dựng trước,
Hiên gạch đá Phúc Thái mở sau.
(Tiên hương, Phủ Giấy)

仙佛聖神雲洞清高六祇地
亭台樓閣隊花香馥一菩天
*Tiên Phật thánh thần vân động thanh cao lục kỳ địa;
Đình đài lâu các Đội hoa hương phúc nhất bồ thiên.*
Tiên Phật thánh thần vạn động thanh cao sáu thần đất;
Đình đài lâu các Đội hoa thơm ngát một bầu trời.
(Văn cát, Phủ Giấy)

天本地靈留聖跡
月榆始活做仙源
*Thiên bản địa linh lưu thánh tích;
Nguyệt du thủy hoạt tổ tiên nguyên.*

Thiên bản, đất thiêng lưu dấu thánh;
Nguyệt du, nước chảy tạo nguồn tiên.

生化風姿山若畫
好生心事石猶銘

*Sinh hóa phong tư sơn nhưc họa;
Hiếu sinh tâm sự thạch do minh.
Phong tư lắm vẻ, non như họa;
Tâm sự yêu đời, đá vẫn ghi.*

不死精靈山河並壽
如生氣魄天地長存

*Bất tử tinh linh sơn hà tịnh thọ;
Như sinh khí phách thiên địa trường tồn.
Thọ với núi sông anh linh bất tử;
Dài cùng trời đất khí phách vẫn còn.*

妙法輝彰彰北郡
雲帆普濟濟南方

*Diệu pháp huy chương, chương bắc quận;
Vân phàm phổ tế, tế nam phương.
Phép diệu sáng ngời, ngời quận bắc;
Buồm mây tế độ, độ phương nam.*

慈愛一心人孺慕
孝貞千古女英風

*Từ ái nhất tâm nhân nhũ mộ;
Hiếu trinh thiên cổ nữ anh phong.
Một lòng từ ái, người hâm mộ;
Ngàn thuở hiếu trinh, gái anh phong.*

仙跡何年香本室
文章萬代嫵留根

*Tiên tích hà niên hương bản thất;
Văn chương vạn đại vũ lưu căn.
Dấu tiên năm nào hương phảng phất;
Văn chương muôn thuở đẹp còn vương.*

(Đền Khải thánh, Phủ Giầy)

故宅相傳三啓聖
慈恩遍及萬生靈

Cố trạch tương truyền tam khải thánh;

Từ ân biến cập vạn sinh linh.

Nhà cũ tương truyền ba vị thánh;

Ơn từ phổ cập vạn dân lành.

皇黎國派本本源明德其來遠矣
雲葛鄉民孫孫子子繼世勿替民之

Hoàng Lê quốc phái, bản bản nguyên nguyên minh đức kỳ lai viễn hĩ;

Vân Cát hương dân, tôn tôn tử tử kế thế vật thế dân chi.

Quốc phái Hoàng Lê, gốc gốc nguồn nguồn đức sáng từ xa dẫn đến;

Hương dân Vân Cát, con con cháu cháu nối đời chẳng đổi dân đi.

廟宇巍峨垂萬古
祖宗功德記千秋

Miếu vũ nguy nga thuỳ vạn cổ;

Tổ tông công đức ký thiên thu.

Miếu vũ nguy nga còn vạn thuở;

Tổ tông công đức nhớ ngàn thu.

藏山寶匣神仙傳
壘石新祠父母邦

Tàng sơn bảo hạp thần tiên truyền;

Luỹ thạch tân từ phụ mẫu bang.

Núi lưu tráp quý truyền tiên thánh;

Đá xếp đền xưa đất mẫu xưa.

地脈鍾英傳異跡
天然佳境有奇觀

Địa mạch chung anh truyền dị tích;

Thiên nhiên giai cảnh hữu kỳ quan.

Mạch đất linh thiêng truyền dấu lạ;

Thiên nhiên cảnh đẹp có kỳ quan.

魚索雀屏氣鍾風水
金枝玉葉系出神明

Ngư án tước bình khí chung phong thủy;

Kim chi ngọc diệp hệ xuất thần minh.

Án cá, sẻ bình, khí sinh phong thủy;
Cành vàng, lá ngọc, thường hiện thần minh.

陳舍范家天啓聖
雲鄉黎氏地生神

*Trần xá Phạm gia Thiên Khải thánh;
Vân hương Lê thị địa sinh thần.*
Nhà Trần, Phạm tộc, trời khai thánh;
Làng Vân, Lê tộc, đất sinh thần.
(Động Thủy Tiên)

雲雨是洪恩南國生靈皆潤澤
江山鍾秀氣仙鄉景色默清高
*Vân vũ thị hồng ân, Nam quốc sinh linh giai nhuận trạch;
Giang sơn chung tú khí, tiên hương cảnh sắc mặc thanh cao.*
Mưa móc ơn to, nước Việt nhân dân nhờ ân trạch;
Núi sông chung đức, tiên hương cảnh sắc đượm thanh cao.

願者真誠王官多降福
求之必應神德最威靈
*Nguyện giả chân thành, vương quan đa giáng phúc;
Cầu chi tất ứng, thần đức tối uy linh.*
Người nguyện chân thành, vương quan nhiều phúc giáng;
Kẻ cầu ắt ứng, thần đức rất uy linh.
(Quan điện)

逆水來朝萬世人民歸拜望
岐山鍾秀千秋祠宇播英靈
*Nghịch thủy lai triều, vạn thế nhân dân quy bái vọng;
Kỳ sơn chung tú, thiên thu từ vũ bá anh linh.*
Nghịch Thủy đến châu, dân chúng muôn đời về bái vọng;
Kỳ Sơn chung đức, đình miếu ngàn thu rạng vẻ linh.

興王偉略留千古
濟世封功記萬春
*Hưng vương vĩ lược lưu thiên cổ;
Tế thế phong công ký Vạn Xuân.*
Hưng vương, mưu lược lưu thiên cổ;
Cứu thế, công lao chép Vạn xuân.
(Điện Lý Nam Đế)

國號萬春跡在龍編名在史
志安天下生爲南帝死爲神

Quốc hiệu Vạn Xuân, tích tại Long Biên danh tại sử;

Chí an thiên hạ, sinh vì Nam đế tử vì thần.

Quốc hiệu Vạn Xuân, dấu ở Long Biên, tên ở sử;

Chí an thiên hạ, sống làm Nam đế, thác làm thần.

勝跡肇仙鄉而聖而神而佛
聖靈光越殿惟慈惟孝惟貞

Thắng tích triệu Tiên Hương, nhi thánh, nhi thần, nhi Phật;

Thánh linh quang Việt điện, duy từ, duy hiếu, duy trinh.

Thắng cảnh dựng Tiên hương, là thánh, là thần, là phật;

Anh linh ngôi Việt điện, đủ từ, đủ hiếu, đủ trinh.

(Chùa Tiên Linh)

前後交環山水抱
高低相影塔伽開

Tiền hậu giao hoàn sơn thủy bao;

Cao đê tương ảnh, tháp già khai.

Sau, trước quanh co, non nước bọc;

Tháp, cao cùng sánh, tháp chùa xây.

(Chùa Phi Lai)

江蟠老將論兵地
雲擁先皇桌錫山

Giang bàn lão tướng luận binh địa;

Vân ủng tiên hoàng trác tích sơn.

Sông lượn, tướng già bàn binh địa;

Mây che, vua trước dựng Tích sơn.

(Núi Phổ Lai)

蓋世英雄今古少
在人功德地天長

Cái thế anh hùng kim cổ thiếu;

Tại nhân công đức địa thiên trường.

Anh hùng cái thế xưa nay hiếm,

Công đức nhân gian trời đất dài.

(Trịnh Minh Vương tặng Phạm Đình Trọng)

羈旅重綱常故國桑滄餘一髮
熙朝降節義新祠燈火炤孤舟

*Kỳ lữ trọng cương thường, cố quốc tang thương dư nhất phát;
Hi triều giáng tiết nghĩa, tân từ dăng hoả chiếu cô chu.
Tha hương trọng cương thường, nước cũ bể dâu còn sót mảnh;
Triều đình cho tiết nghĩa, đền nay hương lửa dọi thuyền cô.
(Đền Trưởng Phái Hâu)*

科宦相傳雄嶺億年存正脈
宛源有敘古江一派沐餘波

*Khoa hoạn tương truyền, Hùng lĩnh ức niên tồn chính mạch;
Uyên nguyên hữu tự, cổ giang nhất mạch mộc dư ba.
Khoa hoạn vẫn truyền, Hùng lĩnh muôn năm còn mạch chính;
Cội nguồn tự có, sông xưa một mạch gợn sóng thừa.*

當日叩舷甘入宋
何人奪槩取擒胡

*Đương nhật khấu huyền cam nhập Tống;
Hà nhân đoạt sóc thủ cầm Hồ.
Gõ mạn thuyền ngày ấy cam nhập Tống;
Cướp giáo giặc ai đây quyết bắt Hồ.*

賊壘未平柑欲碎
功尊不朽鼎猶沉

*Tặc lũy vị bình, cam dục toái;
Công tôn bất hủ, đỉnh do trầm.
Lũy giặc chưa san, cam muốn nát;
Công lao bất hủ, đỉnh còn chìm.*

百部笙歌調大樂
千官劍佩擁祥光

*Bách bộ sinh ca điều đại nhạc;
Thiên quan kiếm bội ủng tường quang.
Trăm bộ đàn ca hoà nhạc lớn;
Ngàn quan đeo kiếm hộ mây lành.*

南岳香鍾名世出
東阿運際治朝興

*Nam nhạc hương chung danh thế xuất;
Đông A vận tế trị triều hưng.*

Nam nhạc tự hương, danh thế hiện;
Nhà Trần vận đến thịnh triều lên.

昭陵松柏今何處
蜀國山河自故宮

*Chiêu lăng tùng bách kim hà xứ;
Thục quốc sơn hà tự cố cung.
Tùng bách Chiêu lăng đâu chốn cũ;
Nước Thục non sông vẫn cung xưa.*

風會正初開何庸龜爪難精王跡至今存信史
山河更幾度剩有螺城玉井地靈終古表崇祠

*Phong hội chính sơ khai, hà dung quy trảo, kê tinh, vương tích chí
kìmin tồn tín sử;
Sơn hà canh kỷ độ, thặng hữu Loa thành ngọc tỉnh, địa linh chung
cổ biểu sùng từ.*

Vận hội chính mới lên, cần chi đến vuốt rùa, tinh gà, dấu vua
nay còn ghi tín sử;

Non sông đổi mấy lần, cày vẫn có Loa thành, giếng ngọc, đất thiêng
xưa đã hoá đền đài.

千載上是耶非誰能辨之龜爪弩機傳外史
五倫中父與夫果孰親也蚌胎井水獨深情

*Thiên tải thượng, thị da phi, thủy năng biện chi, quy trảo nỏ cơ
truyền ngoại sử;*

Ngũ luân trung, phụ dã phu, quả thực thân dã, bạng thai, tỉnh thủy
độc thâm tình.

Trước ngàn năm, phải trái mấy người phân nỏ máy, vuốt rùa,
câu chuyện kể;

Trong ngũ luân, chồng cha ai kẻ thân, ngọc trai, giếng nước
mối tình sâu.

(My Châu)

疊嶺一峰高不記何年飛鐵馬
崇祠千古壯相傳此地解戎衣

*Điệp lĩnh nhất phong cao, bất ký hà niên phi thiết mã;
Sùng từ thiên cổ tráng, tương truyền thủ địa giải nhung y.*

Núi dãy một tầng cao, chẳng nhớ năm nào phi ngựa sắt;
Đền thiêng muôn thuở vững, chuyện rằng đất ấy cởi bào nhung.

(Đồng Thiên Vương)

溫恭朝夕傳家寶
享祀春秋繼世傳

*Ôn cung triều tịch truyền gia bảo;
Hưởng tự xuân thu kế thế truyền.*
Của báu truyền gia, ôn cung hôm sớm;
Nối đời gìn giữ, thờ cúng xuân thu.

昔樹前池留世業
先疇舊德襲遺芳

*Tích thụ tiền trì, lưu thế nghiệp;
Tiên trù cựu đức tập di hương.*
Ao trước cây xưa truyền sự nghiệp;
Đức cũ tiên trù, để hương thơm.

七斬疏成心自赤
萬言書在汗猶青

*Thất trảm sở thành tâm tự xích;
Vạn ngôn thư tại hãn do thanh.*
Sở thất trảm lòng thành vẫn đỏ;
Sách vạn ngôn trang sử còn xanh.
(Chu Văn An, Lê Cảnh Tuân)

日散寒霜眾鳥喜風歡逆浪
銀光水底群魚戲月弄隨波

*Nhật tán hàn sương, chúng điểu hỉ phong hoan nghịch lãng;
Ngân quang thủy đế, quần ngư hí nguyệt lộng tùy ba.*
Sớm tan sương lạnh, bầy chim giỡn gió ngược chiều sóng;
Sáng ngời đáy nước, đàn cá đùa trăng quẩy theo làn.
(Hồ Tây)

湖中間日月
城下小乾坤

*Hồ trung nhàn nhật nguyệt;
Thành hạ tiểu càn khôn.*
Trong hồ nhàn nhật nguyệt;
Dưới thành nhỏ càn khôn.

辛苦文章遺鐵硯
錫磨家世紹清箱

Tân khó văn chương di thiết nghiên;
Tích ma gia thế, thiệu thanh sương.
Cay đắng văn chương, nghiên sắt dễ;
Dùi mài gia thế, tráp trơn còn.

庭對爭魁士農工商陳四策
義方表講父子兄弟自一家

Đình đối tranh khôi, sĩ nông công thương trần tứ sách;
Nghĩa phương biểu giảng, phụ tử huynh đệ tự nhất gia.
Đình đối tranh đầu, sỹ nông công thương bày bốn sách;
Nghĩa phương giảng giải, cha con anh em cùng một nhà.

仙苑一枝花雨露栽培非裸爾
天池萬里路鯤鵬變化豈仍然

Tiên uyển nhất chi hoa, vũ lộ tài bồi phi lộ nhĩ;
Thiên trì vạn lý lộ, côn bằng biến hoá khởi nhưn nhiên.
Vườn tiên một cành hoa, mưa móc thấm nhuần đâu có hại;
Ao trời muôn dặm trước, côn bằng biến hoá há như xưa.

江左風流十載辭林知子白
龍門清價一番宦步起吾青

Giang tả phong lưu, thập tải từ lâm tri tử bạch;
Long môn thanh giá, nhất phiên hoạn bộ khởi ngô thanh.
Giang tả phong lưu, mười năm rừng từ biết anh bạch;
Long môn thanh giá, một phen hoạn lộ rõ mình thanh.

青山不語花含笑
流水無聲鳥作歌

Thanh sơn bất ngữ, hoa hàm tiếu;
Lưu thủy vô thanh, điểu tác ca.
Non xanh chẳng nói, hoa cười mỉm;
Nước chảy không lời, chim hát ca.

麟趾昔偷評相府
鳳毛今果見王廷

Lân chỉ tích thâu bình tướng phủ;
Phượng mao kim quả kiến vương đình.
Dấu lân xưa trộm bàn phủ tướng;
Lông phượng nay quả thấy sân vua.

文慶筆陣三庭對
才子高標翰墨場

*Văn ngao bút trận tam đình đối;
Tài tử cao tiêu hàn mặc trường.
Văn đua, bút trận, ba đình đối;
Tài tử, cao nêu, bút mực trường.*

小隱於林大隱市
上醫於國次醫人

*Tiểu ẩn ư lâm, đại ẩn thị;
Thượng y ư quốc, thứ y nhân.
Ẩn, nhỏ ở rừng, lớn ở chợ;
Y, trên cứu nước, dưới cứu người.*

鴉海素稱醫國手
鳶山初試壽人丹

*Nha hải tố xưng y quốc thủ;
Diên sơn sơ thử thọ nhân đan.
Biển Quạ đáng khen thầy cứu nước;
Núi Diều vừa thử thuốc thọ người.*

一德傳家思衍慶
千金卜宅爲來鄰

*Nhất đức truyền gia tư diễn khánh;
Thiên kim bốc trạch vị lai lân.
Một đức truyền gia, mong phúc ăm;
Ngàn vàng bói ở, chọn nhà bên.*

擇居仁里和爲貴
善與人同德有鄰

*Trạch cư nhân lý, hoà vi quý;
Thiện dữ nhân đồng, đức hữu lân.
Chọn đến làng nhân, hoà vốn quý;
Khéo cùng người ở, đức kẻ bên.*

梅放南枝和妙劑
菊栽翠嶺達新春

*Mai phóng nam chi hoà diệu tễ;
Cúc tài thủy lĩnh đạt tân xuân.*

Mai nở cành nam làm thuốc tốt;
Cúc trồng núi biếc lấm hương thơm.

黃門桃李多珍味
吾縣文章別有才

*Hoàng môn đào lý đa trân vị;
Ngô huyện văn chương biệt hữu tài.
Đào mạn Hoàng môn nhiều vị quý;
Văn chương Ngô huyện lấm tài năng.*

雨露新香濃杏園
參苓妙手振鳶城

*Vũ lộ tân hương nồng hạnh phố;
Sâm linh diệu thủ chấn diên thành.
Mưa móc hương xuân nồng vườn hạnh;
Sâm linh tay giỏi nổi thành diêu.*

江山到處風雲護
香橘逢春雨露調

*Giang sơn đáo xứ phong vân hộ;
Hương quất phùng xuân vũ lộ điều.
Núi sông đến đó gió mây bọc;
Hương quất vào xuân mưa móc đều.*

橘井舊傳仙子藥
桃門新試相公籠

*Quất tỉnh cựu truyền tiên tử dược;
Đào môn tân thí tướng công lung.
Giếng quất cũ truyền thuốc tiên tử;
Cửa đào mới thử phép tướng công.*

陽春臨到嵬山地
雨露多濃翠菊香

*Dương xuân lâm đáo ngòi sơn địa;
Vũ lộ đa nồng thủy cúc hương.
Dương xuân đã đến núi cao ngất;
Mưa móc thêm nồng cúc nức hương.*

琉璃光射珠潭月
般若香浮玉井蓮

*Lưu ly quang sạ châu đàm nguyệt;
Bát nhã hương phù ngọc tỉnh liên.
Trăng đầm châu-lưu ly toả sáng;
Sen giếng ngọc bát nhã đưa hương.*

安得瑤臺遍天下
不令地獄在人間
*An đắc dao đài biến thiên hạ;
Bất linh địa ngục tại nhân gian.
Mong có non tiên khắp thiên hạ;
Để không địa ngục dưới trần gian.*

月湧池光臨杖履
風篩竹影上欄杆
*Nguyệt dưng trì quang lân trượng lý;
Phong sư trúc ảnh thượng lan can.
Trăng tuôn sáng đất, rõ gậy dép;
Gió sàng ảnh trúc, vượt lan can.*

不爲相且爲醫遠志雅懷秋嶺菊
能有緣還有遇當龜初茂故園松
*Bất vi tướng thả vi y, viễn chí nhã hoài thu lĩnh cúc;
Năng hữu duyên hoàn hữu ngộ, đương quy sơ mậu cổ viên tùng.
Chẳng làm tướng làm thầy lang, viễn chí nhớ hoài đỉnh thu cúc;
Nếu có duyên ắt có gặp, đương quy mới tốt chốn vườn tùng.*

梓里雲連松色茂
楓庭雨潤菊香飄
*Tử lý vân liên tùng sắc mậu;
Phong đình vũ nhuận cúc hương phiêu.
Mây trùm dặm tử, thông tươi sắc;
Nước ướt đình phong, cúc toả hương.*

傳世詩書家澤遠
榮身葩袞國恩長
*Truyền thế thi thư gia trạch viễn;
Vinh thân ba cổn quốc ân trường.
Đời nối thi thư, nhà ấm mãi;
Thân vinh mũ áo, nước ơn dài.*

桂海波平餘劍氣
槐庭雨露帶沈香

Quế hải ba bình dư kiếm khí;

Hoè đình vũ lộ đới trầm hương.

Bể quế sóng yên, thừa kiếm khí;

Sân hoè mưa gọi thoảng trầm hương.

昔人所難有爲之前有爲之後
君子之道所述乎子所述乎臣

Tích nhân sở nan, hữu vi chi tiền, hữu vi chi hậu;

Quân tử chi đạo, sơ thuật hồ tử, sơ thuật hồ thần.

Chỗ khó người xưa, có làm lúc trước, có làm lúc sau;

Theo đạo quân tử, để dạy cho con, để dạy cho tôi.

義教芳傳燕嶺桂

恩綸喜動狄門桃

Nghĩa giáo phương truyền Yên lĩnh quế;

Ân luân hỉ động dịch môn đào.

Dạy nghĩa truyền thơm quế Yên Lĩnh;

Tơ ân lay động đào Dịch Môn.

露湛槐庭蘭桂馥

風高松徑葛蘿榮

Lộ trạm hòe đình lan quế phúc;

Phong cao tùng kính cát la vinh.

Sương xuống sân hoè thơm lan quế;

Gió nâng tùng dây tốt sắn bìm.

門槐愁戀春風日

堂檜數榮湛露天

Môn hoè sầu luyến xuân phong nhật;

Đường côi phu vinh trạm lộ thiên.

Nhà thông tươi tốt, sương trời lạnh;

Cửa hoè vương vấn, gió ngày xuân.

進士祖黃甲孫科目相傳家四世

渭川前安堵後文章自立國三元

Tiến sĩ tổ, Hoàng giáp tôn, khoa mục tương truyền gia tứ thế;

Vị Xuyên tiền, Yên Đỗ hậu, văn chương tự lập quốc tam nguyên.

Ông Tiến sỹ, cháu Hoàng giáp, khoa bằng truyền gia đã bốn đời;
Trước Vị Xuyên, sau Yên Đổ, văn chương ở nước đủ tam nguyên.

學教初未兼射教
武科今有繼文科

*Học giáo sơ, vị kiêm xạ giáo;
Vũ khoa kim, hữu kế văn khoa.
Mới học chữ, nên chưa học bắn;
Nay khoa võ, sẽ tiếp khoa văn.*

傍東都得旺氣之餘引翼千年成後域
考北史見懸名所自週迴二水裕文瀾

*Bàng Đông đô đắc vượng khí chi dư, dẫn dực thiên niên thành hậu vực;
Khảo Bắc sử kiến huyền danh sở tự, chu hồi nhị thủy dư văn lan.
Gần Đông Đô thừa hưởng vượng khí, ngàn năm dẫn dụ thành đất thuộc;
Xét Bắc sử biết chốn lừng danh, đôi dòng quang quán mở đường văn.*

文之所萃慈廉水
道以爲依富美牆

*Văn chi sở tuy Từ Liêm thủy;
Đạo dĩ vì y Phú Mỹ tường.
Đạo chỗ tựa nương, tường Phú Mỹ;
Văn nơi tựa hội, nước Từ Liêm.*

地鍾英秀來濃傘
科出名魁自李陳

*Địa chung anh tú lai Nùng Tản;
Khoa xuất danh khôi tự Lý Trần.
Đất đúc anh tài, núi Nùng, Tản;
Khoa mở lừng danh, đời Lý, Trần.*

地稱文獻其來遠
天啓一壇又日新

*Địa xưng văn hiến kỳ lai viễn;
Thiên khải nhất đàn hựu nhật tân.
Đất xưng văn hiến, từ xa đến;
Trời mở một đàn, lại mới thêm.*

寵渥九天來彩鳳
靈鍾萬歲獻春秋

Sừng ốc cứu thiên lai thái phượng;
Linh chung vạn tuế hiển xuân thu.
Sừng ai chín trời đưa phượng đẹp;
Chuông thiêng muôn thuở dóng hàng năm.

千秋偉氣難爲象
一帶長江不限天

Thiên thu vĩ khí nan vi tượng;
Nhất đới trường giang bất hạn thiên.
Ngàn thu khí lớn khôn làm vẽ;
Một dải sông dài chẳng ngán trời.
(Sông Bạch Hạc)

英聲肇古傳三帶
封典於今溯永徵

Anh thanh Triệu cổ truyền tam dải;
Phong điển ư kim tổ vĩnh trưng.
Từ xưa danh tiếng truyền ba dải;
Đến nay phong điển vẫn còn hay.

西蜀山河銘偉跡
南天日月著神光

Tây Thục sơn hà minh vĩ tích;
Nam thiên nhật nguyệt trú thần quang.
Núi sông Tây Thục ghi kỳ tích;
Trời trăng Nam Việt rạng thần quang.

德在斯民功在國
笙爲良將死爲神

Đức tại tư dân, công tại quốc;
Sinh vi lương tướng, tử vi thần.
Đức với dân này, công với nước;
Sống làm tướng giỏi, thác làm thần.

在其上在其左右
保我民保我子孫

Tại kỳ thượng, tại kỳ tả hữu;
Bảo ngã dân, bảo ngã tử tôn.
Ngồi trên ấy, ngồi trái phải ấy;
Giúp dân ta, giúp con cháu ta.

聖神母子天竺德
左右瀟瀟地毓英
*Thánh thân mẫu tử thiên sinh đức;
Tả hữu Tiêu, Lư địa dục anh.*
Mẹ con, thần thánh, trời sinh đức;
Trái phải, Tiêu, Lư, đất anh tài.

歷朝封表西關鎮
肇古烹蒿上等祠
*Lịch triều phong biểu Tây quan trấn;
Triệu cổ huân cao thượng đẳng thần.*
Các triều phong tặng Tây quan trấn;
Từ xưa hương khói Thượng đẳng thần.

德其盛乎正直聰明而一
神之著也高厚悠久與參
*Đức kỳ thịnh hồ, chính trực thông minh nhi nhất;
Thần chi trứ dã, cao hậu du cửu dữ tham.*
Đức mới thịnh sao, ngay thẳng thông minh một dạ;
Thần sao tỏ vậy, lâu dài trời đất sánh vai.

雄心激勵冰清裡
英氣峰高山色中
*Hùng tâm khích lệ băng thanh lý;
Anh khí phong cao sơn sắc trung.*
Hùng tâm khích lệ, dạ băng tuyết;
Anh linh vọi vọi, sắc non xanh.

厥聲厥靈山峙川流今昔
以祚以報魚冰豺祭春秋
*Quyết thanh quyết linh, sơn trĩ xuyên lưu kim tích;
Dĩ tộ dĩ báo, Ngư băng sài tế xuân thu.*
Còn tiếng còn thiêng, núi dựng sông trôi nay trước;
Lấy phúc lấy báo, cá băng, sói cúng xuân thu.

此地江山留勝蹟
其林草沐別春風
*Thử địa giang sơn lưu thắng tích;
Kỳ lâm thảo mộc biệt xuân phong.*

Đất ấy núi sông lưu thắng tích;
Vườn này cây cỏ lựa chiều xuân.

草樹一方無潤莫
江山此地有微黎

*Thảo thụ nhất phương vô nhuận Mạc;
Giang sơn thử địa hữu vi Lê.
Cây cỏ một phương không giúp Mạc;
Núi sông đất ấy có hèn Lê.*

義氣擁長江潤莫不污濡水
霸心盟白石微黎上有武城

*Nghĩa khí ủng trường giang, nhuận Mạc bất ô Nhu thủy;
Bá tâm minh bạch thạch, vi Lê thượng hữu Vũ thành.
Nghĩa khí ôm sông dài, nhuận Mạc chẳng dơ Nhu Thủy;
Bá tâm hèn đá trắng, hèn Lê còn có Vũ Thành.*

德與天參正直聰明而一
神維岳降變通廣大無方

*Đức dữ thiên tham, chính trực thông minh nhi nhất;
Thần duy nhạc giáng, biến thông quảng đại vô phương.
Đức sánh với trời, ngay thẳng thông minh chỉ một;
Thần xuống từ núi, thần thông quảng đại không phương.*

靜鎮無疆天柱地維今古
至誠可格澗毛潢水春秋

*Tĩnh trấn vô cương, thiên trụ địa duy kim cổ;
Chí thành khả cách, gián mao hoàng thủy xuân thu.
Tĩnh trấn không cùng, trụ trời, vông đất xưa nay thế;
Chí thành khá đối, lau khe, nước vũng thảng năm còn.*

功於天下太平日
道在兵書未出先

*Công ư thiên hạ thái bình nhật;
Đạo tại binh thư vị xuất tiên.
Có thời bình, công trong thiên hạ;
Không ra trước, đạo ở binh thư.*

兄及弟式相好矣
子若孫弗替引之

*Huynh cấp đệ thức tương hảo hĩ;
Tử nhực tôn phất thế dẫn chi.*

Đạo anh em phải hay cư xử;
Tình cha con không thể đổi thay.

禮 於 營 室 須 先 廟
義 在 傳 家 不 後 親

*Lễ ư doanh thất, tu tiên miếu;
Nghĩa tại truyền gia, bất hậu thân.*
Lễ nơi doanh thất, nên miếu trước;
Nghĩa để truyền gia, chẳng thân sau.

千 流 前 引 源 源 水
一 派 增 培 大 大 基

*Thiên lưu tiền dẫn, nguyên nguyên thủy;
Nhất phái tăng bồi, đại đại cơ.*
Ngàn dòng dẫn trước, nguồn nguồn nước;
Một nhánh bồi thêm, rộng rộng nền.

券 書 流 慶 名 家 及
冰 玉 銘 心 世 間 傳

*Khoán thư lưu khánh danh gia cập;
Băng ngọc minh tâm thế phật truyền.*
Sắc phong còn mãi nhà nổi tiếng;
Băng ngọc lòng ghi, cửa lăm quan.

千 古 詩 書 千 古 券
萬 年 科 榜 萬 年 盟

*Thiên cổ thi thư, thiên cổ khoán;
Vạn niên khoa bảng, vạn niên minh.*
Ngàn thuở thi thư, ngàn thuở hẹn;
Vạn năm khoa bảng, vạn năm thề.

播 獲 千 年 憑 世 澤
箕 裘 奕 葉 引 家 聲

*Bá hộ thiên niên bằng thế trạch;
Cơ cữu dịch diệp dẫn gia thanh.*
Che chở ngàn năm, nhờ phúc ấm;
Thói quen lớn nhỏ, ở con nhà.

木 本 水 源 千 古 蔭
風 蘋 雅 葦 百 年 心

Mộc bản thủy nguyên, thiên cổ ăm;

Phong tần Nhã vĩ, bách niên tâm.

Cây có gốc, nước có nguồn, ngàn thuở;

Rau tần ở Phong lau sậy ở Nhã lòng gửi gắm trăm năm.

肯 構 肯 堂 承 世 德
斯 歌 斯 聚 振 家 聲

Khẳng cấu khẳng đường thừa thế đức;

Tư ca tư tụ chấn gia thanh.

Gây dựng cơ ngơi, nhờ đất tổ;

Sum vầy hát xướng, nổi danh nhà.

地 天 交 適 亨 通 會
雨 露 濡 含 恍 惕 心

Địa thiên giao thích hanh thông hội;

Vũ lộ nhu hàm truật thích tâm.

Đất trời hoà hợp, hanh thông hội;

Mưa móc được nhiều, nơm nớp lo.

百 年 堂 構 存 先 志
奕 世 箕 裘 拓 小 宗

Bách niên đường cấu tồn tiên chí;

Dịch thế cơ cừu thác tiểu tôn.

Nhà dựng trăm năm, theo chí tổ;

Gương noi đời đẹp, cậy đàn con.

室 法 田 舊 貽 厥 子
風 蘋 雅 葦 祀 其 先

Thất pháp điền tri di quyết tử;

Phong tần nhã vĩ tự kỳ tiên.

Phép nhà, ruộng vỡ, để cho con;

Tần Phong, lau Nhã, thờ tổ tiên.

飛 鳥 墻 頭 風 習 習
織 機 窗 外 日 遲 遲

Phi diều tường đầu phong tập tập.

Chức cơ song ngoại nhật trì trì;

Chim lượn đầu tường, gió lất phất.
Đệt cửng ngoài song, ngày trời chậm;

兒笑童吟春召我
雞晨牛吼景宜人

*Nhi tiếu đồng ngâm xuân triệu ngã;
Kê thân ngư hống cảnh nghi nhân.*

Con cười, trẻ hát, xuân vời tớ;
Gà kêu, trâu rống, cảnh hợp người.

一堂祖考精神會
萬代仍雲福慶長

*Nhất đường tổ khảo tinh thần hội;
Vạn đại nhưng vân phúc khánh trường.*

Một cửa cha ông, tinh thần vững;
Muôn đời che chở, phúc thêm dài.

洞洞重門如我有
熙熙萬景與人同

*Động động trùng môn như ngã hữu;
Hi hi vạn cảnh dữ nhân đồng.*

Rõ ràng cửa lớp mình ta có;
Sáng tươi muôn cảnh với người chung.

清白家庭非改舊
聚歌笙管且恢新

*Thanh bạch gia đình phi cải cựu;
Tụ ca sinh quản thả khôi tân.*

Gia đình thanh bạch, cũ không đổi;
Chung vui đàn sáo, mới nào hơn.

義址仁基培世德
家傳人誦引書香

*Nghĩa chỉ nhân cơ bồi thế đức;
Gia truyền nhân tụng dẫn thư hương.*

Gốc nhân, nền nghĩa, vun đời đức;
Người khen, nhà nối, chuộng thi thư.

一派源流長且遠
億年香火久由馨

Nhất phái nguyên lưu trường thả viễn;
Ức niên hương hoả cửu do hình.
Một nhánh dòng chảy dài xa thẳm;
Muôn năm hương khói, mãi còn thơm.

桂子蘭孫家有慶
桃門李戶室生香

Quế tử lan tôn, gia hữu khánh;
Đào môn, lý hộ, thất sinh hương.
Con quế, cháu lan, nhà ấy phúc;
Cửa đào, ngõ mạn, giòng này hay.

天休永裕詩書室
官祿長筵福慶家

Thiên hưu vĩnh dụ thi thư thất;
Quan lộc trường diên phúc khánh gia.
Trời che mãi mãi, nhà hay học;
Quan lộc dài lâu, cửa phúc bên.

仁厚傳家斯潤屋
詩書教子是良田

Nhân hậu, truyền gia tư nhuận ốc;
Thi thư giáo tử thị lương điền.

Nhân hậu gia truyền, nhà có phúc;
Sách vở cho con, ruộng tốt màu.

德盛益徵天地厚
門高預卜子孫興

Đức thịnh ích trưng, thiên địa hậu;
Môn cao dự bốc, tử tôn hưng.

Đức tốt cao nêu, trời đất hậu;
Cửa cao dự đoán, cháu con hưng.

積善餘慶前師訓
大道生財述聖言

Tích thiện dư khánh tiền sư huấn;
Đại đạo sinh tài thuật thánh ngôn.

Lành chứa thừa vui, lời thầy dạy;
Đạo lớn của sinh, ý thánh ban.

堂上簫篴鏗雅韻
家中琴瑟播和聲

*Đường thượng tiêu tri khanh nhā vận;
Gia trung cần sắt bá hoà thanh.
Cửa trên tiêu sáo vang âm nhā;
Nhà trong đàn địch rộn thanh hoà.*

積善貽孫先有啓
克家有子後其興

*Tích thiện di tôn tiên hữu khởi;
Khắc gia hữu tử hậu kỳ hưng.
Chứa lành cho cháu, nên làm trước;
Nhà khá nhờ con, ắt cậy sau.*

萱庭問煖年滋長
桂萼逢春日益榮

*Huyền đình vấn noãn niên tư trường;
Quế ngác phùng xuân nhật ích vinh.
Sân huyền lo ấm, dần cao tuổi;
Đài quế vào xuân, ngày một tươi.*

十里風聲鴻漸陸
百年積善燕貽謀

*Thập lý phong thanh hồng tiệm lục;
Bách niên tích thiện yển di mưu.
Mười dặm tiếng vang, hồng hạ cánh;
Trăm năm lành chứa, yển bày mưu.*

五陽開泰春無限
五福臨門慶有餘

*Tam dương khai thái xuân vô hạn;
Ngũ phúc lâm môn khánh hữu dư.
Tam dương khai thái, xuân không hạn;
Ngũ phúc lâm môn, khánh có thừa.*

爲人善樂春無限
作事清平祿自然

*Vì nhân thiện lạc, xuân vô hạn;
Tác sự thanh bình, lộc tự nhiên.*

Người hay vui vẻ, xuân không hạn;
Việc làm êm thuận, lộc tự nhiên.

忠孝一心天地白
敬誠二字鬼神知

Trung hiếu nhất tâm thiên địa bạch;

Kính thành nhị tự, quỷ thần tri.

Trung hiếu một lòng, trời đất rõ;
Kính thành hai chữ, quỷ thần hay.

靜聽讀書知古道
閒觀花草見天心

Tĩnh thính độc thư tri cổ đạo;

Nhàn quan hoa thảo kiến thiên tâm.

Lắng nghe đọc sách biết đạo cũ;

Nhàn xem hoa cỏ thấu lòng trời.

公名發達皆由地
福祿興隆賴自天

Công danh phát đạt giai do địa;

Phúc lộc hưng long lại tự thiên.

Công danh nảy nở đều do đất;

Phúc lộc dồi dào cậy ở trời.

天下不窮惟義理
世間無價是文章

Thiên hạ bất cùng duy nghĩa lý;

Thế gian vô giá thị văn chương.

Thiên hạ không cùng, duy nghĩa lý;

Thế gian vô giá, ấy văn chương.

風流人物東西晉
臺閣文章大小蘇

Phong lưu nhân vật Đông Tây Tấn;

Văn chương đài các Đại, Tiểu, Tô.

Nhân vật phong lưu Đông Tây Tấn

Văn chương đài các Đại Tiểu Tô.

道學已然通上下
進身又況在文章

*Đạo học dĩ nhiên thông thượng hạ;
Tiến thân hựu hướng tại văn chương.
Học đạo ắt tinh thông trên dưới;
Tiến thân há cậy ở văn chương.*

歲有四時春在首
人兼五福壽為先

*Tuế hữu tứ thời, xuân tại thủ;
Nhân kiêm ngũ phúc, thọ vi tiên.
Năm có bốn mùa, xuân đến trước;
Người kiêm năm phúc, thọ làm đầu.*

有終德澤非年紀
經始規模不日成

*Hữu chung đức trạch phi niên kỷ;
Kinh thủy quy mô bất nhật thành.
Ân đức sau, đâu kể năm tháng;
Quy mô trước, chẳng phải một ngày.*

古往今來千歲節
天經地義百年心

*Cổ vãng kim lai thiên tuế tiết;
Thiên kinh địa nghĩa bách niên tâm.
Xưa đi, nay đến, nhịp ngàn thuở;
Đạo trời nghĩa đất, trải trăm năm.*

滿屋詩書家有慶
盈庭槐桂室生香

*Mãn ốc thi thư gia hữu khánh;
Doanh đình hoè quế thất sinh hương.
Phòng chật thi thư, nhà có phúc;
Sân đầy hoè quế, cửa sinh hương.*

仁基義址千年盛
春祀秋嘗萬古香

*Nhân cơ, nghĩa chỉ, thiên niên thịnh;
Xuân tự thu thường vạn cổ hương.
Nền cơ đất nghĩa, ngàn năm thịnh;
Xuân tế thu cầu, muôn thuở hương.*

萬里雲程初發轍
九霄雨露喜猶多

Vạn lý vân trình sơ phát nhân;

Cửu tiêu vũ lộ hỉ do đa.

Vạn dặm đường mây vừa chuyển bánh;

Chín trùng mưa móc vẫn nhiều vui.

時至於春懷永感
禮從其朔表微誠

Thời chí ư xuân hoài vĩnh cảm;

Lễ tòng kỳ sóc biểu vi thành.

Thời đến mùa xuân, mong thịnh mãi;

Lễ theo ngày sóc, chút thành tâm.

一家禮樂從先輩
五部詩書裕後昆

Nhất gia lễ nhạc tòng tiên bối;

Ngũ bộ thi thư dụ hậu côn.

Một nhà lễ nhạc, theo người trước;

Năm bộ thi thư, dạy lớp sau.

洗耳飽聞褒貶說
潛心醉玩古今書

Tẩy nhĩ bão văn bao biếm thuyết;

Tiềm tâm túy ngoạn cổ kim thư.

Rửa tai nghe đủ lời khen, trách;

Lặng lòng say đọc sách xưa, nay.

傳家永衍培仁脈
隆棟重新積善堂

Truyền gia vĩnh diển bồi nhân mạch;

Long đống trùng tân tích thiện đường.

Bồi đắp mạch nhân, nhà tiếp nối;

Dựng xây nhà thiện, cột trùng tu.

有開必先培世德
克昌厥後振家聲

Hữu khai tất tiên bồi thế đức;

Khắc xương quyết hậu chấn gia thanh.

Mở mang, ắt trước vun đời đức;
Hưng thịnh, rồi sau nổi tiếng nhà.

瑞有豐年新景色
興過佳酒適情濃

*Thuy hữu phong niên tân cảnh sắc;
Hưng qua giai tửu thích tình nồng.*
Mừng được mùa màng, cảnh sắc mới;
Hưng nhờ rượu ngọt, tình thêm nồng.

不作風波於世上
自無冰炭到胸中

*Bất tác phong ba ư thế thượng;
Tự vô băng than đáo hòng trung.*
Sóng gió đừng gieo trên cõi thế;
Băng than đâu có để trong lòng.

夜四知揚言名自古
日三省曾學得其真

*Đạ tứ tri dương ngôn danh tự cổ;
Nhật tam tỉnh tăng học đắc kỳ chân.*
Đêm nghĩ bốn lần, lời nói ra từ cổ;
Ngày suy ba bận, điều học được là chân.

有志竟成成土成家成制度
無求難得得財得祿得長生

*Hữu chí cánh thành, thành thổ, thành gia, thành chế độ;
Vô cầu nan đắc, đắc tài đắc lộc, đắc trường sinh.*
Có chí thì nên, nên đất, nên nhà, nên chế độ;
Không cầu chẳng được, được tài, được lộc, được trường sinh.

琴棋詩酒供閒興
謙讓崇誠自福來

*Cầm kỳ thi tửu cung nhàn hứng;
Khiêm nhượng sùng thành tự phúc lai.*
Đàn, cờ, thơ, rượu, khi nhàn hứng;
Khiêm, nhượng, kính, thành, tự phúc về.

桃李花開君子戶
芝蘭香馥丈夫庭

*Đào lý hoa khai quân tử hộ;
Chi lan hương phúc trượng phu đình.*

Nhà quân tử nở hoa đào mạn;
Sân trượng phu hương ngát chi lan.

士 好 讀 書 天 不 負
學 能 立 志 業 丕 弘

*Sĩ hiếu độc thư thiên bất phụ;
Học năng lập chí nghiệp phi hồng.*
Trò chăm đọc sách, trời không phụ;
Học hay lập chí, nghiệp càng cao.

新 歲 喜 添 人 名 一
芳 筵 光 啓 日 凡 三

*Tân tuế hỉ thêm nhân danh nhất;
Phương diên quang khai nhật phàm tam.*

Mừng năm mới thêm người, là một;
Mở tiệc vui ngày tốt, gồm ba.

明 媚 乾 坤 無 限 樂
愉 怡 歲 月 有 餘 情

*Minh mị càn khôn vô hạn lạc;
Du di tuế nguyệt hữu dư tình.*
Sáng đẹp đất trời, mừng vô hạn;
Vui tươi năm tháng, tình có thừa.

灼 灼 桃 花 初 誌 喜
昭 昭 麟 趾 早 呈 祥

*Chước chước đào hoa sơ chí hỉ;
Chiêu chiêu lân chỉ tảo trình tường.*

Rực rỡ đào hoa, vừa báo hỉ;
Rõ rệt dấu lân, gởi điềm lành.

鼓 琴 鼓 瑟 相 唱 和
宜 家 宜 室 樂 賡 酬

*Cổ cầm cổ瑟 tương xướng họa;
Nghĩ gia nghĩ thất lạc canh thù.*
Cùng xướng họa, đàn cầm, đàn瑟;
Vui thù tạc, nên cửa, nên nhà.

結髮常銘冰雪操
同心永記海山盟

Kết phát thường minh băng tuyết thảo;

Đồng tâm vĩnh ký hải sơn minh.

Kết tóc hay ghi lời băng tuyết;

Cùng lòng mãi nhớ thể biển non.

負笈同遊金石約
宜家樂鼓瑟琴聲

Phụ kiệp đồng du kim thạch ước;

Nghi ghi lạc cổ sắt cầm thanh.

Nâng tráp trao nhau lời vàng đá;

Nên đôi hoà hợp tiếng tơ đàn.

往者過而來者續
聞之窮斯聞之通

Vãng giả quá nhi lai giả tục;

Hạp chi cùng tư tịch chi thông.

Kẻ này qua có người đến tiếp;

Đóng khi cùng mà mở khi thông.

一簇門庭舊
百年福祉新

Nhất thốc môn đình cựu;

Bách niên phúc chỉ tân.

Nhà cửa cũ bày ra một loạt;

Phúc lộc mới thu vào trăm năm.

前庭濃瑞氣
門外迓春風

Đình tiền nùng thủy khí;

Môn ngoại nhạ xuân phong.

Khí lành đậm sân trước;

Gió xuân về cửa ngoài.

自樹兒孫福
其見造化心

Tự thụ nhi tôn phúc;

Kỳ kiến tạo hoá tâm.

Trông phúc cho con cháu;
Thấy lòng của đất trời.

功 則 祀 之 香 火 一 方 原 有 主
德 其 盛 矣 江 山 此 地 莫 非 民
Công tắc tự chi hương hoả nhất phương nguyên hữu chủ;
Đức kỳ thịnh hĩ, giang sơn thử địa mạc phi dân.
Có công được thờ, hương khói mỗi phương đều có chủ;
Để đức mà thịnh, núi sông đất ấy vẫn là dân.

洋 洋 乎 如 在 其 上
蕩 蕩 乎 難 得 而 名
Dương dương hồ như tại kỳ thượng;
Đãng đãng hồ nan đắc nhi danh.
Ở trên đầu, bởi cao vọi vọi;
Khó đặt tên, vì rộng mệnh mông.

天 其 佑 之 洋 洋 乎 如 在
德 其 盛 矣 高 高 乎 難 名
Thiên kỳ hựu chi, dương dương hồ như tại;
Đức kỳ thịnh hĩ, cao cao hồ nan danh.
Trời phù hộ hân hoan như có mặt;
Đức cao dày vọi vọi khó nêu tên.

如 在 其 上 如 在 其 左 右
可 對 於 天 可 對 於 鬼 神
Như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu;
Khả đối ư thiên, khả đối ư quỷ thần.
Như ở trên cao, như bên tả, hữu;
Khá đối với trời, khá với quỷ thần.

在 其 上 在 其 左 右
保 我 民 保 我 子 孫
Tại kỳ thượng, tại kỳ tả hữu;
Bảo ngã dân bảo ngã tử tôn.
Ở trên đầu, ở bên tả hữu;
Giúp dân ta, giúp con cháu ta.

羽 毛 車 馬 公 開 見
瞻 視 衣 冠 係 正 尊

Vũ mao xa mã công khai hiện;
Chiếm thị y quan hệ chính tôn.
Xe ngựa cò quạt, đều đã thấy;
Áo mũ ưa nhìn, đáng để khen.

民 偕 與 故 能 樂 也
效 雖 小 有 可 觀 焉

Dân giai dĩ, cố năng lạc dã;
Hiệu tuy tiểu hữu khả quan yên.
Dân chúng cùng, nên hay vui vậy;
Hiệu quả nhỏ, có thể nhận ra.

春 來 景 樂 人 添 壽
日 到 年 新 物 更 豐

Xuân lai cảnh lạc nhân thêm thọ;
Nhật đáo niên tân vật cánh phong.
Xuân về cảnh đẹp, người thêm thọ;
Ngày sang năm mới, vật càng nhiều.

故 郡 地 靈 都 以 德
昔 人 岳 降 將 而 神

Cố quận địa linh đô dĩ đức;
Tích nhân nhạc giáng tướng nhi thần.
Quận cũ đất thiêng, đều cậy đức;
Người xưa trời giáng, tướng mà thần.

儉 勤 矩 矱 貽 孫 子
慈 孝 風 聲 樹 井 疆

Kiệm cần củ hoạch di tôn tử;
Từ hiếu phong thanh thụ tĩnh cương.
Kiệm cần ngăn nắp dành con cháu;
Từ hiếu tiếng vang tạo kỷ cương.

知 第 子 者 莫 若 師 可 度 也
樂 妻 孥 以 宜 爾 室 其 順 乎

Tri đệ tử giả mạc nhược sư khả độ dã;
Lạc thê hoa dĩ nghi nhĩ thất kỳ thuận hồ.
Biết học trò không ai bằng thầy, đáng kính vậy;
Vui vợ con để yên nhà mình, chẳng thuận sao.

聖代於民領牧重
公門有子李桃榮

Thánh đại ư dân lãnh mục trọng;

Công môn hữu tử lý đào vinh.

Đời thánh chân dân, công việc nặng;

Cửa công con cháu, mạn đào tươi.

世積書以來有此一舉
母依門而望於今七旬

Thế tích thư dĩ lai hữu thử nhất cử;

Mẫu y môn nhi vọng ư kim thất tuần.

Nhà từ chứa sách đến giờ, mới một người đỗ;

Mẹ hằng tựa cửa trông ngóng, nay bảy mươi rồi.

禮節人心鄉欽重
詩歌神惠歲功成

Lễ tiết nhân tâm hương khâm trọng;

Thi ca thần huệ tuế công thành.

Tế lễ xóm thôn người vẫn trọng;

Thơ ca thành đạt đội ơn thần.

茂蔚終天依鞠育
藻蘋隨地寓春秋

Mậu uất chung thiên y cúc dục;

Tảo tần tùy địa ngụ xuân thu.

Tươi tốt quanh năm, nhờ chăm sóc;

Siêng năng tùy đất, phải theo mùa.

師門學識推高第
邑里風聲自故家

Sư môn học thức suy cao đệ;

Áp lý phong thanh tự cố gia.

Học thức trường thầy vào bậc nhất;

Tiếng vang làng xóm tự ngày xưa.

先開國甲科宰輔
後傳家理學醫科

Tiên khai quốc giáp khoa tể phụ;

Hậu truyền gia lý học y khoa.

Trước mở nước, chính khoa, tể phụ;
Sau truyền nhà, lý học, y khoa.
(Tứ đường Trạng Nguyên Nguyên Trục)

晉 福 葉 龜 成 宅 相
豐 謀 貽 燕 篤 家 慶

Tấn phúc diệp quy thành Trạch tướng;
Phong mưu di yến đốc gia khương.
Phúc lớn mai rùa nên cửa tướng;
Mưu cao nhờ gốc được nhà vui.

手 植 三 槐 家 蔭 茂
心 銘 四 字 國 恩 長

Thủ thực tam hoè gia ảm mậu;
Tâm minh tứ tự Quốc ân trường.
Ba cây hoè trồng, nhà thêm râm mát;
Bốn chữ để bụng, nước chịu ơn dài.
(Án sát Huỳnh Mãn Đạt gia từ)

國 寵 家 光 皆 世 澤
天 經 地 義 在 人 心

Quốc sủng gia quang giai thế trạch;
Thiên kinh địa nghĩa tại nhân tâm.
Nước quý, nhà sang, nhờ phúc ảm;
Kính trời, nghĩa đất, ở lòng người.

冰 雪 湛 如 清 白 譜
李 桃 濃 矣 肅 雝 庭

Băng tuyết trạm như, thanh bạch phả;
Lý đào nùng hĩ, túc ung đình.
Trong như băng tuyết, nhà thanh bạch;
Tốt sao đào mạn, sân trang nghiêm.

周 南 風 化 歸 仁 厚
大 學 心 傳 止 孝 慈

Chu Nam phong hoá quy nhân hậu;
Đại học tâm truyền chỉ hiếu từ.
Phong hóa Chu nam, chủ nhân hậu;
Tâm truyền Đại học, chỉ hiếu từ.

有開必先瑞鳳祥麟子姓
不顯亦世高車駟馬門閭

Hữu khai tất tiên, thụy phượng tường lân tử tính;

Bất hiển diệc thế, cao xa tứ mã môn lưu.

Mở lối ắt đứng trước, con cái phượng lành, lân phúc;

Chưa sang cũng ở đời, cửa nhà ngựa tứ, xe cao.

爽氣西來雲霧掃開天地恨
流水東去波濤洗盡世間愁

Sảng khí tây lai, vân vụ tảo khai thiên địa hận;

Lưu thủy đông khứ, ba đào tẩy tận thế gian sầu.

Khí sáng phía tây về, quét sạch hận mây mù trời đất;

Nước chảy từ đông đến, rửa mối sầu sóng gió thế gian.

古寺無燈明月照
山門不鎖白雲封

Cổ tự vô đăng minh nguyệt chiếu;

Sơn môn bất toả bạch vân phong.

Chùa cổ không đèn, trăng sáng chiếu;

Cửa non chẳng khóa, trắng mây che.

道若江河隨地盡成洙泗
聖如日月普天猶是春秋

Đạo nhược giang hà, tùy địa tận thành Thù Tư;

Thánh như nhật nguyệt, phổ thiên do thị Xuân Thu.

Đạo tựa sông ngòi, tùy đất đều thành Thù Tư;

Thánh như nhật nguyệt, khắp trời đâu chẳng Xuân Thu.

窗含野色通書悅
山帶泉聲入酒杯

Song hàm dã sắc thông thư hoảng;

Sơn đới tuyền thanh nhập tửu bôi.

Đồng quê sát cửa thông phòng sách;

Tiếng suối ngoài đôi dậu ly bia.

春祀秋嘗遵萬古聖賢禮樂
左昭右穆序一家世代源流

Xuân tự thu thường tuân vạn cổ thánh hiền lễ nhạc;

Tả chiêu hữu mục, tự nhất gia thế đại nguyên lưu.

Xuân cúng, thu cầu, tuân muôn thuở thánh hiền lễ nhạc;
Phải nêu, trái hợp, theo một nhà đời nối cội nguồn.

昨夜水鳴渠
曉來風襲月

*Tạc dạ thủy minh cừ;
Hiếu lai phong tập nguyệt.*
Đêm trước nước réo ngoài đập;
Sáng ra gió đón đùa trăng.

經懺能超升未必閻王怕和尚
紙錢可贖罪定是菩薩亦貪官

*Kinh sám, năng siêu thăng, vị tất Diêm Vương怕 Hoà thượng;
Chỉ tiền khả mãi tội, định thị Bồ Tát diệc tham quan.*
Siêu nhờ kinh sám hối, vị tất Diêm Vương sợ Hoà thượng;
Tội chuộc bằng giấy tiền, hẳn là Bồ Tát cũng quan tham.

雲在山頭行到山頭雲又遠
月浮水面拔開水面月仍深

*Vân tại sơn đầu, hành đáo sơn đầu vân hữu viễn;
Nguyệt phù thủy diện, bạt khai thủy diện, nguyệt nhưn thâm.*
Mây ở đầu non, leo đến đầu non mây xa tít;
Trăng nổi mặt nước, khoả trên mặt nước, trăng càng sâu.

斜月低于樹
遠山高過天

*Tà nguyệt đê vu thụ;
Viễn sơn cao quá thiên.*
Ngọn cây cao hơn trăng xế;
Trời xanh thấp hơn núi xa.

簾外淡煙無墨畫
林間疏雨有詩聲

*Liêm ngoại đạm yên vô mặc họa;
Lâm gian sơ vũ hữu thi thanh.*
Khói mỏng ngoài rèm tranh không mực;
Mưa nhỏ trong rừng có tiếng thơ.

代夢誰先覺覺者佛也
諸天我獨尊尊者心乎

*Đại mộng thuỳ tiên giác, giác giả Phật dã;
Chư thiên ngã độc tôn, tôn giả tâm hồ.
Mộng lớn ai giác trước, người giác là Phật;
Khấp trời mình ta tôn, kẻ tôn ấy tâm.*

千 秋 事 業 書 中 史
萬 國 風 雲 座 上 觀
*Thiên thu sự nghiệp thư trung sử;
Vạn quốc phong vân tọa thượng quan.
Sự nghiệp ngàn năm ghi ở sử;
Gió mây vạn nước đứng cao nhìn.*

晨 鐘 暮 鼓 喚 醒 塵 中 名 利 客
經 聲 佛 號 救 回 苦 海 夢 迷 人
*Thần chung mộ cổ hoán tỉnh trần trung danh lợi khách;
Kinh thanh, Phật hiệu cứu hồi khổ hải mộng mê nhân.
Chuông sớm trống chiều, trần ai gọi tỉnh khách danh lợi;
Tụng kinh niệm phật, bể khổ cứu vớt kẻ si mê.*

山 翠 萬 重 當 檻 出
水 光 千 理 抱 城 來
*Sơn thủy vạn trùng đương hạm xuất;
Thủy quang thiên lý bao thành lai.
Hé mở giậu - muôn trùng núi biếc;
Bao bọc thành - ngàn dặm nước trong.*

能 招 過 客 飲 文 字
卻 對 真 山 看 畫 圖
*Năng chiêu quá khách ẩm văn tự;
Khước đối chân sơn khán họa đồ.
Hay mời khách đến uống văn tự;
Đến trước non xanh ngắm họa đồ.*

最 養 百 花 惟 曉 露
能 生 萬 物 是 春 風
*Tối dưỡng bách hoa duy hiếu lộ;
Năng sinh vạn vật thị xuân phong.
Trăm hoa khéo bén nhờ mưa nắng;
Muôn vật sinh sôi cây gió xuân.*

俯視驚濤駭浪勿忘過去
緬懷偉績豐功珍惜未來

*Phủ thị kinh đào hãi lãng, vật vong quá khứ;
Miễn hoài vĩ tích phong công, trân tích vị lai.
Cúi nhìn thời cuộc đổi thay, chớ quên quá khứ;
Nhớ tới công lao to lớn, nghĩ đến tương lai.*

城郭當前煙火萬家憂樂共
江天在望乾坤一氣古今浮

*Thành quách đương tiền, yên hoả vạn gia ưu lạc cộng;
Giang thiên tại vọng, cần khôn nhất khí cổ kim phù.
Thành quách còn đây, khói lửa muôn nhà chung sướng khổ;
Non sông đang đợi, đất trời một khí vẫn xưa nay.*

風景未殊野寺尋碑存古跡
滄桑經屢易蓮台補桂嗣先榮

*Phong cảnh vị toàn thù, dã tự tìm bi, tồn cổ tích;
Thương tang kinh lữ dịch, liên đài bổ quế tự tiên vinh.
Phong cách đôi chùa tròn, chùa nội tìm bia còn dấu cũ;
Bể dâu đà mấy bận đi sen thêm quế ngát thêm hương.*

馬足車塵世路不知何處盡
岩花澗月禪心應是此中生

*Mã túc xa trần, thế lộ bất tri hà xứ tận;
Nham hoa giản nguyệt, thiền tâm ứng thị thử trung sinh.
Vó ngựa bụi xe, đường đời chẳng biết nơi cùng tận;
Trăng khe hoa núi, lòng thiền từ đó nảy sinh ra.*

臨水觀山水抱青山山抱水
推窗望月窗含明月月含窗

*Lâm thủy quan sơn, thủy bao thanh sơn, sơn bao thủy;
Thôi song vọng nguyệt, song hàm minh nguyệt nguyệt hàm song.
Gặp nước nhìn non, nước bọc non xanh, non bọc nước;
Mở song ngắm trăng, song ôm trăng sáng, trăng ôm song.*

身在高樓須放眼
腹如大海好撐船

*Thân tại cao lâu tu phóng nhãn;
Phúc như đại hải hảo撑 thuyền.*

Thàn ở lâu cao nên thả mắt;
Bụng như biển lớn khéo chèo thuyền.

天寶物華萬丈高樓迤邐起
地靈人杰八万俊秀應時來
*Thiên bảo vật hoa vạn trượng cao lâu ngất ngưởng nhô khơi;
Địa linh nhân kiệt bát phương tuấn tú ứng thời lai.*
Của trời- vật quý, muôn trượng lầu cao đón ngày rạng;
Đất thiêng-người kiệt, tám phương anh tuấn đồng thời về.

野外原來煙水趣
城中自有竹樓風
*Dã ngoại nguyên lai yên thủy thú;
Thành trung tự hữu trúc lâu phong.*
Thú mây nước, vốn ngoài đồng nội;
Gió lầu cao, vẫn có trong thành.

花雨松風月色
茶煙琴韻書聲
*Hoa vũ tùng phong nguyệt sắc;
Trà yên, cầm vận thư thanh.*
Mưa hoa, gió tùng, vẻ nguyệt;
Khói trà, đàn điệu, giọng văn.

冷香滿徑穿花去
幽韻宜人步月來
*Lãnh hương mãn hính xuyên hoa khứ;
U vận nghi nhân bộ nguyệt lai.*
Hương lạnh thấu hoa, đường thơm ngát;
Điệu êm đưa nguyệt đến bên người.

紅綠杯中激來天外千秋月
縱橫紙上原是人間一局棋
*Hồng lục bôi trung, khích lai thiên ngoại thiên thu nguyệt;
Tung hoành chỉ thượng, nguyên thị nhân gian nhất cục kỳ.*
Hong xanh chén mời, ngoài trời ngàn trăng thu chiếu sáng;
Dọc ngang trên giấy, nhân gian một cuộc cờ mua vui.

知足怡情不問茶涼茶熟
涵虛養性無妨味苦味甘

Trì tức di tình bất vấn trà lương trà thực;
Hàn hư dưỡng tính vô phương vị khổ vị cam.
Biết đủ vui lòng, chẳng quản trà loãng, trà đặc;
Nhuận vừa nuôi tính, không nề vị đắng, vị ngon.

或舞或歌曲韻詩情來筆底
宜晴宜雨山光雲影入潭中

*Hoặc vũ hoặc ca, khúc vận thi tình lai bút đế;
Nghỉ tình nghỉ vũ, sơn quang vân ảnh nhập đàm trung.*

Hoặc múa, hoặc ca, khúc điệu thơ tình lên ngọn bút;
Làm mưa, làm nắng, núi quang mây bóng đọng đầm sâu.

蕉竹繞清池雲影天光堪入畫
山林藏古剎曇花擎火總關情

*Tiêu trúc nhiễu thanh trì, vân ảnh thiên quang kham nhập họa;
Sơn lâm tàng cổ sát, đàm hoa kinh hoả tổng quan tình.
Tiêu trúc bên ao trong, mây ánh trời quang vào bức vẽ;
Núi rừng che chùa cổ, hoa đàm lửa loé khéo gây tình.*

一潭月影搖花影
四面山光接水光

*Nhất đàm nguyệt ảnh dao hoa ảnh;
Tứ diện sơn quang tiếp thủy quang.
Một đầm nguyệt ảnh lay hoa ảnh;
Bốn mặt non xanh tiếp nước xanh.*

清濁雙潭堪警世
廉貪二字啓來人

*Thanh trọc song đàm kham cảnh thế;
Liêm tham nhị tự khải lai nhân.
Đời thức tỉnh đời dòng trong đục;
Người rạch ròi hai chữ Liêm Tham.*

光借清風明借月
動觀流水靜觀山

*Quang tá thanh phong, minh tá nguyệt;
Động quan lưu thủy, tĩnh quan sơn.
Quang nâng gió mát, minh nâng nguyệt;
Động xem nước chảy, tĩnh xem non.*

Thân ở lâu cao nên thả mắt;
Bụng như biển lớn khéo chèo thuyền.

天寶物華萬丈高樓近日起
地靈人杰八万俊秀應時來

Thiên bảo vật hoa vạn trượng cao lâu gần nhô nhô khởi;

Địa linh nhân kiệt bát phương tuấn tú ứng thời lai.

Của trời- vật quý, muôn trượng lâu cao gần ngay rặng;
Đất thiêng-người kiệt, tám phương anh tuấn đứng thời về.

野外原來煙水趣
城中自有竹樓風

Dã ngoại nguyên lai yên thủy thú;

Thành trung tự hữu trúc lâu phong.

Thú mây nước, vốn ngoài đồng nội

Gió lầu này, vẫn có trong thành.

花雨松風月色
茶煙琴韻書聲

Hoa vũ tùng phong nguyệt sắc;

Trà yên, cầm vận thư thanh.

Mưa hoa, gió tùng, vẻ nguyệt;

Khói trà, đàn điệu, giọng văn.

冷香滿徑穿花去
幽韻宜人步月來

Lãnh hương mãn hính xuyên hoa khứ;

U vận nghi nhân bộ nguyệt lai.

Hương lạnh thấu hoa, đường thơm ngát;

Điệu êm đưa nguyệt đến bên người.

紅綠杯中激來天外千秋月
縱橫紙上原是人間一局棋

Hồng lục bôi trung, kích lai thiên ngoại thiên thu nguyệt;

Tung hoành chỉ thượng, nguyên thị nhân gian nhất cục kỳ.

Hồng xanh chén mồi, ngoài trời ngàn trăng thu chiếu sáng;

Dọc ngang trên giấy, nhân gian một cuộc cờ mua vui.

知足怡情不問茶涼茶熟
涵虛養性無妨味苦味甘

處世莫若積德
傳家還是讀書

Xử thế mạc nhược tích đức;

Truyền gia hoàn thị độc thư.

Xử thế gì bằng tích đức;

Truyền gia nên đọc sách chăm.

春意起來濃 牆角梅花新 歲月
書卷何處是 案頭經史舊 乾坤

Xuân ý khởi lai nồng, tường giác mai hoa tân tuế nguyệt;

Thư quyển hà xứ thị, án đầu kinh sử cựu càn khôn.

Xuân ý vị đậm đà, hoa mai đầu tường, năm tháng mới;

Sách chất chứa đầu đó, sử kinh trên án, đất trời xưa.

居安宅行正路 心地蕩平舒泰
稽聖經訂賢傳 事業正大高明

Cư an trạch, hành chính lộ, tâm địa dăng bình thư thái;

Kê Thánh kinh, đính hiền truyện, sự nghiệp chính đại cao minh.

Ở nhà yên, đi đường chính, tâm địa thản nhiên thư thái;

Xem kinh thánh, sửa truyện hay, sự nghiệp chính đại quang minh.

父母遐齡白髮堂中榮暮景
兒孫滿眼彩衣階下舞春風

Phụ mẫu hà linh, bạch phát đường trung vinh mộ cảnh;

Nhi tôn mãn nhãn, thái y giai hạ, vũ xuân phong.

Cha mẹ tuổi già, tóc bạc nhà trong, chiều vui cảnh;

Cháu con vui mắt, áo hoa thêm dưới, múa mừng xuân.

德須積百年全 靠前人培樹木
書不負三代永 教後裔惜光陰

Đức tu tích bách niên, toàn hảo tiền nhân bồi thụ mộc;

Thư bất phụ tam đại, vĩnh giao hậu duệ tích quang âm.

Đức phải tích trăm năm, cây nhờ lớp trước vun cây cối;

Sách không phụ ba đời, rèn cặp người sau quý thời gian.

得意客來情不厭

如心人到話相投

Đắc ý khách lai tình bất yếm;

Như tâm nhân đáo thoại tương đầu.

Khách thăm vừa ý, tình không ngại;
Người đến vui lòng, chuyện hợp nhau.

琴書千古意
花木四時春

*Cầm thư thiên cổ ý;
Hoa mộc tứ thời xuân.
Sách đàn ý ngàn thuở;
Hoa cỏ xuân bốn mùa.*

兄友弟恭 乃君子修身之本
禮門義路 爲大人涉世之方

*Huynh hữu đệ cung nãi quân tử tu thân chi bản;
Lễ môn nghĩa lộ, vi đại nhân thiệp thế chi phương.
Anh hoà em kính, người quân tử sửa mình làm gốc;
Cửa lễ đường nghĩa, bậc đại nhân xử thế làm phương.*

樂趣無窮 柴門外青山綠水
幽懷有曠 竹籬下白菊黃花

*Lạc thú vô cùng, sài môn ngoại thanh sơn lục thủy;
U hoài hữu khoáng trúc li hạ bạch cúc hoàng hoa.
Lạc thú vô cùng, ngoài rào cửa non xanh nước biếc;
U hoài có rộng, dưới rặng tre cúc trắng hoa vàng.*

半窗月落梅無影
三徑風來竹有聲

*Bán song nguyệt lạc mai vô ảnh;
Tam kính phong lai trúc hữu thanh.
Trăng xế nửa song, mai mất bóng;
Gió vờn ba luống, trúc ra thanh.*

月移梅影橫窗瘦
風送蘭香入座清

*Nguyệt di mai ảnh hoành song sấu;
Phong tống lan hương nhập tọa thanh.
Trăng rời mai ảnh, ngang song hẹp;
Gió thổi hương lan, đến chốn thanh.*

好月當樓端近水
清言對客總如蘭

Hào nguyệt đương lâu đoan cậ thủy;
Thanh ngôn đối khách tổng như lan.
Trăng đẹp trên lầu gần bến nước;
Lời hay với khách giống như lan.

虛閣清幽都春夏秋冬景氣
小亭瀟灑樂琴棋書畫襟懷

Hư các thanh u, đồ xuân hạ thu đông cảnh khí;
Tiểu đình tiêu sái, lạc cầm kỳ thư hoạ khâm hoài.
Gác vắng thanh u, đều xuân hạ thu đông cảnh khí;
Đình nhỏ phóng khoáng, vui đàn cờ thơ hoạ lòng mong.

修竹滿庭浮翠色
芳芝逸徑映春暉

Tu trúc mãn đình phù thủy sắc;
Phương chi nhiều kính ánh xuân huy.
Trúc trở đầy sân khoe sắc biếc;
Lan thơm khắp lối ánh xuân tươi.

春來深院梅花發
秋滿閒庭桂樹新

Xuân lai thâm viện mai hoa phát;
Thu mãn nhàn đình quế thụ tân.
Xuân về viện thắm, mai đua nở;
Thu tràn đình vắng, quế tinh khôi

少年雙足健登梯仰作凌雲賦
野老一身閒依檻迎來入袖風

Thiếu niên song túc kiện, dăng thê ngưỡng tác lãng vân phú;
Dã lão nhất thân nhàn, ỷ hạm nghinh lai nhập tị phong.
Trẻ trung đôi chân vững, phú vượt mây, leo thang ngửa mặt viết;
Già lão một thân nhàn, gió vào lòng, tựa hiên chờ đón về.

放眼湖山無邊景色
立身天地萬種情懷

Phóng nhãn hồ sơn vô biên cảnh sắc;
Lập thân thiên địa, vạn chủng tình hoài.
Đưa mắt ngắm hồ núi, mênh mông cảnh sắc;
Lập thân trong trời đất, muôn mối tình hoài.

賞素月迎朝 霞君子襟懷坦蕩蕩

抱春城擁湖水美人情態意綿綿

Thường tố nguyệt, nghinh triều hà, quân tử khâm hoài thản dăng dăng;

Bão xuân thành, ủng hồ thủy, mỹ nhân tình thái ý miên miên.

Thường tố nga, đón ráng chiều, quân tử trong lòng phóng khoáng;

Ôm thành xuân, lội hồ nước, mỹ nhân tình ý miên man.

是色是空悟入華嚴參宇宙

即三即佛睜開慧眼看人間

Thị sắc thị không, ngộ nhập Hoa nghiêm tham vũ trụ;

Tức tâm. tức Phật, tranh khai Tuệ nhãn khán nhân gian,

Là sắc, là không, ngộ nhập Hoa nghiêm hoà vũ trụ;

Tức tâm, tức Phật, mở to Tuệ nhãn ngắm nhân gian.

地券今傳三卯榜

名科上慰兩親堂

Địa khoán kim truyền tam mao bảng;

Danh khoa thượng uỷ lưỡng thân đường.

Đất hên nay truyền ba kỳ bảng;

Khoa danh trên muốn hai thân vui.

昔日同遊膠漆誼

今年有喜瑟琴聲

Tích nhật đồng du giao tất nghị;

Kim niên hữu hỉ sắt cầm thanh.

Ngày trước keo sơn tình hữu nghị;

Đến nay cầm, sắt thú hoà thanh.

公門前托榮桃李

壽席初開醉菊松

Công môn tiền thác vinh đào lý;

Thọ tịch sơ khai tuý cúc tùng.

Trước muốn cửa công đào mận tốt;

Sơ bày tiệc thọ cúc tùng say.

作合自天緣宜家宜室

翱翔當勵志弋鳩弋鳬

Tác hợp tự thiên duyên, nghi gia nghi thất;

Cao tường đương lệ chí đặc cưu đặc phù.

Mối lái tự duyên trời, nên nhà nên cửa;
Bay lượn để rèn chí, bắt vịt bắt le.

能慰聖善心此日似登龍虎榜
無負桑蓬志一身經到鳳凰池

*Năng uy thánh thiện tâm, thử nhật tự dăng long hổ bảng;
Vô phụ tang bồng chí, nhất thân kinh đáo phượng hoàng trì.*

Hay giữ tâm thánh thiện, ngày ấy tên nêu bằng rồng hổ;
Không phụ chí tang bồng, một thân từng đến ao phượng hoàng.

世家素理三場出
國政初觀十里豪

*Thế gia tố lý tam trường xuất;
Quốc chính sơ quan thập lý hào.
Gia thế ba trường từng đã trải;
Quốc chính mười thôn cũng thấy hào.*

龍興記績華閩石
虎視餘威布海風

*Long hưng ký tích Hoa lư thạch;
Hổ thị dư uy Bố hải phong.
Đá Hoa Lư rồng lên ghi dấu tích;
Gió Bố Hải hổ ngấm vẫn oai linh.*

可對此心天日白
獨存正氣海波紅

*Khả đối thử tâm thiên nhật bạch;
Độc tồn chính khí hải ba hồng.
Lòng này trước trời cao bày tỏ;
Chính khí còn sóng biển rực hồng.*

勳名題美東阿日
靈爽肅肅古廟雲

*Huân danh đề mỹ Đông A nhật;
Linh sảng huân cao cổ miếu vân.
Trời Đông A danh lừng ghi chữ đẹp;
Mây miếu xưa linh ứng khói hương bay.*

討賊何年蜀郡猶存臨誓日
行封當日義山合作勒功碑

*Thảo tặc hà niên, Thục quận do tôn lâm thế nhật;
Hành phong đương nhật, Nghĩa sơn hợp tác lạc công bi.*

Đánh giặc năm nào, quận Thục nhớ khi hò hẹn;
Tặng phong ngày ấy, núi Nghĩa còn bia ghi công.

佐李生前致主雄心未滿
扶黎日後平戎勝績猶傳

*Tá Lý sinh tiền, trí chủ hùng tâm vị mãn;
Phù Lê nhật hậu, bình nhung thắng tích do truyền.*
Sống từng thờ Lý, phò chúa hùng tâm còn chưa thoả;
Sau đã giúp Lê, diệt thù thắng tích vẫn còn đây.

(Miếu Yên Sở)

桃李在門君子樹
芝蘭入室善人居

*Đào lý tại môn quân tử thụ;
Chi lan nhập thất thiện nhân cư.*
Cây đào mạn trồng cửa quân tử;
Hương chi lan vào nhà người lành.

聲名洋溢尊親共
德化周流漸暨同

*Thanh danh dương dật, tôn thân cộng;
Đức hóa chu lưu, tiệm kỳ đồng.*
Lấy lòng danh tiếng, người thân dự;
Rộng đường ân huệ, tạm hưởng cùng.

月明莫假無塵鏡
山壽何須不老丹

*Nguyệt minh mạc giả vô trần kính;
Sơn thọ hà tu bất lão đan.*

Trăng sáng chẳng cần gương sạch bụi;
Núi thọ mong gì thuốc chẳng già.

國家教養人才要得真儒之用
君子講明義理深術至導之歸

*Quốc gia giáo dưỡng nhân tài, yếu đắc chân nho chi dụng;
Quân tử giảng minh nghĩa lý, thâm thuật chí đạo chi quy.*
Quốc gia đào tạo nhân tài, những kẻ chân nho cần đến;
Quân tử giảng giải nghĩa lý, mong người tìm đạo mà về.

明月照雲樓影影裝成文子樣
和風敲錦樹聲聲雅奏角宮音

Minh nguyệt chiếu vân lâu, ảnh ảnh trang thành văn tử dạng;

Hoà phong xao cẩm thụ, thanh thanh nhã tấu giốc cung âm.

Trăng sáng chiếu lầu mây, ảnh bóng hiện ra văn vẻ;

Gió mát vờn cây đẹp, tiếng như gọi nhớ hoà âm.

爽朗一湖名勝地

英靈萬古福神祠

Sảng lãng nhất hồ danh thắng địa;

Anh linh vạn cổ phúc thần từ.

Đất danh thắng một hồ sáng láng;

Chùa phúc thần muôn thuở linh thiêng.

燭搖紅彩儀金鳳

香吐青煙遠玉龍

Chúc dao hồng thái nghi kim phượng;

Hương thổ thanh yên viễn ngọc long.

Vẻ hồng đuốc sáng tươi kim phượng;

Khói xanh hương toả mờ ngọc long.

水遠長江鍾秀氣

月臨古井現神光

Thủy viễn trường giang chung tú khí;

Nguyệt lâm cổ tỉnh hiện thần quang.

Nước xa sông dài sinh khí tốt;

Trăng soi giếng cổ hiện thần quang.

日照月臨千秋名勝地

山清水秀一邑禮和風

Nhật chiếu nguyệt lâm thiên thu danh thắng địa;

Sơn thanh thủy tú nhất ấp lễ hoà phong.

Trời chiếu trăng soi, đất ấy ngàn năm danh tiếng;

Non xanh, nước biếc, gió này một ấp thuận hoà.

三春淑氣盈門室

萬里祥光燭斗文

Tam xuân thực khí doanh môn thất;

Vạn lý tường quang chúc đấu văn.

Ba xuân khí tốt đầy nhà cửa;
Muôn dặm mây lành sáng lối văn.

家祥世衍無疆慶
國泰天開不老春

*Gia tường thế diễn vô cương khánh;
Quốc thái thiên khai bất lão xuân.*
Nhà phúc nối đời mừng vô hạn;
Nước yên trời mở xuân chẳng già.

時際三陽多淑氣
家敦一樂有和風

*Thời tế Tam dương đa thực khí;
Gia đôn nhất lạc hữu hoà phong.*
Thời lúc Tam dương nhiều khí tốt;
Nhà khi vui đến có hòa phong.

四海風光隨處好
滿天雨露應時新

*Tứ hải phong quang tùy xứ hảo;
Mãn thiên vũ lộ ứng thời tân.*
Bốn bể phong quang nhiều chỗ đẹp;
Đầy trời mưa móc đúng mùa xuân.

和氣盈門迎瑞氣
春光滿眼映文光

*Hoà khí doanh môn nghinh thủy khí;
Xuân quang mãn nhãn ánh văn quang.*
Hoà khí đầy nhà đón khí lành;
Xuân quang vui mắt ánh văn quang.

堂上椿萱輝旭日
階前蘭桂長春風

*Đường thượng xuân huyên huy hức nhật;
Giai tiền lan quế trường xuân phong.*
Nhà trên nắng sớm xuân huyên tốt;
Thêm dưới gió xuân quế lan tươi.

日泓秋水餘清氣
滿室春風散異香

Nhật hồng thu thủy dư thanh khí;
Mãn thất xuân phong tán dị hương.
Một khoảng hồ thu lấm khí trong;
Đầy nhà gió xuân toả hương lạ.

門庭春暖生光彩
田畝年豐樂太平

Môn đình xuân noãn sinh quang thái;
Diên mậu niên phong lạc thái bình.
Nhà cửa ấm xuân thêm vẻ sáng;
Ruộng vườn tươi tốt hưởng thái bình.

一室太和真富貴
滿門春色大榮華

Nhất thất thái hoà chân phú quý;
Mãn môn xuân sắc đại vinh hoa.
Thực giàu sang, một nhà hoà thuận;
Cực vinh hoa, đầy cửa sắc xuân.

幾點梅花迎淑氣
數聲鳥語鬧春光

Kỷ điểm mai hoa nghinh thực khí;
Số thanh điệu ngữ náo xuân quang.
Vài cánh mai hoa đón nhuận khí;
Dăm tiếng chim kêu rộn sắc xuân.

四時和氣春常在
一室安居慶有餘

Tứ thời hoà khí xuân thường tại;
Nhất thất an cư khánh hữu dư.
Bốn mùa hoà khí xuân thường đến;
Một cửa yên vui phúc có thừa.

天地間詩書最貴
家庭內孝友為先

Thiên địa gian thi thư tối quý;
Gia đình nội hiếu hữu vi tiên.
Giữa trời đất thi thư quý nhất;
Trong gia đình hiếu để đứng đầu.

春發其花秋結其實
業精於勤行成於思

*Xuân phát kỳ hoa thu kết kỳ thực;
Nghiep tinh ư cần hành thành ư tư.*

Xuân hoa đua nở, thu cho trái;
Nghề giỏi cần chăm, làm phải suy.

禮以制行樂以和德
儉則足用勤則有功

*Lễ dĩ chế hành, lạc dĩ hoà đức;
Kiệm tắc túc dụng, cần tắc hữu công.
Lễ để giữ hành, nhạc để hoà đức;
Kiệm thời đầy đủ, cần thì có công.*

客至豈空談四壁圖書聊當酒
春來無別事一簾風月欲崔詩

*Khách chí khởi không đàm, tứ bích đồ thư liêu đáng tửu;
Xuân lai vô biệt sự, nhất liêm phong nguyệt dục thôi thi.
Khách đến há chuyện suông, bốn vách sách tranh cần có rượu;
Xuân về không việc khác, một vườn trăng gió giục làm thơ.*

銀燈輝映千街月
玉炬光搖萬戶春

*Ngân đăng huy ánh thiên nhai nguyệt;
Ngọc cự quang dao vạn hộ xuân.
Trăng đèn bạc, rạng soi ngàn ngõ;
Xuân đuốc to, toả sáng muôn nhà.*

月到半輪天亦醉
花開元夜地皆春

*Nguyệt đáo bán luân thiên diệc túy;
Hoa khai nguyên dạ địa giai xuân.
Trăng đến nửa vành, trời túy lúy;
Hoa nở đêm đầu, đất đều xuân.*

淑氣和風充棟宇
芝蘭玉樹滿庭階

*Thục khí hoà phong sung đông vũ;
Chi lan ngọc thụ mãn đình giai.*

Khí đẹp, gió hoà tràn trên mái;
Lan thơm, cây ngọc khắp thêm sân.

勤與儉治家上策
忍而和處世良規

*Cần dũ kiệm trị gia thượng sách;
Nhẫn nhi hoà xử thế lương quy.*
Cần kiệm dạy nhà, là thượng sách;
Nhẫn hoà xử thế, ấy cách hay.

忠厚傳家興且吉
公平處世熾而昌

*Trung hậu truyền gia hưng thả cát;
Công bình xử thế sí nhi xương.*
Nhà noi trung hậu, vượng lại tốt;
Xử thế công bằng, sáng mà hay.

碧桃紅杏乾坤景
暖日和風宇宙春

*Bích đào hồng hạnh càn khôn cảnh;
Noãn nhật hoà phong vũ trụ xuân.*
Đào thắm, mơ hồng, càn khôn cảnh;
Gió hoà, ngày ấm, vũ trụ xuân.

傳家萬事皆宜忍
教子千方不外勤

*Truyền gia vạn sự giai nghi nhẫn;
Giáo tử thiên phương bất ngoại cần.*
Truyền nhà muôn việc đều nên nhẫn;
Dạy con ngàn phép chẳng ngoài cần.

待人寬三分是福
處世讓一步為高

*Đãi nhân khoan tam phân thị phúc;
Xử thế nhượng nhất bộ vi cao.*
Đãi người rộng ba phần là phúc;
Xử thế nhường một bước mới cao.

瑞氣生來惟孝悌
家聲振起是詩書

Thủy khí sinh lai duy hiếu đế;
Gia thanh chấn khởi thị thi thư.
Khí lành sinh sôi nhờ hiếu đế;
Tiếng nhà lành lẫy bởi thi thư.

富養眾民樂四時和風甘雨
資生萬物賜八方歲稔年豐

Phú dưỡng chúng dân, lạc tứ thời hoà phong cam vũ;
Tư sinh vạn vật, tứ bát phương tuế nẫm niên phong.
Chăm sóc chúng dân, vui bốn mùa gió lành mưa ngọt;
Riêng sinh muôn vật, cho tám phương mùa được lúa nhiều.

寶鼎浮煙香結彩
銀臺報喜燭生花

Bảo đỉnh phù yên hương kết thái;
Ngân đài báo hỉ chúc sinh hoa.
Đỉnh quý thơm hương khói toả đẹp;
Đài bạc tin mừng đuốc nở hoa.

一方清泰蒙神佑
兩字康寧叩聖扶

Nhất phương thanh thái mông thần hộ;
Lưỡng tự khương ninh khấu thánh phù.
Một phương an thái ơn thần giúp;
Hai chữ khương ninh khẩn thánh phù.

五色祥雲緣聖殿
千秋恩霧覆民家

Ngũ sắc tường vân duyên thánh điện;
Thiên thu ân vụ phúc dân gia.
Năm sắc mây lành vờn điện thánh;
Ngàn năm ơn đức giúp nhà dân.

殿宇輝煌燭彩燈花千載盛
神功浩蕩安民錫福萬家春

Điện vũ huy hoàng chúc thái đăng hoa thiên tải thịnh;
Thần công hạo dãng an dân tích phúc vạn gia xuân.
Mái điện huy hoàng, đuốc sáng, đèn hoa, ngàn thuở thịnh;
Công thần rộng khắp, dân yên, ban phúc, vạn nhà xuân.

千古仰神庥德曜常昭日月
萬年隆血食威嚴永鎮乾坤

*Thiên cổ ngưỡng thần huy, đức diệu thường chiếu nhật nguyệt;
Vạn niên long huyết thực, uy nghiêm vĩnh trấn càn khôn.
Ngàn thuở đời ơn thần, đức sáng tỏ cùng nhật nguyệt;
Vạn năm dâng lễ vật, uy nghiêm mãi trấn càn khôn.*

殿宇輝煌人傑地靈千古跡
神功浩蕩民安物阜萬家春

*Điện vũ huy hoàng nhân kiệt địa linh thiên cổ tích;
Thần công hạo dãng dân an vật phú vạn gia xuân.
Mái điện huy hoàng, người giỏi, đất thiêng ngàn dấu cổ;
Công thần rộng khắp, dân yên, vật thịnh vạn nhà xuân.*

萬古丹心盟日月
千秋義氣壯山河

*Vạn cổ đan tâm minh nhật nguyệt;
Thiên thu nghĩa khí tráng sơn hà.
Muôn thuở lòng son thề nhật nguyệt;
Ngàn năm nghĩa khí mạnh sơn hà.*

詩酒太豪情此地江山曾作主
風霜掩俗骨故園松菊爲誰當

*Thi tửu thái hào tình, thử địa giang sơn tằng tác chủ;
Phong sương yểm tục cốt, cố viên tùng cúc vị thủy đương.
Thơ rượu gợi hào tình, đất ấy non sông từng có chủ;
Gió sương che tục cốt, vườn xưa tùng cúc để ai trông.*

造化亦何心於斯人斯遇
僚友所深感在此夕此朝

*Tạo hóa diệc hà tâm, ư tư nhân tư ngộ;
Liêu hữu sở thâm cảm tại thử tịch thử triều.
Tạo hóa nở lòng nào, há dễ người này cảnh ấy;
Bạn bè nên thông cảm, ở trong đêm ấy ngày này.*

菊徑休翁愁夏日
蘭階孝子泣春暉

*Cúc kính hưu ông sầu hạ nhật;
Lan giai hiếu tử khắp xuân huy.*

Lối cúc người về buồn thán hạ;
Thêm lan con hiếu khóc tàn xuân.

杖屨百年天整八
晨昏六子地逢三

*Trượng lữ bách niên thiên chỉnh bát;
Thần hôn lục tử địa phùng tam.
Trăm năm chống gậy trời sửa tám;
Sáu con hầu hạ đất lỗi ba.
(Phan Bội Châu thay người khác viết)*

一旦忽非常使我公姑長望叔
九源如有遇爲言母子倍恩情

*Nhất đán hốt phi thường, sử ngã công cô trường vọng thúc;
Cửu nguyên như hữu ngộ, vị ngôn mẫu tử bội ân tình.
Bỗng chốc hoá vô thường, khiến cháu với cô buồn nhớ chú;
Suối vàng như có gặp, vì mẹ con nhắc chuyện ân tình.
(Vợ góa khóc em trai chồng)*

先生存而兄存簪笏百年鳴世外
先生沒而兄沒晨昏一念到冥中

*Tiên sinh tồn nhi huynh tồn, trâm hốt bách niên minh thế ngoại;
Tiên sinh một nhi huynh một, thần hôn nhất niệm đáo minh trung.
Khi thầy còn mà anh còn, trâm hốt trăm năm ngoài cuộc thế;
Lúc thầy mất mà anh mất, sớm hôm một nỗi chôn u minh.
(Khóc con thầy học)*

京闕舊遊瓊苑花間同我賞
文章殘局玉樓天外送君歸

*Kinh khuyệt cựu du quỳnh uyển hoa gian đồng ngã thưởng;
Văn chương tàn cục ngọc lâu thiên ngoại tống quân quy.
Kinh khuyệt gặp nhau, cùng tôi thưởng vườn quỳnh hoa nở;
Văn chương hồi cuối, tiễn ông đi lầu ngọc cảnh tiên.
(Nguyễn Thượng Hiền viếng Thám Hoa Vũ Phạm Hàm)*

千古靈魂歸象郡
百年殘骨喪龍州

*Thiên cổ linh hồn quy Tượng quận;
Bách niên tàn cốt táng Long châu.*

Ngàn thuở hồn thiêng về Tượng quận;
Trăm năm thể phách gửi Long châu.
(Nguyễn Thượng Hiền khóc bố vợ Tôn Thất Thuyết)

悟空諸念寂
對佛一燈寒

Ngộ không chư niệm tịch;
Đôi Phật nhất đăng hàn.
Ngộ chữ không, mọi niệm đều vắng;
Trước đức Phật, một ngọn đèn cô.

藥之弗效 禱之弗靈 母命謂何哉 塵體悠悠 寒雨怯生
無以養死 無以祭子 心良苦矣 愁情戀戀 白雲飛

*Dược chi phát hiệu, đảo chi phát linh, mẫu mệnh vị hà tại,
trần thể du du hàn vũ khiếp;*

*Sinh vô dĩ dưỡng, tử vô dĩ tế, tử tâm lương khổ hĩ,
sâu tình luyến luyến bạch vân phi.*

Thuốc còn chưa nghiệm, cầu còn chưa linh, mệnh mẹ tính sao đây,
thân trần tục ghê thay cơn gió lạnh;
Sống không thể nuôi, chết không thể tế, lòng con đau đớn lắm,
nỗi u buồn đành gửi đám mây bay.

(Khóc mẹ)

七十七春秋若果脫離成果福
三大天世界慈花容見化蓮花

*Thất thập thất xuân thu, nhược quả thoát ly thành phúc quả;
Tam đại thiên thế giới, từ hoa dung kiến hóa liên hoa.
Bảy mươi bảy tuổi trời, quả được chia ly thành quả phúc;
Ba đại thiên thế giới, hoa từ dung mạo hóa hoa sen.*

慈德仰蒙山海重
孝心深愧路塵輕

*Từ đức ngưỡng môn sơn hải trọng;
Hiếu tâm thâm quý lộ trần khinh.
Công ơn mẹ nặng sánh tày non biển;
Lòng hiếu con then nhẹ tựa bụi trần.*

以如此江山豈無文章鳴世之才爲人邑望
非不能甲乙所在造物生賢之意猶異日留

*Dĩ như thử giang sơn, khởi vô văn chương minh thế chi tài, vi nhân ố vọng;
Phi bất năng giáp ất, sở tại tạo vật sinh hiển chí ý, do dị nhật lưu.
Non sông đến nỗi này, há chẳng có tài văn chương kêu gọi đáp ứng
người mong đợi;
Nếp tẻ ra sao chẳng biết, cũng chỉ bởi ý tạo hoá sinh hiển dành lại
để ngày sau.*

(Khóc nghĩ sĩ văn thân)

人生百歲爲期半未半憐卿薄命
天賜三元及第奇之奇重朕傷心

*Nhân sinh bách tuế vi kỳ, bán vị bán lân khanh bạc mệnh;
Thiên tử tam nguyên cập đệ, kỳ chi kỳ trọng trọng thương tâm.
Đời người trăm năm một hẹn, chưa trọn nửa sao khanh mệnh bạc;
Trời cho tam nguyên đã đậu, lạ làm sao nặng trăm thương tâm.
(Hoàng đế Đức Tôn khóc Tam Nguyên Trần Bích San)*

福林寶訓芳猶在
鐘鐵遺音念不忘

*Phúc lâm bảo huấn phương do tại;
Chung thiết di âm niệm bất vong.
Lời răn rường phúc, thơm còn đấy;
Chuông dóng dư âm, nhớ khó quên.*

德澤長留風物在
蓬臺仰望水雲迷

*Đức trạch trường lưu phong vật tại;
Bồng đài ngưỡng vọng thủy vân mê.
Cảnh vật còn đây ơn đức nhớ;
Nước mây mờ mịt cảnh tiên mong.*

眷愛多年蒙厚德
超生今日仰慈容

*Quyến ái đa niên蒙厚德;
Siêu sinh kim nhật ngưỡng từ dung.
Ưu ái nhiều năm dày ơn đức;
Siêu thoát hôm nay nhớ về từ.*

信道雲來佛教眞言欽奉
老松雨化蓮臺淨土榮歸

*Tín đạo vân lai, phật giáo chân ngôn khâm phụng;
Lão từng vũ hóa, Liên đài tịnh thổ vịnh quy.
Đức tín theo mây đến, vâng nghe lời truyền Phật giáo;
Tùng già hóa mưa bay, vui về đất tịnh đài sen.*

樹結菩提報滿娑婆歸佛戒
修完福果神遊淨土接人寰
*Thụ kết bồ đề, báo mãn sa bà quy phật giới;
Tu hoàn phúc quả, thần du tịnh thổ, tiếp nhân hoàn.
Kết cây bồ đề, khắp cõi sa bà quy cõi Phật;
Tu thành quả phúc, chơi miền tịnh thổ tiếp người trần.*

波寒泰水驚殘夏
霜鎖冰庭惑隔秋
*Ba hàn thái thủy, kinh tàn hạ;
Sương toả băng đình cảm cách thu.
Nước to, sóng lạnh, kinh tàn hạ;
Sân băng, sương toả, nhắc qua thu.*

遇有升沉皆若夢
交於生死孰無情
*Ngộ hữu thăng trầm giai nhược mộng;
Giao ư sinh tử thực vô tình.
Gặp cảnh thăng trầm coi tựa mộng;
Vào nơi sống chết khó vô tình.*

北雪南梅成往事
江風山月畚閒人
*Bắc tuyết, nam mai thành vãng sự;
Giang phong sơn nguyệt sắc nhàn nhân.
Câu chuyện cũ Nam mai, Bắc tuyết;
Người nhàn ưa trăng núi, gió sông.*

寂寞琴臺孤月照
悽惶蘭徑曉風吹
*Tịch tịch cầm đài cô nguyệt chiếu;
Thê hoàng lan kính hiếu phong suy.
Lầu đàn vắng vẻ trăng cô chiếu;
Lan khóm đìu hiu gió sớm qua.*

林茂鳥歸燕雀多年承美處
芝焚蕙慘藤蘿終古戀喬枝

*Lâm mậu điều quy, yến tước đa niên thừa mỹ xứ;
Chi phân huệ thảm, đằng la chung cổ luyến kiều chi.
Rừng rậm chim về, yến sê vẫn thường tìm chỗ tốt;
Chi sâu huệ thảm, sắn bìm muôn thuở thích cành cao.*

無窮塵累平生厭
不朽科名久遠看

*Vô cùng trần lụy bình sinh yếm;
Bất hủ khoa danh cửu viễn khan.
Trần lụy vô cùng đời vốn ngán;
Khoa danh còn mãi đứng xa nhìn.*

當今海嘯未清情係子臣忍此丹心孤一老
莫見太峰有約誰無兄弟欲相正氣覓雙魂

*Đương kim hải ế vị thanh, tình hệ tử thần, nhẫn thủ đan tâm cô
nhất lão;
Mạc kiến thái phong hữu ước thùy vô huynh đệ dục tương chính khí mịch
song hồn
Ngày nay biển mờ chưa tỏ, tình thuộc tôi con, nén tấm lòng son,
riêng một lão;
Chớ thấy non cao đã hẹn, ai chẳng anh em, muốn đem chính khí
kiếm hai hồn.*

月鏡幾時圓目送歸鴻思故國
家鄉何處是心隨飛燕逐征帆

*Nguyệt kính kỷ thời viên, mục tống quy hồng tư cố quốc;
Gia hương hà xứ thị, tâm tùy phi yến trục chinh phàm.
Vành trăng mấy bận tròn, mắt tiễn chim hồng nhớ nước cũ;
Quê nhà nơi đâu nhỉ, lòng theo chim yến dôi buồm xa.*

科官方懸雙侍望
孝忠徒抱一生心

*Khoa hoạn phương huyền song thị vọng;
Hiếu trung đồ bão nhất sinh tâm.
Khoa hoạn nêu cao còn đứng ngóng;
Hiếu trung để dạ một lòng mong.*

春旦授花聯正欲薰香書壽算
夏雲迷泰嶺不堪和淚寫哀詩

*Xuân đán thụ hoa liên, chính dục huân hương thư thọ toán;
Hạ vân mê thái lĩnh, bất kham hoà lệ tả ai thi.*
Sáng xuân viết đôi hoa, những muốn thắp hương cầu chúc thọ;
Mây hè mờ non Thái, khôn ngăn nhỏ lệ viết thơ buồn.

憐君才器佔時名忽如行客
笑我慵疏招物論猶作間人

*Lân quân tài khí chiếm thời danh, hốt như hành khách;
Tiểu ngã dung sơ chiêu vật luận, do tác nhàn nhân.*
Thương ông tài trí hơn người, bỗng chốc hoá ra hành khách;
Cười ta học hành kém bạn, đành làm một kẻ chơi nhàn.

花甲八旬餘適挹芝蘭歆雅度
杏村十里外遙瞻壽曜憶芳徽

*Hoa giáp bát tuần dư, nhĩ áp chi lan hâm nhã độ;
Hạnh thôn thập lý ngoại, dao chiêm thọ diệu ức phương vi.*
Tuổi tác ngoại tám mươi, gần với chi lan thêm nhã nhận;
Hạnh thôn ngoài mười dặm, xa trông ánh thọ luống thương thâm.

耐久與相於從容酒菊茶蓮無限江風池草夢
歸來重訪舊嘆息南河北海空餘春樹墓雲情

*Nại cửu dữ tương ư thung dung tửu cúc trà liên vô hạn giang phong
trì thảo mộng*
*Quy lai trùng phòng cựu thán tức nam hà bắc hải không dư xuân thụ
mộ vân tình*

Gần gũi nhiều năm khi trà sen rượu cúc thông dong sông gió cỏ ao
từng lấm mộng
Về hưu thăm hỏi lúc biển bắc sông nam thao thức cây xuân bên mộ
lấy đầu tình

著眼應消千古恨
放懷莫負片時閒

*Trước nhãn ưng tiêu thiên cổ hận;
Phóng hoài mạc phụ phiến thời nhàn.*
Nhắm mắt quên đi ngàn thuở hận;
Mở lòng chớ phụ một lúc nhàn.

有志難申空枉百年昭物議
雖功不就亦將一死報君恩

Hữu chí nan thân, không uống bách niên chiêu vật nghị;

Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.

Chí lớn khôn bày, uống phí trăm năm lo việc nước;

Công danh đã ngán, đành đem một chết báo ơn vua.

(Phan Bội Châu khóc Nguyễn Hữu Huân)

未捷身先長使英雄淚滿
並遊顏厚肯交夫子生還

Vị tiếp thân tiên, trường sử anh hùng lệ mãn;

Tinh du nhan hậu khảng giao phu tử sinh hoàn.

Chưa thắng giặc đã hy sinh, mãi để anh hùng còn rơi lệ;

Dày mặt kẻ quen biết, để cho phu tử sống về.

(Tam nguyên Yên Đổ khóc Tiến sĩ Vũ Hữu Lợi)

一繫故園心衣線手中常憶
重遮千里目煙波江上不勝

Nhất hệ cố viên tâm, y tuyến thủ trung thường ức;

Trùng già thiên lý mục, yên ba giang thượng bất thắng.

Lòng lưu luyến vườn xưa, sợi chỉ trong tay thường vẫn nhớ;

Mặt khuất che ngàn dặm, trên sông khói sóng gợi thêm buồn.

(Nhà chài khóc mẹ)

視之如子然廿載冰庭多托愛
胡然而天也十行閨淚倍含悽

Thị chi như tử nhiên, thập tải băng đình đa thác ái;

Hồ nhiên nhi thiên dã, thập hàng khuê lệ bội hàm thê.

Vẫn coi như con, hai chục năm qua nhiều ưu ái;

Bỗng chốc về trời, mười hàng lệ nhỏ lắm tình thương.

(Mẹ vợ khóc con rể)

古希遜七人方望
鄉約初成筆未乾

Cổ hi tổn thất nhân phương vọng;

Hương ước sơ thành bút vị can.

Tuổi hiếm kém bảy, người mong ước;

Hương ước vừa xong, bút chưa khô.

桂五枝芳十里品評相勉勉
蓮湖花福雙堂色笑共怡怡

*Quế ngũ chi phương, thập lý phẩm bình tương miến miến;
Liên hồ hoa phúc, song đường sắc tiếu cộng di di.
Quế năm cành thơm, mười dặm ngợi khen nên cố gắng;
Hồ sen hoa phúc, hai thân thoả chí cũng vui cười.*

黃泉觀面如相問
白髮盈頭限想他

*Hoàng tuyền cấu diện như tương vấn;
Bạch phát doanh đầu hạn tưởng tha.
Suối vàng gặp mặt nên thăm hỏi;
Tóc trắng trên đầu vẫn nhớ thương.*

生為貉將死為神歷代哀葩長仰文郎千古國
昔是軍營今是廟異然香火默扶戚里二村民

*Sinh vi Lạc tướng tử vi thần lịch đại oán葩 trường仰望
Văn lang thiên cổ quốc*

*Tích thị quân doanh, kim thị miếu, dĩ nhiên hương hoả, mặc phù
Thích lý nhị thôn dân.*

Sống làm Lạc tướng, thác làm thần, mũ áo nhiều đời, còn mãi nước
Văn Lang muôn thuở;

Trước là quân doanh, nay là miếu, sớm hôm hương khói, âm phù
Thích lý chúng dân thôn.

禮樂威儀敬如神在
謳歌鼓舞樂在人和

*Lễ nhạc uy nghi, kính như thần tại;
Âu ca cổ vũ, lạc tại nhân hoà.*

Lễ nhạc oai nghiêm, tôn kính như thần còn ở;
Ngợi ca cổ vũ, sướng vui khi người cùng hoà.

五色祥雲緣聖殿
千秋恩霧覆民靈

*Ngũ sắc tường vân duyên thánh điện;
Thiên thu ân vụ phủ dân linh.*

Năm sắc mây lành vờn thánh điện;
Ngàn năm ơn đức giúp dân thiêng.

萬古烹蒿歆節烈
一方主宰仰英靈

*Vạn cổ huân khao hâm tiết liệt;
Nhất phương chủ tế ngưỡng anh linh.
Muôn thuở khói hương nhờ tiết liệt;
Một phương làm chủ nhớ anh linh.*

普濟生靈周苦厄
隨時變化現真身

*Phổ tế sinh linh chu khổ ách;
Tuỳ thời biến hoá hiện chân thân.
Cứu giúp sinh linh qua biển khổ;
Tuỳ thời biến hoá hiện chân thân.*

座上蓮花占盡西湖三月景
瓶中楊柳分來南海一枝春

*Toà thượng liên hoa, chiêm tận Tây Hồ tam nguyệt cảnh;
Bình trung dương liễu, phân lai Nam Hải nhất chi xuân.
Toà ngự hoa sen, chiếm hết Tây Hồ ba tháng hạ;
Mành treo dương liễu, lấy từ Nam Hải một nhánh xuân.*

法力頌無邊海宴河清齊獻瑞
波濤揚不起風平浪靜慶安瀾

*Pháp lực tụng vô biên, hải yến hà thanh tế hiến thủy;
Ba đào dương bất khởi, phong bình lãng tĩnh khánh an lan.
Khen pháp lực vô biên, biển tĩnh sông trong, diễm dâng hiến;
Sóng đào không nổi dậy, gió êm giềng lặng vui bình yên.*

慈航昭普渡
甘露洒馨香

*Từ hàng chiêu phổ độ;
Cam lộ sái hình hương.
Thuyền từ luôn tế độ;
Cam lộ rưới hương thơm.*

護法能昭神勇力
降魔惟現宰官身

*Hộ pháp năng chiêu dũng lực;
Hàng ma duy hiện tế quan thân.*

Hộ pháp biểu dương mạnh thần lực;
Hàng ma thể hiện tế quan thân.

芙蓉花面春風暖
楊柳枝頭日露香

Phù dung hoa diện xuân phong ôn;
Dương liễu chi đầu nhật lộ hương.
Hoa phù dung gió xuân ấm mát;
Cây dương liễu sương mai đầy cành.

偏洒慈雲仙露降
高懸寶鏡慧珠圓

Thiên sái từ vân tiên lộ giáng;
Cao huyền bảo kính tuệ châu viên.
Sương tiên giáng mây từ riêng tưới;
Ngọc tuệ tròn kính báu còn vương.

德合坤貞萬古崇山留勝跡
名騰巽順千秋珥水播洪恩

Đức hợp khôn trinh, vạn cổ sùng sơn lưu thắng tích;
Danh đằng tốn thuận, thiên thu Nhĩ thủy bá hồng ân.
Đức hợp khôn trinh, muôn thuở non Sùng lưu thắng tích;
Danh thu tốn thuận, ngàn thu nước Nhĩ rộng hồng ân.

和平錫民後一方保護明神德
睦化率家先歷代封褒望聖恩

Hoà bình tích dân hậu, nhất phương bảo hộ minh thần đức;
Mục hóa suất gia tiên, lịch đại phong bao vọng thánh ân.
Hoà bình cho dân đến, che chở một phương đức thần tỏ;
Thân thích từ nhà làm, phong tặng nhiều đời ơn thánh ban.

蓋世勳名存國史
累朝敕贈顯靈祠

Cái thế huân danh tồn quốc sử;
Luỹ triều sắc tặng hiển linh từ.
Trùm đời danh tiếng lưu sử nước;
Trải triều sắc tặng tỏ đến thiêng.

英山蘇水廟宇崢嶸祠上等
聖靈明德威嚴顯赫盛民扶

Anh sơn tô thủy, miếu vũ tranh vanh từ thượng đẳng;
Thánh linh minh đức, uy nghiêm hiển hách thịnh dân phù.
Non đẹp nước Tô, miếu mạo nên cao đến loại nhất;
Thánh thiêng đức sáng, oai nghiêm hiển hách thịnh phù dân.

穆穆當天主宰千年留勝跡
洋洋在上烹蒿萬古對神庵

Mục mục đương thiên, chủ tế thiên niên lưu thắng tích;
Dương dương tại thượng, huân khao vạn cổ đối thần am.
Hoà mục sách trời, chúa tế ngàn năm lưu thắng tích;
Thoả ý từ trên, khói hương muôn thuở trước am thần.

日誦金經祈國泰
時宣寶偈祝民安

Nhật tụng kim kinh kỳ quốc thái;
Thời tuyên bảo kệ chúc dân an.
Ngày tụng kinh vàng cầu quốc thái;
Hay ngâm kệ báu chúc dân an.

入般若門開般若場求現在同圓般若
發菩提心學菩提道願將來共證菩提
Nhập Bát nhã môn, khai bát nhã trường, cầu hiện tại đồng viên bát nhã;
Phát bồ đề tâm, học bồ đề đạo, nguyện tương lai cộng chứng bồ đề.
Vào cửa bát nhã, mở trường bát nhã, cầu hiện tại tròn cùng bát nhã;
Phát tâm bồ đề, học đạo bồ đề, mong tương lai chứng nghiệm bồ đề.

臨岸出清香不死精神遺正法
曹溪流白水有生氣象闡家風

Lâm ngạn xuất thanh hương, bất tử tinh thần di chính pháp;
Tào Khê lưu bạch thủy, hữu sinh khí tượng xiển gia phong.
Đến bờ giác.đốt hương, bất tử tinh thần nơi chính pháp;
Dòng Tào Khê nước chảy, nảy sinh khí tượng vẻ con nhà.

一葦西來袈裟著帶煙沉冷
九蓮神化衣鉢還留雨露香

Nhất vĩ tây lai, cà sa trước đới yên trầm lạnh;
Cửu liên thần hoá, y bát hoàn lưu vũ lộ hương.
Một nhánh lau từ tây, cà sa đã khói hương nhuốm lạnh;
Chín đài sen thần hóa, y bát còn mưa móc đượm hương.

六 智 神 通 微 般 若
千 秋 色 相 儼 如 來

*Lục trí thần thông trưng bát nhã;
Thiên thu sắc tướng nghiêm như lai.*

Sáu giới thần thông cầu bát nhã;
Ngàn năm sắc tướng kính như lai.

非 色 非 空 眞 妙 相
不 生 不 滅 大 慈 尊

*Phi sắc phi không chân diệu tướng;
Bất sinh bất diệt đại từ tôn.*

Chẳng sắc chẳng không đúng diệu tướng;
Không sinh không diệt thực dòng từ.

天 誰 寶 蓋 祥 光 照
地 出 金 蓮 瑞 氣 生

Thiên thủy bảo cái tường quang chiếu;

Địa xuất kim liên thủy khí sinh.

Trời che lọng báu mây lành chiếu;

Đất mọc sen vàng khí tốt sinh.

願 佛 慈 恩 霑 此 地
惟 天 寶 福 賜 於 民

Nguyện phật từ ân chiêm thủ địa;

Duy thiên bảo phúc tửư dân.

Mong phật từ ân thấm đất ấy;

Cầu trời phúc báu tới dân này.

破 賊 但 嫌 三 歲 晚
騰 雲 猶 恨 九 天 低

Phá tặc đản hiềm tam tuế vãn;

Đăng vân do hận cửu thiên đề.

Lên ba phá giặc e còn muộn;

Vượt chín tầng mây hận chứa cao.

(Phù Đồng Thiên Vương từ)

雨 來 山 頂 聞 機 軸
月 炤 湖 心 現 鏡 臺

Vũ lai sơn đỉnh văn cơ trục;

Nguyệt chiếu hồ tâm hiện kính đài.

Mưa đến đỉnh non nghe tiếng máy;
Trắng chiếu lòng hồ hiện đài gương.

(Đền Tam thần)

一們甲榜郁家聲洪順初年正進士
萬古綱常扶世教光紹末造大忠臣

*Nhất môn giáp bảng úc gia thanh, Hồng Thuận sơ niên chánh Tiến sĩ;
Vạn cổ cương thường phù thế giáo, Quang Thiệu mạt tạo đại
trung thần.*

Một nhà khoa bảng kể lòng danh, năm đầu Hồng Thuận chánh Tiến sĩ;
Muôn thuở cương thường nâng nghiệp học cuối đời Quang Thiệu đại
trung thần

(Đền Tiết Nghĩa)

八歲已狀元名芳越地
十年行使事聲振吳間

*Bát tuế dĩ Trạng nguyên, danh phương Việt địa;
Thập niên hành sự, thanh chấn Ngô gian.
Tám tuổi đỗ Trạng nguyên, thơm danh nước Việt;
Mười năm đi việc Sứ, nổi tiếng đất Ngô.*

雲宿莊王何代址
樹吹陳子一風庵

*Vân túc Trang Vương hà đại chỉ;
Thụ suy Trần tử nhất phong am.
Xe mây đậu chốn Trang Vương nghỉ;
Trận gió rung cây Trần tử am.*

(Am Trang Vương)

知其不可而遂歸 從赤松遊之智
生於莫土而試士欲公山往之心

*Tri kỳ bất khả nhi toại quy, tòng Xích Tùng du chi trí;
Sinh ư Mạc thổ nhi thí sĩ, dục công sơn vãng chi tâm.
Biết là không thể bền về, tiếp bước Xích Tùng ở trí;
Sinh ở đất Mạc thi đỗ, đành học Công Tôn ở tâm.*

(Đền Trình Quốc Công)

翠竹黃花安外景
白雲明月現全真

Thúy trúc hoàng h oa an ngoại cảnh;
Bạch vân minh nguyệt hiện toàn chân.
Trúc biếc, cúc vàng, cảnh yên tĩnh;
Mây trắng, trăng thanh, hiện rõ ràng.

榮生一室雙奇女
愧死當時幾丈夫

Vinh sinh nhất thất song kỳ nữ;
Quý tử đương thời kỷ trượng phu.
Khá khen một cửa hai kỳ nữ;
Đáng thẹn đương thời mấy trượng phu.

祝聖壽贊皇恩同日月光輝萬古
庇民安祈物阜並山河壯固千秋

Chúc thánh thọ, tán hoàng ân, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;
Tý dân an, kỳ vật phú, tịnh sơn hà tráng cố thiên thu.
Chúc thánh thọ, ngợi hoàng ân, cùng nhật nguyệt sáng ngời muôn thuở;
Giúp dân yên, cầu vật thịnh, với non sông bền vững ngàn thu.
(Chùa Liên Hoa)

曾是前朝遊預地
依然舊處風光時

Tằng thị tiền triều du dự địa;
Y nhiên cựu xứ phong quang thời.
Triều trước, từng là nơi dạo mát;
Chốn xưa, vẫn thế cảnh phong quang.

設立四十七 村民各新安業
追恩非止一寨邑長留芳名

Thiết lập tứ thập thất thôn dân, các tân an nghiệp;
Truy ân phi chỉ nhất trại ấp, trường lưu phương danh.
Thiết lập bốn mươi bảy thôn dân, an cư lạc nghiệp;
Truy ơn chẳng chỉ một trại ấp, còn mãi tiếng thơm.
(Đền Lưu Phương)

擒妖虎於舟中一網勝百萬師戈甲
翼真龍于水上片時延十八子孫姚

Cầm yêu hổ ư chu trung, nhất võng thắng bách vạn sư qua giáp;
Dực châu long vu thủy thượng, phiến thời diên thập bát tử tôn diêu.

Bắt yêu hồ ở trong thuyền, một lưới hơn trăm vạn quân giáp mác;
Nâng cánh rồng trên mặt nước, thoáng thôi mà mười tám châu con vịnh.

(Đền Mục Thận)

野花啼鳥沉迷客

石蔓羅煙繾綣人

Dã hoa đề diêu trầm mê khách;

Thạch mạn la yên khiến quyến nhân.

Hoa nội, chim kêu mê mẩn khách;

Cây leo, khói toả, vẩn vương người.

(Chùa An Dã)

超類鐘靈李代九重昭母則

同天留跡故宮千載迓神庥

Siêu loại chung linh, Lý đại cửu trùng chiêu mẫu tắc;

Đồng thiên lưu tích, cố cung thiên tải nhạ thần hưu.

Siêu - loại chuông thiêng, sáng phép mẹ chín trùng triều Lý;

Đồng - thiên dấu tích, đợi ơn thần ngàn thuở cung xưa.

(Đình An Thái)

黎派地鍾靈雲傘奇微僊顯跡

李朝天作合坤簾懿範母儀尊

Lê phái địa chung linh, vân tản kỳ trưng tiên hiển tích;

Lý triều thiên tác hợp khôn liêm ý phạm mẫu nghi tôn.

Đất nhà Lê chung đúc, mây tán còn ghi tiên hiển hiện;

Trời triều Lý chấp mối, rèm khôn lưu dáng mẹ uy nghi.

忽見靈臺勞夢寐

遙看勝地思綿蠻

Hốt kiến linh đài lao mộng寐;

Dao khan thắng địa tư miên man.

Chợt thấy đài thiêng, hồn mộng寐;

Xa nhìn cảnh đẹp, ý miên man.

(Chùa Hàm Long, Đông Sơn)

節鉞權隆朝宿將

藩垣責重國元臣

Tiết việt quyền long, triều túc tướng;

Phên viên trách trọng, quốc nguyên thần.

Tiết việt quyền cao triều tướng trực;
Giậu phen gánh nặng, nước - quan đầu.

(Miếu Hàm Giang)

懸寶鏡于空堂森嚴萬象
燦心燈于淨地妙証無爲

Huyền bảo kính vu không đường, sâm nghiêm vạn tượng;

Sán tâm đăng vu tịnh địa, diệu chứng vô vi.

Gương báu treo nhà vắng, thâm nghiêm muôn vẻ;

Đèn tâm sáng đất tĩnh, chứng tỏ vô vi.

(Chùa Hoằng Phúc)

不記何年雲蓋覆
相傳此地寶爐浮

Bất ký hà niên vân cái phủ;

Tương truyền thử địa bảo lư phù.

Chẳng nhớ năm nào rợp mây lọng;

Tương truyền đất ấy nổi lò thiêng.

(Đình Châu Hội)

斷蛟勇冠群倫李朝千萬年而後
躍馬恩留厥邑龍城十三寨俱傳

Đoạn giao dũng quán quần luân, Lý triều thiên vạn niên nhi hậu;

Dược mã ân lưu quyết ấp, Long thành thập tam trại câu truyền.

Chém giao, phò sức mạnh tuyết luân, ngàn vạn năm sau triều Lý nhớ;

Ruổi ngựa, để ơn lưu mọi ấp, mười ba thôn trại Long thành truyền.

(Đình Lệ Mật)

保國振神威北地 嶽山留勝跡
安民憑聖澤南天寶殿沐深恩

Bảo quốc chấn thần uy, Bắc địa nhạc sơn lưu thắng tích;

An dân bằng thánh trạch, Nam thiên bảo điện mọc thâm ân.

Giữ nước chấn oai thần, đất Bắc núi cao lưu thắng tích;

Yên dân nhờ đức thánh, trời Nam điện báu thấm ơn sâu.

一路香山垂萬歲
三門古洞永千秋

Nhất lộ hương sơn thủy vạn tuế;

Tam môn cổ động vĩnh thiên thu.

Hương sơn một lối còn muôn thuở;
Động xưa ba cửa mãi ngàn thu.

岳降神靈五福元霄鍾秀氣
地生人傑萬年境土保純民

*Nhạc giảng thần linh, ngũ phúc nguyên tiêu chung tú khí;
Địa sinh nhân kiệt, vạn niên cảnh thổ bảo thuần dân.
Núi cao giảng thần thiêng, ngũ phúc rằm xuân vùn khí đẹp;
Đất lành sinh người kiệt, muôn năm mảnh đất hộ dân thuần.*

嶽山靈跡生爲將化爲神億年奉祀
燕水長流外有祠內有寺千古尊嚴

*Nhạc sơn linh tích, sinh vi tướng, hoá vi thần, ức niên phụng tự;
Yến thủy trường lưu, ngoại hữu từ, nội hữu tự, thiên cổ tôn nghiêm.
Đỉnh núi dấu thiêng, sinh làm tướng, hoá làm thần, muôn năm thờ cúng;
Suối yến chảy mãi, ngoài có đền, trong có chùa, ngàn thuở tôn nghiêm.*

世普別條分德樹遠憑先代蔭
宗堂隨地建紫亭延望故山雲

*Thế phổ biệt điều phân, đức thụ viễn bằng tiên đại âm;
Tôn đường tùy địa kiến, tử đình diên vọng cố sơn vân.
Gia phả phải phân chia, công đức ơn nhờ đời trước âm;
Từ đường tùy đất dựng, đẹp đình tường nhớ núi mây xưa.*

祖德宗功千載澤
子承孫繼萬年春

*Tổ đức tôn công thiên tải trạch;
Tử thừa tôn kế vạn niên xuân.
Công đức tổ tiên ngàn thuở phúc;
Cháu con nối dõi vạn năm xuân.*

忠厚相傳昔樹今花憑世澤
箕裘充紹前光後裕顯家聲

*Trung hậu tương truyền, tích thụ kim hoa bằng thế trạch;
Cơ cừ sung thiệu, tiền quang hậu dụ hiển gia thanh.
Trung hậu còn truyền, cây cổ hoa nay nhờ phúc tổ;
Nghiep nhà nối dõi, phúc sau sáng trước rạng danh nhà.*

木本水源承世澤
秋霜春露憶先靈

Mộc bản thủy nguyên thừa thế trạch;
Thu sương xuân lộ ước tiên linh.
Cây gốc nước nguồn nhờ phúc trạch;
Thu sương xuân móc nhớ người xưa.

堂醴鼎俎酬先烈
孝子仁人竭至誠

Đường lễ đỉnh trở thù tiên liệt;
Hiếu tử nhân nhân kiệt chí thành.
Từ đường đỉnh vạc cúng tiên tổ;
Con hiếu người nhân hết dạ thanh.

縹緲香煙酬祖德
輝煌燭彩報宗功

Phiêu diêu hương yên thù tổ đức;
Huy hoàng chúc thái báo tôn công.
Nghỉ ngút khói hương nhớ đức tổ;
Huy hoàng đuốc nến báo ơn tông.

忠孝傳家恭治箕裘紹統緒
歲時報本蒸嘗俎豆薦馨香

Trung hiếu truyền gia, cung trị có cừu thiệu thống tự;
Tuế thời báo bản, chưng thường trở đậu tiến hình hương.
Trung hiếu còn truyền, nối nghiệp cha ông theo một mối;
Tháng năm nhớ gốc, cúng tế lễ tiết vẫn dâng hương.

子姓蕃昌憑世澤
春秋祭祀寓辰思

Tử tính phồn xương bằng thế trạch;
Xuân thu tế tự ngụ thời tư.
Con cháu đông vui nhà phúc lớn;
Tháng năm cúng tế nhớ ơn xưa.

世闕相承開後鳳
堂祔儼在溯前龍

Thế phật tương thừa khai hậu phượng;
Đường banh nghiêm tại tổ tiên long.
Quyền quý mãi đời sau sinh phượng;
Trang nghiêm như tế trước sân rồng.

福人福地栽培厚
文子文孫播引長

*Phúc nhân, phúc địa, tài bồi hậu;
Văn tử, văn tôn, bá dẫn trường.
Người phúc đất phúc nên đầy đặn;
Cháu hay con giỏi sẽ lâu dài.*

祖功宗德家爲廟
子孝臣忠國有編

*Tổ công tôn đức gia vi miếu;
Tử hiếu thần trung quốc hữu biên.
Tổ tông công đức nhà là miếu;
Tôi còn trung hiếu nước còn ghi.*

吳家文派彪炳在前朝 溯自先封公肇基之始
羅渚科編箕裘裕來葉艷傳雙進士聯榜于今

*Ngô gia văn phái, lưu bính tại tiền triều, tổ tự tiên Phong Công, triệu
cơ chi thủy*

*La chủ khoa biên, cơ cừ dụ lai diệp, diễm truyền song Tiến sĩ, liên
bảng vu kim*

Văn phái họ Ngô, rục rờ triều xưa, từ lúc Phong Công, dựng đầu
cơ nghiệp;

Khoa bảng vùng La, noi theo nghiệp trước, nhờ hai Tiến sĩ, nối bảng
đời sau.

已飽見險難貞心猶白
能儼存詩筆傑思如新

*Dĩ bão kiến hiểm nan trinh tâm do bạch;
Năng nghiêm tồn thi bút, kiệt tứ như tân.
Đã gặp lắm hiểm nguy, lòng trinh còn tỏ;
Luôn ngó ngang thơ bút, tứ mới vẫn hay.*

芳番石喝光祠屋
澤引溪流溯古江

*Phương phiên thạch kê quang từ ốc;
Trạch dẫn Khê lưu tố cổ giang.
Kê đá đưa thơm vào đền sáng;
Dòng khe dẫn đức đến sông xưa.*

爲故黎逋播臣忠義千秋傳國史
開西溪文獻地蒸嘗永世仰宗功

*Vì cố Lê bỏ bá thần, trung nghĩa thiên thu truyền quốc sử;
Khai tây Khê văn hiến địa, chưng thường vĩnh thế ngưỡng tôn công.
Là tôi Lê cũ bỏ đào, trung nghĩa ngàn năm truyền sử nước;
Mở La Khê tây văn hóa, xuân thu cúng vái nhớ công xưa.*

金冊贈封千古錄
玉筵臨照萬年光

*Kim sách tặng phong thiên cổ lục;
Ngọc diên lâm chiếu vạn niên quang.
Sách vàng phong tặng lưu ngàn thuở;
Chiếu ngọc phơi bày sáng vạn năm.*

朝夕隨時勤洒掃
往來逐日樂賓朋

*Triêu tịch tùy thời cần sái tảo;
Vãng lai trục nhật lạc tân bằng.
Hôm sớm tùy thời chăm rưới quét;
Qua lại thường xuyên đón bạn bè.*

地近街坊宜嚴出入
門當啓閉莫忽晨昏

*Địa cận nhai phường nghi nghiêm xuất nhập;
Môn đương khải bế mạc hốt thần hôn.
Nhà gần phố xá, ra vào nên cẩn thận;
Cửa hay đóng mở hôm sớm chớ vội vàng.*

前門欲大須存後
後戶從寬在積深

*Tiền môn dục đại tu tồn hậu;
Hậu hộ tông khoan tại tích thâm.
Cửa trước mở to, nên có hậu;
Nhà sau nói rộng, chứa cần nhiều.*

光前已啓家聲久
裕後還留世澤長

*Quang tiền dĩ khải gia thanh cửu;
Dụ hậu hoàn lưu thế trạch trường.*

Trước sáng, để tiếng nhà còn mãi;
Sau khoan, dành đức trạch dài lâu.

積德前程應遠大
存仁後地自寬宏

Tích đức tiền trình ứng viễn đại;
Tồn nhân hậu địa tự khoan hồng.
Tích đức bước đầu cần rộng lớn;
Giữ nhân đất tiếp sẽ khoan dung.

鴻鳴天上恩綸普
燕喜堂前福祿深

Hồng minh thiên thượng ân luân phổ;
Yến hỉ đường tiền phúc lộc thâm.
Hồng kê trời cao nhiều ơn đến;
Yến nhộn đầu nhà được phúc sâu.

傳家萬事皆宜忍
教子千方莫若勤

Truyền gia vạn sự giai nghi nhẫn;
Giáo tử thiên phương mạc nhược cần.
Nối nhà muôn việc đều nên nhẫn;
Dạy con ngàn phép chẳng bằng cần.

立身須孝悌爲本
治家以勤儉爲先

Lập thân tu hiếu để vi bản;
Trị gia dĩ cần kiệm vi tiên.
Lập thân lấy hiếu để làm gốc;
Trị nhà nên cần kiệm làm đầu.

亭前綠滿餘芳草
窗外春深瑣碧桃

Đình tiền lục mãn dư phương thảo;
Song ngoại xuân thâm toả bích đào.
Trước đình rậm cỏ thơm xanh mướt;
Ngoài song phô đào thắm sắc xuân.

半窗月落梅無影
三徑風來月有聲

Bán song nguyệt lạc mai vô ảnh;
Tam kính phong lai nguyệt hữu thanh.
Trăng xế nửa song mai giấu bóng;
Gió vờn ba luống nguyệt dư âm.

沿階花木著奇觀 一亭春色
近水樓臺多幻景 滿院清風

*Duyên giai hoa mốt trữ kỳ quan, nhất đình xuân sắc;
Cận thủy lâu đài đa ảo cảnh, mãn viện thanh phong.*

Bên thêm rực rỡ cỏ hoa, một đình xuân sắc;
Gần sông thấp thoáng lầu đài, đầy viện gió thanh.

近水樓臺先得月
嚮陽花木早逢春

*Cận thủy lâu đài tiên đắc nguyệt;
Hương dương hoa mộc tảo phùng xuân.*
Trăng trước đến lầu đài gần nước;
Xuân sớm về hoa cỏ hướng dương.

花浮水面添文趣
月印波心悟化機

*Hoa phù thủy diện thêm văn thú;
Nguyệt ấn ba tâm ngộ hóa cơ.*
Hoa trôi mặt nước, văn thêm hứng;
Trăng dội lòng sông, ngộ ý trời.

池邊柳繞迴環路
水面魚游自在行

*Tri biên liễu nhiễu hồi hoàn lộ;
Thủy diện ngư du tự tại hành.*
Bên hồ liễu rủ, quanh co lối;
Mặt nước cá đàn thông dong bơi.

喬第喜遷賓氣象
高門不改舊家風

*Kiều đệ hỉ thiên tân khí tượng;
Cao môn bất cải cựu gia phong.*
Nhà rộng mừng thấy không khí mới;
Cửa cao không đổi gia phong xưa.

卜居德鄰人傑地靈瞻瑞氣
宅遷仁里蘭芳桂馥出奇英

*Bốc cư đức lân, nhân kiệt địa linh chiêm thuy khí;
Trạch thiên nhân lý, lan phương quế phúc xuất kỳ anh.
Chọn ở gần đức, người giỏi đất thiêng nhờ khí tốt;
Rời đến làng nhân, lan thơm quế ngát hiện anh tài.*

早卜天香生桂子
喜看國瑞發蘭英

*Tảo bốc thiên hương sinh quế tử;
Hỉ khan quốc thuy phát lan anh.
Sớm bói hương trời, sinh con quế;
Mừng xem đẹp nước, nở lan thơm.*

琴瑟和鳴榮晝錦
芝蘭香藹兆麟祥

*Cầm sắt hoà minh vinh trú cẩm;
Chi lan hương ái triệu lân tường.
Sắt cầm hoà tấu, ngày rạng gấm;
Chi lan hương ngát, báo điềm lân.*

菱花光映紗窗曉
竹葉香浮繡戶春

*Lăng hoa quang ánh sa song hiếu;
Trúc diệp hương phù tú hộ xuân.
Hoa lăng sớm chiếu lên rèm cửa;
Lá trúc hương xuân đến tận nhà.*

上苑梅開春九十
高堂桃熟歲三千

*Thượng uyển mai khai xuân cửu thập;
Cao đường đào thực tuế tam thiên.
Vườn thượng uyển mai mừng xuân chín chục;
Nhà tổ tiên đào chín tuổi ba ngàn.*

喜見紅梅多結子
笑看綠竹又生孫

*Hỷ kiến hồng mai đa kết tử;
Tiếu khan lục trúc hựu sinh tôn.*

Mừng thấy mai hồng đậu lấm quả;
Cười xem trúc biếc lại ra măng.

琅玕竹報千年綠
富貴花開錦繡春

*Lang can trúc báo thiên niên lục;
Phú quý hoa khai cẩm tú xuân.*
Trúc vân ngọc quý, ngàn năm biếc;
Hoa nở giàu sang, gấm vóc xuân.

紫荊花下兄宜弟
彩服堂前子悅親

*Tử kinh hoa hạ huynh nghi đệ;
Thái phục đường tiền tử duyệt thân.*
Dưới hoa Tử Kinh, anh em hoà thuận;
Áo đẹp thêm nhà, cha mẹ vui lòng.

積善堂前無限樂
長春花下有餘香

*Tích thiện đường tiền vô hạn lạc;
Trường xuân hoa hạ hữu dư hương.*
Vui vô hạn, trong nhà tích thiện;
Hương có thừa, hoa nở mùa xuân.

知命知非成化景
言慈言孝樂天倫

*Tri mệnh tri phi thành hóa cảnh;
Ngôn từ ngôn hiếu lạc thiên luân.*
Biết mệnh biết sai nên thuận cảnh;
Lời từ lời hiếu hợp thiên luân.

耳正順時猶點額
鄉當杖處盡稱觴

*Nhĩ chính thuận thời do điểm ngạch;
Hương đương trượng xứ tận xưng thương.*
Tai nghe đã thuận còn lo học;
Chống gậy ở làng chúc sống lâu.

鄉內恩頒欣拄杖
家中慶祝快稀年

Hương nội ân ban hân trụ trượng;
Gia trung khánh chúc khoái hy niên.
Giữa làng ơn ban, vui gậy chống;
Trong nhà mừng chúc, tuổi trời cho.

客隨柏葉樽前酒
人向桃花洞裏來

Khách tùy bách diệp tôn tiền tửu;
Nhân hướng đào hoa động lý lai.
Khách theo tuổi tác say trong tiệc;
Người ngắm hoa đào từ động về.

萱草庭前稱上壽
梅花園上占先春

Huyền thảo đình tiền xưng thượng thọ;
Mai hoa viên thượng chiếm tiên xuân.
Trước cửa huyền thơm mừng thượng thọ;
Trong vườn mai nở đứng đầu xuân.

瑤池喜進千年果
海屋欣添百歲長

Dao trì hỉ tiến thiên niên quả;
Hải ốc hân thêm bách tuế trường.
Quả ngàn năm dao trì mừng hiển thọ;
Vui trăm tuổi trên biển dựng thêm nhà.

春放萬花晴獻壽
雲呈五彩曉開樽

Xuân phóng vạn hoa tình hiến thọ;
Vân trình ngũ thái hiếu khai tôn.
Muôn hoa xuân nở vui mừng thọ;
Năm sắc đường mây sớm tiệc bày.

壽算與山齊南極一星朝北斗
福源如海大祥雲五色近蓬萊

Thọ toán dữ sơn tề, Nam cực nhất tinh triều Bắc đẩu;
Phúc nguyên như hải đại, tường vân ngũ sắc cận Bồng lai.
Thọ sánh tày non, Nam cực một sao triều Bắc đẩu;
Phúc lớn như biển, mây lành năm sắc sát Bồng lai.

其然乎逸客高人詩且讀田且耕怡養在塵野
青城而外
安得有仙風道骨月爲朋花爲友性晴於奇山
秀水之間

*Kỳ nhiên hồ, dật khách cao nhân, thì thả độc điền thả canh, di dưỡng
tại trăn dã thanh thành nhi ngoại;*

*An đắc hữu tiên phong đạo cốt, nguyệt vi bằng, hoa vi hữu tính tình
ư kỳ sơn tú thủy chi gian.*

Thật vậy sao, ản khách, cao nhân, đọc thơ, cày ruộng, di dưỡng chốn
ngoại thành đồng ruộng;

Giá mà được, tiên phong, đạo cốt, trăng thân, hoa bạn, an nhàn nơi
nước biếc non xanh.

千古詩書千古券
萬年科榜萬年盟

*Thiên cổ thi thư thiên cổ khoán;
Vạn niên khoa bảng vạn niên minh.
Ngàn thuở thi thư ngàn thuở hẹn;
Vạn năm khoa bảng vạn năm thề.*

千古英雄留厚德
百年豪傑享勳名

*Thiên cổ anh hùng lưu hậu đức;
Bách niên hào kiệt hưởng huân danh.
Ngàn thuở anh hùng lưu đức hậu;
Trăm năm hào kiệt để danh thơm.*

一勤天下無難事
百忍家中有太和

*Nhất cần thiên hạ vô nan sự;
Bách nhẫn gia trung hữu thái hoà.
Một cần thiên hạ không việc khó;
Trăm nhẫn trong nhà có thuận hoà.*

異書可愛如新月
佳士相逢勝好花

*Dị thư khả ái như tân nguyệt;
Giới sĩ tương phùng thắng hảo hoa.*

Sách lạ đáng yêu như trắng mới;
Người tài được gặp tựa hoa tươi.

早欲爲梅晚爲菊
動相如水靜如山

*Tảo dục vì mai, vãn vì cúc;
Động tương như thủy, tĩnh như sơn.
Sáng muốn làm mai, chiều làm cúc;
Động thì như nước, tĩnh như non.*

碧雲芳草供詩料
黃菊青山稱宦情

*Bích vân phương thảo cung thi liệu;
Hoàng cúc thanh sơn xưng hoạn tình.
Mây biếc, cỏ thơm, nguồn thi hứng;
Cúc vàng, non xanh, hợp tình quan.*

爲人莫道成人易
守業方知創業難

*Vì nhân mạc đạo thành nhân di;
Thủ nghiệp phương tri sáng nghiệp nan.
Làm người, chớ bảo nên người là dễ;
Nối nghiệp, rồi hay mở nghiệp gian nan.*

桃李欣承新雨露
箕裘丕振舊家聲

*Đào lý hân thừa tân vũ lộ;
Cơ cưu phi chấn cựu gia thanh.
Mưa móc mới mặn đào tươi tốt;
Tiếng tăm xưa sự nghiệp chấn hưng.*

文魁武烈四季名鄉
龍拱龜朝千秋靈地

*Văn khôi vũ liệt tứ quý danh hương;
Long củng quy triều thiên thu linh địa.
Văn hay, võ giỏi, bốn mùa làng nổi tiếng;
Rồng cuộn, rùa quỳ, ngàn năm đất linh thiêng.*

爽郎一壺天日照月明星燦爛
英靈千古廟山回水聚樹參差

Sáng láng nhất hồ thiên, nhật chiếu nguyệt minh tinh sán lạn;
Anh linh thiên cổ miếu, sơn hồi thủy tụ thụ sâm si.
Sáng sủa mặt hồ, trời chiếu trăng soi, sao hôm rực rỡ;
Linh thiêng miếu cổ, non bao, nước tụ cây cối um tùm.

天地無私爲善自然獲福
聖賢有教修身可以齊家

Thiên địa vô tư, vi thiện tự nhiên hoạch phúc;
Thánh hiền hữu giáo, tu thân khả dĩ tề gia.
Trời đất vô tư, làm thiện tự nhiên được phúc;
Thánh hiền có dạy, sửa mình có thể trị nhà.

文以道接以禮一團和氣
近者悅遠者來四海春風

Văn dĩ đạo tiếp dĩ lễ nhất đoàn hoà khí;
Cận giả duyệt, viễn giả lai, tứ hải xuân phong.
Văn lấy đạo, tiếp lấy lễ, một bầu hoà khí;
Gần thì vui, xa thì đến, bốn bề gió xuân.

利如曉日騰雲起
財似春潮帶雨來

Lợi như hiểu nhật đằng vân khởi;
Tài tự xuân trào đới vũ lai.
Lợi như ngày nắng cuổi mây dậy;
Của tựa triều xuân đón nước về.

生意興隆通四海
財源茂盛達三江

Sinh ý hưng long thông tứ hải;
Tài nguyên mậu thịnh đạt tam giang.
Buồn bán sinh sôi thông bốn biển;
Tài nguyên dư dật khắp ba sông.

妙算無移方取利
運籌有道定生財

Diệu toán vô di phương thủ lợi;
Vận trù hữu đạo định sinh tài.
Tính toán không sai mới có lợi;
Vận trù phải phép ắt sinh tài.

經營暫試經綸手
喻利常存喻義心

*Kinh doanh tạm thí kinh luân thủ;
Dụ lợi thường tồn dụ nghĩa tâm.
Kinh doanh thử ra tay sắp đặt;
Kiếm lợi nên còn chút nghĩa tâm.*

生意如春前茂草
財源似雨後鮮花

*Sinh ý như xuân tiền mậu thảo;
Tài nguyên tự vũ hậu tiên hoa.
Buôn bán như gặp xuân cỏ mọc;
Tài nguyên tựa sau mưa hoa tươi.*

人運喜同天運發
財源正與利源通

*Nhân vận hỉ đồng thiên vận phát;
Tài nguyên chính dữ lợi nguyên thông.
Mừng vận người cùng vận trời phát;
Đúng nguồn của với nguồn lợi thông.*

營利廣增千倍利
獲財遠近四方財

*Doanh lợi quảng tăng thiên bội lợi;
Hoạch tài viễn cận tứ phương tài.
Doanh lợi tăng cao, lợi ngàn nơi đến;
Thu của xa gần, của bốn phương về.*

生意如春意
財源似水源

*Sinh ý như xuân ý;
Tài nguyên tự thủy nguyên.
Buôn bán như xuân ý;
Tài nguyên tựa nước nguồn.*

湖海交遊憑道義
往來貿易有經綸

*Hồ hải giao du bằng đạo nghĩa;
Vãng lai mậu dịch hữu kinh luân.*

Hồ hải giao du theo đạo nghĩa;
Qua lại buôn bán phải tài năng.

主客契投憑有義
公平交易總無私

Chủ khách khế đầu bằng hữu nghĩa;
Công bình giao dịch tổng vô tư.
Chủ khách giao lưu cần có nghĩa;
Công bằng trao đổi phải vô tư.

心有良田百世耕之不盡
善爲至寶一生用也猶餘

Tâm hữu lương điền, bách thế canh chi bất tận;
Thiện vi chí bảo nhất sinh dụng dã do dư.
Tâm như ruộng tốt, trăm năm thu hoạch kho vô tận;
Thiện là vật báu, suốt đời sử dụng, vẫn còn dư.

道本先天用妙陰陽醫是易
功高良相傳來部陣藥爲兵

Đạo bản tiên thiên, dụng diệu âm dương y thị Dịch;
Công cao lương tướng, truyền lai bộ trận dược vi binh.
Đạo vốn tiên thiên, khéo dùng âm dương, y gốc Dịch;
Công cao tướng giỏi, vào nơi trận dục, thuốc là quân.

文廟臨前儒醫並重
神祠在望華越聯盟

Văn miếu lâm tiền, nho y tịnh trọng;
Thần từ tại vọng, Hoa Việt liên minh.
Đến trước văn miếu nho y đều trọng;
Trông lên đền thần Hoa Việt cùng chung.

藥可通神先後聖
仁能及物古今師

Dược khả thông thần tiên hậu thánh;
Nhân năng cập vật cổ kim sư.
Thuốc thông với trước thần, sau thánh;
Nhân trùm lên vật cổ, thầy nay.

醫國有名存古錄
同人致敬表心丹

Y quốc hữu danh tôn cổ lục;
Đồng nhân trí kính biểu tâm đan.
Thầy cả nước, tiếng tăm để lại;
Với người trung, thể hiện lòng son.

丹桂有根獨長詩書門第
黃金不種偏生勤儉人家

Đan quế hữu căn, độc trường thi thư môn đệ;
Hoàng kim bất chủng, thiên sinh cần kiệm nhân gia.
Đan quế có gốc, chỉ lớn ở cửa đèn sách;
Hoàng kim không trồng, hay sinh trong nhà kiệm cần.

紹祖宗一脈真傳克勤克儉
教子孫兩行正路惟讀惟耕

Thiệu tổ tông nhất mạch chân truyền, khai cần khắc kiệm;
Giáo tử tôn lưỡng hành chính lộ, duy độc duy canh.
Nối nghiệp cha ông, chân truyền một lối, phải cần phải kiệm;
Dạy dỗ con cháu, lộ chính hai đường, chỉ đọc chỉ cày.

讀古人書留意天經地緯
爲後世法無忘祖德宗功

Độc cổ nhân thư, lưu ý thiên kinh địa vĩ;
Vi hậu thế pháp, vô vong tổ đức tôn công.
Đọc sách người trước, nên nhớ đất ngang trời đọc;
Làm phép đời sau, không quên tổ đức tông công.

萬象回春累代表冠承雨露
六經淑世一家機杼織文章

Vạn tượng hồi xuân, lũy đại y quan thừa vũ lộ;
Lục kinh thực thế, nhất gia cơ trứ chức văn chương.
Muôn cảnh hồi xuân, nhiều đời mũ áo ơn mưa móc;
Sáu kinh đời thịnh, một nhà canh cửi dệt văn chương.

霽月和風一家仁德乾坤厚
碧桃丹桂萬卷詩書雨露新

Tế nguyệt hoà phong, nhất gia nhân đức càn khôn hậu;
Bích đào đan quế, vạn quyển thi thư vũ lộ tân.
Trăng thanh gió mát, một nhà nhân đức đất trời tỏ;
Quế son đào biếc, muôn quyển thi thư mưa móc xuân.

庭前最喜風和習
門內榮開樹氣勳

*Đình tiền tối hỉ phong hoà tập;
Môn nội vinh khai thụ khí huân.
Trước sân mừng quá gió lành đến;
Trong cửa vui sao cây ngát hương.*

姜辛到老方知性
秀茂紅秋始識松

*Khương tân đáo lão phương tri tính;
Tú mậu hồng thu thủy thức tùng.
Gừng cay đến già càng rõ tính;
Vẻ đẹp sang thu mới biết tùng.*

植樹造林青山不老
修河築壩綠始長流

*Thực thụ tạo lâm thanh sơn bất lão;
Tu hà trúc bá lục thủy trường lưu.
Trồng cây gây rừng, non xanh trẻ mãi;
Khơi sông đắp đập nước biếc lâu dài.*

一誠本自心香達
三炷能通上界高

*Nhất thành bản tự tâm hương đạt;
Tam chủ năng thông thượng giới cao.
Một lòng thành kính tâm hương đạt;
Ba nén dâng lên thượng giới cao.*

(Vịnh hương)

秋草能肥馬
春溪可飲牛

*Thu thảo năng phì mã;
Xuân Khê khả ẩm ngưu.
Cỏ thu nuôi ngựa béo;
Khe xuân dưỡng trâu nhiều.*

豬雞牛羊六畜旺
魚蝦菱藕一池新

*Chư kê ngưu dương lục súc vượng;
Ngư hà lăng ngẫu nhất trì tân.*

Lợn gà trâu dê lục súc vượng;
Tôm cá muống cần một ao đầy.

庭前雞啄樹下牛息
池邊鴨戲水底魚游
*Dinh tiền kê trác, thụ há ngư tức;
Tri biên áp hý, thủy đề ngư du.*
Ngoài sân gà ăn, dưới cây bò nghỉ;
Bên ao vịt đùa, trong nước cá bơi.

藕白梨皇橘紅茶綠
鱸鮮鯉嫩鴨壯雞肥
*Ngẫu bạch lê hoàng, quất hồng trà lục;
Lư tiên lý nộn, áp tráng kê phì.*
Ngó trắng lê vàng, quất hồng trà lục;
Mè tươi chép lớn, gà béo vịt to.

高山仰止疑無路
曲徑通幽別有天
*Cao sơn ngưỡng chỉ nghi vô lộ;
Khúc kính thông u biệt hữu thiên.*
Núi cao tiến đứng như cùng lối;
Đường nhỏ thông ừn có trời riêng.
到門有路皆環水
是屋開窗便見山
*Đáo môn hữu lộ giai hoàn thủy;
Thị ốc khai song tiện kiến sơn.*
Đến cửa có đường đều sông bọc;
Nhà đây mở sổ thấy núi quanh.

寺古僧閑雲作伴
山深世遠月爲朋
*Tự cổ tăng nhàn vân tác bạn;
Sơn thâm thế viễn nguyệt vi bằng.*
Chùa cổ sư nhàn mây làm bạn;
Núi sâu người vắng trăng đến chơi.

良有遠來異書新得
好花半放美酒微醺

Lương hữu viễn lai, di thư tân đắc;
Hào hoa bán phóng, mỹ tửu vi huân.
Bạn hiền xa đến, sách lạ mới được;
Hoa hiem chum chim, rượu ngon ngà ngà.

治國興邦紅旗似火
豐衣足食百貨如山
Trị quốc hưng bang, hồng kỳ tựa hỏa;
Phong y túc thực, bách hoá như sơn.
Giúp nước giúp dân, cờ hồng tựa lửa.
Ăn no mặc ấm, hàng hóa như non.

掃來竹葉烹茶葉
劈碎松根煮菜根
Tảo lai trúc diệp phanh trà diệp;
Phách toái tùng căn chử thái can.
Quyết về lá trúc đun trà lá;
Chẻ nhỏ gốc tùng luộc gốc rau

雨過林霏清石氣
秋將山翠入詩心
Vũ quá lâm phi thanh thạch khí;
Thu tương sơn thủy nhập thi tâm.
Mưa tạnh rừng sâu hơi đá sạch;
Thu về non biếc ý thơ hay.

多情明月邀君共
無主荷花到處開
Đa tình minh nguyệt yêu quân cộng;
Vô chủ hà hoa đáo xứ khai.
Đa tình trăng rọi mời người đến;
Không chủ hoa sen nở khắp nơi.

翠竹黃花皆佛性
白雲流水是禪心
Thủy trúc hoàng hoa giai phật tính;
Bạch vân lưu thủy thị thiền tâm.
Trúc biếc hoa vàng đều tính phật;
Mây trắng nước trôi ấy tâm thiền.

白練自天來飛瀑重開千里霧
暗灘從地出潛龍再展萬年途

*Bạch luyện tự thiên lai, phi bộc trùng khai thiên lý vụ;
Ám than tòng địa xuất, tiềm long tái triển vạn niên đồ.*
Lụa trắng tự trời buông, thác bốc lại tuôn mù ngàn dặm;
Bãi ngầm từ đất mọc, rồng nằm nay mở lối muôn năm.

四面山深藏古剎
一攀竹徑見松林

*Tứ diện sơn thâm tàng cổ sát;
Nhất phan trúc kính kiến tùng lâm.*
Bốn mặt núi sâu đây chùa cổ;
Leo lên lối trúc thấy rừng thông.

煙雲澹蕩搖空碧
村落參差倚夕陽

*Yên vân đạm dăng dao không bích;
Thôn lạc sâm si ỷ tịch dương.*
Khói mây lãng đãng trên không chuyển;
Thôn xóm nhấp nhô lẫn bóng chiều.

一潭月影參花影
四面山光接水光

*Nhất đàm nguyệt ảnh tham hoa ảnh;
Tứ diện sơn quang tiếp thủy quang.*
Một hồ bóng hoa xen bóng nguyệt;
Bốn bề sắc nước lẫn sắc non.

山青水秀皆成畫
鳥語花香自是詩

*Sơn thanh thủy tú giai thành họa;
Điểu ngữ hoa hương tự thị thi.*
Non xanh nước biếc thành tranh vẽ;
Chim hót hoa thơm tự nên thơ.

萬逸雲山圖畫里
一樓花月笑談中

*Vạn dật vân sơn đồ họa lý;
Nhất lâu hoa nguyệt tiếu đàm trung.*

Vạn đợt núi mây vào bức vẽ;
Một lầu hoa nguyệt thoả nói cười.

塔影栖深從樹隱
鐘聲飛下一江秋

*Tháp ảnh thâm tàng thụ ẩn;
Chung thanh phi hạ nhất giang thu.*
Bóng tháp trong sâu rừng tháp thoả;
Tiếng chuông vẳng đến tận sông thu.

一江綠水成仙景
百仞高峰鎮邊疆

*Nhất giang lục thủy thành tiên cảnh;
Bách nhần cao phong trấn biên cương.*
Một dòng sông biếc nên tiên cảnh;
Trăm nhần núi cao giữ biên cương.

開籠放鳥橫江去
掃地焚香待客來

*Khai lung phóng điểu hoành giang khứ;
Tảo địa phần hương đãi khách lai.*
Mở lồng thả chim qua sông hết;
Quyết nhà thắp hương đón khách qua.

瓶添澗水盛將月
袖掛松梢惹得雲

*Bình thêm giản thủy thịnh tương nguyệt;
Tụ quải tùng sao nhả đắc vân.*
Bình thêm nước suối đầy trăng đỏ;
Tay phất ngọn thông với được mây.

山靜水流開畫景
鳶飛魚躍悟天機

*Sơn tĩnh thủy lưu khai họa cảnh;
Diên phi ngư dược ngộ thiên cơ.*
Non vắng nước trôi vui cảnh đẹp;
Chim bay cá nhảy biết cơ trời.

襟帶有情繞郭河聲從地出
煙雲如畫隔窗山色自天來

*Khâm đời hữu tình, nhiều quách hà thanh tòng địa xuất;
Yên vân như hoa, cách song sơn sắc tự thiên lai.
Khăn áo có tình, bọc thành tiếng sông từ đất dày;
Khói mây tựa vẽ, cách song sắc núi tận trời về.*

盛世開懷遠足神山尋野趣
明時寄慨放眸聖址得幽情

*Thịnh thế khai hoài, viễn túc thần sơn tìm dã thú;
Minh thời ký感慨, phóng mâu thánh chỉ đắc u tình.
Đời thịnh mở lòng, bước tới non thần tìm lạc thú;
Thời minh gửi ý, phóng nhìn đất thánh thoả tâm tình.*

對雲絕頂猶爲麓
求道安心即是宮

*Đối vân tuyệt đỉnh do vi lộc;
Cầu đạo an tâm tức thị cung.
Mây che đỉnh núi còn là núi;
Cầu đạo yên lòng tức thị cung.*

雲樹吞餘晴剝頂
石泉流出晚鍾聲

*Vân thụ thôn dư, tình sát đỉnh;
Thạch tuyến lưu xuất vân chung thanh.
Cây cao nuốt ánh chiều đỉnh núi;
Suối rừng buông tiếng nhạc hoàng hôn.*

氣吸岳雲留石壁
光淘潮月出松林

*Khí hấp nhạc vân lưu thạch bích;
Quang đào triều nguyệt xuất tùng lâm.
Mây lưu vách đá nhờ khí núi;
Trăng ló rừng thông bỏ sóng triều.*

到此想窮千里目
誰知才上一層樓

*Đáo thử tưởng cùng thiên lý mục;
Thùy tri tài thượng nhất tầng lầu.
Lên đây tưởng đã nhìn nghìn dặm;
Ài hay mới chỉ một tầng lầu.*

我輩復登臨 目極塗山千里之外
奇文共欣賞 人在水天一色之中

*Ngã bối phục đăng lâm, mục cực đồ sơn thiên lý chi ngoại;
Kỳ văn cộng hân thưởng, nhân tại thủy thiên nhất sắc chi trung.*

Thế hệ này lại lên, mắt ngó đồ sơn ngoài nghìn dặm;
Văn hay chung thưởng thức, người trong trời biển chỉ một mẫu.

十月偏如春氣暖
三秋雅愛夜光寒

*Thập nguyệt thiên như xuân khí noãn;
Tam thu nhã ái dạ quang hàn.
Tháng mười mà như xuân ấm áp;
Mùa thu vẫn quý cái lạnh đêm.*

地到無邊天作界
山登絕頂我爲峰

*Địa đáo vô biên thiên tác giới;
Sơn đẳng tuyệt đỉnh ngã vi phong.
Địa giới là trời khi đất rộng;
Ta là đỉnh núi lúc lên cao.*

花間舉步尋芳意
海岸聽濤激壯懷

*Hoa gian cử bộ tầm phương ý;
Hải ngạn thính đào kích tráng hoài.
Trong hoa cất bước, dấy ý tìm hoa;
Bờ biển nghe sóng, gợi lên tráng chí.*

千朵蓮花三尺水
一彎新月半亭風

*Thiên đoá liên hoa tam xích thủy;
Nhất loan tân nguyệt bán đình phong.
Ba thước nước hoa sen ngàn đoá;
Gió nửa đình trăng mới một vầng.*

有約白雲來喚渡
且邀明月共開樽

*Hữu ước bạch vân lai hoán độ;
Thả yêu minh nguyệt công khai tôn.*

Đã hạn bạch vân cùng qua bến;
Lại mời minh nguyệt đến nâng ly.

詩意豈因今古異
山光長在有無中

*Thi ý khởi nhân kim cổ di;
Sơn quang trường tại hữu vô trung.
ý thơ đâu khác vì kim cổ;
Sắc núi được dài bởi có không.*

盈手水光寒不濕
入簾花氣夢難忘

*Doanh thủ thủy quang hàn bất thấp;
Nhập liêm hoa khí mộng nan vong.
Đây tay ánh nước khô mà lạnh;
Lọt rèm hoa thoảng khó quên mơ.*

夜月橋邊留畫舫
春風陌上引香車

*Dạ nguyệt kiều biên lưu hoạ phòng;
Xuân phong mạch thượng dẫn hương xa.
Trăng sáng bên cầu neo thuyền vẽ;
Gió xuân lối nhỏ dẫn xe thơm.*

塔聳危岩紅日近
佛眠古洞白雲埋

*Tháp tủng nguy nham, hồng nhật cận;
Phật miên cổ động, bạch vân mai.
Tháp dựng lên cao trời chạm được;
Phật nằm động cổ mây trắng che.*

峰巒低枕席
星斗列軒窗

*Phong loan đê chẩm tịch;
Tinh đầu liệt hiên song.
Núi non bên giường ngủ;
Trăng sao xếp ngoài song.*

秋水經秋平似鏡
白蓮破曉白如霜

*Thu thủy kinh thu bình tự kính;
Bạch liên phá hiếu bạch như sương.
Sông thu vào thu bằng tựa kính;
Sen trắng tình mơ trắng như sương.*

雲白山青百餘里
江深竹靜兩三家

*Vân bạch sơn thanh bách dư lý;
Giang thâm trúc tĩnh lưỡng tam gia.
Mây trắng non xanh hơn trăm dặm;
Núi sâu tre vắng vài ba nhà.*

到處自開詩世界
無人不拜老神仙

*Đáo xứ tự khai thi thế giới;
Vô nhân bất bái lão thần tiên.
Khắp chốn mở mang bày thi cảnh;
Mọi người đều gọi giỏi thần tiên.*

魚戲碧潭追海月
客來華榭挹荷風

*Ngư hí bích đàm truy hải nguyệt;
Khách lai hoa tạ ập hà phong.
Cá đùa đầm biếc trong trăng lộng;
Khách vào lầu đẹp với gió sen.*

殿前無燈憑月照
山門不鎖待雲封

*Điện tiền vô đăng bằng nguyệt chiếu;
Sơn môn bất toả đãi vân phong.
Trước đền không đèn, nhờ trăng chiếu;
Ngoài núi chẳng khóa, đợi mây che.*

樹色溪光成淨賞
花香鳥語絕塵緣

*Thụ sắc khe quang thành tịnh thưởng;
Hoa hương điểu ngữ tuyệt trần duyên.
Sắc cây ánh suối nên thanh tịnh;
Hoa thơm chim hót kết duyên trần.*

青山笑我頭已白
泉水照人心自清

*Thanh sơn tiếu ngã đầu dĩ bạch;
Tuyền thủy chiếu nhân tâm tự thanh.*

Non xanh cười tớ đầu đã bạc;
Nước suối soi người lòng được trong.

曲水帶雲歸海去
亂花隨雨落岩來

*Khúc thủy đới vân quy hải khứ;
Loạn hoa tùy vũ lạc nhâm lai.*
Sông lượn đeo mây xuôi theo biển;
Hoa phơi mưa tạnh lạc về lèn.

雨過琴山潤
風來花木香

*Vũ quá Cầm sơn nhuận;
Phong lai hoa tự hương.*
Mưa qua núi Cầm sáng;
Gió đến thơm mùi hoa.

青松蟠戶外
白鶴舞庭前

*Thanh tùng bàn hộ ngoại;
Bạch hạc vũ đình tiền.*
Tùng xanh quây tận cửa;
Hạc trắng múa ngoài sân.

雲卷千峰色
泉和萬籟聲

*Vân quyển thiên phong sắc;
Tuyền hoà vạn lại thanh.*
Mây cuộn nghìn ngọn núi;
Suối đáp vạn tiếng trời.

雲移溪樹侵書幌
風送岩泉潤墨池

*Vân di, khe thụ xâm thư幌;
Phong tống nhâm tuyền nhuận mực trì.*

Cây khe chiếu bóng lên phòng sách;
Suối rừng theo gió khiến ướt nghiên.

窗間樹色連山淨
戶外嵐光帶水明

*Song gian thụ sắc liên sơn tịnh
Hộ ngoại lam quang đới thủy minh.*
Bên song cây cối liền non vắng;
Ngoài cửa ánh chiều đem nước trong.

水中樓臺浮青島
天上笙歌繞碧城

*Thủy trung lâu đài phù thanh đảo;
Thiên thượng sinh ca nhiễu bích thành.*
Nổi đảo xanh lâu đài trong nước;
Vang thành biếc đàn hát vang trời.

自造林泉多蘊藉
依然書史得周旋

*Tự tạo lâm tuyền đa uẩn tạ;
Y nhiên thư sử đắc chu toàn.*
Suối rừng nhân tạo mà u nhã;
Thư sử y nhiên vẫn chu toàn.

臺榭參差金碧裡
煙霞舒卷畫圖中

*Đài tạ sâm si kim bích lý;
Yên hà thư quyển họa đồ trung.*
Lâu đài nhấp nhô trong vàng ngọc;
Ráng mây bay cuộn giữa bức tranh.

天外是銀河煙波宛轉
雲中開翠幄香雨霏微

*Thiên ngoại thi Ngân hà, yên ba uyển chuyển;
Vân trung khai thủy ốc hương vũ phi vi.*
Ngoài trời là mây sóng Ngân hà uyển chuyển;
Trong mây mở mưa thơm màn biếc lơ mờ.

柳暗花明好鳥枝頭亦朋友
峰回路轉白雲深處有人家

*Liễu ám hoa minh, hảo điều chi đầu diệp bằng hữu;
 Phong hồi lộ chuyển, bạch vân thâm xứ hữu nhân gia.
 Liễu mờ hoa sáng, chim ở đầu cành cũng là bằng hữu;
 Gió quay đường chuyển, mây nơi vùng thẳm có nhà dân.*

境自遠塵皆入詠
 物含妙理總堪尋

*Cảnh tự viễn trần giai nhập vịnh;
 Vật hàm diệu lý tổng kham tìm.
 Nơi tự tránh nhơ đều vịnh được;
 Cảnh hàm diệu lý vốn dễ tìm.*

碧樹紅花相掩映
 竹軒蘭砌共清虛

*Bích thụ hồng hoa tương yểm ánh;
 Trúc hiên lan thế cộng thanh hư.
 Cây biếc hoa hồng cùng che đỡ;
 Hiên trúc thêm lan gộp thanh hư.*

跨鶴酒仙應入座
 騎驢詩客或題橋

*Khoá hạc tửu tiên ứng nhập toạ;
 Kỳ lư thi khách hoặc đề kiều.
 Hạc đến, tiên ông vào cuộc rượu;
 Lừa qua, thi khách viết lên cầu.*

庭松不改青蔥色
 盆菊仍霏清淨香

*Đình tùng bất cải thanh thông sắc;
 Bồn cúc nhưng phi thanh tịnh hương.
 Mầu xanh chẳng đổi tùng sân đó,
 Hương nhẹ còn bay cúc chậu kia.*

煙景滿前供妙墨
 芳洲隨處引清游

*Yên cảnh mãn tiền cung diệu mặc;
 Phương châu tùy xứ dẫn thanh du.
 Khói toả khắp nơi là mực vẽ;
 Bãi thơm từng chốn dẫn giòng trong.*

煙囪林標高聳藍天抒壯志
油田海底縱橫大地唱歡歌

*Yên thông lâm tiêu, cao từng lam thiên, trữ tráng chí;
Du điền hải đế, tung hoành đại địa, xướng hoan ca.
Cột khói như rừng, cao chạm trời xanh, đầy tráng chí;
Giếng dầu dưới biển, ngang dọc khắp chốn, vui hát ca.*

眼前燈火笙歌直到收場猶絢爛
背後湖光山色偶然退步亦清涼

*Nhân tiền đăng hỏa sinh ca, trực đáo thu trường do huyền lạn;
Bối hậu hồ quang sơn sắc, ngẫu nhiên thoái bộ diệc thanh lương.
Trước mắt đèn đóm đàn ca, đến mãi kết cục còn sáng khắp;
Sau lưng ánh hồ sắc núi, ngẫu nhiên lui bước vẫn mát lòng.*

喜上高樓娛遠目
恭聽老友道新詩

*Hỷ thượng cao lâu ngu viễn mục;
Cung thính lão hữu đạo tân thi.
Thích ở lầu cao nhìn vui mắt;
Lắng nghe bạn cũ nói về thơ.*

欣有眼明交益友
苦無心暇讀奇書

*Hân hữu nhãn minh giao ích hữu;
Khổ vô tâm hạ độc kỳ thư.
Mừng được sáng mắt chơi bạn tốt;
Buồn không rỗi việc đọc sách hay.*

庭小有竹春常在
山靜無人水自流

*Đình tiểu hữu trúc, xuân trường tại;
Sơn tĩnh vô nhân, thủy tự lưu.
Sân nhỏ có trúc, xuân vẫn đến;
Non vắng không người, nước tự xuôi.*

蛟斷長江事往億年存地誌
魚依玉井春來三月拂西風

*Giao đoạn trường giang, sự vãng ức niên tồn địa chí;
Ngư y ngọc井, xuân lai tam nguyệt phất tây phong.*

Chém giao long ở sông dài, việc đã ức năm còn chép đó;
Cá vào tiếng ngọc, tháng ba xuân đến gió tây về.

(Đinh Lệ Mật)

几回舞遍霓裳桃花扇底風猶軟
一曲歌殘玉樹楊柳樓頭月未低

Kỷ hồi vũ biến Nghê thường, đào hoa phiến để phong do nhuyển;
Nhất khúc ca tàn Ngọc thụ, dương liễu lầu đầu nguyệt vì đề.
Múa mấy điệu vũ Nghê thường, đào hoa quạt gấp hương còn toả;
Ca một khúc làn Ngọc thụ, dương liễu lầu kia nguyệt chưa tàn.

山水協清音龍會入風鳳調九奏
宮商諧法曲象德流韻燕樂養和

Sơn thủy hiệp thanh âm, long hội nhập phong, phượng điều cửu tấu;
Cung thương hài pháp khúc, tượng đức lưu vận, yến lạc dưỡng hoà.
Non nước hợp âm trong, rồng sẽ nhập gió, phượng điều chín khúc;
Cung thương theo khúc phép, tượng đức theo vận, yến vui dưỡng hoà.

文重九華推上品
名揚千里著仁風

Văn trọng Cửu hoa, thôi thượng phẩm;
Danh dương thiên lý, trứ nhân phong.
Văn quý Cửu hoa (phú Cửu hoa, Ngụy), khen của tốt;
Danh nêu nghìn dặm, tỏ gió nhân.

映沼斜流波影皺
當窗橫織雨絲長

Ánh chiếu tà lưu ba ảnh sộ;
Đương song hoành chức vũ ti trường.
Sóng hồ nghiêng hắt lẫn tăn bóng;
Mưa dẹt ngang song sợi sợi dài.

珠光搖月白
竹影透風清

Châu quang dao nguyệt bạch
Trúc ảnh thấu phong thanh
Ánh châu rung trăng sáng
Bóng trúc lọt gió lành

賊到螺城隨滅沒
殿無龜弩愈威靈

Tặc đảo Loa Thành tùy diệt một;
Điện vô quy nỗ dữ uy linh.
Giặc đến Loa Thành tìm diệt sạch;
Đền không nỗ cố vẫn uy linh
(Câu đối của Tôn Thất Thuyết ở Cổ Loa, Hà Nội);

斷蛟勇冠群倫李朝千萬年而厚
躍馬恩留厥邑龍城十三寨由傳

Đoạn giao dũng quán quần luân, Lý triều thiên vạn niên nhi hậu;
Được mã ân lưu quyết ấp, Long thành thập tam trại do truyền.
Chém giao long anh dũng hơn người, nghìn vạn năm Lý triều vẫn mạnh;
Tung vó ngựa ơ lưu ấp ấy, mười ba trại Long thành còn truyền.
(Đình Lệ Mật)

載酒海邀新月色
臨流快聽隔蘆歌
Tải tửu mỗi yêu tân nguyệt sắc;
Lâm lưu khoái thính cách lô ca.
Mang rượu mỗi khi mời trăng đẹp;
Bên sông thích nhất hát cách bờ.

長空雲破山推月
大海波平水接天
Trường không vân phá sơn thôi nguyệt;
Đại hải ba bình thủy tiếp thiên.
Không trung mây tản non đầy nguyệt;
Biển rộng sóng yên nước tiếp trời.

珠玉騰輝玻璃煥彩
天中皓月海上明星
Châu ngọc đằng huy, pha lê hoán thái;
Thiên trung hạo nguyệt, hải thượng minh tinh.
Châu ngọc phát mâu, pha lê toả sắc;
Trời cao trăng sáng, biển rộng sao ngôi.

三春不少閒遊客
一歲無多大節場
Tam xuân bất thiếu nhàn du khách;
Nhất tuế vô đa đại tiết trường.

Vào xuân chẳng thiếu người nhân nhã;
Tết đến không nhiều vở kịch hay.

不教暴日盈頭射
自有仁風拂面來

Bất giao bộc nhật doanh đầu xạ;
Tự hữu nhân phong phất diện lai.
Không để nắng to nhằm đầu chiếu;
Tự có gió nhân mát mặt đây.

(Đề quạt)

月門含笑迎賓客
池水瀦花破霞雲

Nguyệt môn hàm tiếu nghênh tân khách;
Tri thủy tiên hoa phá hà vân.
Cửa nguyệt mỉm cười mừng khách quý;
Nước hồ phun cảnh toả mờ mây.

夕陽桂棹尋詩客
春水蘭舟載酒人

Tịch dương quế trạo tìm thi khách;
Xuân thủy lan chu tải tửu nhân.
Chiều buông mái quế tìm thi sĩ;
Nước lộng thuyền lan chở khách say.

澄波影里天雲動
夾岸花間蝶鳥飛

Trưng ba ảnh lý, thiên vân động;
Giáp ngạn hoa gian, điệp điểu phi.
Sóng lặng bóng lay, trời mây động;
Bờ yên hoa nở, bướm chim bay.

破浪乘風送君萬里
浮家泛宅涉彼千方

Phá lãng thừa phong, tống quân vạn lý;
Phù gia phiếm trạch, thiệp bỉ thiên phương.
Gối sóng cưỡi gió, tiễn bạn muôn dặm;
Nhà thuyền phòng nổi, vượt bốn nghìn phương;
依然水枕風船重向煙波尋舊夢
何必淡妝濃抹一空色相見天真

*Y nhiên thủy chấm phong thuyền, trùng hương yên ba tâm cứu mộng;
Hà tất đạm trang nồng mặt, nhất không sắc tướng kiến thiên chân.*

*Như xưa gối nước thuyền trôi lại hướng sóng mù tìm mộng cũ;
Hà tất thoa son đánh phấn, cứ để không mà được tự nhiên.*

清泉爲腹潔玉爲懷遍體不沾陳腐氣
海味以藏山肴以奉金箱盡是美珍饈

*Thanh tuyền vi phúc, khiết ngọc vi hoài, biến thể bất nhiễm trần
hủ khí;*

*Hải vị dĩ tàng, sơn hào dĩ phụng, kim sương tận thị mỹ trần tu.
Bụng là suối trong, tâm là ngọc trắng, khắp người chẳng quyến chút
bụi nhơ.*

*Giữ gìn hải vị, kính biểu sơn hào, hòm vàng đều là thức cao cấp.
(Vĩnh tử lạnh)*

烏面紅心胸懷一團火
粉身碎骨志在萬家春
*Ô diện hồng tâm, hung hoài nhất đoàn hỏa;
Phấn thân toái cốt, chí tại vạn gia xuân.
Mặt đen tâm đỏ, đầy lòng bốc lửa rực;
Thân tan xương nát, chí giúp vạn nhà xuân.
(Vĩnh than tổ ong)*

萬里遠牽鄉國夢
一書長系故人情
*Vạn lý viễn, khiên hương quốc mộng;
Nhất thư trường, hệ cố nhân tình.
Muôn dặm xa, mơ về cố quốc;
Một thư dài, nhớ mãi tình xưa.*

旅行盡可隨身帶
便利何妨用手提
*Lữ hành tận khả tùy thân đới;
Tiện lợi hà phương dụng thủ đề.
Lữ hành mang theo người đều được;
Tiện dùng xách trên tay chẳng sao.
(Vĩnh Va-li da)*

有質無文毛將焉附
致知格物皮則其存

*Hữu chất vô văn, mao tương yên phụ;
Trí tri cách vật, bì tắc kỳ tồn.
Có chất lượng không màu mè, lông còn là phụ;
Biết đến nơi hiểu đến chốn, da tất phải còn.*

(Vịnh Va-li da)

鼎新革故方生色
伐髓洗毛大有功
*Đỉnh tân cách cố, phương sinh sắc;
Phạt tuỷ tẩy mao, đại hữu công.
Dấy mới bỏ cũ, ấy hướng chính;
Róc tuỷ cạo lông, đó là công.*

(Vịnh Va-li da)

萬般風味藏珍櫃
一片冰心在玉壺
*Vạn ban phong vị, tàng trân quỹ;
Nhất phiến băng tâm, tại ngọc hồ.
Muôn lần phong vị nơi hòm quý;
Một tấm lòng trong ở ngọc bình.*

(Vịnh tử lạnh)

物品改良原非皮相
精神尚武在於革新
*Vật phẩm cải lương, nguyên phi bì tướng;
Tinh thần thượng võ, tại ư cách tân.
Đổi mới hàng hoá, bao bì là phụ;
Tinh thần chuộng võ, chính ở cách tân.*

潤及輕舟水波不入
光生朽木風雨難侵
*Nhuận cập khinh châu, thủy ba bất nhập;
Quang sinh hủ mộc, phong vũ nan xâm.
Sơn kín thuyền nhẹ, ngăn che sóng nước;
Làm tươi gỗ mục, mưa gió khó vào.*

(Vịnh cửa hàng sơn)

五彩雲霞資利用
三江錦色煥光華

Ngũ thái vân hà, tứ lợi dụng;
Tam giang cẩm sắc, hoán quang hoa.
Mây ráng năm màu, giúp dùng tốt;
Gấm thêu ba sông, toả sáng ngời.
(Vịnh cửa hàng sơn)

淡妝濃抹調新色
碩綠痴紅發古香
Đạm trang nồng mạt, điều tân sắc;
Ngoan lục si hồng, phát cổ hương.
Thoa nhẹ trát nhiều, điều sắc mới;
Xanh tươi hồng ngát, phát hương xưa.

歡送親朋巾翻蛺蝶
情聯姊妹印出鴛鴦
Hoan tống thân bằng, cân phiên giáp điệp;
Tình liên tỷ muội, ấn xuất uyên ương.
Vui tiễn bạn bè, khăn thêu bướm đẹp;
Tình quen em chị, in dấu uyên ương.
(Vịnh xưởng khăn mặt)

大小縱橫各隨使用
山川人物益顯光華
Đại tiểu tung hoành, các tùy sử dụng;
Sơn xuyên nhân vật, ích hiển quang hoa.
To nhỏ tung hoành, tùy người sử dụng;
Núi sông nhân vật, được rõ sắc màu.
(Vịnh xưởng làm kính)

珠玉騰輝琉璃煥彩
天中皓月海上明星
Châu ngọc dâng huy, lưu ly hoán thái;
Thiên trung hạo nguyệt, bích hải minh tinh.
Châu ngọc trưng màu, lưu ly rạng vẻ;
Trời cao trăng sáng, biển biếc sao ngời.
(Vịnh cửa hàng thủy tinh)

豹變其文虎炳其質
千狐之腋五羊之皮

Báo biến kỳ văn, hổ bính kỳ chất;
Thiên hồ chi dịch, ngũ dương chi bì.
Báo đổi văn đốm, hổ tổ chất đẹp;
Nghìn cáo để lông, năm dê để da.

(Vịnh cửa hàng da)

暑去寒來此廂有暖
裘輕葛細表里造宜
Thử khứ hàn lai, thử sương hữu noãn;
Cừ khinh cát tế, biểu lý thích nghi.
Nóng qua lạnh đến, hôm này ấm áp;
Áo nhẹ chỉ tinh, trong ngoài vừa ý.
(Vịnh cửa hàng da)

皓月無光得此偏明明赫赫
夜行以燭同君共雨雨風風
Hạo nguyệt vô quang, đắc thử thiên minh minh hách hách;
Đạ hành dĩ chúc, đồng quân cộng vũ vũ phong phong.
Trắng sáng không tới, nhưng đây cứ sáng sáng sủa sủa;
Đêm đi không đuối, vẫn cùng bác gió gió mưa mưa.
(Vịnh bãi than)

巧使神機獻妙手
劈開鬼谷出烏金
Xảo sử thần cơ, hiến diệu thủ;
Phách khai quỷ cốc, xuất ô kim.
Khéo khiến máy thần, hiến tay giỏi;
Mở mang hang quỷ, lấy vàng đen.
(Vịnh Công ty than)

祖國富饒油海礦山推西北
江山秀麗水鄉澤國遍東南
Tổ quốc phú nhiêu, du hải khoáng san thôi tây bắc;
Giang sơn tú lệ, thủy hương trạch quốc biến đông nam.
Tổ quốc giàu thêm, biển dầu núi quặng khắp tây bắc;
Non sông tươi đẹp, làng no nước mạnh suốt đông nam.
(Vịnh Công ty dầu khí)

千百座鋼爐要使神州除舊貌
億萬雙鐵肩敢教大地換新顏

Thiên bách toạ cương lô, yếu sử thần châu trít cữu mạo;
Ức vạn song thiết khiên, cảm giao đại địa hoán tân nhan.
Hàng vạn chiếc lò gang, phải khiến nước nhà thay diện mạo;
Hàng triệu đôi vai thép, dám xoay toàn quốc đổi dung nhan.

(Vịnh Công ty gang thép)

文在茲乎經緯兩間垂不朽
德其盛矣顯微一理享于誠

Văn tại tư hồ, kinh vĩ lưỡng gian thùy bất hủ;
Đức kỳ thịnh hĩ, hiển vi nhất lý hưởng vu thành.
Về đẹp đây rồi, ở giữa dọc ngang mãi không mất;
Đức độ thịnh vậy, có khoảng rõ mờ nhận được nhiều.
[Văn để dài lâu, ngang dọc 2 gian truyền bất hủ;
Đức còn thịnh mãi, hiển vi 1 lý hưởng tâm thành.]
(Câu đối ở miếu thờ thân mẫu Phạm Tu, Thịnh Liệt, Hà Nội)

書草情田聖德汪涵家世大
筆花寶誥神威顯應國慈尊

Thư thảo tình điền, thánh đức汪洋 gia thế đại;
Bút hoa bảo cáo, thần uy hiển ứng quốc từ tôn.
Sách thảo nghĩ sâu, thánh đức bao dung gia thế lớn;
Bút hoa lời báu, thần uy hiển ứng quốc từ tôn.
(Câu đối ở miếu thờ thân mẫu Phạm Tu, Thịnh Liệt, Hà Nội)

勇氣蘇江聖德英靈傳李史
雄心荔國神威顯應昭南天

Dũng khí Tô Giang, thánh đức anh linh truyền Lý sử;
Hùng tâm Lệ Quốc, thần uy hiển ứng chiếu Nam thiên.
Tô Giang khí dũng, anh linh đức thánh truyền sử Lý;
Nước Lệ tâm hùng, hiển ứng uy thần chiếu trời Nam.
(Miếu Vực, Thịnh Liệt, Hà Nội)

上老老則民興孝
故親親而天下平

Thượng lão lão tắc dân hưng hiếu;
Cố thân thân nhi thiên hạ bình.
Trên đã kính già tất dân đều tốt;
Xưa yêu cha mẹ thì nước yên bình.
Hội lão thọ bái tiến, Bảo Đại, Bình Tý (1936)
(Đình ngoài thờ Phạm Tu, Thịnh Liệt, Hà Nội)

聖地盡鍾清秀氣
方民全仗烈光休

*Thánh địa tận chung thanh tú khí;
Phương dân toàn trượng liệt quang lưu.*

Đất thánh đều vui khí đẹp thanh;
Dân đây toàn dựa phúc sáng liệt.

(Đình ngoài thờ Phạm Tu, Thịnh Liệt, Hà Nội)

靈鳥來時橫海鯨波千島靜
慈雲過處兼天鱣浪一蓬平

*Linh điểu lai thời, hoành hải kinh ba thiên đảo tĩnh;
Từ vân quá xứ, kiêm thiên ngạc lãng nhất bồng bình.*
Thời chim thiêng đến, ngang biển sóng kinh nghìn đảo tĩnh;
Chỗ mây lành qua, đây trời sóng dữ một đảo bình.

(Chùa Bà, Thịnh Liệt, Hà Nội)

英風遠屆江天外
坤德長垂澤國中

*Anh phong viễn giới giang thiên ngoại;
Khôn đức trường thủy trạch quốc trung.*
Anh linh như dòng sông dài tận ngoài trời;
Đức khôn (nữ) như đầm nước còn mãi trong nước.

(Miếu Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc, An Giang)

聖德配天海國慈航普濟
母儀稱后桑榆俎豆重光

*Thánh đức phối thiên hải quốc từ hàng phổ tế;
Mẫu nghi xưng hậu tang du trở đậu trùng quang.*
Đức độ của thánh phối với trời, thuyền từ ở quốc gia rộng lớn đi
cứu vớt khắp nơi;
Uy nghi của thánh mẫu sánh với hoàng hậu, tế lễ khắp nơi thôn dã
ánh sáng nhiều tầng.

(Miếu Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc, An Giang)

鸞嶺威嚴同荷坤貞之彩
朱江節映均蒙普度之恩

*Hậu linh uy nghiêm đồng hạ khôn trinh chi thái;
Chu giang tiết ánh quân mông phổ độ chi ân.*
Uy nghiêm Hậu linh đều nhận được vẻ khôn trinh;
Toả sáng Chu giang đều chịu ơn phổ độ.

(Miếu Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc, An Giang)

鴻領巍峨千古廟
藍江煥耀一蕃神

*Hồng Lĩnh nguy nga thiên cổ miếu;
Lam Giang hoán diệu nhất phiên thần.
Đền cổ dựng nguy nga nơi Hồng Lĩnh;
Thần xa thiêng lấp lánh chốn Lam Giang.*

三光揚耀天生德
兩大鍾英岳降神

*Tam quang dương diệu thiên sinh đức;
Lưỡng đại chung anh nhạc giáng thần.
Tam quang lồng lộng trời sinh đức;
Lưỡng đại đức hun núi có thần.*

擎天仰立文明界
得地高標武廟間

*Kinh thiên ngưỡng lập văn minh giới;
Đắc địa cao tiêu Vũ miếu gian.
Chống trời với văn minh độc lập;
Được đất cùng Vũ miếu nêu cao.*

喝江古三路之分勝地奇觀花表千年留鴻貉
南天七二祠之一流雄靈跡褒封歷代影龍仙
*Hát giang cổ tam lộ chi phân, thắng địa, kỳ quan, hoa biểu thiên
niên lưu Hồng Lạc.*

*Nam thiên thất nhị từ chi nhất, lưu hùng, linh tích, bao phong lịch
đại ảnh Long Tiên.*

Cảnh là ba nhánh xưa sông Hát, đất đẹp kỳ quan, cột biểu
ngàn năm lưu Hồng Lạc
Đền là bảy hai đền cũ trời Nam, hào hùng linh tích, phong khen
tiếp nối ánh Rồng Tiên.
(Đình Do Lộ)

月照桂宮天不夜
雲開蓮座地無塵

*Nguyệt chiếu quế cung thiên bất dạ;
Vân khai liên tọa địa vô trần.
Trăng soi cung quế, trời không có đêm;
Mây che toà sen, đất không có bụi.
(Chùa Phổ Linh - Thái Bình)*

太水千秋瞻仰佛
普靈萬世度持民

*Thái Thủy thiên thu chiêm ngưỡng Phật;
Phổ Linh vạn thế độ trì dân.*

Dân Thái Thủy nghìn năm nay chiêm ngưỡng Phật;
Chùa Phổ Linh muôn đời qua độ trì cho dân.
(Chùa Phổ Linh - Thái Bình)

修家修市修禪沸
正言正業正茲維

*Tu gia tu thị tu Thiền Phật;
Chính ngôn chính nghiệp chính tư duy.
Tu nhà tu chợ tu Thiền Phật;
Chính lời chính nghiệp chính nghĩ suy.*
(Chùa Phổ Linh - Thái Bình)

聖德最靈保存國粹
佛慈廣大濟度民生

*Thánh đức tối linh, bảo tồn quốc túy;
Phật từ quảng đại, tế độ dân sinh.
Đức Thánh rất linh, giữ gìn quốc túy;
Lòng Phật quảng đại, giúp đỡ dân sinh.*
(Chùa An Tiêm - Thái Bình)

龍符輝門增鼎盛
匡扶禪宇永昌隆

*Long phù Huy môn tăng đỉnh thịnh;
Khuông phù Thiền vũ vĩnh xương long.
Bùa rồng cửa Huy thêm tiến thịnh;
Giúp cho thêm Phật mãi phồn hưng.*
(Chùa An Tiêm - Thái Bình)

敬直義方所以立也
仁祝禮矩自有卓然

*Kính trực nghĩa phương sở dĩ lập dã;
Nhân chúc lễ củ tự hữu trác nhiên.
Kính, thẳng, nghĩa, thoáng, cứ vậy đứng được;
Nhân, thực, lễ, nét, tất tự vững vàng.*
(Từ đường họ Phạm - Thái Bình)

西北龍來四故祖
東南水繞到前堂
*Tây Bắc long lai hồi cố tổ;
Đông Nam thủy nhiễu đảo tiền đường.*
Cố Tổ về kia rừng Tây Bắc;
Nhà thờ trước nọ nước Đông Nam.
(Từ đường họ Phạm-Thái Bình)

龍水鯉魚親拜向
虎山錫鳥遠回頭
*Long thủy lý ngư thân bái hướng;
Hổ sơn tích diểu viễn hồi đầu.*
Cá chép tự đến lạy ở Long thủy;
Chim tích từ xa quay đầu tại Hổ sơn.
(Chùa Phúc Linh- Thái Bình)

遺跡陳名傳自古
留來安所顯于今
*Di tích Trần Danh truyền tự cổ;
Lưu lai Yên Sở hiển vu kim.*
Tự cổ Trần Danh truyền di tích;
Ngày nay Yên Sở tỏ lâu dài.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

問來已事須爲史
細訥如圖欲命詩
*Vấn lai dĩ sự tu vì sử;
Tế nhận như đồ dục mệnh thi.*
Hỏi ra việc cũ nên là sử;
Nghĩ kỹ cảnh nay phải có thơ.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

登是南邦天地併功關帝宅
眷維西土江山閱世想皇風
*Đăng thị Nam bang thiên địa tịnh công quan đế trạch;
Quyển duy Tây thổ giang sơn duyệt thế tưởng hoàng phong.*
Trời đất cõi Nam đây thực vốn công nhà vua cả;
Núi sông tây giới nghĩ duy kế thế đức tiên hoàng.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

鴻貉餘圖根本重

瀘滔襟襪廟堂尊

Hồng⁽¹⁾ Lạc dư đồ căn bản trọng;

Lô Thao⁽²⁾ khâm đới miếu đường tôn.

Bản đồ Hồng Lạc nguồn rất trọng;

Đai áo Lô Thao chốn nghiêm tôn.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

鴻貉故基存累嶂層巒群水合

帝王靈氣在號風怒雨一峰高

Hồng Lạc cố cơ tồn, lũy chướng tầng loan quần thủy hợp;

Đế Vương linh khí tại, hào phong nộ vũ nhất phong cao.

Nền cũ Hồng Lạc còn, đối che bốn chỗ sông nước hợp;

Khí thiêng vua chúa tại, mưa gào gió thét một non cao.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

煮蒿萬古同天大

香火億年仰聖明

Huân cao vạn cổ đồng thiên đại;

Hương hoả ức niên ngưỡng thánh minh.

Phụng thờ muôn thuở ngang trời rộng;

Hương lửa ngàn năm ngưỡng thánh minh.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

蔥蔥蔥蔥中有陵焉寢焉龍父仙母之精靈啓佑後
人罔缺

古古今今見此山也水也聖祖神尊之創造於戲前
王不忘

太子少保總督致仕楊琳 拜題

*Thông thông uất uất, trung hữu lăng yên tẩm yên, long phụ tiên mẫu
chí tinh linh, khải hựu hậu nhân vông khuyết;*

*Cổ cổ kim kim, kiến thủ sơn dã thủy dã, thánh tổ thần tông
chí sáng tạo, ô hỏ tiền vương bất vong.*

(Thái tử Thiếu bảo Tổng đốc trí sĩ Dương Lâm bài đề)

⁽¹⁾ Chữ Hồng thường được viết là 鴻 (Hùng)

⁽²⁾ Chữ Thao thường được viết là 洮 (sông Thao)

Xanh xanh rậm rậm, trong có này lãg này tằm, giòg giòg thiềg
cha rồg mẹ tiên, phù hộ người sau không thiếu;
Cổ cổ nay nay, thấy đố kia non kia nước, sáng tạo nhờ thần tồg
thánh tổ, vui thay vua xưa vẫn còn.

(*Thái tử Thiệu bảo Tổng đốc trí sĩ Dương Lâm lay đề -
Đền thờ cụ Trần Danh Tiếu - Hà Tây*).

四千年鴻貉山河相傳祖國
二十兆仙龍苗裔共仰英靈
翰林編修武明珠拜題

Tứ thiên niên Hồng Lạc sơn hà, tương truyền tổ quốc;
Nhị thập triệu Tiên Long miếu duệ, cộng ngưỡng anh linh.
(*Hàn lâm biên tu Vũ Minh Châu bài đề*)

Bốn nghìn năm non nước Lạc Hồng, giữ bền đất tổ;
Hai mươi triệu cháu con Tiên Rồng, chung hưởng anh linh.
(*Hàn lâm biên tu Vũ Minh Châu vái đề - Đền thờ cụ Trần Danh Tiếu - Hà Tây*)

四千餘年國歷幾桑滄全幅此山河肇祖前功來世遠
二十五兆民誰非苗裔故都望陵廟興朝旺氣凜如生
北圻經略陳祥拜題

Tứ thiên dư niên quốc lịch kỷ tang thương, toàn bức thủ sơn hà, triệu
tổ tiên công lai thế viễn;

Nhị thập ngũ triệu dân thủy phi miếu duệ, cố đô vọng lãg miếu,
hưng triều vượng khí lãm như sinh.
(*Bắc Kỳ Kinh lược Trần Gia Tường bài đề*)

Hơn bốn nghìn năm đất nước mấy tang thương, toàn cõi non sông
này, ấy công tổ tiên xưa để lại;
Hai mươi lăm triệu dân ai chẳng cháu chất, đô xưa trông lãg miếu,
vương triều khí thịnh vẫn như xưa.
(*Kinh lược Bắc Kỳ Trần Gia Tường vái đề - Đền thờ cụ Trần Danh Tiếu - Hà Tây*)

西亨于天傘島洮瀘合作一天宇宙
南祖其國丁黎李陳長留億載輿圖

Tây hành vu thiên, Tản Đảo Thao Lô hợp tác nhất thiên vũ trụ;
Nam tổ kỳ quốc, Đinh Lê Lý Trần trường lưu ức tải dư đồ.
Tây thông với trời, Tản Đảo Thao Lô hợp làm trời riêng một cõi;
Nam tổ cùng nước, Đinh Lê Lý Trần để lại đất vững ngàn năm.
(*Đền thờ cụ Trần Danh Tiếu - Hà Tây*)

登斯山俯瞰郊原十有五部版章歷史上鴻圖猶鑿
訪故事肅瞻遺廟二千與年陳跡彩雲間鶴表自依

臨滔知府阮廷準拜題

*Đăng tư sơn phủ hám giao nguyên, thập hữu ngũ bộ bản chương,
lịch sử thượng hồng đồ do tạc;*

*Phòng cố sự túc chiêm, di miếu nhị thiên dư niên trần tích,
thối vân gian hạc biểu tự y.*

(Lâm Thao Tri phủ Nguyễn Đình Chuẩn bài đề)

Lên núi này cúi ngắm đồi gò, mười lăm bộ vạch phân, trong lịch sử
dư đồ còn tạc

Hỏi việc cũ nghĩ suy hơn hai nghìn năm dấu cũ chốn mây lành
bia đá vẫn nguyên

*(Tri phủ Lâm Thao Nguyễn Đình Chuẩn vái đề -
Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)*

齋齋皇皇配天其澤帝而祖
蔥蔥蔥蔥得地之靈山亦雄

*Duyệt duyệt hoàng hoàng, phối thiên kỳ trạch, đế nhi tổ;
thông thông uất uất, đắc địa chi linh, sơn diệp hùng.*

Lớn lớn đời đời, được ơn trời giúp, vua là Tổ;
Xanh xanh rậm rậm, được linh đất cho, núi ấy Hùng.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

維祖國精神一十八傳根本地
考故都名勝幾千百載帝王陵

*Duy Tổ quốc tinh thần, nhất thập bát truyền căn bản địa;
khảo cố đô danh thắng, kỷ thiên bách tải đế vương lăng.
Với tinh thần Tổ quốc, mười tám đời truyền đất căn bản;
Tìm danh thắng Cố đô, mấy nghìn năm lễ lăng đế vương.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)*

拓水開基四顧山河歸版藉
登高望遠群峰羅列似兒孫

*Thác thủy khai cơ, tứ cố sơn hà quy bản tịch;
đăng cao vọng viễn, quần phong la liệt tự nhi tôn.*

Mở lối xây nền, bốn mặt non sông về một mối;
Lên cao ngó khắp, núi đồi la liệt tựa cháu con.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

登者係遐思萬古江山締造始
佳哉猶旺氣千秋城郭蔥蔥間

Dăng giả hệ hà tư, vạn cổ giang sơn đề tạo thủy;

Giai tại do vượng khí, thiên thu thành quách uất thông gian.

Lên cao nghĩ thực xa, tạo dựng non sông đầu muôn thuở;
Đẹp thay đời vẫn vượng, rừng xanh thành quách giữa ngàn thu.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

帝封作邦最好中間風水
民今受賜蓋自上古聖神

Đế phong tác bang, tối hảo trung gian phong thủy;

Dân kim thụ tử, cái tự thượng cổ thánh thần.

Vua phong thanh bang, tốt nhất trung gian địa mạch;

Dân nay được hưởng, sớm từ thượng cổ thánh thần.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

皇家演出龍仙派
帝國端門姊妹花

Hoàng gia diễn xuất long tiên phái;

Đế quốc đoan môn tỷ muội hoa.

Rồng tiên giòng giới nơi nhà chúa;

Chị em hệ chính của nước vua.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

雄朝陵寢皇都在
南國神仙帝女尊

Hùng triều lăng tẩm hoàng đô tại;

Nam quốc thần tiên đế nữ tôn.

Lăng tẩm Triều Hùng đô vua cũ;

Thần tiên Nam Việt nữ chúa giòng.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

安養庵桌錫依此道以傳法雨祥雲隨自在
慈孝自開山得其門而入佛恩國澤共圓融

*An Dưỡng am trác tích, y thử đạo dĩ truyền, pháp vũ tường vân tùy
tự tại;*

*Từ Hiếu tự khai sơn, đắc kỳ môn nhi nhập, Phật ân quốc trạch cộng
viên dung.*

Dựng am An Dưỡng làm nơi ở, dựa vào đó để mà truyền đạo, mưa
pháp mây lành tụ tại với nhân duyên;
Xây chùa Từ Hiếu nhờ mở núi, được nơi đó để vào cửa Phật, ơn nước
ơn Phật đều trọn vẹn cả hai.

(Câu đối chùa Từ Hiếu)

道心堅石學海深源亞雨鷗風不動掌上禪宗手
御嶺悲雲香江逝水淄衣素服永懷西邊月影南
*Đạo tâm kiên thạch, học hải thâm nguyên, Á vũ Âu phong bất động
chưởng thượng Thiền tông thủ;*

*Ngự lãnh bi vân, Hương Giang thê thủy, truy y tố phục vĩnh hoài
tây biên nguyệt ảnh nam.*

Tâm đạo vững như đá, bể học như nguồn sâu, mưa Á gió Âu
không thể chuyển được tấm lòng bậc kỳ tài trong Thiền giới;
Núi Ngự mây buồn giăng, Hương Giang nước chảy mãi, muôn đời con
cháu nhớ mãi vầng trăng sáng trời Nam.

三寶莊嚴淨戒智證空門慧日
十方濟渡迷津巨花若海慈航

*Tam bảo trang nghiêm, tịnh giới trí chứng không môn tuệ nhật;
Thập phương tế độ, mê tân cự hoa nhũ hải từ hàng.*

Tam bảo trang nghiêm, tịnh giới chứng ngộ, cửa không tuệ nhật chiếu vào;
Mười phương tế độ, bến mê sáng tỏ, biển trí thuyền từ vượt qua.

(Câu đối ở chùa Phước Điền)

竹月印禪心野色天光參妙相
林風宜覺道溪聲松韻和園音

Trúc nguyệt ấn thiền tâm, dã sắc thiên quang tham diệu tướng;

Lâm phong nghi giác đạo, khê thanh tùng vận hoà viên âm.

Trúc nguyệt in tâm thiền, sắc trời đồng nội tham diệu tướng;

Gió rừng hợp đạo giác, tùng reo suối chảy hoà viên âm.

(Câu đối chùa Trúc Lâm)

古寺出雲山有意人來敲石磬
禪居臨水畔忘機龍到聽金經

Cổ tự xuất vân sơn, hữu ý nhân lai xao thạch khánh;

Thiền cư lâm thủy畔, vong cơ long đáo thính kim kinh.

Cổ tự lộ vân sơn, người hữu ý đến khua khánh đá;

Chốn thiền soi bên nước, rồng quên lo men tới nghe kinh.

(Câu đối chùa Báo Quốc)

禪心明淨三界普慈悲從香國中來振旦經聲傳佛法
梵舍莊嚴十方歸濟渡潮景興而後天台山色盡神京
Thiền tâm minh tịnh, tam giới phổ từ bi, tông Hương Quốc trung lai

Chấn Đán kinh thanh truyền Phật pháp;

*Phạm xá trang nghiêm, thập phương qui tế độ, tổ Cảnh Hưng nhi
hậu Thiên Thai sơn sắc ánh thần kinh.*

Thiền tâm lặng sáng, ba cõi trải từ bi, từ ấn Độ tới Trung Hoa tiếng
kinh truyền phép Phật;

Phạm xá trang nghiêm, mười phương được cứu vớt, từ Cảnh Hưng
đến Thiên Thai sắc núi trùm kinh đế.

(Câu đối chùa Thiên Tông)

前前無始 後後無終金性本來如是

生生不增減減不減真如萬古常新

*Tiền tiền vô thủy, hậu hậu vô chung, kim tính bản lai như thị;
Sinh sinh bất tăng, diệt diệt bất giảm, chân như vạn cổ thường tân.*
Trước trước chẳng bắt đầu, sau sau chẳng kết thúc. Tính Phật vốn
xuất phát từ đây

Sinh sinh chỗ tăng, diệt diệt chỗ giảm. Chân như vạn cổ
vẫn như thường.

(Câu đối chùa Tây Thiên)

法雨弘施萬木昆蟲沾利益

身雲遍滿虛空世界放光明

*Pháp vũ hoằng thi, vạn mộc côn trùng triêm lợi ích;
Thân vân biến mãn, hư không thế giới phóng quang minh.*

Mưa phép thấm đều, vạn mộc côn trùng đều hưởng lợi;
Phật thân biến hoá, hư không thế giới sáng muôn màu.

(Câu đối chùa Linh Mục)

開發菩提心而化通萬類

弘施方便力以覺悟群生

*Khai phát bồ đề tâm nhi hoá thông vạn loại;
Hoằng thi phương tiện lực dĩ giác ngộ quần sinh.*

Mở tâm bồ đề, để hóa thông vạn loại;
Bày muôn ngàn phép để giác ngộ chúng sinh.

(Câu đối chùa Linh Mục)

巽水長波涉換支絃無盡水
乾山高聲眼光遊戲萬重山

*Tôn thủy trường ba, thiệp hoán chi huyền vô tận thủy;
Kiên sơn cao thanh, nhãn quang du hí vạn trùng san.*

Sóng nước toả lan như dây đàn rung vô tận;
Âm thanh vượt núi khiến mắt sáng phóng nghìn trùng.
(Câu đối ở chùa Trúc Lâm)

滿地花香開佛國
半天鐘磬入祇園

*Mãn địa hoa hương khai Phật quốc;
Bán thiên chung khánh nhập Kỳ viên.
Mở nước Phật hương hoa tràn đất;
Vào vườn Thiên chuông khánh lừng trời.
(Câu đối chùa Bà La Mật)*

香江其北御嶺其南千萬世慈風傳寺古
景興以前永盛以後數百年梵宇壯于今

*Hương Giang kỳ bắc, Ngự lãnh kỳ nam, thiên vạn thế từ phong
truyền tự cổ;
Cảnh Hưng dĩ tiền, Vinh Thịnh dĩ hậu, số bách niên phạm vũ
tráng vu kim.*

Hương Giang phía Bắc, Núi Ngự phía Nam, ngàn vạn đời gió
từ bi lồng cổ tự;
Cảnh Hưng thời trước Vinh Thịnh về sau mấy trăm năm phạm
vũ vẫn còn tráng lệ
(Câu đối chùa Báo Quốc)

救苦憐聲陽柳枝頭灑甘露而十方蒙潤
化身隨類芙蓉萼而上放慈光而群品瞻依

*Cứu khổ tâm thanh, dương liễu chi đầu, sái cam lộ nhi thập
phương mông nhuận
Hoá thân tùy loại, phù cừ diện thượng, phóng từ quang nhi quần
phẩm chiêm y
Tâm thanh cứu khổ, rưới cam lộ lên cành dương liễu, khiến mười
phương được thấm ơn sâu;
Tùy loại hóa thân, phóng từ quang trên mặt phù cừ, để mọi nơi được
cúng chiêm ngưỡng.
(Câu đối ở chùa Đông Thuyền)*

色即是空空即是色須信性中無罣礙
佛不離心心不離佛誰三身外有菩提

*Sắc tức thị không, không tức thị sắc, tu tín tính Trung vô quái ngại;
Phật bất ly tâm, tâm bất ly Phật, tùy tam thân ngoại hữu bồ đề.*
Sắc tức là không, không tức là sắc, trong tín tính tu không trở ngại;
Phật không lìa tâm, tâm không lìa Phật, ngoài tam thân ai cũng có bồ đề.

(Câu đối chùa Báo Quốc)

般若智真空萬法即心即佛
菩提心妙有一切是色是空

*Bát nhā trí chân không vạn pháp tức tâm tức Phật;
Bồ đề tâm diệu hữu nhất thiết thị sắc thị không.*
Bát Nhã hiểu chân không, muôn pháp tức tâm tức Phật;
Bồ đề tâm diệu hữu, nhất thiết là sắc là không.
(Câu đối ở chùa Thành Nội Huế)

四面光凝扃托日臨千歲樹
九天風定蘭庭香滿百枝花

*Tứ diện quang ngưng quynh thác nhật lâm thiên tuế thụ;
Cửu thiên phong định lan đình hương mãn bách chi hoa.*
Bốn phía rạng ngời, ngoài cửa mặt trời mọc bên cây thiên tuế;
Chín tầng gió lặng, sân lan thơm phúc trăm hoa đua sắc hương.

長樂揚麻十二樓臺新體勢
蘭階集客奇花妙草暢和風

*Trường lạc dương ma thập nhị lâu đài tân thể thế;
Lan giai tập khách kỳ hoa diệu thảo sướng hoà phong.*
Vui bất tuyệt trong chốn mười hai lầu đài xây kiểu mới;
Thêm lan tụ hội, hoa thơm cỏ lạ hoà đón gió xuân.

沉潛百八鍾難辨
梵意玄微世莫通

*Trầm tiềm bách bát chung nan biện;
Phạn ý huyền vi, thế mạc thông.*
Trăm lẻ tám tiếng chuông sao phân biệt được;
Đạo Phật huyền vi, cõi tục thấu được chăng.

陽輝環宇被
照普世人情

*Dương huy hoàn vũ bị;
Chiếu phổ thế nhân tình.
Toàn cầu ánh dương sáng;
Chiếu đã khắp nhân gian.*

未出地時先有節
到凌雲處也無心
*Vị xuất địa thời tiên hữu tiết;
Đáo lăng vân xứ dã vô tâm.
Khí tiết rồi khi chưa lên khỏi đất;
Cao tận mây lòng vẫn thẳng ngay.*

幾經霜雪操
不改歲寒心
*Kỷ kinh sương tuyết thao;
Bất cải tuế hàn tâm.
Trải qua bao sương tuyết;
Lòng vẫn chẳng đổi thay.*

并意還并偶
相約莫相逢
*Tình ý hoàn tình ngẫu;
Tương ước mạc tương phùng.
Có hẹn như tình cờ;
Y hẹn chẳng gặp ư?*

四面獻奇觀風景別開宇宙
億年鍾旺氣江山長護廚私
*Tứ diện hiến kỳ quan phong cảnh biệt khai vũ trụ;
Úc niên chung vượng khí giang sơn trường hộ trừ tư.
Bốn phía đều là kỳ quan, phong cảnh mở riêng trong trời đất;
Muôn năm đức hun khí lành, núi sông muôn thuở chở che.*

列宿分龍影
方池寫鳳文
*Liệt túc phân long ảnh;
Phương trì tả phượng văn.
Sao trời bày rồng cuốn;
Ao vuông vẽ phượng bay.*

宇宙太和天玉白衣裳此會
京師首善地聲名文物所都

*Vũ trụ thái hoà thiên, ngọc bạch y thường thủ hội;
Kinh sư thủ thiện địa, thanh danh văn vật sở đô.*
Trời vũ trụ thái hoà, lúc áo xiêm đua chen như ngày hội;
Kinh sư đất tốt lành, vang danh chốn văn vật bốn phương.

禦溝幾許新荷放
憑檻香聞滿座生

*Ngự câu kỷ hứa tân hà phóng;
Bằng hạm hương văn mãn tọa sinh.*
Dưới ngòi ngự vài bông sen nở sớm;
Trên hiên nhà tràn ngập mùi hương.

色是空空是色空空色色
佛即心心即佛佛佛心心

*Sắc thị không, không thị sắc, không không, sắc sắc;
Phật tức tâm, tâm tức Phật, Phật Phật tâm tâm.*
Sắc là không, không là sắc, đâu không đâu sắc;
Phật tức tâm, tâm tức Phật, Phật chính là tâm.

三才體制日新日日新已顯我一生誠敬望願
千家基業萬歲萬萬歲則助而仰望修齊治平

*Tam tài thể chế nhật tân nhật nhật tân dĩ hiển ngã nhất sinh kính
vọng nguyện*

*Thiên gia cơ nghiệp vạn tuế vạn vạn tuế tác trợ nhi ngưỡng vọng tu tề
trị bình.*

Dùng (cách thức tam cung để biểu thị cho) Tam Tài để thể chế mỗi ngày mỗi mới, cũng là để biểu thị sự thành kính ngưỡng vọng của ta; Cơ nghiệp của hoàng gia bền vững muôn đời, hẳn sẽ giúp cho ta làm được sự nghiệp tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ.

大人譽日協明中天照萬國
至聖困心若鏡在拓動八荒

*Đại nhân dự nhật hiệp minh trung thiên chiếu vạn quốc;
Chí thánh khốn tâm nhưc kính tại thác động bát hoang.*

Đại nhân và mặt trời cùng nhau toả sáng cả bầu trời, chiếu soi vạn nước;
Bậc Thánh giữ lòng sáng như gương, để chiếu sáng mọi chỗ gần xa.

基礎規模憑舊跡
廟堂再造更修新

Cơ chỉ quy mô bằng cựu tích;

Miếu đường tái tạo cánh tu tân.

Cơ nghiệp mới quy mô trên nền di chỉ cũ;
Miếu đường xây dựng lại càng trở nên khang trang.

水照山朝增景色
風和日麗最榮光

Thủy chiếu sơn triều tăng cảnh sắc;

Phong hoà nhật lệ tối vinh quang.

Nước soi, núi chầu, cảnh sắc thêm đẹp đẽ;
Gió ôn hoà, mặt trời diễm lệ, ánh sáng thêm rực rỡ.

五德居尊位
行俠事天心

Ngũ đức cư tôn vị;

Hành hiệp sự thiên tâm.

Năm đức nơi chí tôn;
Hành hiệp hợp lòng trời.

天以五行爲世用
帝修六府厚人生

Thiên dĩ ngũ hành vi thế dụng;

Đế tu lục phủ hậu nhân sinh.

Trời lấy Ngũ hành (kim - mộc - thủy - hỏa - thổ)
để ứng vào việc đời;
Vua tu theo Lục phủ (Thượng thiên, thượng ngàn, thủy cung...)
để giúp cho muôn dân.

五月值天中夏聲遺悠王母福
六旬稱聖壽春輝報答子臣心

Ngũ nguyệt trực thiên trung, hạ thanh di du vương mẫu phúc;

Lục tuần xưng thánh thọ, xuân huy báo đáp tử thần tâm.

Tháng Năm giữa trời, gió hạ vui vầy ơn vương mẫu;
Sáu mươi lễ thánh thọ, nắng xuân báo đáp lòng tôi con.

淨土結祥雲支那和尚妙跡自古
光天長化日考武皇帝賜扁如今

*Tịnh địa kết tường vân Chi na hòa thượng diệu tích tự cổ;
Quang thiên trường hóa nhật Hiếu vô hoàng đế tứ biển như kim.
Đất yên kết mây lành, hòa thượng Trung Hoa để tích sáng tự cổ;
Trời quang phong hóa cũ, Hiếu vô hoàng đế ban biển hầy còn đây.*

妙啼被群生多稱碩德
淨光含萬象好繼宗風

*Diệu Đế bị quần sinh đa xưng thạc đức;
Tịnh Quang hàm vạn tượng hảo kế tông phong.
Chùa Diệu Đế để chúng sinh kế thừa đức lớn;
Chốn Tịnh Quang chứa vạn tượng nổi tông phong.*

蓮起爐 中妙啼常年開法侶
花繡錦上淨光此日振慈風

*Liên khởi lư trung Diệu Đế thường niên khai pháp lữ;
Hoa tú cảm thượng Tịnh Quang thử nhật chấn từ phong.
Trong lò sen nở, chùa Diệu Đế thường năm mở lớp tăng chúng;
Trên gấm hoa thêu, chốn Tịnh Quang đây ngày dấy gió từ bi.*

一等仁中神孝子
大學道明德 親民

*Nhất đẳng nhân trung thần hiếu tử;
Đại học đạo minh đức thân dân.
Bậc cao quý nhất là tôi trung con hiếu;
Đạo lớn nhất ấy là minh đức thân dân.*

風敲桃院琴聲逸
月印蘭臺鶴蒜高

*Phong xao đào viện cầm thanh dật;
Nguyệt ấn lan đài hạc toán cao.
Gió thổi vườn đào, tiếng đàn khoan nhặt;
Trăng soi gác sách, tuổi hạc muôn cao.*

明月清風天別造
高山秀水地靈奇

*Minh nguyệt thanh phong thiên biệt tạo;
Cao sơn tú thủy địa linh kỳ.
Gió mát trăng thanh trời riêng tạo;
Núi cao sông đẹp đất linh thiêng.*

顯赫門前江水旺來風光舊
巍峨祠上山龍培抱景色新

*Hiển hách môn tiền, giang thủy vượng lai phong quang cựu;
Nguy nga từ thượng sơn long bồi bảo cảnh sắc tân.
Cửa trước thênh thang sông rộng tuôn trào phong cảnh cũ;
Ngôi đền chót vót, núi rồng ôm ấp cảnh tươi thêm.*

前江引水生奇妙
後路行程客往來

*Tiền giang dẫn thủy sinh kỳ diệu;
Hậu lộ hành trình khách vãng lai.
Sông phía trước dẫn nước sinh vẻ đẹp kỳ diệu;
Đường phía sau dành cho khách đi đường lai qua.*

安子高峰紅日月
竹林山上昭十方
弟子德供進一九九二

*Yên Tử cao phong hồng nhật nguyệt;
Trúc Lâm sơn thượng chiếu thập phương.
Đỉnh cao Yên Tử đỏ vàng nhật nguyệt;
Trên non rừng trúc soi chiếu mười phương.
(Đệ tử Đức cung tiến nhất cử cử nhị (Đệ tử Đức cung tiến năm 1992)*

草樂何水何山于載會
欣歡此人此地四民康

*Thảo lạc, hà thủy hà sơn vu tải hội;
Hân hoan, thử nhân thử địa tứ dân khương.
Sướng vui bởi sông nào núi nào cũng đều mở hội;
Hân hoan do người ấy, đất ấy, thầy được an khương.*

陰陽鍾毓精靈在
山水清於閨澤均

*Âm dương chung đúc tinh linh tại;
Sơn thủy thanh ư khải trạch quân.
Âm dương chung đúc tinh linh còn mãi;
Sông núi lưu tàng đức trạch lớn lao.*

德澤巍峨山有色
英威浩蕩水無波

Đức trạch nguy nga sơn hữu sắc;
Anh uy hạo đẳng thủy vô ba.
Núi có sắc màu, vôi vọi đức trạch;
Sông không sóng mà cuộn cuộn anh uy.

地結名藍豁達軒窗吞宇宙
天繞勝景巍峨臺閣接雲煙
Địa kết danh lam, khoát đạt hiên song thôn vũ trụ;
Thiên nhiễu thắng cảnh, nguy nga đài các tiếp vân yên.
Đất kết danh lam thoáng đẳng hiên song nuốt vũ trụ;
Trời vây cảnh đẹp, nguy nga đài các đón khói mây.

一樹梅花一樹玉
半床明月半床經
Nhất thụ mai hoa nhất thụ ngọc;
Bán sàng minh nguyệt bán sàng kinh.
Một cây hoa mai là một cây ngọc;
Nửa giường trắng gịoi, nửa giường sách kinh.

日映木橋長水美
夕來几樹自生香
Nhật ánh mộc kiều trường thủy mỹ;
Tịch lai kỷ thụ tự sinh hương.
Ban ngày rợp bóng cây cao, có dòng sông đẹp;
Đêm về mấy toà cổ thụ, toả ngát hương thơm.

天上果有詩百粵山河今即古
江邊皆可廟一門兄弟將而神
本社同慶辛亥歲同供進
Thiên thượng quả hữu thi Bách Việt sơn hà kim tức cổ;
Giang biên giai khả miếu nhất môn huynh đệ đệ tướng nhi thần.
Trên trời quả có thơ ngâm, non sông Bách Việt trước nay vẫn như thế;
Bờ sông đều có miếu, anh em một nhà, là tướng lại là thần.
(Bản xã Đồng Khánh Tân Hội tuế đồng cung tiến (Người trong xã cùng nhau cung tiến năm Đồng Khánh Tân Hội))

鍾磬洗塵心千古往來增點綴
戰功留佛境億億年傳訟可軒昂
本社民恭進

Chung khánh tẩy trần tâm thiên cổ vãng lai tăng điểm tuyết;
Chiến công lưu Phật cảnh ức niên truyền tụng khả hiên ngang.
Chuông khánh tẩy lòng trần, năm tháng trôi qua càng đẹp đẽ;
Chiến công lưu của Phật, muôn đời truyền tụng rất hiên ngang.

(Bản xā dân cung tiến (Dân bản xā cung tiến))

千百億化身接悟道迷緣以滿
四十九說法開權顯實聖中王

Thiên bách ức hoá thân tiếp ngộ đạo mê duyên dĩ mãn;
Tứ thập cửu thuyết pháp khai quyền hiển thực thánh trung vương.
Phật hóa thân thành ra muôn vạn, đón kẻ ngộ đạo thoát khỏi bến
mê, đã thoả mãn muôn loài ước nguyện;
Bốn mươi chín năm thuyết pháp, mở quyền hành hiện ra thực tại,
trong bậc thánh là hàng đế vương.

慈念濟人千手護持超淨景
澄心現世大法光明達早春

Từ niệm tế nhân thiên thủ hộ trì siêu tịnh cảnh;
Trùng tâm hiện thế đại pháp quang minh đạt tảo xuân.
Từ niệm cứu người, nghìn tay hộ trì cảnh siêu tịnh;
Lòng trong hiện thế, đại pháp quang minh khắp chốn xuân.

埃排勝跡傳之久
赫濯靈聲取也多

Ai bài thắng tích truyền chi cửu;
Hách trạc linh thanh thủ dã đa.
Cảnh đẹp phô bày truyền từ trước;
Tiếng thiêng lừng lấy tỏ đã nhiều.

楊柳枝頭甘露色
蓮花座上泰和香

Dương liễu chi đầu cam lộ sắc;
Liên hoa toà thượng thái hoà hương.
Đầu nhánh dương liễu giọt cam lộ toả sắc;
Trên toà hoa sen cảnh thái hoà đưa hương.

江廣源長波不盡
林深葉茂樹皆春

Giang quảng nguyên trường ba bất tận;
Lâm thâm diệp mậu thụ giai xuân.

Sông rộng nguồn dài, sóng bất tận;
Rừng sâu lá rậm, cây đều tươi.

馬蹄堪使風輕月
虎帳休嫌雪瘦顏

Mã đề kham sử phong khinh nguyệt;
Hổ trướng hưu hiềm tuyết sấu nhan.
Vó ngựa gió bay mờ bóng nguyệt;
Trướng hùm tuyết phủ ngại chi gầy.

泰保人民和氣春風自在
寧扶闔境曹南斗北同公

Thái bảo nhân dân hoà khí xuân phong tự tại;
Ninh phù hạp cảnh Tào Nam Đẩu Bắc đồng công.
Yên ổn nhân dân, hoà khí xuân phong vốn có;
Vỗ yên toàn cõi, Nam Tào Bắc Đẩu công minh.

明年會例增感念
春旦行春普應求

Mình niên hội lệ tăng cảm niệm;
Xuân đán hành hương phổ ứng cầu.
Năm sau hội lệ hơn năm trước;
Xuân sớm hành hương cầu nguyện đông.

到此匪尋常花堂王相妙閣金聲自覺十分仙境
居之河久遇駢沛頭凡德江明月重無半點塵心
Đáo thử phi tầm thường, hoa đường vương tướng, diệu các kim
thanh, tự giác thập phân tiên cảnh;

Cư chi hà cửu ngộ, biên bá đầu phàm. Đức giang minh nguyệt,
trùng vô bán điểm trần tâm.

Đến đây chẳng phải tâm thường, hoa đường vương tướng, gác đẹp
chuông vàng, tự biết mười phần tiên cảnh;
Ở lâu sao chẳng gặp, biên bá đầu phàm, Đức giang minh nguyệt,
lại không nửa mảy trần tâm.

福海無邊寶筏慈航資濟渡
靈山長仰黃花翠竹遍輝光

Phúc hải vô biên, bảo phiệt từ hàng tư tế độ; .
Linh sơn, trường ngưỡng, hoàng hoa thúy trúc biến huy quang.

Bể phúc vô biên, bè báu thuyền từ chuyên cứu độ;
Núi thiêng mãi ngăm, hoa vàng trúc biếc toả hào quang.

草樹逢春花似錦
樓臺近水月重輪

*Thảo thụ phùng xuân hoa tự cẩm;
Lâu đài cận thủy nguyệt trùng luân.*
Cây cỏ gặp xuân hoa tựa gấm;
Lâu đài gần nước, trăng nhân đôi.

秋水長天橫古渡
寒江明月對平臺

*Thu thủy trường thiên hoành cổ độ;
Hàn giang minh nguyệt đối bình đài.*
Nước thu lẫn mây trời chặn ngang bến dò cũ;
Sông lạnh soi trăng sáng lộn ngược bóng đài cao.

鸞開淨舍頭閒地
鳳吐明庭軫念天

*Loan khai tịnh xá đầu nhàn địa;
Phượng thổ minh đình chấn niệm thiên.*
Loan mở tịnh xá trên đầu mảnh đất vắng;
Phượng nhả sân phong, trần trở niệm kinh trời.

水月光函簾外影
夜鐘喚夢醒中人

*Thủy nguyệt quang hàm liềm ngoai ảnh;
Đạ chung hoán mộng tỉnh trung nhân.*
Trắng nước gương lồng ảnh ngoài rèm cửa;
Chuông đêm thức tỉnh người trong giấc mơ.

諸客遊觀何必尋之風水處
全民仰慕謂於好也義仁門

*Chư khách du quan hà tất tìm chi phong thủy xứ;
Toàn dân ngưỡng mộ vị ư hảo dã nghĩa nhân môn.*
Chư khách chơi xem hà tất phải tìm tài phong thủy;
Toàn dân ngưỡng mộ cốt tìm đạo tốt nghĩa và nhân.

一簾水影如明鏡
四面山光似翠屏

*Nhất liêm thủy ảnh như minh kính;
Tứ diện sơn quang tự thủy bình.
Một dềm bóng nước như tấm gương sáng;
Bốn mặt non quang tựa bình phong xanh.*

春夏秋冬財進至
東西南北客自來
*Xuân hạ thu đông tài tiến chí;
Đông tây nam bắc khách tự lai.
Xuân hạ thu đông của tiền đưa tới;
Đông tây nam bắc khách tự đến thăm.*

地賴以尊凜凜威風勁節
雨能不屈堂堂鐵石丹心
*Địa lai dĩ tôn lẫm lẫm uy phong kính tiết;
Vũ năng bất khuất đường đường thiết thạch đan tâm.
Đất nhờ đó mà tôn nghiêm, lẫm liệt oai phong tiết tháo cứng cỏi;
Gió mưa cũng không khuất phục, đường đường sắt đá tỏ tấm lòng son.*

玉液澄清憑引汲
金波盈滿任烹調
*Ngọc dịch trừng thanh bằng dẫn cấp;
Kim ba doanh mãn nhậm phanh điều.
Nước ngọc sạch trong, có đủ nơi cung nơi cấp;
Sóng vàng đầy rẫy, tha hồ đem uống đem pha.*

掬月同遊塵世遠
消風引得白雲歸
*Bát nguyệt đồng du trần thế viễn;
Tiêu phong dẫn đắc bạch vân quy.
Tháng tám cùng chơi xa trần thế;
Gió thu dẫn mây trắng bay về.*

國土山川盟帶厲
家鄉日月煥星旗
*Quốc thổ sơn xuyên minh đới lệ;
Gia hương nhật nguyệt hoán tinh kỳ.
Thề giữ vững non sông đất nước;
Đề quê hương rực rỡ cờ sao.*

一泓秋水餘清氣
滿地春風散異香

*Nhất hoăng thu thủy dư thanh khí;
Mãn địa xuân phong tán dị hương.
Nước thu một vũng thừa hơi mát;
Gió xuân đầy đất toả hương lành.*

一江紅日高低路
兩岸清風遠近圖

*Nhất giang hồng nhật cao đê lộ;
Lưỡng ngạn thanh phong viễn cận đồ.
Đường cao thấp ven sông che mặt trời mới mọc;
Gió thổi mát đôi bờ như tranh vẽ gần xa.*

花雨無聲春散去
松煙有影月篩來

*Hoa vũ vô thanh xuân tản khứ;
Tùng yên hữu ảnh nguyệt篩來.
Mưa hoa không tiếng, mùa xuân tan mất;
Khói toả thân tùng bóng trúc gió lay.*

月光如水禪心潔
花氣隨風道骨清

*Nguyệt quang như thủy thiền tâm khiết;
Hoa khí tùy phong đạo cốt thanh.
Ánh trăng như nước, lòng thiền tịnh khiết;
Mùi hoa theo gió, đạo cốt sáng trong.*

四面翠屏山色秀
一江碧玉水光清

*Tứ diện thủy bình sơn sắc tú;
Nhất giang bích ngọc thủy quang thanh.
Bốn mặt bình phong màu núi đẹp;
Một dòng sông ngọc nước trong veo.*

船行樓破影
魚躍水生紋

*Thuyền hành lâu phá ảnh;
Ngư dật thủy sinh văn.*

Thuyền đi, ảnh lầu cao nhòa xoá;
Cá quẫy, mặt nước gợn lăn tăn.

檻外清波魚戲水
庭中雅座客吟詩

*Hạm ngoại thanh ba ngư hý thủy;
Đình trung nhã tọa khách ngâm thi.
Ngoài hiên gợn sóng cá giỡn nước;
Trong lầu nhàn tản khách ngâm thơ.*

靜院閑庭境中有真趣
奇花異草眼前即自然

*Tĩnh viện nhàn đình, cảnh trung hữu chân thú;
Kỳ hoa dị thảo, nhãn tiền tức tự nhiên.
Viện tĩnh đình nhàn, phong cảnh xiết bao kỳ thú;
Hoa thơm cỏ lạ, ngắm nhìn mới thấy tự nhiên.*

小坐何妨顧回面青山話百年野史
良辰莫負沽一壺美酒賞萬樹櫻花

*Tiểu tọa hà phòng, cố hồi diện thanh sơn, thoại bách niên dã sử;
Lương thời mạc phụ, cô nhất hồ mỹ tửu, thưởng vạn thụ anh hoa.
Nghỉ chút có sao đâu, ngoái bốn phía non xanh, nhắc truyện
trăm năm dã sử;
Thời lành chớ để phụ, mua một bình rượu quý, ngắm trông
vạn gốc anh đào.*

樓上觀魚悠然自得
梅邊聽鳥樂以忘憂

*Lâu thượng quan ngư du nhiên tự đắc;
Mai biên thính điểu lạc dĩ vong ưu.
Lầu cao đứng xem cá, trong lòng thoải mái;
Bên mai nghe chim hót, vui vẻ quên lo.*

繞檻發幽思垂竿鉤譽非賢士
臨淵生艷羨結網求魚是達人

*Nhiều hạm phát u tư, thủy can câu dư phi hiền sĩ;
Lâm uyên sinh diễm tiện, kết võng câu ngư thị đạt nhân.
Quanh hiên bụng nghĩ thâm, buông cần câu tiếng, đâu hiền sĩ;
Đến vực lòng vui vẻ, cá vây giăng lưới, ấy người hay.*

花逢酒客容先醉

柳向詩人眼倍情

Hoa phùng tửu khách dung tiên túy;

Liễu hướng thi nhân, nhãn bội tình.

Hoa bên khách rượu, mặt trước đỏ;

Liễu cạnh nhà thơ, mắt gợi tình.

蝶戀香花翻粉翅

風扶翠柳作輕吟

Điệp luyến hương hoa phiến phấn xí;

Phong phù thủy liễu tác khinh ngâm.

Bướm luyến hoa hương, phơ phất cánh;

Gió nâng liễu biếc rì rào ngâm.

大海滄茫風景這邊獨好

彩雲爛漫江山如此多嬌

Đại hải thương mang, phong cảnh giá biên độc hảo;

Thái vân lãn mạn, giang sơn như thử đa kiều.

Biển rộng bao la, phong cảnh bên này cực đẹp;

Ánh mây rực rỡ, non sông như thế tuyệt vời.

萬頃波光疑是鏡

一痕月色宛如弓

Vạn khoảnh ba quang nghi thị kính;

Nhất ngân nguyệt sắc uyển như cung.

Muôn dặm sóng long lanh nhìn tựa kính;

Một vầng trăng ánh bạc uốn như cung.

萬頃煙波幾曾吞興亡成敗

百年身世又來看滄海桑田

Vạn khoảnh yên ba, kỷ tăng thôn hưng vong thành bại;

Bách niên thân thế, hựu lai khan thương hải tang điền.

Vạn khoảnh khói sóng, từng đã trải hưng vong thành bại;

Trăm năm thân thế, lại được nhìn bãi bể nương dâu.

波涵畫閣魚歡浪

日照瓊樓燕啄泥

Ba hàm họa các ngư hoan lãng;

Nhật chiếu quỳnh lâu yến trác nề.

Nước soi gác vẽ, cá giồn sóng;
Trời chiều lâu quỳnh, yển tha bùn.

最養百花惟曉露
能生萬物是春風

Tôi dưỡng bách hoa duy hiều lộ;
Năng sinh vạn vật thị xuân phong.
Tuổi tắm trăm hoa, chỉ sương sớm;
Nảy sinh muôn vật, ấy gió xuân.

舉步上高樓把酒品茶浩蕩乾坤在安定
開杯向大海閱今款古飛流歲月頌清平

Cử bộ thượng cao lâu, bả tửu phẩm trà, hạo dãng càn khôn tại
an định;

Khai bôi hướng đại hải, duyệt kim khản cổ, phi lưu tuế nguyệt tụng
thanh bình.

Cất bước lên lầu cao, rượu quý trà ngon, rộng lớn càn khôn ở
yên định;

Nâng ly hưởng biển rộng ưa kim chuộng cổ keo dài năm tháng ngợi
thanh bình

發思古之幽情居常得意
懷創新之壯志業必興隆

Phát tư cổ chí u tình, cư thường đắc ý;

Hoài sáng tân chí tráng chí, nghiệp tất hưng long.

Gợi nhớ u tình thời trước, ở hay thoải mái;

Hằng mong chí mạnh làm nên, nghiệp muốn sẽ thành.

抱月懷風覽勝跡名樓我原遇客
移宮換徵彈高山流水誰是知音

Bảo nguyệt hoài phong, lãm thắng tích danh lâu, ngã nguyên quá khách;

Di cung hoán trưng, đàn cao sơn lưu thủy, thủy thị tri âm.

Trăng gió mơ màng, với chỗ đẹp lầu cao ta là quá khách;

Cung bậc đổi khác, hỏi non cao nước chảy ai kẻ tri âm.

到此俗慮全消領略四時風月好
使我吟懷欲放登臨一嘯海天空

Đáo thử tục lự toàn tiêu, lãnh lược tứ thời phong nguyệt hảo;

Sử ngã ngâm hoài dục phóng, đăng lâm nhất khiếu hải thiên không.

Đến đây lo nghĩ tiêu tan, lãnh đủ bốn mùa trăng gió đẹp;
Làm ta muốn ngâm cho thoả, hú lên một tiếng biển trời không.

步步小心謹防前頭路窄
層層著眼須知後面山高

*Bộ bộ tiểu tâm, cẩn phòng tiền đầu lộ trách;
Tầng tầng trước nhãn, tu tri hậu diện sơn cao.
Giữ gìn từng bước, đề phòng trước mặt đường hẹp;
Đề mất khi leo, phải biết sau lưng núi cao.*

有景有情君休忙坐坐又走
好山好水我只想看看再來

*Hữu cảnh, hữu tình, quân hưu mang, tọa tọa hựu tẩu;
Hảo sơn, hảo thủy, ngã chỉ tưởng, khán khán tái lai.
Có cảnh có tình, ông đừng ngại, nghỉ chút rồi đi;
Đẹp non đẹp nước, tôi chỉ mong, có ngày xem lại.*

欲上高峰到此地何防小憩
回看下界登斯樓竟已升仙

*Dục thượng cao phong, đáo thử địa hà phòng tiểu khệ;
Hồi khán hạ giới, đăng tư lâu cánh dĩ thăng tiên.
Muốn leo đỉnh cao, đã đến đây lo gì phải nghỉ;
Cúi nhìn thế giới, đến lầu này cảnh tựa lên tiên.*

花好月圓昔日曾共硯
志同道合今霄慶合歡

*Hoa hảo nguyệt viên, tích nhật tăng cộng nghiễn;
Chí đồng đạo hợp, kim tiêu khánh hợp hoan.
Hoa đẹp trăng tròn, ngày trước đã cùng ngắm cảnh;
Chí đồng đạo hợp, đêm nay mừng được chung vui.*

江上漁歌白鷗對舞
舟中春暖紫燕雙飛

*Giang thượng ngư ca, bạch âu đối vũ;
Chu trung xuân noãn, tử yến song phi.
Thuyền chài hát trên sông, âu trắng sánh múa;
Xuân ấm đến trong thuyền, yến biếc cùng bay.*

此去夫家長協作
莫忘母氏久劬勤

Thử khứ phu gia trường hiệp tác;
Mạc vọng mẫu thị cứu cù cần.
Từ nay nhà chồng mãi chung sống;
Chớ quên lòng mẹ chữ cù lao.

交杯勿墜青雲志
蜜月應存立業心

Giao bôi vật truy thanh vân chí;
Mật nguyệt ưng tồn lập nghiệp tâm.
Sau rượu cưới chí thanh vân chớ nhụt;
Tuần trăng mật lòng lập nghiệp nên còn.

同德同心家道盛
相親相愛情誼長

Đồng đức, đồng tâm, gia đạo thịnh;
Tương thân, tương ái, tình nghĩa trường.
Đồng đức, đồng tâm, đạo nhà thịnh;
Tương thân tương ái, tình nghĩa dài.

花從靜處香能久
愛到純時品自高

Hoa tòng tĩnh xử, hương năng cửu;
Ái đáo thuần thời, phẩm tự cao.
Hoa nơi thanh tịnh, hương bền giữ;
Yêu đến chân thành, phẩm tự cao.

翠浪映碧空鶯歌燕舞
白雲繞青壑柳綠桃紅

Thủy lãng ánh bích không, oanh ca yến vũ;
Bạch vân nhiễu thanh hác, liễu lục đào hồng.
Sóng biếc ánh trời xanh, oanh ca yên múa;
Mây trắng trùm vực thẳm, liễu thắm đào hồng.

富國興邦人歡財旺
移風易俗地美天新

Phú quốc hưng bang, nhân hoan, tài vượng;
Di phong dịch tục, địa mỹ thiên tân.
Nước nhà mạnh giàu, người vui, của lắm;
Phong tục thay đổi, đất đẹp, trời quang.

魚戀水水闊憑魚躍
鳥愛天天高任鳥飛

*Ngư luyến thủy, thủy khoáng bằng ngư dật;
Điểu ái thiên, thiên cao nhậm diểu phi.*
Cá luyến nước, nước rộng chỗ cá nhảy;
Chim yêu trời, trời cao thoả chim bay.

富裕花開香萬里
豐收酒溢醉千家

*Phú dụ hoa khai, hương vạn lý;
Phong thu tửu dật, túy thiên gia.*
Giàu có nở hoa, hương vạn dặm;
Được mùa thừa rượu, say ngàn nhà.

雄心開創千秋業
妙手繪成永世圖

*Hùng tâm khai sáng thiên thu nghiệp;
Diệu thủ hội thành vĩnh thế đồ.*
Lòng hùng, sự nghiệp ngàn năm khai sáng;
Tay giỏi vẽ, đồ muôn thuở tạo nên.

山青水秀風光好
人壽年豐喜慶多

*Sơn thanh thủy tú, phong quang hảo;
Nhân thọ niên phong, hỉ khách đa.*
Non xanh nước biếc phong quang lắm;
Người thọ mùa vui lễ hội nhiều.

影雲開泰日
瑞雨兆豐年

*Ảnh vân khai thái nhật;
Thụy vũ triệu phong niên.*
Mây cảnh mở ngày hanh thái;
Mưa lành báo năm được mùa.

月移梅影橫窗瘦
風送蘭香入座清

*Nguyệt di mai ảnh hoành song sấu;
Phong tống lan hương nhập tọa thanh.*

Trăng chuyển bóng mai gầy vắt ngang cửa sổ;
Gió đưa hương lan trong mát vào chỗ ngồi.

鎮地平安增百福
安民喜慶集千祥

*Trấn địa bình an tăng bách phúc;
An dân hỷ khách tập thiên tường.*
Đất giữ bình an, tăng thêm trăm phúc;
Dân yên vui vẻ, đọng lại nghìn lành.

千歲光陰慈蔭茂
九天雨露國恩榮

*Thiên tuế quang âm từ ảm mậu;
Cửu thiên vũ lộ quốc ân vinh.*
Nghìn năm ngày tháng, bóng từ bi che rợp;
Chín tầng trời mưa móc, nước ban ân về vang.

英風遠界江天外
坤德長垂澤國中

*Anh phong viễn giới giang thiên ngoại;
Khôn đức trường thủy trạch quốc trung.*
Ngon gió lành cách xa, từ con sông ngoài trời thổi tới;
Đức độ đáng mẫu nghi rủ mãi, ban ân trạch trong dân.

靈光威水畔
瑞氣繞村園

*Linh quang uy thủy畔;
Thụy khí nhiễu thôn viên.*
Ánh sáng thiêng soi bến nước;
Khí lành vây quanh quanh thôn.

山陌土城名勝地
春臺壽域太平春

*Sơn mạch thổ thành danh thắng địa;
Xuân đài thọ vực thái bình xuân.*
Mạch núi thành đất nên danh thắng địa;
Đài xuân vực thọ hưởng thái bình xuân.

蓮潭橋影留人步
竹署花園顧世思

*Liên đàm kiều ảnh lưu nhân bộ;
Trúc thử hoa viên cố thể tư.
Bóng Cầu đầm sen, chân người in dấu;
Vườn hoa khóm trúc nhìn đời suy tư.
(Đồng hương cung tiến (Toàn thôn cung tiến))*

天尊地立綱常柱
氣正流形道義根
*Thiên tôn địa lập cương thường trụ;
Khí chính lưu hình đạo nghĩa căn.
Trời cao đất dựng cương thường vững;
Chính khí lưu hành đạo nghĩa sâu.*

古造今修傳萬代
上行下效有一心
*Cổ tạo kim tu truyền vạn đại;
Thượng hành hạ hiệu hữu nhất tâm.
Xưa tạo dựng, nay trùng tu truyền vạn thuở;
Trên thực hành, dưới làm theo, phải một lòng.*

山深寺古人非俗
水遠花寰境亦仙
*Sơn thâm tự cổ nhân phi tục;
Thủy viễn hoa hoàn cảnh diệc tiên.
Núi sâu chùa cổ người không tục;
Sông chảy hoa tươi cảnh cõi tiên.*

景靜樓清千色媚
地靈草翠四辰春
*Cảnh tĩnh lầu thanh thiên sắc mỹ;
Địa linh thảo thủy tứ thời xuân.
Cảnh tĩnh lầu thanh muôn vẻ đẹp;
Đất thiêng cỏ biếc bốn mùa xuân.*

天上英靈傳影響
春臺共樂鎮英靈
*Trên thượng anh linh truyền ảnh hưởng;
Xuân đài cộng lạc trấn anh linh.
Sự anh linh từ trên trời truyền về hình bóng và tiếng nói;
Vui chung ở đài xuân, giữ gìn sự anh tuấn linh thiêng.*

寄宿空門觀自在
厚培福祉享天然

*Ký túc không môn quan tự tại;
Hậu bồi phúc chỉ hưởng thiên nhiên.
Ngủ nhờ ở cửa không, xem cảnh tự tại;
Đắp đầy nền phúc, hưởng thú vui thiên nhiên.*

直入無爲芝景秀
廣開方羨淡蒲圓

*Trực nhập vô vi chi cảnh tú;
Quảng khai phương tiện đạm bồ viên.
Vào thẳng chốn vô vi thanh tú;
Mở đường phương tiện cảnh diễm viên.*

靈聲永揭山河鏡
浩氣長扶草樹春

*Linh thanh vĩnh yết sơn hà kính;
Hạo khí trường phù thảo thụ xuân.
Tiếng thiêng cao vọi gương non nước;
Hạo khí mãi phù cây cỏ xuân.*

皎皎金波咸玉盞
霏霏白露散瓊漿

*Kiểu kiểu kim ba hàm ngọc trản;
Phi phi bạch lộ tán quỳnh tương.
Lấp lánh sóng vàng đầy chén ngọc;
Lay phay móc trắng thấm say lòng.*

一水前開明善地
眾星環抱萃珍基

*Nhất thủy tiền khai minh thiện địa;
Chúng tinh hoàn bao tụy trân cơ.
Một dòng nước phía trước, mở thế đất minh đường hiếu thiện;
Các ngôi sao vây quanh, tạo nền móng tập hợp khí lành.*

閑趣是仙不必蓬萊海島
心誠即佛何須西竺天台

*Nhàn thú thị tiên bất tất bồng lai hải đảo
Tâm thành tức phật hà tu tây trúc thiên thai*

Thú nhân là tiên, chẳng cứ bỗng lai hải đảo
Lòng thành tức Phật, đâu cần Tây trúc thiên thai
(Chùa Láng, Hà Nội)

雲 葛 秀 鐘 世 出 女 中 堯 舜
義 興 顯 應 名 留 天 下 聖 神

*Vân Cát tú chung thế xuất nữ trung Nghiêu Thuấn
Nghĩa hưng hiển ứng danh lưu thiên hạ thánh thần*
Vân cát lạ kỳ, gái trần thế nầy nời Nghiêu Thuấn
Nghĩa hưng hiển ứng, danh thiên hạ vào bậc Thánh hiền

法 妙 三 乘 忍 草 靈 花 普 秀
神 通 六 智 心 香 意 葉 長 垂

*Pháp diệu tam thừa nhẫn thảo linh hoa phổ tú
Thần thông lục trí tâm hương ý diệp trường thùỵ
Diệu pháp tam thừa, cỏ nhẫn hoa linh đều rực rỡ
Thần thông lục trí, hương tâm, là ý thấy lâu dài*
(Chùa Láng, Hà Nội)

寺 古 輝 煌 嚴 聖 像
佛 前 施 舍 渡 群 生

*Tự cổ huy hoàng nghiêm thánh tượng
Phật tiền thí xá độ quần sinh*
Chùa cổ huy hoàng nghiêm vẻ thánh
Phật bày thí xả cứu quần sinh

五 戒 真 傳 啓 迪 後 人 深 似 海
一 誠 齋 禮 翹 瞻 北 斗 重 如 山

*Ngũ giới chân truyền khải địch hậu nhân thâm tự hải
Nhất thành trai bát kiêu chiêm Bắc đẩu trọng như sơn
Truyền răn năm điều, ơn dẫu người sau sâu tựa biển
Trai bát một niệm, ngửa trông Bắc đẩu nặng tây non*
(Chùa Láng, Hà Nội)

帝 居 南 國 山 河 十 子 芬 芳 垂 弗 替
佛 祖 西 天 道 教 萬 年 瞻 仰 永 無 窮

*Đế cư Nam quốc sơn hà thập tử phân phương thùỵ phát thế
Phật tổ Tây thiên đạo giáo vạn niên chiêm ngưỡng vĩnh vô cùng
Đất trời Nam Việt vua Lý ở lâu dài, rạng ngời không đổi khác
Phật tổ trời tây, ức vạn năm đạo giáo chiêm ngưỡng đến vô cùng.*
(Chùa Láng, Hà Nội)

柴山宛擲石痕先天地化生之理
蘇水逆流杖跡奪鬼神玄妙之機

Sài sơn uyển trịch thạch ngấn tiên thiên địa hóa sinh chi lý
Tô thủy nghịch lưu trượng tích đoạt quỷ thần huyền diệu chi cơ
Ngấn đá non Sài để lại, vượt nghĩa lý hóa sinh trời đất,
Dấu trượng dòng Tô trôi ngược, cướp cơ mưu huyền diệu quỷ thần
(Chùa Láng, Hà Nội)

秀之毓英之鍾神聖得之生翼軫山河
靈跡至今存異史
雲可騰水可履真經如可授貉鴻宇宙
雄風於是播全球

Tú chi mẫn anh chi chung thần thánh đắc chi sinh
Dực Chấn sơn hà linh tích chí kim tồn dị sử
Vân khả đằng thủy khả phúc chân kinh như khả thụ
Lạc Hồng vũ trụ hùng phong ư thị bá toàn cầu
Dực tú ấy, chung anh này, thần thánh được mà sinh,
dấu thiêng cương giới non sông đến nay còn di sử
Mây khả cưỡi, nước khả vượt, chân kinh nhẽ được trao,
đất nước Lạc Hồng hùng phong tỏ toàn cầu
(Chùa Láng, Hà Nội)

快樂鄉村均享遐齡之慶
優遊商賈久涵聖域之心
Khoái lạc hương thôn quân hưởng hà linh chi khánh
Ưu du thương giá cửu hàm thánh vực chi tâm
Cùng chung hưởng phúc cao niên, xóm thôn vui hưởng
Mãi được nường nhờ cõi thánh, buôn bán ung dung
(Chùa Láng, Hà Nội)

棟宇巍巍顯應長昭神妙等
門扃蕩蕩仰瞻如見佛真經
Đống vũ巍巍 hiển ứng trường chiêu thần diệu đẳng
Môn quynh dăng dăng ngưỡng chiêm như kiến Phật chân kinh
Cột mái nguy nga, hiển ứng mãi nêu nơi thần diệu
Cửa vào rộng rãi, ngửa xem như thấy đức phật kinh
(Chùa Láng, Hà Nội)

柴山聖化帝冑前身貉越千秋存顯蹟
天寺靈光禪門勝景龍城萬古此名藍

*Sài thánh hóa đế vị tiền thân Lạc Việt thiên thu tồn hiển tích
Thiên tự linh quang thiền môn thắng cảnh long thành
vạn cổ thử danh lam*

Non Sài thánh hóa, tiền thân nói đế, Lạc Việt ngàn năm đây hiển tích
Chùa thiêng Linh quang, thắng cảnh cửa thiền, Long Thành
muôn thuở dấy danh lam

(Chùa Láng, Hà Nội)

三藐本空虛色相只惟開俗眼
六如非寔有馨香押以覺塵心

*Tam miếu bản không hư sắc tướng chỉ duy khai tục nhãn
Lục như phi thực hữu hình hương áp dĩ giác trần tâm
Tam miếu vốn không hư, sắc tướng chỉ nhằm mở mắt tục
Lục như đâu có thực, khối hương dùng để giác lòng trần*

(Chùa Láng, Hà Nội)

學道西天柴嶺千秋傳佛蹟
安民南地李朝再世現王身

*Học đạo Tây thiên Sài lĩnh thiên thu truyền phật tích
An dân Nam địa Lý triều tái thế hiện vương thân*

Học đạo trời tây, Sài lĩnh ngàn năm truyền dấu Phật
Yên dân Nam Việt, Lý triều tái thế hiện thân Vua

(Chùa Láng, Hà Nội)

西方活佛丹青玉殿儼州三天帝
柴峒神機妙應蓮花顯十八聖王

*Tây phương hoạt Phật đan thanh ngọc điện nghiêm châu tam thiên đế
Sài đồng thần cơ diệu ứng liên hoa hiển thập bát thánh vương
Phật sống Tây phương, điện ngọc vàng son sùng kính ba ba điện đế,
Thần cơ Sài động, đài sen linh ứng hiện ra mười tám Thánh vương*

(Chùa Láng, Hà Nội)

夢覺此間閬苑蘇江今古寺
清高道像柴山濃嶺化生身

*Mộng giác thử gian lãng uyển Tô giang kim cổ tự
Thanh cao đạo tượng Sài sơn Nùng lĩnh hoá sinh thân
Vườn đẹp sông Tô chùa ấy xưa nay nơi mộng quá
Núi Sài, Nùng lĩnh thân này sinh hóa tượng thanh cao*

(Chùa Láng, Hà Nội)

生花何年仙是帝
英靈此地聖而神

*Sinh hóa hà niên tiên thị Phật
Anh linh thử địa thánh nhi thần
Sinh hóa năm nào tiến ấy đế
Anh linh đất ấy Thánh mà thần
(Chùa Láng, Hà Nội)*

八葉基圖空浩劫
一庵松竹獨千秋

*Bát diệp cơ đồ không hạo khước
Nhất am tùng trúc độc thiên thu
Tám cánh cơ đồ không kiếp nạn
Một am tùng trúc trụ ngàn năm
(Chùa Láng, Hà Nội)*

覺岸登有三貫塵世是仙是佛
神苑錄無二超人寰而帝而天

*Giác ngạn đăng hữu tam quan trần thế thị tiên thị Phật
Thần uyển lục vô nhị siêu nhân hoàn nhi đế nhi thiên
Vườn thần sách chép không hai, vượt nhân hoàn mà đế mà thiếu
Bến giác là lên có ba, thông trần thế là tiên là Phật
(Chùa Láng, Hà Nội)*

柴嶺響傳今古獨
蘇江派引水天長

*Sài lĩnh hưởng truyền kim cổ độc
Tô giang phái dẫn thủy thiên trường
Dãy Sài tiếng truyền xưa nay một
Sông Tô mạch dẫn nước trời lâu*

遺容萬紀聲靈瞻者敬
古峒千秋傳記仰彌高

*Di dung vạn kỷ thanh linh chiêm giả kính
Cổ động thiên thu truyền kí ngưỡng di cao
Muôn thuở vẻ lưu, tiếng thiêng nhìn kính trọng
Ngàn năm động cũ, truyện chép ngửa cao với.*

駕 驚 列 朝 班 憂 愛 此 心 同 來 輔
河 山 隆 國 卷 恩 榮 與 世 永 承 休

*Uyên lộ liệt triều ban ưu ái thử tâm đồng lai phụ
Hà sơn long quốc quyển ân vinh hoán thế vĩnh thừa hưu
Quan lại trải các triều ưu ái tâm này cùng đến giúp
Núi sông gom quốc thịnh nhiều đời mãi nối công*

青 山 不 默 千 秋 畫
流 水 無 絃 萬 古 琴

*Thanh sơn bất mặc thiên thu họa
Lưu thủy vô huyền vạn cổ cầm
Núi xanh chẳng lấp nghìn thu họa
Nước chảy không dây vạn cổ cầm*

古 寺 出 雲 山 有 意 人 來 敲 石 磬
禪 居 臨 水 畔 忘 機 龍 到 聽 金 經

*Cổ tự xuất vân sơn hữu ý nhân lai xao thạch khánh
Thiền cư lâm thủy bần vong cơ long đáo thính kim kinh
Chùa cổ giữa núi mây, người có ý đến lay khánh đá
Thiền ở bên khe suối, rồng quên tâm tới nghe kinh vàng*

四 海 名 人 題 寺 古
一 山 風 物 媚 禪 深

*Tứ hải danh nhân đề tự cổ
Nhất sơn phong vật媚 thiền thâm
Danh nhân bốn biển ghi chùa cổ
Gió mây một núi đẹp thiền sâu*

圓 滿 善 緣 聽 鐘 響 而 寶 珠 覺 悟
永 留 勝 跡 睹 碑 文 而 金 壁 增 輝

*Viên mãn thiện duyên thính chung hưởng nhi thực thù giác ngộ
Vĩnh lưu thắng tích睹 bi văn nhi kim bích tăng huy
Duyên lành đầy đủ nghe tiếng chuông mà nhìn ra ngọc báu
Thắng tích mãi truyền, nhìn văn bia để thêm sáng tường vàng*

萬 化 瑤 源 普 四 大 而 咸 歸 善 念
七 層 寶 塔 對 雨 兩 間 而 數 錫 福 緣

*Vạn hóa đào nguyên phổ tứ đại nhi hàm quy thiện niệm
Thất tầng bảo tháp đối vũ lưỡng gia nhi phú tích phúc duyên*

Nguồn đẹp vạn loài khắp bốn châu thì quy về niệm thiện
Tháp báu bảy tầng giữa hai gian để phô bày phước duyên

片舟迷霧舉棹擊驚濤聲斷九天長唱
無生無我
喬木增巖拂雲窺皓月影浮空野誰知
即妄即真

*Phiến chu mê vụ cử trác kích kinh đào thanh đoạn cửu
thiên trường tướng vô sinh vô ngã*
*Kiều mộc tăng nham phát vân khuy hạo nguyệt ảnh phù không
dã thù tri tức vọng tức chân*
Thuyền nhỏ sương mờ, chống gậy khua chèo, tiếng sóng dứt chín
trời, tướng mãi vô sanh vô ngã
Cây cao bên vực, vén mây nhìn rõ, ánh trăng giữa không trung,
ai biết là giả là chân

翠竹黃花群露法雨
長松細草普蔭慈風
*Thúy trúc hoàng hoa quần triêm pháp vũ
Trường tùng tế thảo phổ âm từ phong*
Trúc biếc hoa vàng đượm nhuần mưa pháp
Tùng già cỏ mượt thấm gió từ bi

郁郁黃花無非般若
青青翠竹盡是真如
*Úc úc hoàng hoa vô phi bát nhã
Thanh thanh thúy trúc tận thị chân như*
Hòa vàng rậm rà hết thảy đều bát nhã
Tre xanh tươi tốt tất cả là chân như

明月一壺清
高風滿徑碧雲深
*Minh nguyệt nhất hồ thanh chương hiếu
Cao phong mãn kính bích vân thâm*
Trăng sáng một vầng trời xanh đẹp
Gió cao đầy lối ngõ mây xanh

HỌC TẬP TỰ DƯỠNG



*Câu đối ở tư trư Văn Miếu
(Hà Nội)*

Ảnh.Vương Anh

義秉中天萬古綱常昭武烈
德輝南極千秋翰墨煥文光

Nghĩa bình trung thiên vạn cổ cương thường chiếu vũ liệt;

Đức huy Nam cực thiên thu hàn mặc hoán văn quang.

Nghĩa vũng trung thiên⁽¹⁾ muôn thuở cương thường soi gương võ;

Đức ngời Nam cực⁽²⁾ nghìn thu hàn mặc sáng nền văn.

舉念時明明白白毋期了自己

到頭處是是非非曾放過誰人

Cử niệm thời, minh minh bạch bạch, vô kỳ liễu tự kỷ;

Đáo đầu xử, thị thị phi phi, từng phóng quá thùy nhân.

Nhớ lại khi xưa, tự mình minh minh bạch bạch, chẳng hề dối trá;

Khởi đầu nơi đến, ai người thị thị phi phi, từng mắc lỗi lầm.

善報惡報遲報速報終須有報

天知地知你知我知何謂無知

Thiện báo, ác báo, trì báo, tốc báo, chung tu hữu báo;

Thiên tri, địa tri, nhĩ tri, ngã tri, hà vị vô tri.

Báo thiện, báo ác, báo chậm, báo nhanh, cuối cùng đều báo;

Tường thiên, tường địa, tường anh, tường tôi, không vật chẳng tường.

何必問吉凶或是或非你心本來明白

無庸少趨避爲善爲惡神明自有顯靈

Hà tất vấn cát hung, hoặc thị, hoặc phi, nhĩ tâm bản lai minh bạch;

Vô dung thiểu xu ty, vi thiện, vi ác, thần minh tự hữu hiển linh.

Sao phải hỏi việc lành, việc dữ, hoặc đúng hoặc sai, lòng anh đã minh bạch;

Không cần sao chạy đến, lần đi, làm thiện làm ác, thần mình đã sáng soi.

福照人間財大有

神遍宇宙利同人

Phúc chiếu nhân gian tài đại hữu;

Thần biến vũ trụ lợi đồng nhân.

Phúc chiếu nhân gian, tiền của càng lắm;

Thần khắp vũ trụ, lợi ích mọi người.

開人間之利路

掌天下之財源

¹ *Trung thiên*: Giữa trời.

² *Nam cực*: Ở phía Nam trái đất, cũng là tên một vì sao ở miền Nam cực.

*Khai nhân gian chãi lợi lộ;
Chưởng thiên hạ chi tài nguyên.
Đường lợi nhân gian công khai thác;
Tài nguyên thiên hạ đức nắm quyền.*

四方通大道
千里報佳音
*Tứ phương thông đại đạo;
Thiên lý báo giai âm.*

Bốn phương thông đạo lớn;
Nghìn dặm báo tin vui.

惟農胎景福
以德裕民財
*Duy nông di cảnh phúc;
Dĩ đức dư dân tài.
Hạnh phúc có bởi chuộng nông;
Tiền tài dư do sùng đức.*

沐恩財晉發
賴德利豐亨
*Mộc ân tài tấn phát;
Lại đức lợi phong hanh.
Đội ơn tiền tài tấn phát;
Nhờ đức lợi ích phong hanh⁽¹⁾*

神恩敷福祉
天庫拱財源
*Thần ân phu phúc chí;
Thiên khố củng tài nguyên.
Ơn thần phổ phúc đức;
Kho trời chứa tài nguyên.*

戶內土旺人從旺
堂中神安宅自安
*Hộ nội thổ vượng nhân tòng vượng;
Đường trung thần an trạch tự an.
Trong cửa thổ vượng, con người cũng vượng;
Giữa nhà thần an, đất ở tự an.*

(1) Phong hanh: Được mùa, thuận lợi.

門興不用華封祝
土旺何須天保吟

*Môn hưng bất dụng hoa phong chúc;
Thổ vượng hà tu thiên bảo ngâm.*
Của hưng chẳng phải hoa phong chúc⁽¹⁾;
Đất vượng sao cần thiên bảo ngâm⁽²⁾.

土豐恒大有
神澤益家人
*Thổ phong hằng đại hữu;
Thần trạch ích gia nhân.*
Đất lành hằng của lắm;
Thần ân lợi người thân.

地興和爲貴
土旺居之安
*Địa hưng hoà vi quý;
Thổ vượng cư chi an.*
Địa hưng hoà làm quý;
Thổ vượng ở được an.

神錫恩波流第宅
人逢瑞氣發祥光
*Thần tích ân ba lưu đệ trạch;
Nhân phùng thụy khí phát tường quang.*
Âm đức thần cho lưu đệ trạch⁽³⁾;
Khí lành người gặp phát tường quang⁽⁴⁾.

祀先祖如在其上
佑後人煥乎維新
*Tự tiên tổ như tại kỳ thượng;
Hựu hậu nhân hoán hồ duy tân.*
Thờ tiên tổ như kính tại thượng;
Giúp hậu nhân sáng bởi duy tân.

¹ *Hoa phong chúc*: Lời chúc tốt đẹp.

² *Thiên bảo ngâm*: Khúc ngâm quý như trời.

³ *Đệ trạch*: Nhà ở của các quan xưa.

⁴ *Tường quang*: Điểm tốt lành, sáng sủa.

金爐香靄添春色
銀燭花開映歲華
Kim lô hương ái thiêm xuân sắc;
Ngân chúc hoa khai ánh tuế hoa.
Lư vàng hương ngát thêm hương sắc;
Đốc bạc hoa xoè ánh tuế hoa⁽¹⁾.

和平神聽宜家室
昌熾宗功蔭子孫
Hoà bình thần thính nghi gia thất;
Xương xỉ tông công ảm tử tôn.
An bình thần liệu nền gia thất;
Sáng rực tông huân ảm tử tôn.
香馥錦堂凝瑞氣
燭明金屋吐祥光
Hương phúc cảm đường ngưng thụy khí;
Chúc minh kim ốc thổ tường quang.
Hương ngát cảm đường ngưng khí tốt;
Đốc ngồi kim ốc toả điểm lành.

瑞氣與爐煙共靄
祥光和燈影交輝
Thụy khí dữ lô yên cộng ái;
Tường quang hoà đăng ánh giao huy.
Khí tốt với khói hương hoà nhã;
Điểm lành cùng đèn nến giao huy.

百代孝思深仰止
萬年支派衍長流
Bách đại hiếu tư thâm ngưỡng chí;
Vạn niên chi phái diển trường lưu.
Bách thế hiếu tư bằng ngưỡng mộ;
Vạn niên chi phái diển trường lưu.

煙生香裡祥雲合
花發庭前瑞氣明
Yên sinh hương lý tường vân hợp;
Hoa phát đình tiền thụy khí minh.

⁽¹⁾ *Tuế* hoa: Năm đẹp tốt.

Sinh khói trong hương mây lành hợp;
Phát hoa trước sảnh khí tốt phôi.

明 燈 彩 映 祥 煙 靄
寶 鼎 香 浮 瑞 氣 融

*Minh đăng thái ánh tường yên ái;
Bảo đỉnh hương phù thuy khí dung.
Đèn sáng ánh màu diêm khói nhả;
Đỉnh trầm hương quện khí lành bay.*

香 煙 高 篆 祥 和 氣
燈 焰 常 流 積 厚 光

*Hương yên cao triện tường hoà khí;
Đăng diệm thường lưu tích hậu quang.
Khói hương cao quện diêm hoà khí;
Đèn nến hằng lưu vẻ hậu quang.*

明 德 馨 香 來 格 享
馨 靈 赫 濯 睹 規 模

*Minh đức hình hương lai cách hưởng;
Thanh linh hách trạc đồ quy mô.
Đức sáng hương thơm trưng cách hưởng;
Tiếng linh vượt trội nếp quy mô.*

水 木 本 源 思 祖 德
乾 坤 久 大 頌 宗 功

*Thủy mộc bản nguyên tư tổ đức;
Càn khôn cửu đại tụng tông công.
Cây gốc nước nguồn ơn tổ đức;
Đất bên trời rộng ngợi tông công.*

舉 目 思 祖 宗 功 德
存 心 爲 孝 子 賢 孫

*Cử mục tư tổ tông công đức;
Tồn tâm vi hiếu tử hiền tôn.
Ngước mắt nhớ tổ tông công đức;
Ghi lòng làm hiếu tử hiền tôn.*

燈 焰 光 輝 呈 瑞 色
香 煙 盤 結 繞 祥 雲

*Đăng diệm quang huy trình thuy sắc;
Hương yên bàn kết nhiều tường vân.
Đèn nến huy hoàng phô sắc quý;
Khói hương bàn kết quện mây lành.*

寶鼎香煙騰紫氣
銀臺燭影耀紅光

*Bảo đỉnh hương yên đăng tử khí;
Ngân đài chúc ảnh diệp hồng quang.
Đỉnh quý khói hương bay khí tía;
Đài ngân ảnh nến vút tia hồng.*

富貴花開金盞碧
平安字篆玉爐紅

*Phú quý hoa khai kim trản bích;
Bình an tự triện ngọc lô hồng.
Phú quý nở hoa nâng chén biếc;
Bình an khắc chữ rục lô hồng.*

香呈寶鼎時招福
燈結珠花日進財

*Hương trình bảo đỉnh thời chiêu phúc;
Đăng kết châu hoa nhật tiến tài.
Hương phô đỉnh quý thời chiêu phúc;
Đèn kết hoa châu buổi tiến tài.*

金爐永駐千年篆
玉盞長開四季花

*Kim lô vĩnh trú thiên niên triện;
Ngọc trản trường khai tứ quý hoa.
Lò vàng lưu mãi ngàn năm tạc;
Chén ngọc mở dài bốn quý hoa.*

福田宗祖種
心地子孫耕

*Phúc điền tông tổ chủng;
Tâm địa tử tôn canh.*

*Tông tổ gieo trồng nên điền phúc;
Cháu con canh tác nếp viên tâm.*

駿烈追先代
鴻庥啓後人

*Tuấn liệt truy tiên đại;
Hồng hưu khải hậu nhân.
Ngựa tốt khôn truy công tiên tổ;
Chim hồng đăng giúp phúc hậu nhân.*

人 心 若 路 直 行 好
世 事 如 棋 寬 著 高
*Nhân tâm nhược lộ trực hành hảo;
Thế sự như kì khoan trược cao.
Lòng người tựa lộ thẳng là tốt;
Việc thế như cờ nhàn ấy cao.*

天 地 間 勤 儉 最 貴
家 庭 中 教 愛 為 先
*Thiên địa gian cần kiệm tối quý;
Gia đình trung giáo ái vi tiên.
Giữa đất trời, cần kiệm quý nhất;
Trong gia đình dạy mến là đầu.*

世 事 滄 桑 心 事 定
腦 中 海 岳 夢 中 飛
*Thế sự thương tang tâm sự định;
Não trung hải nhạc mộng trung phi.
Thế sự đổi thay tâm sự vững;
Trong lòng chắc chắn trong mơ bay.*

(Lương Khải Siêu)

時 御 天 風 跨 鸞 鳳
或 入 碧 海 擊 鯨 魚
*Thời ngự thiên phong khỏa loan phượng;
Hoặc nhập bích hải kích kinh ngư.
Khi cưỡi gió trời đưa loan phượng;
Hoặc nhập bích hải chế kinh ngư.*

偶 然 風 雨 惊 花 落
再 上 樓 臺 待 月 明
*Ngẫu nhiên phong vũ kinh hoa lạc;
Tái thượng lâu đài đãi nguyệt minh.
Ngẫu nhiên mưa gió kinh hoa rụng;
Lại đến lầu cao đợi trăng lên.*

(Lâm Tắc Từ)

祥雲浮紫閣
瑞氣繞朱門

Tường vân phù tử các
Thụy khí nhiều chu môn
Mây lành nổi trên gác tía
Khí tốt tỏa quanh cửa son

孝敬通宗祖
禎祥集子孫

Hiếu kính thông tông tổ
Trinh tường tập tử tôn
Hiếu kính thấu lên tông tổ
Diêm lành họp lại tử tôn

石徑有塵風自掃
禪關無鎖月常來

Thạch kính hữu trần phong tự tảo
Thiền môn vô tỏa nguyệt thường lai
Lối đá bụi vương, gió tự quét;
Cửa thiền không khóa trăng thường soi

鍾帶潮音騰佛座
月同僧眼照天心

Chung đới triều âm đằng Phật tọa
Nguyệt đồng tăng nhãn chiếu thiên tâm
Chuông gió triều âm vương bệ Phật
Nguyệt cùng tăng nhãn chiếu lòng trời

山鳥有情尊佛偈
林花無語解禪機

Sơn điểu hữu tình tôn Phật kệ
Lâm hoa vô ngữ giải thiền cơ
Chim núi có tình tôn kệ Phật (Bài kệ về đức Phật)
Hoa rừng không ngữ giải cơ thiền (Lay động nơi cửa Phật)

禪室從來雲外賞
香臺豈是世中情

Thiền thất tông lai vân ngoại thưởng;
Hương đài khai thị thế trung tình.
Thiền thất xưa nay vân ngoại thưởng;
Hương đài há phải thế trung tình.

白雲歸洞口
明月照禪心

*Bạch vân quy động khẩu;
Minh nguyệt chiếu thiền tâm.
Mây trắng về cửa động;
Trắng thanh chiếu lòng thiền.*

雁塔風霜古
禪房花木深

*Nhạn tháp phong sương cổ;
Thiền phòng hoa mộc thâm.
Nhạn tháp vẫn như xưa sương gió;
Phòng thiền sâu thăm ẩn mộc hoa.*

靜聞魚讀月
笑對鳥談天

*Tĩnh văn ngư độc nguyệt;
Tiếu đối điểu đàm thiên.
Lặng nghe cá đọc nguyệt;
Cười ngắm chim đàm thiên.*

眼前色相皆成幻
曲裡歌聲不厭新

*Nhãn tiền sắc tướng giai thành ảo;
Khúc lý ca thanh bất yếm tân.
Nhãn tiền sắc tướng đều thành ảo;
Trong khúc ca thanh chẳng yếm tân (Không chán cái mới).*

還將舊事從新演
聊借今人當古觀

*Hoàn tương cựu sự tòng tân diễn;
Liêu tá kim nhân đương cổ quan.
Lại đem việc cũ làm tân diễn (Trò diễn mới);
Hãy mượn người nay độ cổ quan (Nhìn nhận người xưa).*

九天韶樂飄寒月
一曲清簫凌紫煙

*Cửu thiên thiêu nhạc phiêu hàn nguyệt;
Nhất khúc thanh tiêu lãng tử yên.
Chín tầng thiêu nhạc đưa trăng lạnh;
Một khúc thanh tiêu vượt khói mây.*

一聲唱盡秋江月
萬舞齊開玉樹花

*Nhất thanh xướng tận thu giang nguyệt;
Vạn vũ tề khai ngọc thụ hoa.*

Một câu xướng tận sông thu nguyệt;
Muôn điệu đều tan ngọc thụ hoa.

世事渾如戲
人情莫認真

*Thế sự hỗn như hý;
Nhân tình mạc nhận chân.*

Sự thế đục như tuồng du hý;
Tình người chẳng nhận được thực chân.

就此一人身做盡許多富貴貧賤都是
電光石火
任他三疊曲唱來無限悲歡離合莫非
海市蜃樓

*Tựu thử, nhất nhân thân, tố tận hĩa đa phú quý bần tiện,
đô thị điện quang thạch hoả;*

*Nhậm tha tam điệp khúc, xướng lai vô hạn bi hoan ly hợp,
mạc phi hải thị thần lâu.*

Cứ một nhân thân này, gắng sức rất nhiều cho phú quý nghèo hèn,
đều là chớp lòe xác pháo;

Mặc ba điệp khúc ấy, hát mãi không thôi bởi buồn vui ly hợp,
tránh đâu lâu cát chợ trời.

或笑或啼真面目
爲歌爲舞改聲容

*Hoặc tiếu hoặc đề chân diện mục;
Vi ca vi vũ cải thanh dung.*

Hoặc khóc hoặc cười rõ ràng diện mục;
Khi ca khi múa thay đổi thanh dung.

百世衣冠長濟美
千年山水永朝宗

*Bách thế y quan trường tế mỹ;
Thiên niên sơn thủy vĩnh triều tông.*

Áo mũ trăm đời bền mỹ cảnh;
Nước non nghìn thuở vững tông đường.

宗祖千秋長祀典
兒孫萬古紹書香

Tông tổ thiên thu trường tự điển;

Nhi tôn vạn cổ thiêu thư hương.

Tông tổ nghìn thu dài tự điển (Phép tắc thờ cúng);

Cháu con vạn thuở nối thư hương (Nề nếp con cháu nhà có học).

嚴若思孝孫有慶
祭如在明德惟馨

Nghiêm nhước tư hiếu tôn hữu khánh;

Tế như tại minh đức duy hình.

Nghiêm cần truy tư cháu hiền mừng phúc;

Cúng thờ như tại đức sáng ngát hương.

萬古斯文存正脈
千秋心法啓宗傳

Vạn cổ tư văn tồn chính mạch;

Thiên thu tâm pháp khai tông truyền.

Muôn thuở tư văn⁽¹⁾ lưu chính mạch;

Nghìn thu tâm pháp⁽²⁾ mở tông truyền (Truyền thống của tổ tông).

百代孝慈高仰止
萬年支派永流通

Bách đại hiếu từ cao ngưỡng chỉ;

Vạn niên chi phái vĩnh lưu thông.

Trăm đời từ hiếu cao ngưỡng vọng;

Muôn thuở phái chi mãi lưu truyền.

盈門吉慶家聲遠
滿室榮華世澤長

Doanh môn cát khánh gia thanh viễn;

Mãn thất vinh hoa thế trạch trường.

Phúc đức đầy nhà gia thanh còn mãi;

Vinh hoa ngập cửa thế trạch dài lâu.

堂寢宏開昭祖德
簪纓繼美壯家聲

⁽¹⁾ *Tư văn*: Lễ nhạc, chế độ của thánh nhân xưa truyền lại.

⁽²⁾ *Tâm pháp*: Các phương pháp tâm đắc của thầy trò truyền cho nhau.

Đường tẩm hoàng khai chiêu tổ đức;
Trâm anh kế mỹ tráng gia thanh.
Đường tẩm hoàng khai ngôi tổ đức;
Trâm anh kế mỹ đẹp gia thanh.

玉樹芳蘭承俎豆
金蟬紫誥答蒸嘗

Ngọc thụ phương lan thừa trở đậu;
Kim thiến tử cáo đáp chưng thường.
Cây ngọc hương lan thừa trở đậu⁽¹⁾;
Ve vàng lời quý đáp chưng thường⁽²⁾.

俎豆衣冠宗功衍慶
詩書禮樂世澤流徽

Trở đậu y quan tông công diễn khánh;
Thi thư lễ nhạc thế trạch lưu huy.
Lễ vật y quan, công đức tổ tông còn dài phúc;
Thi thư lễ nhạc ân tình thế trạch mãi đẹp danh.

禮樂繩其祖武
詩書貽厥孫謀

Lễ nhạc thẳng kỳ tổ vũ;
Thi thư di quyết tôn mưu.
Uy vũ tổ tông truyền lễ nhạc;
Quyền mưu con cháu nối thi thư.

且喜先人傳舊業
還期後裔煥新猷

Thả hỷ tiên nhân truyền cựu nghiệp;
Hoàn kỳ hậu duệ hoán tân du.
Vừa vui người trước truyền nghiệp cũ;
Lại ngóng kẻ sau nối chí nay.

門楣增彩源流遠
堂構重輝俎豆新

Môn my tăng thái nguyên lưu viễn;
Đường cấu trùng huy trở đậu tân.
Gia thế tươi thêm nguồn chảy cũ;
Từ đường sáng lại lễ nghi nay.

⁽¹⁾ Trở đậu: Đồ cúng tế.

⁽²⁾ Chưng thường: Nấu, mớm để điều canh.

富潤琴書成五色
貴連蘭玉映三台

Phú nhuận cầm thư thành ngũ sắc;

Quý liên lan ngọc ánh tam thai.

Giàu thắm cầm thư thành ngũ sắc⁽¹⁾

Sang liên lan ngọc ánh tam thai⁽²⁾.

江山聚秀歸新宅
奎壁聯輝映畫堂

Giang sơn tụ tú quy tân trạch;

Khuê bích liên huy ánh hoa đường.

Giang sơn tụ khí về tân trạch⁽³⁾;

Khuê bích liên màu ánh hoa đường.

甲第鼎新容駟馬
華堂鍾秀起文人

Giáp đệ đỉnh tân dung tứ mã;

Hoa đường chung tú khởi văn nhân.

Khoa giáp cách tân dung tứ mã;

Hoa đường chung đức khởi văn nhân.

堂開麗日金鶯轉
簾捲春風玉燕來

Đường khai lệ nhật kim oanh chuyển;

Liêm quyển xuân phong ngọc yến lai.

Ngày vui nhà mở oanh vàng chuyển;

Gió thoảng rèm lay yến ngọc về.

閣上金龍騰紫氣
堂前彩鳳映丹霞

Các thượng kim long đằng tử khí;

Đường tiền thái phượng ánh đan hà.

Rồng vàng trên gác vươn sắc tía;

Phượng ngọc trước nhà ánh ráng hồng.

堂構宏開綿世德
規模丕振啓人文

⁽¹⁾ Ngũ sắc: Năm màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

⁽²⁾ Tam thai: Như “tam công” là ba chức quan: Thái sư, Thái phó. Thái bảo.

⁽³⁾ Tân trạch: Khu đất ở mới.

Đường cầu hoàng khai miên thế đức;
Quy mô phi chấn khái nhân văn.
Đường thất lớn lao dài thế đức;
Quy mô phán phát mở nhân văn.

地脈靈鍾開駿業
人文蔚起展鴻才
Địa mạch linh chung khai tuấn nghiệp;
Nhân văn uất khởi triển hồng tài.
Địa mạch kết tinh khai nghiệp lớn;
Văn nhân khởi phát dấy tài cao.

瑤陞蘭桂書香遠
錦座椿萱世澤長
Dao bệ lan quế thư hương viễn;
Cầm toà xuân huyền thế trạch trường.
Lan quế thêm dao thư hương tiếp;
Xuân huyền toà gấm thế trạch dài.

華堂畫永書香藹
喬木春深守澤多
Hoa đường hoạ vĩnh thư hương ái;
Kiều mộc xuân thâm thủ trạch đa.
Nhà lan định vũng thư hương nhĩ;
Cây cả xuân tươi phúc trạch nhiều.

玉樹琪花香作錦
水光山色翠連雲
Ngọc thụ kỳ hoa hương tác cẩm;
Thủy quang sơn sắc thủy liên vân.
Cây ngọc hoa vàng hương làm gấm;
Nước trong núi biếc sắc liên mây.

日光華臨畫棟
山河環繞映樓臺
Nhật nguyệt quang hoa lâm hoa đông;
Sơn hà hoàn nhiều ánh lâu đài.
Nhật nguyệt bừng tươi soi cột vẽ;
Sơn hà vây bọc ánh lâu đài.

今朝喜卜親仁里
異日重開書錦堂

*Kim triều hỉ bốc thân nhân lý;
Dị nhật trùng khai thư cảm đường.
Sáng nay mừng gặp người thân nơi xóm tốt;
Ngày khác lại xem sách quý chốn cảm đường.*

高 大 門 閭 美 輪 美 奐
綿 延 世 澤 丕 顯 丕 承
*Cao đại môn lư mỹ luân mỹ hoán;
Miên diên thế trạch phi hiển phi thừa.*

*Cao lớn môn lư đẹp tươi hoán cải;
Lâu dài gia thế rực rỡ kế thừa.*

開 百 世 鴻 圖 龍 蟠 虎 踞
啓 千 秋 大 廈 鳳 起 蛟 騰
*Khai bách thế hồng đồ long bàn hổ cứ;
Khải thiên thu đại hạ phượng khởi giao đằng.*

*Khai bách thế hồng đồ hổ ngồi rồng cuộn;
Mở thiên thu đại hạ giao rượt phượng bay.*

虎 踞 龍 蟠 已 得 山 川 勝 聚
蘭 馨 桂 馥 將 舒 宇 宙 英 華
*Hổ cứ long bàn dĩ đắc sơn xuyên thắng tụ;
Lan hình quế phúc tương thư vũ trụ anh hoa.
Rồng cuộn hổ ngồi đã được núi sông hội tụ;
Quế thơm lan ngát sẽ làm vũ trụ tươi hoa.*

燕 翼 詒 謀 水 繞 山 環 新 第 宅
鴻 規 創 立 父 慈 子 孝 舊 家 聲
*Yên dục di mưu thủy nhiễu sơn hoàn tân đệ trạch;
Hồng quy sáng lập phụ tử hiếu cữ gia thanh.
Yên đẹp nếp nhà, nước lượn núi vòng, tân đệ trạch;
Hồng so gương sáng, cha hiền con hiếu, cữ thế gia.*

書 錦 輝 煌 畫 棟 連 雲 迎 瑞 氣
春 暉 香 靄 華 堂 映 日 繞 祥 雲
*Thư cẩm huy hoàng, hoạ đông liên vân, nghinh thủy khí;
Xuân huy hương ái, hoa đông ánh nhật, nhiễu tường vân.
Thư gấm huy hoàng, cơ nghiệp liền mây nghênh khí tốt;
Xuân tươi hương nhã, từ đông chiếu sáng quện mây lành.*

漫道新居仍舊址
聊期後裔振前徽

*Mạn đạo tân cư nhưng cựu chỉ;
Liêu kỳ hậu duệ chấn tiền huy.*

Nền cũ gia tân tràn đạo lý;
Sáng ngời hậu duệ hện niên kỳ.

萬卷古今消永日
一窗昏曉送流年

*Vạn quyển cổ kim tiêu vĩnh nhật;
Nhất song hôn hiếu tống lưu niên.*

Vạn quyển xưa nay ngày mãi đọc;
Một song mờ tỏ tiền năm qua.

書從疑處翻成悟
文到窮時自有神

*Thư tòng nghi xứ phiên thành ngộ;
Văn đáo cùng thời tự hữu thần.*

Sách có biết ngờ rồi sẽ hiểu;
Văn đến lúc cùng mới có thần.

天然文吐春雲潤
悟后心如秋月高

*Thiên nhiên văn thổ xuân vân nhuận;
Ngộ hậu tâm như thu nguyệt cao.*

Thiên nhiên văn đượm mây xuân đậm;
Giác ngộ lòng như trăng thu cao.

師友肯臨容膝地
兒孫莫負等身書

*Sư hữu khảng lâm dung tất địa;
Nhi tôn mạc phụ đẳng thân thư.*

Thầy bạn những mong hầu dưới gối;
Cháu con chớ phụ sách ngày thơ.

書到用時方恨少
事非經過不知難

*Thư đáo dụng thời phương hận thiếu;
Sự phi kinh quá bất tri nan.*

Sách đến lúc dùng hiềm ít đọc;
Việc chưa từng trải khó không hay.

術業宜從勤學起
韶華不爲少年留

Thuật nghiệp nghi tòng cần học khởi;

Thiếu hoa bất vị thiếu niên lưu.

Sự nghiệp bắt đầu từ gắng học;

Tuổi xanh đi mất có chờ ai.

黑發不知勤學早
白頭方悔讀書遲

Hắc phát bất tri cần học tảo;

Bạch đầu phương hối độc thư trì.

Tóc xanh chẳng biết chăm học sớm;

Bạc đầu mới hối sách buông trôi.

書山有路勤爲徑
學海無涯苦作舟

Thư sơn hữu lộ cần vi kính;

Học hải vô nhai khổ tác chu.

Núi sách có đường, chăm dọn lối;

Biển học không bờ, gắng làm thuyền.

堂構重光長積慶
奐輪繼美遠鍾靈

Đường cấu trùng quang trường tích khánh;

Hoán luân kế mỹ viễn chung linh.

Sửa chữa sáng thêm nơi tích phúc;

Đổi thay đẹp mãi chốn chung linh⁽¹⁾.

山水朝宗依舊日
門堂集瑞靄新居

Sơn thủy triều tông y cựu nhật;

Môn đường tập thủy ái tân cư.

Non nước triều tông y ngày trước;

Cửa nhà tập phúc nhã tân cư.

書棟倚雲光舊業
華堂映日耀新居

Thư đông y vân quang cựu nghiệp;

Hoa đường ánh nhật diệu tân cư.

⁽¹⁾ Chốn chung linh: Nơi thờ cúng linh thiêng.

Nhà sách dựa mây quang cự nghiệp;
Từ đường chiếu sáng diệu tân cư.

舊 齋 雲 仍 垂 燕 翼
新 居 奕 葉 壯 鴻 圖

Cư duệ vân nhưng thuỳ yển dực;
Tân cư dịch điệp tráng hồng đồ.
Hậu duệ phúc mây trùm yển dực⁽¹⁾;
Tân cư đời đời sáng hồng đồ⁽²⁾.

樑 棟 維 新 家 聲 丕 振
奐 輪 依 舊 世 澤 流 芳

Lương đống duy tân gia thanh phi chấn;
Hoán luân y cựu thế trạch lưu phương.
Rường cột duy tân gia thanh hưng chấn;
Đổi thay y cựu thế trạch lưu hương.

鶯 遷 華 屋 安 仁 里
燕 賀 新 居 洽 德 鄰

Oanh thiên hoa ốc an nhân lý;
Yển hạ tân cư hiệp đức lân.
Oanh dời nhà đẹp yên làng tốt;
Yển chúc tân gia xóm giếng hay.

滿 座 珠 璣 光 舊 署
幾 車 書 藉 重 新 遷

Mãn tọa châu cơ quang cựu thự;
Kỷ xa thư tạ trọng tân thiên.
Một nếp ngọc đường ngồi cảnh cũ;
Mấy xe sách vở trọng dời thay.

日 映 陞 前 森 玉 樹
鶯 遷 堂 上 茁 蘭 芽

Nhật ánh bệ tiền sâm ngọc thụ;
Oanh thiên đường thượng truật lan nha.
Nắng ánh trước thêm rừng cây ngọc;
Oanh dời trên mái nảy mầm lan.

⁽¹⁾ *Yển dực*: Cánh chim yển. Ý nói nơi có phúc đức.

⁽²⁾ *Hồng đồ*: Kế hoạch lớn lao.

龍門舊列金章貴
鶯谷新遷喬木高

*Long môn cựu liệt kim chương quý;
Oanh cốc tân thiên kiều mộc cao.
Long môn lệ cũ vẫn chương quý;
Oanh cốc đổi thay kiều mộc cao.*

魚耀龍門三汲浪
鶯遷花報一枝春

*Ngư diệu long môn tam cấp lãng;
Oanh thiên hoa báo nhất chi xuân.
Cá vượt cửa rồng ba lần sóng;
Oanh dời hoa báo một cành xuân.*

夏屋新遷鶯出谷
春臺彩煥鳳樓梧

*Hạ ốc tân thiên oanh xuất cốc;
Xuân đài thái hoán phượng thê ngô.
Hạ ốc dời dơi oanh khởi tổ;
Xuân đài đẹp vẻ phượng cành ngô.*

勝地卜新居此日華堂來燕賀
遷喬仍舊里他年泮水應蛟騰

*Thắng địa bốc tân cư, thử nhật hoa đường lai yến hạ;
Thiên kiều nhưng cựu lý, tha niên phán thủy ứng giao đằng.
Thắng địa chọn tân cư, ngày nọ hoa đường khoe yến chúc⁽¹⁾;
Thiên kiều nguyên cựu lý, năm kia ao nước ứng giao đằng⁽²⁾.*

筆動惊寒月
琴鳴送夕陽

*Bút động kinh hàn nguyệt;
Cầm minh tống tịch dương.
Động bút kinh trăng lạnh;
Gảy đàn tiễn chiều tà.*

修業勤爲貴
行文意必高

⁽¹⁾ *Yến chúc*: Chim yến chúc tụng.

⁽²⁾ *Giao đằng*: Giao long nhảy vọt lên. Ý nói thời thái bình thịnh trị.

Tu nghiệp cần vi quý;

Hành văn ý tất cao.

Tu nghiệp chăm là quý;

Hành văn ý phải cao.

墨落蛇爭舞

詩成鳥放歌

Mặc lạc xà tranh vũ;

Thi thành điều phóng ca.

Mực rớt rắn tranh múa;

Thơ thành chim hát ca.

讀書必提要

處事在通情

Độc thư tất đề yếu;

Xử sự tại thông tình.

Độc sách nắm thiết yếu;

Xử sự phải thông tình.

學貫天人際

名爭日月光

Học quán thiên nhân tế;

Danh tranh nhật nguyệt quang.

Học phân rõ trời người;

Tên sáng cùng nhật nguyệt.

著書惊日短

舞墨伴星稀

Trước thư kinh nhật đoản;

Vũ mặc bạn tinh hy.

Viết sách sợ ngày ngắn;

Múa bút bạn sao khuya.

筆存金石氣

墨有屋漏痕

Bút tồn kim thạch khí;

Mặc hữu ốc lậu ngân.

But còn hơi vàng đá;

Mực có vết nước dột.

破壁群龍舞

臨池玉鳳飛

Phá bích quần long vũ;
Lâm trì ngọc phượng phi.
Phá vách bảy rồng múa;
Đến ao ngọc phượng bay.

靜 聞 魚 讀 月
笑 對 鳥 談 天

Tĩnh văn ngư độc nguyệt;
Tiếu đối diều đàm thiên.

Tĩnh nghe cá đọc trăng;
Cười trước chim chuyện văn

槐 門 舊 蔭 豐 根 本
芝 誥 新 恩 賁 壤 泉

Hồi môn cựu ảm phong căn bản;
Chi cáo tân ân bị nhượng tuyền.
Sân hồi bóng cũ nhờ gốc vững;
Sắc điệp ân nay thắm cam tuyền.

安 貧 忘 歲 月
救 拙 賴 詩 書

An bần vong tuế nguyệt;
Cứu chuyết lại thi thư.

Yên nghèo quên năm tháng;
Chữa vụng nhờ học hành.

杜 門 閑 客 散
開 卷 古 人 來

Đỗ môn nhàn khách tán;
Khai quyển cổ nhân lai.

Đóng cửa khách rồi ít;
Mở sách người xưa về.

看 劍 豪 生 膽
讀 書 香 到 心

Khán kiếm hào sinh đảm;
Độc thư hương đáo tâm.

Ngắm kiếm sinh can đảm;
Độc sách hương vào lòng.

吟哦出新意
坦率見真情

*Ngân nga xuất tân ý;
Thản suất kiến chân tình.*

Ngâm nga nảy ý mới;
Thản nhiên thấy chân tình.

星稀長練劍
夜半每觀書

*Tinh hy trường luyện kiếm;
Đạ bán mỗi quan thư.*

Sao thưa mê luyện kiếm;
Đêm khuya mở sách xem.

筆端通造化
意表出雲霞

*Bút đoan thông tạo hoá;
Ý biểu xuất vân hà.*

Ngọn bút thông tạo hoá;
Ý tứ vượt rặng mây.

翰墨驚天地
詩書通古今

*Hàn mặc kinh thiên địa;
Thi thư thông cổ kim.*

Bút mực kinh trời đất;
Sách vở thông xưa nay.

潤豪看鳳舞
和墨化龍飛

*Nhuận hào khán phượng vũ;
Hoà mặc hoá long phi.*

Bút hoạt như phượng múa;
Mực trơn hoá rồng bay.

有書堆滿案
惟德自成鄰

*Hữu thư đôi mãn án;
Duy đức tự thành lân.*

Có sách chất đầy án;
Duy đức là xóm giềng.

落筆撼山岳
成詩凌碧霄

*Lạc bút hám sơn nhạc;
Thành thi lǎng bích tiêu.
Xuống bút động núi cao;
Thơ thành lấn mây biếc.*

詩從肺腑出
心與水月清

*Thi tông phế phủ xuất;
Tâm dữ thủy nguyệt thanh.
Thơ từ gan ruột ra;
Lòng với trăng nước sáng.*

山光清眼界
書味潤心田

*Sơn quang thanh nhãn giới;
Thư vị nhuận tâm điền.
Núi quang tâm mắt rộng;
Mùi sách nhuận trong lòng.*

忠厚傳家久
詩書繼世長

*Trung hậu truyền gia cửu;
Thi thư kế thế trường.
Trung hậu nhà truyền mãi;
Thi thư đời nối đời.*

立德齊今古
藏書教子孫

*Lập đức tề kim cổ;
Tàng thư giáo tử tôn.
Lập đức đều xưa nay;
Giữ sách dạy con cháu.*

慧眼游書海
平心論古人

*Tuệ nhãn du thư hải;
Bình tâm luận cổ nhân.
Mắt tuệ dạo biển sách;
Bình tâm bàn người xưa.*

苦讀千年史
笑吟萬家詩

*Khổ đọc thiên niên sử;
Tiếu ngâm vạn gia thi.
Khổ đọc sử ngàn năm;
Cười ngâm thơ vạn nhà.*

詩思偏宜夜
衰鬢更耐秋

*Thi tứ thiên nghi dạ;
Suy mấn cánh nại thu.
Tứ thơ thường về tối;
Tóc bạc đối thu bền.*

終身爭一息
每事學三思

*Chung thân tranh nhất tức;
Mỗi sự học tam tư.*

Trọn đời giành từng phút;
Việc học nghĩ ba lần.

詩無入俗句
胸有濟世心

*Thi vô nhập tục cú;
Hung hữu tế thế tâm.
Thơ không dùng câu tục;
Bụng có nghĩ giúp đời.*

無言先立意
未嘯已生風

*Vô ngôn tiên lập ý;
Vị khiếu dĩ sinh phong.
Chưa nói ý trước lập;
Chưa gọi gió đã sinh.*

略翻書數則
便不愧三餐

*Lược phiên thư số tắc;
Tiện bất quý tam xan.
Lược xem sách vài lần;
Không thẹn ăn ba bữa.*

飽覽古今事
淺識南北情

*Bão lãm cổ kim sự;
Thiển thức nam bắc tình.*
Xem nhiều việc xưa nay;
Biết ít chuyện nam bắc.

水墨開奇境
絲桐發妙香

*Thủy mặc khai kỳ cảnh;
Ty đồng phát diệu hương.*
Thủy mặc vẽ cảnh lạ;
Tơ đồng toả hương thơm.

胸中藏宇宙
筆下走風雷

*Hung trung tàng vũ trụ;
Bút hạ tẩu phong lôi.*
Trong bụng chứa vũ trụ;
Hạ bút nổi phong lôi.

雲山起翰墨
星斗煥文章

*Vân sơn khởi hàn mặc;
Tinh đầu hoán văn chương.*
Non mây gợi bút mực;
Sao đầu rạng văn chương.

夜眠人靜后
早起鳥啼先

*Đạ miên nhân tĩnh hậu;
Tảo khởi điểu đề tiên.*
Tối ngủ sau người tĩnh;
Sớm dậy trước chim kêu.

醉歌田舍酒
笑讀古人書

*Túy ca điền xá tửu;
Tiếu độc cổ nhân thư.*
Rượu thôn dã say ca;
Sách người xưa cười đọc.

筆墨增情趣
風雪煉精神

*Bút mực tăng tình thú;
Phong tuyết luyện tinh thần.*

Bút mực tăng hứng thú;
Gió tuyết luyện tinh thần.

夜靜磨殘月
吟余墜落花

*Dạ tĩnh mài tàn nguyệt;
Ngâm dư trụy lạc hoa.*
Đêm tĩnh mài tàn nguyệt;
Ngâm xong rơi rụng hoa.

雨過琴書潤
風來翰墨香

*Vũ quá cầm thư nhuận;
Phong lai hàn mặc hương.*
Mưa tạnh sách đàn nhuận;
Gió về thơm bút mực.

吟竹詩含翠
畫梅筆帶香

*Ngâm trúc thi hàm thủy;
Hoạ mai bút đới hương.*
Ngâm thơ trúc ngậm biếc;
Bút vẽ mai có hương.

文章千古事
風雨十年人

*Văn chương thiên cổ sự;
Phong vũ thập niên nhân.*
Chuyện ngàn đời văn chương;
Người mười năm mưa gió.

典故探奧旨
詩書挹余波

*Điển cố thám áo chỉ;
Thi thư áp dư ba.*
Điển tích ý sâu xa;
Thi thư làn sóng gợn.

放 眼 窮 天 地
挑 燈 挹 古 今

Phóng nhãn cùng thiên địa;

Khiêu dăng ấp cổ kim.

Đưa mắt khắp trời đất;

Khêu đèn nhớ cổ kim.

拙 光 勤 問 古
敲 竹 苦 吟 詩

Chuyết quang cần vấn cổ;

Xao trúc khổ ngâm thi.

Chưa rõ cần hỏi cổ;

Lay trúc gặng ngâm thơ.

苦 心 追 妙 句
秃 筆 寫 新 詩

Khổ tâm truy diệu cú;

Thốc bút tả tân thi.

Nhọc lòng tìm câu hay;

Cùn bút viết thơ mới.

詩 聲 惊 曉 月
劍 气 逐 寒 風

Thi thanh kinh hiếu nguyệt;

Kiểm khí trục hàn phong.

Tiếng thơ kinh trăng sớm;

Khí kiếm đuổi gió lạnh.

開 卷 群 言 雅
擇 豪 六 气 清

Khai quyển quần ngôn nhã;

Trạch hào lục khí thanh.

Mở quyển mọi lời nhã;

Chọn hào sáu khí thanh.

裁 詩 痴 作 骨
剝 紙 苦 爲 刀

Tài thi si tác cốt;

Sát chỉ khổ vi đao.

Sửa thơ đại là cốt;
Cắt giấy khô là dao.

暇 拈 碑 帖 寫
長 起 讀 書 聲

*Hạ niêm bì thiếp tả;
Trường khởi độc thư thanh.
Rồi đem thiếp ra viết;
Tiếng đọc sách hầu quen.*

長 養 浩 然 氣
靜 觀 無 字 書

*Trường dưỡng hạo nhiên khí;
Tĩnh quan vô tự thư.
Bền nuôi khí hạo nhiên;
Lặng xem sách không chữ.*

以 教 人 者 教 己
在 勞 力 上 勞 心

*Dĩ giáo nhân giả giáo kỷ;
Tại lao lực thượng lao tâm.
Lấy điều dạy người dạy mình;
Ở trên lao lực lao tâm.*

未 能 一 日 寡 過
恨 不 十 年 讀 書

*Vị năng nhất nhật quả quá;
Hận bất thập niên độc thư.
Chưa thể một ngày ít lỗi;
Hận chẳng mười năm sách đèn.*

求 學 將 爲 致 用
讀 書 貴 在 虛 心

*Cầu học tương vi trí dụng;
Độc thư quý tại hư tâm.
Cầu học cần cho thực dụng;
Đọc sách quý ở hư tâm.*

雅 言 詩 書 執 禮
益 友 直 諒 多 聞

*Nhã ngôn thi thư chấp lễ;
Ích hữu trực lượng đa văn.*

Lời nhā thi thư giữ lễ;
Bạn hay thẳng thắn nhiều nghe.

讀書心存遠志
實踐悟出真知

*Độc thư tâm tồn viễn chí;
Thực tiễn ngộ xuất chân trí.*

Độc sách lòng gửi chí xa;
Thực tiễn nhận ra thấy đúng.

墨海千帆競發
書林萬卉爭芳

*Mặc hải thiên phàm cạnh phát;
Thư lâm vạn hỷ tranh phương.*

Bể học ngàn buồm tranh gió;
Rừng sách vạn nhụy đua hương.

風彩三秋明月
文章萬里長江

*Phong thái tam thu minh nguyệt;
Văn chương vạn lý trường giang.*

Phong thái ba thu trăng sáng;
Văn chương vạn dặm sông dài.

挾風雲于翰墨
羅經緯在心胸

*Hiệp phong vân vu hàn mặc;
La kinh vĩ tại tâm hung.*

Đưa mây gió vào bút mực;
Sắp ngang dọc ở trong lòng.

竹雨松風琴韻
茶煙梧月書聲

*Trúc vũ tùng phong cầm vận;
Trà yên ngô nguyệt thư thanh.*

Mưa trúc, gió tùng, điệu đàn;
Khói trà, trăng ngô, tiếng sách.

養心莫善寡欲
至樂無如讀書

*Dưỡng tâm mạc thiện quả dục;
Chí lạc vô như độc thư.*

Dưỡng tâm gì hơn ít dục;
Tận vui đâu bằng đọc sách.

鳥欲高飛先振翅
人求上進早讀書

*Điều dục cao phi tiên chấn sí;
Nhân cầu thượng tiến tảo độc thư.*
Chim muốn bay cao trước vỗ cánh;
Người cầu tiến bộ chăm sách đèn.

讀書常戒自欺處
勤者不可有閑時

*Độc thư thường giới tự khi xứ;
Cần giả bất khả hữu nhàn thời.*
Đọc sách thường răn tự xem thường;
Người chăm không có lúc nhàn rồi.

能勤德業惟良友
有益身心在讀書

*Năng cần đức nghiệp duy lương hữu;
Hữu ích thân tâm tại độc thư.*
Hay chăm nghiệp đức chỉ bạn hiền;
Giúp ích thân tâm là đọc sách.

書法未心全師古
文章重在能通今

*Thư pháp vị tất toàn sư cổ;
Văn chương trọng tại năng thông kim.*
Thư pháp chẳng nên toàn nệ cổ;
Văn chương trọng ở hiểu đời nay.

黃卷崔吾朝起早
青燈伴我夜眠遲

*Hoàng quyển thôi ngô triều khởi tảo;
Thanh đăng bạn ngã dạ miên trì.*
Sách vàng giục ta mau sớm dậy;
Đèn xanh làm bạn lúc đêm khuya.

書窗夜深光射斗
墨池春暖筆生花

*Thư song dạ thâm quang xạ đầu;
Mực trì xuân noãn bút sinh hoa.*

Song thư đêm lắng ngời sao đầu;
Nghiên mực trời xuân bút nở hoa.

書到精絕方弄險
詩窮蹇滯更吟豪

Thư đáo tinh tuyệt phương lộng hiêm;

Thi cùng kiển trệ cánh ngâm hào.

Sách đến tuyệt tinh là lộng hiêm;

Thơ sâu tâm sự mới ngâm hào.

吟成佳句花皆舞
談到奇書興欲狂

Ngâm thành giai cú hoa giai vũ;

Đàm đáo kỳ thư hứng dục cuồng.

Ngâm câu tuyệt diệu hoa đều múa;

Bàn đến kỳ thư hứng muốn cuồng.

肝膽照人如雪色
書篇擲地作金聲

Can đảm chiếu nhân như tuyết sắc;

Thư thiên trịch địa tác kim thanh.

Can đảm chiếu người như sắc tuyết;

Sách rơi xuống đất nảy thanh vàng.

得山水樂在懷抱
于古今文觀異同

Đắc sơn thủy lạc tại hoài bào;

Vu cổ kim văn quan dị đồng.

Hoài bào nước non mừng được chốn;

Riêng chung kim cổ ở lời văn.

几上江湖書一卷
窗前燈火夜三更

Kỷ thượng giang hồ thư nhất quyển;

Song tiền đăng hỏa dạ tam canh.

Mấy chuyến giang hồ sách một quyển;

Trước song đèn thấp đủ ba canh.

帘外五更風雨冷
案頭三尺筆墨濃

Liềm ngoại ngũ canh phong vũ lãnh;

Án đầu tam xích bút mực nùng.

Năm canh ngoài cửa gió mưa lạnh;
Ba thước bàn cao bút mực nồng.

春庭草色和煙暖
午夜書聲帶月寒

*Xuân đình thảo sắc hoà yên ấm;
Ngọ dạ thư thanh đới nguyệt hàn.*

Sắc cỏ sân xuân hoà hơi ấm;
Tiếng ngâm đêm vắng lạnh vùng trăng.

千般月色硯遍過
無限風光筆下生

*Thiên ban nguyệt sắc nghiên biên quá;
Vô hạn phong quang bút hạ sinh.
Ánh trăng lấp vè soi nghiên mực;
Phong quang vô hạn bút khơi nguồn.*

衣襟半染煙霞氣
詩卷長留天地間

*Y khâm bán nhiễm yên hà khí;
Thi quyển trường lưu thiên địa gian.
Áo măng vãi tướt hơi mây khói;
Thơ quyển còn lưu chốn thế gian.*

燈火夜深書有味
墨花晨湛字生光

*Đăng hoả dạ thâm thư hữu vị;
Mặc hoa thần tràm tự sinh quang.
Đêm vắng đèn chong sách vẫn thơm;
Sớm mai mực tốt chữ tươi nét.*

窗含春色墨生艷
筆吐豪情詩出新

*Song hàm xuân sắc mặc sinh diễm;
Bút thổ hào tình thi xuất tân.
Xuân về song cửa thêm tươi mực;
Hứng trào lên bút mới vắn thơ.*

著書不向時流說
得句難爲俗者知

*Trước thư bất hướng thời lưu thuyết;
Đắc cú nan vì tục giả tri.*

Sách viết chẳng theo thời uốn giọng;
Câu hay khó để kẻ tục hay.

無盡波濤歸學海
長春花木在詞林

*Vô tận ba đào quy học hải;
Trường xuân hoa mộc tại từ lâm.
Về biển học biết bao sóng gió;
Ở rừng từ xuân mãi cỏ hoa.*

雄詞脫手堅如鑄
秀語生花架欲飛

*Hùng từ thoát thủ kiên như chú;
Tú ngữ sinh hoa xán dục phi.
Lời hùng khỏi bút cứng như đúc;
Câu hay hoa nở hương muốn bay.*

舊業尚存三徑草
小窗獨對半床書

*Cựu nghiệp thượng tồn tam kính thảo;
Tiểu song độc đối bán sàng thư.
Nghiệp cũ còn đây ba lối cỏ;
Bên song đứng trước nửa giường thơ.*

未須百事必如意
且喜六時長見書

*Vị tu bách sự tất như ý;
Thả hỷ lục thời trường kiến thư.
Chưa mong trăm việc đều như ý;
Những mừng sáu khắc sách hay xem.*

花香獨愛蜜蜂采
書徑還留勤者行

*Hoa hương độc ái mật phong thái;
Thư kính hoàn lưu cần giả hành.
Hoa hương chỉ quý con ong mật;
Lối sách dành cho kẻ học chăm.*

舊學商量加邃密
新知培養轉深沉

*Cựu học thương lượng gia thủy mật;
Tân tri bồi dưỡng chuyển thâm trầm.*

Học cũ xem ra đều sâu kín;
Mới hay bồi dưỡng sẽ thâm trầm.

意趣橫生成巧對
方圓合度是佳聯

*Ý thú hoành sinh thành xảo đối;
Phương viên hợp độ thị giai liên.*

Ý thú nảy sinh thành đối khéo;
Vuông tròn thích hợp được liên hay.

功精筆健出佳作
意興力勤生妙篇

*Công tinh bút kiện xuất giai tác;
Ý hưng lực cần sinh diệu thiên.*

Công tinh, bút khỏe, tác phẩm tốt;
Ý hưng, sức chăm, sách mới hay.

平生慣若千秋氣
兩手勤澆萬木春

*Bình sinh quán nhược thiên thu khí;
Lưỡng thủ cần nhiều vạn mộc xuân.*

Bình sinh tiếp thụ ngàn năm khí;
Đôi tay chăm tưới vạn cây xanh.

竹里書聲來隔院
松間棋韻靜虛窗

*Trúc lý thư thanh lai cách viện;
Tùng gian kỳ vận tĩnh hư song.*

Ngõ trúc, tiếng ngâm, từ viện cạnh;
Vườn tùng, cờ mãi, vắng song ngoài.

學海無涯須縱艇
駒光過隙不留蹤

*Học hải vô nhai tu tưng đĩnh;
Câu quang quá khích bất lưu tung.*
Biển học không bờ thuyền nên lỏng;
Bóng câu qua cửa dấu không còn.

學問多自虛心得
風物長宜放眼量

Học vấn đa tự hư tâm đắc;

Phong vật trường nghi phóng nhãn lượng.

Học vấn thường do lo lắng được;

Phong vật nên hay rộng mắt xem.

才如湖海文方偉
腹有詩書氣自華

Tài như hồ hải văn phương vĩ;

Phúc hữu thi thư khí tự hoa.

Tài như sông biển văn chương lớn;

Bụng chứa văn chương khí vũ cao.

任事者必以實學
謹言人每有奇文

Nhâm sự giả tất dĩ thực học;

Cẩn ngôn nhân mỗi hữu kỳ văn.

Kẻ nhận việc phải giàu thực học;

Người cẩn ngôn đều có kỳ văn.

藤根揉就充書架
蕉葉斜分作硯田

Đằng căn nhu tựu sung thư giá;

Tiêu diệp tà phân tác nghiến điền.

Rễ đằng mềm mại đưa lên giá;

Lá chuối chia nghiêng chum ruộng nghiến.

博學深思增智慧
更新除舊見精神

Bác học thâm tư tăng trí tuệ;

Canh tân trừ cựu kiến tinh thần.

Học rộng nghĩ sâu tăng trí tuệ;

Mới thay cũ bỏ dựng tinh thần.

紙上讀來終覺淺
心中悟出始知深

Chỉ thượng độc lai chung giác thiên;

Tâm trung ngộ xuất thủy tri thâm.

Trang sách đọc xong hay biết cạn;
Trong lòng chợt hiểu mới hay sâu.

庸行虛己長尋竹
篤志吞書苦伴燈

*Dung hành hư kỷ trường tâm trúc;
Đốc chí thôn thư khổ bạn đăng.*
Vụng làm, ruột rộng, lo tìm trúc;
Quyết chí, nhồi văn, bạn với đèn.

名花照眼春光滿
奇句天開妙論高

*Danh hoa chiếu nhãn xuân quang mãn;
Kỳ cú thiên khai diệu luận cao.*
Ngắm bông hoa đẹp xuân tươi vẻ;
Câu lạ trời ban nghị luận cao.

風月一庭爲良友
詩書半榻是嚴師

*Phong nguyệt nhất đình vi lương hữu;
Thi thư bán tháp thị nghiêm sư.*
Trăng gió một sân là bạn tốt;
Thi thư nửa bục thầy nghiêm.

法取蘭亭存氣韻
書隨時代見精神

*Pháp thủ Lan đình tồn khí vận;
Thư tùy thời đại kiến tinh thần.*
Pháp chọn lan đình còn khí vận;
Thư theo thời đại rõ tinh thần.

洗硯春波臨晉帖
焚香夜雨和陶詩

*Tẩy nghiên xuân ba lâm Tấn thiếp;
Phân hương dạ vũ họa Đào thi.*
Rửa mực sóng xuân vương thiếp Tấn;
Thắp hương mưa tối họa thơ Đào.

追摹古人得雅趣
奇生新意逸高情

*Truy mộ cổ nhân đắc nhĩ thức;
Kỳ sinh tâm ý dật cao tình.
Mô phỏng người xưa theo thú nhĩ;
May ra tâm ý có tình cao.*

窗臨水曲琴書潤
人讀花間字句香
*Song lâm thủy khúc cầm thư nhuận;
Nhân độc hoa gian tự cú hương.
Song bên dòng nước thơ đàn đậm;
Nhân đọc bên hoa câu chữ thơm.*

無窮詩思窗前草
不了功夫架上書
*Vô cùng thi tứ song tiền thảo;
Bất liễu công phu giá thượng thư.
Tứ thơ vô hạn bên song cỏ;
Công sức chẳng bù giá sách đầy.*

畫本紛披來野意
文辭古怪亦天真
*Họa bản phân phi lai dã ý;
Văn từ cổ quái diệc thiên chân.
Bản vẽ rối ren thì ý thoáng;
Lời văn cổ quái được tự nhiên.*

愛敬古梅如秀士
發揮春色有新詩
*Ái kính cổ mai như tú sỹ;
Phát huy xuân sắc hữu tân thi.
Yêu gốc mai già như tú sỹ;
Nâng cao xuân sắc mới đề thơ.*

悅心不厭無名畫
養性唯收有用書
*Duyệt tâm bất yếm vô danh họa;
Dưỡng tính duy thu hữu dụng thư.
Bức vẽ dở không gây khó chịu;
Tìm sách hay xem để thoả lòng.*

小苑詩風籠翠墨
怡亭筆興拜青藤

*Tiểu uyển thi phong lung thuý mặc;
Di đình bút hứng bái thanh đằng.
G: lạnh qua vườn động mực viết;
Đình chơi hứng bút vái dây xanh.*

無數雲山供點筆
且將墨竹換新詩

*Vô số vân sơn cung điểm bút;
Thả tương mặc trúc hoán tân thi.
Mây núi có nhiều cho bút tả;
Trúc biếc dành riêng đổi mới thơ.*

文泉如流水出峽
心鏡似皓月當空

*Văn tuyền như lưu thủy xuất hiệp;
Tâm kính tự hạo nguyệt đương không.
Mạch văn như nguồn suối tuôn trào;
Lòng sáng tựa trăng trong lơ lửng.*

風月一天詩酒料
文章千古性靈花

*Phong nguyệt nhất thiên thi tửu liệu;
Văn chương thiên cổ tính linh hoa.
Trăng gió một trời thơ rượu sẵn;
Văn chương muôn thuở vốn hồn hoa.*

心觸清机親翰墨
目游潤景足精神

*Tâm xúc thanh cơ thân hàn mặc;
Mục du nhuận cảnh túc tinh thần.
Lòng gặp cơ may thân bút mực;
Mắt vui cảnh đẹp sáng tinh thần.*

京圻破壁歌天順
學海行舟賴眼新

*Kinh kỳ phá bích ca thiên thuận;
Học hải hành chu lại nhãn tân.*

Kinh thành phá vách ca trời thuận;
Biên học thuyền chơi mắt mới ra.

立志不隨流俗轉
留心學到古人難
*Lập chí bất tùy lưu tục chuyển;
Lưu tâm học đáo cổ nhân nan.*

Thói quen thay đổi, chí không rời;
Người xưa chưa hiểu, học được biết.

立志須知三古盛
爲書自起一家言
*Lập chí tu tri tam cổ thịnh;
Vi thư tự khởi nhất gia ngôn.*

Lập chí nên hay tam cổ⁽¹⁾ thịnh;
Sách làm phải biết nhất gia ngôn⁽²⁾.

無窮歲月忙中樂
有味詩書苦后甜

*Vô cùng tuế nguyệt mang trung lạc;
Hữu vị thi thư khổ hậu diêm.*

Năm tháng vô cùng, vui có việc;
Thi thư có vị, đắng rồi cam.

詩篇樂處風雲動
筆力停時造化閑

*Thi thiên lạc xứ phong vân động;
Bút lực đình thời tạo hoá nhàn.*

Vần thơ rơi xuống gió mây nổi;
Ngon bút khi dừng tạo hoá nhàn.

友如作畫須求淡
文似看山不喜平

*Hữu như tác hoạ tu cầu đạm;
Văn tự khan sơn bất hỷ bình.*

Bạn như tranh vẽ nên giản dị;
Văn tựa non cao chẳng chuộng bằng.

⁽¹⁾ *Tam cổ*: Ba triều Hạ, Thương, Chu thời cổ Trung Quốc.

⁽²⁾ *Nhất gia ngôn*: Lời một nhà, ý nói lập ngôn.

直諒喜來三徑月
縱橫富有百城書

*Trực lượng hỷ lai tam kính nguyệt;
Tung hoành phú hữu bách thành thư.*
Thẳng thán vui cùng ba lối nguyệt;
Tung hoành giàu có sách trăm thành.

隨時盡衆古今事
盡日放懷天地間

*Tùy thời tận lục cổ kim sự;
Tận nhật phóng hoài thiên địa gian.*
Tùy thời chép hết việc xưa nay;
Hết ngày rong chơi trong trời đất.

貧舍不嫌居陋巷
著書獨喜在名山

*Bần xá bất hiềm cư lậu hạng;
Trước thư độc hỷ tại danh sơn.*
Nhà khó hiềm chi ở xóm nghèo;
Viết sách riêng mừng nơi núi đẹp.

古人學問無遺力
少壯功夫老始成

*Cổ nhân học vấn vô di lực;
Thiếu tráng công phu lão thuỷ thành.*
Người xưa học hỏi không còn sức;
Trai trẻ dày công già mới thành.

書味最長宜細索
硯田勤種勿拋荒

*Thư vị tối trường nghi tế sách;
Nghiên diển cần chủng vật phao hoang.*
Vị sách rất dài nên sáng tỏ;
Ruộng nghiên cần cấy chớ bỏ hoang.

刻意爲文宜善變
平情應物不須雕

*Khắc ý vi văn nghi thiện biến;
Bình tình ứng vật bất tu điêu.*

Khắc ý làm văn, nên khéo đối;
Dem tình ứng vật, chạm không cần.

寶劍鋒從磨礪出
梅花香自苦寒來
*Bảo kiếm phong tòng ma lệ xuất;
Mai hoa hương tự khổ hàn lai.*
Bảo kiếm nhờ mài nên mới sắc;
Hoa mai chịu rét toả mùi thơm.

文能換骨無余法
學到尋源自不疑
*Văn năng hoán cốt vô dư pháp;
Học đáo tầm nguyên tự bất nghi.*
Văn thay xương cốt không thừa phép;
Học đến cội nguồn tự hết ngờ.

久病始知求藥誤
衰年方悔讀書遲
*Cửu bệnh thủy tri cầu dược ngộ;
Suy niên phương hối độc thư trì.*
Bệnh lâu mới biết nhầm thuốc chữa;
Tuổi già thấy hối muộn thi thư.

書似青山皆亂疊
燈如紅豆最相思
*Thư tự thanh sơn giai loạn điệp;
Đăng như hồng đậu tối tương tư.*
Sách tựa non xanh chồng chất đing;
Đèn như đậu đỏ lắm tương tư.

不仁果報方行善
豈爲功名始讀書
*Bất nhân quả báo phương hành thiện;
Khởi vị công danh thủy độc thư.*
Bất nhân quả báo rồi làm thiện;
Há vị công danh mới học hành.
敢爲天下大難事
愿讀人間未見書

*Cảm vi thiên hạ đại nan sự;
Nguyên độc nhân gian vị kiến thư.
Dám làm việc khó lớn thiên hạ;
Mong đọc sách chưa thấy trong đời.*

筆老詩新疑有物
水清石瘦亦能奇

*Bút lão thì tân nghi hữu vật;
Thủy thanh thạch sấu diệc năng kỳ.
Bút già thơ mới e sinh chuyện;
Nước trong mòn đá cũng kỳ thay.*

古木自繞龍虎氣
文章欲振鳳鸞聲

*Cổ mộc tự nhiễu long hổ khí;
Văn chương dục chấn phượng loan thanh.
Cây cổ như vờn long hổ khí;
Văn chương muốn dấy phượng loan thanh.*

倦眼苦追窮瀚海
柔毫磅礪寫長天

*Quản nhãn khổ truy cùng hãn hải;
Nhu hào bàng bạc tả trường thiên.
Giương mắt cố theo cùng sa mạc;
Bút lông man mác tả trời xanh.*

勤能補拙才偏敏
廉不沽名品益高

*Cần năng bổ chuyết tài thiên mẫn;
Liêm bất cô danh phẩm ích cao.
Chăm hay bù vụng tài hay nhạy;
Liêm chẳng mua danh phẩm ấy cao.*

平生獨以文字樂
此日倏然水竹居

*Bình sinh độc dĩ văn tự lạc;
Thử nhật thốt nhiên thủy trúc cư.
Bình sinh chỉ lấy văn vui thú;
Ngày ấy nào hay thủy trúc gần.*

雖云智慧生靈府
更須功夫在筆端
*Tuy vân trí tuệ sinh linh phủ;
Cánh tu công phu tại bút đoan.*
Dẫu rằng trí tuệ do trời giúp;
Văn phải siêng năng việc học hành.

事要研求皆學問
言堪持贈即文章
*Sự yếu nghiên cầu giai học vấn;
Ngôn kham trì tặng tức văn chương.*
Việc cần nghiên cứu, là học hỏi;
Lời nói tặng người, ấy văn chương.

讀書身健即為福
種樹花開亦是緣
*Độc thư thân kiện tức vi phúc;
Chủng thụ hoa khai diệc thị duyên.*
Đọc sách mạnh người, âu cũng phúc;
Trồng cây hoa nở, ấy là duyên.

求賢急似渴思飲
治學猶如蝶戀花
*Cầu hiền cấp tị khát tư ẩm;
Trị học do như điệp luyến hoa.*
Cầu hiền gấp tựa khát muốn uống;
Lo học coi như bướm luyến hoa.

精神到處文章老
學問深時意气平
*Tinh thần đáo xứ văn chương lão;
Học vấn thâm thời ý khí bình.*
Tinh thần đến độ, văn già dặn;
Học vấn khi sâu, ý khí bình.

立品宜思真俊杰
讀書須下苦功夫
*Lập phẩm nghi tư chân tuấn kiệt;
Độc thư tu hạ khổ công phu.*

Lập chí biết suy là tuấn kiệt;
Học hành nên gắng hết công phu.

只有觀書堪遣慮
應須守道勿羞貧
*Chỉ hữu quan thư kham khiễn lự;
Ứng tu thủ đạo vật tu bần.*

Bởi chăm đọc sách, nên hay nghĩ;
Phải nên giữ đạo, chớ thẹn nghèo.

好書不厭看還讀
益友何妨去復來
*Hảo thư bất yếm khan hoàn đọc;
Ích hữu hà phương khứ phục lai.*
Sách hay không chán xem và đọc;
Bạn tốt lo gì đến với đi.

時日莫教平白過
師業當從遠奧承
*Thời nhật mạc giao bình bạch quá;
Sư nghiệp đương tông viễn áo thừa.*
Thời gian chớ để trôi hờ hững;
Sự nghiệp sao cho tiếp nối dài.

好學滌思能知其意
反本修古不忘其初
*Hiếu học địch tư năng tri kỳ ý;
Phản bản tu cổ bất phong kỳ sơ.*
Chịu học chịu nghĩ nắm được ý nghĩa;
Nhớ gốc nhớ nguồn không quên ban đầu.

爲善讀書得安樂法
澆花種竹生歡喜心
*Vì thiện độc thư đắc an lạc pháp;
Kiêu hoa chủng trúc sinh hoan hỷ tâm.*
Làm thiện đọc sách sẽ được yên vui;
Tưới hoa trồng trúc trong lòng hoan hỷ.

登黃鶴樓讀赤壁賦
磨青鐵硯歌白雲詩

Đăng Hoàng Hạc lâu độc Xích Bích phú;
Ma thanh thiết nghĩn ca Bạch Vân thi.
Lên lầu Hoàng Hạc đọc phú Xích Bích;
Mài nghiên đồng xanh ca thơ Bạch Vân.

山 水 幽 深 襟 懷 妙 遠
讀 書 夙 好 心 氣 和 平

Sơn thủy u thâm khâm hoài diệu viễn;
Độc thư túc hảo tâm khí hoà bình.
Non nước u thâm lòng vương xa thẳm;
Độc sách nghiêm túc tâm được yên bình.

破 千 重 關 心 懷 天 下
讀 萬 卷 書 志 在 四 方

Phá thiên trùng quan tâm hoài thiên hạ;
Độc vạn quyển thư chí tại tứ phương.
Phá ngàn trùng quan, nghĩ về thiên hạ;
Độc vạn quyển sách, chí ở bốn phương.

性 道 在 文 章 深 造 自 得
廉 平 稱 治 俗 遺 愛 無 窮

Tính đạo tại văn chương thâm tạo tự đắc;
Liêm bình xưng trị tục di ái vô cùng.
Tính hiện ở văn chương, sâu sắc mới được;
Liêm bình là phép trị, yêu mến vô cùng.

几 百 年 舊 家 無 非 積 德
第 一 等 好 事 還 是 讀 書

Kỷ bách niên cựu gia vô phi tích đức;
Đệ nhất đẳng hảo sự hoàn thị độc thư.
Thế gia mấy trăm năm, không ngoài tích đức;
Việc tốt loại số một, vẫn là đọc sách.

學 如 逆 水 行 舟 不 進 則 退
心 似 平 原 走 馬 易 放 難 收

Học như nghịch thủy hành chu bất tiến tắc thoái;
Tâm tự bình nguyên tẩu mã dị phóng nan thu.
Học như chèo thuyền nước ngược, không tiến là lùi;
Lòng tựa ngựa chạy thảo nguyên, dễ thả khó bắt.

開卷有益 知識就是力量
自強不息 光陰貴于黃金

*Khai quyển hữu ích tri thức tức tựu thị lực lượng;
Tự cường bất tức quang âm quý vu hoàng kim.*

Độc sách có ích, tri thức chính là sức mạnh;
Tự cường chẳng nghỉ, thời gian quý tựa hoàng kim.

積玉積金 不如讀書教子
寬田寬地 莫若寬量待人

*Tích ngọc tích kim bất như độc thư giáo tử;
Khoan điền khoan địa mạc nhược khoan lượng đãi nhân.*

Tích ngọc tích vàng chẳng bằng đọc sách dạy con;
Rộng ruộng rộng ao không bằng rộng bụng với người.

與善人交 如入芝蘭之室
從良師學 幸登桃李之門

*Dữ thiện nhân giao như nhập chi lan chi thất;
Tòng lương sư học hạnh đăng đào lý chi môn.*
Chơi với người tốt, như vào nhà có tình thân thiết;
Theo học thầy hay, tựa may vào cửa nhiều bậc cao khoa.

學貴有恒 切莫半途而廢
才須積累 休忘一簣之功

*Học quý hữu hằng thiết mạc bán đồ nhi phế;
Tài tu tích lũy hữu vong nhất quý chi công.*
Học quý thường xuyên, chớ có giữa đường lại bỏ;
Tài cần tích lũy, đừng quên từng chút công lao.

讀萬卷書 還須行萬里路
享百年壽 何如作百世師

*Độc vạn quyển thư hoàn tu hành vạn lý lộ;
Hưởng bách niên thọ hà như tác bách thế sư.*
Độc sách vạn quyển, vẫn phải đi đường vạn dặm;
Hưởng thọ trăm năm, sao bằng làm thầy trăm đời.

丈夫當死 中圖生禍中求福
古人有困 而修德窮而著書

*Trượng phu đương tử trung đồ sinh họa trung cầu phúc;
Cổ nhân hữu khốn nhi tu đức cùng nhi trứ thư.*
Trượng phu trong chỗ chết tìm sống, cầu phúc trong họa;
Cổ nhân gặp khốn mà tu đức, viết sách lúc cùng.

春亦多情鳥向枝頭推筆意
人皆得意梅從窗外放詩懷

*Xuân diệc đa tình điểu hướng chi đầu thôi bút ý;
Nhân giai đắc ý mai tòng song ngoại phóng thi hoài.
Xuân cũng đa tình, chim hướng đầu cành giục ý bút;
Người mà đắc ý, mai ngoài cửa sổ thả hồn thơ.*

讀古人書須處地設身一想
論天下事要揆情度理三思

Độc cổ nhân thư tu xử địa thiết thân nhất tưởng;

Luận thiên hạ sự yêu quỹ tình độ lý tam tư.

Đọc sách người xưa, chỗ cư xử tự mình phải nghĩ;
Bàn việc thiên hạ, nơi xét tình ngẫm ngợi ba lần.

咬定几句有用書可以充飢
養成數竿新生竹直似儿孫

Giảo định kỷ cú hữu dụng thư khả dĩ sung cơ;

Dưỡng thành số can tân sinh trúc trực tự nhi tôn.

Chọn được vài câu sách dùng được, có thể no lòng;
Vun xới mấy hàng trúc mới mọc, cũng như cháu con.

天下奇觀看盡不如書卷好
世間滋味嘗來無過菜根香

Thiên hạ kỳ quan khan tận bất như thư quyển hảo;

Thế gian tư vị thường lai vô quá thái căn hương.

Xem đủ kỳ quan thiên hạ, chẳng bằng đọc sách hay;

Từng nếm vị lạ thế gian, chẳng qua hương rau cỏ.

何物動人二月杏花八月桂
有誰催我三更燈火五更雞

Hà vật động nhân nhị nguyệt hạnh tử nguyệt quế;

Hữu thủy thôi ngã tam canh đăng hỏa ngũ canh kê.

Vật gì nhắc mình, tháng hai mơ nở tháng tám quế;

Ai đó giục ta, canh ba đèn thấp canh năm gà.

貴有恒何必三更眠五更起
最無益莫過一日暴十日寒

Quý hữu hằng hà bất tam canh miên ngũ canh khởi;

Tối vô ích mạc quá nhất nhật bạo thập nhật hàn.

Cũng quý đây, việc gì canh ba năm canh năm dậy;
Thật vô ích, chẳng qua một ngày nóng mười ngày lạnh.

長 觀 皓 月
靜 讀 天 書

Trường quan hạo nguyệt;

Tĩnh độc thiên thư.

Ngắm nhìn trăng sáng;

Lặng đọc sách trời.

三 思 方 舉 步
百 折 不 回 頭

Tam tư phương cử bộ;

Bách chiết bất hồi đầu.

Ba lần nghĩ mới bước;

Trăm lần gầy chẳng ngoái.

有 容 德 乃 大
無 私 心 自 安

Hữu dung đức nãi đại;

Vô tư tâm tự an.

Khoan dung đức sẽ lớn;

Vô tư lòng tự yên.

高 懷 見 物 理
和 氣 得 天 真

Cao hoài kiến vật lý;

Hoà khí đắc thiên chân.

Nghĩ cao thấy lý vật;

Ôn hoà được tính trời.

氣 平 更 事 久
心 曠 得 春 多

Khí bình cánh sự cửu;

Tâm khoáng đắc xuân đa.

Khí bình làm việc lâu;

Lòng thoáng thấy vui nhiều.

清 思 抱 明 月
高 懷 對 古 松

Thanh tư bào minh nguyệt;

Cao hoài đối cổ tùng.

Lòng trong trùm trắng sáng;
Nghĩ cao sánh tùng già.

寧靜而致遠
澹泊以清心
*Ninh tĩnh nhi trí viễn;
Đạm bạc dĩ thanh tâm.*

Nên tĩnh mà nghĩ xa;
Đạm bạc để thanh tâm.

讓人非我弱
得志莫离群
*Nhượng nhân phi ngã nhuộc;
Đắc chí mạc ly quần.*
Nhường người ta không yếu;
Đắc chí chớ bỏ bầy.

高懷同霽月
雅量洽春風
*Cao hoài đồng tề nguyệt;
Nhã lượng hiệp xuân phong.*
Mong được vui cùng trăng;
Tao nhã tựa gió xuân.

有志肝膽壯
無私天地寬
*Hữu chí can đảm tráng;
Vô tư thiên địa khoan.*
Có chí giàu can đảm;
Vô tư rộng đất trời

慷慨丈夫心
鐵石豪傑心
*Khảng khái trượng phu chí;
Thiết thạch hào kiệt tâm.*
Khảng khái chí trượng phu;
Sắt đá tâm hào kiệt.

疾風知勁草
烈火見真金

Tật phong tri kính thảo;
Liệt hoả kiến chân kim.
Gió dữ biết cỏ cứng;
Lửa cao hay vàng thật.

名 利 淡 如 水
事 業 重 于 山
Danh lợi đạm như thủy;
Sự nghiệp trọng vu sơn.
Danh lợi nhạt như nước;
Sự nghiệp nặng tựa non.

虛 心 效 竹 節
人 品 似 蘭 馨
Hư tâm hiệu trúc tiết;
Nhân phẩm tựa lan hình.
Lòng rỗng như tiết trúc;
Nhân phẩm tựa lan thơm.

攀 山 將 勵 志
瞰 海 能 忘 憂
Phan sơn tương lệ chí;
Hám hải năng vong ưu.
Vịn núi khích lệ chí;
Ngó biển hay quên lo.

性 天 期 活 潑
心 地 尚 光 明
Tính thiên kỳ hoạt bát;
Tâm địa thượng quang minh.
Tính trời ưa hoạt bát;
Lòng đất chuộng quang minh.

竹 因 虛 受 益
松 以 靜 延 年
Trúc nhân hư thụ ích;
Tùng dĩ tĩnh diên niên.
Trúc nhờ rỗng có ích;
Tùng lấy tĩnh sống lâu.

心 寬 忘 地 窄
野 曠 覺 天 低

Tâm khoan rộng địa trách;
Dã khoáng giác thiên đề.
Lòng khoan quên hẹp đất;
Đất rộng biết thấp trời.

絕苟且之友
懷檢點之心
Tuyệt cầu thả chí hữu;
Hoài kiểm điểm chí tâm.
Bạn cầu thả, tuyệt giao;
Tự xét mình, luôn nhớ.

路遙知馬力
事久見人心
Lộ đao tri mã lực;
Sự cừu kiến nhân tâm.
Đường dài hay sức ngựa;
Việc lâu biết lòng người.

立意求清遠
平心對憎賢
Lập ý cầu thanh viễn;
Bình tâm đối mông hiền.
Lập ý cần sâu sắc;
Bình tâm trước ngu hiền.

清机發妙理
高步超常倫
Thanh cơ phát diệu lý;
Cao bộ siêu thường luân.
Thời cơ sinh diệu lý;
Cao bước vượt thói thường.

白眼觀天下
丹心報國家
Bạch nhãn quan thiên hạ;
Đan tâm báo quốc gia.
Mắt trắng nhìn thiên hạ;
Lòng son báo nước nhà.

不矜威益重
無私功自高

Bất cang uy ích trọng;

Vô tư công tự cao.

Không kiêu uy càng lớn;

Vô tư công tự cao.

閱歷知書味
艱難識世情

Duyệt lịch tri thư vị;

Gian nan thức thế tình.

Từng trải biết vị sách;

Gian nan biết tình đời.

生當作人杰
死亦爲鬼雄

Sinh đương tác nhân kiệt;

Tử diệc vi quỷ hùng.

Sống làm người hào kiệt;

Chết cũng là quỷ hùng.

平心嘗世味
含笑看人生

Bình tâm thường thế vị;

Hàm tiếu khán nhân sinh.

Bình tâm nếm thế vị;

Cười mỉm xem nhân sinh.

風從天幕出
雨過地清新

Phong tòng thiên mạc xuất;

Vũ quá địa thanh tân.

Gió đi trời thêm cao;

Mưa qua đất tươi mới.

有心作奉獻
無意寫雄篇

Hữu tâm tác phụng hiến;

Vô ý tả hùng thiên.

Có lòng làm dâng hiến;

Vô ý viết thiên hùng.

今日追先烈
未來屬后昆
*Kim nhật truy tiên liệt;
Vị lai thuộc hậu côn.
Ngày nay nhớ tiên liệt;
Tương lai thuộc cháu con.*

胸懷千里志
腳踏萬重山
*Hung hoài thiên lý chí;
Cước đạp vạn trùng san.
Lòng mang chí ngàn dặm;
Chân đạp vạn trùng non.*

心懸明鏡里
眼放碧天中
*Tâm huyền minh kính lý;
Nhãn phóng bích thiên trung.
Tâm gương sáng treo cao;
Mắt trời xanh bao quát.*

心清何懼鬼
氣順不隨仙
*Tâm thanh hà cù quỷ;
Khí thuận bất tùy tiên.
Tâm sáng sợ gì quỷ;
Khí thuận chẳng cần tiên.*

勁舞春心健
長歌濁氣清
*Kình vũ xuân tâm kiện;
Trường ca trọc khí thanh.
Múa khỏe lòng xuân mạnh;
Trường ca trọc khí thanh.*

寄意詩書外
行舟世事間
*Ký ý thi thư ngoại;
Hành chu thế sự gian.*

Gửi ý ngoài thi thư;
Cưỡi thuyền xem thế sự.

以讀書爲樂
求靜修至賢

*Dĩ độc thư vi lạc;
Cầu tĩnh tu chí hiền.*

Lấy đọc sách làm vui;
Cầu tĩnh sửa đến tốt.

靜思明事理
誠朴貫人生

*Tĩnh tư minh sự lý;
Thành phác quán nhân sinh.*

Lặng suy rõ sự việc;
Chất phác thấu nhân sinh.

留心千古事
放眼九天雲

*Lưu tâm thiên cổ sự;
Phóng nhãn cửu thiên vân.*
Lưu tâm việc muôn thuở;
Đưa mắt chín tầng mây.

長河歌浩蕩
滄海傲襟懷

*Trường hà ca hạo dăng;
Thương hải ngạo khâm hoài.*

Sông dài ca rộng lớn;
Biển xanh ngạo trong lòng.

曠野長驅馬
高山每放歌

*Khoáng dã trường khu mã;
Cao sơn mỗi phóng ca.*

Đồng rộng lo ruổi ngựa;
Núi cao thoả hát ca.

笑眼迎嘉客
高心讀史書

Tiểu nhân nghênh gia khách;
Cao tâm độc sử thư.
Mắt cười đón khách quý;
Lòng cao đọc sử thư.

秋 清 天 遠 大
水 靜 月 分 明
Thu thanh thiên viễn đại;
Thủy tĩnh nguyệt phân minh.
Trời thu xanh cao rộng;
Nước lặng trắng sáng ngời.

長 思 三 老 意
自 起 一 家 言
Trường tư tam lão ý;
Tự khởi nhất gia ngôn.
Mãi nghĩ tam lão⁽¹⁾ ý;
Nên ở nhất gia ngôn⁽²⁾.

望 日 气 浩 蕩
省 身 心 坦 然
Vọng nhật khí hạo dăng;
Tĩnh thân tâm thản nhiên.
Ngày rằm trời quang dăng;
Sửa mình lòng thản nhiên.

烹 茶 邀 上 客
種 竹 挹 高 風
Phanh trà yêu thượng khách;
Chủng trúc ấp cao phong.
Pha trà mời khách quý;
Trồng trúc giữ nếp cao.

懷 中 盈 日 月
眼 底 是 乾 坤
Hoài trung doanh nhật nguyệt;
Nhãn để thị càn khôn.

⁽¹⁾ Tam lão: Thượng thọ, trung thọ, hạ thọ.

⁽²⁾ Nhất gia ngôn: Lời một nhà, ý nói nêu được thuyết riêng.

Trong lòng đầy nhật nguyệt;
Đáy mắt đủ càn khôn.

魂牽墨苑追神韻
道系柴門逐俗聲

*Hồn khiên mực uyển truy thần vận;
Đạo hệ sài môn trục tục thanh.
Vườn mực dẫn hồn đua vãn lạ;
Cửa sài đưa đạo đuổi lời thô.*

書香臥榻甘詩夢
雪煮清茶洗俗腸

*Thư hương ngoạ tháp cam thi mộng;
Tuyết nấu trà tẩy tục trường.
Hương sách giường nằm thơ mộng đẹp;
Tuyết nấu trà thơm rửa ruột thô.*

聊借墨耕怡倦眼
且將文浪賦新詩

*Liêu tá mặc canh di quỵện nhãn;
Thả tương văn lãng phú tân thi.
Nhàn mượn bút nghiên thư mắt mỏi;
Lại đem văn tự viết tân thi.*

幾個清詞聯妙語
一杯白水伴奇書

*Kỷ cá thanh từ liên diệu ngữ;
Nhất bôi bạch thủy bạn kỳ thư.
Vài từ thanh nhã nên câu đối;
Một chung nước trắng bạn sách kỳ.*

曉月閑移三尺劍
孤燈苦對五更書

*Hiểu nguyệt nhàn di tam xích kiếm;
Cô đăng khổ đối ngũ canh thư.
Trăng sáng đeo chơi kiếm ba thước;
Đèn khuya mỗi đọc sách năm canh.*

文思苦撓兩鬢雪
筆意欣盈三月花

Văn tư khổ nhiều lương mấn tuyết;
Bút ý hân doanh tam nguyệt hoa.
Nghĩ văn mỗi một hai mai bạc;
Ý bút tràn vui ba tháng hoa.

讀世高天知學問
析疑靜夜啓玄机
Độc thế cao thiên tri học vấn;
Tích nghi tĩnh dạ khai huyền cơ.
Đọc đến trời cao biết sự học;
Giải ngờ đêm vắng mở huyền cơ.

長追墨趣氣脫俗
細品書香人自明
Trường truy mặc thú khí thoát tục;
Tế phẩm thư hương nhân tự minh.
Theo dõi bút mực chừng thoát tục;
Phẩm đẹp thư hương rạng vẻ người.

夢耽詩句久侵曉
神步史苑長未歸
Mộng耽 thi cú cửu xâm hiểu;
Thần bộ sử uyển trường vị quy.
Say mộng thơ ca lâu chẳng dậy;
Bước thần vườn sử mãi chưa về.

三年靜室追今古
一句新詩喜地天
Tam niên tĩnh thất truy kim cổ;
Nhất cú tân thi hỷ địa thiên.
Ba năm nhà vắng đọc xưa nay;
Một câu thơ mới mừng trời đất.

長耽學海追弘碩
乍啓重瞳識細微
Trường đam học hải truy hoằng thạc;
Sạ khai trùng đồng thức tế vi.
Lâu say biển học tìm sâu rộng;
Bỗng mở đôi trông thấy tóc tơ.

勤與學暑寒不易
謹而信小大由之

Cần dữ học thử hàn bất dịch;

Cần nhi tín tiểu đại do chi.

Cần với học ấm lạnh không đổi;

Cần mà tin to nhỏ đều xong.

奇書細品多滋味
益友切磋少謬然

Kỳ thư tế phẩm đa tư vị;

ích hữu thiết tha thiếu mậu nhiên.

Sách hay phẩm quý nhiều mùi vị;

Bạn tốt nghĩ sâu ít lỗi lầm.

考古酌今審時度勢
通中法外舍短取長

Khảo cổ chước kim thẩm thời độ thế;

Thông trung pháp ngoại xả đoản thủ trường.

Khảo cổ lựa kim, xét thời xem thế;

Thông trong học ngoài, bỏ ngắn lấy dài.

博采眾長獨辟蹊徑
陶鑄千古自成一家

Bác thái chúng trường độc ty khê kính;

Đào chú thiên cổ tự thành nhất gia.

Chọn rộng tài người, nhớ tránh đường hẻm;

Hun đúc ngàn năm, sẽ thành một nhà.

墨海遨遊情激硯岸
書山跋涉志聳毫峰

Mặc hải ngao du tình kích nghiễn ngạn;

Thư sơn bạt bộ chí tung hào phong.

Ngao du biển mực tình gửi bến nghiên;

Vượt qua non sách chí dựng cao vút.

賢者不虛生于宇宙
學人常會通乎古今

Hiền giả bất hư sinh vu vũ trụ;

Học nhân thường hội thông hồ cổ kim.

Hiền giả chẳng sống thừa trong trời đất;

Người học thường thông suốt cả xưa nay.

讀聖賢書行仁義事
立修養志存忠孝心

*Độc thánh hiền thư hành nhân nghĩa sự;
Lập tu dưỡng chí tồn trung hiếu tâm.*
Độc sách thánh hiền, làm việc nhân nghĩa;
Lập chí tu dưỡng, giữ lòng hiếu trung.

居近識遠處今知古
研經當理數文奏懷

*Cư cận thức viễn xử kim tri cổ;
Nghiên kinh thường lý phu văn tấu hoài.*
ở gần biết xa, làm nay hiểu xưa;
Nghiên kinh nắm lý, phô văn tỏ lòng.

學問無窮曾三□四
光明有限禹寸陶分

*Học vấn vô cùng Tăng tam Nhan tứ;
Quang minh hữu hạn Vũ thốn Đào phân.*
Học vấn không cùng, Tăng ba, Nhan bốn⁽¹⁾;
Quang minh có hạn, Vũ tác, Đào phân⁽²⁾.

欲立根基無如爲善
能光門第只有讀書

*Dục lập căn cơ vô như vi thiện;
Năng quang môn đệ chỉ hữu độc thư.*
Muốn xây nền tảng không gì bằng thiện;
Rạng danh môn đệ sách đọc nên chăm.

益智有珠比德于玉
學古爲鏡平理若衡

*Ích trí hữu châu tỷ đức vu ngọc;
Học cổ vi kính bình lý như hành.*
ích trí có châu, so đức với ngọc;
Lấy xưa làm gương, xét lý như cân.

開戶自精開卷有益
垂露在手清風入懷

⁽¹⁾ Tăng Sâm và Nhan Uyên.

⁽²⁾ Đại Vũ và Đào Đường

*Bế hộ tự tình khai quyển hữu ích;
Thùy lộ tại thủ thanh phong nhập hoài.*

Đóng cửa tự học, đọc sách có ích;
Sương đọng trên tay, gió mát vào lòng.

業精于勤 勤而能奮
行成于思 思則必學
Nghiệp tinh vu cần cần nhi năng phấn;

Hành thành vu tư tư tắc tất học.
Nghề tinh ở chăm, chăm hay phấn đấu;
Việc thành ở nghĩ, nghĩ ắt phải học.

聽琴明事理
望岳見崎嶇

*Thính cầm, minh sự lý;
Vọng nhạc kiến kỳ khu.*
Nghe đàn biết sự việc;
Ngó núi rõ gian truân.

樓高先得月
室靜好觀書

*Lâu cao tiên đắc nguyệt;
Thất tĩnh hảo quan thư.*
Lâu cao, trăng ngắm trước;
Nhà tĩnh, sách đọc hay.

長歌抒浩氣
奮筆吐豪情

*Trường ca trừ hạo khí;
Phấn bút thổ hào tình.*
Hát lâu dồn hạo khí;
Bút gắng nhả hào tình.

慎交游 勤耕讀
篤根本 去浮華

*Thận giao du cần canh độc;
Đốc căn bản khứ phù hoa.*
Giao du cần thận chăm cày đọc;
Gốc rễ vun trồng bỏ thói chơi.

靜坐當思己過
閑談莫論人非

Tĩnh tọa đương tư kỷ quá;
Nhàn đàm mạc luận nhân phi.
Ngồi vắng nên nghĩ lỗi mình;
Chuyện sông chớ bàn người trái.

安得盡如人意
但求無愧我心
An đắc tận như nhân ý;
Đãn cầu vô quý ngã tâm.
Đâu dễ làm vừa ý người;
Chỉ cần không thẹn lòng ta.

彈劍行歌五岳
讀書養氣三巴
Đàn kiếm hành ca ngũ nhạc;
Độc thư dưỡng khí tam ba.
Đàn kiếm rong ca ngũ nhạc⁽¹⁾;
Độc sách nuôi khí tam ba⁽²⁾.

獨坐只因天可對
野行常有月相隨
Độc tọa chỉ nhân thiên khả đối;
Dã hành thường hữu nguyệt tương tùy.
Ngồi độc chỉ mong trời đối mặt;
Chơi rông thường có ánh trăng theo.

聞思修道登真境
信願行門入淨堂
Văn tư tu đạo đăng chân cảnh;
Tín nguyện hành môn nhập tịnh đường.
Suy tư tu đạo lên chân cảnh;
Tín nguyện cửa vào đến tịnh đường.

隱於富貴清塵俗
樂是慈悲勸善人
Ẩn ư phú quý thanh trần tục;
Lạc thị từ bi khuyến thiện nhân.

⁽¹⁾ Ngũ nhạc: Năm ngọn núi lớn, Trung Quốc: Đông Nhạc Thái Sơn, Tây nhạc Hoa Sơn, Nam nhạc Hành Sơn, Bắc nhạc Hằng Sơn và Trung Nhạc Tung Sơn.

⁽²⁾ Tam ba: Ba vùng: Ba Quận, Ba Đông, Ba Tây.

Ăn ở giàu sang thanh trần tục;
Vui với từ bi khuyến thiện nhân.

間中檢點平生事
靜夜思量日所爲

*Nhàn trung kiểm điểm bình sinh sự;
Tĩnh dạ tư lường nhật sở vi.
Việc đời nghĩ lại khi nhàn hạ;
Ngày bận đêm về lại suy tư.*

有赫臨戎四千載鴻圖留勝跡
無疆錫福一方民赤子沐恩波

*Hữu hách lâm nhung, tứ thiên tải hồng đồ lưu thắng tích;
Vô cương tích phúc, nhất phương dân xích tử沐恩 ba.
Hiển hách chiến công, bốn năm bản đồ ghi dấu thắng;
Vô tư ban phúc, một phương trời dân chúng tắm ơn nhiều.*

普仗能仁德
同承慶喜恩

*Phổ trượng năng nhân đức;
Đồng thừa khánh hỷ ân.
Giúp đỡ là nhân đức;
Kế thừa được ơn vui.*

一花現瑞週沙界
五葉流芳遍大千

*Nhất hoa hiện thụy chu sa giới;
Ngũ diệp lưu phương biến đại thiên.
Một hoa hiện tốt vòng sa giới;
Năm lá hương đưa khắp đại thiên.*

祖是皇勳業猶然垂越史
族將大枝條長此拙茶山

*Tổ thị hoàng, hân nghiệp do nhiên thụy Việt sử;
Tộc tương đại, chi điều trường thử chuyết Trà sơn.
Tổ lớn thay, sự nghiệp vẫn còn lưu sử Việt;
Họ to thật, bao cành vươn khắp toả non Trà.*

無疆惟休奕葉雲仍憑后蔭
不顯亦世千秋陵廟凜英聲

Vô cương duy hữu, dịch điệp vân nhưng bằng hậu ám;
Bất hiển điệp thế, thiên thu lãng miếu lâm anh thanh.
Không đâu không tốt, thế thế mây lành che bóng lớn;
Chẳng gì chẳng lành, đời đời lãng miếu dấy danh thơm.

戈甲軫殷仇 鐵馬齊名驚北寇
山河恢越甸 金甌定宇壯南郊
Qua giáp chấn Ân cừu, thiết mã tề danh kinh Bắc khấu;
Sơn hà khôi Việt điện, kim ô định vũ tráng Nam giao.
Khí giới nhuộm thù Ân, ngựa sắt vang danh kinh giặc Bắc;
Non sông về điện Việt, âu vàng ổn định mạnh giao Nam.

九品蓮花垂接引
七重寶樹放光明
Cửu phẩm liên hoa thủy tiếp dẫn;
Thất trùng bảo thụ phóng quang minh.
Chín phẩm hoa sen luôn nối tiếp;
Bảy trùng cây báu toả quang minh.

崇恩遍覆菩提地
慶祝流芳般若門
Sùng ân biến phủ Bồ đề địa;
Khánh chúc lưu phương Bát nhã môn.
Đất Bồ đề được ơn đầy khắp;
Cửa Bát nhã mừng chúc thơm nhiều.

不動真如相
無移自在身
Bất động chân như tướng;
Vô di tự tại thân.
Chẳng động tướng chân như;
Không dời thân tự tại.
積累祖功千古仰
炳彪將業歷朝封
Tích lũy tổ công thiên cổ ngưỡng;
Bính bưu tướng nghiệp lịch triều phong.
Ngàn thuở tổ công cần gìn giữ;
Các triều nghiệp tướng vẫn sáng soi.

卓偉凜鳴勳前朝名將
昆皇隆贈典上等福神

*Trác vĩ lâm minh huân, tiền triều danh tướng;
Côn hoàng long tặng điển, thượng đẳng phúc thần.
Sự nghiệp tướng công huân, vang danh triều trước;
Huy hoàng thần sắc tặng, thượng đẳng thời nay.*

生爲將化爲神歷代褒封名不朽
光於前垂於後千秋憑藉福長留

*Sinh vi tướng, hoá vi thần, lịch đại bao phong danh bất hủ;
Quang ư tiền, thuy ư hậu, thiên thu bằng tạ phúc trường lưu.
Sống là tướng, chết thành thần, trải mấy triều tên vang bất hủ;
Trước vẻ vang, sau hưởng lộc, ngàn thu để phúc được dài lâu.*

不有西來船安知寶筏慈航爲萬家佛
了得南無偈方識祈園驚嶺是三界神

*Bất hữu Tây lai thuyền, an tri Bảo phiệt Từ hàng vi vạn gia Phật;
Liễu đắc nam mô kệ, phương thức Kỳ viên Thửu linh thị tam giới Thần.
Chẳng có thuyền Tây đến, đâu hay Bảo phiệt Từ hàng là vạn nhà Phật;
Hiếu được kệ Nam mô, mới biết Kỳ viên Thửu linh ấy ba giới Thần.*

啓教仗慈光結集靈文三寶藏
永承憑聖德弘施妙手一楊枝

*Khải giáo trượng từ quang, kết tập linh văn tam bảo tạng;
Vĩnh thừa bằng thánh đức, hồng thi diệu thủ nhất dương chi.
Giáo hoá dựa lòng từ, kết tập văn thiêng ba bảo tạng;
Kế thừa theo đức thánh, từng vung tay khéo một cành dương.*

空中佛眼無私照
座上金身不染塵

*Không trung Phật nhãn vô tư chiếu;
Toạ tượng kim thân bất nhiễm trần.
Tầng không mắt Phật không riêng chiếu;
Trên tòa thân kim chẳng bụi trần.*

歷朝敕贈陳王顯
萬古靈聲國史傳

*Lịch triều sắc tặng Trần vương hiển;
Vạn cổ linh thanh quốc sử truyền.*

Trần vương hiển các triều sắc tặng;
Sử nước truyền vạn thuở anh linh.

國史書名心對乾坤完孝義
海波顯蹟水流晝夜效靈聲
*Quốc sử thư danh, tâm đối càn khôn hoàn hiếu nghĩa;
Hải ba hiển tích, thủy lưu trú dạ hiệu linh thanh.*

Sử nước chép tên, lòng đối đất trời tròn hiếu nghĩa;
Hải triều hiển tích, ngày đêm nước chảy tỏ anh linh.

自天星降塵一本鴻龐後裔
爲生民立業三座鄰邑遺臨
*Tự thiên tinh giáng trần, nhất bản Hồng Bàng hậu duệ;
Vi sinh dân lập nghiệp, tam toà lân ấp di lâm.*

Tự sao trời giáng trần, một gốc Hồng Bàng hậu duệ;
Vì dân sinh lập nghiệp, ba toà thôn xóm phụng thờ.

崇祠巍業存千古
寶命輝煌永萬年

*Sùng từ nguy nghiệp tồn thiên cổ;
Bảo mệnh huy hoàng vĩnh vạn niên.
Đền thờ nghiệp lớn còn nghìn thuở;
Mệnh quý huy hoàng mãi vạn năm.*

北地奉迎始於漢帝
南天崇尚盛自陳朝

*Bắc địa phụng nghênh thủy ư Hán đế;
Nam thiên sùng thượng thịnh tự Trần triều.*

Đất Bắc đón thờ kể từ vua Hán;

Trời Nam sùng chuộng thịnh ở triều Trần.

慈心普施十方春臺壽域
慧眼通知三界寒谷隆座

*Từ tâm phổ thí thập phương xuân đài thọ vực;
Tuệ nhãn thông tri tam giới hàn cốc long toà.
Lòng từ ban rộng mười phương đài xuân đất thọ;
Mắt tuệ biết thông ba giới non lạnh toà xây.*

玉色降皇宮九龍噴水
金身修雪嶺百鳥獻花

Ngọc sắc giáng hoàng cung, cửu long phun thủy;
Kim thân tu tuyết linh, bách điều hiển hoa.
Sắc ngọc giáng cung vua, chín rồng phun nước;
Thân vàng tu núi tuyết, chim chóc dâng hoa.

明鏡臺高紅塵不染
寶池澤潤清水無邊
Minh kính đài cao hồng trần bất nhiễm;
Bảo trì trạch nhuận thanh thủy vô biên.
Gương sáng nơi lầu cao đâu lấm bụi;
Ao trong chỗ nước thoáng chẳng vương nhơ.

驥足自堪馳世路
猿心無處入禪門
Ký túc tự kham trì thế lộ;
Viên tâm vô xứ nhập thiền môn.
Vó tuấn mã đường đời chẳng nệ;
Lòng vượn kia cửa Phật vô duyên.

教友往來弘誓願
佛堂修念道爲師
Giáo hữu cùng lai hoàng thệ nguyện;
Phật đường tu niệm đạo vi sư.
Giáo hữu vào ra cùng thệ nguyện;
Phật đường tu niệm đạo là thầy.

九品蓮臺金相端嚴垂接引
七靈寶樹玉毫閃爍放光明
Cửu phẩm liên đài, kim tướng đoan nghiêm thủy tiếp dẫn;
Thất linh bảo thụ, ngọc hào thiêm thước phóng quang minh.
Cửu phẩm đài sen kim tướng đoan nghiêm buông tiếp dẫn;
Thất linh cây báu ngọc hào sáng tỏa phóng quang minh.

燭暗導迷天上日
開權顯實聖中王
Chúc âm đạo mê thiên thượng nhật;
Khai quyền hiển thực thánh trung vương.
Soi tối chỉ mê mặt trời đỏ;
Mở quyền hiển thực thánh vương đây.

越國英雄興道將
藤江大破寇元兵

Việt quốc anh hùng Hưng Đạo tướng;
Đằng giang đại phá khấu Nguyên binh.
Anh hùng nước Việt Trần Hưng Đạo;
Đại phá giặc Nguyên giải Bạch Đằng.

聖德匡扶金本富
神功濟度貴鄉豐

Thánh đức khuông phù Kim Bản phú;
Thần công tế độ Quý Hương phong.
Kim Bản giàu lên nhờ thánh giúp;
Quý Hương được khá bởi thần cho.

天固縱之鐘梅水毓龍岡出之爲宇宙撐
扶兩朝勳烈
神之吊矣扇楊春沛高雨賁然使山川精
彩萬禡聲靈

Thiên cố túng chi, Chung Mai thủy dục Long cương xuất chi vì
vũ trụ, xanh phù lương triều huân liệt;
Thần chi điệu hĩ, Phiến Dương xuân báı cao vũ, bí nhiên sử
sơn xuyên tinh thái vạn tự thanh linh.
Trời đã cho rồi, Chung Mai nước dưng dồi rỗng xuất hiện,
vì trời đất giúp hai triều lập công lớn;
Thần cũng thương vậy, Phiến Dương xuân tươi mưa lớn lại về,
khiến non sông tươi vạn sắc thiêng liêng.

堂樹深培葩繼發
天潢派衍水流長

Đường thụ thâm bồi ba kế phát;
Thiên hoàng phái diễn thủy lưu trường.
Cây tổ trồng sâu hoa tiếp nở;
Giòng đời chia chảy nước trường lưu.

厚基系衍初生蔕
善宅枝延昔樹花

Hậu cơ hệ diễn sơ sinh diệp;
Thiên trạch chi diên tích thụ hoa.
Vững nền cây tiếp vừa sinh nhánh;
Nhà thiện cành đẹp lại nở hoa.

庶系繁昌憑厚蔭
歷傳豪佐貴前功

*Thứ hệ phồn xương bằng hậu ảm;
Lịch truyền hào hựu bí tiền công.
Các hệ phồn vinh nhờ phúc ảm;
Nhiều đời cố gắng tỏ công xưa.*

名山擬尋見聞錄
寰海猶多格致書

*Danh sơn nghị tầm kiến văn lục;
Hoàn hải do đa cách trí thư.
Chép nghe thấy núi non dễ kiếm;
Viết điều hay trời biển còn nhiều.*

有植斯深木蔭裁餘宜得實
惟悠故遠河流分處即爲源

*Hữu thực tư thâm, mộc ảm tài dư nghi đắc thực;
Duy du cố viễn, hà lưu phân xử tức vi nguyên.
Có gốc sâu dày, cây lớn cành nhiều nên được quả;
Suy tư cội cũ, sông dài chia nhánh vẫn là nguồn.*

脈引山腰礪石象
案浮水面峙雙魚

*Mạch dẫn sơn yêu bàn thạch tượng;
Án phù thủy diện trĩ song ngư.
Tượng đá vòng chia bên sườn núi;
Song ngư nổi rõ trước nước sông.*

蓮賦扇銘遠懷祖德
前池昔樹長引清芬

*Liên phú phiến minh viễn hoài tổ đức;
Tiền trì tích thụ trường dẫn thanh phân.
Cảm đức tổ làm thơ sen viết quạt;
Hương thơm bay nhớ cây cũ ao xưa.*

落花輕著地
流水入清弦

*Lạc hoa khinh trước địa;
Lưu thủy nhập thanh huyền.
Hoa rơi nhẹ trên đất;
Nước chảy tiếng đàn trong.*

觀竹梅以養性
聽松濤而壯懷

*Quan trúc mai dĩ dưỡng tính;
Thính tùng đào nhi tráng hoài.*

Nhìn trúc mai để dưỡng tính;
Nghe tùng sóng mà tráng hoài (làm lớn hoài bão của mình).

多栽翠竹搖清影
獨上高樓看遠天

*Đa tài thuý trúc dao thanh ảnh;
Độc thượng cao lâu khán viễn thiên.*

Thuý trúc trồng nhiều lay bóng mát;
Lầu cao đứng ngắm thấy trời xa.

天地入胸誠言醒世
文章有道哲理驚人

*Thiên địa nhập hung thành ngôn tỉnh thế;
Văn chương hữu đạo triết lý kinh nhân.*

Trời đất vào tim thành ngôn tỉnh thế;
Văn chương có đạo triết lý kinh nhân.

梅花香馥琴心古
文筆縱橫鶴步閑

*Mai hoa hương phức cầm tâm cổ;
Văn bút tung hoành hạc bộ nhàn.*

Mai hoa hương ngát đàn tâm cổ;
Văn bút tung hoành bước hạc nhàn.

懷若竹虛臨曲水
氣同蘭靜在春風

*Hoài nhược trúc hư lâm khúc thủy;
Khí đồng lan tĩnh tại xuân phong.*

Lòng tựa trúc kia bên sông lượn;
Khí như lan nọ ở gió xuân

刪繁就簡三秋樹
領異標新二月花

*San phồn tựu giản tam thu thụ;
Linh dị tiêu tân nhị nguyệt hoa.*

Bỏ phen đến giản tam thu mộc;
Nhận lạ nêu tân nhị nguyệt hoa.

百年人物存公論
四海虛名只憾顏

*Bách niên nhân vật tồn công luận;
Tứ hải hư danh chỉ hãn nhan.*

Nổi tiếng trăm năm còn công luận;
Hư danh bốn biển chỉ nhọc lòng.

春風大雅能容物
秋水文章不染塵

*Xuân phong đại nhã năng dung vật;
Thu thủy văn chương bất nhiễm trần.*

Xuân phong đại nhã bao dung vật;
Thu thủy văn chương chẳng nhiễm trần.

舉賢任能興國計
拋窮致富利民生

*Cử hiền nhậm năng hưng quốc kế;
Phao cùng trí phú lợi dân sinh.*

Bổ nhiệm hiền năng hưng quốc kế;
Xóa nghèo, giàu có lợi dân sinh.

水能性澹爲吾友
竹解心虛是我師

*Thủy năng tính đạm vi ngô hữu;
Trúc giải tâm hư thị ngã sư.*

Nước luôn tính đạm làm bạn hữu;
Trúc giải tâm không xứng bậc thầy.

胸有智珠終日潤
心如寶鑑一身明

*Hung hữu trí châu chung nhật nhuận;
Tâm như bảo giám nhất thân minh.*

Ngực có hạt châu chung nhật thắm;
Lòng như gương báu một thân minh.

有關家國書常讀
無益身心事莫爲

*Hữu quan gia quốc thư thường đọc;
Vô ích thân tâm sự mạc vi.*

Nhà, nước biết lo sách thường đọc;
Thân, tâm vô cảm việc chẳng làm.

室有芝蘭氣味別
胸無城府天地寬

*Thất hữu chi lan khí vị biệt;
Hung vô thành phủ thiên địa khoan.*

Nhà có chi lan khí vị lạ;
Người không thành phủ trời đất khoan.

每臨大事有靜氣
不信今時無古賢

*Mỗi lâm đại sự hữu tĩnh khí;
Bất tín kim thời vô cổ hiền.*

Mỗi khi đại sự có tĩnh khí;
Đâu biết ngày nay không cổ hiền.

胸中存事業
筆底鼓風濤

*Hung trung tồn sự nghiệp;
Bút để cổ phong đào.*

Trong lòng còn sự nghiệp;
Nhắc bút dấy sóng gió.

開圖草裡驚蛇亂
下筆階前掃葉忙

*Khai đồ thảo lý kinh xà loạn;
Hạ bút giai tiền tảo diệp mang.*
Mở đường trong cỏ kinh loài rắn;
Hạ bút trước thềm quét lá đầy.

立身只覺乾坤小
放眼始知宇宙寬

*Lập thân chỉ giác càn khôn tiểu;
Phóng nhãn thuỷ tri vũ trụ khoan.*

Lập thân chỉ thấy càn khôn nhỏ;
Phóng mắt mới hay vũ trụ khoan (rộng lớn).

山高自有人行路
海闊不乏破浪舟

*Sơn cao tự hữu nhân hành lộ;
Hải khoát bất pháp phá lãng chu.*

Non cao tự có người leo tới;
Bể rộng lo gì kẻ vượt khơi.

書山有路勤爲徑
學海無涯苦作舟

Thư sơn hữu lộ cần vi kính;

Học hải vô nhai khổ tác châu.

Núi sách có đường, chuyên cần đi tắt;
Bể học vô bến, phải khổ làm thuyền.

雅琴飛白雪
高論橫青雲

Nhã cầm phi bạch tuyết;

Cao luận hoành thanh vân.

Đàn hay bay tuyết trắng;

Cao luận sánh mây xanh.

瘦影當窗梅得月
涼雲滿地竹籠煙

Sấu ảnh đương song mai đắc nguyệt;

Lương vân mãn địa trúc lung yên.

Bóng mảnh bên song mai sánh nguyệt;

Mây lành phủ đất trúc lồng yên.

政以德成一人有喜
福從天降萬壽無疆

Chính dĩ đức thành nhất nhân hữu hỷ;

Phúc tông thiên giáng vạn thọ vô cương.

Chính trị lấy đức thành người người vui vẻ;

Phúc lành theo trời giáng vạn thọ vô cương.

芳草有情皆礙馬
好雲無處不遮樓

Phương thảo hữu tình giai ngại mã;

Hảo vân vô xứ bất giã lâu.

Cỏ thơm có tình khiến ngựa đứng;

Mây lành không xứ chẳng che lầu.

筆架硯池辭海
詩花墨雨書林

Bút giá nghiên trì từ hải;

Thi hoa mặc vũ thư lâm.

Bút giá nghiên ao lời tựa bể;
Thơ hoa mực vũ sách như rừng.

入室詩書多少事
開軒山邑有無中
*Nhập thất thi thư đa thiểu sự;
Khai hiên sơn ấp hữu vô trung.*
Vào cửa thi thư bao nhiêu việc;
Mở hiên ấp núi hữu vô trung.

木本水源憑原蔭
星移物換幾因由
*Mộc bản thủy nguyên bằng nguyên âm;
Tinh di vật hoán kỷ nhân do.*
Cây gốc nước nguồn bao phúc âm;
Sao dời vật đổi mấy nguyên do.

窗含春色墨生艷
筆吐真情詩出新
*Song hàm xuân sắc mực sinh diễm;
Bút thổ chân tình thi xuất tân.*
Song ngậm sắc xuân sinh hoa mực;
Bút phô tình thực xuất tân thi.

貞如翠竹明于雪
靜似蒼松矯若龍
*Trinh như thủy trúc minh vu tuyết;
Tĩnh tự thương tùng kiêu nhược long.*
Trinh như trúc biếc minh về tuyết;
Tĩnh tựa tùng xanh uốn giống rồng.

琴言清若水
詩夢暖於春
*Cầm ngôn thanh nhược thủy;
Thi mộng noãn ư xuân.*
Tiếng cầm trong giống nước;
Thơ mộng ấm như xuân.

無私無畏千秋正氣
至大至剛萬古長春

Vô tư vô úy thiên thu chính khí;
Chí đại chí cương vạn cổ trường xuân.
Không riêng không sợ nghìn thu chính khí;
Chí đại chí cương muôn thuở trường xuân.

虹雨隨心翻作浪
青山著意化為橋

Hồng vũ tùy tâm phiên tác lãng;

Thanh sơn trước ý hoá vị kiều.

Mưa ráng tùy lòng mà dậy sóng;

Non xanh nẩy ý hoá thành cầu.

楊柳不隨春色老
勁松唯有歲寒知

Dương liễu bất tùy xuân sắc lão;

Kình tùng duy hữu tuế hàn tri.

Dương liễu chẳng theo xuân già lão;

Kình tùng chỉ có rét biết thôi.

青山不墨千秋畫
流水無弦萬古詩

Thanh sơn bất mặc thiên thu hoạ;

Lưu thủy vô huyền vạn cổ thi.

Non xanh không mực nghìn thu hoạ;

Nước chảy không đàn muôn thuở thi.

議論不隨流俗變
襟懷聊與水雲間

Nghị luận bất tùy lưu tục biến;

Khâm hoài liêu dữ thủy vân gian.

Nghị luận chẳng theo dòng tục biến;

Tám lòng cùng với nước mây còn.

晨窗几靜安平日
草屋風清自在年

Thần song kỷ tĩnh an bình nhật;

Thảo ốc phong thanh tự tại niên.

Song mai án tĩnh yên bình vậy;

Nhà cỏ gió thanh mãn nguyện rồi.

與有肝膽人共事
從無字句處讀書

Dữ hữu can đảm nhân cộng sự;

Tòng vô tự cú xử độc thư.

Cùng kẻ can trường mà cộng sự;

Đến nơi ít chữ để đọc thư.

世間有水皆歸海

天下無山不是雲

Thế gian hữu thủy giai quy hải;

Thiên hạ vô sơn bất thị vân.

Sông khắp thế gian đều về biển;

Núi trong thiên hạ đọng ấy mưa.

春風來時宜會良友

秋月明處常思故鄉

Xuân phong lai thời nghi hội lương hữu;

Thu nguyệt minh xử thường tư cố hương.

Lúc gió xuân về họp cùng bạn tốt;

Nơi trăng thu sáng thường nhớ quê hương.

天賦清高絕流俗

老垂著作貽子孫

Thiên phú thanh cao tuyệt lưu tục;

Lão thuỳ trước tác di tử tôn.

Trời phú thanh cao, biệt trần tục;

Già lưu trước tác, di tử tôn.

頭養人生陶情翰墨

溫清品性得趣竹蘭

Di dưỡng nhân sinh đào tình hàn mặc;

Ôn thanh phẩm tính đắc thú trúc lan.

Nuôi dưỡng nhân sinh thoả tình bút mực;

Ấm trong phẩm tính hưởng thú trúc lan.

常居名山得遠志

偶撫貞松探茯苓

Thường cư danh sơn đắc viễn chí;

Ngẫu phủ trình tùng thám phục linh.

Thường cư danh sơn gặp viễn chí;
Ngẫu vô tùng già được phục linh.

小隱樓頭容世變
高懷籬外飽霜開

*Tiểu ẩn lầu đầu dung thế biến;
Cao hoài ly ngoại bão sương khai.*

Ẩn náu trên lầu dung thế biến;
Vọng hoài ngoài dậu ngập sương dâng.

萬物靜觀皆自得
四時佳興與人同

*Vạn vật tĩnh quan giai tự đắc;
Tứ thời giai hứng dữ nhân đồng.*

Muôn vật lặng nhìn đều thích cả;
Bốn mùa hứng thú với người cùng.

世間清品至蘭極
賢者虛懷與竹同

*Thế gian thanh phẩm chí lan cực;
Hiền giả hư hoài dữ trúc đồng.*

Thế gian phẩm hạnh lan tốt bậc;
Hiền giả vọng hoài trúc tương đồng.

風雨多經人不老
關山初度路猶長

*Phong vũ đa kinh nhân bất lão;
Quan sơn sơ độ lộ do trường.*

Mưa gió trải nhiều người bất lão;
Quan sơn vừa vượt lộ còn dài.

祖功宗德培之遠
子孝孫慈繼也長

*Tổ công tông đức bồi chi viễn;
Tử hiếu tôn từ kế dã trường.*

Tổ công tông đức còn thơm dấu;
Cháu thảo con hiền sáng mãi gương.

紙上得來終覺淺
心中悟出始知深

*Chí thượng đắc lai chung giác thiển;
Tâm trung ngộ xuất thủy tri thâm.*

Trên giấy bày dòng chung cục thiện;
Trong lòng ngộ xuất mới biết sâu.

事能知足心常愜
人到無求品自高

*Sự năng tri túc tâm thường khiếp;
Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao.*

Việc luôn biết đủ tâm thường thoả;
Người chẳng mưu cầu phẩm hạnh cao.

品若梅花香在骨
人如秋水玉爲神

*Phẩm nhưc mai hoa hương tại cốt;
Nhân như thu thủy ngọc vi thần.*

Phẩm hạnh giống mai hoa thơm cốt cách;
Con người như thu thủy quý tinh thần.

雲鶴有奇翼
海鷗無世情

*Vân hạc hữu kỳ dực;
Hải âu vô thế tình.*

Vân hạc bay về điểm hản lạ;
Hải âu lướt cánh thế tình không.

水清魚讀月
山靜鳥談天

*Thủy thanh ngư đọc nguyệt;
Sơn tĩnh diều đàm thiên.*

Nước trong cá đọc nguyệt;
Non tĩnh diều đàm kinh.

鳳翥王開大昌筆陣
龍翔四海以書會友

*Phượng chủ vương khai đại xướng bút trận;
Long tường tứ hải dĩ thư hội hữu.*

Phượng liệng vương khai vẽ vang bút trận;
Rồng bay bốn biển hội họp bạn bè.

道通天地有形外
思入風雲變幻中

*Đạo thông thiên địa hữu hình ngoai;
Tư nhập phong vân biến ảo trung.*

Đạo thông trời đất hữu hình ngoại;
Ý nhập gió mây biến ảo trung.

道心澹泊對流水
字體變化如浮雲

Đạo tâm đạm bạc đối lưu thủy;
Tự thể biến hoá như phù vân.
Đạo tâm bình tĩnh trước dòng chảy;
Tự thể đổi thay tựa mây vẩn.

酒香留客住
詩好帶風吟

Tửu hương lưu khách trú;
Thi hảo đới phong ngâm.

Rượu quý lưu khách trú;
Thơ hay sính ca ngâm.

浮生榮辱公能忘
老味鹹酸我亦諳

Phù sinh vinh nhục công năng vong;
Lão vị hàm toan ngã diệc am.

Cuộc đời vinh nhục ông đừng nhớ;
Già nếm mặn cay tôi đã từng.

大器量天空海闊
真聰明岳峽淵淳

Đại khí lượng thiên không hải khoáng;
Chân thông minh nhạc áo uyển đình.
Đại độ lượng như trời cao biển rộng;
Cực thông minh tựa núi lớn vực sâu.

不敢妄為些許事
只因多讀數行書

Bất cảm vọng vi ta hứa sự;
Chỉ nhân đa độc số hàng thư.
Không dám làm xằng, ít hện việc;
Chỉ do ham đọc, mấy hàng thư.

眼中淪海小
衣上白雲多

Nhãn trung luân hải tiểu;
Y thượng bạch vân đa.

Trong mắt sóng biển nhỏ;
Trên khăn mây trắng nhiều.

春 舊 花 不 落
風 靜 月 常 明

*Xuân cũ hoa bất lạc;
Phong tĩnh nguyệt thường minh.*
Xuân cũ hoa không rụng;
Gió yên nguyệt thường trong.

大 漠 孤 煙 直
長 河 落 日 圓

*Đại mạc cô yên trực;
Trường hà lạc nhật viên.*
Sa mạc lớn làm trơ cột khói đứng;
Đại giang dài lơ lửng mặt trời tròn.

畫 意 詩 情 景 無 盡
春 風 秋 月 趣 常 殊

*Hoạ ý thi tình cảnh vô tận;
Xuân phong thu nguyệt thú thường thù.*
Ý tranh tình thơ cảnh vô tận;
Gió xuân thu nguyệt thú lạ thường.

美 酒 飲 於 微 醉 後
好 花 看 到 半 開 時

*Mỹ tửu ẩm ư vi túy hậu;
Hảo hoa khán đáo bán khai thì.*
Rượu ngon uống sau lúc đã hơi say;
Hoa đẹp xem khi vừa hé nở.

心 無 俗 慮 精 神 爽
室 有 清 淡 智 慧 開

*Tâm vô tục lự tinh thần sảng;
Thất hữu thanh đạm trí tuệ khai.*
Lòng không suy nghĩ tinh thần sáng;
Nhà có thanh cao trí tuệ sinh.

勤 儉 別 懸 心 上 鏡
孝 慈 深 印 腦 中 筋

*Cần kiệm biệt huyền tâm thượng kính;
 Hiếu từ thâm ấn não trung cân.
 Cần kiệm nếu cao gương sáng láng;
 Hiếu từ sâu nặng lỗi bên lâu.
 (Nhà thờ họ Đặng, Nam Đàn)*

大國不易教不遍俗且尊崇之亦信斯文原有用
 吾儒要通經要識時無拘固也尚思聖訓永相敦

*Đại quốc bất dịch giáo, bất biến tục, thờ tôn sùng chí,
 diệc tín tư văn nguyên hữu dụng;
 Ngô nho yếu thông kinh, yếu thức thời, vô câu cố dã,
 thượng tư thánh huấn vĩnh tương đồn.
 Nước lớn nguyên giáo hoá, nguyên phong tục, văn tin cần,
 lại tôn sùng văn hoá này đắc dụng;
 Nhà Nho phải thông kinh, phải thức thời, không câu nệ,
 chuộng tư thánh, đạo xưa dạy dài lâu.*

士夫報答謂何哉朝廷選就之思國家崇尚之意
 世道維持視此耳禮樂衣冠所萃聲名文物所都

*Sĩ phu báo đáp ư hà tại! Triều đình tuyển tựu chi ân,
 quốc gia sùng thượng chí ý;
 Thế đạo duy trì thị thử nhĩ! Lễ nhạc y quan sở tuy,
 thanh danh văn vật sở đô.
 Sĩ phu báo đáp những gì thay! Ôn tuyển chọn của triều đình,
 dụng ý quốc gia sùng chuộng;
 Thế đạo duy trì nhờ đây vậy! Lễ nhạc y quan họp lại,
 xứng nơi văn vật thanh danh.*

奎星天朗人文闡
 碧水春深道脈長
*Khuê tinh thiên lãng nhân văn xiển;
 Bích thủy xuân thâm đạo mạch trường.
 Sao khuê, trời sáng, nhân văn tỏ;
 Nước biếc, xuân sâu, đạo mạch dài.*

熙朝粉飭隆文治
 傑閣真藏集大觀
*Hy triều phấn sức long văn trị;
 Kiệt các chân tàng tập đại quan.
 Triều thịnh điểm tô văn trị thịnh;
 Góc cao tàng giữ đại quan thành.*

車書共道今天下
科甲聯題古學宮

*Xa thư cộng đạo kim thiên hạ;
Khoa giáp liên đề cổ học cung.*

Xa thư một môi thiên hạ tại;
Khoa giáp liên đề nhà học xưa.

科甲中來名不朽
宮牆望外道彌尊

*Khoa giáp trúng lai danh bất hủ;
Cung tường vọng ngoại đạo di tôn.
Khoa giáp trúng rồi, tên không nát;
Học đường vọng ngoại, đạo càng cao.*

立人標表開人徑
度世津梁覺世關

*Lập nhân tiêu biểu khai nhân kính;
Độ thế tân lương giác thế quan.
Cốt yếu lập nhân khai đường tắt;
Giúp đời phương cách biết đường đi.*

慶瑞一峰高玉佩
築鯨傳勝跡
釣臺雙廟峙靈金
耀斗護神光

*Khánh Thụy nhất phong cao, ngọc bội trúc kinh truyền thắng tích;
Điếu đài song miếu trĩ, linh kim diệu đấu hộ thần quang.
Khánh Thụy một ngọn cao, ngọc bội dựng xây truyền thắng tích;
Điếu đài đôi miếu lập, rùa vàng soi rọi hộ thần quang.*

故殿湖山留旺氣
新祠香火接餘靈

*Cố điện hồ sơn lưu vượng khí;
Tân từ hương hoả tiếp dư linh.
Hồ núi đô xưa lưu vượng khí;
Tân từ hương hoả tiếp dấu thiêng.*

人間文學無權全憑陰德
天上主可有眼單有心田

*Nhân gian văn học vô quyền, toàn bằng âm đức;
Thiên thượng chủ khả hữu nhãn, đơn hữu tâm điền.*

Sự học nhân gian chẳng quyền hành, dựa vào âm đức;
Trên cao công trời còn có mắt, nhìn rõ tâm diên.

論事常存忠厚心 勿大分黑白
爲文不作輕薄語 徒自逞雌黃

Luận sự thường tồn trung hậu tâm, vật đại phân hắc bạch;

Vì văn bất tác khinh bạc ngữ, đồ tự sinh thư hoàng.

Bàn luận việc giữ lòng trung hậu, chớ phân chia đen trắng;

Làm văn đừng ngụ ý bạc khinh, tự chuốc lấy chê bai.

紫氣光回天咫尺

紅塵望隔水東南

Tử khí quang hồi thiên chỉ xích;

Hồng trần vọng cách thủy đông nam.

Khí tía rọi về trời gang tấc;

Bụi hồng cách nẻo nước về đông.

不厭湖上月

宛在水中央

Bất yếm hồ thượng nguyệt;

Uyển tại thủy trung ương.

Chẳng chán trăng trên hồ;

Vẫn như giữa làn nước.

靈湖浩水隨緣渡

塵境仙洲有路通

Linh Hồ, Nhược thủy tùy duyên độ;

Lộ cảnh, tiên châu hữu lộ thông.

Linh Hồ, Nhược thủy theo duyên tới;

Trần cảnh, cõi tiên có đường thông.

綠青依舊色

黃白拜新年

Lục thanh y cựu sắc;

Hoàng bạch bái tân niên.

Biếc xanh vẫn như cũ;

Vàng trắng bái tân niên.

一塵無染色

四序皆常春

Nhất trần vô nhiễm sắc;
Tứ tự giai thường xuân.
Bụi trần không một hạt;
Hết thầy xuân bốn mùa.

九天日月開新運
萬國笙歌醉太平

Cửu thiên nhật nguyệt khai tân vận;
Vạn quốc sênh ca túy thái bình.

Nhật nguyệt chín tầng khai vận mới.
Vạn quốc sênh ca túy thái bình.

五色雲中開曉日
萬年枝上動春風

Ngũ sắc vân trung khai hiều nhật;
Vạn niên chi thượng động xuân phong.

Năm sắc trong mây khai ngày hừng;
Muôn năm trên cành chuyển gió xuân.

四海風光隨處好
滿天雨露應時新

Tứ hải phong quang tùy xứ hảo;
Mãn thiên vũ lộ ứng thời tân.

Bốn bể phong quang nơi nơi tốt;
Đầy trời mưa móc ứng thời tân.

一庭花影三更月
十里松陰百道泉

Nhất đình hoa ảnh tam canh nguyệt;
Thập lý tùng âm bách đạo tuyền.

Mười dặm bóng tùng trăm nẻo suối;
Một sân hoa ảnh nửa đêm trăng.

和氣盈門迎瑞氣
春光滿眼映文光

Hoà khí doanh môn nghênh thủy khí;
Xuân quang mãn nhãn ánh văn quang.

Hoà khí đầy nhà mừng thủy khí;
Xuân quang ngợp mắt ánh văn quang.

堂上椿萱輝旭日
階前蘭桂長春風

Đường thượng xuân huyền huy hức nhật;

Giai tiền lan quế trường xuân phong.

Trên nhà cha mẹ vui rạng rỡ;

Dưới thềm con cháu hưởng gió xuân.

鶯聲田暖鳴金谷
麟趾風和步玉堂

Oanh thanh điền noãn minh kim cốc;

Lân chỉ phong hoà bộ ngọc đường.

Nhà ngọc gió hoà lân in dấu;

Hang vàng nắng ấm tiếng oanh ca.

一泓秋水餘清氣
滿室春風散異香

Nhất hoảng thu thủy dư thanh khí;

Mãn thất xuân phong tán dị hương.

Một hồ thu thủy thừa thanh khí;

Đầy thất xuân phong tỏa dị hương.

門庭春暖生光彩
田畝年豐樂太平

Môn đình xuân noãn sinh quang khí;

Điền mẫu niên phong lạc thái bình.

Cửa nhà xuân ấm sinh vẻ đẹp;

Vườn ruộng được mùa hưởng thái bình.

椿萱日月風光好
蘭桂春秋景色多

Xuân huyền nhật nguyệt phong quang hảo;

Lan quế xuân thu cảnh sắc đa.

Xuân huyền ngày tháng phong quang đẹp;

Lan quế xuân thu cảnh sắc tươi.

千里風雲培玉樹
十分雨露發金花

Thiên lý phong vân bồi ngọc thụ;

Thập phân vũ lộ phát kim hoa.

Gió mây nghìn dặm bồi cây ngọc;

Mưa móc mười phần nảy đóa vàng.

日暖華堂來紫燕
春來玉樹發青枝

*Nhật noãn hoa đường lai tử yến;
Xuân lai ngọc thụ phát thanh chi.*

Ngày ấm nhà hoa về yến quý.
Xuân về cây ngọc nảy cành xanh.

幾點梅花迎淑氣
數聲鳥語鬧春光

*Kỷ điểm mai hoa nghênh thực khí;
Số thanh điều ngữ náo xuân quang.*

Mấy chấm hoa mai nghênh khí tốt;
Vài lời chim hót náo xuân vui.

平安竹長千年碧
富貴花開一品紅

*Bình an trúc trường thiên niên bích;
Phú quý hoa khai nhất phẩm hồng.*

Bình an trúc lớn nghìn năm biếc;
Phú quý nở hoa một đoá hồng.

堂開曉日光中好
人坐春風分外清

*Đường khai hiếu nhật quang trung hảo;
Nhân tọa xuân phong phân ngoại thanh.*

Nắng mai cửa mở phong quang đẹp;
Đón gió người ngồi mát mẻ thay.

四時和氣春常在
一室安居慶有餘

*Tứ thời hoà khí xuân thường tại.
Nhất thất an cư khánh hữu dư.*

Quanh năm hoà khí xuân còn mãi;
Gia cảnh an cư đẹp có thừa.

風發龍門春浪暖
日陰雁塔曉雲開

*Phong phát long môn xuân lãng noãn;
Nhật âm nhạn tháp hiếu vân khai.*

Gió thổi long môn làn xuân ấm;
Nắng soi nhận tháp ánh mây trôi.

欲培福地耕心地
且种書田作稻田

*Dục bồi phúc địa canh tâm địa;
Thả chủng thư điền tác đạo điền.*
Muốn bồi phúc địa phải canh tâm địa;
Muốn cấy thư điền phải tác đạo⁽¹⁾ điền.

詩書滿座風雲氣
孝友一堂富貴春

*Thi thư mãn toạ phong vân khí;
Hiếu hữu nhất đường phú quý xuân.*
Thi thư đầy sảnh phong vân khí;
Hiếu hữu một nhà phú quý xuân.

春來也魚龍變化
時至矣桃李芳菲

*Xuân lai dã, ngư long biến hoá;
Thời chí hỹ, đào lý phương phi.*
Xuân về đấy, cá rồng biến hoá
Thời đến rồi, đào mạn đơm hoa.

階下芝蘭迎旭日
庭前桃李藹春風

*Giai hạ chi lan nghênh hức nhật;
Đình tiền đào lý ái xuân phong.*
Dưới bậc chi lan nghênh nắng sớm;
Trước xuân đào lý đón xuân sang.

春發其華秋結其寔
業精於動行成於思

*Xuân phát kỳ hoa, thu kết kỳ thực;
Nghiệp tinh ư động, hành thành ư tư.*
Xuân phát về vẻ, thu hết về thực;
Nghiệp tinh ở cần, hành tinh ở tư.

禮以制行樂以德
儉則足用勤則有功

Lễ dĩ chế hành, nhạc dĩ hoà đức;
 Kiệm tắc túc dụng, cần tắc hữu công.
 Lễ dĩ chế hành, nhạc dĩ hoà đức;
 Kiệm thì dùng đủ, cần thì có công.

蘭桂聯芳 一種天香 浮錦砌
 椿萱並秀 十分春色 麗華堂

*Lan quế liên phương, nhất chủng thiên hương phù cẩm thệ;
 Xuân huyền tịnh tú, thập phần xuân sắc lệ hoa đường.
 Lan quế thơm hoa, một thể thêm hương phô thêm gấm;
 Xuân huyền tươi tốt, mười phần xuân sắc đẹp nhà hoa.*

春日麗華堂 郁郁椿萱 榮玉葉
 瑞香浮錦砌 森森蘭桂 萬金葩

*Xuân nhật lệ hoa đường úc úc xuân huyền vinh ngọc diệp;
 Thụy hương phù cẩm thệ sâm sâm lan quế vạn kim ba.
 Xuân nhật đẹp hoa đường, rực rỡ xuân huyền tươi lá ngọc;
 Hương lành phô thêm gấm, xum xuê lan quế đẹp bông vàng.*

不是慈孝友恭 更有何事可樂
 只此文章道義 便云到處皆春

*Bất thị từ hiếu hữu cung, cánh hữu hà sự khả lạc;
 Chỉ thử văn chương đạo nghĩa, tiện vân đáo xứ giai xuân;
 Chưa thật từ hiếu hữu cung, cũng thấy vui tươi mọi việc;
 Chỉ là văn chương đạo nghĩa, liền mừng khắp chốn đều xuân*

春色壯華居 雲氣飛來 開書錦
 桂陰森玉樹 天香時動 映華堂

*Xuân sắc tráng hoa cư, vân khí phi lai khai thư cẩm;
 Quế âm sâm ngọc thụ, thiên hương thời động ánh hoa đường.
 Xuân sắc đẹp hoa cư, vân khí bay về tươi sách gấm;
 Quế âm lồng ngọc thụ, thiên hương lay động ánh hoa đường.*

客至豈空談 四壁圖書 聯當酒
 春來無別事 一簾風月 欲催詩

*Khách chí khởi không đàm, tứ bích đồ thư liên đương tửu;
 Xuân lai vô biệt sự, nhất liêm phong nguyệt dục thôi thi.
 Khách đến há chuyện suông, bốn vách đồ thư mời nhau rượu;
 Xuân về vô sự khác, một rèm phong nguyệt muốn đề thơ.*

萬丈青雲才子路
一輪皓月眾家燈

*Vạn trượng thanh vân tài tử lộ;
Nhất luân hạo nguyệt chúng gia đăng.
Muôn trượng mây xanh, đường tài tử;
Một vầng trăng sáng, nến mọi nhà.*

溶溶夜月燈連市
藹藹春光花滿城

*Dung dung dạ nguyệt đèn liên thị;
Ái ái xuân quang hoa mãn thành.
Lung linh đêm nguyệt đèn liên thị;
Tao nhã ánh xuân hoa khắp thành.*

銀燈輝映千街月
玉炬光搖萬戶春

*Ngân đăng huy ánh thiên nhai nguyệt;
Ngọc cự quang dao vạn hộ xuân.
Đèn bạc sáng bừng nghìn lối nguyệt;
Đuốc vàng soi khắp vạn hộ xuân.*

平安竹報全家慶
富貴花開滿堂春

*Bình an trúc báo toàn gia khánh;
Phú quý hoa khai mãn đường xuân.
Trúc báo bình an toàn gia thịnh;
Hoa khai phú quý khắp nhà xuân.*

碧水環門龍起舞
丹山繞室鳳飛鳴

*Bích thủy hoàn môn long khởi vũ;
Đan sơn nhiều thất phượng phi minh.
Sông biếc bao quanh như rồng múa;
Núi son uốn lượn tựa phượng bay.*

靜向庭中看鶴舞
閒從戶外聽鶯歌

*Tĩnh hướng đình trung khan hạc vũ;
Nhàn tòng hộ ngoại thính oanh ca.
Trong sân tĩnh lặng xem hạc múa;
Ngoài cổng thanh nhàn lắng oanh ca.*

勤與儉治家上策
和而忍處世良規
*Cần dũ kiệm trị gia thượng sách;
Hoà nhi nhẫn xử thế lương quy.*

Cần kiệm trị gia là sách tốt;
Nhẫn hoà xử thế ấy phép hay.

忠厚傳家安且吉
公平處世熾而昌
*Trung hậu truyền gia an thả cát;
Công bằng xử thế xĩ nhi xươg.*
Trung hậu truyền gia an lại tốt;
Công bằng xử thế đẹp mà hay.

碧桃紅杏乾坤景
暖日和風宇宙春
*Bích đào hồng hạnh càn khôn cảnh;
Noãn nhật hoà phong vũ trụ xuân.*
Hạnh hồng đào biếc càn khôn cảnh;
Ngày ấm gió hoà vũ trụ xuân.

傳家萬事皆宜忍
教子千方不外勤
*Truyền gia vạn sự giai nghi nhẫn.
Giáo tử thiên phương bất ngoạ cần.*
Muôn việc truyền gia cần lấy nhẫn;
Nghìn phương dạy trẻ chẳng ngoài “cần”.

座擁書城謀素志
門迎鴈塔望題名
*Toạ ửng thư thành mưu tố chí;
Môn nghênh nhạn tháp vọng đề danh.*
Nhà giúp thành thư mưu chí hướng;
Môn nghênh nhạn tháp vọng danh đề.

待人寬三分是福
處世讓一步爲高
*Đãi nhân khoan tam phân thị phúc;
Xử thế nhượng nhất bộ vi cao.*

Đãi người rộng ba phần là phúc;
Xử thế nhường một bước mới cao.

瑞氣生來唯孝悌
家聲振起是詩書

*Thụy khí sinh lai duy hiếu đệ;
Gia thanh chấn khởi thị thi thư.*

Khí tốt sinh ra duy hiếu đệ;
Gia thanh hưng chấn ấy thi thư.

光借清風明借月
動觀流水靜觀山

Quang tá thanh phong minh tá nguyệt;

Động quan lưu thủy tĩnh quan sơn.

Quang mượn thanh phong minh mượn nguyệt;

Động nhìn nước chảy tĩnh nhìn non.

同心兄弟真師友
得意文章祇性情

Đồng tâm huynh đệ chân sư hữu;

Đắc ý văn chương chỉ tính tình.

Huynh đệ đồng tâm như sư hữu;

Văn chương đắc ý thỏa tính tình.

處世莫如積德
傳家還是讀書

Xử thế mạc như tích đức;

Truyền gia hoàn thị độc thư.

Xử thế chẳng gì bằng tích đức;

Truyền gia duy nhất đúng độc thư.

靜以修身儉以養德
入則篤行出則友賢

Tĩnh dĩ tu thân, kiệm dĩ dưỡng đức;

Nhập tắc đốc hành, xuất tắc hữu hiền.

Tĩnh để tu thân, kiệm để dưỡng đức;

Nhập thì quyết làm, xuất thì giúp bạn.

金石其心芝蘭其室
仁義爲友道德爲師

*Kim thạch kỳ tâm, chi lan kỳ thất;
Nhân nghĩa vi hữu, đạo đức vi sư.*

Vàng đá là tâm, chi lan là thất;
Nhân nghĩa làm bạn, đạo đức làm thầy.

慈孝友恭一堂吉慶
詩書禮樂滿室榮華

Từ hiếu hữu cung nhất đường cát khánh;

Thi thư lễ nhạc mãn thất vinh hoa.

Từ hiếu hữu cung, một nhà tốt phúc;

Thi thư lễ nhạc, đầy cửa vinh hoa.

春發其華秋結其實
行先乎孝藝裕乎文

Xuân phát kỳ hoa, thu kết kỳ thực;

Hành tiên hồ hiếu, nghệ dụ hồ văn.

Xuân phát về hoa, thu kết về thực;

Hành đầu ở hiếu, tài nghệ ở văn.

是訓是行纂乃祖考
有典有則貽厥子孫

Thi huấn thi hành toản nãi tổ khảo;

Hữu điển hữu tắc di quyết tử tôn.

Việc huấn việc hành, tổ tiên hợp lại;

Có phép có tắc con cháu kế thừa.

積慶仰前徽世德相承所愛箕裘繼美
發祥看後裔家修勿替還其蘭桂騰芳

Tích khánh ngưỡng tiền huy, thế đức tương thừa, sở ái cơ câu kế mỹ;

Phát tường khán hậu duệ, gia tu vật thế, hoàn kỳ lan quế đằng phương.

Tích đức ngưỡng tiền nhân, đạo đức kế thừa, kính ái dõi truyền tục mỹ;

Phát tường xem hậu duệ, nếp nhà chớ bỏ, quế lan tiếp nối thơm hương.

滿架圖書都市當行孝弟
盈庭草木莫非祇種芝蘭

Mãn giá đồ thư đô thị đương hành hiếu đệ;

Doanh đình thảo mộc mạc phi chi chủng chi lan.

Đầy giá đồ thư đều là thực hành hiếu đệ;

Một sân thảo mộc gì hơn loài quý chi lan.

柳綠桃紅四面雲山舒錦繡
蘭芳桂馥滿庭花木獻文章

*Liễu lục đào hồng tứ diện vân sơn thư cẩm tú;
Lan phương quế phúc mãn đình hoa mộc hiến văn chương.*

Liễu thắm đào hồng, bốn mặt núi mây giăng gấm dệt;
Lan thơ quế ngát, đầy sân hoa mộc hiến văn chương.

無事樂琴棋上斷春風林下趣
有舒遣子弟還期秋月桂中攀

*Vô sự lạc cầm kỳ thượng đoạn xuân phong lâm hạ thú;
Hữu thư di tử đệ hoàn kỳ thu nguyệt quế trung phan.*

Nhàn tản thú cầm kỳ, hứng lấy gió xuân ủa dưới lá;
Rối việc truyền con trẻ, hẹn kỳ thu nguyệt vịn quế cành.

積德勝遺金處世當遵司馬訓
惟善以爲寶持身宜省楚書言

*Tích đức thắng di kim xử thế đương tuân Tư mã huấn;
Duy thiện dĩ vi bảo tri thân nghi tỉnh Sở thư ngôn.*

Tích đức thắng kim ngân, xử thế hãy theo lời Tư mã⁽¹⁾;
Duy thiện là của quý, tu thân nên tỉnh giọng Sở thư⁽²⁾.

龍之騰鳳之舞大丈夫這般氣象
風之光月之霽士君子何等襟懷

*Long chi đằng, phượng chi vũ, đại trượng phu giá ban khí tượng;
Phong chi quang, nguyệt chi tế, sĩ quân tử hà đẳng khâm hoài.*

Gió thoảng trăng trong, thật rõ mộng hoài người sĩ quân tử;
Rồng bay phượng múa, ấy là khí tượng bậc đại trượng phu.

居安宅行正路心地蕩平舒泰
稽聖經訂賢傳事業正大高明

*Cư an trạch, hành chính lộ, tâm địa d荡 bình thư thái;
Kê thánh kinh, đính hiền truyện, sự nghiệp chính đại cao minh.*

An cư gia trạch, làm theo chính lộ, tâm chí yên bình thư thái;
Khảo cứu thánh kinh, đính chính hiền truyện, sự nghiệp chính đại
cao minh.

念先人立身教家不外綱常大節
囑後裔繼志述事毋忘忠孝初心

⁽¹⁾ Tư Mã Quang là sử gia đời nhà Tống, Trung Quốc. Ông có sách *Gia huấn* nổi tiếng.

⁽²⁾ Sách vở nước Sở có những điều không phù hợp với quan điểm của tác giả.

Niệm tiên nhân lập thân giáo gia, bất ngoại cương thường đại tiết;
Chúc hậu duệ kế chí thuật sự, vô vong trung hiếu sơ tâm.
Nhớ tiên nhân lập thân giáo gia, chẳng ngoại cương thường đạo lớn;
Dặn hậu duệ kế chí thuật sự, đừng quên trung hiếu việc đầu.

室有餘香謝草鄭蘭竇桂樹
家無別況唐晉字漢文章

Thất hữu dư hương, Tạ thảo, Trịnh lan, Đậu quế thụ
Gia vô biệt huống, Đường thi, Tấn tự, Hán Văn chương.
Nhà ở có thừa hương thơm, ngát Tạ thảo, Trịnh lan, Đậu quế⁽¹⁾;
Gia đường không gì khác, ngời danh Đường thi, Tấn tự, Hán văn⁽²⁾.

父母遐齡白髮堂中榮暮景
兒孫滿眼彩衣階下舞春風

Phụ mẫu hà linh, bạch phát đường trung vinh mộ cảnh;
Nhi tôn mãn nhãn, thái y giai hạ vũ xuân phong.
Cha mẹ tuổi cao, bạch phát trung đường⁽³⁾ vui kể bóng;
Cháu con tươi trẻ, thái y giai hạ⁽⁴⁾ múa mừng xuân.

書有未曾經我讀
事無不可對人言
Thư hữu vị tăng kinh ngã đọc;
Sự vô bất khả đối nhân ngôn.
Sách có thể ta chưa từng đọc;
Việc tất cùng kẻ khác đối ngôn.

四時淑氣融萱草
六月薰風動竹林

Tứ thời thực khí dung huyền thảo;
Lục nguyệt huân phong động trúc lâm.
Bốn mùa thực khí⁽⁵⁾ ngời huyền thảo;
Tháng sáu huân phong⁽⁶⁾ động trúc lâm.

⁽¹⁾ Tạ Linh Vận đời Nam Bắc triều, Trịnh Huyền người đời Đông Hán, Đậu Yên Sơn đời Chu ở Trung Quốc là những người văn học giỏi và dạy bảo con cái thành đạt.

⁽²⁾ Thơ đời Đường, chữ thời Tấn, văn chương đời Hán đều nổi tiếng.

⁽³⁾ Bạch phát trung đường: cha mẹ già tóc bạc ở trong nhà.

⁽⁴⁾ Thái y giai hạ: Con cháu mặc áo đẹp ở dưới thêm.

⁽⁵⁾ Thực khí: Không khí ôn hoà.

⁽⁶⁾ Huân phong: Gió nam.

北海樂交天下士
東山笑讀古人書

*Bắc hải lạc giao thiên hạ sĩ;
Đông sơn tiếu độc cổ nhân thư.
Sĩ thiên hạ giao lưu nơi biển Bắc;
Sách cổ nhân vui đọc chốn non Đông.*

清言如晉人足矣
濁酒以漢書下之

*Thanh ngôn như Tấn nhân túc hỹ;
Trọc tửu dĩ Hán thư hạ chi.
Nói lí luận suông, như người nước Tấn là quá đủ;
Rượu chè vô độ, xem sách đời Hán là rất xuàng.*

風生草際笙簫韻
雨過庭前蘭蕙香

*Phong sinh thảo tế sênh tiêu vận;
Vũ quá đình tiền lan huệ hương.
Gió qua cỏ rậm sinh tiêu sáo;
Mưa đến trên nhà ngát huệ lan.*

伊周事業閒中會
孔孟文章靜裏尋

*Y Chu sự nghiệp nhàn trung hội.
Khổng Mạnh văn chương tĩnh lý tìm.
Văn chương tĩnh lý tìm Khổng Mạnh⁽¹⁾
Sự nghiệp nhàn quan khảo Y Chu⁽²⁾.*

紫燕庭中宜好語
黃鸝戶外報佳音

*Tử yến đình trung nghi hảo ngữ;
Hoàng ly hộ ngoại báo giai âm.
Yến tía giữa sân vang tiếng hót;
Ly vàng ngoài cửa báo âm hay.*

⁽¹⁾ *Khổng tử, Mạnh tử*: hai nhà Nho nổi tiếng ở Trung Quốc cổ đại.

⁽²⁾ *Y Doãn*: một khai quốc công thần đời nhà Thương ở Trung Quốc. Chu Công: người đời nhà Chu ở Trung Quốc có công định chế độ lễ nhạc và nghi thức: quan, hôn, tang, tế thời xưa.

得意客來倩不厭
如心人到語相投

*Đắc ý khách lai thiến bất yếm;
Như tâm nhân đáo ngữ tương đầu.
Khách thăm đắc ý vui không chán;
Người đến như lòng chuyện hợp nhau.*

兄友弟恭乃君子修身之本
禮門義路爲大人涉世之方

*Huynh hữu đệ cung nãi quân tử tu thân chi bản;
Lễ môn nghĩa lộ vi đại nhân thiệp thế chi phương.
Huynh hữu đệ cung⁽¹⁾ ấy là gốc tu thân trang quân tử;
Lễ môn nghĩa lộ⁽²⁾ ấy là phương tiện thiệp thế bậc đại nhân.*

雲路鵬程九萬里
雪窗螢火十餘年

*Vân lộ bãng trình cửu vạn lý;
Tuyết song huỳnh hoả thập dư niên.
Chín vạn dặm chim bãng nơi vân lộ⁽³⁾;
Hơn mười năm lửa đóm chốn tuyết sơn⁽⁴⁾.*

青雲路遠留心步
丹桂根深著意栽

*Thanh vân lộ viễn lưu tâm bộ;
Đan quế căn thâm trước ý tài.
Đường thẳng thanh vân lưu tâm bước;
Gốc sâu đan quế chú mục trồng.*

一簾花影雲垂地
半夜書聲月在天

*Nhất liêm hoa ảnh vân thùy địa;
Bán dạ thư thanh nguyệt tại thiên.
Một bức bóng hoa mây rủ đất;
Nửa đêm tiếng đọc sách, trăng trên trời.*

其人如碧梧翠竹
此志在流水高山

⁽¹⁾ *Huynh hữu đệ cung*: Anh thì giúp đỡ, em thì cung kính.

⁽²⁾ *Lễ môn nghĩa lộ*: Lấy lễ làm cửa, lấy nghĩa làm đường.

⁽³⁾ *Vân lộ*: Đường mây, chỉ con đường học hành đỗ đạt.

⁽⁴⁾ *Tuyết song*: Nơi song cửa có tuyết. ý nói học hành chăm chỉ.

Kỳ nhân như bích ngô thúy trúc;
Thử chí tại lưu thủy cao sơn.
Nhân cách như ngô xanh trúc thắm;
Chí hướng tại nước chảy non cao.

一庭花發成知己
萬卷書開見古人
Nhất đình hoa phát thành tri kỷ;
Vạn quyển thư khai kiến cổ nhân.

Một sân hoa nở thành tri kỷ;
Vạn quyển thư khai kiến cổ nhân.

一樹梅花一樹玉
半床明月半床書
Nhất thụ mai hoa nhất thụ ngọc;
Bán sàng minh nguyệt bán sàng thư.
Một khóm hoa mai một khóm ngọc;
Nửa giường trăng sáng nửa giường thư.

學海無涯勤是岸
登雲有路志爲高
Học hải vô nhai cần thị ngạn;
Đăng vân hữu lộ chí vi cao.

Học bể vô bờ cần là bến;
Lên mây có nẻo chí phải cao.

萬丈文星光戶外
一聲鳥語鬧花前
Vạn trượng văn tinh quang hộ ngoại;
Nhất thanh điều ngữ náo hoa tiền.
Muôn trượng ánh sao soi ngoài cổng;
Một thanh chim hót náo trước thềm.

文筆插天雲作篆
詞瀾浴日劍成龍
Văn bút thác thiên vân tác triện;
Từ lan dục nhật kiếm thành long.

Văn bút viết thanh thiên, mây chữ triện;
Từ lan⁽¹⁾ tô hồng nhật, kiếm thành rồng.

⁽¹⁾ Từ lan: Văn từ như sóng nước.

滿室芝蘭滋雨露
一園桃李召風雲

*Mãn thất chi lan tư vũ lộ;
Nhất viên đào lý triệu phong vân.
Đây thất chi lan tươi mưa móc;
Một vườn đào mận gọi gió mây.*

日月兩輪天地眼
詩書萬卷聖賢心

*Nhật nguyệt lưỡng luân thiên địa nhãn;
Thi thư vạn quyển thánh hiền tâm.
Nhật nguyệt đôi vàng thiên địa nhãn;
Thi thư vạn quyển thánh hiền tâm.*

滿院花香呈翰墨
三春鳥語話文章

*Mãn viện hoa hương trình hàn mặc;
Tam xuân điểu ngữ thoại văn chương.
Đây viện hoa thơm tình bút mực;
Ba xuân chim hót nói văn chương.*

萬里風雲橫筆陣
九天奎壁入文章

*Vạn lý phong vân hoành bút trận;
Cửu thiên khê bích nhập văn chương.
Vạn dặm gió mây vung bút trận;
Chín tầng khê bích nhập rừng văn.*

一軒風月雖然靜
萬卷詩書莫放閒

*Nhất hiên phong nguyệt tuy nhiên tĩnh;
Vạn quyển thi thư mạc phóng nhàn.
Một hiên trăng gió dẫu yên tĩnh.
Vạn quyển thi thư chẳng lúc nhàn.*

研沼風生排墨浪
筆毫花放染彤雲

*Nghiên chiểu phong sinh bài mặc lãng;
Bút hào hoa phóng nhiễm đồng vân.*

Ao nghiêng sinh gió xô sóng mực;
Ngọn bút phát hoa nhuộm hồng mây.

窗外青山舒錦繡
簷前好鳥話文章

*Song ngoại thanh sơn thư cẩm tú;
Thiên tiền hảo điểu thoại văn chương.*

Ngoài cửa non xanh như gấm dệt;
Trước thềm chim hót vẻ văn chương.

曙色橫窗春日麗
雞聲入耳夜燈青

*Thử sắc hoành song xuân nhật lệ;
Kê thanh nhập nhĩ dạ đăng thanh.*

Sắc nắng ngang song ngày xuân đẹp;
Tiếng gà lọt nhĩ ngọn đèn xanh.

十載雲窗稽古典
一朝虎榜奪科名

*Thập tải vân song kê cổ điển;
Nhất triều hổ bảng đoạt khoa danh.*

Mười năm đèn sách khảo điển cổ;
Một sáng bảng đề đoạt khoa danh.

士子攻書十載寒窗燈火苦
儒生及第一朝魁榜姓名香

*Sĩ tử công thư thập tải hàn song đăng hỏa khổ;
Nho sinh cập đệ nhất triều khôi bảng tính danh hương.*

Sĩ tử chuyên cần, song lạnh mười năm công đèn lửa;
Nho sinh trúng tuyển, khôi khoa một sớm họ tên thơm.

有志竟成雲程那怕路頭遠
無書不讀理窟方知海漾深

*Hữu chí cánh thành vân trình na phạ lộ đầu viễn;
Vô thư bất đọc lý quật phương tri hải dạng thâm.*

Có chí sẽ thành công, thang mây đâu sợ đường xa lắc;
Không sách gì không đọc, suy kĩ mới hay biển học sâu.

著意栽培燈火結成丹桂
留心涵養研池飛起蒼龍

Trước ý tài bồi đăng hoả kết thành đan quế;
Lưu tâm hàm dưỡng nghiên tri phi khởi thương long.
Chú ý đắp bồi, đèn lửa kết thành đan quế;
Lưu tâm nuôi dưỡng, ao nghiên khởi động rồng bay.

風生碧澗魚龍躍
月照青山松柏香
Phong sinh bích gián ngư long dục;
Nguyệt chiếu thanh sơn tùng bách hương.
Gió sinh khe biếc cá rồng nhảy;
Trăng chiếu non xanh tùng bách thơm.

山色滿窗書滿架
雲根爲壁竹爲門
Sơn sắc mãn song thư mãn giá;
Vân căn vi bích trúc vi môn.
Sắc núi đầy song sách đầy giá;
Chân mây làm sách trúc làm môn.

千載圖書山色裏
四時歌曲鳥聲中
Thiên tải đồ thư sơn sắc lý;
Tứ thời ca khúc điều thanh trung.
Ngàn năm sách vở trong sắc núi;
Bốn mùa chim hát rộn tiếng ca.
惟靜不嫌茅屋小
心清自覺茶根香
Duy tĩnh bất hiềm mao ốc tiểu;
Tâm thanh tự giác trà căn hương.
Tĩnh tĩnh chẳng hiềm nhà tranh nhỏ;
Tâm thanh tự biết gốc trà thơm.

半窗月落梅無影
三徑風來竹有聲
Bán song nguyệt lạc mai vô ảnh;
Tam kính phong lai trúc hữu thanh.
Nửa song trăng lặn mai không bóng;
Ba lối gió về trúc có thanh.

栽花準擬爲詩客
看竹何須問古人

*Tài hoa chuẩn nghĩ vì thi khách;
Khán trúc hà tu vấn cổ nhân.
Tĩa hoa cần thận là thi khách;
Xem trúc đâu cần hỏi cổ nhân.*

點點水中星看破一天河洛
層層架上史擁來萬古經綸

*Điểm điểm thủy trung, tinh khán phá nhất thiên Hà, Lạc⁽¹⁾;
Tầng tầng giá thượng, sử ủng lai vạn cổ kinh luân.
Điểm điểm nước soi, tinh tú phá một trời Hà, Lạc;
Tầng tầng giá xếp, sử pho lưu vạn cổ kinh luân.*

村徑遶山松葉暗
柴門臨水稻花香

*Thôn kính nhiễu sơn tùng diệp ám;
Sài môn lâm thủy đạo hoa hương.
Đường thôn vòng núi thông che kín;
Cửa sài mép nước lúa ngát hương.*

農圃有書教子且經喪
挽榮華無夢潛身獨守筌蒿

*Nông phổ hữu thư, giáo tử thả kinh tang ách;
Vinh hoa vô mộng, tiềm thân độc thủ thuyên khao.
Nghề nông có sách, dạy con cháu phòng khi thất bát;
Đừng mộng vinh hoa, ẩn thân mình riêng giữ cỏ thơm.*

樓高遠送千峰翠
閣峻長生六月涼

*Lâu cao viễn tống thiên phong thủy;
Các tuấn trường sinh lục nguyệt lương.
Lầu cao xa tiễn nghìn núi thăm;
Gác lớn trường sinh tháng sáu lương⁽²⁾.*

好月當樓端近水
清言對客總如蘭

⁽¹⁾ Hà, Lạc: Hà đồ, Lạc thư là cơ sở của người xưa vạch ra bát quái trong sách Kinh dịch.

⁽²⁾ Lương: Mát mẻ.

Hảo nguyệt đương lâu doan cận thủy;
Thanh ngôn đối khách tổng như lan.

Tháng tốt ở lâu vui gần nước;
Lời hay tiếp khách thấy như lan.

先祖芳名留國史
子孫績學繼家風

Tiên tổ phương danh lưu quốc sử;

Tử tôn tích học kế gia phong.

Tiên tổ danh thơm ghi sử nước;
Cháu con học giỏi nối gương nhà.

四時花月寒喧裡
一片湖山錦繡中

Từ thời hoa nguyệt hàn huyên lý;

Nhất phiến hồ sơn cẩm tú trung.

Bốn mùa trò chuyện cùng hoa nguyệt;

Toàn cảnh gấm thêu giữa núi hồ.

虛閣清幽睹春夏秋冬景氣
小亭瀟灑樂琴棋詩畫襟懷

Hư các thanh u đồ xuân hạ thu đông cảnh khí;

Tiểu đình tiêu sái lạc cầm kỳ thi họa khâm hoài.

Các vắng thanh u nhìn xuân hạ thu đông cảnh tượng;

Tiểu đình tiêu sái, vui cầm kỳ thi họa đam mê.

翠竹蒼梧六月秋聲來枕簟
奇花異卉四時春氣藹瓊臺

Thúy trúc thương ngô lục nguyệt thu thanh lai chẩm đàn;

Kỳ hoa dị hủ tứ thời xuân khí ái quỳnh đài.

Ngô xanh trúc thắm, lục nguyệt tiếng thu về gối gối;

Thảo lạ hoa kỳ, tứ thời xuân khí nhã đài quỳnh.

半窗月落梅花影
三徑風來竹管聲

Bán song nguyệt lạc mai hoa ảnh;

Tam kính phong lai trúc quản thanh.

Nửa song trăng xế hoa mai bóng;

Ba lối⁽¹⁾ gió về sáo trúc thanh.

⁽¹⁾ Ba lối: Xưa nhà nho thường trồng ba lối cúc trước nhà làm cảnh.

修竹滿庭浮翠色
芳枝逸徑映春暉

*Tu trúc mãn đình phù thủy sắc;
Phương chi nhiều kính ánh xuân huy.*

Trúc sửa, một sân tôn sắc thắm;
Cành thơm quanh lối ánh mầu xuân.

花園紅杏酣春色
樹遶蒼松送午陰

*Hoa vi hồng hạnh cam xuân sắc;
Thu nhiều thương tùng tống ngọ âm.*

Hoa vây hạnh đỏ mê xuân sắc;
Cây quán tùng xanh tiễn bóng trưa.

梅雪松風清几席
竹窗書幌共煙波

*Mai tuyết tùng phong thanh kỷ tịch;
Trúc song thư hoảng cộng yên ba.*

Gió tuyết tùng mai sạch kỷ chiếu;
Màn song thư trúc cộng khói mây.

春來深院梅花發
秋滿閑庭桂樹新

*Xuân lai thâm viện mai hoa phát;
Thu mãn nhàn đình quế thụ tân.*

Xuân về viện thắm mai hoa nở;
Thu mãn sân nhàn sắc quế tân.

月色溶溶青山綠水堪圖畫
風聲習習翠竹蒼松奏管絃

*Nguyệt sắc dung dung thanh sơn lục thủy kham đồ họa;
Phong thanh tập tập thủy trúc thương tùng tấu quản huyền.*

Ánh nguyệt toả lan nước biếc non xanh như nét vẽ;
Tiếng phong vi vút tùng xanh trúc thắm tựa sáo đàn.

松影入溪流照見許多魚躍樹
雲光隨日動看來無數燕飛波

Tùng ảnh nhập khe lưu chiếu kiến hứa đa ngư dước thu;

Vân quang tùy nhật động khán lai vô số yến phi ba.

Bóng tùng in suối chảy soi rõ bao nhiêu cây, cá nhảy;
Mây sáng đuổi mặt trời, ngắm nhìn vô số sóng, yến bay.

賞山水聲音祇許漁樵問話
尋田園樂趣聊爲農圃生涯

Thưởng sơn thủy thanh âm chi hứa ngư tiều vấn thoại;

Tầm điền viên lạc thú liêu vi nông phố sinh nhai.

Thưởng thức thanh âm sơn thủy, vui vẻ cho ngư tiều hỏi chuyện;

Tìm về lạc thú điền viên, hãy làm người nông phố sinh nhai.

萬卷藏書宜子弟
十年種樹長風雲

Vạn quyển tàng thư nghi tử đệ;

Thập niên chủng thụ trường phong vân.

Vạn quyển tàng thư là tử đệ;

Mười năm gây giống lớn gió mây.

卷裡有詩皆錦繡
人間無價是文章

Quyển lý hữu thi giai cẩm tú;

Nhân gian vô giá thị văn chương.

Trong quyển có thơ là gấm vóc

Nhân gian vô giá, ấy văn chương.

玉堂聲價推先哲
金鑒家風見後賢

Ngọc đường thanh giá suy tiên triết;

Kim giám gia phong kiến hậu hiền.

Nhà ngọc tiếng tăm suy hiền triết;

Gương vàng phong tục biết hậu hiền.

天邊鶴和聲傳野
家際龍江德在淵

Thiên biên hạc họa thanh truyền dã;

Gia tế long giang đức tại uyên.

Bên trời tiếng hạc thanh vang nội;

Nhà sát sông rồng đức ở sâu.

才花五色光明錦
襟度重宵舒卷雲

Tài hoa ngũ sắc quang minh cẩm;

Khâm độ trùng tiêu thư quyển vân.

Tài hoa năm sắc quang minh gấm;
Hoài bão cao vời mở quyển mây.

道德光華溫潤玉
文章和氣吉祥花

*Đạo đức quang hoa ôn nhuận ngọc;
Văn chương hòa khí cát tường hoa.*

Đạo đức sáng tươi ôn nhuận ngọc;
Văn chương hoà khí tốt lành hoa.

雲衢有志終釀首
翰苑金臺待紀功

*Vân cù hữu chí chung nhượng thủ;
Hàn uyển kim đài đãi kỷ công.*

Đường mây có chí tròn danh vọng;
Đài ngọc rừng nho đợi chép công.

水影澄清觀萬相
月華圓滿見諸天

*Thủy ảnh trường thanh quan vạn tướng;
Nguyệt hoa viên mãn kiến chư thiên.*

Bóng nước trong xanh xem muôn trạng;
Trăng tròn vành vạnh thấy khắp trời.

晴窗滴露花搖席
午夜揮毫月滿帷

*Tinh song đích lộ hoa giao chiếu;
Ngọ dạ huy hào nguyệt mãn duy.*
Song sớm động sương hoa lay chiếu;
Nửa đêm huy bút nguyệt đầy màn.

四壁圖書常對酒
一簾花雨欲催詩

*Tứ bích đồ thư thường đối tửu;
Nhất liêm hoa vũ giục thôi thi.*
Bốn vách đồ thư thường đối ẩm;
Một rèm hoa vũ muốn đề thơ.

玉振金聲臺閣度
和風光雨聖賢心

Ngọc chấn kim thanh đài các độ;
Hoà phong quang vũ thánh hiền tâm.
Lay ngọc tiếng vàng đài các độ⁽¹⁾;
Gió hoà mưa tạnh thánh hiền tâm.

家傳好有情多適
座擁琴書樂有餘
Gia truyền hảo tình đa thích;
Tọa ủng cầm thư lạc hữu dư.
Gia truyền hiếu thảo tình thân thiết;
Nhà trọng cầm thư vui có thừa.

不事詩書難脫俗
能全孝友亦流芳
Bất sự thi thư nan thoát tục;
Năng toàn hiếu hữu diệc lưu phương.
Không trọng thi thư sao thoát tục;
Biết toàn hiếu hữu cùng lưu phương⁽²⁾

半生事業青燈共
十載憂勞白髮知
Bán sinh sự nghiệp thanh đăng cộng;
Thập tải ưu lao bạch phát tri.
Nửa đời sự nghiệp đèn xanh thấp;
Thập tải chăm lo tóc trắng thay.

學兼人已須防假
德判盈虛只戒貪
Học kiêm nhân kỷ tu phòng giả;
Đức phán doanh hư chỉ giới tham.
Học gồm mình, bạn nên phòng giả;
Đức sê đầy vơi phải tránh tham.

眼前色相皆成幻
靜裏乾坤不計年
Nhân tiền sắc tướng giai thành ảo;
Tĩnh lý càn khôn bất kế niên.

⁽¹⁾ Đài các độ: Phong độ nơi đài các.

⁽²⁾ Lưu phương: Truyền lại tiếng thơm cho đời sau.

Nhân tiên sắc tướng đều thành ảo;
Trong khoảng đất trời chẳng tính năm.

海日磻桃開法界
曇雲駕鶴擁諸天
*Hải nhật bàn đào khai pháp giới;
Đàm vân giá hạc ủng chư thiên.*
Hải nhật đầu tiên khai pháp giới;
Mây dày cuối hạc ủng chư thiên.

禪門自有長生訣
佛教猶傳不老經
*Thiền môn tự hữu trường sinh quyết;
Phật giáo do truyền bất lão kinh.*
Cửa thiền tự có trường sinh phép;
Đạo Phật còn truyền bất lão kinh.

百道泉光飛實地
一輪明月入霞觴
*Bách đạo tuyền quang phi thực địa;
Nhất luân minh nguyệt nhập hà thương.*
Trăm đạo suối trong bay cõi thực;
Một vầng trăng sáng nhập chén hà⁽¹⁾.

法界新登花甲子
禪堂長作老神仙
*Pháp giới tân đăng hoa giáp tý;
Thiền đường trường tác lão thần tiên.*
Pháp giới lại đăng hoa tuổi tác;
Nhà thiền còn tác lão thần tiên⁽²⁾.

神聖啓炎邦至今地不改藉民不改聚
焄蒿奉清廟是謂木之有本水之有源
*Thần thánh khai Viêm Bang, chí kim địa bất cải tịch, dân bất cải tụ;
Huân cao phụng thanh miếu, thị vị mộc chi hữu bản, thủy chi hữu nguyên.*
Thần thánh mở Viêm Bang, đến nay đất không đổi tịch, dân không đổi tụ;
Hương khói thờ thanh miếu, như thế gọi cây có gốc, gọi nước có nguồn.
(Đền Hùng, Phú Thọ)

⁽¹⁾ Hà: Ráng mây. Ý nói nơi huyền ảo.

⁽²⁾ Lão thần tiên: Ý nói tuổi thọ.

過故國盼瀟湘依然碧浪紅濤襟帶雙流迴白鶴
登新亭拜陵寢猶是神州赤縣山河四面控朱鷺

-河東總督黃仲敷拜題-

*Quá cố quốc, phán Lô, Thao, y nhiên bích lãng hồng đào,
khâm đới song lưu hồi Bạch Hạc;
Đăng tân đình, bái lăng tẩm, do thị thần châu xích huyện,
sơn hà tứ diện không Chu Diên.*

- Hà Đông Tổng đốc Hoàng Trọng Phu bài đề-

*Qua cố quốc, ngắm Lô, Thao, sóng biếc cuộn hồng,
hai dòng ôm ấp châu về Bạch Hạc;
Lên đình này, vái lăng tẩm, thần châu xích huyện,
bốn mặt sơn hà không chế Chu Diên.*

- Hà Đông Tổng đốc Hoàng Trọng Phu bài đề-

此地此山南國紀

吾王吾土北辰尊

Thủ địa thủ sơn Nam quốc kỷ;

Ngô vương ngô thổ Bắc thần tôn.

Đất đó, núi này, nước Nam cương kỷ;

Vua ta, bản thổ, cung Bắc suy tôn.

貧居中市無人問

富在山林有客尋

Bần cư trung thị vô nhân vấn;

Phú tại sơn lâm hữu khách tìm.

Bần cư giữa chợ không người hỏi;

Phú tại rừng non có khách tìm.

錢財如糞土

義重似天金

Tiền tài như phán thổ;

Nghĩa trọng tựa thiên kim.

Tiền tài như bùn đất;

Nghĩa nặng tựa nghìn vàng.

功在前朝名在史

生爲良將死爲神

Công tại tiền triều danh tại sử;

Sinh vì lương tướng tử vì thần.

Công tại triều xưa danh tại sử;
Sinh làm lương tướng tử làm thần.

過如秋草芟難盡
學似春冰積不高

Quá như thu thảo sam nan tận.

Học tựa xuân băng tích bất cao.

Nhiều như cỏ thu cắt không hết.

Học tựa băng xuân chất khó cao.

煉成鋒鏑真關學
歷盡艱難始算才

Luyện thành phong ngạc chân quan học.

Lịch tận gian nan thủy toán tài.

Luyện thành sắt nhọn nhờ chân học.

Trải khắp gian nan mới thực tài.

斗酒縱觀廿一史
爐香靜對十三經

Đấu tửu túng quan chấp nhất sử.

Lò hương tĩnh đối thập tam kinh.

Rượu đấu, đọc chơi hai một sử

Lò hương, dèm ngắm mười ba kinh

板凳要坐十年冷
文章不寫一句空

Bản đẩu yếu tọa thập niên lãnh.

Văn chương bất tả nhất cú không.

Chiếc ghế vắng người, mười năm lạnh.

Văn chương lười viết, một câu không.

成家勿謂當家易
養子應知教子嚴

Thành gia vật vị đương gia dị;

Dưỡng tử ứng tri giáo tử nghiêm.

Nên nhà chớ nghĩ trông nhà dễ.

Dạy con cần biết dạy cho nghiêm.

刪繁就簡三秋樹
領導梢新二月花

Sán phồn tộ giản tam thu thụ.
Lãnh đạo sao tân nhị nguyệt hoa.
Cắt thừa xén gọn cây ba năm;
Dẫn đường tạo mới hoa hai tháng.

蔡火光聯書案月
筆花香泛墨池雲

Lê hỏa quang liên thư án nguyệt.
Bút hoa hương phiếm mặc trì vân.
Án nguyệt nhờ đuốc lê thấp sáng.
Nghien mực với bút hoa hương bay.

文章真處性情見
談笑深時風雨來

Văn chương chân xứ tính tình kiến.
Đàm tiếu thâm thời phong vũ lai.
Tính tình thể hiện ở văn chương.
Xô xát hay do lâu đàm tiếu.

家少樓臺無地起
索余燈火有天知

Gia thiếu lâu đài vô địa khởi.
Án dư đăng hỏa hữu thiên tri.
Nhà ít lầu cao không đất dựng.
Án thừa đèn thấp có trời hay.

是何意態雄且杰
不露文章世已惊

Thị hà ý thái hùng thả kiệt.
Bất lộ văn chương thế dĩ kinh.
Tình ý chi đây hùng lại kiệt.
Văn chương chưa tỏ đủ đời kinh.

花香滿坐客對酒
燈影隔帘人讀書

Hoa hương mãn tọa khách đối tửu.
Đăng ảnh cách liêm nhân độc thư.
Hương hoa khắp chốn, khách mời rượu.
Đèn sáng rèm bên, người đọc thư.

開卷神游千載上
垂帘心在萬山中

Khai quyển thần du thiên tải thượng.

Thùy liêm tâm tại vạn sơn trung.

Mở sách gặp người ngàn năm trước.

Buông rèm lòng ở vạn trùng non.

噓吸入窗通香藹
回環萬象出文章

Hư hấp nhập song thông hương ái.

Hồi hoàn vạn tượng xuất văn chương.

Hít thở vào song thoáng hương ngát.

Quanh co muôn vẻ lối văn chương.

文如秋水塵埃淨
詩似春雲態度妍

Văn như thu thủy trần ai tĩnh.

Thi tự xuân vân thái độ nghiên.

Văn nước mùa thu không vẩn bụi.

Thơ tựa mây xuân có vẻ xinh.

胸中錦繡三都賦
筆底煙霞五岳雲

Hung trung cẩm tú tam đô⁽¹⁾ phú.

Bút đế yên hà ngũ nhạc⁽²⁾ vân.

Rực rỡ phú tam đô trong bụng.

Khói mây núi ngũ nhạc bút đề.

春似秋嘗遵萬古聖賢禮樂
左昭右穆序一家世代源流

Xuân tự thu thường tuân vạn cổ thánh hiền lễ nhạc;

Tả chiêu hữu mục tự nhất gia thế đại nguyên lưu.

Cúng tế xuân thu, tuân theo muôn thuở thánh hiền lễ nhạc;

Phụng thờ tả hữu, thứ tự một nhà thế đại nguyên lưu.

念先人立身教家不外綱常大節
囑後裔繼志述事無忘忠孝初心

⁽¹⁾ Tam đô: Ba kinh đô thời cổ đại Trung Quốc.

⁽²⁾ Ngũ nhạc: Năm ngọn núi lớn ở Trung Quốc.

Niệm tiên nhân lập thân, giáo gia bất ngoại cương thường đại tiết;

Chúc hậu duệ kế chí, thuật sự vô vong trung hiếu sơ tâm.

Nhớ tiên tổ lập thân, dạy bảo chẳng ngoài cương thường đại tiết⁽¹⁾;
Cậy cháu con kế nghiệp, truyền nhau đừng quên trung hiếu sơ tâm.

鸚鵡前頭休多語

小人身邊須慎行

Anh vũ tiền đầu hưu đa ngữ;

Tiểu nhân thân biên tu thận hành.

Ở với vẹt chớ nên nói bậy;

Gần tiểu nhân chú ý việc làm.

欲除煩惱須無我

各有來由莫妒人

Dục trừ phiền não tu vô ngã;

Các hữu lai do mạc đố nhân.

Tự xem mình giúp trừ phiền não;

Đừng trách người khi khó đến ta.

事不躬行終是幻

書能活用可通神

Sự bất cung hành chung thị ảo;

Thư năng hoạt dụng khả thông thần.

Việc chẳng quyết làm thành ảo cả;

Sách đem áp dụng thầy đều hay

祖有德宗有功惟烈惟光永保衣冠聯後裔
左爲昭右爲穆以享以祀長承俎豆振前徽

Tổ hữu đức tông có công, duy liệt duy quang vĩnh bảo y quan
liên hậu duệ;

Tả vi chiêu hữu vi mục, dĩ hưởng dĩ tự trường thừa trở đậu
chấn tiên huy.

Tổ có đức, tông có công, quang liệt vĩnh hằng y quan truyền hậu duệ;
Trái thì chiêu, phải thì mục, phụng tự trường kế lễ vật chấn tiên huy.

穆穆皇皇大聖人宗廟之美百官之富
鏘鏘潔潔惟君子能由是路出入是門

⁽¹⁾ Đại tiết: Khí tiết lớn.

*Mục mục hoàng hoàng đại thánh nhân tông miếu chi mỹ,
bách quan chi phú;
Thương thương tế tế duy quân tử năng do thị lộ
xuất nhập thị môn.*

Cung kính đẹp tươi thay, bậc thánh nhân làm cho trăm quan
giàu tông miếu đẹp;
Đàng hoàng thuận lợi vậy, trang quân tử biết chọn con đường
thẳng lối vào ngay.

千 秋 翰 墨 文 光 燦
萬 古 旌 旗 武 烈 昭
*Thiên thu hàn mặc văn quang xán;
Vạn cổ tinh kỳ vũ liệt chiêu.*
Ngàn năm hàn mặc văn tỏa sáng;
Muôn thuở tinh kỳ vô bùng soi.

義 氣 秉 剛 常 千 秋 武 烈 昭 雲 漢
德 星 輝 翰 墨 萬 古 文 章 燦 斗 牛
*Nghĩa khí bình cương thường, thiên thu vũ liệt chiêu Vân Hán;
Đức tinh huy hàn mặc vạn cổ văn chương xán Đẩu Ngưu.*
Nghĩa khí giữ cương thường, ngàn năm vũ liệt soi Vân Hán;
Đức tinh⁽¹⁾ ngôi hàn mặc, muôn thuở văn chương sáng Đẩu Ngưu.

學 知 不 足
業 精 于 勤
*Học tri bất túc.
Nghiep tinh vu cần.*
Học biết chưa đủ.
Nghề giỏi ở chăm.

杯 浮 梅 蕊
詩 凝 雪 花
*Bôi phù mai nhụy.
Thi ngưng tuyết hoa.*
Chén nổi nhụy mai.
Thơ đọng hoa tuyết.

惟 道 習 虛
好 學 爲 福

⁽¹⁾ Đức tinh: Tên sao Cơ, sao Thiên Đức, cũng chỉ người có đạo đức.

Duy đạo tập hư.
Hiếu học vi phúc.
Theo đạo lòng rộng.
Chăm học là phúc.

尋 窮 天 下
看 盡 人 間
Tầm cùng thiên hạ
Khán tận nhân gian.
Tìm khắp thiên hạ.
Xem hết nhân gian.

勤 能 補 拙
學 可 醫 愚
Cần năng bổ chuyết.
Học khả y ngu.
Chăm hay bù vụng
Học chữa được ngu.

學 知 不 足
事 留 有 余
Học tri bất túc.
Sự lưu hữu dư.
Học biết chưa đủ.
Việc còn có thừa.

文 心 花 引 動
詩 思 鳥 啼 來
Văn tâm hoa dẫn động.
Thi tứ diều để lại.
Văn tâm hoa kêu gọi.
Thi tứ chim để ra.

燃 燈 苦 讀
洗 耳 恭 聽
Nhiên đăng khổ đọc.
Tẩy nhĩ cung thính.
Thắp đèn gắng đọc.
Rửa tai lắng nghe.

四 体 不 勤 五 穀 不 分 孰 爲 夫 子
小 疑 必 問 大 事 必 聞 才 算 學 生

Tứ thể bất cần ngũ cốc bất phân thực vi phu tử.

Tiểu nghi tất vấn đại sự tất văn tài toán học sinh.

Chân tay không động, năm giống không phân, ai là thầy dạy.

Ngờ nhỏ lắng hỏi, việc lớn lắng nghe, đúng đấy học trò.

光 照 日 月

氣 壯 山 河

Quang chiếu nhật nguyệt.

Khí tráng sơn hà.

Sáng chiếu nhật nguyệt.

Khí mạnh sơn hà.

知 足 常 樂

無 欺 自 安

Tri túc thường lạc.

Vô khi tự an.

Biết đủ thường vui.

Không nhờn tự yên.

君 子 無 逸

民 生 在 勤

Quân tử vô dật.

Dân sinh tại cần.

Quân tử không rỗi.

Dân sinh phải chăm.

一 襟 和 氣

萬 斗 寬 胸

Nhất khâm hoà khí.

Vạn đấu khoan hung.

Một vạt hoà khí.

Muôn đấu lòng khoan.

抱 素 懷 朴

安 性 約 身

Bảo tố hoài phác.

An tính ước thân.

Giữ lòng chất phác.

Yên tĩnh giữ mình.

寧爲玉碎
不作瓦全

Ninh vi ngọc toái
Bất tác ngỗ toàn.
Thà là ngọc nát.
Không làm ngói lành

聞過則喜
疾惡如仇

Văn quá tắc hỷ.
Tật ác như cừu.
Nghe lỗi thời mừng.
Ghét xấu như thù.

業無貴賤
品有尊卑

Tịnh vô quý tiện.
Phẩm hữu tôn ty.
Nghề không sang hèn.
Phẩm chất có bậc.

不攻人短
莫恃己長

Bất công nhân đoản.
Mạc thị kỷ trường.
Sở đoản người chớ chê.
Sở trường mình đừng cậy.

失意休餒
得勢莫狂

Thất ý hưu nôi.
Đắc thế mạc cuồng.
Trái ý đừng nản.
Đắc thế chớ cuồng.

當仁不讓
見義勇爲

Đương nhân bất nhượng.
Kiến nghĩa dũng vi.
Gánh nhân không nhượng.
Thấy nghĩa mạnh làm.

雲 山 風 度
松 百 精 神
*Vân sơn phong độ.
Tùng bách tinh thần.*
Phong độ mây núi.
Tinh thần tùng bách.

勤 能 補 拙
儉 以 養 廉
*Cần năng bổ chuyết.
Kiệm dĩ dưỡng liêm.*
Chăm hay sửa vụng.
Kiệm để giúp liêm.

貧 賤 難 移
威武 不 屈
*Bần tiện nan di.
Uy vũ bất khuất.*
Nghèo hèn khó rời.
Uy lực không khuất.

境 由 心 造
事 在 人 爲
*Cảnh do tâm tạo.
Sự tại nhân vi.*
Cảnh do tâm tạo.
Việc bởi người làm.

寬 宏 大 量
遠 矚 高 瞻
*Khoan hồng đại lượng.
Viễn chúc cao chiêm.*
Khoan dung đại lượng.
Trông rộng nhìn xa.

事 理 通 達
心 氣 和 平
*Sự lý thông đạt.
Tâm khí hoà bình.*
Lẽ việc thông suốt.
Tâm khí hoà bình.

甜 以 思 苦
樂 不 忘 憂

Điềm dĩ tư khổ.

Lạc bất vong ưu.

Ngọt hãy nhớ đắng.

Vui không quên lo.

胸 懷 大 志
檢 點 自 身

Hung hoài đại chí.

Kiểm điểm tự thân.

Bụng có chí lớn.

Kiểm điểm bản thân.

酒 當 少 飲
事 要 多 知

Tửu đương thiểu ẩm.

Sự yếu đa tri.

Rượu nên uống ít.

Việc cần biết nhiều.

求 通 民 情
愿 聞 己 過

Cầu thông dân tình.

Nguyên văn kỷ quá.

Mong biết tình dân.

Muốn nghe lỗi mình.

臨 事 勿 躁
待 人 宜 誠

Lâm sự vật táo.

Đãi nhân nghi thành.

Gặp việc chớ nóng.

Đãi người nên thành.

君 子 結 心 交
智 人 山 水 樂

Quân tử kết tâm giao.

Trí nhân sơn thủy lạc.

Người quân tử kết thân bằng cái tâm

Bạc trí nhân vui với non nước.

福地心田宜美果

賢孫孝子即名花

Phúc địa tâm điền nghi mỹ quả.

Hiền tôn hiếu tử tức danh hoa.

Cây phúc rộng tâm nên quả đẹp.

Cháu hiền con thảo tức hoa thơm.

口呼天地動

足舉鬼神驚

Khẩu hô thiên địa động.

Túc cử quỷ thần kinh.

Miệng hô trời đất chuyển.

Cất bước quỷ thần kinh.

楊柳枝頭甘露洒

蓮花座上慧風生

Dương liễu chi đầu cam lộ sái.

Liên hoa toà thượng tuệ phong sinh.

Cam lộ vẩy đầu cành dương liễu.

Gió tuệ sinh trên bệ đài sen.

一人作福千人賴

獨木聞花萬木青

Nhất nhân tác phúc thiên nhân lai.

Độc mộc khai hoa vạn mộc thanh.

Một người làm phúc nghìn người hưởng.

Cây độc ra hoa vạn cây xanh.

養成大拙方為巧

學到如愚總是賢

Dưỡng thành đại chuyết phương vi xảo.

Học đáo như ngu tổng thị hiền.

Giữ cho cực vụng mới là khéo.

Học đến như ngu thực đúng hiền.

真讀書人天下少

不如意事古來多

Chân độc thư nhân thiên hạ thiếu.

Bất như ý sự cố lai đa.

Người ham đọc sách thế gian ít.

Việc không như ý tự xưa nhiều.

喬木好音多住聽鶯遷金谷曉
上林春色早還看花報玉堂開

Kiều mộc hảo âm đa, trú thính oanh thiên kim cốc hiếu;

Thượng lâm xuân sắc tảo, hoàn khan hoa báo ngọc đường khai.

Cây lớn nhiều âm hay, đứng lắng oanh dời kim cốc sáng;

Trên rừng sớm xuân sắc, về nhìn hoa báo ngọc đường khai.

新火煙分新瑞氣

舊年春早舊家風

Tân hỏa yên phân tân thụy khí;

Cựu niên xuân tảo cựu gia phong.

Tân hỏa khói chia tan khí tốt;

Cựu niên xuân sớm cựu gia phong.

尼山木鐸群蒙啓

夫子宮牆數仞臨

Ni sơn mộc đặc quần môn khai

Phu tư cung tường số nhạn lâm

Bạc danh sư Ni Sơn biết bao công khai mở,

Nơi bái vọng phu tử đến mấy nhạn tôn cao.

泗水聞章昭萬古

尼山道範耀千秋

Tứ thủy văn chương chiêu vạn cổ;

Ni Sơn đạo phạm diệu thiên thu.

Văn chương sông Tứ ngời vạn cổ;

Khuôn mẫu Ni Sơn sáng nghìn thu.

積受金花天積德

閑饑義指地鍾靈

Tích thụ kim hoa thiên tích đức;

Nhàn cơ nghĩa chỉ địa chung linh.

Góp nhặt kim hoa trời tích đức.

Đói nghèo nghĩa củ đất linh thiêng.

祖宗從德千年盛
子孝孫賢萬代昌

Tổ tông tòng đức thiên niên thịnh;

Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.

Công đức tổ tông nghìn năm thịnh;

Cháu thảo con hiền muôn đời vinh.

山之秀 水之清 地勢巍峨 源自古
田可耕 書可讀 族堂懷烈 到于今

Sơn chi tú, thủy chi thanh, địa thế nguy nga nguyên tự cổ;

Điền khả canh, thư khả đọc, tộc đường lâm liệt đáo vu kim.

Non xanh nước biếc, địa thế nguy nga nguyên có từ trước;
Ruộng chăm canh, sách chăm đọc, tộc đường lâm liệt đến nay.

祠堂振則綱常柱
地脈留傳福善門

Từ đường chấn tắc cương thường trụ;

Địa mạch lưu truyền phúc thiện môn.

Từ đường thâm nghiêm thì đạo cương thường bền vững;

Mạch đất tốt điều phúc thiện lưu truyền trong nhà.

香火不忘先祖德
墓墳能對水山長

Hương hỏa bất vong tiên tổ đức;

Mộ phần năng đối thủy sơn trường.

Khói hương không quên đức tổ tiên;

Mồ mả trường tồn với núi sông.

壁間有耳言當謹
心上無頭念要中

Bích gian hữu nhĩ ngôn đương cẩn;

Tâm thượng vô đầu niệm yếu trung.

Bức vách có tai lời cần trọng;

Trong lòng đang rối tránh sự sai nghiêng.

忠孝兩全能訓禮
香煙三燭自從心

Trung hiếu lưỡng toàn năng huấn lễ;

Hương yên tam chúc tự tòng tâm.

Trung hiếu vẹn toàn năng răn mình;

Khói hương ba nén tự lòng ta.

幼不求於學
老則悔終年

Ấu bất cầu ư học

Lão tắc hối chung niên.

Lúc trẻ không để tâm học tập

Về già sẽ hối hận suốt đời.

莫疑進路無知己
須就桃源問主人

Mạc nghi tiến lộ vô tri kỷ;

Tu tựu đào nguyên vấn chủ nhân.

Chớ nghi đường đời không tri kỷ;

Muốn đến Đào nguyên hỏi chủ nhân.

桃李春觀粧點長春景色
芝蘭善室藏培今古青書

Đào lý xuân quan trang điểm trường xuân cảnh sắc;

Chi lan thiện thất tàng bồi kim cổ thanh thư.

Xuân sang đào lý tô vẽ thêm cảnh sắc mới;

Nhà mới chi lan giữ thêm vào sử sách xưa.

馬按朝前水秀山青先勝跡
金星衰後龍盤虎踞滿餘聲

Mã án triêu tiền, thủy tú sơn thanh, tiên thắng tích;

Kim tinh suy hậu, long bàn hổ triết, mẫn dư thanh.

Trước có nước biếc non xanh Mã án châu cảnh thắng tích;

Sau là rồng cuộn hổ phục Kim tinh chiếu mãi còn vang.

入室挽香蘭桂味

盈堂樂會晉神人

Nhập thất vãn hương lan quế vị;

Doanh đường lạc hội tấn thần nhân.

Vào nhà phảng phất hương lan quế;

Vui hội đầy nhà đón thần nhân.

日月爭光花香色

山河對面景自然

Nhật nguyệt tranh quang hoa xuân sắc

Sơn hà đối diện cảnh tự nhiên.

Nhật nguyệt sáng soi hoa thêm sắc

Núi sông đối diện cảnh tự nhiên

接客往來日夜門中不閉

迎人出入暮朝年月常開

Tiếp khách vắng lại, nhật dạ môn trung bất bế

Nghinh nhân xuất nhập, mộ triều niên nguyệt thường khai

Tiếp khách qua lại ngày đêm, trong nhà không ngắt

Đón người ra vào sớm chiều, năm tháng thường vui.

高獨貴尊萬代長存名繼盛

祖堂靈拜千年憑在德留光

Cao độc quý tôn, vạn đại trường tồn danh kế thịnh

Tổ đường linh bái, thiên niên bằng tại đức lưu quang.

Đáng quý tôn muôn đời tiếng thơm lưu truyền mãi mãi

Nhà tổ chăm hương khói nghìn năm đức độ luôn toả sáng.

祖堂百世香花在

裔族千秋福祿長

Tổ đường bách thế hương hoa tại

Duệ tộc thiên thu phúc lộc trường

Nhà tổ trăm đời hương khói không ngắt

Con cháu nghìn năm phúc lộc dài

閑世平期禮戶義門當進化

神仙有露祥風瑞氣有登臨

Nhàn thế bình kỳ, lễ hộ nghĩa môn đương tiến hoá

Thần tiên hữu lộ, tường phong thụy khí hữu đăng lâm

Thời thế yên bình, cửa lễ nghĩa đương nhiên tiến hoá

Thần tiên xuất hiện, phong khí tốt lành hướng lên trông.

妙相懷如生第一天仙多顯應

真身魂不死無雙神女最英靈

Diệu tướng lâm như sinh, đệ nhất thiên tiên đa hiển ứng

Chân thân hồn bất tử, vô song thần nữ tối anh linh

Diệu tướng tựa như sống thứ nhất tiên trời luôn hiển ứng

Chân thân hồn bất tử không hai nữ thần rất linh thiêng.

鸞駕顯微莫測所求必應

雲車升降無停有感必通

Loan giá hiển vi mạc trắc, sở cầu tất ứng
Vân xa thẳng giáng vô đình, hựu cảm tất thông
Xe loan xuất hiện chẳng lường điều cầu sẽ được
Đài mây lơ lửng không dừng có cảm tất thông.

廟宇增修千秋如在
馨祠起造萬代常新

Miếu vũ tăng tu, thiên thu như tại
Hình từ khởi tạo, vạn đại thường tân
Hiên miếu chăm tu sửa, nghìn năm vẫn còn nguyên vẹn
Đền thiêng khởi tạo, mới mãi muôn đời.

窈窕容儀天下母
英靈變化女忠仙

Yểu điệu dung nghi thiên hạ mẫu
Anh linh biến hoá nữ trung tiên
Dáng điệu dịu dàng xứng mẹ của thiên hạ
Biến hoá linh thiêng đáng bậc nữ tiên.

爲英爲靈千秋正氣
此民此地萬古福神

Vi anh vi linh, thiên thu chính khí
Thử dân thử địa, vạn cổ phúc thần
Anh linh tinh diệu nghìn năm chính khí
Dân này đất này muôn thuở phúc thần.

禮樂百年修廟典
青平一曲訟神功

Lễ nhạc bách niên tu miếu điển
Thanh bình nhất khúc tụng thần công.
Lễ nhạc trăm năm tôn điển miếu
Thanh bình một thuở tụng công thần.

十全群眾閑閑望
五福當歸日日新

Thập toàn quần chúng nhàn nhàn vọng
Ngũ phúc đương quy nhật nhật tân
Thập toàn quần chúng thông thả ngắm
Ngũ phúc đương quy ngày ngày đổi mới.

萬古英靈揚聖德
一方蔭住仰神功

*Vạn cổ anh linh dương thánh đức
Nhất phương ảm trú ngưỡng thần công.
Muôn thuở anh linh dương đức thánh
Một phương ân trạch ngưỡng công thần.*

孝慈門戶留輿地
文武衣冠祖肇基

*Hiếu từ môn hộ lưu dư địa
Văn vũ y quan tổ triệu cơ
Nếp nhà từ hiếu lưu muôn thuở
Khăn áo vũ văn tiếp nên xưa.*

芳名常在留青史
功德長存記石碑

*Phương danh thường tại lưu thanh sử
Công đức trường tồn kí thạch bi
Tiếng thơm còn mãi lưu thanh sử
Công đức dài lâu khắc tại bia.*

市發見有威可畏
及時來禮物不遺

*Thị phát kiến hữu uy khả úy
Cấp thời lai lễ vật bất di
Thị phát thấy có uy đáng sợ
Tức thời nay vật thể không dôi.*

廟貌莊嚴千古在
同民奉祀百年香

*Miếu mạo trang nghiêm thiên cổ tại
Đồng dân phụng tự bách niên hương
Miếu mạo trang nghiêm nghìn năm vẫn còn đó
Muôn người thời phụng mãi còn thơm.*

民到于今載德
聖自遠古之靈

*Dân đáo vu kim tải đức
Thánh tự viễn cổ chi linh.
Người dân đến nay vẫn trọng đức
Đức thánh từ xưa muôn thuở linh thiêng.*

繼龍君而丁李陳黎杖笠靈聲已古
通家君之東西南北宮庭香火如初

*Kế Long quân nhi Đình, Lý, Trần, Lê, trượng lạc linh thanh dĩ cổ
Thông gia quân chi đông, tây, nam, bắc, cung đình hương hoả như sơ*
Kế Long quân, họ Đình, Lý, Trần, Lê, nối dòng linh thanh thuở trước
Đến vua nay, bốn phương đông, tây, nam, bắc, cung đình hương khói như xưa

配合遇奇緣東土降生三顯聖
聲斯成大道南邦不死四靈神

*Phối hám ngộ kỳ duyên, Đông Thổ giáng sinh tam hiển thánh
Thanh tư thành đại đạo, Nam Bang bất tử tứ linh thần*
Đông Thổ duyên kỳ ngộ, cùng giáng sinh ba bậc hiển thánh
Nam Bang đạo đại thành, nổi tiếng bốn vị linh thần bất tử

南天四位名高巍巍照日月
越地百靈威勝懔懔滿高山

*Nam thiên tứ vị, danh cao nguy nguy chiếu nhật nguyệt
Việt địa bách linh, uy thắng lẫm lẫm mãn cao sơn.*
Bốn vị trời Nam, danh cao với với sáng cùng nhật nguyệt
Bách linh đất Việt, uy danh lẫm liệt khắp non cao.

一夜風雷三同化
億年香火四靈通

*Nhất dạ phong lôi, tam đồng hoá
Úc niên hương hoả, tứ linh thông.*
Một đêm sấm chớp, ba Thánh cùng hoá
Nghìn năm hương khói, bốn cõi linh thiêng.

樓前嫵媚龍翔化
檻外康莊鳳奏歌

*Lâu tiền vũ mị long tường hóa
Hạ ngoại khang trang phượng tấu ca.*
Trước lầu tươi đẹp rồng bay lượn
Ngoài hiên khang trang phượng tấu ca.

巍峨殿宇千千士
赫奕威靈萬萬兵

*Nguy nga điện vũ thiên thiên sĩ
Hách dịch uy linh vạn vạn binh.*

Nguy nga diện vũ ngàn ngàn si
Chói lợi uy linh vạn vạn binh.

國色傾城天下有
英靈神女世間無

*Quốc sắc khuynh thành thiên hạ hữu
Anh linh thần nữ thế gian vô.*

Sắc nước nghiêng thành thiên hạ có
Anh linh thần nữ thế gian không.

昔丁卯歲奎星聚
今慶春王化日長

*Tích Đinh Mão tuế Khuê tinh tụ
Kim khánh xuân vương hoá nhật trường.
Xưa năm Đinh Mão sao Khuê tụ chiếu
Nay cảnh thái bình mặt trời chiếu dài lâu.*

敵掃萬兵名已古
澤成一夜昔猶今

*Địch tảo vạn binh danh dĩ cổ
Trạch thành Nhất Dạ tích do kim.
Quét giặc vạn binh, danh muôn thuở
Đằm thành Nhất Dạ dấu còn đây.*

造化亦無權制金鼎靈丹傳不死
神仙安在可接石斗廟貌懍如生

*Tạo hoá diệc vô quyền chế, kim đỉnh linh đan truyền bất tử
Thần tiên an tại khả tiếp, thạch đấu miếu mạo凛 như sinh
Tạo hoá cũng chẳng quyền hành, đỉnh vàng linh đan truyền bất tử
Thần tiên đâu tiếp được, thạch đầu miếu mạo vẫn còn đây.*

三十六洞亭萬古聲寧天素月
七十二鄉社一壺風景世瀛蓬

*Tam thập lục động, đình, vạn cổ thanh ninh thiên tố nguyệt
Thất thập nhị hương xã, nhất hồ phong cảnh thế doan bồng.
Ba mươi sáu động đình, muôn thuở thanh ninh trời rạng rõ
Bảy mươi hai làng xã, một vùng phong cảnh cõi doan bồng.*

靈跡照垂千古壯
神床顯相六民康

Linh tích chiếu thủy thiên cổ tráng
Thần sàng hiển tướng lục dân khang.
Dấu thiêng rủ chiếu nghìn thuở tráng lệ
Ban thờ thần tỏ rõ sáu dân khang ninh.

軒后鼎成鰥子府
湘妃琴托寡倉梧
Hiên hậu đỉnh thành quan Tử phủ
Tương phi cầm thác quả Thương Ngô.
Hiên hậu đỉnh thành mà Tử phủ không con
Tương phi đàn xong thì Thương Ngô goá bụa.

昔夜風雷神顯跡
今春雨露聖流恩
Tích dạ phong lôi Thần hiển tích
Kim xuân vũ lộ Thánh lưu ân.
Sấm gió đêm xưa, dấu thần tỏ rõ
Mưa móc xuân này, ơn thánh còn lưu.

靈跡照垂千古錄
神床顯聖累朝褒
Linh tích, chiếu thủy thiên cổ lục
Thần sàng, hiển thánh lụy triều bao.
Tích linh để lại, nghìn năm còn chép
Ban Thần hiển thánh, nhiều triều ngợi khen.

爽豈一壺新棟宇
清光萬古舊宮庭
Sảng khái nhất hồ tân Đống vũ
Thanh quang vạn cổ cù Cung đình.
Sảng khoái một lầu Đống vũ mới
Thanh quang muôn thuở Cung đình xưa.

過者化極其大英靈獨不觀一夜澤自然州留顯跡
得而入觀其中富美何必曰三神山太清洞有珠宮
Quá giả hoá, cực kỳ đại anh linh, độc bất quan Nhất Dạ Trạch,
Tự Nhiên châu, lưu hiển tích.
Đắc nhi nhập, quan kỳ trung phú mỹ, hà tất viết Tam Thần sơn,
Thái Thanh động, hữu Chu cung.

Qua chơi hoá phép, anh linh diệu kì, không nhận ra đầm Nhất Dạ,
bãi Tự nhiên còn lưu hiển tích.

Được lúc mà vào, xem sự giàu đẹp trong đó,
việc gì phải nói động Thái Thanh, núi Tam Thần có cung Châu.

趙越王清夜一壇賁將無謀沉桂海
阮行遣黑墨半枕真人有露出藍山
Triệu Việt Vương, thanh dạ nhất đàn, Bí tướng vô mưu trầm Quế Hải
Nguyễn Hành Khiển, hắc mặc bán chẩm,
Chân nhân hữu lộ xuất Lam Sơn.

Triệu Việt Vương, đêm trăng lập đàn, vì Bí tướng vô mưu chìm Quế Hải
Nguyễn Hành Khiển, đêm không ngủ,
được Chân nhân mách lối dấy Lam Sơn.

顯化妙神威日麗瓊臺千古壯
陰扶姿聖德春輝化縣四民康
Hiển hoá diệu thần uy, nhật lệ Quỳnh đài thiên cổ tráng
Âm phù tư thánh đức, xuân huy Hoa huyện tứ dân khang.
Hiển hoá diệu kỳ, thần uy nhật lệ, Quỳnh đài nghìn năm tráng lệ
Âm phù sẵn có, thánh đức sáng ngời, Hoa huyện muôn dân khang.

笠印自古樓臺物峯天寶
香火現今廟宇人傑地靈
Lạp ấn tự cổ lâu đài, vật hoa thiên bảo
Hương hoả hiện kim miếu vũ, nhân kiệt địa linh.
Từ xưa lapis ấn xuất hiện vật hoa thiên bảo chốn lâu đài
Hiện nay hương hoả địa linh nhân kiệt nơi miếu vũ.

再造一壺新棟宇
重修萬古舊宮庭
Tái tạo nhất hồ tân đốc vũ
Trùng tu vạn cổ cưu Cung đình
Tái tạo một chòm Đốc vũ đổi
Trùng tu muôn thuở Cung đình xưa.

歐亞數天傳四異
樓臺特地屹三宮
Âu Á phu thiên truyền tứ dị
Lâu đài đặc địa ngật tam cung.
Âu, Á khắp nơi truyền bốn sự lạ
Lâu đài được đất cao vút ba cung.

東土降生遭仙景
南邦妙化顯聖宮

*Đông Thổ giáng sinh tao tiên cảnh
Nam Bang diệu hoá hiển thánh cung.
Đông Thổ giáng sinh chơi tiên cảnh
Nam Bang diệu hoá tỏ thánh cung.*

萬古鴻飛昭偉跡
九天龍爪顯神功

*Vạn cổ hồng phi chiêu vĩ tích
Cửu thiên long trảo hiển thần công
Muôn thuở hồng bay lưu dấu lớn
Chín trời rồng lượn để thần công.*

巍巍廟貌關郊野
細細濤聲引管弦

*Nguy nguy miếu mạo quan giao dã;
Tế tế dào thanh dẫn quản huyền.
Miếu mạo nguy nga nơi đồng ruộng;
Tiếng sóng rì rào tựa sáo đàn.*

同坤道含弘母儀天下
休天心遍覆子育蒼生

*Đồng khôn đạo hàm hoằng, mẫu nghi thiên hạ;
Hưu thiên tâm biến phú, tử dục thương sinh.
Cùng đạo Khôn khoan độ, xứng mẫu nghi thiên hạ;
Vui lòng Thiên che khắp, muôn dân được trời nuôi.*

日麗祇圓貝葉金鍾和道嚮
煙凝寶蓋溪流蓮座都慈香

Nhật lệ chi viên, bối diệp kim chung hoà đạo hướng.

Yên ngưng bảo cái, Khê lưu liên tọa đô từ hương;

Mặt trời chiếu khắp vườn thiền, lá quý, chuông vàng đều hướng đạo.
Sương kh. bao trùm Tam Bảo, dòng suối, toà sen đều tỏa hương lành;

龍德正中厥施斯普
神功墨將惟休無疆

*Long đức chính trung quyết thi tư phổ;
Thần công mặc tướng duy hưu vô cương.*

Đức rồng toả khắp, mọi kiếp phù sinh đều được tế độ;
Công thần chẳng cạn, muôn loài sa giới đều được quyên ngang.

不滅不生 貝葉寶花 空是色
無邊無量 善人福果 滿而圓

Bất diệt bất sinh, bồi diệp bảo hoa không thị sắc;

Vô biên vô lượng, thiện nhân phúc quả mãn nhi viên.

Không mất không sinh, kinh Bồi diệp, kinh Bảo hoa không là có;
Không giới hạn không cùng, theo việc thiện thì phúc quả tràn đầy.

三寶放玉毫而遍照
萬靈鑒法界以莊嚴

Tam bảo phóng ngọc hào nhi biến chiếu;

Vạn linh giám pháp giới dĩ trang nghiêm.

Tam Bảo toả ánh ngọc sáng chiếu khắp mọi nơi;
Vạn linh khắc ghi pháp giới tỏ rõ sự trang nghiêm.

四生十類皆瞻仰
三途六道免沉淪

Tứ sinh thập loại giai chiêm ngưỡng;

Tam đồ lục đạo miễn trầm luân.

Tứ sinh, mười loại đều chiêm ngưỡng;

Tam đồ, sáu đạo thoát cảnh trầm luân.

慧日慈心持經偈
明月清風伴禪門

Tuệ nhật từ tâm trì kinh kệ;

Minh nguyệt thanh phong bạn thiền môn.

Trời sáng lòng từ bi nắm giữ kinh kệ;

Trăng thanh gió mát làm bạn với cửa thiền.

萬古綱常惟正道
百年事業繫斯文

Vạn cổ cương thường duy chính đạo;

Bách niên sự nghiệp hệ tư văn.

Đạo cương thường muôn thuở vẫn là đạo chính;

Sự nghiệp trăm năm gắn chặt với tư văn.

道德文章參兩代
高堅前後卓三綱

*Đạo đức văn chương tham lưỡng đại;
Cao kiên tiền hậu trác tam cương.
Đạo đức văn chương được coi là hai đạo lớn nhất;
Bền vững trước hay sau chỉ có ở đạo tam cương.*

春回文物聲名地
日朗衣冠禮樂天
*Xuân hồi văn vật thanh danh địa;
Nhật lãng y quan lễ nhạc thiên.
Xuân về đất văn vật thêm nổi tiếng;
Ngày sáng trời áo mũ đầy lễ nhạc.*

人三綱正九疇敘
天四時行百物生
*Nhân Tam cương chính, Cửu trù tực;
Thiên tứ thời hành, bách vật sinh.
Người giữ ngay đạo Tam Cương, Cửu trù được đặt ra;
Trời bốn mùa xoay vần, trăm vật sinh sôi nảy nở.*

至聖至誠純不已
配天配地久無疆
*Chí thánh chí thành thuần bất dĩ;
Phối thiên phối địa cửu vô cương.
Bậc chí thánh, lòng thành thực lưu truyền mãi mãi;
Cùng với trời, cùng với đất bền vững dài lâu.*

化日光天三代下
春風和氣兩間中
*Hoá nhật quang thiên Tam đại hạ;
Xuân phong hoà khí lưỡng gian trung.
Trời quang mây tạnh thời Tam đại;
Xuân phong hoà khí giữa hai bên.*

日光華天復旦
海河清晏世如春
*Nhật nguyệt quang hoa thiên phục đán;
Hải hà thanh yển thế như xuân.
Tháng ngày vui tươi trời bừng sáng;
Biển hồ phẳng lặng đời như xuân.*

地靈人傑神胎福
化美風淳里有仁

*Địa linh nhân kiệt thần di phúc;
Hoá mỹ phong thuần lý hữu nhân.
Địa linh nhân kiệt thần đế phúc;
Thuần phong mỹ tục làng có nhân.*

星出雲興開舜旦
山呼風祝慶堯天

*Tinh xuất vân hưng khai Thuấn旦;
Sơn hô phong chúc khánh Nghiêu thiên.
Sao hiện, mây mừng mở đất Thuấn;
Núi hô, gió chúc đẹp trời Nghiêu.*

出途藏市遵王道
擊壤歌衢頌帝王

*Xuất đồ tàng nhị tuân Vương đạo;
Kịch nhưỡng ca cù tụng Đế vương.
Ra đường, vào chợ tôn Vương đạo;
Cây cây vang ca tụng Đế vương.*

蘭亭佳氣徵神瑞
金渚文波識聖恩

*Lan đình giai khí trưng Thần thụy;
Kim chủ văn ba thức thánh ân.
Khí nhã Lan Đình diễm thần giáng;
Sáng văn Kim Chủ huệ thánh cho.*

翼軫山河高正氣
貉鴻宇宙懷靈聲

*Dực Chấn sơn hà cao chính khí;
Lạc Hùng vũ trụ lâm linh thanh.
Sao Dực sao Chấn, non sông cao chính khí;
Tổ tiên Lạc Hùng, trời đất đầy linh thanh.*

威鎮鶴江寒蜀寇
靈歸龍府福柴庄

*Uy trấn Hạc giang, hàn Thục khấu;
Linh quy Long phủ, phúc Sài trang.
Uy trấn giữ ở sông Hạc, giặc Thục khiếp sợ;
Linh ứng quy về Long phủ, thôn Sài đầy phúc.*

名將爲福神 鶴渚牛江顯跡
雙生而兩化 龍樓蛟室鍾英

*Danh tướng vì phúc thần, Hạc chủ Ngưu giang hiển tích;
Song sinh nhi lưỡng hoá, Long lâu Giao thất chung anh.
Danh tướng làm phúc thần, bãi Hạc sông Ngưu hiển tích;
Sinh đôi mà cùng hoá, lầu Long nhà Giao linh thiêng.*

鶴江一陣西無蜀
龍府雙歸水有神

*Hạc giang nhất trận, tây vô Thục;
Long phủ song quy, thủy hữu Thần.
Sông hạc một trận, phía tây không bóng Thục;
Phủ Long cùng về, dòng sông có linh Thần.*

立德立功不朽
配天配地無疆

*Lập đức lập công bất hủ;
Phối thiên phối địa vô cương.
Lập đức lập công danh bất hủ;
Sánh trời sánh đất rộng vô cùng.*

望遠能知風浪小
凌空始覺海波平

*Vọng viễn năng tri phong lãng tiểu
Lăng không thủy giác hải ba bình.
Nhìn xa mới biết phong lãng nhỏ;
Cao vút thì hay sóng bể bằng.*

聖護神扶柴邑圓成新景色
民康族密市庄英氣舊江山

*Thánh hộ thần phù, Sài ấp viên thành tân cảnh sắc;
Dân Khang tộc mật, thị trang anh khí cựu giang sơn.
Thánh che thần giúp, ấp Sài thành cảnh sắc mới;
Dân yên tộc nhiều, trang thị khí linh sông núi xưa.*

破蜀勳高牛渚北
扶雄名重鶴江南

*Phá Thục huân cao Ngưu chử Bắc;
Phù Hùng danh trọng Hạc giang Nam.*

Phá giặc Thục, công lao lớn như bãi Ngưu vùng Bắc;
Giúp vua Hùng, danh trọng tựa sông Hạc phía Nam.

日 月 往 來 談 法 語
晨 昏 出 入 看 經 文

*Nhật nguyệt vãng lai đàm pháp ngữ;
Thần hôn xuất nhập khán kinh văn.
Tháng ngày qua lại bàn Phật pháp;
Sớm tối ra vào đọc kinh văn.*

入 門 口 念 彌 陀 佛
到 處 心 持 參 禮 經

*Nhập môn khẩu niệm Di đà phật;
Đáo xứ tâm trì tham Lễ Kinh.
Vào thiền miệng niệm Di đà phật;
Khắp chốn tâm bên đọc Kinh lễ.*

月 影 依 稀 魚 躍 影
風 聲 仿 佛 馬 嘶 聲

*Nguyệt ảnh y hy ngư dước ảnh;
Phong thanh phỏng phất mã tư thanh.
Ánh trăng lơ mờ bóng cá quẫy;
Tiếng gió phảng phất như tiếng ngựa hí.*

地 下 迷 津 開 覺 路
人 間 苦 海 渡 慈 航

*Địa hạ mê tân khai giác lộ;
Nhân gian khổ hải độ từ hàng.
Bến mê dưới đất mở đường giác ngộ;
Biển khổ nhân gian vượt bến từ bi.*

功 德 留 傳 千 古 念
石 碑 記 鑒 億 年 香

*Công đức lưu truyền thiên cổ niệm;
Thạch bi ký giám ức niên hương.
Công đức lưu truyền nghìn năm nhớ;
Bia đá khắc ghi muôn thuở thơm.*

東 土 億 年 崇 佛 法
南 越 千 秋 奉 如 來

*Đông Thổ ức niên sùng Phật Pháp;
Nam Việt thiên thu phụng Như Lai.*

Đông Thổ muôn đời tôn sùng Phật Pháp;
Nam Việt nghìn năm thờ phụng Như Lai.

國家有永山河固
佛道無窮日月長

Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố;
Phật đạo vô cùng nhật nguyệt trường.
Quốc gia vững chãi, sông núi trường tồn;
Đạo Phật vô cùng, ngày tháng dài lâu.

偈德通傳三界地
鐘聲透徹九重天

Kệ đức thông truyền tam giới địa;
Chung thanh thấu triệt cửu trùng thiên.
Đức kệ truyền thông cõi tam giới;
Tiếng chuông thấu đến chốn cửu trùng.

慧日麗中天一朵曇花呈瑞氣
慈雲覆大地四時法雨潤群生

Tuệ nhật lệ trung thiên, nhất đoá đàm hoa trình thủy khí;
Từ vân phú đại địa, tứ thời pháp vũ nhuận quần sinh.
Trời xanh quang dăng không trung, một đoá mây thiền đưa khí tốt;
Mây lành toả khắp mặt đất, bốn mùa mưa pháp giúp quần sinh.

龍德普施一切浮生歸滌渡
神功莫測萬般沙界總權行

Long đức phổ thi, nhất thiết phù sinh quy tế độ;
Thần công mạc trắc, vạn ban sa giới tổng quyền hành.
Đức rồng toả khắp, mọi kiếp phù sinh đều được tế độ;
Công thần chẳng cạn, muôn loài sa giới đều được quyền ngang.

貝葉經成佛教興隆資大德
蓮花瑞現人群普潔仰慈恩

Bối diệp kinh thành, Phật giáo hưng long tư đại đức;
Liên hoa thủy hiện, nhân quần phổ tế ngưỡng từ ân.
Kinh bối diệp thành làm cho hưng thịnh Phật giáo nhờ đức lớn;
Đài Liên hoa xuất hiện, cứu khắp nhân gian ngưỡng ơn lành.

寶相巍巍百萬天人含敬仰
金身蕩蕩三千世界盡歸依

Bảo tướng nguy nguy, bách vạn thiên nhân hàm kính ngưỡng;
 Kim thân dăng dăng, tam thiên thế giới tận quy y.
 Bảo tướng vờ vờ, trăm vạn người đều ngưỡng mộ;
 Thân vàng rộng khắp, ba nghìn thế giới theo về.

福生禮義家堂盛
 祿進榮花富貴春

Phúc sinh lễ nghĩa gia đường thịnh
 Lộc tiến vinh hoa phú quý xuân.
 Phúc sinh lễ nghĩa cho nhà thịnh
 Lộc nảy vinh hoa phú quý xuân.

霹靂傳聲庇民果葉深霄夢
 大蛇顯跡護國終留舊世勳

Tích lịch truyền thanh, tí dân quả diệp thâm tiêu mộng;
 Đại xà hiển tích, hộ quốc chung lưu cựu thế huân.
 Sấm sét truyền vang, mộng canh thâm giúp dân no ấm;
 Rắn lớn hiển tích, sáng đời trước trợ nước dài lâu.

大孝大忠德重留傳萬古
 至情至義道高感化千秋

Đại hiếu đại trung, đức trọng lưu truyền vạn cổ;
 Chí tình chí nghĩa, đạo cao cảm hoá thiên thu.
 Đại hiếu đại trung, đức trọng lưu truyền vạn cổ;
 Chí tình chí nghĩa, đạo cao cảm hoá nghìn năm.

南邦第一洞石壁擎天
 珥水自然洲樓臺特地

Nam bang Đệ nhất động, thạch bích kinh thiên
 Nhị thủy Tự nhiên châu, lâu đài đặc địa.
 Động Đệ nhất ở Nam Bang, thạch bích ngất trời
 Bãi Tự nhiên bên dòng Nhị, lâu đài được đất.

花還水繞陸地蓬瀛
 風清月白壺天宇宙

Hoa hoàn thủy nhiễu lục địa Bồng Doanh
 Phong thanh nguyệt bạch hồ thiên vũ trụ.
 Hoa thơm nước lượn cõi Bồng Doanh
 Gió mát trăng thanh trời vũ trụ.

慢憐夜澤皆存跡
 廟宇樓臺有古終

Mạn Trù, Dạ Trạch giai tồn tích
Miếu Vũ, Lâu Đài hữu cổ chung.
Mạn Trù, Dạ Trạch nay còn đó
Miếu Vũ, Lâu Đài vẫn xưa nay.

龍爪兜乖扶光復
杖笠靈聲立瀛蓬

Trượng lập linh thanh lập Doanh Bồng.
Long trảo đầu quai phù Quang Phục
Vuốt Rồng trao lại phù Quang Phục
Trượng lập linh thanh lập Doanh Bồng

一簇樓臺春色媚
九天霓舞樂聲高

Nhất thốc lâu đài xuân sắc mị
Cửu thiên nghê vũ nhạc thanh cao
Một chốn lâu đài xuân sắc đẹp
Chín cõi múa ca nhạc thanh cao.

廟萃五王神陟降
朝經百代帝嘉封

Miếu tụy ngũ vương thần trắc giáng;
Triều kinh bách đại đế gia phong.
Miếu rợp năm vua, Thần thăng giáng;
Triều trải trăm đời, Vua gia phong.

道若路然得其門而入
聖即天地不可階而升

Đạo nhược lộ nhiên, đắc kỳ môn nhi nhập
Thánh tức thiên địa, bất khả giai nhi thăng
Đạo tựa lối đi, được đường hướng thì vào;
Thánh tức trời vậy, chẳng thể leo mà lên.

逝水有如斯文武衣冠王侯第宅
高山長仰止三關闔奧數仞宮牆

Thệ thủy hữu như tư, văn vũ y quan, vương hầu đệ trạch
Cao sơn trường ngưỡng chỉ, Tam quan khốn áo, sở nhân cung tường
Nước chảy cùng như vậy, áo mũ các quan, lầu phòng vua chúa;
Non cao trông vời vợi, uy nghiêm ba cửa, nhà học mấy tầng.

知 識 海 洋 勤 是 岸
科 學 高 峰 志 為 樓

Tri thức hải dương cần thị ngạn;

Khoa học cao phong chí vi thê.

Chăm chỉ là bờ biển tri thức;

Chí khí làm thang đỉnh các ngành.

宏 觀 在 宇 微 觀 在 握
虛 心 而 學 實 心 而 行

Hùng quan tại vũ, vi quan tại ác;

Hư tâm nhi học, thực tâm nhi hành.

Tâm rộng vũ trụ, tâm nhỏ tay nắm;

Khiêm tốn để học, thực tâm để làm.

且 喜 人 心 常 孝 古

漫 云 器 物 唯 求 新

Thả hỉ nhân tâm thường hiếu cổ;

Mạn vân khí vật duy cầu tân.

Hãy vui lòng người thường hiếu cổ;

Lạm bàn vật dụng lại cầu tân.

焰 吐 金 蓮 光 搖 霞 影

花 開 銀 粟 彩 沕 雲 衢

Diệm thổ kim liên, quang dao hà ảnh;

Hoa khai ngân túc, thái thể vân cù.

Tỏa sáng sen vàng, lung linh bóng rắng;

Hoa nở hạt bạc, lấp lánh mây trời.

牛 壯 土 中 生 白 玉

人 勤 地 內 產 黃 金

Ngưu tráng thổ trung sinh bạch ngọc;

Nhân cần địa nội sản hoàng kim.

Trâu khỏe trong đất sinh ngọc trắng;

Người chăm ngoài ruộng mọc vàng mười.

學 海 闊 千 里 絕 無 缺 志 人 敢 渡

書 山 高 萬 仞 唯 有 勤 奮 者 能 攀

Học hải khoáng thiên lý, tuyệt vô khuyết chí nhân cảm độ;

Thư sơn cao vạn nhấn, duy hữu cần phấn giả năng phan.

Biển học rộng ngàn dặm, chẳng phải để người không chí vượt;

Núi sách cao vạn nhấn, chỉ để ai chăm chỉ vươn lên.

愛書讀書書中自有大世界
壘階登階階上即是新高峰

*Ái thư đọc thư, thư trung tự hữu đại thế giới;
Lũy giai đăng giai, giai thượng tức thị tân cao phong.*
Quý sách đọc sách, trong sách tự có thế giới lớn;
Đắp cồn lên cồn, trên cồn chính là chỗ ngọn cao.

湖海交游憑道義
市場貿易具經綸

*Hồ hải giao du bằng đạo nghĩa;
Thị trường mậu dịch cụ kinh luân.*
Rộng rãi giao du cần đạo nghĩa;
Thị trường trao đổi sẵn điều cần.

大聚能人同治國
勇攀學術為興家

*Đại tụ năng nhân đồng trị quốc;
Dũng phan học thuật vị hưng gia.*
Tập hợp nhân tài cùng giúp nước;
Xông vào học thuật để xây nhà.

水能性澹為吾友
竹解心虛是我師

*Thủy năng tính đạm vi ngô hữu;
Trúc giải tâm hư thị ngã sư.*
Nước tính thanh đạm là bằng hữu;
Trúc lòng thông thoáng ấy thầy ta.

老不白頭因水土
冬猶赤腳為師高

*Lão bất bạch đầu nhân thủy thổ;
Đông do xích cước vị sư cao.*
Già chẳng trắng đầu vì thủy thổ;
Suốt đông chân đất bởi thầy cao.

意靜不隨流水轉
心閑還笑白雲飛

*Ý tĩnh bất tùy, lưu thủy chuyển;
Tâm nhàn hoàn tiếu bạch vân phi.*

Ý tỉnh không theo nước chảy chuyển;
Lòng nhàn cười cả mây trắng bay.

雅 怀 深 得 花 中 趣
妙 慮 時 聞 筆 里 香
*Nhã hoài thâm đắc hoa trung thú;
Diệu lự thời văn bút lý hương.*
Lòng nhâ sâu tìm trông hoa thú;
Nghĩ nhiều nghe được bút viết luôn.

攻 千 重 關 心 怀 天 下
讀 萬 卷 書 志 在 四 方
*Công thiên trùng quan, tâm hoài thiên hạ;
Độc vạn quyển thư, chí tại tứ phương.*
Thông nghìn cửa khó, lòng vì thiên hạ;
Độc vạn cuốn sách, chí ở bốn phương.

海 納 百 川 有 容 乃 大
山 連 千 嶺 無 際 自 高
*Hải nạp bách xuyên, hữu dung nãi đại;
Sơn liên thiên lĩnh, vô tế tự cao.*
Biển nhận trăm sông, bao dung nên lớn;
Núi liền nghìn ngọn, vô tư mà cao.

千 樹 奇 花 多 國 藥
一 庄 修 竹 半 床 書
*Thiên thụ kỳ hoa đa quốc dược;
Nhất trang trúc bán sàng thư.*
Ngàn cây hoa lạ nhiều vườn thuốc;
Một trại trúc xinh nửa giường văn.

遵 道 而 行 但 到 半 山 須 努 力
會 心 不 遠 欲 登 絕 頂 莫 辭 勞
*Tôn đạo nhi hành, dẫn đáo bán sơn tu nỗ lực;
Hội tâm bất viễn, dục đăng tuyệt đỉnh mạc từ lao.*
Theo đường mà đi, nhưng đến giữa non cần nỗ lực;
Hiểu được không khó, muốn lên tuyệt đỉnh chớ chây lười.

自 知 性 僻 難 諧 俗
且 喜 身 閑 不 屬 人
*Tự tri tính tịch nan hài tục;
Thả hỉ thân nhàn bất thuộc nhân.*

Tự biết khó tính khó hòa tục;
Nhưng mừng thân nhân chẳng thuộc ai.

一時酒渴思吞海
几度詩狂欲上天

*Nhất thời tầu khát tư thôn hải;
Kỷ độ thi cuồng dục thượng thiên.*
Nhất thời khát rượu toan nuốt biển;
Mấy đợt cuồng thơ muốn lên trời.

行而不舍若驥千里
納無所窮如海百川

*Hành nhi bất xả, nhưc kỳ thiên lý;
Nạp vô sở cùng, như hải bách xuyên.*

Đi không hề nghỉ, như tuấn mã nghìn dặm;
Nhập vào chẳng cùng, tựa biển chứa trăm sông.

讀書要能自出見解
處世無過善体人情

*Độc thư yếu năng tự xuất kiến giải;
Xử thế vô quá thiện thể nhân tình.*
Việc chính của đọc sách là tự có lý giải;
Chỗ khéo về xử thế là thể tất nhân tình.

處世無奇唯忠唯恕
治家有道克儉克勤

*Xử thế vô kỳ, duy trung duy thứ;
Trị gia hữu đạo, khắc kiệm khắc cần.*
Xử thế không kỳ, chỉ trung chỉ thứ;
Việc nhà có đạo, ấy kiệm ấy cần.

事宜終始毋務多業
任有大小唯其所能

*Sự nghi chung thủy, vô vụ đa nghiệp;
Nhậm hữu đại tiểu, duy kỳ sở năng.*
Việc nên thông thạo, đừng ham nhiều nghề;
Chức có nhỏ to, cốt theo năng lực.

清以自修誠以自勉
敬而不怠滿而不盈

Thanh dĩ tự tu, thành dĩ tự miễn;
Kính nhi bất đãi, mẫn nhi bất doanh.
Trong sạch tự tu, thành thật tự cố;
Kính cần không xa, đầy đặn chẳng tràn.

靜以養性 儉以樹德
入則篤行 出則友賢
Tĩnh dĩ dưỡng tính, kiệm dĩ thụ đức;
Nhập tắc đốc hạnh, xuất tắc hữu hiền.
Tĩnh để dưỡng tính, kiệm để trồng đức;
Nhập thì có hạnh, xuất thì bạn hiền.

取靜于山 寄情于水
虛懷若竹 清氣若蘭
Thủ tĩnh vu sơn, ký tình vu thủy;
Hư hoài nhược trúc, thanh khí nhược lan.
Lấy tĩnh ở non, gửi tình ở nước;
Lòng như trúc thoáng, khí tựa lan trong.

虛能引和 靜能生悟
仰以察古 俯以觀今
Hư năng dẫn hòa, tĩnh năng sinh ngộ;
Ngưỡng dĩ sát cổ, phủ dĩ quan kim.
Thoáng thì được hòa, tĩnh thì giác ngộ;
Ngược lên tìm cổ, xuôi xuống xem nay.

心神欲靜 骨氣欲動
腳跟宜定 胸懷宜開
Tâm thần dục tĩnh, cốt khí dục động;
Cước căn nghi định, hung hoài nghi khai.
Tĩnh thần phải tĩnh, khí cốt phải động;
Bước chân cần chắc, lòng dạ nên buông.

翎柔未作凌霄鳥
性笨甘爲拓地牛
Linh nhu vị tác lăng tiêu điểu;
Tính bần cam vị thác địa ngưu.
Cánh mềm chẳng thể là chim bay vút;
Tĩnh chậm đành làm trâu vỡ hoang.

偶得佳句 放聲笑
欣見古人 擊地歌

Ngẫu đắc giai cú, phóng thanh tiểu;

Hân kiến cổ nhân, kích địa ca.

Làm được câu hay cười hết cỡ;

Vui gặp bạn thân hát vang trời.

靜觀世界求一是

誠對蒼生不二心

Tĩnh quan thế giới, cầu nhất thị;

Thành đối thương sinh bất nhị tâm.

Lặng xem thế giới, theo một đích;

Thành với trời xanh, chẳng hai lòng.

面目總非真借己証人由他做作

事情多不假居今鑒古要你思量

Diện mục tổng phi chân, tá kỷ chứng nhân, do tha tố tác;

Sự tình đa bất giả, cư kim giám cổ, yếu nhĩ tư lượng.

Mặt mũi vẫn phi thực, mượn ta nói người, tùy nghi múa mép;

Sự tình thường chẳng giả, lấy nay bàn xưa, ta phải suy tư.

(Vịnh hát chèo)

喜挹清風除濁氣

常師翠竹問虛心

Hỷ áp thanh phong trừ trọc khí;

Thường sư thủy trúc vấn hư tâm.

Vui giữ gió trong trừ khí bẩn;

Thường theo trúc biết học tâm khiêm.

自將秋水洗望眼

常借燭光明學心

Tự tương thu thủy tẩy vọng nhãn;

Thường tá chúc quang minh học tâm.

Tự đem nước thu rửa sáng mắt;

Thường mượn ánh nến tỏ học tâm.

心有尺規行不亂

意存忠厚氣堪平

Tâm hữu xích quy hành bất loạn;

Ý tồn trung hậu khí kham bình.

Tâm luôn quy củ làm không loạn;

Ý giữ hậu trung khí được bình.

一人知己平生足
兩袖清風百世安

*Nhất nhân tri kỷ, bình sinh túc;
Lưỡng tụ thanh phong, bách thế an.*

Một bạn tâm giao, đời thế đủ;
Hai tay gió mát, sống vậy yên.

新詩捧與知音賞
美酒待邀貴客斟

*Tân thi bồng dũ tri âm thưởng;
Mỹ tửu đãi yêu quý khách châm.
Thơ hay dành để tri âm thưởng;
Rượu quý chờ mời bạn nhậu thăm.*

心閑細嚼聯風味
眼倦聊觀菊愁姿

*Tâm nhàn tế tước liên phong vị;
Nhãn quện liêu quan cúc sầu tư.
Lòng nhàn nhấm nháp hồn câu đối;
Mắt mệt lười xem ý cúc buồn.*

煎茶淨地迎嘉客
拍手開懷放浩歌

*Tiến trà tịnh địa nghênh gia khách;
Phách thủ khai hoài phóng hạo ca;
Pha trà rū chiếu chờ khách quý;
Vỗ án lòng vui xúm hát ca.*

種數竿竹能卻俗
讀半卷書可養心

*Chủng số can trúc năng khước tục;
Độc bán quyển thư khả dưỡng tâm.
Trồng vài khóm trúc hay thoát tục;
Đọc dăm trang sách dưỡng được tâm.*

木秀青山難折去
鷹飛白日易知還

*Mộc tú thanh sơn nan chiết khứ;
Ứng phi bạch nhật dị tri hoàn.
Cây lớn non xanh chắt được khó;
Ứng bay ngày sáng dễ quay về.*

鐵骨英姿甘負重
高山步履不知難

Thiết cốt anh tư cam phụ trọng;

Cao sơn bộ lý bất tri nan.

Xương sắt anh hùng vui gánh nặng;

Non cao bước tiếp chẳng thấy nhàm.

行舟每喜風高處
養氣常參水靜時

Hành châu mỗi hỷ phong cao xứ;

Dưỡng khí thường tham thủy tĩnh thời.

Đi thuyền thích nhất nơi gió lớn;

Dưỡng khí thường vui lúc nước yên.

回思往事難全是
靜看來今好自爲

Hồi tư vãng sự nan toàn thị;

Tĩnh khán lai kim hảo tự vi.

Suy tư việc cũ không toàn đúng;

Lặng nghĩ như nay cố sức hay.

莫對青山談世事
休將文字占時名

Mạc đối thanh sơn đàm thế sự;

Hưu tương văn tự chiếm thời danh.

Chớ với non xanh bàn thế sự;

Đừng đem chữ nghĩa chiếm thời danh.

勵學須識得頭腦
修身要立定腳跟

Lệ học tu thức đắc đầu não;

Tu thân yếu lập định cước căn.

Gắng học phải biết dùng đầu óc;

Sửa mình cần đứng vững đôi chân.

每臨大事有靜氣
不信今時無古賢

Mỗi lâm đại sự hữu tĩnh khí;

Bất tín kim thời vô cổ hiền.

Khi làm việc lớn lòng bình tĩnh;
Không tin ngày nay thiếu bậc hiền.

世事滄桑心事定
心中海岳夢中飛

*Thế sự thương tang tâm sự định;
Hung trung hải nhạc mộng trung phi.*
Việc đời biến đổi việc ta định;
Trong lòng cao rộng trong mơ bay.

若能杯水如名淡
應信村茶比酒香

*Nhược năng bôi thủy như danh đạm;
Ứng tín thôn trà tỷ tửu hương.*
Nếu danh cũng nhạt như nước lã;
Ất chè quê ấy sánh rượu thơm.

莫坏良心極惡巨奸轉眼終歸慘景
學習好樣忠臣孝子到頭畢景團圓

*Mạc hoại lương tâm, cực ác cự gian chuyển nhãn chung quy thảm cảnh;
Học tập hảo dạng, trung thần hiếu tử đầu tất cảnh đoàn viên.*
Chớ để lòng tà, cực ác đại gian, chớp mắt vẫn là thảm cảnh;
Học tập cái tốt, tôi trung con hiếu, đến cùng tất được đoàn viên.

世事何常舊地間萬國干戈千年人物
人生行樂且娛此几聲簫鼓滿眼風花

*Thế sự hà thường, mạch địa gian vạn quốc can qua, thiên niên nhân vật;
Nhân sinh hành lạc, thư ngu thử kỷ thanh tiêu cổ, mãn nhãn phong hoa.*

Việc đời dâu thường, khoảnh khắc qua vạn nước chiến tranh,
nhân vật nổi tiếng;

Sống nên vui vẻ, thư nhàn cùng mấy tiếng trống tiêu,
khắp chốn hoa thơm.

水惟善下能成海
山不爭高自極天

*Thủy duy thiên hạ năng thành hải;
Sơn bất tranh cao tự cực thiên.*

Sông nhường dưới thiện nên thành biển;
Núi chẳng tranh cao tự chạm trời.

六禮未成頃刻動房花燭
五經不讀霎時金榜題名

Lục lễ vị thành, khoảnh khắc động phòng hoa chúc;

Ngũ kinh bất đọc,霎 thời kim bảng đề danh.

Sáu lễ chưa xong, vội vã đi vào phòng ngủ;

Năm kinh chẳng học, qua loa tên có bảng vàng.

(Vinh đám cưới chèo)

乾坤大戲場請君更看戲中戲
俯仰皆身鑒對影休疑身外身

*Càn khôn đại hí trường, thỉnh quân cánh khán hí trung hí;
Phủ ngưỡng giai thân giám, đối ảnh hưu nghi thân ngoại thân.*

Đời người là sân khấu lớn, mong bạn hãy xem kịch trong kịch;

Cúi ngẩng đều tự soi gương, nhìn bóng đừng ngỡ ta ngoài ta.

善惡本報施莫道竟無前世事
名利勿爭競須知總有下場時

*Thiện ác bản báo thi, mạc đạo cánh vô tiền thế sự;
Danh lợi vật tranh cạnh, tu tri tổng hữu hạ trường thời.*

Thiện ác vốn có báo, chớ nói đều không có việc trước;
Danh lợi đừng cạnh tranh, nên biết vẫn đến lúc hạ màn.

弄假傳真尤非揚清激濁
移宮換廡都是教愚化賢

*Lộng giả truyền chân, ưu phi dương thanh kích濁;
Di cung hoán vũ, đô thị giáo ngu hóa hiền.*

Di cung hoán vũ, đô thị giáo ngu hóa hiền.
Điều giả khen chân, đúng thực nêu lành phá ác;
Rời cung đổi gác, đều theo đổi ngu thành hiền.

米盡錢無難作樂
詩興禮立易成才

Mễ tận tiền vô nan tác nhạc;

Thi hưng lễ lập dị thành tài.

Gạo hết tiền không khôn tác nhạc;

Thi hưng lễ lập dễ thành tài.

(Công dư tiếp ký, Giai thoại)

海陽今日難寒士
京北他時即憲司

Hải Dương kìm nhật nan hàn sĩ;
Kinh Bắc tha thời tức hiển ty.
Hôm nay là kẻ hàn sĩ Hải Dương;
Ngày sau là quan hiển ty Kinh Bắc.
(Công dư tiếp ký, Giai thoại)

大丈夫勉大丈夫志
兒女子非兒女子情
Đại trượng phu miễn đại trượng phu chí;
Nhi nữ tử phi nhi nữ tử tình.
Đại trượng phu gắng đại trượng phu chí;
Cô gái trẻ không ô nhi nữ tình.
(Giai thoại Nguyễn Trãi, Thị Lộ; Công dư tiếp ký; Bồ di)

高潔誰爲天下士
安閑我是地中仙
Cao khiết thù vi thiên hạ sĩ;
An nhàn ngã thị địa trung tiên.
Cao khiết, ai kẻ sĩ thiên hạ;
An nhàn, ta là tiên trong đời.
(Nguyễn Bình Khiêm)

老犬洛毛猶向庭前吠月
小蝸短頸謾居井底觀天
Lão khuyển lạc mao, do hướng đình tiền phệ nguyệt;
Tiểu oa đoản cảnh, mạn cư tỉnh để quan thiên.
Chó già rụng lông, thấy trăng sáng ngoài sân vẫn sủa;
Ếch con ngắn cổ, ngồi nghênh ngang đáy giếng nhìn trời.
(Giai thoại Thám hoa Nguyễn Đăng Cảo)

學博才奢預入四門之選
父耕子耨期收百畝之功
Học bác tài xa, dự nhập tứ môn chi tuyển;
Phụ canh tử nậu, kỳ thu bách mẫu chi công.
Học rộng tài cao, đạt cả bốn kỳ thi cử;
Cha cấy con cuốc, thu về trăm mẫu công lao.
(Giai thoại Bảng nhān Hà Tông Huân)

禮不聞往教佯開設教之場
士有辰爲貧聊作教貧之計

Lễ bát văn vãng giáo, dương khai thiết giáo chi trường;
Sĩ hữu thời vi bản, liêu tác cứu bản chi kế.
Kính Lễ không chép việc đi dạy, giả mở trường dạy;
Kẻ sĩ có lúc nghèo, vẫn nghĩ được kế cứu nghèo.

(Giai thoại Bảng nhơn Hà Tông Huân)

雨無鉗鎖能留客
色不波濤易溺人

Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách;
Sắc bất ba đào dị nịch nhơn.
Mưa không có khóa mà lưu khách;
Sắc chẳng sóng to dễ chìm người.

(Giai thoại Trạng nguyên Nguyễn Giản Thanh)

洛水神龜單應兆天數九地數九九九八十一數
數數混成三大道道合元始天尊一成有感
岐山鳴鳳兩呈祥雄聲六雌聲六六六三十六聲
聲聲響澈九重天天生嘉靖皇帝萬壽無疆

Lạc thủy thần quy đơn ứng triệu: thiên số cửu, địa số cửu, cửu cửu
bát thập nhất số, số số hỗn thành tam đại đạo; đạo hợp nguyên thủy
thiên tôn, nhất thành hữu cảm;

Kỳ sơn minh phượng lưỡng trình tường: hùng thanh lục, thư thanh
lục, lục lục tam thập lục thanh, thanh thanh hưởng triệt cửu trùng
thiên; thiên sinh Gia Tĩnh hoàng đế, vạn thọ vô cương.

Nơi sông Lạc rùa thần đưa điềm lạ: Số trời 9, số đất 9, 9 lần 9 là tám
mốt, các số tạo thành ba đạo lớn (thiên đạo, địa đạo, nhân đạo);
đạo hợp nguyên thủy thiên tôn, một chữ thành là nhất;

Chón núi Kỳ phượng gáy báo điều lành: Trống 6 tiếng, mái 6 tiếng, 6
lần 6 là 36 tiếng, các tiếng vang thấu đến chín tầng trời;
trời sinh hoàng đế Gia Tĩnh, thọ mãi không cùng.

(Giai thoại di sử)

丈夫志氣相期勿以小嫌介意
帝王施為氣象必有大過於人

Trượng phu chí khí tương kỳ, vật dĩ tiểu hiềm giới ý;
Đế vương thi vi khí tượng, tất hữu đại quá ư nhơn.
Trượng phu chí khí dài lâu, chớ lấy hiềm nhỏ để ý;
Vua chúa làm việc to lớn, tất có lỗi lớn với người.

(Giai thoại Trạng nguyên Phạm Duy Ai)

魑 魅 魍 魎 四 小 鬼
琴 瑟 琵琶 八 大 王

Lý my vọng lượng, tứ tiểu quỷ;

Cầm sắt tỳ bà, bát đại vương.

Lý, my, vọng, lượng; bốn quỷ nhỏ;

Cầm, sắt, tỳ, bà; tám vương lớn.

(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

𧈧 在 牆 頭 談 魯 論 知 之 爲 知 之 不 知 爲 不 知 是 知
蝸 居 井 底 讀 鄒 書 樂 與 少 樂 樂 樂 與 眾 樂 樂 孰 樂

Quyếch tại tường đầu đàm Lỗ luận, tri chi vi tri chi,

bất tri vi bất tri, thị tri;

Oa cư tỉnh để độc Trâu thư, nhạc dữ thiếu lạc nhạc,

nhạc dữ chúng lạc nhạc, thực lạc.

Chim sẻ đầu tường bàn *Luận ngữ*: biết thì bảo là biết,

không biết bảo không biết, ấy là biết;

Con ếch ngồi đáy giếng đọc *Mạnh tử*: Nhạc cùng ít vui nhạc,

nhạc cùng nhiều vui nhạc, ai vui hơn.

(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

觸 我 騎 馬 東 夷 之 人 也 西 夷 之 人 也
遇 予 乘 驢 南 方 之 強 歟 北 方 之 強 歟

Xúc ngã kỵ mã, Đông di chi nhân dã, Tây di chi nhân dã?

Át dư thừa lư, Nam phương chi cường dư, Bắc phương chi cường dư?

Xô ngựa ta cưỡi, người đi phía Đông hà, hay người đi phía Tây vậy?

Ngáng lừa ta đi, người mạnh phương Nam ư, hay người mạnh phương Bắc?

(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

杞 已 木 杯 不 木 如 何 以 杞 爲 杯

僧 曾 人 佛 弗 人 云 胡 以 僧 事 佛

Kỷ dĩ mộc, bôi bất mộc, như hà dĩ kỷ vi bôi?

Tăng tăng nhân, phật phật nhân, vân hồ dĩ tăng sự phật?

Kỷ là dĩ và mộc, bôi là bất mộc, sao lấy gỗ kỷ làm bôi?

Tăng là tăng và nhân, phật là phật nhân, sao bắt thấy tăng thờ phật?

(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

安 去 女 以 豕 爲 家

囚 出 人 入 王 成 國

An khứ nữ dĩ thử vi gia;

Tù xuất nhân nhập vương thành quốc.

Chữ an bỏ chữ nữ, thay bằng chữ thi là chữ gia;
Chữ tù lấy chữ nhân, cho vào chữ vương thành chữ quốc.

(Giai thoại Mạc Đình Chi)

日 火 雲 煙 白 晝 燒 殘 玉 兔
月 弓 星 彈 黃 昏 射 落 金 烏

Nhật hỏa vân yên, bạch trú thiêu tàn ngọc thỏ;

Nguyệt cung tinh đạn, hoàng hôn xạ lạc kim ô.

Mặt trời là lửa, mây là khói; ban ngày thiêu tan thỏ ngọc (mặt trăng);

Trăng là cung, sao là đạn; tối đến bắn rụng quạ vàng (mặt trời).

(Giai thoại Mạc Đình Chi)

食 無 求 飽 居 無 求 安 君 子 志
招 兒 不 來 揮 兒 不 去 社 稷 臣

Thực vô cầu bão, cư vô cầu an, quân tử chí;

Chiêu nhi bất lai, huy nhi bất khứ, xã tắc thần.

Ăn không cầu no, ở không cầu toàn, chí khí quân tử;

Gọi chẳng chịu đến, đuổi chẳng chịu đi, thần khí xã tắc.

庭 前 有 蕉 皆 著 紫 衣
地 下 生 蓮 同 張 青 蓋

Đình tiền hữu蕉, giai trước tử y;

Địa hạ sinh liên, đồng trương thanh cái.

(Giai thoại đối đáp của Vũ Công Đạo)

Trước sân có mía, đầu mặc áo tía;

Dưới đất sinh sen, cùng gương lọng xanh.

昨 朝 風 雨 家 家 頽 坏 舊 垣 牆
今 日 乾 坤 處 處 發 榮 新 草 木

Tạc triều phong vũ, gia gia đỗi hoại cựu viên tường;

Kim nhật càn khôn, xứ xứ phát vinh tân thảo mộc.

Sáng qua mưa gió, tường cũ nhà nhà đều đổ hết;

Hôm nay đất trời, cây non chốn chốn thấy tốt tươi.

(Giai thoại đối đáp của Lê Thúc Hiến)

縣 官 青 丐 見 無 禮 而 欲 攻
進 士 金 兜 爲 有 鬚 而 得 免

Huyện quan Thanh Miện, kiến vô lễ nhi dục công;

Tiến sĩ Kim Đầu, vì hữu tu nhi đắc miễn.

Huyện quan Thanh Miện, thấy vô lễ nên định đánh;
Tiến sĩ Kim Đâu, nhờ có râu mà được tha.

(Giai thoại đôi đáp của Trương Phu Thuyết)

過 關 遲 關 關 閉 願 過 客 過 關
出 對 易 對 對 難 請 先 生 先 對

Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan;

Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối.

Tối của quan chậm, cửa quan đóng, mong quý khách qua cửa khác;

Ra câu đối dễ, đối lại khó, xin tiên sinh đối trước cho.

(Giai thoại Mạc Đình Chi)

歡 呼 歌 舞 人 同 樂
豐 阜 安 寧 福 未 綏

Hoan hô ca vũ, nhân đồng lạc;

Phong phú an ninh, phúc vị tuy.

Hoan hô ca vũ, người vui vẻ;

Mùa được bình yên, phúc còn dài.

(Giai thoại Mạc Đình Chi)

鳳 閣 蕩 漾 風 永 集 箕 疇 五 福
龍 筵 薰 瑞 氣 重 賡 天 保 九 如

Phượng các dâng dàng phong vĩnh tập, cơ trù ngũ phúc;

Long diên huân thủy khí trùng canh, thiên bảo cửu như.

Gác phượng thênh thang lửa gió đến, vui mừng năm phúc;

Chiếu rồng thơm phúc khí dồi thay, trời giáng chín lành.

(Giai thoại Mạc Đình Chi)

聖 武 布 昭 白 玉 階 前 趨 虎 拜
神 威 凜 烈 黃 金 殿 下 仰 龍 飛

Thánh vũ bố chiêu, bạch ngọc giai tiền, xu hổ bái;

Thần uy lâm liệt, hoàng kim điện hạ, ngưỡng long phi.

Sức thánh ban nghiêm, ngọc trắng xây thêm, kìa hổ lạy;

Uy thần lâm liệt, vàng mười dựng điện, nọ rồng bay.

(Giai thoại Mạc Đình Chi)

頂 甲 一 門 天 下 有
福 神 三 葉 世 間 無

Đỉnh giáp nhất môn, thiên hạ hữu;

Phúc thần tam diệp, thế gian vô.

Một nhà nhiều người đồ cao, thiên hạ vẫn có;
Ba đời được phong phúc thần, trong đời thường không.

(Ca ngợi Nguyễn Quý Đức, Từ Liêm, Hà Nội)

千 年 不 易 奇 名 勝
萬 大 長 存 特 地 靈

Thiên niên bất dịch, Kỳ danh thắng;

Vạn đại trường tồn, Đặc địa linh.

Ngàn năm không đổi, Kỳ (Kiệt) danh thắng;

Vạn đại vẫn còn, Đặc đất thiêng.

(Ca ngợi Chu Văn An, Từ Liêm, Hà Nội)

前 神 靈 應 護 國 名 傳 千 秋 在
後 佛 慈 悲 救 世 德 靈 萬 年 存

Tiền thần linh ứng, hộ quốc danh truyền thiên thu tại;

Hậu phật từ bi, cứu thế đức linh vạn niên tồn.

Trước thần linh ứng, giúp nước tên truyền nghìn thu đó;

Sau phật từ bi, cứu thế đức thiêng vạn năm còn.

(Ca ngợi Nguyễn Quý Đức, Từ Liêm, Hà Nội)

神 威 凜 凜 三 神 廟
聖 德 巍 巍 萬 古 祠

Thần uy lâm lâm Tam thần miếu;

Thánh đức nguy nguy Vạn cổ từ.

(Xích tử Nguyễn Minh Thân cung tiến)

Uy thần lâm liệt Tam thần miếu;

Đức thánh uy nghi Vạn cổ từ.

(Dân thường Nguyễn Minh Thân cung tiến. Đền thờ Chu Văn An)

上 殿 顯 神 功 嚴 恭 顯 應
靈 祠 揚 聖 德 輔 相 才 威

Thượng điện hiển thần công, nghiêm cung hiển ứng;

Linh từ dương thánh đức, phụ tướng tài uy.

Trên điện tỏ công thần, trang nghiêm hiển ứng;

Đền thiêng nêu đức thánh, giúp tướng tài uy.

(Đền thờ Chu Văn An)

南 國 儒 尊 萬 世 真 師 惟 有 一
地 球 德 重 億 年 正 氣 實 無 雙

Nam quốc nho tôn, vạn thế chân sư duy hữu nhất;

Địa cầu đức trọng, ức niên chính khí thực vô song.

Bạc nho Nam Việt, thầy học muôn đời chỉ có một;
Đức dạy toàn cầu, chính khí ngàn năm thực không hai.
(Đền thờ Chu Văn An, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

理學流芳傳日月
水德靈長潤古今

Lý học lưu phương, truyền nhật nguyệt;
Thủy đức linh trường nhuận cổ kim.
Đạo học tiếng thơm truyền năm tháng;
Đức nhân còn mãi với xưa nay.

(Đền thờ Chu Văn An, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

名振先朝功扶國
跡留後世保安民

Danh chấn tiên triều công phù quốc;
Tích lưu hậu thế bảo an dân.
Tên lừng triều trước công phò nước;
Tích để đời sau đức giúp dân.

(Đền thờ Chu Văn An, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

聖德高深名垂留青史
神功顯赫地重配蒼天

Thánh đức cao thâm, danh thù lưu thanh sử;
Thần công hiển hách, địa trọng phối thương thiên.
Đức thánh cao sâu, tên còn cùng sử sách;
Công thần rộng lớn, đất phối với trời xanh.

(Đền thờ Chu Văn An, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

昔人謂所傳何事也
古來唯不忘者存焉

Tích nhân vị sở truyền hà sự dã;
Cổ lai duy bất vong giả tồn yên.

Cổ nhân nói cái đáng truyền, là việc gì vậy;
Xưa nay người chẳng ai quên, ắt phải còn lâu.
(Tiến sĩ Khúc Giang Ngô Thế Vinh; Phương Sơn từ chí lược)

氣節凜乎烈日秋霜
道學儼如泰山北斗

Khí tiết凛 hỏ liệt nhật thu sương;
Đạo học nghiêm như Thái Sơn Bắc Đẩu.

Khí tiết lâm liệt như trời chói, sương thu;
Đạo học cao vời tựa Thái Sơn, Bắc Đẩu.
(Đền thờ Chu Văn An, Hà Nội)

榮宮書圃勳高在
蘇歷文源浸潤長

*Huỳnh Cung thư phổ huân cao tại;
Tô Lịch văn nguyên tẩm nhuận trường.*
Thư viện Huỳnh Cung, khói hương còn mãi;
Nguồn văn Tô Lịch, thấm thía dài lâu.
(Đền thờ Chu Văn An, Hà Nội)

墨硯起祥雲一筆力迴天自順
朱庭流化雨天廚望浹地繁枯
*Mặc nghiền khởi tường vân, nhất bút lực hồi thiên tự thuận;
Chu đình lưu hóa vũ, thiên trù vọng thiếp địa phần khô.*
Nghiền mực nổi mây lành, ngọn bút ra công trời cũng thuận;
Sân sơn trôi mưa móc, đồng điền mong nước được tẩm no.
(Đền thờ Chu Văn An, Hà Nội)

東阿宇宙成今跡
南國師儒似斗山
*Đông A vũ trụ thành kim tích;
Nam quốc sư nho tựa Đẩu Sơn.*
Trời đất Đông A nay còn đó;
Nam quốc sư nho tựa Đẩu, Sơn.
(Đền thờ Chu Văn An, Hà Nội)

南天理學高山在
樵隱清風古壁餘
*Nam thiên lý học cao sơn tại;
Tiêu Ẩn thanh phong cổ bích dư.*
Trời Nam lý học non cao giũ;
Tiêu ẩn thanh phong vách cổ còn.

(Tri phủ Bình Giang Trương Đình Hội; Phương Sơn từ chí lược)

林泉巨逸儒師造物原爲斯道繼
祠廟重光石誌秉彝自是此心同
*Lâm tuyền cự dật nho sư, tạo vật nguyên vì tư đạo kế;
Từ miếu trùng quang thạch chí, bỉnh di tự thị thủ tâm đồng.*

Suối rừng nơi ẩn bậc thầy nho, tạo vật vẫn theo đường đó;
Đền miếu sửa sang bia đá, sự nghiệp còn mong được đồng tâm.
(Huấn đạo Thanh Hà Lê Quang Cảnh; Phụng Sơn từ chí lược)

一疏歸休仕至九熟之間忠旨道
四書說約格致誠正之學素其傳

Nhất sở quy hưu, sĩ chí cữu thực chí gian trung chỉ đạo;
Tứ thư thuyết ước, cách trí thành chính chỉ học tố kỳ truyền.

Một sở về hưu, giữa cái sĩ chí cữu thực trung đứng đầu;
Bốn sách bàn gọn, sở học cách trí thành chính thật đáng truyền.
(Giáo thụ Nam Sách Bùi Quốc Trung; Phụng Sơn từ chí lược)

陳晚此何時欲詠大非賢者樂
鳳山存隱處自遙長仰哲人風

Trần vãn thử hà thời, dục vịnh đại phi hiền giả lạc;
Phụng Sơn tồn ẩn xứ, tự dao trường ngưỡng triết nhân phong.
Cuối Trần ấy thời gì, học tập phải chăng cái vui của bậc hiền giả;
Núi Phụng còn nơi ẩn, tiêu dao ngưỡng mộ phong thái vị triết nhân)
(Giáo thụ Nam Sách Bùi Quốc Trung; Phụng Sơn từ chí lược)

對鏡畫眉一點翻成兩點
臨池玩月隻輪轉作雙輪

Đôi kính họa mày, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm;
Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.
Soi gương vẽ mày, một điểm (cũng là tên người) hóa thành hai điểm;
Tới hồ ngắm trăng, một vầng (luân, cũng là tên người) chuyển thành
hai vầng

(Giai thoại Đoàn Thị Điểm)

兄來堂上尋雙月
妹向窗前捉半風

Huynh lai đường thượng tìm song nguyệt;
Muội hương song tiền tróc bán phong.
Anh vào nhà tìm hai trăng (song nguyệt là chữ bằng, tức bạn);
Em ra cửa sổ bắt nửa gió (bán phong là chữ sắt, tức con rắn).
(Giai thoại Đoàn Thị Điểm)

談論古今心腹友
追隨左右股肱臣
Đàm luận cổ kim, tâm phúc hữu;
Truy tùy tả hữu, cổ quăng thân.

Bàn luận xưa nay, bạn tâm phúc;
Theo liền phải trái, tôi chân tay.
(*Tương truyền của bà Đoàn Thị Điểm làm*)

文如超适無前漢
詩到從綏失盛唐

Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán;
Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh Đường.
Văn như Siêu, Quát không Tiền Hán;
Thơ đến Tùng, Tuy mất Thịnh Đường
(*Tương truyền vua Tự Đức làm*)

酒非元浪難長醉
詩不青蓮敢朗吟

Tửu phi Nguyên Lãng nan trường túy;
Thi bất Thanh Liên cảm lãng ngâm.
Rượu không Nguyên Lãng (Lưu Linh) khó say mãi;
Thơ vắng Thanh Liên (Lý Bạch) ngâm chẳng vang.
(*Nguyễn Văn Siêu*)

白蛇當道季拔劍而斬之
黃龍附舟羽仰天而嘆曰

Bạch xà đương đạo, Quý bát kiếm nhi trảm chi;
Hoàng Long phụ chu, Vũ ngưỡng thiên nhi thán viết.
Rắn trắng cản đường, Lưu Bang tuốt kiếm mà chém nó;
Rồng vàng phò thuyền, Hạng Vũ trông trời mà than rằng.
(*Tương truyền về ra là của ông Đoàn Doãn Luân, về đôi là của bà Đoàn Thị Điểm. Ông Luân, bà Điểm là anh em ruột*)

朝有勲名半屬河汾舊學
斗南風教齊欽岳麓餘徽

Triều hựu huân danh, bán thuộc Hà Phần cựu học;
Đẩu nam phong giáo, tề khâm Nhạc Lộc dư huy.
Danh giá trong triều, nửa thuộc Hà Phần cựu học;
Nếp dạy trường nam, đều nhờ Nhạc Lộc dư huy.

嘉定生前身貧節不敗處士千秋燦節
竹津葬後骨枯名不朽良師萬載留名

Gia Định sinh tiền, thân bần tiết bất bại, xử sĩ thiên thu xán tiết;
Trúc Tân táng hậu, cốt khô danh bất hủ, lương sư vạn tải lưu danh.

Lúc sống Gia Định, thân nghèo tiết không hồng, xử sĩ ngàn thu
tiết sáng;
Chết táng Bến Tre, xương khô danh không nát, lương sư muôn thuở
còn danh.

保盛有緣藏忠骨
和興無分厝烈尸

Bảo Thịnh hữu duyên tàng trung cốt;

Hòa Hưng vô phận thố liệt thi.

Bảo Thịnh có duyên giữ được cốt;

Hòa Hưng không phận táng thi hài.

道自古今無曲徑
天多蓬華產高人

Đạo tự cổ kim vô khúc kính;

Thiên đa bông tất sản cao nhân.

Đạo học xưa nay không lối tắt;

Trời nhiều cùng khổ sinh người tài.

(Nguyễn Văn Siêu để ở nhà học)

此是春花秋實事業
并非東途西抹文章

Thử thị xuân hoa thu thực sự nghiệp;

Tính phi đông đồ tây抹 văn chương.

Đúng thực sự nghiệp xuân hoa thu quả;

Đâu như vắn vẽ trộm đông mọc tây.

追求學問非皮相
尚武精神在革新

Truy cầu học vấn phi bì tướng;

Thượng võ tinh thần tại cách tân.

Theo dõi học vấn, mẫu mè hồng;

Chuộng võ tinh thần, ở cách tân.

秋水爲神寒衣作骨
春風識面明月前身

Thu thủy vi thần, hàn y tác cốt;

Xuân phong thức diện, minh nguyệt tiền thân.

Sông thu tinh thần, đông hàn xương cốt;

Gió xuân biết mặt, trăng thanh ấy thân.

生前教訓得人無子而有子
沒後聲名在世雖亡也不亡
Sinh tiền giáo huấn đắc nhân, vô tử nhi hữu tử;
Một hậu thanh danh tại thế, tuy vong dã bất vong.
Khi sống dạy dỗ nên người, không con mà vẫn có;
Mất rồi danh tiếng để đời, dẫu mất vẫn là còn.
(Câu đối ở miếu thờ Võ Trường Toản, Huế)

如此精工唯有虛心成絕技
几經編作方知勁節有奇才
Như thử tinh công, duy hữu hư tâm thành tuyệt kỹ;
Kỷ kinh biên tác, phương tri kinh tiết hữu kỳ tài.
Ra sức đến thế, chỉ có khiêm nhường thành nghề giỏi;
Việc thử nhiều lần, dần hiểu cũng cỏi tất có tài.

莫笑雕龍君子之器
可知刻鵠巧匠所營
Mạc tiếu điêu long, quân tử chi khí;
Khả tri khắc hộc, xảo tượng sở doanh.
Chớ nhạo chàm rộng, ấy là tài quân tử;
Nên hay khắc hộc, đó chính khéo thợ tài.

勁節制成能耐久
虛心容受是師資
Kinh tiết chế thành, năng nại cửu;
Hư tâm dung thụ, thị sư tư.
Tiết cứng làm nên, đồ ấy tốt;
Khiêm nhường nhận được, lời thầy nhiều.

竹室紙窗素多雅趣
虛心直節确是奇才
Trúc thất chỉ song, tố đa nhã thú;
Hư tâm trực tiết, xác thị kỳ tài.
Cửa giấy nhà tre, thường nhiều nhã thú;
Lòng khiêm tính cứng, ấy chính kỳ tài.

莫將不器論君子
能解虛心是我師
Mạc tương bất khí, luận quân tử;
Năng giải hư tâm, thị ngã sư.

Chớ đem bắt tài, bàn quân tử;
Thẻ lượng khiêm nhường, ấy thầy ta.

厚薄短長量材使用
參差重疊積貨充盈

*Hậu bạc đoản trường, lượng tài sử dụng;
Sâm si trùng điệp, tích hóa sung doanh.*

Dây mỏng ngắn dài, tùy gỗ sử dụng;
Đẩn đo trùng lặp, trữ hàng thành nhiều.

建設所需有材中選
民生是賴適用爲佳

Kiến thiết sở nhu, hữu tài trung tuyển;

Dân sinh thị lại, thích dụng vi giai.

Xây dựng yêu cầu, vật tư lựa tuyển;

Dân sinh nhờ cậy, thích dụng là hay.

大器完成乃廟廊楨干
奇材貢獻作國家棟梁

Đại khí hoàn thành, nãi miếu lang trinh cán;

Kỳ tài cống hiến, tác quốc gia đồng lương.

Vật thờ hoàn thành, ấy nền móng đền miếu;

Gỗ tốt hiến lên, đó rường cột nước nhà.

植樹造林有山皆綠化
選材用料無處不精心

Thực thụ tạo lâm, hữu sơn giai lục hóa;

Tuyển tài dụng liệu, vô xứ bất tinh tâm.

Cây cối tạo rừng, có núi đều lục hóa;

Tuyển nguyên dùng liệu, chẳng thể không lưu tâm.

曲尺能成方圓器
直線調出棟梁材

Khúc xích năng thành phương viên khí;

Trực tuyến điều xuất đồng lương tài.

Thước cong làm nên đồ tròn dụng;

Dây thẳng tìm ra rường cột tài.

良藥良醫世治幸福
利人利己天錫家祥

Lương được lương y, thế trị hạnh phúc;
Lợi nhân lợi kỷ, thiên tích gia tường.
Thầy giỏi thuốc hay, suốt đời hạnh phúc;
Lợi mình lợi người, trời cho cát tường.

益壽延年人稱回春手
健民富國醫有蓋世功
*Ích thọ diên niên, nhân xưng hồi xuân thủ;
Kiện dân phú quốc, y hữu cái thế công.*
Thêm thọ thêm già, người khen tay thuốc giỏi;
Dân khỏe nước giàu, thầy có công trùm đời.

精工爲世賞
美玉在人成
*Tinh công vi thế thưởng;
Mỹ ngọc tại nhân thành.*
Công khéo được đời thích;
Ngọc đẹp bởi người tài.

善事先利器
人巧奪天工
*Thiện sự tiên lợi khí;
Nhân xảo đoạt thiên công.*
Làm giỏi dụng cụ tốt;
Người khéo trời cũng thua.

選擇人才支天下
振興事業賴人民
*Tuyển trạch nhân tài chi thiên hạ;
Chấn hưng sự nghiệp lại nhân dân.*
Lựa chọn người tài giúp thiên hạ;
Dẩy lên việc lớn dựa con người.

救死扶傷如春風拂面
除病祛災似慧靜顯神
*Cứu tử phù thương, như xuân phong phất diện;
Trừ bệnh khử tai, tựa Tuệ Tĩnh hiển thần.*
Cứu chết phù thương, như gió xuân đến kịp;
Trừ bệnh xua tai, tựa Tuệ Tĩnh hiện về.

壽世壽人杏林春滿
爲醫爲藥桔井泉香

Thọ thế thọ nhân, hạnh lâm xuân mãn;

Vì y vì dược, cát tỉnh tuyền hương.

Người thọ đời vui, rừng mạn xuân khắp;

Làm thuốc làm y, cát cánh hương đầy.

英雄兒女闖萬險

浩蕩東風鼓千帆

Anh hùng nhi nữ, sấm vạn hiểm;

Hạo dãng đông phong, cổ thiên phàm.

Trai gái anh hùng xông vạn hiểm;

Gió đông lồng lộng đẩy nghìn buồm.

禮讓三先爲人爲己

平安一世利子利孫

Lễ nhượng tam tiên, vị nhân vị kỷ;

Bình yên nhất thế, lợi tử lợi tôn.

Lễ nhượng ba lần, vì người vì ta;

Bình yên suốt đời, lợi con lợi cháu.

經商未可人無信

行遠何妨道不同

Kinh thương vị khả nhân vô tín;

Hành viễn hà phương đạo bất đồng.

Nghề buôn bất tín người ta kỹ;

Tiếp bước không đồng đạo chẳng sao.

道德五千言闡術道家原理談玄爲要
內經十八卷奠定中醫基礎論氣領先

Đạo đức ngũ thiên ngôn, xiển thuật Đạo gia nguyên lý,

đàm huyền vi yếu;

Nội kinh thập bát quyển, diện định Trung y cơ sở, luận khí linh tiên.

Đạo đức kinh (Lão tử) năm nghìn chữ, giải thích nguyên lý Đạo gia,

bàn “huyền” làm chính;

Sách Nội kinh (Hoàng Đế Nội kinh) mười tám quyển,

xác lập cơ sở Trung y, luận “khí” là đầu.

妙藥掃開千里霧

神針點散一天雲

Diệu được tảo khai thiên lý u;
Thần châm điểm tán nhất thiên vân.
Thuốc tốt, mở lối mù nghìn dặm;
Châm tảo, xua hết mây đầy trời.

玉嵌金鑲補縫有術
月圓花好殘缺無虞
Ngọc khảm kim tương, bổ phùng hạp thuật;
Nguyệt viên hoa hảo, tàn khuyết vô ngu.
Khảm ngọc dát vàng, vá may có cách;
Trăng tròn hoa nở, tàn khuyết không lo.

壽世良方祛邪扶正
回春妙術固本清源
Thọ thế lương phương, khứ tà phù chính;
Hồi xuân diệu thuật, cố bản thanh nguyên.
Người thọ nhờ thuốc, xua tà phù chính;
Trẻ lại có phương, gốc ở nguồn trong.

身入寶山名高北斗
卦占麗澤美重南金
Thân nhập bảo sơn, danh cao Bắc Đẩu;
Quái chiêm lệ trạch, mỹ trọng Nam Kim.
Thân vào núi báu, tên cao Bắc Đẩu;
Quẻ được đầm lệ, đẹp tựa Sao Kim.

寶盒從中多藏翡翠
金釵隊里深護鴛鴦
Bảo hạp tòng trung, đa tàng phi thủy;
Kim thoa đội lý, thâm hộ uyên ương.
Trao bao hộp quý, chắt chứa ngọc ngà;
Trong nhiều thoa vàng, giúp kín lứa đôi.

若金在熔剛柔相濟
治絲不紊條理分明
Nhược kim tại dung, cương nhu tương tế;
Trị tì bất vẩn, điều lý phân minh.
Như vàng đang nung, cứng mềm tương trợ;
Gỡ tơ không rối, các mối phân minh.

心如爐火映紅千家萬戶
語似春風吹暖四面八方
*Tâm như lò hỏa, ánh hồng thiên gia vạn hộ;
Ngữ tự xuân phong, súy noãn tứ diện bát phương.*
Tâm như lò lửa, chiếu hồng ngàn nhà vạn hộ;
Lời tựa gió xuân, thổi ấm bốn phía tám phương.

鋼花耀雲彩給山河織錦
鐵水騰火龍爲祖國爭春
*Cương hoa diêu vân thái, cấp sơn hà chức cẩm;
Thiết thủy đằng hỏa long, vi tổ quốc tranh xuân.*
Hoa gang tỏa mây đẹp, dệt gấm cho tổ quốc;
Nước thép bay rồng lửa, tạo xuân khắp non sông.

投入革命熔爐鑄成鋼筋鐵骨
參加科學實驗煉出赤膽紅心
*Đầu nhập cách mạng dung lư, chú thành cương cân thiết cốt;
Tham gia khoa học thực nghiệm, luyện xuất xích đảm hồng tâm.*
Đi vào lò lửa cách mạng, đúc thành gân gang xương thép;
Tham gia thực nghiệm khoa học, luyện nên gan đỏ tim hồng.

向自然索取寶貴財富
爲人類開拓幸福源泉
*Hướng tự nhiên, sách thủ bảo quý tài phú;
Vị nhân loại, khai thác hạnh phúc nguyên tuyến.*
Vào tự nhiên, tìm kiếm kho tàng quý báu;
Vì nhân loại, khai thác nguồn gốc giàu sang.

青春如火鑄造火紅世界
花年似錦織成錦繡江山
*Thanh xuân như hỏa, chú tạo hỏa hồng thế giới;
Hoa niên tự cẩm, chức thành cẩm tú giang sơn.*
Tuổi xuân như lửa, đúc được thế giới rực hồng;
Trung niên như gấm, dệt nên giang sơn gấm vóc.

要將鐵杵磨成日
好把金針度人時
*Yếu tương thiết chử ma thành nhật;
Hảo bả kim châm độ nhân thì.*
Sẽ đến ngày thành công mài sắt;
Chờ có khi nên được kim vàng.

志在切神爭冒險
心操熱血暖眾人

*Chí tại công thần tranh mạo hiểm;
Tâm thao nhiệt huyết noãn chúng nhân.
Chí muốn công đầu tranh mạo hiểm;
Tim đầy nhiệt huyết ấm nhân dân.*

生鐵純鋼憑鍛煉
千錘萬擊自堅貞

*Sinh thiết thuần cương bằng đoàn luyện;
Thiên thù vạn kích tự kiên trinh.
Sắt xịn gang thuần mặc rèn luyện;
Ngàn chùy vạn búa tự kiên trinh.*

金瀑涌金蓮金光放彩
火龍吐火艷火樹飛花

*Kim bộc dũng kim liên, kim quang phóng thái;
Hỏa long thổ hỏa diễm, hỏa thụ phi hoa.
Suối vàng tràn sen vàng, ánh vàng tỏa sắc;
Rồng lửa nhả rừng lửa, cây lửa bay hoa.*

勁節思君子
虛心應世人

*Kinh tiết tư quân tử;
Hư tâm ứng thế nhân.
Tiết cứng như quân tử;
Lòng rộng sống với đời.*

同君子居高情雲上
與名士坐生氣風從

*Đồng quân tử cư, cao tình vân thượng;
Dữ danh sĩ tọa, sinh khí phong tông.
Ở cùng quân tử, tình sinh cao thượng;
Ngồi với danh sĩ, khí cũng thêm tươi.*

明月入懷團圓可抱
仁風在握披拂無私

*Minh nguyệt nhập hoài, đoàn viên khả bào;
Nhân phong tại ác, phi phát vô tư.*

Trăng sáng vào lòng, đoàn tụ vui vẻ;
Gió nhân trong tay, phe phẩy không hiểm.

秋水爲神寒霜作骨
春風識面明月前身

*Thu thủy vi thần, hàn sương tác cốt;
Xuân phong thức diện, minh nguyệt tiền thân.*
Nước thu là tinh thần, sương giá là cốt cách;
Gió xuân là bộ mặt, trăng sáng là tiểu sử.

細玩關閩濂洛理學
熟讀韓柳歐蘇文章

*Tế ngoạn Quan Mân Liêm Lạc lý học;
Thục độc Hàn Liễu Âu Tô văn chương.*
Lý học chơi ngon Quan, Mân, Liêm, Lạc;
Văn chương đọc thuộc Hàn, Liễu, Âu, Tô.

好消息几時來春月桃花秋月桂
實工夫何處下三更燈火五更雞

*Hảo tiêu tức kỷ thời lai, xuân nguyệt đào hoa thu nguyệt quế;
Thực công phu hà xứ hạ, tam canh đặng hỏa ngũ canh kê.*
Tin lành bao giờ mới đến, tháng xuân hoa đào tháng thu quế;
Công phu luôn luôn ra sức, canh ba còn học canh năm dậy.

求學心一朱文貞終日靜坐
覓道古訓阮亨甫整夜讀書

*Cầu học nhất tâm, Chu Văn Trinh chung nhật tĩnh tọa;
Mình đạo cổ huấn, Nguyễn Hanh Phủ chỉnh dạ độc thư.*
Học sự quyết tâm, Chu Văn An suốt ngày suy ngẫm;
Tìm điều huấn cổ, Nguyễn Bình Khiêm cả đêm đọc sách.

獨坐每將書作伴
閉門長與竹爲鄰

*Độc tọa mỗi tương thư tác bạn;
Bế môn trường dữ trúc vi lân.*
Một mình lấy sách vui bầu bạn;
Khép cửa cùng trúc chỗ láng giềng.

林間掃石安棋局
松下看雲讀道書

*Lâm gian tảo thạch an kỳ cục;
Tùng hạ khán vân độc đạo thư.*

Trong rừng quét sỏi bày cờ tướng;
Dưới thông xem mây đọc sách đạo.

半榻圖書松竹徑
一梨煙雨杏花村

Bán thạp đồ thư tùng trúc kính;

Nhất lê yên vũ hạnh hoa thôn.

Nửa giường đầy sách bên thông trúc;
Một gậy dầm mưa rượu hạnh hoa.

已向山林達世事
不妨詩酒作生涯

Dĩ hướng sơn lâm vi thế sự;

Bất phương thi tửu tác sinh nhai.

Đã đến núi rừng tránh thế sự;

Chỉ còn thơ rượu lấy làm vui.

悄磨歲月書千卷
嘯傲乾坤酒一壺

Tiêu ma tuế nguyệt thư thiên quyển;

Khiêu ngạo càn khôn tửu nhất hồ.

Quên đi năm tháng sách nghìn quyển;

Gọi dậy đất trời rượu một vò.

詩書伴我閑中地
風月宜人醉後天

Thi thư bạn ngã nhàn trung địa;

Phong nguyệt nghị nhân túy hậu thiên.

Khi nhàn nhà thơ vẫn là bạn;

Lúc say rồi trăng gió ấy tình.

須存渾厚爲人地
當致寬容作我基

Tu tồn hồn hậu vi nhân địa;

Đương trí khoan dung tác ngã cơ.

Để đất cho người bằng nhân hậu;

Xây nền mình lại phải khoan dung.

催耕聽鳥知時敘
占候無書識稔年

*Thôi canh thánh điều tri thời tự;
Chiêm hậu vô thư thức nậm niên.
Làm ruộng nghe chim biết thời vụ;
Trông trời không sách tỏ được mùa.*

溪邊翠竹新詩料
門外青山古畫屏
*Khê biên thúy trúc tân thi liệu;
Môn ngoại thanh sơn cổ họa bình.
Bên khe trúc biếc là thi liệu;
Ngoài cửa non xanh ấy trường hoa.*

對君子之清風賞古人之明月
傲墳索之長圖步先哲之高衢
*Đôi quân tử chi thanh phong, thưởng cổ nhân chi minh nguyệt;
Ngạo phần sách chi trường phồ, bộ tiên triết cho cao cù.
Sánh thanh cao của người quân tử, ngắm trăng sáng của người xưa;
Khinh tha ma dài đầy mồ mả, bước đường cao của hiền triết.*

自古聖賢做工夫豈止數行書著力
從今宇宙皆吾事莫將第一等讓人
*Tự cổ thánh hiền tố công phu, khởi chỉ số hàng thư trước lực;
Tòng kim vũ trụ giai ngô sự, mạc tương đệ nhất đẳng nhượng nhân.*

Từ xưa thánh hiền ra sức, đâu chỉ ở mấy giòng sách;
Ngày nay ta làm mọi việc, chớ nhường hạng nhất cho người.
從來歲月易催人對黃卷青燈當惜寸陰尺璧
勿謂文章無得力到龍樓鳳閣方知一字千金
*Tòng lai tuế nguyệt dị thôi nhân, đối hoàng quyển thanh đăng,
đương tích thốn âm xích bích;*

*Vật vị văn chương vô đắc lực, đáo long lâu phượng các,
phương tri nhất tự thiên kim.
Xưa nay năm tháng khiến người già, trước sách vở dưới đèn,
phải tiếc mỗi khắc là một thước ngọc;
Chớ nói văn chương vô tích sự, đến lầu rồng gác phượng,
mới biết một chữ đáng nghìn vàng.*

性靜不嫌茅屋小
心清自覺菜根香
*Tính tĩnh bất hiềm mao ốc tiểu;
Tâm thanh tự giác thái căn hương.*

Tính tình chẳng hiểm nhà tranh nhỏ;
Tâm thanh tự thích rễ rau thơm.

樂趣無窮柴門外青山綠水
幽懷有曠竹籬下白菊黃花

*Lạc thú vô cùng, sài môn ngoại thanh sơn lục thủy;
U hoài hữu khoáng, trúc lý hạ bạch cúc hoàng hoa.*

Vui thú vô cùng, ngoài liếp cửa có non xanh nước biếc;
Lòng buồn man mác, dưới rào tre ngắm cúc trắng hoa vàng.

鋤月種奇花風度顯何等瀟灑
焚香修古譜精神凝一項優游

*Trợ nguyệt chủng kỳ hoa, phong độ hiển hà đẳng tiêu sái;
Phân hương tu cổ phổ, tinh thần ngưng nhất hạng ưu du.*

Cày trăng trồng hoa lạ, phong độ tỏ vô vàn thanh thản;
Đốt hương sửa phả cổ, tinh thần ngưng hạng nhất lo đời.

秋飲黃花酒

冬吟白雪詩

Thu ẩm hoàng hoa tửu;

Đông ngâm bạch tuyết thi.

Thu uống rượu hoàng hoa;

Đông ngâm thơ bạch tuyết.

空惟大慈悲此性不生不滅
捨了我法化上天無色無聲

*Không duy đại từ bi, thủ tính bất sinh bất diệt;
Xả liễu ngã pháp hóa, thượng thiên vô sắc vô thanh.*

Để trống đại từ bi, tính này bất sinh bất diệt;

Bỏ không đây pháp hóa, trời cao vô sắc vô thanh.

(Chùa Vĩnh Nghiêm; Thành phố Hồ Chí Minh)

登祖堂其思惟乎世局轉風波越鳥南
枝常紀念

憶故郡甚遙遠矣江山起雲霧海鷗北
塞合同群

*Dăng tổ đường, kỳ tư duy hồ thế cục chuyển phong ba,
viết diều nam chi thường kỷ niệm;*

Ưc cố quận, thâm dao viễn hĩ giang sơn khởi vân vụ,
hải âu bắc tái hợp đồng quần.

Lên nhà tổ, ta suy tư về thế cục chuyển sóng gió,
chim việt cảnh nam bao kỷ niệm;
Nhớ quê xưa, thật xa quá bởi non sông dấy mây mù,
hải âu biển bắc phải hợp quần.

(Chùa Vĩnh Nghiêm; Thành phố Hồ Chí Minh)

永壽其傳名葉流芳天德江風香水引
嚴光弗替大家接武竹林古樹覺花開
Vĩnh Thọ kỳ truyền, danh diệp lưu phương, Thiên Đức giang phong,
hương thủy dẫn,

Nghiêm Quang phát thế, đại gia tiếp vũ, Trúc Lâm cổ thụ,
giác hoa khai.

Vĩnh Thọ được truyền, danh tiếng còn thơm, gió sông Thiên Đức,
hương thủy dẫn;

Nghiêm Quang không đổi, đại gia tiếp bước, cây cổ Trúc Lâm,
giác hoa khai.

(Chùa Vĩnh Nghiêm; Thành phố Hồ Chí Minh)

談笑非他帝典王謨周禮樂
品評何事唐詩晉帖漢文章

Đàm tiếu phi tha, Đế điển Vương mô Chu lễ nhạc;

Phẩm bình hà sự, Đường thi Tấn thiếp Hán văn chương.

Cười nói không ngoài, điển Đế mô Vương, Chu thì lễ nhạc;

Luận bàn chỉ thích, thơ Đường thiếp Tấn, Hán có văn xuôi.

爲學如掘井九仞無泉難造就
求知貴有恒一心致志可成功

Vì học như quật tỉnh, cửu nhận vô tuyền nan tạo tựu;

Cầu tri quý hữu hằng, nhất tâm chí chí khả thành công.

Việc học như đào giếng, chín nhận vẫn khô là khó đấy;

Tìm tòi quý kiến trì, một lòng quyết chí tất thành công.

博觀六經四書百家諸子
能讀三墳五典八索九丘

Bác quan Lục kinh, Tứ thư, Bách gia, Chư tử;

Năng đọc Tam phần, Ngũ điển, Bát sách, Cửu khâu.

Xem rộng Lục kinh, Tứ thư, Bách gia, Chư tử;

Hay đọc Tam phần, Ngũ điển, Bát sách, Cửu khâu.

萬口流傳新教育
千秋根底大文章

Vạn khẩu lưu truyền tân giáo dục;
Thiên thu căn để đại văn chương.
Muôn người truyền dạy giáo dục mới;
Ngàn năm gốc rễ vẫn nền xưa.

知古今名勝
學內外名人
Tri cổ kim danh thắng;
Học nội ngoại danh nhân.
Rành xưa nay cảnh đẹp;
Học trong ngoài người hay.

求知識學海探寶累亦喜
追科學書山尋珍苦也甜
Cầu tri thức, học hải thám bảo, lụy diệc hỷ;
Truy khoa học, thư sơn tầm trân, khổ dã điềm.
Muốn hiểu biết, mò báu biển học, mệt cũng thỏa;
Theo khoa học, tìm trân núi sách, khổ vẫn cam.

鳳非凡鳥
仙乃山人
Phượng phi phàm điểu;
Tiên nãi sơn nhân.
Phượng không phải chim phàm;
Tiên lại là người núi.

勤學有餘
怠者不足
Cần học hữu dư;
Đãi giả bất túc
Chăm học được giàu;
Lười biếng thì nghèo.

音樂并陳和其心以養其志
妍媸齊獻取其是而戒其非
Âm nhạc tịnh trần, hòa kỳ tâm dĩ dưỡng kỳ chí;
Nghiên xuy tề hiến, thủ kỳ thị nhi giới kỳ phi.
Âm nhạc bày cùng lúc, hòa tâm để dưỡng chí;
Đẹp xấu đều đưa ra, lấy cái đúng mà răn cái sai.
(Câu đối ở Duyệt thị đường trong thành Nội, Huế)

池邊水滴呼軍令
樹上風吹罵賊聲

*Trì biên thủy trích hô quân lệnh;
Thụ thượng phong suy mạ tặc thanh.*

Bên ao nước giọt hô quân lệnh;
Cây cối gió đưa chửi giặc thanh.

*(Câu đối viếng Vương Thúc Mậu (Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An)
của Dương Công San - 1895)*

身困十年懷素節
命隨一髮表丹心

*Thân khốn thập niên hoài tố tiết;
Mệnh tùy nhất phát biểu đan tâm.*

Ôm tiết trắng mười năm chịu khổ;
Tỏ lòng son sợi tóc đeo tai.

(Lê Quýnh; Bắc hành tùng ký)

師傅功名奇際遇
公候孫子蔚香馨

*Sư phó công danh kỳ tế ngộ;
Công hầu tôn tử uất hương hình.*

Tế ngộ lạ công danh Sư phó;
Hương thơm lừng con cháu Công hầu.

(Nhà thờ cụ Nghè Lý, Hà Nội)

開五鋪新基天運喜同人運發
掌一家舊套財源與利源通

*Khai ngũ phó tân cơ thiên vận hỷ đồng nhân vận phát;
Chưởng nhất gia cựu sáo tài nguyên dư lợi nguyên thông.*

Mở văn phòng tạo dựng nghiệp mới, vận người gặp thiên thời tiền phát;
Chắc tay giữ kỷ cương nền nếp, lòng người cùng tài lộc hanh thông.

(Lê Quốc Việt, báo Kinh tế nông thôn; số Xuân Ất Dậu, 2005, tr.1)

天錫通明弘化育
聖扶功用達才能

*Thiên tích thông minh Hoằng Hóa dục;
Thánh phù công dụng Đạt Tài năng.*

Trời phú thông minh giúp Hoằng Hóa phát triển;
Thánh phù thực lực khiến Đạt Tài làm nên.

(Vương Duy Trinh đề Văn chỉ làng Đạt Tài)

天上精英萬仞青山顯聖
女中豪杰千秋白象傳神

Thiên thượng tinh anh, vạn nhữn thanh sơn hiển thánh;

Nữ trung hào kiệt, thiên thu bạch tượng truyền thần.

Tinh anh trên trời, vạn nhữn non xanh hiển thánh;

Anh hùng nữ giới, nghìn thu voi trắng truyền thần.

(Lưu truyền ở Thanh Hóa)

夜澤相扶龍爪永留南史越
西河鎮旅頭矛直破北梁兵

Dạ Trạch tương phù long trảo vĩnh lưu Nam Việt sử;

Tây Hà trấn lữ đầu mâu trực phá Bắc Lương binh.

Dạ Trạch giúp phù, móng rồng còn lưu sử Nam Việt;

Tây Hà hạ trại, mâu kia phá hết giặc Bắc Lương

(Sự tích Triệu Quang Phục)

生不虛生生作魁科生不負
死而無死死於國事死爲生

Sinh bất hư sinh, sinh tác khôi khoa, sinh bất phụ;

Tử nhi vô tử, tử ư quốc sự, tử vi sinh.

Sống chẳng sống thừa, sống được đầu khoa, sống thật đáng;

Chết mà không chết, chết vì đất nước, chết là vinh.

(Câu đối của chí sĩ Lê Tri Trực làm trước khi bị giặc Pháp chém, Thanh Hóa)

狀元祖榜眼孫梁族名騰兩國
都督前尚書後國朝位列三公

Trạng nguyên tổ, Bảng nhãn tôn, Lương tộc danh đằng lưỡng quốc;

Đô đốc tiền, Thượng thư hậu, quốc triều vị liệt tam công.

Ông Trạng nguyên, cháu Bảng nhãn; họ Lương tiếng lừng hai nước

Trước Đô đốc, sau Thượng thư, nước nhà tước xếp Tam công.

(Nhà thờ họ Lương, Vụ Bản, Nam Định)

佐國堅貞真相國
護民靈顯是福神

Tá quốc kiên trinh chân Tướng quốc;

Hộ dân linh hiển thị phúc thần.

Giúp nước kiên trinh chân Tướng quốc;

Hộ dân linh hiển đúng phúc thần.

(Câu đối đền Nguyễn Đăng, Thanh Hóa)

藍山袍馬遺傳跡
玉嶺衣冠帶遠鄉
*Lam Sơn bào mã di truyền tích;
Ngọc Lĩnh y quan đới viễn hương.*
Bào mã Lam Sơn còn truyền tích;
Mũ áo Ngọc Lĩnh dẫn quê xa.
(Nhà thờ họ Lê ở Hoàng Hải)

東阿已古山河異
南殿留名廟宇長
*Đông A dĩ cổ sơn hà dị;
Nam điện lưu danh miếu vũ trường.*
Đông A đã cổ non sông đổi;
Nam điện tên còn miếu mạo còn.
(Nghe Doan Vi, Thanh Hóa)

四十四載宣勞事經六部
七十七年享壽仕歷三朝
*Tứ thập tứ tải tuyên lao, sự kinh lục bộ;
Thất thập thất niên hưởng thọ, sĩ lịch tam triều.*
Bốn mươi bốn năm ra sức, việc qua sáu bộ;
Bảy mươi bảy xuân hưởng thọ, quan trải ba triều.
(Miếu thờ Bùi Khắc Nhất ở Hoàng Lộc)

在天爲瑞雨
本地化靈芝
*Tại thiên vi thủy vũ;
Bản địa hóa linh chi.*
Trên trời là mưa ngọt;
Dưới đất hóa thuốc hay.
(Lăng Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

梅郡榮封揚杖烈
桃源遺曲表丹心
*Mai quận vinh phong dương trượng liệt;
Đào nguyên di khúc biểu đan tâm.*
Tước phong Mai quận công oanh liệt;
Còn khúc Đào nguyên tỏ lòng son.
(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

北 京 鐵 石 辭 封 表
南 國 其 常 俸 日 功

*Bắc Kinh thiết thạch từ phong biểu;
Nam quốc kỳ thường phủng nhật công.*

Kiên quyết chôi từ Bắc Kinh biểu;
Ngày ngày vui nhận Nam Việt công.

(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

弘 道 講 唐 開 理 學
使 化 詩 集 在 人 間

Hoàng Đạo giảng đường khai lý học;

Sử Hoa thi tập tại nhân gian.

Hoàng Đạo giảng đường mở lý học;

Sử Hoa thi tập sống với đời.

(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

春 宵 風 月 月 引 花 色 風 引 花 香 香 生 色 色 生

香 香 香 色 色 滿 春 宵 相 思 客 與 相 思 客

夏 日 琴 詩 琴 寓 我 情 詩 寓 我 性 性 援 情

情 援 性 性 性 情 情 經 夏 日 知 音 人 識 知 音 人

*Xuân tiêu phong nguyệt, nguyệt dẫn hoa sắc, phong dẫn hoa hương;
hương sinh sắc, sắc sinh hương; hương hương sắc sắc, mãn xuân tiêu;*

tương tư khách dữ tương tư khác;

*Hạ nhật cầm thi, cầm ngụ ngã tình, thi ngụ ngã tính; tính viên tình
tình viên tính; tính tính tình tình, kinh hạ nhật;*

tri âm nhân thức tri âm nhân.

Trắng gió đêm xuân, trắng kéo sắc hoa, gió dẫn hương hoa; hương
sinh sắc, sắc sinh hương; hương hương sắc sắc, đầy đêm xuân;

người mong nhớ vui với người mong nhớ;

Thơ đàn ngày hạ, đàn gửi tình ta, thơ gửi tính ta; tính giúp tình, tình
giúp tính; tính tính tình tình, qua ngày hạ;

người hiểu ta biết được người hiểu ta.

(Giai thoại Phùng Khắc Khoan đi sứ)

三 木 森 庭 坐 著 好 兮 女 子

重 山 出 路 走 來 使 者 吏 人

Tam mộc sâm đình, tọa trước hảo hê nữ tử;

Trùng sơn xuất lộ, tẩu lai sử giả lại nhân.

Ba cây che sân, ngôi đó là cô gái tốt;
Hai núi mở đường, đến đây ấy sứ lại nhân⁽¹⁾.
(Giai thoại Trạng Bùng đi sứ về gặp Chúa Liễu ở biên giới)

山人憑一几莫非仙女臨凡
文子帶長巾必是學生侍帳
Sơn nhân bằng nhất kỷ, mạc phi tiên nữ lâm phàm;
Văn tử đới trường cân, tất thị học sinh thị trưởng.
Người núi ngồi một ghế, phải chăng tiên nữ xuống phàm;
Chàng văn chít khăn dài, đích thị học sinh giữ trường⁽²⁾.

講信修睦謂大同萬國衣裳之會
體國京野爲民極四方視聽維新
Giảng tín tu mục vị đại, đồng vạn quốc y thường chi hội;
Thể quốc kinh dã vi dân, cực tứ phương thị thính duy tân.
Lấy hòa mục lâu dài làm lớn, cùng các nước vào hội thái hòa;
Coi kinh quê toàn quốc là dân, khắp bốn phương nghe thấy duy tân.
(Bảo tôn, Huế)

白藤護戰功良將威名驚北地
海東留靈跡英雄心事對南天
Bạch Đằng hộ chiến công, lương tướng uy danh kinh Bắc địa;
Hải Đông lưu linh tích, anh hùng tâm sự đối Nam thiên.
Hộ chiến trận Bạch Đằng, tướng giỏi uy danh kinh đất Bắc;
Linh tích còn Đông Hải, anh hùng tâm sự gửi trời Nam.
(Đền thờ Trần Quốc Tảng; Cửa Ông)

自古成名文址道
今時學位鼎高瘡
Tự cổ thành danh văn chỉ đạo;
Kim thời học vị đỉnh cao sang.
Từ cổ thành danh nhờ đường văn chỉ;
Thời nay học vị là đỉnh cao sang.

香泉恆大有
玉液蓋家人

⁽¹⁾ Ba chữ mộc là chữ sâm, chữ nữ và chữ tử là chữ hảo; hai chữ sơn là chữ xuất, chữ nhân và chữ lại là chữ sứ.

⁽²⁾ (Sơn nhân là chữ Tiên; dưới chữ Bằng có chữ Kỷ; chữ Nhất và chữ Kỷ là chữ Phàm. Về đối: Chữ Văn và chữ Tử là chữ Học; dưới chữ Đối là chữ Cân; chữ Trưởng và chữ Cân là chữ Trưởng. Đây là giai thoại Trạng Bùng và Chúa Liễu).

*Hương tuyến hằng đại hữu;
Ngọc dịch cái gia nhân.
Mạch thơm tuôn bất tận;
Nước ngọc tưới muôn nhà.*

借問何人不飲水
未知誰個是思源
*Tá vấn hà nhân bất ẩm thủy;
Vị tri thủy cá thị tư nguyên.*

Thử hỏi ai là người không uống nước;
Chưa biết cá nhân nào nhớ nguồn.

父母養生德重恩深祈解脫
君師治教功高力大願超昇
*Phụ mẫu dưỡng sinh, đức trọng ân thâm kỳ giải thoát;
Quân sư trị giáo, công cao lực đại nguyện siêu thăng.
Cha mẹ dưỡng sinh, nghĩa nặng ơn sâu cầu giải thoát.
Vua nuôi, thầy dạy công cao sức cả, muốn siêu thăng.*

常將不盡還天地
別有無窮待古人
*Thường tương bất tận hoàn thiên địa;
Biệt hữu vô cùng đãi cổ nhân.*

Thường đem cái vô cùng trả trời đất;
Riêng có kho bất tận đãi cổ nhân.

愛國一心忠志勇
重宗積德孝義仁
*Ái quốc nhất tâm trung chí dũng;
Trọng tông tích đức hiếu nghĩa nhân.
Ái quốc một lòng: Trung, chí dũng;
Trọng tông tích đức: Hiếu, nghĩa, nhân.*

人道五常皆五性
民風相保可相規
*Nhân đạo ngũ thường giai ngũ tính;
Dân phong tương bảo khả tương quy.
Đạo người ngũ thường là ngũ tính;
Tục dân bảo hộ giữ gìn nhau.*

有德人皆敬
施恩世必尊

Hữu đức nhân giai kính;

Thì ân thế tất tôn.

Có đức dân đều kính;

Thì ân đời ắt sùng.

待人寬三分是福
處世讓一步為高

Đãi nhân khoan tam phân thị phúc;

Xử thế nhượng nhất bộ vi cao.

Đãi người rộng ba phần là làm phúc;

Xử thế nhường một bước ấy thanh cao.

禮有獻牲大為貴小為貴
祭洗則受福家之肥族之肥

Lễ hữu hiến sinh, đại vi quý tiếu vi quý;

Tế tặc thụ phúc, gia chi phì tộc chi phì.

Lễ có việc hiến sinh, lớn cũng quý, nhỏ cũng quý;

Tế thì được hưởng phúc, ích cho họ, ích cho nhà.

建造基培新制度
重修保養舊規模

Kiến tạo cơ bồi tân chế độ;

Trùng tu bảo dưỡng cựu quy mô.

Kiến tạo bồi đắp quy mô mới;

Trùng tu bảo dưỡng nền móng xưa.

佛道親客廉正客
禪門遠避暴姦人

Phật đạo thân khách liêm chính khách;

Thiền môn viễn ty bạo gian nhân.

Đạo Phật thân với khách toàn là khách liêm chính;

Cửa thiền xa lánh bọn người bạo ngược gian tham.

丹青莫測靈臺狀
正直元因造化功

Đan thanh mạc trắc linh đài trạng;

Chính trực nguyên nhân tạo hóa công.

Bút sơn khó tả linh đài thực;
Chính trực làm đầu tạo hóa công.

君可以心對人爲善
佛常以法處世爲平
*Quân khả dĩ tâm đối nhân vi thiện;
Phật thường dĩ pháp xử thế vi bình.*

Vua hay dùng tâm đức đối nhân làm thiện;
Phật thường lấy pháp xử thế công bằng.

濁遇清流能濯性
生於人世乃知心
*Trọc ngộ thanh lưu năng trạc tính;
Sinh ư nhân thế nãi tri tâm.*

Đục gặp dòng trong nên gột rửa tính cách;
Người ta sống ở đời phải hiểu lòng nhau.

佛本慈悲不怒而威不言而信
人能善念有求必應有禱必通

*Phật bản từ bi, bất nộ nhi uy, bất ngôn nhi tín;
Nhân năng thiện niệm, hữu cầu tất ứng, hữu đảo tất thông.*
Phật vốn từ bi, không giận mà oai, không nói mà tín;
Người hay nghĩ tốt, hễ cầu là ứng, hễ đảo là thông.

隱居求其德
行義達其道

*Ẩn cư cầu kỳ đức;
Hành nghĩa đạt kỳ đạo.*

Ẩn cư để tỏ đức;
Làm việc nghĩa để đạt đạo mình.

詩禮微風徵壽世
軒岐實業願傳家

*Thi lễ vi phong trưng thọ thế;
Hiên Kỳ thực nghiệp nguyện truyền gia.*
Phong thái sách đèn nối đời bền vững;
Nghệ y cứu thế mong muốn truyền gia.

接物以謙和情孚老少
待人推平恕澤溥鄉鄰

*Tiếp vật dĩ khiêm hòa tinh phu lão thiếu;
Đãi nhân suy bình thứ trạch phổ hương lân.*
Tiếp đãi mọi người bằng đức khiêm hòa, được lòng già trẻ;
Xử thế đối nhân công bằng và nhân hậu, ơn khắp xóm làng.

明 已 矣 信 已 矣 斷 已 矣
學 知 之 勉 知 之 困 知 之

*Minh dĩ hỹ, tín dĩ hỹ, đoán dĩ hỹ;
Học tri chi, miễn tri chi, khốn tri chi.*
Rõ rồi đấy, đáng tin đấy, khẳng định rõ ràng rồi đấy;
Học còn biết, gắng mới biết, khổ công mới biết mọi điều.

興 邦 濟 世 皆 勤 學
國 盛 民 安 智 慧 通

*Hưng bang tế thế giai cần học;
Quốc thịnh dân an trí tuệ thông.*
Hưng bang cứu đời đều nhờ chăm học;
Nước thịnh dân yên trí tuệ phải thông.

文 字 如 珠 玉
姓 名 似 河 沙

*Văn tự như châu ngọc;
Tính danh tựa hà sa.*
Văn tự quý như châu ngọc;
Tên tuổi rẻ tựa cát sông.

敬 心 百 世 不 易
享 仰 萬 古 如 斯
*Kính tâm bách thế bất dịch;
Tôn ngưỡng vạn cổ như tư.*

Lòng cung kính trăm đời không đổi;
Chí vươn theo vạn cổ chẳng thay.

美 俗 維 新 村 鄉 興 振
煙 香 依 舊 福 澤 留 芳

*Mỹ tục duy tân thôn hương hưng chấn;
Yên hương y cựu phúc trạch lưu phương.*
Tục hay đổi mới, thôn làng hưng thịnh phần chấn;
Khói hương như cũ, phúc trạch lưu đọng thơm hương.

尊祖敬宗倫理第一義
美哉奐輪於斯聚族鄉

Tôn tổ kính tông luân lý đệ nhất nghĩa;

Mỹ tại hoán luân ư tư tụ tộc hương.

Tôn kính tổ tông là ý nghĩa lớn nhất của luân lý;

Đẹp dễ rực rỡ thay: nơi đây làng họ sum họp nhau.

施報恩情人我共
往來禮教古今同

Thi báo ân tình nhân ngã cộng;

Vãng lai lễ giáo cổ kim đồng.

Có ân tình thì báo đáp, ai ai cũng vậy;

Phải qua lại theo lễ giáo, xưa nay như nhau.

既勤垣墉惟其塗姿
詒謀燕德澤萬斯年

Ký cần viên dung duy kỳ đồ tư;

Di mưu yến đức trạch vạn tư niên.

Đã chăm xây dựng lại khéo tô vẽ;

Thu vén che chở để ơn muôn đời.

桃筆花盤開智腦
金鐘木鐸喚迷魂

Đào bút hoa bàn khai trí não;

Kim chung mộc đặc hoán mê hồn.

Bút thấm mâm hoa mở mang trí não;

Chuông vàng mõ gõ đánh thức hồn mê.

學得最珍天上策
書留不盡後人才

Học đắc tối trân thiên thượng sách;

Thư lưu bất tận hậu nhân tài.

Học được thì sách ở trên trời là cái quý nhất;

Sách lưu lại thì nhân tài đời sau bất tận sinh ra.

雄國基光標柱石
直方以視正中觀

Hùng quốc cơ quang tiêu trụ thạch;

Trực phương dĩ thị chính trung quan.

Nền nước vững mạnh sáng rõ nêu cao nơi cột đá;
Thối thẳng ngay biểu hiện ở sự sắp xếp chính chung.

師門澤薄淵源在
德樹根深雨露濃

*Sư môn Trạch bạc uyên nguyên tại;
Đức thụ căn thâm vũ lộ nồng.*

(Thành Thái niên xuân; Lỗ Trai Mai Đình xã môn sinh đồng bài)

Học vấn của nhà thầy uyên bác;
Cây đức rễ sâu mưa thấm nhiều.

(Mùa xuân năm Thành Thái; Các môn sinh xã Lỗ Trai và Mai Đình cùng dâng)

道涵一理
化妙萬緣

*Đạo hàm nhất lý;
Hóa diệu vạn duyên.*

Đạo gồm một lẽ;
Dạy có muôn phương.

月巢鴈作千年夢
雪屋人迷一色工

*Nguyệt sào nhạn tác thiên niên mộng;
Tuyết ốc nhân mê nhất sắc công.*

Tổ trắng nhạn làm ngàn năm mộng;
Nhà tuyết người thích một thợ hay.

蓮發池中永劫淤泥無染獨
花開水上長時清氣有餘香

*Liên phát trì trung vĩnh kiếp ử nê vô nhiễm độc;
Hoa khai thủy thượng trường thời thanh khí hữu dư hương.*
Sen sống trong hồ suốt kiếp bùn nhơ không dính được;
Hoa nở trong nước lâu dài khí mát vẫn còn thơm.

**CHỨC MỪNG
VIẾNG THĂM**



Cầu đôi ở chùa Từ Đàm
(TP. Huế)

保身保物保財產
利己利人利國家

Bảo thân bảo vật bảo tài sản.

Lợi kỷ lợi nhân lợi quốc gia.

Gữ thân giữ vật giữ tài sản.

Lợi mình lợi người lợi nước nhà.

大禍之時未受苦
防災而後更知甜

Đại họa chi thời vị thụ khổ.

Phòng tai nhi hậu cánh tri diêm.

Phải thời đại họa chưa từng khổ.

Sau lúc phòng tai mới thấy hay.

無由祈禱神難佑
有靠保安定勝天

Vô do kỳ đảo thần nan hữu.

Hữu kháo bảo an định thắng thiên.

Khẩn cầu không có, thần khôn giúp.

Bảo an đã cậy người thắng trời.

千家保險千家樂
萬戶平安萬戶歡

Thiên gia bảo hiểm thiên gia lạc.

Vạn hộ bình an vạn hộ hoan.

Ngàn nhà bảo hiểm ngàn nhà sướng.

Vạn hộ bình yên vạn hộ vui.

勤儉千家多富有
防災萬戶報平安

Cần kiệm thiên gia đa phú hữu.

Phòng tai vạn hộ báo bình an.

Cần kiệm nghìn nhà lắm giàu có.

Phòng tai muôn hộ báo bình an.

勤勞門第春來早
保險人家富自多

Cần lao môn đệ xuân lai tảo.

Bảo hiểm nhân gia phú tự đa.

Siêng năng con cháu, xuân về sớm.

Bảo hiểm nhà nhà, phúc sẽ nhiều.

平安無事多宜國
一旦有災可保安

*Bình an vô sự đa nghi quốc.
Nhất đán hữu tai khả bảo an*
Bình an vô sự, nước nên lo.
Tai họa xảy ra nhà sẽ ổn.

順境防災需保險
居安無事要思危

Thuận cảnh phòng tai nhu bảo hiểm.
Cư an vô sự yếu tư nguy.
Theo cảnh phòng tai, cần bảo hiểm.
Ở yên vô sự, nhớ khi nguy.

鳥入吉林多富瑞
人臻壽域賴安全

Điểu nhập cát lâm đa phúc thủy.
Nhân trăn thọ vực lại an toàn.
Chim thấy đất lành bay đến đậu.
Người giữ an toàn tuổi thọ cao.

不可臨崖才勒馬
莫教賊走始關門

Bất khả lâm nhai tài lặc mã.
Mạc giao tặc tẩu thủy quan môn.
Không thể sát vực mới dừng ngựa.
Chớ nên giặc rút mới đóng thành.

奉勸日前休惜費
管教事後保無災

Phụng khuyến nhật tiền hưu tích phí.
Quản giáo sự hậu bảo vô tai.
Xin sớm khen ai dừng tiếc của.
Để sau việc xảy tránh tai ương.

寧以千金于保險
豈可一日不防災

Ninh dĩ thiên kim vu bảo hiểm.
Khởi khả nhất nhật bất phòng tai.
Thà lấy ngàn vàng gửi bảo hiểm.
Chớ nên một buổi chẳng phòng tai.

花少許前君莫惜
得多助處自無慢

Hoa thiếu hứa tiền quân mạc tích.

Đắc đa trợ xứ tự vô ưu.

Bỏ ít tiền mua trước, xin chớ tiếc.

Được nhiều nơi giúp, tự không lo.

自古無先知誰能免禍
而金有保險我可救災

Tự cổ vô tiên tri thủy năng miễn họa.

Nhi kim hữu bảo hiểm ngã khả cứu tai.

Tự cổ chẳng tiên tri, ai hay khỏi họa.

Ngày nay có bảo hiểm ta được cứu tai.

蟻穴潰堤土漸防微宜趁早
沉病致命訪賢療疾莫延遲

Nghĩ huyết hội đề đồ tiệm phòng vi nghi sấn tảo.

Trầm kha chí mệnh phỏng hiền liệu tật mạc diên trì.

Tổ kiến vỡ đê, bịt kín lỗ rò, nên kịp sớm.

Ốm đau gần chết, tìm thầy chữa bệnh chớ lãn khân.

謹慎行船莫到危時才補漏
運籌生計安能渴甚始掘井

Cẩn thân hành thuyền mạc đáo nguy thời tài bổ lậu.

Vận trù sinh kế an năng khát thậm thủy quật tỉnh.

Lái thuyền cẩn thận, chớ trễ lúc nguy, rò mới vá.

Mưu sinh tính toán, sao hay nước cạn giếng lo đào.

國泰民安太行春早頌長治
鶯歌燕舞皇水情濃慶泰平

Quốc thái dân an Thái Hàng xuân tảo tụng trường trị.

Oanh ca yến vũ Hoàng Thuỷ tình nồng khánh thái bình.

Quốc thái dân an, Thái Hàng xuân sớm ca đời trị.

Oanh ca yến múa, Hoàng Thuỷ tình sâu chúc thái bình.

國運興隆千家萬戶頌安順
勁風駭蕩三山五岳唱康寧

Quốc vận hưng long, thiên gia vạn hộ tụng an thuận.

Kinh phong hải dăng tam sơn ngũ nhạc xướng khang ninh.

Vận nước đang lên, ngàn nhà vạn hộ khen an thuận.

Sóng to gió lớn, ba non năm núi hát khang ninh.

安 全 第 一 八 方 舒 心 八 處 穩
康 健 當 先 一 路 順 風 一 身 輕

An toàn đệ nhất bát phương thư tâm bát xứ ổn.

Khang kiện đương tiên nhất lộ thuận phong nhất thân khinh.

An toàn trên hết, tám hướng an tâm, tám chỗ ổn.

Sức khoẻ hàng đầu, một đường xuôi gió một thân khinh.

取 于 民 用 于 民 心 系 萬 民 優 樂
功 在 國 利 在 國 事 關 一 國 長 安

Thủ vu dân dụng vu dân tâm hệ vạn dân ưu lạc.

Công tại quốc lợi tại quốc sự quan nhất quốc trường an.

Lấy cho dân, dùng cho dân, quan hệ vạn dân sướng khổ.

Công ở nước, lợi ở nước, liên quan cả nước bình yên.

保 而 無 患 九 州 泰
化 險 爲 夷 百 姓 安

Bảo nhi vô hoạn cửu châu thái.

Hóa hiểm vi di bách tính an.

Gửi để không lo chín châu ổn.

Hóa khó thành dễ trăm họ yên.

玉 屑 凝 成 淡 不 厭
銀 泥 厚 積 淨 無 塵

Ngọc tiết ngưng thành đạm bất yếm.

Ngân nê hậu tích tịnh vô trần.

Ngọc vụn ngưng thành nhạt chẳng ngán.

Bạc bùn lắng đọng sạch không dơ.

瓦 岳 澄 來 銀 有 影
金 刀 割 處 玉 無 瑕

Ngoã nhac trờng lai ngân hữu ảnh.

Kim đao cắt xứ ngọc vô hà.

Bình gốm lắng trong ngời ánh bạc.

Dao vàng chỗ cắt ngọc không tì.

君 子 淡 交 禪 參 玉 版
民 間 真 味 品 重 香 廚

Quân tử đạm giao thiền tham ngọc bản.

Dân gian chân vị phẩm trọng hương trù.

Quân tử thanh đạm, thiên chuộng bản ngọc
Dân gian hợp vị, phẩm quý hương thanh.

明月堪持贈
仁風待奉揚

*Minh nguyệt kham trì tặng.
Nhân phong đãi phụng dương.
Trắng sáng đem ra tặng.
Gió nhân đợi được nêu.*

妙盾人風剪
新裁對月圓

*Diệu thuẫn nhân phong tiễn.
Tân tài đối nguyệt viên.
Khéo giúp khi vắng gió.
Mối may tựa trăng tròn.*

清風生掌握
爽氣滿胸圓

*Thanh phong sinh chưởng ác.
Sảng khí mãn hung viên.
Gió mát nắm uy quyền.
Sảng khoái đầy trong bụng.*

影動半輪月
香生一握風

*Ảnh động bán luân nguyệt.
Hương sinh nhất ác phong.
Phe phẩy nửa vành trăng.
Hương sinh một trận gió.*

不教烈日當頭晒
自有仁風拂面來

*Bất giao liệt nhật đương đầu sái.
Tự hữu nhân phong phất diện lai.
Chớ nên ngày nắng dãi phơi đầu.
Sẵn có gió xuân phe phẩy mặt.*

舉處隨時消酷暑
動來常伴有清涼

*Cử xứ tùy thời tiêu khốc thử.
Động lai thường bạn hữu thanh lương.*

Giương lên có thể trừ cơn nắng.
Cử động thường cho trận gió lành.

紫雲張日艷
繡羽帶風飄

Tử vân trương nhật diễm.
Tú vũ đới phong phiêu.
Mây tía che ngày nắng.
Lông đẹp cuộn gió bay.

千顆碎珠寒帶雪
半身柔翠冷披煙

Thiên khoả toái châu hàn đới tuyết.
Bán thân nhu thủy lãnh phi yên.
Trời tuyết lạnh hàng ngàn ngọc vụn.
Hơi lạnh bay thấy ẩm nửa người.

任是滂沱至大道
偏能坦蕩到光天

Nhâm thị bàng đà chí đại đạo.
Thiên năng thản đẵng đáo quang thiên.
Gặp mưa tầm tã trên đường lớn.
Vẫn hay bình thản đợi trời quang.

往來宛似祥雲覆
出入何嫌細雨淋

Vãng lai uyển tự tường vân phủ.
Xuất nhập hà hiềm tế vũ lâm.
Ung dung khép mở mây lành phủ.
Há ngại ra vào mưa bụi bay.

鐵骨根根撐苦雨
絹花朵朵蔽驕陽

Thiết cốt căn căn撑苦雨.
Quyên hoa đoá đoá tễ kiêu dương.
Cốt sắt từng nan đỡ khổ mưa.
Lụa hoa mỗi mảnh che trời nắng.

虛心原具沖風力
瘦骨由懷向日心

Hư tâm nguyên cụ xung phong lực.
Sấu cốt do hoài hướng nhật tâm

Bụng rỗng vẫn thừa hơi căng gió.
Xương mai còn nhớ hướng lên trời.

不 愁 夕 陽 去
還 有 夜 珠 來

*Bất sầu tịch dương khứ.
Hoàn hữu dạ châu minh.
Chẳng lo nắng chiều tắt.
Sẵn có dạ minh châu.*

閃 影 同 天 笑
流 光 奪 月 輝

*Thiểm ảnh đồng thiên tiếu.
Lưu quang đoạt nguyệt huy.
Lấp lánh cười với trời.
Vẻ sáng, mờ vàng nguyệt.*

光 輝 九 天 能 奪 月
輝 煌 一 室 勝 懸 珠

*Quang huy cửu thiên năng đoạt nguyệt.
Huy hoàng nhất thất thắng huyền châu.
Sáng láng chín tầng trăng cũng kém
Huy hoàng một cửa ngọc còn thua.*

百 尺 高 懸 如 皎 月
一 燈 遠 照 若 明 星

*Bách xích cao huyền như皎 nguyệt.
Nhất đăng viễn chiếu nhưc minh tinh.
Trăm thước treo cao tựa ánh trăng.
Một ngọn chiếu xa như sao sáng.*

丰 富 文 化 生 活
有 益 身 心 健 康

*Phong phú văn hoá sinh hoạt.
Hữu ích thân tâm kiện khang.
Dồi dào sinh hoạt văn hoá.
Giúp cho khoẻ khoắn tinh thần.*

書 畫 詩 歌 頌 大 治
吹 拉 彈 唱 慶 升 平

*Thư hoạ thi ca tụng đại trị.
Suy lạc đàn xướng khánh thăng bình.*

Thư hoạ thi ca mừng đại trị.
Sáo đàn hát xướng chúc thanh bình.

金谷園中羅錦繡
玉樓天半起生歌

Kim cốc viên trung la cẩm tú.
Ngọc lâu thiên bán khởi sinh ca.
Hang vàng khắp vườn bầy gấm vóc.
Lầu ngọc lưng trời rộn hát ca.

畫印詩書娛遠志
琴棋簫笛養精神

Họa ấn thi thư ngộ viễn chí.
Cầm kỳ tiêu địch dưỡng tinh thần.
Hội hoạ văn thơ vui chí hướng.
Đàn cò tiêu sáo dưỡng tinh thần.

說唱彈拉度周末
書刪影視偕公余

Thuyết xướng đàn lập độ chu mạt.
Thư san ảnh thị giai công dư.
Nghe hát chơi đàn, tuần ngày cuối.
Xem phim đọc sách, lúc giờ dư.

今人能為古人曲
聽者當知彈者情

Kim nhân năng vị cổ nhân khúc.
Thính giả đương tri đàn giả tình.
Người nay khúc soạn vì người xưa.
Khách nghe đàn thấu tình kẻ đạo.

天然圖畫
一曲陽春

Thiên nhiên đồ họa.
Nhất khúc dương xuân.
Bức vẽ thiên nhiên.
Dương xuân một khúc.

古今真樂府
天地大梨園

Cổ kim chân lạc phủ.
Thiên địa đại lệ viên.

Nhạc phủ đúng xưa nay.

Sân khấu lớn giữa trời.

傳神真寶鏡

寫意大文章

Truyền thần chân bảo kính.

Tả ý đại văn chương.

Lột được đúng thần người.

Tả hết ý văn chương.

明月臨歌扇

新花艷舞衣

Minh nguyệt lâm ca phiến.

Tân hoa diễm vũ y.

Trăng sáng chiếu sàn diễn.

Hoa tươi đẹp vũ y.

清歌凝白雪

妙舞散紅霞

Thanh ca ngưng bạch tuyết

Diệu vũ tán hồng hà.

Ca tụng ngưng tuyết trắng.

Múa đẹp tản ráng hồng.

玉樓天半笙歌起

蓬島仙班笑話和

Ngọc lâu thiên bán sinh ca khởi.

Bồng đảo tiên ban tiếu thoại hoà.

Lầu ngọc lưng trời đàn sáo rộn.

Bồng đảo bày tiên cất tiếng ca.

借虛事指點實事

托古人提醒今人

Tích hư sự chỉ điểm thực sự.

Thác cổ nhân đề tỉnh kim nhân.

Dem chuyện bịa rạch rồi chuyện thực.

Mượn người xưa thức tỉnh người nay.

怒罵笑啼皆學問

悲歡歸去盡人情

Nộ mạ tiếu đề giai học vấn.

Bì hoan quy khứ tận nhân tình.

Mắng giận khóc cười, đều phải học.

Buồn vui đi lại thực tình người.

假笑啼中真面目
新歌舞里舊衣冠

Giả tiếu đề trung chân diện mục.

Tân ca vũ lý cựu y quan.

Trong cười khóc giả, thực diện mạo.

Chốn ca múa mới, cũ xiêm y.

欲知世上觀臺上
不識今人看古人

Dục tri thế thượng quan đài thượng.

Bất thức kim nhân khán cổ nhân.

Việc đời muốn biết xem sân khấu.

Người nay không hiểu ngắm người xưa.

有聲畫譜描人物
無字文章寫古人

Hữu thanh hoạ phổ miêu nhân vật.

Vô tự văn chương tả cổ nhân.

Hoạ phổ có lời vẽ nhân vật.

Văn chương không chữ tả xưa nay.

能令公喜能令公怒
歌也有懷哭也有思

Năng linh công hỷ năng linh công nộ.

Ca dã hữu hoài khóc dã hữu tư.

Hay khiến ông mừng, hay khiến ông giận.

Hát vậy có tâm, khóc vậy có tình.

不大地方可國可家可天下
平常人物爲將爲相爲名神

Bất đại địa phương khả quốc khả gia khả thiên hạ.

Bình thường nhân vật vi tướng vi tướng vi danh thần.

Mảnh sân không rộng, đầy nước, đầy nhà, đầy thiên hạ.

Nhân vật bình thường, là quan là tướng, là danh thần.

天風鳴爽籟
韻語滌塵襟

Thiên phong minh sáng lại.

Vận ngữ địch trần khâm.

Gió trời thổi ống sáo.

Vân điệu gột bụi trần.

與客笑言風月事

盡人評說古今情

Dữ khách tiếu ngôn phong nguyệt sự.

Tận nhân bình thuyết cổ kim tình.

Cùng khách nói cười chuyện trăng gió.

Với người bình luận tình xưa nay.

拍案驚奇牽魂魄

章回說岳辨忠姦

Phách án kinh kì khiên hồn phách.

Chương hồi thuyết nhạc biện trung gian.

Võ án ghê thay dẫn hồn phách.

Chương hồi thuyết lý biện ngay gian.

真真假假調情理

假假真真勸世人

Chân chân giả giả điều tình lý.

Giả giả chân chân khuyên thế nhân.

Chân chân giả giả cũng tình lý.

Giả giả chân chân khuyên thế gian.

啓只陽春欣白雪

更多下里樂巴人

Khởi chỉ dương xuân hân bạch tuyết.

Cánh đa hạ lý lạc ba nhân.

Đâu chỉ dương xuân ưa bạch tuyết (hai khúc nhạc cổ)

Còn nhiều hạ lý chuộng ba nhân (hai khúc hát cổ)

說古談今神情畢肖

鳴箏弄策風月無邊

Thuyết cổ đàm kim thần tình tất tiếu.

Minh tranh lộng sách phong nguyệt vô biên.

Nói xưa bàn nay thần trí tiêu tan.

Gảy đàn dờn thẽ gió trăng vô hạn.

把古往今來重新說起

將悲歡離合再敘從頭

Bả cổ vãng kim lai, trùng tân thuyết khởi.
Tương bi hoan ly hợp, tái tự tông đầu
Lượm chuyện cũ việc nay, đề ra thuyết mới.
Đem vui buồn tan hợp, kể lại từ đầu.

三寸舌談古論今活靈活現
一尺木表忠伐逆越說越奇

Tam thốn thiết đàm cổ luận kim hoạt linh hoạt hiện.
Nhất xích mộc biểu trung phạt nghịch việt thuyết việt kỳ.
Ba tấc lưỡi bàn xưa, luận nay, thoát ản thoát hiện.
Một cây gậy tỏ trung, đánh giặc, càng nói càng kỳ.

從容施藥
厚朴行醫

Thung dung thi dược
Hậu phác hành y.
Thung dung⁽¹⁾ cắt thuốc.
Hậu phác⁽²⁾ hành y.

岐黃事業
菩薩心腸

Kỳ hoàng sự nghiệp.
Bồ tát tâm trường.
Sự nghiệp kỳ, hoàng⁽³⁾.
Tám lòng bồ tát.

尋氣如尋病
逐愁便逐災

Tầm khí như tìm bệnh.
Trục sầu tiện trục tai.
Tìm khí như tìm bệnh.
Đuổi sầu sẽ đuổi tai.

但愿人皆健
何妨我獨貧

Đản nguyện nhân giai kiện.
Hà phương ngã độc bần.
Chỉ muốn mọi người khỏe.
Sao hởi riêng ta nghèo.

(1), (2) Tên hai vị thuốc

(3) Kỳ Bá và Hoàng đế là hai vị tổ của đông y được Trung Quốc.

苦心求妙述
聖手去沉痾
Khổ tâm cầu diệu thuật.
Thánh thủ khử trầm kha.
Khổ tâm cầu thuật giỏi.
Tay thánh dứt bệnh lâu

讀史常懷經世略
檢方更著活人書
Độc sử thường hoài kinh thế lược.
Kiểm phương cánh trước hoạt nhân thư.
Độc sử những mong thông xử thế.
Tìm phương nhằm soạn sách cứu người.

我以公余詢疾苦
君將仁述去瘡痍
Ngã dĩ công dư tuấn tật khổ.
Quân tương nhân thuật khử sang di.
Ta lấy lúc nhàn thăm bệnh tật.
Ông đem nhân thuật chữa thương đau.

妙藥銀針除病痛
丹心聖手保安康
Điệu dược ngân châm trừ bệnh thống.
Đan tâm thánh thủ bảo an khang.
Thuốc hay, châm bạc, trừ đau bệnh.
Lòng son, tay thánh, giữ an khang.

濟世風清醫國手
通方愿是讀書人
Tế thế phong thành y quốc thủ.
Thông phương nguyện thị độc thư nhân.
Chữa bệnh nổi danh thầy cả nước.
Phương hay nhờ ở sách xem nhiều.

暢通渠道
廣辟財源
Sương thông cử đạo.
Quảng tịch tài nguyên.
Khơi thông mương máng.
Mở rộng tài nguyên.

爲四方顧客
立三尺櫃臺

Vị tứ phương cố khách.

Lập tam xích cự đài.

Vì khách hàng bốn phương.

Dựng quầy cao ba thước.

城招天下客
香引洞中仙

Thành chiêu thiên hạ khách.

Hương dẫn động trung tiên.

Vui đón khách thiên hạ.

Hương đưa người động tiên.

多想生財道
廣開致富門

Đa tưởng sinh tài đạo.

Quảng khai trí phú môn.

Nghiên ngầm đường sinh lợi.

Mở rộng cửa làm giàu.

喜集八方化
笑迎四海賓

Hỷ tập bát phương hoá.

Tiểu nghinh tứ hải tân.

Gom hành hoá tám phương.

Đón khách hàng bốn biển.

爲人民服務
開企業財源

Vị nhân dân phục vụ

Khai xí nghiệp tài nguyên.

Vì nhân dân phục vụ.

Mở tài nguyên xí nghiệp.

通八方信息
聚四海資財

Thông bát phương tín tức.

Tụ tứ hải tư tài.

Thông tin tức tám phương.

Lượm tiền của bốn biển.

物美 昌銷路
價廉 稱客心

*Vật mỹ tương tiêu lộ.
Giá liêm xưng khách tâm.
Hàng đẹp dễ tiêu thụ.
Giá rẻ khách vừa lòng.*

琳良 滿目貨
買賣 稱心門

*Lâm lương mãn mục hoá.
Mãi mại xưng tâm môn.
Hàng rực rỡ ngợp mắt.
Giá mua bán vừa lòng.*

通商 重信義
和眾 得安康

*Thông thương trọng tín nghĩa.
Hoà chúng đắc an khương.
Buôn bán trọng tín nghĩa.
Hoà nhả được an khương.*

昌期 開景遠
泰象 啓陽春

*Xương kỳ khai cảnh viễn.
Thái tượng khai dương xuân.
Thời thịnh mở viễn cảnh.
Tượng thái chỉ đầu xuân.*

吉星 欣在店
祥藹 喜盈門

*Cát tinh hân tại điểm.
Tương ái hỷ doanh môn.
Sao tốt vui ở điểm.
Mây lành mừng đầy nhà.*

貨物 任挑選
經商 通有無

*Hoá vật nhậm khiêu tuyển.
Kinh thương thông hữu vô.
Hàng hóa qua chọn lựa.
Kinh doanh biết có không.*

貨好門如市
心公客自來

Hoá hảo môn như thị.

Tâm công khách tự lai.

Hàng tốt cửa như chợ.

Công tâm khách khỏi mời.

生意興隆通四海
財源茂盛達三江

Sinh ý hưng long thông tứ hải.

Tài nguyên mậu thịnh đạt tam giang.

Buôn bán hưng vượng thông bốn biển.

Tài nguyên phồn thịnh nối ba sông.

財如曉日騰雲起
利自春潮帶雨來

Tài như hiếu nhật đằng vân khởi.

Lợi tự xuân trào đới vũ lai.

Tiền như ngày đẹp cười mây bay.

Lợi tựa triều xuân đem nước tới.

門迎曉日財源廣
戶納春風吉慶多

Môn nghinh hiếu nhật tài nguyên quảng.

Hộ nạp xuân phong cát khánh đa.

Cửa chào ngày sớm tài nguyên lắm.

Nhà đón gió xuân cát khánh nhiều.

名碑譽滿三江水
好貨能招四海賓

Danh bi dự mãn tam giang thủy.

Hảo hoá năng chiêu tứ hải tân.

Danh bia tiếng ngập nước ba sông.

Hàng tốt hay thu khách bốn biển.

事與人便人稱便
貨招客來客自來

Sự dữ nhân tiện nhân xưng tiện.

Hoá chiêu khách lai khách tự lai.

Việc cho người tiện người khen tiện.

Hàng kéo khách về khách tự về.

東 無 西 有 通 無 有
我 需 你 求 供 需 求

Đông vô tây hữu thông vô hữu.

Ngã nhu nhĩ cầu cung nhu cầu.

Đông không tây có thông không có.

Tôi cung anh cầu cùng cung cầu.

文 明 經 商 生 意 好
禮 貌 待 客 光 顧 多

Văn minh kinh thương sinh ý hảo.

Lễ mạo đãi khách quang cố đa.

Kinh doanh văn minh buôn bán tốt.

Nhà nhận với khách chiêu cố đông.

國 增 財 富 店 增 貨
柜 滿 春 風 客 滿 門

Quốc tăng tài phú điểm tăng hoá.

Cự mãn xuân phong khách mãn môn.

Nước tăng giàu có quán tăng hàng.

Quầy đầy gió xuân khách đầy cửa.

門 市 笑 迎 遠 近 客
柜 臺 喜 納 城 鄉 人

Môn thị tiếu nghinh viễn cận khách.

Cự đài hỷ nạp thành hương nhân.

Cổng chợ vui đón khách xa gần.

Sạp hàng mừng thấy người quê tỉnh.

三 尺 柜 臺 傳 暖 意
一 張 笑 臉 帶 春 風

Tam xích cự đài truyền noãn ý.

Nhất trương tiếu kiển đới xuân phong.

Ba thước sạp hàng truyền ý tốt.

Một nụ cười tươi chứa gió xuân.

互 濟 有 無 需 貿 易
廣 交 朋 友 促 供 銷

Hỗ tế hữu vô nhu mậu dịch;

Quảng giao bằng hữu xúc cung tiêu.

Cùng chở có không cần mậu dịch.

Rộng chơi bầu bạn đẩy cung tiêu.

門市不缺應時貨
營業常存周到心

*Môn thị bất khuyết ứng thời hoá.
Doanh nghiệp thường tồn chu đáo tâm.
Cửa chợ không thiếu hàng hợp thời.
Doanh nghiệp có thừa lòng chu đáo.*

服務人民多供應
支援建設積資金

*Phục vụ nhân dân đa cung ứng.
Chi viện kiến thiết tích tư kim.
Phục vụ nhân dân cung ứng lắm.
Góp công xây dựng vốn cần nhiều.*

東購西銷調多補少
南裝北運以有易無

*Đông cầu tây tiêu điều đa bổ thiếu.
Nam trang bắc vận dĩ hữu dịch vô.
Tây bán đông mua, thiếu thừa điều chỉnh.
Nam cần bắc chuyển, lấy có thay không.*

一點公心平似水
十分生意穩如山

*Nhất điểm công tâm bình tự thủy.
Thập phần sinh ý ổn như sơn.
Một điểm công tâm ổn như nước.
Mười phần buôn bán vững như non.*

貨物齊全選挑不厭
價錢公道老少無欺

*Hoá vật tề toàn tuyển khiêu bất yếm.
Giá tiền công đạo lão thiếu vô khi.
Hàng hoá tốt đều, chọn lựa không ngần.
Giá tiền giữ chung, già trẻ chẳng khinh.*

交流會上花如錦
生意行中客滿門

*Giao lưu hội thượng hoa như cẩm.
Sinh ý hàng trung khách mãn môn.
Trong hội giao lưu hoa tựa gấm.
Ở nơi buôn bán khách đầy nhà.*

靈活經營財源茂盛
薄利多銷生意興隆

Linh hoạt kinh doanh tài nguyên mậu thịnh.

Bạc lợi đa tiêu sinh ý hưng long.

Kinh doanh linh hoạt, dồi dào thịnh tài nguyên.

Lãi ít bán nhiều, chán hưng buôn bán.

經商信義堅如鐵
謀利毫厘薄似雲

Kinh thương tín nghĩa kiên như thiết.

Mưu lợi hào ly bạc tựa vân.

Kinh doanh tín nghĩa cứng như thép.

Mưu lợi hào ly mỏng tựa mây.

禮謙宜貿無論東西南北
應時便民當分春夏秋冬

Lễ khiêm nghi mậu vô luận đông nam tây bắc.

Ứng thời tiện dân đương phân xuân hạ thu đông.

Lễ nghi đúng mực chẳng kể đông nam tây bắc.

Đúng thời tiện dân phải phân xuân hạ thu đông.

喜待東西南北客
樂談姐妹弟兄情

Hỷ đãi đông tây nam bắc khách.

Lạc đàm thư muội đệ huynh tình.

Mừng đón khách đông tây nam bắc.

Vui ôn tình anh em chị em.

以天下爲己任丹心似火
把顧客當親人笑臉如春

Dĩ thiên hạ vi kỷ nhiệm dan tâm tự hỏa.

Bả cố khách đương thân nhân tiếu kiếm như xuân.

Lấy thiên hạ làm việc mình lòng son tựa lửa.

Coi khách hàng như người thân cười tươi như xuân.

五洲信息靈通風馳電掣
四海財源發達雨聚雲蒸

Ngũ châu tín tức linh thông phong trì điện xiết.

Tứ hải tài nguyên phát đạt vũ tụ vân chưng.

Tinh thông tin tức năm châu, gió lay chớp giật.

Thu thập tài nguyên bốn biển, mây tụ mưa vần.

進店來人人滿意
出門去個個稱心
*Tiến điểm lai nhân nhân mãn ý.
Xuất môn khứ cá cá xưng tâm.*
Vào nhà hàng, người người xứng ý.
Ra khỏi cửa, kẻ kẻ vui lòng.

眼觀六路分析市場變化
耳聽八方弄清群眾需求
*Nhãn quan lục lộ phân tích thị trường biến hoá.
Nhĩ thính bát phương lộng thanh quần chúng nhu cầu.*
Mắt nhìn sáu ngả, phân tích thị trường biến đổi.
Tai nghe tám hướng, nhận ra quần chúng nhu cầu.

百問不煩百拿不厭
笑容常展笑口常開
*Bách vấn bất phiền bách nã bất yếm.
Tiểu dung thường triển tiểu khẩu thường khai.*
Trăm hỏi chẳng phiền, trăm đòi chẳng ngán.
Nét mặt thường tươi, nụ cười thường nở.

語似春風吹暖四方八面
心如爐火映紅萬戶千家
*Ngữ tự xuân phong suy noãn tứ phương bát diện.
Tâm như lô hoả ánh hồng vạn hộ thiên gia.*
Lời tựa gió xuân, thổi ấm bốn phương tám hướng.
Lòng như bếp lửa, soi hồng muôn hộ nghìn nhà.

春滿柜臺五光四色
貨盈櫥架萬紫千紅
*Xuân mãn cự đài ngũ quang thập sắc.
Hoá doanh trù hạ vạn tử thiên hồng.*
Sạp hàng đầy xuân năm màu mười sắc.
Hàng bày chật giá muôn tía nghìn hồng.

細語笑顏待客最重禮貌
耐心誠意經商貴在講文明
*Tế ngữ tiếu nhan đãi khách tối nhu trọng lễ mạo;
Nại tâm thành ý kinh thương quý tại giảng văn minh.*
Cười nói nhẹ nhàng, tiếp khách rất cần coi trọng lễ.
Ý tình nhẫn nại, kinh doanh quý ở có văn minh.

文明經商丹心似火三冬暖
禮貌待客笑臉如春一店香

Văn minh kinh thương đan tâm tự hoả tam đông noãn.

Lễ mạo đãi khách tiếu kiểm như xuân nhất điểm hương.

Kinh doanh văn minh, lòng son tựa lửa ấm ba đông.

Lễ phép đón mời, vẻ mặt như xuân thơm một cửa.

經營有述不在店堂大與小
貿易無欺全憑貨物美與真

Kinh doanh hữu thuật bất tại điểm đường đại dữ tiểu.

Mậu dịch vô khi toàn bằng hoá vật mỹ dữ chân.

Kinh doanh có thuật, cửa hàng đâu ở nhỏ hay to.

Mậu dịch không lừa, hàng hoá phải là thật và đẹp.

貨有急時需有略自然無限
誠為聚財本積少可以成多

Hoá hữu cấp thời nhu hữu lược tự nhiên vô hạn.

Thành vì tự tài bản tích thiểu khả dĩ thành đa.

Hàng phải kịp thời trừ tính trước tự nhiên vô hạn.

Của cần tích lũy vốn từ nhỏ có thể thành lớn.

曉日騰雲財源拾似泉中水
春風送雨生意如同錦上花

Hiếu nhật đằng vân tài nguyên thập tự tuyền trung thủy.

Xuân phong tống vũ sinh ý như đồng cẩm thượng hoa.

Sáng sớm cười mây, tài nguyên tựa suối nguồn nước chảy.

Gió xuân mưa tiễn, buôn bán như gấm dệt hoa thêu.

物美價廉顧客如雲爭購買
貨真質好來賓似雨喜分銷

Vật mỹ giá liêm cố khách như vân tranh cầu mại.

Hoá chân chất hảo lai tân tự vũ hỷ phân tiêu.

Cửa đẹp giá hời, tranh mua khách đến tựa mây dồn.

Hàng thật chất tốt, muốn sắm người đi như nước chảy.

線腦計頭小商品百挑不厭
布匹家電大路貨一色俱全

Tuyến não chẩm đầu tiểu thương phẩm bách khiêu bất yếm.

Bố sắt gia điện đại lộ hoá nhất sắc câu toàn.

Chỉ buộc kim cài mặt hàng vật, trăm chọn không ngán.

Vải vóc đồ điện, vật dụng to, một vẻ vẹn toàn.

四壁騰輝星羅棋布

八面生春霞蔚雲蒸

Tứ bích đằng huy tinh la kỳ bố.

Bát diện sinh xuân hà uất vân chưng.

Bốn vách rực rỡ, hàng bày la liệt.

Tám mặt tươi vui, ráng mây huy hoàng.

服務人民南北貨任君挑選

支援生產城鄉情由我溝通

Phục vụ nhân dân nam bắc hoá nhiệm quân khiêu tuyển.

Chi viện sinh sản thành hương tình do ngã câu thông.

Hàng nam bắc phục vụ nhân dân, xin ông lựa chọn.

Giúp phố làng chi viện sản xuất, việc tôi điều hành.

有道經營貨略五湖四海

周全服務心懷萬戶千家

Hữu đạo kinh doanh hoá lược ngũ hồ tứ hải.

Chu toàn phục vụ tâm hoài vạn hộ thiên gia.

Kinh doanh có đạo, hàng đến tận năm hồ bốn biển.

Phục vụ chu toàn, lòng nghĩ về vạn hộ muôn nhà.

貨好譽千家不愧誠中取利

樓高盈百尺長從微處便民

Hoá hảo dự thiên gia bất quý thành trung thủ lợi.

Lâu cao doanh bách xích trường tông vì xử tiện dân.

Hàng tốt nghìn nhà khen, chẳng thẹn phố phường kiếm lợi.

Lầu cao trên trăm thước, vẫn đi ngõ hẹp dân nghèo.

百貨商店店里百貨如意店

一顆紅心心中心一顆為民心

Bách hoá thương điểm, điểm lý bách hoá, như ý điểm.

Nhất khoả hồng tâm, tâm trung nhất khoả, vị dân tâm.

Bách hoá thương hiệu, hiệu đủ bách hoá, đẹp lòng hiệu

Một tấm thịnh tình, tình đủ một tấm, vì dân tình.

精美齊全銷春夏秋冬之貨

熱情周到迎東西南北之人

Tinh mỹ tề toàn tiêu xuân hạ thu đông chi hoá.

Nhiệt tình chu đáo nghinh đông tây nam bắc chi nhân.

Tình xảo giống nhau, hàng bán thu đông xuân hạ.

Nhiệt tình chu đáo, đón người nam bắc đông tây.

雲錦天仙織
霓裳巧婦裁

*Vân cẩm thiên tiên chích.
Nghê thường xảo phụ tài.
Mây gấm tiên trời dệt.
Xiêm áo vợ khéo may.*

紫白紅黃皆悅目
麻棉毛葛總人時

*Tử bạch hồng hoàng giai duyệt mục.
Ma miên mao cát tổng nhân thời.
Tía trắng hồng vàng đều đẹp mắt.
Gai đay tơ vải cũng theo thời.*

雲霞分五色
錦繡聚千絲

*Vân hà phân ngũ sắc.
Cẩm tú tụ thiên ty.
Ráng mây chia năm sắc.
Gấm dệt họp ngàn tơ.*

風吐絲綸成五色
龍蟠錦繡燦千花

*Phong thổ ty luân thành ngũ sắc.
Long bàn cẩm tú xán thiên hoa.
Gió nhả dây tơ thành ngũ sắc.
Rồng vờn gấm dệt rạng ngàn hoa.*

機逐回文巧
花依錦字明

*Cơ trục hồi văn xảo.
Hoa y cẩm tự minh.
Khéo may kiểu hồi văn.
Hoa tươi nhờ chữ gấm.*

萬國山川藏彩線
四時花鳥貯金針

*Vạn quốc sơn xuyên tàng thái tuyến.
Tứ thời hoa điểu trữ kim châm.
Chỉ màu chứa núi sông muôn nước.
Kim khâu gom hoa điểu bốn mùa.*

冷暖隨人意
纏綿動客心

Lãnh noãn tùy nhân ý.

Triền miên động khách tâm.

Ấm lạnh tùy ý người.

Uyển chuyển động lòng khách.

美富文章雲蒸霞蔚
經綸事業錦簇花團

Mỹ phú văn chương vân chưng hà uly.

Kinh luân sự nghiệp cẩm thốc hoa đoàn.

Văn chương phong phú đẹp tựa rắng mây.

Sự nghiệp kinh luân tươi như hoa gấm.

欲知世上經綸美
試看機頭組織工

Dục tri thế thượng kinh luân mỹ.

Thí khán cơ đầu tổ chức công.

Muốn biết trên đời may mặc đẹp

Thử xem máy móc khéo gia công.

掌握千絲織就中天美錦
胸羅萬象繡成上苑奇葩

Chưởng ác thiên ty chức tựu trung thiên mỹ cẩm.

Hung la vạn tượng tú thành thượng uyển kỳ ba.

Nắm giữ ngàn tơ, dệt được giữa trời gấm đẹp.

Bụng giàn muôn vẻ, thêu nên thượng uyển kỳ hoa.

尺量神韻
剪得風流

Xích lượng thần vận.

Tiến đắc phong lưu.

Thước đo khéo léo.

Lưỡi kéo phong lưu.

金針堪度世
玉尺待量才

Kim châm kham độ thế.

Ngọc xích đãi lượng tài.

Kim vàng để giúp đời.

Thước ngọc chờ người giỏi.

金針鳳舞
玉尺龍飛

*Kim châm phượng vũ
Ngọc xích long phi.
Kim vàng phượng múa.
Thuớc ngọc rồng bay.*

花隨玉指添春色
聲引秋絲逐曉風

*Hoa tùy ngọc chỉ thêm xuân sắc.
Thanh dẫn thu ty trục hiểu phong.
Hoa nhờ tay ngọc thêm xuân sắc.
Thanh dẫn tơ thu đuổi gió mai.*

寒衣熨出春風暖
彩線添成瑞氣多

*Hàn y uất xuất xuân phong ấm.
Thái tuyến thêm thành thủy khí đa.
Áo rét là xong gió xuân ấm.
Chỉ đẹp khâu rồi lắm khí lành.*

一寸布一寸絲物盡其用
不論男不論女量體裁衣

*Nhất thốn bố nhất thốn ty vật tận kỳ dụng.
Bất luận nam bất luận nữ lượng thể tài y.
Một tấc vải một tấc tơ vật nào việc ấy.
Không kể nam không kể nữ may áo theo người.*

金剪裁成丹鳳舞
銀針引出彩鸞飛

*Kim tiền tài thành đan phượng vũ.
Ngân châm dẫn xuất thái loan phi.
Như phượng múa kéo vàng khéo cắt.
Tựa loan bay kim bạc tài khâu.*

萬線千針化作美中旋律
一刀一剪裁出身上春秋

*Vạn tuyến thiên châm hoa tác mỹ trung toàn luật.
Nhất đao nhất tiền tài xuất thân thượng xuân thu.
Muôn sợi ngàn kim, chế tác sản phẩm hoàn mỹ.
Một dao một kéo may thành y phục xuân thu.*

銀針度處功夫密
鐵剪裁來體制新
*Ngân châm độ xứ công phu mật.
Thiết tiến tài lai thể chế tân.*
Kim bạc đã dành nhiều công sức.
Kéo sắt đưa ra lắm cách tân.

剪風裁龍激情蕩漾三江水
飛針走線巧藝溫馨萬戶心
*Tiến phong tài long kích tình dăng dăng tam giang thủy.
Phi châm tẩu tuyến xảo nghệ ôn hình vạn hộ tâm.*
Thêu cắt rồng mây, khơi tình gợi ý miền sông nước.
Chỉ kim bay lượn, khéo tay hay về thoả lòng người.

男添庄重女增俏
夏透風涼冬御寒
*Nam thêm trang trọng nữ tăng tiếu.
Hạ thấu phong lương đông ngự hàn.*
Nam thêm trang trọng nữ thời xinh.
Hạ cho thoáng mát đông không rét.

獨運匠心花樣般般人滿意
巧施妙手新衣件件客稱心
*Độc vận tâm y hoa dạng ban ban nhân mãn ý.
Xảo thi diệu thủ, tân y kiện kiện khách xưng tâm.*
Mình thợ tìm tòi, vẽ hoa khiến bao người đẹp ý.
Khéo tay hết mực, áo mới làm cho khách vừa lòng.

針腳密精縫巧做
技藝高折舊翻新
*Châm cước mật tinh phùng xảo tố.
Kỹ nghệ cao sách cựu phiên tân.*
Tay kim giỏi khâu hay may đẹp.
Công nghệ cao cũ bỏ mới thay.

剪制千匹布
針縫萬種衣
*Tiến chế thiên sát bố.
Châm phùng vạn chủng y.*
Cắt may ngàn tấm vải.
Kim khâu vạn áo quần.

輕黃淡綠齊生色
紗紫嫣紅總入時

Khinh hoàng đạm lục tề sinh sắc.

Sa tử yên hồng tổng nhập thời.

Vàng phai xanh nhạt đều khoe sắc.

Tía đẹp hồng tươi thảy hợp thời.

愿將天上雲霞色
化作人間錦繡裳

Nguyên tương thiên thượng vân hà sắc.

Hoá tác nhân gian cẩm tú thường.

Muốn đem màu sắc mây thiên giới.

Làm ra gấm vóc áo nhân gian.

成衣久享精工譽
西服遠傳巧技名

Thành y cửu hưởng tinh công dự.

Tây phục viễn truyền xảo kỹ danh.

Kiểu nội nức khen tay thợ khéo.

Hàng âu nổi tiếng kỹ thuật cao.

時裝任我精心制
美服請君合意挑

Thời trang nhậm ngã tinh tâm chế.

Mỹ phục thỉnh quân hợp ý khiêu.

Thời trang hãy để tôi tinh chế.

Kiểu đẹp xin nhường ông chọn thay.

人受凍寒非我愿
世皆溫暖是吾心

Nhân thụ đông hàn phi ngã nguyện.

Thế giai ôn noãn thị ngô tâm.

Người đời rét mướt đâu mình muốn.

Thế gian ấm áp hợp lòng ta.

雲錦托出一輪月
時裝擁來萬朵花

Vân cẩm thác xuất nhất luân nguyệt.

Thời trang ủng lai vạn đoá hoa.

Mây gấm một vành trăng lấp ló.

Thời trang muôn đoá hoa ganh đua.

剪綠裁紅妝麗色
挑花繡蕊美儀容

Tiến lục tài hồng trang lệ sắc.

Khiêu hoa tú nhụy mỹ nghi dung.

Cắt lục may hồng tô vẻ đẹp.

Khâu hoa thêu nhụy điểm dung nhan.

肥瘦短長皆有度
細精表里是其能

Phì sấu đoản trường giai hữu độ.

Tế tinh biểu lý thị kỳ năng.

Gầy béo ngắn dài đều có mức.

Trong ngoài tinh tế ở tài năng.

來料加工隨時方便
行針走線到處均勻

Lai liệu gia công tùy thời phương tiện.

Hành châm tẩu tuyến đáo xứ quân câu.

Vật liệu gia công tùy thời cắt đặt.

Đường kim mũi chỉ mọi chỗ phải đều.

有冠真秀氣
此帽最宜人

Hữu quan chân tú khí.

Thử mào tối nghi nhân.

Có khăn khí tượng đẹp.

Đội mũ ra dáng người.

對鏡掠鬢宜麗盾
簪花抹額助新裝

Đối kính lược mấn nghi lệ thuẫn.

Trâm hoa mặt ngạch trợ tân trang.

Soi gương chải tóc mong làm đẹp.

Cài hoa vuốt trán tự tân trang.

脫幘無心惊露頂
請纓有路喜彈冠

Thoát trách vô tâm kinh lộ đỉnh.

Thỉnh anh hữu lộ hỷ đàn quan.

Bỏ khăn vô ý sợ hở đầu.

Xin dải có lời mừng được mũ.

步 月 凌 雲 去
登 堂 入 室 來

*Bộ nguyệt lãng vân khứ.
Đăng đường nhập thất lai.
Trăng bước, dẫm mây - đi.
Lên nhà, vào cửa - đến.*

看 去 澤 然 忘 白 雪
步 來 還 得 映 青 雲

*Khán khứ trạch nhiên vong bạch tuyết.
Bộ lai hoàn đắc ánh thanh vân.
Bước ra thoả mái quên trời tuyết.
Dạo về là lúc rạng mây xanh.*

橋 邊 墜 去 留 侯 取
天 畔 飛 來 葉 令 歸

*Kiều biên truy khứ lưu hầu thủ.
Thiên bần phi lai diệp lệnh quy.
Bên cầu rơi xuống đành đợi nhặt.
Trên trời bay lại lá khiến về.*

前 程 遠 大 腳 根 須 站 穩
工 作 浩 繁 步 驟 要 分 清

*Tiền trình viễn đại cước căn tu trạm ổn.
Công tác hạo phồn bộ sậu yếu phân thanh.
Dặm thẳng đường xa bàn chân cần giữ ổn.
Tần phiên công tác các bước phải phân minh.*

底 硬 幫 柔 力 敵 千 鈞 何 懼 踩
山 高 路 遠 步 隨 萬 里 敢 辭 勞

*Đế cứng bang nhu lực địch thiên quân hà cù thái.
Sơn cao lộ viễn bộ tùy vạn lý cảm từ lao.
Đế cứng chân mềm sức chịu ngàn cân không ngại giẫm.
Non cao đường thẳng bước chân muôn dặm dám từ nan.*

尺 碼 自 家 尋 大 小 深 淺 須 合 意
式 樣 由 君 選 婦 孺 老 壯 各 隨 心

*Xích mã tự gia tìm đại tiểu thâm thiển tu hợp ý.
Thức dạng do quân tuyển phụ nhụ lão tráng các tùy tâm.
Kích cỡ chọn tùy người, to nhỏ sâu nông cần hợp ý.
Kiểu dáng lựa do khách, trẻ già trai gái hãy tùy tâm.*

雪花資潤澤
香水溢芬芬

*Tuyết hoa tư nhuận trạch.
Hương thủy dật phân phân.
Bông tuyết vẻ tươi sáng.
Nước hoa hương ngát thơm.*

濃淡隨人著
芬芬入座馨

*Nùng đậm tùy nhân trược.
Phân phân nhập tọa hình.
Nhạt nồng tùy người chọn.
Hương ngát vào nhà thơm.*

蝶粉香迷白
燕脂色潤紅

*Điệp phấn hương mê bạch.
Yến chi sắc nhuận hồng.
Phấn hương bướm mờ trắng.
Son sắc én tươi hồng.*

晶瓶香滴黃金露
粉靨膏塗白玉霜

*Tinh bình hương trích hoàng kim lộ.
Phấn điệp cao đồ bạch ngọc sương.
Bình pha lê chứa rượu hoàng kim.
Cao phấn bướm đồ sương bạch ngọc.*

蝶繞蜂圍渾欲醉
花香粉氣不分明

*Điệp nhiễu phong vi hôn dục túy.
Hoa hương phấn khí bất phân minh.
Bướm lượn ong vây rày nghiêng ngã.
Hương hoa hơi phấn khó phân minh.*

香送春風令我醉
粉添花氣襲人來

*Hương tống xuân phong linh ngã túy.
Phấn thiêm hoa khí tập nhân lai.
Hương xuân quện gió khiến mình say.
Vẻ hoa giồi phấn cho người chuộng.*

百美圖中最宜熏染
眾香國里別具姿容
Bách mỹ đồ trung tối nghi huân nhiễm.
Chúng hương quốc lý biệt cụ tư dung.
Vẻ đẹp như tranh vẫn cần xúc hương.
Nước hoa nội hoá đủ để trang điểm.

蝶粉迷香翩翩入夢
燕脂潤色躍躍欲仙
Điệp phấn mê hương phiên phiên nhập mộng.
Yên chi nhuận sắc dục dục dục tiên.
Phấn bướm mê hương mơ màng cõi mộng.
Son yến nhuận sắc háo hức thành tiên.

粉琢紅妝丰肌生色
香飄綠野麗盾增芬
Phấn trác hồng trang phong cơ sinh sắc.
Hương phiên lục dã lệ thuẫn tăng phân.
Phấn điểm son tô làn da tươi mát.
Hương bay đồng nội vẻ đẹp càng tăng.

膚滑脂凝水流香膩
光分月白色映妝紅
Phu hoạt chi ngưng thủy lưu hương膩.
Quang phân nguyệt bạch sắc ánh trang hồng.
Da thịt mịn màng thơm hương nước đọng.
Trắng sáng vàng vạc rực rỡ ánh hồng.

隨時而動
不叩自鳴
Tùy thời nhi động.
Bất khấu tự minh.
Theo giờ mà chuyển.
Chẳng gõ cũng kêu.

二十四時憑我報
萬千百事任君行
Nhị thập tứ thời bằng ngã báo.
Vạn thiên bách sự nhậm quân hành.
Hai mươi bốn giờ theo tớ báo.
Trăm ngàn vạn việc hãy tùy ông.

萬千星斗心胸里
十二時辰手腕間

*Vạn thiên hung đầu tâm hung lý.
Thập nhị thời thân thủ uyển gian.
Ngàn vạn sao trong lòng bắc đầu.
Mười hai giờ kim chỉ thời gian.*

能于細處求精確
慣与時間較短長

*Năng vu tế xử cầu tinh xác.
Quán dữ thời gian giảo đoản trường.
Cầu chính xác ở nơi tinh tế.
So ngắn dài đối với thời gian.*

千秋偉業千秋福
一寸光陰一寸金

*Thiên thu vĩ nghiệp thiên thu phúc.
Nhất thốn quang âm nhất thốn kim.
Ngàn năm nghiệp lớn ngàn năm phúc.
Một tác thời gian một tác vàng.*

儲蓄有利利國利己利社會
存款方便便你便他便人民

*Trữ súc hữu lợi lợi quốc lợi kỷ lợi xã hội.
Tồn khoản phương tiện tiện nhĩ tiện tha tiện nhân dân.
Để dành có lợi, lợi nước, lợi mình, lợi xã hội.
Gửi tiền có ích, ích mình, ích người, ích nhân dân.*

鼓勵儲蓄活期定期各自便
歡迎戶主存款取款常往來

*Cổ lệ trữ súc hoạt kỳ định kỳ các tự tiện.
Hoan nghinh hộ chủ tồn khoản thủ khoản thường vãng lai.
Khuyến khích gửi tiền, dài hạn, ngắn hạn, xin tuy tiện.
Hoan nghênh chủ hộ, khoản dư, khoản rút, vãng ra vào.*

錢是勞動所得切莫揮霍浪費
儉乃持家之本還要細水長流

*Tiền thị lao động sở đắc thiết mạc huy hoặc lãng phí.
Kiệm nãi trì gia chi bản hoàn yếu tế thủy trường lưu.
Tiền do lao động mà ra, chớ có tiêu xài lãng phí.
Kiệm để giữ nhà là gốc, nên hay dòng nhỏ chảy lâu.*

年 年 月 月 動 動 儉 儉 積 積 撒 撒 家 家 富 富 裕 裕
去 去 來 來 取 取 存 存 角 角 元 元 戶 戶 歡 歡 欣 欣

*Niên niên nguyệt nguyệt cần cần kiệm kiệm tích tích tán tán
gia gia phú phú dụ dụ.*

*Khử khử lai lai thủ thủ tồn tồn giác giác nguyên nguyên
hộ hộ hoan hoan hân hân.*

Năm năm tháng tháng, cần cần, kiệm kiệm, tích tích, tán tán,
nhà nhà, giàu giàu, có có.

Đi đi, lại lại, rút rút, tồn tồn, hào hào, đồng đồng,
hộ hộ, vui vui, vẻ vẻ.

就 我 生 春 色
爲 君 飾 美 容

Tựu ngã sinh xuân sắc.

Vì quân sức mỹ dung.

Đến tôi tươi xuân sắc.

Vì ngài đẹp mặt mày.

手 中 試 巧 技
頭 上 呈 技 能

Thủ trung thí xảo kỹ.

Đầu thượng trình kỹ năng.

Trong tay phô kỹ xảo.

Trên đầu diễn tài năng.

但 教 身 入 座
免 使 發 沖 冠

Đãn giao thân nhập tọa.

Miễn xử phát xung quan.

Đã bảo ngồi vào ghế.

Xin đừng để bực mình.

館 內 皆 春 色
人 來 盡 美 容

Quán nội giai xuân sắc.

Nhân lai tận mỹ dung.

Trong quán đều sắc xuân

Người đến rạng mặt mày.

逢 人 皆 体 面
遇 我 盡 升 冠

*Phùng nhân giai thể diện.
Ngộ ngã tận thăng quan.
Đón người đều tươi mặt.
Gặp tớ cất mũ ngay.*

進去烏頭學子
出來白面書生
*Tiến khứ ô đầu học tử.
Xuất lai bạch diện thư sinh.
Bước vào đầu đen học việc.
Đi ra mặt trắng thư sinh.*

到來盡是彈冠客
此去應無搔首人
*Đáo lai tận thị đàn quan khách.
Thử khứ ưng vô搔 đầu thủ nhân.
Lúc vào đều thấy khách phủi mũ.
Khi ra không có kẻ gãi đầu.*

不教白髮催人老
便使春風滿面生
*Bất giao bạch phát thôi nhân lão.
Tiện sử xuân phong mãn diện sinh.
Chớ gieo tóc trắng lên đầu lão.
Hãy thổi hơi xuân để mặt tươi.*

雲鬢理就通身俏
花發妝成滿面春
*Vân mấn lý tựu thông thân tiếu.
Hoa phát trang thành mãn diện xuân.
Tóc mai gọn ghẽ trông càng đẹp.
Sang sửa làm cho vẻ mặt xuân.*

手中巧藝翻雲浪
頭上精工綻霧花
*Thủ trung xảo nghệ phiên vân lãng.
Đầu thượng tinh công điện vụ hoa.
Rõ khéo bàn tay gây sóng lượn.
Tuyệt vời mái tóc nở mây hoa.*

士行端宜新耳目
人情元貴美須眉

Sỹ hành đoan nghi tân nhĩ mục.
Nhân tình nguyên quý mỹ tu my.
Khách chuộng đoan trang mới tai mắt.
Nhân tình vốn thích đẹp mày râu.

創人間頭等事業
理世上不平東西

Sáng nhân gian đầu đẳng sự nghiệp.
Lý thế thượng bất bình đông tây.
Dựng sự nghiệp đề đầu nhân thế.
Sửa đông tây những chỗ bất bình.

壓花卷浪隨人意
齊額披眉任客挑

Áp hoa quynh lãng tùy nhân ý
Tê ngạch phi miu nhiệm khách khiêu.
Tươi hoa lượn sóng, tùy người muốn.
Bằng trán cong mi, ý khách chiêu.

善心不欲世人老
巧手能教顏面新

Thiện tâm bất dục thế nhân lão.
Xảo thủ năng giáo nhan diện tân.
Tốt bụng chẳng mong ai đấy lão.
Khéo tay hay khiến mặt người tươi.

燙發推頭除舊貌
吹風修面換新容

Thang phát suy đầu trừ cựu mạo.
Suy phong tu diện hoán tân dung.
Uốn tóc gội đầu thay vẻ cũ.

Sấy khô cạo mặt mới dung nhan.

磨礪以須工夫純熟
及鋒而試手段精良

Ma lệ dĩ tu công phu thuần thực.
Cấp phong nhĩ thí thủ đoan tình lương.
Mài giũa đã xong công phu thành thạo.
Sắc nhọn đem dùng tay nghề tinh thông.

細理烏絲容光增几許
巧梳青鬢春色麗無邊

Tế lý ô ty dung quang tăng kỷ hứa.
Xảo sơ thanh mấn xuân sắc lệ vô biên.
Kê tóc chân tơ dung nhan tăng vẻ đẹp.
Tóc mai chải khéo xuân sắc thắm vô cùng.

椅隨人轉容新兼貌美
鏡對目張笑逐并顏開

Ỗ tùy nhân chuyển dung tân kiêm mạo mỹ.
Kính đối mục trương tiếu trục tịnh nhan khai.
Ghế liệu xoay người dáng mới vẻ thêm đẹp.
Gương treo trước mặt cười tươi mặt sáng ngời.

幽香襲人人不由以進店
春風吹我我又年輕出門

U hương tập nhân nhân bất do dĩ tiến điếm.
Xuân phong suy ngã ngã hựu niên khinh xuất môn.
Hương thơm quyến rũ, mọi người thoải mái vào hiệu.
Gió xuân mát rượi, mình ta trẻ lại bước ra.

順理成章堆雲卷霧皆如意
得心應手截短流長悉合時

Thuận lý thành chương đòai vân quyển vụ giai như ý.
Đắc tâm ứng thủ tiết đoản lưu trường tất hợp thời.
Thuận nhê mới hay, sương cuộn mây dồn đều xứng ý.
Vừa lòng thêm hứng, để dài cắt ngắn vẫn theo thời.

艾早三年蓄
功堪百病除

Ngải tảo tam niên súc.
Công kham bách bệnh trừ.
Ngải ba năm lo trữ.
Trị trăm bệnh đều hay.

所言皆藥石
立意盡慈悲

Sở ngôn giai dược thạch.
Lập ý tận từ bi.
Lời nói đều phương thuốc.
Lập ý thấy từ bi.

人期勿藥有喜
我自立心不欺

Nhân kỳ vật được hữu hỷ.
 Ngã tự lập tâm bất khi.
 Mừng thấy cả đời không thuốc.
 Chớ nhón thấy được yên thân.
 但愿世間人益健
 不愁架上药生塵
 Đăn nguyện thế gian nhân ích kiện.
 Bất sầu giá thượng dược sinh trần.
 Những muốn thế gian người mạnh sức.
 Lo chi trên giá thuốc bụi trùn.
 世間本乏長生術
 海外何求不老丹
 Thế gian bản phạp trường sinh thuật.
 Hải ngoại hà cầu bất lão đan.
 Thế gian vốn thiếu thuật trường sinh.
 Ngoài biển cần gì đan bất lão.
 雖無劉阮逢仙術
 只效岐黃濟世心
 Tuy vô Lưu, Nguyễn phùng tiên thuật.
 Chỉ hiệu Kỳ, Hoàng tế thế tâm.
 Không theo Lưu, Nguyễn gặp người tiên.
 Bất chúc Kỳ, Hoàng lo cứu thế.
 深明佐使君臣禮
 遠萃東西南北材
 Thâm minh tá sử quân thần lễ.
 Viễn tuy đông tây nam bắc tài.
 Hiểu sâu phép ứng dụng vua tôi.
 Nổi tiếng tài đông tây nam bắc.
 欲向市中求妙药
 須知海内有奇方
 Dục hướng thị trung cầu diệu dược.
 Tu tri hải nội hữu kỳ phương.
 Hướng tới bên ngoài cầu thuốc tốt.
 Nên hay trong nước có phương hay.
 花放杏林滋氣雪
 药生蘭室補肢身

Hoa phóng hạnh lâm từ khí huyết.

Được sinh lan thất bổ chi thân.

Rừng hạnh nở hoa tươi khí huyết.

Vườn lan trồng thuốc bổ chi thân.

普濟有仁心愿諸君平康無事
太和養氣福應知我醫藥有方

Phổ tế hữu nhân tâm nguyện chư quân bình khang vô sự.

Thái hoà dưỡng khí phúc ứng tri ngã y dược hữu phương.

Chữa chạy có lòng nhân, những muốn mọi người bình an vô sự.

Hoà nhã chăm nuôi khí phúc nên hay ta nay y dược có phương.

到此且歇足

客至便爲家

Đáo thử thả yết túc.

Khách chí tiện vi gia.

Đến đây hãy nghỉ chân.

Khách coi như nhà mình.

莫言身是寄

能使客如歸

Mạc ngôn thân thị ký.

Năng sử khách như quy.

Đừng nói mình ở gửi.

Hay khiến khách như về.

相逢本萍水

小住勝親朋

Tương phùng bản bình thủy.

Tiểu trú thắng thân bằng.

Gặp nhau như bè nước.

Cùng trọ hơn bạn thân.

東西南北客

兄弟姐妹情

Đông tây nam bắc khách.

Huynh đệ thư muội tình.

Khách đông tây nam bắc.

Tình anh em chị em.

進門都是客

到店即爲家

Tiến môn đô thị khách.

Đáo điểm tức vì gia.

Vào cửa đều là khách.

Đến quán tức là nhà.

共對一登影
相逢萬里人

Cộng đối nhất đăng ảnh.

Tương phùng vạn lý nhân.

Đèn một ngọn chung nhau.

Người muôn dặm gặp gỡ.

八方客愿住
四貴店如春

Bát phương khách nguyện trú.

Tứ quý điểm như xuân.

Tám phương khách muốn trọ.

Bốn mùa quán như xuân.

接待八方旅客
歡迎四海親人

Tiếp đãi bát phương lữ khách.

Hoan nghinh tứ hải thân nhân.

Tiếp đón lữ khách tám phương.

Hoan nghênh người thân bốn biển.

鄉夢不隨春夜永
客思千向雨聲多

Hương mộng bất tùy xuân dạ vĩnh.

Khách tư thiên hướng vũ thanh đa.

Đêm xuân đâu mãi cùng mộng đẹp.

Mưa nhiều khiến khách lắm suy tư.

煙外暮鐘催倦鳥
林間殘照促歸人

Yên ngoại mộ chung thôi quyện điểu.

Lâm gian tàn chiếu xúc quy nhân.

Chuông chùa, khói toả, xua chim mỏi.

Bóng xế, rừng sâu, giục khách về.

萍水相逢如老友
停車暫住似歸家
Bình thủy tương phùng như lão hữu.

Đình xa tạm trú tựa quy gia.
Bèo nước gặp nhau, như bạn cũ.
Dừng xe trọ tạm, tựa về nhà.

銀星未出先投宿
曉日方明趕路程
Ngân tinh vị xuất tiên đầu túc.
Hiếu nhật phương minh khẩn lộ trình.
Sao hôm sắp mọc, nên tìm trọ.
Sớm mai rạng sáng, hãy lên đường.

授曲有雲皆獻瑞
房幽無地不生香
Sạn khúc hữu vân giai hiến thủy.
Phòng u vô địa bất sinh hương.
Quanh nhà mây phủ đều tươi vẻ.
Phòng vắng nơi nào cũng có hương.

迎來春夏秋冬客
溫暖東西南北人
Ngành lai xuân hạ thu đông khách.
Ôn noãn đông tây nam bắc nhân.
Hoan nghênh khách thu đông xuân hạ.
Ấm áp người nam bắc tây đông.

日將夕矣君宜住
雞既鳴之我不留
Nhật tương tịch hỹ quân nghi trú.
Kê ký minh chi ngã bất lưu.
Trời đã xế chiều xin giữ khách.
Gà đang gáy sáng dám lưu người.

幽齋特下高人榻
古道頻來長者車
U trai đặc hạ cao nhân tháp.
Cổ đạo tần lai trưởng giả xa.
Phòng vắng giường riêng dành khách quý.
Lối xưa xe ngựa rộn người sang.

鴻鴈遠去皆人大地春暖
旅客常來只為小店情深

Hồng nhạn viễn khứ giai nhân đại địa xuân noãn.

Lữ khách thường lai chỉ vì tiểu điểm tình thâm.

Hồng nhạn bay xa, cũng bởi nơi kia xuân ấm.

Lữ khách tìm đến, là do quán nhỏ tình sâu.

春夏秋冬一歲川流不息
東西南北四方賓至如歸

Xuân hạ thu đông nhất tuế xuyên lưu bất tức.

Đông tây nam bắc tứ phương tân chí như quy.

Một năm xuân hạ thu đông, thời gian chẳng nghỉ.

Bốn phương đông tây nam bắc, khách đến như về.

隨來隨吃如流水
有飯有湯供客人

Tuỳ lai tuỳ ăn như lưu thủy.

Hữu phạn hữu thang cung khách nhân.

Tuỳ lại, tuỳ chén, như nước chảy.

Có cơm, có canh cho khách ăn.

飯熟菜香春滿店
窗明几淨客如雲

Phạn nhiệt thái hương xuân mãn điểm.

Song minh kỷ tịnh khách như vân.

Cơm nóng rau thơm xuân chập quán.

Nhà quang ghé sạch khách như mây.

甘旨為驚雲外客
流霞香染月中泉

Cam chỉ vị kinh vân ngoại khách.

Lưu hà hương nhiễm nguyệt trung tuyền.

Vị ngon ngọt khách ngoài kinh ngạc.

Rượu thơm lừng trăng nước đượm hương.

喜迎故客品佳饌
長送春風開笑顏

Hỷ nghinh cố khách phẩm giai soạn.

Trường tống xuân phong khai tiếu nhan.

Chào mừng quý khách món ngon tuyệt.

Tiến đưa gió mát về cười tươi.

無人 不道 佳看 美
有客 常來 滿座 春

*Vô nhân bất đạo giai khan mỹ.
Hữu khách thường lai mãn tọa xuân.
Chẳng ai không nói hay khen đẹp.
Có khách thường thăm mọi chốn xuân.*

五味 烹調 香萬 里
三鮮 蒸炙 樂千 家

*Ngũ vị phanh điều hương vạn lý.
Tam tiên chưng chá lạc thiên gia.
Năm vị nấu xào hương vạn dặm.
Ba tươi chưng rán thích ngàn nhà.*

有名 店 店 有名 名揚 四海
迎客 樓 樓 迎客 客滿 一堂

*Hữu danh điếm điếm hữu danh danh dương tứ hải.
Nghinh khách lâu lâu nghinh khách khách mãn nhất đường.
Nổi tiếng quán, quán nổi tiếng, tiếng vang bốn biển.
Đón khách lâu, lâu đón khách, khách đầy một nhà.*

烹調 膾 食物 美價 廉味 道好
精做 菜看 花樣 齊全 營養 高

*Phanh điều chiền thực vật mỹ giá liêm vị đạo hảo.
Tinh tố thái khan hoa dạng tề toàn doanh dưỡng cao.
Nấu bữa ăn, món ăn ngon, giá rẻ, ăn ngon miệng.
Làm rau tươi, xem vẻ đẹp, chu toàn, dinh dưỡng cao.*

今 飪 古 烹 拈 來 五味 調 奇 味
中 肴 西 饌 匯 集 一 家 創 名 家

*Kim nhâm cổ phanh niêm lai ngũ vị điều kỳ vị.
Trung hào tây soạn hội tập nhất gia sáng danh gia.
Nấu xưa, nấu nay, vẫn từ năm vị thành kỳ vị.
Cơm Âu, cơm Á, chung đúc một nhà nổi danh gia.*

緬 可 充 飢 請 坐 下 品 嘗 兩 碗
酒 能 解 乏 快 進 來 喝 上 几 杯

*Miến khả sung cơ thỉnh tọa hạ phẩm thưởng lưỡng uyen.
Tửu năng giải phiếm khoái tiến lai hát thượng kỷ bôi.*

*Mỹ giúp đỡ đói, xin mời ngồi, xơi tạm vài lưng.
Rượu hay gọi chuyển, hãy rót nhanh, uống chơi mấy chén.*

座上客常滿
杯中酒不空

Toạ thượng khách thường mãn.

*Bồi trung tửu bất không.
Khách thường đến ngồi đầy.
Rượu trong chén chẳng vơi.*

店好天家頌
曇開十里香

*Điếm hảo thiên gia tụng.
Đàm khai thập lý hương.
Quán tốt nghìn nhà khen.
Vồ mở mười dặm ngát.*

舉杯邀月飲
拍手踏春風

*Cử bôi yêu nguyệt ẩm.
Phách thủ đạp xuân phong.
Nâng chén mời trăng uống.
Vỗ tay đón gió xuân.*

一樓風月當酣飲
萬里雲天醒醉眸

*Nhất lâu phong nguyệt đương cam ẩm.
Vạn lý vân thiên tỉnh túy mâu.
Một lầu trăng gió mê môi uống.
Muôn dặm trời mây tỉnh mắt say.*

勸君更盡一杯酒
與你同銷萬古愁

*Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu.
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu.
Mời ông uống cạn một ly rượu.
Cùng bạn quên đi muôn thuở sầu.*

劉伶借問誰家好
李白還言此處佳

*Lưu Linh tá vấn thuỳ gia hảo.
Lý Bạch hoàn ngôn thử xứ giai,
Lưu Linh vớ hỏi rượu đâu tốt.
Lý Bạch liền khoe chỗ này ngon.*

水如碧玉山如黛
酒滿金樽月滿樓

*Thủy như bích ngọc sơn như đại.
Tửu mãn kim tôn nguyệt mãn lầu.*
Nước như ngọc bích, núi như vẽ.
Rượu đầy chén vàng, trăng đầy lầu.

一榻暗香熏醉夢
千峰秀色送余杯

*Nhất tháp ám hương huân túy mộng.
Thiên phong tú sắc tống dư bôi.*
Rượu ngon một hũ, hương say mộng.
Cảnh đẹp ngàn non, cạn chén mời.

山徑摘花春釀酒
竹窗留月夜煎茶

*Sơn kính trích hoa xuân nhưỡng tửu.
Trúc song lưu nguyệt dạ tiên trà.*
Lên núi hoa xuân hái ủ rượu.
Ngoài sông trăng chiếu tiệc trà khuya.

座上月明對美酒
簾邊人醉詠黃花

*Toạ thượng nguyệt minh đối mỹ tửu.
Ly biên nhân túy vịnh hoàng hoa.*
Rượu ngon trước mặt, trăng ngồi sáng.
Thơ cúc bên rào, ai say ngâm.

沽酒客來風亦醉
賣花人去路還香

*Cô tửu khách lai phong diệc túy.
Mại hoa nhân khứ lộ hoàn hương.*
Rượu mua khách đến làm say gió.
Hoa bán, người đi đường thoảng hương.

香分花上路
水汲石中泉

*Hương phân hoa thượng lộ.
Thủy hấp thạch trung tuyền.*
Hoa sương đọng toả hương.
Đá suối nguồn ngấm nước.

煮 沸 三 江 水
同 飲 五 岳 茶

*Chủ phí tam giang thủy.
Đồng ẩm ngũ nhạc trà.
Đun sôi nước tam giang.
Cùng uống trà ngũ nhạc.*

佳 肴 無 肉 可
清 談 離 我 難

*Giai hào vô nhục khả.
Thanh đàm ly ngã nan.
Thức ngon thiếu thịt - được.
Bàn suông vắng tớ - không.*

金 雞 未 唱 水 先 沸
旭 日 東 升 茶 溢 香

*Kim kê vị xướng thủy tiên phí.
Húc nhật đông thăng trà dật hương.
Gà chưa kịp gáy, hãy đun nước.
Sáng mới hừng đông, ngát hương trà.*

茶 亦 醉 人 何 必 酒
書 能 香 我 不 須 花

*Trà diệc túy nhân hà tất tửu.
Thư năng hương ngã bất tu hoa.
Trà cũng say người, đâu cứ rượu.
Sách thơm lây tớ, chẳng cần hoa.*

身 健 都 緣 餐 肉 少
請 清 只 爲 飲 茶 多

*Thân kiện đô duyên san nhục thiếu.
Thì thanh chỉ vị ẩm trà đa.*

*Người khỏe cùng nhờ ăn ít thịt.
Thơ hay chỉ tại uống nhiều trà*

熏 心 只 覺 濃 于 酒
人 口 方 知 氣 勝 蘭

*Huân tâm chỉ giác nồng vu tửu.
Nhập khẩu phương tri khí thắng lan.
Trong bụng chỉ ngất ngây về rượu.
Uống vào hay ngào ngạt hơn lan.*

爲愛清香頻入座
欣同知己細談心

Vị ái thanh hương tần nhập toạ.

Hân đồng tri kỷ tế đàm tâm.

Vì chuộng hương thanh hay đến chỗ.

Thích cùng tri kỷ chuyện riêng tư.

幽借山巔雲霧盾
香憑崖畔蕙蘭魂

U tá sơn diên vân vụ thuẫn.

Hương bằng nhai bặt huệ lan hồn.

Mây khói đầu non u tịch lắm.

Huệ lan khe nước đượm hương nhiều.

翠葉煙騰冰碗碧
綠茅光照玉甌青

Thủy diệp yên đằng băng uẩn bích.

Lục mao quang chiếu ngọc âu thanh.

Lá biếc, khói lan, băng bát biếc.

Nhà tranh ánh chiếu, ngọc âu xanh.

松濤烹雪醒詩夢
竹院浮香起雅思

Tùng đào phan tuyết tỉnh thi mộng.

Trúc viện phù hương khởi nhã tư.

Tùng reo, tuyết chảy, tỉnh hồn thơ.

Trúc viện, hương bay, nâng tứ nhã.

刻刻催人思警省
聲聲勸你惜光陰

Khắc khắc thôi nhân tư cảnh tỉnh.

Thanh thanh khuyến nhĩ tích quang âm.

Tích tắc giục người nên sớm tỉnh.

Loong coong khuyên bạn tiếc thời gian.

非從朝暮觀時刻
要識光陰似箭梭

Phi tòng triêu mộ quan thời khắc.

Yêu thức quang âm tựa tiễn thoa.

Đâu chỉ sớm hôm xem giờ giấc.

Nên biết thời gian tựa thoi đưa.

歸三百六旬于掌握
羅二十八宿在心胸
Quy tam bách lục tuần vu chưởng ác.
La nhị thập bát tú đại tâm hung.
Ba trăm sáu mươi ngày lo quản lý.
Hai mươi tám vì sao giữ trong tâm.

喜事業興隆于民得利
看秒分准确爲國惜時
Hỷ sự nghiệp hưng long vu dân đắc lợi.
Khán miểu phân chuẩn xác vị quốc tích thời.
Mừng sự nghiệp vẻ vang cho dân được lợi.
Xem phút giây chuẩn xác vì nước tiếc giờ.

鐘點長敲當厚愛那年年月月
表針不懈應珍惜這秒秒分分
Chung điểm trường xao đương hậu ái na niên niên nguyệt nguyệt.
Biểu châm bất giải ứng trân tích giá miểu miểu phân phân.
Chuông điểm giờ lâu, nên ưu ái năm năm tháng tháng ấy.
Kim quay không mỏi, phải xót sa phút phút giây giây này.

懸將小日月
照徹大乾坤
Huyền tương tiểu nhật nguyệt.
Chiếu triệt để càn khôn.
Đeo như nhật nguyệt nhỏ.
Soi hết vũ trụ lớn.

胸中存灼見
眼底辨秋毫
Hung trung tồn chước kiến.
Nhãn để biện thu hào.
Trong lòng nhiều mưu chước.
Đáy mắt rõ tóc tơ.

如用之皆能明也
苟合矣不亦樂乎
Như dụng chi giai đẳng minh dã.
Cẩu hợp hỹ bất diệc lạc hồ.
Nếu đeo vào, đều thấy sáng rõ.
May hợp số, chẳng cũng vui sao.

遠求海內珍藏本
快讀人間未見書
Viễn cầu hải nội trân tàng bản.
Khoái độc nhân gian vị kiến thư.
Xa cần bản trong nước lưu giữ.
Ưu đọc sách nhân gian chưa xem.

藏古今學術瑰寶
聚中外文化精華
Tàng cổ kim học thuật khôi bảo.
Tụ trung ngoại văn hoá tinh hoa.
Chứa học thuật quý giá kim cổ.
Tụ tinh hoa văn hóa trong ngoài.

奇探二酉搜羅富
賦就三都聲價高
Kỳ thám nhị dậu sưu la phú.
Phú tựu tam đô thanh giá cao.
Đến thăm nhị dậu⁽¹⁾ tìm nơi có.
Phú tới tam đô⁽²⁾ giá mới cao.

古人都向書中見
男子當爲天下奇
Cổ nhân đồ hướng thư trung kiến.
Nam tử đương vi thiên hạ kỳ.
Cổ nhân đều tìm kiến thức trong sách.
Nam tử nên làm việc lạ thiên hạ.

翰墨圖書皆成風采
往來談笑盡是鴻儒
Hàn mặc đồ thư giai thành phong thái.
Vãng lai đàm tiếu tận thị hồng nho.
Văn chương ghi chép, thấy đều tươi vẻ.
Qua lại cười chê, những bậc túc nho.

錦繡成文原非我有
琳瑯滿目惟待人求

⁽¹⁾ *Nhị dậu*: Hai ngọn núi biểu tượng văn hoá.

⁽²⁾ *Tam đô*: Ba kinh đô biểu tượng văn hoá.

Cầm tú thành văn nguyên phi ngã hữu.

Lâm lang mãn mục duy đãi nhân cầu.

Gấm vóc lời văn, ta vốn không có.

Lung linh ngọc mắt, người cần vẫn chờ.

大塊文章百城富有
名山事業千古長留

Đại khối văn chương, bách thành phú hữu.

Danh sơn sự nghiệp, thiên cổ trường lưu.

Khối lớn văn chương, trăm thành xứng giá.

Non danh sự nghiệp, ngàn thuở còn lưu.

聚典籍精華嘉傳後進
匯中西學術樂授新人

Tụ điển tịch tinh hoa gia truyền hậu tiến.

Hội trung tây học thuật, lạc thụ tân nhân.

Thu sách vở tinh hoa, để lại đời sau.

Hợp Á, Âu học thuật, vui trao kẻ mới.

信貸無私為建設
資金周轉利民生

Tín đại vô tư vì kiến thiết.

Tư kim chu chuyển lợi dân sinh.

Tín dụng vô tư vì kiến thiết.

Tiền vàng chu chuyển, lợi dân sinh.

儲蓄為盈能聚寶
勤勞如樹可搖錢

Trữ súc vi doanh năng tụ bảo.

Cần lao như thụ khả dao tiền.

Tích góp hàng ngày hay tụ quý.

Siêng năng hôm sớm có thêm tiền.

集少成多節約為本
化零為整儲蓄當先

Tập thiểu thành đa tiết ước vi bản.

Hoá linh vi chỉnh trữ súc đương tiên.

Góp ít thành nhiều, tiết kiệm là gốc.

Hoá không thành có, tích lũy làm đầu.

儲蓄愛國國富民富
勤儉持家家康人康

Trữ súc ái quốc, quốc phú dân phú.
 Cần kiệm trì gia, gia khang dân khang.
 Gửi tiền yêu nước, nước giàu dân giàu.
 Cần kiệm giữ nhà, nhà mạnh người mạnh.

海上鯤鵬三萬里
 人間甲子幾千秋

Hải thượng côn bằng tam vạn lý.
 Nhân gian giáp tý kỷ thiên thu.
 Trên biển côn bằng⁽¹⁾ ba vạn dặm.
 Nhân gian tuổi tác mấy nghìn thu.

雲迷古洞還丹室
 日俸南山入壽杯

Vân mê cổ động hoàn đan thất.
 Nhật bồng Nam sơn nhập thọ bôi.
 Vân mê⁽²⁾ cổ động về đan thất⁽³⁾;
 Nhật bồng sơn Nam⁽⁴⁾ nhập chén mừng.

大椿翠浥千秋露
 叢桂香飄萬里風

Đại xuân thủy áp thiên thu lộ;
 Tùng quế hương phiêu vạn lý phong.
 Cây xuân thấm mượt thiên thu lộ;
 Lùm quế hương bay vạn lý phong.

桃花已發三千浪
 玉樹長含萬里風

Đào hoa dĩ phát tam thiên lãng;
 Ngọc thụ trường hàm vạn lý phong.
 Đào hoa đã nở tam thiên lãng⁽⁵⁾.
 Cây ngọc trường hàm vạn lý phong.

知命知非成化境
 言慈言孝樂天倫

⁽¹⁾ Côn, bằng: Hai loại cá, chim to lớn.

⁽²⁾ Vân mê: Mây bay không định hướng.

⁽³⁾ Đan thất: Nơi luyện thuốc tiên.

⁽⁴⁾ Nhật bồng Nam sơn: Bưng mặt trời ở núi Nam Sơn.

⁽⁵⁾ Lãng: Sóng.

*Tri mệnh tri phi thành hoá cảnh;
Ngôn từ ngôn hiếu lạc thiên luân.
Biết mệnh biết phi thành thuận cảnh;
Nói từ nói hiếu hợp lẽ trời.*

學 到 知 非 宏 門 壽 域
年 齊 大 衍 共 晉 霞 觴
*Học đáo tri phi hoàng môn thọ vực;
Niên tề đại diễn cộng tấn hà thương.
Học đến biết không là đến lĩnh vực lớn;
Tuổi bằng trời đất là vào cùng cực lạc.*

頌 祝 遐 齡 椿 作 紀
筵 開 壽 宴 海 爲 樽
*Tụng chúc hà linh xuân tác kỷ;
Diên khai thọ yến hải vi tôn.
Chúc tụng tuổi cao xuân vừa tròn kỷ;
Chiếu mừng yến thọ bể tựa chén mời.*

耆 壽 極 星 占 上 壽
仲 春 花 甲 衍 長 春
*Kỳ thọ cực tinh chiêm thượng thọ;
Trọng xuân hoa giáp diễn trường xuân.
Sáu mươi thọ, nhìn sao xem thượng thọ;
Tháng trọng xuân, tuổi tác hướng trường xuân.*

杯 傾 北 海 辰 初 度
頌 獻 南 山 甲 再 週
*Bôi khuynh Bắc hải thần sơ độ;
Tụng hiến Nam sơn giáp tái chu.
Bắc hải chén nghiêng thời sơ độ
Nam sơn chúc tụng lại chu kỳ.*

敬 獻 滿 觴 瞻 北 斗
還 從 花 甲 祝 南 山
*Kính hiến mãn thương chiêm Bắc đẩu;
Hoàn tòng hoa giáp chúc Nam sơn.
Kính hiến chén mừng nhìn Bắc đẩu;
Mong hoàn hoa giáp chúc Nam sơn.*

祝 遐 齡 三 千 歲 月
游 化 日 六 十 春 秋

Chúc hà linh tam thiên tuế nguyệt;

Du hoá nhật lục thập xuân thu.

Chúc tuổi thọ ba nghìn năm tháng;

Đã trôi đi sáu chục xuân thu.

花甲逢春酒映青襟春共醉

太山祝壽歌傳白雪壽頻添

Hoa giáp phùng xuân tửu ánh thanh khâm xuân cộng tuý;

Thái sơn chúc thọ ca truyền bạch tuyết thọ tần thêm.

Hoa giáp⁽¹⁾ mừng xuân rượu ánh thanh khâm⁽²⁾ xuân say chén;

Thái sơn chúc thọ ca truyền bạch tuyết⁽³⁾ thọ mấy lần.

從心已紹尼山脈

杖國還徵渭水車

Tòng tâm dĩ thiệu Ni Sơn mạch;

Trượng quốc hoàn trưng Vị Thủy xa.

Tâm tuy đã nối Ni Sơn mạch;

Quốc lão nhân về Vị Thủy xa.

三千朱履隨南極

七十霞觴進北堂

Tam thiên chu lý tuy Nam cực;

Thất thập hà thương tiến Bắc đường.

Ba nghìn giày đỏ theo Nam cực;

Bảy chục chén hà đến Bắc đường.

事業從心共推元老

曾孫繞膝咸祝地山

Sự nghiệp tòng tâm cộng thôi nguyên lão;

Tằng tôn nhiều tất hàm chúc địa tiên.

Sự nghiệp tuy lòng đẩy đà nguyên lão;

Tằng tôn quanh gối hàm chúc cảnh tiên.

八千歲爲春自今伊始

七十杖於國從古稱稀

Bát thiên tuế vi xuân tự kim y thủy;

Thất thập trượng ư quốc tòng cổ xưng hy.

⁽¹⁾ *Hoa giáp*: Tuổi tròn 60.

⁽²⁾ *Thanh khâm*: Ngày xưa học sinh trường công của Trung Quốc mặc áo sắc xanh.

⁽³⁾ *Bạch tuyết*: Tên một khúc ca do Đường Cao Tông (Trung Quốc) chế ra.

Tám nghìn năm làm xuân, từ đây khởi thủy;
Bảy chục tuổi với nước, tự cổ hiếm hoi.

海屋籌添古來稀者今來盛
華筵慶衍福有五兮祝有三

*Hải ốc trù thêm cổ lai hy giả, kim lai thịnh;
Hoà diên khánh diễn phúc hữu ngũ hê, chúc hữu tam
Tuổi thọ thêm cao⁽¹⁾ xưa kia hiếm mà nay lại thịnh;
Chiếu mừng càng đẹp, phúc có năm⁽²⁾ xin chúc được ba.*

碩德流徽咸仰南山占上壽
嘉賓有寵適從杖國著芳名

*Thạc đức lưu huy hàm ngưỡng Nam sơn chiếm thượng thọ;
Gia tân hữu sủng thích tông trượng quốc trữ phương danh.
Đức lớn phát huy, hàm ngưỡng non Nam chúc thượng thọ;
Khách mừng yêu mến, bước theo quốc trượng nổi danh thơm.*

德重如山高仰泰山永壽
名尊在國長留杖國行仙

*Đức trọng như sơn cao ngưỡng Thái sơn vĩnh thọ;
Danh tôn tại quốc trường lưu trượng quốc hành tiên.
Đức nặng như sơn, ngưỡng vọng thái sơn trường thọ;
Danh tôn tại quốc, dài lâu trượng quốc thành tiên.*

四大宴春臺小作陽春添紀算
七旬欽國策初從杖國誦岡陵

*Tứ đại yến xuân đài tiểu tác dương xuân thêm kỷ toán;
Thất tuần khâm quốc sách sơ tông trượng quốc tụng cương lăng.
Tứ đại mừng yến xuân đài, việc nhỏ ngày xuân thêm kỷ toán⁽³⁾;
Thất tuần khâm quốc sách, bước theo trượng quốc tụng cương lăng⁽⁴⁾.*

杖朝步履儀容古
釣渭絲綸日月長

*Trượng triều bộ lý nghi dung cổ;
Điếu Vị ti luân nhật nguyệt trường.*

*Đi dép vào triều nghi dung cổ;
Buông câu sông Vị nhật nguyệt trường.*

⁽¹⁾ Tuổi thọ thêm cao (hải ốc trù thêm): Thành ngữ chúc thọ nhau thời xưa.

⁽²⁾ Phúc có năm (ngũ phúc): Năm thứ hạnh phúc: Phú quý, thọ, Khang, ninh.

⁽³⁾ Kỷ toán: Ghi đếm. Ý nói được thêm tuổi tác.

⁽⁴⁾ Cương lăng: Gò đất cứng rắn. Ý nói tuổi tác cứng cỏi.

桃花結子三千歲
椿樹數榮八十春

*Đào hoa kết tử tam thiên tuế;
Xuân thu phu vinh bát thập xuân.
Hoa đào kết quả tam thiên tuế;
Cây cối phô tươi bát thập xuân.*

八仙會裏增南極
九老圖中祝北辰

*Bát tiên hội lý tăng Nam cực;
Cửu lão đồ trung chúc Bắc thần.
Tám tiên trong hoạ tăng Nam cực;
Chín cụ giữa tranh chúc Bắc thần.*

五福正儀開壽域
百齡誰不進霞觴

*Ngũ phúc chính nghi khai thọ vực;
Bách linh thủy bất tiến hà thương.
Ngũ phúc chính ngay khai cõi thọ;
Bách linh⁽¹⁾ ai chẳng đến chén mừng.*

齒德兼優八秩添籌盈海屋
箕裘濟美一堂獻綵舞斑衣

*Xỉ đức kiêm ưu bát trật thêm trù doanh hải ốc;
Cơ cừu tế mỹ nhất đường hiến thái vũ ban y.
Thọ đức đều hay tám trật thêm trù đầy hải ốc⁽²⁾;
Cơ cừu⁽³⁾ càng đẹp một nhà hiến lụa múa ban y⁽⁴⁾.*

南極桑弧懸九一
東方桃實獻三千

*Nam cực tang hồ huyền cửu nhất;
Đông phương đào thực hiến tam thiên.
Nam cực cung tên treo cửu⁽⁵⁾ nhất.
Đông phương đào quả hiến tam thiên.*

⁽¹⁾ *Bách linh*: Trăm tuổi.

⁽²⁾ *Hải ốc*: Xem chú thích “Hải ốc thêm trù” ở trên.

⁽³⁾ *Cơ cừu*: Con cháu nối được nghiệp cha ông.

⁽⁴⁾ *Ban y*: Áo sắc lốm đốm như áo trẻ con. Lão Lai mặc làm cho cha mẹ vui.

⁽⁵⁾ *Cửu nhất*: 91 tuổi.

菊酒香浮延九袞
松筠秀色歷三秋

Cúc tửu hương phù diên cửu côn;

Tùng quân tú sắc lịch tam thu.

Rượu cúc xông hương tràn cửu côn;

Tùng quân sắc đẹp trải ba thu.

天子珍從兼好德
尚書口授更邀榮

Thiên tử trân tòng kiêm hảo đức;

Thượng thư khẩu thụ cánh yêu vinh.

Thiên tử quý theo gồm đức tốt;

Thượng thư vàng nhận lại yêu vinh.

談笑眼中無故舊
往來膝下有曾玄

Đàm tiếu nhãn trung vô cố cựu;

Vãng lai tất hạ hữu tăng huyền.

Đàm tiếu trong mi không cố cựu;

Vãng lai dưới gối có tăng huyền.

桃熟三千樽開北海
春光九十詩頌南山

Đào thực tam thiên tôn khai Bắc hải;

Xuân quang cửu thập thi tụng Nam sơn.

Đào chín ba nghìn chén mừng bể Bắc.

Xuân quang chín chục thơ tụng non Nam.

邱壑足煙霞九十年來謂逸老
廟堂多雨露八千歲後又生春

Khuê hác túc yên hà cửu thập niên lai vị dật lão;

Miếu đường đa vũ lộ bát thiên tuế hậu hữu sinh xuân.

Gò rãnh đủ yên hà, chín chục niên nay xưng nhàn lão.

Miếu đường nhiều vũ lộ, tám nghìn tuổi sau lại sinh xuân.

九十嘉賓海屋籌添延鶴算
三春令旦瑤池瑞藹獻蟠桃

Cửu thập gia tân hải ốc trừ thêm diên hạc toán;

Tam xuân lệnh đán đào trì thủy ái hiến bàn đào.

Chín chục, khách mừng, hải ốc trừ thêm⁽¹⁾ dài tuổi hạc;
Ba xuân, ngày đẹp, dao trì thuy ái⁽²⁾ hiển đào tiên.

壽 躋 期 頤 青 海 外
光 增 甲 第 紫 微 前

Thọ tê kỳ di thanh hải ngoại;

Quang tăng giáp đệ tử huy tiền.

Tuổi thọ vượt niên kỳ xanh rờn biển cả;
Hiển vinh tăng giáp đệ rạng rỡ gia môn.

瑤 池 桃 熟 三 千 歲
海 屋 籌 添 一 百 春

Dao trì đào thực tam thiên tuế;

Hải ốc trừ thêm nhất bách xuân.

Dao trì đào chín, ba nghìn tuổi;

Hải ốc thêm trừ, một trăm xuân.

春 樹 敷 榮 一 百 春 秋 歌 上 壽
礪 桃 獻 瑞 三 千 珠 履 慶 高 年

Xuân thụ phu vinh nhất bách xuân thu ca thượng thọ;

Bàn đào hiến thuy tam thiên châu lý khánh cao niên.

Cây cối khoe tươi, nhất bách xuân thu ca thượng thọ;

Đào tiên dâng hiến, ba nghìn châu ngọc chúc cao niên.

五 經 兼 通 有 此 材 宜 有 此 遇
九 重 嘉 悅 詢 其 父 又 及 其 翁

Ngũ kinh kiêm thông, hữu thử tài nghi hữu thử ngộ;

Cửu trùng gia duyệt, tuân kỳ phụ hựu cập kỳ ông.

Thông suốt năm kinh, có tài ấy thì đạt danh ấy;

Đẹp ý nhà vua, đã tin cha thì ắt tin ông.

神 農 本 草 香 千 里
岐 伯 醫 風 播 五 洲

Thần nông bản thảo hương thiên lý.

Kỳ Bá y phong bá ngũ châu.

Bản thảo Thần Nông hương vạn dặm.

Y phong Kỳ Bá nổi năm châu.

⁽¹⁾ *Hải ốc trừ thêm*: Xem chú thích ở trên.

⁽²⁾ *Dao trì*: Ao ngọc, nơi bà Tây Vương mẫu ở. *Thuy ái*: Đẹp để hoà nhã.

壽世良方祛邪扶正
回春妙述固本清源

Thọ thế lương phương khư tà phù chính.

Hồi xuân diệu thuật cố bản thanh nguyên.

Tuổi thọ, phương hay, đuổi tà, phù chính.

Hồi xuân, thuật giỏi, vững gốc, trong nguồn.

握五寸刀柄開腸割腹除癰疾
用十分熟忱披肝瀝膽作良醫

Ác ngũ thốn đao bính khai trường cát phúc trừ cổ tật.

Dụng thập phần nhiệt thâm phi can lịch đảm tác lương y.

Cầm chuỗi dao năm tấc, mổ bụng, cắt ruột trừ bệnh ác.

Với nhiệt tình mười phần, mổ gan, rửa ruột xứng lương y.

少飲几杯甘露酒何愁幸福不在
多投若干保險金豈畏災情橫飛

Thiểu ẩm kỷ bôi cam lộ tửu hà sầu hạnh phúc bất tại.

Đa đầu nhữc can bảo hiểm kim khởi uy tai tình hoành phi.

Rượu ngon uống ít vài chén, lo chi hạnh phúc không còn.

Tiền bảo hiểm góp ít nhiều, há sợ tai ương chấn lối.

何須蛋里尋營養
只此盤中有文章

Hà tu đạm lý tìm doanh dưỡng.

Chỉ thử bàn trung hữu văn chương.

Dinh dưỡng phải đâu chỉ là trứng.

Văn chương vẫn có ở trên bàn.

味超玉液瓊漿外
巧在然萁煮豆中

Vị siêu ngọc dịch quỳnh tương ngoại.

Xảo tại nhiên cơ thử đậu trung.

Vị ngọt hơn quỳnh tương ngọc dịch.

Khéo trong khi nấu đậu nhóm lò.

家財雖萬貫一旦遭災貧如洗
保險僅數元十分安全穩如山

Gia tài tuy vạn quan nhất đán tai nghèo như tẩy.

Bảo hiểm cần số nguyên thập phần an toàn ổn như sơn.

Gia tài dầu vạn quan, một sớm gặp tai, sạch như nước.

Bảo hiểm góp vài đồng, mười phần an toàn, vững tựa non.

年年防月月防一日不防一日悔
人人保歲歲保四時常保四時安

Niên niên phòng nguyệt nguyệt phòng nhất nhật bất phòng nhất nhật hối.

Nhân nhân bảo tuế tuế bảo tứ thời thường bảo tứ thời an.

Năm năm phòng, tháng tháng phòng, một ngày quên phòng, một ngày hối

Người người bảo, năm năm bảo, bốn mùa thường bảo, bốn mùa yên.

吃粗茶淡飯安步當車無災即福
享山珍海味養尊處優有禍難防

Ngật thô trà đạm phạn an bộ đương xa vô tai tức phúc;

Hưởng sơn trân hải vị dưỡng tôn xử ưu hữu họa nan phòng.

Chỉ trà thô cơm đạm, hết bộ đến xe, không tai là phúc.

Ưu sơn hào hải vị, ăn ngon ở đẹp, có họa khó ngừa.

館內人來自南北東西各抒己見交留信息
座上客無分農工商學自得其樂閑暇清心

Quán nội nhân lai tự nam bắc đông tây các trữ kỷ kiến giao lưu tin tức.

Toạ thượng khách vô phân nông công thương học tự đắc kỳ lạc nhàn hạ thanh tâm.

Trong quán, người đến từ nam bắc đông tây, đem điều thấy
giao lưu tin tức.

Ngồi đây, khách không phân nông công thương học, tự làm vui nhàn
hạ thanh tâm.

保險逢凶能化吉
公司解難又排憂

Bảo hiểm phùng hung năng hoá cát.

Công ty giải nạn hựu bài ưu.

Bảo hiểm gặp hung hay hoá cát.

Công ty giải hạn lại bày hay.

春風喜引吉祥鳥
細雨潤紅幸福花

Xuân phong hỷ dẫn cát tường điểu.

Tế vũ nhuận hồng hạnh phúc hoa.

Gió mát dẫn đường chim báo hỷ.

Mưa nhỏ thêm hồng hoa gặp may.

瓦壺水沸邀清客
茗碗香騰遣睡魔

Ngõa hồ thuỷ phí yêu thanh khách.
Minh uyển hương đăng khiến thuy ma.
Bình gồm nước sôi mời khách nhả.
Trà quý hương bay hết ngử trưa.

寰宇慶升平 集四海英賢談心場所
天涯若比鄰 共一堂茶水聚首因緣

*Hoàn vũ khánh thăng bình tập tứ hải anh hiền đàm tâm trường sở.
Thiên nhai nhữc tỷ lân cộng nhất đường trà thuỷ tụ thủ nhân duyên.*

Mừng thế giới thái bình, họp bốn biển anh tài, nổi lòng bày tỏ.
Với người xa như biết, chung một chỗ uống trà, âu cũng nhân duyên.

處處通途何去何從居兩間 分清邪正
頭頭是道誰賓誰主吃一碗 各自東西
*Xứ xứ thông đồ hà khứ hà tòng cư lưỡng gian phân thanh tà chính.
Đầu đầu thị đạo thuy tân thuy chủ ngật nhất uyển các tự đông tây.*
Khắp chốn đường thông, đi đâu về đâu, giữa hai ngã nên phân hay dở.
Rõ ràng đâu đấy, ai khách ai chủ, một miếng ăn phải rõ đúng sai.

清潔舒適浴洗方便請君未晚先頭宿
服務周到報時准确無須難鳴早看天
*Thanh khiết thư thích dục tẩy phương tiện thỉnh quân vị vãn tiên đầu túc.
Phục vụ chu đáo báo thời chuẩn xác vô tu kê minh tảo khán thiên.*
Sạch sẽ thoải mái, tắm rửa thuận tiện, xin mời khách đến khi chưa tối.
Phục vụ chu đáo, báo giờ chuẩn xác, không cần gà gáy sớm hôm sau.

領略家鄉風味
溫馨故里人情

*Lãnh lược gia hương phong vị.
Ôn hình cố lý nhân tình.*

Nắm được phong vị quê hương.
Hâm nóng tình người chốn cũ.

水陸兼呈皆上味
賓朋盡興共加餐

*Thủy lục kiên trình giai thượng vị.
Tân bằng tận hứng cộng gia san.*

Sơn hào hải vị, món ăn tuyệt.
Bạn bè cao hứng, bữa cơm ngon.

綜新舊舒刊莫謂古文無今文有
統中西學術請看近者買遠者郵

Tổng tân cựu thư san, mạc vị cổ văn vô, kim văn hữu.

Thống trung tây học thuật, thỉnh khan cận giả mãi viễn giả bưu.

Tổng duyệt sách mới cũ, chớ bảo cổ văn không, kim văn có.

Thống học thuật Trung, Tây, xin hãy nhớ gần thì mua, xa thì gửi.

廣通財路

巧管資金

Quảng thông tài lộ.

Xảo quản tư kim.

Rộng thông tiền của,

Khéo quản vốn còn.

社會交流憑匝制

財源命脈系金融

Xã hội giao lưu bằng táp chế.

Tài nguyên mạnh mạch hệ kim dung.

Xã hội giao lưu nhờ phép tắc.

Tài nguyên huyết mạch cây cây vàng.

求知識學海探寶累亦矣

追科學書山尋珍苦也甜

Câu tri thức học hải thám bảo lũy diệc hỷ.

Truy khoa học thư sơn tầm trân khổ dã diêm.

Câu biển học tri thức, kiếm ngọc, mệt cũng vui.

Thăm núi sách khoa học, tìm châu, đắng mà ngọt.

文海放舟健儿要敢頂風上

書山探寶志士哪能空手回

Văn hải phóng chu kiện nhi yêu cảm đỉnh phong thượng.

Thư sơn thám bảo chí sỹ na năng không thủ hồi.

Biển văn vượt thuyền, người mạnh dám cưỡi lên đầu gió.

Núi sách tìm ngọc, chí sỹ đâu trở về tay không.

不戲不急古今傳家皆由學時起

宜勤宜勉中外碩士都從苦中來

Bất hý bất đãi cổ kim truyền gia giai do học thời khởi.

Nghi cần nghi miễn trung ngoại thạc sỹ đồ tông khổ trung lai.

Chẳng cợt, chẳng lười, xưa nay truyền đời đều do học mà nên.

Nên chăm, nên gắng, trong ngoài rộng học cũng phải khổ mới được.

2 眼明分真善美君不論中人西人任你挑選
寶光細驗假高低鏡當分遠視近視隨你需求

*Tuệ nhãn minh phân chân thiện mỹ quân bất luận trung nhân
tây nhân nhậm nhĩ khiêu tuyển.*

*Bảo quang tế nghiệm giả cao đê kính đương phân viễn thị
cận thị tùy nhĩ nhu cầu.*

Mắt tuệ soi qua, đúng tốt đẹp, khách chẳng kể người âu kẻ é,
chọn lựa xin mời.

Điện quang nghiệm rõ, mượn cao thấp kính chia ra viễn thị cận thị,
yêu cầu tùy ý.

湊 六 經 芳 潤
儲 二 酉 精 華

Thấu lục kinh phương nhuận.

Trữ nhị Dậu tinh hoa.

Thấm hương nhuận Lục kinh.

Trữ nhị Dậu tinh hoa (Hai ngọn núi có tên Dậu Sơn)

藏 古 今 學 術
聚 天 地 精 華

Tàng cổ kim học thuật.

Tụ thiên địa tinh hoa.

Chứa học thuật xưa nay.

Tụ tinh hoa trời đất.

察 及 秋 毫 如 燭 照
看 來 老 眼 不 昏 花

Sát cập thu hào như chúc chiếu.

Khán lai lão nhãn bất hôn hoa.

Xét rõ tơ hào như có đuốc.

Xem ra mắt lão chẳng hề hoa.

邀 來 日 月 懸 隆 淮
攪 得 河 山 入 玉 眸

Yêu lai nhật nguyệt huyền long châu.

Giảo đắc hà sơn nhập ngọc mâu.

Sống mũi nếu treo vàng nhật nguyệt.

Con ngươi thu được cả sơn hà.

電腦驗光測眼間就可知君底細
精工配鏡顧盼後便應信我名聲

Điện não nghiệm quang trắc nhân gian tụt khả tri quân đế tể;
Tĩnh công phối kính cố phán hậu tiện ứng tín ngã danh thanh.
Nghiệm điện não quang đo khoảng cách, đủ biết mắt ông còn tốt.
Khéo gia công kính ngắm người đeo càng tin danh tiếng hiệu ta.

燕剪飛來敢夸手藝
鴛針度處別出心裁

Yến tiến phi lai cảm khoa thủ nghệ.

Uyên châm độ xứ biệt xuất tâm tài.

Lưỡi kéo én bay dám khoe tay khéo.

Đường kim uyên lượn dúc hết lòng may.

人要衣裳經紅妝素裹便丰神奕奕
体需服飾能寬適窄宜即風度翩翩

Nhân yếu y trang kinh hồng trang tố lý tiên phong thần dịch dịch.

Thể nhu phục sức năng khoan thích trách nghi tức phong độ phiên phiên.

Ngoài hồng trong trắng, vẻ tươi hơn hớn, nhờ đến y trang.

Thích chặt ưa thoáng, có dáng dàng hoàng, cạy hàng phục sức.

嘉名稱博士

大禮重高冠

Gia danh xưng bác sĩ.

Đại lễ trọng cao quan.

Tài giỏi xứng bác sĩ.

Lễ lớn trọng mũ cao.

交以道接以禮笑盈盈迎四海來賓門庭若市
近者悅遠者來喜滋滋待八方顧客商店如家

*Giao dĩ đạo tiếp dĩ lễ tiếu doanh doanh nghinh tứ hải lai tân
môn đình nhưc thị.*

*Cận giả duyệt viễn giả lai hỉ tư tư đãi bát phương cố khách
thương điểm như gia.*

Giao lấy đạo tiếp lấy lễ tũm tũm cười đón khách bốn phương
trước nhà như chợ.

Gần người vui xa người lại vẻ vui tươi tiếp người tám hướng
cửa hiệu như nhà.

薄利多消顧客盈門生意活

竭成服務春風滿面熱情高

Bạc lợi đa tiêu cố khách doanh môn sinh ý hoạt.

Kiệt thành phục vụ xuân phong mãn diện nhiệt tình cao.

Lãi ít bán nhiều, khách đến chật nhà, buôn bán thoáng.

Hết lòng phục vụ, gió xuân mát mặt, nhiệt tình cao.

錦繡兩廂藏百貨
春風一店暖千家

Cẩm tú lưỡng tương tàng bách hoá.

Xuân phong nhất điểm noãn thiên gia.

Hai chái đẹp, hàng bày trăm thứ.

Một trời xuân, gió ấm ngàn nhà.

萬民便利
百貨流通

Vạn dân tiện lợi.

Bách hoá lưu thông.

Tiện lợi muôn nhà.

Lưu thông bách hoa.

公平有德
和氣致祥

Công bình hữu đức.

Hoà khí trí tường.

Có đức công bằng.

Rành mạch hoà nhã.

財源若海
顧客盈門

Tài nguyên nhưc hải.

Cố khách doanh môn.

Tài nguyên như biển.

Khách hàng đầy nhà.

禮貌待客
文明經商

Lễ mạo đãi khách.

Văn minh kinh thương.

Với khách lễ phép.

Kinh doanh văn minh.

大名鼎鼎上等功夫海角天涯享盛譽
美貌堂堂發端技巧廳間室外拂春風

*Đại danh đỉnh đỉnh thượng đẳng công phu hải giác thiên nhai
hưởng thịnh dư.*

*Mỹ mạo đường đường phát đoan kỳ xảo sánh gian thất ngoại
phát xuân phong.*

Tiếng tăm lừng lẫy, tuyệt đỉnh công phu, góc biển chân trời
người xứng tưng.

Dung mạo dàng hoàng, tay nghề cực khéo, trong nhà ngoài sảnh
gió xuân đưa.

操毫末技藝不教斯人憔悴古今中外離不得
習頂上功夫能使其面嶄新南女老幼盡開顏
*Thao hào mạt kỹ nghệ bất giao tư nhân tiêu tuy cổ kim trung
ngoại ly bất đắc.*

*Tập đỉnh thượng công phu năng sử kỳ diện tiệm tân nam nữ lão
ấu tận khai nhan*

Nắm kỹ thuật tinh vi, chẳng để cho người tiêu tuy, trong, ngoài,
kim, cổ chẳng khi rời.

Tập công phu tuyệt đỉnh, hay làm gương mặt tinh tươm, trai, gái,
trẻ, già đều rạng vẻ.

擇里仁爲美
安居德有鄰

Trạch lý nhân vi mỹ.

An cư đức hữu lân.

Chọn chỗ nhân làm tốt.

Sống bên đức mới yên.

遷宅吉祥日
安居大有年

Thiên trạch cát tường nhật.

An cư đại hữu niên.

Ngày tốt lành dọn nhà.

Năm được mùa yên chốn.

棟起祥雲連北斗
堂開瑞氣煥春光

Đống khởi tường vân liên bắc đẩu.

Đường khai thụ khí hoán xuân quang.

Dựng cột mây lành vờn bắc đẩu.

Trình nhà khí tốt rực xuân quang.

仁 風 春 日 煦
德 澤 福 星 明

Nhân phong xuân nhật hức.

Đức trạch phúc tinh minh.

Tục nhân ấm trời xuân.

Ơn đức sáng sao phúc.

居 之 安 山 明 水 秀
人 之 和 地 久 天 長

Cư chi an sơn minh thủy tú.

Nhân chi hoà địa cửu thiên trường.

Ở lấy yên, nước non tươi đẹp.

Người được hoà, trời đất dài lâu.

鶯 遷 金 谷 曉
花 報 玉 堂 春

Oanh thiên kim cốc hiếu.

Hoa báo ngọc đường xuân.

Oanh hang vàng rời sớm.

Hoa viện ngọc tin xuân.

金 梁 燦 燦 光 輝 日
玉 柱 巍 巍 力 擎 天

Kim lương xán xán quang huy nhật.

Ngọc trụ nguy nguy lực kinh thiên.

Xà vàng xán lạn chói vằng nhật.

Trụ ngọc nguy nga sức chống trời.

家 種 吉 祥 草
宅 開 幸 福 門

Gia chủng cát tường thảo.

Trạch khai hạnh phúc môn.

Vườn trồng giống cỏ lành.

Nhà mở cửa hạnh phúc.

鳴 花 炮 聲 聲 道 喜
起 大 梁 步 步 登 高

Minh hoa pháo thanh thanh đạo hỷ.

Khởi đại lương bộ bộ đăng cao.

Đốt pháo hoa vang vang khắp chốn.

Dựng cây xà bước bước lên cao.

朝臨新氣象
拱照大文章

*Triều lâm tân khí tượng.
Cung chiếu đại văn chương.
Chiêu tập khí tượng mới.
Soi rọi khắp văn chương.*

花開富貴人開眼
日上中天屋上梁

*Hoa khai phú quý nhân khai nhãn.
Nhật thượng trung thiên ốc thượng lương.
Hoa nở giàu sang người nở tài.
Trời lên bóng đứng nhà lên nóc.*

玉堂映曙色
珠樹發秋香

*Ngọc đường ánh thự sắc.
Châu thụ phát thu hương.
Nhà ngọc ngời sắc sớm.
Cây châu ngát hương thu.*

紅日洒輝臨吉宅
春風送暖入花堂

*Hồng nhật sai huy lâm cát trạch.
Xuân phong tống noãn nhập hoa đường.
Trời hồng rải sáng trên đất tốt.
Gió xuân đưa ấm đến nhà hoa.*

重陽及宅第
金菊鑲花堂

*Trùng dương cập trạch đệ.
Kim cúc nhướng hoa đường.
Trùng dương xây chỗ mới.
Cúc vàng gắn nhà hoa.*

新廈落成增秀氣
花門安樂進財源

*Tân hạ lạc thành tăng tú khí.
Hoa môn an lạc tiến tài nguyên.
Nhà mới xây xong tăng vẻ đẹp.
Cửa hoa vui nở góp thêm giàu.*

江山聚秀歸新宇
日月交輝映錦堂

*Giang sơn tụ tú quy tân vũ.
Nhật nguyệt giao huy ánh cẩm đường.
Giang sơn góp đẹp cho nơi mới.
Nhật nguyệt đan xen rạng vẻ nhà.*

向陽庭院風光好
勤儉人家幸福多

*Hương dương đình viện phong quang hảo.
Cần kiệm nhân gia hạnh phúc đa.
Hương dương nhà cửa phong quang lắm.
Cần kiệm mọi người hạnh phúc hơn.*

春風化雨艷桃李
瑞藹盈屋旺子孫

*Xuân phong hoá vũ diễm đào lý.
Thụy ái doanh ốc vượng tử tôn.
Gió xuân mưa bụi tươi đào mạn.
Nhà tụ mây lành vượng cháu con.*

一片彩霞迎旭日
滿門春訊慶新居

*Nhất phiến thái hà nghinh hức nhật.
Mãn môn xuân tín khánh tân cư.
Một áng mây mai chào rạng sáng.
Đầy cửa tin xuân chúc mới nhà.*

新屋造就千般喜
滿室和睦百事香

*Tân ốc tạo tựu thiên ban hỷ.
Mãn thất hoà mục bách sự hương.
Chỗ mới xây xong vui mọi nỗi.
Đầy nhà hoà thuận tốt trăm điều.*

三陽日照平安宅
五福星臨吉慶門

*Tam dương nhật chiếu bình an trạch.
Ngũ phúc tinh lâm cát khánh môn.
Tam dương trời chiếu nhà yên ổn.
Ngũ phúc sao soi cửa tốt lành.*

宏圖大展興隆宅
泰運長臨富裕家

Hoàng đồ đại triển hưng long trạch.

Thái vận trường lâm phú dụ gia.

Kế hoạch mở ra nhà cửa lớn.

Vận may đến mãi đất giàu to.

門迎春夏秋冬福
戶納東西南北祥

Môn nghinh xuân hạ thu đông phúc.

Hộ nạp đông tây nam bắc tường.

Cửa đón phúc, thu đông xuân hạ.

Nhà trâu lành, nam bắc đông tây.

鶯過重門留好語
花開勝地吐其香

Oanh quá trùng môn lưu hảo ngữ.

Hoa khai thắng địa thổ kỳ hương.

Oanh qua cửa lớp còn lưu tiếng.

Hoa nở đất lành vẫn ngát hương.

祥雲環繞新門第
紅日光臨喜人家

Tường vân hoàn nhiều tân môn đệ.

Hồng nhật quang lâm hỷ nhân gia.

Cổng mới dựng, mây lành quán quýt.

Nhà vui mừng, trời đỏ dãi soi.

花春入室春風藹
瑞氣盈門淑景新

Hoa xuân nhập thất xuân phong ái.

Thụy khí doanh môn thục cảnh tân.

Hương hoa theo gió xuân vào cửa.

Hơi lành ư cảnh mới đầy nhà.

擇居仁里和爲貴
善與人同德有鄰

Trạch cư nhân lý hoà vi quý.

Thiện dữ nhân đồng đức hữu lân.

Chọn ở chỗ nhân hoà mới quý.

Hoà hợp cùng người đức dễ thân.

家居光天化日下
人在細雨和風中

*Gia cư quang thiên hoá nhật hạ.
Nhân tại tế vũ hoà phong trung.
Nhà xây chỗ trời mây quang đáng.
Người ở nơi mưa gió thuận hoà.*

庭前月色清如許
戶外嵐光翠欲流

*Đình tiền nguyệt sắc thanh như hứa.
Hộ ngoại lam quang thủy dục lưu.
Trước sân ánh trắng trong hồ hện.
Ngoài ngõ non mây biếc muốn trôi.*

日照新居添錦繡
花栽院圃吐芬芳

*Nhật chiếu tân cư thêm cẩm tú.
Hoa tài viện phổ thổ phân hương.
Nắng soi nhà mới thêm vui mắt.
Hoa nở vườn bao vẫn toả hương.*

華堂喜對山河秀
福宅欣迎日月輝

*Hoa đường hỷ đối sơn hà tú.
Phúc trạch hân nghinh nhật nguyệt huy.
Nhà hoa mừng ngắm non sông đẹp.
Đất phúc hoan nghênh nhật nguyệt ngời.*

家居綠水青山畔
人在春風和氣中

*Gia cư lục thủy thanh sơn bần.
Nhân tại xuân phong hoà khí trung.
Nhà kẻ bên nước biếc non xanh.
Người ở giữa gió xuân khí mát.*

地久天長門有喜
年豐人壽福無邊

*Địa cửu thiên trường môn hữu hỷ.
Niên phong nhân thọ phúc vô biên.
Cửa có tin vui trời đất vững.
Năm may người thọ phúc vô biên.*

地無寒舍春常在
居有芳鄰德不孤

*Địa vô hàn xá xuân thường tại.
Cư hữu phương lân đức bất cô.
Đất không nhà khó xuân lui tới.
Ở cạnh người hay đức dập dìu.*

旭日東升臨大廈
青山含翠映華堂

*Húc nhật đông thăng lâm đại hạ.
Thanh sơn hàm thủy ánh hoa đường.
Trời sáng ánh dương vào cửa lớn.
Non xanh ngậm biếc rạng nhà hoa.*

春風楊柳鳴金屋
晴雪梅花照玉堂

*Xuân phong dương liễu minh kim ốc.
Tinh tuyết mai hoa chiếu ngọc đường.
Gió xuân cột liễu reo trên nóc.
Tuyết trắng đùa mai chiếu trước nhà.*

玉樹奇花香作錦
水光山色翠連雲

*Ngọc thụ kỳ hoa hương tác cẩm.
Thủy quang sơn sắc thủy liên vân.
Cây hoa vẽ ngọc tươi như gấm.
Non nước màu xanh biếc tựa mây.*

高堂映日開丹桂
新室藏春醉碧桃

*Cao đường ánh nhật khai đan quế.
Tân thất tàng xuân túy bích đào.
Trời đẹp nhà cao đan quế nở.
Xuân đầy chỗ mới bích đào say.*

堂凝瑞氣雲追月
棟染谷香秋勝春

*Đường ngưng thủy khí vân truy nguyệt.
Đống nhiễm cốc hương thu thắng xuân.
Nhà đọng hơi lành mây giỡn nguyệt.
Cột vương hương núi thu hơn xuân.*

新院新防新氣象
好山好水好風光

*Tân viện tân phòng tân khí tượng.
Hảo sơn hảo thủy hảo phong quang.
Mới viện mới phòng mới cảnh tượng.
Đẹp sông đẹp núi đẹp phong quang.*

歲寒三有添新色
和氣滿堂聚德光

*Tuế hàn tam hữu thêm tân sắc.
Hoà khí mãn đường tụ đức quang.
Bộ ba (tùng, trúc, mai) quen lạnh đông càng đẹp.
Một nhà hoà thuận đức thêm tươi.*

玉宇前青山似畫
花堂後碧樹成林

*Ngọc vũ tiền thanh sơn tự hoạ.
Hoa đường hậu bích thụ thành lâm.
Ngắm trước cửa núi xanh như vẽ.
Nhìn sau nhà cây biếc thành rừng.*

淑氣和風光棟宇
銀花玉樹染門庭

*Thục khí hoà phong quang đông vũ.
Ngân hoa ngọc thụ nhiễm môn đình.
Khí lành, gió mát quang nhà cửa.
Cây ngọc, hoa ngân rợp trước sân.*

美酒盈樽嘉客醉
清風繞宅瑞雲生

*Mỹ tửu doanh tôn gia khách túy.
Thanh phong nhiều trạch thụ vân sinh.
Rượu ngon đầy chén say lòng khách.
Gió mát quang nhà đẹp bóng mây.*

山環水抱風光美
柳暗花明景色新

*Sơn hoàn thủy bao phong quang mỹ.
Liễu ám hoa minh cảnh sắc tân.
Nước non vây bọc phong quang lắm.
Hoa liễu khoe màu cảnh sắc tươi.*

瑞雪迎春居大廈
東風送暖進樓臺

*Thuyết tuyết nghinh xuân cư đại hạ.
Đông phong tống noãn tiến lầu đài.
Tuyết mới đón xuân về dưới mái.
Gió đông đưa ấm đến lầu cao.*

朴素大方新宅第
勤勞節儉好人家

*Phác tố đại phương tân trạch đệ.
Cần lao tiết kiệm hảo nhân gia.
Mộc mạc dễ ưa nhà cửa mới.
Siêng năng tiết kiệm đẹp con người.*

水如碧玉山如黛
鳳有高梧鶴有松

*Thủy như bích ngọc sơn như đại.
Phượng hữu cao ngô hạc hữu tùng.
Nước như ngọc bích, non như kẻ (vẽ).
Phượng có cành ngô, hạc có tùng.*

畢堂建就六親力
玉宇落成百匠功

*Hoa đường kiến tựu lục thân lực.
Ngọc vũ lạc thành bách tượng công.
Nhà đẹp sáu thân⁽¹⁾ đều góp sức.
Mái ngọc trăm tay thợ góp công.*

合天時祥雲連畫棟
得地利峻嶺對新庭

*Hợp thiên thời tường vân liên họa棟.
Đắc địa lợi tuấn lãnh đối tân đình.
Hợp thiên thời mây lành như bức họa.
Được địa lợi núi đẹp đứng trước nhà.*

東令如春江山吐秀
生財有道棟宇增輝

*Đông lệnh như xuân giang sơn thổ tú.
Sinh tài hữu đạo đống vũ tăng huy.*

(1) *Sáu thân*: gồm cha, mẹ, anh, em, vợ, con.

Đông đẹp như xuân, núi sông lắm vẻ.
Làm giàu có cách, nhà cửa thêm quang.

喬遷喜天地人共喜
新居榮福祿壽全榮

Kiều thiên hỷ thiên địa nhân cộng hỷ.

Tân cư vinh phúc lộc thọ toàn vinh.

Thăng tiến mừng, trời cùng mừng.

Nhà mới vui, phúc lộc đất người thọ đều vui.

竹風留客飲
松月伴賓茶

Trúc phong lưu khách ẩm.

Tùng nguyệt bạn tân trà.

Gió trúc lưu bạn rượu.

Trăng tùng đón khách trà.

鳥鳴千戶竹
書枕一床風

Điểu minh thiên hộ trúc.

Thư chẩm nhất sàng phong.

Chim ca, trúc ngàn khóm.

Sách gối, gió một giường.

爲愛鳥聲多種樹
欲留花氣不垂帘

Vì ái điểu thanh đa chủng thụ.

Dục lưu hoa khí bất thùy liêm.

Bởi yêu chim hát cây trồng lắm.

Vì luyến hương hoa chẳng rủ rèm.

架上詩書無暇日
階前草木總長春

Giá thượng thi thư vô hạ nhật.

Giai tiền thảo mộc tổng trường xuân.

Sách hay đầy giá không khi rỗi.

Thêm trước nhiều cây có sẵn xuân.

梅召春光蘭遣夏
菊呈秋色竹凌冬

Mai triệu xuân quang lan khiến hạ .

Cúc trình thu sắc trúc lắng đông.

Mai gọi xuân về, lan khiến hạ.

Cúc tin thu tới, trúc nhón đông.

自喜軒窗無俗韻

亦知草木有真香

Tự hỷ hiên song vô tục vận.

Diệc tri thảo mộc hữu chân hương.

Mừng thấy hiên song không tiếng tục.

Vân hay cây cỏ có hương thâm.

庭前瑞發花成錦

門外春來鳥唱歌

Đình tiền thủy phát hoa thành cẩm.

Môn ngoại xuân lai điểu xướng ca.

Sân trước khí lành hoa gấm dệt.

Cổng ngoài xuân đến tiếng chim ca.

房中雅奏同心曲

室內應無交滴聲

Phòng trung nhã tấu đồng tâm khúc.

Thất nội ứng vô giao trích thanh.

Trong phòng nên sẵn nhạc đồng tâm.

Chỗ ở chỗ lắng lời châm chọc.

好山入座清如洗

嘉樹當窗翠欲流

Hảo sơn nhập tọa thanh như tẩy.

Gia thụ đương song thủy dục lưu.

Núi đẹp ngồi thiên lòng rửa sạch.

Cây xanh bên cửa biếc như trôi.

傾壺待客花開後

出竹吟詩月上時

Khuynh hồ đãi khách hoa khai hậu.

Xuất trúc ngâm thi nguyệt thượng thời.

Nghiêng bầu đãi khách sau hoa nở.

Cạnh trúc ngâm thơ lúc mọc trăng.

野樹穿花月在澗

清風拂座竹環門

*Dã thụ xuyên hoa nguyệt tại giản.
Thanh phong phát toạ trúc hoàn môn.
Trắng khe thấp thoáng hoa sườn núi.
Trúc ngõ la đà gió mát lay.*

得好友來如對月
有佳書讀勝看花
*Đắc hảo hữu lai như đối nguyệt.
Hữu giai thư độc thắng khan hoa.
Bạn tốt đến nhà như trước nguyệt.
Sách hay đang đọc biếng thăm hoa.*

數竿修竹三間屋
一席清風萬壑雲
*Số can tu trúc tam gian ốc.
Nhất tịch thanh phong vạn hác vân.
Ba gian nhà, dăm hàng trúc biếc.
Vạn đám mây một chiều gió thanh.*

明月清風開浪韻
高山流水有知音
*Minh nguyệt thanh phong khai lãng vận.
Cao sơn lưu thủy hữu tri âm.
Gió mát trăng thanh vãn điệu đẹp.
Non cao nước chảy bạn bè thân.*

居心中正明如鏡
接物寬和藹似春
*Cư tâm trung chính minh như kính.
Tiếp vật khoan hoà ái tị xuân.
Sáng tựa gương trong lòng thẳng thắn.
Tươi như xuân đẹp vẻ khoan hoà.*

愛客襟懷春滿座
照人肝膽月盈庭
*Ái khách khâm hoài xuân mãn toạ.
Chiếu nhân can đảm nguyệt doanh đình.
Quý khách thấy lòng xuân mọi chỗ.
Soi người gan mật nguyệt đầy sân.*

獨坐每將書作伴
閉門常与竹爲鄰

Độc toạ mỗi tương thư tác bạn.
Bế môn thường dữ trúc vi lân.
Mình ngồi sách vở quen làm bạn.
Đóng cửa xóm giếng trúc vẫn thân.

一庭花發來知己
半卷書開見古人
Nhất đình hoa phát lai tri kỷ.
Bán quyển thư khai kiến cổ nhân.
Một sân hoa nở chờ tri kỷ.
Nửa quyển dành xem thấy cổ nhân.

窗前草色侵吟席
帘外花香入瑞軒
Song tiên thảo sắc xâm ngâm tịch.
Liêm ngoại hoa hương nhập thủy hiên.
Sắc cỏ bên song vào chiếu đọc.
Hương hoa rèm trước ngát hương nằm.

詩情畫意皆良友
鳥語花香最可人
Thi tình hoạ ý giai lương hữu.
Điểu ngữ hoa hương tối khả nhân.
Tình thơ ý hoạ đây người tốt.
Chim hót hoa hương đầy kẻ hay.

樹影橫窗知月上
花香入夢覺春來
Thụ ảnh hoành song tri nguyệt thượng.
Hoa hương nhập mộng giác xuân lai.
Bóng cây xuyên cửa biết trăng lên.
Hương hoa vào mộng hay xuân đến.

愛容常開新釀酒
呼童時展舊藏書
Ái dung thường khai tân nhưỡng tửu.
Hô đồng thời triển cựu tàng thư.
Ủ được nổi men tươi tỉnh mặt.
Phơi dấm pho sách lại hồ con.

月浸一帘花影瘦
風搖半榻竹陰涼

Nguyệt tắm nhất liêm hoa ảnh sáu.
Phong dao bán tháp trúc âm lương.
Ánh trăng rèm ngập khiến hoa gầy.
Giường ngủ gió lay nên trúc mát.

門對好山惟種竹
園通活水可澆蔬

Môn đối hảo sơn duy chủng trúc.
Viên thông hoạt thủy khả kiều sơ.
Cửa trước núi cao nên cấy trước.
Vườn thông dòng chảy nhỏ trồng rau.

深院塵稀書韻雅
明窗風靜墨花香

Thâm viện trần hy thư vận nhã.
Minh song phong tĩnh mặc hoa hương.
Nhà vắng bụi trần vãn điệu nhã.
Gió yên song sáng mực hương đưa.

家有藏書墨庄香遠
門無俗客竹徑風清

Gia hữu tàng thư mặc trang hương viễn.
Môn vô tục khách trúc kính phong thanh.
Nhà có chứa sách hương mực bay xa.
Cổng không khách tục lối trúc gió mát.

午枕聽兒吟好句
晚窗留客弄殘棋

Ngọ chẩm thính nhi ngâm hảo cú.
Vãn song lưu khách lộng tàn kỳ.
Trưa nằm nghe trẻ, ngâm câu đẹp.
Song muộn người lưu, dở cuộc cờ.

好花四時明月千古
遠峰一角奇書半床

Hảo hoa tứ thời minh nguyệt thiên cổ.
Viễn phong nhất giác kỳ thư bán sàng.
Bốn mùa hoa đẹp, trăng sáng muôn đời.
Gió xa chợt tỉnh, sách lạ nửa giường.

高敞軒窗迎海月
預栽花木待春風

Cao thường hiên song nghinh hải nguyệt.

Dự tài hoa mộc đãi xuân phong.

Hiên song thoáng mát chờ trăng biển.

Hoa cỏ vun trồng đợi gió xuân.

良友遠來異書新得
好花半放美酒為醺

Lưỡng hữu viễn lai dị thư tân đắc.

Hảo hoa bán phóng mỹ tửu vi huân.

Sách lạ mới hay, mừng bạn đến thăm.

Rượu ngon hơi say, đợi xem hoa nở.

室外獨留滋卉地
年來幸得養花天

Thất ngoại độc lưu tư huỷ địa.

Niên lai hạnh đắc dưỡng hoa thiên.

Mảnh đất trước nhà trồng cây đẹp.

Sang năm may được tưới hoa tươi.

竹影橫窗花香入室
春光交夢秋月沁心

Trúc ảnh hoành song hoa hương nhập thất.

Xuân quang giao mộng thu nguyệt thấm tâm.

Bóng trúc qua song, hương hoa vào cửa.

Ánh xuân đưa mộng, thu nguyệt ngấm lòng.

舊書細讀猶多味
佳客能來不費招

Cựu thư tế độc do đa vị.

Giai khách năng lai bất phí chiêu.

Sách xưa đọc kỹ còn nhiều vị.

Khách quý năng thăm chớ ngại mời.

白鳥多情留人小住
青山無語与我神交

Bạch điểu đa tình lưu nhân tiểu trú.

Thanh sơn vô ngữ dữ ngã thần giao.

Cò trắng có tình được người thoáng ngắm.

Núi xanh không tiếng cũng hiểu ngầm ta.

花徑不曾緣客掃
蓬門今始爲君開

Hoa kính bất tăng duyên khách tảo.

Bồng môn kim thủy vị quân khai.

Lối hoa chưa kén duyên người quét.

Non bồng nay đã mở ngài coi.

桂花開時香雲成海
明月高處廣寒有居

Quế hoa khai thời hương vân thành hải.

Minh nguyệt cao xứ quảng hàn hữu cư.

Một biển hương mây, mùa hoa quế nở.

Đầu non cung quảng, bóng trăng treo cao.

秋菊開三徑
琴書萃一堂

Thu cúc khai tam kính.

Cầm thư tuy nhất đường.

Cúc thu trồng ba lối.

Đàn sách găng một nhà.

花心起墨彙
春色散毫端

Hoa tâm khởi mặc vưng.

Xuân sắc tán hào đoan.

Nở hoa lúc mài mực.

Sắc xuân trên nét vương.

意飄雲物外
詩入畫圖中

Ý phiêu vân vật ngoại.

Thi nhập họa đồ trung.

Ý bay ngoài sự vật.

Thơ vào trong họa đồ.

聲言宣至理
古意發高文

Thanh ngôn tuyên chí lý.

Cổ ý phát cao văn.

Bàn suông nói cạn lẽ.

Ý cổ nảy văn hay.

筆 酣 詩 意 厚
墨 舞 友 情 深

Bút cam thi ý hậu.

Mặc vũ hữu tình thâm.

Bút say thơ ý hậu.

Mực múa bạn tình thâm.

墨 醉 花 香 動
文 成 劍 氣 毫

Mặc túy hoa hương động.

Văn thành kiếm khí hào.

Mực say hương hoa động.

Văn xong khí kiếm hào.

推 窗 觀 日 月
揮 筆 起 雲 煙

Suy song quan nhật nguyệt.

Huy bút khởi vân yên.

Mở song xem nhật nguyệt.

Múa bút tả khói mây.

水 石 窮 幽 賞
文 章 識 大 家

Thuỷ thạch cùng u thưởng.

Văn chương thức đại gia.

Khe suối cùng thưởng ngoạn.

Văn chương biết tài hoa.

春 風 寄 瀟 洒
大 雅 含 峯 容

Xuân phong ký tiêu sái.

Đại nhã hàm hoa dung.

Gió xuân vốn phóng khoáng.

Đức lớn sẵn khoan dung.

欲 知 天 地 事
須 讀 古 今 書

Dục tri thiên địa sự.

Tu độc cổ kim thư.

Muốn biết chuyện trời đất.

Nên đọc sách xưa nay.

退筆如山未足惜
讀書萬卷始通神

Thoái bút như sơn vị túc tích.

Độc thư vạn quyển thủy thông thần.

Bút cao như núi còn không tiếc.

Sách đọc muôn pho mới thấy thông.

杯沾華露留佳客
案接雲山檢異書

Bôi chiêm hoa lộ lưu giai khách.

Án tiếp vân sơn kiểm dị thư.

Chén thấm sương hoa lưu khách quý.

Án liền mây núi kiểm sách hay.

遙看北斗挂南岳
常撞大呂應黃鍾

Dao khoan bắc đầu quải nam nhạc.

Thường chàng đại lữ ứng hoàng chung.

Xa trông Bắc đầu trên Nam nhạc.

Thường ca Đại lữ tấu Hoàng chung.

片紙能見天下意
一毫可畫古今情

Phiến chỉ năng kiến thiên hạ lý.

Nhất hào khả hoạ cổ kim tình.

Mảnh tờ hay thấy ý thiên hạ.

Một nét vẽ nên tình cổ kim.

名畫要如詩句讀
古琴兼作水聲聽

Danh họa yêu như thi cú độc.

Cổ cầm kiêm tác thủy thanh thính.

Bức vẽ đẹp như bài thơ hay.

Tiếng đàn xưa như dòng suối chảy.

書到精絕方弄險
詩窮蹇滯更吟豪

Thư đáo tinh tuyệt phương lộng hiểm.

Thi cùng kiến trệ cánh ngâm hào.

Sách đến tốt vơi thường hiểu khó.

Thơ càng ngưng đọng mới ngâm hay.

雨 惊 詩 夢 來 蕉 葉
風 載 書 聲 出 藕 花

Vũ kinh thi mộng lai tiêu diệp.

Phong đới thư thanh xuất ngẫu hoa.

Thánh thốt tàu tiêu tỉnh mộng thơ.

Phơ phát sen đưa lời đọc sách.

風 月 有 情 常 似 舊
丹 青 妙 處 不 堪 傳

Phong nguyệt hữu tình thường tự cựu.

Đan thanh diệu xứ bất kham truyền.

Trăng gió có tình nên vốn biết.

Sắc màu chốn đẹp khó hay ghi.

山 川 佳 色 澄 懸 鏡
松 竹 清 陰 靜 讀 書

Sơn xuyên giai sắc trừng huyền kính.

Tùng trúc thanh âm tĩnh độc thư.

Trăng treo vẻ đẹp ngời sông núi.

Sách đọc thâm nghe vắng trúc thông.

衣 襟 半 染 煙 霞 氣
詩 卷 長 留 天 地 間

Y khâm bán nhiễm yên hà khí.

Thi quyển trường lưu thiên địa gian.

Vật áo nửa phân sương khói nhuộm.

Quyển thơ đành gửi đất trời lưu.

花 木 清 香 庭 院 翠
琴 書 雅 趣 館 堂 幽

Hoa mộc thanh hương đình viện thủy.

Cầm thư nhã thú quán đường u.

Hoa lá thơm hương, sân viện biếc.

Sách đàn thú nhã, quán thanh u.

文 姿 筆 態 雲 山 里
畫 意 詩 情 煙 樹 中

Văn tư bút thái vân sơn lý.

Hoạ ý thi tình yên thụ trung.

Thần thái bút văn mây với núi.
Ý tình thi họa khói cùng cây.

春庭草色和煙暖
午夜書聲帶月寒

Xuân đình thảo sắc hoà yên noãn.

Ngọ dạ thư thanh đới nguyệt hàn.

Sắc cỏ sân xuân làn khói ấm.

Đêm về đọc sách lạnh trăng khuya.

名花照眼春光滿
奇句天開妙論高

Danh hoa chiếu nhãn xuân quang mãn.

Kỳ cú thiên khai diệu luận cao.

Hoa thơm mắt ngó xuân đầy sáng.

Thơ lạ trời xui ý mới cao.

吟成不覺野花語
睡起忽聞山鳥鳴

Ngâm thành bất giác dã hoa ngữ.

Thụy khởi hốt văn sơn điểu minh.

Ngâm lên mới biết hoa đồng nói.

Tỉnh dậy vừa hay chim núi kêu.

文成蕉葉書猶綠
吟到梅花字亦香

Văn thành tiêu diệp thư do lục.

Ngâm đáo mai hoa tự diệp hương.

Văn ghi trên lá xanh còn đượm.

Thơ nói về mai, chữ cũng thơm.

春雲曉室琴書潤
嘉樹當軒几席清

Xuân vân nhiễu thất cầm thư nhuận.

Gia thụ đương hiên kỷ tịch thanh.

Nhà phủ mây xuân đàn sách nhuận.

Hiên trùm cây tốt chốn ngôi thanh.

閑裁蕉葉題唐句
細嚼梅花讀漢書

Nhàn tài tiêu diệp đề Đường cú.
Tế tức mai hoa độc Hán thư.
Nhàn thu lá rụng, chép thơ Đường.
Nghiên ngâm hoa mai, đọc sách Hán.

雲 淡 雨 香 詩 世 界
水 流 花 放 畫 根 源
Vân đạm vũ hương thi thế giới.
Thuỷ lưu hoa phóng hoạ căn nguyên.
Mưa hương, mây nhạc, thơ thế giới.
Nước chảy, hoa trôi, hoạ cội nguồn.

萬 卷 詩 書 如 好 友
一 樽 談 笑 伴 高 人
Vạn quyển thi thư như hảo hữu.
Nhất tôn đàm tiếu bạn cao nhân.
Vạn quyển thi thư như bạn tốt.
Một trướng đàm tiếu bạn người cao.

花 間 酌 酒 邀 明 月
石 上 題 詩 掃 綠 苔
Hoa gian chúc tửu yêu minh nguyệt.
Thạch thượng đề thi扫 lục đài.
Chúc rượu bên hoa mời trăng sáng.
Đề thơ đầu núi quét rêu xanh.

文 名 遠 播 如 長 夢
書 法 精 求 得 永 和
Văn danh viễn bá như trường mộng.
Thư pháp tinh cầu đắc vĩnh hòa.
Văn tài nổi tiếng hay dài mộng.
Thư pháp cầu tinh hầy vững tay.

石 壁 挂 藤 通 篆 意
桐 陰 滴 露 挹 琴 聲
Thạch bích quải đằng thông triện ý.
Đồng âm trích lộ áp cầm thanh.
Vách đá dây leo truyền ý chữ.
Bóng đồng⁽¹⁾ sương giọt dẫn đàn thanh.

⁽¹⁾ Cây ngô đồng.

琴窗古韻長生趣
藝苑溫馨足慰情

Cầm song cổ vận trường sinh thú.

Nghệ uyển ôn hình túc uỷ tình.

Thú trường sinh điệu cổ song đàn.

Tình an ủi vườn thơm nghệ thuật.

千館文毫爭色彩
萬家詩墨競風流

Thiên quán văn hào tranh sắc thái.

Vạn gia thi mặc cạnh phong lưu.

Ngàn quán văn chương đua sắc thái.

Vạn nhà thơ mực đấu phong lưu.

真抒情意多文采
苦練筆功達自然

Chân trữ tình ý đa văn thái.

Khó luyện bút công đạt tự nhiên.

Diễn đạt ý tình nhiều văn vẻ.

Luyện rèn nét bút đạt tự nhiên.

盛世書風多浩氣
晚年池墨大精神

Thịnh thế thư phong đa hạo khí.

Văn niên trì mặc đại tinh thần.

Tuổi trẻ văn phong giàu hạo khí.

Khi già nét bút mạnh tinh thần.

重帘不卷留香久
古硯微凹聚墨多

Trọng liêm bất quyển lưu hương cửu.

Cổ nghiên vị ao tụ mặc đa.

Rèm nặng giữ hương nên chẳng cuốn.

Nghiên xưa đọng mực bởi lòng sâu.

喜我詞章無俗韻
愛人畫品友清操

Hỷ ngã từ chương vô tục vận.

Ái nhân hoạ phẩm hữu thanh thao.

Mừng tớ văn chương không vẻ tục.

Yêu người hoạ phẩm có màu thanh.

竹 露 松 風 蕉 葉 雨
茶 煙 琴 韻 讀 書 聲

Trúc lộ tùng phong tiêu diệp vũ.

Trà yên cầm vận độc thư thanh.

Sương trúc gió tùng mưa tàu chuối.

Khói trà tiếng nhạc giọng bình văn.

詩 書 千 載 經 綸 事
松 竹 四 時 瀟 洒 心

Thi thư thiên tải kinh luân sự.

Tùng trúc tứ thời tiêu sái tâm.

Thi thư ngàn thuở việc kinh luân.

Tùng trúc bốn mùa lòng thư thái.

對 韻 求 工 藏 國 醉
聯 詩 術 志 顯 民 風

Đối vận cầu công tàng quốc túy.

Liên thi thuật chí hiển dân phong.

Vần đối khéo tìm mang quốc túy.

Thi liên thuật chí hiển dân phong.

清 新 雋 永 詩 書 氣
朴 素 天 真 寒 墨 情

Thanh tân tuyển vĩnh thi thư khí.

Phác tố thiên chân hàn mặc tình.

Thanh tân ý vị khí thi thư.

Chất phác tính trời tình bút mực.

閑 處 攜 書 花 下 讀
興 來 得 句 竹 間 吟

Nhàn xứ huề thư hoa hạ độc.

Hưng lai đắc cú trúc gian ngâm.

Độc sách dưới hoa ngôi lúc rỗi.

Ngâm thơ bên trúc hứng khi về.

閑 拈 古 帖 臨 池 寫
靜 捧 奇 書 就 月 觀

Nhàn niêm cổ thiếp lâm trì tả.

Tĩnh bồng kỳ thư tựu nguyệt quan.

Nhàn mang thiếp cũ bên ao viết.

Tĩnh đem sách lạ dưới trăng xem.

運筆不靈看燕舞
行文無字賞花開

*Vận bút bất linh khan yến vũ.
Hành văn vô tự thưởng hoa khai.
Ngó thấy ngòi khô, ngắm yến bay.
Trông chừng văn bí, xem hoa nở.*

人居百尺松蘿上
詩在千層花雨中

*Nhân cư bách xích tùng la thương.
Thi tại thiên tầng hoa vũ trung.
Người nằm trên ngọn tùng trăm thước.
Thơ ở dưới mưa hoa ngàn tầng.*

墨池煙藹花間露
茗鼎香浮竹外雲

*Mặc trì yên ái hoa gian lộ.
Minh đình hương phù trúc ngoại vân.
Ao mực khói trùm sương đọng hoa.
Chén trà hương tỏa mây mờ trúc.*

鳥向枝頭催筆韻
梅從花外度書聲

*Điểu hướng chi đầu thôi bút vận.
Mai tòng hoa ngoại độ thư thanh.
Chim hướng đầu cành giục vận bút.
Mai đến cùng hoa đưa tiếng thơ.*

小苑詩風籠翠墨
怡亭筆興拜青藤

*Tiểu uyển thi phong lung thủy mặc.
Di đình bút hứng bái thanh đằng.
Vườn nhỏ gió thơ trùm mực biếc.
Đình chơi hứng bút vái dây xanh.*

雅言不在詩文外
琴德原超絲竹間

*Nhã ngôn bất tại thi văn ngoại.
Cầm đức nguyên siêu ty trúc gian.
Thơ văn vẫn sẵn lời tao nhã.
Tơ trúc nằm trong đức ngón đàn.*

丹青落紙化春色
彩墨從心題妙詩

*Đan thanh lạc chữ hoá xuân sắc.
Thái mặc tông tâm đề diệu thi.
Sắc màu trên giấy cảnh đây xuân.
Nét mực theo lòng thơ đến tuyệt.*

細雨暗滋書策草
春風首報墨家香

*Tế vũ ám tư thư sách thảo.
Xuân phong thủ báo mặc gia hương.
Mưa nhỏ thấm dần trang giấy viết.
Gió xuân báo trước mực nhà thơm.*

客去茶甘流舌本
睡余書味在胸中

*Khách khứ trà cam lưu thiết bản.
Thụy dư thư vị tại hung trung.
Khách về cuống lưỡi dư trà ngọt.
Muốn đây trong lòng có vị thơ.*

華堂入雲江山添一景
大廈落成農戶樂三春

*Hoa đường nhập vân giang sơn thêm nhất cảnh.
Đại hạ lạc thành nông hộ lạc tam xuân.
Nhà đẹp mây trùm non nước góp thêm một cảnh.
Mái to mới lợp, nhà nông vui đến ba xuân.*

吉日遷居萬事如意
良辰安宅百年遂心

*Cát nhật thiên cư vạn sự như ý.
Lương thời an trạch bách niên toại tâm.
Ngày tốt dọn nhà muôn việc đẹp ý.
Giờ lành yên chỗ trăm năm vừa lòng.*

笑語聲聲共慶喬遷喜
腊梅朵朵同妝進取樓

*Tiểu ngữ thanh thanh cộng khánh kiều thiên hỷ.
Lạp mai đoá đoá đồng trang tiến thủ lâu.
Oang oang cười nói, chúc mừng tin tốt vinh thăng.
Đoá đoá mai vàng, tô đẹp lầu cao tiến thủ.*

一輪明月
四壁清風

*Nhất luân minh nguyệt.
Tứ bích thanh phong.
Một vành trăng trong.
Bốn bề gió mát.*

詩寫梅華月
茶煎谷雨香

*Thi tả mai hoa nguyệt.
Trà tiên cốc vũ hương.
Thơ hoa mai dưới nguyệt.
Trà nước suối thơm hương.*

閑搜妙句書紅葉
忽得新詩寄白雲

*Nhàn sưu diệu cú thư hồng diệp.
Hốt đắc tân thi ký bạch vân.
Lá hồng rồi lượm ghi câu đẹp.
Mây trắng tin dùm mới có thơ.*

來看絕妙畫
共賞無聲詩

*Lai khán tuyệt diệu họa.
Cộng thưởng vô thanh thi.
Đến xem họa tuyệt đẹp.
Cùng thưởng thơ vô thanh.*

書山覓玉
學海泛舟

*Thư sơn mịch bảo.
Học hải phiếm chu.
Núi sách tìm ngọc.
Biển học dạo thuyền.*

讀書真腹樂
賞畫悅心神

*Độc thư chân phúc lạc.
Thưởng họa duyệt tâm thần.
Đọc sách thực vui bụng.
Ngắm họa sướng tâm thần.*

書畫益壽
金石延年

Thư hoạ ích thọ.

Kim thạch diên niên.

Thư hoạ tăng thọ.

Vàng đá thêm năm.

雅琴飛白雪
高論橫青雲

Nhã cầm phi bạch tuyết.

Cao luận hoành thanh vân.

Đàn nhã bay tuyết trắng.

Lời hay chấn mây xanh.

書存金石氣
室有蕙蘭香

Thư tồn kim thạch khí.

Thất hữu huệ lan hương.

Sách bền khí vàng đá.

Nhà có hương huệ lan.

學語春鶯轉
書窗秋鴈斜

Học ngữ xuân oanh chuyển.

Thư song thu nhạn tà.

Oanh xuân chuyển giọng học.

Nhạn thu sà thư song.

几淨雲生硯
窗明月映書

Kỷ tịnh vân sinh nghiễn.

Song minh nguyệt ánh thư.

Ghế tĩnh mây trong nghiễn.

Song sáng trắng soi sách.

詩情畫意
琴韻書聲

Thi tình hoạ ý.

Cầm vận thư thanh.

Tình thơ ý hoạ.

Đàn vận sách tiếng.

圖書聚所好
竹柏得其真

Đồ thư tụ sở hảo.
Trúc bách đắc kỳ chân.
Đồ thư tụ chỗ tốt.
Trúc bách được là ngay.

松風煮茗
竹雨談詩

Tùng phong煮茗.
Trúc vũ đàm thi.
Gió tùng trà pha.
Mưa trúc thơ luận.

琴書多古意
水石澹幽居

Cầm thư đa cổ ý.
Thủy thạch đậm u cư.
Sách đàn nhiều ý cổ.
Suối đá dợn hang u.

書林漫步
學海遨遊

Thư lâm mạn bộ.
Học hải ngao du.
Rừng sách đi dạo.
Biển học ngao du.

爽目詩書畫
悅神梅竹蘭

Sảng mục thi thư hoạ.
Duyệt thần mai trúc lan.
Sảng mắt thi thư hoạ.
An thần mai trúc lan.

書畫怡且樂
金石壽而康

Thư hoạ di thả lạc.
Kim thạch thọ nhĩ khương.
Thư hoạ nhã mà vui.
Vàng đá thọ lại khoẻ.

博通上下
雅集古今

Bác thông thượng hạ.

Nhã tập cổ kim.

Rộng thông trên dưới.

Khéo học xưa nay.

高窗妙挹千川月
小屋長看四季春

Cao song diệu ấp thiên xuyên nguyệt.

Tiểu ốc trường khan tứ quý xuân.

Ngàn ánh trăng ôm cửa sổ cao.

Bốn mùa xuân ngắm ngôi nhà nhỏ.

博覽群書見多識廣
兼采百家目明耳聰

Bác lãm quần thư kiến đa thức quảng.

Kiểm thái bách gia mục minh nhĩ thông.

Mọi sách đọc qua, kiến thức sâu rộng.

Trăm nhà kiếm đủ, tai mắt thông minh.

筆永健
藝常青

Bút vĩnh kiện.

Nghệ thường thanh.

Bút luôn mạnh.

Vẽ thường tươi.

筆甜墨暢
心曠神怡

Bút cam mực sướng.

Tâm khoáng thần di.

Bút mực say sưa.

Tâm hồn phóng khoáng.

喜有和風駐
欣無俗客來

Hỷ hữu hoà phong trú.

Hân vô tục khách lai.

Mừng có gió mát tới.

Vui không khách tục thăm.

風雲三尺劍
花鳥一床書

*Phong vân tam xích kiếm.
Hoa điểu nhất sàng thư.
Gió mây kiếm ba thước.
Chim hoa sách một giường.*

伴我書千卷
可人花一帘

*Bạn ngã thư thiên quyển.
Khả nhân hoa nhất liêm.
Bạn ta sách ngàn cuốn.
Người tốt hoa một rèm.*

室雅何須大
花香不在多

*Thất nhā hà tu đại.
Hoa hương bất tại đa.
Nhà nhā cần gì lớn.
Hoa thơm chẳng ở nhiều.*

墨研清露月
琴嚮碧天秋

*Mặc nghiên thanh lộ nguyệt.
Cầm hướng bích thiên thu.
Mực mài sương nguyệt trong.
Tiếng đàn trời thu biếc.*

逢人覽妙句
留客聽清泉

*Phùng nhân lãm diệu cú.
Lưu khách thính thanh tuyền.
Gặp người xem câu tuyệt.
Giữ khách tiếng suối trong.*

桂香清院落
梅影小窗紗

*Quế hương thanh viện lạc.
Mai ảnh tiểu song sa.
Hương quế lọt nhà thanh.
Ảnh mai qua rèm nhỏ.*

風 清 楊 柳 夢
月 淡 海 棠 陰

*Phong thanh dương liễu mộng.
Nguyệt đạm hải đường âm.
Gió mát mộng dương liễu.
Trăng nhạt đậm hải đường.*

香 開 梅 映 月
爽 挹 竹 明 秋

*Hương khai mai ánh nguyệt.
Sảng ấ trúc minh thu.
Hương thanh, mai ánh nguyệt.
Khí nhã trúc vời thu.*

窗 開 千 里 月
硯 洗 一 溪 雲

*Song khai thiên lý nguyệt.
Nghiễn tẩy nhất Khê vân.
Song đầy trăng vạn dặm.
Nghiên rửa mây một khe.*

貴 客 常 盈 座
樽 中 酒 不 空

*Quý khách thường doanh toạ.
Tôn trung tửu bất không.
Khách quý thường đông đảo.
Chén rượu chẳng hề vơi.*

客 來 花 欲 笑
人 与 月 同 清

*Khách lai hoa giục tiếu.
Nhân dữ nguyệt đồng thanh.
Chúm chiêm hoa chào khách.
Thủ thủ người với trăng.*

竹 深 留 客 處
荷 淨 納 良 時

*Trúc thâm lưu khách xử.
Hà tịnh nạp lương thời.
Trúc dày nơi khách lưu.
Sen sạch hứng gió mát.*

花 明 生 喜 氣
客 雅 起 香 風

*Hoa minh sinh hỷ khí.
Khách nhã khởi hương phong.
Hoa tươi sinh khí đẹp.
Khách nhã toả mùi hương.*

梅 香 入 夢
竹 影 橫 窗

*Mai hương nhập mộng.
Trúc ảnh hoành song.
Hương mai vào mộng.
Ảnh trúc ngang song.
椅 欄 吟 夜 月
卷 帘 挹 春 風
Ỗ lan ngâm dạ nguyệt.
Quyển liềm ấp xuân phong.
Tựa lan ngâm trăng tối.
Cuộn rèm đón gió xuân.*

春 怡 眼 底
月 在 堂 前

*Xuân di nhãn đế.
Nguyệt tại đường tiền.
Xuân trong đáy mắt.
Trăng ở trước nhà.*

月 影 窗 前 靜
琴 聲 雨 後 清

*Nguyệt ảnh song tiền tĩnh.
Cầm thanh vũ hậu thanh.
Trước song ánh trăng lặng.
Sau mưa tiếng đàn trong.*

四 時 佳 景
滿 座 高 明

*Tứ thời giai cảnh.
Mãn tọa cao minh.
Bốn mùa cảnh đẹp.
Lắm khách cao minh.*

斗室乾坤大
寸心天地寬

*Đầu thất càn khôn đại.
Thốn tâm thiên địa khoan.*

Nhà nhỏ vũ trụ to.
Tắc lòng trời đất rộng.

相見亦無事
不來忽億君

*Tương kiến diệc vô sự.
Bất lai hốt ức quân.
Gặp mặt biết vô sự.*

Xa nhau thấy nhớ người.

溪聲來枕上
山翠落樽前

Khê thanh lai chẩm thượng.

*Sơn thủy lạc tôn tiền.
Bên gối vắng tiếng suối.
Đáy cốc hiện non xanh.*

瑞藹佳地
福蘊新居

*Thụy ái giai địa.
Phúc uẩn tân cư.*

Đất tốt mây lành.
Nhà mới chứa phúc.

祥雲籠吉地
嘉樹拂新軒

*Tường vân lung cát địa.
Gia thụ phát tân hiên.*

Mây lành phủ đất lành.
Cây đẹp che hiên đẹp.

門庭多福
日月重光

*Môn đình đa phúc.
Nhật nguyệt trùng quang.*

Cửa nhà lắm phúc.

Nhật nguyệt lại quang.

祥光浮紫閣
喜氣繞朱軒

Tường quang phù tử các.

Hỷ khí nhiều chu hiên.

Mây lành vờn gác tía.

Khí tốt phủ hiên son.

日麗新居暖
風和甲第安

Nhật lệ tân cư noãn.

Phong hoà giáp đệ an.

Đẹp trời ấm chỗ mới.

Lặng gió yên cửa nhà.

上梁喜鵲叫
豎柱彩霞飛

Thượng lương hỷ thước khiêu.

Thụ trụ thái hà phi.

Khách kêu chúc cất xà.

Ráng bay mừng dựng cột.

明月一輪滿
德門四處和

Minh nguyệt nhất luân mãn.

Đức môn tứ xứ hoà.

Trăng sáng một vành đầy.

Cửa đức bốn xứ thuận.

祥光臨福地
喜氣滿新居

Tường quang lâm phúc địa.

Hỷ khí mãn tân cư.

Mây lành đến đất phúc.

Khí tốt đầy nhà mới.

豎千年柱
架萬代梁

Thụ thiên niên trụ.

Giá vạn đại lương.

Dựng cột ngàn năm.

Gác xà muôn thuở.

吉 星 高 照
福 地 呈 祥

*Cát tinh cao chiếu.
Phúc địa trình tường.
Sao tốt chiếu cao.
Đất phúc điềm lành.*

山 環 水 繞
人 傑 地 靈

*Sơn hoàn thủy nhiễu.
Nhân kiệt địa linh.
Núi quanh nước cuộn.
Người kiệt đất linh.*

奠 定 千 秋 業
撐 起 萬 載 梁

*Điện định thiên thu nghiệp.
Xanh khởi vạn tải lương.
Định sự nghiệp ngàn thu.
Dựng cây xà muôn thuở.*

婺 星 西 隕 恩 無 既
泰 水 東 流 淚 與 同

*Vụ tinh tây vãn ân vô ký.
Thái thủy đông lưu lệ dữ đồng.
Vụ tinh tây rụng ơn còn để.
Dòng thái đông về lệ chảy chung.*

滿 苑 禾 苗 傷 化 雨
一 門 桃 李 哭 春 風

*Mãn uyển hoà miêu thương hoá vũ.
Nhất môn đào lý khóc xuân phong.
Đầy đồng lúa mạ thương mưa xuống.
Một cổng mạn đào khóc gió xuân.*

欲 見 嚴 容 何 處 覓
唯 思 良 訓 弗 能 文

*Dục kiến nghiêm dung hà xứ mịch.
Duy tư lương huấn phát năng văn.
Vẻ nghiêm muốn thấy tìm đâu gặp.
Lời dạy hằng mong chẳng được nghe.*

眉間爽氣無緣見
座右聲言不再聞

*Mi gian sảng khí vô duyên kiến.
Toạ hữu thanh ngôn bất tái văn.
Cận kê hào khí không duyên gặp.
Ngồi cạnh lời hay chẳng lại nghe.*

宮娥此日先題詠
丹桂他年任取攜

*Cung nga thử nhật tiên đề vịnh.
Đan quế tha niên nhiệm thủ huê.
Cung nga ngày ấy đã đề vịnh.
Đan quế năm sau sẽ vịn tay.*

莫把寒宮攀桂手
漫題彩筆畫娥眉

*Mạc bả hàn cung phan quế thủ.
Mạn đề thái bút hoạ nga my.
Đâu chỉ cung hàn tay vịn quế.
Tạm đem bút tốt vẽ mày ngài.*

好把蟾宮攀桂手
輕拈兔穎畫娥眉

*Hảo bả thiềm cung phan quế thủ.
Khinh niêm thỏ đỉnh hoạ nga my.
Đã khéo cung thiềm tay vịn quế.
Còn đem bút thỏ vẽ mày ngài.*

彩麗燭花開好夜
香飄桂苑發來秋

*Thái lệ chúc hoa khai hảo dạ.
Hương phiêu quế uyển phát lai thu.
Rực rỡ đuốc hoa đêm toả sáng.
Hương bay vườn quế báo thu sang.*

構邊紅葉漂秋水
月里素娥映彩霞

*Cấu biên hồng diệp tiêu thu thủy.
Nguyệt lý tố nga ánh thái hà.
Lá đỏ trôi theo nước thu trong.
Hằng nga rạng dưới trăng mây đẹp.*

桐枝漸長翔丹鳳
桂蕊新開集紫鸞

Đồng chi tiệm trưởng tường đan phượng.

Quế nhụy tân khai tập tử loan.

Cành ngô mới lớn phượng bay lượn.

Nhụy quế xoè ra loan xúm quanh.

丹桂香含飄秀閣
碧雲光吐映粧紅

Đan quế hương hàm phiêu tú các.

Bích vân quang thổ ánh trang hồng.

Quế đỏ hương bay vào gác đẹp.

Mây xanh sáng tỏ ánh hồng trang.

秋深喜作蟾宮客
夜靜欣逢月裡人

Thu thâm hỷ tác thiềm cung khách.

Dạ tĩnh hân phùng nguyệt lý nhân.

Thu muộn mừng làm khách cung thiềm.

Đêm vắng vui gặp người dưới nguyệt.

玉種藍田歡偕鳳侶
香飄丹桂夢葉蠡斯

Ngọc chủng lam điền hoan giai phượng lữ.

Hương phiêu đan quế mộng diệp chung tư.

Ngọc rắc lam điền vui bấy với phượng.

Hương bay đan quế mộng lá chung tư.

搖琴一曲雙聲奏
月殿三秋五桂香

Dao cầm nhất khúc song thanh tấu.

Nguyệt điện tam thu ngũ quế hương.

Dao đàn một khúc đôi làn giọng.

Trăng điện ba thu, năm quế hương.

桂子秋香欣行萸鴈
杏林春暖定夢惟熊

Quế tử thu hương hân hành diệp nhạn.

Hạnh lâm xuân noãn định mộng duy hùng.

Cây quế hương thu vui làm lẽ nhạn.

Rừng hạnh ấm xuân chỉ muốn mộng hùng.

眉間爽氣無緣見
座右聲言不再聞

*Mi gian sảng khí vô duyên kiến.
Toạ hữu thanh ngôn bất tái văn.
Cận kê hào khí không duyên gặp.
Ngồi cạnh lời hay chẳng lại nghe.*

宮娥此日先題詠
丹桂他年任取攜

*Cung nga thử nhật tiên đề vịnh.
Đan quế tha niên nhiệm thủ huề.*

Cung nga ngày ấy đã đề vịnh.
Đan quế năm sau sẽ vịn tay.

莫把寒宮攀桂手
漫題彩筆畫娥眉

*Mạc bả hàn cung phan quế thủ.
Mạn đề thái bút hoạ nga my.*

Đâu chỉ cung hàn tay vịn quế.
Tạm đem bút tốt vẽ mày ngài.

好把蟾宮攀桂手
輕拈兔穎畫娥眉

*Hảo bả thiềm cung phan quế thủ.
Khinh niêm thỏ đỉnh hoạ nga my.*

Đã khéo cung thiềm tay vịn quế.
Còn đem bút thỏ vẽ mày ngài.

彩麗燭花開好夜
香飄桂苑發來秋

*Thái lệ chúc hoa khai hảo dạ.
Hương phiêu quế uyển phát lai thu.*

Hương phiêu quế uyển phát lai thu.

Rực rỡ đuốc hoa đêm toả sáng.

Hương bay vườn quế báo thu sang.

構邊紅葉漂秋水
月里素娥映彩霞

*Cấu biên hồng diệp tiêu thu thủy.
Nguyệt lý tố nga ánh thái hà.*

Nguyệt lý tố nga ánh thái hà.

Lá đỏ trôi theo nước thu trong.

Hàng nga rạng dưới trăng mây đẹp.

紫鸞并集三秋桂
丹鳳雙棲入月桐

Tử loan tịnh tập tam thu quế.

Đan phượng song thê bát nguyệt đồng.

Loan tía vây quanh, quế ba năm.

Phượng đỏ đậu đôi, đồng tháng tám.

嫦娥月裡到人間 丹桂香風飄秀幙
秦女樓中來鳳侶 紫蕭雅調引文僊

Thường nga nguyệt lý đáo nhân gian đan quế hương phồng phiêu tử mạt.

Tần nữ lầu trung lai phượng lữ tử tiêu nhã điệu dẫn văn loan.

Hằng nga cung quảng xuống nhân gian, hương lan quế gió lay rèm đẹp.

Tần nữ trên lầu tìm bạn phượng, giọng tử tiêu dẫn dắt loan xinh.

此日茱萸爭燦爛
他年蘭桂茁芬芳

Thử nhật thù du tranh xán lạn.

Tha niên lan quế truyệt phân phương.

Ngày ấy thù du tranh xán lạn.

Năm sau lan quế mạnh đưa hương.

金綴離花簪借色
玉飄叢桂佩留香

Kim xuyết ly hoa trâm tá sắc.

Ngọc phiêu tùng quế bội lưu hương.

Cúc đậu hoa vàng tôn vẻ đẹp.

Quế tùng gió ngọc toả hương thơm.

金菊瑞呈金屋女
玉蘭香透玉樓人

Kim cúc thủy trình kim ốc nữ.

Ngọc lan hương thấu ngọc lầu nhân.

Cúc vàng mừng trình gác nhà vàng.

Lan ngọc hương thơm người lầu ngọc.

登酒流馨浮菊酒
燭花煥彩共蘭花

Cẩn tửu lưu hình phù cúc tửu.

Chúc hoa hoán thái cộng lan hoa.

Rượu cần lưu hương thơm rượu cúc.

Hoa đuốc sáng ngời cạnh hoa lan.

露浥玉蘭凝繡閣
風飄金菊映新粧

Lộ ếp ngọc lan ngưng tú các.

Phong phiêu kim cúc ánh tân trang.

Sương đọng ngọc lan, ngưng gác đẹp.

Gió lay kim cúc, rạng tân trang.

午夜芳蘭輝彩夢
三秋叢菊映新粧

Ngo dạ phương lan huy thái mộng.

Tam thu tùng cúc ánh tân trang.

Nửa đêm lan thơm toả mộng đẹp.

Ba thu tùng cúc rạng màu xanh.

此日黃花方吐艷
來年丹桂正飄香

Thử nhật hoàng hoa phương thổ diễm.

Lai niên đan quế chính phiêu hương.

Ngày ấy cúc vàng đang đẹp vẻ.

Năm sau quế đỏ mới đưa hương.

駕幃正飲黃花酒
鳳閣初描綠柳眉

Uyên vi chính ẩm hoàng hoa tửu.

Phượng các sơ miêu lục liễu mi.

Màn uyên đang uống rượu hoàng hoa.

Gác phượng mới tô mày lá liễu.

登高賦就于歸句
對鏡裁成博議篇

Đăng cao phú tựu vu quy cú.

Đôi kính tài thành bác nghị thiên.

Lên cao nên có vu quy cú.

Soi kính soạn thành bác nghị thiên.

新婚菊酒三秋燕
好夜燭花滿室香

Tân hôn cúc tửu tam thu yến.

Hảo dạ chúc hoa mãn thất hương.

Ba thu yến tân hôn rượu cúc.

Một nhà hương đêm đẹp đuốc hoa.

好 合 句 中 聯 好 友
登 高 節 後 占 登 科

*Hảo hợp cú trung liên hảo hữu.
Đăng cao tiết hậu chiếm đăng khoa.
Trong câu hảo hợp còn hảo hữu.
Sau tiết đăng cao chiếm đăng khoa.*

秋 季 金 花 舒 燦 爛
韻 餘 錦 瑟 葉 諧 和

*Thu quý kim hoa thư xán lạn.
Vận dư cảm sắt điệp hài hoà.
Thu muộn hoa vàng tươi xán lạn.
Vận thừa tiếng sắt đẹp hài hoà.*

雞 鳴 驚 起 三 秋 夜
熊 夢 祥 開 九 月 天

*Kê minh cảnh khởi tam thu dạ.
Hùng mộng tường khai cửu nguyệt thiên.
Suốt ba thu tiếng gà giục dậy.
Ngày tháng chín mộng hùng điểm lành.*

玉 種 藍 田 熊 入 夢
詩 題 紅 葉 筆 生 花

*Ngọc chủng lam điền hùng nhập mộng.
Thi đề hồng điệp bút sinh hoa.
Ngọc rải lam điền hùng vào mộng.
Thơ đề lá thắm bút sinh hoa.*

畫 眉 好 借 題 糕 筆
合 盞 欣 傾 賞 菊 杯

*Họa mi hảo tá đề cao bút.
Hợp cấn hân khuynh thưởng cúc bôi.
Nâng tay bút giúp tô mày đẹp.
Thường chén rượu mừng hợp cấn vui.*

此 日 菊 花 斟 盞 酒
今 霄 燭 影 映 粧 臺

*Thử nhật cúc hoa châm cấn tửu.
Kim tiêu chúc ảnh ánh trang đài.
Ngày ấy rượu cấn thơm mùi cúc.
Đêm nay trang đài rạng đuốc hoa.*

步月月娥香繡閣
生花花燭映粧臺

Bộ nguyệt nguyệt nga hương tú các.

Sinh hoa hoa chúc ánh trang đài.

Dưới nguyệt, nguyệt nga thơm gác đẹp.

Nở hoa, hoa đuốc rạng trang đài.

蘭室書香成好友
菊花酒味慶齊眉

Lan thất thư hương thành hảo hữu.

Cúc hoa tửu vị khánh tề my.

Nhà lan hương sách nên bạn tốt.

Rượu cúc mùi thơm chúc lứa đôi.

點額新梅香繡閣
回陽麗日暖粧臺

Điểm ngạch tân mai hương tú các.

Hồi dương lệ nhật noãn trang đài.

Chớm nở vườn mai thơm gác đẹp.

Hồi dương ngày tốt ấm trang đài.

梅花賦就爲元唱
柳絮吟成作畫章

Mai hoa phú tựu vi nguyên xướng.

Liễu như ngâm thành tác họa chương.

Hoa mai đáng tôn là linh xướng.

Bông liễu ngâm lên có thể hoà.

繡閣夜蘭熊入夢
嶺梅春早鳳和鳴

Tú các dạ lan hùng nhập mộng.

Lĩnh mai xuân tảo phượng hoà minh.

Gác đẹp lan đêm hùng gửi mộng.

Mai non xuân sớm phượng hoà kêu.

小春雪映藍田壁
高燭花迎太乙葵

Tiểu xuân tuyết ánh lam điền bích.

Cao chúc hoa nghinh thái ất lệ.

Xuân tiểu tuyết rạng ngọc lam diễm.

Giờ đuốc hoa đón lễ thái ất.

蕭吹鳳閣三星夜
花笑鸞箋十月春

*Tiêu suy phượng các tam tinh dạ.
Hoa tiếu loan tiên thập nguyệt xuân.
Ba sao sáng tiếng tiêu gác phượng.
Mười tháng qua hoa giễu văn loan.*

繡幙已傳梅信早
粧臺由帶菊花香

*Tú mạc dĩ truyền mai tín tảo.
Trang đài do đới cúc hoa hương.
Rèm đẹp đã truyền tin mai sớm.
Trang đài còn giữ hương cúc vàng.*

繡閣燈光輝彩筆
陽春月色映新粧

*Tú các đăng quang huy thái bút.
Dương xuân nguyệt sắc ánh tân trang.
Gác tía đèn treo ngời ánh bút.
Dương xuân nguyệt sắc rạng tân trang.*

燭花獻瑞春非小
蘭砌生香福自歸

*Chúc hoa hiến thụy xuân phi tiểu.
Lan thế sinh hương phúc tự quy.
Điềm lành hoa đuốc xuân không nhỏ.
Hương toả thêm lan phúc tự về.*

高燭祥花輝繡閣
小春瑞雪映藍田

*Cao chúc tường hoa huy tú các.
Tiểu xuân thụy tuyết ánh lam điền.
Hoa đẹp đuốc cao ngời tú cao.
Tuyết lành xuân chút rạng lam điền.*

今日嶺梅金鳳友
他年繡閣玉麟祥

*Kim nhật lĩnh mai kim phượng hữu.
Tha niên tú các ngọc lân tường.
Mai núi phượng vàng nay kết bạn.
Lâu xinh lân ngọc sẽ đưa lành.*

繡閣少陽梅點額
粧臺良月葉題詩

Tú các thiếu dương mai điểm ngạch.

Trang đài lương nguyệt điệp đề thi.

Gác đẹp thàng mười mai chớm nở.

Trang đài trăng đẹp lá đề thơ.

幸逢陽月親鴻案
預卜丹山振鳳毛

Hạnh phùng dương nguyệt thân hồng án.

Dự bốc đàn sơn chân phượng mao.

Gần án hồng may gặp dương nguyệt.

Xoè cánh phượng dự đoán đàn sơn.

愛日舒情園橘裝成錦繡
和風布燠嶺梅噴出芬芳

Ái nhật thư tình viên quất trang thành cẩm tú.

Hoà phong bố úc lĩnh mai phun xuất phân hương.

Ngày xưa thông thả, vườn quất sửa sang đẹp dễ.

Gió nay ấm áp, mai non hương toả thơm lành.

灰飛葭管聲諧鳳
雪擁藍田兆夢熊

Khôi phi hà quản thanh hài phượng.

Tuyết ủng lam điền triệu mộng hùng.

Tro bay sáo đỏ thanh hoà phượng.

Tuyết ngập lam điền mộng thấy hùng.

百歲良緣諧子月
一篇佳句占陽春

Bách tuế lương duyên hài tử nguyệt.

Nhất thiên giai cú chiếm dương xuân.

Trăm tuổi duyên lành hoà thàng tử.

Một thiên câu đẹp cả mùa xuân.

官梅初放新粧麗
瑞雪凝成繡閣輝

Quan mai sơ phóng tân trang lệ.

Thụy tuyết ngưng thành tú các huy.

Mai quan mới nở vẻ tươi xinh.

Tuyết lành ngưng đọng gác rực rỡ.

玉管聲中吹桂客
一陽月裏降嫦娥

*Ngọc quản thanh trung suy quế khách
Nhất dương nguyệt lý giáng thường nga.*

Sáo ngọc véo von chào khách quế.
Dương sinh trắng tỏ hiện hằng nga.

吹蕭臺上梅賡調
合卺樽前雪映杯

*Suy tiêu đài thượng mai canh điệu.
Hợp cấn tôn tiền tuyết ánh bôi.*

Tiêu thổi trên đài mai đối vẻ.
Giao duyên bày tiệc tuyết ngồi ly.

玉梅嬌映青鸞舞
白雪光浮紫燕飛

*Ngọc mai kiều ánh thanh loan vũ.
Bạch tuyết quang phù tử yến phi.*

Ngọc mai rạng chiếu thanh loan múa.
Bạch tuyết ngồi soi tử yến bay.

雪映鏡幃人是玉
詩敲金屋字生珠

*Tuyết ánh kính vi nhân thị ngọc.
Thi xao kim ốc tự sinh châu.*

Tuyết ánh gương soi ngời vẻ ngọc.
Thơ chép nhà vàng chữ tựa châu.

六出飛聯雙璧合
五紋添繡一陽生

*Lục xuất phi liên song bích hợp.
Ngũ văn thiêm tú nhất dương sinh.*

Sáu cạnh kết liên, đôi ngọc hợp.
Năm màu rực rỡ, dương sinh.

初復得緣吟白雪
新粧振彩映藍田

*Sơ phục đắc duyên ngâm bạch tuyết.
Tân trang chấn thái ánh lam điền.*

Sơ phục gặp duyên ngâm bạch tuyết.
Tân trang đẹp vẻ rạng lam điền.

大雪映奩輝雪素
早梅比質整梅粧
*Đại tuyết ánh liêm huy tuyết án.
Tảo mai tỷ chất chỉnh mai trang.
Tuyết lớn ánh rèm soi án tuyết.
Mai sớm xem ra đẹp lũng mai.*

詠雪簾前比玉人
吹蕭台上客凌雲
*Vịnh tuyết liêm tiền tỷ ngọc nhân.
Suy tiêu đài thượng khách lăng vân.
Trước rèm vịnh tuyết sánh người ngọc.
Trên đài thổi sáo khách vườn mây.*

官梅初放青鸞舞
瑞雲飄來紫燕排
*Quan mai sơ phóng thanh loan vũ.
Thụy vân phiêu lai tử yến bài.
Mai quan mới nở, thanh loan múa.
Mây lành bay lại, tử yến bày.*

雪素三欣紅得素
燭花環映筆生花
*Tuyết án tam hân hồng đắc án.
Chúc hoa hoàn ánh bút sinh hoa.
Tuyết án hân hoan hồng đậu án.
Đuốc hoa chiếu sáng bút sinh hoa.*

新詠雪飛逢復月
古稱竹立慶他年
*Tân vịnh tuyết phi phùng phục nguyệt.
Cổ xưng trúc lập khánh tha niên.
Mới vịnh tuyết bay đã tháng một.
Xưa khen trúc đứng chúc năm sau.*

初復友雞窗苑諧鳳偶
新粧聯雪素爲助雲程
*Sơ phục hữu kê song, uyển hài phượng ngẫu.
Tân trang liên tuyết án, vi trợ vân trình.
Sơ phục bạn song gà, thuận theo cùng phượng.
Tân trang liền án tuyết, nâng bước đường mây.*

律轉一陽嶺上梅花舒玉白
杯傳二姓洞中桃片甸朱紅

Luật chuyển nhất dương lĩnh thượng mai hoa thư ngọc bạch.

Bôi truyền nhị tính động trung đào phiến diện chu hồng.

Năm tới nhất dương, đồi núi mai hoa phô ngọc bạch.

Chén mời hai họ, hoa đào trong động rực khoe hồng.

香酒熏顏逢臘月
梅花點額兆春魁

Cần tiêu huân nhan phùng lập nguyệt.

Mai hoa điểm ngạch triệu xuân khôi.

Rượu cần má hồng mừng tháng chạp.

Hoa mai chớm điểm báo đầu xuân.

評花賦就梅粧額
詠絮詩成雪滿階

Bình hoa phú tựu mai trang ngạch.

Vịnh nhự thi thành tuyết mãn giai.

Bình hoa phú gợi thung mai nở.

Vịnh nhự thơ thành tuyết đầy thêm.

雪滿鴛幃裁博議
梅開鳳閣誦周南

Tuyết mãn uyên vi tài bác nghị.

Mai khai phượng các tụng chu nam.

Tuyết phủ màn uyên thêm Bác nghị.

Mai phô gác phượng tụng Chu nam.

良緣喜遇和鳴日
佳偶欣諧大呂時

Lương duyên hỷ ngộ hoà minh nhật.

Giai ngẫu hân hài đại lý thời.

Ngày sáng sủa mừng được hòa duyên.

Thời đại lý vui nên giai ngẫu.

園中梅蕊偷春色
砌下蘭芽吐異香

Viên trung mai nhụy thâu xuân sắc.

Thế hạ lan nha thổ dị hương.

Trong vườn mai nhụy phô xuân sắc.

Dưới hiên lan nhú đã thơm hương.

及第花簪司馬帽
探春梅點壽陽粧

Cập đệ hoa trâm tư mã mạo.

Thám xuân mai điểm thọ dương trang.

Trâm hoa cập đệ mĩ tư mã.

Mai điểm thăm xuân trang thọ dương.

冬日雞窗欣結伴
春霄熊夢待占祥

Đông nhật kê song hân kết bạn.

Xuân tiêu hùng mộng đãi chiêm tường.

Ngày đông song gà mừng kết bạn.

Đêm xuân mộng hùng đợi điềm lành.

粧櫺碧梅逢臘月
瑞符藍玉映春暉

Trang sán bích mai phùng lập nguyệt.

Thụy phù lam ngọc ánh xuân huy.

Mai biếc điểm trang khoe tháng chạp.

Ngọc Lan tươi vẻ rạng ngời xuân.

四字既成成燕好
三陽將肇肇熊占

Tứ tự ký thành thành yến hảo.

Tam dương tương triệu triệu hùng chiêm.

Bốn quý qua rồi nên yến thích.

Tam dương sắp tới báo hùng vui.

逢臘梅粧春獨早
種階玉樹瑞春多

Phùng lập mai trang xuân độc tảo.

Chủng giai ngọc thụ thụy xuân đa.

Tháng chạp thung mai xuân đến sớm.

Thêm gieo cây ngọc lắm xuân lành.

臘盡雞窗添一友
春來熊夢入三更

Lập tận kê song thêm nhất hữu.

Xuân lai hùng mộng nhập tam canh.

Năm hết song gà thêm một bạn.

Xuân về hùng mộng suốt ba canh.

歲晚花容梅點額
秋來馥氣桂當階

*Tuế vân hoa dung mai điểm ngạch.
Thu lai phước khí quế đương giai.
Năm hết vẽ hoa, mai chớm nở.
Thu về hương toả, quế đương thì.*

雪映玉人來好友
梅呈金屋點春魁

*Tuyết ánh ngọc nhân lai hảo hữu.
Mai trình kim ốc điểm xuân khôi.
Tuyết soi người ngọc bạn tốt lại.
Mai nở nhà vàng điểm bảng xuân.*

畫眉不是風流淺
吟絮無非雪意濃

*Họa my bất thị phong lưu thiển.
Ngâm như vô phi tuyết ý nồng.
Vẽ mày chẳng phải cạn phong lưu.
Ngâm nhĩ đâu vì nông ý tuyết.*

結緣五百年孔雀屏中魁首選
臘逢十二月桃源洞裏占先春

*Kết duyên ngũ bách niên khổng tước bình trung thủ tuyển.
Lạp phùng thập nhị nguyệt đào nguyên động lý chiếm tiên xuân.
Duyên kết năm trăm năm, khổng tước trong màn, chọn số một.
Lễ vào tháng mười hai, đào nguyên động ấy, chiếm xuân đầu.*

桐木逢春雙引鳳
桂宮待月早生花

*Đồng mộc phùng xuân song dẫn phượng.
Quế cung đắc nguyệt tảo sinh hoa.
Ngô đồng gặp xuân dẫn đôi phượng.
Cung quế trăng soi sớm nở hoa.*

花環樓排雙盞酒
紫荊樹宿兩鴛鴦

*Hoa tào lâu bài song cấn tửu.
Tử kinh thụ túc lưỡng uyên ương.
Lầu hoa tào bày hai tiệc rượu.
Cây tử kinh trú đôi uyên trú.*

宴爾新婚如兄如弟
之子于歸宜家宜室
Yến nhĩ tân hôn như huynh như đệ.
Chi tử vu quy nghi gia nghi thất.
Tiệc chàng tân hôn, ra anh, ra em.
Này nàng vu quy, nên nhà, nên cửa.

庭階兩兩邀鸞舞
繡幙雙雙擬燕投
Đình giai lưỡng lưỡng yêu loan vũ.
Tú mạc song song nghi yến đầu.
Bạc thêm cặp cặp mời loan múa.
Rèm đẹp từng đôi đón yến về.

美奐輪祥開奕葉
佳兒婦慶衍齊眉
Mỹ hoán luân tường khai dịch diệp.
Giai nhi phụ khánh diển tề my.
Vẻ đẹp diêm lành, đời thay mới;
Vợ của con giỏi, nâng ngang mày.

悲歌動地
哀樂惊天
Bi ca động địa.
Ai nhạc kinh thiên.
Ca buồn rậy đất.
Nhạc thương động trời.

素心懸夜月
高義薄秋雲
Tố tâm huyền dạ nguyệt.
Cao nghĩa phỏ thu vân.
Lòng trong treo vàng nguyệt.
Cao nghĩa khắp mây thu.

一生行好事
千古紀芳名
Nhất sinh hành hảo sự.
Thiên cổ kỷ phương danh.
Một đời làm việc tốt.
Ngàn năm sử tiếng thơm.

壽終德望在
身去笑容存

Thọ chung đức vọng tại.

Thân khứ tiếu dung tồn.

Thọ hết đức ở lại.

Người đi vẻ tươi còn.

一生樹美德
半世有嘉風

Nhất sinh thụ mỹ đức.

Bán thế hữu gia phong.

Một đời trồng đức tốt.

Nửa cõi có gia phong.

痛心傷永逝
揮淚憶深情

Thống tâm thương vĩnh thế.

Huy lệ ức thâm tình.

Đau lòng thương kẻ khuất.

Gạt lệ nhớ tình thâm.

丹心昭日月
剛正泣河山

Đan tâm chiếu nhật nguyệt.

Cương chính khắp hà sơn.

Lòng son rạng nhật nguyệt.

Cương trực khóc sơn hà.

哭靈心欲碎
彈淚眼將枯

Khóc linh tâm dục toái.

Đàn lệ nhãn tương khô.

Khóc linh lòng muốn vỡ.

Giòng lệ mắt hầu khô.

直道至今由在
清名終古長留

Trực đạo chí kim do tại.

Thanh danh chung cổ trường lưu.

Đường thẳng đến nay còn đó.

Thanh danh mãi sẽ còn lưu.

一世辛勤勞動
終生淳朴爲人

*Nhất thế tân cần lao động.
Chung sinh thuần phác vi nhân.
Một đời chuyên cần lao động.
Cuộc sống chân thật làm người*

事業已歸前輩
典型留作後人模

*Sự nghiệp dĩ qui tiền bối lục.
Điển hình lưu tác hậu nhân mô.
Sự nghiệp đã ghi trong sử sách.
Điển hình lưu để kẻ sau noi.*

悲音難挽流雲住
哭調相隨野鶴飛

*Bì âm nan vãn lưu vân trú.
Khốc điệu tương tùy dã hạc phi.
Âm buồn khó giữ mây trôi lại.
Điệu thảm đành theo cánh hạc bay.*

山哀水哭悲長睡
骨動心摧作永離

*Sơn ai thủy khóc bi trường thụy.
Cốt động tâm tảo tác vĩnh ly.
Giác ngủ dài, non thương nước khóc.
Buồn biệt ly, xương nhức, lòng đau.*

桃花流水杳然去
明月清風何處游

*Đào hoa lưu thủy diệu nhiên khứ.
Minh nguyệt thanh phong hà xứ du.
Hoa đào nước cuốn trôi đi mãi.
Gió mát trăng trong, biết dạo đâu.*

一世精神歸石表
滿堂血淚入雲天

*Nhất thế tinh thần quy thạch biểu.
Mãn đường huyết lệ nhập vân thiên.
Cuộc sống tinh thần vào bia đá.
Đầy nhà lệ máu gửi trời mây.*

已 剩 丰 功 垂 史 策
由 存 大 節 譽 人 民
*Dĩ thịnh phong công thùy sử sách.
Do tồn đại tiết dự nhân dân.*

Đã thừa công trạng ghi trong sử.
Hãy còn khí tiết gửi nhân dân.
終 生 儉 朴 留 模 範
一 世 勤 勞 傳 好 風
*Chung sinh kiệm phác lưu mô phạm.
Nhất thế cần lao truyền hảo phong.
Làm khuôn phép một đời chất phúc.
Lưu tác phong cuộc sống cần lao.*

空 梁 月 冷 人 千 古
花 苑 魂 歸 鶴 一 聲
*Không lương nguyệt lạnh nhân thiên cổ.
Hoa uyển hồn quy hạc nhất thanh.
Xà không, trăng lạnh, người thiên cổ.
Vườn đẹp, hồn đâu, hạc tiếng kêu.*

雲 深 竹 徑 樽 猶 在
雪 壓 芝 田 夢 不 回
*Vân thâm trúc kính tôn do tại.
Tuyết áp chi điền mộng bất hồi.
Mây che lối trúc, chén còn đó.
Tuyết tán, vườn chi, mộng chẳng về.*

想 見 音 容 空 有 淚
欲 聞 教 訓 杳 無 聲
*Tưởng kiến âm dung không hữu lệ.
Dục văn giáo huấn diêu vô thanh.
Tưởng thấy âm dung mà ứa lệ.
Muốn nghe lời dạy, tiếng đâu còn.*

魂 歸 天 上 風 雲 慘
名 在 人 間 草 木 香
*Hồn quy thiên thượng phong vân thảm.
Danh tại nhân gian thảo mộc hương.
Hồn về thượng giới gió mây thảm.
Tên ở nhân gian cây cỏ thơm.*

良操美德千秋在
亮節高風萬古存
Lương thao mỹ đức thiên thu tại.
Lượng tiết cao phong vạn cổ tồn.
Khéo thay đức tốt ngàn năm ở.
Tiết sạch vẻ cao muôn thuở còn.

慈惠常留眾口頌
典型堪作後人師
Từ huệ thường lưu chúng khẩu tụng.
Điển hình kham tác hậu nhân sư.
Từ huệ vẫn còn lưu của miệng.
Điển hình đủ để dạy người sau.

三徑寒松含露泣
半窗殘竹帶風號
Tam kính hàn tùng hàm lộ khắp.
Bán song tàn trúc đới phong hào.
Ba hàng tùng rét ngậm sương khóc.
Nửa song trúc thổi gió đương gào.

慎終不忘先人志
追遠常懷一片心
Thận chung bất vong tiên nhân chí.
Truy viễn thường hoài nhất phiến tâm.
Chí người trước chớ quên khi khuất.
Một tấm lòng tưởng nhớ nghĩ xa.

不成門戶愧爲子
難報春暉欲斷腸
Bất thành môn hộ quý vi tử.
Nan báo xuân huy dục đoạn trường.
Chẳng nên người tốt, làm con thẹn.
Khó báo ba xuân, muốn đoạn trường.

音容苑在靈車駕
子女堂前血淚拋
Âm dung uyển tại linh xa giá.
Tử nữ đường tiền huyết lệ phao.
Âm dung lẫn quất trên linh giá.
Con cháu trước nhà lệ máu tuôn.

壯懷猶在風雲上
詩卷長留天地間

Tráng hoài do tại phong vân thượng.

Thi quyển trường lưu thiên địa gian.

Lúc mạnh chí còn trên mây gió.

Quyển thơ để lại chốn trần gian.

情深風木終天慟
例點寒梅觸景思

Tình thâm phong mộc chung thiên động.

Lệ điểm hàn mai xúc cảnh tư.

Trọn đời xót, tình sâu cha mẹ.

Cảnh gợi sầu, lệ nhỏ lạnh mai

人間未遂青雲志
天上先成白玉樓

Nhân gian vị toại thanh vân chí.

Thiên thượng tiên thành bạch ngọc lâu.

Trần gian chưa thoả chí thanh vân.

Thượng giới trước xây lầu Bạch ngọc.

千里吊君惟有例
十年知己不因文

Thiên lý diếu quân duy hữu lệ.

Thập niên tri kỷ bất nhân văn.

Ngàn dặm viếng ông duy có lệ.

Mười năm làm bạn chẳng nhờ văn.

盛德合應傳後世
遺形從此望前賢

Thịnh đức hợp ứng truyền hậu thế.

Di hình tông thử vọng tiền hiền.

Thịnh đức vẫn còn truyền hậu thế.

Hình còn từ đấy ngóng người xưa.

白骨未歸三尺土
忠魂已上九重天

Bạch cốt vị quy tam xích thổ.

Trung hồn dĩ thượng cửu trùng thiên.

Xương trắng chưa về ba thước đất.

Hồn trung đã ở chín tầng trời.

美德堪稱吾輩典范
遺訓長昭後世子孫

Mỹ đức kham xưng ngô bối điển phạm.

Di huấn trường chiếu hậu thế tử tôn.

Đức tốt xứng bậc tiền bối mô phạm.

Di huấn rạng soi con cháu đời sau.

勤勞美德愿儿孫永繼
簡朴家風望後代長傳

Cần lao mỹ đức nguyện nhi tôn vĩnh kế.

Giảm phác gia phong vọng hậu đại trường truyền.

Đức tốt siêng năng, mong con cháu tiếp nối.

Gia phong giản dị, muốn đời sau mãi truyền.

生前忠節似松凌霜雪
身後高風如水照青天

Sinh tiền trung tiết tự tùng lũng sương tuyết.

Thân hậu cao phong như thủy chiếu thanh thiên.

Khi còn, khi tiết tựa tùng khinh sương tuyết.

Lúc mất, vẻ cao như nước chiếu trời xanh.

頻年善訓常聆何以報也
一旦訃音忽志能不悲乎

Tần niên thiện huấn thường linh, hà dĩ báo dã.

Nhất đán phó âm hốt chí, năng bất bi hồ.

Hàng năm lời dạy thường nghe, khôn hay báo đáp.

Một sớm tin buồn bỗng nhận, khó nén đau thương.

煙雨淒迷萬里紅花洒血例
音容寂寞千條流水放悲聲

Yên vũ thê mê, vạn lý hồng hoa sái huyết lệ.

Âm dung tịch mịch, thiên điều lưu thủy phóng bi thanh.

Mưa gió buồn thay, muôn dặm hoa hồng tràn lệ máu.

Tầm hơi vắng lặng, ngàn dòng nước chảy cất lời thương.

敦厚可風實為前輩表率
和謙共仰堪作後人典型

Đôn hậu khả phong, thực vi tiền bối biểu xuất.

Hoà khiêm cộng ngưỡng, kham tác hậu nhân điển hình.

Đôn hậu nêu gương, thực đáng tôn vinh trong kẻ trước.

Hoà khiêm đủ vẻ, mà hay mẫu mực với người sau.

音容苑在勤奮一生傳佳話
神魂离去芳名百世著清風

*Âm dung uyển tại, cần phẩn nhất sinh truyền giai thoại.
Thần hồn ly khứ, phương danh bách thế trú thanh phong.*

Dung mạo như còn, sức găng một đời nên truyền thú.
Thần hồn đi mất, danh thơm trăm thuở gió lan truyền.

天若有情應壽百年于俊傑
人誰不死獨將千古讓英雄

*Thiên nhược hữu tình, ứng thọ bách niên vu tuấn kiệt.
Nhân thủy bất tử, độc tương thiên cổ nhượng anh hùng.*

Trời nếu có tình, hẳn để trăm năm dành tuấn kiệt.
Người ai không chết, riêng nêu muôn thuở tiếng anh hùng.

大雅雲亡綠水青山敘遺志
老成凋謝落花啼鳥總傷情

*Đại nhã vân vong, lục thủy thanh sơn tự di chí.
Lão thành điêu tạ, lạc hoa đề diêu tổng thương tình.*

Hiền giả đi đâu, nước biếc non xanh còn để chí.
Lão thành đến cõi, chim kêu hoa rụng thấy thương tình.

規律難違自古誰能千年壽
高風永繼而今人仰一世功

*Quy luật nan vi, tự cổ thủy năng thiên niên thọ.
Cao phong vĩnh kế, nhĩ kim nhân ngưỡng nhất thế công.*

Quy luật tránh đâu, tự cổ ai đây ngàn tuổi thọ.
Vẻ cao còn mãi, mà nay người trọng một đời công.

明月不長圓過了中秋終是缺
高風最可仰如何一別難再逢

*Minh nguyệt bất trường viên, quá liễu trung thu chung thị khuyết.
Cao phong tối khả ngưỡng, như hà nhất biệt nan tái phùng.*

Trăng sáng chẳng tròn lâu, qua tết trung thu rồi cũng khuyết.
Vẻ cao nên ngưỡng mộ, đã khi xa cách khỏi mong tìm.

天不留耆舊
人皆惜老成

*Thiên bất lưu kỳ cựu
Nhân giai tích lão thành.*

Trời chẳng lưu kẻ cũ.
Người đều tiếc ông già.

流水夕陽千古恨
暮雲春樹一天愁

*Lưu thủy tịch dương thiên cổ hận.
Mộ vân xuân thụ nhất thiên sầu.
Nước chảy nắng chiều muôn thuở hận.
Mây hôm cây trẻ một trời sầu.*

天不遺一老
人已足千秋

*Thiên bất di nhất lão.
Nhân dĩ túc thiên thu.
Trời không lưu một cụ.
Người đã đủ ngàn thu.*

平生風義兼師友
來世因緣結弟兄

*Bình sinh phong nghĩa kiêm sư hữu.
Lai thế nhân duyên kết đệ huynh.
Bình sinh tình nghĩa kiêm thầy bạn.
Đời sau duyên nợ kết anh em.*

何知一夢飛蝴蝶
竟使千秋泣杜鵑

*Hà tri nhất mộng phi hồ - điệp.
Cánh sử thiên thu khắp đồ quyên.
Hoá bướm lượn lơ trong giấc mộng.
Khiến quyên gào khóc đã ngàn năm.*

四壁蕭然悲夜月
三更冷落憫春暉

*Tứ bích tiêu nhiên, bi dạ nguyệt.
Tam canh lãnh lạc, mẫn xuân huy.
Bốn vách quạnh hiu, vầng trăng thắm.
Ba canh lạnh lẽo, ánh xuân buồn.*

老淚無多哭知己
蒼天何遽喪斯人

*Lão lệ vô đa khóc tri kỷ.
Thương thiên hà cử táng tư nhân.
Lệ già đâu nhiều khóc tri kỷ.
Trời xanh sao nỡ chôn người này.*

鶴駕難回終隔雲山家萬里
猿腸易斷那堪風雨月三更

*Hạc giá nan hồi, chung cách vân sơn gia vạn lý.
Viên trường dị đoạn, na kham phong vũ nguyệt tam canh.
Xe hạc khôn về, cách biệt non mây, nhà vạn dặm.
Ruột hầu dễ đứt, chịu sao mưa gió, nguyệt ba canh.*

跨鶴孤山三十載梅花一夢
騎鯨采石五百年明月重圓

*Khoá hạc cô sơn, tam thập tải mai hoa nhất mộng.
Kỵ kinh thái thạch, ngũ bách niên minh nguyệt trùng viên.
Ba chục xuân gót hạc núi cô, hoa mai giấc mộng.
Năm trăm năm cưỡi kinh lượn đá, trăng sáng lại tròn.*

時事傷心風號鶴唳人何處
哀情慘目月落烏啼霜滿天

*Thời sự thương tâm phong hào hạc lệ nhân hà xứ.
Ai tình thảm mục, nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên.
Câu chuyện đau lòng, hạc khóc gió gào đâu thấy kẻ.
Cảnh tình buồn mắt, quạ kêu trăng lặn cảnh mờ sương.*

慈顏已逝
風木与悲

*Từ nhan dĩ thế.
Phong mộc dữ bi.
Dáng hiền khuất nẻo.
Nghĩ mẹ buồn thương.*

雨泣黃花應有恨
風淒翠竹更堪悲

*Vũ khấp hoàng hoa ứng hữu hận.
Phong thê thủy trúc cánh kham bi.
Mưa khóc cúc vàng nên có hận.
Gió lay trúc biếc lại càng thương.*

女星沉寶婺
仙駕返瑤池

*Nữ tinh trầm bảo vụ.
Tiên giá phản Dao trì.
Bảo vụ mờ sao nữ.
Dao trì đón khách tiên.*

魂返九天悲夜月
芳流百代憶春風
*Hồn phản cửu thiên bi dạ nguyệt.
Phương lưu bách đại ức xuân phong.*
Hồn lại chín tầng trăng tối thảm.
Danh lưu trăm thuở gió xuân buồn.

名梢彤史範
望斷白雲香
*Danh tiêu đồng sử phạm.
Vọng đoạn bạch vân hương.*
Danh nêu trang đồng sử.
Vọng dứt hương bạch vân.

梅吐玉容含孝意
柳拖金色動哀情
*Mai thổ ngọc dung hàm hiếu ý.
Liêu đà kim sắc động ai tình.*
Vẻ ngọc mai phô hàm ý hiếu.
Sắc vàng liễu rủ động tình thương.

西池駕已歸王母
南國輝空仰婺星
*Tây trì giá dĩ quy vương mẫu.
Nam quốc huy không ngưỡng vụ tinh.*
Xe tây trì đã theo Vương mẫu.
Ánh trời nam hướng tới Vụ tinh.

掃榻飛煙惊化鶴
卷帘留月覓歸魂
*Tảo tháp phi yên kinh hoá hạc.
Quyển liêm lưu nguyệt mịch quy hồn.*
Quét giường tung bụi, kinh thành hạc.
Rèm vén lưu trăng muốn gọi hồn.

寶婺光沉天上宿
蓮花香現佛前身
*Bảo vụ quang trầm thiên thượng tú.
Liên hoa hương hiện phật tiền thân.*
Chòm Bảo vụ mờ sao thượng giới.
Hương hoa sen hiện phật tiền thân.

身似芳蘭從此逝
心如皓月几時回

*Thân tựa hương lan tòng thử thế.
Tâm như hạo nguyệt kỷ thời hồi.
Thân tựa lan thơm không trở lại.
Tâm như trăng sáng đến khi nào.*

懿德難忘流痛例
慈恩未報繞愁腸

*Ý đức nan vong lưu thống lệ.
Từ ân vị báo nhiễu sầu trường.
Đức tốt khó quên tuôn lệ xót.
Ơn từ chưa báo rồi sầu cơn.*

細語柔言情苑在
淒風苦雨恨偏腸

*Tế ngữ nhu ngôn tình uyển tại.
Thê phong khổ vũ hận thiên đường.
Nói nhẹ lời mềm tình ở lại.
Gió buồn mưa khổ hận chưa thôi.*

英靈昭日月
肝膽映山河

*Anh linh chiếu nhật nguyệt.
Can đảm ánh sơn hà.
Anh linh sáng nhật nguyệt.
Can đảm rạng sơn hà.*

江河大地存忠骨
哀例悲歌悼傑靈

*Giang hà đại địa tồn trung cốt.
Ai lệ bi ca điệu kiệt linh.
Sông ngòi lai láng xương ai giữ.
Dòng lệ buồn đau tuấn kiệt thương.*

正氣留千古
丹心照萬年

*Chính khí lưu thiên cổ.
Đan tâm chiếu vạn niên.
Chính khí lưu muôn thuở.
Lòng son chiếu vạn năm.*

未酬壯志身先死
留取丹心照汗青
Vị thù trảng chí thân tiên tử.
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.
Chưa xong chí lớn thân đến nợ.
Gửi lại lòng son rạng sử xanh.

鐵肩擔道義
熱血荐軒轅
Thiết kiên đảm đạo nghĩa.
Nhiệt huyết tiến Hiên Viên.
Vai sắt gánh đạo nghĩa.
Máu nóng dâng Hiên Viên.
英靈已作蓬萊客
德范猶薰故里人
Anh linh dĩ tác bồng lai khách.
Đức phạm do huân cố lý nhân.
Hồn thiêng đã xứng khách non tiên.
Khuôn đức thơm lây người chốn cũ.

憂國身先殉
游仙夢不回
Ưu quốc thân tiên tuẫn.
Du tiên mộng bất hồi.
Vì nước sớm quên thân.
Cõi tiên mộng chẳng về.

青山綠水長留生前浩氣
翠柏蒼松堪慰逝後英靈
Thanh sơn lục thủy trường lưu sinh tiền hạo khí.
Thủy bách thương tùng kham uỷ thệ hậu anh linh.
Nước chảy non xanh còn mãi, khi sống đầy hào khí.
Tùng xanh bách biếc tươi rờn, lúc mất để anh linh.

雄風赫赫千秋頌
偉績昭昭萬代傳
Hùng phong hách hách thiên thu tụng.
Vĩ tích chiêu chiêu vạn đại truyền.
Hùng khí lấy lòng, ngàn năm ca tụng.
Công lao hiển hách, muôn thuở lưu truyền.

忠骨雖滅浩氣存千秋萬代
遺言永銘贊歌傳六合八荒

Trung cốt tuy diệt hạo khí tồn thiên thu vạn đại.

Di ngôn vĩnh minh tán ca truyền lục hợp bát hoang.

Năm xương dù nát, khí phách toả ngàn thu muôn thuở.

Lời dặn còn ghi, tiếng ca vang tám hướng sáu phương.

深恩未報慚爲子
隱憾難消忝作人

Thâm ân vị báo tàm vi tử.

Ẩn cảm nan tiêu thiểm tác nhân.

Ơn sâu chưa báo thẹn làm con.

Mặc cảm khó tan đâu xứng kẻ.

倚門人去三更月
泣杖儿悲五夜寒

Ỡ môn nhân khứ tam canh nguyệt.

Khấp trượng nhi bi ngũ dạ hàn.

Vắng người nương cửa trăng khuya quạnh.

Thương con chống gậy rét đêm nhiều.

多感佳賓來祭奠
深悲嚴父去難留

Đa cảm giai tân lai tế điện.

Thâm bi nghiêm phụ khứ nan lưu.

Khách thân đến viếng, nhiều thương cảm.

Cha không ở lại, nặng buồn đau.

思親腊盡情無盡
望父春歸人未歸

Tư thân Lạp tận tình vô tận.

Vọng phụ xuân quy nhân vị quy.

Nhớ người tháng tận tình không tận.

Mong cho xuân về người chưa về.

心因父逝心流血
月見吾悲月失輝

Tâm nhân phụ thế tâm lưu huyết.

Nguyệt kiến ngô bi nguyệt thất huy.

Lòng thấy cha đi, lòng ứa máu.

Trăng coi ta khóc, ánh trăng mờ.

只見三秋多苦雨
誰知九月別嚴親

Chỉ kiến tam thu đa khổ vũ.

Thùy tri cửu nguyệt biệt nghiêm thân.

Ba năm chỉ thấy mưa tâm tã.

Chín tháng ai hay bố bất tin.

無露庭前重見母
有時夢里一呼兒

Vô lộ đình tiền trùng kiến mẫu.

Hữu thời mộng lý nhất hô nhi.

Gặp lại mẹ, trước nhà không lối.

Tiếng hô con, trong mộng có lần.

春近人歡花發早
歲更我哭母長辭

Xuân cận nhân hoan hoa phát tảo.

Tuế canh ngã khóc mẫu trường từ.

Xuân đến người vui hoa nở sớm.

Năm thay ta khóc mẹ lời sâu.

世上痛無救母藥
靈前哭煞斷腸人

Thế thượng thống vô cứu mẫu dược.

Linh tiền khóc sát đoạn trường nhân.

Thuốc mẹ khôn tìm trên cõi thế.

Lòng con muốn đứt trước linh sàng.

怎忍心撇下兒女匆匆離去
如有覺夢中母親每每歸來

Chăm nhẫn tâm phách hạ nhi nữ thông thông li khứ.

Như hữu giác mộng trung mẫu thân mỗi mỗi quy lai.

Nỡ bỏ cháu con ở lại, mà vội vã ra đi.

Mong gặp mẹ hiền trong mộng, xin người hãy hiện về.

終天唯有思親例
寸草痛無益母靈

Chung thiên duy hữu tư thân lệ.

Thốn thảo thống vô ích mẫu linh.

Trọn đời dành lệ khóc người thân.

Tắc cỏ đau lòng khôn giúp mẹ.

音容莫睹傷心難禁千行例
親恩未報哀痛不覺九回腸

Âm dung mạc đồ thương tâm nan cấm thiên hàng lệ.

Thân ân vị báo ai thống bất giác cửu hồi trường.

Guang mặt khó tìm, thương nhớ khôn ngăn dòng lệ nhỏ.

Ơn người chưa báo, khóc than luống những ruột tơ vò.

婺星頓失天光黯

美德猶存家景長

Vụ tinh đốn thất thiên quang ám.

Mỹ đức do tồn gia cảnh trường.

Vụ tinh bỗng rụng, trời u ám.

Đức tốt còn đây, nhà vững bền.

涼月寫淒清環砌秋聲聽倍慘

慈雲歸縹緲空庭落月恨何如

Lương nguyệt tả thể thanh hoàn thể thu thanh thính bội thảm.

Từ vân quy phiêu miểu không đình lạc nguyệt hận hà như.

Lạnh lẽo ánh trăng trong, khắp chốn tiếng thu càng thảm thiết.

Xa thăm áng mây từ, sân lặng trăng tà hận xiết bao.

半子無倚何所賴

東床有例几時干

Bán tử vô y hà sở lại.

Đông sàng hữu lệ kỷ thời can.

Nửa con (con rể) không cậy đâu mà dựa.

Giường đông có khóc biết khi khô.

峰頂大人嗟已矣

膝前半子痛何如

Phong đỉnh đại nhân ta di hĩ.

Tất tiên bán tử thống hà như.

Người lớn đỉnh non (bố vợ), thôi đã khuất.

Nửa con (chàng rể) trước gối, xót làm sao.

泰岳無雲滋玉潤

東床有例滴冰清

Thái nhạc vô vân tư ngọc nhuận.

Đông sàng hữu lệ trích băng thanh.

Thái nhạc (bố vợ) không mây cho ngọc nhuận.

Giường đông (con rể) giọt lệ tựa băng trong.

大雅雲亡梁木斷
老成凋謝泰山積

Đại nhã vân vong lương mộc đoạn.

Lão thành điều tạ Thái sơn đới.

Kẻ lớn ra đi xà gỗ gãy.

Người già héo rụng thái sơn suy.

去年病入黃泉路
今夜驚殯泰山峰

Khứ niên bệnh nhập hoàng tuyền lộ.

Kim dạ kinh đới thái nhạ phong.

Bệnh cũ suốt vàng đưa dẫn lối.

Đêm nay thái nhạ sụp mà kinh.

德范堪欽惟冀泰山常蔭蔽
鶴齡方祝孰期冰鑒頓捐塵

Đức phạm kham khâm duy ký Thái sơn thường ảm tế.

Hạc linh phương chúc thực kỳ băng giám đốn quyên trần.

đức vọng tôn sùng, những tưởng Thái sơn là chỗ dựa.

Tuổi hạc cầu chúc, nào hay gương ngọc lánh trần ai.

自入婿鄉蒙厚愛
何堪甥貫杳慈雲

Tự nhập tế hương môn hậu ái.

Hà kham sanh quán diêu từ vân.

Làng rể ngày thăm đưa đón hậu.

Quê dì nay đã vắng mây từ.

憶半子昔日承龍東床有幸
痛岳母今朝駕鶴北堂無依

Úc bán tử tích nhật thừa long đông sàng hữu hạnh.

Thống nhạ mẫu kim triều giá hạc bắc đường vô y.

May được giường đông, ngày trước cưới rồng lòng vẫn nhớ.

Đâu còn nhà bắc, nay đưa xe hạc nặng tình thương.

淒涼甥貫慈雲黯
縹緲仙鄉夜月寒

Thê lương sanh quán từ vân ám.

Phiếu miểu tiên hương dạ nguyệt hàn.

Mây từ u ám trùm quê ngoại.

Trăng khuya lạnh lẽo chiếu làng tiên.

蓮蕊生香有子心中無限苦
萱花遽謝出入意外不勝悲

Liên nhụy sinh hương hữu tử tâm trung vô hạn khổ.

Huyền hoa cụt tạ xuất nhập ý ngoại bất thắng bi.

Sen nhụy toả hương, con thấy trong lòng vô hạn khổ.

Hoa huyền đài héo, người đi ngoài ý xiết bao buồn.

全校同教傷益友
滿庭桃李哭涼師

Toàn hiệu đồng giao thương ích hữu.

Mãn đình đào lý khóc lương sư.

Cùng dạy cả trường thương bạn tốt.

Đây sân đào mạn khóc thầy hay.

筑室未能如子貢
心哀聊以學檀弓

Trúc thất vị năng như Tử Cống.

Tâm ai liêu dĩ học Đàn cung.

Lều mộ chưa hay bằng Tử Cống.

Lòng thương riêng đã học Đàn cung.

培養李桃曾盡瘁
光輝竹帛永流芳

Bồi dưỡng lý đào tằng tận tụy.

Quang huy trúc bạch vĩnh lưu phương.

Vun đắp mạn đào bao tận tụy.

Điểm tô trúc bạch mãi còn thơm.

桃李悼良師從今不復聞教誨
教工傷益友憶昔徒嗟失音容

Đào lý điệu lương sư tòng kim bất phục văn giáo hối.

Giáo công thương ích hữu ức tích đồ ta thất âm dung.

Đào mạn tiếc thầy hay, nay chẳng được nghe lời dạy bảo.

Thầy cô thương bạn tốt, nhớ chẳng đường vắng bóng người xưa.

淑女成佳婦
奇男已丈夫

Thục nữ thành giai phụ.

Kỳ nam dĩ trượng phu.

Gái đảm thành vợ hiền.

Trai tài nên người lớn.

百年琴瑟好
千載鳳麟祥

Bách niên cầm sắt hảo.
Thiên tải phượng lân tường.
Trăm năm vui cầm sắt.
Ngàn thuở đẹp phượng lân.

新粧梅點額
吉夢燕投懷

Tân trang mai điểm ngạch.
Cát mộng yến đầu hoài.
Áo mới mai chớm nở.
Mộng lành yến vào lòng.

吹簫堪引鳳
攀桂喜乘龍

Suy tiêu kham dẫn phượng.
Phan quế hỷ thừa long.
Thổi tiêu hay dẫn phượng.
Vịn quế mừng cưới rồng.

本爲攀桂客
暫作探花郎

Bản vì phan quế khách.
Tiệm tác thám hoa lang.
Vốn là khách vịn quế.
Tạm làm chàng thám hoa.

芝蘭千載茂
琴瑟百年和

Chi lan thiên tải mậu.
Cầm sắt bách niên hoà.
Chi lan ngàn thuở tốt.
Cầm sắt trăm năm hoà.

健筆春山試
雄文繡閣裁

Kiến bút xuân sơn thí.
Hùng văn tú các tài.
Bút cứng vẽ non xuân.
Văn hùng tả gác đẹp.

花燭生光彩
瓊筵燕喜冠

Hoa chúc sinh quang thái.

Quỳnh diên yến hỷ quan.

Đuốc hoa sinh vẻ sáng.

Tiệc quỳnh uống rượu vui.

戶映三星繡幙錦屏春色滿
門迎百輛花堂銀燭夜光浮

Hộ ánh tam tinh tú mạc cẩm bình xuân sắc mãn.

Môn nghinh bách lạng hoa đường ngàn chúc dạ quang phù.

Nhà ba sao chiếu, rèm thêu màn gấm đầy xuân sắc.

Cửa trăm xe đón, nhà hoa đuốc bạc sáng trời đêm.

南國賦桃夭允矣宜家宜室
大人占吉夢成哉維熊維羆

Nam quốc phú Đào yêu doãn hỷ, nghi gia nghi thất.

Đại nhân chiêm cát mộng thành tai, duy hùng duy bi.

Trời nam se duyên đẹp, được đấy, nên nhà nên cửa.

Kẻ cả đoán mộng lành, thành vậy, kết hùng kết bi.

男女正婚姻時開五倫之第一
陰陽和天地位欲萬物已無窮

Nam nữ chính hôn nhân thời, khai ngũ luân chi đệ nhất.

Âm dương hoà thiên địa vị, dục vạn vật dĩ vô cùng.

Nam nữ định hôn nhân, lúc mở ngũ luân coi bậc nhất.

Âm dương hoà trời đất, sinh nuôi vạn vật đến vô cùng.

金結同心百歲鳳鸞良匹偶
彩繩繫足千秋琴瑟永和諧

Kim kết đồng tâm bách tuế phượng loan lương sất ngẫu.

Thái thằng hệ túc thiên thu cầm sắt vĩnh hoà hài.

Giải vàng đồng tâm, trăm tuổi phượng loan lành đôi lứa.

Dây đỏ buộc chân, ngàn năm cầm sắt vẫn giao hoà.

友以瑟友以琴梅花香度桃花暖
麟之趾麟之定仙人信付玉人來

Hữu dĩ sất hữu dĩ cầm mai hoa hương độ đào hoa ấm.

Lân chi chỉ lân chi định tiên nhân tín phó ngọc nhân lai.

Bạn đàn sất, bạn đàn cầm, hoa mai hương đậm, hoa đào ấm.

Lân để dấu, lân để ý, người tiên tin gửi, người ngọc về.

蟾影浮光皓月交明花燭
龍鱗應律祥雲直逼星橋

Thiềm ảnh phù quang hạo nguyệt dao minh hoa chúc.

Long triền ứng luật tường vân trực bức tinh kiều.

Bóng thiềm sáng tỏ, ánh trăng xen lẫn đuốc sáng.

Rồng lên ứng luật, mây lành trùm lấy cầu ngân.

畫眉終愛蓮花品
伴讀重修博議書

Họa mi chung ái liên hoa phẩm.

Bạn đọc trùng tu Bác nghị thư.

Vẽ mày thấy chuộng phẩm hoa sen.

Bạn đọc hai lần Bác nghị thư.

不惜鸞膠千里續
自應鳳偶百年諧

Bất tích loan giao thiên lý tục.

Tự ưng phượng ngẫu bách niên hài.

Chẳng tiếc keo loan ngàn dặm nối.

Bổn thành đôi phượng trăm năm duyên.

鳳凰于飛亦集爰止
琴瑟在御其新孔嘉

Phượng hoàng vu phi diệc tập viên chỉ.

Cầm sắt tại ngự kỳ tân khổng gia.

Phượng hoàng đang bay cũng tìm đến đậu.

Cầm sắt cùng hoà điệu mới càng vui.

彩筆新添描夜月
桃源舊路駕輕車

Thái bút tân thiêm miêu dạ nguyệt.

Đào nguyên cựu lộ giá khinh xa.

Bút hay thêm mới tả trăng sáng.

Nguồn đào đường cũ, cưỡi xe êm.

家鄉阻隔雲千里
玉女團圓月一輪

Gia hương trở cách vân thiên lý.

Ngọc nữ đoàn viên vầy nguyệt nhất luân.

Quê nhà cách trở mây ngàn dặm.

Ngọc nữ xum vầy nguyệt một vành.

千里人緣絲繫足
百年風月客爲家

Thiên lý nhân duyên ty hệ túc.

Bách niên phong nguyệt khách vi gia.

Ngàn dặm nhân duyên chân buộc chỉ.

Trăm năm trăng gió khách là nhà.

湖海襟期真浩蕩
鳳凰羽翼相鮮新

Hồ hải khâm kỳ chân hạo dăng.

Phượng hoàng vũ dực tướng tiên tân.

Hồ hải ước mong trời rộng lớn.

Phượng hoàng lông cánh vẻ thêm xinh.

鵲橋直上龍門客
鳳閣初騰翰苑人

Thước kiều trực thượng long môn khách.

Phượng các sơ đằng hàn uyển nhân.

Khách long môn đến thẳng cầu ô.

Người rộng học vừa lên gác phượng.

關雎賦就回文錦
麟趾賡成戒旦雞

Quan thư phú tựu hồi văn cẩm.

Lân chỉ canh thành giới đán kê.

Phú Quan thư tựa gấm hồi văn.

Dấu Lân chỉ thành răn gà gáy.

梅綻粧臺花解語
文隨繡閣筆生香

Mai diện trang đài hoa giải ngữ.

Văn tùy tú các bút sinh hương.

Mai điểm trang đài, hoa giải ngữ.

Văn theo gác đẹp, bút sinh hương.

詩禮庭前由舊訓
瑟琴堂上聽新聲

Thi lễ đình tiền do cựu huấn.

Cầm sắt đường thượng thính tân thanh.

Trước sân thi lễ lời xưa dạy.

Trong nhà cầm sắt mới thanh âm.

舍章玉質吟嬌雪
博議風裁學畫眉

Xá chương ngọc chất ngâm kiều tuyết.

Bác nghị phong tài học hoạ my.

Ngâm tuyết đẹp nhà phô vẽ ngọc.

Học vẽ mây bàn chuyện phong lưu.

凌雲奇氣知才子
映雪新粧識玉人

Lăng vân kỳ khí tri tài tử.

Ánh tuyết tân trang thức ngọc nhân.

Vượt mây khí lạ biết tay tài.

Tuyết ánh tân trang hay người ngọc.

漫將江筆爲張筆
好向雞鳴聽鹿鳴

Mạn tương Giang bút vi Trương bút.

Hảo hướng Kê minh thính Lộc minh.

Đùa đem Giang bút làm Trương bút.

Khéo hướng Kê minh nghe Lộc minh.

碧紗待月人如玉
紅袖添香夜讀書

Bích sa đãi nguyệt nhân như ngọc.

Hồng tỵ thêm hương dạ độc thư.

Lụa biếc dưới trăng người tựa ngọc.

Áo hồng giới hương sách đọc đêm.

裴火雞聲雨不夜
筆花燭影共聯輝

Lê hoả kê thanh vũ bất dạ.

Bút hoa chúc ảnh cộng liên huy.

Lửa lê gà gáy đêm đầu quán.

Bút hoa ánh đuốc sáng ngời chung.

筆花暫向燈花燦
御酒還從鬘酒香

Bút hoa tiệm hường đăng hoa xán.

Ngự tửu hoàn tòng cấn tửu hương.

Hoa bút dần hường hoa đèn rạng.

Rượu ngự dành theo rượu cấn thơm.

跨鳳原爲攀桂客
探花暫作畫眉人

Khoá phượng nguyên vì phan quế khách.

Thăm hoa tiệm tác họa my nhân.

Cưỡi phượng vốn là khách vịn quế.

Thăm hoa tạm làm người vẽ mày.

待畫柳眉描筆意
須燃花燭映文光

Đãi họa liễu my miêu bút ý.

Tu nhiên hoa chúc ánh văn quang.

Đợi tô mày liễu qua ý bút.

Cần gương hoa đuốc sáng lời văn.

博議新書文吐錦
畫眉彩筆玉生香

Bác nghị tân thư văn thổ cẩm.

Họa mi thái bút ngọc sinh hương.

Bác nghị sách hay văn tựa gấm.

Vẽ mày nét đẹp ngọc sinh hương.

玉人早向書中得
金榜還從筆下來

Ngọc nhân tảo hướng thư trung đắc.

Kim bảng hoàn tòng bút hạ lai.

Người ngọc tìm trong sách mà được.

Bảng vàng nhờ có bút nên công.

先向洞房裁博議
好從清夜問常娥

Tiên hướng động phòng tài Bác nghị.

Hảo tòng thanh dạ vấn Thường nga.

Trước hướng động phòng khoe Bác nghị.

Khéo lần đêm vắng hỏi Hằng nga.

彩筆輕描寒夜月
新粧光照錦紋花

Thái bút khinh miêu hàn dạ nguyệt.

Tân trang quang chiếu cẩm văn hoa.

Bút hay nhàn tả đêm trăng lạnh.

Tân trang sáng tỏ ánh hoa văn.

秋水近流琴韻好
江風遠送筆生香

Thu thủy cận lưu cầm vận hảo.
Giang phong viễn tống bút sinh hương.
Giòng thu chảy cạnh tiếng đàn hay.
Gió cuốn xa đưa hương bút toả.

既聯詩句傳嬌語
還向文章聽好音

Ký liên thi cú truyền kiều ngữ.
Hoàn hương văn chương thính hảo âm.
Thơ viết liền câu ngôn ngữ đẹp.
Văn chương đều hướng âm thanh hay.

已擬鳳池輝翰苑
先登月窟伴嫦娥

Đĩ nghi phượng trì huy hàn uyển.
Tiên đăng nguyệt quật bạn Thường nga.
Đã bày ao phượng bên vườn lạnh.
Còn bạn thêm trăng với Tố Nga.

摧粧句配河洲錦
伴讀燈挑博議書

Thôi trang cú phối Hà châu cẩm.
Bạn đọc đăng khiêu Bác nghị thư.
Vẻ đẹp lời hòa gấm Hà châu.
Bạn đọc đèn khêu xem sách Bác nghị.

粧摧香閣珠璣燦
筆寫春山錦繡新

Trang thôi hương các châu cơ xán.
Bút tả xuân sơn cẩm tú tân.
Áo thơm hương gác châu ngọc rạng.
Bút tả non xuân gấm vóc tươi.

墨酒天橋紅作句
粧摧月殿錦成詩

Mặc tửu thiên kiều hồng tác cú.
Trang thôi nguyệt điện cẩm thành thi.
Rượu mực cầu ngân say viết chữ.
Áo hồng điện nguyệt gấm thành thơ.

紅樓蓮步推雲步
春夜燭花映筆花

Hồng lâu liên bộ thôi vân bộ.

Xuân dạ chúc hoa ánh bút hoa.

Lầu hồng bước sen giục bước mây.

Đêm xuân hoa đuốc sáng hoa bút.

得句不勞窗外客
攀花且問月中人

Đắc cú bất lao song ngoại khách.

Phan hoa thả vấn nguyệt trung nhân.

Câu hay chẳng phiền khách ngoài cửa.

Vin hoa ướm hỏi người trong trăng.

雪麗河洲吟雪句
雲連濟水映雲程

Tuyết lệ Hà châu ngâm tuyết cú.

Vân liên Tế thủy ánh vân trình.

Tuyết đẹp Hà châu ngâm thơ tuyết,

Mây liên Tế thủy tỏ đường mây.

諧偶百年期桂實
于歸正月詠桃夭

Hài ngẫu bách niên kỳ quế thực.

Vu quy chính nguyệt vịnh Đào yêu.

Đôi lứa trăm năm kì bẻ quế;

Vu quy chính nguyệt vịnh Đào yêu.

繡幕香濃人似玉
春霄夢暖筆生花

Tú mạc hương nồng nhân tự ngọc.

Xuân tiêu mộng noãn bút sinh hoa.

Rèm thêu hương đậm người như ngọc.

Đêm xuân mộng ấm bút sinh hoa.

雪案夜深聯好友
梅粧日暖議新書

Tuyết án dạ thâm liên hảo hữu.

Mai trang nhật noãn nghị tân thư.

Án tuyết đêm khuya vui bạn tốt.

Thung mai ngày ấm luận sách hay.

雖合西河逢泰運
梅開南嶺煥新粧

*Thư hợp Tây hà phùng thái vận.
Mai khai Nam linh hoán tân trang.
Bén Tây xum hợp gặp thái vận.
Non Nam mai nở rạng tân trang.*

擁髻銀燈含宿膩
窺簾碧月照春容

*Ứng kế ngân đăng hàm tú nhĩ.
Khuy liêm bích nguyệt chiếu xuân dung.
Đèn soi tóc búi vẻ tế nhĩ.
Trăng chiếu song nhòm rạng vẻ xuân.*

時值泰交欣合沓
人從寅統喜牽絲

*Thời trị thái giao hân hợp cấn.
Nhân tòng dân thống hỷ khiên ty.
Giờ lúc giao hoà vui hợp cấn.
Người theo truyền thống mừng dất dầy.*

歲月水和賦宜家室
乾坤相配夢葉熊羆

*Tuế nguyệt thủy hoà phú nghi gia thất.
Càn khôn tương phối mộng diệp hùng bi.
Năm tháng thuận hoà dựng nên gia thất.
Đất trời phối hợp mộng thấy hùng bi.*

銀燭光浮元夜月
玉蕭吹徹洞房春

*Ngân chúc quang phù nguyên dạ nguyệt.
Ngọc tiêu suy triệt động phòng xuân.
Đuốc rực sáng, mờ trăng đầu tháng.
Tiêu ngọc vui, thêm xuân động phòng.*

時值泰交祥開瓜瓞
月逢歲首夢入芝蘭

*Thời trị thái giao tường khai qua diệp.
Nguyệt phùng tuế thủ mộng nhập chi lan.
Đúng lúc giao hoà tổ tường lòng dạ.
Trăng chiếu đầu năm mộng chốn hương hoa.*

花朝日暖青鸞舞
柳絮風和紫燕飛

Hoa triều nhật noãn thanh loan vũ.

Liễu như phong hòa tử yến phi.

Sớm hoa ngày ấm loan xanh múa.

Liễu bóng gió thuận én tía bay.

度花朝適逢花燭
憑月老試步月宮

Độ hoa triều thích phùng hoa chúc.

Bằng nguyệt lão thí bộ nguyệt cung.

Độ hoa sớm đúng giờ hoa chúc.

Nguyệt lão se sánh bước cung trăng.

花月新粧宜學柳
雲窗好友早栽蘭

Hoa nguyệt tân trang nghi học liễu.

Vân song hảo hữu tảo tài lan.

Trăng hoa vẽ mới nên tìm liễu.

Song mây bạn tốt sớm trồng lan.

蕭吹夜色三更韻
粧點春容二月花

Tiêu suy dạ sắc tam canh vận.

Trang điểm xuân dung nhị nguyệt hoa.

Tiếng tiêu thổi thủ thổi canh ba vận.

Vẽ xuân tô điểm tháng hai hoa.

汗濕紅粧花帶露
雲堆綠鬢柳拖煙

Hãn thấp hồng trang hoa đới lộ.

Vân đôi lục mấn liễu đà yên.

Hoa nặng sương đêm áo dẫm nước.

Liễu tuôn khói sớm tóc vờn mây.

花朝春色光花燭
柳絮奇姿畫柳眉

Hoa triều xuân sắc quang hoa chúc.

Liễu kỳ kỳ tư hoa liễu my.

Hoa sớm sắc xuân rạng chúc hoa.

Liễu trông vẽ lạ tô mày liễu.

已見衣將柳汁染
行看鏡以菱花懸
Dĩ kiến y tương liễu tráp nhiễm.
Hành khan kính dĩ lăng hoa huyền.
Đã thấy áo hoa cùng liễu ướt.
Còn xem trong kính có lăng hoa.

階下花開花映燭
堂中燕至燕投懷
Giai hạ hoa khai hoa ánh chúc.
Đường trung yến chí yến đầu hoài.
Dưới thêm hoa nở hoa ngời đuốc.
Trong nhà yến đến yến đang mong.

芙蓉新艷凌花燭
玉鏡初明照藍田
Phù dung tân diễm lăng hoa chúc.
Ngọc kính sơ minh chiếu lam điền.
Phù dung mới nở khinh hoa chúc.
Kính ngọc vừa soi chiếu lam điền.

應花朝如新作合
居繡閣好友言歡
Ứng hoa triều như tân tác hợp.
Cư tú các hảo hữu ngôn hoan.
Với hoa sớm như vừa tác hợp.
Ở gác đẹp bạn bè đều vui.

月應花朝燭花獻彩
時逢燕至玉燕終祥
Nguyệt ứng hoa triều chúc hoa hiến thái.
Thời phùng yến chí ngọc yến chung tường.
Trăng soi hoa sớm, rực rỡ đuốc hoa.
Gặp lúc yến về, điềm lành yến ngọc.

陽春瑞藹飛鸚鵡
太呂律和引鳳凰
Dương xuân thụy ái phi anh vũ.
Thái lữ luật hoà dẫn phượng hoàng.
Mây trùm Dương xuân anh vũ bay.
Luật theo Thái lữ phượng hoàng lại.

綠柳移陰春帳暖
夭桃吐艷酒杯紅

Lục liễu di âm xuân trường noãn.

Yêu đào thỏ diễm càn bôi hồng.

Liễu xanh rợp bóng trường xuân ấm.

Đào tơ tươi đẹp rượu càn hồng.

鳳曲迎風吟柳綠
桃花趁雨醉春紅

Phượng khúc nghinh phong ngâm liễu lục.

Đào hoa sấn vũ túy xuân hồng.

Ngâm liễu biếc khúc phượng đón gió.

Say xuân hồng hoa đào gặp mưa.

百世緣和諧鳳侶
三春日永賦雞鳴

Bách thế duyên hoà hài phượng lữ.

Tam xuân nhật vĩnh phú kê minh.

Trăm năm duyên hài hoà phượng hát.

Ba xuân ngày vẫn làm phú gà gáy.

柳色映眉粧鏡曉
桃花照面洞房春

Liễu sắc ánh mi trang kính hiếu.

Đào hoa chiếu diện động phòng xuân.

Sắc liễu tươi mày soi kính đẹp.

Đào hoa rạng mặt động phòng xuân.

紅雨花村鴛並倚
翠煙柳驛鳳和鳴

Hồng vũ hoa thôn uyên tịnh ỷ.

Thúy yên liễu diệc phượng hoà minh.

Mưa nhọt xóm hoa uyên phải ản.

Khói xanh trạm liễu phượng đều kêu.

日暖鴛鴦依錦水
風和海燕繞珠簾

Nhật noãn uyên ương y cẩm thủy.

Phong hoà hải yến nhiễu châu liềm.

Ngày ấm uyên ương xuôi nước biếc.

Gió hoà hải yến lượn rèm châu.

樂奏黃鍾諧鳳侶
詩題紅葉詠桃花

Nhạc tấu hoàng chung hài phượng lữ.

Thi đề hồng diệp vịnh đào hoa.

Nhạc tấu hoàng chung vui phượng bạn.

Thơ đề lá đỏ vịnh đào hoa.

鶯語和諧春風帳暖
桃花絢爛酒杯浮

Oanh ngữ hoà giai xuân phong trướng noãn.

Đào hoa huyến lạn cần tiêu bôi phù.

Trướng ấm gió xuân tiếng oanh thỏ thẻ.

Rượu cần đầy chén hoa đào xinh tươi.

碧沼芰荷開並蒂
繡幃鸞鳳結同心

Bích chiểu kỳ hà khai tịnh đế.

Tú vi loan phượng kết đồng tâm.

Ao biếc súng sen chung rễ nở.

Màn thêu loan phượng kết đồng tâm.

蓮花影入水晶鏡
竹葉香浮鸚鵡杯

Liên hoa ảnh nhập thủy tinh kính.

Trúc diệp hương phù anh vũ bôi.

Gương thủy tinh thấy ảnh hoa sen.

Chén anh vũ toả hương lá trúc.

池上綠荷揮彩筆
天邊朗月偃新眉

Trì thượng lục hà huy thái bút.

Thiên biên lãng nguyệt yển tân mi.

Sen biếc trên ao thêm hứng bút.

Bên trời trăng sáng động hàng mi.

琴瑟嘯和剛四月
熊羆入夢喜三更

Cầm sắt bỗ hoà cương tứ nguyệt.

Hùng bì nhập mộng hỷ tam canh.

Mới tháng tư cầm sắt hài hoà.

Mừng ba canh hùng bì vào mộng.

探花幸際時初夏
夢燕欣逢麥至秋

Thăm hoa hạnh tế thời sơ hạ.

Mộng yến hân phùng mạch chí thu.

Thăm hoa may gặp thời sơ hạ.

Mộng yến vừa hay mạch đến thu.

筆挾薰風眉彩畫
蘭培錦砌夢投香

Bút hiệp huân phong my thái hoạ.

Lan bồi cẩm thế mộng đầu hương.

Bút nhờ gió ấm tô mày đẹp.

Lan tốt bên thêm mộng toả hương.

梅雨雲週聯好友
榴花依始映新粧

Mai vũ vân chu liên hảo hữu.

Lưu hoa y thủy ánh tân trang.

Bên bạn tốt mưa mai mây cuốn.

Đẹp tân trang hoa lưu giống xưa.

書帶草從窗外綠
芙蓉花向座中紅

Thư đới thảo tòng song ngoại lục.

Phù dung hoa hướng toạ trung hồng.

Sách mang cỏ đến ngoài song biếc.

Phù dung hoa hướng khách khoe hồng.

春色映瑤臺一曲紫蕭飛彩鳳
蕙風清寶瑟數行錦字篆青蚪

Xuân ánh dao đài nhất khúc tử tiêu phi thái phượng.

Huệ phong thanh bảo sắt số hàng cẩm tự triện thanh cù.

Xuân sắc chiếu dao đài, một khúc tiêu hay bay phượng đẹp.

Gió thơm trong tiếng sắt, vài hàng chữ gấm nét rồng xanh.

燭花喜並榴花艷
葡萄酒欣連鬯酒斟

Chúc hoa hỷ tịnh lưu hoa diễm.

Bồ tửu hân liên cấn tửu châm.

Hoa đuốc kể bên hoa lựu đẹp.

Rượu nho cùng với rượu cần mời.

葡酒流馨連盞酒
燭花絢彩映榴花

Bồ tửu lưu hình liên cấn tửu.

Chúc hoa huyền thái ánh lưu hoa.

Rượu nho cùng rượu cấn thơm ngát.

Hoa đuốc bên hoa lựu rực màu.

菡萏枝連諧繡幙
鴛鴦翼比媚銀臺

Hạm đạm chi liên hài tú mạc.

Uyên ương dực tỵ mỹ tương đài.

Hoa sen chung rẽ hợp rèm thêu.

Uyên ương chấp cánh nổi đài đẹp.

盞酒香浮葡酒綠
榴花艷映燭花紅

Cấn tửu hương phù bồ tửu lục.

Lựu hoa điểm ánh chúc hoa hồng.

Rượu nho thơm giúp hương rượu cấn.

Hoa lựu đẹp nhờ đuốc hoa hồng.

杯斟暑日飛鸚鵡
曲奏薰風引鳳凰

Bôi châm thử nhật phi anh vũ.

Khúc tấu huân phong dẫn phượng hoàng.

Rượu mời ngày ấm, chén anh vũ.

Khúc tấu nôm nam, điệu phượng hoàng.

樂奏函鍾諧鳳侶
詩歌南國葉蠡斯

Nhạc tấu hàm chung hài Phượng lữ.

Thi ca nam quốc diệp Chung tư.

Nhạc tấu hàm chung hòa phượng lữ.

Thơ ca nam quốc vận Chung tư.

酷暑銷金金屋見
荷花吐玉玉人來

Khốc thử tiêu kim kim ốc hiện.

Hà hoa thổ ngọc ngọc nhân lai.

Nắng gát tiêu vàng, nhà vàng hiện.

Hoa sen nhà ngọc, người ngọc về.

燭映繡幃揮彩筆
杯交暑日畫新眉

Chúc ánh tú vì huy thái bút.

Bôi giao thử nhật hoạ tân my.

Ánh đuốc rèm thêu rạng vẽ bút.

Chén trao ngày nóng vẽ tươi mày.

燭映繡幃金鳳麗
杯交暑日玉蘭新

Chúc ánh tú vì kim phượng lệ.

Bôi giao thử nhật ngọc lan tân.

Ánh đuốc rèm thêu, kim phượng đẹp.

Chén trao ngày nóng, ngọc lan tươi.

鵲橋初駕雙星渡
熊夢新徵百子祥

Thước kiều sơ giá song tinh độ.

Hùng mộng tân trưng bách tử tường.

Cầu ô vừa bắc, hai sao vượt.

Mộng hùng mới hiện, lăm con hay.

鵲橋月皎人如玉
牛渚星輝酒似蘭

Thước kiều nguyệt皎 nhân như ngọc.

Ngưu chủ tinh huy tửu tự lan.

Cầu thước ngời trăng người tựa ngọc.

Bến trâu sao sáng rượu như lan.

紅葉新生春帳暖
銀河初渡夜香深

Hồng diệp tân sinh xuân trướng noãn.

Ngân hà sơ độ dạ hương thâm.

Lá thắm mới sinh, trướng xuân ấm.

Ngân hà vừa vượt, hương đêm nồng.

鵲橋巧渡雙星會
鳳卜和諧百世昌

Thước kiều xảo độ song tinh hội.

Phượng bốc hoà hài bách thế xương.

Cầu ô khéo vượt hai sao hội.

Bói phượng hài hòa trăm thuở yên.

前夕鵲橋占好兆
今霄月殿會仙娥

Tiên tích thước kiều chiêm hảo triệu.

Kim tiêu nguyệt điện hội tiên nga.

Đêm trước cầu ô đoán điềm tốt.

Tối nay điện nguyệt hội tiên nga.

玉宇澄清輝玉鏡
金風瞻蕩拂金粧

Ngọc vũ trừng thanh huy ngọc kính.

Kim phong chiêm dăng phát kim trang.

Hiên ngọc lẳng trong ngời kính ngọc.

Gió vàng thấp thoáng bóng xiêm vàng.

金屋人間詩聯二美
銀河天上夜渡雙星

Kim ốc nhân gian thi liên nhị mỹ.

Ngân hà thiên thượng dạ độ song tinh.

Nhà vàng nhân gian thơ hay đối đẹp.

Ngân hà thượng giới đêm vượt hai sao.

緣符月老當瓜月
喜對花容映繡花

Duyên phù nguyệt lão đương qua nguyệt.

Hỷ đối hoa dung ánh tú hoa.

Duyên nhờ nguyệt lão, dưa đang vụ.

Mừng thấy dung nhan, ánh sắc hoa.

天錫佳期玉宇喜看金雀舞
人諧盛事畫堂欣聽彩鸞鳴

Thiên tích giai kỳ ngọc vũ hỷ khan kim tước vũ.

Nhân hài thịnh sự họa đường hân thính thái loan minh.

Trời định giai kỳ, hiên ngọc mừng xem sẻ vàng múa.

Người vui việc tốt, nhà hoa vui nghe loan hát hay.

秋深喜爲攀桂客
夜靜新作畫眉人

Thu thâm hỷ vi phan quế khách.

Dạ tĩnh hân tác họa mi nhân.

Thu muộn mừng làm khách vịn quế.

Đêm vắng vui là kẻ vẽ mày.

丹桂香飄金屋瑞
紅粧彩映玉堂鮮

Dan quế hương phiêu kim ốc thuy.
Hồng trang thái ánh ngọc đường tiên.
Đan quế hương bay kim ốc đẹp.
Hồng trang óng ánh, ngọc đường tươi.

盛世長青樹
百年不老松

Thịnh thế trường thanh thụ.
Bách niên bất lão tùng.
Đời thịnh cây xanh mãi.
Trăm năm tùng chẳng già.

壽同山巒老
福共海天長

Thọ đồng sơn loan lão.
Phúc cộng hải thiên trường.
Thọ lâu cùng núi bọc.
Phúc dài với biển trời.

如梅花挺秀
似松樹長青

Như mai hoa đĩnh tú.
Tự tùng thụ trường thanh.
Như hoa mai đẹp trội.
Giống cây tùng xanh lâu.

八旬酬盛世
一世煥清輝

Bát tuần thù thịnh thế.
Nhất thế hoán thanh huy.
Tám chục vui đời thịnh.
Một đời rực sáng trong.

乃武乃文乃壽
如梅如竹如松

Nãi vũ nãi văn nãi thọ.
Như mai như trúc như tùng.
Là vũ, là văn, là thọ.
Như mai, như trúc, như tùng.

福如東海長流水
壽比南山不老松

Phúc như đông hải trường lưu thủy.

Thọ tỷ nam sơn bất lão tùng.

Phúc tựa biển đông, dòng chảy mãi.

Thọ ví non nam, tùng không già.

周天行健人常健
秋日登高壽更高

Chu thiên hành kiện nhân thường kiện.

Thu nhật đăng cao thọ cánh cao.

Vòng trời đi khoẻ, người thường khoẻ.

Ngày thu lên cao, thọ càng cao.

足食丰衣晚景好
勤耕苦犢老來紅

Túc thực phong y vãn cảnh hảo.

Cần canh khổ độc lão lai hồng.

Đủ ăn, đủ mặc già xuân chán.

Chăm cây, chăm nuôi lão còn tươi.

年高喜欢看花千樹
人壽笑斟酒一杯

Niên cao hỷ khán hoa thiên thụ.

Nhân thọ tiếu châm tửu nhất bôi.

Tuổi cao mừng ngắm hoa ngàn khóm.

Người thọ cười vui rượu một chung.

光明心地恒增壽
爽朗精神自健康

Quang minh tâm địa hằng tăng thọ.

Sảng lãng tinh thần tự kiện khang.

Tâm địa quang minh tăng tuổi thọ.

Tinh thần sáng láng thấy an khang.

老當益壯雄心未已
晚節堅貞斗志彌堅

Lão đương ích tráng hùng tâm vị dĩ.

Vãn tiết kiên trinh đấu chí di kiên.

Già còn mạnh sức, hùng tâm chưa hết.

Tiết mạnh kiên trinh, chí mạnh càng bền.

柏翠松蒼含歌五福
椿榮萱茂同祝百齡

*Bách thuý tùng thương hàm ca ngũ phúc.
Xuân vinh huyền mậu đồng chúc bách linh.
Bách biếc, tùng xanh ngợi ca năm phúc.
Xuân tươi, huyền rậm, cùng chúc trăm tròn.*

青松增壽年年壽
丹桂飄香戶戶香

*Thanh tùng tăng thọ niên niên thọ.
Đan quế phiêu hương hộ hộ hương.
Tùng xanh tăng thọ, năm thêm thọ.
Quế đỏ hương bay, khắp chốn hương.*

歲序更新添壽考
江山競秀顯英才

*Tuế tự canh tân thêm thọ khảo.
Giang sơn cạnh tú hiển anh tài.
Năm dần đổi mới, tăng tuổi thọ.
Núi sông đua đẹp, rõ anh tài.*

報國不愁生白髮
讀書哪肯負蒼生

*Báo quốc bất sầu sinh bạch phát.
Độc thư na khảng phụ thương sinh.
Báo nước chẳng buồn khi tóc bạc.
Học chăm đừng phụ lúc đầu xanh.*

白髮朱顏宜登上壽
丰衣足食樂享高齡

*Bạch phát chu nhan nghi đăng thượng thọ.
Phong y túc thực lạc hưởng cao linh.
Tóc bạc da mồi, cần lên thượng thọ.
Đủ ăn đủ mặc, vui hưởng tuổi cao.*

棠棣齊開千載好
椿萱并茂萬年長

*Đường lệ tề khai thiên tải hảo.
Xuân huyền tịnh mậu vạn niên trường.
Đường, lệ nở hoa ngàn thuở đẹp.
Xuân, huyền tươi tốt, vạn năm dài.*

勤儉起家由內助
康強到老有余閑

Cần kiệm khởi gia do nội trợ.

Khang cường đáo lão hữu dư nhàn.

Cần kiệm dựng nhà nhờ nội trợ.

Khang cường vào lão được an nhàn.

鳳凰枝上花如錦
松菊堂中人并年

Phượng hoàng chi thượng hoa như cẩm.

Tùng cúc đường trung nhân tịnh niên.

Trên cành hoa gấm phượng hoàng đậu.

Trong nhà người thọ cúc tùng xanh.

年享高齡椿萱并茂
時逢盛世蘭桂齊芳

Niên hưởng cao linh xuân huyền tịnh mậu.

Thời phùng thịnh thế lan quế tề hương.

Trời cho tuổi thọ, xuân huyền đều tốt.

Gặp thời thịnh trị, lan quế cùng thơm.

礧桃捧日三千歲
古柏參天四十圍

Bàn đào bồng nhật tam thiên tuế.

Cổ bách tham thiên tứ thập vi.

Bàn đào ngày hội, ba ngàn năm.

Bách cổ ngát trời, bốn chục ôm.

寶婺星輝歌四秩
礧桃獻瑞祝千秋

Bảo vụ tinh huy ca tứ trật.

Bàn đào hiến thụy chúc thiên thu.

Chòm bảo vụ hát mừng bốn chục.

Hội bàn đào hiến quả ngàn năm.

五十花筵開北海
三千朱履慶南山

Ngũ thập hoa diên khai Bắc hải.

Tam thiên chu lý khánh Nam Sơn.

Năm chục tuổi tiệc mừng thông Bắc hải.

Ba ngàn năm giày đỏ chúc Nam Sơn.

海屋籌添春半百
瓊池桃熟歲三千

Hải ốc trù thiêm xuân bán bách.

Quỳnh trì đào thực tuế tam thiên.

Nửa thế kỷ xuân thêm nhà biển.

Ba ngàn năm đào chín ao Quỳnh.

婺宿騰輝百齡半度
天星煥彩五福駢臻

Vụ tú đằng huy bách linh bán độ.

Thiên tinh hoán thái ngũ phúc biên trăn.

Chòm Vụ sáng ngời, trăm tròn có nửa.

Trời sao rạng vẻ, năm phúc bày hàng.

甲子重新新甲子
春秋几度度春秋

Giáp tý trùng tân tân giáp tý.

Xuân thu kỷ độ độ xuân thu.

Giáp tý vừa qua, qua giáp tý.

Xuân thu mấy độ, độ xuân thu.

一家歡樂慶長壽
六秩安康醉太平

Nhất gia hoan lạc khánh trường thọ.

Lục trật an khạng tuý thái bình.

Một nhà vui vẻ chúc trường thọ.

Sáu chục an khạng say thái bình.

群鳥長歌歌耳順
眾芳同喜喜壽增

Quần diểu trường ca, ca nhĩ thuận.

Chúng phương đồng hỉ, hỉ thọ tăng.

Chim bấy đồng ca, ca tai thuận (70 tuổi).

Mọi hoa đều chúc, chúc thọ tăng.

花甲初周茂如松柏
長庚朗曜慶溢桂蘭

Hoa giáp sơ chu mậu như tùng bách.

Trường canh lãg diệu khánh dật quế lan.

Hoa giáp vòng đầu, tốt như tùng bách.

Lâu dài rực rỡ, tươi đẹp quế lan.

前壽五旬又迎花甲
待延十歲再祝古稀
Tiền thọ ngũ tuần hựu nghinh hoa giáp.
Đãi diên thập tuế tái chúc cổ hi.
Đã thọ năm tuần lại thêm hoa giáp.
Đội tròn chục nữa, sẽ chúc cổ hi.

三千歲月春常在
七十丰神古所稀
Tam thiên tuế nguyệt xuân thường tại.
Thất thập phong thần cổ sở hi.
Ba ngàn năm tháng xuân thường trú.
Bảy chục còn tươi cổ vốn hi.

休辭客路三千遠
須念人生七十稀
Hưu từ khách lộ tam thiên viễn.
Tu niệm nhân sinh thất thập hi.
Đừng ngại đường khách ba ngàn xa.
Nên biết trên đời bảy chục hiếm.

此日萱庭登七秩
他年閨苑祝耆頤
Thử nhật huyên đình đăng thất trật.
Tha niên lãng uyển chúc kỳ di.
Ngày ấy nhà huyên nên bảy chục.
Năm khác vườn tiên chúc lên trăm.

月滿桂花延七里
庭留萱草茂千秋
Nguyệt mãn quế hoa diên thất lý.
Đình lưu huyên thảo mậu thiên thu.
Hoa quế trắng rậm hương bảy dặm.
Cỏ huyên sân trước tốt ngàn năm.

金桂生輝老益健
萱堂長壽慶稀年
Kim quế sinh huy lão ích kiện.
Huyên đường trường thọ khánh hy niên.
Quế vàng rực rỡ già thêm mạnh.
Nhà huyên trường thọ, chúc bảy mươi.

年過七旬稱健婦
籌添三十享耆頤

*Niên quá thất tuần xưng kiện phụ.
Trù thêm tam thập hưởng kỳ di.
Tuổi ngoại bảy tuần khen cụ khỏe.
Còn thêm ba chục hưởng lên trăm.*

渭水一竿閑試釣
武陵千樹笑行舟

*Vị thủy nhất can nhàn thí điếu.
Vũ lăng thiên thụ tiếu hành chu.
Bên giòng sông Vị thả câu chơi.
Rừng rậm Vũ lăng cười thuyền dạo.*

八旬且獻瑤池瑞
几代同瞻寶婺輝

*Bát tuần thả hiến Dao trì thủy.
Kỷ đại đồng chiêm Bảo vụ huy.
Chón Dao trì tám mươi hiến thủy.
Chòm Bảo vụ mấy thuở cùng xem.*

八秩康強春不老
四時健旺福無窮

*Bát trật khang cường xuân bất lão.
Tứ thời kiện vượng phúc vô cùng.
Tám chục chưa già xuân vẫn mạnh.
Bốn mùa khỏe sức phúc vô cùng.*

九秩曾留千載壽
十年再進百齡觴

*Cửu trật tăng lưu thiên tải thọ.
Thập niên tái tiến bách linh thương.
Chín chục hãy còn ngàn tuổi thọ.
Mười năm lại chúc chén trăm năm.*

九十春光堂前活佛
三千甲子山上靈春

*Cửu thập xuân quang đường tiền hoạt Phật.
Tam thiên giáp tý sơn thượng linh xuân.
Chín chục mùa xuân, trong nhà Phật sống.
Ba ngàn giáp tý, trên núi xuân thiêng.*

天邊將滿一輪月
世上還鍾百歲人

Thiên biên tương mãn nhất luân nguyệt.

Thế thượng hoàn chung bách tuế nhân.

Chân trời rục rờ một vành nguyệt.

Dưới đất chuông mừng người chẵn trăm.

古稀已是尋常事
上壽尤多百歲人

Cổ hy dĩ thị tầm thường sự.

Thượng thọ ưu đa bách tuế nhân.

Đã nhàm câu nói: xưa nay hiếm.

Trăm tuổi ngày nay đã lắm người.

家中早釀千年酒
盛世長歌百□人

Gia trung tảo nhưỡng thiên niên tửu.

Thịnh thế trường ca bách tuế nhân.

Trong nhà sớm ủ rượu ngàn năm.

Đời thịnh luôn khen người trăm tuổi.

月藹桂花延七秩
庭留萱草茂千秋

Nguyệt ế quế hoa diên thất trật.

Đình lưu huyền thảo mậu thiên thu.

Hoa quế trắng soi mừng bảy chục.

Cỏ huyền sân mọc rậm ngàn thu.

萱榮北地年稀少
婺煥南天日正長

Huyền vinh bắc địa niên hy thiểu.

Vụ hoán nam thiên nhật chính trường.

Cỏ huyền đất bắc năm chừng ngắn.

Sao vụ trời nam ngày vẫn dài.

碧漢婺星輝七秩
青陽萱草茂千秋

Bích hán vụ tinh huy thất trật.

Thanh dương huyền thảo mậu thiên thu.

Sao vụ sông ngân sáng bảy chục.

Cỏ huyền trời rạng rậm ngàn thu.

酒釀屠蘇觴七秩
桃開度朔祝三千

Tửu nhưỡng đồ tô thương thất trật.

Đào khai độ sóc chúc tam thiên.

Rượu ngọt bày ra mừng bảy chục.

Hoa đào chớm nở chúc ba ngàn.

誥賁五花堂聯四代
觴稱九月福衍三多

Cáo bí ngũ hoa đường liên tứ đại.

Thương xưng cửu nguyệt phúc diễn tam đa.

Rực rỡ năm màu nhà liên tứ đại.

Rượu mừng tháng chín phúc đủ tam đa.

菊酒慶稀齡三子喜康三祝
萱花施錦悅九秋頻誦九如

Cúc tửu khánh hy linh tam tử hỷ canh tam chúc.

Huyền hoa thi cẩm thuế cửu thu tần tụng cửu như.

Tuổi hiếm xưa nay rượu cúc ba con mừng ba chén.

Khăn thêu rực rỡ hoa huyền chín tháng chúc chín như.

壽慶八旬光錦悅
時逢五月醉礪桃

Thọ khánh bát tuần quang cẩm thuế.

Thời phùng ngũ nguyệt túy bàn đào.

Thọ chúc tám mươi khăn rực rỡ.

Năm qua năm tháng rượu bàn đào.

四代斑衣榮耄壽
八旬寶婺慶遐齡

Tứ đại ban y vinh diệp thọ.

Bát tuần bảo vụ khánh hà linh.

Bốn đời áo đỏ mừng thêm thọ.

Tám chục vụ tinh chúc tuổi cao.

婺星獻輝增秋色
萱草敷榮慶耄年

Vụ tinh hiến huy tăng thu sắc.

Huyền thảo phu vinh khánh diệp niên.

Sao vụ sáng ngời đẹp vẻ thu.

Cỏ huyền thắm sắc mừng cao tuổi.

萱草畫齡添秀色
梨園慶壽播輝音

Huyền thảo diệt linh thiêm tú sắc.

Lê viên khách thọ bá huy âm.

Cỏ huyền năm tháng thêm tươi đẹp.

Vườn lê chúc thọ rộn âm thanh.

秋夜婺星輝曲正
畫年萱草慶遐齡

Thu dạ vụ tinh huy khúc chính.

Diệt niên huyền thảo khánh hà linh.

Sao Vụ đêm thu ngời vẻ sáng.

Cỏ huyền năm tháng chúc lâu dài.

八旬且獻瑤池瑞
四代同瞻寶婺輝

Bát tuần thả hiến Dao trì thuy.

Tứ đại đồng chiêm Bảo vụ huy.

Dao trì hiến diêm lành tám chục.

Bảo vụ cùng soi tỏ bốn đời.

萱草數榮壽延八秩
婺星煥彩慶衍千秋

Huyền thảo phu vinh thọ diên bát trật.

Vụ tinh hoán thái khánh diễn thiên thu.

Cỏ huyền tươi tốt, tiệc thọ tám mươi.

Sao Vụ sáng ngời chúc mừng ngàn tuổi.

八秩崧筵欣舞彩
千年寶婺喜生輝

Bát trật hoa diên hân vũ thái.

Thiên niên Bảo vụ hỷ sinh huy.

Tám chục tiệc hoa mừng múa đẹp.

Ngàn năm Bảo vụ rạng niềm vui.

紫鸞對舞菱花鏡
海燕雙飛玳瑁樑

Tử loan đối vũ lăng hoa kính

Hải yến song phi đại mạo lương.

Kính lăng hoa tử loan múa cặp

Xà đôi mỗi hải yến đậu đôi.

洞房鏡裡誇雙美
孔雀屏中詠二南

*Động phòng kính lý khoa song mỹ
Khổng tước bình trung vịnh nhị nam.*
Động phòng gương sáng khoe song mỹ
Khổng tước trong rèm vịnh nhị nam.

仙容藍田欣種玉
月娥金屋警鳴雞

*Tiên dung lam điền hân chủng ngọc
Nguyệt nga kim ốc cảnh minh kê.*
Chốn lam điền tiên dung gieo ngọc
Nơi nhà vàng nguyệt nga nhắc gà.

繡閣鴛鴦山海固
洞房琴瑟地天長

*Tú các uyên ương sơn hải cố
Động phòng cầm sắt địa thiên trường.*
Bến non biển uyên ương gác đẹp
Vùng đất trời cầm sắt động phòng.

周召國風曾訓子
謝王佳偶自宜家

*Chu Thiệu Quốc phong tăng huấn tử
Tạ Vương giai ngẫu tự nghi gia.*
Chu, Thiệu từ Quốc phong dạy dỗ
Vương, Tạ đôi giai ngẫu thành gia.

曲禮三千隆漢鴈
國風十五首關雎

*Khúc lễ tam thiên long Mạc nhạn
Quốc phong thập ngũ thủ Quan thư.*
Ba ngàn Khúc lễ hơn Mạc nhạn
Mười lăm Quốc phong đầu Quan thư.

雪映秋臺蘭葉夢
梅輝繡閣帽簪花

*Tuyết ánh thu đài lan điệp mộng
Mai huy tú các mạo trâm hoa.*
Mây rục đài cao mộng lan điệp
Mai bùng gác đẹp vẻ trâm hoa.

人間錦繡繞金屋
天上笙歌送玉麟

*Nhân gian cẩm tú nhiều kim ốc
Thiên thượng sinh ca tống ngọc lân.
Gấm vóc nhân gian quây nhà vàng
Sinh ca thượng giới tiễn lân ngọc.*

韻流湘水三千峽
夢繞巫山十二峰

*Vận lưu Tương thủy tam thiên hiệp
Mộng nhiều Vu sơn thập nhị phong.
Ba ngàn khe dòng Tương luôn chảy
Mười hai ngọn Vu sơn mộng quanh.*

青燈夜雨滋文藻
藍田春色上羅衣

*Thanh đăng dạ vũ tư văn thảo
Lam điền xuân sắc thượng la y.
Mưa tối đèn xanh tưới cảnh vật
Xuân sắc lam điền đẹp áo hoa.*

一曲陽春歌繡閣
滿簾明月照紅粧

*Nhất khúc dương xuân ca tú các
Mãn liêm minh nguyệt chiếu hồng trang.
Một khúc dương xuân ca gác đẹp
Dây rèm trắng sáng chiếu hồng trang.*

彩筆喜題紅葉句
華堂欣詠采蘋詩

*Thái bút hỉ đề hồng diệp cú
Hoa đường hân tụng thái tân thi.
Bút giỏi đề thơ trên lá thắm
Nhà hoa ngâm vịnh khúc thái tân.*

春山淡試淩雲筆
紅袖新翻博議書

*Xuân sơn đạm thí lãng vân bút
Hồng tុ tân phiên Bác nghị thư.
Non xuân tạm trở bút tài cao
Tay hồng mở xem sách Bác nghị.*

繡閣雲凝金鳳舞
錦池春暖玉龍飛

*Tú các vân ngưng kim phượng vũ
Cẩm trì xuân noãn ngọc long phi.*
Mây ngưng gác đẹp phượng vàng múa
Xuân ấm hồ xinh rồng ngọc bay.

百尺絲羅欣有托
千年琴瑟永和鳴

*Bách xích ty la hân hữu thác
Thiên niên cầm sắt vĩnh hòa minh.*
Trăm thước lụa tơ vui uỷ thác
Ngàn năm cầm sắt vẫn giao hòa.

鸞鳳和鳴昌百世
麒麟瑞葉慶千齡

*Loan phượng hòa minh xương bách thế
Kỳ lân thụy diệp khánh thiên linh.*
Loan phượng hát chung mừng trăm thuở
Kỳ lân diễm tốt chúc ngàn năm.

詩禮庭前歌窈窕
鴛鴦筆下展經綸

*Thi lễ đình tiền ca yếu diệu
Uyên ương bút hạ triển kinh luân.*
Sân thi lễ lời ca yếu diệu
Bút uyên ương gợi mở kinh luân.

華堂翠幙春風至
繡閣金屏曙色開

*Hoa đường thủy mạc xuân phong chí
Tú các kim bình thự sắc khai.*
Gió xuân đến nhà vàng rèm biếc
Rạng sáng soi gác tía màn vàng.

錦堂喜見雙星聚
繡閣欣覩百子圖

*Cẩm đường hỉ kiến song tinh tụ
Tú các hân siêm bách tử đồ.*
Nhà đẹp mừng hai sao tụ hội
Gác hoa vui trăm trẻ tranh treo.

一色杏花春十里
兩行燭影耀三更

*Nhất sắc hạnh hoa hương thập lý
Lưỡng hàng chúc ảnh diệu tam canh.*
Một sắc hạnh hoa hương chục dặm
Hai hàng đuốc thắp sáng ba canh.

燭花彩映芙蓉閣
香酒香浮琥珀杯

*Chúc hoa thái ánh phù dung các
Cẩn tửu hương phù hổ phách bôi.*
Đuốc hoa rực rỡ gác phù dung
Rượu cẩn nổi hương ly hổ phách.

月下彩娥來跨鳳
雲間仙客近乘龍

*Nguyệt hạ thái nga lai khóa phượng
Vân gian tiên khách cận thừa long.*
Người đẹp dưới trăng vui với phượng
Tiên khách đường mây thoả cười rồng.

彩燭雙輝歡合瑟
清歌一曲詠宜家

*Thái chúc song huy hoan hợp cầm
Thanh ca nhất khúc vịnh nghi gia.*
Vui hợp cầm hai lần đuốc sáng
Vịnh nghi gia một khúc ca thanh.

縷結同心山海固
樹成連理地天長

*Lũ kết đồng tâm sơn hải cố
Thụ thành liên lý địa thiên trường.*
Kết mối đồng tâm non biển chặt
Cây thành liên rễ đất trời lâu.

瓊樓月皎人如玉
繡閣花香酒似蘭

*Quỳnh lâu nguyệt皎 nhân như ngọc
Tú các hoa hương tửu tự lan.*
Lầu quỳnh trăng sáng người như ngọc
Gác đẹp hương hoa rượu ngát hương.

庭鵲聲中呈白壁
紅雲深處遇藍橋
Đình thước thanh trung trình bạch bích
Hồng vân thâm xứ ngộ lam kiều.
Tiếng thước trong sân trình ngọc trắng
Mây hồng xứ vắng gặp cầu lam.

月映珠簾欣黿合
夢成繡閣兆麟祥
Nguyệt ánh châu liêm hân cấn hợp
Mộng thành tú các triệu lân tường.
Trăng sáng rèm châu vui hợp cấn
Mộng nơi gác đẹp triệu lân lành.

春風綠柳飛鸚鵡
夜雨青燈引鳳凰
Xuân phong lục liễu phi anh vũ
Dạ vũ thanh đăng dẫn phượng hoàng.
Gió xuân liễu biếc đón anh vũ
Mưa tối đèn xanh dắt phượng hoàng.

賦宜家室春風早
夢葉熊羆世澤長
Phú nghi gia thất xuân phong tảo
Mộng diệp hùng bi thế trạch trường.
Phú nên gia thất gió xuân sớm
Mộng hợp hùng bi phúc trạch dài.

胭脂香滿芙蓉帳
花燭光呈錦繡幃
Yên chi hương mãn phù dung trướng
Hoa chúc quang trình cẩm tú vi.
Hương yên chi tỏa trướng phù dung
Rạng đuốc hoa soi nơi màn gấm.

春風柳絮雙飛燕
夜雨青燈萬卷書
Xuân phong liễu như song phi yến
Dạ vũ thanh đăng vạn quyển thư.
Gió xuân bông liễu bay đôi yến
Mưa tối đèn xanh vạn quyển hay.

紅葉流溝來好句
黃花滿徑襯新粧

Hồng diệp lưu câu lai hảo cú
Hoàng hoa mãn kính sấn tân trang.
Lá đỏ theo dòng gửi câu đẹp
Hoa vàng đầy lối vương tân trang.

月照碧洞雙鳳彩
風流楊柳偶鶯鳴

Nguyệt chiếu bích động song phượng thái
Phong lưu dương liễu ngẫu oanh minh.
Động biếc trăng soi ngời cặp phượng
Liễu xanh gió thổi hót đôi oanh.

天飛鳳卜春屏暖
乃夢熊占畫錦長

Thiên phi phượng bốc xuân bình noãn
Nãi mộng hùng chiêm trú cẩm trường.
Màn xuân ấm ngàn lần bói phượng
Đêm huyền sâu trong mộng đoán hùng.

錦瑟聲中鶯對語
玉梅花際鳳雙飛

Cẩm sắt thanh trung loan đôi ngữ
Ngọc mai hoa tế phượng song phi.
Đàn sắt tiếng trong loan đôi giọng
Hoa mai vẽ ngọc phượng đôi bay.

華堂彩結觀鶯舞
繡閣絲連看鳳飛

Hoa đường thái kết quan loan vũ
Tú các ty liên khán phượng phi.
Nhà hoa lụa tết xem loan múa
Gác đẹp tơ đàn ngắm phượng bay.

杯交玉液飛鸚鵡
樂奏瓊簫引鳳凰

Bôi giao ngọc dịch phi anh vũ
Nhạc tấu quỳnh tiêu dẫn phượng hoàng.
Chén mời nước ngọc bay anh vũ
Nhạc tấu tiêu quỳnh dẫn phượng hoàng.

珊瑚窗裡乾坤大
玳瑁筵前日月長

*San hô song lý càn khôn đại
Đại mao diên tiền nhật nguyệt trường.*

Trước cửa san hô trời đất lớn
Trên yển đôi mỗi tháng ngày dài.

繡閣燈明鴛鴦並立
粧臺燭麗翡翠同棲

*Tú các đăng minh uyên ương tịnh lập
Trang đài chúc lệ phỉ thúy đồng thê.
Đèn soi gác đẹp uyên ương bên nhau
Đuốc chiếu trang đài phỉ thúy cùng đậu.*

易曰乾坤定矣
詩云鍾鼓樂之

*Dịch viết: càn khôn định hĩ
Thi vân: chung cổ lạc chi.
Dịch nói: càn khôn định vậy
Thi rằng: chiêng trống vui thay.*

不惑但從今日始
知天猶得十年來

*Bất hoặc đản tòng kim nhật thủy
Tri thiên do đắc thập niên lai.
Kể từ nay xem như bất hoặc (bốn mươi tuổi)
Mười năm nữa hẳn sẽ tri thiên (năm mươi tuổi).*

正氣高凌銅柱北
精英長引喝江南

*Chính khí cao lãng đồng trụ Bắc
Tinh anh trường dẫn Hát Giang Nam.*

Chính khí cao vờ đồng trụ Bắc
Tinh anh còn mãi Hát Giang Nam.

飄香推桂子喜園橋得路萬里九霄應比翼
舉索羨蘭孫快繡閣崔粧一堂三代慶齊眉

*Phiêu hương suy quế tử hỷ viên kiều đắc lộ vạn lý cửu tiêu
ưng tỵ dục*

Cử án tiến lan tôn khoái tú các thêu trang nhất đường tam đại
khánh tề my.

Hương bay giục con quế, mừng đường quan nhẹ bước, muôn dặm
chín tầng cùng sát cánh.

Tiệc đặt mừng cháu lan, sướng gác cao áo đẹp,
ba đời một cửa chúc ngang mày.

萱草含芳千歲艷
菊花香動五株新

Huyền thảo hàm phương thiên tuế diễm

Cúc hoa hương động ngũ chu tân.

Cỏ huyền thơm ngát ngàn năm tươi

Hoa cúc hương bay năm gốc mới.

恭儉溫良宜家受福
仁愛篤厚荻壽保年

Cung kiệm ôn lương nghi gia thụ phúc

Nhân ái đốc hậu địch thọ bảo niên.

Cung kiệm ôn hoà nên nhà được phúc

Nhân ái trung hậu tuổi thọ bình yên.

九旬慶衍千秋喜見萱花沾玉露
四代稱觴七月欣觀寶樹藹金風

Cửu tuần khánh diển thiên thu hỉ kiến huyền hoa chiêm ngọc lộ.

Tứ đại xưng thướng thất nguyệt hân quan bảo thụ ái kim phong.

Chín mươi chúc thọ ngàn năm mừng thấy hoa huyền đầm sương ngọc

Bốn đời thành đạt, tháng bảy vui xem cây quý ngợp gió thu.

桃熟瑤池三千歲月
籌添海屋一百春秋

Đào thực Đào Trì tam thiên tuế nguyệt

Trù thêm hải ốc nhất bách xuân thu.

Ba ngàn năm tháng, đào chín đào trì

Trăm năm tuổi tác, dựng thêm nhà biển.

樂奏雲璈歌百歲
德輝彤史祝千秋

Nhạc tấu vân ngao ca bách tuế

Đức huy đồng sử chúc thiên thu.

Nhạc tấu vân ngao, mừng trăm tuổi

Đức ghi đồng sử, chúc ngàn năm.

細柳營中親淑女
夭桃華裏指軍符

Tế liễu doanh trung thân thực nữ
Yêu đào hoa lý chỉ quân phù.
Chốn doanh liễu gần kẻ thực nữ
Vẻ đào tơ nay chỉ quân phù.

玉質金粧承將略
輕裘緩帶教佳人

Ngọc chất kim trang thừa tướng lược
Khinh cừu hoãn đới giáo giai nhân.
Vàng ngọc y trang, theo tướng lược
Áo cừu đai nhẹ, dạy giai nhân.

多少人痛悼斯人難再得
千百世最傷此世不重來

Đa thiếu nhân thống điệu tư nhân nan tái đắc
Thiên bách thế tối thương thử thế bất trùng lai.
Bao nhiêu người thương tiếc - người này khó lại có
Trăm ngàn thuở xót xa - đời ấy chẳng hai lần.

少者亡老者存數誠難測
天之涯地之角情不可終

Thiếu giả vong, lão giả tồn số thành nan trắc
Thiên chi nhai, địa chi giác tình bất khả chung.
Trẻ chết, già còn, sống chết số trời khôn biết
Chân trời, góc biển, mất còn tình nghĩa khó quên.

同心最相親憶白發青燈昨夜尚陪連夜話
名山期共往嘆天目雁蕩此身无复並肩游

Đồng tâm tối tương thân ức bạch phát thanh đăng tạc
đạ thượng bồi liên dạ thoại

Danh sơn kỳ cộng vãng thán thiên mục nhạn đẳng thử
thân vô phục tịnh kiên du.

Một bụng thân nhau, nhớ khi tóc bạc đèn xanh,
năm trước vẫn còn đêm chuyện vẫn.

Non cao ước hẹn, đáng tiếc lưng trời cánh nhạn,
thân này đâu được sánh vai chơi.

此老竟蕭條幸有高文垂宇宙
平生懷大志廣栽桃李在人間

Thử lão cánh tiêu điều hạnh hữu cao văn thùy vũ trụ
Bình sinh hoài đại chí quảng tài đào lý tại nhân gian.

Già cả thấy quạnh hiu, may có sách hay trù vũ trụ
Một đời ôm chí lớn, rộng gieo đạo lý ở nhân gian.

夢筆賢嗣添一友
培蘭瑞應慰雙親

*Mộng bút hiền từ thêm nhất hữu
Bồi lan thụy ứng úy song thân.
Mộng bút con theo thêm một bạn
Vun lan điểm tốt thỏa hai thân.*

塞夜燭花開好夜
少年登酒慶延年

*Tái dạ chúc hoa khai hảo dạ
Thiếu niên cấn tửu khánh diên niên.
Đêm * ai được hoa thành đêm sáng
Tuổi trẻ vui duyên chúc tuổi già.*

快賭加冠尊醺命
旋降繩武振家聲

*Khoái đồ gia quan tôn tiếu mệnh
Toàn chiế * tằng vũ chấn gia thanh.
Mừng nên người lớn được ban rượu
Nói theo tiên tổ rạng danh nhà.*

端月良男諧鳳友
來春天始躍龍孫

*Đoan nguyệt lương nam hài phượng hữu
Lai xuân thiên thủy dật long tôn.
Tiết đoan ngọc con trai dựng vợ
Xuân sang năm sẽ có cháu trai.*

吉葉三秋由命醺
祥占四代疊分甘

*Cát diệp tam thu do mệnh tiếu
Tường chiêm tứ đại điệp phân cam.
Mừng đã ba đời còn rượu chúc
Vui xem tứ đại họ càng đông.*

風送芹香翻藝苑
月移桂影藹琴房

Phong tổng cần hương phiên nghệ uyển
Nguyệt di quế ảnh ái cầm phòng
Gió thổi hương cần đến vườn đẹp
Trăng rời bóng quế rợp cung đàn.

天 河 汲 水 勾 宮 粉
月 窟 簪 花 染 御 香

Thiên hà cấp thủy câu cung phấn
Nguyệt quật trâm hoa nhiễm ngự hương.
Thiên hà dẫn nước cho cung phấn
Hang nguyệt hoa trâm đơm ngự hương.

墨 浪 擬 從 桃 浪 暖
筆 花 早 向 燭 花 開

Mặc lãng nghĩ tòng đào lãng noãn
Bút hoa tảo hướng chúc hoa khai.
Sóng mực chừng theo ấm sóng đào
Bút hoa sớm hướng vui hoa đuốc.

芹 香 初 秀 桃 源 洞
桂 影 長 隨 月 窟 人

Cần hương sơ tú đào nguyên động
Quế ảnh trường tùy nguyệt quật nhân.
Hương cần mới tỏ động đào nguyên
Bóng quế dõi theo người dưới nguyệt

方 向 廣 宮 拾 藻 彩
隨 從 月 窟 探 天 香

Phương hướng quảng cung thập thảo thái
Tùy tòng nguyệt quật thám thiên hương.
Hương tới quảng cung lượm rau quý
Dối theo hang nguyệt kiếm hương trời.

竹 影 仍 偕 身 影 在
墨 花 盡 帶 麗 花 飛

Trúc ảnh nhưng giai thân ảnh tại
Mặc hoa tận đới lệ hoa phi.
Ảnh trúc vẫn là thân ảnh đấy
Mực hoa đem hết lệ hoa bay.

好 夢 渺 難 尋 白 雪 陽 春 絕 調 竟 成 廣 陵 散
知 音 能 有 几 高 山 流 水 傷 心 永 斷 伯 牙 琴

Hào mộng miếu nan tám bạch tuyết đương xuân tuyết điệu cánh thành
Quảng lãng tán.

Tri âm năng hữu kỷ cao sơn lưu thủy thương tâm vĩnh đoạn Bá Nha cầm.

Mộng đẹp khó tìm, nhờ Bạch Tuyết đương xuân mà khúc hát
Quảng lãng được soạn.

Tri âm mấy kẻ, tường cao sơn lưu thủy nên cây đàn Bá Nha đập tan.

教育深恩終身感戴
浩然正氣萬古長存

Giáo dục thâm ân chung thân cảm ái
Hạo nhiên chính khí vạn cổ trường tồn.

Dạy dỗ ơn sâu, trọn đời tưởng nhớ
Hạo nhiên chính khí, muôn thuở vẫn còn.

瑞藹堂中來燕賀
衽臨膝下慶鸞鳴

Thụy ái đường trung lai yến hạ
Tường lâm tất hạ khánh loan minh.
Nhà phủ mây lành yến đến mừng
Bên gối niềm vui loan lại chúc.

美奐美輪賀來燕雀
宜家宜室夢占熊羆

Mỹ hoán mỹ luân hạ lai yến tước
Nghĩ gia nghĩ thất mộng chiếm hùng bi.
Đẹp vẻ, đẹp thay, yến tước lại mừng
Nên nhà, nên cửa, hùng bi gặp mộng.

金屋輝煌饒五彩
玉簫嘹唳澈三霄

Kim ốc huy hoàng nhiều ngũ thái
Ngọc tiêu liêu lượng triệt tam tiêu.
Rực rỡ nhà vàng đầy năm vẻ
Nỉ non tiêu ngọc suốt ba đêm.

鳳閣鸞幃並耀輝題葉題名共羨休聲疊疊
鹿鳴麟趾同賡詠宜家宜國爭誇喜事重重

Phượng các loan vi tinh diệu huy đề diệp đề danh
cộng tiến hựu thanh diệp diệp.
Lộc minh Lân chỉ đồng canh vịnh nghĩ gia nghĩ quốc
tranh khoa hỉ sự trùng trùng.

Gác phượng màn loan đều rực rỡ, nêu tên nêu tuổi cùng cất
tiếng vui rộn rã

Lộc minh, Lân chỉ cùng ca hát, nên nhà nên cửa, tranh khoe
việc hỷ râm ran.

家學有淵源 看桂子望重橋門知藝苑 目關世德
花鈿多錦繡 喜蘭孫粧崔梅韻 信香奩亦載文章
*Gia học hữu uyên nguyên khán quế tử vọng trọng kiều môn tri nghệ
uyển mục quan thế đức*

*Hoa điện đa cảm tử hỷ lan tôn trang thôi mai vận tín hương
liêm diệp tải văn chương.*

Nếp nhà học có nguồn, thấy con quế cửa cao vọng trọng, biết vườn
đẹp trồng cây đức tốt

*Hoa cài như gấm thêu, mừng cháu lan vẽ đẹp sắc mai, tin điểm
trang cũng có văn chương.*

聚樂事於一堂 題名合登壁水藍橋雙煥彩
流芳徵於天載 經國宜家青雲紅葉並增輝
*Tụ lạc sự ư nhất đường đề danh hợp cấn bích thủy lam
kiều song hoán thái*

*Lưu phương trưng ư thiên tải kinh quốc nghi gia thanh vân hồng
diệp tịnh tăng huy.*

Họp chuyện cũ ở một nhà, vinh quy nạp thái, nước biếc
câu lam hai vẽ đẹp

Lưu tiếng thơm cho muôn thuở, giúp nước nên nhà, mây xanh
lá thắm thủy huy hoàng.

年週花甲榮瑤島
庭長芝蘭映玉堂

Niên chu hoa giáp vinh đảo

Đình trường chi lan ánh ngọc đường.

Tuổi tròn hoa giáp thơm danh tiếng

Sân mọc chi lan rạng cửa nhà.

堂榮長庚徵上壽
名登任藉試鴻才

Đường xán trường canh trưng thượng thọ

Danh đăng sĩ tích thí hồng tài.

Nhà rạng tuổi cao lên thượng thọ

Tên nêu bảng sĩ thử tài năng.

堂北萱花榮晝錦
階前桂子噴天香

Đường bắc huyền hoa vinh trú cẩm

Giai tiền quế tử phun thiên hương.

Nhà bắc hoa huyền tươi vẻ gấm
Trước thềm cây quế tỏa hương trời.

嶺上梅花報喜信
庭前椿樹戶芳齡

Lĩnh thượng mai hoa báo hỉ tín

Đình tiền xuân thụ hộ phương linh.

Hoa mai đầu núi báo tin vui
Cây xuân sân trước nâng cao tuổi.

愿慈母千年不老
祝松柏萬載長青

Nguyên từ mẫu thiên niên bất lão

Chúc tùng bách vạn tải trường thanh.

Mong mẹ hiền ngàn năm vẫn trẻ
Chúc tùng bách muôn thuở còn xanh.

今日正逢萱草壽
前身合是杏花仙

Kim nhật chính phùng huyền thảo thọ

Tiền thân hợp thị hạnh hoa tiên.

Hôm nay đúng gặp ngày sinh mẹ
Kiếp trước hẳn là hạnh hoa tiên.

白頭偕老
同心永結

Bạch đầu giai lão

Đồng tâm vĩnh kết

Đầu bạc cùng già

Đồng tâm kết mãi.

鴛鴦比翼
夫婦同心

Uyên ương tị dực

Phu phụ đồng tâm.

Uyên ương liền cánh

Chồng vợ đồng lòng.

同心生產好
合意感情深

Đồng tâm sinh sản hảo

Hợp ý cảm tình thâm.

Đồng tâm làm ăn tốt

Hợp ý cảm tình sâu.

才高鸚鵡賦
春入鳳凰樓

Tài cao Anh vũ phú

Xuân nhập Phượng hoàng lâu

Tài cao phú Anh vũ

Xuân vào lầu Phượng hoàng.

藍田曾种玉
紅葉自題詩

Lam điền tăng chủng ngọc

Hồng diệp tự đề thi.

Lam điền từng trồng ngọc

Lá thắm tự đề thơ.

攝成雙壁影
締結百年歡

Nhiếp thành song bích ảnh

Đế kết bách niên hoan.

Chụp thành bức ảnh đôi

Thắt giây mừng trăm tuổi.

鳳凰鳴瑞世
琴瑟譜新聲

Phượng hoàng minh thủy thế

Cầm sắt phổ tân thanh.

Phượng hoàng kêu đời thịnh

Cầm sắt phổ tân thanh.

喜見紅梅放
樂迎淑女來

Hỉ kiến hồng mai phóng

Lạc nghinh thục nữ lai.

Mừng thấy mai hồng nở

Vui đón thục nữ về.

四季花常好
百年月永圓

*Tứ quý hoa thường hảo
Bách niên nguyệt vĩnh viên.*

Bốn mùa hoa đều nở
Trăm năm trăng vẫn tròn.

良日良時良偶
佳男佳女佳緣

*Lương nhật lương thời lương ngẫu
Giai nam giai nữ giai duyên.*

Ngày tốt, giờ tốt, tốt đôi
Trai đẹp, gái đẹp, đẹp duyên.

檻外紅梅競放
檐前紫燕雙飛

*Hạ ngoại hồng mai cạnh phóng
Thềm tiền tử yến song phi.*

Ngoài hiên mai hồng đua nở
Trước thềm tử yến sánh bay.

佳偶百年好合
知音千里相逢

*Giai ngẫu bách niên hảo hợp
Tri âm thiên lý tương phùng.*

Đôi đẹp trăm năm hòa hợp
Tri âm ngàn dặm, gặp nhau.

一門喜慶三春暖
兩姓欣成百世緣

*Nhất môn hỉ khánh tam xuân ấm
Lưỡng tính hân thành bách thế duyên.*

Một cửa đón mừng ba xuân ấm
Hai họ vui chúc trăm năm duyên.

一朝喜結千年侶
百歲不移半寸心

*Nhất thiên hỉ kết thiên niên lữ
Bách tuế bất di bán thốn tâm.*

Một sớm mừng kết bạn ngàn năm
Trăm tuổi không thay lòng nửa tấc.

二 姓 聯 婚 成 大 禮
百 年 偕 老 樂 長 春

*Nhị tính liên hôn thành đại lễ
Bách niên giai lão lạc trường xuân.*

Hai họ thông gia thành lễ lớn
Trăm năm lên lão kéo dài xuân.

萬 里 云 天 爭 比 翼
百 年 事 業 結 同 心

*Vạn lý vân thiên tranh tỵ dực
Bách niên sự nghiệp kết đồng tâm.
Vạn dặm mây trời tranh sát cánh
Trăm năm sự nghiệp kết đồng tâm.*

云 漢 橋 成 牛 女 渡
春 台 簫 引 鳳 凰 飛

*Vân hán kiều thành Ngưu, Nữ độ
Xuân đài tiêu dẫn Phượng, Hoàng phi.
Xây cầu Vân hán mừng Ngưu, Nữ
Tiếng sáo đài Xuân dẫn Phượng, Hoàng.*

書 聲 喜 有 琴 聲 伴
翰 墨 新 添 黛 墨 香

*Thư thanh hỉ hữu cầm thanh bạn
Hàn mực tân thêm đại mặc hương.
Tiếng sách có tiếng đàn làm bạn
Mực bút thêm hương mực vẽ mây.*

瓊 樓 月 皓 人 如 玉
秀 閣 花 香 酒 似 蘭

*Quỳnh lâu nguyệt hạo nhân như ngọc
Tú các hoa hương tửu tự lan.
Lầu quỳnh trắng sáng người như ngọc
Gác đẹp hoa hương rượu tựa lan*

碧 海 云 生 龍 對 舞
丹 山 日 出 鳳 雙 飛

*Bích hải vân sinh long đối vũ
Đan sơn nhật xuất Phượng song phi.
Biển biếc mây trùn Rồng múa cặp
Núi non trời ló Phượng bay đôi.*

女慧男才原是對
你恩我愛總相聊

*Nữ tuệ nam tài nguyên thị đôi
Nhĩ ân ngã ái tổng tương liên.*

Gái giỏi trai tài nom thật đối
Em ân anh ái có tương liên.

詩題紅葉同心句
酒飲黃花合盞杯

*Thi đề hồng diệp đồng tâm cú
Tửu ẩm hoàng hoa hợp cấn bôi.*

Đề thơ lá thắm giải đồng tâm
Uống rượu cúc vàng ly hợp cấn.

互敬互幫創大業
相親相愛樹新風

*Hỗ kính, hỗ bang sáng đại nghiệp
Tương thân tương ái thụ tân phong.
Cùng kính, cùng giúp, xây nghiệp lớn
Tương thân, tương ái dựng tân phong.*

堂前奏笛迎賓客
戶外吹笙引鳳凰

*Đường tiền tấu địch nghinh tân khách
Hộ ngoại xuy sinh dẫn Phượng Hoàng
Trước nhà tấu sáo đón tân khách
Ngoài ngõ hòa tiêu dẫn Phượng Hoàng.*

鳳求凰百年樂事
男嫁女一代新風

*Phượng cầu Hoàng bách niên lạc sự
Nam giá nữ nhất đại tân phong.
Trăm năm vui việc Phượng cầu Hoàng
Một đời đôi mới nam cưới nữ.*

紅葉題詩傳厚意
赤繩系足結良緣

*Ngô diệp đề thi truyền hậu ý
Xích thằng hệ túc kết lương duyên.
Lá thắm đề thơ truyền ý kín
Chỉ hồng chân buộc kết duyên lành.*

花燭交心互勉志
英才攜手共圖強

*Hoa chúc giao tâm hỗ miễn chí
Anh tài huề thủ cộng đồ cường.*

Đuốc hoa lòng kết nên rèn chí
Tài giỏi tay trao quyết đến giàu.

破舊俗婚事簡辦
樹新風致富爭先

*Phá cựu tục hôn sự giản biện
Thụ tân phong trí phú tranh tiên.*

Bỏ tục xưa, cưới xin đơn giản
Nêu gương mới, lắm giàu là đầu.

柳暗花明春正半
珠聯碧合影成雙

*Liễu ám hoa minh xuân chính bán
Châu liên bích hợp ảnh thành song.*

Liễu rậm hoa tươi, xuân mới nửa
Châu liên thành chuỗi, ảnh thành đôi.

宜國宜家新婦女
能文能武好男儿

*Nghi quốc nghi gia tân phụ nữ
Năng văn năng vũ hảo nam nhi
Thuận nước, thuận nhà, phụ nữ mới
Hay văn, hay vũ, nam nhi tài.*

婚締自由移舊俗
禮行平等樹新風

*Hôn đế tự do, di cựu tục
Lễ hành bình đẳng thụ tân phong.
Hôn nhân tự do, bỏ tục xưa
Giao tiếp bình đẳng, nêu gương mới.*

勤勞手足患憂少
恩愛夫妻歡樂多

*Cần lao thủ túc hoạn ưu thiếu
Ân ái phu thê hoan lạc đa
Lao động chân tay, lo lắng ít
Ái ân chồng vợ, sướng vui nhiều.*

百年恩愛雙心結
千里姻緣一線牽

*Bách niên ân ái song tâm kết
Thiên lý nhân duyên nhất tuyến khiên.*

Trăm năm ân ái, hai lòng buộc
Ngàn dặm nhân duyên, một sợi ràng.

愛貌愛才尤愛志
知人知面更知心

*Ái mạo ái tài ưu ái chí
Tri nhân tri diện cánh tri tâm.
Yêu vẻ, yêu tài, càng yêu chí
Biết người, biết mặt, lại biết lòng.*

作婦須知勤儉好
治家應教子孫賢

*Tác phụ tu tri cần kiệm hảo
Trị gia ứng giáo tử tôn hiền.
Làm vợ nên hay cần kiệm giỏi
Trị nhà phải dạy cháu con hiền.*

詩詠河洲鳩喜集
經傳桂里鳳和鳴

*Thi vịnh hà châu cưu hỉ tập
Kinh truyền quế lý phượng hoà minh.
Thơ vịnh bãi sông cưu đến họp
Kinh truyền rừng quế phượng cùng kêu.*

相親相愛青春永
同德同心幸福長

*Tương thân tương ái thanh xuân vĩnh
Đồng đức đồng tâm hạnh phúc trường
Tương thân, tương ái, thanh xuân mãi
Đồng đức, đồng tâm, hạnh phúc dài.*

容貌心齡雙俊秀
才華事業兩風流

*Dung mạo tâm linh song tuấn tú
Tài hoa sự nghiệp lưỡng phong lưu
Dung mạo, tâm hồn, đôi tuấn tú
Tài hoa, sự nghiệp, cặp phong lưu.*

互敬互愛互相學習
同德同心同建家庭

Hỗ kính hỗ ái hỗ tương học tập
Đồng đức đồng tâm đồng kiến gia đình.
Lẫn kính, lẫn yêu, lẫn giúp học tập
Cùng đức, cùng lòng, cùng xây gia đình.

同心同德美滿夫婦
克儉克勤幸福鴛鴦
Đồng tâm đồng đức mỹ mãn phu phụ
Khắc kiệm khắc cần hạnh phúc uyên ương.
Cùng lòng, cùng đức, vợ chồng mỹ mãn
Biết cần, biết kiệm hạnh phúc uyên ương.

恩愛夫妻情似青山不老
幸福伴侶意如碧水長流
Ân ái phu thê tình tựa sơn bất lão
Hạnh phúc bạn lữ ý như bích thủy trường lưu
Ân ái vợ chồng, tình tựa non xanh trẻ mãi
Hạnh phúc đôi lứa, ý như nước biếc chảy hoài.

男尊女女尊男男幫女助
夫敬妻妻敬夫夫德妻賢
Nam tôn nữ nữ tôn nam nam bang nữ trợ
Phu kính thê thê kính phu phu đức thê hiền.
Nam trọng nữ nữ trọng nam nam giúp nữ đỡ
Chồng kính vợ, vợ kính chồng chồng đức vợ hiền.

惟求愛永恒一生同伴侶
但愿人長九千里共嬋娟
Duy cầu ái vĩnh hằng nhất sinh đồng bạn lữ
Đản nguyện nhân trường cửu thiên lý cộng thiên quyên.
Mong tình yêu vĩnh hằng, một đời cùng đôi lứa
Muốn người lâu hưởng thọ, ngàn dặm với thiên quyên.

鳥語花香仲春一幅天然畫
賓歡主樂嘉客滿堂錦上花
Điểu ngữ hoa hương xuân nhất bức thiên nhiên họa
Tân hoan chủ lạc gia khách mãn đường cẩm thượng hoa.
Chim hót, hoa hương, một bức thiên nhiên xuân vẽ
Khách vui, chủ sướng đây nhà rực rỡ gấm hoa.

鴛鴦對舞
鸞鳳和鳴

*Uyên ương đối vũ
Loan phượng hoà minh
Uyên ương múa đôi
Loan phượng hoà tiếng.*

月圓花好
鳳舞龍飛

*Nguyệt viên hoa hảo
Phượng vũ long phi
Trăng tròn hoa đẹp
Phượng múa rồng bay.*

男婚女嫁
夫德妻賢

*Nam hôn nữ giá
Phu đức thê hiền
Trai cưới gái gả
Chồng đức vợ hiền.*

志同道合
意厚情長

*Chí đồng đạo hợp
Ý hậu tình trường.
Chí cùng ý hợp
Ý sâu tình dài.*

東風入戶
喜氣盈門

*Đông phong nhập hộ
Hỉ khí doanh môn
Gió đông vào nhà
Khí lành đầy cửa.*

志同道合
花好月圓

*Chí đồng đạo hợp
Hoa hảo nguyệt viên.
Chí cùng đạo hợp
Hoa đẹp trăng tròn.*

椿影已隨雲氣散
鵲聲猶帶月光寒

Xuân ảnh dĩ tùy vân khí tán

Quyên thanh do đới nguyệt quang hàn.

Xuân ảnh đã theo cùng vân khí

Quyên thanh như lạnh quyên trăng quang.

花落萱幃春去早
光寒婺宿夜來沉

Hoa lạc huyền vi xuân khứ tảo

Quang hàn vụ tú dạ lai trầm.

Hoa rụng màn huyền xuân đi sớm

Quang hàn sao vụ tối đến chìm.

寶婺雲迷粧閣冷
萱花霜萎繡幃寒

Bảo Vụ vân mê trang các lạnh

Huyền hoa sương uỷ tú vì hàn.

Sao Vụ mây mờ trang các lạnh

Hoa huyền sương giá màn thêu hàn.

萱謝北堂寒霧鎖
婺沉西海暮煙封

Huyền tạ bắc đường hàn vụ tả

Vụ trầm tây hải mộ yên phong.

Huyền héo bắc đường sương lạnh khóa

Sao chìm tây hải khói chiều phong.

椿樹早凋悲未已
萱花纔隕痛何如

Xuân thụ tảo điêu bi vị dĩ

Huyền hoa tài vãn thống hà như

Xuân thụ sớm khô đau chưa dứt

Huyền hoa lại rụng xót làm sao.

萱草香凋春日暮
婺星光掩夜雲陰

Huyền thảo hương điêu xuân nhật mộ

Vụ tinh quang yểm dạ vân âm.

Cỏ huyền hương nhạt ngày xuân muộn

Ánh sao Vụ mất mây tối đêm.

杳杳雙親無復見
哀哀兩字那堪聞

Liều liểu song thân vô phúc kiến

Ai ai lưỡng tự ná kham văn.

Vắng lặng song thân không còn thấy
Thảm thương hai chữ há chịu nghe.

萱花既隕山河黯
椿樹旋枯日月昏

Huyền hoa ký vãn sơn hà ảm

Xuân thụ toàn khô nhật nguyệt hôn.

Huyền hoa đã rụng sơn hà ảm
Xuân thụ toàn khô nhật nguyệt đen.

夢游蝴蝶飛雙影
血洒杜鵑泣四親

Mộng du hồ điệp phi song ảnh

Huyết sái đồ quyên khắp tứ thân.

Giấc mơ hồ điệp bay đôi bóng
Máu ứa đồ quyên khóc mẹ cha.

臨深履薄言猶在
諭志承歡養未能

Lâm thâm lý bạc ngôn do tại

Dụ chí thừa hoan dưỡng vị năng.

“Vực sâu băng mỏng” câu còn đó⁽¹⁾

Lời dạy thuận vui buổi dương châu.

雨催玉樹終天恨
雲暗竹林兩地悲

Vũ thôi ngọc thụ chung thiên hận

Vân ám trúc lâm lưỡng địa bi.

Mưa dồn ngọc thụ chung trời hận
Mây ám trúc lâm lưỡng đất bi.

愁繫竹林畔
淚彈荆樹邊

⁽¹⁾ Thiên Thái Bá sách *Luận ngữ* có câu: “... như lâm thâm uyên, như lý bạc băng”. Nghĩa là: “... nguy hiểm như đến vực sâu, như đi trên băng mỏng”. Ở đây ý nói lòng cung kính của con cái đối với cha mẹ.

Sầu hệ trúc lâm bạn
Lệ đàn kinh thụ biên
Sầu buộc bờ rừng trúc
Lệ đàn bên khóm gai.

不圖花萼終聯集
何忍雁行各自飛
Bất đồ hoa ngạc chung liên tập
Hà nhẫn nhạn hàng các tự phi.
Nào ngờ hoa cánh lìa khỏi khóm
Sao nữ nhạn bấy lẻ tự bay.

祇道荆庭常聚首
寧知雁陣條離群
Chi đạo kinh đình thường tụ thủ
Ninh tri nhạn trận điều ly quần.
Chỉ nói sân gai thường tụ hội
Nào hay bầy nhạn lại ly đàn.

雁陣霜寒悲折翼
鴻原露冷痛孤飛
Nhạn trận sương hàn bi chiết dực
Hồng nguyên lộ lãnh thống cô phi.
Nhạn thể sương sa đau gãy cánh
Hồng đàn mây lạnh xót lẻ bay.

原土春深鵲鵲音斷雲千里
林稍夜寂鴻雁聲哀月一輪
Nguyên thổ xuân thâm, tích linh âm đoạn vân thiên lý
Lâm sảo dạ tịch, hồng nhạn thanh ai nguyệt nhất luân.
Đất phẳng xuân sâu, tích linh⁽¹⁾ âm dứt, mây nghìn dặm;
Rừng thưa đêm vắng, hồng nhạn thanh buồn, nguyệt một vầng.

詩夢阻殘芳草野
堦聲吹落紫荊花
Thi mộng trở tàn phượng thảo dã
Huyền thanh xuy lạc tử kinh hoa.
Giấc mộng thơ ngăn tàn cỏ nội
Tiếng huyền⁽²⁾ thổi lại lạc hoa gai.

⁽¹⁾ Tích linh: Chim chia với.

⁽²⁾ Huyền: Một loại nhạc khí thời cổ.

薤露興歌刑永隔
鵲鵲抱痛淚空垂

*Giới lộ hưng ca hình vĩnh cách
Tích linh bao thống lệ không thù.*

Giới lộ⁽¹⁾ nổi lên hình cách biệt
Tích linh⁽²⁾ thống thiết lệ rơi hoài.

北望鵲原千里遠
南來雁侶半行孤

*Bắc vọng linh nguyên thiên lý viễn
Nam lai nhạn lữ bán hàng cô.*

Bắc ngóng cánh chim xa nghìn dặm
Nam về bầy nhạn lẻ nửa hàng.

藍田種玉緣何淺
青鳥傳音去不還

*Lam điền chủng ngọc duyên hà thiển
Thanh điểu truyền âm khứ bất hoàn.*

Lam Điền⁽³⁾ trồng ngọc duyên sao mỏng;
Thanh điểu⁽⁴⁾ truyền âm khuất chẳng về.

甘苦共嘗情曷極
幽明永隔痛何如

*Cam khổ cộng thường tình hạp cực
U minh vĩnh cách thống hà như*

Ngọt đắng sẻ chia, tình sao cực
U minh vĩnh cách, xót nhường bao.

獨鶴愁悲雙鳳管
孤鶯哀斷七絃琴

*Độc hạc sầu bi song phượng quản
Cô loan ai đoạn thất huyền cầm.*

Hạc lẻ sầu bi sáo song phượng
Loan cô thương xót đàn thất huyền.

⁽¹⁾ *Giới lộ*: Tên một bài hát lúc chôn người chết thời xưa.

⁽²⁾ *Tích linh*: Xem chú thích trang trước

⁽³⁾ *Lam Điền*: Tên núi ở Thiểm Tây (Trung Quốc). Vì có nhiều ngọc nên cũng gọi là Ngọc Sơn.

⁽⁴⁾ *Thanh điểu*: Chim xanh. Chỉ điểm có người đến làm mối cho con trai con gái.

紅 牆 銀 漢 途 難 越
碧 海 青 天 怨 有 餘

*Hồng tường Ngân Hán đồ nan vượt
Bích hải thanh thiên oán hữu dư.*
Tường hồng Ngân Hán đường khôn vượt
Bể biếc thanh thiên oán có thừa.

哭 爾 三 年 髮 白
愁 余 五 夜 燈 青

*Khóc nhĩ tam niên phát bạch
Sầu dư ngũ dạ đăng thanh.*
Khóc em ba năm tóc bạc
Sầu anh ngũ dạ⁽¹⁾ đèn xanh.

菱 鏡 影 孤 哉 慘 聽 秋 封 吹 落 葉
錦 機 聲 寂 矣 愁 看 夜 月 照 空 幃

*Lăng kính ảnh cô tai, thảm thính thu phong xuy lạc diệp
Cẩm cơ thanh tịch hĩ, sầu khan dạ nguyệt chiếu không vi.*
Gương kính bóng lẻ thay, thảm thắm gió thu bay lá rụng
Gấm khung thanh lặng vậy, oán nhìn trăng giải chiếu màn không.

家 累 總 無 依 卿 從 此 去 擔 了 矣
世 情 多 不 測 我 自 今 來 喚 奈 何

*Gia luy tổng vô y, Khanh tòng thử khứ đảm liễu hĩ
Thế tình đa bất trắc, ngã tự kim lai hoán nại hà.*
Gia hệ thấy trông nhờ, nàng đi bỏ lại đây gánh nặng
Thế tình đa bất trắc, ta từ nay nào biết gọi ai.

南 極 輝 沉 空 太 息
東 床 望 斷 失 瞻 依

*Nam cực huy trầm không thái tức
Đông sàng vọng đoạn thất chiêm y.*
Nam cực⁽²⁾ mờ chìm đành an nghỉ
Đông sàng⁽³⁾ dứt đoạn mất trông nhờ.

丈 人 峰 屹 瞻 如 昨
半 子 情 灰 帳 在 茲

⁽¹⁾ *Ngũ dạ*: Nên hiểu là ngũ canh, tức cả đêm.

⁽²⁾ *Nam cực*: Tên một ngôi sao. Ở đây chỉ Nhạc Phủ.

⁽³⁾ *Đông sàng*: Chi chàng rể.

Trượng nhân phong dĩ chiêm như tạc

Bán tử tình khôi trượng tại tư.

Đỉnh non nhạc phụ trông như tạc

Tình cảm rẻ con xót tự đây.

峰頂丈人嗟已矣

膝前半子痛何如

Phong đỉnh trượng nhân ta dĩ hi

Tất tiền bán tử thống hà như.

Nhạc phụ đỉnh non ôi đã khuất

Rẻ con trước gối tủi nhường bao.

丁年痛入黃泉路

年夜驚顏太嶽峰

Đinh niên thống nhập hoàng tuyền lộ

Niên lạ kinh đôi thái nhạc phong.

Tráng niên khổ nỗi hoàng tuyền⁽¹⁾ đến

Bán dạ kinh hồn thái nhạc⁽²⁾ suy.

圯上罔聞呼小子

雪中空想見先生

Bì thượng vông văn hô tiểu tử

Tuyết trung không tưởng kiến tiên sinh.

Chẳng còn nghe thầy gọi tiểu tử

Tưởng hoài trong tuyết thấy tiên sinh.

青氈席冷思模範

絳帳庭空憶管絃

Thanh chiêm tịch lãnh tư mô phạm

Giáng trướng đình không ức quản huyền.

Chăn xanh chiếu lạnh suy khuôn mẫu

Trướng đỏ sân không nhớ sáo đàn.

面命只今無一語

心喪未可短三年

Diện mệnh chỉ kim vô nhất ngữ

Tâm tang vị khả đoản tam niên.

Trước mặt đến nay không một ngữ

Tang lòng chưa thể trọn ba năm.

⁽¹⁾ *Hoàng tuyền*: Nơi suối vàng, chỉ người đã chết.

⁽²⁾ *Thái nhạc*: Núi lớn. Chỉ người bố vợ.

影落青松裏
神留絳帳中

Ảnh lạc thanh tùng lý

Thần lưu giáng trướng trung.

Hình ảnh lạc trong tùng xanh

Tinh thần lưu giữa trướng đỏ.

綠水青山長送月
碧雲紅樹不勝愁

Lục thủy thanh sơn trường tống nguyệt

Bích vân hồng thụ bất thắng sầu.

Nước biếc non xanh dài đưa nguyệt

Cây hồng mây thắm chẳng thiết sầu.

翠色和雲籠夜月
玉容帶雨泣春風

Thúy sắc hoà vân lung dạ nguyệt

Ngọc dung đới vũ khắp xuân phong.

Sắc biếc hoà vân lồng đêm nguyệt

Mặt hoa ngấn lệ khóc gió xuân.

春風十載交情舊
夜雨三秋別恨多

Xuân phong thập tải giao tình cựu

Dạ vũ tam thu biệt hận đa.

Gió xuân thập tải giao tình cũ

Mưa tối tam thu biệt hận nhiều.

雲鎖巫山人不見
月明仙嶺鶴歸來

Vân toả Vu Sơn nhân bất kiến

Nguyệt minh tiên lĩnh hạc qui lai.

Mây khoá Vu Sơn⁽¹⁾ người chẳng thấy;

Trăng soi Tiên Lĩnh⁽²⁾ hạc bay về.

春影已隨殘月去
桂香猶逐好風來

⁽¹⁾ *Vu Sơn*: Nơi thần núi ở.

⁽²⁾ *Tiên Lĩnh*: Nơi tiên ở.

Xuân ảnh đi tùy tàn nguyệt khứ
Quế hương do trực hảo phong lai.
Xuân ảnh đã theo trăng xế bóng
Quế hương còn đuổi gió lành đi.

推殘玉樹三更雨
促隕瓊花五夜風
Suy tàn ngọc thụ tam canh vũ
Xúc vãn quỳnh hoa ngũ dạ phong.
Đẩy khô cây ngọc tam canh gió
Thúc tạ hoa quỳnh ngũ dạ mưa.

自昔文章誇霧隱
而今意氣仰雲模
Tự tích văn chương khoa vụ ẩn
Nhi kim ý khí ngưỡng vân mô.
Từ trước văn chương khoa vụ ẩn⁽¹⁾
Mà nay ý khí ngưỡng vân mô⁽²⁾

三月雨催椿樹老
五更風促杜鵑啼
Tam nguyệt vũ thôi xuân thụ lão
Ngũ canh phong xúc đồ quyên đề.
Mưa tháng ba giục cây xuân lão
Gió canh năm đòi tiếng quốc kêu.

月臨椿樹渾無影
風送杜鵑卻有聲
Nguyệt lâm xuân thụ hồn vô ảnh
Phong tống đồ quyên khước hữu thanh.
Trăng soi xuân thụ mờ không ảnh,
Gió tiễn đồ quyên lại có thanh.

何知一夢飛蝴蝶
竟使千秋泣杜鵑
Hà tri nhất mộng phi hồ điệp
Cánh sử thiên thu khấp đồ quyên.

(1) Khoa Vụ ẩn: Khoa trường ở nơi mây mù ẩn khuất.

(2) Ngưỡng vân mô: Ngẩng nhìn mờ phóng lại ở trên mây.

Biết đâu một giấc bay hồ điệp
Để khiến nghìn thu khóc đở duyên.

倚門人去三更月
泣丈兒悲五夜寒
Ỡ môn nhân khứ tam canh nguyệt
Khấp trượng nhi bi ngũ dạ hàn.
Tựa cửa người đi tam canh nguyệt
Khóc cha trẻ tử ngũ dạ hàn.

明月山頭思古道
清風江上想芳型
Minh nguyệt sơn đầu tư cổ đạo
Thanh phong giang thượng tưởng phương hình.
Trăng soi đỉnh núi mơ đạo cũ
Gió thổi trên sông tưởng mẫu hình.

大雅云亡綠水青山誰作主
老成凋謝落花啼鳥總傷神
Đại nhã vân vong, lục thủy thanh sơn, thùi tác chủ
Lão thành điêu tạ, lạc hoa đề điểu, tổng thương thần.
Bậc đại nhã⁽¹⁾ chẳng còn, núi biếc sông xanh ai làm chủ,
Người lão thành⁽²⁾ khô héo, chim kêu hoa rụng thấy đau lòng.

掛劍若爲情黃菊花開人去後
思君在何處白楊秋淨月明時
Quải kiếm nhược vì tình, hoàng cúc hoa khai nhân khứ hậu
Tư quân tại hà xứ, bạch dương thu tịnh nguyệt minh thời.
Treo kiếm thuận theo tình, cúc vàng hoa nở khi người khuất
Nhớ ông nơi đâu ngụ, dương trắng tiết thu buổi tròn trăng.

懿德傳諸鄉里口
賢慈報在子孫身
Ý đức truyền chư hương lý khẩu
Hiên từ báo tại tử tôn thân.
Đức hạnh truyền đi nhiều làng xã
Hiên tài báo đáp khắp cháu con.

⁽¹⁾ Bậc đại nhã: Người có đức tạo nhã lớn.

⁽²⁾ Người lão thành: Người nhà có lịch duyệt nhiều.

瓊簫響寂三千界
玉鏡粧空十二樓

*Quỳnh tiêu hưởng tịch tam thiên giới
Ngọc kính trang không thập nhị lâu
Vắng lặng quỳnh tiêu tam thiên giới⁽¹⁾
Quạnh hiu gương ngọc thập nhị lâu⁽²⁾*

蕙質蘭姿歸閨苑
瓊林玉樹繞庭階

*Huệ chất lan tư qui lãg uyển
Quỳnh lâm ngọc thụ nhiều đình giai.
Huệ đẹp lan thơm về lãg uyển⁽³⁾
Rừng quỳnh cây ngọc quán sân thêm.*

駕鶴九霄懷素履
乘鸞三島憶芳蹤

*Giá hạc cửu tiêu hoài tố lý
Thừa loan tam đảo ức phương tung.
Cưỡi hạc bay chín tầng in hài cũ
Theo loan về ba đảo nhớ gót xưa.*

長留壺範型千古
自有龍章報九泉

*Trường lưu hồ phạm hình thiên cổ
Tự hữu long chương báo cửu tuyền.
Khuôn mẫu còn lưu hình thiên cổ
Long chương⁽⁴⁾ tự có báo cửu tuyền.*

貞靜擬歌黃髮頌
逍遙竟去白雲天

*Trinh tĩnh nghĩ ca hoàng phát tụng
Tiêu dao cánh khứ bạch vân thiên.*

(1) *Tam thiên giới*: Nhà Phật quan niệm thế giới ta ở hiện nay là tam thiên thế giới (ba nghìn thế giới).

(2) *Thập nhị lâu*: Tức thập nhị trùng lâu: ống thực quản của người ta có 12 đốt, ở đây chỉ dáng đẹp của người phụ nữ đã khuất.

(3) *Lãg uyển*: Nơi tiên ở.

(4) *Long chương*: Vẻ đẹp.

Trình tiết dẫn đo mừng hoàng phát⁽¹⁾
Tiêu dao chung cục ngưỡng bạch vân⁽²⁾

懿德難忘流淚血
慈恩未報繞愁腸

Ý đức nan vong lưu lệ huyết
Từ vân vị báo nhiều sầu trường.
Đức hạnh khó quên lưu huyết lệ
Ân từ chưa báo khổ tâm sầu.

子息祇依青鬢母
孫枝還賴白頭人

Tử tức chi y thanh mấn mẫu
Tôn chi hoàn lại bạch đầu nhân.
Con gốc nương nhờ xanh tóc mẹ⁽³⁾
Cháu cành trông cậy trắng đầu ông⁽⁴⁾

鶴馭瑤臺秋月冷
鵲啼玉砌隴雲飛

Hạc ngự giao đài thu nguyệt lạnh
Quyên đề ngọc thế lũng vân phi
Hạc ngự đài tiên trắng thu lạnh
Quyên kêu thêm ngọc ánh mây bay.

靜夜鳥鳴悲月色
長年雞警付花塵

Tĩnh dạ diều minh bi nguyệt sắc
Trường niên kê cảnh phó hoa trần
Đêm lặng chim kêu sầu sắc nguyệt
Năm dài gà gáy mặc bụi hoa.

女宗靡依痛深戚里
母範何恃淚滴慈幃

Nữ tông mị y thống thâm thích lý
Mẫu phạm hà thị lệ trích từ vi.

(1) *Hoàng phát*: Người già xưng là hoàng phát (tóc vàng).

(2) *Bạch vân*: Chỉ nơi quê cha.

(3) *Thanh mấn mẫu*: Người mẹ tóc mai xanh. Chỉ người vợ kế của cha.

(4) *Bạch đầu nhân*: Người đầu bạc. Chỉ ông bà nội, hoặc ông bà ngoại.

Dâu hiền thôi hết cậy, đau đớn thâm tình thích lý⁽¹⁾

Mẹ thảo chẳng còn nhờ, lệ rơi lã chã từ vi⁽²⁾

青鳥信來王母歸時環珮冷
玉簫聲斷秦娥去後鳳樓空

Thanh điều tin lai, Vương Mẫu qui thời hoàn bội lãnh
Ngọc tiêu thanh đoạn, Tần nga khứ hậu phượng lầu không.
Thanh điều truyền tin, Vương Mẫu⁽³⁾ về rồi, vòng ngọc lạnh
Ngọc tiêu đứt đoạn, Tần nga⁽⁴⁾ ly biệt, phượng lầu không.

柏操千磨無改翠
松齡百劫有餘青

Bách thảo thiên ma vô cải thủy
Tùng linh bách kiếp hữu dư thanh.
Bách dẫu nghìn mài không đổi thắm
Tùng già trăm kiếp vẫn thừa xanh.

北苑花飛寒總帳
西窗月落冷深閨

Bắc uyển hoa phi hàn huệ trường
Tây song nguyệt lạc lãnh thâm khuê.
Uyển bắc⁽⁵⁾ hoa bay màn trường lạnh
Song tây⁽⁶⁾ nguyệt lặn chốn khuê mờ.

形單影隻經三世
志潔行芳越百年

Hình đơn ảnh chỉ kinh tam thế
Chí khiết hành phương việt bách niên.
Hình đơn bóng lẻ qua tam thế⁽⁷⁾
Chí sạch làm hay vượt bách niên.

靡他矢志扶黃口
惟此甘心到白頭

(1) Thích lý: Bà con làng xóm bên ngoại.

(2) Từ vi: Nơi màn trường của mẹ hiền.

(3) Vương Mẫu: Một vị nữ thần, tức Tây Vương Mẫu. Con cháu cũng tôn xưng tổ đã mất là Vương Mẫu.

(4) Tần nga: Chỉ người con gái đẹp.

(5) Uyển bắc: Vườn phía bắc.

(6) Song tây: Cửa sổ phía tây.

(7) Tam thế: Ba đời: ông, cha, con.

My tha thì chí phù hoàng khẩu
Duy thử cam tâm đáo bạch đầu.
Chí thể chẳng khác phù con trẻ
Lòng quyết không sai đến bạc đầu.

型節難移方鐵石
堅操不改耐冰霜
Hình tiết nan di phương thiết thạch
Kiên thao bất cải nại băng sương.
Vững chí khôn dời niềm sắt đá
Kiên tâm chẳng cải mặc băng sương.

鸞分十載雲中舞
鶴別三更月下鳴
Loan phân thập tải vân trung vũ
Hạc biệt tam canh nguyệt hạ minh.
Trong mây loan múa phân thập tải
Dưới nguyệt hạc kêu biệt tam canh.

獨鶴猶經深夜雪
孤鸞且耐永霄霜
Độc hạc do kinh thâm dạ tuyết
Cô loan thả nại vĩnh tiêu sương.
Lẻ hạc còn qua đêm sâu tuyết
Đơn loan lại chịu cảnh sương mây.

禪房冷靜三更月
文室虛明半夜燈
Thiền phòng lãnh tĩnh tam canh nguyệt
Văn thất hư minh ngũ dạ đăng.
Thiền phòng lạnh vắng tam canh nguyệt⁽¹⁾
Văn thất quang không ngũ dạ đăng⁽²⁾

流水行雲談貝葉
清風明月憶曇花
Lưu thủy hành vân đàm bối diệp
Thanh phong minh nguyệt ức đàm hoa.

⁽¹⁾ Tam canh nguyệt: Trăng lúc canh ba, tức nửa đêm.

⁽²⁾ Cả câu ý nói: Phòng văn trống không, đèn chỉ là ánh sáng của sao Thiên Ngưu rọi vào.

Nước chảy mây trôi đầm lá quý
Gió lành trăng sáng tưởng hoa mờ.

彈指不聞花雨落
轉頭猶見月潭清

*Đàn chỉ bất văn hoa vũ lạc
Chuyển đầu do kiến nguyệt đàm thanh.*

Đàn ngọc chẳng nghe mưa hoa rụng
Ngoảnh đầu còn thấy nguyệt đàm trong.

石上月光留化跡
瓶中蓮影散餘香

*Thạch thượng nguyệt quang lưu hóa tích
Bình trung liên ảnh tán dư hương.*

Trên đá trăng soi lưu dấu tích
Trong bình sen bóng tản hương thừa.

深院落藤花石不點頭龍不語
殘經凋貝葉香無飛篆磬無聲

*Thâm viện lạc đằng hoa, thạch bất điểm đầu, long bất ngữ;
Tàn kinh điêu bối diệp, hương vô phi triện, khánh vô thanh.
Viện thăm rụng hoa đằng, đá chẳng điểm đầu, rồng chẳng nói;
Kinh tàn mờ lá quý, hương không bay triện, khánh không thanh.*

華表鶴歸留素影
玉屏仙去剩丹邱

*Hoa biểu hạc qui lưu tố ảnh;
Ngọc bình tiên khứ thặng đan khu.*

Hoa biểu hạc về lưu bóng trắng;

Màn ngọc tiên đi để gò đan⁽¹⁾

風過林空花滿地
丹成爐在火無煙

*Phong quá lâm không hoa mãn địa;
Đan thành lò tại hỏa vô yên.*

Gió qua rừng trống hoa mãn địa⁽²⁾

Đan thành lò tại hỏa vô yên⁽³⁾

⁽¹⁾ Gò đan: Gò luyện thuốc tiên.

⁽²⁾ Hoa mãn địa: Hoa nở đầy đất.

⁽³⁾ Cả câu ý nói: Lò luyện thuốc tiên còn đó, lửa khói không còn nữa.

夢不醒來野鶴空悲華表月
 事都撇去桃華那戀武陵春
*Mộng bất tỉnh lai, dã hạc không bi hoa biểu nguyệt;
 Sự đồ phách khứ, đào hoa na luyện Vũ lăng xuân.*
 Mộng chẳng tỉnh rồi, hạc nội luống buồn trăng hoa biểu;
 Việc đều bỏ hết, hoa đào lưu luyện xuân Vũ lăng.

子道無成空讀禮
 親恩罔極望回雲
*Tử đạo vô thành không đọc lễ;
 Thân ân vô cùng cực vọng hồi vân.*
 Đạo thầy chẳng thành luống đọc lễ;
 Ôn cha vô tận ngóng hồi mây.

深恩未報慚爲子
 飲泣難銷忝作人
*Thâm ân vị báo tàm vi tử;
 Âm khấp nan tiêu tiếm tác nhân.*
 Ôn sâu chưa báo làm con thẹn;
 Nuốt tủi khôn tiêu cách sống hèn.

遇亦甚難哉慷慨先已駙馬子
 神當不沒矣悽愴長在昇龍門
*Ngộ diệc thậm nan tai! Khảng khái tiên dĩ Phò mã tử;
 Thần đương bất một hĩ! Thê thương trường tại Thăng Long môn.*
 Cảnh ngộ thật khó thay, khảng khái trước hi sinh - con Phò mã;
 Tình thần không mất vậy, cảm thương người vời vời đất Thăng Long.
 (Viếng Nguyễn Tri Phương)

同郡疊告哀君之逝去竹堂范老幾何日
 八年兩制敵今之役視癸酉往事勝一籌
*Đồng quận điệp cáo ai, quân chi thệ khứ Trúc Đường Phạm lão kỷ hà nhật;
 Bát niên lưỡng chế địch, kim chi địch thị Quý Dậu vãng sự thắng nhất trù.*

Đồng hương liên tiếp cáo tang, ông ra đi cách Phạm Trúc Đường là mấy?
 Tám năm hai phen dẹp giặc, việc ngày nay so năm Quý Dậu hơn nhiều.
 (Viếng Hoàng Diệu)

廿年使許身報國何以家爲何家非家亦何家
是家家國夢中苦最苦國破家亡仇尚在
一片心殉義捐生欲得死所欲死不死未欲死
竟死死生度外悲奚悲生雄死烈志難埋

*Tráp niên sử hứa thân báo quốc, hà dĩ gia, vi hà gia phi gia, diệc hà
gia thị gia, gia quốc mộng trung, khổ tối khổ,*

quốc phá gia vong cừu thượng tại;

*Nhất phiến tâm tuấn nghĩa quyên sinh, dục đắc tử, sở dục tử bất tử,
vị dục tử cánh tử, tử sinh độ ngoại, bi hề bi,*

sinh hùng tử liệt chí nan mai.

Hai mươi năm đem thân báo nước, nào kẻ chi nhà, nhà nào là nhà,
nhà nào không phải nhà, trong mộng nước nhà, khổ là khổ,
nước mất nhà tan, thù vẫn đó.

Một tấm lòng vì nghĩa quên mình, muốn tìm chỗ chết, muốn chết
không chết, không muốn chết lại chết, ngoài vòng sống chết,
sống hùng chết liệt, chí khôn vùi.

(Viếng Tăng Bạt Hổ)

忠孝有真傳念祖國念同胞豈忍天涯遺老父
英雄無印板亦頑民亦義士管教史筆屬名家

*Trung hiếu hữu chân truyền, niệm Tổ quốc, niệm đồng bào,
khởi nhân thiên nhai di lão phụ;*

*Anh hùng vô ấn bản, diệc ngoan dân, diệc nghĩa sĩ,
quản giao sử bút thuộc danh gia.*

Trung hiếu do truyền thống từ xưa, nghĩ Tổ quốc, nghĩ đồng bào,
khởi nhân thiên nhai di lão phụ;

Anh hùng không bản in để lại, cũng ngoan dân, cũng nghĩa sĩ,
rồi đây bút sử chép danh gia.

(Viếng Nguyễn Công Vân - Kiến Xương - Thái Bình)

霹靂一聲群奸膽散

江山千古大俠魂香

Tích lịch nhất thanh quần gian đảm tán

Giang sơn thiên cổ đại hiệp hồn hương.

Sấm sét một tiếng vang, bọn gian gan nát;

Non sông ngàn thuở mãi, hiệp sĩ hồn hương.

(Viếng Nguyễn Thế Trung, Bát Tràng)

讀四千年歷史刺客傳俠客傳乃君爲開卷
第一人固應日月星辰高懸姓字
語五千萬同胞吾民仇吾國仇矧汝亦亞黃
真貴種好與江山城郭洗淨腥羶

*Độc tứ thiên niên lịch sử, Thích khách truyện, Hiệp khách truyện nãi
quân vi khai quyển đệ nhất nhân, cố ứng nhật nguyệt tinh thần, cao
huyền tính tự;*

*Ngũ ngũ thiên vạn đồng bào, ngô dân cừu, ngô quốc cừu, thần như
diệt Á hoàng chân quý chủng, hảo dữ giang sơn thành quách, tẩy
tinh tinh chiên.*

Độc bốn nghìn năm lịch sử, truyện Thích khách, truyện Hiệp khách,
với ông thật là người đầu tiên, vậy nên với mặt trời, trăng sao, nêu
cao tên họ.

Nói năm ngàn vạn đồng bào, thù dân ta, thù nước ta, huống mà
cũng da vàng châu Á, thể phải vì non sông thành quách, rửa sạch
hôi tanh.

(Trần Quốc Duy viếng Nguyễn Thế Trung)

不能死又不能生展轉病中魂國難家仇痛
史到君無底痛
與俱出誰與俱入蕭條亡後劫天涯海角悲
場任我自由悲

*Bất năng tử hựu bất năng sinh, triển chuyển bệnh trung hồn, quốc
nạn gia cừu, thống sử đáo quân vô để thống.*

*Dữ câu xuất thù dĩ câu nhập, tiêu điều vong hậu kiếp, thiên nhai
hải giác, bi trường nhậm ngã tự do bi.*

Chết không được, sống cũng lại không xong, bệnh hồn dần vật bấy
lâu, nạn nước thù nhà, đau đớn anh ơi hồn xiết kể;

Ra với nhau, về biết cùng ai nhỉ? Thân thể tiêu điều lắm nỗi,
chân trời góc bể, thương thâm tôi cũng biết sao đây?

(Viếng Đinh Doãn Tế; Hương Sơn, Hà Tĩnh)

造少年國先造少年人填海補天蓋世奇功希汝翼
與同志出不與同志入悲風慘雨滿城芳草爲誰萋
*Tạo thiếu niên quốc, tiên tạo thiếu niên nhân, điền hải bổ thiên cái
thế kỳ công hy như dực;*

*Dữ đồng chí xuất, bất dữ đồng chí nhập, bi phong thảm vũ,
mãn thành phương thảo vi thù thê.*

Tạo nước thiếu niên, trước tạo người thiếu niên, lấp bể vá trời,
cùng việc hơn đời nhờ ở bác;

Cùng đồng chí đi, không cùng đồng chí lại, mưa sâu gió thảm,
cỏ hoa đầy phố để cho ai?

(Viếng Phạm Tư Tế, Thư Trì, Thái Bình)

問汝漢姦即今奴隸舞臺閉幕從究竟何如
夢裏昏昏偏怪汝
哀君義種從古英雄歷史發軔初大都自此
傭中佼佼最憐君

Vấn nhữ Hán gian, tức kìm nô lệ vũ đài, bế mạc hậu cừu cánh hà
như, mộng lý hôn hôn thiên quái như;

Ai quân nghĩa chủng, tông cổ anh hùng lịch sử, phát nhận sơ đại đồ
tự thử, dong trung giáo giáo tôi liên quân.

Hỏi mày bọn Hán gian, hiện nay sân khấu tôi đòi, hạ màn rồi sau sẽ
ra sao? trong lúc tối tăm mày thật quái;

Thương bác người nghĩa hiệp, tự cổ anh hùng lịch sử, đẩy xe trước
toàn như thế cả, làm thuê sáng tỏ bác nên thương.

(Viếng Đỗ Huy Nam, Thượng Lâu, Hưng Yên)

會看戰馬南旋殄仇虜慰壯心寄語英靈
有作九原應默護
愁見征鴻北上弔中原談舊事幾經艱苦
無情二豎忍相欺

Hội khan chiến mã Nam toàn, điển cừu lỗ, ủy tráng tâm, ký ngữ anh
linh, hữu tác cửu nguyên ưng mặc hộ;

Sâu kiến chinh hồng Bắc thượng, diêu Trung nguyên, đàm cừu sự,
kỷ kình gian khổ, vô tình nhị thụ nhĩn tương khi

Những mong chiến mã về Nam, giết giặc cướp, thỏa tấm lòng, nhĩn
gửi hồn thiêng, có biết suối vàng nên giúp đỡ.

Buồn thấy chinh hồng lên Bắc, thăm Trung Nguyên, bàn việc cũ,
trải bao gian khổ, vô tình mà bệnh nữ giày vò.

(Viếng Trịnh Khắc Công, Thanh Trì, Hà Nội)

見君之去不見君之還他年奏凱聲中鴻嶺
魚峰草木爲君齊墜淚
與我同來寧與我國死幾度飲愁杯裏盤城
島國風塵剩我最傷心

*Kiến quân chi khứ bất kiến quân chi hoàn, tha niên tấu khái thanh
trung, Hồng linh, Ngư phong, thảo mộc vị quân tề truy lệ;
Dữ ngã đồng lai ninh dữ ngã đồng tử, kỷ độ ẩm sâu bôi lý, Bàn
thành, Đảo quốc, phong trần thặng ngã tôi thương tâm.
Thấy anh đi, chẳng thấy anh về, ngày nào trong tiếng khái hoàn,
núi Hồng, cồn Ngư, cây cỏ vì anh đều nhỏ lệ;
Cùng tôi ra, không cùng tôi chết, mấy bận cùng nâng chén rượu,
thành Bàn, nước Đảo, phong trần để bạn phải thương tâm.
(Viếng Lê Cầu Tinh, Nghi Lộc, Nghệ An)*

心 不 能 爲 之 哀 一 夢 太 淒 涼 六 十 年 來 故
國 江 山 甘 我 棄

天 竟 何 從 而 問 同 胞 都 義 烈 三 千 里 外 他
邦 瘴 厲 忍 予 仇

*Tâm bất năng vi chi ai, nhất mộng thái thê lương, lục thập niên lai,
cố quốc giang sơn cam ngã khi;
Thiên cánh hà tòng nhi vấn, đồng bào đồ nghĩa liệt, tam thiên lý
ngoại, tha bang chướng lệ nhĩn du cữu.
Lòng thương biết làm sao? Một mộng quá buồn sâu, sáu chục năm
nay, nước cũ non sông đành bỏ bạn;
Trời theo đâu mà hỏi? Đồng bào đều nghĩa liệt, ngoài ba ngàn dặm,
quê người lam chướng nợ thù nhà.
(Viếng hai anh em Nguyễn Quốc Thụy, Nguyễn Quốc Trí, Quảng Nam)*

壯 在 我 公 戰 壘 殘 魂 馳 驅 終 不 倦 上 留 東 數 閱
月 導 游 學 先 河 不 虛 憂 患 半 生 竟 隨 國 殉

嗟 乎 吾 國 新 潮 初 涌 進 步 未 有 窮 況 同 志 許 多
人 當 復 仇 後 勁 有 日 中 原 一 捷 願 告 公 知

*Tráng tại ngã công, chiến lũy tàn hồn, trì khu chung bất quyện,
thượng lưu Đông sở duyệt nguyệt, đạo du học tiên hà, bất hư ưu
hoạn bán sinh, cánh tùy quốc tuấn;
Ta hô ngô quốc, tân trào sơ dũng, tiến bộ vị hữu cùng, hướng đồng
chí hứa đa nhân, đương phục cữu hậu kính, hữu nhật trung nguyên
nhất tiếp, nguyên cáo công tri.*

Chí ông đáng khen thay! Chiến lũy đã tàn, mà ruổi rong không mỏi,
còn lưu lại Đông Kinh vài tháng, khơi nguồn du học, không uống
nửa đời lo nghĩ, vì nước mà mất;

Vận nước đáng buồn lắm! Tân trào mới nổi, nên tiến bộ chưa cùng,
đã có trong đồng chí bao người, gánh việc phục thù, có ngày đất nước
thu hồi, xin cùng ông báo lại.

(Viếng Tăng Bạt Hổ)

君豈其虛生作戲於世耶提兵三檢去國廿
餘年一泣於英一泣於清忽忽焉大泣於東
誰齡思入秋風向我神京埋古劍
我亦不知死之爲何物也讀書五洲知交數
十輩或戰以舌或戰以筆端端的力戰以鐵
直使血塗溫帶爲吾黃族豎紅旗

*Quân khởi kỳ hu sinh tác hí ư thế dã, đề binh tam nãm, khứ quốc
trấp dư niên, nhất khấp ư Anh, nhất khấp ư Thanh, hốt hốt yên đại
đại khấp ư Đông, thùy linh tử nhập thu phong, hướng ngã thần kinh
mai cổ kiếm.*

*Ngã diệc bất tri tử chi vì hà vật dã, độc thư ngũ châu, trì giao số
thập bối, hoặc chren dĩ thiết, hoặc chiến dĩ bút, đoan đoan đích lực
chiến dĩ thiết, trực sử huyết đồ ôn đới, vị ngô hoàng tộc
thụ hồng kỳ.*

Bác há phải sống mà chết ở đâu đâu? Cầm quân ba bận, bỏ nước hai
mươi năm, đã kêu ở Anh, đã kêu ở Thanh; lại còn thấy tiếng kêu ở
Đông, vì đâu ngọn gió mùa thu, đến chốn thần kinh chôn kiếm cổ;
Tôi không biết chết là vật gì nữa cả! Đọc sách năm châu, quen biết vài
chục bạn, kẻ đánh bằng lưỡi, kẻ đánh bằng bút, có kẻ ra sức đánh bằng
sắt để khiến máu rơi ôn đới, vì giống da vàng dựng cờ hồng.

(Nguyễn Thượng Hiền viếng Tăng Bạt Hổ)

崑崙島面積若幾偏容許多人奇絕奇造設
當初寧問有期與無期波中湧起孤峰高高
高留個英雄萬古宅
大越國血購得來所值只一死怨何怨流離
此日不以歌去以哭去夢裡驚呼同志戰戰
戰還我山河獨立天

*Côn Lôn đảo diện tích nhược kỷ, thiên dung hứa đa nhân, kỳ tuyệt
kỳ, tạo thiết đương sơ, ninh vấn hữu kỳ dữ vô kỳ, ba trung dưng khởi
cô phong, cao cao cao, lưu cá anh hùng vạn cổ trạch.*

*Đại Việt quốc huyết cầu đắc lai, sở trị chỉ nhất tử, oán hà oán, lưu ly
thử nhật, bất dĩ ca khứ dĩ khóc khứ, mộng lý kinh hô đồng chí, chiến
chiến chiến, hoàn ngã sơn hà độc lập thiên.*

Đảo Côn Lôn diện tích bấy nhiêu, dung được biết bao người lạ lạ sao!
 Xây dựng từ xưa, nào hỏi gì có hẹn hay không, giữa lòng nổi ngọn
 non cô, cao cao cao, nhà cửa anh hùng lưu tại đó;
 Nước Đại Việt máu xương mua lại, giá đáng một cái chết, oán oán
 mãi! Lưu ly ngày ấy, bước ra lại không ca mà khóc, trong mộng
 hoảng kêu đồng chí, đánh đánh đánh, hãy trả trời độc lập cho ta!
 (Trần Quốc Duy viếng Nguyễn Hàm; Quảng Nam)

嗟嗟許大山河徵王不作趙姬安歸翻教歷
 史數千年多渠一死

咄咄成何世界沱海漲羞屏山凝臭忍看鬚
 眉幾百輩與賊俱生

Ta ta hứa đại sơn hà, Trưng Vương bất tác, Triệu Âu an qui, phiên
 giáo lịch sử số thiên niên, đa cừ nhất tử;

Đốt đốt thành hà thế giới, Đà hải trường tu, Bình Sơn ngưng xú,
 nhần khán tu mi kỷ bách bối, dữ tặc câu sinh.

Nước non rộng rãi đáng than thay! Trưng Vương không dậy, Triệu
 Âu về đâu? Khiến cho lịch sử vài nghìn năm, thì người chết nữa;
 Thế giới lung tung đáng sợ thật! Đà Hải thẹn dầy, Bình Sơn thối ứ,
 nữ để râu mày mấy trăm kẻ, cùng giặc sống sao?

(Viếng nữ liệt Đinh phu nhân)

嗟我生無補於時海外寄殘軀風雨一天空洒淚
 噫君死已得其所簷頭留碧血江山千古有餘香

Ta ngã sinh vô bổ ư thời, hải ngoại ký tàn khu, phong vũ nhất
 thiên không sái lệ;

Y quân tử dĩ đắc kỳ sở, thiềm đầu lưu bích huyết, giang sơn thiên
 cổ hữu dư hương.

Sống như ta không ích cho đời, đất khách gửi xương tàn, mưa gió
 một trời riêng nhỏ lệ.

Chết mà bạn đã tìm được chốn, mái nhà rơi máu đỏ, non sông muôn
 thuở có thừa hương.

(Viếng Đặng Thái Thân; Nghi Lộc, Nghệ An)

邦傑沒兮百身終莫贖好是文明初度星火燎原
 誓將百鍊千磨鑄時鑄世鑄江山光前燦後

國魂在否一慟竟無聲哀哉辛苦牧場仰天吞膽
 所望一心同德有叔有弟有朋友雖死猶生

Bang kiệt một hê, bách thân chung mạc thực, hảo thị văn minh sơ
độ, tình hỏa liệu nguyên, thệ tương bách luyện thiên ma, chủ thời,
chủ thế, chủ giang sơn, quang tiền thược hậu;

Quốc hồn tại phủ, nhất đồng cánh vô thanh, ai tại tân khổ mục
trường, ngưỡng thiên thôn đạm, sở vọng nhất tâm đồng đức, hữu
thúc, hữu đệ, hữu bằng hữu, tuy tử do sinh.

Hào kiệt mất rồi, trăm mình khôn chuộc lại, tiếc nỗi văn minh buổi
mới, chút lửa cháy đông, thể rằng trăm luyện ngàn tôi, đức thời, đức
thế, đức non sông, trước sau rạng rỡ;

Quốc hồn đâu tá, một tiếng thét không ra, thương thay trường mục
đáng cay, nhìn trời nuốt mật, ước những đồng tâm, đồng đức, còn
chú còn em, còn bạn hữu, sống chết như nhau.

年少憶同游 間嘗拔劍攀天誓 殲仇虜 真個略韜素
蘊大有乃父風 吾夫子席前言志時 噲然心許

時危誰爲拯 方欲揮戈挽日濂 失英雄 獨憐忠孝兩
全留作吾儕鏡 老將軍海外聞哀日 莞爾顏開

Niên thiếu ức đồng 遊, gian thường bạt kiếm phách thiên, thệ tiêm
cừu lỗ, chân cá lược thao tở văn, đại hữu nãi phụ phong, ngô phu tử
tịch tiền ngôn chí thời, khoái nhiên tâm hứa

Thời nguy thời vị chứng, phương dục huy qua văn nhật, cự thất anh
hùng độc liên trung hiếu lương toàn, lưu tác ngô sai kính, lão tướng
quân hải ngoại văn ai nhật, hoản nhĩ nhan khai.

Nhớ khi tuổi trẻ cùng chơi, đã từng mang giáo chỉ trời cao, thể trừ
giặc cướp, thật là đã gồm tài thao lược, theo lối của người cha, thấy
học ta khi nói chỉ học trò, lòng đã khâm phục;

Gặp lúc nguy nan ai cứu, những muốn múa gươm xong cuộc thế, đã
mất anh hùng, chỉ tức rằng trọn đạo hiếu trung, làm gương cho bạn
hữu, lão tướng quân lúc được nghe ai tin, mặt vẫn tươi cười.

(Hoàng Ngọc Long viếng Nguyễn Bá Tuyền, Hải Dương)

乾坤翻覆以來 間豈無轟轟烈烈好場 誰似君
家三捩虜刃再殉孤城 幾回看寶劍掌中魂到
九泉猶殺賊

身世浮沈至此 日常抱鬱鬱李李奇氣 欲揮吾
手拔崑崙山平片徐海一聲語 姪兒海外身先
同志厲誅仇

Cần khôn phiên phúc dĩ lai, gian khởi vô oanh oanh liệt liệt hảo trường, thủy tự quân gia, tam anh lỗ nhận, tái tuần cô thành, kỷ hồi khan bảo kiếm chường trung, hồn đảo cửu tuyền do sát tặc.
Thân thế phù trầm chí thử, nhật thường bão uất uất bột bột kỳ khí, dục huy ngô thủ, bạt Côn Lôn sơn, bình Cần Giờ hải, nhất thanh ngữ diệt nhi hải ngoại, thân tiên đồng chí lệ tru cừu.

Trời nghiêng đất ngã đến nay, há không trường liệt liệt oanh oanh, ai như nhà ông, ba người đánh giặc chết, hai bận giữ thành cô, bao lần xem báu kiếm trong tay, hồn đến suối vàng còn giết giặc. Bấy nổi ba chìm là thế, ôm cái chí uất uất bột bột, muốn giơ tay ta, san phẳng núi Côn Lôn, lấp bằng bể Cần Hải, một tiếng gọi cháu trai ngoài cõi, hàng đầu đồng chí gắng phanh thù.

(Trần Quốc Duy viếng Nguyễn Hữu Cương)

自攜手離東忽七年間風雨重洋關山萬里
每於艱險地膽爲酒薪爲床時對心言生斯
世當雄之飛毋雌之伏

豎分襟而西已一載半鴈音竟杳鴻爪空留
恍於夢寐中聲如雷目如炬來告予曰真男
子寧玉而碎毋瓦而全

Tự huê thủ ly Đông, hốt thất niên gian, phong vũ trùng dương, quan sơn vạn lý, mỗi ư gian hiểm địa, đảm vi tửu tân vi sàng, thời đối tâm ngôn: sinh tứ thế đương hùng chi phi, vô thư chi phục;

Ký phân khâm nhi Tây, dĩ nhất tải bán, nhận âm cánh điều, hồng trào không lưu, hoảng ư mộng mị trung, thanh như lôi, mục như cự, lai cáo dư viết: chân nam tử ninh ngọc nhi toái, vô ngoã nhi toàn.

Từ dất tay dời Đông, bỗng trong bảy năm, mưa gió ngàn trùng, quan san muôn dặm, khi ở nơi gian hiểm, mật làm rượu, gai làm giường, bầm bụng nói thâm: “Sinh ở đời này, thà giống trống mà bay, không làm giống mái mà nấp”.

Lần chia áo đi Tây, nay một năm rưỡi, tin nhà đã vắng, móng hồng không còn, bỗng trong giấc chiêm bao, tiếng như lôi, mắt như lửa, gọi tôi mà bảo: “Đã là nam tử, thà làm ngọc mà nát, không làm hòn ngói mà nguyên”.

(Viếng Nguyễn Đức Công, Nghệ An)

浮生何足悲可憐國難家仇壯志半生流水逝
同黨依然在會看乾旋坤轉英魂萬里烈風來

*Phù sinh hà túc bì, khả liên quốc nạn gia cừ,
tráng chí bán sinh lưu thủy thê;
Đồng đảng y nhiên tại, hội khán kiên toàn khôn chuyển,
anh hồn vạn lý liệt phong lai.*

*Phù sinh có tiếc gì, đáng thương nạn nước thù nhà,
tráng chí nửa đời theo nước chảy;
Đồng đảng còn đây cả, sẽ thấy trời xoay đất chuyển,
hồn thiêng muôn dặm gió bay về.*

(Viếng Phan Lai Lương, Hưng Nguyên, Nghệ An)

噫 天遽喪予 耶 磊磊 一生心方將吞四海
吸 三江捲萬千 怒浪愁濤惟吾驅策
使人儘如君者 茫茫全亞陸奧至朝歐雲
暮美雨把四百神州赤縣任汝縱橫

*Y thiên cự táng dư da, lỗi lỗi nhất sinh tâm, phương tương thôn tứ hải
hấp tam giang, quyển vạn thiên nộ lãng sầu đào, duy ngô khu sách;
Sử nhân tận như quân giả, mang mang toàn Á lục, hê chí triêu Âu vân
mộ Mỹ vũ, bả tử bách thân châu xích huyện, nhậm nhữ tung hoành.
Trời làm hại ta chẳng? Lỗi lạc một tấm lòng, những đang hồng nuốt
bốn bể, hút tam giang, cuốn muôn ngàn ngọn sóng kinh đời,
để ta sai khiến;*

*Mọi người như ông cả, mệnh mỏng toàn châu Á, sao đến nỗi sớm
mây Âu, chiều gió Mỹ, đem bốn trăm huyện châu quý báu
cho chúng tung hoành.*

(Viếng Nguyễn Đình Lâm; Hương Sơn, Hà Tĩnh)

一腔熱血竟付東流成敗局人奈天何千
秋淚洒珠江水
十歲雄圖欲翻西海感慨場今猶昨也萬
里魂馳故國山

*Nhất xoang nhiệt huyết cánh phó Đông lưu, thành bại cục nhân nại
thiên hà, thiên thu lệ sái Châu giang thủy.*

*Thập tuế hùng đồ dục phiên Tây hải, cảm khái trường kim do tạc
dã, vạn lý hồn tri cố quốc sơn.*

*Một bầu nhiệt huyết, phó mặc Đông lưu, cuộc thành bại người biết
sớm sao, nước Châu giang ngàn thu lệ rưới.
Mười năm hùng đồ, muốn lay Tây hải, trường cảm khái nay như xưa
vậy, non cố quốc muôn dặm hồn về.*

(Viếng Võ Quán; Bình Sơn; Quảng Ngãi)

方將聯一氣爲地球無所謂合並無所謂離
 管教地下人間總依然燈前劍影枕畔雞聲
 得意也都忘爾我
 且欲導眾生於天國有爲之因必有爲之果
 憑仗天靈佛力會須看塵裏歐雲毫端美雨
 牧場那復計東西

*Phương tương liên nhất khí vì địa cầu, vô sở vị hợp tình vô sở vị ly,
 quản giáo địa hạ nhân gian, tổng y nhiên đăng tiền kiếm ảnh,
 đắc ý đều quên nhĩ ngã;
 Thả dục đạo chúng sinh ư thiên quốc, hữu vì chi nhân, tất hữu vì chi
 quả, bằng trường thiên linh Phật lực, hội tu khán trần lý Âu vân,
 hào đoan Mỹ vũ, mục trường na phục kế đông tây.
 Cũng toan liêu một mạch làm địa cầu, không gì là hợp, cũng không
 gì là ly, khiến cho dưới đất giữa người, đều y nhiên trước đèn bóng
 kiếm, bên gối tiếng gà, khi đắc ý lại quên mây tổ;
 Lại muốn dẫn chúng sinh lên thiên quốc, đã làm ra nhân ắt sẽ làm
 ra quả, dựa ở oai trời sức Phật, tất phải thấy trong bụi mây Âu,
 đầu tia mưa Mỹ, trường chân chỉ sá kế đông tây.*

(Nguyễn Thượng Hiền viếng Hồ Bá Kiện)

玄黃未定如此世須才有其奮矣而更蹶有
 其蹶矣而復能奮歟臥我於窮島荒山尸祝
 萬人齊救國
 淘汰無情祇疑天亦醉彼宜死者何以生彼
 宜生者又何而死也憐君以空拳白面奔馳
 十載不知家

*Huyền hoàng vị định, như thử thế tu tài, hữu kỳ phẫn hĩ nhi cánh
 quệ, hữu kì quệ nhi phục năng phẫn dư, ngoạ ngã ư cùng đảo hoang
 sơn thi chúc vạn nhân tề cứu quốc;*

*Đào thải vô tình, chi nghi thiên diệc túy, bỉ nghi tử giả hà dĩ sinh bỉ
 nghi sinh giả hựu hà nhi tử dã, liên quân dĩ không quyền bạch diện,
 bôn tri thập tải bất tri gia.*

Cao dày chưa định thế, đời còn cần kẻ có tài, có người đã dậy rồi, lại
 ngã, có người đã ngã rồi lại dậy chăng? Đây ta ra đảo vắng rừng
 hoang, muôn kẻ ước mong đều cứu nước.

Lừa lọc khéo vô tình, trời hẳn như người say rượu, kia kẻ đáng chết
 sao lại sống, kẻ đáng sống sao lại phải chết thế? Thương anh chỉ tay
 không mặt trắng, mười năm chạy vạy biết chi nhà.

(Đặng Nguyên Cẩn viếng Phạm Ngồn)

君子一生心可白
將軍雖死面猶紅
Quân tử nhất sinh tâm khả bạch
Tướng quân tuy tử diện do hồng⁽¹⁾
Quân tử trọn đời lòng tỏ trắng
Tướng quân dầu chết mặt còn hồng.

怒倒山河三尺劍
功成夫婦一家兵
Nộ đảo sơn hà, tam xích kiếm
Công thành phu phụ, nhất gia binh⁽²⁾
Núi sông rạp đổ, gươm ba thước
Chồng vợ xông pha, lính một nhà.

少爲故鄉子老還爲故鄉翁得喪始終俱隱夢
生爲南國人死猶爲南國鬼是非千古有公評

Thiếu vi cố hương tử, lão hoàn vi cố hương ông,
đắc tắng thủy chung câu ẩn mộng

Sinh vi Nam quốc nhân, tử do vi Nam quốc quỷ,
thị phi thiên cổ hữu công bình⁽³⁾

Trẻ là con quê hương, già về là lão quê hương,
được mất trước sau dường giấc mộng.

Sống làm người đất nước, chết vẫn làm ma đất nước,
đúng sai muôn thuở có lời bàn.

痛心時事異常士君子有國之仇無身之怨
回頭江山依舊大丈夫雖死之日猶生之年
Thống tâm thời sự dị thường, sĩ quân tử hữu quốc chi cừu, vô thân chi oán;
Hồi đầu giang sơn y cựu, đại trượng phu tuy tử chi nhật, do sinh chi niên⁽⁴⁾.

Đau lòng thay thời thế khác thường, người quân tử không
nghĩ oán riêng, chỉ lo thù nước;

Quay đầu lại non sông như cũ, kẻ trượng phu tuy rằng
đã chết, cũng vẫn như còn.

(1) Câu đối của Phó bỉnh Nguyễn Đôn Tiết viếng liệt sĩ Phạm Bành, mất năm 1886. Bản chữ Hán và bản dịch, tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19*.

(2) Khuyết danh; Câu đối mừng vợ chồng nghĩa quân Bãi Sậy. Xuất xứ như trên.

(3) Khuyết danh; Câu đối viếng một thủ lĩnh nghĩa quân Bãi Sậy. Xuất xứ như trên.

(4) Câu đối khuyết danh viếng Nguyễn Quang Bích mất năm 1889. Văn bản chữ Hán và bản dịch tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19*.

有志弗成英雄已矣
未捷先死天意謂何

Hữu chí phất thành, anh hùng dĩ hĩ

Vị tiệp tiên tử, thiên ý vị hà⁽¹⁾

Có chí không thành, anh hùng đã khuất

Chưa thắng đã chết, ý trời ra sao!

雖云成敗由天唱義先聲存藝靜
堪嘆英雄無地扶君大節有鴻藍

Tuy vân thành bại do thiên, xướng nghĩa tiên thanh tồn Nghệ Tĩnh

Kham thán anh hùng vô địa, phù quân đại tiết hữu Hồng Lam.

Tuy rằng thành bại tại trời, xướng nghĩa đầu tiên truyền Nghệ Tĩnh

Than nhẽ anh hùng không đất, phò vua tiết lớn sánh Hồng Lam⁽²⁾

成敗英雄莫論此孤忠此大義誓與諸君子
始終殊之英墨之靈讀書每念綱常重可恨
者垂顛大廈一木難支宮冷煙消誰人不作
深山怨況當日龍飛雲暗共嗟人事無常可

憐雄越江山百年文獻翻兵馬

古今天地無窮而流水而高峰同此大丈夫
宇宙藍之風鴻之雪沖寒無柰柏松凋謂何
哉潰決頽波中流砥柱星移物換何人不
起故園情及此時雁散風吹堪嘆天心莫助獨

此松梅氣節一死精神貫斗牛⁽³⁾

*Thành bại anh hùng mạc luận, thử cô trung, thử đại nghĩa, thế dữ
chư quân tử thủy chung; Châu chi anh, Mặc chi linh, độc thử mỗi
niệm cương thường trọng. Khả hận giả thủy điền đại hạ, nhất mộc
nan chi; cung lân yên tiêu, thủy nhân bất tác thâm sơn oán! Huống
đương nhật long phi vân ám, cộng ta nhân sự vô thường; khả liên*

Lạc Việt giang sơn, bách niên văn hiến phiên binh mã;

*Cổ kim thiên địa vô cùng, nhi lưu thủy, nhi cao phong, đồng thử đại
trượng phu vũ trụ; Lam chi phong, Hồng chi tuyết, xung hàn vô nại*

⁽¹⁾ Câu đối của Phan Đình Phùng viếng Cao Thắng⁽²⁾ và Lê Ninh⁽³⁾. Xuất xứ như trên.

⁽²⁾ Đây là đối câu đối các văn thân Nghệ Tĩnh viếng chí sĩ Phan Đình Phùng mất ngày 28 tháng 12 năm 1895. Phần chữ Hán và phần dịch, chúng tôi tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19*.

⁽³⁾ Đối câu đối này có ý nghĩa hết sức sâu sắc về nội dung, còn về nghệ thuật cũng rất đặc sắc; chúng tôi dẫn để chúng ta cùng tham khảo, học tập.

*bách tùng điêu. Vị hà tai hội quyết đôi ba, trung lưu để trụ, tình di
vật hoán, hà nhân bất khởi cố viên tình! Cập hử thời nhận tán
phong xuy, kham thán thiên tâm mặc trụ; độc thử tùng mai khí tiết,
nhất tử tinh thần quán đầu ngư!*

Anh hùng thành bại kể chi, tác dạ cô trung, tấm gương nghĩa cả, thể
cùng các bạn chu tuyền; Sơn mục thánh thần, đọc sách lấy cương
thường làm trọng. Giận vì lẽ nhà to sắp đổ, một cây chẳng chống
được nào; cung lạnh khói tàn, cảnh non thắm ai không xót nổi. Gặp
vận rồng bay mây tối, ngậm ngùi cuộc thế đổi thay, thương ôi Lạc
Việt non sông, văn hiến trăm năm binh mã loạn;
Trời đất cổ kim còn mãi, một dòng nước chảy, muôn trượng núi xa,
ấy chốn nam nhi ngang dọc; Lam Hồng gió tuyết, ngao đông cho
tùng bách cũng gầy. Tính sao đây sóng cả đang dâng, cột đá giữa
dòng khó vững; sao đời vật đổi, tình cố hương ai chẳng chạnh lòng!
Nguồn cơn nhận lạc gió gằm, ngao ngán lòng trời cay nghiệt; thấy
chứa từng mai khí tiết, tinh thần một thác đầu ngư cao!

自古英雄鐵石肝腸難盡寫
到頭事勢川河血淚曷能流

*Từ cổ anh hùng, thiết thạch can trường nan tận tả
Đáo đầu sự thế xuyên hà huyết lệ hạt năng lưu⁽¹⁾
Từ trước anh hùng, dạ sắt gan vàng khôn xiết tả
Đến cùng sự thế, máu sông lệ suối chảy sao trôi.*

錦悅動金風王母稱觴聯鬯酒
燭花輝繡閣蘭孫引鳳舞斑衣

*Cẩm thúy động kim phong Vương mẫu xưng thưng liên cẩu tửu.
Chúc hoa huy tú các, lan tôn dẫn phượng vũ ban y.*

Khăn gấm gió thu bay, Vương mẫu chén mời bên rượu cưới.
Đuốc hoa ngồi gác đẹp, vườn lan đưa phượng múa áo hoa.

八月稱觴桂苑投香延八秩
千聲奏樂萱花迎笑祝千秋

*Bát nguyệt xưng thưng quế uyển đầu hương diên bát trật.
Tiên thanh tấu nhạc huyền hoa nghinh tiếu chúc thiên thu.
Tháng tám tiệc thọ, vườn quế đưa hương mừng tám chục.
Ngàn thanh nhạc tấu, hoa huyền vui đón chúc ngàn thu.*

⁽¹⁾ Câu đối các thân sĩ Thanh Hóa viếng Tống Duy Tân mất ngày mồng 5 tháng 10 năm 1892. Xuất xứ như trên.

寶婺呈輝八十年來光八月
蟠桃獻瑞三千歲後待三畤

Bảo vụ trình huy bát thập niên lai quang bát nguyệt.

Bàn đào hiến thụy tam thiên tuế hậu đãi tam ngu.

Bảo vụ sáng sao, tám chục tuổi rồi soi tháng tám.

Bàn đào hiến thọ, ba ngàn năm tới đợi ba nơi.

錦悅動金鳳壽度八旬逢九月
繡花輝寶婺祥鍾一室慶千秋

Cẩm thụy động kim phượng thọ độ bát tuần phùng cửu nguyệt.

Tú hoa huy bảo vụ tường chung nhất thất khánh thiên thu.

Phượng vàng bay rực rỡ, tuổi thọ tám tuần vào tháng chín.

Bảo vụ ngồi hoa đẹp, chuông lành một cửa chúc ngàn năm.

四德俱全逢九秩
三多咸懋祝千秋

Tứ đức câu toàn phùng cửu trật.

Tam đa hàm bị chúc thiên thu.

Tứ đức vẹn toàn lên chín chục.

Tam đa đầy đủ chúc ngàn năm.

堂北萱花榮九秩
天南寶婺耀千秋

Đường bắc huyên hoa vinh cửu trật.

Thiên nam bảo vụ diêu thiên thu.

Nhà bắc hoa huyên vinh chín chục.

Trời nam Bảo vụ sáng ngàn năm.

德合無疆年逾九秩
壽稱難老慶祝三多

Đức hợp vô cương niên du cửu trật.

Thọ xưng nan lão khánh chúc tam đa.

Đức đến vô cùng vượt qua chín chục.

Thọ nay hiếm kẻ cầu chúc tam đa.

寶婺星輝年九十
蟠桃果熟歲三千

Bảo vụ tinh huy niên cửu thập.

Bàn đào quả thực tuế tam thiên.

Bảo vụ sáng soi năm chín chục.

Bàn đào quả chín tuổi ba ngàn.

九旬鶴髮同金母
七秩斑衣學老萊
*Cửu tuần hạc phát đồng Kim Mẫu.
Thất trật ban y học Lão Lai.*
Chín mươi tóc hạc cùng kim mẫu.
Bảy chục áo hoa học Lão Lai.

錦悅動春風壽延九秩
萱花棟徑色慶衍千秋
*Cẩm thuê động xuân phong thọ diên cửu trật.
Huyền hoa đống kính sắc khánh diên thiên thu.*
Khăn gấm động gió xuân, thọ mừng chín chục.
Hoa huyền đầy luống cỏ, cầu chúc ngàn năm.

華堂酒進香流菊
粧閣詩成氣挹蘭
*Hoa đường tửu tiến hương lưu cúc.
Trang các thi thành khí ấp lan.*
Nhà hoa rượu rót thơm hương cúc.
Gác đẹp câu thơ đượm khí lan.

霞藹桃觴浮玉液
德滋蘭蕊映金粧
*Hà ái đào thương phù ngọc dịch.
Đức tư lan nhụy ánh kim trang.*
Ngọc dịch chén đào mây hiện bóng.
Áo vàng lan nhụy đức thơm hương.

瑞啓瓊花逢七秩
榮聯錦膝繞雙佳
*Thụy khai quỳnh hoa phùng thất trật.
Vinh liên cẩm tất nhiều song giai.*
Mừng thấy hoa quỳnh hoa vừa bảy chục.
Vinh thay dưới gối đẹp hai đôi.

椿室開筵添鶴算
墨池起浪上龍門
*Xuân thất khai diên thêm hạc toán.
Mặc trì khởi lãng thượng long môn.*
Nhà xuân mở tiệc thêm tuổi hạc.
Ao mực sóng cồn vượt cửa rồng.

萬里九霄初發軔
一堂三代慶齊眉

*Vạn lý cửu tiêu sơ phát nhấn.
Nhất đường tam đại khánh tề my.
Chín tầng muôn dặm xe vừa đẩy.
Ba đời một cửa chúc ngang mày.*

春酒香浮芹酒綠
文星彩煥極星輝

*Xuân tửu hương phù cần tửu lục.
Văn tinh thái hoán cực tinh huy.
Rượu xuân hương nổi, rượu cần xanh.
Sao văn rực rỡ, sao cực sáng.*

椿榮海屋連芹綠
幟樹宮牆映悅紅

*Xuân vinh hải ốc liên cần lục.
Sĩ thụ cung tường ánh thuế hồng.
Xuân tươi nhà biển rượu cần đậm.
Cờ treo cung điện sắc thêm hồng.*

寶砌風和湘蘭並茂
重帷日暖鶴髮雙輝

*Bảo thế phong hoà tương lan tinh mậu.
Trùng duy nhật. noãn hạc phát song huy.
Thêm đá phong quang tương lan đều tốt.
Màn đôi ấm áp tóc hạc cùng soi.*

祖晉霞觴蟠溪逸叟
孫明花燭月殿常娥

*Tổ tấn hà thương bàn Khê dật tẩu.
Tôn minh hoa chúc nguyệt điện thường nga.
Chúc ông rượu thọ, già ần bàn Khê.
Mừng cháu đẹp duyên, hằng nga nguyệt điện.*

陞區與添籌濟美
遊擁共合登齊輝

*Thăng biển dũ thiêm trù tế mỹ.
Du ung cộng hợp cấn tề huy.
Biển treo tuổi thọ càng thêm đẹp.
Thành đạt hoà duyên cảnh thật vui.*

椿樹逢春長不老
梯花浥露滿庭芳

Xuân thụ phùng xuân trường bất lão.

Đệ hoa ếp lộ mãn đình phương.

Cây xuân gặp xuân càng trẻ mãi.

Hoa đệ ẩm sương khắp chốn thơm.

一幹靈椿榮畫錦
兩株丹桂吐天香

Nhất cán linh xuân vinh trú cẩm.

Lưỡng thù đan quế thổ thiên hương.

Một gốc linh xuân tươi tựa gấm.

Đôi cành đan quế nhả hương trời.

喬木籌添盈海屋
桂花香噴捷雍宮

Kiều mộc trù thiêm doanh hải ốc.

Quế hoa hương phún tiệp ung cung.

Gỗ lớn muốn sửa nhà trên biển.

Quế hoa hương toả ngát trong nhà.

弧懸共慶長春酒
藝苑咸稱命世才

Hồ huyền cộng khánh trường xuân tửu.

Nghệ uyển hàm xưng mạnh thế tài.

Cung treo tiệc chúc rượu trường xuân.

Vườn đẹp tiếng khen người tài đức.

蓮池特誦長生葉
璧水連徵命世才

Liên trì đặc tụng trường sinh diệp.

Bích thủy liên trưng mạnh thế tài.

Ao sen ca tụng lá trường sinh.

Nước biếc ngợi khen người tài đức.

婺宿流輝光璧水
宮衣絢彩舞園橋

Vụ tú lưu huy quang bích thủy.

Cung y huyến thái vũ viên kiều.

Sao vụ sáng ngời soi nước biếc.

Cung y rực rỡ múa cầu ngân.

海屋籌添萱草秀
雍宮彩徹梓花香

*Hải ốc trù thêm huyền thảo tú.
Ung cung thái triệt tử hoa hương.
Nhà biển cỏ huyền còn rực rỡ.
Cung vui hoa tử vẫn đưa hương.*

寶婺呈祥共應萱花榮晝錦
園橋播譽咸推桂子噴天香

*Bảo vụ trình tường cộng ứng huyền hoa vinh trú cẩm.
Viên kiều bá dự hàm suy quế tử phun thiên hương.
Bảo vụ điểm lành, cùng với hoa huyền tươi vẻ gấm.
Cầu ngân lộng lẫy, còn thêm cây quế toả hương trời.*

萱草長凝芹藻綠
蟠桃遠送桂花香

*Huyền thảo trường ngưng cần thảo lục.
Bàn đào viễn tống quế hoa hương.
Cỏ huyền dầm nước cần xanh lục.
Bàn đào đưa tiễn quế hương hoa.*

萱草常滋仙掌露
梓花新浴判池春

*Huyền thảo thường tư tiên chưởng lộ.
Tử hoa tân dục phán trì xuân.
Cỏ huyền vẫn đậm sương tiên giới.
Hoa tử vừa hay tắm nước xuân.*

堂上萱花榮晝錦
階前桂子舞斑衣

*Đường thượng huyền hoa vinh trú cẩm.
Giai tiền quế tử vũ ban y.
Trên nhà hoa huyền tươi vẻ gấm.
Trước sân con quế múa làm vui.*

稱觴大啓蟠桃宴
拜爵榮開仕進門

*Xưng thương đại khải bàn đào yến.
Bái tước vinh khai sĩ tiến môn.
Chón bàn đào tiệc lớn chúc mừng.
Cửa thăng tiến vinh quang bá tước.*

筵啓瓊瑤開壽域
才徵黼黻贊王尊

*Diên khai quỳnh dao khai thọ vực.
Tài trưng phủ phát tán vương tôn.
Tiệc mở quỳnh dao mừng tuổi thọ.
Tài cao mũ áo tạ ơn vua.*

堂燦萱花榮鶴算
名登仕藉試鴻才

*Đường sán huyền hoa vinh hạc toán.
Danh đăng sỹ tịch thí hồng tài.
Nhà rạng hoa huyền vinh thọ hạc.
Tên ghi sỹ tịch bậc tài hoa.*

萱榮晝錦聯桃碧
燭燦蘭房映悅紅

*Huyền vinh trú cẩm liên đào bích.
Chúc sán lan phòng ánh thuế hồng.
Huyền tươi vẻ gấm bên đào biếc.
Đuốc sáng phòng lan đẹp khăn hồng.*

花燭光聯萱壽燭
霞杯香繞子交杯

*Hoa chúc quang liên huyền thọ chúc.
Hà bôi hương nhiều tử giao bôi.
Đuốc hoa sáng, nhà huyền đuốc thọ.
Chén mừng thơm, lẫn chén giao hoan.*

北海開宗西陵獻壽
東有才子南國家人

*Bắc hải khai tôn Tây lăng hiến thọ.
Đông hữu tài tử Nam quốc gia nhân.
Biển Bắc tiệc bày, Tây lăng hiến thọ.
Miền đông tài tử, Nam quốc nên nhà.*

王母獻金觴看此日桃宴生輝共慶長春不老
蘭孫調錦瑟喜今霄梅花葉韻預兆五世其昌

*Vương mẫu hiến kim thương, khán thử nhật đào yến sinh huy,
cộng khánh trường xuân bất lão.
Lan tôn điều cẩm sắt, hỷ kim tiêu mai hoa điệp vận,
dự triệu ngũ thế kỳ xương.*

Vương mẫu dâng chén vàng, nhớ ngày ấy yến đào rạng rỡ, chúc cho
trẻ mãi không già.

Lan tôn vui đàn gấm, mừng đêm nay hoa mai tươi tốt, diêm nêu
thịnh vượng năm đời.

萱草長榮十分秀色槐堂麗
桂枝特茂一種天香璧水生

*Huyền thảo trường vinh, thập phần tú sắc hoè đường lệ.
Quế chi đặc mậu, nhất chủng thiên hương bích thủy sinh.*

Cỏ huyền tươi tốt, xuân sắc mười phần sân hoè đẹp.
Cành quế rậm rạp, hương trời một loại nước biếc sinh.

海屋添籌，金丹進南山之祝
瑤池舞彩，蘭孫揚芹泮之名

*Hải ốc thêm trù, kim đan tiến Nam sơn chi chúc.
Đao trì vũ thái, lan tôn dương cần phán chi danh.*

Nhà biển thêm dài, đơn vàng đến núi nam chúc thọ.
Đao trì mùa đẹp, cháu lan nêu danh tiếng hoa cần.

設悅榮邀金闕露
明經聲著玉堂春

*Thiết thuế vinh yêu kim khuyết lộ.
Minh kinh thanh trước ngọc đường xuân.
Cờ treo muốn đượm sương kim khuyết.
Thông kinh nức tiếng xuân ngọc đường.*

喜向園橋舒彩步
欣看膝下對新粧

*Hỷ hướng viên kiều thư thái bộ.
Hân khan tất hạ đối tân trang.
Mừng hướng cầu ngân thư thái bước.
Vui nhìn bên gối thấy tân trang.*

春凌仕藉聯金詒
桂映粧臺對玉人

*Xuân lãng sỹ tịch liên kim cáo.
Quế ánh trang đài đôi ngọc nhân.
Trên biển vàng, hương xuân sỹ tịch.
Trước người ngọc, ánh quế đài trang.*

琪花彩結金門曉
桂蕊香含寶鏡輝

Kỳ hoa thái kết kim môn hiếu.

Quế nhụy hương hàm bảo kính huy.

Cửa vàng rực rỡ kết hoa la.

Gương quý còn vương nhụy quế hương.

既仰雍池騰鳳起
旋看膝下警雞鳴

Ký ngưỡng ung trì đằng phượng khởi.

Toàn khan tất hạ cảnh kê minh.

Cưỡi phượng bay tham quan ao đẹp.

Sợ gà gáy bên gối vẫn xem.

椿樹數榮膺國典
梓花吐瑞引文鸞

Xuân thụ phu vinh ứng quốc điển.

Tử hoa thổ thủy dẫn văn loan.

Cây xuân tươi tốt nhờ ơn nước.

Hoa tươi diêm báo bởi văn loan.

伯擅英才騰鳳閣
仲輝彩筆畫鸞眉

Bá thiên anh tài đằng phượng khuyết.

Trọng huy thái bút hoạ loan my.

Cả có tài năng gần cửa phượng.

Hai vung bút tốt vẽ mày loan.

壎奏雍池歌鳳起
箴吹繡幙警雞鳴

Huân tấu ung trì ca phượng khởi.

Tri suy tú mạc cảnh kê minh.

Ao đẹp tấu huân ca cưỡi phượng.

Rèm thêu thối sáo nhắc tiếng gà.

難弟難兄名標璧沼
宜家宜室議注蘭房

Nan đệ nan huynh danh tiêu bích chiểu.

Nghi gia nghi thất nghị chú lan phòng.

Tên nêu hồ ngọc khó anh khó em.

Bàn chuyện phòng lan nên nhà nên cửa.

伯 擅 奇 才 騰 藝 苑
仲 輝 彩 筆 注 蘭 房

Bá thiện kỳ tài đẳng nghệ uyển.

Trọng huy thái bút chú lan phòng

Cả rõ tài đạo vườn nghệ thuật.

Hai vung bút đẹp tô điểm phòng lan.

伯 儲 攀 桂 風 流 欣 從 壁 水 橋 中 漸 徵 大 志
仲 擅 探 花 手 暇 喜 向 溫 柔 鄉 裏 聊 試 奇 才

*Bá trữ phan quế phong lưu hân tòng bích thủy kiều trung tiệm
trưng đại chí*

*Trọng thiện thám hoa thủ hạ hỷ hương ôn nhu hương lý liêu
thí kỳ tài.*

Anh sẵn phong lưu vin quế, tạm khoe chí lớn,
men theo dòng biếc qua cầu,

Em từng vươn tay bẻ hoa, muốn thử tài năng,
mừng hướng thuận hoà hương lý.

壠 奏 橋 門 聲 葉 鹿 鳴 誇 拔 萃
簾 和 繡 幙 音 諧 梅 韻 笑 摧 粧

Huân tấu kiều môn thanh diệp lộc minh khoa bạt tuy.

Trì hoà tú mạc âm hài mai vận tiểu thôi trang.

Huân tấu cửa cao, lá reo hươu tộ khoe siêu việt.

Sáo thổi màn thêu, âm đẹp mai cười vui điểm trang.

壠 跨 鸞 幃 熙 入 夢
簾 騰 鳳 閣 筆 生 花

Huân khoá loan vi bi nhập mộng.

Trì đằng phượng các bút sinh hoa.

Huân phủ màn loan, bi đến mộng.

Trì vươn gác phượng, bút sinh hoa.

壠 從 繡 幕 歌 鸞 舞
簾 向 儒 林 譜 鹿 鳴

Huân tòng tú mạc ca loan vũ.

Trì hương nho lâm phổ lộc minh.

Huân theo rèm đẹp ca loan múa.

Sáo hướng rừng nho hoạ tiếng hươu.

桂 子 登 龍 誇 拔 萃
蘭 孫 引 鳳 笑 摧 粧

*Quế tử đăng long khoa bạt tuy.
 Lan tôn dẫn phượng tiểu thôi trang.
 Con quế cười rông khoe tài giỏi.
 Cháu lan đưa phượng cười diễm trang.*

桂蕊飄香盈藝苑
 蘭芽競繡映粧臺

*Quế nhụy phiêu hương doanh nghệ uyển.
 Lan nha cạnh tú ánh trang đài.
 Nhụy quế hương tràn vườn nghệ thuật.
 Mầm lan tranh đẹp rạng đài trang.*

桂子題名騰鳳閣
 蘭孫合鵲對鸞幃

*Quế tử đề danh đằng phượng cát.
 Lan tôn hợp cẩu đối loan vi.
 Con quế tên nêu leo gác phượng.*

Cháu lan duyên đẹp trước màn loan.

青雲生錦步泮壁騰輝燕翼徽聲游碧水
 彩筆繪新眉瑟琴葉韻詒謀令緒引紅絲
*Thanh vân sinh cẩm bộ phán bích đằng huy yển dục huy thanh du
 bích thủy.*

*Thái bút hội tân my sắt cầm điệp vân di mưu lệnh tự dẫn hồng ty.
 Thành đạt tạo dáng di, bốn ngọc cao bay cánh yển, tiếng kêu vọng
 nước xanh.*

Bút tốt vẽ hàng mi, cầm sắt lá reo bày đặt, se chấp môi tơ hồng.

辟雍傳燕翼壁耀奎明俱慶堂中鳴瑞鳳
 繡幙詔詰謀琴和瑟合齊眉案上舞祥鸞

*Tích ung truyền yển dục bích diệu khuê minh câu khánh đường
 trung minh thủy phượng.*

*Tu mặc chiếu hồ mưu cầm hoà sắt hợp tế my án
 thượng vũ tường loan.*

*Lệnh trên truyền cánh yển, bích sáng khuê minh đều tốt,
 phượng lành hát nhà trong.*

*Rèm đẹp giảng nghĩa xưa, cầm hoà sắt hợp ngang mày,
 loan vui múa trên án.*

桂子題名早凌壁水振辟雍望重園橋誇拔萃
 蘭孫得意先詠關雎歌麟趾聲來繡閣笑摧粧

*Quế tử đề danh tảo lãng bích thủy chấn tích ung vọng trọng
viên kiều khoa bạt tuy.*

*Lan tôn đắc ý tiên vịnh quan thư ca lân chỉ thanh lai
tú các tiểu thôi trang.*

Con quế nêu tên, sớm vượt nước xanh, dựng ngòi cao vọng trọng,
cầu ngân khoe lối lạc.

Cháu lan đắc ý, trước vịnh Quan thư, ca Lân chỉ vang dội,
gác đẹp giục tân trang.

膝下名婚雙濟美
堂中龍鳳並增輝
Tất hạ danh hôn song tế mỹ.

Đường trung long phượng tịnh tăng huy.

Danh hôn dưới gối hai đều đẹp.

Long phượng trong nhà rạng cả đôi.

堂前彩結宜男草
月裏清飄桂子香

Đường tiền thái kết nghi nam thảo.

Nguyệt lý thanh phiêu quế tử hương.

Trước nhà cỏ đẹp kết nên trai.

Dưới nguyệt hương thanh vờn gốc quế.

入貢豎芳槐並值蘭階欣納婦
明經推俊彥初週甲子慶添籌

Nhập cống thụ phương ngôi tịnh trị lan giai hân nạp phụ.

Minh kinh suy tuấn ngạn sơ chu giáp tý khánh thêm trừ.

Đỗ đạt dựng cây cao, tính chuyện thêm lan vui nạp thái.

Thông kinh nên rạng vẻ, tuần đầu giáp tý chúc thêm lâu.

得相遊雍所喜箕裘丕振
明經樹幟正逢甲子初週

Đắc tương du ung sở hỷ cơ cừu phi chấn.

Minh kinh thụ xí chính phùng giáp tý sơ chu.

Được dự chốn cao sang, mừng thấy cơ cừu dựng nghiệp.

Thông kinh nêu cờ quật, bội may giáp tý tuần đầu.

蛾眉好試生花筆
泮沼欣逢佐讀人

Nga my hảo thí sinh hoa bút.

Phán chiêu hân phùng tá độc nhân.

Mây ngài thi giỏi bút sinh hoa.
Hồ nước gặp may người giúp đọc.

試把蟾宮攀桂手
好從繡閣畫蛾眉

Thí bả thiêm cung phan quế thủ.

Hảo tòng tú các hoạ nga my.

Thủ đến cung thiêm tay bẻ quế.

Mừng lên gác đẹp vẽ mây ngài.

袖 喏 桂 香 飄 月 頂
筆 翻 花 氣 上 雲 頭

Tụ nhả quế hương phiêu nguyệt đỉnh.

Bút phiên hoa khí thượng vân đầu.

Áo đưa hương quế lên thăm nguyệt.

Bút dẫn khí hoa đến đỉnh mây.

金 屋 屏 開 欣 中 雀
泮 池 日 暖 羨 乘 龍

Kim ốc bình khai hân trung tước.

Phán trì nhật noãn tiến thừa long.

Nhà vàng màn mở vui nhờ sẻ.

Hồ đẹp ấm trời thích cười rồng.

燭 搖 紅 影 輝 金 屋
袖 帶 芹 香 馥 洞 房

Chúc dao hồng ảnh huy kim ốc.

Tụ đới cần hương phúc động phòng.

Chập chờn ánh đuốc chiếu nhà vàng.

Thoang thoảng hương cần nơi hợp cần.

盛 世 名 才 儲 虎 觀
香 幃 雅 奏 葉 笙 鸞

Thịnh thế danh tài trữ hổ quán.

Hương vi nhả tấu diệp sinh loan.

Danh tài đời thịnh sẵn quan hổ.

Màn hương nhả nhạc nhịp sênh, loan.

連 理 枝 頭 騰 鳳 羽
合 歡 筵 上 酌 芹 杯

Liên lý chi đầu đằng phượng vũ.

Hợp hoan diên thượng chúc cần bôi.

Gắn bó đầu cành tung cánh phượng.

Chung vui trên tiệc rót ly cần.

雀屏喜中穿楊手

虎榜旋登折桂才

Tước bình hỷ trúng xuyên dương thủ.

Hổ bằng toàn đăng chiết quế tài.

Bắn sẻ mừng tay xuyên lá liễu.

Bảng hổ khen tài quế bẻ cành.

泮沼風流推吉士

月宮消息問嫦娥

Phán chiêu phong lưu suy cát sỹ.

Nguyệt cung tiêu tức vấn thường nga.

Hồ đẹp phong lưu tôn kẻ sỹ.

Cung trăng tin tức hỏi hằng nga.

詠雪佳人歡占鳳

談經才子喜乘龍

Vịnh tuyết giai nhân loan chiếm phượng.

Đàm kinh tài tử hỷ thừa long.

Mừng chiếm phượng giai nhân vịnh tuyết.

Vui cưới rồng tài tử bàn kinh.

早知天下無雙士

獨占人間第一春

Tảo tri thiên hạ vô song sỹ.

Độc chiếm nhân gian đệ nhất xuân.

Sớm hay thiên hạ vô song sỹ.

Mình chiếm nhân gian đệ nhất xuân.

司馬三升榮國命

玉蕭雙徹繞秦樓

Tư mã tam thăng vinh quốc mệnh.

Ngọc tiêu song triệt nhiều tần lầu.

Tư mã ba lần vinh mạnh nước.

Ngọc tiêu hai giới hoạ lầu Tần.

明經筆寫春山媚

博議才通學海深

Minh kinh bút tả xuân sơn mỹ.

Bác nghị tài thông học hải thâm.

Thông kinh bút tả non xuân đẹp.

Bàn rộng tài hay biển học sâu.

解語花前思獻策

明經案內羨吟梅

Giải ngữ hoa tiền tư hiến sách.

Minh kinh án nội tiền ngâm mai.

Trước hoa giải nghĩa lo dâng sách.

Bên án thông kinh chuộng vịnh mai.

明經喜試描眉筆

博議欣賡詠絮才

Minh kinh hỷ thí miêu mi bút.

Bác nghị hân canh vịnh nhự tài.

Thông kinh vui thử bút vẽ mày.

Bàn rộng mừng xem tài vịnh tuyệt.

雲閣教佳人燈燭交輝經藉明時裁博議

粧臺親國士淑才雙美繡奩香處載文章

*Vân các giáo giai nhân đăng chúc giao huy kinh tịch minh thời tài
bác nghị.*

*Trang đài thân quốc sỹ thực tài song mỹ tú liêm hương xứ tài
văn chương.*

Gác sách tiếp giai nhân, đèn đuốc sáng trưng, kinh sách gặp thời
nên biết rộng.

Đài trang thân quốc sỹ, đức tài trọn vẹn, rèm thêu hương ngát
tập văn chương.

萃吉慶於德門大登科小登科喜見名婚同濟美

振芳徽於天府恩進士歲進士行看黼黻永騰輝

*Tụy cát khánh ư đức môn đại đăng khoa tiểu đăng khoa
hỷ kiến danh hôn đồng tế mỹ.*

*Chấn phương huy ư thiên phủ ân tiến sỹ tuế tiến sỹ
hành khan phủ phát vĩnh đẳng huy.*

Hợp chúc mừng nơi cửa đức, đại đẳng khoa tiểu đẳng khoa,
mừng thấy cả hai đều tốt đẹp.

Rạng danh thơm chốn phủ đệ, ân tiến sỹ tuế tiến sỹ,
thử xem mũ áo mãi huy hoàng.

八歲佳人歡解語

九齡才子試明經

Bát tuế giai nhân hoan giải ngữ.
Cửu linh tài tử thí minh kinh.
Tám tuổi giai nhân mừng giải ngữ.
Lên chín tài tử thử minh kinh.

登合洞房方妙歲
明經藝苑正髫年
Cần hợp động phòng phương diệu tuế.
Minh kinh nghệ uyển chính điều niên.
Động phòng hợp cần khi vừa lớn.
Vườn nghệ thông kinh tuổi trái đào.

髫年喜協明經選
幼歲欣瞻詠雪才
Điều niên hỷ hiệp minh kinh tuyển.
Ấu tuế hân chiêm vịnh tuyết tài.
Tùng dự minh kinh khi để chỏm.
Đã tài vịnh tuyết lúc còn thơ.

芳名此日登天府
花燭今宵映洞房
Phương danh thử nhật đăng thiên phủ.
Hoa chúc kim tiêu ánh động phòng.
Tiếng thơm ngày ấy nêu thiên phủ.
Hoa đuốc đêm nay sáng động phòng.

雍宮擅藻推佳士
繡閣摘華貯麗人
Ung cung thiện tảo suy giai sỹ.
Tú các xi hoa trữ lệ nhân.
Cung đình mỹ áo tôn tài sỹ.
Gác cao hoa lệ đợi giai nhân.

名題鳳閣芳徽遠
筆畫娥眉氣象新
Danh đề phượng các phương huy viễn.
Bút họa nga my khí tượng tân.
Tên nêu gác phượng, thơm còn mãi.
Bút vẽ mày ngài, vẻ mới thay.

辟雍池煖觀龍躍
繡閣香浮聽鳳鳴

*Tịch ung tri noãn quan long được.
Tú các hương phù thánh phượng minh.
Chốn thanh, ao ấm, xem rồng nháy.
Gác đẹp, hương bay, nghe phượng kêu.*

位 列 雍 宮 南 北 試
當 聯 花 燭 室 家 宜

*Vị liệt ung cung nam bắc thí.
Đường liên hoa chúc thất gia nghi.
Chỗ đứng cung đình xét nam bắc.
Nhà treo hoa đuốc đẹp cửa nhà.*

璧 水 輕 飄 紅 葉 句
園 橋 垂 愛 綠 衣 郎

*Bích thủy khinh phiêu hồng diệp cú.
Viên kiều thủy ái lục y lang.
Nước biếc nhẹ bay câu lá đỏ.
Cầu ngân lưu luyến chàng áo xanh.*

園 橋 門 外 紅 葉 句
銀 燭 臺 前 白 雪 詩

*Viên kiều môn ngoại hồng diệp cú.
Ngân chúc đài tiền bạch tuyết thi.
Trước cổng cầu ngân câu lá đỏ.
Trên lầu thơ tuyết dưới đuốc hoa.*

雍 門 桃 李 恩 初 屋
繡 閣 笙 簧 調 始 諧

*Ung môn đào lý ân sơ ốc.
Tú các sinh hoàng điệu thủy hài.
Cửa cung đào mạn, ơn vừa thấm.
Gác đẹp sinh hoàng, điệu mới hoà.*

佳 兒 桂 婦 聯 佳 氣
大 德 大 年 表 大 廷
*Giai nhi giai phụ liên giai khí.
Đại đức đại niên biểu đại đình.
Con hay cha hay, lắm vẻ hay.
Đức lớn tuổi lớn, sân triều lớn.*

當 夏 佳 兒 歡 合 盞
來 秋 乃 祖 樂 含 飴

Đương hạ giai nhi hoan hợp cần.

Lai thu nãi tổ lạc hàm di.

Hạ tới con trai vui hợp cần.

Thu sau lên nội ngậm đường nha.

此日加冠尊醺命

他年繩武有英人

Thử nhật gia quan tôn tiếu mạnh.

Tha niên thăng vũ hữu anh nhân.

Ngày nay đội mũ theo hôn lễ.

Năm sau nối nghiệp có anh tài.

肖子良緣眉試畫

阿翁喜色耳何聾

Tiểu tử lương duyên my thí hoạ.

A ông hỷ sắc nhĩ hà lung.

Con nhỏ vui duyên thử vẽ mày.

Ông già mừng rõ điếc sao đang.

序列三偕孫娶媳

祥開四葉子爲翁

Tự liệt tam giai tôn thú tức.

Tương khai tứ diệp tử vi ông.

Tính đã ba đời cháu lấy vợ.

Mừng xem tứ đại con lên ông.

喜值三秋陳醺席

旋覘四代舞斑衣

Hỷ trị tam thu trần tiếu tịch.

Toàn chiêm tứ đại vũ ban y.

Mừng đã ba thu bày tiệc rượu.

Ngoài xem tứ đại múa áo hoa.

王父詒謀聯冠命

嫡孫衍慶顯弧門

Vương phụ di mưu liên quán mạnh.

Đích tôn diễn khánh hiển hồ môn.

Vương phụ lo toan làm kẻ cả.

Đích tôn mừng thọ rạng cung dâu.

鳳卜已酬王父願

熊祥早葉太人占

*Phượng bốc di thù vương phụ nguyên.
Hùng tường tảo diệp thái nhân chiêm.*

Đoán phượng xem ra vừa ý bố.
Điểm hùng chừng đã sớm theo ông

華堂初詠睢麟句
繡閣新編博議書

Hoa đường sơ vịnh Thư Lân cú.

Tú các tân biên Bác nghị thư.

Nhà hoa vừa vịnh thơ Thư Lân.

Gác đẹp mới biên sách Bác nghị.

華開連理描新樣
酒飲交杯醉太平

Hoa khai liên ý miêu tân dạng.

Tửu ẩm giao bôi túy thái bình.

Liên cành hoa nở vẻ thanh tân.

Trao chén rượu mới say khang thái.

笙吹夜月無雙韻
鳳占巫山第一峰

Sinh suy dạ nguyệt vô song vận.

Phượng chiêm Vu Sơn đệ nhất phong.

Tiêu thổi đêm trăng tiếng vô song.

Phượng đậu Vu Sơn đỉnh cao nhất.

留菊好裝金屋夜
望梅先占玉堂春

Lưu cúc hảo trang kim ốc dạ.

Vọng mai tiên chiêm ngọc đường xuân.

Nhà vàng mặc đẹp đêm hương cúc.

Đài ngọc đầu xuân sớm ngắm mai.

雲棲欲上攀丹桂
月殿先登晤素娥

Vân thê dục thượng phan đan quế.

Nguyệt điện tiên dăng ngộ Tố Nga.

Thang mây những muốn vịn đan quế.

Điện nguyệt vừa lên gặp Tố Nga.

永結百年諧靜好
宏開五世慶琪昌

Vĩnh kết bách niên hài tĩnh hảo.
Hoàng khai ngũ thế khánh kỳ tương.
Trăm năm kết mối duyên hài đẹp.
Năm đời rộng mở chúc vĩnh tương.

鸞鳳和鳴琴瑟樂
熊羆葉夢子孫多

Loan phượng hoà minh cầm sắt lạc.
Hùng bi diệp mộng tử tôn đa.
Phượng loan cùng hót vui cầm sắt.
Hùng bi mộng lá đông cháu con.

花堂日暖朝鳴鳳
繡閣風清夜夢熊

Hoa đường nhật noãn triều minh phượng.
Tú các phong thanh dạ mộng hùng.
Nhà hoa ngày ấm phượng sớm hót.
Gác xinh gió mát hùng đêm mơ.

吐鳳雄才成博議
畫娥彩筆點新詩

Thổ phượng hùng tài thành bác nghị.
Hoạ nga thái bút điểm tân thi.
Tài hùng nhà phượng thành bác nghị.
Bút hay vẽ đẹp điểm tân thi.

芙蓉帳裡香風度
翡翠簾前皓月來

Phù dung trướng lý hương phong độ.
Phỉ thúy liêm tiền hạo nguyệt lai.
Phù dung trong trướng thơm hương gió;
Ngọc biếc trước rèm sáng ánh trăng.

瑞藹峯堂欣鳳舞
香筵繡閣樂鸞飛

Thụy ái hoa đường hân phượng vũ.
Hương sinh tú các lạc loan phi.
Mừng phượng múa nhà hoa mây phủ.
Vui loan bay gác đẹp sênh hương.

宜男草發連科綠
多子花開及第紅

Nghi nam thảo phát liên khoa lục.

Đa tử hoa khai cập đệ hồng.

Nên trai thịnh phát liên khoa bảng.

Lắm con hoa nở nổi ngôi cao.

鴛鴦對舞輪迴月
鸞鳳偕鳴葉納春

Uyên ương đối vũ châu hồi nguyệt.

Loan phượng giai minh diệp nạp xuân.

Uyên ương múa cặp thu vàng nguyệt.

Loan phượng cùng kêu đón gió xuân.

雙玉初諧琴瑟調
五花新授鳳鸞封

Song ngọc sơ hài cầm sắt điệu.

Ngũ hoa tân thụ phượng loan phong.

Điệu cầm, sắt hài hoà đôi ngọc.

Vây phượng loan trao mối năm hoa.

藍橋步上雲程月
紅葉詩裁繡閣春

Lam kiều bộ thượng vân trình nguyệt.

Hồng diệp thi tài tú các xuân.

Cầu lam bước nguyệt thẳng đường mây.

Lá đỏ gác xuân đề thơ đẹp.

已看春雲籠彩鬢
還窺月夜印金蓮

Đi khán xuân vân lung thái mấn.

Hoàn khuy nguyệt dạ ấn kim liêm.

Đã ngó mây xuân trùm tóc đẹp.

Lại nhòm trăng dọi dấu gót vàng.

心事如白日青天磊磊落落
神氣在乾涯榜嶺愴愴悽悽

Tâm sự như bạch nhật thanh thiên lồi lồi lạc lạc;

Thần khí tại càn nhai bảng lĩnh thương thương thê thê.

Tâm sự giữa trời xanh ngày rộng, quang minh chính đại;
Tinh thần nêu núi thẳm mây cùng, thương cảm thể lương.
(Phạm Thân Duật, Quan Thành văn tập; viếng Vũ Phạm Khải)

新秀士三我上村又在其上
舊儒門八今君族始發於君

Tân tú sĩ, tam ngã thượng thôn, hựu tại kỳ thượng;

Cựu nho môn, bát kim quân tộc, thủy phát ư quân.

Trò ưu tú mới, tôi là người thứ ba, thôn trên lại đứng hàng trên;
Cửa nhà nho cũ, nay đến vị thứ tám, họ ông mới phát ở ông.

(Mừng tú tài Mai Viêt Hồ)

吾祖積累數百年以有今日
吾侄博得此一捷少慰兄心

Ngô tổ tích lũy số bách niên dĩ hữu kim nhật;

Ngô diệt bác đắc thử nhất tiệp thiểu úy huynh tâm.

Tổ ta tích lũy vài trăm năm để có ngày nay;

Cháu ta giành được phát một cái, chẳng bận lòng anh.

(Mừng tú tài Phạm Khắc Cự)

白日青天先生心也
泰山北斗小子仰之

Bạch nhật thanh thiên tiên sinh tâm dã;

Thái Sơn Bắc Đẩu tiểu tử ngưỡng chi.

Tấm lòng của tiên sinh như thanh thiên bạch nhật;

Ngưỡng vọng của học trò tới Bắc Đẩu Thái Sơn.

(Nghĩ hộ bạn học viếng thầy Vũ Phạm Khải)

終不諠兮大老素爲州里重
死無憾矣舊臣上有聖王知

Chung bất huyền hề, đại lão tố vi châu lý trọng;

Tử vô hám hỹ, cựu thần thượng hữu thánh vương tri.

Khi mất chẳng rùm beng, bậc đại lão vốn được châu lý coi trọng;

Ra đi không ân hận, đáng cựu thần đã có thánh vương xét soi.

(Nghĩ hộ người làng viếng Đông Dương tiên sinh Vũ Phạm Khải)

十室邑人皆似昔
九旬憐母獨安歸

Thập thất ấp nhân giai tự tích;

Cửu tuần lân mẫu độc an qui.

Người trong ấp mười nhà đều khỏe mạnh;

Bà hàng xóm cứu tuân được qui tiên.

(Viếng bà lão họ Nguyễn)

嗟哉先封翁絳帳多年師望重

懷哉我年友墨衣此日子心忙

Ta tai! Tiên Phong ông giảng trường đa niên sư vọng trọng;

Hoài tai! Ngã niên hữu mặc y thử nhật tử tâm mang.

Than ôi! Ông Phong thuở trước buông trường đồ nhiều năm làm thầy
trọng vọng;

Nhớ thay! Bạn cũ của tôi mặc áo đen ngày nọ,
lòng trẻ bồi hồi.

(Viếng ông Đặng Phong làng Hành Thiện)

噫故州杖屨典型吾文執無復存者

噫他日釜鐘悲感吾窗契其將若何

Y cố châu trượng lữ điển hình, ngô văn chấp vô phục tồn giả;

Y tha nhật phủ chung bi cảm, ngô song khế kỳ tương nhược hà.

Than ôi, châu xưa “trượng lữ điển hình” người giúp đỡ văn chương
không còn nữa;

Sao đành ngày nọ “phủ chung bi cảm” bạn đồng sông thi phú
thế nào đây.

(Viếng tú tài làng Trà Tu)

一為奄長終去阮秀才幾辰去潘團長幾日

千里遙相感為吾故鄉而惜為此芳鄰而疑

Nhất vị yếm trường chung, khứ Nguyễn tú tài kỷ thời,

khứ Phan đoàn trưởng kỷ nhật;

Thiên lý giao tương cảm, vì ngô cố hương nhi tích,

vì thử phương lân nhi nghi.

Một căn bệnh lâu dài mới mất, đi như Nguyễn tú tài chỉ mấy giờ
như Phan đoàn trưởng thì mấy buổi;

Ngàn dặm xa xôi đầy thương cảm, làm cho tôi người cùng quê mà
tiếc, cho xóm giềng như vẫn còn ngờ.

(Viếng ông tú tài Mai Đài cùng làng)

生果有涯耶畢世功名終于團長

死亦何因也百船情況酷似枚家

Sinh quả hữu nhai gia, tất thế công danh chung vu đoàn trưởng;

Tử diệc hà nhân dã, bách ban tình huống khốc tự Mai gia.

Sống quả có điểm cùng thay, công danh trọn đời làm ông đoàn trưởng;
Chết cũng do nguyên nhân vậy, khốc hại trăm bề tựa sách Thọ Mai.

(Viếng đoàn trưởng họ Phan trong làng)

昔君登庠吾子喜曰先祠香火有托矣
今君溘逝吾子嘆曰長侄年壽誰奪之
Tích quân đăng tường, ngô tử hỉ viết: tiên từ hương hỏa hữu thác hỷ;
Kim quân hạp thệ, ngô tử thán viết: trưởng diệt niên thọ thù đoạt chi.
Năm xưa anh đi học, thầy ta khen rằng: từ đường hương hỏa tổ tiên
đã có người ký thác;

Năm nay anh qua đời, thầy ta than rằng: tuổi thọ của cháu trưởng
ta kia ai cướp mất rồi.

(Viếng tú tài Nhuận ở Tam Đăng)

亡有亦豪別有軒昂磊落氣
吾人相感不在言語文字間
Vong hữu diệc hào, biệt hữu hiên ngang lối lạc khí;
Ngô nhân tương cảm, bất tại ngôn ngữ văn tự gian.
Vong hồn bạn cũng tự hào, riêng khí chất hiên ngang lối lạc;
Bọn chúng ta cùng thương cảm, chẳng phải bằng ngôn ngữ văn chương.

(Viếng ông tú tài họ Đình, người họ hàng bên vợ)

熙鴻號於無窮鄉老國老
擬生平之還覽象山榜山
Hy Hồng hiệu ư vô cùng hương lão quốc lão;
Nghĩ sinh bình chi hoàn lãm Tượng sơn Bảng sơn.
Ông hiệu Hy Hồng, đẹp vô cùng, hưởng hương lão quốc lão;
Nghĩ khi còn sống, nay nhìn lại như Tượng sơn, Bảng sơn.

(Nghĩ họ thôn nhà viếng ông Phong ở Phương Trì)

卿之逝去吾先舅禪祥幾何日也
今而後奉吾祖祠香火誰其主之
Khanh chi thệ khứ, ngô tiên cậu đàm tường kỷ hà nhật dã;
Kim nhi hậu phụng, ngô tổ từ hương hỏa thù kỳ chủ chi.
Bạc khanh sī khuất rồi, thuở trước cậu tôi biết bao ngày,
chuyện thường đàm bổ ích;
Nay về sau thờ phụng, truy tư tiên tổ trông cậy ai người
hương hỏa từ đường.

(Viếng tú tài Ôn)

白社會甲失一老

青黎閣下歸散官

Bạch xã hội giáp thất nhất lão;

Thanh lê các hạ qui tản quan.

Trong giáp hội tiêu dao ngâm vịnh, tổn thất một người trưởng lão;

Dưới các hàng quan lại lê dân, qui tiên một vị tản quan.

(Nghĩ hộ tổng nhà viếng ông Phong làng Phương Trì)

行正文亦純借無所就

母老兒又幼傷如之何

Hành chính văn diệc thuần, tích vô sở tựu;

Mẫu lão nhi hựu ấu, thương như chi hà.

Việc làm thì trung chính, văn chương cũng thuần hậu,

tiếc chưa có gì thành tựu;

Mẫu thân thì già nua, con cái lại còn nhỏ,

thương tâm kẻ biết dường bao.

(Viếng Phạm Bá Tuyền)

昨夜有人來曰君逝矣

吾州故老在於今幾何

Tạc dạ hữu nhân lai viết quân thế hỹ;

Ngô châu cố lão tại ư kim kỷ hà.

Đêm qua có người chạy đến nghẹn ngào, ông đi thật rồi ư?

Cố lão châu quận ta còn đến nay, phỏng trụ được mấy người?

(Viếng tú tài Ngoạn ở Côi Trì)

一病而陳情咫尺故園猶在夢

十年九制敵錯槃此地孰分憂

Nhất bệnh lưỡng trần tình, chỉ xích cố viên do tại mộng;

Thập niên cửu chế địch, thác bàn thử địa thực phân ưu.

Một bệnh, hai biểu trần tình, vườn cũ tác gang vương vấn mộng;

Mười năm, chín lần chống giặc, khó khăn nơi ấy cậy trông ai?

(Viếng Bùi Tuấn, tổng đốc Bắc Ninh)

廿載兩解元先庚伯後庚侄

一家別機杼二甲父三甲翁

Tráp tài lưỡng giải nguyên, tiên canh bá, hậu canh diệt;

Nhất gia biệt cơ trũ, nhị giáp phụ, tam giáp ông.

Hai mươi năm hai giải nguyên, bác đỗ canh trước, cháu đỗ canh sau;
Một nhà riêng nếp văn chương, cha đệ nhị giáp, ông đệ tam giáp.

(Mừng Nguyễn Kham đỗ giải nguyên trường Hà Nội)

勗子史皆成古稱畫荻和風賢母真無愧者
望子不忍去幾度加餐強藥皇天若有臨之
*Trợ tử sử giai thành cổ xưng họa địch hòa phong, hiền mẫu chân
vô quý giả;*

*Vọng tử bất nhẫn khứ kỷ độ gia xan cường dược, hoàng thiên nhữc
hữu lâm chi.*

Nuôi con đều thành đạt, người xưa khen tần tảo sớm hôm, người mẹ
hiền không hổ thẹn;

Trông con không nỡ đi, mấy phen cố ăn gắng uống thuốc, có hoàng
thiên mãi biết cho.

(Viếng thân mẫu ông cử nhân ở Bằng Lâm)

秀士同榜中兄可惜弟可喜
人家最樂事母之壽子之成

Tú sĩ đồng bảng trung, huynh khả tích, đệ khả hỉ;

Nhân gia tối lạc sự, mẫu chi thọ, tử chi thành.

Trong bảng, đỗ cùng khoa, em đáng vui, anh đáng tiếc;

Sự nhà vui biết mấy, con thành đạt, mẹ thọ trường.

(Mừng ông tú tài họ Quách ở Bằng Lâm)

七中又七旬升於鄉杖於國
數來便數訪年吾長學吾師

Thất trung hựu thất tuần, thăng ư hương, trượng ư quốc;

Số lai tiện số phỏng, niên ngô trưởng, học ngô sư.

Bảy mươi tuổi, bảy lần đỗ, bác tiến ở làng, thọ ở nước;

Mấy bận lại mấy lượt thăm, bác tuổi như anh, học như thầy.

(Mừng thọ ông tú tài làng Đa Mai 70 tuổi)

袍笏萃一門京堂交在省堂翁在
春秋連兩捷鄉榜解元廷榜亞元

Bào hốt tụy nhất môn, kinh đường phụ tại, tỉnh đường ông tại;

Xuân thu liên lưỡng tiệp, hương bảng giải nguyên, đình bảng á nguyên.

Trâm hốt đồn một nhà, quan ông ở kinh, quan bác ở tỉnh;

Xuân thu liên hai bảng, thi hương đỗ nhất, thi diện đỗ nhì.

(Mừng Trục học sĩ mới Nguyễn Kham)

輸財漢賈猶能相
順則堯民儘可封

Thâu tài Hán cổ do năng tướng;

Thuận tắc Nghiêu dân tận khả phong.

Xe của bán buôn như nước sông Hán, còn có năng lực đảm đang
công việc;

Được thuận tình bầu nhu dân vua Nghiêu, hết thấy đều chúc bá hộ
được phong.

(Mừng cha con người xã Đại Tráng quyền góp tiền đều được thưởng bá hộ)

周官鄉有大夫公私奚擇
唐制上自三品父母並封

Chu quan hương hữu đại phu, công tư hề trạch;

Đường chế thượng tự tam phẩm, phụ mẫu tịnh phong.

Quan chức như thời Chu, làng có bậc đại phu, công tư đâu có chọn?

Chế độ như thời Đường, trên từ hàng tam phẩm, cha mẹ đều được phong.

(Mừng ông Bô chính Nguyễn Định Thường được phong tặng)

帝雅重其才再用三用
公雖屈於遇形全神全

Đế nhã trọng kỳ tài, tái dụng tam dụng;

Công tuy khuất ư ngộ, hình toàn thần toàn.

Vua có đức trọng người tài, đã tái dụng lại tam dụng;

Ông tuy khuất không gặp nữa, hình vẫn toàn thân vẫn toàn.

(Viếng ông Nguyễn Vĩ nguyên chức Hồng lô)

三甲子爲親去官於義何害
七旬翁宜封而贈其死也哀

Tam giáp tử vì thân khứ quan, ư nghĩa hà hại;

Thất tuần ông nghị phong nhi tặng, kỳ tử dã ai.

Con tam giáp vì cha phải bỏ quan, đối với nghĩa sao mà
thêm hại;

Ông thất tuần đáng vinh phong mà tặng, việc từ trần nghị lại
càng thương.

(Viếng thân phụ Thái tiên họ Vũ)

帝謂非屈匪非出征群議定矣
子素有奇才英氣造物妒之

Đế vị phi khuất phi, phi xuất chinh, quần nghị định hĩ;

Tử tố hữu kỳ tài, hữu anh khí, tạo vật đố chi.

Vua bão không phải khuất phục phí, không phải xuất chinh,
cũng đủ đánh giã được;

Thấy vốn là người có kỳ tài, vốn có anh khí,
nên tạo hóa ghét ghen.

(Viếng Đông Dương tiên sinh Vũ Phạm Khải)

生死偶然耶 胡與東翁從而歸又從而去
感慨繫之矣 適此秋涼日難爲挽遂卽爲歌

Sinh tử ngẫu nhiên gia, hỏ dĩ Đông Niết ông, tòng nhĩ qui,
hựu tòng nhĩ khứ;

Cảm khái hệ chi hĩ, thích thử thu lạo nhật, nan vi vãn,
toại nan vi ca.

Việc sinh tử ngẫu nhiên thay, sao cùng ông Đông Niết theo về lại
theo từ biệt;

Sự cảm khái quan hệ vậy, di lúc mùa thu lớn, khó khăn viếng,
khó khăn ca.

(Nghĩ hộ huyện hội Tứ văn viếng quan lãnh kinh ở Côi Trì)

菊松彭澤餘三徑
風雅吳中少一評

Cúc tùng Bành Trạch dư tam kính;

Phong nhã Ngô Trung thiếu nhất bình.

Loài cúc tùng Bành Trạch, thừa ba luống biếc;

Nếp phong nhã Ngô Trung, thiếu một lời bình.

(Nghĩ hộ huyện hội Tứ văn viếng quan án sát người làng Côi Trì)

舅子業甚勤 今升庠矣
我母聞之喜如獲寶然

Cậu tử nghiệp thậm cần, kim thăng tương hĩ,

Ngã mẫu văn chi chí, như hoạch bảo nhiên.

Cậu tu nghiệp thật chuyên cần, ngày nay đỗ đạt;

Mẹ tôi nghe tin mừng rỡ, như được vàng mười.

(Mừng tân tú tài Ôn)

翁何病哉 塵夢百年終化鶴
客有吊者 酬礪千里但憑風

Ông hà bệnh tai, trần mộng bách niên chung hóa hạc;

Khách hữu điếu giả, thử lao thiên lý đân bằng phong.

Bệnh tình ông lâm sao, mộng trần thế trăm năm hóa hạc;

Lời điếu tôi than rằng: chén tiễn đưa nghìn dặm bằng phong.

(Viếng ông hậu nho)

秀士榜中妻妾幸皆有弟
烏衣巷裡後先各自成家

Tú sĩ bảng trung thê thiếp hạnh giai hữu đệ;

Ô y hạng lý hậu tiên các tự thành gia.

Bảng tú sĩ, thê thiếp của ông may mắn đều có em;
Ngõ Ô, Y, trước sau rồi sẽ thành những nhà nổi tiếng.

(Mừng ông tú tài Tiếp Chi)

科舉有命耶何吾翁得之難而吾曹乃得之易
此捷可喜也視與侄若少遜而與兄則若少強

*Khoa cử hữu mệnh gia, hà ngô ông đắc chi nan nhi ngô tào nãi
đắc chi dị;*

*Thử tiếp khả hĩ dã, thị dữ diệt nhược thiếu tốn nhi dữ huynh tắc
nhược thiếu cường.*

Khoa cử có mệnh chẳng, sao cha tôi đạt thì chầy,
bọn ta đạt lại dễ;

Việc mau chóng mừng vậy, với cháu lúc trẻ lại kém,
với anh lúc trẻ lại hơn.

(Mừng tú tài Chiêu Ân)

吾縣兩途並顯池武漢文
名家四代同堂祖壽孫貴

Ngô huyện lưỡng đồ tịnh hiển, trì vũ khê văn;

Danh gia tứ đại đồng đường, tổ thọ tôn quý.

Hàng huyện vui, ao vũ suối văn hai đường đều hiển đạt;

Nếp nhà tổ, cha vinh con quý, bốn hệ hưởng đồng đường.

(Mừng ông cử Phạm Trung Lương)

吾邑近聖宇道化觀感多得之
休翁有古風子侄成立亦宜矣

Ngô ấp cận thánh vũ, đạo hóa quan cảm đa đắc chi;

Hưu ông hữu cổ phong, tử diệt thành lập diệc nghi hĩ.

Ông vốn phong cách xưa, con đạt cháu thành vui hợp lẽ;

Ấp ta gần cửa thánh, cảnh quan cảm hóa hưởng bội phần.

(Mừng ông cử nhân Triều Kha)

幹止未寧非欲舍我而去也
催科獨拙安得如公以繼之

Cán chỉ vị ninh, phi dục xả ngã nhi khứ dã;

Thôi khoa độc chuyết, an đắc như công dĩ kế chi.

Thân phận chú chưa yên, chẳng muốn bỏ tôi mà đi được:
Tiền thân tôi còn vụng, sao bằng được chú kế nghiệp cha.
(Nghĩ hộ ông họ Dương ở Võ Giàng mừng tiền em trai thứ hai)

吾州幸無事人以和神亦以寧
皇福厚所生昔雙封今又雙贈

Ngô châu hạnh vô sự, nhận dĩ hòa, thần diệc dĩ ninh;
Hoàng phúc hậu sở sinh, tích song phong kim hựu song tặng.
Phúc dày vui lớn lại sinh, xưa song phong nay lại phong tặng;
May mắn châu ta vô sự, người được hòa, thần cũng được an.
(Mừng thọ phụ mẫu Đông Dương tiên sinh lại được gia tặng)

舅子初小成膝下怡愉歡日幾
舅計久已到軍中空總挽歌遲

Cậu tử sơ tiểu thành tất hạ, chi du hoan nhật kỷ;
Cậu phó cửu dĩ đáo quân trung, không tổng vãn ca trì.
Cậu còn nhỏ, giữ trọn niềm hiếu thảo, ngày thanh thân
trong lòng được mấy;

Cậu từ trần, tin chậm đến quân trung, trách cao xanh
để muộn tiễn đưa.

(Viếng người cậu họ)

從來拙者逸能者勞莫非命也
日下諒已平高已復蓋少待之

Tòng lai chuyết giả dật, năng giả lao mạc phi mệnh dã;
Nhật hạ lượng dĩ bình, cao dĩ phục cái thiểu dĩ chờ.

Xưa nay kẻ vụng về thì nhàn hạ, người vất vả chẳng ai không xúi quẩy;
Hàng ngày sống độ lượng sẽ bình yên, điều lồi thối tất ít phải chờ lo.

(Viếng nguyên ngự sử họ Dương)

吾州出隴三茅拔叢征昔如此今乃如此
望邑歸官二菊園鄰北居與偕去亦與偕

Ngô châu xuất liễu tam, mao bạt vừng chinh, tích như thử
kim nãi như thử;

Vọng ấp qui quan nhị, cúc viên lân bắc, cư dữ giai,
khử diệc dữ giai.

Châu ta án sát có ba người, việc tiến cử trọng đức tài, xưa như thế
nay đà như thế;

Hương ấp hựu quan có hai vị, cùng xóm giếng vui vườn cúc, sống vẻ
vang, thác cũng vẻ vang.

(Viếng quan án sát họ Nguyễn người làng Côi Trì)

平生安所遇 不怨不憂
族黨惜其才 既文既博
*Bình sinh an sở ngộ, bất oán bất ưu;
Tộc đảng tích kỳ tài, ký văn ký bác.*

Khi sống, ông là người không âu lo, không oán hận;
Khi mất, họ hàng tiếc người quàng bác, người văn chương.
(Viếng Phạm Đài ở Phụng Tri)

奇哉翁一臥 更成千古夢
今何日片情 追感隔年喪
*Kỳ tai ông, nhất ngọa cánh thành thiên cổ mộng;
Kim hà nhật, phiến tình truy cảm cách niên tang.*
Ông thật lạ thay, vừa nằm xuống đã thành người thiên cổ;
Nay ngày nào vậy, nhớ cảnh nhà tang tóc mới cách năm.
(Viếng ông người làng)

子爲親遊遠地 得歸難得養
家惟母在至情 相似故相憐
*Tử vi thân du viễn địa, đắc qui nan đắc dưỡng;
Gia duy mẫu tại chí tình, tương tự cố tương lân.*
Con sống xa cha ở nơi đất lạ, lúc lâm chung, tuy về được
mà sao nuôi được;
Nhà duy còn mẹ chăm sóc chí tình, giờ ly biệt, cảnh giống nhau,
nên mới thương nhau.

(Viếng tang thân phụ ông cấp sự Dương Khắc Niệm)

天下無事則病生 山賊平病而歸 高賊平病而去
人世不朽者名在文陣 捷名之始 武陣捷名之終
*Thiên hạ vô sự tắc bệnh sinh, Sơn tặc bình bệnh nhi qui,
Cao tặc bình bệnh nhi khứ;
Nhân thế bất tử giả danh tại, văn trận tiếp danh chi thủy,
vũ trận tiếp danh chi chung.*
Khi thiên hạ còn vô sự là lúc bệnh sinh, Sơn Tây bình, bệnh về,
Cao Bằng bình, ông khuất,
Điều bất hủ của đời người là danh tồn tại, văn trận thắng, danh nổi,
vũ trận thắng, danh tan.
(Viếng Tán ban Ngô Văn Khánh)

名之逝去 范相公幾何日
今而後 雖賢邑宰焉取斯

Danh chi thế, khứ Phạm tướng công kỷ hà nhật;

Kim nhi hậu, tuy hiền áp tế yên thủ tư.

Người nổi tiếng mất rồi, trước Phạm tướng công là mấy chốc;

Nay về sau đành vậy, bậc hiền áp tế mấy lúc chọn riêng ông.

(khuyết lạc khoản)

居是邦不得事其大夫之賢可惜

生斯世無糧革於千里之外也宜

Cư thị bang, bất đắc sự kỳ đại phu chi hiền, khả tích;

Sinh tư thế, vô lương cách ư thiên lý chi ngoại, dã nghi.

Ở trong nước, không được giúp việc bậc hiền đại phu thì đáng tiếc;

Sống ở đời, không có bình lương ở ngoài ngàn dặm lại cũng nên.

(Viếng tổng đốc họ Phạm người Bình Phú)

第一名題丁卯榜

七千才讓桂陽人

Đệ nhất danh đề Đinh mao bǎng;

Thất thiên tài nhượng Quế Dương nhân.

Tên đề đầu bảng khoa thi Đinh mao;

Sức thắng bảy nghìn quê gốc Quế Dương.

(Mừng Nguyễn Cao người làng Cách Bi)

苴內常自如當貴乎何加患難乎所損

文力訓其矣精詳似是於愉略似是工

Thư nội thường tự như phú quý hồ, hà gia hoạn nan hồ sở tổn;

Văn lực huấn kỳ hĩ tinh tường tự, thị ư du lược tự thị công.

Cái gốc bên trong thường từ phú quý chẳng, sao nói tổn hại là do

hoạn nạn;

Văn lực vững do dạy bảo tinh tường vậy, đại để như người thợ khéo

làm nên.

(Mừng ông tú tài Vũ Thế Huynh làng Phụng Tri)

家八世科名東岸進士子繼父

鄉三甲錦畫北寧督部翁兼師

Gia bát thế khoa danh, Đông Ngạn tiến sĩ tử kế phụ;

Hương tam giáp cẩm trú, Bắc Ninh đốc bộ ông kiêm sư.

Tám đời khoa bảng, con đồ tiến sĩ kế nghiệp cha nức tiếng một nhà

vùng Đông Ngạn;

Ba giáp danh đề, ông thăng tổng đốc kiêm sư phụng nổi tên cả áp

tỉnh Bắc Ninh.

(Mừng tiến sĩ Nguyễn Kham)

七品軍功小亦貴
百年人世老宜閒

Thất phẩm quân công tiểu diệc quý;

Bách niên nhân thế lão nghi nhàn.

Thất phẩm quân công, nhỏ cũng quý;

Trăm năm nhân thế, già nên nhàn.

(Mừng ông cai tổng ở Vân Hiệp)

世路迭升沈廿載青藜還似昔
人生忽聚散一朝白社半成空

Thế lộ diệp thăng trầm, thập tải thanh lê hoàn tự tịch;

Nhân sinh hốt tụ tán, nhất triều bạch xã bán thành không.

Đường đời đắp đổi thăng trầm, ba mươi năm quan lại lê dân hoàn
như cũ;

Cuộc thế bỗng nhiên tụ tán, một sáng nơi tiêu dao ngâm vịnh đã
thành không.

(Nghỉ hội hội Tư văn hàng tổng viếng Đông Dương tiên sinh)

村居翁豈孝爲莊耶鼓盆而歌又而哭
縣幫子亦酷似毛矣捧檄而喜又而空

Thôn cư ông khởi hiếu vi Trang gia, cổ bồn nhi ca hựu nhi khóc;

Huyện bang tử diệc khốc tự Mao hĩ, bổng hịch nhi hỉ hựu nhi không.

Thôn ông làm tang hiếu thê như Trang tử gõ bồn để mà ca
như để khóc;

Quan huyện than khóc thân mẫu tựa họ Mao bưng hịch sắc mặt vui,
dạ lạnh lòng.

(Viếng tang thân mẫu ông lục phụng họ Vũ)

於戊若有緣我得庚君今得甲
此家不終屈弟在門賀已在閭

Ư tuất nhược hữu duyên ngã đắc canh quân kim đắc giáp;

Thử gia bất chung khuất đệ tại môn hạ dĩ tại lư.

Năm Canh tuất (1850) nếu tôi có duyên thì may mắn nay đứng hàng
khoa giáp;

Chốn gia môn ông chẳng chịu khuất đã mừng vui toại nguyện với
quê hương.

(Mừng cử nhân Đoàn Tiến ở Nam Định)

兩度偶相逢去冬爲憂今冬爲喜
百杯強飲客心忘其病恙忘其貧

*Lưỡng độ ngẫu tương phùng, khứ đông vi ưu, kim đông vi hỉ;
Bách bôi cường ẩm khách, tâm vong kỳ bệnh, dạng vong kỳ bản.*

Hai dịp tình cờ gặp nhau, đông trước còn lo, đông sau đã thỏa;
Trăm chén đông đảo khách uống, quên ngay cả bệnh, quên luôn cả nghèo.

(Mừng ông cai tổng Nham Nộn Khê)

百年壺範存書攬
千古鍾情謹束帛

Bách niên hồ phạm tồn thư hoạch;

Thiên cổ chung tình cẩn thục xu.

Trăm năm khuôn phép còn thu hoạch được trong sách vở;
Nghìn xưa tình nghĩa trong việc tang cung kính mặc áo xô.

(Viếng thân mẫu ông Linh Đường, tri huyện Văn Chấn)

木丸佳邑猶前度
左武者年少此人

Mộc Hoàn giai áp tồn tiền độ;

Tả Vũ kỳ niên thiếu thủ nhân.

Thôn ấp cạnh núi Mộc Hoàn mãi mãi nhớ ông;

Bạc kỳ lão làng Tả Vũ ít người được vậy.

(Viếng bá hộ Nhàn ở Đại Tráng, tỉnh Bắc Ninh)

惜哉翁去方亭先生幾多日
今而後有邑宰君子焉取斯

Tích tai ông khứ Phương Đình tiên sinh kỷ đa nhật;

Kim nhi hậu hữu ấp tể quân tử yên thủ tư.

Tiếc thay, Phương Đình tiên sinh đi trước ông mới bấy nhiêu ngày;

Nay thì ấp tể quân tử, ai người giữ đạo thánh thay ông.

(Viếng đốc học Nam Định họ Dương người Hà Nội)

昔仗王之靈樽俎笑談四城乃復
今逢國有慶璽書褒異三代並封

Tích trượng vương chi linh, tôn trở tiếu đàm tứ thành nãi phục;

Kim phùng quốc hữu khánh, tể thư bao di tam đại tịnh phong.

Xưa nhờ uy linh vua, yến tiệc nói cười, bốn thành khôi phục;

Nay gặp ngày quốc khánh, ban khen bằng cấp, tam đại vinh phong.

(Mừng Hiệp biện Đại học sĩ Thượng thư bộ Hộ ba đời được tặng phong)

帝軫臣私甫得歸奈不久得養
天奪母壽經此變即亦同此悲

Đế chấn thần tư phủ đắc qui, nại bất cửu đắc dương;
Thiên đoạt mẫu thọ kinh thủ biến tức diệc đồng thủ bi.
Vua cho con làm bề tôi trở về, sao không ở lâu để được nuôi dưỡng;
Trời cướp mất tuổi thọ của mẹ, qua sự biến này liền đến sự bi.
(Viếng tang thân mẫu quan Ngự sử Dương Quán người làng Văn Đình)

遇亦甚難哉慷慨先已駢馬子
神當不沒矣悽愴長在升龍間
Ngộ diệc thậm nan tai, khảng khái tiên dĩ Phò mã tử;
Thần đương bất một hĩ, thê thương trường tại Thăng Long gian.
Cảnh ngộ thật khó thay, khảng khái trước hi sinh của con là Phò mã;
Tinh thần không mất vậy, cảm thương còn vơi vợi tại đất cũ Thăng Long.
(Viếng Võ hiến điện Đại học sĩ Nguyễn Tri Phương)

一哭重憂母未禪而父去
四郊多壘公爲重則死輕
Nhất khóc trùng ưu, mẫu vị đàm nhi phụ khứ;
Tứ giao đa lũy, công vi trọng tắc tử khinh.
Một khóc hai nỗi buồn, tang mẹ chưa xong, tang cha đã đến;
Bốn cõi nhiều rối loạn, sự công làm trọng, sự chết coi thường.
(Viếng tang thân phụ ông Tiểu phủ Vũ Huy Thụy)

雙慶此家門今後夕晨性母在
三子皆我友年來次第爲親還
Song khánh thử gia môn, kim hậu tịch thân duy mẫu tại;
Tam tử giai ngã hữu, niên lai thứ đệ vị thân hoàn.
Hai niềm vui chốn gia môn, từ nay về sau sớm chiều duy còn mẹ;
Ba người con đều là bạn, từ đây trở đi đến lượt chịu tang cha.
(Viếng tang thân phụ Nguyễn Hữu Lợi, nguyên làm Niết sử Cao Bằng)

吾境小而安擇賜花筵隨處有
北邊險且遠輸財義戶似君希
Ngô cảnh tiểu nhi an, trạch tứ hoa diên tùy xứ hữu;
Bắc biên hiểm thả viễn, thâu tài nghĩa hộ tự quân hi.
Bờ cõi của ta nhỏ bé yên hàn, chọn được người ngồi đúng chiếu hân
tùy nơi mới có;
Biên giới phía Bắc xa xôi hiểm trở, gom tiền của làm việc nghĩa như
ông cũng chẳng nhiều.
(Mừng ông bá hộ Đoàn Văn Chí làng Phù Sa)

人有賢父兄樂也
天不遺耆老哀哉

Nhân hữu hiền phụ huynh lạc dã;

Thiên bất di kỳ lão ai tai.

Người có cha anh hiền thì vui vậy;

Trời chẳng cho tuổi tác, thật buồn thay.

(Viếng tang thân phụ bạn cùng tuổi làng Ngô Đồng – câu 1)

遊子尚多揚顯日
壽翁蓋得太平年

Du tử thượng đa dương hiển nhật;

Thọ ông cái đãi thái bình niên.

Con đi xa còn mong ngày hiển đạt;

Già sống thọ sao chờ hưởng thanh bình.

(Viếng tang thân phụ bạn cùng tuổi làng Ngô Đồng – câu 2)

淑人暫別君子歸豈知桑梓到來遽成永訣
老臣身當天下事可奈春秋閒度浪作鰥夫

*Thục nhân tạm biệt quân tử qui, khởi tri tang tử đáo lai cử
thành vĩnh quyết;*

*Lão thần thân đương thiên hạ sự, khả nại xuân thu nhàn độ lãng
tác quan phu.*

Vợ hiền tạm chia tay quân tử trở về, đâu biết nơi quê nhà
phút giây thành vĩnh biệt;

Lão thần còn đang lo toan bao việc nước, có thể nào tuổi tác
bỗng chốc hóa quan phu.

(Nghĩ hộ ông họ Nguyễn khóc vợ – câu 1)

令妻喪寒暑載離奈邊事在身未敢以請
旅病翁進退維谷噫古賢處此亦難為情

Lệnh thê tang hàn thử tải ly, nại biên sự tại thân vị cảm dĩ thỉnh;

Lữ bệnh công tiến thoái duy cốc, ỹ cổ hiền xử thử diệc nan vi tình.

Nóng lạnh chỗ biệt ly, tang vợ xui nên, thân mình nào phải biên
cương dám đâu cầu nguyên;

Tiến lui đành một nẻo, bệnh ông chất chứa, người hiền xưa âu cũng
thế, khó nói hết tình.

(Nghĩ hộ ông họ Nguyễn khóc vợ – câu 2)

芻束來從千里外
桃筵纔隔兩秋間

*Xô thúc lai tòng thiên lý ngoại;
Đào diễn tài cách lương thu gian.*

*Mặc áo xô về từ ngoài ngàn dặm;
Ngồi chiếu đào mới cách khoảng hai thu.*

(Viếng tang thân mẫu ông Cai tổng Thổ Tang)

才子昂于成北鐸翁詩禮門庭無愧矣
良守挽不得吾州閭大小人士咸惜之

Tài tử trợ vu thành bắc đạc ông thi lễ môn đình vô quý hĩ;

Lương thủ vãn bất đắc ngô châu lữ đại tiểu nhân sĩ hãm tích chi.

Người tài do cố gắng mà thành, ông vốn nhà dòng dõi nho gia, thật
không hổ thẹn;

Đức tốt phải tiến đưa ai muốn, khắp châu huyện thân hào nhân sĩ
đều tiếc thương.

(Viếng tang ông họ Đoàn làm tri phủ An Khánh)

將強則兵強四征有大快舉
功懋斯賞懋五爵從此階升

Tướng cường tắc binh cường, tứ chinh hữu đại khoái cử;

Công mậu tư thưởng mậu, ngũ tước tòng thủ giai thăng.

Tướng giỏi thì binh hùng, cất quân chinh phạt bốn phương có công lớn;
Công nhiều tất thưởng hậu, được thăng lên bậc ngũ tước xứng chí cao.

(Mừng đề đốc họ Nguyễn được thưởng tước nam)

草舍爲親成於斯聚乃於斯哭
晨昏惟母在同此地亦同此悲

Thảo xá vi thân thành, ư tư tụ nãi ư tư khóc;

Thân hôn duy mẫu tại, đồng thủ địa diệc đồng thủ bi.

Nhà cỏ làm tang cha, sống ở đây khóc lóc cũng ở đây;

Sớm chiều chỉ còn mẹ, sinh nơi này thương xót cũng nơi này.

(Viếng tang thân phụ ông cử nhân Phạm Chấn Lang ở Nộn Khê)

調變豈無方惟人壽蓋自有命有數
生平多可取其行義驗之一縣一鄉

Điều biến khởi vô phương duy nhân thọ, cái tự hữu mệnh hữu số;

Sinh bình đa khả thủ kỳ hành nghĩa nghiệm chi nhất huyện nhất hương.

Dời đổi tai biến há không phương kế, duy tuổi thọ có số có mệnh;

Đòi người lấy việc hành nghĩa của mình, kiểm nghiệm lại một huyện một làng.

(Viếng ông Giám trường họ Nguyễn ở Côi Trì)

舊轄挽不能有代者來便別去
新御追以勸雖死之日如生年

Cựu hạt văn bất năng, hữu đại giả lai tiện biệt khứ;

Tân ngự truy dĩ khuyến, tuy tử chi nhật như sinh niên.

Dân trị hạt cũ chẳng thể đi đưa, tôi làm khách đến đây tiễn biệt;
Nơi cai quản mới đem lòng tưởng nhớ, ngày từ trần cúng giống năm sinh.

(Viếng ông họ Đặng làm thập bộ tỉnh nhà)

咫尺有天臨鬼域不爲君子累
江山以人重馬車應記昔年題

Chỉ xích hữu thiên lâm quỷ vực, bất vị quân tử lũy;

Giang sơn dĩ nhân trọng mã xa, ứng ký tích niên đề.

Cách gang tấc trời cao soi vực quỷ, chẳng làm người quân tử lũy;
Giang sơn nhân thế xem trọng ngựa xe, lời bình còn nhớ năm xưa.

(Nghĩ hộ làng Kinh Đế trong tỉnh mừng ông Vũ Ích Khiêm án sát tỉnh

Hưng Yên. Mùa hạ năm Tân Ty (1881) niên hiệu Tự Đức)

闕下捧金龜帝眷親恩感懷萬緒
秋初聞鶴別鰥夫徵士進退兩難

Khuyến hạ bồng kim qui đế quyến, thân ân cảm hoài vạn tứ;

Thu sơ văn hạc biệt quan phu, trưng sĩ tiến thoái lưỡng nan.

Dưới trướng dâng rùa vàng, vua quý, cha ơn, cảm hoài muôn mối;

Đầu thu nghe hạc lánh, chồng côi, danh sĩ, tiến thoái khó bề.

*(Viếng tang vợ ông tú tài Đài ở Phượng Trì - mùa đông năm Tân Ty (1881),
niên hiệu Tự Đức).*

噫居母喪甫終繼之以嫂

噫居兄病未起忽然而鰥

Hi! Cư mẫu tang phủ chung kế chi dĩ tẩu;

Hi! Cư huynh bệnh vị khởi hốt nhiên nhi quan.

Ồi! Cư tang mẹ vừa xong, kế theo tang chị;

Ồi! Bệnh của anh chưa khỏi, bỗng hóa chồng côi.

*(Viếng tang thân mẫu ông Đỗ Y làng Đa Hòa - mùa đông năm Tân Ty
(1881), niên hiệu Tự Đức)*

八載兩成鰥兒幼提攜大丈夫亦難處此
朝聞暮得請室家情緒聖天子寔深體之
*Bát tải lưỡng thành quan, nhi ấu đề huê, đại trượng phu diệc nan xử
thử;*

*Triều văn mộ đức thỉnh, thất gia tình tự, thánh thiên tử, thực thâm
thể chi.*

Tám năm hai lần góa, con nhỏ dất tay, đại trượng phu cũng
khó xử thế;
Sớm nghe chiếu được phép, tình nhà vấn vít, thánh thiên tử thực
thể tất cho.

(Đầu xuân năm Nhâm Ngọ (1882) niên hiệu Tự Đức, viếng tang bà vợ Biện
lý bộ Binh Vũ Tuấn)

帝軫臣私三子得歸二得養
天奪母壽兩家相似迭相憐

Đế chấn thân tư, tam tử đắc qui nhị đắc dưỡng;

Thiên đoạt mẫu thọ, lưỡng gia tương tự diệt tương liên.

Vua thương nỗi riêng, ba con được về, hai được nuôi;

Trời cướp tuổi mẹ, hai nhà tương tự cảnh cùng thương.

(Viếng tang thân mẫu ông Hữu Hữu Lợi, người Hành Thiện, nguyên án sát
tỉnh Cao Bằng)

姻屬九旬翁久已逝矣
宦遊千里客今乃聞之

Yên thuộc cửu tuần, ông cửu dĩ thế hỹ;

Hoạn du thiên lý, khách kim nãi văn chi.

Ông đã chín mươi, mất từ lâu lắm;

Quan xa nghìn dặm, nay mới hay tin.

(Viếng ông phó già)

邑老壽而康暮歲成鰥無別憾
長郎病未愈一朝失恃最堪憐

Ấp lão thọ nhi khang, mộ tuế thành quan vô biệt hám;

Trường lang bệnh vị dũ, nhất triêu thất thị tối kham liên.

Già làng vẫn an khang, cuối đời góa bụa không hờn oán;

Anh cả bệnh chưa khỏi, một chiều nhắm mắt đáng thương sao.

(Viếng bà chánh già trong làng)

宋名臣有言作縣不易
曾大賢所樂逮親之存

Tống danh thần hữu ngôn tác huyện bất dịch;

Tăng đại hiền sở lạc逮 thân chi tồn.

Giống như danh thần đời Tống, từng có câu làm một huyện ổn định;

Được như đại hiền họ Tăng có niềm vui khi cha mẹ còn sống.

(Tặng phó bảng Nghệ An Nguyễn Thái Tuấn mới được thăng tân

Đồng tri phủ phán phủ Vinh Tường)

吁亦異哉嘗聞先封翁寥廓之遊曾此日
伊可懷矣今後太封母門閭之聖難爲情
*Hu, diệc dị tai, thường văn tiên phong ông liêu quách chi du tăng
thử nhật;*

*Y, khả hoài hỷ, kim hậu thái phong mẫu môn lư chi vọng nan
vì tình.*

Ôi sao mà lạ thế! Dẫu đã từng nghe cuộc nhà du thanh thân tiên
ông ngày này dồn đến;

Thật đáng nhớ lắm thay! Từ nay về sau nơi môn hộ xa trông thái
mẫu khó nói nỗi niềm.

(Viếng Tham tri Lê Đình Tuấn)

有命名也夫簪笏三朝系範三代
其明德遠矣雪龍天北香屏天南

Hữu mệnh danh dã phù, trâm hốt tam triều, cốn ba tam đại;

Kỳ minh đức viễn hỷ, tuyết long thiên Bắc, Hương Bình thiên Nam.

Tiếng tốt được tôn vinh, trâm hốt ba triều, tiếng thơm tam đại;

Đức sáng còn xa mãi, tuyết rồng trời Bắc, Hương Ngự trời Nam.

*(Mừng Văn Minh điện Đại học sĩ Trần Tiến Thành được nhà vua tặng
sắc phong ba đời)*

五經兼通有此材宜有此遇
九重嘉悅詢其父又及其翁

Ngũ kinh kiêm thông, hữu thử tài nghi hữu thử ngộ;

Cửu trùng gia duyệt, tuân kỳ phụ hựu cập kỳ ông.

Thông suốt năm kinh, có tài ấy thì đạt danh ấy;

Đẹp ý nhà vua, đã tin cha thì ắt tin ông.

*(Mừng Nguyễn Sĩ Bình người Quảng Trị, đồ giải nguyên khoa Giáp Ngọ
(1882) là con rể Hiệp biện Đại học sĩ Nguyễn Văn Tường)*

人無百年耶九旬翁湖海逍遙忽乘鶴去
養難再得矣兩遊子朔南蒲伏咸戴星歸

Nhân vô bách niên gia, cửu tuần ông hồ hải tiêu dao, hốt thừa hạc khứ;

Dưỡng nan tái đắc hỷ, lưỡng du tử sóc nam bồ phục hàm đới tinh qui.

Mấy ai sống được trăm năm, ông cửu tuần hồ hải tiêu dao, bỗng vội
lên tiên cưỡi hạc;

Dưỡng nuôi khó bề trở lại, con hai độ bắc nam tang phục, âu đành
đưa tiễn đội sao.

*(Viếng tang thân phụ ông bố chính Nghệ An Nguyễn Khắc Vĩ,
người làng Bình Hồ)*

一舉成名有是父兄宜有是子弟
九重好士取其道行兼取其文章

*Nhất cử thành danh, hữu thi phụ huynh nghi hữu thi tử đệ;
Cửu trùng hiếu sĩ, thục kỳ đạo hạnh kiêm thủ kỳ văn chương.*

Một lần thi đã thành danh, có cha anh ấy thì có con em ấy;
Nhà vua xem trọng kẻ sĩ, chọn người đạo đức chọn cả bậc văn chương.
(*Mừng Vũ Trinh quê Quảng Bình đỗ cử nhân khoa Nhâm Ngọ(1882)*
con đốc học Vũ Trọng Bình)

考廟昔加封大慶年疊荷恩榮同乎仲氏
使旄今再出官遊子克事制書告于前人
Khảo miếu tích gia phong, đại khánh niên điệp hà, ân vinh đồng hồ
trọng thi;

Sứ mao kim tái xuất, quan du tử khải sự, chế thư cáo vu
tiền nhân.

Cha mẹ trước được gia phong, niềm vui lớn bao lần ân sủng ấy
về vang cả họ: -

Sứ thần nay lại tiếp bước, đứa con xa chịu lỗi, áng văn này
tỏ với tiền nhân.

(*Mừng cha mẹ quan Kinh lược phó sứ Bùi Văn Di được vua gia tặng*)

噫異哉昨胡今黎冬鄉相繼去
可慨矣仆稀子幼旅殞何辰歸

*Y dị tai! Tạc hồ kim lê đông khanh tướng kế khứ;
Khả khái hĩ! Phó hi tử ấu lữ tẩn hà thời qui.*

Ôi lạ thay! Mới đó mà nay lê dân khanh tướng theo đi cả,
Thương biết mấy! Chợt nghe cáo phó, ấu thơ lữ tẩn tự khi nào.
(*Viếng Công bộ thượng thư Lê Hữu Tá người tỉnh Sơn Tây*)

先大夫通德門高鬱鬱征看槐蔭茂
賢太守新除命下囟囟已帶白雲歸

*Tiên đại phu thông đức môn cao, uất uất chinh khan hòe ảm mậu;
Hiền thái thú tân trừ mệnh hạ, thông thông dĩ đới bạch vân qui.*
Bậc đại phu thuở trước, đức càng sáng, cửa thêm cao, cảnh xanh
tươi nhìn quế hòe ảm bụi;

Quan Thái thú hiền tài, chức mới trao, mệnh đã xuống, trời thoáng
không mây trắng kết vòng vây.

(*Viếng tang thân phụ Đình nguyên Đỗ Huy Liệu ở La Ngạn*)

皇使好于家金帛昨朝恩典望
天胡奪其養木風終古孝情忙

Hoàng sứ hiếu vu gia, kim bạch tạc triều ân điển vọng,
Thiên hồ đoạt kỳ dương, mộc phong chung cổ hiếu tình mang.
Hoàng sứ mã vội về nhà, vàng lụa triều qua nặng lòng ân điển;
Trời sao cướp công nuôi dưỡng, gió cây tron kiếp bể bộn hiếu tình.
(Viếng tang thân phụ Tham tri bộ Binh Hà Văn Quan)

一養字天何於人耶府檄來辰母已去
數年前我亦猶之君也權車行處路多難
Nhất dưỡng tự thiên hà ư nhân gia, phủ hịch lai thì mẫu dĩ khứ;
Số niên tiền ngã diệc do chi quân dã, quyền xa hành xử lộ đa nan.
Một chữ “dưỡng” sao trời tiếc người ta thế, phủ nha loan báo mẹ từ
đây xa mãi;
Vài năm trước, tôi cũng giống như ông vậy, xe sẽ về nơi đường sao
lắm gian nan.

(Viếng tang thân mẫu Trần Khắc Quang, nguyên thông phán tỉnh nhà mới
thăng đồng tri phủ)

以直道事人慷慨可徵嚴父訓
以親喪去位徘徊卻憶昔年心
Dĩ trực đạo sự nhân, khảng khái khả trưng nghiêm phụ huấn;
Dĩ thân tang khứ vị, bồi hồi khước ức tích niên tâm.
Lấy sự ngay thẳng làm việc với người, khảng khái kinh vâng lời cha dạy;
Vì tang phụ thân mà rời cương vị, bồi hồi lòng lại nhớ năm xưa.
(Viếng tang thân phụ Nguyễn Hữu Đạo, tri huyện huyện Đông Anh)

噫三兄今從夫子遊步趨間有異聞否
噫三兄未赴禮部試場屋事能忘懷耶
Y Tam huynh! Kim tông phu tử du bộ xu gian hữu dị văn phủ;
Y Tam huynh! Vị phó Lễ bộ thí trường ốc sự năng vong hoài gia.

Ồi Tam huynh! Nay theo phu tử rong ruổi đi chơi xa,
nghe thế có lạ không!

Ồi Tam huynh! Chưa cáo phó với bộ Lễ, với trường thi
chẳng quên nỗi nhớ thương.

(Viếng cử nhân Đệ Tam Đài làng Tam Đấng)

公重私爲輕聞命不敢辭勞憔悴喪中夫杖往
錢高貌亦古引年何乃無術徘徊路半帶棺歸
Công trọng tư vi khinh, văn mệnh bất cảm từ lao tiêu tụy,
tang trung phù trượng vãng;

Tiến cao mạo diệc cổ, dẫn niên hà nãi vô thuật bồi hồi
lộ bán đới quan qui.

Việc công là trọng, xem nhẹ riêng tây, nói tính mệnh chẳng dám
chối từ vất vả, dám tang ông đi theo chống gậy;
Đưa tiễn thanh cao, dáng hình như cũ, nghĩ tuổi đời sao không có
thuật, bồi hồi một nửa cất gánh ra về.

(Viếng lão y họ Đỗ ở Đa Hòa)

九 陞 軫 臣 私 移 贈 恩 綸 夕 朝 且 至
幾 回 聞 母 訃 隨 身 使 節 進 退 極 難
*Cửu bệ chân thân tỵ, di tặng ân luyến tịch triều thả chí;
Kỷ hồi văn mẫu phó, tùy thân sử tiết tiến thoái cực nan.*

Chín bậc thêm vua xuống chiếu tặng phong, ân huê sớm chiều lại đến;
Mấy lần nghe tin mẹ đau yếu nặng, tiến lui cò sử bản khoản.
(Viếng tang đích mẫu Giản sung án sử Trần Khánh Du)

同 舍 兩 告 喪 人 爲 其 母 今 君 又 爲 其 祖
昨 朝 新 有 命 賀 在 乎 門 而 吊 已 在 乎 閭
*Đồng xá lưỡng cáo tang, nhữn vi kỳ mẫu, kim quân hựu vi kỳ tổ;
Tạc triều tân hữu mệnh, hạ tại hồ môn, nhi điều dĩ tại hồ lư.*
Cùng nhà hai lần cáo tang, tang mẹ trước rồi, nay tang bà lại đến;
Sáng nọ nầy liền tin mới, gia môn tin vui, tiếp gia quyền tin buồn.
(Viếng tang bà nội ông Biện lý Đình người cùng bộ)

同 郡 疊 告 哀 君 之 逝 去 竹 堂 范 老 幾 何 日
八 年 兩 制 敵 今 之 役 視 癸 酉 往 事 勝 一 籌
*Đồng quận điệp cáo ai, quân chi thê khứ Trúc Đường Phạm lão kỷ
hà nhật;*
Bát niên lưỡng chế địch, kim chi địch thị Quý Dậu vãng sự thắng
nhất trù.

Đồng hương liên tiếp cáo tang, ông ra đi cách Phạm Trúc Đường là mấy;
Tám năm hai phen dẹp giặc, việc ngày nay so năm Quý Dậu hơn nhiều.
(Viếng Hoàng Diệu, Tổng đốc hai tỉnh Hà Nội – Ninh Bình)

幾 度 賦 歸 來 鹿 洞 陶 園 自 有 真 樂
今 朝 乘 化 去 胡 笳 羌 笛 蓋 不 忍 聞
*Kỷ độ phú qui, lai lộc động đào viên tự hữu chân lạc;
Kim hồ thừa hóa khứ hồ già khương địch cái bất nhẫn văn.*
Mấy độ cấp lương cho trở lại, vườn đào động hươu về tự thấy
vô cùng hoan lạc;

Sáng nay cười chim hạc bay đi, tiếng sáo kèn đưa tiễn, quả tình
chẳng nhẫn tâm nghe.

(Viếng ông họ Đoàn, nguyên đốc học Bắc Ninh về hưu, người làng Hữu Thanh Oai)

有母難辭歸一表朝成夕得赴
聞喪亟奔去前途此況我曾經

Hữu mẫu nan từ qui, nhất biểu triều thành tịch đắc phó;
Văn tang cực bôn khứ, tiền đồ thử hướng ngã tàng kinh.
Có mẹ không thể không về, sáng dâng biểu, chiều cáo phó;
Nghe tang mà học tốc chạy, cảnh này tôi cũng từng qua.
(Viếng tang thân mẫu Ngự sử Trần Văn Gia, đạo An Tĩnh)

有母不違將戎役久勞千里外
所遭亦相似星奔曾歷數年前

Hữu mẫu bất hoàng tương, nhưng dịch cửu lao thiên lý ngoại,
Sở tao diệc tương tự, tinh bôn tăng lịch số niên tiền.
Có mẹ mà không nhà, việc quân vất vả ngoài nghìn dặm,
Cách ta cũng giống thế, đêm hôm tất bật cách mấy năm.
(Viếng tang thân mẫu Ngự sử Trần Văn Gia, đạo An Tĩnh)

吾榜人多真率自如推此老
古藤地勝耆英有會別成仙

Ngô bảng nhân đa, chân suất tự như suy thử lão;
Cổ Đằng địa thắng, kỳ anh hữu hội biệt thành tiên.

Bảng dễ danh nhiều người đồ đạt, trong vắt vả đẳng cay, có sức có
công người lão trượng;
Châu Đằng cũ đất lắm nhân tài, hội người già lỗi lạc, mới riêng ông
sớm hưởng tuổi tiên.

(Mừng Phạm Mẫn Triệu, nguyên để học nghỉ hưu thọ 70 tuổi)

久病敢辭勞於下事繁況方國孝日
此間幾送別探花即去繼以緋衣翁

Cửu bệnh cảm từ lao ư hạ sự phồn, huống phương quốc hiếu nhật;
Thử gian kỷ tống biệt thám hoa tức khứ, kế dĩ phi y ông.
Bệnh lâu chẳng dám ngại ngần, vất vả bao việc lo toan, hưởng vừa
trải qua ngày quốc hiếu;
Thời gian này mấy lần tiễn biệt, thám hoa vừa mới khuất, kế tiếp
liền lại đến tang ông.

(Viếng Toàn tu sử quán Bùi Ước)

蓋少留耶志草未成是吾東觀責
伊可懷矣私年既去繼以緋衣翁

Cái thiếu lưu gia, chí thảo vị thành, thị ngô đông quan trách;
Y khả hoài hĩ, tư niên ký khứ, kế dĩ phi y ông.

Có lẽ ít để lại chẳng, chí hướng làm bản thảo chưa thành, đó là cách
nhìn ra trách nhiệm;

Việc ấy đáng nhớ thương vậy, riêng năm có người hiền khuất núi, kẻ
tiếp liền lại đến tang ông.

(Viếng Toàn tu Bùi Ước – câu 2)

嗟哉吾大夫先生之門十年間事受頻來至此極
嗟哉吾世兄後喪之計萬里外音書不越將奈何
*Tai tai, ngô đại phu tiên sinh chi môn thập niên gian sự thụ tần lai
chí thử cực;*

*Ta tai, ngô thế huynh hậu tang chi phó vạn lý ngoại âm thư bất viết
tương nại hà.*

Than ôi, trong khoảng mười năm, cửa tiên sinh đại phu của ta sự
việc đến nhiều như thế này chẳng;

Than ôi, ở ngoài vạn dặm, sau tin tang thế huynh của ta tiếng tăm
chẳng vượt khỏi làm sao được.

(Viếng bà cung nhân ở Phượng Trì)

仙翁胡不百年壽

吊客新從萬里來

Tiên ông hồ bất bách niên thọ;

Điếu khách tân tòng vạn lý lai.

Cớ sao thế tiên ông, luống chẳng được trăm năm tuổi thọ;

Xin được làm điệu khách, dành theo đòi vạn dặm đến đây.

(Viếng tang thân phụ tú tài họ Bùi ở Nộn Khê)

吾邑第一等壽翁逝已久矣

海國千萬重遊客人始聞之

Ngô ấp đệ nhất đẳng thọ ông, thế dĩ của hĩ;

Hải quốc thiên vạn trùng du, khách nhân thủy văn chi.

Vào hàng thọ nhất làng ta, ông đã ra đi rồi vậy;

Dạo chơi nghìn dặm quốc hải, khách vừa mới biết được tin.

(Viếng ông chánh Xuân trong làng)

孰如兄之遭封老辛勤無暇預日

人傳弟已死歸來問訊若夢寐中

Thục như huynh chi tao, phong lão tân cần vô hạ dự nhật;

Nhân truyền đệ dĩ tử, qui lai vấn tấn nhược mộng寐 trung.

Có ai gặp cảnh ngộ như anh, già lão chịu đắng cay làm việc;
chẳng có ngày yên vui nhàn hạ;

Người ta truyền chú em đã mất, ra về cho tin tức hỏi han,
giống như chìm trong một giấc mơ.

(Khóc người anh họ)

君於世能忘懷耶當此多難遽遊方外
人傳我爲已死矣幾回相訪恍若夢中

Quân ở thế năng vong hoài gia! Đương thử đa nan cử
du phương ngoại;

Nhân truyền ngã vi dĩ tử hĩ, kỷ hồi tương phỏng hoảng
nhược mộng trung.

Với đời, ông há lãng quên! Đương lúc gian nan vội vàng chín suối;
Còn tôi, người đồn đã chết! Mấy lần thăm hỏi hoảng hốt giấc mộng.

(Viếng Biện lý bộ Hình Đinh Nho Điển)

雲百母何驟仙去耶往度塵埃不忍見
賢二郎能代兄卷否九原雲駕急相從

Vân bách mẫu hà sôu tiên khứ gia, vãng độ trần ai
bất nhẫn kiến;

Hiển nhị lang năng đại huynh quyển phủ, cứu nguyên vân giá
cấp tương tông.

Vân bách mẫu sao vội qui tiên, ly biệt trần ai đầy thương cảm;
Hiển nhị lang lấy anh thay thế, xe mây chín suối vội theo đi.

(Viếng tang thân mẫu ông Dục Thiện họ Vũ ở Phương Trì)

薇閣正需才再命出於三已後
松竹今克表雙封曾自十年前

Vi các chính nhu tài, tái mệnh xuất ư tam kỷ hậu;

Tùng trúc kim khắc biểu, song phong tăng tự thập niên tiền.

Cảnh trí đúng nho gia, tái xuất sau ba lần truyền hịch;
Trúc tùng nay biểu hiện, từng hai lần tặng trước mười năm.

薇笛幾回客夢暗傷星景外
笙歌何處秋風遠度馬梁間

Khương địch hỷ hồi, khách mộng ám thương tinh cảnh ngoại;

Sinh ca hà xứ, thu phong giao độ mã lương gian.

Kèn sáo mấy hồi vang, ngoại cảnh sao trời, đồn đau lòng mộng khách;
Sênh ca nơi nào vọng, đoạn đường đưa tiễn xa lạ gót phong thu.

(Viếng phu nhân lại tham Bùi Quan)

羌笛幾回方難世
盆歌何處又驚人

Khương địch kỷ hồi phương nan thế;

Bồn ca hà xứ hữu kinh nhân.

Kèn sáo mấy hồi, vừa mới thổi than cùng trần thế;
Bồn ca đâu đến, lại thêm hốt hoảng với nhân gian.

煙徑雲迷風淒翠柳
石階露冷雨泣黃花

Yên kính vân mê phong thê thúy liễu;

Thạch giai lộ lãnh vũ khắp hoàng hoa.

Khói dày mây tỏa, gió buồn thúy liễu;
Thêm cao sương lạnh, mưa khóc hoàng hoa.

一夜頂風堆白雪

三年淚水滴紅冰

Nhất dạ đỉnh phong đôi bạch tuyết;

Tam niên lệ thủy trích hồng băng.

Một tối gió về đùn tuyết trắng;

Ba năm nước mắt đỏ băng hồng.

九原有淚流知己

萬戶同聲哭善人

Cửu nguyên hữu lệ lưu tri kỷ;

Vạn hộ đồng thanh khóc thiện nhân.

Khắp nơi đều khóc vì tri kỷ;

Muôn hộ cùng buồn bởi bạn lành.

廟堂日月經桑海

弓劍霜懷掛沛山

Miếu đường nhật nguyệt kinh tang hải;

Cung kiếm tương hoài Quả Bái Sơn.

Miếu đường ngày tháng bao thay đổi;

Cung kiếm anh hùng Quả Bái Sơn.

(Đền Thống Chính, Nam Đàn, Nghệ An)

之德之才之事業

此時此世此功名

Chi đức chi tài chi sự nghiệp;

Thử thời thử thế thử công danh.

Đức ấy, tài ấy, sự nghiệp ấy;
Thời này, thế này, công danh này.
(Sĩ phu Nam Đàn chửi Nguyễn Văn Chấn, Nguyễn Cảnh Cự,
tay sai cho thực dân Pháp)

建設杏壇依舊址
昌明教化起新潮

Kiến thiết hạnh đàn y cựu chỉ
Xương minh giáo hóa khởi tân trào.
Xây dựng hạnh đàn nguyên móng cũ;
Chấn hưng giáo dục nổi phong trào.
(Câu đối đề gác chuông văn từ phủ Kiến Xương cũ)

天理在人心 瞻仰自然起敬
吾道如元氣 周流渭水不存
Thiên lý tại nhân tâm, chiêm ngưỡng tự nhiên khởi kính;
Ngô đạo như nguyên khí, chu lưu vị thủy bất tồn.
Lẽ phải ở lòng người, chiêm ngưỡng tự nhiên kính trọng;
Đạo nho như nguyên khí, chu lưu mãi mãi vẫn còn.
(Câu đối đề cổng văn từ phủ Kiến Xương cũ)

貉雄數千載 迄今吾道南矣
洙泗億萬年 以後聖澤留兮
Lại Hùng sể thiên tải hất kim, ngô đạo Nam hĩ;
Thù Tứ ức vạn niên dĩ hậu, thánh trạch lưu hề.
Giống Lạc Hồng mấy nghìn năm tới nay, đạo nho truyền bá;
Sông Thù Tứ ức vạn năm về sau, ơn thánh thấm nhuần.
(Câu đối ở Văn từ phủ Kiến Xương cũ)

帝德如天 屏嶺雲間瞻日近
臣心似水 灤江月色印秋聲
Đế đức như thiên, Bình Lĩnh vân gian chiêm nhật cận;
Thần tâm tự thủy, Liêm Giang nguyệt sắc ấn thu thanh.
Đức vua như trời, mây núi Ngự Bình trời soi sáng;
Lòng tôi như nước, trăng sông Liêm Thủy vẻ thu trong.
(Câu đối đề ở công đường phủ Kiến Xương cũ)

正氣凜如生 桂嶺石碑標義烈
芳名誰不朽 魚峰詩集表情忠
Chính khí凛 như sinh, Quế Lĩnh thạch bi tiêu nghĩa liệt;
Phương danh thù bất hủ, Ngư Phong thi tập biểu tình trung.

Chính khí như còn sống, bia Quế Sơn kia nêu nghĩa liệt;
Danh thơm lưu bất hủ, tập Ngư Phong nọ tỏ lòng trung.

(Câu đối từ đường Nguyễn Quang Bích)

赫赫然佐孟英書清焰樹越旗不朽奇功光史冊
飄飄乎現身下士始花煙終浪泊長留正氣鎮山河
*Hách hách nhiên tá manh anh thư, thanh Hán diêm, thụ Việt kỳ,
bất hủ kỳ công quang sử sách;
Phiêu phiêu hồ hiện thân hạ sĩ, thủy Hoa Yên, chung Lăng Bạc,
trường lưu chính khí trấn sơn hà.*

Rạng rỡ thay phò tá bạc anh thư, đuổi giặc Hán, dựng cờ Nam, bất
hủ công to ngời sử sách;
Phoi phới vẫy hiện thân là hạ sĩ, trước Hoa Yên, sau Lăng Bạc, còn
lưu chính khí với non sông.

(Câu đối đình đá xã An Bối, Kiến Xương, Thái Bình thờ nữ tướng Hai Bà Trưng)

殲仇志氣與徵朝相始終喝渚金田留異蹟
報國精神爲越民所崇拜故鄉石廟尚餘靈
*Tiêm cừ chí khí dữ Trưng triều tương thủy chung, Hát Chử, Kim
Điền lưu di tích;*

*Báo quốc tinh thần vi Việt dân sở sùng bái, cố hương thạch miếu
thượng dư linh.*

Ý chí diệt thù, cùng Bà Trưng sóng hàng, Hát Chử Kim Điền còn
dấu tích

Tinh thần cứu nước, được dân Việt sùng bái, quê hương đình đá hãy
linh thiêng.

(Đình đá, An Bối, Kiến Xương)

許女主以伏仇君臣父子一觀長使金田留竹帛
睹南天者思德城郭人民千古不皆銅柱變桑蒼
*Hứa nữ chủ dĩ phục cừ, quân thần phụ tử nhất thân,
trường sử Kim Điền lưu triêu bạch;*

*Đỗ Nam thiên giả tư đức, thành quách nhân dân thiên cổ,
bất giai đồng trụ biến tang thương.*

Giúp vua nữ để báo thù, vua tôi cha con một nhà,
còn mãi Kim Điền lưu sách vở;

Thấy trời Nam còn nhớ đức, thành quách nhân dân muôn thuở,
chẳng cùng đồng trụ biến tang thương.

(Đình đá, An Bối, Kiến Xương)

蓬華之漏瓦屋警遷何憂雨濕
興城雖失戰區廣設不患敗忘

Bồng tất chi lậu, ngõa ốc cảnh thiên, hà ưu vũ thấp;

Hưng thành tuy thất, chiến khu quảng thiết, bất hoạn bại vong.

Mái rạ dột rồi, đình ngói dọn lên, lo gì mà ướt;

Thành Hưng dấu mất, chiến khu mở rộng, chẳng sợ bại vong.

(Câu đối tại Đền Ách. Vế 1 do Nguyễn Quang Bích đọc, vế 2 do Trần Ngọc Dư đối)

三尺身存國辱不消未即

寸心常在師酬未報不休

Tam xích thân tồn, quốc nhục bất tiêu vị tức;

Thốn tâm thường tại, sư thù vị báo bất hưu.

Ba thước thân còn, nhục nước chưa tan, chưa nghỉ;

Một trái tim đập, thù thầy chưa trả, chẳng thôi.

(Độc Nhưông gửi Lãnh Hoan trong phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX)

生以除國難吾決謀生

死而報師酬我無畏死

Sinh dĩ trừ quốc nạn, ngô quyết mưu sinh;

Tử nhi báo sư thù, ngã vô úy tử.

Sinh để trừ nạn cho nước, tôi quyết mưu sinh;

Tử mà trả thù cho thầy, ta không sợ tử.

(Lãnh Hoan gửi cho Độc Nhưông. Hai thủ lĩnh yêu nước chống Pháp nói trên)

九邑九屯梁賊破

四男四將李神尊

Cửu ấp cửu đồn Lương tặc phá;

Tứ nam tứ tướng Lý thần tôn.

Chín ấp chín đồn Lương tặc phá;

Bốn con bốn tướng Lý thần tôn.

(Đền Chàng xã Đông Thọ, Đông Hưng, Thái Bình thờ năm cha con ông Lê Ngọc là những tướng lĩnh chống quân Lương ở thế kỷ VI)

一統山河南越帝都南越甸

萬春廟社太平天子太平安

Nhất thống sơn hà, Nam Việt đế đô Nam Việt diện;

Vạn Xuân miếu xã, thái bình thiên tử thái bình an.

Thống nhất sơn hà, Nam Việt đế đô, Nam Việt vững;

Vạn Xuân đền miếu, Thái Bình thiên tử, thái bình yên.

(Đền Chàng xã Đông Thọ ca ngợi nhà Tiền Lý)

七年戎劍驚天北
萬壽宮庭屹海南

Nhất niên hung kiếm kinh thiên Bắc;

Vạn thọ cung đình ngất hải Nam.

Bảy năm đao kiếm vang trời Bắc;

Vạn thọ cung đình ngất biển Nam.

(Đền Chàng xã Đông Thọ)

大義所當爲殺賊丹心光日月
深讎猶未雪捐生浩氣壯山河

Đại nghĩa sở đương vi, sát tặc đan tâm quang nhật nguyệt;

Thâm thù do vị tuyết, quyên sinh hạo khí tráng sơn hà.

Nghĩa lớn đã đương làm, giết giặc lòng son ngời nhật nguyệt;

Thù sâu còn chưa trả, quên sinh chính khí rạng non sông.

(Ngô Quang Doan viếng Nguyễn Thái Học)

壹方民社恩留溥
百世明堂俎豆香

Nhất phương dân xã ân lưu phổ;

Bách thế minh đường trở đậu hương.

Dân xã một vùng ơn lưu khắp;

Từ đường trăm thuở vật phẩm thơm.

(Từ đường thủy tổ họ Hồ, Huế)

帝德巍峨高北闕
神靈顯赫照南天

Đế đức uy nga cao Bắc khuyết;

Thần linh hiển hách chiếu Nam thiên.

Đế đức uy nga cao lầu Bắc;

Thần linh rực rỡ chiếu trời Nam.

(Từ đường thủy tổ họ Hồ)

九陞恩波桃李門中均潤澤
五陵春色杉松山上倍光輝

Cửu bệ ân ba, đào lý môn trung quân nhuận trạch;

Ngũ lăng xuân sắc, sam tùng sơn thượng bội quang huy.

Đào lý trong sân đều thấm nhuần sóng ơn cửu bệ;

Sam tùng trên núi thấy sáng ngời xuân sắc ngũ lăng.

(Đền Mỹ Hóa Công)

浦邑屬源初萬本祐降特命
銀河資灌溉一枝香色異群英
*Phổ ấp thuộc nguyên sơ, vạn bản hựu phướng giáng đặc mệnh;
Ngân hà tư quán khải, nhất chi hương sắc dị quần anh.*
Bến ấp thuộc đầu nguồn, muôn gốc tể thần trao mệnh lớn;
Sông Ngân nhờ tưới tắm, một cành hương sắc khác trăm hoa.
(Đền Mỹ Hóa Công)

沁水新開湯沐邑
玉鞭平興賣書人
*Thẩm thủy tân khai thang mộc ấp;
Ngọc tiên bình hưng mại thư nhân.*
Thẩm thủy mới khai vùng thang mộc;
Ngọc tiên bình hưng khách thi thư.
(Đền Mỹ Hóa Công)

雨露渥金枝梧嶺風雲連坦步
肅雍申帝命柳營莖艸共芬輝
*Vũ lộ ố kim chi, cốc lĩnh phong vân liên thản bộ;
Túc ung thân đế mệnh, liễu doanh hành thảo cộng phân huy.*
Ân trạch thấm cành vàng, núi nứ gió mây liên đạo bước;
Kính hòa vâng đế mệnh, doanh đồn cây cỏ cùng sáng thơm.
(Đền Mỹ Hóa Công)

神格思洋洋如在
德盛矣蕩蕩難名
*Thần cách tư, dương dương như tại;
Đức thịnh hỹ, dăng dăng nan danh.*
Thần đến với ta, mệnh mông như ở cạnh;
Đức thịnh thay, bát ngát khó gọi tên.
(Đình xã Cự Xuân Dương)

高明配天厚配地
至誠通聖藥通神
*Cao minh phối thiên, hậu phối;
Chi thành thông thánh, dược thông thần.*
Trí cao mình sánh với trời, lòng nhân hậu sánh với đất;
Nét chí thành thông tới thánh, tài thuốc thang thông với thần.
(Đền thờ đức thánh Trần)

捉縛瘟煌消五氣
驅除龍犯滅千精

*Tróc phọc ôn hoàng tiêu ngũ khí;
Khu trừ long phạm diệt thiên tinh.*

Trói bắt ôn hoàng tiêu ngũ khí;
Khu trừ bùa yểm, diệt ngàn binh.
(Đền thờ đức thánh Trần)

中興凜烈存南史
上等威靈貫北圻

*Trung hưng lâm liệt tồn Nam sử;
Thượng đẳng uy linh quán Bắc Kỳ.*

Trung hưng lâm liệt lưu Nam sử;
Thượng đẳng oai linh suốt Bắc Kỳ.
(Đền thờ đức thánh Trần)

柱賴以尊千載功勳偉大
燈高達烙億年廟貌輝煌

*Trụ lại dĩ tôn, thiên tải công huân vĩ đại;
Đăng cao viễn lạc, ức niên miếu mạo huy hoàng.
Cột vững tôn vinh, nghìn thuở công huân vĩ đại;
Đền cao chói lọi, muôn năm miếu mạo huy hoàng.
(Đền thờ đức thánh Trần)*

王將兼全討賊除凶名垂宇宙
聖神永顯庇民護國威振山河

*Vương tướng kiêm toàn, thảo tặc trừ hung, danh thùy vũ trụ;
Thánh thần vĩnh hiển, tể dân hộ quốc, uy chấn sơn hà.
Vương tướng kiêm toàn, đánh giặc trừ hung, danh trùm vũ trụ;
Thánh thần mãi hiển, cứu dân giúp nước, oai chấn sơn hà.
(Đền thờ đức thánh Trần)*

功在陳朝名在史
福留仙錄德留民

*Công tại Trần triều, danh tại sử;
Phúc lưu tiên lục, đức lưu dân.
Công ở triều Trần, danh ở sử;
Phúc lưu tiên sách, đức lưu dân.
(Đền thờ đức thánh Trần)*

聖王功蓋南邦劫泊千秋龍朝虎伏
神將威除北寇香江萬古浪靜波平

*Thánh vương công cái Nam bang, Kiếp Bạc thiên thu long triều hổ phục;
Thần tướng uy trừ Bắc khấu, Hương Giang vạn cổ lãng tĩnh ba bình.
Thánh vương công phủ trời Nam, Kiếp Bạc nghìn thu rồng châu hổ phục;
Thần tướng oai trừ giặc Bắc, Hương Giang vạn thuở sóng lặng bể yên.*

(Đền thờ đức thánh Trần)

南天秀氣才無比
北地威靈哲莫當

*Nam thiên tú khí tài vô tỉ;
Bắc địa uy linh triết mạc đương.
Tú khí trời Nam tài ai sánh?
Uy linh đất Bắc, trí nào đương?*

(Đền thờ đức thánh Trần)

金銀挺出南邦巍峨顯聖
寶劍討除北寇赫赫精神

*Kim ngân đỉnh xuất Nam bang, nguy nguy hiển thánh;
Bảo kiếm thảo trừ Bắc khấu, hách hách tinh thần.
Bạc vàng vượt trội trời Nam, cao vời hiển thánh;
Kiếm báu tiêu trừ giặc Bắc, lòng lấy tinh thần.*

(Đền thờ đức thánh Trần)

青冊留芳四字琨璜蒙帝簡
白頭字節一心金百對天知

*Thanh sách lưu phương, tứ tự côn hoàng mông đế giản;
Bạch đầu vũ tiết, nhất tâm kim thạch đối thiên tri.
Thanh sử lưu hương, bốn chữ ngọc ngà ơn vua chép;
Bạch đầu khí tiết, một lòng vàng đá thấu trời cao.*

(Đền thờ đức thánh Trần)

儼若思孝孫有慶
祭如在明德維馨

*Nghiêm nhưc tư, hiếu tôn hữu khánh;
Tế như tại, minh đức duy hình.
Nghiêm như nghĩ, cháu hiền thì phúc;
Tế tựa còn, đức sáng sẽ thơm.*

(Đền thờ đức thánh Trần)

春風得意花千里
秋月揚輝桂一枝

*Xuân phong đắc ý hoa thiên lý;
Thu nguyệt dương huy, quế nhất chi.
Xuân phong được ý, hoa nghìn dặm;
Thu nguyệt sáng soi, quế một cành.
(Đền thờ đức thánh Trần)*

死如生 亡如存 陰陽無別憾
春以祀 秋以嘗 魂魄有所歸

*Tử như sinh, vong như tồn, âm dương vô biệt hám;
Xuân dĩ tư, thu dĩ thưởng, hồn phách hữu sở qui.
Chết như sống, mất như còn, âm dương không hề trách;
Xuân để tế, thu để thờ, hồn phách có chốn về.
(Đền thờ đức thánh Trần)*

聖域胥陶賢其賢 親其親 樂樂利利
佛堂歸杖老乃老 幼乃幼 喜喜歡歡

*Thánh vực tư đào, hiền kỳ hiền, thân kỳ thân, lạc lạc lợi lợi;
Phật đường qui trượng, lão nãi lão, ấu nãi ấu, hỷ hỷ hoan hoan.
Thánh vực luyện rèn, hiền với bậc hiền, thân với bậc thân,
lạc lạc lợi lợi;
Phật đường qui về tuổi, lão cùng hàng lão, trẻ cùng hàng trẻ,
hỉ hỉ hoan hoan.*

(Đền thờ đức thánh Trần)

樹色泉聲南宮北苑
墨緣書味東壁西園

*Thụ sắc truyền thanh, Nam cung Bắc uyển;
Mặc duyên thư vị, Đông bích Tây viên.
Vui sắc cây tiếng suối nơi Nam cung Bắc uyển;
Thú duyên mực mùi thư chốn Đông bích Tây viên.
(Đền thờ đức thánh Trần)*

四大海滄清九品咸登彼岸
五帶山宛轉十方惟到菩提

*Tứ đại hải thanh, cửu phẩm hàm đăng bỉ ngạn;
Ngũ đới sơn uyển chuyển, thập phương duy đáo bồ đề.
Bốn bể biển trong xanh, chín cấp đều lên bỉ ngạn;
Năm dãy non uyển chuyển, mười phương chỉ đến bồ đề.
(Đền thờ đức thánh Trần)*

四德兼優好作銀潢中女烈
一心自字榮爵閨榜上皇恩

*Tứ đức kiêm ưu, hảo tác ngân hoàng trung nữ liệt;
Nhất tâm tự chữ, vinh tước khuê bảng thượng hoàng ân.*

Bốn đức đều hay, khéo gây nghiệp nữ nơi ao báu;
Một lòng tự giữ, vẻ vang ơn để chốn khuê môn.

(Đền thờ đức thánh Trần)

聖澤汪洋眾生一切吉祥也
佛門廣大但願十方良善哉。

*Thánh trạch汪洋 hàm, chúng sinh nhất thiết cát tường dã;
Phật môn quảng đại, dân nguyện thập phương lương thiện tại.*

Ơn thánh chứa sâu, tất cả chúng sinh điểm lành vậy;
Cửa thiên rộng lớn, mười phương chỉ nguyện việc tốt thay!

(Đền thờ đức thánh Trần)

扶國救民偉跡芳名垂宇宙
除侵去賊功高德大振山河

Phù quốc cứu dân, vĩ tích phương danh thùy vũ trụ;

Trừ xâm khử tặc, công lao đức đại chấn sơn hà.

Giúp nước cứu dân, dấu lớn tiếng thơm trùm vũ trụ;

Trừ xâm khử tặc, công cao đức lớn chấn sơn hà.

(Đền thờ đức thánh Trần)

細草長松同霑法雨

黃花翠竹共蔭慈雲

Tế thảo, trường tùng đồng chiêm pháp vũ;

Hoàng hoa, thủy trúc cộng ảm từ vân.

Cỏ nhỏ, tùng cao thấm nhuần Phật pháp;

Hoa vàng, trúc biếc che rợp Thiên từ.

(Đền thờ đức thánh Trần)

得天地枝英孝忠兩

稟江山枝秀文武全

Đắc thiên địa chi anh, hiếu trung lưỡng;

Bẩm giang sơn chi tú, văn vũ toàn.

Trung hiếu cả hai, anh khí tỏa cùng trời đất;

Vũ văn toàn vẹn, tú linh hòa với núi sông.

(Đền thờ đức thánh Trần)

佛法相因翠柳拂開金世界
聖功參贊紅蓮湧出玉樓臺

*Phật pháp tương nhân, thúy liễu phất khai kim thế giới;
Thánh công tham tán, hồng liên dũng xuất ngọc lâu đài.*

Phật pháp vì nhau, liễu biếc mở ra vàng thế giới.
Thánh công tham dự, sen hồng nảy vọt ngọc lâu đài.

(Đền thờ đức thánh Trần)

同類相憐死也如歸生也寄
惟誠是格求枝必應感之通

*Đồng loại tương lân, tử dã như qui, sinh dã ký;
Duy thành thị cách, cầu chi tất ứng, cảm chi thông.
Đồng loại thương nhau, chết cũng như về, sống như gửi;
Lòng thành động thấu, cầu là hẳn ứng, cảm hẳn thông.*

(Đền thờ đức thánh Trần)

赫聲濯靈在其上在其左右
陰扶默相保我民保我子孫

*Hách thanh trạc linh, tại kỳ thượng, tại kỳ tả hữu;
Ân phù mặc tương, bảo ngã dân, bảo ngã tử tôn.
Lừng tiếng linh thiêng, ở từ trên, ở từ phải trái;
Âm thâm giúp đỡ, gìn giữ dân, gìn giữ cháu con.*

(Đền thờ đức thánh Trần)

得天地之精英洋洋乎在上
含山川之秀麗濯濯矣厥靈

*Đắc thiên địa chi tinh anh, dương dương hồ tại thượng;
Hàm sơn xuyên chi tú lệ, trạc trạc hĩ quyết linh.
Trần ngập khắp ở trên, bao khí tinh anh trời đất;
Sáng ngời nơi linh địa, chung bầu tú lệ núi sông.*

(Đền thờ đức thánh Trần)

日裏樓頭詩可辯
夜間庭際字能評

*Nhật lý lâu đầu thi khả biện;
Đạ gian đình tế tự năng bình.
Ngày mai lầu cao thơ tranh biện;
Đêm về sân họp chữ phẩm bình.*

(Đền Thụy Thái Vương)

振振艷說麟之趾

挺挺榮看竹有筠

Chân chân diễm thuyết lân chi chi;

Đĩnh đĩnh vinh khan trúc hữu quân.

Vẻ nhân hậu nói chân con lân;

Dáng ngay thẳng nhìn tre lẫn trúc.

(Đền Thụy Thái Vương)

若木分光桐葉圭猶傳帝子

皇枝藉慶梅花粧幸前天孫

Nhược mộc phân quang, đồng diệp khuê do truyền đế tử;

Hoàng chi tạ khánh, mai hoa trang hạnh liệt thiên tôn.

Cây nhược chia nắng, lá ngô ngọc còn truyền đế tử;

Cành vua nhờ phúc, hoa mai may điểm hàng thiên tôn.

(Đền Thụy Thái Vương)

薄印祥開堂隸有花皆昔樹

仙源慶衍沁園一水是從波

Phien ấn tường khai, đường lệ hữu hoa giai tích thụ;

Tiên nguyên khánh diễn, Thấm viên nhất thủy thị tòng ba.

In sách phúc khai, đường lệ trở hoa, cây thuở trước;

Nguồn tiên mừng khắp, Thấm viên dòng nước, sóng dẫn theo.

(Đền Thụy Thái Vương)

竈樹燈升瑞盎東藩桐削葉

靈根式固芥流兌野隸穰花

Sùng thụ đăng thăng, thụ ánh đông phiên đồng tước diệp;

Linh căn thức cố, phân lưu đoài dã lệ nùng hoa.

Cây mến trèo lên, chậu ngọc đậu Đông, ngô đồng bóc lá;

Gốc thiêng phép vững, dòng thơm đồng Tây, đường đệ nong hoa.

(Đền Thụy Thái Vương)

福罪本由心寂寂回光近照

成功唯向佛惺惺正念分明

Phúc tội bản do tâm, tịch tịch hồi quang cận chiếu;

Thành công duy hướng Phật, tỉnh tỉnh chính niệm phân minh.

Phúc tội vốn do tâm, lặng lẽ hồi quang chiếu rọi;

Thành công chỉ theo Phật, tỏ tường chính niệm rõ ràng.

(Chùa Phúc Thành)

前向香江壹帶澄清來活水
後面峰山三台靉靆 y 祥雲

*Tiên hương Hương Giang nhất đới, trừng thanh lai hoạt thủy;
Hậu diện Phong Sơn tam đài, ái đại đồ tường vân.
Hương trước Hương Giang một dải, trong xanh vòng nước chảy;
Mặt sau Phong Sơn ba đài, lăng đăng thấy mây lành.*

(Đình Phú Cát)

表柱擎天水直江津英鍾文物地
城都接路山頭海岸鼓舞泰平天

*Biểu trụ kinh thiên, thủy trực giang tân anh chung văn vật địa;
Thành đô tiếp lộ, sơn đầu hải ngạn cổ vũ thái bình thiên.
Cột trụ chống trời, nước thẳng bến sông, đắp vun đất văn vật;
Thành đô tiếp lối, đầu non bờ biển, cổ vũ trời bình yên.*

(Đình Phú Cát)

聖德匡扶億載當強人安物阜
神恩保裕千秋吉慶國泰家康

*Thánh đức khuông phù, ức tải phú cường nhân an vật phú;
Thần ân bảo dụ, thiên thu cát khánh quốc thái gia Khang.
Thánh đức chở che, muôn thuở mạnh giàu dân an vật thịnh;
Ơn thần bù đắp, ngàn thu phúc tốt, nước thái nhà vui.*

(Đình Phú Cát)

廟貌巍峨屏嶺拱朝物華天寶
神基鞏固香江環抱人傑地靈

*Miếu mạo uy nga, Bình Lĩnh củng triều vật hoa thiên bảo;
Thần cơ củng cố, Hương Giang hoàn bao nhân kiệt địa linh.
Miếu mạo uy nga, núi Ngự châu về vật hoa thiên bảo;
Đền đài củng cố, sông Hương vòng lại nhân kiệt linh.*

(Đình Phú Cát)

大杖夫明明白白
三兄弟古古今今

*Đại trượng phu minh minh bạch bạch;
Tam huynh đệ cổ cổ kim kim.*

Bạc đại trượng phu phẩm hạnh rõ ràng trong sạch;
Ba người kết nghĩa gương soi thấu suốt xưa nay.

(Chùa Quan Thánh)

佛前恭祝三香篆
世上全憑一點心

*Phật tiền cung chúc tam hương triện;
Thế thượng toàn bằng nhất điểm tâm.*
Trước Phật cung chúc ba vòng hương khói;
Trên trần dựa trọn một tấm lòng trung.

(Chùa Long Phước)

威福門來聞戒虎
莊嚴殿講聽經龍

*Uy phước môn, lai văn giới hổ;
Trang nghiêm điện, giảng thỉnh kinh long.*
Cửa uy phước, đến nghe răn hổ;
Điện trang nghiêm, dạy bảo trị rồng.

(Chùa Long Phước)

落花社憑風伯掃
飛塵時借雨師清

*Lại hoa chi bằng phong bá tảo;
Phi trần thời tá vũ sư thanh.*
Hoa rụng nhờ bác gió quét;
Bụi bay thường mượn thầy mưa thau.

(Chùa Thuận Hóa)

忠義匡君正氣天之上之下
慈悲救世靈聲海以北以南

*Trung nghĩa khuông quân, chính khí thiên chi thượng chi hạ;
Từ bi cứu thế, linh thanh hải dĩ Bắc dĩ Nam.*
Trung nghĩa giúp vua, chính khí trời ban trùm thượng hạ;
Từ bi cứu thế, tiếng thiêng biển phát khắp Bắc Nam.

(Chùa Thuận Hóa)

直將忠義師千古
無論英雄敵萬人

*Trực tương trung nghĩa sư thiên cổ;
Vô luận anh hùng tể vạn nhân.*
Nguyễn đem trung nghĩa nêu thiên cổ.
Chẳng luận anh hùng khuất vạn nhân.

(Chùa Thuận Hóa)

價重同門使府星輝袍帶耀
恩封一代卿階月炤壤泉光

*Giá trọng đồng môn, sứ phủ tinh huy bào đới diệu;
Ân phong nhất đại, khanh giai nguyệt chiếu nhượng tuyên quang.*

*Quý trọng đồng môn, phủ sứ sao soi áo đai lấp lánh;
Ôn phong một thuở, thêm khanh trăng chiếu bờ suối long lanh.*

(Chùa Thuận Hóa)

黃門九擅文章價
馬舅常陳德正書
(龍飛癸巳春)

Hoàng môn cửu thiện văn chương giá;

Mã cữu thường trần đức chính thư.

(Long phi Quý Ty xuân)

Hoàng môn giữ mãi văn chương đẹp;

Mã cữu thường phô đức chính hay.

(Long phi, mùa xuân năm Quý Ty - 1893)

(Đền thờ Nghi Quốc Công)

先相公順慶兼撫雙城常爰青車存偉蹟
今賢弟禾多有此民土炤山滄水認前程
(成泰丑夏)

*Tiên tướng công Thuận Khánh kiêm phủ song thành, thường viên
cao xa tồn vĩ trục;*

*Kim hiền đệ Hòa Đa hữu thử dân thổ, diệm sơn thương
thủy nhận tiền trình.*

(Thành Thái, Tân Sửu hạ)

*Xưa tướng công Thuận Khánh trị nhậm hai thành, ân huệ
khoan hòa lưu dấu lớn;*

*Nay hiền đệ Hòa Đa cai quản dân thổ, nước trong
núi sáng trước mặt phố.*

(Mùa hạ năm Tân Sửu niên hiệu Thành Thái, 1901) (Đền thờ Nghi Quốc Công)

持其志無暴其氣
敏於事而慎於言

Trì kỳ chí vô bạo kỳ khí;

Mẫn ư sự nhi thận ư ngôn.

Giữ chí ấy, không phô bày khí ấy;

Nhanh ở việc mà cẩn trọng ở lời.

(Đền thờ Nghi Quốc Công)

阮福功名盛
建祥當貴興

Nguyễn Phúc công danh thịnh;

Kiến Tường phú quý hưng.

Họ Nguyễn Phúc công danh thịnh đạt;

Phủ Kiến Tường phú quý chấn hưng.

(Công phủ Kiến Tường)

明鏡非臺炤見本來面目
菩提無樹常開不謝心花

Minh kính phi đài, chiếu kiến bản lai diện mục;

Bồ đề vô thụ, thường khai bất tạ tâm hoa.

Gương sáng chẳng kỳ đài, chiếu thấy nguyên lai tướng mạo;

Bồ đề không cổ thụ, thường khai chẳng héo hoa lòng.

(Chùa Phúc Tuệ)

郡爵紹家風曰貴曰壽
正卿榮帝命完福完名

Quận tước thiệu gia phong, viết quý, viết thọ;

Chính khanh vinh đế mệnh, hoàn phúc, hoàn danh.

Tước Quận công nối tiếp gia phong, thế là quý, thế là thọ;

Hàng khanh tướng hiển vinh đế mệnh, thật đủ phúc, thật đủ danh.

(Đền thờ Quận công Tuy Lý)

近者悅遠者來
入則孝出則悌

Cận giả duyệt, viễn giả lai;

Nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ.

Người gần thì vui, người xa thì lại;

Ở nhà thì hiếu, ra ngoài thì đễ.

(Đền thờ Quận công Tuy Lý)

本其仁心行其仁術
不爲良相則爲良醫

Bản kỳ nhân tâm, hành kỳ nhân thuật;

Bất vi lương tướng, tắc vi lương y.

Gốc ở nhân tâm, làm ở nhân thuật;

Chẳng thành lương tướng, thì thành lương y.

(Đền thờ Quận công Tuy Lý)

地 遺 來 左 對 屏 山 鍾 秀 氣
天 作 合 前 迎 香 水 演 文 瀾

*Địa di lai, tả đối Bình sơn chung tú khí;
Thiên tác hợp, tiền nghênh Hương thủy diễn văn lan.
Đất để lại, phía trái núi Ngự đức thành khí tốt;
Trời làm nên, mặt tiền sông Hương dâng rộng sóng văn.
(Đền Chu Môn)*

樂 地 祠 堂 今 再 廠
尚 書 世 裔 昔 由 傳

*Lạc địa từ đường kim tái xưởng;
Thượng thư thế duệ tích do truyền.
Phủ Lạc từ đường nay mở rộng;
Thượng thư dòng dõi cũ vẫn truyền.
(Từ đường thờ Nguyễn Bảo ở xã Phú Xuân, Thái Bình)*

文 名 宦 業 黎 朝 史
善 址 仁 基 阮 氏 祠

*Văn danh hoạn nghiệp Lê triều sử;
Thiện chỉ nhân cơ Nguyễn thị từ.
Văn chương sự nghiệp vang Lê sử;
Đức thiện nền nhân tiếng Nguyễn đường.
(Từ đường thờ Nguyễn Bảo ở xã Phú Xuân, Thái Bình)*

進 士 祖 黃 甲 孫 入 格 文 章 家 四 世
渭 川 前 安 堵 後 朝 庭 詩 禮 國 三 元

*Tiến sĩ tổ, hoàng giáp tôn, nhập cách văn chương gia tứ thế;
Vị Xuyên tiên, Yên Đỗ hậu, triều đình thi lễ quốc tam nguyên.
Nhà, tứ thế văn chương nổi tiếng, tiến sĩ ông, hoàng giáp cháu;
Nước, tam nguyên thi lễ lừng danh, Vị Xuyên trước, Yên Đỗ sau.
(Tam nguyên Vị Xuyên Trần Bích San mừng Tam nguyên Yên Đỗ
vinh quy bái tổ)*

長 長 長 長 長 長 長
長 長 長 長 長 長 長

*Trường trường trường trường trường trường trường;
Trường trường trường trường trường trường trường.
Lớn lớn dài dài dài lớn lớn;
Dài dài lớn lớn lớn dài dài.*

(Nguyễn Khuyến làm câu đối cho một anh nông dân dân chuồng lợn)

兄南弟北威名振
子孝臣忠節義高。

Huynh Nam đệ Bắc uy danh chấn;

Tử hiếu, thân trung tiết nghĩa cao.

Anh trấn trong Nam, em trấn ngoài Bắc, uy danh lừng lẫy;

Con tròn đạo hiếu, tôi vẹn lòng trung, tiết nghĩa nêu cao.

*(Anh em Lê Văn Duyệt, Lê Văn Phong thờ ở từ đường họ Lê, làng Bồ Đề
tỉnh Quảng Ngãi)*

拒莫扶黎功在皇家名在史
光前裕後生爲良將死爲神

Cư Mạc phò Lê, công tại hoàng gia danh tại sử;

Quang tiền dụ hậu, sinh vi lương tướng tử vi thần.

Chống Mạc phò Lê, công tại triều đình, tên tại sử;

Phúc sau sáng trước, sống làm tướng giỏi, chết làm thần.

(Phủ thờ họ Đặng ở Lương Xá, Hà Tây)

槐門舊蔭豐根本
芝誥新恩貴壤泉

Hòe môn cựu ảm phong căn bản;

Chi cáo tân ân quý nhượng tuyền.

Cửa hòe tươi tốt nhờ gốc cũ;

Ấn mới vua phong rạng cửu tuyền.

*(Từ đường thờ cử nhân Vũ Đường, thôn Thượng Hòa, xã Hồng Thái,
huyện Kiến Xương, Thái Bình)*

君臣論列一篇嘉模意範
聲績秉彪千古牝直孤忠

Thiên thần luận liệt nhất thiên, gia mô ý phạm;

Thanh tích bỉnh biao thiên cổ, tấn trực cô trung.

Quân thần luận một thiên, khuôn mẫu đẹp phép tắc;

Tiếng thơm vang muôn thuở, lòng chính trực trung thành.

(Từ đường thờ Nguyễn Hy Quang, làng Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

四海名人題古寺
一山風物媚禪深

Tứ hải danh nhân đề cổ tự;

Nhất sơn phong vật媚 thiền thâm.

Bốn bề danh nhân đề thơ chùa cổ;

Một vùng cảnh vật đẹp chốn cửa thiền.

(Cổng chùa Từ Hiếu ở cố đô Huế)

慈孝表微稱人心世道有關梵宇鐘聲宣大覺
揚春多美景古剎名藍所在如來慧日照中天

*Từ Hiếu biểu huy xưng, nhân tâm thế đạo, hữu quan Phạn Vũ
chung thanh tuyên đại giác;*

*Dương Xuân đa mỹ cảnh, cổ sái danh lam, sở tại Như Lai
tuệ nhật chiếu trung thiên.*

Từ Hiếu nổi danh thơm, lòng người đạo đời đều hợp, tiếng chuông
ngân làm giấc mơ chợt tỉnh;

Dương Xuân nhiều cảnh đẹp, tạo chùa cổ chốn danh lam, trí tuệ
Như Lai bừng sáng khắp nơi.

(Chùa Từ Hiếu, cố đô Huế)

日照月臨招景象
乾開坤闢妙玄機

Nhật chiếu nguyệt lâm chiêu cảnh tượng;

Kiên khai khôn hợp diệu huyền cơ.

Nhật chiếu nguyệt soi cảnh tượng rực rỡ;

Cần khôn đóng mở, máy thật diệu huyền.

(Đền Bách Linh, Dự Xá Thượng, Hà Tây)

人保當爲天下惜
宦情能動九重憐

Nhân bảo đương vi thiên hạ tích;

Hoạn tình năng động cửu trùng liên.

Người mất đi thiên hạ đều tiếc nuối;

Làm quan thanh bạch trời cũng xót thương.

(Bảng nhân Phạm Thanh viếng Bảng nhân Vũ Duy Thanh)

勝地栽培連福果
德門自暗發櫻桃

Thắng địa tài bồi liên phúc quả;

Đức môn tự ám phát anh đào.

Đất đẹp vun trồng nên quả phúc;

Đức cao tự lắng nảy anh đào.

(Đình Danh Thượng, xã Danh Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang)

慈風浩浩祥雲繞
法雨飛飛瑞氣濃

Từ phong hạo hạo tường vân nhiễu;

Pháp vũ phi phi thụy khí nồng.

Gió từ mệnh mang mây lành quán quýt;
Mưa pháp ngào ngạt khí đẹp bao quanh.
(Chùa Danh Thắng, xã Danh Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang)

德道救民昭靈顯列揚安義
功多讓國歷朝封曾表精忠
Đức đạo cứu dân, chiêu linh hiển liệt dương an nghĩa;
Công đa hộ quốc, lịch triều phong tặng biểu tinh trung.
Đạo đức cứu dân, rõ rõ linh thiêng nêu gương an nghĩa;
Công nhiều giữ nước, các triều phong tặng tỏ rõ tinh trung.
(Đình thôn Thống Nhất, Trung Phú, Bắc Giang)

一水前開明善地
象山還抱翠珠基
Nhất thủy tiền khai minh thiện địa;
Chung sơn hoàn bào thủy châu cơ.
Một dòng mở trước đền, rõ ràng đất thiện;
Cả dãy núi vây bọc, xanh biếc nền châu.
(Đền thờ Trần Hưng Đạo, thôn Đồng Tiến, xã Danh Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang)

千載上是加非誰能辨之龜爪弩機傳外史
五倫定夫與父果孰親也蚌蟻井水獨深情
Thiên tải thượng, thị đa phi, thủy năng biện chi?
Qui trảo nỏ cơ truyền ngoại sử;
Ngũ luân định, phu dữ phụ, quả thực thân dã?
Bạng trai tỉnh thủy độc thâm tình.

Ngàn năm trải, đúng và sai, người nào dám chắc? Móng rùa,
nỏ thần ghi ngoại sử;
Ngũ luân định, cha với chồng, ai thân hơn ai? Ngọc trai
giếng nước thấy tình thâm.
(Đền thờ Mỹ Châu ở Cổ Loa, Hà Nội)

刻石立天臺萬代仰瞻不朽
焚香求帝闕億家壽演無疆
Khắc thạch lập thiên đài, vạn đại ngưỡng chiêm bất hủ;
Phân hương cầu đế khuyết, ức gia thọ diễn vô cương.
Tạc đá dựng đài hương, muôn thuở phụng thờ không mất;
Dâng hương cầu đế miếu, vạn nhà trường thọ vô cương.
(Cột hương đèn thờ An Dương Vương ở Cổ Loa, Hà Nội)

感必應求必通香篆不離三尺地
福以來災以去心誠願格九重天

*Cảm tất ứng, cầu tất thông, hương triện bất ly tam xích địa;
Phúc dĩ lai, tai dĩ khứ, tâm thành nguyện cách cửu trùng thiên.
Cảm tất ứng, cầu tất thông, hương thơm chẳng rời ba thước đất;
Phúc đã đến, tai đã qua, lòng thành quả thấy chín tầng trời.
(Cột hương đèn thờ An Dương Vương ở Cổ Loa, Hà Nội)*

護國出家八代天皇光李葉
真身報佛千秋地脈養蓮花

*Hộ quốc xuất gia, bát đại thiên hoàng quang lý diệp;
Chân thân báo Phật, thiên thu địa mạch dưỡng liên hoa.
Giúp nước dời nhà đi tù, tám đời vua, vẫn về vang họ Lý;
Chân tu viên mãn đắc đạo, ngàn năm mạch đất tô thắm đài sen.
(Chùa làng Thượng Phúc, xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội)*

國叔國師新教傳開十八子李
佛王佛祖靈聲永奠莊暇青威

*Quốc thúc, quốc sư, tân giáo truyền khai thập bát tử Lý;
Phật vương, Phật tổ, linh thanh vĩnh diện trang hạ Thanh Oai.
Chú của vua, sư của nước, mở nền Phật giáo, công lao triều Lý;
Vương thành Phật, Phật thành tổ, tiếng anh linh vững ở trang hạ
Thanh Oai.*

(Chùa làng Thượng Phúc, xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội)

由皇親爲僧爲聖爲菩薩凜凜英聲莫狀
自李朝而陳而胡而本紀巍巍字典如新
*Do hoàng thân, vi tăng, vi thánh, vi Bồ tát,凛凛 anh thanh
mạc trạng;*

*Tự Lý triều, nhi Trần, nhi Hồ, nhi bản kỷ, nguy nguy tự
diễn như tân.*

*Vốn dòng dõi vua, là sư, là thánh, là Bồ tát có tiếng linh thiêng
chẳng đổi thay lăm liệt;*

*Từ triều Lý đến triều Trần, triều Hồ, đến triều ta, diễn tích chữ
nghĩa vẫn như mới ngời ngời.*

*(Nơi thờ một vị Bồ tát, nguyên là hoàng thân quốc thích đời Trần Minh
Tông tại chùa Thượng Phúc, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội)*

帝后爲他山勢高峰標宇宙
神威佛德度人福量等河沙

*Đế hậu vi tha, sơn thế cao phong tiêu vũ trụ;
Thần uy Phật đức, độ nhân phúc lượng đẳng Hà sa.*

Thái hậu thương người như núi cao gió lộng trong trời đất;
Phật thần cứu giúp, phúc nhiều tựa cát bãi sông Hằng.
(Miếu thờ Minh Từ hoàng thái hậu tại Thượng Phúc, Tả Thanh Oai,
Thanh Trì, Hà Nội)

陳朝母儀光大會弘天也帝
福林禪定靈通幻化佛而仙
Trần triều mẫu nghi, quang đại hội hồng thiên dã đế;
Phúc lâm thiền định, linh thông ảo hóa Phật nhi tiên.
Bạc quốc mẫu thời Trần, gương sáng bao la, thánh bà là đế;
Phật phúc như cây rừng, phép mẫu như hóa, Phật mà lại tiên.
(Miếu thờ Minh Từ hoàng thái hậu, ở Thượng Phúc, Tả Thanh Oai, Hà Tây)

淨土梵宮佛日增輝于四代
磨空寶塔法輪常轉遍三千
Tịnh thổ phạn cung, Phật nhật tăng huy vu tứ đại;
Ma không bảo tháp, Pháp luân thường chuyển biến tam thiên.
Cõi Tịnh thổ, cung trời phạm, Phật pháp ngày càng thêm rạng rỡ;
Niệm ma không linh bảo tháp, Phật pháp truyền khắp ba ngàn.
(Trụ cổng chùa Thiên Mục, cố đô Huế)

八功之水常清一設眾生吉祥也
五典之車不敝大願十方良善哉
Bát công chi thủy thường thanh, nhất thiết chúng sinh cát tường dã;
Ngũ điển chi xa bất tệ, đại nguyện thập phương lương thiện tai.
Nước tám công rửa sạch bụi trần, giúp chúng sinh đến nơi cực lạc;
Xe ngũ điển không ngơi phát đại, nguyện thập phương đến cõi thiện tai.
(Trụ cổng chùa Thiên Mục, cố đô Huế)

開發菩提心而化統萬類
弘施方便力以覺悟群生
Khai phát bồ đề tâm, nhi hóa thống vạn loại;
Hoàng thi phương tiện lực, dĩ giác ngộ quần sinh.
Mở tâm bồ đề để hóa thông vạn vật;
Bày muôn ngàn phép để giác ngộ chúng sinh.
(Trụ cổng chùa Thiên Mục, cố đô Huế)

法雨弘施萬木昆蟲沾利益
身雲遍滿虛空世界放光明
Pháp vũ hồng thi, vạn mộc côn trùng triêm lợi ích;
Thân vân biến mãn, hư không thế giới phóng quang minh.

Mưa phép thấm đều, vạn mộc côn trùng đều hưởng lợi;
Phật thân biến hóa, hư không thế giới sáng muôn màu.

(Tháp Phước Duyên, chùa Thiên Mụ, Huế)

心 即 佛 濟 人 歸 萬 善
色 即 空 闡 教 定 一 心

Tâm tức Phật, tế nhân qui vạn thiện;

Sắc tức không, xiển giáo định nhất tâm.

Tâm tức Phật, cứu người quay về muôn điều thiện;

Sắc tức không, xiển dương Phật giáo chỉ một lòng.

(Tháp Phước Duyên, chùa Thiên Mụ, Huế)

萬 化 搖 源 普 四 代 而 咸 歸 善 念
七 層 寶 塔 對 兩 間 而 數 積 福 緣

Vạn hóa dao nguyên, phổ tứ đại nhi hàm qui thiện niệm;

Thất tầng bảo tháp, đối lưỡng gian nhi phụ tích phúc duyên.

Nguồn thiên tỏa rộng để quay về với cõi thiện duyên;

Tháp báu bảy tầng, như bày ra phép lành duyên phước.

(Trước cửa chùa Thiên Mụ, Huế)

永 留 勝 跡 睹 碑 文 而 金 碧 增 輝
圓 滿 善 緣 釋 鐘 響 而 寶 珠 覺 悟

Vĩnh lưu thắng tích,睹 bi văn nhi kim bích tăng huy;

Viên mãn thiện duyên, thích chung hưởng nhi bảo châu giác ngộ.

Thắng tích lưu ngàn đời, nhìn văn bia kim bích càng thêm sáng;

Thiện duyên tròn vành cạnh, nghe chuông ngân châu báu cũng tỏ bày.

(Trụ cổng chùa Thiên Mụ, Huế)

閱 字 碑 仰 先 王 雜 福 之 人 水 月 常 圓 光 滿
三 代 千 世 界

讀 國 史 記 老 果 現 身 之 語 巖 河 水 固 靈 終
億 萬 敘 基 圖

Duyệt tự bi, ngưỡng tiên vương tạp phúc chi nhân, thủy nguyệt
thường viên, quang mãn tam đại thiên thế giới;

Độc quốc sử, ký lão quả hiện thân chi ngữ, nhạc hà thủy cố,
linh chung ức vạn tự cơ đồ.

Xem bia chùa, biết người xưa tạo phúc, trăng tỏ nước đầy

chiếu sáng tới tam thiên thế giới;

Độc sử thấy lời lão bà là sấm, núi cao sông hiểm,

khí thiêng lưu ức vạn cơ đồ.

(Trước cửa chùa Thiên Mụ, Huế)

入不退金城衣鉢優游隨機說法
登無逢寶塔春秋自在任意參禪

*Nhập bất thoái kim thành, y bát ưu du tùy cơ thuyết pháp;
Đăng vô phùng bảo tháp, xuân thu tự tại nhiệm ý tham thiền.*

Trong tường vàng, y bát thông dong, tùy cơ thuyết pháp;
Lên tháp báu, xuân thu tự tại, theo ý tham thiền.

(Trụ tháp chùa Thiên Mụ, Huế)

西天掛跡靈媒懸瓶何處去歸憊元宗者
舍利飛香浮圖藏色此成安住敦厚高僧

Tây thiên quái tích, Linh Mụ huyền bình, hà xứ khứ qui

Trừng Nguyên tôn giả;

Xả lị phi hương, phù đồ tàng sắc, thủ thành an trú

Đôn Hậu cao tăng.

Tây thiên cầm tích, Linh Mụ mang bình, chẳng biết đi đâu về đâu
hồi ngài Trừng Nguyên tôn giả;

Xả lị tỏa hương, tháp báu tàng nhục, chỗ này là chỗ yên nghỉ
của ngài Đôn Hậu cao tăng.

(Tháp Đôn Hậu, chùa Thiên Mụ, Huế)

累世東阿傳舊德

名存南史邑青香

Lũy thế Đông A truyền cựu đức;

Danh tồn Nam sử ấp thanh hương.

Gốc gác họ Trần truyền cựu đức;

Danh lưu Nam sử tỏa hương thơm.

(Đền thờ làng La Cả, nay thuộc xã Dương Nội, huyện Hoài Đức, Hà Tây)

故家事業存編錄

儒宦風聲有古今

Cố gia sự nghiệp tồn biên lục;

Nho hoạn phong thanh hữu cổ kim.

Sự nghiệp nhà xưa còn ghi trong sử sách;

Nho phong hoạn lộ có công luận xưa nay.

(Từ đường thờ Nguyễn Tú, xã Phượng Đế, huyện Trực Ninh, Nam Định)

聞聞家聲陳朝莫狀元之後

源流世譜東海清河郡以來

Phiệt duyệt gia thanh, Trần kiều Mạc trạng nguyên chi hậu;

Nguyên lưu thế phổ, Đông Hải Thanh Hà quận dĩ lai.

Dòng dõi gia phong, trượng Mạc triều Trần sau nối tiếp;
Ngon nguồn thế phả, Thanh Hà Đông Hải lại từ đây.
(Từ đường họ Vũ Tiến, làng Trúc Nội, huyện Đông Hưng, Thái Bình)

四百年前終復始
十三世後異而同

*Tứ bách niên tiền chung, phục thủy;
Thập tam thế hậu dị nhi đồng.*

Bốn trăm năm trước, cuối cùng lại như ban đầu;
Mười ba đời sau, khác nhau mà vẫn cùng một.
(Từ đường họ Lều ở Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Tây)

調鼎鼎攝陰陽朝廷柱石
還規模定號令國家棟樑

*Điều đỉnh nại, nhiếp âm dương, triều đình trụ thạch;
Hoàn qui mô, định hiệu lệnh, quốc gia đóng lương.*

Nếm canh đỉnh vạc, điều khí âm dương, ở triều đình làm trụ;
Hoàn thành qui mô, định ra hiệu lệnh, là rường cột nước nhà.

(Từ đường thờ Phạm Công Trứ ở Liêu Xuyên, xã Nghĩa Hiệp,
huyện Mỹ Văn, Hưng Yên)

嗟哉冠古才名難弟亦難兄不世偶生還偶死
已矣到頭事勢此人而此景混塵留臭即留香
*Ta tai! Quán cổ tài danh, nan đệ đệ nan huynh, bất thế ngẫu sinh
hoàn ngẫu tử;*

*Di hỉ! Đáo đầu sự thế, thử nhân nhi thử cảnh, hỗn trần lưu xú
tức lưu hương.*

Than ôi! Tài danh tuyệt thế, khó có người anh em như thế, sinh
chẳng gặp thời, cùng sinh và cùng mất;
Thôi rồi! Sự thế đáo đầu, người như thế mà cảnh như thế, đời này
hỗn độn, tiếng xấu tức tiếng thơm.

(Câu đối viếng Cao Bá Quát – khuyết danh)

俯敵歷朝經文緯武光前後
卿相兩國義腑忠肝振朔南

Phủ phát lịch triều, kinh văn vũ vũ, quang tiền hậu;

Khanh tướng lưỡng quốc, nghĩa phủ trung can, chấn sóc Nam.

Áo lễ một triều, văn vũ dọc ngang, sáng lòe sau trước;

Tiếng vang hai nước, lòng gan trung nghĩa, vang dậy Bắc Nam.

(Từ đường thờ Tiến sĩ Phạm Công Dung, làng Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội)

廟貌顧瞻一邑聚歌童叟共
簡毛之進億年饗祀地天長

*Miếu mạo cố chiêm, nhất áp tụ ca đồng tấu cộng;
Giản mao chi tiến, ức niên hưởng tự địa thiên trường.
Trông lại miếu đình, già trẻ một lòng cùng ca ngợi;
Tiến dâng lễ mọn, đất trời muôn thuở mãi phụng thờ.
(Miếu thờ Phạm Thọ Lý, làng Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội)*

跡稠洞庭威鎮漢
芳留青史力扶徵

*Tích trù Động Đình uy trấn Hán;
Phương lưu thanh sử lực phù Trưng.
Hiển hách còn lưu Động Đình phương Bắc;
Danh thơm truyền sử phù giúp vua Trưng.
(Đền thờ Phật Nguyệt, xã Phương Linh, huyện Thanh Ba, Phú Thọ)*

同世同朝三進士
一家一日兩榮歸

*Đồng thế đồng triều tam tiến sĩ;
Nhất gia nhất nhật lưỡng vinh qui.
Làm quan cùng triều, ba tiến sĩ;
Vinh qui một buổi, cả hai người.
(Nhà thờ họ Nguyễn, xã Tứ Trung, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)*

百世稱神歷年與國
八村居守猶族而鄉

*Bách thế xưng thần lịch niên dự quốc;
Bát thôn cư thủ do tộc nhi hương.
Làm quan trăm đời nhiều năm giúp nước;
Giữ đất tám thôn nhờ họ nên làng.
(Nhà thờ họ Đặng xã Tứ Trung, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)*

靈應累封文九仰神權惟社會
洪恩談太乙重新廟貌鎮江山

*Linh ứng lũy phong văn cửu ngưỡng thần quyền duy xã hội;
Hồng ân đàm thái ất, trùng tân miếu mạo trấn giang sơn.
Linh thiêng ứng nghiệm dày, nhiều đời được tặng sắc văn,
tín ngưỡng thần quyền duy trì xã hội;
Công lao ân đức lớn, ông cha được phong thái ấp,
trùng tu đền miếu, giữ vững núi sông.
(Đình Chương Dương, Thường Tín, Hà Tây)*

河潤神高靈況永延今廟社
地連太壤恩波同木舊江山

Hà nhuận thần cao, linh hướng vĩnh diên kim miếu xã;

Địa liên thái nhượng, ân ba đồng mộc cựu giang sơn.

Sông nước nhuận hòa, có thần linh hun đúc, thiêng liêng còn mãi
đến nay vẫn uy nghi miếu xã;

Đất đai liên giải, nhờ thái át sẻ chia, ân đức hưởng chung vẫn còn
nguyên thuở trước giang sơn.

(Đình Chương Dương, Thường Tín, Hà Tây)

六載稱王傳內史
千秋實邑顯餘靈

Lục tải xưng vương truyền nội sử;

Thiên thu thực ấp hiển dư linh.

Sáu năm ngự ngai vàng còn truyền nội sử;

Nghìn thu ở thực ấp vẫn rạng uy linh.

(Đình Chương Dương, Thường Tín, Hà Tây)

還繞好江山虎伏龍蟠真譜作
軒昂新棟宇輝飛鴻翼壯觀瞻

Hoàn nhiễu hảo giang san, hổ phục long bàn chân phổ tác;

Hiên ngang tân đông vũ, huy phi hồng dực tráng quan chiêm.

Núi sông tươi đẹp uốn quanh, rồng châu hổ phục chân cảnh tượng;

Miếu vũ nguy nga tạo dựng, tráng lệ chim bằng sải cánh bay.

(Miếu thần trên núi Đền làng Yên Phụ, huyện Yên Phong, Bắc Ninh)

母儀終古瞻如在
祖國千秋有所依

Mẫu nghi chung cổ chiêm như tại;

Tổ quốc thiên thu hữu sở y.

Mẹ nước ngàn xưa trông như còn đó;

Non sông muôn thuở có chỗ cậy nhờ.

(Miếu Bạch Kê trên đồi Yên Phụ, Yên Phong, Bắc Ninh)

終古三靈憑眷侑
千秋七妙仰熏高

Chung cổ Tam Linh bằng quyến hựu;

Thiên thu Thất Diệu ngưỡng huân cao.

Tam Linh vạn thuở, nơi nương tựa;

Thất Diệu ngàn năm, mộ khói hương.

(Đền thờ Thánh Tam Giang làng Yên Phụ, Yên Phong, Bắc Ninh)

正氣曰浩然上則日星下則河嶽
爲德其盛矣明詩禮樂幽而鬼神
Chính khí viết hạo nhiên, thượng tắc nhật tinh, hạ tắc hà nhạc;

Vi đức kỳ thịnh hỹ, minh thi lễ nhạc, u nhi quỷ thần.
Chính khí là khí hạo nhiên, trên là mặt trời, dưới là sông núi;
Đức của thần thịnh vậy, sáng là lễ nhạc, tối là quỷ thần.
(Đền thờ Thánh Tam Giang, làng Yên Phụ, Yên Phong, Bắc Ninh)

父先功子先功父子繼先功之業
祖積德孫積德祖先培積德之基
Phụ tiên công, tử tiên công, phụ tử kế tiên công chi nghiệp;
Tổ tích đức, tôn tích đức, tổ tiên bồi tích đức chi cơ.
Cha có công, con có công, cha con kế tiếp nhau công nghiệp;
Ông lưu đức, cháu lưu đức, ông cháu cùng bồi đức truyền lưu.
(Hai cha con Nguyễn Tông, Nguyễn Cầu thờ ở đình làng Trinh Cát và
Đức Cơ, huyện Tiên Hải, Thái Bình)

虎榜爭魁時巨擘
離廷合德國良能
Hổ bảng tranh khôi thi cự phách;
Ly đình hợp đức quốc lương năng.
Bảng hổ ngai đầu trang cự phách;
Sân rồng hợp đức bậc tài hiền.
(Gia phả họ Phạm, làng Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội)

座上巍峨來妙相
案前祈禱表真心
Tọa thượng uy nga lai diệu tướng;
Án tiền kỳ đảo biểu chân tâm.
Trên tòa uy nga ngai diệu tướng;
Trước án lễ bái tỏ lòng thành.
(Chùa Long Vân, tỉnh Hà Tây)

山水有情英靈殿
龍雲合意最靈臺
Sơn thủy hữu tình anh linh điện;
Long Vân hợp ý tối linh đài.
Linh điện hữu tình nhờ non nước;
Đài thiêng hợp ý bởi rồng mây.
(Chùa Long Vân, Hà Tây)

色聚龍雲三寶花登傳佛法
景光香積十方善信向心靈

*Sắc tụ Long Vân, tam bảo hao đăng truyền Phật pháp;
Cảnh quang Hương Tích, thập phương thiện tín hướng tâm linh.*

Sắc tụ Long Vân, tam bảo đèn hoa truyền Phật pháp;
Cảnh quang Hương Tích, mười phương thiện tín hướng tâm linh.
(Chùa Long Vân, Hà Tây)

法界光輝廣運慈心開覺岸
龍雲寶座弘施惠力度迷津

*Pháp giới quang huy, quảng vận từ tâm khai giác ngạn;
Long Vân bảo tọa, hoằng thi huệ lực độ mê tân.*

Pháp giới sáng ngời, vận dụng từ tâm mở bờ giác;
Long Vân tòa báu, thi hành huệ lực thoát bến mê.

(Chùa Long Vân, Hà Tây)

月印江溪龍竹影
花留石洞峙山雲

*Nguyệt ấn giang Khê long trúc ảnh;
Hoa lưu thạch động trĩ sơn vân.*

Sông suối bóng trăng, in ánh lung linh hoa trúc;
Cỏ hoa động đá, mây lưu phủ núi một vùng.

(Chùa Long Vân, Hà Tây)

同世同朝三進士
一家一日兩榮歸

Đồng thế đồng triều tam tiến sĩ;

Nhất gia nhất nhật lưỡng vinh qui.

Một đời, một triều ba người đỗ tiến sĩ;

Một nhà, một ngày hai người được vinh qui.

(Ba cha con Nguyễn Kim, Nguyễn Chuyên Mỹ, Nguyễn Đốc Tín làng Thạch
Lựu, xã An Thái, huyện An Lão, Hải Phòng)

匡黎偉績存山海
平宋英聲貫古今

Khuông Lê vĩ tích tồn sơn hải;

Bình Tống anh thanh quán cổ kim.

Phò Lê công lớn vang sông núi;

Đẹp Tống tiếng lừng dội xưa nay.

(Đền thờ Phạm Cự Lượng, xã Đan Nê, huyện An Định, Thanh Hóa)

跡顯東封鳳照歷朝隆字典
泥留春爪鴻圖隨處仰芳輝

*Tích hiển đông phong, phượng chiếu lịch triều long tự điển;
Nê lưu xuân trảo, hồng viên tùy xứ ngưỡng phượng huy.*

Dấu cũ sắc vua ban, còn mãi sáng ngời trong lịch sử;
Vết xưa chim hồng đậu, vẫn lưu rạng rỡ với danh thơm.
(Đình Nam làng Thư Điền, xã Tây Giang, Tiên Hải, Thái Bình)

一簇樓臺增壯麗
億年居里木恩波
*Nhất thốc lâu đài tăng tráng lệ;
Úc niên cư lý mộc ân ba.*

Một cụm lâu đài thêm tráng lệ;
Vạn năm thôn xóm đội ơn sâu.
(Miếu thờ Vinh Quốc công Lê Sao, thôn Phạm Xá, xã Đình Xá, Bình Lục, Hà Nam)

問渠那得清洌水之源泗水
登高視益小竹山之上東山
*Vấn vù ná đắc thanh, Thao Thủy chi nguyên Tứ Thủy;
Đăng cao thị ích tiểu, Trúc Sơn chi thượng Đông Sơn.*
Làm sao có được dòng trong, nước Thao Giang nguồn từ Tứ Thủy;
Lên cao nhìn càng thấy nhỏ, ngọn Trúc Sơn hướng thẳng Đông Sơn.
(Theo Sắc văn thi trường đôi liên – sách chép tay)

忘邑訪文科費公後阮公前將輝佛錄
名區鍾旺氣茂之森柳之長同面德根
*Vọng ấp phỏng văn khoa, Phí Công hậu, Nguyễn Công tiền tương
huy Phật lục;
Danh khu chung vượng khí, mậu chi sâm, liễu chi trường đồng
diện đức căn.*

Tìm văn khoa ở Vọng ấp, thời sau ông Phí, thời trước ông Nguyễn
cùng rạng danh trong Đẳng Khoa Lục;
Chung vượng khí nơi xóm làng cành liễu dài, cành mậu tốt,
đều làm cho cội đức vững bền.
(Từ đường họ Phí làng Mậu Hòa, huyện Hoài Đức, Hà Tây)

借花洞以開基一統山河皆毅力
遊茂林而訪古五洲風會此崇祠

Tá Hoa động dĩ khai cơ, nhất thống sơn hà giai nghị lược;
 Du Mậu lâm nhi phong cổ, ngũ châu phong hội thử sùng từ.
 Phò chúa động Hoa Lư gây dựng cơ đồ, thống nhất non sông đều
 nhờ nghị lược;
 Thăm rừng quê làng Mậu kiếm tìm dấu cũ, năm châu vắn hội lưu
 tại đền thiêng

(Từ đường họ Đỗ làng Mậu Hòa, huyện Hoài Đức, Hà Tây)

乾 御 奠 中 區 肅 穆 位 成 朝 左 右
 旅 庭 趨 下 駿 濟 蹕 序 列 作 西 東

Kiên ngự diện trung khu, túc mục vị thành triều tả hữu;
 Lữ đình xu hạ tuấn, tế thương tự liệt tác tây đông.

Ngai chúa ngự trung khu, cung kính đứng hai bên tả hữu;
 Sân châu bày phía dưới, xếp thành hàng thứ tự tây đông.
 (Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

當 宇 穆 晨 旒 豈 弟 爲 綱 徵 壽 考
 正 朝 恢 治 休 時 幾 懋 勉 挽 凝 熙

Đương vũ mục thần lưu, khởi dĩ vi cương trưng thọ khảo;
 Chính triều khôi trị thể, thời cơ mậu miễn vãn ngưng hi.
 Gánh trọng trách cung đình, ngự phục trang nghiêm, vui vẻ mỗi
 đường, diêm thọ khảo;
 Sửa sang nơi triều chính, rộng nền thịnh trị, cơ trời sẽ đến,
 hưởng phúc lành.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

離 照 四 方 瞻 虎 步 龍 行 昭 瑞 彩
 春 和 千 古 見 鳳 儀 麟 舞 荐 嘉 祥

Ly chiếu tứ phương chiêm, hổ bộ long hành chiếu thụy thái;
 Thái hòa thiên cổ kiến, phụng nghị lân vũ tiến gia tường.
 Soi sáng bốn phương xem, hổ bước rồng bay diêm hay tỏ;
 Thái hòa nghìn thuở thấy, phượng châu lân múa phúc lành dâng.
 (Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

百 姓 總 吾 胞 遍 照 無 私 光 是 燭
 八 方 皆 我 聞 併 包 罔 外 豁 如 心

Bách tính tổng ngô bào, biến chiếu vô tư, quang thị chúc;
 Bát phương giai ngã đạt, tinh bao đồng ngoại, hoát như tâm.
 Trăm họ thầy đồng bào, soi khắp vô tư trưng đuốc sáng;
 Tám phương đều cửa ngõ, chẳng ngoài bao bọc, rộng như tâm.
 (Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

才難得亦難知較若驪黃歸藻鑑
民可近不可下儼然軒陛見茅茨

*Tài nan đắc, diệc nan tri, hiệu nhược ly hoàng qui tảo giám;
Dân khả cận, bất khả hạ, nghiễm nhiên hiên bệ kiến mao từ.*
Tài khó được, cũng khó hay, ví ngựa đen tuyền dùng gương soi chiếu;
Dân nên gần, không hạ thấp, ở nơi hiên bệ thấy chốn nhà tranh.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

四序昭融清晏會
重門軒豁照臨中

*Tứ tự chiêu dung thanh yến hội;
Trùng môn hiên hoát chiếu lâm trung.*
Bốn vách sáng trong, gặp hội thanh bình sông yên bể lặng;
Cửa đôi hiên rộng, không gian rạng rỡ, nhật chiếu, nguyệt soi.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

卷阿伴渙時遊豫
天保升恒會泰亨

*Quyển A bạn hoán thời du dự;
Thiên Bảo thăng hằng hội thái hạnh.*
Ngâm khúc Quyển A đùng đỉnh thư nhàn rõ trang đủ khách;
Độc thơ Thiên Bảo, trời lên trăng sáng tỏ hội thái hòa.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

鐘鼓樂同魚躍沼
簫韶和奏鳳儀庭

*Chung cổ lạc đồng ngư dục chiểu;
Tiêu thiêu hòa tấu phụng nghi đình.*
Chuông trống vui chung, ao cá nhảy;
Tiêu thiêu hòa tấu phượng sân châu.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

五絃聲繞臨風院
八闕歌喧得月樓

*Ngũ huyền thanh nhiễu lâm phong viện;
Bát khuyết ca huyền đắc nguyệt lâu.*
Đàn năm dây quanh nhà hóng gió;
Ca tám khúc cạnh gác đón trăng.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

兌澤一泓妝寶鏡
坤儀億載聳璇庭

Đoài trạch nhất hoăng trang bảo kính;

Khôn nghi ức tải củng tuyên đình.

Một khoảnh đầm đoài tô gương báu;

Muôn năm nghĩa mẹ vững sân rồng.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

玉燭宣輝光四表
全波闡瑞慶千秋

Ngọc chúc tuyên huy quang tứ biểu;

Kim ba xiển thủy khánh thiên thu.

Đuốc ngọc dọi soi trưng bốn cõi;

Sóng vàng mở dấu phúc nghìn thu.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

仙杖僊成裝岸柳
天香飛入滿湖蓮

Tiên trượng trang thành liên ngạn liễu;

Thiên hương phi nhập mãn hồ liên.

Nghi vệ tiên trang bên bờ liễu;

Hương trời hòa nhập ngát hồ sen.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

雍睦燦堯名畫省夕修兼懋勉
瞻依環禹服南成北始慶清夷

Ung mục xán Nghiêu danh, trú tỉnh tịch tu kiêm mậu miễn;

Chiêm y hoàn Vũ phục, Nam thành Bắc thủy khánh thanh di.

Hòa mục tiếng vua Nghiêu, đêm tu ngày tỉnh thêm gắng gỏi;

Trông nhờ quanh vua Vũ, mở Bắc thành Nam đẹp cõi bờ.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

萬里隔隕長地廠日南增式廓
九畿基本壯天高辰北屹網維

Vạn lý cách vãn trường, địa xưởng Nhật Nam tăng thức quách;

Cửu kỳ cơ bản tráng, thiên cao Thần Bắc ngát cương duy.

Muôn dặm cách trở xa, mở cõi Nhật Nam thêm thang thể thức;

Chín châu nền gốc vững, vượn cao Thần Bắc sừng sững mối đường.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

萬里奉明威 蕃閩瘴瞻華萼迺
四時宣雅化 絲綸遙仰彩雲來

Vạn lý phụng minh uy, phiên khốn cận chiêm hoa ngọc nhĩ;

Tứ thì tuyên nhã hóa, ti luân dao ngưỡng thái vân lai.

Muôn dặm sáng quyền uy, chốn phiên ổn ngắm xem hoa ngọc;

Bốn mùa ngời giáo hóa, chiếu vua ban xe đón mây lành.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

邦國樹藩翰 遵奉典常勤述職
聖賢留範軌 講明學問要存心

Bang quốc thụ phiên hàn, tuân phụng điển thường cần thuật chức;

Thánh hiền lưu phạm quỹ, giảng minh học vấn yếu tồn tâm.

Dựng phen dậu nước nhà, noi phép tắc gắng theo chức nghiệp;

Lưu khuôn mẫu thánh hiền, chăm vấn bài, cốt yếu để tâm.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

學焉新又新 君子及時修德業
政者正不正 王臣居作守彝章

Học yền tân hựu tân, quân tử cập thì tu đức nghiệp;

Chính giả chính bất chính, vương thần cư tác thủ di chương.

Học mới lại càng mới, quân tử kịp thời rèn đức nghiệp;

Chính ngay điều chẳng ngay, vương thần cư xử giữ luân thường.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

夙夜殫厥心 忠愛恪敦臣子職
終始典于學 言行敬佩聖賢書

Túc dạ đàn quyet tâm, trung ái khắc đồn thần tử chức;

Chung thủy điển vu học, ngôn hành kính bội thánh hiền thư.

Sớm tối dốc hết lòng, trung nước, yêu dân, tròn danh thần tử;

Trước sau chăm chỉ học, việc làm, lời nói, theo sách thánh hiền.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

大化奉宣揚 溫室德音常在耳
小心存洞屬 閭門威令不違顏

Đại hóa phụng tuyên dương, ôn thất đức âm thường tại nhĩ;

Tiểu tâm tồn động thuộc, tương môn uy lệnh bất vi nhan.

Đức hóa kính tuyên dương, lời hay triều chính còn vang mãi;

Cẩn thận lưu trong dạ, uy lệnh nhà vàng chẳng giám sai.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

能力堅強埤堤御水懇荒揚名今古
 奇功偉人桑海成田更作建業子孫
*Năng lực kiên cường, phù đề ngự thủy khẩn hoang, dương danh kim cổ;
 Kỳ công vĩ đại, tang hải thành điền canh tác, kiến nghiệp tử tôn.*
 Năng lực kiên cường, ngăn nước đắp đê, mở đất khai hoang nổi danh
 kim cổ;
 Kỳ công vĩ đại, thay chua rửa mặn, cấy trồng canh tác khởi nghiệp
 cháu con.

(Nhà thờ dòng họ Tiên Công, huyện Yên Hương, tỉnh Quảng Ninh)

築海成田神第一
 箕裘克紹止戈祠
*Trúc hải thành điền thần đệ nhất;
 Cơ câu khắc thiệu chỉ qua từ.*
 Ngăn biển thành đồng, thần là bậc nhất;
 Noi theo tổ trước, tổ chiếm công đầu.
 (Nhà thờ họ Vũ thôn Cung Đường, xã Phong Cốc, Yên Hương, Quảng Ninh)

開耕廟烈三公祖
 翌保朝封四社神
*Khai canh miếu liệt tam công tổ;
 Dực bảo triều phong tứ xã thần.*
 Công sức khai canh thờ ba vị tổ;
 Trung hưng dực bảo phong bốn xã thần.
 (Nhà thờ họ Nguyễn thôn Cung Đường, xã Phong Cốc, Yên Hương,
 Quảng Ninh)

開耕功神留後世
 祠堂陶族創前人
*Khai canh công thần lưu hậu thế;
 Từ đường Đào tộc sáng tiền nhân.*
 Mở đất khai hoang, công thần lưu hậu thế;
 Dựng xây sáng lập, Đào tộc sánh tiền nhân.
 (Nhà thờ họ Đào xã Lưu Khê, Yên Hương, Quảng Ninh)

龍城夢應光先世
 蝸井聲聞啓後人
*Long Thành mộng ứng quang tiên thế;
 Oa tỉnh thanh văn khởi hậu nhân.*

Long Thành ứng mộng danh tiên tổ;

Giếng Ếch âm vang nghiệp cháu con.

(Nhà thờ họ Nguyễn thôn Cung Đường, xã Phong Cốc, Yên Hương, Quảng Ninh)

龍城舊址三兄弟

東海開耕二萼花

Long Thành cội chỉ tam huynh đệ;

Đông Hải khai canh nhị ngác hoa.

Thằng Long quê cũ tam huynh đệ;

Đông Hải khai canh chú với anh.

(Nhà thờ họ Vũ thôn Cung Đường, xã Phong Cốc, Yên Hương, Quảng Ninh)

福生禮義家堂盛

祿進榮花富貴春

Phúc sinh lễ nghĩa gia đường thịnh;

Lộc tiến vinh hoa phú quý xuân.

Phúc sinh lễ nghĩa cho nhà thịnh;

Lộc nảy vinh hoa phú quý xuân.

(Gia đình cụ Nguyễn Đăng Thám, thành phố Thái Bình)

九陞敕封光苡水

億年廟宇對桐江

Cửu bệ sắc phong quang dĩ thủy;

Úc niên miếu vũ đối Đồng Giang.

Chín bậc sắc phong rạng ngời họ Phạm;

Ngàn năm từ miếu vọng hướng sông Đồng.

(Từ đường họ Phạm, thôn Tả Phụ, xã Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình)

一堂花聚精神爽

百世本枝嗣續長

Nhất đường hoa tụ tinh thần sảng;

Bách thế bản chi tự tục trường.

Một nhà hoa tụ tinh thần sáng;

Trăm thế bản chi nối tiếp dài.

(Từ đường họ Phạm, thôn Tả Phụ, xã Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình)

佛道光明濟度群生登覺岸

雲庵屹立輝煌寶座向桐江

Phật đạo quang minh, tế độ quần sinh đăng giác ngạn;

Vân am ngất lập, huy hoàng bảo tọa hướng Đồng Giang.

Đạo Phật sáng ngời, cứu giúp chúng sinh lên bờ giác;
Am mây cao ngất, huy hoàng bảo tháp, hướng sông Đồng.
(Chùa thôn Lãng Đông, xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, Thái Bình)

億年規矩存碑記
一世瓶陶入範圍

Ức niên qui củ tồn bi ký;
Nhất thế bình đào nhập phạm vi.
Ngàn năm mực thước ghi bia đá;
Nhất thế hình thù nhập mẫu khuôn.
(Am thờ vị tổ nghề kim hoàn ở Đồng Xuân, Kiến Xương, Thái Bình)

先祖仁風留永濟
後昆義道繼長光

Tiên tổ nhân phong lưu vĩnh tế;
Hậu côn nghĩa đạo kế trường quang.
Tiên tổ dựng nên nhân giúp đỡ bao người lưu tiếng tốt;
Cháu con chăm đạo nghĩa sáng ngời đức hạnh tiếp ơn xưa.
(Từ đường thờ tiên tổ Tế Quang y sư, thôn Tả Phụ, xã Hồng Thái,
Kiến Xương, Thái Bình)

山水清高春不盡
神仙樂趣景長生

Sơn thủy thanh cao xuân bất tận;
Thần tiên lạc thú cảnh trường sinh.
Sông núi thanh cao xuân mãi mãi;
Thần tiên vui thú cảnh đời đời.
(Ngôi miếu huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ)

東土關鳩鳴得偶
南城英鳥樂同聲

Đông Thổ quan cưu minh đắc ngẫu;
Nam Thành anh điểu lạc đồng thanh.
Oanh gọi lứa đôi nơi Đông Thổ;
Điểu hòa thanh ứng chốn Nam Thành.
(Cụ Nguyễn Đăng Sứ, quê Kiến Xương, Thái Bình mừng đám cưới một
gia đình ở Hà Nội)

明月清風百類魚禽皆國色
金枝玉葉四時花草有天香

Minh nguyệt thanh phong, bách loại ngư cầm giai quốc sắc;
Kim chi ngọc diệp, tứ thời hoa thảo hữu thiên hương.

Gió mát trăng thanh, chim cá muôn loài khoe sắc nước;
Cánh vàng lá ngọc, cỏ cây bốn tiết ngát hương trời.

(Câu đối ở chợ xuân tỉnh Thái Bình năm 1996)

范族卜居安邑今成安業
愛州衍派望山同此望恩

Phạm tộc bốc cư An ấp kim thành an nghiệp;

Ái châu diễn phái Vọng Sơn đồng thủ vọng ân.

Phạm tộc chuyển cư, An ấp nay thành an nghiệp;

Ái châu dời đến Vọng Sơn như thế vọng ân.

(Từ đường thờ Phạm Thận Duật ở Yên Mô, Ninh Bình)

行義不相離 討賊君恩心不死
敗成非所論 孤臣殺敵志猶生

Hành nghĩa bất tương ly, thảo tặc quân an tâm bất tử;

Bại thành phi sở luận, cô thần sát địch chí do sinh.

*Làm việc nghĩa chẳng xa nhau, trừ tặc, báo ơn vua,
lòng không khuất;*

*Dấu bại thành, không luận xét, diệt thù, trung thân chết,
chí mãi còn.*

*(Câu đối của lãnh binh Phạm Hữu Bí quê ở Bô Xuyên, Thái Bình
dặn em trai là Phạm Hữu Kiển)*

雖我不共戴天 萬古芳名留象郡
護駕別心靜地 千年殘骨寄龍州

Thù nhưng bất cộng đới thiên, vạn cổ phương danh lưu Tượng Quận;

Hộ giá biệt tâm tĩnh địa, thiên niên tàn cốt ký Long Châu.

Thù Tây không đới trời chung, muôn thuở tiếng thơm ghi Tượng Quận;

Hộ giá riêng tìm cõi khác, ngàn năm xương bọc gửi Long Châu.

*(Câu đối trên mộ chí Tôn Thất Thuyết ở Long Châu, Trung Quốc – theo Việt
Nam vong quốc sử, (1906) của Phan Bội Châu)*

蓋世如愚真君子
爲人能忍是英雄

Cái thế như ngu chân quân tử;

Vì nhân năng nhẫn thị anh hùng.

Khí khái tựa ngu, trang quân tử;

Làm người biết nhẫn, thật anh hùng.

*(Câu đối khắc lòng máng thân cau, treo ở nhà cụ Vũ Văn Khang,
thôn Tả Phụ xã Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình, thế kỷ trước)*

池邊水積呼軍淚

樹上風吹罵賊聲

Trì biên thủy tích hô quân lệ;

Thụ thượng phong xuy mạ tặc thanh.

Bên ao vẫn còn những giọt nước mắt gọi quân;

Trên cây gió thổi nghe như tiếng chửi giặc.

(Dương Công San ca ngợi tinh thần chống Pháp của Vương Thúc Mậu ở Nam Đàn)

心可懸於偏日月

身曾可以越山川

Tâm khả huyền ư thiên nhật nguyệt;

Thân tăng khả dĩ việt sơn xuyên.

Lòng ấy treo cao cùng nhật nguyệt;

Thân này đã gần với non sông.

(Miếu thờ Hoe Báu ở núi Văn Sơn Nam Đàn)

十年不讀父親所孝子防諸葛傳

一舉巧酬母志恨非壬午甲申前

Thập niên bất độc phụ thân, sở hiếu Tử Phòng Gia Cát truyện;

Nhất cử xảo thù mẫu chí, hận phi Nhâm Ngọ Giáp Thân tiền.

Mười năm không đọc sách cha, bởi ham truyện Trương Lương cùng Gia Cát;

Một khoa chưa đến chí mẹ, tiếc chẳng vin Nhâm Ngọ trước Giáp Thân.

(Vương Thúc Quý cảm tác)

書燈足料三生氣

湖海應遑萬里心

Thư đăng túc liệu tam sinh khí;

Hồ hải ứng hoàng vạn lý tâm.

Đèn sách cũng đủ chí ba sinh;

Hải hồ nên theo lòng muôn dặm.

(Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Bác Hồ mừng bạn đỗ tú tài)

抗戰必勝

建國必成

Kháng chiến tất thắng;

Kiến quốc tất thành.

(Đinh Hợi Nguyễn đán)

Kháng chiến nhất định thắng lợi;
Kiến quốc nhất định thành công⁽¹⁾.
(Tết Nguyên đán năm Đinh Hợi – 1947)

請爾須臾忘世事
松林雪絡似梅花

*Thỉnh nhĩ tu du vong thế sự;
Tùng lâm tuyết lạc tự mai hoa.*

Xin bạn giây lát quên việc đời;
Rừng thông tuyết bám như hoa mai.

(Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện tặng một người bạn Trung Quốc năm 1943)

忠義固家風而桂子而蘭孫壽更雙懸娛白髮
文明新運會是倉松是翠竹春花孟發滿芳園

*Trung nghĩa cố gia phong, nhĩ quế tử nhĩ lan tôn,
thọ cánh song huyền ngu bạch phát;
Văn minh tân vận hội, thị thương tùng thị thủy trúc,
xuân hoa mãn phát mãn phương viên.*

Trung nghĩa vốn đạo nhà, đây con quế, đây cháu lan, song thọ
nêu cao vui tóc bạc;

Văn minh đương hội mới, nào tùng xanh, nào trúc biếc, hoa xuân
đưa nở kín vườn xuân.

(Câu đối ông Vũ Đình Ngạn mừng ông Bùi Văn Bảo ở Thái Bình cuối thế kỷ trước)

衛道有丹心天下最隆惟道義
行文堅夙志世間無價是文章

*Vệ đạo hữu đan tâm, thiên hạ tối long duy đạo nghĩa;
Hành văn kiên túc chí, thế gian vô giá thị văn chương.
Giữ đạo tấm lòng son, thiên hạ đẹp cao là đạo nghĩa;
Hành văn bền ý chí, thế gian vô giá, đó văn chương.*

(Ông Lan Đình tặng ông Đồng Giang ở Thái Bình thế kỷ trước)

行善豈應爲惡報
太平何事惹兵刀

*Hành Thiện khởi ứng vi ác báo;
Thái Bình hà sự nhạ binh đao.*

(1) Bác Hồ viết lối chữ lệ cổ trên giấy hồng điều, theo lời thỉnh cầu của sư cụ chùa Trâm, huyện Chương Mỹ, Hà Đông. Câu đối được dán trước cửa chùa, nhưng không đề tên tác giả - theo Vũ Kiên trong bài *Bác Hồ với thú làm câu đối*, báo *Sức khỏe & Đời sống* số Xuân Ất Dậu - 2000).

Hành Thiện há nên gây ác báo;
Thái Bình sao để dấy binh đao.
(Điếu Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn, 1913)

豪傑千秋歸造化
神仙一見可忘憂
Hào kiệt thiên thu quy tạo hóa;
Thần tiên nhất kiến khả vong ưu.
Hào kiệt nghìn thu về với đất;
Thần tiên vừa thấy đã quên buồn.

三寸枝棺五寸之槨
十年樹木百年樹人
Tam thốn chi quan, ngũ thốn chi quách;
Thập niên thụ mộc, bách niên thụ nhân.
Ba tấc là quan, năm tấc là quách;
Mười năm trồng cây, trăm năm trồng người.

此是生平到頭事業
無非沒世結局文章
Thử thị sinh bình, đáo đầu sự nghiệp;
Vô phi một thế, kết cục văn chương.
Đây chính sự nghiệp đến chót cuộc sống;
Chẳng phải văn chương kết thúc hết đời.

南朝遠播聲名靜邊塞擎天一柱
北鎮長留義氣耀精靈護國千秋
Nam triều viễn bá thanh danh, tĩnh biên tái kinh thiên nhất trụ;
Bắc trấn trường lưu nghĩa khí, diệu tinh linh hộ quốc thiên thu.
Thanh danh vang khắp triều nam, một cột chống trời yên bờ cõi;
Nghĩa khí lưu truyền trấn bắc, nghìn thu giúp nước dấy tinh linh.
(Nguyễn Văn Siêu khóc Cao Bá Quát)

故國江山巍然存古廟
將軍事業卓爾肆功神
Cố quốc giang sơn, nguy nhiên tồn cổ miếu;
Tướng quân sự nghiệp, trác nhĩ dị công thần.
Nước cũ non sông, sừng sững còn miếu cổ;
Tướng quân sự nghiệp, trác việt sáng thần công.
(Nguyễn Văn Siêu khóc Cao Bá Quát)

一氣冠山河 雄國龍城留異跡
雙桑懸日月 東橋魚鋪記遺蹤

*Nhất khí quán sơn hà, Hùng quốc Long thành lưu dị tích;
Song Tang huyền nhật nguyệt, Đông kiều Ngư phố ký di tung.*
Khí mạnh trùm núi sông; nước vua Hùng, thành Thăng Long còn
lưu vết lạ;
Mặt trời, mặt trăng treo trên hai đất Tang; Cầu Đông, Bến Cá vẫn
giữ dấu xưa⁽¹⁾.

爲名將爲元臣 許多政績戎功赫赫然在人耳目
此墓碑此祠廟 歷几歐風亞雨巍巍乎吾土江山

*Vì danh tướng, vì nguyên thần, hữu đa chính tích nhưng công,
hách hách nhiên tại nhân nhĩ mục;
Thử mộ bi, thử từ miếu, lịch kỷ Âu phong Á vũ,
nguy nguy hồ ngô thổ giang sơn.*
Là danh tướng, là công thần, rất nhiều thành tích chiến công,
dưới tai mắt người oai vệ lắm;
Đây mộ bia, đây đền miếu, trải bao gió Âu mưa Á,
cùng non sông ta lớn lao thay.
(Danh nhân Hà Nội)

佐中興附鳳攀龍與國百年昭偉績
制外困安民息盜令人千載佩威風

*Tá trung hưng, phụ phượng phan long, dữ quốc bách niên chiêu vĩ tích;
Chế ngoại khốn, an dân tức đạo, lệnh nhân thiên tải bội uy phong.*
Giúp trung hưng, đỡ chúa phò vua, công lao lớn trăm năm với nước;
Chống giặc đến, yên dân dẹp trộm, uy phong nhiều ngàn thuở cùng người.
(Danh nhân Hà Nội)

君聖臣忠 施耐封功推第一
地靈人傑 瀝岑發跡定無雙

*Quân thánh thần trung, Thi Nại phong công suy đệ nhất;
Địa linh nhân kiệt, Rạch Gầm phát tích định vô song.*
Vua thánh tôi trung, Thi Nại đánh xong phong hạng nhất;
Đất thiêng người giỏi, Rạch Gầm dấu cũ thật không hai.
(Danh nhân Hà Nội)

⁽¹⁾ Theo Vũ Tuấn Sán; Lý Tiến, ông Hiến, ông Dục, ông Minh...; *Danh nhân Hà Nội*, Hà Nội, 1973, tr. 10.

護國庇民萬古勳名垂宇宙
越南振北千秋聲勢壯山河

*Hộ quốc tỵ dân, vạn cổ huân danh thùy vũ trụ;
Việt Nam chấn bắc, thiên thu thanh thế tráng sơn hà.*

Giữ nước giúp dân, vạn thuở công lao lưu trời đất;
Vượt nam chặn bắc, ngàn thu danh tiếng dậy non sông.

(Danh nhân Hà Nội)

六千春色在眉頭記當年翠暖珠香曾遊膽部
五萬鶯花如夢裡念此日丁歌甲舞重睡崑崙

*Lục thiên xuân sắc tại mày đầu, kỷ đương niên thụy noãn châu
hương, tằng du Thiêm Bộ;*

*Ngũ vạn oanh hoa như mộng lý, niệm thử nhật đình ca giáp vũ,
trùng thụy Côn Lôn.*

Sắc xuân sáu ngàn năm chỉ chớp mắt, nhớ bấy giờ môn môn ngọc
ngà, từng chơi Thiêm Bộ.

Hoa xuân năm vạn tuổi như trong mộng, nghĩ ngày ấy nay ca mai
nhảy, ngủ lại Côn Lôn.

(Danh nhân Hà Nội)

潘郎佐國前良將
嘉定勤王後顯神

*Phan Lang tá quốc, tiền lương tướng;
Gia Định cần vương, hậu hiển thần.*

Giúp nước ở Phan Rang, trước tướng giỏi;
Cần vương nơi Gia Định, sau thần linh.

(Danh nhân Hà Nội)

嘉鎮漠鴻人民思汗馬朝廷崇拜別天南
橫山伏虎物色會雲龍節鉞指揮為帝佐

*Gia trấn mạc hồng, nhân dân tư hãn mã, triều đình sùng bái biệt
thiên nam;*

*Hoành sơn phục hổ, vật sắc hội vân long, tiết việt chỉ huy vì đế tá⁽¹⁾.
Đại bàng Gia Định, nhân dân nhớ công trạng, triều đình sùng bái ở
trời nam;*

Hổ nấp Hoành Sơn, gắng sức lúc thời cơ, cờ búa chỉ huy vì đế tá.

(Danh nhân Hà Nội)

⁽¹⁾ Theo chúng tôi, đôi câu đối này có thể đảo vế.

良將才能千古流芳懸北闕
英雄氣節百年著績壯南疆

*Lương tướng tài năng, thiên cổ lưu phương huyền Bắc khuyết;
Anh hùng khí tiết, bách niên trứ tích tráng Nam thiên.
Tài năng tướng giỏi, ngàn thuở tiếng thơm lưu cửa Bắc;
Khí tiết anh hùng, trăm năm công sáng rõ trời Nam.
(Danh nhân Hà Nội)*

文章有命相終始
聲器同悲自古今

*Văn chương hữu mệnh tương chung thủy;
Thanh khí đồng bi tự cổ kim.
Văn chương có mệnh liền sau trước;
Tri kỷ cùng buồn vẫn xưa nay.
(Nguyễn Văn Siêu khóc Cao Bá Quát)*

嗟哉貫古才名難弟難兄一世偶生還偶死
已矣到頭事勢可憐可惡渾塵留臭亦留芳
*Ta tài! Quán cổ tài danh, nan huynh nan đệ, nhất thế ngẫu sinh
hoàn ngẫu tử;*

*Dĩ hi! Đáo đầu sự thế, khả lân khả ố, hồn trần lưu xú
diệt lưu phương!*

Thương thay! Vượt cổ tài danh, em đấy mà anh, một cặp lúc sinh
chết cũng vậy;

Ồi thôi! Việc đã đến thế, đáng thương đáng ghét, một đời lưu xấu
cũng lưu thơm!

(Nguyễn Văn Siêu diếu Cao Bá Nhạ và Cao Bá Quát, 1854)

征施耐封功第一
收歸仁偉績無雙

*Chinh Thi Nại, phong công đệ nhất;
Thu Quy Nhơn, vĩ tích vô song.*

Đánh Thi Nại, công phong hạng nhất;
Lấy Quy Nhơn, việc lớn không hai.

(Lăng Ông Bà Chiểu⁽¹⁾)

五木尚家風屈子騷魂天欲同
一生惟國患杜陵詩思地難埋

⁽¹⁾ Theo Lý Việt Dũng: Văn bia và câu đối tại lăng Ông Bà Chiểu; Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn; Huế, 2002, tr. 649.

*Ngũ mộc thượng gia phong, Khuất Tử tao hồn thiên dục vấn;
Nhất sinh duy quốc hoạn, Đỗ Lăng thi tứ địa nan mai.
Năm gốc chuộng lễ nhà, hồn phú Khuất Nguyên trời muốn hỏi;
Một đời vì nạn nước, ý thơ Đỗ Phủ đất khôn vùi.*

(Phan Bội Châu viếng Lâm Mậu - 1933⁽¹⁾)

聰明我是黃家子
正直君爲黑帝神

Thông minh, ngā thị Hoàng gia tử;

Chính trực, quân vi Hắc đế thần.

Thông minh, ta là con nhà họ Hoàng;

Chính trực, ông là thần nhà họ Mai.

(Dầu xứ Thái để ở đền vua Mai)

閼寺碑仰先王造福之因水月常圓光滿
三千大世界
讀國史記老嫗現身之語岳河水固靈鐘
億萬祀基圖

*Duyệt tự bi ngưỡng tiên vương tạo phúc chi nhân,
thủy nguyệt thường viên quang mãn tam thiên đại thế giới.*

*Độc quốc sử, ký lão ấu hiện thân chi ngữ,
nhạc hà thủy cố linh chung ước vạn tự cơ đồ.*

Xem bia chùa ngưỡng mộ nguyên do của tiên vương tạo phúc. Trăng
tổ nước tràn chiếu sáng tới tam thiên đại thế giới.

Độc quốc sử thấy ghi lão bà hiện thân xuống nói. Núi thiêng sông
hiếm đức linh khí ngàn năm vững cơ đồ.

(Câu đối chùa Linh Mục)

西天掛錫靈鷲懸瓶何處去歸澄源尊者
舍利飛香浮屠藏色此城安住敦厚高僧

Tây thiên quai tích, Linh Mục huyền bình, hà xứ khứ quy

Trùng Nguyên tôn giả

Xá lợi phi hương, phù đồ tàng sắc, thử thành an trú

Đôn Hậu cao tăng.

Tây Thiên cầm tích, Linh Mục đeo bình, không biết đi đâu về đâu hỏi
ngài Trùng Nguyên Tôn Giả;

⁽¹⁾ Theo Lê Nguyễn Lưu; *Chùa Phổ Quang và bài văn bia của Lâm Mậu; Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn*; Huế; 2002, tr. 405.

Xá lợi tỏa hương, tháp báu tàng nhục, thành này là nơi ở yên hồi
ngài Đôn Hậu Cao Tăng.

(Câu đối ở tháp Đôn Hậu chùa Thiên Mụ)

四海名人題古寺
一山風物睂禪深

Tứ hải danh nhân đề cổ tự;
Nhất sơn phong vật miên thiền thâm.

Bốn biển danh nhân đề cổ tự;
Núi mây cảnh đẹp chốn thiền môn.

(Câu đối chùa Từ Hiếu)

幾度功勳長皓月
一生奇氣慙高峰

Kỷ độ công huân trường hao nguyệt;
Nhất sinh kỳ khí túng cao phong.

Mấy lần đồn sức vàng trăng sáng;
Chỉ khí một đời động núi cao.

(Câu đối tháp thầy Thiện Minh chùa Thiên Tông)

石碑只在春山上
今錫授飛樂國中

Thạch bi chỉ tại Xuân sơn thượng;
Kim tích thụ phi lạc quốc trung.

Dương xuân trên núi dựng bia đá;
Trong nước truyền bay tích trượng vàng.

(Câu đối ở tháp ngài Nhất Định chùa Từ Hiếu)

同苦同甘兄弟族
一心一志子孫家

Đồng khổ đồng cam huynh đệ tộc;
Nhất tâm nhất chí tử tôn gia.
Đồng cam cộn khổ là anh em trong họ;
Một lòng một chí là con cháu trong nhà.

惠施天地番生盛
福蔭乾坤養育多

Huệ thi thiên địa phiên sinh thịnh;
Phúc ảm càn khôn dưỡng dục đa.

Ơn ban trời đất sinh vật thịnh;
Phúc rợp càn khôn nuôi nấng nhiều.

氣英雄至忠大義
厚廣大以德爲仁

Khí anh hùng chí trung đại nghĩa;

Hậu quảng đại dĩ đức vi nhân.

Khí phách anh hùng chí trung đại nghĩa;

Đầy đặn quảng đại lấy đức làm nhân.

載筆已存村之史
傳言還自里之民

Tải bút dĩ tồn thôn chi sử;

Truyền ngôn hoàn tự lý chi dân.

Nét bút vẫn còn trong sử xóm;

Lời truyền là bởi ở dân thôn

一天春意催花發
萬里財源擁戶來

Nhất thiên xuân ý thôi hoa phát;

Vạn lý tài nguyên ủng hộ lai.

Một trời xuân ý giục hoa nở;

Muôn dặm tài nguyên ủng hộ thêm.

上馬提鞍三尺劍戰功顯赫
保民護國萬古留青史威光

Thượng mã đề an, tam xích kiếm chiến công hiển hách;

Bảo dân hộ quốc vạn cổ lưu thanh sử uy quang.

Lên ngựa vỗ yên, ba thước kiếm lập chiến công hiển hách;

Giúp dân giữ nước, sáng uy danh lưu trong sử muôn đời.

雨洒天流淚

風號地放悲

Vũ sái thiên lưu lệ;

Phong hào địa phóng bi.

Mưa rơi trời rơi lệ;

Gió khóc đất sầu thương.

靈地長存國泰民安同日月
丘 豪氣雄威戰跡配乾坤

Linh địa trường tồn quốc thái dân an đồng nhật nguyệt;

Khâu sơn hào khí hùng uy chiến tích phối càn khôn.

Đất thiêng mãi còn, quốc thái dân an ngang nhật nguyệt;

Núi non hào khí anh hùng chiến tích sánh càn khôn.

壽脈培基長濟世
延禧厚澤廣民安

Thọ mạch bồi cơ trường tế thế;

Diên hi hậu trạch quảng dân an.

Mạch thọ đắp thêm nền, cứu đời mãi mãi;

Dài phúc dày ơn huệ, mở rộng dân yên.

打東揲北威風兩國
懷民治諾和合義情

thiếu câu

dịch nghĩa

Đánh đông dẹp bắc uy phong lưỡng quốc;

Yêu dân trị nước hòa hợp nghĩa tình.

德水澄清玉帶繞環鍾秀氣
福山雄俊精神聚會肇光基

Đức thủy trừng thanh, ngọc đới nhiều hoàn chung tú khí;

Phúc sơn hùng tuấn, tinh thần tụ hội triệu quang cơ.

Sông Đức trong dòng, như đai ngọc quấn quanh, động khí tốt;

Núi Phúc cao vọi, tựa tinh anh hội tụ mở nền to.

一點忠心昭日月
千秋義氣壯乾坤

Nhất điểm trung tâm chiêu nhật nguyệt;

Thiên thu nghĩa khí tráng càn khôn.

Một chút lòng trung, soi vằng nhật nguyệt;

Ngàn thu nghĩa khí hùng tráng càn khôn.

四面山河歸社稷
百年來歷薦將來

Tứ diện sơn hà quy xã tắc;

Bách niên lai lịch tiến tương lai.

Bốn mặt sơn hà quy về xã tắc;

Trăm năm lai lịch tiến bước tương lai.

派衍本支承世德
慶流苗裔引書香

Phái diễn bản chi thừa thế đức;

Khánh lưu miếu duệ dẫn thư hương.

Dòng rộng bản chi thừa hưởng đức;

Phúc lưu con cháu để thư hương.

地存靈地成美俗
人有傑人起淳風

*Địa tồn linh địa thành mỹ tục;
Nhân hữu kiệt nhân khởi thuần phong.*

Đất còn địa linh, trở nên mỹ tục;
Người có nhân kiệt, khởi dựng thuần phong.

捨袈裟服田衣接悟渡迷開正眼
避王身騰梵教示權指寔透禪心

*Sả cổn miện phục điền y, tiếp ngộ độ mê khai chính nhãn;
Ty vương thân đằng phạn giáo, thị quyền chỉ thực thấu thiền tâm.*
Bỏ áo cổn mũ miện, mặc áo nâu sồng, tiếp giác ngộ cứu si mê là con
mắt sáng;

Tránh nghiệp vua theo Phật giáo, đem quyền thực hiện hết
thiền tâm.

全心開百福
一水衍千祥

*Toàn tâm khai bách phúc;
Nhất thủy diễn thiên tường.*
Ngài toàn tâm mở ra trăm phúc;
Như dòng sông tuôn vạn điều lành.

覃恩浩蕩長流海
厚德巍峨配天

*Đàm ân hạo dǎng trường lưu hải;
Hậu đức uy nga độc phối thiên.*
Ơn rộng mênh mang trải dài sông biển;
Đức cao sừng sững chỉ sánh với trời.

功德永傳先世譜
淳龐不改我家風

*Công đức vĩnh truyền tiên thế phả;
Thuần bàng bất cải ngã gia phong.*
Công đức truyền lâu từ phổ hệ trước;
Thói thuần hậu không đổi nếp nhà ta.

餘百年來鐘秀氣
萬千載下著英靈

*Dư bách niên lai chung tú khí;
Vạn thiên tải hạ trú anh linh.*

Hơn trăm năm qua chung đức tú khí;
Muôn vạn năm sau nổi tiếng linh thiêng.

才明高舉世
功德冠全民
*Tài minh cao cử thế;
Công đức quán toàn dân.*
Tài chí cao hơn đời;
Công đức trùm toàn dân.

功高護國萬古支勳名不死
德大康民千秋之義氣於生
*Công cao hộ quốc vạn cổ chi huân danh bất tử;
Đức đại khang dân thiên thu chi nghĩa khí ư sinh.*
Công cao hộ quốc nghìn thuở huân danh bất tử;
Đức lớn yên dân muôn năm nghĩa khí vẫn còn.

美俗淳風文扶地
春堂壽域太和天
*Mỹ tục thuần phong văn phù địa;
Xuân đường thọ vực thái hòa thiên.*
Mỹ tục thuần phong văn minh phò giúp;
Đài xuân cõi thọ đời sống thanh bình.

庭獻自家修禮云同敬
民和而福降詩詠來成
*Đình hiến tự gia tu lễ vân đồng kính;
Dân hòa nhi phúc giáng thi vịnh lai thành.*
Phép nhà do gia giáo lễ khởi do thành kính;
Dân hòa thì phúc giáng thơ ca sẽ nảy sinh.

福載無私德合二儀參化育
太平有象民同三甲集衣冠
Bản xã hương tử đồng bái tiến

*Phúc tái vô tư đức hợp nhị nghi tham hóa dục;
Thái bình hữu tượng dân đồng tam giáp tập y quan.*
Phúc giáng chẳng riêng ai, đức hợp đất trời, tham gia giáo hóa;
Thái bình có biểu tượng, dân cùng tam giáp, tụ tập áo xiêm.
(*Bản xã hương tử đồng bái tiến (Con hương bản xã cùng bái tiến)*)

志氣精神家是國
歷朝世代古而今

Chí khí tinh thần gia thị quốc;
Lịch triều thế đại cố nhi kim.
Chí khí tinh thần, nhà la nước;
Đòi trải các triều, cố và kim.

萬古綱常明日月
百年福慶衍雲仍

Vạn cổ cương thường minh nhật nguyệt;
Bách niên phúc khánh diễn vân nhưng.
Vạn cổ cương thường sáng như nhật nguyệt;
Trăm năm phúc khánh dài tựa mây trời.

忠孝百年傳世寶
仁慈萬代裕家恩

Trung hiếu bách niên truyền thế bảo;
Nhân từ vạn đại dụ gia ân.
Trung hiếu là của báu trăm năm;
Nhân từ là đức lớn của gia tộc muôn đời.

五倫雖有親疏異
一孝推來內外同

Ngũ luân tuy hữu thân sơ dị;
Nhất hiếu suy lai nội ngoại đồng.
Đạo ngũ luân dầu có thân sơ khác biệt;
Nhưng chữ hiếu suy ra, nội ngoại như nhau.

重會同壹成果福
尊老增餘有歲長

Trọng hội đồng nhất thành quả phúc;
Tôn lão tăng dư hữu tuế trường.
Đồng lòng coi trọng hội, thành quả phúc;
Thêm nhiều tôn lão có tuổi thọ cao.

開道圓通才無量
往來信仰福有餘

Khai đạo viên thông tài vô lượng;
Vãng lai tín ngưỡng phúc hữu dư.

Mở đạo viên thông tài cao vọi;
Vãng lai tín ngưỡng phúc càng dư.

碧閨遺跡九陞女中開色相
坤元植德三華神化別人間

*Bích lăng di tích cửu bệ nữ trung khai sắc tướng;
Khôn nguyên thực đức tam hoa thân hóa biệt nhân gian.
Cửu biếc cao, dấu lưu nơi cửu bệ, mở ra sắc tướng trong giới nữ;
Đấng Khôn nguyên (mẹ) đức trồng chốn tam hoa,
riêng lập nhân gian, hóa làm thần.*

科甲高標前起後輝家列祖
仕途踐履內參外讀國名臣

*Khoa giáp cao tiêu tiền khởi hậu huy gia liệt tổ;
Sĩ đồ tiên lý nội tham ngoại tán quốc danh thân.*

Các vị tổ trong nhà ta nêu cao khoa giáp, người trước mở đường,
người sau kế bước;
Bây tôi nổi danh trong nước, nối gót làm quan, trong làm Tham tán,
ngoài được ban khen.

中孝一門月印江心明大義
山河滿古詩吟天上協靈聲

Trung hiếu nhất môn nguyệt ấn giang tâm minh đại nghĩa;

Sơn hà mãn cổ thi ngâm thiên thượng hiệp linh thanh.

Trung hiếu một nhà, trăng in đáy nước gương đại nghĩa;
Sơn hà vạn cổ, trời cao thơ vọng tỏ danh thiêng.

萬古靈聲保民村康吉
二期禮拜以福德亦留

Vạn cổ linh thanh bảo dân thôn Khang Cát;

Nhi kỳ lễ bái dĩ phúc đức diệc lưu.

Vạn cổ linh thiêng gìn giữ dân thôn yên ổn;

Hai kỳ lễ bái để phúc đức được lưu truyền.

精忠貫日
浩氣凌雲

Tinh trung quán nhật;

Hạo khí lăng vân.

Đức tinh trung bao trùm vầng nhật;

Khí hạo nhiên vượt khỏi tầng mây.

科甲千秋家父子
聲名萬古國君臣

Khoa giáp thiên thu gia phụ tử;

Thanh danh vạn cổ quốc quân thân.

Cha con một nhà, nghìn thu khoa giáp;
Quân thần trong nước, vạn thuở tiếng tăm.

先祖扶民義情滿
子孫衛國孝忠全

*Tiên tổ phù dân tình nghĩa mãi;
Tử tôn vệ quốc hiếu trung toàn.*

Tiên tổ giúp dân nghĩa tình đầy đủ;
Cháu con giữ nước trung hiếu vẹn toàn.

大豪傑大英雄力贊徵王古劍寒凝昌水月
爲君萬爲悽愴魂消漢賊金環香引玉林花

*Đại hào kiệt, đại anh hùng, lực tán Trưng vương, cổ kiếm
hàn ngưng Xương thủy nguyệt;*

*Vi huân cao, vi thê thảm, hồn tiêu Hán tặc, kim hoàn
hương dẫn Ngọc Lâm hoa.*

Thực hào kiệt, thực anh hùng, những khi giúp đỡ vua Trưng, mặt
nước sông Thương, gương báu giăng lồng còn lấp lánh;
Còn băng khuâng, còn phảng phất, sau lúc đuổi tan giặc Hán, cảnh
hoa bến Ngọc, vòng tay thơm nức hây đầu dây.

南嶺僊蹤頭陀安子上
東阿出現聖祖竹林山

Nam lĩnh Tiên tung, Đầu Đà Yên Tử thượng;

Đông A xuất hiện, Thánh tổ Trúc Lâm sơn.

Đầu Tiên ở núi Nam là vị Đầu Đà trên Yên Tử;
Xuất hiện trong họ Trần làm vị Thánh tổ phái Trúc Lâm.

(Đệ tử Thắng cung tiến)

和平福壽榮昌世
忠厚儉勤盛達家

*Hòa bình phúc thọ vinh xương thế;
Trung hậu kiệm cần thịnh đạt gia.*

Đời hưng thịnh bởi hòa bình phúc thọ;
Nhà thịnh đạt do trung hậu kiệm cần.

一片忠肝懸日月
千秋義氣表江山

*Nhất phiến trung can huyền nhật nguyệt;
Thiên thu nghĩa khí biểu giang sơn.*

Một tấm lòng trung treo nhật nguyệt;
Nghìn năm nghĩa khí ngát non sông.

建立江山古敬流傳萬世
庶富鄉豪繼承昔樹今旄

*Kiến lập giang sơn cổ kính lưu truyền vạn thế;
Thứ phú hương hào kế thừa tích thụ kim mao.
Kiến lập giang sơn cổ kính lưu truyền vạn thế;
Giàu sang đông đúc, cháu con thừa kế lâu dài.*

族姓貴尊萬代長存名繼盛
祖堂靈拜千年恒在德流光

*Tộc tính quý tôn vạn đại trường tồn danh kế thịnh;
Tổ đường linh bái thiên niên hằng tại đức lưu quang.*

Tộc tính quý ở chỗ tôn sùng, gìn giữ muôn đời danh giá nối nhau thịnh;
Tổ đường thiêng nhờ sự chiêm bái, muôn năm tôn tại đức sáng truyền.

*(Đình Sứ niên thu tạo gia đình cộng cung tiến (Tạo mùa thu năm
Đình Sứ, gia đình cộng tiến))*

聖德神功靈跡配天垂日月
國恩民事廟庭隋地至焄蒿

*Thánh đức thần công linh tích phối thiên thùy nhật nguyệt;
Quốc ân dân sự miếu đình tùy địa chí huân cao.*

Thánh đức thần công, linh tích ngang trời dài năm tháng;
Nước nhớ dân thờ, miếu đình đâu cũng khói hương dâng.

愛民如子真神德
勸善爲師實聖恩

Ái dân như tử chân thần đức;

Khuyến thiện vì sư thực thánh ân.

Yêu dân như con, đúng như thần đức;

Khuyến thiện làm gương, quả thực thánh ân.

國泰民安歌正氣
純風美俗樂人間

Quốc thái dân an ca chính khí;

Thuần phong mỹ tục lạc nhân gian.

Quốc thái dân an ngợi ca chính khí;

Thuần phong mỹ tục vui vẻ nhân gian.

樂作紅娘忙處處
喜觀佳偶結雙雙

Lạc tác hồng nương mang xú xú;

Hỷ quan giai ngẫu kết song song.

Vui làm bà mối bận tít tít;

Mừng xem hai trẻ thật xứng đôi.

尋尋覓覓韶華轉眼即逝
猶猶豫豫知音再度難逢

Tầm tầm mịch mịch, thiếu hoa chuyển nhãn tức thệ;

Do do dự dự, tri âm tái độ nan phùng.

Tìm tìm kiếm kiếm, tuổi xanh chớp mắt đã qua;

Do do dự dự, vừa ý bỏ rồi khó gặp.

破腐俗何必追求門當戶對
建新風更應廢氣輕女重南

Phá hủ tục, hà tất truy cầu môn đẳng hộ đối;

Kiến tân phong, cánh ứng phế khí khinh nữ trọng nam.

Bỏ tục xấu, hà tất phải chọn môn đẳng hộ đối;

Xây nếp hay, phải nên phế bỏ khinh nữ trọng nam.

雨中翠竹如含淚
雪裏蒼松亦貫情

Vũ trung thủy trúc như hàm lệ;

Tuyết lý thương tùng diệp quán tình.

Trong mưa trúc biếc như rơi lệ;

Dưới tuyết tùng xanh cũng thấu tình.

虛窗月冷空庭寂
霜落天高曠野幽

Hư song nguyệt lãnh không đình tịch;

Sương lạc thiên cao khoáng dã u.

Song thưa trăng lạnh, sân hiu quạnh;

Sương xuống trời cao, nội thâm u.

三春乘鶴雲如彩
午夜啼鵲雪作衣

Tam xuân thừa hạc vân như thái;

Ngọ dạ đề quyên tuyết tác y.

Ba xuân hạc cưỡi mây như vẽ;
Nửa đêm quỳen gọi tuyết làm chần.

一夢黃梁歸覺路
千班愁思起哀情

Nhất mộng hoàng lương quy giác lộ;

Thiên ban sầu tứ khởi ai tình.

Giác mộng kê vàng vẽ bến giác;

Ngàn mối sầu tư gọi nỗi đau.

鐘聲寂寂蓮臺靜
竹影蕭蕭蘭院幽

Chung thanh tịch tịch liên đài tĩnh;

Trúc ảnh tiêu tiêu lan viện u.

Đài sen tĩnh, tiếng chuông tịch tịch;

Viện lan u, vẻ trúc đều hiu.

惠帳消紅留母德
松門掩黛寄坤儀

Huệ trướng tiêu hồng lưu mẫu đức;

Tùng môn yểm đại ký khôn nghi.

Trướng huệ giảm hồng lưu đức mẹ;

Cửa tùng bớt vẻ nhớ nghi khôn.

佛榻月明金鼓寂
禪堂風冷本魚間

Phật tháp nguyệt minh kim cổ tịch;

Thiền đường phong lãnh mộc ngư gian.

Trống đồng lặng, trăng soi giường Phật;

Mồ gỗ im, gió lạnh nhà Thiền.

梅吐玉容含孝德
柳拖金色動哀情

Mai thổ ngọc dung hàm hiếu đức;

Liễu đà kim sắc động ai tình.

Mai phô vẻ ngọc chứa đức hiếu;

Liễu rủ màu kim động nỗi đau.

家出良駒徵富貴
門翔彩鳳耀光輝

*Gia xuất lương câu trưng phú quý;
Môn tường thái phượng diệu quang huy.*

Nhà có ngựa hay, phô phú quý;
Cửa cao phượng lượn, rực hào quang.

海上蟠桃多結子
月中仙桂復生枝

*Hải thượng bàn đào đa kết tử;
Nguyệt trung tiên quế phục sinh chi.*

Bàn đào trên biển kết nhiều quả;
Tiên quế trong trăng lại nảy cành.

桂子呈祥徵福厚
蘭孫毓秀兆佳祥

*Quế tử trình tường trưng phú hậu;
Lan tôn dục tú triệu giai tường.*

Con quế báo điềm khoe phúc hậu;
Cháu lan vẻ đẹp gợi niềm vui.

積德累仁先世栽培惟福喜
玉麟丹鳳後昆光耀顯門楣

*Tích đức lũy nhân tiên thế tài bồi duy phúc hỉ;
Ngọc lân đan phượng hậu côn quang diệu hiển môn my.*

Tích đức góp nhân, đời trước vun trồng mừng có phúc;
Ngọc lân, hồng phượng, lớp sau tỏ rõ mặt con nhà.

靈結珠胎初羨瑩輝之入掌
祥符熊夢方誇秀色已臨門

*Linh kết châu thai sơ tiện oanh huy chi nhập chưởng;
Tường phù hùng mộng phượng khoa tú sắc dĩ lâm môn.*
Mừng kết thai châu, những mong ngọc quý trong tay nắm;
Điềm lành mộng gấu, mới khoe vẻ đẹp đã vào nhà.

泮水芹香三級浪
蟾宮桂折九秋枝

*Phán thủy cần hương tam cấp lãng;
Thiềm cung quế chiết cửu thu chi.*

Bờ nước hương cần ba bậc sóng;
Cung thiên bẻ quế chín cành thu.

五經貫通有此材宜有此過
九重嘉悅詢其父必詢其君

Ngũ kinh quán thông hữu thử tài nghi hữu thử ngô;

Cửu trùng gia duyệt tuần kỳ phụ tất tuần kỳ quân.

Năm kinh thông thuộc, có tài này hẳn có gặp gỡ;

Chín trùng mãn ý, kính trọng cha ắt kính trọng vua.

一舉成名有是父兄宜有此子弟

九重孝士取其道行兼取其文章

Nhất cử thành danh, hữu thị phụ huynh, nghi hữu thử tử đệ;

Cửu trùng hiếu sĩ, thủ kỳ đạo hành, kiêm thủ kỳ văn chương.

Một lần thi đỗ, có cha anh ấy, nên có con em ấy;

Chín trùng quý sĩ, chọn theo đạo đức, kiêm chọn theo văn chương.

儒常尊易禮詩書學能則士

世所謂英雄豪傑志有必成

Nho thường tôn dịch, lễ, thi, thư, học năng tắc sĩ,

Thế sở vị anh hùng hào kiệt, chí hữu tất thành.

Nho thường tôn Dịch, Lễ, Thi, Thư, học hay ắt đỗ;

Thế vẫn gọi anh hùng hào kiệt, có chí thì nên.

男兒當自強詎肯甘爲愚子弟

先型明我道須知幸有賢父兄

Nam nhi đương tự cường, cự khảng cam vị ngu tử đệ;

Tiên hình minh ngã đạo, tu tri hạnh hữu hiền phụ huynh.

Làm trai phải tự cường, há lại chịu làm con em dốt;

Gương trước sáng ta đạo, nên hay may mắn cha anh hiền.

書田菽粟皆真味

心地芝蘭有異香

Thư điền thục túc giai chân vị;

Tâm địa chi lan hữu dị hương.

Ruộng, sách, đậu, thóc đều vị tốt;

Đất, tâm, chi lan có hương riêng.

立志宜思真品格

讀書須盡苦功夫

Lập chí nghi tu chân phẩm cách;

Độc thư tu tận khổ công phu.

Lập chí nên giữ đúng phẩm cách;

Độc sách cần đem hết công phu.

桃李門前新雨露
詩書帳下舊栽培

*Đào lý môn tiền tân vũ lộ;
Thi thư trương hạ cựu tài bồi.*
Đào lý trước nhà mưa móc mới;
Thi thư dưới trương đắp vun xưa.

朝吟暮詠文章古
口誦心惟學業新

*Triêu ngâm mộ vịnh văn chương cổ;
Khẩu tụng tâm duy học nghiệp tân.*
Sáng ngâm, chiều vịnh, văn chương cổ;
Miệng tụng, lòng theo học nghiệp nay.

文無山水非奇氣
人不風霜未老才

*Văn vô sơn thủy phi kỳ khí;
Nhân bất phong sương vị lão tài.*
Văn không non nước đầu khí lạ;
Người chẳng phong sương chẳng lão tài.

掃地流香靜裏塵緣飛不到
彈琴讀易個中滋味有誰知

*Tảo địa lưu hương, tĩnh lý trần duyên phi bất đáo;
Đàn cầm độc dịch, cá trung tư vị hữu thù tri.*
Quét đất còn hương, nơi tĩnh trần duyên bay chẳng tới;
Gảy đàn đọc Dịch, trong chốn thơm tho mấy kẻ hay.

春滿管城書成焦葉文猶綠
聲流竹簡吟到梅花句亦香

*Xuân mãn quản thành, thư thành tiêu diệp văn do lục;
Thanh lưu trúc giản, ngâm đáo mai hoa cú diệc hương.*
Xuân khắp nẻo thành, sách từ lá chuối, văn xanh mãi;
Tiếng lưu thẻ trúc, ngâm đến hoa mai trắng cũng thơm.

冬後有春歲律安排真不改
否終復泰玄機往返亦無常

*Đông hậu hữu xuân, tuế luật an bài chân bất cải;
Bĩ chung phục thái, huyền cơ vãng phản diệc vô thường.*
Đông qua xuân đến, quy luật hàng năm đâu có đổi;
Bĩ đi thái lại, huyền cơ xuôi ngược cũng vô thường.

家有藏書十萬卷
世承先業百餘年

*Gia hữu tàng thư thập vạn quyển;
Thế thừa tiên nghiệp bách dư niên.
Chứa sách trong nhà mười vạn quyển;
Nối nghiệp người xưa trăm năm dư.*

有客遊觀時何必俱俱風水議
同鄉歆慕處所謂存存道義門

*Hữu khách du quan thời, hà tất câu câu phong thủy nghị;
Đồng hương hâm mộ xử, sở vị tồn tồn đạo nghĩa môn.
Có khách đến tham quan, hà tất xoay quanh chuyện phong thủy;
Đồng hương mà tưởng nhớ, đáng cho còn có đạo nghĩa chung.*

書成焦葉文猶綠
題向丹楓字亦紅

*Thư thành tiêu diệp văn do lục;
Đề hướng đan phong tự diệp hồng.*

*Sách từ lá chuối vẫn còn biếc;
Đề hướng cây phong chữ cũng hồng.*

治國齊家經傳十章昭大學
存心養性聖賢一貫在中庸

*Trị quốc tề gia, kinh truyền thập chương chiếu Đại học;
Tồn tâm dưỡng tính, thánh hiền nhất quán tại Trung dung.
Trị quốc tề gia, kinh nghiệm mười chương, nơi đại học;
Tồn tâm dưỡng tính, thánh hiền một ý, ở trung dung.*

瀟灑謝紅塵滿架圖書朝試筆
光明生玉葉一窗風月夜鳴琴

*Tiêu sái tạ hồng trần mãn giá đồ thư triều thí bút;
Quang minh sinh ngọc diệp, nhất song phong nguyệt dạ minh cầm.
Thoải mái trước bụi trần, đầy giá sách tranh sớm thử bút;
Rõ ràng sinh lá ngọc, một song trăng gió tối chơi đàn.*

苦志時黃卷青燈聽夜雨
得意處玉堂金馬醉春風

*Khổ chí thời, hoàng quyển, thanh đăng thính dạ vũ;
Đắc chí xử, ngọc đường kim mã túy xuân phong.
Lúc gian chuẩn, sách cũ, đèn xanh, nghe mưa tối;
Khi đắc ý, nhà cao, ngựa đẹp, say gió xuân.*

風送花香研筆硯
月移竹影拂欄杆

*Phong tống hoa hương nghiên bút nghiên,
Nguyệt di trúc ảnh, phát lan can.
Gió tiễn hương hoa mài nghiên bút;
Trăng dời ảnh trúc đến lan can.*

開東閣要招賢士
依北斗以望京華

*Khai đông các yêu chiêu hiền sĩ;
Y Bắc đẩu dĩ vọng kinh hoa.
Mở đông các phải vời người giỏi;
Tựa Bắc đẩu để ngóng đô thành.*

夫子晚年閒讀易
門子暇日愛評詩

*Phu tử vãn niên nhàn đọc Dịch;
Môn sinh hạ nhật ái bình Thi.
Nhà thầy cuối đời nhàn đọc Dịch;
Học trò lúc rỗi thích bình Thi.*

南海不揚波祈天授命
北山仍樹木隨地開花

*Nam hải bất dương ba, kỳ thiên thụ mệnh;
Bắc sơn nhưng thụ mộc, tùy địa khai hoa.
Biển Nam không nổi sóng, cầu trời trao mệnh;
Núi Bắc có trồng cây, tùy đất nở hoa.*

青眼客相逢明月亭邊詩起興
白頭吟可和名歌琴譜曲稱高

*Thanh nhân khưư tương phùng, minh nguyệt đình biên thi khởi hưng;
Bạch đầu ngâm khả họa, danh ca cầm phổ khúc xưng cao.
Gặp khách mắt xanh, trăng sáng bên đình thơ nổi hứng;
Ngâm khúc bạc đầu, hát hay đàn ngọt, giọng khen cao.*

有子能賢十里長亭生草木
惟君雅愛六旬壽酒醉乾坤

*Hữu tử năng hiền, thập lý trường đình sinh thảo mộc;
Duy quân nhã ái, lục tuần thọ tửu túy càn khôn.
Có con tài giỏi, mười dặm trường đình cây cỏ mọc;
Riêng ông yêu mến, sáu tuần chúc thọ, khước càn khôn.*

聞聞家聲春酒香濃長引壽
顯揚令子紗袍彩弄每延年

Phiệt duyệt gia thanh, xuân tửu hương nồng trường dẫn thọ;

Hiển dương lệnh tử, sa bào thái lộc mỗi diên niên.

Tiếng nhờ dòng dõi, thơm ngát rượu xuân còn mãi thọ;

Nên danh con giỏi, áo sa đẹp vẻ lại thêm năm.

與聞詩禮趨庭訓

願以瓊瑰作壽環

Dữ văn thi lễ xu đình huấn;

Nguyên dĩ quỳnh khôi tác thọ hoàn.

Dạy thi lễ lúc qua sân, thường nghe thấy;

Lấy ngọc tốt làm vòng thọ, vẫn hằng mong.

復國贊戎功嶺表不磨名節

碧江留將口奸雄過此思量

Phục quốc tán nhung công, lĩnh biểu bất ma danh tiết;

Bích giang lưu tướng khẩu, gian hùng quá thử tư lương.

Phục quốc chiến công xưa, bởi côi không mờ danh tiết;

Giang sơn lưu của tướng, quân thù qua đó sứt lòng.

(Miếu Năm thôn xã Quỳnh Sơn, Quỳnh Phụ, Thái Bình thờ

Hùng Quang Cảo, tướng của Hai Bà Trưng)

事君高飄節氣爲將實稱先鋒百世無雙鹽

田壯士

對敵不避威風攝民常思後樂千秋不朽虎

隊英雄

Sự quân cao phiêu tiết khí, vi tướng thực xứng tiên phong, bách thế vô song

vô song Diêm Điền tráng sĩ;

Đối địch bất tốn uy phong, nhiếp dân thường tư hậu lạc, thiên thu

bất hủ Hồ Đội anh hùng.

Thờ vua gương cao khí tiết, làm tướng thực xứng tiên phong, muôn

thuở không ngờ Diêm Điền tráng sĩ;

Đối địch không kém oai phong, giúp dân chẳng màng hưởng trước,

ngàn thu đâu thẹn Hồ Đội anh hùng.

(Nguyễn Nhất Năng viếng tiền quân Nguyễn Khái, dũng tướng của Đê đốc

Tạ Hiện, thế kỷ 19)

承先祖救國繼伯叔勤王奇布攻標百世
芳名留都美
接父兄殲仇同姑舅抗法神溪血洒千秋
氣節壯農奇

*Thừa tiên tổ cứu quốc, kế bá thúc cần vương, Kỳ Bố công tiêu,
bách thế phương danh lưu Đô Mỹ;*

*Tiếp phụ huynh tiêm cứu, đồng cô cữu kháng Pháp, Thân Khê huyết
sái, thiên thu khí tiết tráng Nông Kỳ.*

Theo tiên tổ chống Pháp, nối chú bác cần vương, Kỳ Bố công nêu
muôn thuở, danh thơm làng Đô Mỹ;

Tiếp cha anh diệt thù, cùng cô cậu chống pháp, Thân Khê rưới máu
ngàn thu, khí tiết đất Nông Kỳ.

(Nguyễn Nhất Năng viếng thiếu niên anh dũng Nguyễn Nhưng)

攘敵守城渭壘當年潘俸英雄名不朽
獻身事國美壕今日定安將士淚皆垂
*Nhường địch thủ thành, Vĩ lũy đương niên, Phan Bổng anh hùng
danh bất hủ;*

*Hiến thân sự quốc, Mỹ Hào kim nhật, Định An tướng sĩ
lệ giai thủy.*

Đánh giặc giữ thành, đắp lũy Vĩ Hoàng,
người anh hùng đất Phan Bổng danh còn mãi;

Hiến thân vì nước, vui thân chợ Mỹ,
bao tướng sĩ vùng Yên Định thấy đều thương.

*(Viếng dòng họ Nguyễn Thành, ba đời cha con ông cháu cùng chiến hào
chống Pháp)*

帶疾又高年攻記爐州不愧英雄尸勝革
負傷常勝任名標憲舖痛哉壯士革爲棺
*Đời tật hựu cao niên, công ký Lô Châu, bất qui
anh hùng thi khóa cách;*

*Phụ thương thường thắng nhiệm, danh tiêu Hiến Phố, thống tai
tráng sĩ thảo vi quan.*

Đeo bệnh lại tuổi cao, công ghi Bãi Sậy, không hổ anh hùng
bọc thầy da ngựa;

Bị thương vẫn giỏi việc, tên nêu Phố Hiến, thương thay tráng sĩ
liệm xác chiếu manh.

(Viếng dòng họ Nguyễn Thành)

昔日陸江法匪驚魂都美英雄督領民封皆不朽
今朝爐棟偽奸葬膽農奇壯士饒男帝贈共長榮

*Tích nhật Lục Giang, Pháp phi kinh hồn, Đô Mỹ anh hùng,
độc lãnh dân phong giai bất hủ;*

*Kim triều Lô Đống, ngục gian táng đảm, Nông Kỳ tráng sĩ,
nhiều nam đế tặng cộng trường vinh.*

Ngày trước Sông Luộc, giặc Pháp kinh hồn, đất Đô Mỹ anh hùng,
độc lãnh dân phong đều chẳng nát;

Giờ đây Đống Lau, Việt gian vô mặt, vùng Nông Kỳ tráng sĩ,
nhiều nam vua tặng mãi thơm danh.

(Viếng dòng họ Nguyễn Thành)

占白蓮科仁聖二宗推上父
引黃江派竹林三祖認前師

Chiếm Bạch Liên khoa, Nhân, Thánh nhị tông suy thượng phụ;

Dẫn Hoàng Giang phái, Trúc Lâm tam tổ nhận tiền sư.

Chiếm khoa Bạch Liên, Nhân Thánh hai vua phong Thượng phụ;

Dẫn phái Hoàng giang, Trúc Lâm ba tổ nhận Tiên sư.

(Đền thờ quốc sư Đồ Đổ, xã Song Lãng, Vũ Thư, Thái Bình)

生不虛生而報國而排侵能使降西真辱死
自由為死是綱常是氣節凜然大范可長生
*Sinh bất hư sinh, nhi báo quốc, nhi bài xâm, năng sử hàng Tây chân
nhục tử;*

*Tự do vì tử, thị cương thường, thị khí tiết,凛 nhiên đại Phạm khả
trường sinh.*

Sống chẳng sống thừa, đền nợ nước, diệt xâm lăng, khiến bọn hàng
Tây xấu hổ chết;

Chết như chưa chết, trọng cương thường, nêu khí tiết, hiên ngang
ông Phạm vẫn trường sinh.

(Tiền sĩ Doãn Khuê viếng Phạm Thế Hiển, thế kỷ 19)

義憤合當為但把丹心天日照
粉碎且不懼寧知此地雪霜多

Nghĩa phẫn hợp đương vì, dân bả đan tâm thiên nhật chiếu;

Phấn toái thả bất cụ, ninh tri thử địa tuyết sương đa.

Trọng vì nghĩa ra tay, chắc hẳn lòng son trời chiếu thấu;

Nát như tro nào sợ, sá chi sương tuyết đất này nhiều.

(Nguyễn Quang Bích viếng Tán tương Nguyễn Khê Ông)

聞道遠來書遺囑 蔥芒仇帶客
濟此多難日致身應畏敵還心
Văn đạo viễn lai thư, di chúc thông mang cừu đời khách;

Tế thử đa gian nhật, trí thân ứng úy địch hoàn tâm.
Tang mẹ đường xa, dân hầy khoan đưa người lữ khách;
Nước nhà nan lớn, sao cho thỏa nguyện đáng từ thân.

(Nguyễn Quang Bích viếng ông Tán lý họ Nguyễn)

籌筆心勞擬把捐哀酬雨露
征衣線在那堪寸草係春輝

Trù bút tâm lao, nghĩ bả quyên ai thù vũ lộ;
Chinh y tuyến tại, na kham thốn thảo hệ xuân huy.
Trù bút lòng tôi, muốn được mảy may đền nợ nước;
Chỉ kim tay mẹ, khôn đem tấc cỏ báo đền ơn.

(Nguyễn Quang Bích viếng mẹ ông tham tán quân thứ)

生不與俱生完此科名完大節
死能寒未死可能白刃可中庸
Sinh bất dữ câu sinh, hoàn thử khoa danh, hoàn đại tiết;
Tử năng hàn vị tử, khả năng bạch nhận, khả trung dung.
Sống với giặc chẳng chung sống, đã trọn vẹn khoa danh,
đã chu toàn đại nghĩa;

Chết hàn tâm người chưa chết, vừa hy sinh gian khổ,
vừa trọn đạo trung dung.

(Nguyễn Quang Bích viếng Vũ Hữu Lợi)

廷對文章 仇甲第
家修學行 在昇聞

Đình đối văn chương ưu giáp đệ;

Gia tu học hạnh tại thăng văn.

Mài dũa văn chương đứng đầu bảng;

Luyện rèn đức hạnh đến tại vua.

(Án sát Hà Nội Vũ Công mừng Nguyễn Quang Bích đỗ Hoàng giáp)

貳甲風聲 今作古
壹門科宦 弟難兄

Nhị giáp phong thanh kim tác cổ;

Nhất môn khoa hoạn đệ nan huynh.

Lấy lòng nhị giáp vinh kim cổ;

Đỗ đạt một nhà rạng anh em.

(Đồng tiến sĩ khoa Quý Mão là Mai Hiền mừng Nguyễn Quang Bích)

聖勢龍雲千載遇
師門桃李入天交

Thánh thế long vân thiên tải ngộ;

Sư môn đào lý nhập thiên giao.

Triều thánh rồng mây duyên gặp gỡ;

Cửa thầy đào lý bạn tâm tình.

(Bạn học họ Dương làng An Xá, huyện Duyên Hà mừng Nguyễn Quang Bích)

才优同輩如今日
名振明廷自昔年

Tài ưu đồng bối như kim nhật;

Danh chấn minh đình tự tích niên.

Bè bạn đua tài vừa buổi mới;

Nhà vua nghe tiếng tự năm xưa.

(Trần Kiến Tuấn cử nhân làng Vân Đình mừng Nguyễn Quang Bích)

學行不負先生舉
科名果稱大兄心

Học hạnh bất phụ tiên sinh cử;

Khoa danh quả xứng đại huynh tâm.

Học hạnh chẳng quên lời thầy cử;

Khoa danh quả xứng bậc huynh mong.

(Cử nhân Trần Đương Tiết mừng Nguyễn Quang Bích)

昔年務隱南山豹
今日雲牽北海鵬

Tích niên vụ ẩn Nam Sơn báo;

Kim nhật vân khiên Bắc Hải bằng.

Núi Nam năm trước nường thân báo;

Bể Bắc ngày nay cất cánh bằng.

(Nguyễn Huyền, huyện Vũ Tiên mừng Nguyễn Quang Bích)

一日聲名遍天下
百年風運起吾州

Nhất nhật thanh danh biến thiên hạ;

Bách niên phong vận khởi ngô châu.

Tiếng thơm một buổi lừng thiên hạ;

Phong vận trăm năm nức huyện nhà.

(Câu đối Cơ Hữu Cường mừng Nguyễn Quang Bích)

鄉黨中人常謂志之堅學之確
大廷首選不負師所居友所期

Hương đảng trung nhân, thường vị chí chí kiên, học chí xác;

Đại đình thủ tuyển, bất phụ sư sở cư, hữu sở kỳ.

Người trong hương đảng luận bàn: thường nói chí kiên cường, học
vững chắc;

Thì ở đại đình đỗ nhất: chẳng phụ thầy đề cử, bạn chờ mong.

(Bạn đồng khoa Nguyễn Mậu mừng Nguyễn Quang Bích)

天子臨軒索生命政教擢第一
先生入近疏學問持取以名聞

Thiên tử lâm hiên, sách tính, mệnh, chính, giáo, trạc đệ nhất;

Tiên sinh nhập cận, sở học vấn, tri thủ dĩ danh văn.

Vua ngự tới hiên, hỏi về tính mệnh, chính trị, giáo dục, lấy đỗ đầu;

Thầy học vào châu, tâu về học vấn, chí rèn luyện giữ gìn có tiếng.

*(Bạn học Trần Duy Tân, làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc và Nguyễn Hoạt
làng Xuân Canh, huyện Đông Ngàn mừng Nguyễn Quang Bích)*

允先生鑄金待廿載標占廷元
張進士登甲來百年始開縣譜

Doãn tiên sinh chú kim, đãi trập tải tiêu chiêm đình nguyên;

Trương tiến sĩ đẳng giáp, lai bách niên thủy khai huyện phổ.

Doãn tiên sinh đúc vàng, hai mươi năm đình nguyên mới xuất;

Trương tiến sĩ thi đỗ, một thế kỷ huyện phổ mới khai.

(Bạn học Nguyễn Đức Dự làng Đông Xuân cùng huyện mừng Nguyễn Quang Bích)

文章未必相懸鳥準高翔須歛格
科第豈真定品黃葩青節看秋深

Văn chương vị tất tương huyền, điểu chuẩn cao翔須敛 cách;

Khoa đệ khởi chân định phẩm, hoàng ba thanh tiết khán thu thâm.

Văn chương chưa hẳn đã xa xôi, chim sắp bay cao nên khép cánh;
Khoa giáp phải đâu là phẩm định, hoa vàng thanh lịch đợi thu sang.

(Đặng Văn Phủ làng Hành Thiện, Xuân Trường mừng Nguyễn Quang Bích)

兄有良太守弟有賢秀才家蔭百年徵始大
師如允政卿友如楊副榜廷元一第信非奢

*Huynh hữu lương thái thú, đệ hữu hiền tú tài, gia ăm bách niên
trưng thủy đại;*

Sư như Doãn chính khanh, hữu như Dương phó bảng, đình nguyên
nhất đệ tín phi xa.

Anh là tri huyện giỏi, em lại đồ tú tài,
phúc gia đình trăm năm thấy rõ;
Thầy như Doãn chính khanh, bạn như Dương phó bảng,
thật là xứng bậc đồ đình nguyên.
(Giáo thụ huyện Ứng Hòa, Hà Đông là Vũ Đức Bình mừng Nguyễn Quang Bích)

南岳降神親國有
山民遺愛邵堂間
Nam nhạc giáng thần thân quốc hữu;
Sơn dân di ái Thiệu đường lưu.
Nhờ đức thân công, Nam nhạc giáng thần từ thuở trước;
Yêu nhà Thiệu Bá, lòng dân quý mến mãi về sau.
(Ông Như Phong, Ty Án sát Sơn Tây mừng Nguyễn Quang Bích)

欽恤只一心自以不冤民見德
兵刑非兩事方之決自帝歸功
Khâm tuất chỉ nhất tâm, tự dĩ bất oan dân kiến đức;
Binh hình phi lưỡng sự, phương chi quyết tự đế qui công.
Vẹn tròn yêu nước yêu dân, chẳng có nỗi oan, dân mến đức;
Kiếm cả việc hình việc võ, đã nhiều việc tốt, để khen công.
(Nhân viên Ty Án sát Sơn Tây tặng Nguyễn Quang Bích)

風過肺石清如水
雨洒行楊潤若酥
Phong qua phế thạch thanh như thủy;
Vũ sái hàng dương nhuận như tố.
Gió qua đá phế trong như nước;
Mưa tới hàng dương sáng tựa gương.
(Tam tuyền đề đốc Lưu Vĩnh Phúc kính tặng Nguyễn Quang Bích)

文章德業有餘胸藏范老
成敗利鈍不計躬比武侯
Văn chương đức nghiệp hữu dư, hung tàng Phạm Lão;
Thành bại lợi钝 bất kế, cung tỉ Vũ Hưu.
Văn chương đức nghiệp có thừa, bụng như Phạm Lão,
Thành bại hơn thua không kể, thân sánh Vũ Hưu.
(Văn thân điệu Nguyễn Quang Bích)

不朽者名在天下在後世
何奪之速此國祚此人心

Bất hủ giả danh, tại thiên hạ, tại hậu thế;
Hà đoạt chi tước, thử quốc tộ, thử nhân tâm.

Tên ông bất hủ, thiên hạ biết mãi, đời sau biết mãi;
Trời sao vội cướp, lòng người thế này, vận nước thế này.

(Văn thân điệu Nguyễn Quang Bích)

痛心時事異常士君子有國之仇無身之怨
回首江山依舊大丈夫雖死之日猶生之年
Thống tâm thời sự dị thường, sĩ quân tử hieu quốc chi cừu vô thân
chi oán;

Hồi thủ giang sơn y cựu, đại trượng phu tuy tử chi nhật do sinh
chi niên.

Đau lòng thay, thời sự bất thường, kẻ sĩ quân tử, thù nước
làm trọng, thân mình không tiếc;
Quay đầu lại, non sông như cũ, bậc đại trượng phu, cái chết
xem khinh, sự sống vẫn còn.

(Văn thân điệu Nguyễn Quang Bích)

淚欲成冰回首桂山頭遙望白雲扶正氣
恨由未絕痛心茶海口逢聞洪浪叫英風
Lệ dục thành băng, hồi thủ Quế Sơn đầu, dao vọng bạch vân phù
chính khí;

Hận do vị tuyết, thống tâm Trà Hải khẩu, đồ văn hồng lãng khiếu
anh phong.

Nước mắt muốn thành băng, ngó lại Quế Sơn, chỉ thấy mây trắng
phau, bát ngát chân trời bầu chính khí;

Hận thù chưa tan khối, trông vời Trà Hải, những nghe sóng dào
cuồn cuộn, vạt vờ mặt biển trận anh phong.

(Văn thân điệu Nguyễn Quang Bích)

手用從心造物足除無盡藏
昨耕實力人間別占自由權

Thủ dụng tòng tâm, tạo vật túc trừ vô tận tạng;
Tạc canh thực lực, nhân gian biệt chiếm tự do quyền.

Mặc sức chi dùng, tạo vật giành cho kho vô tận;

Tự tay cây cấy, bầu trời riêng biệt chốn tự do.

(Con trai cả Nguyễn Quang Bích là Quang Đoan khi lập cơ sở ở núi
Bàn Long, Tam Đảo, Vĩnh Phúc)

海角懶聞重浪叫
林巢樂借一枝棲

Hải giác lân văn trùng lãng khiêu;

Lâm sào lạc tá nhất chi thê.

Góc biển lười nghe làn sóng vỗ;

Bìa rừng vui mượn một cảnh riêng.

(Ngô Quang Đoan khi ở Đại Hoàng)

大義所當爲報國丹心光日月

深讎猶未絕鐵仇皓氣壯山河

Đại nghĩa sở đương vi, báo quốc đan tâm quang nhật nguyệt;

Thâm thù do vị tuyệt, tiêm cừu hạo khí tráng sơn hà.

Nghĩa lớn nên làm, giết giặc lòng son ngời nhật nguyệt;

Thù sâu chưa trả, hy sinh khí mạnh rạng non sông.

(Ngô Quang Đoan khóc Nguyễn Thái Học)

魁元聲價雲霜上

不朽精靈宇宙中

Khôi nguyên thanh giá vân tiêu thượng;

Bất hủ tinh linh vũ trụ trung.

Đình nguyên tiếng động trên mây biếc;

Trung nghĩa hồn thiêng lảng núi sông.

(Đền thờ Nguyễn Quang Bích)

砥柱千秋標越國

名門百世表程江

Chỉ trụ thiên thu tiêu Việt quốc;

Danh môn bách thế biểu Trình giang.

Cột trụ ngàn năm nêu nước Việt;

Danh thơm muôn thuở tỏa sông Trình.

(Đền thờ Nguyễn Quang Bích)

萬里春山淒雨泣

百年冬望感風寒

Vạn lý xuân sơn thê vũ khắp;

Bách niên đông vọng cảm phong hàn.

Muôn dặm xuân sơn mưa thấm khóc;

Trăm năm đông vọng gió lạnh tràn.

(Đền thờ Nguyễn Quang Bích)

風自南來經解慍

月猶雙照可忘懷

Phong tự Nam lai kinh giải uẩn;
Nguyệt do song chiếu khả vong hoài.
Gió phương Nam thổi, giải cơn buồn bực;
Trăng cửa sổ soi, giữ nỗi u hoài.
(Câu đối dán cửa sổ gia đình Ngô Quang Doan)

其人如俊嶺寒梅蕊吐殘冬香益遠
此地有秋園黃菊色鋪老圃節彌高
Kỳ nhân như tuấn lĩnh hàn mai, nhị thổ tàn đông hương ích viễn;
Thử địa hữu thu viên hoàng cúc, sắc phô lão phổ tiết di cao.
Đất kia cúc nảy vườn thu, xóm cũ hoa vàng cao khí tiết;
Người ấy mai vàng đỉnh núi, đông tàn nhụy tỏa ngát sơn khê.
(Ông Ấm Trưng quê Quần Anh, Xuân Trường, Nam Định tặng
Ngô Quang Doan)

有是哉山溪瘴海波濤幾度艱危能不死
無負也世簪纓家忠孝千秋名節凜如生
Hữu thị tai, sơn khê chướng, hải ba đào, kỷ độ gian nguy năng
bất tử;

Vô phụ dã, thế trâm anh, gia trung hiếu, thiên thu danh tiết lâm
như sinh.

Từng ở nơi, núi lam chướng, bể ba đào, mấy độ gian nan
mà chẳng chết;
Không phụ nòi, giống trâm anh, nhà trung hiếu, ngàn thu danh tiết
vẫn như còn

(Cụ Vũ Mạnh Phương ở Thanh Nê, Kiến Xương viếng cụ Ngô Quang Doan)

天里在人心瞻仰自然起敬
吾道如元氣周流未必不存
Thiên lý tại nhân tâm, chiêm ngưỡng tự nhiên khởi kính;
Ngô đạo như nguyên khí, chu lưu vị tất bất tồn.
Lẽ phải ở lòng người, chiêm ngưỡng tự nhiên kính trọng;
Đạo nho như nguyên khí, chu lưu mãi mãi vẫn còn.
(Trần Ngọc Dư đề cổng văn từ huyện Kiến Xương, Thái Bình)

犬逢猛虎平原上
蝦遇真龍淺水中
Khuyển phùng mãnh hổ bình nguyên thượng;
Hà ngộ chân long thủy trung.

Chó đùa hổ dữ trên đồng phẳng;
Tôm bôn rồng thiêng chỗ nước nông.
(Đôi đáp của cụ cử Mỹ Lộc (Nam Định) và cụ cử An Bồi (Thái Bình))

館舍未逢青眼客
路途堪嘆白頭翁
Quán xá vị phùng thanh nhãn khách;
Lộ đồ kham thán bạch đầu ông.
Trong quán khách mắt xanh chưa gặp;
Giữa đường ông đầu bạc những buồn.
(Đôi đáp của cụ cử Mỹ Lộc và cụ cử An Bồi)

瀟江一陣交攻銳氣沖天無敗北
對嶺百年長在甘心誓地不降西
Độc giang nhất trận giao công, nhuệ khí xung thiên vô bại Bắc;
Đối lĩnh bách niên trường tại, cam tâm thệ địa bất hàng Tây.
Sông Độc một trận giao phong, khí bốc ngút trời không bại Bắc;
Núi đồn trăm năm còn mãi, quyết thể với đất chẳng hàng Tây.
(Phạm Thế Hiển viết trước khi mất, tháng 7 năm Tân Dậu (1861) tại Phú Yên)

雨飄翠竹垂紅淚
雲壓青松帶素冠
Vũ phiêu thủy trúc thùy hồng lệ;
Vân áp thanh tùng đới tố quan.
Mưa bay trúc biếc rơi hàng lệ;
Mây tỏa thông xanh trắng khăn tang.

天不自閒且向忙中尋曉暇
事都如戲何修假處笑非真
Thiên bất tự nhàn, thả hướng mang trung tìm hiểu hạ;
Sự đồ như hí, hà tu giả xứ tiếu phi chân.
Trời chẳng cho thông dong, tìm chút thư nhàn trong bận rộn;
Cuộc đời giống tuồng hát, sống trong kiếp giả chẳng chê hư.
(Câu đối của Đào Tấn treo ở rạp diễn Thị Như Quan, kinh đô Huế)

明同日月妙南天鳳趾麟場嘉錦繡
香滿乾坤靈越地龍蟠虎踞盛文章
Minh đồng nhật nguyệt diệu nam thiên, phụng chỉ lân trường gia
cẩm tú;
Hương mãn càn khôn linh việt địa, long bàn hổ cứ thịnh
văn chương.

Ánh sáng không thua nhật nguyệt, soi khắp trời Nam, như phượng
múa lân châu, càng tăng thêm gấm vóc;
Mùi hương tràn khắp càn khôn, làm thơm cõi Việt, tựa hồ ngời rồng
cuộn, đẹp những đáng tài hoa.

(Trịnh Hoài Đức đề ở đình Gia Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh)

朝有勳名半屬河汾舊學
斗南風教齊欽岳麓餘輝

Triều hữu huân danh, bán thuộc Hà Phần cựu học;

Đấu Nam phong giáo, tề khâm Nhạc Lộc dư huy.

Triều chính huân danh, chia nửa thuộc đất Hà Phần chân cựu học;

Trời Nam phong giáo, hoàn toàn nhờ danh Nhạc Lộc tiếng lừng vang.

(Nguyễn Vương, sau này là Gia Long ban cho Vũ Trường Toàn ở làng

Hòa Hưng, huyện Bình Dương, Gia Định, năm 1792)

生前教訓得人無子而有子
沒後聲名在世雖亡也不亡

Sinh tiền giáo huấn đắc nhân, vô tử nhi hữu tử;

Một hậu thanh danh tại thế, tuy vong dã bất vong.

Khi sống, dạy trò nên người, không con mà như có;

Lúc về, tiếng thơm để lại, dấu mất vẫn như còn.

(Học trò Võ Trường Toàn khóc thầy)

陸旬我已休官去
三甲君初得第回

Lục tuần ngã dĩ hưu quan khứ;

Tam giáp quân sơ đắc đệ hồi.

Sáu chục tuổi, tôi hưu quan đấy;

Tam giáp khoa, anh đỗ rồi về.

(Đào Tấn mừng Hồ Sĩ Tọa, làng Hòa Cư, An Nhơn, Bình Định, đỗ Tiến sĩ
khoa Giáp Thìn (1904))

聖德瑰瑰職掌人間之主宰
臣工赫赫命承天帝之權行

Thánh đức khôi khôi, chức chưởng nhân gian chi chủ tể;

Thần công hách hách, mệnh thừa thiên đế chi quyền hành.

Thánh đức mệnh mang, giữ ngôi chủ tể trong thiên hạ;

Thần công hiển hách, thừa lệnh quyền hành chốn chính cung.

(Đình làng Đôn Thư, Gia Lộc, Hải Dương thờ võ tướng Trần Công Hiến, (? - 1817))

安相只爲樂天廿年春香水風輕屏山雲淡
定徵祥於吉地四月夏堯書龜應晉調龍飛

An tương chỉ vì lạc thiên, trấp niên xuân, Hương thủy phong khinh,
Bình sơn vân đạm;

Định trưng tường ư cát địa, tứ nguyệt hạ, Nghiêu thư qui ứng,
Tấn điệu long phi.

An ở chỗ vui mệnh trời, hai chục năm xuân, gió nhẹ sông Hương,
mây mờ đỉnh Ngự;

Định cho điểm về đất tốt, tháng tư mùa hạ, rồng bay điệu Tấn,
rùa biển sách Nghiêu.

(Cổng cung An Định, kinh đô Huế)

豈敢以民力爲臺爲沼
尚其遺孫謀惟園惟翰

Khởi cảm dĩ dân lực vi đài vi chiểu;

Thượng kỳ di tôn mưu duy viên duy hàn.

Đâu dám lấy sức dân đào ao dựng gác;

Chỉ trao cho đời cháu cây bút mảnh vườn.

(Mặt trong cổng cung An Định, kinh đô Huế)

五木尚家風 屈子騷魂天欲問
一生惟國患 杜陵詩思地難埋

Ngũ mộc thượng gia phong, Khuất Tử tao hồn thiên giục vấn;

Nhất sinh duy quốc hoạn, Đỗ Lăng thi tứ địa nan mai.

Năm góc giữ lễ nhà, hồn nhạc Khuất Nguyên trời muốn hỏi;

Một đời lo nạn nước, ý thơ Đỗ Phủ đất khôn vùi.

(Phan Bội Châu viếng Lâm Mậu, làng Minh Hương, Hương Trà,
Thừa Thiên Huế, năm 1933)

一柱名藍創見猶留舊跡
十方善念重修凌唱新規

Nhất trụ danh lam, sáng kiến do lưu cựu tích;

Thập phương thiện niệm, trùng tu lãng xướng tân qui.

Chùa Một Cột danh lam, sáng kiến dựng xây lưu dấu cũ;

Lòng thập phương mộ đạo, càng tăng vẻ đẹp mới trùng tu.

(Đặng Văn Hòa, làng Thanh Lương, Hương Trà, Thừa Thiên Huế cung tiến
vào chùa Một Cột, Hà Nội, năm 1838)

石柱湖中除法雨
金蓮座上吐慈雲

Thạch trụ hồ trung trừ pháp vũ;

Kim Liên tòa thượng thổ từ vân.

Trụ đá trong hồ ban mưu phép;

Sen vàng trên bệ tỏa mây từ.

(Đặng Văn Hòa, Thờ Thiên Huế cung tiến vào chùa Một Cột, Hà Nội năm 1839)

恣火量籌欽聖允

爲民之繼動神知

Tứ hỏa lượng trừ khâm thánh doãn;

Vị dân chi kế động thần tri.

Trừ hỏa tính xa, vâng thánh ý;

Vì dân tận lực, động thần tâm.

(Đặng Văn Hòa, Thờ Thiên Huế, cúng vào miếu Yên Hội, huyện Thọ Xương, Hà Nội, 1838)

遍覽名山無如鄉景好

盡嘗美味爲若菜根香

Biển lãm danh sơn, vô như hương cảnh hảo;

Tận thường mỹ vị, vị nhược thái căn hương.

Xem khắp danh lam, không bằng cảnh làng quê đẹp;

Nếm hết mĩ vị, khó sánh hương vị rau thơm.

(Đặng Văn Hòa, làng Thanh Lương, Hương Trà, Thờ Thiên Huế)

夙興夜寐無忝所生

言念耳慤聿修厥德

Túc hưng dạ寐, vô thiểm sở sinh;

Ngôn niệm nhĩ tố, duật tu quyết đức.

Dậy sớm thức khuya, đừng hổ danh cha mẹ;

Nhớ lời thực nhĩ, noi theo đức người xưa.

(Đặng Văn Hòa di huấn cho con cháu)

征施耐封功第一

收歸仁偉績無雙

Chinh Thi Nại, phong công đệ nhất;

Thu Qui Nhơn, vĩ tích vô song.

Đánh cửa Thi Nại, công ông đệ nhất;

Chiếm thành Qui Nhơn, chiến tích vô song.

(Mặt trước lăng Ông Bà Chiêu (Lê Văn Duyệt) ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

潘榔佐國前良將

嘉定勤王後顯神

Phan Rang tá quốc tiền lương tướng;

Gia Định cần vương hậu hiển thần.

Giúp nước ở Phan Rang, thuở trước nên trang tướng giỏi;

Phò vua tại Gia Định, về sau thành bậc thần linh.

(Mặt trước lăng Ông Bà Chiêu (Lê Văn Duyệt) ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

嘉鎮漢鴻人民思汗馬朝廷崇拜別天南
橫山伏虎物色會雲龍節鉞指揮爲帝佐

Gia trấn mạc hồng, nhân dân tư hãn mã, triều đình sùng bái biệt
thiên Nam;

Hoành Sơn phục hổ, vật sắc hội vân long, tiết việt chỉ huy vi
đế tá.

Tại Gia Định như cánh hồng bay vút, nhân dân tưởng nhớ công ơn,
riêng cõi trời Nam triều đình sùng bái;

Nơi Hoành Sơn tựa mãnh hổ nép mình, cơ hội rồng mây gặp gỡ, hiên
ngang tiết việt phò chúa chỉ huy.

(Bên trong điện tiền lăng Ông Bà Chiêu ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

良將才能千古留芳懸北闕
英雄氣節百年著績壯南疆

Lương tướng tài năng, thiên cổ lưu phương huyền Bắc khuyết;

Anh hùng khí tiết, bách niên trước tích trướng Nam cương.

Tài năng tướng giỏi, thơm ngát ngàn thu nên Bắc khuyết;

Khí tiết anh hùng, công lưu muôn thuở nước Nam cương.

(Bên vách điện tiền lăng Ông Bà Chiêu ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

君聖臣忠施耐封功推第一
地靈人傑瀝嘒發蹟定無雙

Quân thánh thần trung, Thi Nại phong công suy đệ nhất;

Địa linh nhân kiệt, Rạch Gầm phát tích định vô song.

Chúa thánh tôi trung, trận Thi Nại phong công có một;

Đất linh người giỏi, vùng Rạch Gầm phát tích không hai.

(Bên vách điện tiền lăng Ông Bà Chiêu ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

護國庇民萬古勲名垂宇宙
越南振北千秋聲勢壯山河

Hộ quốc ty dân, vạn cổ huân danh thùy vũ trụ;

Việt Nam chấn Bắc, thiên thu thanh thế trướng sơn hà.

Giữ nước, che dân, muôn thuở tiếng thơm trùm trời đất;

Vượt Nam, ngăn Bắc, ngàn đời thanh thế trướng non sông.

(Bên vách điện tiền lăng Ông Bà Chiêu ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

大天春色在眉頭記當年翠暖珠香曾游瞻部
五萬鶯花如夢裏念此日丁歌甲舞重睡崑崙
Đại thiên xuân sắc tại mi đầu, kỷ đương niên thúy noãn châu hương,
tằng du Thiệm Bộ;

Ngũ vạn oanh hoa như mộng lý, niệm thử nhật đình ca giáp vũ,
trùng thụy Côn Lôn.

Xuân sắc mấy ngàn nước mắt, nhớ năm xưa thúy châu thơm ấm,
bóng cũ từng tới lui Thiệm Bộ;

Oanh hoa năm vạn trong mơ, tưởng ngày nọ đình giáp múa ca,
hình xưa lại ghi dấu Côn Lôn.

(Trung điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

爲良將爲元臣許多政蹟戎功赫赫然在人耳目
此墓碑此祠廟歷幾歐風亞雨巍巍乎吾土山江
Vì lương tướng, vì nguyên thần, hứa đa chính tích nhưng công,
hách hách nhiên tại nhân nhĩ mục;

Thử mộ bi, thử từ miếu, lịch kỷ Âu phong á vũ,
nguy nguy hồ ngô thổ sơn giang.

Trang danh tướng, bậc lương thần, bao chiến tích nhưng công, rõ
ràng trước nhân dân tai mắt;

Nọ mộ bia, kia đền miếu, trải gió Âu mưa á,
sừng sững cùng đất nước non sông.

(Trung điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

佐中興附鳳攀龍與國百年昭偉績
制外閭安民息盜令人千載佩威風

Tá trung hưng phụ phượng, phan long, dữ quốc bách niên chiêu vĩ tích;
Chế ngoại khốn an dân, tức đạo, lệnh nhân thiên tải bội uy phong.

Giúp trung hưng, phò vua đỡ chúa, trăm năm cùng nước non nêu
công tích;

Ngăn côi bờ an dân diệt giặc, ngàn đời khiến dân chúng phục
uy phong.

(Trung điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

南朝遠播聲名靖遍塞擎天一柱
北鎮長留義氣耀精靈護國千秋

Nam triều viễn bá thanh danh, tịnh biên tái kinh thiên nhất trụ;
Bắc trấn trường lưu nghĩa khí, diệu tinh linh hộ quốc thiên thu.

Tiếng thơm truyền mãi mãi Nam, yên bờ cõi chống trời một cột;
Nghĩa khí vang dài đất Bắc, vũng oai linh giúp nước ngàn thu.

(Trung điện lăng Ông Bà Chiêu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

故國江山巍然存古廟
將軍事業卓爾肆功臣

Cố quốc giang sơn, nguy nhiên tồn cổ miếu;

Tướng quân sự nghiệp, trác nhĩ di công thần.

Cổ miếu còn kia, sừng sững với non sông đất nước;
Công thần hiển hiện, rõ ràng cùng sự nghiệp tướng quân.

(Chính điện lăng Ông Bà Chiêu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

居之無倦行之以忠敏則有功寬則得眾
永言配命自求多福慎乃儉德惟懷永圖

Cư chi vô quyện, hành chi dĩ trung, mẫn tắc hữu công, khoan tắc
đắc chúng;

Vĩnh ngôn phối mệnh, tự cầu đa phúc, thận nãi kiệm đức, duy hoài
vĩnh đồ.

Cư quan không mệt mỏi, hành sự chỉ biết trung, chăm chỉ tất thành
công, bao dung tất được mến;

Hòa hợp phối mệnh, tự cầu nhiều phúc, thận trọng kiệm đức, mong
giữ lâu dài.

(Vua Tự Đức đề ở điện Cần Chánh, kinh đô Huế)

不剛不柔敷政優優無偏無黨王道蕩蕩
有正其心先誠其意有之於諸己后求諸人

Bất cương bất nhu, phu chính ưu ưu, vô thiên vô đảng, vương đạo
dương dương.

Hữu chính kỳ tâm, tiên thành kỳ ý, hữu chi ư chư kỉ hậu cầu
chư nhân;

Chẳng nhu chẳng cương, chính sự giỏi giang, không thiên
không lệch, vương đạo bát ngát.

Muốn chính tâm mình, trước hết phải thành ý, có ở mình
sau mới cầu ở người;

(Vua Tự Đức đề ở Viện Đông Các, kinh thành Huế)

名播光榮前爵祿
情孚勿幕後人民

Danh bá quang vinh tiền tước lộc;

Tình phu thông mộ hậu nhân dân.

Tên nổi vinh quang, trước là tước lộc;
Thỏa lòng ngưỡng mộ, sau là nhân dân.

公門出入皆君子
正路往來客善人

*Công môn xuất nhập giai quân tử;
Chính lộ vãng lai khách thiện nhân.*

Ra vào cửa công đều là quân tử;
Lại qua đường thẳng là khách thiện nhân.

大樹成材榮祖業
高堂福壽顯家居

*Đại thụ thành tài vinh tổ nghiệp;
Cao đường phúc thọ hiển gia cư.
Đại thụ um tùm vinh tổ nghiệp;
Cao đường phúc thọ hiển gia cư.*

靜業重修功果
慈門普渡福緣

*Tĩnh nghiệp trùng tu công quả;
Từ môn phổ độ phúc duyên.*

Tĩnh nghiệp trùng tu công với quả;
Từ tâm phổ độ phúc và duyên.

老去又逢新歲月
春來更有好花枝

*Lão khứ hựu phùng tân tuế nguyệt;
Xuân lai cánh hữu hảo hoa chi.*

Tuổi lão qua rồi, lại thêm năm tháng mới;
Ngày xuân đến tiếp, lại mừng nhánh hoa tươi.

人之初莫不本乎祖
後有繼思以光於前

*Nhân chi sơ mạc bất bản hồ tổ;
Hậu hữu kế tư dĩ quang ư tiên.*

N Bối ta ra đời ai cũng bắt gốc ở tổ tiên;
Đời sau đều nghĩ phát sáng công đức đời trước.

向來已事多爲史
細認如圖欲命詩

*Hương lai dĩ sự đa vi sử;
Tế nhận như đồ dục mệnh thi.
Xưa nay việc cũ thường trong sử;
Xem kỹ bản đồ vẽ nên thơ.*

不盡波潘培德樹
有餘慶衍發芳枝
*Bát tận ba phiên bồi đức thụ;
Hữu dư khánh diễn phát phương chi.
Trồng cây đức dẫu ba đào chẳng ngại;
Nảy cành xanh nên phúc khánh có thừa.*

香山旺氣鐘五枝百葉
芭木清源遠萬派千流
*Hương sơn vượng khí chung ngũ chi bách diệp;
Dĩ mộc thanh nguyên viễn vạn phái thiên lưu.
Non Hương có vượng khí chung đức nên năm cành trăm lá;
Cội dĩ được tưới bởi nguồn trong xa vạn phái muôn dòng.
(Bảo Đại Quý Mùi (Năm Bảo Đại, Quý Mùi))*

福果圓完佳境樹
善根秀發滿成花
*Phúc quả viên hoàn giai cảnh thụ;
Thiện căn tú phát mãn thành hoa.
Phúc quả vẹn tròn cây giai cảnh;
Thiện căn nảy lộc phát thành hoa.*

開道圓通才無量
往來信仰福有餘
*Khai đạo viên thông tài vô lượng;
Vãng lai tín ngưỡng phúc hữu dư.
Khai đạo được vẹn tròn, tài cao không lường hết;
Vãng lai mà tín ngưỡng, quả phúc có dư.*

福址厚培于古遠
人基高築萬年存
*Phúc chỉ hậu bồi vu cổ viễn;
Nhân cơ cao trúc vạn niên tồn.
Nền phúc bồi đầy xa xưa từ cổ;
Lầu nhân xây cao vạn thuở còn đây.*

德澤長流千里潤
恩光普照萬家春

Đức trạch trường lưu thiên lý nhuận;

Ân quang phổ chiếu vạn gia xuân.

Đức trạch chảy dài muôn dặm nhuận;

Ân quang chiếu khắp vạn nhà xuân.

道戶顯揚傳閭閻
人基培肇衍雲仍

Đạo hộ hiển dương truyền phiệt duyệt;

Nhân cơ bồi triệu diễn vân nhưng.

Gia đạo vẻ vang truyền thế phiệt;

Nên nhân bồi đắp mãi cháu con.

萬法皆開聲第一
貳塵不染智無雙

Vạn pháp giai văn thanh đệ nhất;

Nhị trần bất nhiễm trí vô song.

Muôn pháp đều nghe danh đệ nhất;

Hồng trần chẳng nhiễm, trí không hai.

大衍追完香願
古希增佑僊齡

Đại diễn truy hoàn hương nguyện;

Cổ hy tăng hựu tiên linh.

Năm mươi tìm về hương nguyện;

Bảy mươi thêm được tuổi tiên.

TẢN MẠN VỚI NHỮNG GIAI THOẠI VỀ CÂU ĐỐI

NGÔ VƯƠNG ANH

Câu đối quen thuộc với người Việt Nam lắm. Kể cả những người chưa được học chữ Hán, chữ Nôm, không thuộc luật bằng - trắc, khi nhìn qua hai hàng chữ đặt song song với nhau ở những nơi tôn nghiêm cũng có thể đoán rằng đó là Câu đối...

Không chỉ được treo tại những nơi trang trọng, câu đối còn có một cuộc sống sinh động trong đời sống xã hội, trong dân gian. Và những thứ không được ghi chép không phải cái nào cũng dễ mất vì nó đã được lưu trong tâm trí của con người - *Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*... Câu đối là tiếng nói của tư tưởng, tâm hồn, tình cảm được thể hiện dưới một hình thức độc đáo, đậm chất trí tuệ. Giai thoại hay về câu đối, trong dân gian có đến hàng ngàn, hàng vạn...

... Câu đối là câu trả lời của khí phách dân tộc bất khuất đối lại với thái độ sô-vanh, hợm hĩnh của nước lớn "thiên triều"... Nguyễn Tuấn khi đi sứ Tàu đã đối lại sự ngạo mạn: *Đồng cổ chí kim đài di lục* - ý nói tới cột đồng Mã Viện dựng ngày xưa khi xâm lược nước ta - bằng *Đằng giang tự cổ huyết do hồng* - nhắc lại chiến thắng lấy lừng trên sông Bạch Đằng của người Đại Việt...

... Người ta mang câu đối tặng nhau một cách trọng thị như một món quà biểu hiện tình cảm quý mến, tôn trọng giữa những người đã thân thiết... Tôn Thất Thuyết viếng Hoàng Diệu sau khi ông tuân tiết sau khi thành Hà Nội thất thủ (1882) bằng đôi câu:

- *Nhất tử thành danh tự cổ anh hùng phi sở nguyện*
- *Bình sinh trung nghĩa đương niên đại cục khả vô tâm.*

Tạm dịch:

- Tử mà thành danh, chí anh hùng từ xưa thường không toại
- Sinh trọn trung nghĩa, nhìn đại cục có thể chẳng thẹn tâm.

... Nhưng cũng có những câu đối mà kẻ nhận được phải bầm gan tím ruột khi người làm câu đối đọc đúng tim đen, điểm đúng “huyệt hiểm” của hần... Một đám hát bội diễn cho Nguyễn Thân - tay sai đắc lực của Pháp đánh dẹp nghĩa quân Cần vương:

- *Đội mũ mang râu làm mặt lạ* (nạ)
- *Vác siêu khuôn giáo đánh người quen.*

... Nhân dân Thái Bình “khen” sinh phần của một nghị viên họ Lại thời Tây:

- *Rực rỡ mé đường Tây, kẻ lại người qua, ca tụng sinh phần quan lớn Lại*
- *Vang lừng trong thôn Bắc, trên kính dưới rái, một lòng tôn trọng cụ trong dân.*

Mấy chữ cuối ở hai câu này phải đọc theo kiểu nói lái mới thấy dân gian tuy rằng “nôm na mách quế” nhưng cũng chẳng phải không thâm thúy, sâu cay...

... Câu đối cũng có thể là vũ khí tinh thần của kẻ yếu - nhưng không yếu về trí tuệ - chống lại cường quyền của kẻ mạnh hơn mình - về lực lượng vật chất. Câu đối là câu trả lời thông minh của tinh thần khảng khái, ý chí kiên cường và một tấm lòng trong sáng yêu sự công bằng,... đối lại với sự ức hiếp, đè nén, bất công... dù lớn dù nhỏ.

... Nguyễn Hoè tuổi nhỏ khi đi thi bị quan chủ khảo bắt bẻ vì trùng tên với quan chủ khảo:

- *Lạn Tương Như, Tư Mã Tương Như, danh tương như, thực bất tương như*

Lạn Tương Như, Tư Mã Tương Như, hai người cùng tên nhưng công danh sự nghiệp khác nhau.

Nguyễn Hoè đối lại:

- *Nguy Vô Kỵ, Trương Tôn Vô Kỵ, bỉ vô kị, ngã diệc vô kị.*

- Ngụy Vô Kỵ, Trưởng Tôn Vô Kỵ, ông tên vô kỵ, tôi cũng tên vô kỵ.

Để ý mới thấy rằng *vô kỵ* còn có nghĩa là *không sợ*. Nhân đây cũng xin nói thêm: Theo niêm luật bằng - trắc của câu đối thì lẽ ra câu của quan chủ khảo phải đặt sau, ở vị trí *đối*, câu của Nguyễn Hòe phải đặt trước, ở vị trí của câu *xướng*. Cả ông quan chủ khảo đó và Nguyễn Hòe đều là những người am hiểu Nho học chẳng lẽ lại chưa thuộc luật đối? ... Tôi cũng đã có suy nghĩ thắc mắc như vậy và ôm mối thắc mắc đó cũng khá lâu. Sau này trong một buổi tình cờ trà dư tửu hậu, được một vị túc Nho giải thích cho rằng: Đó là cách "chơi khố" của người ra về *ứng*, buộc người *đối* phải "phá" luật, phải thuận theo mình... Thỉnh thoảng vẫn gặp những câu đối như vậy, nhất là những câu đối của những người đang ở những vị trí đối kháng... Có thể nhớ lại đôi câu nổi tiếng mà dân gian vẫn cho là của Đặng Trần Thường và Ngô Thi Nhậm - mà các nhà nghiên cứu cũng đã phải tốn nhiều giấy mực để bảo rằng khó có khả năng hai người đối với nhau sau trận đánh đòn trả thù những tiến sĩ triều Lê theo Tây Sơn ở Văn Miếu (1802)¹:

- *Ai công hầu ai khanh tướng loạn trần ai ai dễ biết ai*
- *Thế Chiến quốc thế Xuân thu gặp thời thế thế nào cũng thế*

... Lại nói tiếp chuyện Nguyễn Hòe, viên quan thấy về đối xược liền ra tiếp một vế:

- *Xĩ tính cương, thiệt tính nhu, cương tính bất như nhu tính cửu*

Nghĩa là: Răng tính cứng, lưỡi tính mềm, tính cứng không bền lâu như tính mềm - ý nói chớ nên ngông nghênh bướng bỉnh nữa.

Nguyễn Hoè lại đối:

- *My sinh tiên, tu sinh hậu, tiên sinh bất nhược hậu sinh trường*

Nghĩa là: My sinh trước, râu mọc sau, sinh trước không thể dài bằng mọc sau. Viên quan đành chịu.

... Ông Lê Công Hành - người được tôn là tổ nghề thêu ở Quất Động (Chương Mỹ, Hà Tây) lúc chưa đỗ đạt phải đi làm phu xây cống. Quan huyện ra về đối:

¹ Có thể xem thêm: Đặng Đức Kiên: *Vài đỉnh chính về mối quan hệ giữa Đặng Trần Thường và Ngô Thi Nhậm - Tạp chí Nghiên cứu lịch sử - Số 340 (9.2000) - tr. 71-73.*

- *Ngói đỏ lợp nghè, lợp trên đê lợp dưới.*

Lê Công Hành đối lại:

- *Đá xanh xây cổng, hòn dưới nổng hòn trên.*

Vế đối thật hoàn hảo, đối thanh, đối ý chan chát, cả về mặt âm điệu cũng hiện rõ cái tinh thần khảng khái, ý chí phản kháng, không chịu bị *lợp trên đê* mà *hòn dưới còn nổng hòn trên*...

Trong đời sống xã hội, trên bình diện rộng hơn, câu đối là một thú chơi tao nhã, có khi tinh nghịch dí dỏm trong câu chữ, có khi thâm trầm sâu sắc trong triết lý... Câu đối cũng mang nặng hồn người... Bởi vì câu đối kết tinh cả tâm hồn và trí tuệ, thể hiện một thế giới quan, một nhân sinh quan, thể hiện những sắc thái rung động tâm hồn và tình cảm, cả những nét tính cách độc đáo của người đã làm ra nó, đối cảnh sinh tình.... Người ta hiểu nhau qua câu đối, có thể thân nhau, phục nhau nhờ câu đối. Những người xuất chúng trong xã hội cũng thường là những người rất giỏi ứng đối. Những giai thoại về tài ứng đối nhanh trí của những nhân vật lịch sử và cả của những nhân vật trong văn học dân gian như Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Hiền, Lương Thế Vinh, Cao Bá Quát, rồi Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, rồi Nguyễn Khuyến, Tú Xương..., rồi trạng Quỳnh, trạng Lợn, Xiển Bột, Ba Giai Tú Xuất... tập hợp lại cũng đã nhiều quyển...

... Chẳng phải ai trượt chân bị ngã cũng thốt lên được như Hồ Xuân Hương:

- *Giang tay với thử trời cao thấp*

- *Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài...*

Xem ra cái khẩu khí thò tay “với trời” và xoạc cẳng “đo đất” chẳng phải là ngôn ngữ thường ngày của nữ nhi chân yếu tay mềm. Cái khẩu khí đó chắc chỉ có ở bà chúa thơ nôm Xuân Hương - người đã dám viết *Đang cơn nắng cực chữa mưa tè* - mà về sau một nhà phê bình nổi tiếng bình rằng bà bôn cợt với cả trời, coi trời như con trẻ để mắng rằng (nó) *chữa mưa tè*... Cũng có lẽ bởi cái khẩu khí ngang tàng khí khái đó mà đường hạnh phúc riêng của bà khá lận đận, để sau này Chiêu Hồ viết cho bà:

- *Người Cổ lại còn đeo thối Nguyệt*
- *Buồng Xuân sao để lạnh mùi Hương.*

Chữ *Cổ*, chữ *Nguyệt* ghép lại thành chữ *Hồ*, chữ *Xuân*, chữ *Hương* ở câu sau thì ghép thành tên của nữ sĩ. Chiêu Hồ dùng chữ cũng tài tình lắm thay... Cũng cô Xuân Hương ấy đang giặt áo dưới cầu, thấy vồng quan đi qua liền ứng khẩu:

- *Vồng đào quan lớn đi trên ấy*
- *Váy rách bà con giặt dưới này. (!)...*

Giai thoại cũng kể về những trò tình nghịch lúc còn nhỏ của ông đầu xứ Thái (Hoàng Phan Thái, người Nghệ An). Nhà ông gần chùa, nhà sư ở đây lại thích thơ phú. Một lần sư chùa ra một câu tức cảnh: *Dầu vương ra đế* khi rót dầu lỡ tay rót ra đế đèn. Cậu học trò Thái nhìn quanh, đối lại: *Ỉa vãi vào sư* rồi ù té chạy... Câu đối rất xộc nhưng về mặt câu chữ quả là không chê vào đâu được. Một lần khác sư lại ra một vế:

- *Cái là tượng, tượng là voi, voi châu cửa cái.*

Câu này khá lắt léo. Nguyên chữ Hán *cái* là *tượng* - là đáng vẽ, *tượng* cũng là *con voi*, chữ *cái* cuối cùng là chữ *nôm* - cái là to. Cậu Thái xin phép ra đứng ở tam quan rồi mới đọc:

- *Tu là hổ, hổ là cọp, cọp bắt thầy tu.*

Đọc xong lại ù té chạy. Vế đối của cậu Thái cũng lắt léo tài tình không kém.. Trong Hán tự, *tu* nghĩa là *xấu hổ*, *hổ* cũng là *con cọp*...

... Ông Chiêu Phu (không rõ tiểu sử) viết cho một bà goá lấy chồng người Trung Quốc:

- *Bí phát kết ngô duyên di hi kim chiêu hồng bắc khứ*
- *Bình đầu lưu khách địa ta tại hà nhật nhận nam quy*

Tạm dịch nghĩa:

- *Kết tóc đuôi sam, (theo kiểu người Trung Quốc) lấy chồng nước khác, con chim hồng đã bay về phương bắc.*

- *Quy đầu về đất khách, thương ôi đến ngày nào con chim nhận về nam.*

Bà goá này đi giữa đường gặp một người chê “*Dở lắm, đem trả lại, lấy tiền về đây*”. Ông Chiêu Phu biết người chê mình là Cao Bá Quát

liền mời họ Cao đến chơi và hỏi câu đối nọ của mình dở thế nào. Cao Bá Quát thủng thỉnh đáp: “*Dở ở chỗ ý hai vế giống nhau*”. Ông Chiêu Phu mời Cao Bá Quát làm lại câu đối ấy. Sau khi nghĩ ngợi một lát, Cao Bá Quát đọc:

- *Xoắn đuôi chuột, trở về với mẹ*
- *Khép mu sò, dừng lại nuôi con.*

Câu đối rất hợp với tình cảnh người đàn bà goá nọ nhưng cái chất bốn cột, tinh nghịch *rất Cao Bá Quát* vẫn hiện lên rất rõ...

Cao Bá Quát khởi nghĩa không thành, bị bắt, bị giam, bị cùm chân, chờ đem ra xử tội. Ngồi trong ngục tối, ông vẫn ngâm:

- *Một chiếc cùm lim chân có để*
- *Ba vòng xích sắt bước thì vương...*

Đúng là khí phách của kẻ anh hùng lâm nạn, đầu sắp lìa khỏi cổ mà giọng vẫn vẫn sắc sảo, vẫn trào lộng..., vẫn khiến người ta kính nể.

... Tam nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến là bậc thầy dùng chữ nôm trong câu đối đến mức tuyệt diệu. Trong câu đối của ông, âm nôm kết hợp với chữ Hán một cách nhuần nhuyễn, tinh vi khiến người đọc nhiều khi phải giật mình ngạc nhiên thú vị. Hãy nghe ông tự trào bằng câu đối, thật nôm na nhưng vô cùng thâm thúy:

- *Người nước Nam hỏi tiếng Tây chẳng biết tiếng Tây, hỏi tiếng Tàu chẳng biết tiếng Tàu, cho nên phải “**minh tiên vương chi đạo di đạo**”*

- *Nhà hướng Bắc, người chưa rét thì mình đã rét, người chưa bức thì mình đã bức, nên gọi là “**tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu**”.*

Minh tiên vương chi đạo di đạo là câu của Mạnh Tử có ý là đem đạo của các vua trước như Nghiêu, Thuấn, Vũ ra làm cho sáng tỏ. *Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu* là câu của Phạm Trọng Yêm đời Tống có nghĩa là trước khi thiên hạ lo thì mình đã lo rồi. Nguyễn Khuyến gặp thời loạn lạc, cáo quan về quê, chẳng theo Tây, cũng chẳng theo Tàu (!) nhưng cái **đạo** của ông, cái **ưu** của ông làm nhiều người cảm kích... Ông là người sâu sắc thâm thúy nhưng cũng rất dí dỏm, tinh nghịch, hay trêu đùa người khác bằng câu chữ.

Ông tức cảnh khi anh hàng thịt mang biếu bát tiết canh và đôi bầu dục vào một ngày cuối năm rồi nài xin cụ cho câu đối Tết

- *Tứ thời bát tiết canh chung thủy*
- *Ngạn liễu đôi bỏ đục điểm trang.*

Một lần ông đi qua chùa Đọi (Hà Nam). Chùa này có một chú tiểu nói ngọng và một sư cụ móm nói phều phào. Tam nguyên Yên Đỗ làm đôi câu đối:

- *Phất phất phóng phong phan pháp phái phi phù phan phụng phạt*
- *Căn căn canh cổ kệ cao ca kì cứu cứu cùng kinh.*

Tạm dịch xuôi:

- Phất phơ cờ phướn bay trước gió, đạo pháp và cờ phướn bay để thờ phật
- Tất cả cùng đọc kinh cổ, đọc to lên để khải cứu kinh phật cho đến cùng.

Về ý, không ai dám chê câu đối ca tụng phật pháp không hay nhưng về âm, khi đọc lên không ai không bật cười vì *cái phều phào, cái ngọng ngịu, cái lúu lô* cứ ẩn, cứ hiện... Thật là tài tình ...

Hãy nghe Nguyễn Khuyến làm câu đối khóc vợ, về sau rất nhiều người đã thuộc lòng câu đối nổi tiếng này.:

- *Nhà chĩnh cũng nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thất lưng bó que, sẵn váy quai công, le te chân trước chân sau, vì tớ đỡ dần mọi việc.*

- *Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành buông quần lá toạ, gật gù tay đưa tay chén, lấy ai kể lẽ chuyện trăm năm.*

Về già, mất Nguyễn Khuyến kém, ông cảm nhận không khí Tết một cách rất đặc biệt:

- *Tối ba mươi, nghe pháo nổ ùng, ờ ờ Tết*
- *Sáng mừng một, chạm nêu đánh cộc, à à Xuân*

... Cũng trào lộng và sắc sảo không kém, Tú Xương làm câu đối cho một người cháu khóc ông:

- *Ông đi đâu đi đâu, đến sáng mai, ngày tết ngày tung, buồn rí buồn rầu không yếm đỡ*

- *Cha khóc lẫn khóc lóc, qua bữa nọ, mất cướp, mất bóc, khổ sao khổ vậy, thực hồi đen.*

... Cũng có khi một câu đối là một cuộc đối thoại đầy chất trí tuệ giữa người ứng với người đối. Đây là cuộc so tài có thể coi rằng không có kẻ thắng người thua, tuy người ta vẫn thừa nhận *xuất đối di, đối đối nan*... Kẻ đối được là người thông minh, tài trí nhưng người ra vế đối cũng không thể là người nông cạn. Dân gian còn ghi lại rất nhiều giai thoại về những cuộc đấu trí kỳ thú đó...

Mạc Đình Chi đi sứ qua một nơi có câu chuyện về một anh học trò vì không đối được vế thách đối của cô gái mình đang theo đuổi mà nhảy xuống giếng tự vẫn. Nghe người dân ở đó nói lại vế đối của cô gái: *Ngân bình kiên thượng ty* (Bình bạc mũi trên vai - chỉ cái vòi ở trên vai ăm), Mạc Đình Chi làm vế đối giải oan cho anh học trò kia: *Kim toả phúc trung tu*. (Khoá vàng râu trong bụng - chỉ cái tua khoá ở trong ruột khoá). Một chuyện kỳ quặc *mũi trên vai* được đối lại với một chuyện kỳ quặc khác *râu trong bụng* rất tương xứng. Người đối phải là người có trí thông minh và óc quan sát tuyệt vời trong vốn thực tế phong phú mới có thể đối được chỉnh như vậy...

... Dân gian vẫn truyền nhau câu đối (khuyết danh) của một cô dâu thử tài chú rể trong đêm tân hôn:

- *Hang Thiên Thai then khoá động đào, đóng chặt lại kẻo chàng Lưu quen lối cũ* (Cô dâu dùng điển Lưu Thần nhập Thiên Thai).

Chú rể cũng chẳng phải tay vừa:

- *Cửa Hàm Cốc lòng khuôn tạo hoá, mở toang ra cho ông Bái dẫn quân vào*. (Chú rể dùng điển Bái Công - Lưu Bang dẫn quân qua cửa Hàm Cốc để đối lại.). Cô dâu chịu và tất nhiên là... mở cửa...

... Vương Toán (không rõ tiểu sử) thông minh, học giỏi nhưng nhà nghèo, lại thích con gái nhà quan họ Bạch. Quan ra vế đối:

- *Trai họ Vương đầu đội nón trúc, tuổi hai mươi, hà túc toán đã*.

Câu này chấp chữ *vương*, chữ *trúc* và chữ *tráp* (là hai mươi) thành chữ *Vương Toán*, nhưng có ý coi thường vì *hà túc toán đã*, trích từ sách *Luận ngữ*, nghĩa là có gì đáng kể.

Vương Toán đối:

- *Gái họ Bạch lưng thắt dây tơ, tuổi mười tám, bất diệp lạc hồ*.

Câu này ghép chữ *bạch*, chữ *ty* (tơ) và chữ *thập bát* (là mười tám) thành chữ *Bạch Lạc* là tên cô gái, lại có ý cự lại câu trên vì *Bất diệp lạc hồ*, cũng trích từ sách *Luận ngữ*, nghĩa là sao lại không vui...

... Người ta còn dạy nhau bằng những chuyện tưởng như chuyện cười xung quanh câu đối. Chẳng biết những ai thường quen thói nhìn cục bộ, từng chi tiết, từng bộ phận như kiểu *thầy bói mù xem voi*, có giạt mình khi nghe chuyện có người đối lại vế *Thần Nông giáo dân nghệ ngữ cóc* bằng cách tách từng chữ để đối cho chỉnh, cuối cùng được vế đối nghe cũng khá hay (!), bằng - trắc cũng chỉnh... nhưng vô nghĩa...: *Thánh sâu gươm nước gừng tam cò*. (!)...

... Nhiều câu đối đến nay vẫn còn đang chờ được hoàn chỉnh... Nổi tiếng trong dân gian là những vế đối khó của cô Điểm thách Trạng Quỳnh - một ông trạng đậm màu giai thoại:

- *Lên phố Mía, gặp cô hàng mật, cầm tay kẹo lại hỏi thăm đường.*

- *Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, giò (dò) đến hàng nem, chả muốn ăn.*

- *Bà đồ Nửa, đi vồng tre, đến khóm trúc thờ dài hí hóp... v.v...*

Tương truyền cô Điểm còn ra cho trạng một vế khác chỉ có năm chữ nhưng chẳng những đã làm ông trạng "bí", đành chịu không đối được mà còn làm đau đầu biết bao sĩ tử sau này: *Da trắng vô bì bạch*; Cái oái ăm nhất của vế đối chính là *bì bạch* vừa có nghĩa Hán - Việt là *da trắng* vừa là một từ tượng thanh, như tiếng vỗ nước, rất nôm na, bình dị, rất Việt. Nghe nói, cũng đã có người đối: *Giấy đỏ viết chỉ chu* nhưng rõ ràng so với *Da trắng vô bì bạch* thì vế này vẫn chưa thể coi là chỉnh... Lại có người đối rằng *Rừng sâu mưa lâm thâm*. Về mặt chữ nghĩa và ý thì có thể tạm coi là được, về bằng - trắc cũng có thể châm chúc nhưng về âm thì rõ ràng là kém cô Điểm nhiều lắm...

Còn một vế đối năm chữ khác, cũng hóc búa không kém, tương truyền là do bà vợ ba của vị thủ lĩnh nghĩa quân Cai Vàng thách đối: *Cô Miên ngủ một mình...* Chẳng biết Cai Vàng có cách nào vượt qua vế đối này để được cô ưng thuận...

Câu đối khó trong dân gian khá nhiều, thật tiếc chưa thể sưu tầm đầy đủ:

- *Bò lang chạy vào làng Bo.*

- *Cha con thầy thuốc về quê, gánh một gánh hồi hương phụ tử.*

- *Song song là hai cửa sổ, hai người ngồi trong cửa sổ song song.*

- *Thằng Quỳnh ngồi trên cây cạy dái đỏ hồng hồng* - Dân gian cũng gán câu này cho cô Diễm...

- *Gái tơ chỉ kén ngài quân tử*

- *Trong quần anh có em học khá.*

v.v... và v.v...

Từ khi chữ quốc ngữ chiếm ưu thế tuyệt đối trên văn đàn, câu đối cũng không còn được treo và làm một cách rộng rãi như trước nữa nhưng vẫn có những câu đối len lỏi trong dòng văn học dân gian, đôi lúc hiện lên như những chấm phá khá bất ngờ thú vị. Thời hiện đại, cái thú chơi câu đối không mất đi mà đã mang màu sắc mới, với những chất liệu mới lấy từ cuộc sống hiện đại...:

- *Cán bộ to đi xe nhỏ*

- *Nhân viên thấp ở nhà cao.*

Trong học đường, những tay học sinh hay tếu táo thường đọc cho nhau

- *Con bò cạp cạp con bò cạp, cạp rồi lại bò, bò rồi lại cạp*

- *Thầy sinh vật vật cô sinh vật, vật rồi lại sinh, sinh rồi lại vật*

... v.v ...

*

* *

Nếu nói một cách hình tượng, có người đã cho rằng mỗi câu đối có thể so sánh với một bài thơ, một bản nhạc, một bức tranh, một bức chạm... với hình ảnh, ngôn ngữ, với âm thanh, nhịp điệu..., với ý tứ nội dung sâu sắc trong sự cô đọng đến mức kết tinh của ngôn từ...v.v... Nhưng thực ra, câu đối không thể so sánh với một thể loại nào của một ngành văn hoá nghệ thuật nào khác - vì nó chỉ là nó, với tất cả những đặc trưng riêng của mình...

Người Trung Quốc và người Việt Nam định cư trong khu vực ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa, thời tiết hay thay đổi, nhiều thiên tai mưa lụt... nên rất quan tâm đến việc sống hoà đồng với thiên nhiên -

bởi thế những kết quả của sự tìm tòi về thời sinh học của người Trung Quốc có từ rất sớm trong nền văn minh Trung Hoa: lịch tiết khí; lịch giông tố, lịch con nước; các phép xem thời tiết ứng với không gian thiên văn và thời gian bốn mùa trong năm, trong vòng luân chuyển thập thiên can, thập nhị địa chi v.v... theo quy luật âm dương - ngũ hành...; lịch thời chiêm trong phép chiêm cứu; thuật dưỡng sinh theo mùa...; và rất nhiều thứ thuật khác cũng dựa trên những quy luật của trời đất... Khác với người phương Tây, người phương Đông chú trọng đến thích nghi với tự nhiên nhiều hơn là chinh phục tự nhiên. Người phương Đông chú ý đến *đối phó* hơn *cải tạo*. Câu đối là một loại hình sản phẩm trí tuệ khá đặc biệt nhưng cũng không nằm ngoài cái “*xu thế đối phó*” đó..., là ảnh xạ xa xôi của cái *tâm thức đối phó* kia chăng?...

*

* *

Câu đối là sản phẩm văn hoá, kết tinh trí tuệ và tình cảm của nhân dân. Nó đã được kiểm chứng giá trị qua chiều dài thời gian của lịch sử, bằng chỗ đứng đã được khẳng định trong tâm thức của nhân dân.

Di sản câu đối là một phần của kho tàng văn hóa dân tộc, mang đậm bản sắc... cần được bảo tồn và phát huy.

Hà Nội Xuân Ất Dậu

N.V.A

MỘT SỐ THUẬT NGỮ

1. Phật 佛 : Người tự giác ngộ mình và giác ngộ người theo chính đạo.
2. Phạn 梵 : Thanh tịnh. Phạn văn: Văn tự dùng trong các kinh văn cổ của đạo Phật.
3. Nam vô 南 無 : Đọc theo tiếng Phạn là nó mó, có nghĩa là một lời cầu khẩn thành kính tin theo.
4. A Di Đà Phật 阿 彌 陀 佛 : Đức giáo chủ của thế giới cực lạc Tây phương, còn có nghĩa là vô lượng thọ Phật.
5. Bồ Tát 菩 薩 : Người giác ngộ cho chúng sinh ở mức gần Phật.
6. Ma Ha Tát 摩 訶 薩 : Đại chúng sinh
7. Bát nhã 般 若 : Trí tuệ
8. Bồ đề 菩 提 : Cây bồ đề, tượng trưng cho sự giác ngộ.
9. Cam lộ 甘 露 : Nước sương ngọt. Phật rảy nước cam lộ vào chúng sinh để rửa bớt phiền não.
10. Cát địa 吉 地 : Đất tốt, đem lại điều tốt lành.
11. Châu thành 州 成 : Bãi cát bồi đã canh tác thuận thực.
12. Diệu lý 妙 理 : Chân lý sâu sắc.
13. Danh lam 名 藍 : Chùa nổi tiếng; Thắng tích: 勝 跡 Di tích nổi tiếng.
14. Dương liễu chi đầu 楊 柳 枝 頭 : Đầu cành dương liễu. Phật nhúng đầu cành dương liễu vào bình cam lộ rảy cho chúng sinh.
15. Chân thân 真 身 : Thực tướng của mình.
16. Đồng môn bất nhị 同 門 不 二 : Chỉ sự nhất trí trong tinh thần ngộ đạo.

17. Kim thân 金身 : Minh vàng, chỉ tượng Phật.

18. Liên hoa tòa thượng 蓮花座上 : Tòa sen, nơi Phật ngự.

19. Lục thức 六識 : Nhân thức; nhĩ thức, ty thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, các cơ quan cảm giác dẫn đến nhận thức.

20. Minh kính 明鏡 : Gương sáng, rút từ bài kệ của Thần Tú 神秀 đứng đầu phái Bắc Tông, nói lên nhận thức về vũ trụ. Bài kệ như sau:

身是菩提樹

Thân thị bồ đề thụ

Thân là cây bồ đề

心如明鏡臺

Tâm như minh kính đài

Tâm như đài gương sáng

時時勤拂拭

Thời thời cần phất thức

Hàng ngày chăm lau quét

莫使惹塵埃

Mạc sử nhạ trần ai

Đừng để bụi bám vào

Ông (Thần Tú) công nhận tồn tại, đó là thân và tâm của con người, vì thế phải luôn tu dưỡng để giữ cho trong sáng. Một triết thuyết dung hòa giữa Nho và Phật, hợp với ý Trung dung” (Nhân tâm duy nguy. Đạo tâm duy vi: Nhân tâm hay nguy. Đạo tâm hay mờ) của Nho giáo.

Trái với ông, Huệ Năng 慧能 người đứng đầu Nam Tông chủ trương mọi vật đều không, không vật gì đeo bám được. Kệ:

菩提本非樹

Bồ đề bản phi thụ

Bồ đề vốn không cây

明鏡亦非臺

Minh kính diệc phi đài

Gương sáng cũng không đài

本來無一物

Bản lai vô nhất vật

Vốn không vật gì cả

何處惹塵埃

Hà xứ nhạ trần ai

Bụi bám vào chỗ nào.

21. Nhân quả 因果 : Nguyên nhân và kết quả.

22. Nhật tụng kim kinh 日誦金經 : Hàng ngày tụng Kinh vàng (Kinh Phật).

23. Mê tân 迷津 : Bến mê. Bến của dục vọng.

24. Phạn vũ 梵宇 : Mái hiên Phật. Không gian thế giới của Phật.

25. Pháp vũ 法宇 : Mưa pháp.

26. Phổ chiếu 普照 : Chiếu khắp nơi.

27. Pháp lực 法力 : Quyền lực của đạo pháp

28. Phật đạo vô tư 佛道無私 : Đạo Phật không riêng cho ai.

29. Pháp tính 法性 : Bản tính của Phật pháp.

30. Sắc tướng 色相 : Những vật chất có hình tượng có thể trông thấy được.

31. Sắc không 色空 : Hai phạm trù trong đạo Phật: có và không, vật chất và hư không.

32. Tam giới 三界 : Ba giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

33. Tam sinh 三牲: Ba loài sinh vật dùng để cúng tế: bò, lợn, dê.

Ba kiếp: dĩ vãng, hiện tại, tương lai.

34. Tam thiên thế giới 三千世界 : Ba ngàn thế giới.

35. Bách vạn nhân thiên 百萬人天 : Trăm vạn con người.

36. Tam đồ khổ 三途苦 : Ba đường khổ sau khi chết: địa ngục, quỷ đói, súc vật.

37. Tuệ 慧 : Minh mẫn, sáng láng.

38. Tuệ nhãn 慧眼 : Cặp mắt sáng suốt thấy rõ thực tướng.

39. Tuệ nhật 慧日 : Mặt trời sáng tỏ, ví sự sáng lạng của đạo giáo như mặt trời.

40. Tam thừa 三乘 : Ba cỗ xe. Chỉ ba nhánh tu đạo Phật: Đại thừa, trung thừa, tiểu thừa.

41. Thập ác duyên 十惡緣 : Mười điều ác trong đạo Phật: Sát sinh, trộm cắp, dâm tà, lừa dối, chia lìa người, ác khẩu, nói hoa mỹ, nói trợn trạo, gian tà.

42. Trần ai 塵埃 : Bụi trần. Mọi dục vọng, khổ đau của đời người.

43. Thời tuyên bảo kệ 時宣寶偈 : Đúng thời đọc bài kệ quý.

44. Tịnh giới 淨界 : Thế giới của sự vắng lặng. Thế giới của vô niệm.

45. Kỳ viên 祈圓 : Tiếng phạn là Jêtavana. Khu vườn mà trưởng giả cấp cô độc đã mua của hoàng thân Jêta để tặng Đức Phật làm tịnh xá. Tương truyền ông đã phải rải vàng khắp mặt vườn để mua được khu vườn này và trồng ở đây một cây bô đề đã sống lâu nhất, gọi là cây bồ đề Ananda.

46. Từ tâm 慈心 : Lòng thành, bản tính của Phật là từ thiện.

47. Niết bàn 涅槃 : Tiếng Phạn là Nirvana (Ni là hình thức phủ định: không có; Vana: sắc dục). Có nghĩa là sự tách rời khỏi ái dục. Một trạng thái tinh thần thoát khỏi ái dục và vọng niệm về bản ngã.

48. Giới 戒 : Điều răn, phép tắc. Kẻ tu hành phải giữ đủ bốn giới luật.

- Giới luật căn bản.
- Giới luật về nhận thức (qua lục căn)
- Giới luật về thanh tịnh trong đời sống.
- Giới luật về quan hệ với chúng sinh.

49. Định 定 : Ổn định tâm thần, kiểm soát để trau dồi tâm đi trên con đường trong sạch.

50. Tuệ 慧 : Sự minh mẫn, kết quả của giới và định. Đây là giai đoạn cuối cùng để bước vào niết bàn. Khi đã giữ được giới luật, định

được tâm, thì trí tuệ bừng sáng và lúc đó người tu hành chứng quả Niết bàn.

51. Cửu như 九如 : Chín lời chúc trong *Kinh thi*: Như núi, như gò, như băng (gò nhỏ), như sông ngòi chảy khắp, như bờ cõi, như vừng trăng sáng, sống lâu như Nam Sơn, xanh tốt như tùng bách.

52. Hải ốc thiêm trù 海屋添籌: Nhà biển thêm thẻ tre.

Rút trong truyện về ba cụ già, trong đó một cụ kể tuổi của mình như sau: “Mỗi lần biển biến thành nường dâu, ta bỏ ra một thẻ tre, khi gặp ông thì số thẻ đó đầy mười gian nhà rồi”.

53. Ca Diếp 迦葉 : Một môn đệ của Thích Ca, đã thấu triệt được giáo lý chính đạo. Ông đắc quả ALaHán – một trình độ nhận thức gần Thích Ca.

54. Âm quang 飲光 : Phát hào quang khi ăn uống. Tên thường gọi của Ca Diếp là Ma ha ca diếp ba. Ma ha là to lớn. Ca diếp ba là âm quang.

55. Như lai 如來 : Theo như thực đạo mà thành chính quả (Có nhiều cách giải thích từ này):

- 1) Pháp hiệu của đức Thích ca mâu ni.
- 2) Không từ đâu đến, không đi về đâu, nên gọi là Như Lai.
- 3) Vốn tự giác là như. Bắt đầu sự giác ngộ là lai
- 4) Dem cái bản tính chân như sẵn có để giác ngộ chúng sinh.

56. Tam tạng 三藏 : Ba chỗ chứa gồm Kinh, Luật, Luận.

57. Tam đa 三多: Ba nhiều: nhiều phú, nhiều thọ, nhiều con trai.

58. Tam tôn 三尊 : Ba ngôi vị tôn quý trong chế độ phong kiến: vua, thầy, cha.

59. Tam muội 三昧 : Còn gọi là Tam ma đề hay Tam ma đề có nghĩa là chính định – yên định thẳng thắn, bài trừ mọi tạp niệm để tâm thần bình tĩnh.

60. Tam giới 三戒: Ba điều răn. Trong sách *Luận ngữ* có nói: Người quân tử có ba điều răn. Lúc trẻ, khí huyết chưa định, nên răn mình về

sắc dục, lúc trai tráng khí huyết phương cương, nên răn mình võ đấu (đánh nhau); Khi về già, khí huyết đã suy, nên răn ở tự đắc.

61. Khai hạp gian 開 闢 間 : Khoảng thời gian động mở. Theo thuyết âm dương, trời mở vào giờ Tý, Đất khép vào giờ Sửu.

62. Dục, Chấn 翼 軫 : Thời Trung Quốc cổ đại, khoa Thiên văn chia bầu trời làm chín khu vực theo phép cửu trù hồng phạm, nước Việt Nam thuộc khu vực có các sao Dục, Chấn.

63. Lục khí 六 氣 : Sáu khí. Có nhiều định nghĩa khác nhau: Trời, đất, xuân, hạ, thu, đông. Y học cho lục khí là: Giá, nóng, rét, thấp, lửa, táo.

64. Khí hạo nhiên 浩 然 氣 : Khí tự nhiên bao la.

65. Lan đình 蘭 亭 : Một kiểu chữ của nhà thư pháp cổ Trung Quốc Vương Hy Chi.

66. Tấn thiếp 晉 帖 : Lá Thiếp đời Tấn.

67. Đào thi 陶 詩 : Thơ Đào Tiềm, một nhà thơ ẩn dật đời Tấn.

68. Tam cổ 三 古 : Ba vị thánh hiền thời Trung Quốc cổ đại: Phục Hy, Văn Vương, Khổng Tử.

69. Nhất gia ngôn 一 家 言 : Tên một tác phẩm cổ đại Trung Quốc, tập hợp các giá trị văn hóa.

70. Tam đô 三 都 : Ba kinh đô thời Trung Quốc cổ đại.

71. Ngũ nhạc 五 岳 : Năm ngọn núi lớn của Trung Quốc.

72. Bảo vụ tinh 寶 婺 星 : Chòm sao Bảo vụ.

73. Bàn đào 蟠 桃 : Một giống đào nơi tiên giới.

74. Xuân huyên 春 萱 : Tượng trưng cho cha và mẹ.

75. Tam cúc kính 三 菊 徑 : Ba luống cúc. Nơi ông Đào Tiềm cáo quan về hưu, vườn nhà trồng ba luống cúc.

76. Giáng huyện 降 縣 : Tên một huyện ở Trung Quốc.

77. Long môn 龍 門 : Cửa rồng. Ý nói thi đỗ cao.

78. Bàn Khê 蟠 溪 : Nơi Khương Tử Nha, tức Lã Vọng ngồi câu cá trước khi gặp Văn Vương nhà Chu.

79. Vũ ban y 舞 班 衣 : áo mũ rực rỡ. Ý nói về ông Lão Lai tuổi già, nhưng mặc áo hoa múa vui cho cha mẹ xem.

80. Dao trì 瑤池 : Ao xây bằng ngọc dao, nơi ở của Tây Vương Mẫu.
81. Minh kinh 明經 : Giỏi kinh điển. Các triều đại phong kiến Trung Quốc thường hay mở khoa thi giỏi kinh điển để chọn người tài.
82. Vu sơn 于山 : Rút trong tích vua nước Sở gặp thần nữ ở Vu Sơn.
83. Nhị nam 二南 : Hai thiên *Chu Nam* 周南 và *Thiệu Nam* 召南 trong *Kinh Thi*.
84. Chu, Thiệu 周召 : Chu Công Đán và Thiệu Công Thích, con cháu nhà Chu được phân phong ở Thiểm Tây.
85. Vương Tạ 王謝 : Hai họ danh giá ở Trung Quốc xưa.
86. Quốc phong 國風 : Thơ Quốc phong *Kinh thi*; nói về phong tục cổ đại Trung Quốc, trong đó có thiên *Quan thư* 關雎 nói về tình yêu đôi lứa.
87. Bạch tuyết dương xuân 白雪陽春 : Bạch tuyết là khúc hát dân gian. Dương xuân: một điệu hát hay được sáng tác vào thời cổ đại Trung Quốc.
88. Kinh ba 鯨波 : Sóng kinh, sóng dữ, sóng lớn.
89. Phủ trạch 府宅 : Phủ nha, cơ quan, nhà quan.
90. Dân an 民安 : Dân được yên, dân được vui vẻ.
91. Vật phụ 物阜 : Vật chất nhiều, cuộc sống phong phú, vật nhiều, vật thịnh.
92. Quốc thái 國泰 : Nước yên hòa, thái bình.
93. Giang sơn 江山 : Sông, núi, non sông – chỉ đất nước, tổ quốc.
94. Sơn hà 山河 : Núi, sông, non sông – cũng chỉ đất nước, tổ quốc.
95. Sơn thủy 山水 : Núi, sông; non, nước – Sơn thanh thủy tú: non xanh nước biếc. Sơn cao thủy thâm: Núi cao sông sâu.
96. Thiên khung 天穹 : bầu trời.
97. Thanh thiên 青天 : Trời xanh, trời.
98. Tích thụ kim hoa 昔樹今花 : Cây xưa hoa nay, thường chỉ tổ tiên gây dựng, con cháu phát triển.

99. Phụ canh tử hoạch 阜耕子穫: Cha trồng trọt con được hưởng.

100. Tư Mã Huấn 司馬訓: Sách Gia Huấn của Tư Mã Dung, đời Tống, Trung Quốc.

101. Sở thư 楚書: Sách vở nước Sở.

102. Sĩ quân tử 士君子: Người thuộc giới thượng lưu.

103. Đại trượng phu 大丈夫: Người đàn ông có tài đức nổi trội hơn nhiều người khác.

104. Gia trạch 家宅: Nhà ở, nhà cửa.

105. Chính lộ 正路: Đường thẳng, hành vi chính đáng.

106. Thánh kinh 聖經: Sách của thánh nhân.

107. Hiền truyền 賢傳: Sách chép sự tích các bậc hiền nhân để lại đời sau.

108. Chính đại cao minh 正大高明: Làm việc ngay thẳng sáng suốt.

109. Cương thường 綱常: Tam cương ngũ thường của nhà nho. Tam cương: Quân thần, phụ tử, phu phụ. Ngũ thường: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

110. Thần công 神功: Công của thần. Sức của thần.

111. Thánh trạch 聖澤: Ôn trạch của thánh.

112. Tổ công tông đức 祖功宗德: Công đức của tổ tông.

113. Tử hiếu tôn hiền 子孝孫賢: Con hiếu cháu hiền.

114. Liên đăng tục diệm 連燈續焰: Đèn liên, tiếp nối tỏa sáng.

115. Quang tiền dụ hậu 光前裕後: Làm sáng đời trước, để phúc cho đời sau. Có khi còn viết là Quang tiền dư hậu 光前愈後 hoặc Quang tiền thùy hậu 光前垂後。

SÁCH DẪN

Để giúp bạn đọc tìm được hoành phi, câu đối theo yêu cầu riêng một cách nhanh chóng trong bộ *5000 hoành phi câu đối Hán Nôm* này, chúng tôi soạn thêm phần *Sách dẫn*.

Khi sử dụng bảng *Sách dẫn* này, xin lưu ý:

Trước, qua *Tổng mục lục*, tìm phần chính theo yêu cầu, tức các phần: I. **Hoành phi**; II. **Câu đối chữ Nôm**; III. **Câu đối chữ Hán**.

Sau, qua phần chính, tìm Hoành phi, Câu đối cần tìm:

Phần I: Hoành phi:

Tìm theo thứ tự A - B - C phân dịch nghĩa; xong đối chiếu số trang

Ví dụ: *Ánh sáng lành chiếu xa* thuộc vần A trang: 50

Đạo này đứng đầu xưa nay thuộc vần Đ trang: 46

Phần II: Câu đối chữ Nôm

Trong bảng *Sách dẫn* này, về câu đối chữ Nôm, tùy theo ý câu mà dẫn 3, 4 hoặc 5, 6... chữ đầu ở vế trên. Ví dụ:

1. *Đón Xuân sang*
 2. *Nghe tiếng chuông vàng*
 3. *Giàu có thiếu chi tiền*
 4. *Thì hương lá cờ đuôi nheo*
- v.v...

Tìm theo thứ tự A - B - C chữ đầu vế trên; xong đối chiếu số trang.

Ví dụ như mấy câu dẫn trên thì tìm:

Câu 1. Văn Đ, trang 85;

Câu 2. Văn N, trang 105;

Câu 3. Văn G, trang 98;

Câu 4. Văn T, trang 110; v.v...

Phần III: Câu đối chữ Hán

Về Câu đối chữ Hán, trước qua *Tổng mục lục*, tìm chủ đề; đó là:

I. *Câu đối Tết*;

II. *Câu đối về phong cảnh*;

III. *Câu đối về học tập và tu dưỡng*;

IV. *Câu đối mừng và viếng*,

sau tìm Câu đối xếp theo thứ tự A - B - C chữ đầu ở vế trên phần dịch nghĩa trong chủ đề ấy.

Ví dụ: I. *Câu đối Tết*

Tra *Sách dẫn* thấy chép: *Mấy đoá hoa đào hay tết đến thuộc văn M*, trang 152

Theo chỉ dẫn ấy, đến trang 152 sẽ tìm được cả phần chữ Hán, phần phiên âm và phần dịch nghĩa hoàn chỉnh.

Với Câu đối về phong cảnh (II), Câu đối về học tập và tu dưỡng (III) và Câu đối mừng và viếng (IV) cũng tìm theo cách như vậy.

Bảng *Sách dẫn* này mong giúp bạn đọc có cái nhìn tổng thể về 5000 hoành phi câu đối Hán Nôm thông dụng có trong tay các bạn; ngoài ra, giúp các bạn tìm được một cách nhanh chóng hoành phi, câu đối thông dụng ấy mà các bạn muốn có cả nguyên văn cùng dịch chú.

HOÀNH PHI

A

An cư lạc nghiệp.....	45
Anh hùng đời đời đều có.....	62
Anh khí chính đại còn mãi.....	65
Anh khí để mãi.....	65
Anh linh muôn thuở.....	59
Anh linh muôn thuở.....	55
Ánh sáng lành chiếu xa.....	50
Ánh sáng từ phổ độ.....	51
Ân quang ca tụng mãi.....	77

B

Báo đáp ân đức của Phật.....	67
Bạc Nho tôn nước Nam.....	72
Bạc thầy của người.....	62
Bạc thầy tôn kính nước Nam.....	72
Bè từ chỗ khắp.....	77
Bố thí ngũ phúc.....	49
Bốn ân đều báo.....	52

C

Cá nhảy diều lên.....	61
Cẩn kiệm giữ nhà.....	60
Cầu đảo tất hanh thông.....	59
Cầu Vân bộ.....	64
Cây cỏ mãi xuân.....	45
Cây xưa hoa nay.....	43
Chân thực như lẽ phải.....	68
Chết như còn sống.....	43
Chí giáo chân như.....	53
Chim hót hoa thơm.....	46

Chính đại trong sáng hòa nhã.....	71
Chính khí.....	69
Chính khí của trời đất.....	69
Cho nổi phúc.....	47
Chùa Hồng phúc.....	50
Chùa Long Phúc.....	68
Chùa Phúc Thành.....	66
Chùa Phúc Tuệ.....	70
Chùa Thanh Liên.....	56
Chùa Thuận Hóa.....	68
Chứa ba cực.....	52
Coi như còn đó.....	50
Con cháu giữ lấy.....	59
Công đức nghiêm trang.....	68
Công không dưới vua Vũ.....	57
Công lao thành quả viên mãn.....	67
Công lao trùm nước Nam.....	65
Cung khuyết châu ngọc.....	73
Cùng nhận được phúc.....	55
Cùng non biển.....	48
Cửa đến Mỹ Hóa Công.....	64
Cửa đến Thụy Thái vương.....	66
Cửa mây thông.....	57
Cửa phương tiện.....	54
Cửa vào cõi huyền diệu.....	75
Cười gió lướt sóng.....	60

D

Da hổ rực văn.....	49
Dày đức sáng dài.....	57
Di huấn bên tai.....	43
Di tích đức vua đầu tiên.....	58

Đ

Dại bằng tung cánh.....	61
Dại sư ở tế tự.....	50
Dại sư tam giới.....	50
Dại từ đại bi.....	55
Đạo lý của Khổng Tử vĩnh hằng ..	47
Đào mạn mong xuân.....	44
Đạo này đúng đầu xưa nay.....	47
Đạp mây cười mưa.....	54
Đau mắt tri âm.....	56
Đau nhớ ông nhạc.....	44
Đất rộng tựa gấm.....	61
Đầy nhà lành vui.....	56
Đem đức phổ biến.....	50
Đề ở đền Quan Công.....	69
Đền Chu Môn.....	70
Đền đức thánh Trần.....	64
Đền thiêng Thần Phẩm.....	65
Đền thờ Chu Công.....	72
Đền thờ công thần Trung hưng....	71
Đền thờ Nghi Quốc Công.....	69
Đền thờ Quận công Tuy Lý.....	70
Đền tôn nghiêm giữ phép.....	53
Đến từ xa.....	49
Đền vua Triệu Việt Vương.....	56
Điện Diên Hồng.....	65
Điện Lưu Quang.....	72
Đình mát câu cá.....	71
Đình Phú Cát.....	67
Đình xã Cựu Xuân Dương.....	64
Đổi nếp đổi tục.....	60
Đời đời dòng dõi trăm anh.....	71
Đúng ngôi thiêng.....	48
Đúng quần tối linh.....	48
Đức ấy thịnh.....	51
Đức chỉ thơm.....	49
Đức hạnh thiên cổ.....	77

Đức hợp Khôn sinh.....	51
Đức lớn giáo hóa.....	77
Đức lớn như quan A Hành.....	72
Đức mẹ cao vời.....	77
Đức mới phát.....	49
Đức này sáng cùng trời đất.....	47
Đức Phật giác ngộ.....	67
Đức quẻ Khôn nủ mãi.....	73
Đức sáng muôn vàn.....	73
Đức sáng xa.....	48
Đức thánh khó gọi tên.....	75
Đức thánh vô bờ.....	57
Đức tốt nếp còn.....	55
Đức tới quê cũ.....	43
Đúng đầu là lắng nghe.....	74
Đúng vững làm thế đạo.....	73
Đường Thông trời.....	64

G

Gan kiếm lòng đàn.....	56
Gánh nặng đường xa.....	61
Giản ngọc tuôn thơm.....	73
Giang sơn có chủ.....	48
Giáo lý của Phật như.....	68
Giàu mạnh muôn lộc.....	77
Gió lành vạn thuở.....	76
Gió mây oai nghiêm.....	51
Gió xuân say ta.....	61
Giúp nước cứu dân.....	65
Giữ đúng trang nghiêm.....	48
Giữ sách dạy con cháu.....	56
Gọi gió gọi mưa.....	60
Gốc từ cụ tổ.....	76

H

Hiên đón hương.....	70
Hiên gửi xuân.....	70

Hiển hiện sự linh thiêng của	69
Hiền nghe mưa.....	57
Hiển thánh triều Trần.....	52
Hiển tích Tây Hồ.....	74
Hoà lại bình.....	47
Hoa nở Ngũ lĩnh.....	49
Học tổ Nam Giao.....	56
Hưng vượng phát đạt.....	46
Hưởng thọ như cây tùng.....	75

K

Kế thừa xưa, mở ra tương lai	60
Khách đến như về nhà.....	60
Khéo công trí thánh.....	55
Khí cao ngán hán.....	53
Khí lành đẩy cửa.....	46
Khí lành tụ lại.....	73
Không khóc than thương.....	43
Không sao lường được.....	75
Kính già yêu trẻ.....	46

L

Là ba cùng trời đất.....	59
Lá bối hương truyền.....	47
Là tổ Bách Việt.....	52
Làm ăn thịnh vượng.....	61
Làm sáng người trước.....	43
Làm tốt đẹp nền tư văn.....	47
Lặng lẽ vận hành máy thần.....	74
Lăng vua Hùng.....	58
Lầu con gái.....	57
Lầu Thái bình.....	71
Lấy dân sinh ra đầu tiên.....	59
Lên cao ngắm cảnh đẹp.....	63
Lên đỉnh cao ngắm thắng cảnh....	61
Linh thiêng chói lọi.....	53
Linh thiêng lòng lấy.....	55

Long đức ngay thẳng.....	52
Lòng lành thì rất vui.....	76
Lòng người muốn giàu.....	45
Lòng thành tất cảm ứng.....	72
Long thiên hộ pháp.....	55
Lòng trung nghĩa sáng rực.....	77
Lòng từ thiện.....	55
Lời dạy ghi lòng.....	56
Lớn thay khôn đóng.....	48
Luôn vui vẻ thì lòng ta.....	46

M

Mai nở gió thơm.....	63
Mặt trăng tỏa sáng.....	74
Mặt trời mặt trăng nhờ theo.....	67
Mặt trời mặt trăng xưa nay.....	47
Mẫu nghi muôn thuở.....	44
Mây lành che khắp.....	48
Mây tốt ngưng che.....	52
Mây từ đẹp vẻ.....	73
Mây từ khắp chốn.....	72
Mây xanh vọng trọng.....	57
Mệnh mông ở trên.....	52
Miếu tổ Hùng Vương.....	59
Mình châu hộ vệ.....	51
Mình mẫn chiếu sáng.....	53
Một đời thanh bạch.....	44
Một khắc nghìn vàng.....	78
Một niềm tin tức Như lai.....	53
Mở nguồn, tiết kiệm nước chảy....	62
Mở rộng dạy và học.....	75
Mũ miện.....	63
Muôn dân cùng vui.....	45
Muôn người một lòng.....	62
Muôn người như một.....	62
Muôn thuở còn xanh.....	43
Muôn tia ngàn hồng.....	62
Muôn vật đều xuân.....	74

Muôn vẻ đổi mới.....	46
Mừng đón tiết xuân.....	46

N

Năm tháng chẳng già.....	45
Nếp nhà nối đời theo đạo Phật.....	71
Nêu đức lập uy vũ.....	52
Ngày tháng vô lo.....	68
Nghĩ theo phong cách thần.....	54
Nghiêm trang suy nghĩ.....	64
Ngọc chúc thái bình.....	53
Ngọc đội tiếng vàng.....	56
Ngóng đầy như mây.....	54
Nguồn xa dòng không cạn.....	77
Nguyên khí thái cực.....	54
Người đến là bạn ở xa.....	63
Người đến thiện chí.....	63
Người thọ lâu năm.....	45
Ngưỡng mộ như ở trước mặt.....	65
Nhà diển xuất.....	58
Nhà đón xuân.....	70
Nhà lan sinh hương.....	78
Nhà mát Trùng quang.....	71
Nhà niệm Phật như dòng.....	68
Nhà thành thời.....	70
Nhà thờ quan Bình chương.....	62
Nhân là quý.....	49
Nhân từ quảng đại.....	53
Nhân từ trinh khiết.....	54
Nhiều lần gia phong Thượng đẳng.....	53
Như gặp khách quý.....	60
Như trên cõi tiên.....	50
Nhớ mãi không quên.....	75
Nhớ mãi người xưa.....	74
Non sông muôn thuở.....	54
Non sông tráng lệ.....	46
Nổi tiếng Bắc Nam.....	71

Núi cao bằng trời.....	59
Núi cao đạo lớn.....	58
Núi sông đều thọ.....	67
Núi sông muôn đời bền vững.....	
Núi sông ngoài mây.....	57
Núi Trích thủy.....	70
Nước giấu dân mạnh.....	46
Nước thái dân yên.....	46

O

Oai linh núi Dược.....	66
Ở nơi đất rộng rãi.....	69
Ơn trạch lớn sánh với trời.....	76

P

Phẩm cao đức dày.....	44
Phật hóa có duyên.....	50
Phật Pháp Tăng Bảo.....	48
Phật sống của muôn nhà.....	57
Phép tắc chỉnh thường.....	66
Phép tắc của lòng trung nghĩa.....	69
Phong tục, đạo đức tốt được.....	72
Phượng múa.....	64
Phổ từ sáng chiếu.....	50
Phối sánh với trời cao.....	78
Phủ Kiến Tường Công.....	69
Phúc như biển Đông.....	45
Phúc như biển, thọ như núi.....	45
Phúc thọ khôn lường.....	44
Phụng dưỡng trước nghĩ hiếu.....	54

Q

Quả phúc.....	57
Quang minh lỗi lạc.....	44
Quất làm trồng đức.....	52

R

Ra vào thông thoáng.....	63
Rẻ sâu cảnh tốt.....	78
Rộng bay.....	64
Rộng hiền điểm lành.....	51
Rộng lòng cứu giúp dân sinh.....	66
Rủ đến sau.....	51

S

Sáng ở trước.....	51
Sâu rễ tốt lá.....	48
Siêu sinh tịnh độ.....	53
Song thọ vô biên.....	44
Sóng xanh gió lặng.....	57
Sương nặng được mùa.....	48
Sống chính thống.....	55
Sông có nguồn.....	59
Sống là tình anh.....	58
Sông núi cùng tồn tại mãi mãi.....	72

T

Tế lễ chay tịnh.....	64
Tế tư tam hữu.....	51
Tên lưu thiên cổ.....	44
Thái sơn giáng tinh anh.....	58
Thánh miếu Chúa xứ.....	58
Thánh như ở trên.....	85
Thành phố quê hương giúp nhau.....	61
Thánh Tổ trời Nam.....	58
Thấm đậm sự thanh khiết.....	76
Thần công khôn lường.....	55
Thần của thần.....	54
Thầy hay khuôn mẫu.....	43
Thầy là bậc tập đại thành.....	47
Thấy ra đời đánh dấu sự thay.....	47
Thi ơn rộng rãi, cứu độ muôn loài.....	78
Thiên thánh giáng trần.....	49
Thọ cùng từng bách.....	45
Thọ như từng hạc.....	45
Thượng thư hai nước.....	62

Thường vui vì ta trong sạch.....	74
Thuận theo cảnh ngộ an vui.....	67
Thuyền bơi trong biển học.....	62
Thuyền từ cứu giúp.....	56
Thực hiện đạo một cách thẳng.....	63
Thơm lâu sáng mãi.....	47
Tia đẹp hồng tươi.....	62
Tích thiện, phúc lộc có thừa.....	76
Tiếng dậy biển sóng.....	54
Tiếng đẹp như còn.....	66
Tiếng nhân tám hướng.....	71
Tiếng thiêng lòng lấy.....	56
Tiếng thơm trăm đời.....	44
Tiếng xa đút cao.....	43
Tiết nghĩa thành đôi.....	75
Tiêu biểu cho đạo làm thầy.....	46
Tỏ rõ ánh sáng.....	52
Toà sen sinh hương.....	54
Tòa sen vàng quý.....	51
Tướng công huân họ Phùng.....	49
Tượng vạn chủ.....	47
Tổ ngọc thần vàng.....	65
Tổ tiên gây dựng, con cháu.....	43
Trang trọng nghiêm túc.....	68
Trắng chiếu diệu huyền.....	74
Trí huệ sáng chiếu xa.....	55
Trí tuệ.....	66
Triều Trần hiển thánh.....	65
Trong khoảng danh thế.....	49
Trong sạch.....	68
Trời đất hợp đức.....	77
Trời đất hợp đức.....	50
Trời đẹp gió hoà.....	46
Trời giáng an khương.....	76
Trời giữ cử Như.....	50
Trời thuận người hòa.....	78
Trời, Phật tăng sáng.....	53
Trung hiếu gia truyền.....	75
Trung nghĩa uy nghiêm thiêng.....	66

Trung thành, danh tiếng.	73
Trung thần tiết liệt sông Bạch.	66
Tuổi thọ ngàn năm.	45
Tuỳ duyên.....	64
Từ bi.....	66
Từ bi vui cho	68

U

Uống nước nhớ nguồn.....	43
Uy hàng giặc Nguyên	65

V

Vạn cảnh đổi mới	78
Vạn đức sáng đầy.....	51
Vạn đức vẹn tròn rực rỡ.....	73
Vạn phúc cùng tới.....	6

Vàng ngọc núi sông.....	59
Vào tới vạn nhà	75
Vẻ sáng sinh ra	73
Việc thiện cùng quy về đây	76
Vị Tổ đầu tiên nước Nam Việt.....	58
Vườn nuôi dưỡng chính khí.....	67
Vương phủ Gia Hưng.....	67
Vua trong nữ giới	60
Vui chúc được mùa	60

X

Xa nguồn sâu rề.....	76
Xe hạc về trời.	44
Xuân dục đào mạn nở.....	61
Xuân khắp trong dân	59

CÂU ĐỐI NÔM

A

Ai công hầu, ai khanh tướng.....	108
Ai lên thú Lạng cùng anh,	116
Anh em hòa thuận,	87
Anh em ruột thịt một hừng tâm,	144
Anh em ơi! ngoảnh mặt mà	125
Anh mừng xuân: cá nước chim	92
Áo đỏ lấm phân trâu:	133
Áo đỏ quét cứt trâu;	141
Ấp Thái có thiên duyên nhẹ	126

B

Ba mươi năm an giấc Ba Đình, ...	90
Ba quan ngồi uống rượu;.....	140
Ba vạn anh hùng đè xuống dưới;	134
Bà vui lên cõi Phật cõi tiên cô ..	108
Bán hàng chiều khách,	98

C

Bán trâu bán rượu không bán	107
Bảo vệ biên cương,	117
Bể khổ bến mê thuyền tế độ.....	106
Bể khổ bến mê thuyền tế độ.....	106
Bến vững gia phong,	117
Bon chen không đủ sức;.....	144
Bốn nghìn loài cây cỏ đất bờ	143
Bốn nghìn năm nước cũ,	94
Bốn trụ bốn nghề cười,	110
Bút cùn mặc kệ, hỗn nước	114
Bước ra sân, khanh tướng	142

Cả nước mừng xuân,	88
Cái cò lặn lội bờ sông,	102
Cái là tượng, tượng là voi,	136
Cán bộ giữ chữ chính liêm,	85
Càng vững càng thương càng	104

Cảnh biếc thiếp trông lên, 131
 Cảnh giác phòng gian, 117
 Cây cỏ sông Tô mừng cảnh mới, 125
 Cây đức trước trồng nường cửa .. 124
 Cây đức vườn nhân, chốn chốn ... 92
 Cây nhân nghĩa vun xới đều, 87
 Cháu chất còn, tổ tông hãy còn, 118
 Chén giãn tung lên, 137
 Chén ngọc nhờ tay nâng, 126
 Chết thế anh hùng vinh quang ... 145
 Chí thiết tu đạo muôn đời phúc, 103
 Chiều ba mươi nợ hồi tít mù, ... 119
 Chim có tổ, người có tông, 88
 Chín chữ củ lao chăm bảo hiếu, 125
 Chị em ơi! Ba mươi sáu tuổi rồi, 102
 Chị ơi chị! Một tiếng dùng đoàn, 110
 Chốn am thiên rộng mở cửa từ, 127
 Chung sức trẻ già xây bền vững, ... 88
 Chuồng gà kẻ áp chuồng vịt, 112
 Chuông sương kêu gọi hồn kim, 106
 Chữ Phật vốn từ bi hồng kiếp xót 125
 Chữ đại là cả, bỏ một nét ngang, 112
 Chữ nghĩa mớm dẫn con trẻ hết, 102
 Có là bao, ba vạn sáu ngàn ngày 105
 Có mây không gió, lơ lửng giữa, 115
 Có tàn có tán, có hương án thờ ... 131
 Có tật giạt mình, cứu bệnh như, 101
 Có tổ có tiên, có cha có mẹ 105
 Có tổ có tông, tông tổ tổ tông, 121
 Con cháu nâng niu đôi quả phúc, 130
 Con cháu nhiều bề tiến bộ, 141
 Con cháu thảo hiền, 85
 Con chim đa mà đồ cành đa, 112
 Con chó đứng cạnh thằng Tây, 110
 Con cóc leo cây vọng cách, 115
 Con gái cầu Cậy má đò hồng ... 115
 Con giai Văn Cốc, lên dốc bản, 111
 Con mắt cha như chim lia tổ, 107

Con rết nết na xem tử tế, 111
 Con ơi con! Những trong con, ... 131
 Cô lô cô lốc, ốc, 98
 Cô Sen mặc yếm hoa sen, 121
 Công đức ngàn năm ghi bia đá, ... 84
 Công ơn Đảng nghìn thư vẫn nhớ, 96
 Cuộc doanh hoàn đường rồi quế 125
 Cuộc sống ngày mỗi con bước ra, 86
 Cửa không trăm ánh kính giam lá, 107
 Cửa Phật mở mang bia đá ghi, ... 104
 Cửa Phật từ bi làm phúc được, ... 106
 Cửa rộng thành thang người, 103
 Cửa trai thiên nường lựa chùa, 98
 Cửa từ bi rộng mở thành thang, 126
 Cưỡi ngựa dong, thẳng tắn, 123
 Cửu nòi giống lâm than, 127

D

Dám nghĩ, dám làm, chống xói 93
 Danh gia nối đời, từ thuở nhà Lê, 122
 Dân là gốc, gốc có tốt lá cành, 93
 Dân tộc anh hùng, hợp sức thắng, 91
 Dân tộc di truyền bia khắc công 142
 Dân tộc đi lên, cả nước tung bừng, 84
 Dấu phong ba vật đổi sao dời, ... 87
 Dây dẫn chúng sinh vào, 124
 Duyên nợ mãi sao đây, 116
 Dựa vào quyền chức để xoay ăn, 117

Đ

Đã chót nhúng tay, xấu đều hơn ... 98
 Đá xanh xây cổng hòn dưới nong 107
 Đạo nghĩa rọi gương trong cổ, 89
 Đàm mấy thẳng gian, 93
 Đập cổ kính ra tìm lấy bóng 100
 Đất ải trắng đồng, 91
 Đất chẳng phải chông, 97

Đất dân chùa làng phong cảnh ...	102
Đất e biển cạn bù thêm nước.....	99
Đất kẻ Mộc văn hay võ giỏi;.....	124
Đất nước bình yên mừng đức	105
Đất nước chùa làng phong	104
Đất nước mái nhà chung,	85
Đất nước mừng xuân, xuân trẻ mãi;93	
Đất nước vào xuân, rộng cửa	89
Đất Việt ngời chí anh hùng,	94
Đất vua Hùng trọng nghĩa oai	89
Đất vui rộng đường xuân già	85
Đầu voi miệng cạp, vì nước	120
Đèn treo rọi sáng bốn phương ...	138
Đi đất thịt, đường trơn như mỡ ..	115
Đình Cụ Chính, miếu Hai Cô, ..	123
Đít thốt đầu chày Thiệu Hóa	140
Đo cho người thế hăng như thực; 121	
Đỏ đào Nhật Tân, đỏ sóng	109
Độc ba trăm sáu mươi quyển	100
Đón tết, lung linh điện sáng,	92
Đón Tết, tận dụng thời cơ,	84
Đón xuân đất nước nở hoa,	92
Đón xuân sang, quét sạch gian	85
Đỗ Ngoại Lãng gieo đầu đều	109
Đội nón lông gà, ra đi phục quốc, 120	
Đức mẹ cao dày thắm thiết thơ .	107
Đức vua khởi thiên thanh tịnh....	118
Được giá tôi bán luôn, của để	129
Được thì vợ, thua thì chạy,	101
Đứng giữa làng Trung Lập;.....	139
Đứng thử trồng đất lành chim	124
Đường giác ngộ để huê tiến hóa. 104	

G

Cái có chực chờ, cái có vầy, ..	116
Gạn đục khơi trong,	86
Gạo trắng không già, thành ô mỡ;128	
Gạo trắng nước trong,	132

Gây dựng trời Nam,	118
Gặm như sâu, khoét như mọt, ...	140
Gì mạnh bằng nhân dân, vá trời ..	88
Gia đình năm tốt, phụ nữ ba đảm .	88
Già ưa người ta chiều, rét chiều ..	113
Già trẻ gần xa nương bóng phật .	103
Giáo đường nhân tài,	83
Giàu làm kếp hẹp làm đơn,	136
Giày vải đập nghiêng ba đế quốc; .	93
Giã từ thế kỷ hai mươi, thắng địch	87
Giang sơn tóm lại đôi sân khấu.....	99
Giàu có thiếu chi tiền, đem một....	98
Giếng đá cổ, hoa văn còn sắc nét;123	
Giỗ pháp mưa từ,	104
Gió quuyến ngọn cây, cây quuyến .	100
Gió thông đưa kẻ tan niềm tục; ..	144
Gió tựa tường ngang lưng gió	99
Giơ tay với thử trời cao thấp;.....	100
Giữ gìn nét đẹp ngày xưa,	87
Giữ truyền thống văn minh,	86

H

Hai năm triệu đồng bào,	96
Hai vị nữ anh hùng,	128
Hàm trầu lấy đầu đeo ra nhiều ...	109
Hang Thiên Thai then khóa	133
Hành tàng giống Khổng Mạnh; ..	138
Hạnh phúc gia đình: con thảo, ...	92
Hạnh phúc tự do lưu muôn thuở... 84	
Hát hay chính khép Quy Nhơn....	142
Hay thật là hay đáo đẽ!	130
Học cái mới, nhớ điều xưa,	83
Học trò là học trò con, ;.....	134
Học trò làng Gang,	128
Học trò Phú Khê ăn cơm cháy ...	111
Hồi chuông cảm động chín mươi	106
Hiên ngang phất gió rẽ mây,	143
Hoa quả lòng thành dâng cúng... 102	

Hơn bảy chục xuân qua,	89
Huyện Tam Dương có ba con đê, 108	
Hương lửa thêm nồng chùa	125

I

In như thảo mộc trời Nam lại,	101
------------------------------------	-----

K

Kê là gà, gà ăn kê	112
Kéo tóc khôn đến mưa móc mới; 118	
Khách khứa kể chi ông núc bếp; 134	
Khi ông sống, ông để anh để chị 137	
Khi khép tối om om,	114
Không dung xuân đến chi nhà tớ 102	
Khúc hát Tầm dương gặp gỡ	116
Khúc thánh ca ngâm,	126
Khuyến thiện trùng dân,	135
Kiên trì đổi mới tư duy,	117
Kiểm một coi giấu thừa với cụ....	103
Kiến đạ cảnh Mơ bờ cuống quýt 116	
Kính thành hai chữ lễ	103
Kịch trần duyên một giấc vàng... 106	
Kỷ nguyên xuân, mọi tinh hoa ...	90

L

Lác đác mưa rơi làng Lộ Vũ;.....	109
Lão chùa già đầu,	108
Làng mộ nguy nga,	104
Lăng tẩm tự năm nào,	97
Lấy mẫu đơn cho mẹ đỏ;	139
Lễ thọ năm mươi mừng mẹ nước; 137	
Lênh đênh mặt nước buổi dề....	142
Liếp đan mắt cáo mèo chui lọt;..	139
Lộc là hươu, hươu đi lộc cộc.....	112
Lỗi kia đã nặng bằng ba thạch ...	133
Lộng lẫy bức tranh xuân,	83
Lợn cắn ăn cám tốn;	133

Lúa tám, gặt chín tháng tư.....	97
Lúa trái mầu xanh,	91
Lửa hồng Nhật Tảo rung trời đất; 120	

M

Mang nghĩa lớn ở đời cuộc	83
Mải chơi biếng học quên lời bố;..	109
Máy nổ vang đồng, vui tết xóm ...	90
Mắt trắng dã, môi thâm si.	140
Mặc áo giáp, giải cài chữ đình, .	111
Mấy mươi năm góc bể bên trời, ...	95
Mẹ đất nước xuân về,	113
Mệnh mẹ muôn năm cửa tướng; .	134
Mình Giám quê hương ghi bia đá; 122	
Miệng ông huyện Duyên Hà... ..	129
Miệng kẻ sang có gang có thép; .	133
Mỏng một tết, mỏng hai tết,	105
Một bầu máu nóng tưới khắp ...	140
Một chiếc cùm lim chân cổ đế....	101
Một dạ theo Tây,	138
Một thằng ba chỏm tóc;	139
Một trận Sông Đằng,	143
Một và tuần chén trắng lấy làm	99
Mơ màng giấc mộng tui non sông, 95	
Mở cửa, thế giới đồng tình,	89
Mở khép càn khôn có ra tay mới 99	
Mở ra, toác toác toàng toàng, ...	131
Mùa thu tháng chín lên chơi núi; .	137
Mười lăm năm trước thấy cụ ở	95
Mười mấy khoa còn gì,	97
Mười rằm trăng náu,	132
Mừng Đảng sáu mươi năm,	117
Mừng cháu xe duyên,	118
Mừng thăm chú cũng như cha ...	108
Mừng xuân đầy mạnh thâm canh, 92	

N

Năm kia xuân, năm ngoài xuân, ..	141
Nâng cao trình độ nền công đức; ..	89
Nền phật nên thần,	105
Nền thợ nên thầy vì có học;	144
Ngán nỗi bút nghiên mà kiếm mã;121	
Ngán nỗi trời đất chẳng thương ...	94
Ngán những kẻ tham bẽ hóa lợi, ..	119
Ngàn năm ghi nhớ công ơn Đảng ..	84
Ngàn năm văn hiến Á Đông,	139
Ngồi trên nước khôn toan việc...	138
Ngắm câu tục ngữ “sang vì vợ”; ..	138
Nghìn năm còn mãi tiếng thơm ..	124
Nghe tiếng chuông vàng,	105
Nghén cổ cò, trông bằng không ..	101
Nghĩ rằng rất khỏe nhờ chân, ...	119
Nghĩa Đảng tình dân,	136
Ngũ phẩm sắc phong hàm cụ lớn;132	
Người nước Nam hỏi tiếng Tây, ..	132
Những tưởng mãi cùng nhau,	111
Nhà chín cũng nghèo thay,	130
Nhà cửa để làm than,	132
Nhà đột đời ba gian,	142
Nhe răng sấu đá ngậm cái cạp...	120
Nhất cận thị, nhị cận giang,	130
Nhất sĩ nhì nông, hết gạo hay ...	116
Nhiều làm phúc, ít làm duyên, ..	124
Nền nhân nay đắp, những cầu ...	124
Nếp giấu quen thói kính coi,	101
Non sông tan tác bóng rơi nước, ..	118
Non sông thống nhất,	89
Núi rộng, sông dài,	83
Nực cười thay, nếu không	143
Nước độc lập dân tự do	96
Nước biếc một màu in cảnh phật ..	105
Nước trong leo lẻo cá đớp cá	100

O

Ông đi đầu, đi đầu bánh ngon ...	107
Ông lão chẳng biết chi,	99
Ông Nghị được thưởng mề đầy, ..	110
Ông ra Bắc là may, chút	119
Ông Thông đến gốc cây Đề,	112
Ơn nước đi lên,	94

P

Phẩm quả cúng giàng nghênh ...	103
Phật có ứng linh do thành tâm ..	106
Phên đan mắt cáo mèo chui lọt ..	117
Phố vào cảnh Tết tung bùng,	84
Phù Lưu là giàu không,	128
Phù sinh như mộng vậy,	128
Phúc đức tổ tiên gieo trồng từ ...	135
Phu là chồng, phụ là vợ,	111

Q

Quả phúc dựng nên chùa một ...	123
Quách thầy chúng nó,	114
Quan huyện Thạch qua bến đò...	141
Quan thị đắp đường Kim Bồng, ..	142
Quanh năm chăm sản xuất,	83
Quân tử cố cùng, quân tử cùng, ..	112
Quần tử ố kỳ văn chi quan lớn;...	134
Quần tử nấu mình rung nhịp gót; ..	129
Quý liêm chính, trọng tài năng, ..	109
Quyển Tể tướng đương quan,	121

R

Ra tay cầm cán sỏi trong nước, ..	101
Rộn rã xuân về,	83
Rượu cộng hòa, hoa bình đẳng, ..	123
Roi thất phản đánh đít mẹ học ...	141
Rút ruột Vương, tam phân thiên ..	116
Ruộng khoán sản lúa xanh,	92

S

Sách Luận ngữ hai mươi thiên, .	140
Sáng ra núi Sáng thấy hoa vàng	108
Sắt trong lò, than trong lò,	119
Sấm sét khéo vô tình,	94
Sống có đạo, có tình,	85
Sớm dâng hoa niệm phật Di - đà	105
Sinh thời ngưỡng mộ từ bi,	104
Suốt một đời không được điều gì,	122
Sự học chẳng phải chơi,	130
Sưu thuế nặng còng lưng,	110

T

Ta nay quan Thị, đi đốc Đường ..	111
Tâm hương thấu đến mười	127
Tết đến kia kia,	132
Tết đến: phim mới, chèo hay,	92
Tết nhớ mẹ già đầu đã bạc;	109
Tháng đôi lần làm lễ niệm kinh.	106
Thánh tổ bảo Thánh tôn ra mở .	115
Thánh thần dao động	95
Thánh tích sùng sơn,	127
Thằng quỷ mang cái đầu	122
Thắng tích danh lam,	84
Thắp đèn lên, dầu vương ra đế; ..	123
Thất trăm sớ còn thơm,	144
Thầy dạy giỏi, trò học chăm,	93
Thấy xe thiên cổ xích đưa ra,	135
Thế giới chuộng hòa bình,	91
Thị hương lá cờ đuôi nheo,	110
Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo; ..	143
Thiên Thủy dòng phân,	122
Thiện lược để phúc xa,	128
Thiếp vì lòng trắng không thay	99
Thị thành há phải quên đồng.....	144
Thị vào hầu, thị đứng thị trông. .	111
Thôi còn nói chỉ con,	137

Thơ họa Tây hồ thần nữ vang ...	133
Thơm nước thế gian chỉ có hoa mai	129
Thuộc ba trăm sáu chục quyển ...	119
Thủy Kiều đi qua cầu nhấc	107
Thượng Hạ Gôi Trời Năm Trị Phổ	135
Thương chúng sinh điên đảo	126
Tích trí, tích nhân, thầy dạy chữ, .	88
Tiên sinh tọa tịch thượng,	135
Tiên tổ có công trồng cây đức; ...	141
Tinh thần chết dạng hay không, ..	96
Tĩnh Thanh phát tích tổ tiên	122
Tổ quốc mấy ngàn Xuân,	85
Tổ quốc từng bừng hội mới,	90
Tổ tiên muôn thuở hiển linh,	141
Tối ba mươi, khép cánh càn	97
Trắng thu năm canh thê thảm; ..	144
Trăng tròn còn có hôm mười sáu:	137
Trà Lũ ba thôn nhai vào giữa;	138
Trải bao phen gió Á mưa Âu,	127
Trải nghìn năm văn hiến,	108
Trai Cổ Am học trường Cổ Am; .	135
Trai gái một niềm non với nước; .	141
Trai làng Nửa vai gánh đòn tre, .	108
Trai Thọ Sơn đứng núi Thọ Sơn,	120
Trạng nguyên tám tuổi thơm	100
Trẻ lại với xuân,	113
Trên cây có hoa, dưới cây có	98
Trời chân kỳ kỳ tra vào rọ.....	102
Trên quan dưới dân,	97
Trọng đức quý tài,	83
Trồng cây vun gốc,	123
Trời đất cũng đa tình,	116
Trời sinh ông Tú Cát.....	133
Trời xuống giúp muôn dân;	143
Trong tổ quốc ngoài năm châu ..	124
Trung là ai, nghĩa là ai,	142
Trung nghĩa nếp nhà,	129
Trung với Đảng, hiếu với dân,	88

Trung với nước, giành độc lập	84
Truyền kiến thức, dẫn văn chương,	93
Trước báo ân, sau báo đức,	124
Trước cũng từng Tần Tần một ..	97
Trường cao rộng, trạm khang	87
Trường Sơn núi cao,	91
Tuổi cao chí càng cao,	86

V

Vạn dặm phù sa bồi lịch sử.....	86
Vang tai xe ngựa qua đường tặc;	126
Văn hóa cao, học thuật hóa cao, ..	85
Vận nước đang lên, đa phương ...	86
Vẩy giọt nước dương chi,	126
Vẽ bức tranh xuân:	91
Vị chính mười phương thường ..	104
Vốn dòng thi lễ đời tám xuân thu	107
Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả	115
Vũ cật mạnh, vũ ra vũ múa,	111

CÂU ĐỐI TẾT

A

Anh linh còn nguyên muôn thuở	227
Ánh dương đầy khắp chốn;	170
Ánh xuân chiếu khắp:.....	167

B

Ba xuân sáng sớm đón khách quý;	192
Bác hãy cựa chén này,	191
Bách nghiệp phồn vinh vui mừng	164
Bạn tốt như mây, cùng ca ơn	153
Bầu trời man mác tình vô hạn; ...	230
Bia nghĩa từng trăng chiếu;	206
Bóng nhỏ bên sông, mai trắng ..	214

Vũ lược luyện hùng binh,	127
Vũ lược luyện hùng binh,	96
Vui tết độc lập tự do,	93
Vui tết thanh bình.	90
Vui tết, quyết không để mạ già	92
Vui vẻ thay! Sợ chỉ vương chân,	131
Vừa mới ra việc làng,	131

X

Xa lại lấy chi mong giả được;	121
Xâu trăng hạt chuỗi kim cương, ..	114
Xin chứng minh cho Nam vô a ...	134
Xưa hiền ngang chân sắt vai đồng, ..	87
Xuân cũng chiều người,	116
Xuân đến nhẩn cùng hoa cỏ biết; ..	115
Xưa áo vải cờ đào,	90

Y

Yêu nhau như bầu,	113
-------------------------	-----

C

Bộ phả anh hùng tha hồ viết;	157
Bốn biển phong quan đầu cũng ..	196
Bốn mùa hoa tựa gấm;	174
Bốn phía núi non đều như vẽ:	181
Bổng lộc cũng mùi ngon,	208
Bỗng nhiên mưa gió e hoa rụng; ..	210
Bờ liễu đượm mưa nghìn cây biếc; ..	158

Cả phòng choáng lộn như kho ..	186
Các thức vùng cao, sắc hương ...	193
Cảnh gốc trăm đời lưu phúc cũ; ..	216
Cảnh sắc tùy xóm khác;	193

Cày hay giàu có, đọc hay sáng;.. 211
 Cày nguyệt, trồng lan, đúc ngọc. 204
 Cẩn lao chăm được cây tài lộc; .. 158
 Cất nên rượu thu đông xuân hạ; 190
 Cầu Ngàn Hán giúp Ngưu Nữ gặp;177
 Câu thơ tùy hứng theo xuân thảo;191
 Cây bút có hoa, vui hưởng thỏa . 222
 Cây chung nghìn nhánh sinh từ. 223
 Cây cỏ gặp xuân cảnh lá tốt;..... 215
 Cây cối rợp nhà sân, 186
 Cây xuân có tình đón khách đến;181
 Chăm cày ruộng, sớm nộp lương, 225
 Chăm làm nên giàu có;..... 174
 Chất chứa nghĩa nhân nghìn223
 Chí quyết vì dân làm công bộc;.. 156
 Chiều quý được màu muôn thuở 186
 Chim chóc hoà ca cùng khúc 154
 Chính sách anh minh chốn chốn 163
 Chính sách anh minh sông cười. 163
 Chính thông đời tốt nghìn nhà... 157
 Choáng mắt cơ đồ, thơ trong họa;180
 Chỏi vàng, chỏi biếc, xuân vĩa .. 188
 Chờ để xuân thu ngày đẹp vượt; 184
 Chơi đào cứ phải khi xuân đến;.. 188
 Chuối Đầu quay đông mùa khí .. 197
 Chuối Đầu trở một là năm 196
 Chuột chạy trâu về nghe hổ thét;156
 Cỏ biếc non xanh, 177
 Cỏ lạ hoa kỳ, 176
 Có phúc bình yên do trời giúp; .. 222
 Cỏ thơm có tình, 185
 Cột mái nguy nga, 214
 Cờ hồng ánh nhật;..... 169
 Cơm nóng thức thơm, 192
 Cửa cái nhiều lên dân hạnh phúc;154
 Cuộc cờ thua được như thế sự;... 230
 Cửa bình an cát tinh chiếu rọi;... 195
 Cửa chào bách phúc;..... 166

Cửa hướng ánh dương, xuân vô.. 216
 Cửa hướng mặt trời xuân đến 216
 Cửa trước non xanh nghìn dặm . 158
 Cửu quốc có lòng son, 153

D

Danh lợi là ảo mộng; 230
 Dây Tản núi cao, đầm sâu, 205
 Dân chúng hưởng an ninh. 171
 Dấy nghiệp phải từ cần mẫn được;155
 Dời núi chẳng quên Ngu công chí;159
 Dời phong đổi tục;..... 166
 Dúi mài năm tháng ngàn pho 204
 Dung muộn vật, gió xuân thật nhã162
 Dụng xây cốt cách gia phong mới;232
 Dưới bút thơ văn đều cái thế; 183
 Dưới sân rộng xum xuê quế huệ; 218
 Dương cao bó đuốc Trường Sơn 165

D

Đáng nơi chè chén nên chè chén;229
 Đào đón khách say, khách say ... 193
 Đào đức sáng lòai tươi vẻ ngọc;... 204
 Đào hồng nghìn đóa nở; 193
 Đào mạn nở hoa, 193
 Đào mạn xum xuê hoa tựa gấm; . 219
 Đào non hoa hồng điểm;..... 171
 Đất ấm hoa đua nở;..... 173
 Đất nghìn hồng vạn tía;..... 187
 Đất nước vào xuân, núi sông tươi 189
 Đất thanh tịnh không bụi;..... 206
 Đầu bạc nhưng lòng còn trắng ... 222
 Đầu cử tiên hiền là khuôn phép; 209
 Đầu mây xuân sắc thập phân 185
 Đây lối gió lùa trúc ken đặc;..... 183
 Đây sân hải đường, hồng lan xóm181
 Đây vô hương thoảng nổi lá trúc; 203

Dèn hoa lồng bóng đầu đường rọi;	156
Đẹp đẽ mùa xuân, muôn cảnh ghi	188
Đêm trước gió lạnh về ngập hộ; ..	212
Điểm tốt khắp nhà;	166
Đỉnh núi xanh ngời đầy xuân ý; ..	178
Đón xuân trải rộng chiếu Nga ...	191
Đưa mắt ngắm đất trời;	209
Độ lượng đầy trời cao biển rộng;	213
Độc lập tự do quý thật quý;	152
Đông hết non xanh nước biếc; ...	175
Đông hết xuân về nghìn	164
Đông khách tham quan;	231
Đồng ruộng xuân tươi vui thực; ..	151
Đời thịnh cùng ca ca đời thịnh; ..	155
Đời vốn không kinh nghiệm có ..	212
Đức thánh vô biên, cứu nạn trừ ..	215
Đức tổ dài lâu ngàn năm thịnh; ..	215
Đứng trước non xanh bàn thế sự;	209
Đưa tin vui, muôn làng như gang	188
Được đất tốt ở yên thu phúc hậu;	225
Được mùa thơ, được mùa hoa; ..	180
Được thời thịnh đạt gồm thọ phúc;	217

G

Gà gáy muôn nhà sáng;	173
Gà gáy vịt kêu xuân đến sớm;	179
Gấm vóc hoa đua, xuân phú quý;	199
Gấm vóc non sông mạnh;	172
Ghế sạch phòng sang;	192
Giá bút, ao nghiên, biển chữ;	213
Già trẻ đoàn viên theo tuổi tác; ..	159
Giải buồn đầu ngai hồ Lục Vũ; ...	200
Giang hồ cười bác khôn lừa bác;	219
Giếng ngọc năm mới;	191
Gió cuốn một rèm mời khách đến;	203
Gió hoà mưa thuận;	170
Gió hạ sự hoa mùa;	171

Gió mát trăng thanh;	153
Gió thổi cờ hồng tựa vẽ;	175
Gió xuân cuốn nhẹ hoa lan trắng;	191
Gió xuân đến trên biển;	187
Gió xuân đưa ấm cho dương liễu;	153
Gió xuân đưa ấm nghìn dây biếc;	180
Gió xuân làm thơ;	166
Gió xuân mưa xuân ánh xuân tốt;	156
Gió xuân nghìn ngày ấm;	173
Gió xuân thêm ý hoạ;	170
Gió xuân thổi biếc cây nghìn núi;	177
Gió xuân thổi sập truyền thi hứng;	183
Giờ tốt hàng năm ngàn xưa tết; ..	155
Gỗ gầy lại cao cao anh hùng	166

H

Hai hiền gấm vóc gồm bách hóa;	179
Hạnh phúc đầy nhà vui khôn xiết;	154
Hắc diện tướng quân;	213
Họ hàng tôn quý, chẳng phai mờ	228
Hoa chào điểm tốt;	167
Hoa che mưa ướt, xuân còn đẹp;	180
Hoa đào nở, thơm lòng ngàn đóa;	194
Hoa đón ráng chiều nghìn nụ nở;	180
Hoa lạ phần nhiều là của quý;	193
Hoa nở cho xuân đẹp;	172
Hoa tắm mưa xuân nở;	171
Hoà bình đời thịnh vui khúc hát; ..	152
Hoà thuận một nhà thêm trăm ..	151
Họa không đủ no, không kể danh	190
Học vấn dạy người sau, nước trị.	205
Hòa tỏa rợp sân chiêu hiền sĩ;	216
Hợp bạn lên lầu, người thọ	192
Hôm nay gió đến xuân đầy khắp;	189
Hồng Lĩnh muôn năm ghi nghiệp	152
Hủ tục cũ phải bỏ;	173
Hương chốn núi rừng xa thế sự; ..	204
Hương thú nhân rau dưa thanh; ...	220

Hương đầy nhà bình hoa mai nở; 199
Hương hoa làm say bướm; 172

K

Khách bạn đầy nhà nồng khí 219
Khách quý đến, núi xanh đổi sắc; 214
Khí ấm đầy nhà mừng khí tốt; 195
Không dứt, chẳng còn, biết đã... 208
Khúc nhạc chào xuân hợp tấu .. 165
Kính, sử, rượu cày, khen Đỗ, .. 205

L

Làm người phải giữ lòng hồn hậu; 204
Làm quan như kịch lại như mê, . 184
Làm quan phải biết nỗi dân khổ; 211
Làn điệu cũ, làn hòa trúc gảy; 218
Lấp biển đời non tinh thần còn.. 163
Lễ nhạc uy nghi, kính tựa 227
Lên non ngó biển mây trời rộng; 157
Liều như đào hồng ngày đổi khác; 197
Lò lửa đun lên thêm thú nhả; 200
Lòng dạ quang minh ngàn 151
Lòng người năm tháng cần sửa .. 198
Lòng vui trống giống nhờ gió mát; 161
Lời mẹ dạy, trăm năm, tốt đẹp; .. 207
Lời xưa là phép, oai nghiêm là... 205
Luôn lấy thanh liêm làm bức họa; 160

M

Mai liễu đón xuân vạn dặm 164
Mai trúc vui xuân đều mãn ý; 158
Mai, tuyết, trên đàn bay phấp ... 214
Mẫu mè thêm sắc đẹp, 179
Mấy chữ thư đưa, chắc tin bạn; .. 190
Mây đưa cây suối che màn sách; 209
Mấy đoá hoa đào hay tết đến; 152
Mây hồng hoa tụ câu xuân đẹp; .. 180

Mây lành xuân ấm, vui nghìn họ, 187
Mây một thuyền kết bạn; 174
Men bờ ôm đá xung trì kỷ; 230
Mong muốn giữ gìn cho con cháu; 228
Mồ hôi nhuận giọng hát lên 165
Một chén giải phiền muộn; 201
Một chữ "cần", thiên hạ không... 224
Một giải sông thu tràn thanh khí; 194
Một hồ nước biếc hòa đèn đẹp; .. 194
Một khối văn chương đều mượn 199
Một khúc dương xuân, gọi dậy ... 185
Một làn khói sáng, dương liễu.... 176
Một mảng rắng màu chào ngày . 182
Một năm xuân là nhất; 169
Một nhà bóng lọc tươi đẹp vẻ; 206
Một vùng hoà khí; 167
Mùa xuân cây cỏ xanh ngút mắt; 178
Muôn dặm non sông vừa đổi mới; 152
Muôn họ sáo đàn ca thịnh thế; ... 160
Muôn nhà vui cười nói; 170
Muôn nước nghìn non, mời 187
Muôn ống ngọc tiêu ca thịnh thế; 160
Muôn sắc hoà sông núi; 169
Muôn thuở công thành danh 223
Muôn thuở đất trời bùng đổi mới; 223
Muốn trừ phiền não phải vô ngã; 211
Muôn vật núi cao khoe xuân khắp; 195
Mưa thuận đôi đầy quả; 172
Mưa về gió ấm non non biếc; 157
Mưa xuân gió xuân cảnh xuân, .. 164
Mười năm trồng cây, nghìn năm. 176
Mười phần xuân sắc theo trời đất; 199
Mừng thấy phúc trời soi sáng mãi; 231

N

Nam bắc đông tây toàn thế 214
Năm cũ diệt trừ tệ nạn cũ; 212
Năm cũ tệ cũ quét hết; 174

Năm lại năm vun trồng phúc hậu; 216
 Năm lần thi đỗ sách thơm tỏa; ... 207
 Năm mới đẹp trời phố phường .. 200
 Năm mới khí mới; 167
 Năm mới ngớt mưa tổ quốc 166
 Năm sắc mây lành viễn diện 227
 Năm vui người thêm thọ; 170
 Nền nếp cũ trong nhà rèn cặp; .. 206
 Nền nhà chớ bảo dựng nhà dễ; .. 211
 Nền thọ đức ông cha đã dựng; ... 229
 Ngà say rồi rượu ngon mới uống; 210
 Ngàn năm nước biếc chứa gương 212
 Ngàn năm tổ quốc vượng nguyên 207
 Ngày đẹp hòa vui, 200
 Ngày tháng ánh hồng chiếu; 173
 Ngày tháng sinh nhai đều tốt đẹp; 194
 Nghìn bài thơ viết mừng nước 159
 Nghìn bài thơ xuân vui vẻ đọc; ... 190
 Nghìn dặm gió xuân phiến sứ ... 188
 Nghìn dặm ngựa truyền tin vui .. 156
 Nghìn đỉnh phong lưu nay cảnh . 194
 Nghìn năm thịnh, tổ tiên xưa tích 229
 Nghìn non trăng sáng; 169
 Nghìn thôn cười nói nghìn thôn 154
 Nghìn thu năm tháng nghìn thu 160
 Ngó nam mây lành, cột hoa cửa 185
 Ngọc trong nhả sắc, ánh xuân .. 178
 Ngồi mình vẫn lấy sách làm bạn; 203
 Ngôi ngôi lầu mới đưa điểm tốt; . 187
 Ngược mắt nhìn hoa hoa đầy mắt; 162
 Người dẫu lão mà tâm chưa lão; . 220
 Người tài việc non sông gánh vác; 229
 Người vui ngựa hý, cảnh thái bình; 178
 Nhà cao hai cội xuân huyền khỏe; 216
 Nhà cửa yên lành là phú quý; 195
 Nhà ấm, gió xuân phơi phới; 216
 Nhà hát lầu cao nghe nhạc nhẹ; . 184
 Nhà vui đời nối vô biên phúc; 196

Nhân kiệt địa linh bách nghiệp ... 162
 Nhân từ thì có con nhân từ; 226
 Nhật nguyệt sáng soi tươi đước... 207
 Nhất phiến thái hà nghênh húc .. 182
 Nhìn đám cỏ hoa, hay trời đẹp; .. 178
 Nhìn xa nên hay gió bão nhỏ; 212
 Nhớ ghi muôn thuở nước nguồn, 227
 Nhớ người mộng đến nơi trăng... 206
 Nhụy sen nổi bình biếc; 201
 Nói lúc giận, phát ngôn vội vã, .. 226
 Non sông bền vững; 168
 Non sông bức vẽ tinh thần mới... 154
 Non sông như vẽ; 168
 Non sông thời thịnh xuân về 154
 Non sông vận tốt anh hùng mạnh; 161
 Non sông vững bước nhân dân ... 159
 Non xanh nước biếc, cảnh sắc 179
 Núi sông cảnh tượng nom như vẽ; 199
 Núi xanh chẳng ngán ngàn 203
 Núi xanh không già, cảnh càng .. 176
 Núi xanh thêm sắc tú; 172
 Núi xuân không vẽ mà là bức 193
 Nước biếc non xanh xuân đương; 175
 Nước biếc non xanh, đường xuân 200
 Nước biếc non xanh, người say .. 190
 Nước biếc tự nhiên nên khe lũng; 182
 Nước biếc xuân về cây hớn hỡ; ... 160
 Nước khéo xuống thấp nên thành 210
 Nước khơi vẫn mới non khơi biếc; 161
 Nước nhà đường lối tốt; 171
 Nước non như khách, tình 221

O

Ở đời đâu phải thành châu mặt; . 231
 Ôn nghĩa quân thân mãi cùng 226
 Ôn nuôi dạy biển Đông khôn 228

P

Phật ở lòng, lòng thành là Phật,	226
Phòng khách xuân sang đầy vẻ	219
Phong văn nước cũ truyền người	221
Phúc nhà, đức cũ lưu truyền lại;	205
Phúc theo trời đất tuần hoàn tới;	218
Phục vụ nhân dân một tấm lòng.	164
Phượng hoàng đến châu,	192

Q

Quần chúng một lòng chung hiến	160
Quốc sự thường lo như gia sự;	226

R

Rét đến đưa than nhà nhà ấm;	186
Rễ sâu chẳng sợ cành lay động;	222
Rợp giường thiên tán cây trước	208
Ruộng vườn cần mẫn mùa thu	232
Rửa bụng nâng ly, gàn cốt mạnh;	202
Rừng biếc trời xanh,	177
Rừng trúc rậm tươi,	176
Rượu ba chén ngậm nga khi hứng;	232
Rượu biết kiềm chế ít nói loạn;	210
Rượu thường bớt chén lời ít quá;	184
Rượu tốt nghìn ly cùng hưởng	165
Rượu trong thôn Hồng Hạnh;	201

S

Sách chứa vạn quyển hay dạy	197
Sáng ra mới nắng,	198
Sang trọng nhờ siêng năng mới	224
Sáng trưng thu muộn sương	180
Sau mưa xuân, khói lam muôn	182
Say túy lúy đất trời cười vẫn nhỏ;	202
Sắc thái cội cành hoa lá hiện;	223
Sắc thái non sông bao tráng lệ;	161
Sắc xuân đầy khắp;	168

Sân nhà xuân ấm sinh màu sắc;	161
Sân trống trúc phượng đậu;	231
Soi kính tơ mây,	208
Soi số phận quyền sang,	185
Sông trong biển lặng;	169
Sương đọng trên hoa hương	201

T

Ta say bởi gió xuân hương tỏa;	187
Tài cung kiếm bốn phương,	222
Tết đến nhiều nhà thêm trăm	163
Thái bình là phú quý;	171
Tháng chạp phúc mới đến;	168
Tháng năm vời vợi,	177
Thanh buổi thanh nhà mừng	231
Thành danh nếm trải thời gian	221
Thành ý đãi người rồi ắt được;	210
Thánh thần vùng Nam Hải	221
Thân cường cốt mạnh người	162
Thân danh lừng lẫy ghi công mãi;	205
Thần tỏa sáng bốn bên,	215
Thích nhất uống trà hợp bạn,	189
Thiên hạ đều tham châu ngọc quý;	224
Thiên tướng thần tiên,	213
Thông cực Bắc xa thư tám cội;	227
Thông tươi tốt qua thu mới biết;	219
Thơ khi lòng tĩnh, sông xuân ghé;	182
Thơ xuân tranh xuân, mặt xuân	191
Thời chuyển tam dương nhiều	196
Thu đến đầy non nhiều sắc	217
Thuở nhỏ thích thơ,	209
Thuyền đem rượu đến,	202
Tích thiện, mãi lưu truyền phúc	224
Tiệc bày trên nhà,	202
Tiên tổ vun trồng,	213
Tiếng gà sớm đọc sách;	174
Tiết xuân trăm hoa tụ hội	232
Tinh thần sáng khoái vui thời thế;	152

Tĩnh tĩnh hòa nhã,	217
Tính xem thế sự vàng như mũa; ..	230
Toàn gia hưởng phúc;	167
Toàn quốc thái hoà;	168
Tổ quốc vinh quang nhờ gió mới; ..	155
Tối đọc trà kinh đỡ cơn khát;	214
Tốt đến năm năm non vui người ..	165
Trà cũng say người,	202
Trà vào loại tuyết hảo;	201
Trăm chước chẳng bằng nhân;	228
Trăm hoa đua nở hơi xuân ấm; ..	151
Trăm loại chim ca chào sáng sớm; ..	175
Trăm năm kế hoạch,	186
Trăm năm nho học rộng mở cửa; ..	206
Trăm năm trời đất hồi nguyên khí; ..	198
Trăng canh ba đầy sân hoa chiếu; ..	196
Trăng chuyển qua rèm soi lọt	217
Trăng sáng ly đầu,	183
Trăng sáng một vầng soi trời đất; ..	158
Trăng sáng mơ màng đêm chẳng ..	209
Trăng sáng tròn đầy,	203
Trâu cây đồng rậm nghìn kho	156
Trên chẳng phụ phúc đức tổ tiên ..	228
Trên chiếu khách không ngớt;	220
Trên có mẹ cha vui cao tuổi;	195
Trên tiệc những mong người mất ..	202
Trong hoa hơi rượu theo xuân ..	179
Trong ly lá trúc đầy xuân sắc;	192
Trong tiếng mưa xuân oanh cao.	182
Trời ban cho cả nhà thịnh vượng; ..	212
Trời ban cho một nhà tốt đẹp;	198
Trời cao nhật nguyệt cho vạn mới; ..	196
Trời đất anh hùng khí;	174
Trời đẹp gió hòa,	183
Trời mở cảnh thịnh;	167
Trời mở thánh minh, Lê tiến Lý.	221
Trời muốn hồi xuân, muôn vật ..	197
Trời nắng chiếu rừng trồng,	176

Trời phú tuổi cao, năm tháng	225
Trời rạng nghìn non đẹp;	168
Trời thêm năm tháng người thêm ..	151
Trung hậu một đời hiền thiện ít; ..	157
Trung trinh chí giữ dù công lớn; ..	159
Trước án chuyện trò xuân nổi sắc; ..	220
Trước án nói cười xuân nổi sắc; ..	218
Trước cửa mừng vui luồng gió ấm; ..	225
Trước cửa mừng xem hoa lộng;	217
Tuấn mã thêm roi quần chúng	165
Tuế nguyệt bình yên cả;	173
Tùng trúc mai rét đông ba bạn; ..	200
Tuổi mới năm mới cảnh mới;	175
Tuổi xanh có hạn chí vô hạn;	161
Tuyết trần: lúa gạo thu từ	232
Từ một nhà nhìn ra bốn biển;	208
Từ trời giáng xuống,	220
Tự do ca hát vang hàng xóm;	153

U

Uống vào mũi vị chia ba loại;	203
------------------------------------	-----

V

Vài chén, tình thần tăng gấp bội; ..	201
Vạn cảnh canh tân nhờ quần	159
Vạn cảnh xuân về mưa móc mới; ..	198
Vạn cây mừng xuân theo nước	178
Vạn lũng thông reo,	175
Vạn quyển thơ văn,	204
Vạn ruộng triu bông đầy khí tốt; ..	155
Vào đời sáng tỏ tâm trong trắng; ..	190
Vấn thường rộng lượng, nên tăng ..	207
Vệ hay tập nói khoe giòng;	208
Vệ trước mặt hãy nên ít nói;	213
Vì độc lập tự do đã nguyện	153
Việc đang lúc thịnh,	211
Việc lớn sớm làm càng sớm đạt; ..	225

Việc nước yên bình cả nhà đoàn	164
Viết sách há lại màng danh lợi; ..	210
Vườn rậm sông đầy,	194
Vịt bơi ao xuân,	179
Vô sự là tiên, cần chi mưu thuật:	224
Vô tình chưa hẳn tay hào kiệt; ...	211
Vui báo ráng mây,	187
Vui thấy mầm mai chào tháng ..	195
Vừa vào xuân sớm,	181

X

Xa nhà xuân đến nhớ làng trúc; ..	181
Xã hội phồn vinh vui thịnh vượng;158	
Xây nhà chung, mở phòng bệnh, 189	
Xem khắp hoa tươi xuân chán ..	183
Xén trúc trước sân,	218
Xinh đẹp đôi khe khi đông hết; ..	163
Xuân ấm muôn hương tỏa;.....	171
Xuân đẹp bên hoa dứt trần lụy; ..	207

PHONG CẢNH

A

A Di khiến tất tam đồ khổ;.....	295
Ai hay vạn cổ trùng hưng nghiệp;241	
Ăn cá, sẻ bình,	354
Ánh châu rung trăng sáng	446
Anh hoà em kính,	390
Anh hùng cái thế xưa nay hiếm..	355
Anh linh hơn đất Bắc;	331
Anh linh như dòng sông	454
Ánh sáng thiêng soi bến nước;... 483	
Ánh trăng như nước,	476

Xuân đến bản làng nơi nơi tốt; ...	162
Xuân đến bên đê,	181
Xuân đến khắp nơi đều thêm sắc;177	
Xuân đến nhà nông thêm khởi ..	155
Xuân đến quanh trời tràn khí ấm;215	
Xuân mới đón mừng thời đại mới;163	
Xuân nhập trời xuân xuân bất lão;162	
Xuân từ đầu đến đây,	197
Xuân về đào mạn hoa đua nở;... 188	
Xuân về đặc ý nghìn nhà phú;... 157	
Xuân về một khí chuyển,	197
Xuân về muôn nhà phúc;	169
Xuân về nhĩ cá rồng biến hoá;... 151	

Y

Ý uj trong nhàn đàm như thu thủy;184	
Yến hót nghìn nhà sáng;	170
Yêu nước đừng quên tiên tổ	229

B

Ánh vắn xông Bắc đẩu;.....	239
Ánh xuân chiếu khắp nơi,	344
Ao trước cây xưa truyền sự	358
Âm dương chung đức	470
Âm phù đất Việt,	259
Ân đức sau, đầu kể năm tháng, ..	374
Ẩn, nhỏ ở rừng, lớn ở chợ;	360
Ba cây hoè trồng,	382
Ba chén rượu ngàn năm tơ tưởng;338	
Ba đời Phật, sắc tướng huy hoàng;279	

Ba khoảnh đầm sâu, nước bảy ... 349
 Ba mươi tám năm, 318
 Ba ngàn thế giới. 280
 Ba thân đầy đủ, 336
 Ba thước nước hoa sen ngàn đoá; 439
 Ba xuân khí tốt đầy nhà cửa; 396
 Bản đồ Hồng Lạc nguồn rất 458
 Bận hiền xa đến, 435
 Ban ngày rợp bóng cây cao, 471
 Ban phúc khôn cùng, 271
 Bảng hổ cửa rồng theo duyên 239
 Báo đối vắn dóm, 452
 Bát Nhã hiểu chân không, 465
 Bảy mươi bảy tuổi trời, 403
 Bắt yêu hồ ở trong thuyền. 416
 Bạc cao quý nhất là tôi trung con 499
 Bạc có công sánh kim mộc thủy 334
 Bể phúc vô biên, 474
 Bể quế sông yên, thừa kiếm khí; 363
 Bên hồ liễu nữ, 423
 Bên song cây cối liền non vắng; 443
 Bên thêm rực rỡ cỏ hoa, 423
 Biển động, sinh khí 291
 Biển học rộng không bờ, 342
 Biển Nam phong thần, 260
 Biển Qua đáng khen thầy cứu 360
 Biển rộng bao la, 478
 Biển rộng nhớ ơn thần; 267
 Biết đủ vui lòng. 388
 Biết học trò không ai bằng thầy, 380
 Biết là không thể bèn vế, 414
 Biết mệnh biết sai nên thuận 425
 Bình đẳng quy y, 271
 Bình thêm nước tuổi đầy trăng .. 457
 Bối tốt quê lành, 291
 Bóng Cầu đầm sen, chân người 484
 Bóng núi xa nhìn mây phủ kín; .. 346
 Bóng tháp trong sâu rừng thắp . 437

Bỏ để đại thụ nghìn năm bóng; .. 274
 Bỏ để kết mãi ngàn năm quả; 283
 Bỏ Tát đến đây đều xuất hiện; 278
 Bỏ thụ kết mây lành, 309
 Bồi đắp mạch nhân, 375
 Bốn bể phong quang nhiều chỗ .. 396
 Bốn biển danh nhân để chùa cổ; 318
 Bốn chữ danh thơm thi hành hiệu 316
 Bốn mặt bình phong màu núi đẹp; 476
 Bốn mặt núi sâu đầy chùa cổ; 436
 Bốn mùa hoà khí xuân thường .. 397
 Bốn nghìn năm non nước Lạc ... 459
 Bốn phía đều là kỳ quan, 466
 Bốn phía rạng ngời, 465
 Bổng chốc hoá vô thường, 402
 Bồi thương chúng khổ, 279
 Bùa rồng cửa Huy thêm tiến 456
 Bụng có đầy hơi nên nhẩn nhục; 343
 Bụng là suối trong, 449
 Buồn bán như gặp xuân cỏ mọc; 430
 Buồn bán như xuân ý; 430
 Buồn bán sinh sôi thông bốn biển; 429
 Buồn vui rất dễ tâm, 342
 Bút văn minh chấn hưng lòng lầy; 350
 Bướm luyến hoa hương, 478

C

Cá chép tự đến lay ở Long thủy; 457
 Cá đùa đầm biếc trong trăng lộng; 441
 Ca hát ở đây, 294
 Cá luyến nước, nước rộng chỗ cá 482
 Các đời ngợi khen sáng miếu cổ; 255
 Các thánh được suy tôn. 311
 Các Thánh thấy suy tôn, 277
 Các triều phong tặng Tây quan . 366
 Cái đức của quỷ thần, 292
 Cảm ất thông, dương giúp 281
 Cảnh ấy thần tiên, 287

Cảnh đẹp phố bày truyền từ trước;472	Chất ngọc xuống hoàng cung, ... 277
Cảnh là ba nhánh xưa sông Hát, 455	Châu báu biển vàng..... 288
Cảnh nẩy phô tươi bồi gốc hậu, .. 304	Châu ngọc phát mầu, 447
Cảnh Phật nguy nga treo nhật ... 310	Châu ngọc trung mầu 451
Cảnh phúc nay giàu thọ vẫn còn;270	Che chở ngàn năm, 368
Cảnh sắc huy hoàng cầu đức Phật;268	Chém giao long anh dũng hơn ... 447
Cảnh tỉnh lâu thanh muôn vẻ đẹp;484	Chém giao long ở sông dài, 446
Cảnh vật còn đầy ơn đức nhớ; ... 404	Chém giao, phô sức mạnh tuyệt 417
Cao dựng đến đài. 308	Chỉ có cô trung, 254
Cao rộng thần công, 293	Chí lớn khôn bày, 408
Cay đắng văn chương, 359	Chiếu báu ơn ban, 296
Cần kiệm dạy nhà, 399	Chiếu buồng mái quế tìm thi sĩ; .. 448
Cất bước gian nguy, 341	Chiếu gỗ chuông kinh. 296
Cất bước lên lầu cao, 479	Chiếu trống sáng chuông, 313
Cầu bắc cầu vồng qua bến đảo;.. 339	Chim lượn đầu tường, 370
Câu chuyện cũ Nam mai..... 405	Chín bề ngựa ứng, 272
Cầu dẫn cầu vồng đậu bờ đảo;... 238	Chính trực thông minh, 342
Cầu tất linh, xin tất ứng; 288	Chư khách chơi xem hà tất 474
Cầu trời đất, gió hoà mưa thuận; 266	Chưa thắng giấc đã hy sinh, 408
Cây biếc hoa hồng cùng che đỡ; 444	Chọn đến làng nhân, hoà vốn 360
Cây biếc, hoa hồng, ch..... 300	Chọn ở gần đức, 424
Cây cao nuốt ánh chiếu đỉnh núi;438	Chỗ khó người xưa, có làm lúc .. 363
Cây cỏ gặp xuân hoa tựa gấm; .. 474	Chốn này Ngọc Hoàng ngự; 322
Cây có gốc, nước có nguồn, 369	Chống trời với văn minh độc lập; 455
Cây cỏ một phương không giúp 367	Chợt bàn thế sự trước non xanh .. 298
Cây đào mạn trống cửa quân tử; 394	Chợt thấy đài thiêng, hồn mộng. 416
Cây đức hương thơm hoa sắc 315	Chủ khách giao lưu cần có nghĩa;431
Cây gốc nước nguồn nhờ phúc . 419	Chùa cổ giữa núi mây, 490
Cây khe chiếu bóng lên phòng .. 443	Chùa cổ huy hoàng nghiêm vẻ... 486
Cây trượng lập chín tầng trời, ... 336	Chùa cổ không đèn, 384
Cha mẹ tuổi già, 389	Chùa cổ rất thanh kỳ, 273
Chào mừng đạo cảnh, gần xa đến;286	Chùa cổ sư nhân mây làm bạn; .. 434
Chăm sóc chúng dân, 400	Chùa Diệu Đế để chúng sinh 469
Chẳng làm tướng làm thầy lang, 362	Chùa Khánh Nguyên 273
Chẳng nhớ năm nào rợp mây ... 417	Chùa Long Kiều trời ứng đất linh;269
Chẳng sắc chẳng không đứng ... 413	Chùa ngàn năm, 284
Chẳng thẹn người xưa khen liệt . 253	Chùa Trang Nghiêm, 272
Chẳng thua Bá Thượng phong... 347	Chùa Vân linh thiêng, 272

Chúc thánh đức, tụng vua hiền, .	328
Chúc thánh thọ, ngôi hoàng ân, .	415
Chúc thánh thọ, ngôi sơn hà, ...	289
Chúc thọ huy hoàng,	290
Chung đức năm nào,	255
Chuông khánh tẩy lòng trần,	472
Chuông lớn tan giấc mộng;	248
Chuông réo ba kỳ,	278
Chuông sớm trống chiều	243
Chuông sớm trống chiều,	385
Chứa lành cho cháu,	372
Có cảnh có tình, ông đừng ngại, .	480
Có chất lượng không màu mè, ..	450
Có chí thì nên,	376
Có công được thờ,	379
Có hèn như tình cờ;	460
Có thời bình, công trong	367
Cổ thu nuôi ngựa béo;	433
Cỏi thế lắm phiền hà,	346
Con cháu đông vui nhà phúc lớn;.	419
Con cười, trẻ hát,	370
Con quế, cháu lan,	371
Còn tiếng còn thiêng,	366
Cổ tế thường bày,	294
Cổ Tổ về kia rồng Tây Bắc;.....	457
Cổ tự ló vân sơn,	462
Cội nguồn dẫn mạch,	264
Công danh nẩy nở đều do đất;...	373
Công đức lưu truyền muôn dân .	306
Công đức tổ tiên ngàn thuở phúc;.	418
Công lao rộng, sự nghiệp cao, ..	286
Công ngang trời đất từ bi Phật; ..	249
Công phổ hoá núi cao	245
Công ơn mẹ nặng sánh tày non	403
Công với nước, trước sau rộng...	256
Cột khói như rừng,	445
Cột mái nguy nga,	487
Cột về tựa trời mây	347

Cơ đồ rực rỡ từ đây mở;	332
Cơ nghiệp mới quy mô	468
Cởi bỏ mọi món nợ truyền kiếp;.	278
Cửa bầu truyền gia,	358
Cửa trời- vật quý,	387
Cúi nhìn thời cuộc đổi thay,	386
Cùng chung hưởng phúc cao.....	487
Cùng dựng ngàn năm đền miếu..	266
Cùng xương hoạ, đàn cầm,	377
Cửa chùa rộng lớn vui thường tại;.	314
Cửa không cất bước tạm coi.....	273
Cửa nguyệt mỉm cười mừng	448
Cửa thiên mở thế giới,	242
Cửa thiên rộng mở vô cùng lạc;..	247
Cửa trên tiêu sáo vang âm nhai..	372
Cửa trước mở to,	421
Cửa trước thênh thang sông	470
Cưỡi voi vùng kiếm nên công, ...	327
Cương thường rường cột trong ...	319
Cứu giúp sinh linh qua biển khổ;.	410
Cứu nước giúp dân soi tích thánh	304

D

Dáng miếu, mặt non cùng thấp ..	238
Danh lam từ cổ,	307
Danh nhân bốn biển ghi chùa cổ	490
Danh sơn không tại cao,	240
Danh tướng triều Hùng chung ...	256
Dạy nghĩa truyền thơm quê Yên	363
Dây Sài tiếng truyền xưa nay một	489
Dân chúng cùng, nên hay vui vậy;.	380
Dân Thái Thủy nghìn năm nay...	456
Dấu cổ đất thiêng	273
Dấu lân xưa trộm bàn phủ tướng;.	359
Dấu thánh hóa thân,	332
Dấu tiên năm nào hương phảng .	352
Dấu tổ trưng quang,	285
Dấy mới bỏ cũ,	450

Đẹp giặc lừng danh,	261
Diệu pháp không lời,	333
Diệu pháp tam thừa,	486
Doanh lợi tăng cao,	430
Dòng chính trời Nam chia vũ trụ; 261	
Dòng họ tôn vinh,	251
Dục tú ấy, chung anh này,	487
Dùng cách thức tam cung để biểu 467	
Dựng am An Dưỡng làm nơi ở, .	462
Dừng bước không đi	283
Dưới hoa Tử Kinh,	425
Dưới mộ linh thiêng lưu hiển tích; 261	
Dưới ngòi ngự vài bông sen nở... 467	
Dưới nguyệt lướt qua tiên hay	238
Dương Châu riêng có phong	291
Dương liễu điểm lành từ bi trọng; 311	
Dương xuân đã đến núi cao ngất; 361	
Duyên lành đầy đủ nghe	490
Duyên pháp thiện nhân của rồng 332	

Đ

Đã gặp lắm hiểm nguy,	420	Đạo lớn chẳng riêng ai,	342
Đã hẹn bạch vân cùng qua bến; .	440	Đạo lý làm thầy.....	317
Đá Hoa Lư rồng lên ghi dấu tích; 393		Đào mạn cửa sang nhiều bóng ..	310
Đa tình trắng rọi mời người đến; 435		Đào mạn Hoàng môn nhiều vị ..	361
Đãi người rộng ba phần là phúc; 399		Đạo như đường ấy được cửa thì .	247
Đại nhân và mặt trời	467	Đạo Phật từ bi kẻ kẻ qui đường... 314	
Đài sen Tây Trúc ngàn thu từ bi ,	304	Đạo Phật xuyên thông vũ trụ;....	314
Đại trung để làm việc đại dùng; ..	240	Đào thăm, mơ hồng, cần khôn ..	399
Đại từ đại bi,	270	Đào Tiềm hay say rượu,	316
Đại từ đại bi,	270	Đạo tựa sông ngòi,	383
Dan quế có gốc,	432	Đạo vốn tiên thiên,	431
Đàn, cò, thơ, rượu,	376	Đáy nước năm nào,	259
Đánh giặc năm nào,	394	Đắp tượng vẽ hình.....	271
Đạo anh em phải hay cư xử.....	368	Đảm mở sông hoà,	288
Đạo chỗ tựa nương, tường Phú .	364	Đất ấy núi sông lưu thắng tích; ...	367
Đạo có chủ trương,	239	Đất danh thắng một hồ sáng láng; 395	
		Đất đẹp nâng đến thăm, hạc nội, 343	
		Đất đức anh tài, núi Nùng, Tản; .	364
		Đất giữ bình an, tăng thêm trăm. 483	
		Đất hẹn nay truyền ba kỳ bằng; ..	392
		Đất kết danh lam thoáng đặng ..	471
		Đất kết văn phong,	291
		Đất lành sinh người kiệt,	418
		Đất lưu lại tuyết trắng mây gió; ...	282
		Đất lớn vua Hùng,	253
		Đất này, dân này,	294
		Đất này, nhân dân này,	293
		Đất nhà Lê chung đức,	416
		Đất nhờ đó mà tôn nghiêm.....	475
		Đất nước triều Thục tôn cột trời; 253	
		Đất phúc làng Cao,	281
		Đất rộng đức khí thiêng,	308
		Đất thánh đều vui khí đẹp thanh; 454	
		Đất Thiên Bản tái sinh kỳ diệu, ..	244
		Đất tín đẹp thay,	337
		Đất trời hoà hợp,	369
		Đất trời Nam Việt vua Lý ở.....	486
		Đất tự khí thiêng, non sông còn .	321

Đất xung văn hiến, từ xa đến;....	364
Đất yên kết mây lành,	469
Đầu nhành dương liễu	472
Đầy đất thành nhà,	328
Đầy tay ánh nước khô mà lạnh; ..	440
Đầy thành quách, đầy giang sơn, 309	
Đế thống trời nam kỷ thứ nhất;..	351
Đêm ngři bốn lần,	376
Đêm tĩnh tiếng chuông càng rõ;..	345
Đến bờ giác đốt hương,	412
Đến chốn ấy, bày ra đủ cảm kỳ .	349
Đến cổ dựng nguy nga nơi Hồng	455
Đến cửa có đường đều sông bọc; 434	
Đến đây chẳng phải tầm thường, 473	
Đến đây lo nghĩ tiêu tan,	480
Đến trước văn miếu nhỏ y đều ...	431
Đến từ Tây, Đông, Nam, Bắc	248
Di gió về mây ngời đức thánh; ...	315
Điện lớn huy hoàng,	244
Điện Phật nguy nga,	289
Đỉnh báu linh thông,	285
Đỉnh cao Yên Tử đỏ	470
Đình đối tranh đấu,	359
Đỉnh núi dấu thiêng.....	418
Đỉnh quý thơm hương khói toả .	400
Đỉnh Tản non Hùng thông quốc	266
Địa giới là trời khi đất rộng;.....	439
Đọc hay sáng ý, cày hay có	297
Đọc sách người trước.....	432
Đổi mới hàng hoá,	450
Đông A sử chép đều các hệ;.....	293
Đồng đức, đồng tâm,	481
Đồng hải di cư,.....	286
Đường que sát của thông phòng ..	383
Đông Tây Nam Bắc	319
Đông Tây Nam Bắc Trung	315
Đồng Thổ sen xanh khai trí tuệ;..	268
Đời người trăm năm một hẹn, ...	404

Đời nối thi thư, nhà ấm mãi;	362
Đời thánh chấn dân,	381
Đời thịnh mở lòng,	438
Đời thức tỉnh đời dòng trong đục;388	
Đủ võ đủ văn từng trải	259
Đúng lúc khói mây giăng hạ giới; 340	
Đuổi giặc có công thần,	259
Đưa mắt ngắm đất trời,	301
Đưa mắt ngắm hồ núi,	391
Đức độ của thánh phối với trời, .	454
Đức hợp đất sinh nghìn xưa đẹp .	237
Đức hợp khôn trình,	411
Đức lớn yên dân.....	252
Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh;326	
Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh;262	
Đức lớn yên dân,	329
Đức mẫu rộng ân,	317
Đức mới thịnh sao,	366
Đức nước mệnh mỏng,	267
Đức phải tích trăm năm,	389
Đức Phật vốn linh thiêng,	312
Đức rộng thánh văn trùng múa... 263	
Đức sánh với trời,.....	367
Đức thánh anh linh.....	257
Đức thánh anh linh trùm vũ trụ;..	325
Đức thánh lộng cao Bắc đẩu;	325
Đức thánh oai linh trừ giặc Bắc;..	316
Đức Thánh rất linh,	456
Đức tin theo mây đến,	405
Đức tổ quang vinh,	288
Đức tốt cao nêu,	371
Đức trạch giúp dân,	296
Đức với dân này, công với nước;..	365
Đứng vững, không kinh thần mưa	282
Đường cao thấp ven sông	476
Đường giấc mở to qua biển khổ; 314	

Ở nhà yên. đi đường chính	389
Ở trên đầu, bởi cao vòi vọi;	379
Ở trên đầu, ở bên tả hữu;	379

G

Gác vắng thanh u,	391
Gặp cảnh thẳng trăm coi tựa	405
Gặp nước nhìn non,	386
Gấm vóc càn khôn,	276
Gần Đông Đô thừa hưởng vương	364
Gần gọi nhiều năm khi trà sen ..	407
Gần quý xa về, theo Phật đạo; ...	290
Gây dựng cơ ngơi,	369
Gia đình thanh bạch	370
Gia phả phải phân chia,	418
Gia thế ba trường từng đã trải; ...	393
Giai tiết đúng trung thu, rượu rót	344
Giang tả phong lưu,	359
Giàu có nở hoa, hương vạn dặm;	482
Giặc đến Loa Thành tìm diệt sạch;	447
Giặc Tống lui quân,	264
Giếng ngọc nước trong xanh, ...	335
Giếng quất cũ truyền thuốc tiên .	361
Gió mát quét bụi vương thêm	341
Gió mát trắng thanh trời riêng ..	469
Gió thổi vườn đào,	469
Giúp đời thế đạo tiêu ma,	337
Giúp nước giúp dân,	435
Giúp nước, đỡ dân,	258
Giữ gìn từng bước,	480
Giữ lặng ở núi - giữ tình ở nước ...	298
Giữ nước trấn oai thần,	417
Giữ nước diệt xâm lăng,	328
Giữ nước giúp dân ngồi thánh ...	259
Giữ Việt non sông,	264
Giữa làng ơn ban,	426
Giữa trời đất thi thư quý nhất; ...	397
Gỗ mạn thuyền ngày ấy cam	356
Gốc nhân, nền nghĩa,	370
Gối sóng cười gió	448
Gồm vũ gồm văn,	255
Gợi nhớ u tình thời trước,	479
Guồng phép tựa đồng tây chuyển	313
Gùng cay đến già càng rõ tính; ...	433
Gương báu treo nhà vắng,	417

H

Hạc đến, tiên ông vào cuộc rượu;	444
Hai cột dựng cao,	330
Hai kẻ biết lòng ngoài cửa,	349
Hại mạng người, chiếm của	348
Hang gấm vóc, cây xanh hoa đỏ	301
Hàng vạn chiếc lò gang,	453
Hay giữ tâm thánh thiện,	393
Hay mời khách đến uống văn tự;	385
Hé mở giậu - muôn trùng núi	385
Hiên song mừng thấy không thơ	300
Hiển ứng giúp ngầm bền thế	254
Hiếu trung tiết liệt còn kim cổ; ...	257
Hình đức thánh đi mây về vũ;	327
Họ Đâu, họ Vương, quốc gia trụ	320
Hoa bên khách rượu,	478
Hoà bình cho dân đến,	411
Hoa, chim thú đa tình,	348
Hoa đá linh thiêng,	261
Hoa đẹp trắng tròn,	480
Hoa khai đỉnh núi nêu thắng	243
Hoa khô Thấu Linh truyền mật ..	243
Hoa lãng sớm chiếu lên rèm cửa;	424
Hoa mai ngàn gốc, nửa vắng	303
Hoa nội, chim kêu mé mẩn	416
Hoa nơi thanh tịnh,	481
Hoa phù dung gió xuân ấm mát;	411
Hoa trôi mặt nước,	423
Hoà khí đầy nhà đón khí lành; ...	396
Hoà mục sách trời,	412

Hoà phong trời mở còn lưu dấu; 296
Hòa vàng rậm rả hết thấy 491
Hoá như sinh chính khí 245
Hoàng kim sắc tướng trang 311
Hoặc múa, hoặc ca, 388
Học đạo ắt tinh thông trên dưới; 374
Học đạo trời tây, 488
Học thức trường thầy vào bậc ... 381
Hỏi ra việc cũ nên là sử;..... 457
Hồ hải giao du theo đạo nghĩa;.. 431
Hộ pháp biểu dương mạnh thần 411
Hồ phẳng in nhật nguyệt; 239
Hội chủ hưng công, 329
Hội kết tập chúng tăng lần hai, . 277
Hôm sớm tùy thời chăm rưới 421
Hồng kêu trời cao nhiều ơn đến; 422
Hồng xanh chén mời, 387
Hùng tâm khích lệ, dạ băng tuyết;366
Hùng tráng thay! Kiếm báu 338
Hơn bốn nghìn năm đất nước ... 459
Hùng non nhậ; tọa vờn thanh khí;343
Hùng vương, mưu lược lưu thiên. 354
Hương Giang phía Bắc, 464
Hương lạnh thấu hoa, 387
Hương sơn một lối còn muôn 418

K

Kẻ này qua có người đến tiếp; ... 378
Kẻ ngược thấy cao, 266
Kệ đá đưa thơm vào đến sáng;... 420
Kế tổ truyền tông, 287
Kết cây bồ đề, 405
Kết tóc hay ghi lời băng tuyết; ... 378
Khá khen một cửa hai kỳ nữ; 415
Khách đến cửa chùa, 333
Khách đến há chuyện sông, 398
Khách thăm vừa ý..... 390
Khách theo tuổi tác say trong tiệc;426

Khách vô duyên của Thiền chẳng281
Khánh thụ một cung cao, 309
Khăn áo có tình, 438
Khấp chồn mở mang bày thi 441
Khấp dưới gầm trời 245
Khen pháp lực vô biên, 410
Khéo khiến máy thần, 452
Khí đẹp, gió hoà tràn trên mái; .. 399
Khí hạo nhiên đầy rẫy càn khôn, 341
Khí lành đậm sân trước; 378
Khí lành sinh sôi nhờ hiếu đễ; 400
Khí sáng phía tây về, 383
Khi thấy còn mà anh còn 402
Khí tiết rồi khi chưa lên khỏi đất; 466
Khoa giáp đến nay danh chẳng .. 320
Khoa hoạn nêu cao còn đứng..... 406
Khoa hoạn vẫn truyền, 356
Khói mây lãng đãng trên không.. 436
Khói mỏng ngoài rèm tranh 384
Khói toả khắp nơi là mực vẽ; 444
Không để nắng to nhằm đầu 448
Không trung mây tản non đầy ... 447
Khuôn mẫu trang nghiêm 323
Kiểm báu dấy uy hùng, 287
Kiểm cần ngăn nắp dành con 380
Kiểm có dấu linh quang tựa nước;239
Kiếp xưa, làm minh quân, 330
Kim Cổ danh lam, 321
Kinh doanh thử ra tay sắp đặt; ... 430
Kinh khuyết gặp nhau, 402
Kinh sử vừng bến nguồn tổ dựng, 317
Kính, thẳng, nghĩa, thoáng, 456

L

Là phật, là tiên, 237
Là sắc, là không, 392
Là tiên là phật là quốc vương, ... 242

Là tôi Lê cũ bôn đảo,	421
Lạc thú vô cùng,	390
Làm hiếu làm trung,	341
Làm người, chớ bảo nên người ..	428
Làm rẻ Thục, cứu nguy Thục, ...	254
Làm tướng làm thần,	256
Lành chứa thừa vui,	371
Lặng đọc kinh vàng,	289
Lắng nghe đọc sách biết đạo cũ;	373
Lăng tẩm Triều Hùng đồ vua cũ;	461
Lầm liệt uy linh,	288
Lâm Tế mở lòng,	290
Lấp lánh sóng vàng đầy chén	485
Lập nhân hãy mở đường nhân...	247
Lập thân lấy hiếu để làm gốc;....	422
Lầu cao còn thấy cánh chim qua	302
Lầu cao đứng xem cá,	477
Lầu đài nhấp nhô trong vàng	443
Lầu đàn vắng vẻ trắng cô chiếu;	405
Lầu hạc một lần bay,	322
Lấy lòng danh tiếng, người thân .	394
Lấy nước mùa thu rửa mắt mờ...	298
Lễ để giữ hành, nhạc để hoà đức;	398
Lễ nhạc oai nghiêm,	409
Lễ nhạc uy nghi, kính như thần..	283
Lễ nơi doanh thất,	338
Lên ba phá giặc e còn muộn;	413
Lên cao nghĩ thực xa,	461
Lên cửa trông xa Long Đỗ	336
Lên đây tưởng đã nhìn nghìn	438
Lên núi này cúi ngắm đôi gò,	460
Liều mờ họa sáng,	444
Liều rủ, hoa tươi,	300
Linh hiển trăm đời phò xā tấ;... 328	
Linh sơn muôn thuở danh am, ..	268
Linh thiêng trấn giữ non sông....	259
Loan mở tịnh xá trên đầu	474

Long Biên thành ngoại,	335
Lòng hùng, sự nghiệp	482
Lòng lưu luyện vườn xưa,	408
Lòng này trước trời cao bày tỏ;... 393	
Lòng như trúc rỗng không,	347
Lòng sông ghềnh nổi lưu	302
Lòng sông gương sáng trăng	303
Lòng thành đạt được ngàn năm..	243
Lòng tĩnh chốn rừng thiền,	349
Lòng trung tựa trời sáng;	255
Lương đầu hãy còn vui tóc bạc; ..	315
Lối cúc người về buồn thán hạ;	402
Lợi như ngày nắng cười mây dầy;	429
Lời răn rừng phúc,	404
Lợn gà trâu dê lục súc vương;....	434
Lớn lớn đời đời,	460
Lựa trắng tựa trời buông,	436
Lúc tỉnh biển xanh không khí tục;	346
Lũy đặt đã dựng, trụ trời đã tồn,	250
Luỹ giặc chưa san, cam muốn nát;	356
Lữ hành mang theo người đều....	449
Lũng lấy tây thành,	265
Lũng lấy tiếng tầm nhuần	262

M

Mạch đạo trường lưu,	286
Mạch đất linh thiêng truyền.....	353
Mạch núi thành đất nên danh	483
Mái chùa sửa sang	274
Mái điện huy hoàng,	401
Mái điện huy hoàng,	400
Mai nở cành nam làm thuốc tốt;..	361
Mái phạn chống trời cao ngất cột;	269
Mang rượu mỗi khi mời trăng đẹp;	447
Mặt đen tâm đỏ,	449
Mắt tuệ thật sáng tròn,	312
Màu xanh chẳng đổi từng sân đỏ;	444

Mây biếc, cỏ thơm,	428	Một cột nêu cao,	263
Mây cảnh mở ra ngày hạnh thái; 482		Một cửa cha ông,	370
Mây che đỉnh núi còn là núi;.....	438	Một đêm bóng nước	475
Mây cuốn cờ lau.	265	Một dòng nước phía trước,	485
Mây cuộn nghìn ngọn núi;.....	442	Một đầm nguyệt ảnh lay hoa ảnh;388	
Mây dời cây cối che màn sách..	301	Một đức hiện trời, thành tự hoá;..	251
Mây lành dài sen ngưỡng vọng;..	332	Một đức truyền gia, mong phúc..	360
Mây lành phủ toà sen,	340	Một giọng sông biếc nên tiên	437
Mây lành rực rỡ.	266	Một giọt cam lộ rơi chốn tử bi, ..	341
Mây lành, mưa ngọt trời giáng ..	351	Một hoa lành hiện quanh sa giới; 271	
Mây lưu vách đá nhờ khí núi;	438	Một hồ bóng hoa xen bóng;.....	436
Mây nổi một đường lưu tiên cảnh;331		Một hồ lá sen, mặc không thiếu;..	342
Mây ở đầu non.	384	Một khoảng hồ thu lấm khí trong;397	
Mây quá ngọn cây lời biếc chạy;..	348	Một lòng thành kính tâm hương ..	433
Mây rắng năm mầu,	451	Một lòng thanh tịnh vốn vô song, 295	
Mây Tây Mầu theo xe thượng giới;317		Một lòng tu đạo siêu tình giới;	280
Mấy thước tường cao,	320	Một lòng từ ái, người hàm mộ; ...	352
Mây trắng đưa chân đà ước hẹn ..	303	Một nhà anh hùng ngang biển ...	305
Mây trắng non xanh hơn	441	Một nhà khoa bảng kẻ lừng danh, 414	
Mây trắng non xanh trên vạn dặm302		Một nhà lễ nhạc,	375
Mây trôi, núi như động:	345	Một nhánh dòng chảy dài xa	371
Mây trùm dặm tử, thông tươi sắc;362		Một nhánh lau từ tây,	412
Mây vốn vô tâm theo duyên phúc;310		Một phương an thái ơn thần giúp;400	
Mẹ con, thần thánh, trời sinh đức;366		Một tấm lòng ngay muôn năm ...	240
Men nước lẩn non,	247	Một tấm lòng thành trăm việc	285
Mến khách thật lòng xuân khắp. 350		Một tháp giữa hồ nhỏ trên nước, 306	
Miếu nam khéo thu nước sinh....	284	Một trận mây đen,	264
Miếu vũ nên công, trên dưới,	255	Mở hậu bày khuôn,	291
Miếu vũ ngàn năm sáng nghi lễ;..	258	Mở lối ắt đứng trước,	383
Miếu vũ nguy nga còn vạn thuở;..	353	Mở lối xây nền,	460
Mỡ gỗ âm vang xua khách mộng;309		Mở lòng thả chim qua sông hết; .437	
Mong có non tiên khắp thiên hạ; 362		Mở mang đi trước,	250
Mong Phật từ ân thấm đất ấy;....	413	Mở mang, ắt trước vun đời đức;..	376
Mối lái tự duyên trời,	393	Mở nước Nam ta,	252
Mộng lớn ai giác trước,	385	Mở nước Phật hương hoa tràn đất;464	
Một bọc khí thiêng lưu sử Việt;... 262		Mở tâm bồ đề,	463
Một cần thiên hạ không việc khó;427		Mới học chữ, nên chưa học bản;..	364
Một cây hoa mai là một cây ngọc;471		Múa mấy điệu vũ Nghê thường, .446	

Muốn biết người xưa vui chi vậy; 350
Muôn cảnh hồi xuân, 432
Muôn cây hợp ngắt trời, 340
Muôn dặm mây lành phở thảo... 331
Muôn dặm sóng long lanh 478
Muôn dặm xa, mơ về cố quốc;... 449
Muôn hoa xuân nở vui mừng thọ;426
Muôn lần phong vị nơi hòm quý; 450
Muốn leo đỉnh cao, 480
Muôn thuở cầu chờ che, 275
Muôn thuở công thành, 260
Muôn thuở hào hùng, 252
Muôn thuở khói hương nhờ tiết . 410
Muôn thuở lòng son thể nhật.... 401
Muôn thuở mở đêm dài;..... 250
Muôn thuở về lưu, 489
Mưa Á gió Âu nền cột mới; 260
Mưa đến đỉnh non nghe tiếng 414
Mưa hoa không tiếng, 476
Mưa hoa, gió tung, 387
Mưa lành thấm đượm, 275
Mưa mốc hương xuân nồng vườn 361
Mưa mốc mới mặn đào tươi tốt; . 428
Mưa mốc ơn to, 354
Mưa phép thấm đều 313
Mưa phép thấm đều, 463
Mưa phép tưới Nam châu, 291
Mưa qua núi Cẩm sáng; 442
Mưa qua, đàn, núi nhuận 380
Mưa tạnh mây tan, 347
Mưa tạnh rừng sâu hơi đá sạch;.. 435
Mưa thơm hoa nở, 289
Mừng được mùa màng, 376
Mừng được sáng mắt chơi bạn tốt;445
Mừng năm mới thêm người 377
Mừng thấy mai hồng đậu lấm 425
Mừng trông trăng sáng, 344
Mừng vận người cùng vận trời.... 430

Mười dặm tiếng vang, 372
Mười tám nhân thần công 246

N

Nam Bắc bốn phương tôn chính. 246
Nam Đông đất thiêng châu ngọc, 334
Nam nhạc tự hương, danh thế.... 357
Năm có bốn mùa, 374
Năm đức nơi chí tôn; 468
Năm giữ đồ thư khai thái vận; 240
Năm phúc đến lớn lao, 288
Năm sau hội lệ hơn năm trước; .. 473
Năm sắc mây lành vòn điện 400
Năm sắc mây lành vòn thánh 409
Năm trăm năm đúng thịnh kỳ, ... 292
Nâng tráp trao nhau lời vàng đá; 378
Ngàn dòng dẫn trước, 368
Ngàn năm chói lọi; 265
Ngàn năm rục rờ lưu danh tướng;255
Ngàn thu hương khói vời nhật.... 297
Ngàn thu khí lớn khôn làm vẻ; ... 365
Ngàn thuở anh hùng lưu đức hậu;427
Ngàn thuở đội ơn thần 401
Ngàn thuở hồn thiêng về Tượng .403
Ngàn thuở thi thư ngàn thuở hẹn;427
Ngàn thuở thi thư, 368
Ngao du biển biếc ba bài sáo;.... 350
Ngày nay biển mờ chưa tỏ, 406
Ngày tháng ăn chiếu sáng;..... 270
Ngày tháng gió hòa mây tán tụ,.. 303
Ngày trước keo sơn tình hữu nghị;392
Ngày tụng kinh vàng cầu quốc.... 412
Ngày tụng kinh vàng, 275
Ngày vẫn hương hoa ngào ngạt.. 299
Ngấn đá non Sài để lại, 487
Ngẫu nhiên mưa gió e hoa rụng . 297
Nghe tiếng huyền ca, kẻ gần ư, 345

Nghỉ chút có sao đâu,	477	Nhà thông tốt, sương trời ...	363
Nghi ngút khói hương nhớ đức tổ;419		Nhà Trần, Phạm tộc,	354
Nghĩa khí ôm sông dài,	367	Nhà trên nắng sớm xuân huyền .	396
Nghĩa tổ cao siêu trời đất rõ;	250	Nhà từ chùa sách đến giờ,	381
Nghìn năm ngày tháng,	483	Nhan sắc tuyết trần,	326
Nghịch Thủy đến châu,	354	Nhắm mắt quên đi ngàn thuở hận;407	
Ngó trắng lẻ vàng,	434	Nhân hậu gia truyền,	371
Ngoài hiên gọn sóng cá giỡn	477	Nhân từ bác ái dạy dân thiện.....	304
Ngoài sân gà ăn, dưới cây bò nghỉ;434		Nhân vật phong lưu	373
Ngoài song cây biếc thắm giường	300	Nhật nguyệt cùng sông núi ngàn.	280
Ngoài trời là mây sóng	443	Nhật nguyệt sáng soi.....	284
Ngọn cây cao hơn trăng xế;	387	Nhìn chẳng thấy, nghe chẳng	285
Ngọn gió lành cách xa,	483	Nhìn xa sẽ thấy gió bão nhỏ	297
Ngọn núi có tình lưu khách trọ;..	345	Nhị đế trước ngày ngời sử sách;..	249
Ngón tay giờ hoa,	270	Như ở trên cao, như bên tả, hữu; 379	
Người hay vui vẻ, xuân không ...	373	Nhị thập ngũ triệu dân	459
Người nguyện chân thành,	354	Như thực như hư,	296
Người nhà quê ra, chuyện cày cấy;348		Như xưa gối nước thuyền trôi	449
Người phúc đất phúc nên đầy đặn;420		Nền cũ Hồng Lạc còn,	458
Người xưa đã mất,	246	Nền cơ đất nghĩa,	374
Ngưỡng vọng đèn ngoài,	285	Nền nhà làm mới	266
Ngộ chữ không,	403	Nền trời trăng mọc người lui tới;..	238
Ngồi trên ấy, ngồi trái phải ấy; ..	365	Niệm Phật một lời, tiêu vạn tội;..	281
Ngũ bách năm dư thân đã hoá;..	245	Nói sĩ phu báo đáp là sao,	320
Ngủ nhờ ở cửa không,	485	Non đẹp nước Tô,	412
Nguồn đẹp vạn loài khắp bốn	493	Non nước hợp âm trong,	446
Ngửa thấy càng cao, ra vào còn .	252	Non Sài thánh hóa, tiền thân nói	488
Nhà chài sớm khói lam,	338	Non sông đến nỗi này,	404
Nhà cũ tương truyền ba vị thánh; 353		Non thu người ngờ đi trông họa; 340	
Nhà cửa ấm xuân thêm vẻ sáng; 397		Non vắng nước trôi vui cảnh đẹp;437	
Nhà cửa cũ bày ra một loạt;.....	378	Non xanh chẳng nói, hoa cười ...	359
Nhà dựng trăm năm,	369	Non xanh có hẹn thường vây bọc;343	
Nhà gần phố xá,	421	Non xanh cười tở đầu đã bạc;.....	442
Nhà noi trung hậu,	399	Non xanh nước biếc phong quang	482
Nhà phúc nối đời mừng vô hạn;..	396	Non xanh nước biếc thành tranh.	436
Nhà quân tử người hiền lui tới;... 248		Nóng qua lạnh đến,	452
Nhà quân tử nở hoa đào mạn; ... 377		Nổi đảo xanh lâu đài trong nước; 443	
Nhà rộng mừng thấy không khí . 423		Nổi nghiệp cha ông,	432

Núi nhà muôn việc đều nên nhần; 422
 Núi tiếp bốn mùa, 261
 Nồng trang khí đẹp lưu danh 263
 Nơi đây đất yên tĩnh, 339
 Nơi đóng mở càn khôn trọng yếu, 256
 Nơi tự tránh nhơ đều vịnh được; 444
 Núi Bắc giảng thần, ngưng chính 321
 Núi biếc cười ta đầu đã bạc..... 303
 Núi cao giảng thần thiêng, 418
 Núi cao tiến đứng như cùng lối;.. 434
 Núi chung chữ Vương hình trên . 306
 Núi có sắc màu, vôi vọi đức trạch; 471
 Núi dầy một tầng cao, 357
 Núi Hùng ngàn năm nêu chính . 254
 Núi Kiếp, sông Lô nêu chính khí; 261
 Núi lưu tráp quý truyện tiên thánh; 353
 Núi non bên giường ngủ;..... 440
 Núi non ngoài song đủ..... 299
 Núi sâu chùa cổ người không tục; 484
 Núi sông đến đó gió mây bọc;.... 361
 Núi sông Tây Thục ghi kỳ tích; .. 365
 Núi Voi trời khai ngời chính khí. 305
 Núi xanh chẳng lấp nghìn thu họa 490
 Núi xanh chẳng vì cao, 339
 Nước ấm, hoa ôm, 237
 Nước biếc gợn lăn tăn, 340
 Nước biếc non xanh sinh vượng . 311
 Nước biếc non xanh, 345
 Nước cảnh dương tẩy uế tiêu tai; 275
 Nước chảy vẫn như thường, 334
 Nước Cổ Việt ngang Tống Khai. 350
 Nước hay thanh đạm, coi là bạn. 301
 Nước lượn hoa vòng, 308
 Nước lớn giáo dục chẳng thay, .. 319
 Nước ngọc sạch trong, 475
 Nước nhà mạnh giầu, 481
 Nước như ngọc bích, non như vẽ 303
 Nước quý, nhà sang, 382

Nước sáng hoa vòng nên thắm ... 304
 Nước soi gác vẽ, cá giỡn sóng; ... 479
 Nước soi, núi châu, 468
 Nước thu lẫn mây trời 474
 Nước thu một vũng thừa hơi mát; 476
 Nước to, sóng lạnh, 405
 Nước vít trời cao thừa thắm địa; 310
 Nước xa nổi bãi cát..... 347
 Nước xa sông dài sinh khí tốt: 395

Ô

Ông Tiến sỹ, cháu Hoàng giáp. . 364
 Ôn sâu sông biển lưu muôn thuở. 304

P

Phá tượng đốt kinh, 316
 Pháp vương giữ trọn nhần giới, . 277
 Phật cứu chúng sinh, 243
 Phật đạo mở mang, 286
 Phật đức mở mang, 287
 Phật hóa thân thành ra muôn vạn, 472
 Phật pháp lại ngời đất tam bảo;.. 280
 Phật pháp tăng, tứ quả phúc lộc. 335
 Phật sống Tây phương 488
 Phật trong tiên, thần thông 289
 Phật tử bi, công thêm quảng đại; 279
 Phật tử quảng đại khắp thế giới; . 277
 Phật tức tâm, tâm tức phật;..... 280
 Phép diệu sáng ngời, ngời quận . 352
 Phép nhà, ruộng vợ, 369
 Phép phật trường minh, 295
 Phong cách đối chưa tròn, 386
 Phong cảnh có tình, 268
 Phòng chạt thi thư, 374
 Phong hóa Chu nam, 382
 Phong lưu nhân vật Đông Tây ... 373
 Phòng mẹ thơm hương 253

Phong tư lẫm vẻ, non như hoa;... 352
 Phúc ấm nhớ về, 293
 Phúc cửa thiên, sáng lưu thần tổ; 278
 Phúc dân đáng bái tước tam công; 262
 Phúc lớn mai rùa nên cửa tướng; 382
 Phúc phải đi tìm, 295
 Phúc tổ như non, 273
 Phúc tuệ trang nghiêm, 313
 Phúc tựa bể sông, 315
 Phúc tựa cát sông Hằng, 242
 Phụng thờ muôn thuở ngang trời 458

Q

Quả bạc nữ thần tiên, 323
 Quả ngàn năm dao trì mừng hiến 426
 Quả nhân duyên, 286
 Quan đến bạc đầu, 294
 Quan lại trải các triều 490
 Quán tranh tre Thế Tôn dựng ... 351
 Quang nâng gió mát, 388
 Quanh co theo nước, mây về biển 302
 Quanh hiên bụng nghĩ thầm, 477
 Quận cũ đất thiêng, 380
 Quế năm cành thơm, 409
 Quý đậu hoàn thành do lợi đất,... 305
 Quốc gia bền mãi non sông vững, 274
 Quốc gia còn mãi non sông vững; 243
 Quốc gia đào tạo nhân tài, 394
 Quốc giới quý tôn trọng, 281
 Quốc hiệu Vạn Xuân, 355
 Quốc phái Hoàng Lê, 353
 Quốc tổ giáng sinh khai nước Lạc; 249
 Quý Dậu xây xong nhờ địa lợi;.. 283
 Quét về lá trúc đun trà lá;..... 435
 Quyền quý mãi đời sau sinh 419

R

Ra vào tu đạo đều ngay thẳng; ... 274
 Rượu ngon nên uống lúc ngà say 297
 Rộng dòng chính khí giữ gìn 250
 Rỗng hổ gặp mừng, 308
 Rỗng tiên giòng giới nơi nhà chúa; 461
 Rỡ ràng cửa lớp mình ta có;..... 370
 Rửa tai nghe đủ lời khen, 375
 Rực rỡ cửa thiên, 314
 Rực rỡ đào hoa 377
 Rừng rậm chim về, 406

S

Sách chứa nhìn qua đều đọc được; 350
 Sách đàn ý ngàn thuở; 390
 Sách lạ đáng yêu như trăng mới; 428
 Sách thảo nghĩ sâu, 453
 Sách vàng phong tặng lưu ngàn.. 421
 Sáng đẹp đất trời. 377
 Sáng lập cảnh đẹp chùa am, 271
 Sáng muốn làm mai, 428
 Sáng sửa mặt hồ, 429
 Sáng xuân viết đối hoa, 407
 Sao trời bày rỗng cuốn;..... 466
 Sáu giới thần thông cầu bát nhã; 413
 Sau rượu cười chí thanh vân chớ. 481
 Sau, trước quanh co, non nước... 355
 Sắc cây ánh suối nên thanh tịnh; 441
 Sắc cây liễn núi qua song cửa..... 301
 Sắc là không, không là sắc, 467
 Sắc núi, sắc đá, 348
 Sắc phong còn mãi nhà nổi tiếng; 368
 Sắc tướng thật cao siêu, 312
 Sắc tức là không..... 465
 Sắc tức là không, không tức là sắc; 338
 Sắt cầm hoà tấu, ngày rạng gấm; 424
 Sân con có trúc, 300
 Sân huyền lo ấm, dần cao tuổi; .. 372
 Sân nhỏ có trúc, xuân vẫn đến; .. 445

Sen vàng trên điện Di Đà Phật;.. 268
 Sen xanh hoa nở chứa công đức; 269
 Siêu - loại chuông thiêng..... 416
 Siêu nhờ kinh sám hối, 384
 Sinh hóa năm nào tiến ấy để..... 489
 Sinh hoá phong tư non như vẽ;.. 244
 Sinh làm tướng, tử làm thần, 249
 Sóc vọng đèn hương, 283
 Sóng biếc ánh trời xanh, 481
 Sóng gió đừng gieo trên cõi thế; 376
 Sóng gió một năm, 260
 Sóng hồ nghiêng hắt làn tăn 446
 Sóng lặng bóng lay..... 448
 Sóng lặng, trăng sớm hiện 302
 Sóng nước toả lan như dây đàn . 464
 Sóng triều Âu, mạnh giàu đã sẵn;284
 Sướng vui bởi sông nào 470
 Sương tiên giáng mây từ riêng ... 411
 Sương xuống sân hoà thơm lan.. 363
 Sông biển ơn sâu, 265
 Sông Hát réo vượn cao, 263
 Sông làm Lạc tướng, 409
 Sông làm lương tướng, 259
 Sông làm quốc trụ thác làm thần;249
 Sông lượn đeo mây xuôi theo ... 442
 Sông lượn, tướng già bàn binh địa;355
 Sông Nam cuốn cuộn xuôi bất tận237
 Sông núi chầu vào, 307
 Sông núi có tình người biết khí;.. 311
 Sông núi mãi còn đây, 246
 Sông nuôi nước luyện, 246
 Sông phía trước dẫn nước 470
 Sông rộng nguồn dài, 473
 Sông thu vào thu bằng tựa kính; 441
 Sông từng thờ Lý, 394
 Sớ thất trăm lòng thành vẫn đỏ;.. 358
 Sớm bói hương trời, sinh con quế;424
 Sớm tan sương lạnh, 358

Sơn kin thuyền nhẹ, 450
 Sủng ái chín trời đưa phượng đẹp;365
 Sùng Sơn hiền thánh, giúp nước. 324
 Suối rừng nhân tạo mà u nhã;.... 443
 Suối vàng gặp mặt nên thăm hỏi;409
 Sư đến Phật qua..... 333
 Sự anh linh từ trên trời truyền ... 484
 Sự nghiệp ngàn năm ghi ở sử;.... 485
 Sử sách sáng ngời..... 327

T

Tả hữu nổi kỳ quan, 333
 Tài kiếm văn võ tướng trung hưng;257
 Tai nghe đã thuận còn lo học;.... 425
 Tại Trần mặt, nho quan tài sĩ, ... 335
 Tam bảo trang nghiêm, 462
 Tám cánh cơ đồ không kiếp nạn 489
 Tam dương khai thái, 372
 Tám đời xưa, Đồng Cổ truyền ... 334
 Tam miếu vốn không hư, 488
 Tam quang lồng lộng trời sinh ... 455
 Tam tôn trang trọng 273
 Tám tuổi đồ Trạng nguyên, 414
 Tản, Nhĩ cao trong, 257
 Tạo hóa nở lòng nào, 401
 Tắc được chín tầng cùng nhật 269
 Tâm an, nước cây đẹp..... 298
 Tâm đạo vững như đá, 462
 Tấm lòng tìm hiểu về giòng họ;.. 251
 Tâm như ruộng tốt, 431
 Tâm thanh cứu khổ, 464
 Tâm vốn như nước, mọi người biết302
 Tây thông với trời, 459
 Tây Trúc có kinh đúng thấy phật.282
 Tây Trúc có kinh truyền đạo Phật;272
 Tế lễ xóm thôn người vẫn trọng; 381
 Tha hương trọng cương thường, 356
 Thái ấp công lao truyền tự cổ;.... 294
 Tháng mười mà như xuân ấm áp;439

Tháng Năm giữa trời,	468	Thích ở lâu cao nhìn vui mắt;	445
Tháng tám cùng chơi xa trần thế;	475	Thiện ác phân minh, trời có mắt;	269
Thánh cao minh. Lý triều phong.	307	Thiên Bản giảng sinh bậc	245
Thanh địa mở mang truyền đạo.	244	Thiên bản, đất thiêng lưu dấu	352
Thánh đức chủ trời Nam.	254	Thiên hạ không cùng,	373
Thánh đức oai linh phù nước	305	Thiên hạ thường ngày giáo hóa,	318
Thánh đức thật linh thông.	244	Thiên tâm lặng sáng,	463
Thánh đức thi ân,	267	Thiên thánh độ hết mọi chúng ..	274
Thánh đức vô tư,	293	Thiên thư định phận.	252
Thành kính một niềm ơn phúc....	237	Thiết lập bốn mươi bảy thôn dân,	415
Thành quách còn đây.	386	Thỏ qua theo nhau đến;	238
Thánh ta bất tri.	240	Thọ sánh tày non,	426
Thánh Tản Viên trợ phù hưng ..	325	Thọ với núi sông anh linh bất tử; ..	352
Thành tâm quy đạo Trung.....	274	Thoa nhẹ trát nhiều.	451
Thao giang nguồn rộng,	257	Thơ rượu gợi hào tình,	401
Tháp dựng lên cao trời chạm	440	Thời chim thiêng đến,	454
Thắng cảnh danh lam.	306	Thời đến mùa xuân,	375
Thắng cảnh dựng Tiên hương, ..	355	Thời lục Tam dương nhiều khí tốt; ..	396
Thắng địa tự Tây qua.	342	Thu báo đã xong mùa, rót rượu,	344
Thấm khắp chúng dân,	276	Thú mây nước, vốn ngoài đồng ..	387
Thần ban phúc dân ta,	323	Thú nhàn là tiên,	486
Thần chứng kiến hoa sen sinh ..	277	Thuốc còn chưa nghiệm,	403
Thần công khôn lường sâu;	267	Thuốc thông với trước thần,	431
Thần nữ cung trăng sinh hiển ...	317	Thuở trước mở ra	333
Thân ở lâu cao nên thả mắt;	387	Thuyền chài hát trên sông,	480
Thần Phật. Á đông hai đất quý; ..	279	Thuyền đi, ảnh lâu cao nhòa xoá; ..	477
Thần quang chiếu khắp,	279	Thuyền nhỏ sương mờ,	491
Thần tâm chẳng phải Bồ đề,	279	Thuyền từ luôn tế độ;	410
Thận trọng khuê nghi,	256	Thực giàu sang, một nhà hoà	397
Thần uy dấu cũ.	324	Thương ông tài trí hơn người,	407
Thần vàng ba thế,	244	Thượng đẳng anh linh lưu dấu cổ; ..	267
Thần vàng biểu hiện mờ mà sáng; ..	321	Thượng đế ủy thần quyền,	325
Thần vũ toả bốn phương,	351	Thượng giới thần mà tiên,	324
Thật vậy sao, ẩn khách,	427	Thường tố nga, đón ráng chiều ..	392
Thầy cả nước,	432	Tích đức bước đầu cần rộng lớn; ..	422
Thét lên trời đất chuyển;	331	Tiên hiền lâu ngọc cùng chung ..	278
Thế giữ vững non sông đất nước; ..	475	Tiên Phật thánh thần	351
Thế hệ này lại lên,	439	Tiên thân Bồ Tát thành tiên,	246
Thế lớn vô biên,	313	Tiên thiên dẫn tới hậu thiên,	343

Tiếng ca hát lâu dài non nỉ:.....	349	Trăng đến nửa vành,	398
Tiếng thiêng cao vọi gương non	485	Trăng gió mơ màng,	479
Tiếng to như sấm ai giấc ngủ,....	306	Trăng nước gương lồng ảnh	474
Tiếp Lạc, khai Đinh áo mũ	326	Trăng rời mai ảnh,	390
Tiếp nối cháu con ngồi sáng mãi:258		Trăng sáng bên cầu neo thuyền	440
Tiết nghĩa khuông phủ bên phúc	258	Trăng sáng canh ba ngồi nước ...	345
Tiết việt quyền cao triều tướng... 417		Trăng sáng chẳng cần gương	394
Tiêu trúc bên ao trong,	388	Trăng sáng chiếu lầu mây,	395
Tín ngưỡng tại nhân tâm,	296	Trăng sáng đầy lòng, tâm khó	298
Tín ngưỡng tự do nhờ tam bảo:.. 283		Trăng sáng không tới.....	452
Tia tường chân ngồn,	270	Trăng sáng một vầng trời xanh đẹp	491
Tính toán không sai mới có lợi:.. 429		Trăng soi cung quế,	455
Tình trần không cùng,	367	Trăng thanh gió mát,	432
To nhỏ tung hoành,	451	Trăng trong gió mát luôn giao tiếp	299
Toà ngự hoạ sen,	410	Trăng trước đến lâu đài gần nước;	423
Toàn cầu ánh dương sáng;	466	Trăng tuôn sáng đất, rõ gậy dèp:	362
Tổ công tông đức,	251	Trăng xế nửa song mai giấu bóng;	423
Tổ được phong, áo khăn truyền	293	Trăng xế nửa song,	390
Tổ đường trăm thuở, hương hoa	251	Trần Bắc cổ danh lam.	307
Tô Giang khí dũng,	453	Trần Bắc vốn danh lam,	241
Tổ quốc giàu thêm,	452	Trận cọc còn vang,	264
Tổ tông công đức nhà là miếu:.. 420		Trần luy vô cùng đời vốn ngàn: ..	406
Tới nước lên non,	339	Trần Quốc đẹp truyền.....	241
Trải ba lần thăng giáng chốn	334	Trẻ trung đôi chân vững.	391
Trải bao thế kỷ vua Hùng,	256	Trên đá kính già tất dân đều tốt: 453	
Trải mấy linh thiêng trùm vũ trụ, 258		Trên điện nguy nga,	276
Trải qua bao sương tuyết;.....	466	Trên trời quả có thơ ngâm,	471
Tráng khí An Nam sông núi đỏ; . 247		Trí tuệ tựa ánh mặt trời,	329
Trăm bộ đàn ca hoà nhạc lớn; ... 356		Triều Lý quốc sư.	306
Trăm hoa khéo bón nhờ mưa 385		Triều triều rạng rỡ ngàn năm sử: 254	
Trăm lay cung thiêng Tam Thế . 268		Triều trước, từng là nơi đạo mát: 415	
Trăm lễ tám tiếng chuông	465	Trò chăm đọc sách,	377
Trăm năm chống gậy trời sửa tám;402		Trong hoa cất bước,	439
Trăm trận lập kỳ công,	263	Trong hồ nhàn nhật nguyệt;	358
Trăm vạn quần sinh,	289	Trong lò mới nóng năm phần ... 283	
Trăng chuyển bóng mai	483	Trong lò sen nở,.....	469
Trăng đầm châu lưu ly toả sáng; . 362		Trong như băng tuyết,	382
Trăng đèn bạc, rạng soi ngàn ngổ;398		Trồng cây gây rừng.	433
Trăng đẹp trên lầu gần bến nước;391		Trống chiếu lúc lạng,	345

Trông phúc cho con cháu;	379	Trúc vân ngọc quý;	425
Trời cao đất rộng cương thường. 484		Trùm đời danh tiếng lưu sử nước; 411	
Trời che lọng báu mây lành chiếu; 413		Trung hậu còn truyền;	418
Trời che mái mái. nhà hay học; . 371		Trung hậu một đời hiếm thiện ít; 339	
Trời chiếu sáng ngôi điện gác 269		Trung hiếu còn truyền;	419
Trời chiếu sáng soi điện gác	275	Trung hiếu một lòng trời đất tỏ; 258	
Trời chiếu trăng soi;	395	Trung hiếu một lòng, trời đất rõ; 373	
Trời chiếu, trăng soi;	332	Trung lập bày hàng đình tả hữu; . 282	
Trời dường anh tài văn võ với võ 305		Truyền nhà muôn việc đều nên .. 399	
Trời đất cội Nam đầy	457	Truyền răn năm điều.	486
Trời đất nhân gian cùng thẳng ... 241		Trừ giặc Bắc - oai linh đức thánh; 327	
Trời đất núi sông, hun đúc tinh . 331		Trừ giặc ngoại xâm - võ công 320	
Trời đất vẫn như trời đất cũ;	242	Trước cảnh phật.	276
Trời đất vô tư.	429	Trước cảnh Phật. phù thiện phật 304	
Trời Đông A danh lừng ghi chữ . 393		Trước chỗ ở, sau đền thiêng; 262	
Trời giúp hanh thông sinh vua ... 242		Trước cửa huyền thơm mừng 426	
Trời hướng Tây thiên.	308	Trước đèn không đèn,	441
Trời lấy Ngũ hành	468	Trước đình rậm cỏ thơm xanh 422	
Trời mệnh thánh sinh.	292	Trước mắt đèn dóm đàn ca, 445	
Trời mở núi Voi nêu chính khí; .. 260		Trước mắt khói lam – cho mực vẽ 299	
Trời mở vui dôn.	287	Trước mở nước, chính khoa, 382	
Trời Nam mười tám đời truyền... 251		Trước muốn cửa công đào mạn . 392	
Trời nói gì đâu!	241	Trước ngàn năm, phải trái	357
Trời nói gì đâu,	318	Trước sáng, để tiếng nhà còn mãi; 422	
Trời phù hộ hân hoan như có 397		Trước sau dòng giới công với 292	
Trời quang mây biếc trời từng ... 346		Trước sau giúp chúa.	264
Trời sáng sao đầy nghiêng bút 240		Trước sân mừng quá gió lành đến; 433	
Trời sinh tướng giỏi;	265	Trước sân sương đọng trên trúc .. 330	
Trời tăng năm tháng người tăng. 284		Trước trước chẳng bắt đầu,	463
Trời tuệ sáng soi.	276	Tu nhà tu chợ tu Thiên Phật; 456	
Trời vũ trụ thái hoà.	467	Tùng bách Chiêu lăng đầu chốn . 357	
Trời xanh bóng mây ảm;	346	Tụng Phật từ bi	271
Trụ đá nêu cao sáng nhật nguyệt; 263		Tụng phật từ bi nên tích thiện; ... 276	
Trúc biếc hoa vàng	491	Tùng trước sân sắc xanh chẳng .. 299	
Trúc biếc hoa vàng đều tính phật; 435		Tùng xanh quây tận cửa;	442
Trúc biếc, cúc vàng, cảnh yên ... 415		Tuổi hiếm kém bảy,	408
Trúc kín khôn ngăn dòng nước .. 310		Tuổi tác ngoại tám mươi,	407
Trúc nguyệt in tâm thiền,	462	Từ bi chẳng sót, trời nhiều mắt; .. 272	
Trúc trở đầy sân khoe sắc biếc; .. 391		Từ bi quảng đại, trời người hợp; . 282	

Tự cổ Trần Danh truyền di tích;	457
Tự cổ ơn truyền,	295
Từ đường đỉnh vạc cúng tiên tổ;	419
Từ nay nhà chồng mãi chung	481
Từ niệm cứu người,	472
Tứ phủ tiếng thiêng,	323
Từ xưa danh tiếng truyền ba dải;	365
Từng qua biển lớn e làn nước;	338
Tươi tốt quanh năm, nhờ chăm	381
Tươi tằm trăm hoa, chỉ sương	479
Tượng Phật trang nghiêm ngồi	312
Tướng quý trên cao,	312

U

Uy nghiêm Hậu linh	454
Ưu ái nhiều năm dày ơn đức;	404
Ưu bát nở hoa,	280
Ứng hiện chẳng hai lần,	323

V

Vài cánh mai hoa đón nhuận khí;	397
Vạn ác nhân gian cười tủm tỉm;	343
Vạn dặm đường mây vừa chuyển	375
Vạn đợt núi mây vào bút vẽ;	437
Vạn khoảnh khói sóng,	478
Vạn Kiếp núi non đều khí kiếm;	247
Vành trăng mấy bạn tròn,	406
Vào chùa cầu niệm Di Đà Phật;	285
Vào chùa nên khởi niệm từ bi;	307
Vào cửa bát nhã,	412
Vào thẳng chốn vô vi thanh tú;	485
Vào xuân chẳng thiếu người nhân	448
Văn dưng truyền đời nêu thánh	325
Văn để dài lâu,	453
Văn đua, bút trận, ba đỉnh đối;	360
Văn hay, võ giỏi,	428
Văn lấy đạo, tiếp lấy lễ,	429
Văn phái họ Ngô,	420
Văn quý Cửu hoa	446

Vân cát lạ kỳ,	486
Vẫn coi như con,	408
Vẫn đó núi Nùng sông Nhị	326
Vận hội chính mới lên,	357
Vân tiêu với vơi tươi sơn hải;	322
Vật thịnh dân yên ngang trời phúc	324
Vẻ đẹp đây rồi,	453
Vẻ hồng đuốc sáng tươi kim	395
Vì nước, vì nhân dân,	329
Vì nước, vì nhân dân,	241
Việc có cái bỏ đi,	294
Việc hay biết đủ lòng thanh thần	297
Viện tinh đình nhân.	477
Vó ngựa bụi xe,	386
Vó ngựa gió bay mờ bóng nguyệt;	473
Vọng đất tốt Bồ đề,	290
Vốn cổ danh lam,	290
Vốn đại bi thương.	337
Vời cao công đức	326
Với tinh thần Tổ quốc,	460
Vũ trụ chẳng phong trần,	329
Vua đầu viêm bang,	253
Vua Hùng mở nghề dạy cày cấy;	249
Vua phong thanh bang,	461
Vui bất tuyệt trong chốn	465
Vui tiền bạn bè,	451
Vui vô hạn, trong nhà tích thiện;	425
Vườn chùa có tự đời Trần đế	248
Vườn đào diễm lệ ngàn năm sắc;	242
Vườn đẹp sông thơ chùa	488
Vườn thần sách chép không hai,	489
Vườn thượng uyển mai	424
Vườn tiên một cảnh hoa,	359
Vượt khỏi trần hoàn đường có	322

X

Xa ngoại mười phương cùng quản	328
Xa xưa đức độ đường biển cả;	267
Xanh xanh rậm rậm,	459

Xe mây đầu chốn Trang Vương:	414
Xe ngựa cờ quạt,	380
Xe sách chung đường trong thiên	319
Xuân cúng, thu cầu,	384
Xuân hạ thu đông của tiền đưa tới:	475
Xuân hoa đua nở, thu cho trái: ..	398
Xuân phong chẳng giận,	248
Xuân tươi mát,	299
Xuân về cảnh đẹp,	380
Xuân về viện thăm, mai đua nở: ..	391
Xuân ý vị đậm đà,	389

HỌC TẬP TU DƯỠNG

A

Ái quốc một lòng	673
An bình thần liệu nền gia thất ...	500
An cư gia trạch, làm theo chính	588
Án nguyệt nhờ đức lễ thấp sáng:	605
Anh hùng nước Việt Trần Hưng.	563
Anh linh tinh diệu nghìn năm ...	619
Ánh nguyệt toả lan nước biếc ...	598
Ánh trăng lấm vẻ soi nghiên mực:	528
Ánh trăng lờ mờ bóng cả quấy: ..	630
Áo manh vẫn đượm hơi mây khói:	528
Áo mũ trăm đời bền mỹ cảnh: ...	506
Ao nghiên sinh gió xô sóng mực:	594
Ăn không cầu no,	647
Âm đức thần cho lưu đệ trạch ...	499
Âm nhạc bấy cùng lúc,	667
Ăn cư để tỏ đức;	675
Ăn nấu trên lầu dung thế biến: ...	572
Ăn ở giàu sang thanh trần tục: ...	558
Àu, Á khắp nơi truyền bốn sự lạ.	624

Xuất nhập Bồng Lai,	322
Xử thế gì bằng tích đức:	389
Xưa đi, nay đến,	374
Xưa Lê triều Quang Thuận	330
Xưa nay lưu hiển tích;	321
Xưa tạo dựng, nay trùng tu	484

Y

Ý thơ đầu khác vì kim cổ;	440
Yên ổn nhân dân	473

B

Ba cây che sân,	672
Ba lần nghĩ mới bước;	544
Ba mươi sáu động đình,	622
Ba năm nhà vắng đọc xưa nay: ...	553
Bách thế hiếu tư hằng ngưỡng ...	500
Bạn cầu thả, tuyệt giao;	547
Bàn luận việc giữ lòng trung hậu,	578
Bàn luận xưa nay,	653
Bạn như tranh vẽ nên giản dị; ...	535
Bản vẽ rồi ren thi ý thoáng:	533
Bảo kiếm nhờ mài nên mới sắc; ..	537
Bào mã Lam Sơn còn truyền tích;	670
Bảo tướng với vợ,	632
Báo thiện, báo ác,	497
Bảo Thịnh có duyên giữ được cốt;	654
Bạc chí thánh, lòng thành	627
Bạc danh sư Ni Sơn	615
Bạc nho Nam Việt,	650
Bản cư giữa chợ không người hỏi;	603
Bất nhân quả báo rồi làm thiện; ..	537
Bể học ngàn bướm tranh gió;	525
Bên ao nước giọt hồ quân lạnh; ..	668
Bên khe trúc biếc là thi liệu;	664

Bến mê dưới đất mở đường giác..	630
Bến nuôi khí hạo nhiên;	524
Bên trời tiếng hạc thanh vang nội;	599
Bệnh lâu mới biết nhâm thuốc.....	537
Biếc xanh vẫn như cũ;	578
Biển học không bờ thuyền nên ..	530
Biển học rộng ngàn dặm	634
Biển nhận trăm sông,	636
Biết đủ thường vui.....	610
Bình an trúc lớn nghìn năm biếc;	581
Bình sinh chỉ lấy văn vui thú;.....	538
Bình sinh tiếp thụ ngàn năm khí;	530
Bình tâm nắm thế vị;.....	548
Bỏ phần đến giản tam thu mộc; ..	566
Bóng mảnh bên song mai sánh.....	568
Bóng nước trong xanh	600
Bóng tùng in suối chảy soi	598
Bổ nhiệm hiền năng hưng quốc..	566
Bốn bể phong quang nơi nơi tốt;	579
Bốn mùa thực khí ngời huyền.....	589
Bốn mùa trò chuyện cùng hoa.....	597
Bốn mươi bốn năm ra sức,	670
Bốn phương thông đạo lớn;	498
Bốn vách đồ thư thường đối ẩm;	600
Bốn vị trời Nam,	621
Bởi chăm đọc sách.....	540
Bụi trần không một hạt;	579
Bụng có chí lớn	613
Bút còn hơi vàng đá;	516
Bút giá nghiên ao lời tựa bể;.....	569
Bút già thơ mới e sinh chuyện; ..	538
Bút hoạt như phượng múa;	518
Bút mực kinh trời đất;.....	518
Bút mực tăng hứng thú;	522
Bút sơn khó tả linh đài thực;.....	675
Bút thắm mầu hoa mở mang.....	677
Bức vách có tai lời cảnh trọng; ..	616
Bức vẽ dở không gây khó chịu;...	533

C

Cá vượt cửa rồng ba lần sóng;....	515
Các hệ phồn vinh nhờ phúc ẩm; ..	564
Các vắng thanh tu phiêu	597
Cảm đức tổ làm thơ sen viết quat;	564
Cam lộ vầy đầu cành hương liễu. ..	614
Can đảm chiều người như sắc	527
Cảnh do tâm tạo.	612
Cánh mềm chẳng thể	638
Cao khiết, ai kẻ sĩ thiên hạ;	644
Cao lớn môn lý đẹp tươi hoán cải;	511
Cày trắng trồng hoa lạ.	665
Cất thừa xén gọn cây ba năm; ..	605
Cần kiệm nếu cao giường sáng ...	576
Cần kiệm trị gia là sách tối;	585
Cần với học ẩm lạnh không đổi; ..	554
Cầu hiền gấp tựa khát muốn	539
Cầu học cần cho thực dụng;	524
Cây cổ như vồn long hổ khi;.....	538
Cây cối tạo rừng.	656
Cây gốc nước nguồn bao phúc ..	569
Cây gốc nước nguồn ơn tổ đức;..	501
Cây lớn non xanh chặt được khó;	640
Cây lớn nhiều âm hay.	615
Cây ngọc hoa vàng hương làm ..	510
Cây ngọc hương lan thừa trở đậu	508
Cây phúc rộng tâm nên quả đẹp. ..	614
Cây tổ trồng sâu hoa tiếp nở;....	563
Cha mẹ dưỡng sinh,	673
Cha mẹ tuổi cao.	589
Chăm chỉ là bờ biển tri thức;.....	634
Chăm hay bù vụng	509
Chăm hay bù vụng tài hay nhậy;	538
Chăm hay sửa vụng	612
Chăm học được giàu;.....	667
Chẳng có thuyền Tây đến	560
Chẳng chán trăng trên hồ	578

Chẳng động tướng chân như; 559
 Chẳng nghĩ đường đời không có . 617
 Chân tay không động, 610
 Chén nổi nhụy mai. 608
 Chép nghe thấy núi non dễ kiếm; 564
 Chí muốn công đầu tranh mạo ... 661
 Chiếc ghế vắng người, 604
 Chim muốn bay cao trước vó 526
 Chim sẻ đầu tường bàn Luận 646
 Chín phẩm hoa sen luôn nối tiếp; 559
 Chín tầng thiếu nhạc đưa trăng .. 505
 Chín vạn dặm chim bằng nơi 591
 Chính trị lấy đức thành người 568
 Chịu học chịu nghĩ năm được 540
 Chó già rụng lông, 644
 Chọn được vài câu sách dùng 543
 Chọn rộng tài người, 554
 Chớ đem bất tài, 656
 Chớ để lòng tà, cực ác đại gian, . 642
 Chớ nhạo chàm rỗng, 655
 Chớ với non xanh bàn thế sự; 641
 Chơi với người tốt, 542
 Chú ý đắp bồi, 595
 Chuyện ngàn đời văn chương; 522
 Chữ an bỏ chữ nữ, 647
 Chưa mong trăm việc đều như ý; 529
 Chưa nói ý trước lập; 520
 Chưa rõ cần hỏi cổ; 523
 Chưa thật từ hiếu hữu cung, 583
 Chưa thể một ngày ít lỗi; 524
 Có ân tình thì báo đáp, ai ai cũng 677
 Có chí giàu can đảm; 545
 Có chí sẽ thành công, 594
 Có đức dân đều kính 674
 Có gốc sâu 564
 Có lòng làm dăng hiến; 548
 Có sách chất đầy án; 518
 Cổ thơm có tình khiến ngựa đứng; 568

Cổ nhân nói cái đáng truyền 650
 Công đức lưu truyền nghìn năm . 630
 Công đức tổ tông nghìn năm 616
 Công khéo được đời thích; 657
 Công tại triều xưa danh tại sử; 604
 Công tinh, bút khỏe, tác phẩm ... 530
 Cốt yếu lập nhân khai đường tắt; 577
 Cùng đạo Khôn khoan độ, 625
 Cùng kẻ can trường mà cộng sự; 571
 Cung kính đẹp tươi thay, 608
 Cũng quý đấy, việc gì 544
 Cúng tế xuân thu, 606
 Cuộc đời vinh nhục ông đừng ... 574
 Cuối Trần ấy thời gì, 652
 Cứ một nhân thân này, 506
 Cửa giấy nhà tre, 655
 Cửa hung chẳng phải hoa phong 499
 Cửa nhà xuân ấm sinh vẻ đẹp; ... 580
 Cửa thiên tự có trường sinh phép; 602
 Cười nói không ngoài, 666
 Cứu chết phò thương, 657
 Cửu phẩm đài sen 562
 Cửu thiên nhật nguyệt khai vận ... 579

D

Dạ Trạch giúp phù, 669
 Dám làm việc khó lớn thiên hạ; .. 538
 Dáng điệu dịu dàng xứng mẹ của 619
 Danh giá trong triều, 653
 Danh lợi nhạt như nước; 546
 Danh tướng làm phúc thần, 629
 Dẫu rằng trí tuệ do trời giúp; 539
 Dẫu thiêng rủ chiếu nghìn thuở . 623
 Dây mỏng ngắn dài, 656
 Diều giả khen chân, 643
 Diệu tượng tựa như sống 618
 Dưới bậc chi lan ngênh nắng 582

Dương liễu chẳng theo xuân già...570
Dưỡng tâm gì hơn ít đục;.....526

Đ

Đã chấm xây dựng lại khéo tô vẽ;677
Đã đến núi rừng tránh thế sự;.....663
Đại độ lượng như trời cao biển...574
Đại hiếu đại trung;.....632
Đãi người rộng ba phần là làm...674
Đãi người rộng ba phần là phúc;.....586
Đại trượng phu gắng đại trượng...644
Đàn hay bay tuyết trắng;.....568
Đàn kiếm rong ca ngũ nhạc.....557
Đạo cương thường muôn thuở...626
Đạo đức kinh (Lão tử).....658
Đạo đức sáng tươi ôn nhuận ngọc;600
Đạo đức văn chương.....627
Đạo gồm một lẽ;.....678
Đạo học tiếng thơm truyền năm...650
Đạo học xưa nay không lối tắt;...654
Đạo người ngũ thường là ngũ...673
Đạo Phật thân với khách.....674
Đạo tâm bình tĩnh trước dòng...574
Đạo tựa lối đi;.....633
Đạo thông trời đất hữu hình.....574
Đấng quý tôn muôn đời.....618
Đất Bắc đón thờ kể từ vua Hán;...561
Đất Bò để được ơn đầy khắp;...559
Đất đó, núi này;.....603
Đất lành hàng cửa lăm;.....499
Đâu dễ làm vừa ý người;.....557
Đầy giá đồ thư đều là.....587
Đầy thất chi lan tươi mưa móc;...593
Đầy viện hoa thơm tình bút mực;593
Đèn bạc sáng bùng nghìn lối.....584
Đèn nến huy hoàng phơ sắc quý;502
Đèn sáng ánh mầu điểm khói nhũ;501

Để đất cho người bằng nhân hậu;663
Để trống đại từ bi;.....665
Đêm tĩnh mài tàn nguyệt;.....522
Đêm vắng đèn chong sách vẫn...528
Đến thờ nghiệp lớn còn nghìn...561
Đi không hề nghỉ;.....637
Đi thuyền thích nhất nơi gió lớn;641
Đi vào lò lửa cách mạng;.....660
Địa hưng hoà làm quý;.....499
Địa linh nhân kiệt thần đế phúc;..628
Địa mạch kết tinh khai nghiệp lớn;510
Điểm điểm nước soi;.....596
Diễn tích ý sâu xa;.....522
Đỉnh quý khói hương bay khí tía;502
Độc đến trời cao biết sự học;.....553
Độc sách có ích;.....542
Độc sách lòng gửi chí xa;.....525
Độc sách mạnh người;.....539
Độc sách nắm thiết yếu;.....516
Độc sách người xưa;.....543
Độc sách thánh hiền.....555
Độc sách thường răn tự xem.....526
Độc sách vạn quyển;.....542
Đóng cửa khách rồi ít;.....517
Đóng cửa tự học, đọc sách có ích;556
Đội ơn tiền tài tấn phát;.....498
Đông A đã cổ non sông đổi;.....670
Động bút kinh trăng lạnh;.....515
Động Đệ nhất ở Nam Bang;.....632
Đồng rộng lo ruổi ngựa;.....550
Đồng Thổ duyên kỳ ngộ;.....621
Đồng Thổ giảng sinh chơi tiền...625
Đồng Thổ muôn đời.....631
Đời người là sân khấu lớn;.....643
Đục gặp dòng trong nên gọt rửa...675
Đúng thực sự nghiệp xuân hoa...654
Đưa mắt khắp trời đất;.....523
Đưa mây gió vào bút mực;.....525

Đức kệ truyền thông cõi tam giới;	631
Đức rộng toả khắp,	626
Đức rộng toả khắp,	631
Đức sáng hương thơm trưng cách	501
Đức thánh cao sâu,	650
Đường dài hay sức ngựa;.....	547
Đường lợi nhân gian công khai...	498
Đường mây cổ chí tròn danh	600
Đường tắm hoàng khai ngôi tổ ..	508
Đường thẳng thanh vân lưu tâm .	591
Đường thất lớn lao dài thế đức;...	510
Đường thôn vòng núi thông che..	596

G

Gác phượng thênh thang lùa gió	648
Gánh nhân không nhượng.	611
Gạo hết tiền không khôn tác	643
Gắng học phải biết dùng đầu óc;	641
Gặp việc chờ nóng.....	613
Góp nhặt kim hoa trời tích đức. .	615
Gửi ý ngoài thi thư;	550
Gương sáng nơi lầu cao đầu lấm .	562
Già chẳng trắng đầu vì thủy thổ; .	635
Gia thế tươi thêm nguồn chảy cũ;	508
Gia truyền hiếu thảo tình thân ...	601
Giang sơn tụ khí về tân trạch;.....	509
Giao du cẩn thận chằm cày đọc; .	556
Giáo hoá dựa lòng từ,	560
Giáo hữu vào ra từng thế nguyên;	562
Giấu thắm cảm thư thành ngữ sắc	509
Gió dữ biết cổ cứng:	546
Gió đi trời thêm cao,	548
Gió lạnh qua vườn đông mực viết;	534
Gió mây nghìn dặm bồi cây ngọc;	580
Gió qua cỏ rậm sinh tiêu sáo;	590
Gió sinh khe biếc cá rồng nhảy;..	595
Gió tuyết từng mai sạch kỷ chiếu;	598
Gió thoảng trắng trong,	588

Gió thổi long môn làn xuân ấm; .	582
Giúp đỡ là nhân đức;	558
Giúp nước kiên trinh chân	669
Giữ cho cực vụng mới là khéo. ...	614
Giữ lòng chất phác.	610
Giữa đất trời, cần kiệm quý nhất;	503
Giường mắt cổ theo cùng sa mạc;	538

H

Hạ ốc đối dời oanh khởi tổ;	515
Hải nhật đầu tiên khai pháp giới;	602
Hạnh hồng đào biếc càn khôn ..	585
Hạnh phúc có bởi chuộng nông;	498
Hát lâu đồn hạo khí;	556
Hay chăm nghiệp đức chỉ bạn ...	526
Hãy vui lòng người thường hiếu ..	634
Hậu duệ phúc mây trùn yến dục	514
Hiền giả chẳng sống thừa trong .	554
Hiển hách chiến công,	558
Hiên hậu đỉnh thành mà	623
Hiển hoá diệu kỳ,	624
Hiên miếu chằm tu sửa,	619
Hít thở vào song thoáng hương. .	606
Hoa gang tỏa mây đẹp,	660
Hoa hương chỉ quý con ong mật;	529
Hoa rơi nhẹ trên đất;	564
Hoa thơm nước lượn cội Bồng ...	632
Hoa vây hạnh đỏ mê xuân sắc; ..	598
Hoà khí đầy nhà mừng thuy khí; .	579
Hoài bão nước non mừng được ..	527
Hoan hô ca vũ,	648
Hoặc khóc hoặc cười rõ ràng diện	506
Hoàng Đạo giảng đường mở lý... .	671
Học bể vô bờ cần là bền;	592
Học biết chưa đủ.	608
Học biết chưa đủ	609
Học cũ xem ra đều sâu kín;	530
Học được thì sách ở	677

Học gồm mình, bạn nên phòng ..	601
Học như chèo thuyền nước	541
Học phân rõ trời người;	516
Học quý thường xuyên,	542
Học rộng nghĩ sâu tăng trí tuệ; ..	531
Học rộng tài cao, đạt cả bốn kỳ ..	644
Học sự quyết tâm,	662
Học vấn của nhà thầy uyên bác; ..	678
Học vấn không cùng,	555
Học vấn thường do lo lắng được; ..	531
Hộ chiến trận Bạch Đằng,	672
Hồ núi đồ xưa lưu vượng khí;	577
Hôm nay là kẻ hàn sĩ Hải Dương; ..	644
Huyện quan Thanh Miện,	648
Huynh đệ đồng tâm như sư hữu; ..	586
Huynh hữu đệ cung ấy là	591
Hưng bang cứu đời đều nhờ	676
Hương hoa khắp chốn,	605
Hương ngát cấm đường ngưng ...	500
Hương phở đỉnh quý thời chiều ...	502
Hương sách giường nằm thơ	552

I

Ích trí có châu,	555
------------------------	-----

K

Kẻ nhận việc phải giàu thực học; ..	531
Kế Long quân, họ Đinh,	621
Kiên quyết chối từ Bắc Kinh biểu; ..	671
Kiến tạo bồi đắp quy mô mới;	674
Kim Bản giấu lên nhờ thánh giúp; ..	563
Kinh bói điệp thành làm cho	631
Kinh Lễ không chép việc đi dạy, ..	645
Kinh thành phá vách ca trời ...	535
Khách đến há chuyện sống,	583
Khách thăm đặc ý vui không chán; ..	591
Khai bách thế hồng đồ	511

Khảm ngọc dát vàng,	659
Khảng khái chí trượng phu;	545
Khánh Thụy một ngọn cao	577
Khảo cổ lựa kim,	554
Khắc ý làm văn,	537
Khí bình làm việc lâu;	544
Khi cười gió trời đưa loan phượng; ..	503
Khi giới nhuộm thù Ân,	559
Khi làm việc lớn lòng bình tĩnh; ..	642
Khi nhà Lan Đình điểm thần	628
Khi nhân nhả thơ văn là bạn;	663
Khi sống dạy dỗ nên người,	655
Khi tia rọi về trời gang tấc;	578
Khi tiết lăm liệt như trời chói	651
Khi tốt sinh ra duy hiếu để;	586
Khi tốt với khói hương hoà nhà; ..	500
Khoa giáp cách tân dung tứ mã; ..	509
Khoa giáp trúng rồi, tên không ..	577
Khoan dung đại lượng	612
Khoan dung đức sẽ lớn;	544
Khói hương cao quện điểm	501
Khói hương không quên đức	616
Khổ đọc sử ngàn năm;	520
Không dám làm xằng, ít hện việc; ..	574
Không đâu không tốt,	559
Không kiêu uy càng lớn;	548
Không mất không sinh	626
Không riêng không sợ	570
Không trọng thi thư sao thoát tục; ..	601
Kỷ là di và mộ,	646

L

Lại đem việc cũ làm tân diễn	60
Làm được câu hay cười hết cỡ;	639
Làm giỏi dụng cụ tốt;	657
Làm ruộng nghe chim biết thời vụ ..	664
Làm thiện đọc sách sẽ được	540

Lan quế thêm dao thư hương tiếp; 510
 Lan quế thơm hoa, 583
 Lay ngọc tiếng vàng 601
 Lặng nghe cá độc nguyệt; 505
 Lặng suy rõ sự việc, 550
 Lặng xem thế giới, 639
 Lập chí biết suy là tuần kiệt; 540
 Lập chí nên hay tam cổ thịnh; 535
 Lập đức đều xưa nay; 519
 Lập đức lập công danh bất hủ; 629
 Lập thân chỉ thấy càn khôn nhỏ; 567
 Lập ý cần sâu sắc; 547
 Lầu say biển học tìm sâu rộng; ... 553
 Lầu cao xa tiến nghìn núi thẳm; .. 596
 Lầu cao, trăng ngấm trước; 556
 Lấy điều dạy người dạy mình; 524
 Lấy đọc sách làm vui; 550
 Lấy hòa mục lâu dài làm lớn, 672
 Lấy tính ở non, 638
 Lễ việc thông suốt, 612
 Lễ có việc hiến sinh, 674
 Lễ để chế hành, 583
 Lễ nhạc trăm năm tôn điển miếu 619
 Lễ nhượng ba lần..... 658
 Lễ vật y quan, 508
 Lên lầu Hoàng Hạc đọc phú 541
 Lên nhà tổ, ta suy tư về thế 666
 Liễu thẩm đào hồng, 588
 Linh Hồ, Nhược thủy theo duyên 578
 Lò vàng lưu mãi ngàn năm tạc; ... 502
 Lòng cung kính trăm đời không .. 676
 Lòng gặp cơ may thân bút mực; .. 534
 Lòng khoan quên hẹp đất; 547
 Lòng không suy nghĩ tinh thần ... 575
 Lòng mang chí ngàn dặm; 549
 Long môn lệ cũ vẫn chương quý; 515
 Lòng người tựa lộ thẳng là tốt; ... 503
 Lòng nhà sâu tìm trồng hoa thú; .. 636

Lòng nhà nhấm nháp hồn câu .. 640
 Lòng rộng như tiết trúc; 546
 Lòng từ ban rộng mười 561
 Lòng tựa trúc kia bên sông lượn; 565
 Lòng trong trùm trăng sáng; 545
 Lờ lững khởi bút cứng như đúc; 529
 Lờ nhả thi thư giữ lễ; 525
 Lúc gió xuân về họp cùng bạn tốt; 571
 Lúc sống Gia Định, 654
 Lúc trẻ không để tâm học tập 617
 Lung linh đêm nguyệt đèn liên thi; 584
 Luyện thành sắt nhọn nhờ chân .. 604
 Lư vàng hương ngát thêm hương 500
 Lựa chọn người tài giúp thiên hạ; 657
 Lược xem sách vài lần; 520
 Lưu tâm việc muôn thuở; 550
 Lý học chơi ngon Quan 662
 Ly, my, vọng, lượng; 646

M

Mạch thơm tuôn bất tận; 673
 Mạch văn như nguồn suối tuôn .. 534
 Mai hoa hương ngát đàn tâm cổ; 565
 Mải nghĩ tam lão ý; 551
 Mạn Trù, Dạ Trạch nay còn đó .. 633
 Mặc ba điệp khúc ấy, 506
 Mắt cười đón khách quý; 551
 Mắt mũi vẫn phi thực..... 639
 Mắt tuệ đạo biển sách; 519
 Mắt trắng nhìn thiên hạ; 547
 Mặt trời là lửa, 647
 Mặt trời chiếu khắp vườn thiền... 625
 Mấy chấm hoa mai ngênh khí .. 581
 Mấy chuyến giang hồ sách một .. 527
 Mây núi có nhiều cho bút tả; 534
 Mây trắng về cửa động; 505
 Miệng hô trời đất chuyển..... 614

Miếu mạo nguy nga nơi đồng	625
Miếu mạo trang nghiêm	620
Miếu rợp năm vua,	633
Mong biết tình dân.....	613
Mong được vui cùng trăng;.....	545
Mô phỏng người xưa theo thú ...	533
Mỗi khi đại sự có tình khí;.....	567
Một ban tâm giao, đời thế đủ;....	640
Một bức bóng hoa mây rủ đất;....	591
Một câu xương tận sông thu	506
Một chốn lâu đài xuân sắc đẹp....	633
Một đêm sấm chớp,	621
Một hiền trăng gió dầu yên tĩnh. .	593
Một hoa hiện tốt vòng sa giới;....	558
Một hồ thu thủy thừa thanh khí;..	580
Một khóm hoa mai một khóm.....	592
Một mình lấy sách vui bầu bạn;...662	
Một nếp ngọc đường ngồi cảnh..	514
Một người làm phúc	614
Một nhà nhiều người đồ cao,	649
Một sân hoa nở thành tri kỷ;.....	592
Một số về hưu	652
Một vật hoà khí.	610
Mở đường trong cổ kinh loài rắn;..	567
Mở quyển mọi lời nhả;.....	523
Mở sách gặp người ngàn năm.....	606
Mở văn phòng tạo dựng nghiệp..	668
Múa khỏe lòng xuân mạnh;.....	549
Muốn bồi phúc địa phải canh tâm	582
Muốn hiểu biết,	667
Muôn người truyền dạy giáo dục. .	667
Muôn thuở anh linh dương đức ...	620
Muôn thuở hồng bay lưu dấu lớn.	625
Muôn thuở tư văn lưu chính	507
Muôn trượng ánh sao soi ngoài...592	
Muôn trượng mây xanh	584
Muôn vật lặng nhìn đều thích cả;..	572
Muôn việc truyền gia cần lấy	585

Muốn xây nền tảng không gì	555
Mưa gió trải nhiều người bất lão;..	572
Mưa không có khóa mà lưu khách;..	645
Mưa rắng tuy lòng mà dậy sóng;..	570
Mưa tạnh sách đàn nhuần;	522
Mưa trúc, gió tùng, điệu đàn;	525
Mực rớt rần tranh múa;.....	516
Mười dặm bóng tùng trăm nẻo ...	579
Mười năm đèn sách khảo điển cổ;..	594

N

Năm canh ngoài cửa gió mưa	528
Năm sắc trong mây khai ngày....	579
Năm tháng vô cùng,	535
Nắng ánh trước thêm rừng cây...514	
Nắng mai cửa mở phong quang..	581
Nền cũ gia tần trần đạo lý;	512
Nền nước vững mạnh	678
Nền nhà chớ nghĩ trông nhà dễ..	604
Nền tĩnh mà nghĩ xa;.....	545
Nếp nhà từ hiếu lưu muôn thuở..	620
Nếu danh cũng nhạt như nước lã;..	642
Ngàn cây hoa lạ nhiều vườn	636
Ngàn năm hàn mặc văn tỏa sáng;..	608
Ngàn năm không đổi,	649
Ngàn năm sách vở trong sắc núi;..	595
Ngàn thuở tổ công cần gìn giữ; ..	559
Ngao du biển mực tình gửi bến...554	
Ngày ấm nhà hoa về yến quý.....	581
Ngày nay nhớ tiền liệt;.....	549
Ngày rằm trời quang đăng;	551
Ngày vui nhà mở oanh vàng	509
Ngắm bông hoa đẹp xuân tươi...532	
Ngắm kiếm sinh can đảm;	517
Ngắm nhìn trăng sáng;.....	544
Ngâm câu tuyết điệu hoa đều.....	527
Ngâm nga nảy ý mới;	518

Ngâm thơ trúc ngâm biếc;.....	522	Nhà ít lầu cao không đất dựng....	605
Ngẫu nhiên mưa gió kinh hoa.....	503	Nhà khó hiếm chi ở xóm nghèo; 536	
Nghe đàn biết sự việc;	595	Nhà lan đình vững thư hương nhà;510	
Nghe lỗi thời mừng	611	Nhà ngọc gió hoà lân in dấu;.....	580
Nghèo hèn khi rời.....	612	Nhà ngọc tiếng tâm suy hiển triết;599	
Nghề buôn bắt tin người ta kỳ;....	658	Nhà ở có thừa hương thơm,	589
Nghề không trung hèn.	611	Nhà sách dựa mây quang cựu	514
Nghề nông có sách,	596	Nhà tổ trăm đời hương khói	618
Nghề tinh ở chầu.	556	Nhà, nước biết lo sách thường ...	567
Nghĩ cao thấy lý vật;	544	Nhàn mượn bút nghiên thư mất..	552
Nghị luận chắc theo dòng	570	Nhàn tản thú cầm kỳ,	588
Nghĩ văn mỗi một hai mai bạc; ...	553	Nhân tiền sắc tướng đều thành ảo;505	
Nghĩa khí giữ cương thường,	608	Nhân tiền sắc tướng đều thành ảo;602	
Nghĩa vững trung thiên	497	Nhạn tháp vẫn như xưa sương gió;505	
Nghiêm cần truy tư cháu hiền.....	507	Nhân cách như ngô xanh trúc ...	592
Nghiên mực nổi mây lành,	651	Nhật nguyệt bình tưới soi cột vè; 510	
Nghiep cũ còn đây ba luống cỏ;..	529	Nhật nguyệt chín tầng khai vận..	579
Ngõ trúc, tiếng ngâm, từ viện	530	Nhật nguyệt đôi vầng thiên địa... 593	
Ngoài cửa non xanh như gấm dệt;594		Nhật nguyệt sáng soi hoa thêm ..	618
Ngon bút thông tạo hoá;.....	518	Nhất thời khát rượu toan nuốt ...	637
Ngọt hãy nhớ đắng.	613	Nhiều như cỏ thu cắt không hết. 604	
Ngô xanh trúc thắm,	597	Nhìn trúc mai để đường tỉnh;	565
Ngồi đọc chỉ mong trời đổi mặt; .	557	Nhìn xã mới biết phong lãng nhỏ;629	
Ngồi vắng nên nghĩ lỗi mình;	596	Nhọc lòng tìm câu hay;.....	523
Nguy nga điện vũ ngàn ngàn sĩ...622		Nhớ lại khi xưa,	497
Ngựa tốt khôn truy công tiên tổ; 503		Nhớ tiên nhân lập thân giáo gia, 589	
Ngực có hạt châu chung nhật	566	Nhớ tiên tổ lập thân,	607
Ngước mắt nhớ tổ tông công đức;501		Như vàng đang nung,	659
Người dân đến nay vẫn trọng đức	620	Nhường người ta không yếu;.....	545
Người giữ ngay đạo Tam Cương, 627		Nói lý luận sông,	590
Người ham đọc sách thế gian ít...615		Non cao tự có người leo tới;.....	568
Người núi ngồi một ghế,	672	Non mây gọi bút mực;	521
Người quân tử kết thân	614	Non nước triều tông y ngày trước;513	
Người thọ đời vui.....	658	Non nước u thâm lòng vương.....	541
Người thọ nhờ thuốc,	659	Non xanh không mực nghìn thu .	570
Người xưa học hỏi không còn sức;536		Non xanh nước biếc,	616
Nhà có chi lạ khí vị lạ;	567	Nổi tiếng trăm năm còn công.....	566
Nhà giúp thành thư mưu chí	585	Nơi sông Lạc rùa thần đưa điềm. 645	

Núi quang tầm mắt rộng;.....	519
Núi sách có đường;	513
Núi sách có đường;	568
Nuôi dưỡng nhân sinh thoả tình..	571
Nửa đời sự nghiệp đèn xanh thấp;..	601
Nửa giường đầy sách bên thông..	663
Nửa song trăng lặn mai không	595
Nửa song trăng xế hoa mai bóng;..	597
Nước chảy cũng như vậy;	633
Nước lớn nguyên giáo hoá	576
Nước luôn tính đậm làm bạn hữu;..	566
Nước tính thanh đậm là bằng hữu;..	635
Nước thu là tinh thần.....	662
Nước trong cá đọc nguyệt;	573

O

Oanh dời nhà đẹp yên làng tốt; ..	514
Ôm tiết trắng mười năm chịu khổ;..	668
Ông Trọng nguyên, cháu Bổng... ..	669
Ở cùng quân tử, tình sinh cao.....	661
Ở gần biết xa, làm nay hiểu xưa;..	555
Ở với vệt chớ nên nói bậy;	607
On thần phò phúc đức;.....	498

P

Phá giặc Thục, công lao	630
Phá ngàn trùng quan;	541
Pha trà mời khách quý;.....	551
Pha trà rữ chiều chờ khách quý;..	640
Phá vách bấy rồng múa;	517
Pháp chọn lan đình còn khí vận;..	532
Pháp giới lại dâng hoa tuổi tác;..	602
Phẩm hạnh giống mai hoa	573
Phật vốn từ bi;	675
Phong độ mây núi	612
Phong thái ba thu trắng sáng;.....	525
Phong thái sách đèn nói đời bền ..	675

Phú quý nở hoa nâng chén biếc; ..	502
Phúc chiếu nhân gian;	497
Phúc đức đầy nhà gia thanh còn; ..	507
Phúc sinh lễ nghĩa cho nhà thịnh ..	632
Phượng không phải chim phàm;	667
Phượng liệng vương khai vẻ vang ..	573

Q

Qua cố quốc, ngắm Lô, Thao; ..	603
Qua chơi hoá phép;	624
Quang mượn thanh phong	586
Quanh năm hoà khí xuân còn	581
Quần tử không rời.....	610
Quét giặc vạn binh;	622
Quên đi năm tháng sách nghìn... ..	663
Quốc gia vững chãi;	631
Quý sách đọc sách;	635

R

Ra đường, vào chợ tôn Vương....	628
Ra sức đến thế;	655
Rành xưa nay cảnh đẹp;.....	667
Rắn trắng cản đường;	653
Rẽ đường mềm mại đưa lên giá;... ..	531
Rõ rồi đây, đáng tin đây;	676
Rồi đem thiếp ra viết;	524
Rồng cuộn hổ ngồi	511
Rộng rãi giao du cần đạo nghĩa;..	635
Rồng vàng trên gác vờn sắc tia; ..	509
Rửa mực sóng xuân vương thiếp	532
Rực rỡ phú tam đồ trong bụng; ..	606
Rường cột duy tân gia thanh hưng ..	514
Rượu đấu, đọc chơi hai mốt sử... ..	604
Rượu không Nguyên Lăng	653
Rượu nên uống ít.	613
Rượu ngon uống sau lúc đã.....	575

Rượu quý lưu khách trú;.....	574
Rượu thôn dã say ca;.....	521

S

Sa mạc lớn làm trơ cột khói đứng;.....	575
Sách có biết ngờ rồi sẽ hiểu;	512
Sách có thể ta chưa từng đọc;.....	589
Sách đến lúc dùng hiềm ít đọc; ...	512
Sách đến tuyệt tình là lộng hiểm;	527
Sách hay không chán xem và đọc;.....	540
Sách hay phẩm quý nhiều mùi vị;.....	554
Sách tựa non xanh chống chắt ...	537
Sách vàng giục ta mau sớm dậy;	526
Sách viết chẳng theo thời uốn	529
Sáng chiếu nhật nguyệt.	610
Sảng khoái một lầu Đống vũ mới	623
Sáng nay mừng gặp	511
Sáng qua mưa gió,	647
Sánh thanh cao của người quân ..	664
Sao Dực sao Chấn,	628
Sao hiện, mây mừng mở đất	628
Sao khuê, trời sáng,	576
Sao phải hỏi việc lành,	497
Sao thừa mê luyện kiếm;	518
Sáu lễ chưa xong,	643
Say mộng thơ ca lâu chẳng dậy;	553
Sắc cỏ sân xuân hoà hơi ấm;.....	528
Sắc nắng ngang song ngày xuân	594
Sắc núi đầy song sách đầy giá;.....	595
Sắc nước nghiêng thành thiên hạ	622
Sắc ngọc giáng cung vua,	562
Sắt xịn gang thuần mặc rèn luyện;.....	661
Sấm gió đêm xưa, dấu thần tỏ rõ	623
Sấm sét truyền vang,	632
Sân hòe bóng cũ nhờ gốc vững;.....	517
Sẽ đến ngày thành công mài sắt;	660
Sen sống trong hồ suốt.....	678

Sĩ phu báo đáp những gì thay! ..	576
Sĩ tử chuyên cần,	594
Sĩ thiên hạ giao lưu nơi biển Bắc;	590
Sinh khói trong hương mây lành	501
Soi tối chỉ mê mặt trời đỏ;.....	562
Song bên dòng nước thơ đàn đậm;.....	533
Song mai án tĩnh yên bình vậy; ..	570
Song ngâm sắc xuân sinh hoa.....	569
Song sớm động sương	600
Song thư đêm lặng ngời sao đầu;	527
Sông biếc bao quanh như rồng... ..	584
Sống chẳng sống thừa,	669
Sông dài ca rộng lớn;.....	550
Sông hạc một trận,	629
Sông khắp thế gian đều về biển;	571
Sống là tướng, chết thành thần,	560
Sống làm người hào kiệt;.....	548
Sông nhường dưới thiên nên	642
Sông thu tinh thần,	654
Sở đoản người chờ chờ	611
Suối rừng nơi ẩn bậc thầy nho, ..	652
Suối vàng tràn sen vàng,	661
Suy tư tu đạo lên chân cảnh;.....	557
Suy tư việc cũ không toàn đúng;	641
Sự học nhân gian chẳng quyền ..	578
Sử nước chép tên,	561
Sự nghiệp bắt đầu từ gắng học; ..	513
Sự nghiệp tướng công huân,	560
Sự thế đục như tuồng du hý;.....	506
Sửa chữa sáng thêm nơi tích phúc;.....	513
Sửa thơ đại là cốt;	524
Sức thánh ban nghiêm,	648

T

Tài hoa năm sắc quang minh gấm;.....	600
Tài như sông biển văn chương lớn;.....	531
Tái tạo một chùm Đống vũ đổi... ..	624
Tam Bảo toả ánh ngọc sáng	626

Tạo hoá cũng chẳng quyền hành, 622	Thoảng thi được hòa, 638
Tâm gương sáng treo cao;549	Thối quen thay đổi, chỉ không rời;535
Tâm luôn quy củ làm không loạn;639	Thông nghìn cửa khó, 636
Tâm như lò lửa,660	Thơ hay dành để tri âm thưởng; . 640
Tâm rộng vũ trụ,634	Thơ không dùng câu tục;..... 520
Tâm sáng sợ gì quỷ;.....549	Thờ tiên tổ như kính tại thượng; 499
Tân hỏa khối chia tan khí tốt;.....560	Thơ từ gan ruột ra; 519
Tảng không mất Phật không560	Thời cơ sinh diệu lý; 547
Tập hợp nhân tài cùng giúp nước;635	Thời gian chờ để trời hờ hững;... 540
Tế ngộ lạ công danh Sư phò;668	Thời thế yên bình, 618
Tên lòng triều trước công phò ... 650	Thu uống rượu hoàng hoa;..... 665
Thà là ngọc nát.611	Thuốc tốt, mở lối mù nghìn dặm;659
Tháng ngày qua lại bàn Phật 630	Thủy mặc vẽ cảnh lạ;..... 521
Tháng ngày vui tươi trời bồng ... 627	Thủy trúc trồng nhiều lay bóng .. 565
Tháng tốt ở lâu vui gần nước;597	Thư gấm huy hoàng, 511
Thánh che thần giúp,629	Thử hỏi ai là người không uống.. 673
Thắng địa chọn tân cư,515	Thư pháp chẳng nên toàn nệ cổ; 526
Thắng thần vui cùng ba lối nguyệt;536	Thư viện Huỳnh Cung,..... 651
Thấp đèn gắng đọc..... 609	Thước cong làm nên đồ tròn 656
Thần thánh mở Viêm Bang,602	Thường cư danh sơn gặp viên chí;572
Thần vào núi báu, tên cao Bắc .. 659	Thường đem cái vô cùng trả trời. 673
Thập toàn quần chúng thông thả 619	Thường thức thanh âm sơn thủy, 599
Thấy bạn những mong hầu dưới .512	Tĩa hoa cần thận là thi khách;.... 596
Thấy giỏi thuốc hay, 657	Tích đức ngưỡng tiên nhân, 587
Theo đạo lòng rộng.609	Tích đức thắng kim ngân, 588
Theo đòi bút mực chùng thoát tục;553	Tích linh để lại, nghìn năm còn .. 623
Theo đòi học vấn,654	Tích ngọc tích vàng chẳng bằng 542
Theo đường mà đi,636	Tiền tài như bùn đất; 603
Thế gia mấy trăm năm,541	Tiền tổ danh thơm ghi sử nước;.. 597
Thế gian phẩm hạnh lan tốt bậc; 572	Tiếng cảm trong giếng nước; 569
Thế sự đổi thay tâm sự vững;.....503	Tiếng thơ kinh trắng sớm; 523
Thêm thọ thêm già,657	Tiếng thơm còn mãi lưu thanh ... 620
Thị phát thấy có uy đáng sợ 620	Tiếp đãi mọi người bằng đức..... 676
Thi thư đầy sánh phong vân khí ; 582	Tiếp khách qua lại ngày đêm, ... 618
Thiện ác vốn có báo,643	Tiết cụng làm nên, 655
Thiên nhiên vẫn đượm mây xuân 512	Tiết cụng như quân tử;..... 661
Thiên thất xưa nay vân ngoại504	Tìm khắp thiên hạ..... 609
	Tin lành bao giờ mới đến, 662

Tinh anh trên trời,	669	Trên nhà cha mẹ vui rạng rỡ;.....	580
Tinh để dưỡng tính,	638	Trên trời là mưa ngọt;.....	670
Tinh để tu thân,	586	Triều thịnh điểm tô văn trị thịnh; 576	
Tính hiện ở văn chương,	541	Triệu Việt Vương,	624
Tính nghe cá đọc trăng;.....	517	Trình như trúc biếc mình về tuyết;569	
Tính tính chẳng hiểm nhà tranh..	595	Trọn đời giành từng phút;.....	520
Tính tính chẳng hiểm nhà tranh..	665	Trong bụng chứa vũ trụ;	521
Tính tính thể hiện ở văn chương. 605		Trong cửa thổ vương,	498
Tinh thần đến độ,	539	Trong lòng còn sự nghiệp;.....	567
Tinh thần phải tỉnh,	638	Trong lòng đầy nhật nguyệt;.....	552
Tính trời ưa hoạt bát;	546	Trong mắt sóng biển nhỏ;	575
Tinh ý chi đây hùng lại kiệt.	605	Trong quyển có thơ là gấm vóc..	599
Tỏa sáng sen vàng,	634	Trong rừng quét sỏi bấy cờ tướng;663	
Tóc xanh chẳng biết chăm học...513		Trong sạch tự tu,	638
Tổ có đức, tông có công.....	607	Trong sân tĩnh lặng xem hạc.....	584
Tổ công tông đức còn thơm dấu; 572		Trồng vài khóm trúc hay thoát... 640	
Tổ lớn thay, sự nghiệp	558	Trời đã cho rồi,	563
Tổ trắng nhận làm ngàn	678	Trời đất Đông A nay còn đó;	651
Tối ngủ sau người tỉnh;.....	521	Trời đất vào tìm thành ngồn	563
Tôn kính tổ tông là ý nghĩa	677	Trời Nam lý học non cao giữ;.....	651
Tông tổ gieo trồng nền điển phúc;502		Trời phú thanh cao, biệt trần tục;571	
Tông tổ nghìn thu dài tự điển	507	Trời phú thông minh giúp	668
Tới cửa quan chậm,	648	Trời quang mây tạnh thời Tam ...627	
Trai gái anh hùng xông vạn hiểm;658		Trời sáng lòng từ bi nắm giữ.....	626
Trái ý đừng nản.....	611	Trời thu xanh cao rộng;	551
Trang sách đọc xong hay biết cạn;532		Trời xanh quang đãng không	631
Trao bao hộp quý,	659	Trúc báo bình an toàn gia thịnh; 584	
Trăm đạo suốt trong bay cõi thực;602		Trúc nhờ rồng có ích;	546
Trăm đời từ hiếu cao ngưỡng	507	Trúc sửa, một sân tôn sắc thắm; 598	
Trăng gió đêm xuân,	671	Trung hậu nhà truyền mãi;	519
Trăng gió một sân là bạn tốt;	532	Trung hậu truyền gia an lại tốt; ..	585
Trăng gió một trời thơ rượu sẵn; 534		Trung hiếu vẹn toàn năng rắn ...	616
Trăng sáng đeo chơi kiếm ba.....	552	Trước có nước biếc non xanh	617
Trăng sáng vào lòng.....	662	Trước lầu tươì đẹp rồng bay lượn 621	
Trần vương hiển các triều sắc	561	Trước sân có mía,	647
Trâu khỏe trong đất sinh ngọc....	634	Trước thần linh ứng,	649
Trên điện tỏ công thần,	649	Trượng phu chí khí dài lâu,	645
Trên giấy bày dòng chung cục	573	Trượng phu trong chỗ chết tìm . 542	

Tu nghiệp chăm là quý;	516
Tục hay đổi mới,	676
Tuổi xuân như lửa.....	660
Tuỳ thời chép hết việc xưa nay; ..	536
Tự biết khó tính khó hòa tục;	637
Từ cổ thành danh nhờ đường	672
Tự đem nước thu rửa sáng mắt; ..	639
Từ đường thâm nghiệm thi đạo ..	616
Từ hiếu hữu cung,	587
Tự sao trời giáng trần,	561
Tứ sinh, mười loại đều chiêm	626
Tứ thơ thường về tối;.....	520
Tứ thơ vô hạn bên song cỏ;.....	533
Tự xem mình giúp trừ phiền não; ..	607
Từ xưa lập ấn xuất hiện vật	624
Từ xưa thánh hiền ra sức,	664
Tình trải biết vị sách;	548
Tước phong Mai quận công.....	670
Tượng đá vòng chia bên sườn núi; ..	564

U

Uy thần lẫm liệt Tam thần miếu; ..	649
Uy trấn giữ ở sông Hạc,	628
Uy vũ tổ tông truyền lễ nhạc;	508

V

Vài từ thanh nhâ nên câu đối;.....	552
Vạn dặm gió mây vung bút trận; ..	593
Vạn quyển tàng thư là tử đệ;.....	599
Vạn quyển xưa nay ngày mãi đọc; ..	512
Vàng đá là tâm,	587
Vào cửa thi thư bao nhiêu việc;... ..	569
Vào nhà phảng phất hương.....	617
Vào tự nhiên, tìm kiếm kho tàng. ..	660
Vào thiên miệng niệm Di đà phật; ..	630
Văn bút viết thanh thiên	592
Văn chương sông Tứ ngời vạn cổ; ..	615

Văn chương tinh lý tìm Khổng ..	590
Văn nước mùa thu không vẩn bụi. ..	606
Văn như Siêu, Quát không Tiến ..	653
Văn tâm hoa kêu gọi.....	609
Văn tự quý như châu ngọc;	676
Văn thay xương cốt không thừa.. ..	537
Văn hạc bay về điểm hắc lại;	573
Văn thơ rơi xuống gió mây nổi; ..	535
Vật gì nhắc mình,	543
Vật thờ hoàn thành,	656
Về biển học biết bao sóng gió; ...	529
Vị sách rất dài nên sáng tỏ;	536
Việc cần nghiên cứu,	539
Việc chẳng quyết làm thành ảo cả; ..	607
Việc chính của đọc sách	637
Việc đời biến đổi việc ta định;	642
Việc đời đầu thường,	642
Việc đời nghỉ lại khi nhân hạ;.....	558
Việc học như đào giếng,	666
Việc huấn việc hành,	587
Việc luôn biết đủ tâm thường	573
Việc nên thông thạo,	637
Viết sách sợ ngày ngắn;	516
Vịnh núi khích lệ chí;.....	546
Vinh Thọ được truyền,	666
Vô tuần mã đường đời chẳng nệ; ..	562
Vua hay dùng tâm đức đối	675
Vui giữ gió trong trù khí bản;	639
Vui thú vô cùng,	665
Vụng làm, ruột rỗng,	532
Vuốt Rỗng trao lại phù	633
Vừa vui người trước truyền	508
Vùng nền cây tiếp vừa sinh	563
Vườn mực dẫn hồn đưa văn lại; ...	552

X

Xa thư một mối thiên hạ tại;	577
------------------------------------	-----

Xây dựng yêu cầu,	656
Xe loan xuất hiện	619
Xem đủ kỳ quan thiên hạ,	543
Xem nhiều việc xưa nay;.....	521
Xem rộng Lục kinh,	666
Xô ngựa ta cưỡi,	646
Xuân cũ hoa không rụng;.....	575
Xuân cũng đã tình,	543
Xuân huyền ngày tháng	580
Xuân nhật đẹp hoa đường,	583
Xuân phát về hoa,	587
Xuân phát về vẻ,	582
Xuân phong đại nhả bao dung vật;.....	566
Xuân sang đào lý tô vẽ thêm	617
Xuân sắc đẹp hoa cư,	583
Xuân về đất văn vật thêm nổi.....	627
Xuân về đây, cá rồng biến hoá ...	582
Xuân về song cửa thêm tươi mực;.....	528

CHÚC MỪNG VIẾNG THĂM

A

An ở chỗ vui mệnh trời.....	1007
An toàn trên hết,	686
Án tuyết đêm khuya vui bạn tốt.	819
Ánh đuốc rèm thêu tạc vẽ bút... ..	827
Ánh đuốc rèm thêu, kim phượng.	827
Anh hùng thành bại kể chi,	888
Anh là tri huyện giỏi,	1001
Anh linh sáng nhật nguyệt.	805
Ánh sáng không thua nhật	1006
Anh sẵn phong lưu văn quế,	897
Ánh trắng rèm ngập khiên hoa ..	759
Anh trấn trong Nam,	951

Xuân về viện thăm mai hoa nở;..	598
Xuống bút động núi cao;	519
Xử thế chẳng gì bằng tích đức; ...	586
Xử thế không kỳ.	637
Xưa nay năm tháng khiến	664
Xưa năm Đinh Mão sao Khuê ...	622
Xương sắt anh hùng vui	641

Y

Ý tình không theo nước chảy	636
Ý thú nảy sinh thành đối khéo; ..	530
Ý tranh tình thơ cảnh vô tận;.....	575
Yến đẹp nếp nhà.	511
Yên nghèo quên năm tháng;.....	517
Yến tía giữa sân vàng tiếng hát; ..	590
Yêu gốc mai già như tú sỷ;	533

Ảnh trúc vẫn là thân ảnh đấy.....	849
Ao biếc súng sen chung rẽ nở ...	824
Ao đẹp tấu huân ca cưới phượng.	896
Áo đưa hương quế lên thăm.....	900
Áo lễ một triều,	958
Áo mới mai chớm nở.....	812
Ao mực khói trùm sương đọng ..	769
Áo rét là xong gió xuân ấm.	707
Ao sen ca tụng lá trường sinh.....	892
Áo thơm hương gác	818
Âm buồn khó giữ mây trôi lại.....	790
Âm dung lẫn quất trên linh giá. ..	798
Ấm lạnh tùy ý người.	706

Ân ái vợ chồng,	859
Ân trạch thắm cành vàng,	939

B

Ba chục xuân gót hạc núi cô,	803
Ba gian nhà, đầm hàng trúc biếc,	757
Ba hàng tùng rết ngâm sương,	798
Ba năm chỉ thấy mưa tầm tã,	808
Ba ngàn khe dòng Tương luôn,	840
Ba ngàn Khúc lễ hơn Mạc nhận,	839
Ba ngàn năm tháng xuân,	834
Ba ngàn năm tháng,	846
Ba nghìn giày đỏ theo Nam cực,	734
Ba sao sáng tiếng tiêu gác,	787
Ba tấc là quan, năm tấc là quách,	974
Ba tấc lưỡi bàn xưa,	694
Ba thu yến tần hôn rượu cúc,	784
Ba thước sạp hàng truyền ý tốt,	699
Ba thước thân còn,	937
Ba trăm sáu mươi ngày lo quản lý,	729
Ba xuân hạc cuối mây như vẽ,	989
Bác há phải sống mà chơi ở,	880
Bác nghị sách hay văn tựa gấm,	817
Bạc vàng vượt trời trời Nam,	941
Bách biếc, tùng xanh ngời ca,	831
Bách đầu nghìn mai không đổi,	872
Bách hoá thương hiệu,	704
Bạn đàn sắt, bạn đàn cầm,	813
Bàn đào ngày hội, ba ngàn năm,	832
Bàn đào trên biển kết nhiều quả,	990
Bàn suông nói cạ lẽ,	761
Bạn ta sách ngàn cuốn,	775
Bạn tốt đến nhà như trước,	757
Bản thảo Thần Nông hương,	738
Bảng đề danh nhiều người đỗ đạt,	931
Bảng hổ ngời đầu trang cự phách,	961
Bảng tú sĩ, thê thiếp,	916
Bảo hiểm gặp hung hay hoá cát,	740

Báo nước chẳng buồn khi tóc bạc,	831
Bao nhiêu người thương tiếc,	847
Bảo vệ điểm lành,	893
Bảo vệ mờ sao nữ,	803
Bảo vệ sáng sạp,	889
Bảo vệ sáng soi năm chín chục,	889
Bảy năm đao kiếm vang trời Bắc,	988
Bắc hải chén nghiêng thời sơ độ,	733
Bắc ngóng cánh chim,	864
Bắn sẻ mừng tay xuyên lá liễu,	901
Bạc đại nhả chẳng còn,	869
Bạc đại phu thuở trước,	928
Bạc đại trượng phu phẩm,	946
Bạc khanh sĩ khuất rồi,	911
Bạc quốc mẫu thời Trần,	955
Bạc thêm cặp cặp mời loan múa,	794
Bảy mươi tuổi, bảy lần đỗ,	913
Bè bạn đua tài vừa buổi mới,	999
Bèo nước gặp nhau, như bạn cũ,	722
Bên ao vẫn còn những,	972
Bến ấp thuộc đầu nguồn,	939
Bên bạn tốt mưa mai mây cuốn,	825
Bên cầu rơi xuống đành đợi nhật,	711
Bên gối vắng tiếng suối,	778
Bên giòng sông Vị thả câu chơi,	835
Bến non biển yên ương gác đẹp,	839
Bến Tây xum họp gặp thái vận,	820
Bệnh cũ tuổi vàng đưa dần lối,	810
Bệnh lâu chẳng dám ngại ngần,	931
Bệnh tình ông làm sao,	915
Biển Bắc tiệc bày,	894
Biển biếc mây trùm Rồng múa,	855
Biển Nam không nổi sóng,	994
Biển treo tuổi thọ càng thêm đẹp,	891
Biển vẫn vượt thuyền,	742
Biết đâu một giấc bay hồ điệp,	869
Biết mệnh biết phi thành thuận,	733
Bình an vô sự, nước nên lo,	684

Bình gốm lắng trong ngời ánh	741
Bình gốm nước sôi mời khách	741
Bình hoa phú gởi thung mai nở	791
Bình pha lê chứa rượu hoàng kim	712
Bình sinh tình nghĩa	802
Bỏ áo cổn mũ miện	982
Bỏ ít tiền mua trước	685
Bỏ khăn vô ý sợ hở đầu	710
Bỏ tục xấu, hà tất phải	988
Bỏ tục xưa, cười xin đơn giản	857
Bóng cây xuyên cửa biết trăng lên	750
Bóng thiêm sáng tỏ	814
Bóng trúc qua song	760
Bộ ba (tùng, trúc, mai)	753
Bốn bể biển trong xanh	942
Bốn bể danh nhân đề thơ chùa cổ	951
Bốn bể danh nhân đề cổ tự	979
Bốn đời áo đỏ mừng thêm thọ	837
Bốn đức đều hay	943
Bốn mặt sơn hà quy về xà tắc	981
Bốn mùa cảnh đẹp	777
Bốn mùa hoa đẹp	759
Bốn mùa hoa đều nở	854
Bốn quý qua rồi nên yến thích	792
Bốn trăm năm trước	958
Bốn vách quanh hiu	802
Bốn vách rục rờ, hàng bầu la liệt	704
Bốn vách sáng trong	965
Bông tuyết về trời sáng	712
Bờ cõi của ta nhỏ bé với hàn	912
Bờ nước hương cần ba bậc sóng	990
Bởi yêu chim hót cây trồng lắm	755
Bụng rỗng vẫn thừa hơi căng gió	689
Buôn bán hưng vượng	688
Buôn bán trọng tín nghĩa	697
Bút cao như núi còn không tiếc	763
Bút cứng vẽ non xuân	812
Bút giỏi đề thơ trên lá thắm	841

Bút hay nhàn tả đêm trăng lạnh	817
Bút hay thêm mới tả trăng sáng	814
Bút luôn mạnh	774
Bút mực say sưa	774
Bút nhờ gió ấm tô màu đẹp	825
Bút say thơ ý hậu	762
Bút vẽ đẹp như bài thơ hay	763
Bút vẽ thiên nhiên	690
Bước ra thoải mái quên trời tuyết	711
Bước vào đầu đen học việc	716
Bướm lượn ong vây rày	712

C

Ca buồn dậy đất	794
Cả có tài năng gần cửa phượng	896
Cả rõ tài đạo vườn nghệ thuật	897
Ca tụng ngưng tuyết trắng	691
Các vị tổ trong nhà ta	985
Cách gang tấc trời cao soi vực quỉ	925
Cái gốc bên trong thường	919
Cảm tất ứng, cầu tất thông	954
Cảnh ngộ mới lớn phượng	782
Cảnh ngộ thật khó thay	875
Cảnh ngộ thật khó thay	922
Cảnh trí đúng nho gia	933
Cao dày chưa định thế	885
Cắt lức may hồng tô vẽ đẹp	710
Cắt may ngàn tấm vải	708
Cắm chuôi dao năm tấc	739
Cận kẻ hào khí không duyên gặp	781
Cần kiệm dựng nhà nhờ nội trợ	832
Cần kiệm nghìn nhà lắm giấu có	683
Cầu biển học tri thức	742
Cậu còn nhỏ, giữ trọn niềm	917
Cầu chính xác ở nơi tình tế	714
Câu chuyện đau lòng	803
Câu hay chẳng phiền khách	819

Cầu lam bước nguyệt thẳng	908	Chỉ màu chứa nư sông, muôn	702
Cầu ô khéo vượt hai sao hội	827	Chỉ muốn mọi người khoẻ	694
Cầu ô vừa bắc, hai sao vượt	827	Chỉ nói sân gai thường tự hội	863
Cầu tu nghiệp thật chuyên cần	915	Chỉ người trước chớ quên khi	798
Cầu thướt ngồi trăng người	827	Chỉ ông đáng khen thay	879
Cây cối khoe tươi	738	Chỉ thể chẳng khác phù con trẻ	873
Cây hoa vẽ ngọc tươi như gấm	752	Chỉ trà thô cơm đạm	740
Cây mến trên lên	945	Chiếm khoa Bạch Liên	997
Cây nhứt chia nắng	945	Chiêu tập khí tượng mới	748
Cây quế hương thu vui làm lễ	782	Chim bay đồng ca	833
Cây xuân gặp xuân càng trẻ mãi	892	Chim ca, trúc ngàn khóm	755
Cây xuân tươi tốt nhờ ơn nước	896	Chim hát, hoa hương	859
Cây xuân thắm một thiên thu lộ	732	Chim hướng dẫu cảnh giục	769
Cha có công, con có công	961	Chim núi có tình tôn kẻ	504
Cha con một nhà	986	Chim thấy đất lành bay đến đậu	684
Cha mẹ trước được gia phong	928	Chín áp chín đồn lương tặc phá	937
Chào mừng quý khách món	723	Chín bậc sắc phong rạng ngời	969
Chấn xanh chiếu lạnh suy	866	Chín bậc thêm vua xuống	930
Chẳng ai không nói hay khen đẹp	724	Chín chục hãy còn ngàn triệu thọ	835
Chẳng còn nghe thấy gọi tiểu tử	866	Chín chục mùa xuân	835
Chẳng cọt, chẳng lười	722	Chín chục, khách mừng	738
Chẳng lo nắng chiếu tắt	689	Chín mươi chúc thọ ngàn năm	846
Chẳng nên người tốt	798	Chín mươi tóc bạc cùng kim mẫu	890
Chẳng nhu chẳng cương	1011	Chín tầng muôn dặm xe việp dầy	891
Chẳng tiếc keo loan ngàn dặm	814	Chính khí cao với đồng tri Bắc	845
Chân chân giả giả cũng tình lý	693	Chính khí là khí tạo nhiên	961
Chân trời rực rỡ một vành nguyệt	836	Chính khí lưu muôn thuở	805
Chập chờn ánh đuốc chiếu nhà	900	Chính khí như còn sống	936
Châu ta án sát có ba người	917	Chớ đùa hồ dữ trên đồng phẳng	1005
Chén mời nước ngọc hay anh vũ	844	Chờm bảo vệ hạt mưng bốn chục	832
Chén thắm sương hoa lưu khách	763	Chờm Bảo vệ một sao thượng giới	804
Chết không được	877	Chờm Vực sáng ngời, trời tròn	833
Chết như sống, mãi như còn	942	Chọn chỗ nhân làm tốt	746
Chỉ buộc kim cài mặt hàng vật	703	Chọn ở chỗ nhân hoa tu quý	750
Chỉ cùng đạo hợp	860	Chỗ đứng cùng đình xét nam bắc	904
Chỉ cùng ý hợp	860	Chỗ mới xây xong vui mọi nơi	749
Chỉ khí tinh thần	984	Chốn bán đảo tề lên chúc mừng	893
Chỉ lan ngạn thuở tốt	812	Chốn Đào trí tám mươi liên thủy	835
		Chốn doanh liên gần kẻ thù nữ	847

Chốn lam điền tiên dung gieo	839	Có khăn khí tượng đẹp.	710
Chốn thanh. ao ấm. xem rồng ...	904	Có lẽ ít để lại chàng.	932
Chống Mạc phò Lê.	951	Có mẹ không thể không về.	931
Chờ gieo tóc trắng lên đầu lão....	716	Có mẹ mà không nhà.	931
Chờ nên ngày nắng dài phơi đầu	687	Cỏ nhỏ, tùng cao	943
Chớm nở vườn mai thơm gác đẹp.	786	Cỏ trắng có tình được	760
Chú của vua. sứ của nước,	954	Côi Tịnh Thổ, cung trời phạm. .	955
Chu. Thiệu từ Quốc phong dạy dỗ	839	Con đi xa còn mong ngày hiển .	923
Chùa Một Cột danh lam.	1007	Con gốc nương nhờ xanh tóc mẹ.	871
Chúa thành tối trung.	1009	Con hay cha hay. lắm vẻ hay....	904
Chúc ông nậu thọ.	891	Con nhỏ vui duyên thử vẽ mây...	905
Chúc tụng tuổi cao xuân vừa tròn	733	Con quế báo điềm khoe phúc hậu:	990
Chúc tuổi thọ ba nghìn năm	734	Con quế cười rỗng khoe tài giỏi..	898
Chúm chiêm hoa chào khách.	776	Con quế nêu tên.	899
Chuốc rượu bên hoa mời trăng. .	766	Con quế tên nêu leo gác phượng.	898
Chuông chùa. khói toả.	721	Con sống xa cha ở nơi đất lạ. .	918
Chuông điểm giờ lâu.....	729	Con tam giáp vì cha phải bỏ	914
Chuông gió triều âm vương	504	Cổ miếu còn kia, sừng sừng với	1011
Chuông trống vui chung,	965	Cổ nhân đều tìm kiến thức trong	730
Chụp thành bức ảnh đôi.....	853	Công cao hộ quốc nghìn thuở .	983
Chữa bệnh nổi danh thấy cả nước.	695	Cổng chợ vui đón khách xa gần. .	699
Chữa chạy có lòng nhân.	720	Công đức truyền lâu từ phổ hệ .	982
Chứa học thuật quý giá kim cổ. .	730	Cổng mới dựng, mây lành.	750
Chứa học thuật xưa nay.....	743	Công ở triều Trần, danh ở sử....	940
Chứa sách trong nhà mười vạn...	993	Công sức khai canh thờ ba vị tổ. .	968
Chưa xong chí lớn thân đến nợ...	806	Cốt sắt từng nan đỡ khổ mưa....	688
Có ai gặp cảnh ngộ như anh.	933	Cột trụ chống trời,	946
Có con tài giỏi.	994	Cột trụ ngàn năm nêu nước Việt:	1003
Có chi không thành.	887	Cột vững tồn vinh.	940
Có đức công bằng.	745	Cớ sao thế tiên ông.....	932
Có huyền đầm nước cần xanh lục.	893	Cờ treo muốn được sương.	895
Có huyền đất bắc năm chùng	836	Cơm nóng rau thơm xuân	723
Có huyền hương nhật ngày xuân	861	Của đẹp giá hời.	703
Có huyền năm tháng thêm	838	Cúc đậu hoa vàng tôn vẻ đẹp	783
Cổ huyền tươi tốt	895	Cúc thu trồng ba luống.	761
Cổ huyền trù phú, tiệc thọ tám...	838	Cúc vàng mừng trình gác nhà .	783
Cổ huyền thơm ngát ngàn năm .	846	Cùng chờ có không cần mậu dịch.	699
Cổ huyền vẫn đậm sương tiên ...	893	Cùng dạy cả trường thương hạn	811
Có khách đến tham quan.	993		

Cung đình mũ áo tôn tài sộ.....	903
Cung kiệm ôn hoà nên nhà.....	846
Cùng khách nói cười	693
Cung nga ngày ấy đã để vịnh	781
Cùng kính, cùng giúp,	856
Cung treo tiệc chúc rượu trường..	892
Cùng lòng, cùng đức,	859
Cùng nhà hai lần cáo tang,	930
Cùng toan liêu một mạch làm.....	885
Cuộc sống tình thân vào bia đá.....	796
Cư quan không mệt mỏi.....	1011
Cửa có tin vui trời đất vững.....	751
Cửa cung đào mạn, ơn vừa thắm.....	904
Cửa chào ngày sớm tài nguyên ..	698
Cửa chợ không thiếu hàng hợp.....	700
Cửa đón phúc, thu đông xuân hạ.....	750
Cửa hòe tươi tốt nhờ gốc cũ.....	951
Cửa nhà lắm phúc,	778
Cửa trước núi cao nên cấm trước.....	759
Cửa uy phước, đến nghe răn hổ.....	947
Cửa vàng rực rỡ kết hoa lạ,	896
Cười hạc bay chín tầng in hải cù.....	870
Cười nói nhẹ nhàng,	702
Cười phượng bay tham quan ao.....	896
Cười phượng vốn là khách vin quê.....	817
Cửu biếc cao, dấu lưu nơi cửu bệ.....	985

D

Da thịt mịn màng thơm	713
Dáng hiền khuất nẻo.....	803
Danh bia tiếng ngập nước ba sông ...	698
Danh hôn dưới gối hai đầu đẹp.....	899
Danh nêu trang đồng sử,	804
Danh tài đời thịnh sản quan hổ.....	900
Dạo đàn một khúc đôi làn giọng.....	782
Dao tri đào chín, ba nghìn tuổi.....	738
Dao tri hiền điểm lành tám chục.....	838
Day dỗ ơn sâu, trọn đời tưởng nhớ.....	850

Day thi lễ lúc qua sân,	995
Dặm thẳng đường xa bàn	711
Dân trị hạt cũ chẳng thể di dời.....	925
Dân xã một vùng ơn lưu khắp, ..	938
Dấu cũ sắc vua ban	963
Dâu hiền thôi hết cày.....	872
Dấu Tiên ở núi Nam	986
Dậy sớm thức khuya,	1008
Dịch nói: cần khôn định vậy	845
Diễn đạt ý tình nhiều văn vẻ	767
Dinh dưỡng phải đầu chỉ là trứng.....	739
Doãn tiên sinh đức vàng,	1000
Dòng dõi gia phong,	958
Dòng rộng bản chi thừa hưởng.....	981
Dối đảo sinh hoạt văn hoá	689
Dời dỗi tai biến há không phượng.....	924
Dung mạo như còn,	801
Dung mạo, tâm hồn,	858
Duyên kết năm trăm năm,	793
Duyên nhờ nguyệt lão,	828
Dựng cột mây lành vờn bắc đẩu.....	746
Dựng cột ngàn năm.....	779
Dựng phen dậu nước nhà,	967
Dựng sự nghiệp đề đầu nhân thế.....	717
Dưới nguyệt, nguyệt nga thơm.....	786
Dưới thềm hoa nở hoa ngời đuốc.....	822
Dưới trường dâng rùa vàng,	925
Dương xuân trên núi dựng bia đá.....	979

D

Đã bảo ngồi vào ghế.....	715
Đã bày ao phượng bên vườn lạnh.....	818
Đã khéo cung thiêm tay vịn quế.....	781
Đã ngó mây xuân trùn tóc đẹp.....	908
Đã nhàm câu nói: xưa nay hiếm.....	836
Đã thấy áo hoa cùng liễu ướt,	822
Đã thọ năm tuần lại thêm hoa	834
Đã thừa công trạng ghi trong sử.....	797
Đại bàng Gia Định,	976

Đài sen tĩnh, tiếng chuông tịch ..	989	Đầy chính sự nghiệp	974
Đại thụ um tùm vinh tổ nghiệp: ..	1012	Đầy đồng lúa mạ thương mưa ...	780
Đàm tiếu trong nu không cố cội: ..	737	Đầy khô cây ngọc tam canh gió: ..	868
Đàn nằm đầy quanh nhà hóng ..	965	Đem chuyện bịa rạch rời	691
Đàn ngọt chẳng nghe mưa hoa ..	874	Đèn một ngọn chung nhau:	721
Đàn nhả bay tuyết trắng	772	Đèn sách cũng đủ chỉ ba sinh:	972
Đàn quế hương bay kim ốc đẹp: ..	829	Đèn soi gác đẹp uyên ương:	845
Đàn sắt tiếng trong loan đòi giọng: ..	844	Đèn soi tóc búi về tề nhị:	820
Đánh cửa Thi Nại	1008	Đen bệnh lại tuổi cao:	996
Đánh đồng đẹp bắc uy phong ..	981	Đeo như nhật nguyệt nhỏ:	729
Đánh giặc giữ thành:	996	Đẹp trời ấm chỗ mới:	779
Đánh Thi Nại công phong hạng: ..	977	Đẹp vẻ, đẹp thay:	850
Đảo Côn Lôn diện tích bấy nhiêu: ..	881	Đế cứng chân mềm sức	711
Đào chín ba nghìn chén mừng: ..	737	Để dành có lợi, lợi nước:	714
Đạo đức cứu dân	953	Để đức nguy nga cao lâu Bắc:	938
Đào hoa đã nở tam thiên lãng ..	732	Để thơ lá thắm giải đồng tâm:	865
Đào lý trong sân đều	938	Đêm lặng chìm kêu sầu sắc nguyệt: ..	871
Đào lý trước nhà mưa móc mới: ..	992	Đêm qua có người chạy	912
Đào mạn tiếc thầy hay:	811	Đêm tối đước hoa thành đêm sáng: ..	848
Đạo ngũ luân đâu có thân sơ:	984	Đêm trước cầu ô đoán điềm tốt: ..	828
Đạo Phật sáng ngời:	970	Đêm xuân đầu mai cùng mộng ..	721
Đạo thầy chẳng thành lương	875	Đến đây hãy nghỉ chân:	720
Đau lòng thay thời thế khác	886	Đến tôi tươi xuân sắc:	715
Đau lòng thay, thời sự bất	1002	Đến thăm nhị đậu tìm nơi có:	730
Đau lòng thương kẻ khuất:	795	Đến xem họa tuyệt đẹp:	771
Đất còn địa linh:	982	Đi dép vào triều nghi dung cổ: ..	735
Đất đẹp vun trồng nên quả phúc: ..	982	Điểm lành hoa đước xuân không: ..	787
Đất để lại phía trái núi	950	Điệu cầm, sắt hài hoà đôi ngọc: ..	908
Đất kia cúc nảy vườn thu:	1004	Đình non nhạc phụ trông như tạc: ..	866
Đất không nhà khó xuân lui tới: ..	752	Đình nguyên tiếng động trên ...	1003
Đất phẳng xuân sâu:	863	Định sự nghiệp ngàn thu:	780
Đất tốt mây lành:	778	Đoán phượng xem ra vừa ý bố: ..	906
Đất thiêng mãi còn:	980	Đọc bốn nghìn năm lịch sử:	877
Đầu bạc cùng già:	852	Đọc sách dưới hoa ngời lúc rồi: ..	768
Đầu chỉ cung hàn tay vịn quế:	781	Đọc sách thực vui bụng:	771
Đầu chỉ dương xuân ưà bạch	693	Đọc sử những mong thông xử thế: ..	695
Đầu chỉ sớm hôm xem giờ giấc: ..	728	Đón người đều tươi mặt:	716
Đầu dăm lẩy sức dân đào ao:	1007	Đổ đạt dựng cây cao:	899

Độ hoa sớm đúng giờ hoa đước. 821
 Đỗ thư tự chỗ tốt. 773
 Đôi đẹp trăm năm hòa hợp. 854
 Đôi lứa trăm năm kì bẻ quẻ. 819
 Đón hậu nêu gương. 800
 Động biếc trắng soi ngời cặp. 844
 Đồng cam cộng khổ là anh em. 979
 Đồng đẹp như xuân. 755
 Đồng hương liên tiếp cáo tang. 875
 Đồng hương liên tiếp cáo tang. 930
 Đồng không tây có thông không. 699
 Đồng loại thương nhau. 944
 Đồng lòng coi trọng hội. 984
 Đồng phòng gương sáng khoe. 839
 Đồng phòng hợp cần khi vừa lớn. 903
 Đồng qua xuân đến. 992
 Đồng tâm làm ăn tốt. 853
 Đốt pháo hoa vang vang khắp. 747
 Đời hưng thịnh bởi hòa bình. 986
 Đời tô mây liễu qua ý bút. 817
 Đời thịnh cây xanh mãi. 829
 Đủ ăn, đủ mặc già xuân chán. 830
 Đưa đem Giang bút làm Trương. 816
 Đun sôi nước tam giang. 727
 Đúng lúc giao hoà tỏ tường lòng. 820
 Duốc hoa lòng kết nên rèn chí. 857
 Duốc hoa rực rỡ gác phù dung. 842
 Duốc hoa sáng. 894
 Duốc hoa sinh vẻ sáng. 813
 Duốc ngọc đợi soi trưng bốn cõi. 966
 Duốc rực sáng, mờ trăng đầu. 820
 Đức ấy, tài ấy, sự nghiệp ấy. 935
 Đức đến vô cùng vượt qua chín. 889
 Đức hạnh khó quên lưu huyết lệ. 871
 Đức hạnh truyền đi nhiều làng xã. 869
 Đức hóa kính tuyên dương. 967
 Đức lớn phát huy. 735
 Đức nặng như sơn. 735

Đức tinh trung bao trùm vàng. 985
 Đức tốt khó quên tuân lệ tốt. 805
 Đức tốt siêng năng. 860
 Đức tốt xứng bậc tiên bối mô. 800
 Đức trạch chầy dài muôn dặm. 1014
 Đức vọng tôn sùng. 810
 Đức vua như trời. 935
 Đừng nói mình ở gửi. 720
 Đừng ngại đợi khách ba. 834
 Được dự chốn cao sang. 899
 Đường đời đẹp nơi thàng trăm. 920
 Đường thẳng đến nay còn đó. 795
 Đường, lệ nở hoa ngàn thuở đẹp. 831

G

Gà chưa kịp gáy, hãy đun nước. 727
 Gác đẹp lan đêm hừng gửi mộng. 786
 Gác đẹp tháng mười mai chớm. 788
 Gác phượng màn loan đều rực rỡ. 851
 Gác sách tiếp giai nhân. 902
 Gác tia đèn treo ngời ánh bút. 787
 Gái đảm thành vợ hiền. 811
 Gái giỏi trai tài nom thật đối. 856
 Gánh trọng trách cung đình. 964
 Gắn bó đầu cành tung cánh. 901
 Gặp khách mắt xanh. 994
 Gặp lại mẹ, trước nhà không lối. 808
 Gặp mặt biết vô sự. 778
 Gặp mưa tầm tã trên đường lớn. 688
 Gặp người xem câu tuyệt. 775
 Gặp nhau như bèo nước. 720
 Gấm vóc lời văn. 731
 Gấm vóc nhân gian quây nhà. 840
 Gắn áo hồng may gặp dương. 788
 Gầy béo ngắn dài đều có mức. 710
 Ghế liệu xoay người đáng. 718
 Ghế tĩnh mây trong nghiêng. 772

Gò rãnh đủ yên hà,	737
Góc biển lười nghe làn sóng vỗ; 1003	
Gom hành hoá tám phương.	696
Góp ít thành nhiều,	731
Gỗ lớn muốn sửa nhà trên biển...892	
Gốc gác họ Trần truyền cụ đức; 975	
Gốc ở nhân tâm,	949
Gửi để không lo chín châu ổn....	686
Gửi tiền yêu nước,	732
Gương kính bóng lẻ thay,	865
Gương sáng chẳng kỳ đài,	949
Gương thủy tinh thấy ảnh hoa ...	824
Già cả thấy quạnh hiu.....	848
Già còn mạnh sức,	830
Gia đạo vẽ vang truyền thế phật; 1014	
Gia hệ thấy trông nhờ,	865
Già làng vẫn an khang,	926
Gia tài dầu vạn quan,	739
Giải vàng đồng tâm.....	813
Giang sơn góp đẹp cho nơi mới..	749
Giao lấy đạo tiếp lấy lễ	744
Giáp tý vừa qua, qua giáp tý.	833
Giấc mộng kê vàng về bến gác;..	989
Giấc mộng thơ ngăn tàn cổ nội ..	863
Giấc mơ hồ điệp bay đôi bóng....	862
Giấc ngủ dài, non thương nước...	796
Gió đông vào nhà	860
Gió mát dẫn đường chim báo hỷ. 740	
Gió mát mộng dương liễu.....	776
Gió mát nắm uy quyền.	687
Gió mát trăng thanh vẫn điệu đẹp. 757	
Gió mát trăng thanh,	971
Gió mây kiếm ba thước.....	775
Gió nhả dây tơ thành ngũ sắc....	705
Gió phương Nam thổi,	1004
Gió qua đá phế trong như nước; 1001	
Gió qua rừng trống hoa mãn địa .	874

Gió tiền hương hoa mai nghiêng ..	994
Gió từng trà pha.	773
Gió từ mệnh mang mây lành	953
Gió thổi hương cần đến vườn đẹp	849
Gió trời thổi ống sáo.....	693
Gió trúc lưu bạn rượu.	755
Gió xuân bông liễu bay đôi yến ..	843
Gió xuân cột liễu reo trên nóc....	752
Gió xuân đến nhà vàng rèm biếc	841
Gió xuân liễu biếc đón anh vũ	843
Gió xuân mưa bụi tươi đào mạn..	749
Gió xuân thập tải giao tình cũ....	867
Gió xuân vốn phóng khoáng.....	762
Giông thu chảy cạnh tiếng đàn ..	818
Giống Lạc Hồng mấy nghìn	935
Giống như danh thần	926
Giờ lúc giao hoà vui hợp cần.....	820
Giới lộ nổi lên hình cách biệt	864
Giúp nước cứu dân,	943
Giúp nước dời nhà đi tu,	954
Giúp nước ở Phan Rang,	976
Giúp nước ở Phan Rang,	1009
Giúp trung hưng, đỡ chúa phò ..	975
Giúp trung hưng, phò vua đỡ ..	1010
Giúp vua nữ để báo thù,	936
Giữ chí ấy, không phò bày khí ấy; 948	
Giữ đạo tấm lòng son,	973
Giữ nước giúp dân,	976
Giữ nước, che dân	1009
Giữ thân giữ vật giữ tài sản	683
Giương lên có thể trừ cơn nắng. .	688

H

Hạ tới con trai vui hợp cần.	905
Hạc lẻ sầu bi sáo song phương... 864	
Hạc ngự đài tiền trăng thu lạnh ..	871
Hai chái đẹp, hàng bày trăm thứ. 745	

Hai dịp tình cờ gặp nhau,	921	Hoa giáp mừng xuân	734
Hai họ thông gia thành lễ lớn	855	Hoa lá thơm hương, sân viên biếc.	764
Hai mươi bốn giờ theo tứ báo.....	713	Hoa mai đáng tôn là linh tướng.	786
Hai mươi năm đem thân báo nước	876	Hoa mai đầu núi báo tin vui.....	852
Hai mươi năm hai giải nguyên, ..	913	Hòa mục tiếng vua Nghiêu	966
Hai niềm vui chốn gia môn,	922	Hoa nặng sương đêm áo đầm ...	821
Hàng đẹp dễ tiêu thụ.....	697	Hoa nở giấu sang người nở tài. ..	748
Hàng hóa qua chọn lựa.	697	Hoa nhờ tay ngọc thêu xuân sắc.	707
Hàng hoá tốt đều,	700	Hoa phổ có lời vẽ nhân vật.....	692
Hàng huyện vui, ao vũ	916	Hoa quế trắng rằm hương bảy ...	834
Hàng nam bắc phục vụ nhân dân,	704	Hoa quế trắng soi mừng bảy chục.	836
Hàng năm lời dạy thường nghe. .	800	Hoa rụng màn huyền xuân đi sớm	861
Hàng phải kịp thời trừ	703	Hoa rụng những nhờ bác gió quét;	947
Hàng nực rỡ ngợp mắt.....	697	Hoa sen chung rẽ hợp rèm thêu.	826
Hàng tốt của như chợ.....	698	Hoa sớm sắc xuân rạng được hoa.	821
Hàng tốt nghìn nhà khen,	704	Hoa sương đọng toả hương.	726
Hàng vàng khắp vườn bảy gấm...	690	Hoa tươi sinh khí đẹp.	777
Hành Thiện há nên gây ác báo; ..	974	Hoa thơm mắt ngó xuân đầy	765
Hào kiệt mất rồi	882	Hoan nghênh khách thu đông.....	722
Hào kiệt nghìn thu về với đất;.....	974	Hoàng môn giữ mãi văn chương.	948
Hay khiến ông mừng,	692	Hoàng sứ mở vội về nhà,	929
Hàng nga cung quảng	783	Học đến biết không là đến.....	733
Hiền giả đi đâu,	801	Học hạnh chẳng quên lời thầy cử;	999
Hiền hách còn lưu	959	Học mới lại càng mới,	967
Hiên ngọc lẳng trong ngời.	828	Hợp chúc mừng nơi cửa đức,	902
Hiên song thoáng mát	760	Hợp chuyện cũ ở một nhà,	851
Hiếu sâu phép ứng dụng vua tôi..	719	Hồ đẹp phong lưu tôn kẻ sỹ.....	901
Hiếu kinh thấu lên tông tổ.	504	Hồ hải ước mong trời rộng lớn...	815
Hình ảnh lạc trong tùng xanh.....	867	Hội hoạ văn thơ vui chí hướng. ..	690
Hình đơn bóng lẻ qua tam thế....	872	Hôm nay đúng gặp ngày sinh mẹ	852
Họ Nguyễn Phúc công danh.....	949	Hồn lại chín tầng trăng tối thắm.	804
Hoa biểu hạc về lưu bóng trắng; .	874	Hồn nhân tự do,	857
Hoa bút dẫn hương hoa đèn rạng.	816	Hồn thiêng đã xứng khách non. .	806
Hoá bướm lượn lờ	802	Hồn về thượng giới gió mây thắm.	797
Hoa đào kết quả tam thiên tuế;...736		Hồng nhận bay xa,	723
Hoa đào nước cuốn trôi đi mãi. ..796		Hơn trăm năm qua chung đức....	983
Hoa đẹp được cao ngời tú cao. ...787		Hợp thiên thời mây lành như bức.	754
Hoa được kẻ bên hoa lựu đẹp.....825		Huân phủ màn loan, bị đến mộng.	897
Hoa giáp vòng đầu,	833		

Huân tấu cửa cao,	897
Huân theo rèm đẹp ca loan múa. 897	
Huệ đẹp lan thơm về lãg uyển, ..870	
Hùng khí lầy lũng,	806
Huyền héo bắc đường sương lạnh861	
Huyền hoa đã rụng sơn hà ám...862	
Huyền tươi vẻ gấm bên đào biếc. 894	
Hương bay giục con quế,	846
Hương cần mới tỏ động đào.....849	
Hướng dương nhà cửa	749
Hương hoa theo gió xuân vào cửa.750	
Hương mai vào mộng.....777	
Hương quế lọt nhà thanh.....775	
Hương thanh, mai ánh nguyệt. ...776	
Hương thâm quyến rũ,	718
Hương trước Hương Giang một ..946	
Hương xuân quyến gió khiến.....712	
Hương yên chi tỏa trường phù ...843	
Hướng tới bên ngoài cầu thuốc ..719	
Hướng tới quãng cung lượn rau..849	

I

In sách phúc khai,	945
--------------------------	-----

K

Kẻ lớn ra đi xà gỗ gãy.810	
Kẻ tóc chân tơ dung nhan tăng...718	
Kèn sáo mấy hồi vang,	933
Kèn sáo mấy hồi,	934
Kế hoạch mở ra nhà cửa lớn.750	
Kể từ nay xem như bất hoặc845	
Kết mối đồng tâm non biển chặt.842	
Kích cỡ chọn tùy người,	711
Kiến lập giang sơn cổ	987
Kiểu nội nức khen tay thợ khéo. 709	
Kim bạc đã dành nhiều công sức.708	
Kim vàng để giúp đời.706	

Kim vàng phượng múa..... 707	
Kinh doanh có đạo,	704
Kinh doanh có thuật..... 703	
Kinh doanh linh hoạt,	701
Kinh doanh tín nghĩa cũng như. 701	
Kinh doanh văn minh buôn bán 699	
Kinh doanh văn minh,	703
Kính hiến chén mừng nhìn 733	
Kính lãg hoa tử loan múa cặp... 838	
Khách chuộng đoan trang mới... 717	
Khách đông tây nam bắc..... 720	
Khách kêu chúc cất xà. 779	
Khách long môn đến thẳng cầu ô.815	
Khách quý thường đông đảo. 776	
Khách thân đến viếng,	807
Khách thường đến ngồi đầy. 725	
Khách về cuống lưỡi dư trà ngọt. 770	
Khai đạo được vẹn tròn,	1013
Kháng chiến nhất định thắng lợi; 973	
Khăn gấm động gió xuân,	890
Khăn gấm gió thu bay,	888
Khấp chốn đường thông,	741
Khấp nơi đều khóc vì tri kỷ;..... 934	
Khấn cầu không cơ,	683
Khe suối cùng thường ngoạn. 762	
Khéo giúp khi vắng gió. 687	
Khéo may kiểu hồi văn. 705	
Khéo thay đức tốt ngàn năm ở... 798	
Khi còn, khí tiết tựa	800
Khi khái tựa ngu, trang quân tử; 971	
Khi lành, gió mát quang nhà cửa.753	
Khi mạnh trùm núi sông;	975
Khi mất chẳng rùm beng,	909
Khi phách anh hùng chí trung.... 980	
Khi sống, dạy trò nên người, ... 1006	
Khi sống, ông là người không ... 918	
Khi thiên hạ còn vô sự là lúc..... 918	
Khoa cử có mệnh chẳng,	916

Khóc em ba năm tóc bạc.....	865
Khóc linh lòng muốn vỡ.....	795
Khỏi dày mây tỏa	934
Khổ tâm cầu thuật giỏi.	695
Khối lớn văn chương,	731
Không theo Lưu, Nguyễn	719
Không thể sát vực mới dừng ngựa.....	684
Khơi thông mương máng.....	695
Khuôn mẫu còn lưu hình thiên cổ.....	870
Khuyến khích gủi tiền.....	714

L

Lá biếc, khói lan, bằng bát biếc....	728
Là danh tướng, là công thần,	955
Lá đỏ theo dòng gủi câu đẹp	844
Lá đỏ trôi theo nước thu trong.....	781
Lá hồng rồi lượm ghi câu đẹp.....	771
Lá thắm để thơ truyền ý kín	856
Lá thắm mới sinh,	827
Là vũ, là văn, là thọ.	829
Lãi ít bán nhiều,	701
Lái thuyền cẩn thận,	685
Lam điền từng trồng ngọc.....	853
Lam Điền trồng ngọc duyên	864
Làm khuôn phép một đời	797
Làm quan cùng triều,	959
Làm quan trăm đời nhiều năm.....	959
Làm sao có được dòng trong,	963
Làm trai phải tự cường,	991
Làm việc nghĩa chẳng xa nhau.....	971
Làm vợ nên hay cần kiệm giỏi.....	858
Làng rể ngày thăm đưa đón hậu.	810
Lạnh lẽo ánh trăng trong,	809
Lao động chân tay.....	857
Lấn kính, lấn yêu,	859
Lập chí nên giữ đúng phẩm cách.....	991
Lấp lánh cười với trời.	689

Lầu hoa tảo bầy hai tiệc rượu.....	793
Lầu hồng bước sen giục bước mây.....	819
Lầu ngọc lung trời đàn sáo rộn... ..	691
Lầu quỳnh trăng sáng người như	842
Lấy cho dân, dùng cho dân,	686
Lấy lưng nhị giáp vinh kim cổ;	998
Lấy sự ngay thẳng làm việc với	929
Lấy thiên hạ làm việc	701
Lẽ hạc còn qua đêm sâu tuyết	873
Lẽ phải ở lòng người,	935
Lẽ phải ở lòng người,	1004
Lệ già đau nhiều khóc tri kỷ.....	802
Lễ nghi đúng mực chẳng kể	701
Lên cao nên có vu quy cú.....	784
Lên núi hoa xuân hái ủ rượu.	726
Lên ngựa vỗ yên,	980
Lệnh trên truyền cánh yến,	898
Lều mộ chưa hay bằng Tử Cống.	811
Liền cành hoa nở vẻ thanh tân... ..	906
Liều rậm hoa tươi, xuân mới nửa	857
Liều xanh rợp bóng trướng xuân	823
Linh điện hữu tình nhờ non nước;.....	961
Linh thiêng ứng nghiệm dày,	959
Loài cúc từng Bành Trạch,	915
Loan phượng hát chung mừng... ..	841
Loan tía vây quanh, quế ba năm.	783
Lòng ấy treo cao cùng nhật.....	972
Lòng son rạng nhật nguyệt.....	795
Long Thành ứng mộng danh	969
Lòng thấy cha đi,	807
Lòng thương biết làm sao?	879
Lòng trong treo vầng nguyệt.....	794
Lối hoa chưa kén duyên người.	761
Lối đá bụi vương, gió tự quét.....	504
Lột được đúng thần người.....	691
Lời nói đều phương thuốc.	718
Lời tựa gió xuân,	702
Lớn lớn dài dài dài lớn lớn;.....	950
Lựa biếc dưới trăng người tựa	816

Lúc gian chân,	993
Lúc mạnh chí còn trên mây gió...	799
Lúc vào đều thấy khách phủ mũ.	716
Lửa lè gà gáy đêm đầu xuân.	816
Lừng tiếng linh thiêng,	944
Lưỡi kéo én hay đâm khoe tay...	744
Lượn chuyện cũ việc nay.....	694
Lưu Linh ước hỏi rượu đầu tốt. ..	725

M

Mạch thợ đắp thêm nền,	981
Mai biếc điểm trang khoe tháng. .	792
Mài dĩa văn chương đứng đầu	998
Mai điểm trang đài,	815
Mai gọi xuân về, lan khiến hạ.	756
Mài giữa đã xong công phu thành	717
Mai núi phượng vàng nay kết bạn.	787
Mai phở vẻ ngọc chứa đức hiếu;..	989
Mai quan mới nở vẻ tươi xinh.	788
Mai quan mới nở, thanh loan múa.	780
Mái rạ đột rồi,	937
Màn uyên đang uống	784
Màn xuân ấm ngàn lần bóí	844
Mảnh đất trước nhà trồng cây	760
Mảnh sân không rộng,	692
Mảnh tờ hay thấy ý thiên hạ.	763
May được giường đông,	810
Mây ngài thi giỏi bút sinh hoa....	900
Mặc áo xô về từ ngoài ngàn dặm;	924
Mặc sức chi dùng.....	1002
Mắng giận khóc cười,	692
Mất nhìn sáu ngã,	702
Mất tuệ soi qua,	743
Mấy ai sống được trăm năm,	927
Mây che lối trúc,	797
Mấy độ cấp lương cho trở lại,	930
Mây gấm một vành trăng lấp ló. .	709
Mây gấm tiên trời dệt.	705
Mây khoá Vu Sơn người chẳng...	867
Mây khói đầu non u tịch lắm.....	728
Mây lành đến đất phúc.....	779
Mây lành nổi trên gác tía.....	504
Mây lành phủ đất lành.	778
Mây lành vờn gác tía.....	779
Mấy lần dồn sức vầng trăng sáng;	979
Mây ngưng gác đẹp phượng vàng	841
Mây rục đại cao mộng lan diệp...	839
Mây tía che ngày nắng.	688
Mây từ u ám trùm quê ngoại.	810
Mây trùm Dương xuân anh vũ bay.	822
Mẹ nước ngàn xưa trông như còn	960
Miếu đường ngày tháng bao thay	934
Miếu mạo nguy nga,	946
Mình ngồi sách vở quen làm bạn.	758
Mình thợ tìm tòi,	708
Mọi sách đọc qua,	774
Mong mẹ hiền ngàn năm vẫn trẻ	852
Mong tình yêu vĩnh hằng,	859
Mộc mạc dễ ưa nhà cửa mới.	754
Mộng bút con theo thêm một bạn	848
Mộng chẳng tỉnh rồi,	875
Mộng đẹp khó tìm,	850
Một áng mây mai chào rạng sáng.	749
Một bầu nhiệt huyết,	884
Một bệnh, hai biểu trần tình,	912
Một biển hương mây,	761
Một bụng thân nhau,	847
Một căn bệnh lâu dài mới mất, ..	910
Một cụm lâu đài thêm tráng lệ;...	963
Một cửa đón mừng ba xuân ấm ..	854
Một chút lòng trung,	981
Một chữ “đường” sao trời	929
Một dòng mở trước đền,	953
Một điểm công tâm ổn như nước.	700
Một đời chuyên cần lao động.	796
Một đời làm việc tốt.....	794

Một đời trống đức tốt.795
 Một đời, một triều ba người đổ ...962
 Một gốc linh xuân tươi tựa gấm...892
 Một khoảnh đầm đoài tơ gương ..966
 Một khúc hai nỗi buồn,922
 Một khúc dương xuân ca gác đẹp840
 Một lần thi đã thành danh,928
 Một lần thi đỗ, có cha anh ấy, ...991
 Một lầu trắng gió mềm môi uống.725
 Một năm xuân hạ thu đông,723
 Một nhà hoa tự tình thần sáng;...969
 Một nhà vui vẻ chúc trường thọ. 833
 Một sắc hạnh hoa hương chực ...842
 Một sân hoa nở chờ tri kỷ.758
 Một sớm mừng kết bạn ngàn năm854
 Một tắc vải một tắc tơ vật nào707
 Một tấm lòng trung treo nhật987
 Một tối gió về đùn tuyết trắng;...934
 Một trời xuân ý giục hoa nở;980
 Một vành trăng trong.771
 Mở đạo viên thông tài cao vội;...984
 Mở đất khai hoang,968
 Mở đông các phải vời người giỏi; 994
 Mở song xem nhật nguyệt.....762
 Mở tâm bỏ để để hóa thông vạn.955
 Mời ông uống cạn một ly rượu....725
 Mới tháng tư cầm sắt hài hoà.824
 Mới viện mới phòng mới cảnh....753
 Mới vịnh tuyết bay đà tháng một.790
 Muốn biết chuyện trời đất.762
 Muốn biết trên đời may mặc đẹp.706
 Muốn dậm cách trở xa,966
 Muốn dậm sáng quyền uy,967
 Muốn dậm xuân sơn mưa thấm.1003
 Muốn đem màu sắc mây thiên ...709
 Muốn pháp đều nghe danh1014
 Muốn sợi ngàn kim,707
 Mưa bay trúc biếc rơi hàng lệ;...1005

Mưa dòn ngọc thụ chung trời hận862
 Mưa gió buồn thay,800
 Mưa hương, mây nhạc,766
 Mưa khóc cúc vàng nên có hận..803
 Mưa nhỏ thấm dần trang giấy viết.770
 Mưa nhọt xóm hoa uyên phải ẩn.823
 Mưa phép thấm đều,956
 Mưa rơi trời rơi lệ;980
 Mưa tối đèn xanh tươi cảnh vật ..840
 Mưa tháng ba giục cây xuân lão..868
 Mực mài sương nguyệt trong.....775
 Mực say hương hoa động.762
 Mừng có gió mát tới.774
 Mừng chiêm phượng giai nhân ..901
 Mừng đã ba đời còn rượu chúc ...848
 Mừng đã ba thu bày tiệc rượu....905
 Mừng đón khách đông tây nam. 701
 Mừng hướng cầu ngân thư895
 Mừng kết thai châu,990
 Mừng nên người lớn được ban....848
 Mừng phượng múa nhà hoa907
 Mừng sự nghiệp vẻ vang cho.....729
 Mừng tứ văn chương không vẻ tục767
 Mừng thấy cả đời không thuốc...719
 Mừng thấy hiền song không756
 Mừng thấy hoa quỳnh hoa vừa ..890
 Mừng thấy mai hồng nở.....853
 Mừng thế giới thái bình,741
 Mười năm không đọc sách cha, .972
 Mỹ giúp đỡ đối,724
 Mỹ tục thuần phong văn minh ...983

N

Nam cực cung tên treo cửu nhất. 736
 Nam cực mờ chìm đành an nghỉ. 865
 Nam nữ định hôn nhân.....813
 Nam thêm trang trọng nữ thời ...708

Nam trọng nữ nữ trọng	859	Nóng lạnh chớ biệt ly,	923
Nào ngờ hoa cánh lìa khỏi khóm	863	Nổi tiếng quán, quán nổi tiếng,	724
Năm chục tuổi tiệc	832	Nỡ bỏ cháu con ở lại,	808
Năm dần đổi mới,	831	Nở hoa lúc mài mực,	761
Năm được phong vị quê hương,	741	Núi đẹp ngời thiên lòng rửa sạch,	756
Năm gốc chuồng lễ nhà,	978	Núi Nam nằm trước nương thân,	999
Năm gốc giữ lễ nhà,	1007	Núi quanh nước cuộn,	780
Năm hết song gà thêm một hân,	792	Núi sách tìm ngọc,	771
Năm hết vẻ hoa,	793	Núi sông rap đổ,	886
Năm kinh thông thuộc,	991	Núi sông tươi đẹp uốn quanh, ...	960
Năm kỹ thuật tinh vi,	746	Nuôi con đều thành đạt,	913
Năm mười tìm về hương nguyện	1014	Nửa con (con rể)	809
Năm năm phòng, tháng tháng,	740	Nửa đêm lan thơm toả mộng đẹp,	784
Năm năm tháng tháng,	715	Nửa thế kỷ xuân thêm nhà biển,	833
Năm tới nhất dương,	791	Nước biếc non xanh dài đưa,	867
Năm tháng thuận hoà	820	Nước biếc nhẹ bay câu lá đổ,	904
Năm vị nấu xào hương vạn dặm,	724	Nước cũ non sông,	974
Năm xưa anh đi học,	911	Nước chảy nắng chiều	802
Năm xương dù nát,	807	Nước chảy non xanh còn mãi, ...	806
Năm giữ ngàn tơ,	706	Nước chảy mây trôi đầm lá quý, ..	874
Nắng gắt tiêu vàng, nhà vàng	826	Nước mắt muốn thành băng, ..	1002
Năng lực kiên cường,	968	Nước non rộng rãi đáng than thay, ..	881
Nắng soi nhà mới thêm vui mắt,	751	Nước non vẫy bọc phong quang,	753
Nâng chén mời trăng uống,	725	Nước như ngọc bích,	754
Nâng tay bút giúp tô mày đẹp,	785	Nước như ngọc bích, núi như vẽ,	726
Nấu bữa ăn, món ăn ngon	724	Nước tám công rửa sạch bụi trần, ..	955
Nấu xưa, nấu nay,	724	Nước tăng giàu có quán tăng	699
Nét bút vẫn còn trong sử xóm,	980	Ngải ba năm lo trừ,	718
Ném canh đỉnh vạc,	958	Ngai chúa ngự trung khu,	964
Nền phúc bồi đầy xa xưa từ cổ,	1013	Ngài toàn tâm mở ra trăm phúc,	982
Nền trai thịnh phát liên khoa	908	Ngàn ánh trăng ôm cửa sổ cao,	774
Nếp nhà học có nguồn,	851	Ngàn dặm nhân duyên	815
Nếu đeo vào, đều thấy sáng rõ,	729	Ngàn dặm viếng ông duy có lệ,	799
Nói nhẹ lời mềm tình ở lại,	805	Ngàn năm nghiệp lớn ngàn năm,	714
Nói xưa bàn nay thần trí tiêu tan,	693	Ngàn năm trải, đúng và sai,	953
Non Hương có vượng khí	1013	Ngàn nhà bảo hiểm ngàn nhà,	683
Non xuân tạm trở bút tài cao,	840	Ngàn quán văn chương đua sắc,	767
		Ngan vạn sao trong lòng bắc đẩu,	714

Ngày ẩm yên ương xuôi nước....	823	Ngô đồng gặp xuân dẫn đôi	793
Ngày ấy cúc vàng đang đẹp vẻ....	784	Ngũ phúc chính ngay khai côi ...	736
Ngày ấy nhà huyền nên bảy chục.	834	Nguồn thiên tỏa rộng để	956
Ngày ấy rượu cần thơm mùi cúc..	785	Nguyễn đem trung nghĩa	947
Ngày ấy thù du tranh xán lạn.....	783	Người có cha anh hiền thì vui.....	923
Ngày đông song gà mừng kết bạn.	792	Người đẹp dưới trăng vui với	842
Ngày mải lầu cao thơ tranh biện;	944	Người đời rét mướt đầu mình	709
Ngày nay đội mũ theo hôn lễ.....	905	Người gần thì vui,	949
Ngày sáng sửa mình được hòa ...	791	Người khỏe cùng nhờ ăn ít thịt. ..	727
Ngày tốt dọn nhà muôn việc đẹp .	770	Người lớn đỉnh non	809
Ngày tốt lành dọn nhà.....	746	Người mất đi thiên hạ đều tiếc....	952
Ngày tốt, giờ tốt, tốt đôi	854	Người nay khúc soạn vì người xưa.	690
Ngày trước Sông Luộc,	997	Người nằm trên ngọn tùng trầm .	769
Ngày xưa thông thả,	788	Người nổi tiếng mất rồi,	919
Ngắm trước cửa núi xanh như vẽ.	753	Người ngọc tìm trong sách mà ..	817
Ngấn biếu thành đồng,	968	Người ta ra đời ai	1012
Ngâm khúc Quyển A	965	Người tài do cố gắng mà thành, ..	924
Ngâm lên mới biết hoa đồng nói.	765	Người trong ấp mười nhà đều ...	910
Ngâm liễu biếc khúc phượng đón.	823	Người trong hương đẳng luận ..	1000
Ngâm tuyết đẹp nhà pho vẻ ngọc.	816	Nhà ba sao chiếu,	813
Nghe hát chơi đàn, tuần ngày	690	Nhà bắc hoa huyền tươi vẻ gấm .	852
Nghi vệ tiên trang bên bờ liễu;....	966	Nhà bắc hoa huyền vinh chín	889
Nghĩa lớn nên làm,	1003	Nhà biển cỏ huyền còn rục rờ ...	893
Nghĩa lớn đã đương làm,	938	Nhà biển thêm dài,	895
Nghiệm điện nào quang	744	Nhà có chứa sách hương mực bay	759
Nghiêm như nghi, cháu hiền thì .	941	Nhà cỏ làm tang cha,	924
Nghiền ngẫm đường sinh lợi.....	696	Nhà có ngựa hay,	990
Nghiêng bầu đài khách sau hoa. .	756	Nhà đẹp mây trùm non nước	770
Nghìn năm mực thước ghi bia đá;	970	Nhà đẹp mừng hai sao tụ hội.....	841
Ngó thấy ngòi khô, ngấm yến bay.	769	Nhà đẹp sáu thân đều góp sức. ...	754
Ngoài hiên mai hồng đua nở	854	Nhà động hơi lành mây giơn	752
Ngoài hồng trong trắng,	744	Nhà hoa lựa tết xem loan múa ...	844
Ngọc dịch chén đào mây hiện.....	890	Nhà hoa mừng ngắm non sông .	751
Ngọc mai rạng chiếu thanh loan. .	789	Nhà hoa ngày ẩm phượng sớm .	907
Ngọc rải lam điển hùng vào mộng.	785	Nhà hoa rượu rót thơm hương . .	890
Ngọc rắc lam điển vui	782	Nhà hoa vừa vịnh thơ Thư Lân. .	906
Ngọc vụn ngưng thành	686	Nhà kẻ bên nước biếc non xanh. .	751
Ngọt đắng sẻ chia, tình sao cực ..	864	Nhà lan hương sách nên bạn tốt. .	786

Nhà mới xây xong tăng vẻ đẹp. .	748
Nhà ngọc ngời sắc sớm.	748
Nhà nhả cần gì lớn.....	775
Nhà nhỏ vũ trụ to.	778
Nhà phủ mây lành yến-đến mừng	850
Nhà phủ mây xuân đàn sách.	765
Nhà rạng hoa huyền vinh thọ hạc.	894
Nhà rạng tuổi cao lên thượng thọ	851
Nhà thầy cuối đời nhàn đọc Dịch;	994
Nhà vàng màn mở vui nhờ sẻ.	900
Nhà vàng mặc đẹp đêm hương . .	906
Nhà vàng nhân gian thơ hay đối.	828
Nhà vắng bụi trần vẫn điệu nhã. .	759
Nhà xây chỗ trời mây quang đăng.	751
Nhà xuân mở tiệc thêm tuổi hạc.	890
Nhà, tứ thế văn chương nổi tiếng,	950
Nhạc phụ đỉnh non ôi đã khuất...	866
Nhạc phủ đúng xưa nay.	691
Nhạc tấu hàm chung hòa phượng	826
Nhạc tấu hoàng chung vui phượng	824
Nhạc tấu văn ngao,	846
Nhàn mang thiếp cũ bên ao viết.	768
Nhận thế sương sa đau gãy cánh.	863
Nhàn thu lá rụng, chép thơ	766
Nhật nồng tuy người chọn.....	712
Nhật chiếu nguyệt soi	952
Nho thường tôn Dịch,	991
Nhớ đức thân công,	1001
Nhớ khi tuổi trẻ cùng chơi,	882
Nhớ người thảng tận tình không	807
Nhụy quế hương tràn vườn nghệ.	898
Như hoa mai đẹp trời.	829
Như phượng múa kéo vàng khéo.	707
Những mộng chiến mã về Nam,	878
Những muốn thế gian người.	719

O

Oang oang cười nói,	770
Oanh gọi lúa đôi nơi Đông Thổ;.	970
Oanh hang vàng rời sớm.	747
Oanh qua cửa lớp còn lưu tiếng..	750
Oanh xuân chuyển giọng học.	772
Ôi lạ thay! Mới đó mà	928
Ôi sao mà lạ thế!	927
Ôi Tam huynh! Nay theo	928
Ôi! Cư tang mẹ vừa xong	925
Ông đã chín mươi,	926
Ông hiệu Hy Hồng, đẹp vô cùng,	911
Ông thật lạ thay,	918
Ông vốn phong cách xưa,	916
Ở lấy yên, nước non tươi đẹp.	747
Ở trong nước, không được	919
Ơn ban trời đất sinh vật thịnh; ...	979
Ơn rộng mệnh mang trải dài sông	982
Ơn sâu chưa báo làm con then; ..	875
Ơn sâu chưa báo then làm con...	807
Ơn thánh chúa sâu,	943

P

Phải thời đại họa chưa từng khổ.	683
Phạm tộc chuyển cư,	971
Pháp giới sáng ngời,	962
Phấn bướm mê hương mơ	713
Phấn điểm son tô làn da tươi mát.	713
Phấn hương bướm mờ trắng.	712
Phật pháp vi nhau,	944
Phe phẩy nửa vành trăng.	687
Phép nhà do gia giáo lễ	983
Phò chúa động Hoa Lư gầy dựng	964
Phò Lê công lớn vang sông núi; .	962
Phòng vắng giường riêng	722
Phù dung mới nở kinh hoa chúc.	822
Phù dung trong trường thơm	907
Phú Lạc từ đường nay mở rộng; .	950
Phú nên gia thất gió xuân sớm...	843

Phú Quan thư tựa gấm hồi văn.	815
Phù sinh có tiếc gì,	884
Phúc dày vui lớn lại sinh,	917
Phúc giáng chẳng riêng ai,	983
Phúc quả vẹn tròn cây giai cảnh; 1013	
Phục quốc chiến công xưa,	995
Phúc sinh lễ nghĩa cho nhà thịnh; 969	
Phúc tội vốn do tâm,	945
Phúc tựa biển đông,	830
Phục vụ nhân dân cung ứng lắm. 700	
Phượng hoàng đang bay	814
Phượng hoàng kêu đời thịnh	853
Phượng loan cùng hát vui cầm sắt. 907	
Phượng vàng bay rực rỡ,	889

Q

Quan chức như thời Chu,	914
Quán tốt nghìn nhà khen.	725
Quanh nhà mây phủ đều tươi vẻ. 722	
Quân tử thanh đạm,	687
Quân tử trọn đời lòng tỏ trắng.	886
Quân thần luận một thiên,	951
Quét đất còn hương,	992
Quét giường tung bụi,	804
Quế đỏ hương bay vào gác đẹp.	782
Quê nhà cách trở mây ngàn dặm. 814	
Quế vàng rực rỡ già thêm mạnh.	834
Quốc thái dân an ngôi ca chính.	987
Quý khách thấy lòng xuân mọi.	757
Quy luật tránh đầu,	801
Quý trọng đồng môn,	948

R

Ra vào cửa công đều là quân tử 1012	
Ráng mây chia năm sắc.	705
Rạng rỡ thay phò tá	936
Rèm đẹp đã truyền tin mai sớm.	787
Rèm nặng giữ hương nên	767
Rèm thêu hương đậm	819

Rõ khéo bàn tay gây sóng lượn.	716
Rộng thông tiền cửa,	742
Rộng thông trên dưới.	774
Rượu, sách, đậu, thóc đều vị tốt; 991	
Rực rỡ đuốc hoa đêm toả sáng.	781
Rực rỡ năm màu nhà liền tứ đại.	837
Rực rỡ nhà vàng đầy năm vẻ.	850
Rừng hạnh nở hoa tươi khí huyết. 720	
Rừng sách đi đạo.	773
Rượu cần lưu hương thơm rượu.	783
Rượu cần má hồng mừng tháng.	791
Rượu cúc xông hương tràn cửa.	737
Rượu mời ngày ấm, chén anh vũ. 826	
Rượu mua khách đến làm say gió. 726	
Rượu mực cầu ngàn say viết chữ. 818	
Rượu ngon đầy chén say lòng.	753
Rượu ngon một hũ, hương say.	726
Rượu ngon trước mặt, trăng ngời 726	
Rượu ngon uống ít vài chén,	739
Rượu ngọt bày ra mừng bảy chục. 837	
Rượu nho cùng rượu cần thơm.	826
Rượu nho thơm giúp hương	826
Rượu xuân hương nổi,	891

S

Sách bền khi vàng đá.	772
Sách đàn nhiều ý cổ.	773
Sách đến tốt với thường hiểu khó. 763	
Sách hay đầy giá không khi rồi.	755
Sách lạ mới hay,	760
Sách mang cỏ đến ngoài sông.	825
Sạch sẽ thoải mái,	741
Sách từ lá chuối văn còn biếc;	993
Sách xưa đọc kỹ còn nhiều vị.	760
Sáng láng chín tầng trăng cùng.	689
Sáng mắt thi thư hoa.	773
Sáng ngăm, chiếu vịnh.	992
Sáng sớm cuối mây,	703
Sáng tựa gương trong lòng thẳng 757	

Sao hôm sắp mọc, nên tìm trọ... 722
 Sáo ngọc véo von chào khách... 789
 Sao tốt chiếu cao..... 780
 Sao tốt vui ở điểm..... 697
 Sao vụ đêm thu ngời vẻ sáng..... 838
 Sao Vụ mây mờ trang các lạnh... 861
 Sao vụ sáng ngời đẹp vẻ thu..... 837
 Sao vụ sáng ngời soi nước biếc... 892
 Sao vụ sông ngân sáng bảy chực. 836
 Sạp hàng đầy xuân năm màu 702
 Sáu cạnh kết liên, đôi ngọc hợp. 789
 Sáu chực tuổi, tôi hưu quan đấy. 1006
 Sáu mươi thọ, nhìn sao xem..... 733
 Sáu năm ngự ngại vàng 960
 Sắc biếc hoà vân lồng đêm nguyệt 867
 Sắc cỏ bên song vào chiếu đọc... 758
 Sắc cỏ sân xuân làn khói ẩm..... 765
 Sắc liễu tươi mảy soi kính đẹp... 823
 Sắc màu trên giấy cảnh đầy xuân. 770
 Sắc tụ Long Vân, tam bảo 962
 Sắc xuân sáu ngàn năm chỉ 976
 Sấm sét một tiếng vang..... 876
 Sân thi lễ lời ca yếu điệu..... 841
 Sân trước khí lành hoa gấm dệt... 756
 Sầu buộc bờ rừng trúc 863
 Sen biếc trên ao thêm hứng bút... 824
 Sen nhụy toả hương, 836
 Siêng năng con cháu, 683
 Sinh để trừ nạn cho nước..... 937
 Soi gương chải tóc mong làm..... 710
 Soi sáng bốn phương xem, 964
 Song đầy trăng vạn dặm..... 776
 Sóng mực chùng theo ấm sóng... 849
 Song thưa trăng lạnh, sân hiu 988
 Sống chẳng sống thừa, 997
 Sông Độc một trận giao phong, 1005
 Sông Đứt trong dòng, 981
 Sống mũi nếu treo vắng nhật 743
 Sông núi thanh cao xuân mãi 970
 Sông nước nhuận hòa, 960

Sông ngòi lai láng xương ai giữ... 805
 Sống như ta không ích cho đời, . 881
 Sống quả có điểm cùng thay, 911
 Sông suối bóng trắng, 962
 Sống với giấc chẳng chung 998
 Sơ phục bạn song gà, 790
 Sơ phục gặp duyên ngâm bạch . 789
 Sớm hay thiên hạ vô song sự. 901
 Sớm hoa ngày ấm loan xanh 821
 Sớm tối dốc hết lòng, 967
 Sơn hào hải vị, món ăn tuyết. 741
 Suốt ba thu tiếng gà dục dục..... 785
 Sự nghiệp đã ghi trong sử sách... 796
 Sự nghiệp kỳ, hoàng..... 744
 Sự nghiệp nhà xưa còn ghi 975
 Sự nghiệp tuy lòng đầy đà 734
 Sương đọng ngọc lan, ngưng gác 784
 Sương trúc gió từng mưa tàu 768

T

Ta lấy lúc nhàn thăm bệnh tật.... 695
 Tạc đá dựng đài hương, 953
 Tài cao phú Anh vũ..... 853
 Tài chí cao hơn đời,..... 983
 Tại Gia Đình như cánh hồng.... 1009
 Tài giỏi xứng bác sĩ..... 744
 Tài hùng nhả phượng thành bác. 907
 Tài khó được, cũng khó hay, 965
 Tài năng tướng giỏi 1009
 Tài năng tướng giỏi, 977
 Tài nguyên như biển..... 745
 Tam Linh vạn thuở..... 960
 Tam dương trời chiếu nhà yên ... 749
 Tám chực chưa già xuân vẫn..... 835
 Tám chực tiệc hoa mừng mùa ... 838
 Tám chực vui đời thịnh..... 829
 Tám đời khoa bảng, 919
 Tám năm hai lần góa, 926
 Tám nghìn năm làm xuân..... 735

Tám phương khách muốn trọ.....	721	Thánh vực luyện rèn.	942
Tám tiên trong hoạ tăng Nam.....	736	Thánh vương công phủ trời Nam	941
Tám tuổi giai nhân mừng giải.....	903	Thăm hoa may gặp thời sơ hạ....	825
Tang mẹ đường xa,	998	Thăng Long quê cũ tam huynh...	969
Tạo nước thiếu niên.....	878	Thắng tích lưu ngàn đời,	956
Tay kim giới khâu hay may đẹp. .	708	Thăng tiến mừng, trời cùng mừng.	755
Tâm địa quang minh tăng tuổi... ..	830	Thấm hương nhuận Lục kinh.....	743
Tâm sự giữa trời xanh ngày rộng, .	909	Thấm thủy mới khai vùng.....	939
Tâm tuy đã nổi Ni Sơn mạch;.....	734	Thần đến với ta,	939
Tâm tức Phật, cứu người.....	956	Thân phận chú chưa yên,	917
Tấm lòng của tiên sinh.....	909	Thân tựa lan thơm không trở lại. .	805
Tây bán đồng mua,	700	Thần thái bút văn mây với núi....	765
Tây thiên cầm tích.	957	Thất phẩm quân công,	920
Tây Thiên cầm tích,	978	Thấy anh đi, chẳng thấy anh về, .	879
Tên đề đầu bảng khoa thi Đình....	919	Theo cảnh phòng tai,	684
Tên nêu gác phượng, thơm còn. .	903	Theo giờ mà chuyển.....	713
Tên nêu hồ ngọc khó anh khó....	896	Theo tiên tổ chống Pháp,	996
Tên nổi vinh quang,	1012	Thế gian vốn thiếu thuật trường. .	719
Tên ông bất hủ,	1002	Thềm đá phong quang tương lan. .	891
Thà lấy ngàn vàng giữ bảo hiểm. .	684	Thêu cát rồng mây,	708
Thái hậu thương người.....	955	Thi thư ngàn thuở việc kinh luân. .	768
Thái nhạc (bố vợ)	809	Thiên hà dẫn nước cho cung phấn	849
Than ôi! Ông Phong thuở.....	910	Thiên phòng lạnh vắng.....	873
Than ôi! Tài danh tuyệt thế,	958	Thiên tử quý theo gồm đức tốt;... .	737
Than ôi, châu xưa.....	910	Thịnh đức vẫn còn truyền hậu thế.	799
Than ôi, trong khoảng mười năm, .	932	Thọ chúc tám mươi khăn rứt rỡ. .	837
Tháng chạp thung mai xuân đến	792	Thọ đức đều hay tám trật.....	736
Thang mây những muốn vin đàn	906	Thọ hết đức ở lại.....	795
Tháng tám tiệc thọ,	888	Thọ lâu cùng núi bọc.....	829
Thanh danh vang khắp triều.....	974	Thoải mái trước bụi trần,	993
Thành đạt tạo đáng đi,	898	Thối tiêu hay dẫn phượng.....	812
Thanh điệu truyền tin,	872	Thôn ấp cạnh núi Mộc Hoàn.....	921
Thánh đức chở che,	946	Thôn ông làm tang hiền thế.....	920
Thánh đức mệnh mang,	1006	Thông kinh bút tả non xuân đẹp. .	902
Thánh đức thần công,	987	Thông kinh vui thử bút vẽ mây... .	902
Thanh sử lưu hương,	941	Thông minh, ta là con nhà họ....	978
Thanh tân ý vị khí thi thư.....	786	Thống nhất sơn hà,	937
Thánh thoát tàu tiêu tỉnh mộng ...	764	Thông suốt năm kinh,	738
		Thông suốt năm kinh,	927

Thông tin tức tám phương.....	696	Tiếng nhờ dòng dõi,	995
Thơ hoa mai dưới nguyệt.....	771	Tiếng sách có tiếng đàn làm bạn	855
Thơ văn vắn sẵn lời tao nhã.	769	Tiếng tâm lòng lầy.	746
Thơ viết liền câu ngôn ngữ đẹp...818		Tiếng tiêu thủ thi canh ba vận....	821
Thơ vịnh bãi sông cuu đến hợp...858		Tiếng tốt được tôn vinh,	927
Thờ vua giường cao khí tiết,	995	Tiếng thorn một buổi lòng thiên .	999
Thời thịnh mở viễn cảnh.....	697	Tiếng thorn ngày ấy nêu thiên ...	903
Thời trang hãy để tôi tình chế.....	709	Tiếng thorn truyền mãi mãi Nam	1011
Thu muộn hoa vàng tươi xán lạn.	785	Tiếng thước trong sân trình ngọc	843
Thu muộn mừng làm khách cung	782	Tiếp đón lữ khách tám phương...	721
Thu muộn mừng làm khách vin...	828	Tiết đoạn ngọc con trai dựng vợ ..	848
Thu sách vở tình hoa, để lại đời. .	731	Tiêu thổi đêm trăng tiếng vô song.	906
Thù Tây không đội trời chung, ..	971	Tiêu thổi trên đài mai đối vẻ.	789
Thú trường sinh diệu cổ song đàn.	767	Tìm khí như tìm bệnh.	694
Thuận nước. thuận nhà,	857	Tìm tìm kiếm kiếm,	988
Thuận nhẽ mới hay,	718	Tìm văn khoa ở Vọng ấp,	963
Thung dung cắt thuốc.....	694	Tin dụng vô tư vì kiến thiết.	731
Thuốc hay, trăm bạc,	695	Tính đã ba đời cháu lấy vợ.....	905
Thuốc mẹ khôn tìm trên cõi thế..808		Tinh nghiệp trùng tu công với .	1012
Thử đến cung thiêm tay bẻ quế...900		Tinh thông tin tức năm châu,	701
Thư hoạ nhã mà vui.	773	Tinh thơ ý hoạ đầy người tốt.....	758
Thư hoạ tặng thọ.....	772	Tinh thơ ý hoạ.....	772
Thư hoạ thi ca mừng đại trị.....	690	Tinh xảo giống nhau,	704
Thực hào kiệt, thực anh hùng, ...	986	Tóc bạc da mồi,	831
Thực ngon thiếu thịt - được.	727	Tóc mai gọn ghẽ trông càng đẹp.	716
Thước đo khéo léo.....	706	Tổ kiến vỡ òa,	685
Thương thay! Vượt cổ tài danh, .	977	Tổ ta tích lũy vài trăm năm	909
Tía trắng hồng vàng đều đẹp mắt.	705	Tộc tính quý ở chỗ tôn sùng,	987
Tích đức góp nhân,	990	Tổng duyệt sách mới cũ,	742
Tích góp hàng ngày hay tụ quý. .	731	Tốt bụng chẳng mong ai đay lão.	717
Tích tắc giục người nên sớm tỉnh.	728	Trà cũng say người, đầu cứ nợp.	727
Tiệc chàng tân hôn, ra anh, ra ...	794	Trai cười gái gả.....	860
Tiệc mở quỳnh dao mừng tuổi thọ.	894	Trần ngập khắp ở trên,	944
Tiệc thay, Phương Đình	921	Trang danh tướng, bậc lương .	1010
Tiến do lao động mà ra,	714	Tráng niên khổ nổi hoàng tuyến.	866
Tiện lợi muôn nhà.	745	Trăm họ thấy đồng bào,	964
Tiến như ngày đẹp cười mây bay.	698	Trăm hỏi chẳng phiền,	702
Tiên tổ dựng nền nhân	970	Trăm năm ân ái, hai lòng buộc...	858
Tiên tổ giúp dân nghĩa tình đầy ..	986	Trăm năm duyên hải hoà phương.	823

Trăm năm kết mối duyên hài đẹp.	907	Trò ưu tú mới,	909
Trăm năm khuôn phép	921	Trối bất ôn hoàng tiêu ngũ khí; ..	940
Trăm năm vui cảm sắt	812	Trọn đời dành lệ khóc người	808
Trăm năm vui việc	856	Trọn đời xót, tình sâu cha mẹ.	799
Trăm tuổi duyên lành hoà thắm.	788	Trong bảng, đồ cùng khoa,	913
Trăm thước lụa tơ vui uỷ thác	841	Trong bụng chỉ ngắt ngay về	727
Trăm thước treo cao tựa ánh	689	Trong câu hảo hợp còn hảo hữu.	785
Trắng bước, dầm mây - đi	711	Trong cười khóc giả,	692
Trắng gió có tình nên vốn biết....	764	Trong giáp hội tiêu dao ngâm ...	912
Trắng hoa vẻ mới nên tìm liêu.	821	Trong hội giao lưu hoa tựa gấm..	700
Trắng khe thấp thoáng hoa sườn.	757	Trong lòng nhiều mưu chước.	729
Trắng sáng chẳng tròn lâu,	801	Trong mây loạn múa phần thập.	873
Trắng sáng chiếu sàn diễn.....	691	Trong mưa trúc biếc như rơi lệ; ..	988
Trắng sáng đem ra tặng.....	687	Trong nhà sớm ủ rượu ngàn năm.	836
Trắng sáng một vành đầy.....	779	Trong phòng nên sẵn nhạc đồng.	756
Trắng sáng rèm châu vui hợp	843	Trong quán đều sắc xuân	715
Trắng soi đỉnh núi mơ đạo cũ	869	Trong quán khách mắt xanh ...	1005
Trắng soi hoa sớm, rục rờ đuốc.	822	Trong quán, người đến từ	740
Trắng soi xuân thụ mờ không.....	868	Trong tay pho kỷ xảo	715
Trắng treo vẻ đẹp ngời sông núi.	764	Trong tường vàng.	957
Trắng tròn hoa đẹp.....	860	Trọng vì nghĩa ra tay,	997
Trâm hoa cặp đệ mũ tư mã.	792	Trong vườn mai nhụy pho	791
Trâm hốt đồn một nhà,	913	Trông lại miếu đình,	959
Trần gian chưa thoả chí thanh ...	799	Trồng cây đức dẫu ba đào	1013
Trẻ chết, già còn,	847	Trống đồng làng,	989
Trẻ là con quê hương,	886	Trời chẳng cho thông dong, ...	1005
Treo kiếm thuận theo tình,	869	Trời chẳng lưu kẻ cũ.	801
Trên biển còn bằng ba vạn.....	732	Trời cho tuổi thọ, xuân huyền....	832
Trên biển vàng, hương xuân sữ ..	895	Trời đã xé chiếu xin giữ khách....	722
Trên cành hoa gấm phượng	832	Trời đẹp nhà cao đàn quốc nỡ.	752
Trên đá trắng soi lưu dấu tích	874	Trời định giai kỳ,	828
Trên nhà hoa huyền tươi vẻ gấm.	893	Trời hồng rải sáng trên đất tốt. ..	748
Trên tòa nguy nga ngôi diệu ;....	961	Trời không lưu một cụ.	802
Trí cao minh sánh với trời,	939	Trời làm hại ta chăng?	884
Trị quốc tế gia,	993	Trời nam se duyên đẹp	813
Triều chính huân danh,	1006	Trời nếu có tình,	801
Triều thánh rồng mây duyên	999	Trời nghiêng đất ngã đến nay, ..	883
Trình tiết dẫn đo mừng hoàng	871	Trời sáng ánh dương vào cửa lớn.	752
Tro bay sáo đỏ thanh hoà.....	788	Trời tuyết lạnh hàng ngàn ngọc .	688

Trù bút lòng tôi, 998
 Trụ đá trong hồ ban mưu phép, 1008
 Trúc dày nơi khách lưu, 776
 Trùng dương xây chỗ mới, 748
 Trung hiếu cả hai, 943
 Trung hiếu do truyền thống từ .. 876
 Trung hiếu là của báu trăm năm, 984
 Trung hiếu một nhà, 985
 Trung hưng lâm liệt lưu Nam sử, 940
 Trung nghĩa giúp vua, 947
 Trung nghĩa vốn đạo nhà, 973
 Trừ hỏa lính xa, vàng thánh ý, 1008
 Trưa nằm nghe trẻ, 759
 Trước cổng cầu ngân câu lá đề, 904
 Trước cửa san hô trời đất lớn, 845
 Trước hoa giải nghĩa lo dâng, 902
 Trước hướng động phòng, 817
 Trước mặt đến nay không một, 866
 Trước nhà cỏ đẹp kết nên trai, 899
 Trước nhà tấu sáo đón tân khách 856
 Trước Phật cung chúc hạ, 947
 Trước rèm vịnh tuyết sánh người, 790
 Trước sân ánh trăng trong hồ, 751
 Trước sân thi lễ lời xưa dạy, 815
 Trước song ánh trăng lặng, 777
 Trước ấm gió xuân tiếng oanh, 824
 Trước huệ giảm hồng lưu đức, 989
 Tú khí trời Nam tài ai sánh? 941
 Tục nhân ấn, trời xuân, 747
 Tùng reo, tục chảy, tỉnh hồn, 728
 Tùng xanh tăng thọ, 831
 Tuổi cao mừng ngắm hoa ngàn, 830
 Tuổi hiếm xưa nay rộ, 837
 Tuổi lão qua rồi, 1012
 Tuổi ngoại bảy tuần khen cụ, 837
 Tuổi thọ thêm cao, 735
 Tuổi thọ vượt niên kỳ, 738
 Tuổi thọ, phương hay, 739
 Tuổi trẻ văn phong giàu hạo khí, 767

Tuổi tròn hoa giáp thơm danh, 851
 Tuỳ lại, tuỳ chén, như nước chảy, 723
 Tuy rằng thành bại tại trời, 887
 Tuyết án hân hoan hồng đậu án, 790
 Tuyết ánh gương soi ngời vẻ, 789
 Tuyết đẹp Hà châu ngâm thơ, 819
 Tuyết lớn ánh rèm soi án tuyết, 790
 Tuyết mới đón xuân về dưới mái, 754
 Tuyết phủ màn uyên thêm Bắc, 791
 Tuyết soi người ngọc bạn tốt lại, 793
 Tự cổ chẳng tiên tri, 685
 Từ dất tay đời Đông, 883
 Từ đại mừng yến xuân đài, 735
 Từ đức vẹn toàn lên chín chục, 889
 Từ Hiếu nổi danh thơm, 952
 Từ huệ vẫn còn lưu cửa miệng, 798
 Từ mã ba lần vinh mạnh nước, 901
 Từ trước anh hùng, 888
 Từ trước văn chương khoa, 868
 Tựa cửa người đi tam canh, 869
 Tựa lan ngâm trăng tối, 777
 Từng dự minh kinh khi để chòm, 903
 Từng ở nơi, núi lam chuông, 1004
 Từng Quận công nổi tiếp gia, 949
 Tươi hoa lượn sóng, 717
 Tướng giỏi thi binh hùng, 924
 Tường hồng Ngân Hán đường, 865
 Tương thân, tương ái, 856
 Tướng thấy âm dung mà ứa lệ, 797

U

Ủ được nổi men tươi tỉnh mặt, 758
 Ung dung khép mở mây lành phủ, 688
 Uốn tóc gội đầu thay vẻ cũ, 717
 Uyển bắc hoa bay màn trường, 872
 Uyên ương liên cánh, 852
 Uyên ương mùa cặp thu, 908
 Uyên ương mùa đôi, 860

V

Vách đá dây leo truyền ý chữ.....	766
Vai sắt gánh đạo nghĩa.....	860
Vạn cổ cương thường	984
Vạn cổ linh thiêng gìn giữ	985
Vạn dặm mây trời tranh sát cánh	855
Vạn quyển thi thư như bạn tốt	766
Vàng ngọc y trang	847
Vàng phai xanh nhạt đều khoe.....	709
Vào cửa đều là khách	721
Vào hàng thợ nhất làng ta	932
Vào nhà hàng, người người xúng	702
Vật áo nửa phần sương khói	764
Văn chương có mệnh liền sau.....	977
Văn chương chưa hẳn đã xa xôi.....	1000
Văn chương đức nghiệp có thừa.....	1001
Văn chương ghi chép	730
Văn chương phong phú	706
Văn chương sự nghiệp vang	950
Văn ghi trên lá xanh còn đượm.....	765
Văn không non nước dầu khí lạ.....	922
Văn tài nổi tiếng hay dài mọng.....	766
Vắng lặng quỳnh tiêu tam thiên	870
Vắng lặng song thân không còn	862
Vắng người nương cửa	807
Vân bạch mẫu sao vội qui tiên	933
Vân dãi khéo tìm mang quốc túy.....	768
Vân mê cổ động về đàn thất	732
Vạn nước đang lên	685
Vật liệu gia công tùy thời cất đặt	710
Vẻ đẹp điểm lành	794
Vẻ đẹp lời hòa giải Hà châu	818
Vẻ đẹp như tranh vẫn cần	713
Vẻ nghiêm muốn thấy tim đâu.....	780
Vẻ ngọc mai phô hàm ý hiếu.....	804
Vẻ nhân hậu nói chân con lân.....	945
Vẻ mây chẳng phải cạm phong	793
Vẻ mây thấy chuộng phẩm	814
Vẹn tròn yêu nước yêu dân	1001

Vi chuộng hương thanh hay	728
Vì khách hàng bốn phương.....	696
Vì nước sớm quên thân	806
Vị ngon ngọt khách ngoài	723
Vị ngọt hơn quỳnh tương	739
Vị nhân dân phục vụ.....	696
Việc công là trọng	930
Việc cho người tiện người khen	698
Việc đời muốn biết xem sân khấu.....	692
Việc làm thì trung chính	912
Việc sinh tử ngẫu nhiên thay	915
Viện thắm rụng hoa dâng	874
Vong hồn bạn cũng tự hào	911
Vòng trời đi khoẻ	830
Võ án ghê thay dẫn hồn phách	693
Vốn dòng dõi vua, là sư	954
Vốn là khách vin quế	812
Vợ hiền tam chia tay quân tử	923
Với đời, ông há lãng quên!	933
Với hoa sớm như vữa tác hợp	822
Với khách lễ phép	745
Vụ tình bỗng rụng, trời u ám.....	809
Vụ tình tây rụng ơn còn để	780
Vua bảo không phải khuất phục	915
Vua có đức trọng người tài	914
Vua cho con làm bề tôi trở về	922
Vua ngự tới hiền	1000
Vua thánh tôi trung	975
Vua thương nỗi riêng	926
Vui đón khách thiên hạ	696
Vui hợp cần hai lần đuốc sáng	842
Vui làm bà mối bận tíu tíu	988
Vui sắc cây tiếng suối	942
Vun đắp mạn đào bao tận tuy	811
Vực sâu bằng mỏng	862
Vững chí khôn dời niềm sắt đá	873
Vườn nhỏ gió thơ trùm mực biếc.....	769
Vườn trồng giống cỏ lành	747
Vương mẫu dâng chén vàng	895
Vương phụ lo toan làm kẻ cả	905

Vương tướng kiếm toàn.	940
Vượt mây khi lạ biết tay tài	816

X

Xa cần bản trong nước lưu giữ ..	730
Xã hội giao lưu nhờ phép tắc.....	742
Xà không, trăng lạnh.	797
Xa trông Bắc đẩu trên Nam nhạc.	763
Xà vàng xán lạn chói vầng nhật.	747
Xây cầu Văn hán mừng Ngưu	855
Xây dựng hạnh đàn nguyên.....	935
Xe của bán buôn như nước	914
Xe hạc khôn về.	803
Xe tây tri đã theo Vương mẫu....	804
Xem bia chùa ngưỡng mộ	978
Xem bia chùa, biết nguồn xưa	956
Xem khắp danh lam.	1008
Xét rõ tơ hào như cỏ duốc.....	743
Xin bạn giầy lát quên việc đời...	973
Xin sớm khen ai đừng tiếc của. ...	684
Xuân ảnh đã theo cùng vân khí .	861

Xuân ảnh đã theo trăng xế bóng.	868
Xuân đến người vui hoa nở sớm.	808
Xuân khắp nẻo thành.	992
Xuân phong được ý.	942
Xuân sắc chiếu dao đài.	825
Xuân sắc mấy ngàn nước mắt. .	1010
Xuân tiểu tuyết rạng ngọc	786
Xuân tươi nhà biển nộo cần đậm.	891
Xuân thụ sớm khổ đau chưa dứt .	861
Xuân trong đáy mắt.	777
Xưa nay kẻ vung về thì nhàn hạ.	917
Xưa nay việc cũ thường trong sử.	1013
Xưa nhờ uy linh vua.	921
Xưa tướng công Thuận Khánh ..	948
Xương trắng chưa về ba thước đất.	799

Y

Ý bay ngoài sự vật.	761
Ý chí diệt thù.	936
Yêu dân như con.	987
Yêu vé, yêu tai.	858

Tổng mục lục

□ Bảy đôi câu đối của các thành viên Hội đồng biên soạn.....	5
□ Lời tựa	15
Phần I: Hoành phi	39
Phần II: Câu đối chữ Nôm	79
Phần III: Câu đối chữ Hán	147
1. Câu đối Tết	147
2. Phong cảnh	233
3. Học tập; tu dưỡng	493
4. Chúc mừng; thăm viếng	679
□ Tản mạn giai thoại về câu đối	1015
□ Một số thuật ngữ	1026
□ Sách dẫn	1035

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

43 Lò Đúc - Hà Nội

5000 HỎI VÀ ĐÁP CÂU ĐỐI HÁN NÔM

Chịu trách nhiệm xuất bản	BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung	PHẠM NGỌC LUẬT
Biên tập	NGUYỄN TẤT HÒA
Vẽ bìa	LƯU CHÍ CƯỜNG
Sửa bản in	Biên tập và tác giả

	TỔNG PHÁT HÀNH
MIỀN BẮC:	NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY 62 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội ĐT/Fax: 043-733041
MIỀN NAM	NHÀ SÁCH CỬU ĐỨC 246 Nguyễn Chí Thanh - P3 - Q5 - TP HCM ĐT: 0835353166

161100, cuốn kh. 16x22 cm

Trẻ Nourishing in Công ty Khảo sát và Xây dựng

Theo giấy phép xuất bản số 1542/2007/XB-CT ngày 1/VI/07

In xong và nộp lưu chiểu Q. 1 tháng 2 năm 2007

5000

HOÀNH

PHI

CÂU

ĐỐI

HÁN

NÔM

